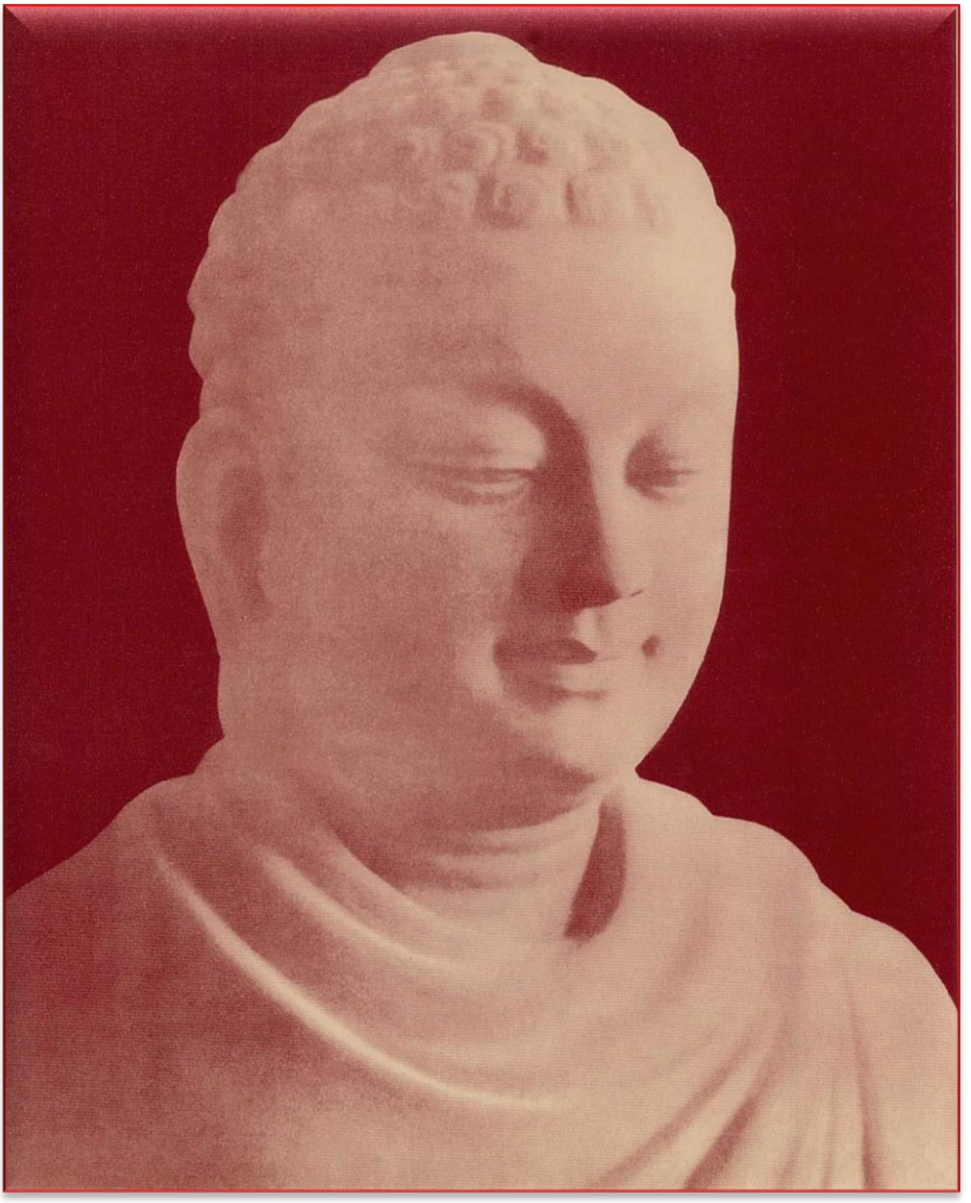


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 2

BỘ A HÀM

II

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 2

BỘ A HÀM

II

SỐ 7 → 25

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
TRƯỜNG A-HÀM BIỆT DỊCH
BỘ A HÀM 2 – T002

SỐ 7 3
KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN 3
QUYỂN I 3
QUYỂN II 24
QUYỂN III 44
SỐ 8 64
PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI BÀ-LA-MÔN ĐẠI KIÊN CỐ 64
QUYỂN I 64
QUYỂN II 73
SỐ 9 85
PHẬT NÓI KINH NHÂN TIÊN 85
SỐ 10 93
PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI 2 B-L-MÔN BẠCH Y VÀ KIM TRÀNG 93
QUYỂN I 93
QUYỂN II 100
QUYỂN III 105
SỐ 11 111
PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ NI-CÂU-ĐÀ 111
QUYỂN I 111
QUYỂN II 125
SỐ 12 131
PHẬT NÓI KINH ĐẠI TẬP PHÁP MÔN 131
QUYỂN I 131
QUYỂN II 143
SỐ 13 155
KINH TRƯỜNG A-HÀM THẬP BÁO PHÁP 155
QUYỂN I 155
QUYỂN II 169
SỐ 14 189
PHẬT NÓI KINH CON NGƯỜI DO DỤC SANH 189
SỐ 15 207
PHẬT NÓI KINH ĐẾ-THÍCH SỞ VẤN 207
SỐ 16 224
PHẬT NÓI KINH THI-CA-LA-VIỆT LẠY SÁU PHƯƠNG 224

SỐ 17 232
PHẬT NÓI KINH CON TRAI CỦA THIỆN SANH 232
SỐ 18 247
PHẬT NÓI KINH CÔNG ĐỨC TIN PHẬT 247
SỐ 19 256
PHẬT NÓI KINH ĐẠI TAM-MA-NHẠ 256
SỐ 20 261
KINH PHẬT GIÁO HÓA PHẠM CHÍ A-BẠT 261
SỐ 21 280
PHẬT NÓI KINH PHẠM VÕNG SÁU MƯƠI HAI KIẾN 280
SỐ 22 304
KINH TỊCH CHÍ QUẢ 304
SỐ 23 323
KINH ĐẠI LÂU THÁN 323
QUYỂN I 323
Phẩm 1: DIÊM-PHÙ-LỢI 323
Phẩm 2: UẤT-ĐƠN-VIỆT 331
Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG 1 334
QUYỂN II 339
Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG 2 339
Phẩm 4: NÊ LÊ 1 343
Phẩm 5: A-TU-LUÂN 356
QUYỂN III 359
Phẩm 6: LONG ĐIỂU 359
Phẩm 7: CAO THIỆN SĨ 366
Phẩm 8: TỨ THIÊN VƯƠNG 377
QUYỂN IV 380
Phẩm 9: ĐAO-LỢI THIÊN 380
QUYỂN V 398
Phẩm 10: CHIẾN ĐẤU 398
Phẩm 11: BA TIỂU KIẾP 404
Phẩm 12: TAI BIẾN 406
QUYỂN VI 414
Phẩm 13: TRỜI ĐẤT THÀNH HOẠI 414
SỐ 24 430
KINH KHỞI THẾ 430
QUYỂN I 430
Phẩm 1: CHÂU DIÊM-PHÙ 430
Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐƠN-VIỆT 1 441

QUYỂN II 447
Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐƠN-VIỆT 2 447
Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG 449
Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 1 459
QUYỂN III 464
Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 2 464
QUYỂN IV 477
Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 3 477
QUYỂN V 493
Phẩm 5: CÁC RỒNG VÀ KIM SÍ ĐIỂU 493
Phẩm 6: A-TU-LA 1 503
QUYỂN VI 507
Phẩm 6: A-TU-LA 2 507
Phẩm 7: TỨ THIÊN VƯƠNG 513
Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 1 516
QUYỂN VII 521
Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 2 521
QUYỂN VIII 535
Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 3 535
Phẩm 9: CHIẾN ĐẤU 540
QUYỂN IX 552
Phẩm 10. KIẾP TRỤ 552
Phẩm 11: THẾ TRỤ 554
Phẩm 12: TỐI THẮNG 1 564
QUYỂN X 567
Phẩm 12: TỐI THẮNG 2 567
SỐ 25 586
KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN 586
QUYỂN I 586
Phẩm 1: CHÂU DIÊM-PHÙ 586
Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐA-LA-CỬU-LƯU 1 597
QUYỂN II 603
Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐA-LA-CỬU-LƯU 2 603
Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG 605
Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 1 616
QUYỂN III 620
Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 2 620
QUYỂN IV 634
Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 3 634

QUYỂN V 649
Phẩm 5: CÁC RỒNG, KIM SÍ ĐIỂU 649
Phẩm 6: A-TU-LA 1 660
QUYỂN VI 664
Phẩm 6: A-TU-LA 2 664
Phẩm 7: TỨ THIÊN VƯƠNG 675
Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 1 678
QUYỂN VII 682
Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 2 682
QUYỂN VIII 696
Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 3 696
Phẩm 9: CHIẾN ĐẤU 702
QUYỂN IX 713
Phẩm 10: KIẾP TRỤ 713
Phẩm 11: TRỤ THẾ 715
Phẩm 12: TỐI THẮNG 1 726
QUYỂN X 728
Phẩm 12: TỐI THẮNG 2 728

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 2

TRƯỜNG A-HÀM

SỐ 7

(QUYỂN 1 → 3)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 7

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

Hán dịch: Đời Đông Tấn,
Sa-môn Thích Pháp Hiển.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại giảng đường Trùng các, trong rừng Đại lâm, thành Tỳ-da-ly, cùng với Đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan, vào lúc sáng sớm mang y bát vào thành khất thực, trở về chỗ nghỉ, ăn xong rửa bát, súc miệng, thâu dọn y bát, bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy lấy tọa cụ đến cho Ta. Ta nay muốn đến khu tháp miếu Già-ba-la để nhập định tư duy.

Nói xong, Ngài liền cùng Tôn giả A-nan đi đến chốn ấy. Đến nơi, Tôn giả A-nan liền trải tọa cụ, Đức Thế Tôn bèn ngồi kiết già, tĩnh lặng tư duy. Tôn giả A-nan cũng ở chỗ riêng cách Phật không xa, ngồi ngay ngắn nhập định.

Không lâu sau, Đức Thế Tôn từ thiền định xuất, bảo Tôn giả A-nan:

–Thành Tỳ-da-ly này có các khu đền tháp như: Ưu-đà-diên, Cù-đàm, Am-la, Đa Tử, Bà-la, Già-ba-la. Những đền tháp này thật đáng mến thích.

Đức Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan, người có đủ bốn thần túc còn có thể sống lâu một kiếp hoặc gần một kiếp. Như Lai hiện tại có thần lực lớn, há lại không thể trụ thế một kiếp hay gần một kiếp sao?

Lúc ấy Đức Thế Tôn đã mở lời để Tôn giả A-nan có thể thưa thỉnh nhưng Tôn giả A-nan lặng thinh, không thể nhận biết. Đức Thế Tôn đã ân cần nói lại ba lần, Tôn giả A-nan mờ mịt vẫn không rõ, nên không cầu thỉnh Như Lai sống lâu một kiếp hoặc gần một kiếp để đem lại lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian. Vì sao thế? Vì Tôn giả A-nan đã bị ma

vương làm cho mê hoặc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lời ấy ba lần vẫn chưa thấy tâm Tôn giả A-nan tỉnh ngộ nên Ngài lặng thinh. Khi đó Ma vương đến chỗ Phật thưa:

–Đức Thế Tôn nay nên vào Niết-bàn! Đấng Thiện Thệ nay nên vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Tôi ngày xưa tại bên bờ sông Ni-liên-thiền cầu thỉnh Đức Thế Tôn vào Niết-bàn, hồi ấy Ngài đáp: "Bốn chúng đệ tử của Ta là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di còn chưa đầy đủ, lại chưa hàng phục các phái ngoại đạo, do đó Ta chưa vào Niết-bàn". Bạch Đức Thế Tôn, nay bốn chúng đệ tử của Ngài đã đầy đủ, lại đã hàng phục các phái ngoại đạo, các việc phải làm đều đã hoàn tất, vậy Ngài nên vào Niết-bàn.

Ma vương ba lần thưa thỉnh, Đức Như Lai liền đáp:

–Lành thay! Ta ngày xưa ở bên bờ sông Ni-liên-thiền đã hứa với ngươi: do bốn chúng đệ tử chưa được đầy đủ, nay các chúng đệ tử của Ta đã được đầy đủ, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn.

Ma vương nghe Phật nói lời này thì hết sức vui mừng bèn trở về thiên cung.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền xả thọ mạng, dùng thần lực chỉ duy trì sự sống trong ba tháng nữa. Tức thì đại địa hiện đầy đủ mười tám tướng chấn động, trống trời tự kêu vang. Do thần lực của Phật nên trong không trung có tiếng nói lớn: "Đức Như Lai không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn". Chư Thiên và loài người bỗng dưng nghe được lời báo ấy đều rất đau lòng, xót xa. Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ:

Tất cả loài chúng sanh
Theo nghiệp có sanh tử
Ta nay cũng sanh tử
Mà không tùy theo nghiệp.
Tất cả việc tạo tác
Ta nay đều xả bỏ.

Đức Thế Tôn nói kệ ấy xong thì an trú trong vắng lặng. Khi ấy Tôn giả A-nan thấy đại địa chấn động lớn, tâm vô cùng lo sợ, tự nghĩ: "Nay vì sao bỗng nhiên có hiện tướng này? Đây không phải là nhân duyên nhỏ. Ta nên đến thưa hỏi Đức Thế Tôn". Nghĩ như vậy rồi liền từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Phật, đầu mặt lễ sát nơi chân Ngài, bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, con một mình tư duy bỗng thấy đại địa hiện đủ mười tám tướng chuyển động, lại nghe trong hư không có tiếng trống trời vang lên, tâm con vô cùng lo sợ, không rõ hiện tướng này là nhân duyên gì?

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Có tám nhân duyên làm cho đại địa chấn động:

1. Đại địa nương nơi nước, nước nương vào gió, gió nương vào hư không, trong hư không khi gió lớn nổi lên, gió đã chuyển động thì nước kia cũng động, nước đã động thì đại địa chấn động.

2. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu tập chứng đắc thần thông, mới được thành tựu, muốn thử nghiệm nên khiến cho đại địa chấn động.

3. Bồ-tát tại cõi trời Đâu-suất sắp xuống trần để giáng thần nhập vào thai mẹ, cho nên đại địa chấn động.

4. Bồ-tát từ hông bên phải sanh ra nên khiến đại địa chấn động.

5. Bồ-tát từ giã cung vua, xuất gia học đạo, thành tựu Nhất thiết chủng trí nên đại địa chấn động.

6. Đức Như Lai thành đạo, bắt đầu vì chúng sinh nơi các cõi trời, người chuyển bánh xe pháp nên khiến cho đại địa chấn động.

7. Khi Đức Như Lai dùng diệu lực của thần thông xả bỏ thọ mạng nên khiến cho đại địa chấn động.

8. Đức Như Lai khi sắp nhập Niết-bàn nên khiến đại địa chấn động.

Tôn giả A-nan nên biết, có tám việc như thế là nhân duyên khiến cho đại địa chấn động. Này Tôn giả A-nan, có tám bộ chúng:

1. Sát-đế-lợi

2. Bà-la-môn

3. Trưởng giả, Cư sĩ

4. Sa-môn

5. Tứ thiên vương

6. Đao-lợi thiên

7. Ma vương

8. Phạm vương.

Ta quán xét căn cơ những người đáng được hóa độ trong tám bộ chúng ấy, tùy theo nơi chốn, cảnh giới mà hiện thân hình, vì họ giảng nói chánh pháp, nhưng các hạng chúng sanh kia cũng không biết là Ta nói pháp.

Tôn giả A-nan, có tám thắng xứ:

1. Trong: tưởng có sắc, ngoài: quán sắc với cảnh giới hẹp.

2. Trong: tưởng có sắc, ngoài: quán sắc với vô lượng cảnh giới.

3. Trong: tưởng không sắc, ngoài: quán sắc với cảnh giới hẹp.

4. Trong: tưởng không sắc, ngoài: quán sắc với vô lượng cảnh giới.

5. Quán tất cả sắc xanh.

6. Quán tất cả sắc vàng.

7. Quán tất cả sắc đỏ.

8. Quán tất cả sắc trắng.

Đây là pháp vô cùng thù thắng của người tu hành.

Lại nữa, Tôn giả A-nan, có tám pháp giải thoát:

1. Trong: tưởng có sắc, ngoài: quán sắc.

2. Trong: tưởng không sắc, ngoài: quán sắc, tư duy sắc là bất tịnh.

3. Tịnh giải thoát.

4. Không xứ giải thoát.

5. Thức xứ giải thoát.

6. Vô sở hữu xứ giải thoát.

7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.

8. Diệt tận định giải thoát.

Đây cũng là phép thù thắng của người tu tập. Nếu thực hành đầy đủ, rốt ráo, tức ở nơi các pháp đạt được tự tại vô ngại.

Này Tôn giả A-nan, Ta xưa kia, khi mới thành đạo, hóa độ ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp bên bờ sông Ni-liên-thiền. Bấy giờ Ma vương đến chỗ Ta, cầu thỉnh:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài nên vào Niết-bàn. Bạch Đấng Thiện Thệ, nay Ngài nên vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì những người đáng độ đều đã giải thoát, nay chính là lúc nên vào Niết-bàn.

Ba lần thưa thỉnh như vậy, Ta liền đáp:

–Nay chưa đúng lúc để vào Niết-bàn. Vì sao? Vì bốn chúng đệ tử của Ta chưa được đầy đủ. Người đáng được hóa độ đều chưa độ hết. Các phái ngoại đạo cũng chưa được hàng phục.

Ta đáp ba lần như vậy, Ma vương nghe thế trong lòng sầu não, liền trở về thiên cung. Vừa rồi Ma vương lại đến thỉnh Ta:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay nên vào Niết-bàn. Bạch Đấng Thiện Thệ, nay nên vào Niết-bàn. Vì sao? Tôi ngày xưa ở bên bờ sông Ni-liên-thiền khuyến thỉnh Đức Thế Tôn vào Niết-bàn. Khi đó Đức Thế Tôn bảo: "Bốn chúng đệ tử của Ta là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di còn chưa đầy đủ, lại chưa hàng phục các chúng ngoại đạo, do đó nên chưa vào Niết-bàn". Bạch Đức Thế Tôn, ngày nay bốn chúng đệ tử đã được đầy đủ, lại

cũng đã hàng phục các chúng ngoại đạo, những việc nên làm đều đã hoàn tất, vậy Ngài nên vào Niết-bàn.

Ma vương ba lần thưa thỉnh như vậy, Ta liền đáp:

–Ta ngày xưa nơi bờ sông Ni-liên-thiền đã tự hứa với ngươi, do bốn chúng đệ tử của Ta chưa được đầy đủ, nay thì đã được đầy đủ, nên sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn.

Ma vương nghe Ta nói thế thì vô cùng vui mừng hả hê, bèn trở về thiên cung. Ta khi đó nhận lời thỉnh cầu của Ma vương xong, liền xả thọ mạng, chỉ duy trì sự sống trong ba tháng. Do nhân duyên này mà đại địa chấn động.

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói như vậy thì hết sức buồn thảm, xót xa, rơi lệ bạch Phật:

–Cúi mong Đức Thế Tôn hãy thương xót chúng con, mà duy trì thọ mạng một kiếp hoặc gần một kiếp để đem lại lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian.

Ba lần thưa thỉnh như thế. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nay không phải đúng lúc để thưa thỉnh Như Lai về việc ấy. Vì sao? Ta đã hứa với Ma vương là sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn. Nay ông còn thỉnh Ta trụ thế nữa sao? Ông làm thị giả cho Ta xưa nay có từng nghe Ta nói hai lời không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thật chưa từng nghe Bậc Thầy của trời người có nói hai lời. Con trước đây từng được nghe Đức Thế Tôn vì bốn chúng đệ tử mà nói pháp: "Người chứng đắc bốn thần túc thì có thể duy trì thọ mạng đủ một kiếp hoặc gần một kiếp". Huống chi Như Lai là Đấng có vô lượng thần lực tự tại, nay há không thể duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp, mà lại xả bỏ tuổi thọ, mạng sống chỉ còn ba tháng! Cúi mong Đức Thế Tôn hãy thương xót chúng con mà kéo dài thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Đức Thế Tôn đáp:

–Ta nay sở dĩ xả bỏ thọ mạng chính cũng do ông đấy. Vì sao? Ta trước đây vì việc này đã nói với ông: "Người đạt đủ bốn thần túc còn có thể duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp". Nay Đức Như Lai có đại thần lực há không thể duy trì thọ mạng đủ một kiếp hoặc gần một kiếp sao? Cứ như vậy Ta đã ân cần nói lại ba lần, mở ra con đường khuyến khích, thưa thỉnh mà ông vẫn cứ lặng thinh không chịu lên tiếng thỉnh Ta

duy trì thọ mạng một kiếp hay gần một kiếp, cho nên Ta nay chỉ duy trì thọ mạng trong ba tháng nữa. Vì sao ông tới lúc này mới thỉnh Ta trụ thế?

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật nói thế, biết là Đức Phật đã quyết định vào Niết-bàn, không thể thưa thỉnh gì nữa nên tâm sanh đau khổ, áo não, khóc lóc, không thể tự kiềm chế. Đức Thế Tôn thấy Tôn giả A-nan quá khổ não liền dùng Phạm âm an ủi:

–Tôn giả A-nan, nay ông chớ quá đau buồn! Các pháp hữu vi đều là như vậy, mọi sự tụ họp đều phải xa lìa.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tất cả pháp hữu vi.
Đều trở về vô thường
Mọi ân ái tụ hội.
Tất phải chịu chia ly.
Các hành pháp như vậy
Không nên sanh sầu khổ.

Tôn giả A-nan rơi lệ, nói:

–Đấng Tôn Quý Vô Thượng, Bậc Thầy của trời người, không còn bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, con nay làm sao mà không đau buồn sầu khổ.

Liền vỗ đầu lớn tiếng kêu than:

–Ôi thôi! Khổ thay, con mắt của thế gian sắp mất, chúng sanh không bao lâu sẽ chẳng còn gặp Đấng Cha Lành.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nay không nên sanh tâm ưu phiền sầu khổ! Dầu ở lâu một kiếp hoặc gần một kiếp rồi cũng đều phải diệt, vì tánh tướng của các pháp hữu vi là như thế. Ông chớ nên vì Ta mà riêng chịu buồn khổ. Ta nay muốn trở về giảng đường Trùng các, ông hãy lấy tọa cụ đem đến cho Ta.

Rồi Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan trở về giảng đường Trùng các. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Nay ông hãy gọi các chúng Tỳ-kheo ở giảng đường Trùng các trong khu vực Đại lâm này, tất cả đều đi đến giảng đường Đại tập.

Tôn giả A-nan vâng theo lời dạy, liền gọi khắp các chúng Tỳ-kheo: "Đức Thế Tôn dạy tất cả hãy đi tới giảng đường Đại tập". Các vị Tỳ-kheo tụ hội đông đủ xong, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Các Tỳ-kheo đều đã có mặt. Cúi mong Đức Như Lai tự biết là đúng lúc.

Lúc ấy Đức Như Lai từ giảng đường Trùng các đi đến giảng đường Đại tập, trải tòa ngồi và bảo các Tỳ-kheo:

–Ta trước đây vì các vị mà giảng nói các pháp, vậy các vị nên thường tư duy, siêng năng tụng đọc, tu tập Phạm hạnh thanh tịnh, giữ gìn giới cấm, làm phước lợi cho chư Thiên và loài người ở thế gian.

Này các Tỳ-kheo, Ta xưa nay vì các vị giảng nói những pháp gì, các vị phải suy nghĩ kỹ, tinh tấn tu tập chớ sanh tâm biếng nhác. Như pháp Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm có: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát thánh đạo. Các vị phải nên suy nghĩ, siêng năng thực hành. Các pháp này có thể giúp người tu tập đạt đến giải thoát.

Lại nữa các Tỳ-kheo, tất cả các pháp đều vô thường, thân mạng mỏng manh dễ mất cũng như làn chớp hiện ra rồi vụt tắt. Các vị không nên khởi tâm biếng trễ. Các vị nên biết, Đức Như Lai không còn bao lâu, sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ta nay sắp lìa bỏ
Thân già suy yếu này
Nay Ta đã xả thọ
Thân mạng còn ba tháng
Người đáng được hóa độ
Thảy đều đã độ xong
Vì vậy không bao lâu
Ta sẽ vào Niết-bàn.
Các pháp Ta đã nói
Chính là thầy các vị
Phụng hành và giữ gìn
Tu tập chớ bỏ mất
Các vị luôn tinh tấn
Như Ta còn không khác.
Sanh tử rất mong manh
Thân mạng đều vô thường
Luôn dốc cầu giải thoát
Chớ theo nẻo buông lung
Quán chánh niệm thanh tịnh
Khéo giữ gìn giới cấm
Định ý với tư duy

Giữ căn trước ngoại cảnh
Nếu đạt được như vậy
Là hộ trì Chánh pháp
Tự đến chốn giải thoát
Lợi ích cho trời, người.

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói những lời ấy, lòng vô cùng đau đớn, kinh hoàng, hoảng loạn, buồn khổ, nước mắt chảy dài, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn duy trì thọ mạng, chớ vào Niết-bàn, để đem lại lợi ích cho chúng sanh, khiến điều thiện nơi cõi trời người luôn được tăng trưởng. Cúi xin Đức Như Lai trụ thế, chớ vào Niết-bàn, để mở bày con mắt trí tuệ cho chúng sanh. Tất cả chúng sanh bị rơi vào chỗ tối tăm, kính xin Đức Như Lai vì họ làm ngọn đèn chiếu sáng. Tất cả chúng sanh đều lặn hụp trong biển lớn sanh tử, kính xin Đức Như Lai vì họ mà làm thuyền bè.

Các thầy Tỳ-kheo đều vật vã thở than, kêu lớn:

–Hỡi ôi, khổ thay! Đức Như Lai chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, tất cả chúng sanh còn biết nương tựa vào đâu?

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các vị Tỳ-kheo:

–Tất cả các pháp đều vô thường, ân ái, tụ hội đều phải biệt ly. Các vị không nên mong Ta lưu trú mãi ở đời. Vì sao vậy? Vì nay chẳng phải là lúc khuyến thỉnh Ta. Trước đây, Ta đã vì các vị lược nói những pháp trọng yếu, vậy các vị nên khéo vâng giữ, tu tập, cũng như Ta còn tại thế.

Mặt trời đã về chiều, Đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan trở về giảng đường Trùng các. Sáng hôm sau, Đức Thế Tôn đắp y cầm bát cùng Tôn giả A-nan vào thành khất thực, đã được thức ăn liền trở về chỗ cũ, thọ thực xong thì rửa bát, súc miệng, cùng các Tỳ-kheo đến thôn Kiền-đồ. Trên đường đi ngang qua thành Tỳ-da-ly, Đức Thế Tôn ngoái nhìn về hướng thành mà mỉm cười. Tôn giả A-nan cung kính đảnh lễ nơi chân và hỏi:

–Đấng Tôn Quý Vô Thượng không bao giờ mỉm cười mà không có duyên cớ?

Đức Phật liền đáp:

–Này A-nan, Ta nay sở dĩ hướng về thành mỉm cười vì đây chính là lần sau cùng Ta nhìn thấy thành này.

Đang lúc Đức Như Lai nói lời ấy thì trong hư không chẳng có chút mây mà tuôn mưa. Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, thật hết sức kỳ lạ, hư không trong lặng, chẳng có chút mây che, bỗng nhiên lại có mưa lớn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả có biết chăng? Chư Thiên trên không trung nghe Ta nói: "Đây chính là lần sau cùng Ta nhìn thấy thành Tỳ-da-ly" nên rất buồn rầu, thương cảm rơi lệ. Đấy là nước mắt của chư Thiên chứ chẳng phải là mưa.

Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói lời đó, lại càng bi thương, buồn bã như muốn ngất đi, liền bạch Phật:

–Nay các hàng trời, người đều vô cùng đau buồn, sao Đức Thế Tôn lại muốn xả bỏ thọ mạng để vào Niết-bàn?

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Phạm âm để an ủi:

–Các vị không nên sanh tâm sầu khổ.

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

–Nay Đức Thế Tôn nói đây là lần sau cùng nhìn thấy thành Tỳ-da-ly, không còn bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn. Chúng con làm sao mà không lo lắng, buồn khổ được!

Cứ như vậy, lần lượt mọi người báo cho nhau. Tiếng đồn thấu đến các vị Ly-xa. Các vị Ly-xa nghe được lời ấy, đều buồn thương sầu não, lớn tiếng than thở:

–Hỡi ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Chúng sanh nay không còn chỗ nương tựa!

Họ cùng bảo nhau:

–Chúng ta nay nên đến chỗ Phật, cầu xin Đức Thế Tôn ở lại thành Tỳ-da-ly, duy trì thọ mạng một kiếp hoặc gần một kiếp để tạo lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian.

Họ liền sửa soạn xe cộ, vội đi đến chỗ Đức Phật. Vừa ra khỏi cửa thành, từ xa họ đã trông thấy Đức Như Lai, cũng thấy Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo đều buồn bã, rơi nước mắt, các vị Ly-xa càng thêm âu sầu thảm thiết. Họ cùng tiến đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật và thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài muốn vào Niết-bàn, tất cả chúng sanh sẽ mất con mắt trí tuệ, cõi này sẽ rơi vào cảnh tối tăm, làm sao có thể thấy được con đường tu tập. Kính mong Đức Thế Tôn nên duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Ba lần thưa thỉnh như vậy, Đức Phật đáp:

–Các pháp hữu vi đều là vô thường, dẫu Ta có trú lại đời một kiếp

hoặc gần một kiếp rồi cũng phải trở về vô thường.

Đức Như Lai liền nói kệ:

Tu-di tuy cao rộng
Rốt cuộc cũng tiêu tan
Biển lớn tuy sâu thẳm
Rồi cũng bị khô cạn
Nhật nguyệt tuy soi sáng
Không lâu lặn về Tây
Đại địa tuy vững chắc
Hay nâng đỡ hết thảy
Kiếp tận, lửa nghiệp đốt
Lại cũng về vô thường
Mọi ân ái tụ hội
Rồi cũng phải chia ly
Chư Như Lai quá khứ
Thân Kim cang không hoại
Cũng trở về vô thường
Ta nay đâu riêng khác
Pháp chư Phật như vậy
Các ông chẳng nên thỉnh
Chớ riêng hướng về Ta
Mà lại sanh sầu não.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo các vị Ly-xa:

–Các ông nên lắng lòng bi thương để nghe lời dạy sau cùng của Như Lai.

Các vị Ly-xa cùng thưa:

–Lành thay Đức Thế Tôn! Chúng con xin lắng nghe.

Đức Thế Tôn bèn trải tọa cụ ngồi kiết già. Chúng Tỳ-kheo và các vị Ly-xa đều cố gắng tự kiềm chế, nhẫn nại, cùng ngồi qua một bên. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các vị Ly-xa:

–Các vị nên biết, có bảy pháp khiến cho sự tu tập ngày càng tăng tiến, không bị tổn giảm:

1. Vui vẻ, hòa đồng, không trái nghịch nhau.

2. Cùng nhau học hỏi, lãnh hội giảng luận về nghiệp lành.

3. Giữ gìn giới cấm, duy trì lễ giáo, oai nghi.

4. Cung kính cha mẹ và các bậc tôn trưởng.

5. Hòa thuận với mọi người thân thích, cùng nhau vâng lời, thuận hợp.

6. Trong nước có đền tháp thì nên sửa sang tu bổ để cúng dường.

7. Vâng giữ Phật pháp, thân thiện, cung kính chư vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, mến mộ các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Bảy pháp như vậy nếu nhận lãnh, thực hành, sẽ khiến cho người ấy uy đức ngày càng tăng trưởng, đất nước thêm thạnh, dân chúng an lạc. Các ông từ nay cho đến trọn đời phải nên vâng giữ thực hiện, không được biếng trễ.

Các vị Ly-xa liền bạch Phật:

–Chúng con, nếu trong bảy pháp này, tu tập được một pháp hãy còn khiến cho chúng con uy đức tăng tiến, huống chi là thực hành đầy đủ cả bảy pháp. Lành thay, Đức Thế Tôn! Chúng con hôm nay đã được phước lợi, nguyện suốt đời vâng giữ không quên.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị từ nay cũng nên tu tập, thực hành bảy pháp:

1. Luôn vui vẻ, hòa hợp cùng nhau như nước với sữa.

2. Nên cùng nhau nhóm họp, giảng luận về kinh pháp.

3. Giữ gìn giới cấm, không sanh tư tưởng hủy phạm.

4. Cung kính các vị Sư trưởng, Thượng tọa.

5. Tôn kính chăm sóc các Tỳ-kheo tu tập ở các nơi tĩnh lặng vắng vẻ.

6. Khuyến hóa hàng tín thí lo việc sửa sang, tu bổ các trú xứ của ba ngôi báu.

7. Luôn tinh tấn giữ gìn Phật pháp.

Các vị nên biết, nếu có thầy Tỳ-kheo dốc tu tập bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày một tăng tiến.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, có bảy pháp, các vị phải nên tu học:

1. Không nên như người tại gia kinh doanh tài sản làm sự nghiệp sinh sống.

2. Không được hý luận, cười cợt, đùa giỡn.

3. Không nên ham thích ngủ nghỉ, phế bỏ sự siêng năng.

4. Không luận bàn các sự việc vô ích ở thế gian.

5. Xa lánh kẻ tri thức xấu ác, gần gũi bạn lành.

6. Luôn nghĩ nhớ chân chánh, không sanh tư tưởng tà vạy.

7. Nếu ở trong Phật pháp có chỗ lãnh hội thấu đạt, thông tỏ, cũng lại

mong tiến thêm lên nữa.

Các vị hãy nên tu tập bảy pháp ấy thì công đức trí tuệ ngày thêm tăng trưởng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, có bảy pháp, các thầy nên thực hành:

1. Đối với Phật, Pháp, Tăng luôn phát khởi niềm tin vững chắc.
2. Biết hổ thẹn với chính mình.
3. Biết hổ thẹn với người.
4. Tâm thường ưa thích sự học hỏi, hiểu biết.
5. Luôn giữ tâm được tĩnh lặng, không xao động.
6. Thích nghe ý nghĩa của kinh điển.
7. Ưa tu tập về trí tuệ.

Các thầy, nếu tinh tấn tu tập bảy pháp này thì công đức trí tuệ luôn tăng trưởng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, có bảy pháp Giác ý, các thầy nên thực hành:

1. Trạch pháp.
2. Tinh tấn.
3. Hỷ.
4. Niệm.
5. Định.
6. Ỷ (Khinh an).
7. Xả.

Nếu các thầy có thể thực hành bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày một tăng tiến.

Lại nữa các Tỳ-kheo, còn có bảy pháp:

1. Quán vô thường.
2. Quán vô ngã.
3. Quán bất tịnh.
4. Quán khổ.
5. Quán thế gian không vui.
6. Không tham đắm năm dục.
7. Siêng tu tập các pháp vắng lặng, giải thoát.

Nếu các vị tinh tấn tu tập bảy pháp này thì công đức trí tuệ luôn tăng trưởng.

Lại nữa Tỳ-kheo, còn có bảy pháp, các thầy phải nên thực hành:

1. Thân thường thể hiện lòng từ.

2. Miệng thường nói theo lòng từ.

3. Ý thường nghĩ theo tâm từ.

4. Nếu được các hàng thí chủ bố thí, thì phải phân chia bình đẳng, không thiên vị.

5. Đối với các pháp thâm diệu ưa thích giảng nói không chán.

6. Không dùng các thứ sách vở thế gian để dạy người.

7. Thấy người chẳng phải là bạn đồng học không nên sanh tâm ganh ghét. Nếu các thầy hay tu tập theo bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày càng tăng trưởng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, còn có bảy pháp, các thầy nên thực hành:

1. Đối với chín bộ pháp, phải khéo phân biệt.

2. Khéo lý giải, lãnh hội ý nghĩa của các pháp ấy.

3. Hành đạo, đọc tụng, tu tập đều đúng thời.

4. Đi đứng ngồi nằm đều hợp với oai nghi.

5. Vì người giảng nói Chánh pháp, đều phải tự suy xét, đem chỗ mình đã thấu đạt chứng đắc để chỉ dạy người.

6. Nếu các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ tìm đến để được nghe pháp, thì phải khéo trù liệu, tùy căn cơ mà giảng nói.

7. Khéo phân biệt được người trí, kẻ ngu.

Các thầy nếu tinh tấn thực hành bảy pháp này thì công đức trí tuệ ngày một tăng trưởng, cũng chính là có thể giữ gìn phát huy Chánh pháp của Ta.

Bấy giờ, trong nước, vợ của các vị Ly-xa nghe Đức Phật không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn và nay là lần sau cùng Ngài nhìn thấy thành Tỳ-da-ly, nên tâm ý sầu não, buồn thương liền cùng với năm trăm quyến thuộc sửa soạn năm trăm cỗ xe chở các vật dụng để cúng dường. Toàn bộ các cỗ xe thảy đều trang nghiêm chỉnh tề: xe do bò trắng kéo thì treo cờ phướn, lọng màu trắng. Cũng vậy, tùy màu sắc của bò kéo xe mà trang hoàng xe theo màu sắc đen, vàng...

Đoàn xe thứ lớp ra khỏi thành, đi đến chỗ Đức Phật. Đức Thế Tôn từ xa thấy đoàn xe kia đến, bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy có thấy đoàn xe thứ tự trước sau, vô cùng trang nghiêm của phu nhân các vị Ly-xa đang đi đến kia không?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

–Dạ, đã thấy.

Đức Phật nói:

–Thành Tỳ-da-ly này, Trưởng giả Ly-xa và hàng vợ con của họ, ra vào luôn theo đúng lễ nghi, phục sức cùng trang hoàng các phương tiện đi lại đều chỉnh tề, đẹp đẽ, so với trời Đao-lợi không khác.

Khi ấy vợ của các vị Ly-xa đã đến chỗ Đức Phật đầu mặt lễ chân Phật, thương khóc rơi lệ, không thể tự kiềm chế, rồi đem các phẩm vật cúng dường dâng lên Đức Thế Tôn, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, kính xin Đức Thế Tôn duy trì thọ mạng để giáo hóa chúng sanh! Đức Thế Tôn nay vào Niết-bàn thì chúng con như bị mù tối, vĩnh viễn không ai khai ngộ. Chúng con phước mỏng, thọ sanh làm thân người nữ, thường bị mọi thứ hạn chế ngăn ngại, không được tự tại, không đủ nhân duyên để thường được gần gũi Đức Thế Tôn. Nay Thế Tôn lại muốn nhập Niết-bàn vậy là căn lành của chúng con ngày càng tổn giảm.

Đức Như Lai đáp:

–Các vị từ nay cho đến trọn đời phải luôn luôn tinh tấn giữ giới như người bảo vệ con mắt mình, ý niệm luôn chân chánh ngay thẳng, chớ sanh tâm xu nịnh, ganh ghét. Nếu được như thế là thường thấy Ta.

Vợ các vị Ly-xa nghe Phật dạy thế càng thêm buồn thương, không thể tự kiềm chế, sụt sùi thở than rồi lui ra ngồi qua một bên.

Bấy giờ cô gái Am-bà-la, dung nhan đoan chánh, nổi tiếng xinh đẹp, nghe Đức Phật không bao lâu sẽ vào Niết-bàn và nghe nói đây là lần sau cùng Ngài nhìn thấy thành Tỳ-da-ly, thì lòng buồn bã, thương khóc, liền cùng năm trăm quyến thuộc, trang hoàng năm trăm cỗ xe, lần lượt cùng ra khỏi thành đi đến chỗ Đức Phật. Đức Thế Tôn thấy họ từ xa đi đến, bèn nói với các Tỳ-kheo:

–Cô gái Am-bà-la nay đến thăm Ta. Cô ấy dung mạo xinh đẹp, thuộc loại ít có trong đời, các thầy phải giữ tâm niệm đoan chánh, chớ sanh tâm tham đắm. Các thầy nên quán thân này có những thứ không sạch: lục phủ ngũ tạng, các chất bài tiết cùng máu mủ đầy dẫy trong thân, tám vạn loài vật ký sinh cũng ở trong đó, tóc, lông, móng, răng, da mỏng bọc thịt, chín lỗ thường bài tiết, không có một thứ nào là đáng ưa. Lại nữa nguồn gốc sanh ra thân này do từ nơi bất tịnh, chỗ thân này thường lui tới cũng đều tràn đầy những thứ không sạch. Tuy được trang điểm, dùng đến các loại lụa là thuê vẽ, xông ướp các thứ nước thơm ví như bình báu bên trong chứa toàn đồ dơ nhớp. Hơn nữa, thân kia khi chết thì sình chướng thối rữa, mỗi mỗi chi phần nơi thân xác đều tan rã, trong thân lại có trùng trở

lại đục khoét thân thể, còn bị các loài thú dữ, chim chóc cắn mổ. Người đời do si mê không thể quán sát chân chánh, nên tham đắm chấp trước chuyện ân ái, gìn giữ cho đến chết, ở trong đó tạo tác, sanh tham dục. Người có trí tuệ lại ưa thích thứ đó sao?

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Thân tuy mang chuỗi báu
Hương hoa tự trang điểm
Phân tiểu và nước miếng
Trong ấy chứa bất tịnh
Chúng sanh mến tiếc nó
Mê lầm không giác ngộ
Cũng như tro che lửa
Người ngu giẫm đạp lên
Kẻ trí nên xa lìa
Chớ sanh tâm nhiễm đắm.

Bấy giờ cô gái Am-bà-la đến trước Đức Phật, cung kính đảnh lễ dưới chân, dâng cúng đủ các phẩm vật cúng dường Ngài xong, xót xa, nức nỡ, thưa:

–Kính xin Đức Thế Tôn duy trì thọ mạng ở đời, không vào Niết-bàn, để tạo lợi ích cho chư Thiên và loài người trong thế gian. Nếu Đức Thế Tôn quyết định vào Niết-bàn thì tất cả chúng sanh không còn ai để dẫn dắt, chỉ dạy, cũng như bé thơ mất đi mẹ hiền.

Đức Thế Tôn bảo:

–Tất cả các hành, tánh tướng là như vậy. Nay tín nữ không nên sanh tâm buồn thương sầu não.

Đức Thế Tôn liền vì tất cả những người mới đến giảng nói giáo pháp:

–Các vị từ nay trở đi nên giữ gìn giới cấm, không nên thiếu sót hoặc hủy phạm. Người phá bỏ giới pháp thì các hàng trời, rồng, quỷ thần đều ghét bỏ, tiếng xấu đồn khắp, mọi người đều không muốn gặp, nhìn, nếu ở trong chúng thì không còn uy đức, các thiện thần lại không ủng hộ. Khi sắp lâm chung, tâm thức sợ sệt, dẫu có chút việc lành đều không thể ghi nhớ, chết liền theo nghiệp, chịu khổ nơi cõi địa ngục, trải qua nhiều kiếp sau mới ra khỏi, lại phải thọ thân ngạ quỷ, súc sanh, cứ như vậy mà luân chuyển sanh không biết đến bao giờ mới giải thoát. Các vị Tỳ-kheo trì giới thì các hàng trời, rồng, quỷ thần đều cung kính, tiếng tốt đồn xa, truyền khắp mọi nơi chốn, ở trong đại chúng thì uy đức rạng rỡ, các chúng quỷ thần hiền thiện thường theo ủng hộ. Khi mạng sống sắp hết, tâm thức luôn chánh

niệm, phân minh, thọ mạng dứt liền sanh đến thế giới thanh tịnh.

Đức Như Lai vừa giảng nói pháp ấy xong, sáu vạn tám ngàn vô số trời, người, và tám bộ chúng xa cảnh trần, lìa cấu nhiễm, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt hết nghiệp lậu, tâm được giải thoát chứng quả A-la-hán.

Đức Thế Tôn lại bảo các vị Ly-xa và vợ của họ cùng cô Am-bà-la:

–Ta nay muốn đến thôn Kiền-đồ, các vị có thể trở về nơi chốn của mình. Nên biết, các hành đều là vô thường, nên theo đúng như pháp Ta đã giảng nói để tu tập, đừng như trẻ thơ mà khóc lóc, buồn thương sầu não.

Đức Thế Tôn liền từ tòa ngồi đứng dậy. Cùng lúc, các vị Ly-xa, vợ con họ và cô gái Am-bà-la nghe Đức Phật nói như thế thì cùng gào khóc lớn tiếng, cùng đi theo Đức Phật, không chịu quay về. Đức Thế Tôn thấy lòng luyến mộ, tình cảm sâu xa của họ không thể dùng ngôn từ để an ủi được, liền dùng thần lực hóa ra dòng sông sâu thẳm, sóng nước chảy xiết, hai bờ ngăn cách. Khi ấy các vị Ly-xa cùng quyến thuộc và cô gái Am-bà-la thấy Đức Như Lai cùng các thầy Tỳ-kheo ở bên kia bờ, lại càng thêm bi thương, buồn bã, cùng nói với nhau: "Chỗ này sao lại bỗng dưng có con sông lớn, sóng nước chảy xiết thật đáng sợ. Phải chăng Đức Như Lai thấy chúng ta cứ đi theo không muốn rời bỏ nên tạo ra việc này để cắt đứt đường đi tới". Lúc ấy, các vị Ly-xa cùng vợ con họ và cô gái Am-bà-la qua sông không được, nên càng bồn chồn, hướng về phía bên kia sông, nghẹn ngào không nói nên lời, tuyệt vọng trở về.

Khi ấy Đức Như Lai đi đến khu rừng phía Bắc thôn Kiền-đồ. Ngài bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các vị nên biết, có bốn loại pháp:

1. Giới

2. Định

3. Tuệ

4. Giải thoát.

Nếu không nghe biết về bốn pháp này thì những người ấy sẽ ở mãi trong đêm dài của biển sanh tử. Ta ngày xưa nếu không lãnh hội, tu tập bốn pháp ấy thì không thể mau chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Giới, Định, Tuệ, Giải thoát
Nếu Ta chẳng sớm nghe

Không thể mau chứng đắc
Đạo Vô thượng chánh chân.
Các vị nên siêng năng
Tu tập bốn pháp ấy
Đoạn trừ khổ sanh tử
Ruộng phước của trời người.

Đức Thế Tôn nói bài kệ này xong, lại vì các thầy Tỳ-kheo phân biệt giảng nói về ý nghĩa của bốn pháp ấy. Khi Đức Như Lai giảng nói pháp này, có một ngàn hai trăm vị Tỳ-kheo ở ngay nơi các pháp dứt hết nghiệp lậu, tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo liền từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến thôn Tượng, thôn Am-bà-la, thôn Diêm-phù rồi đi đến thành Thiện già. Đến nơi, Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo trước sau vây quanh ngồi lại một chỗ. Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Có bốn Thánh đế, nên siêng năng quán sát:

1. Khổ đế.

2. Tập đế.

3. Diệt đế.

4. Đạo đế.

Này các Tỳ-kheo, Khổ đế là gì? Đó là tám khổ:

1. Sanh là khổ.

2. Già là khổ.

3. Bệnh là khổ.

4. Chết là khổ.

5. Mong cầu không đạt được là khổ.

6. Oán ghét gặp nhau là khổ.

7. Yêu thương phải xa lìa là khổ.

8. Năm thọ ấm là khổ.

Các vị nên biết, đây là tám thứ khổ, là pháp hữu lậu, có tính chất bức bách. Đích thật là khổ.

Tập đế là gì? –Vô minh và Ái làm nhân chính cho tám khổ. Nên biết Tập này chính thật là nhân của khổ.

Diệt đế là gì? –Vô minh và Ái đã diệt tức các nguyên nhân của khổ diệt. Nên biết Diệt đế này chắc thật là tịch diệt vắng lặng.

Đạo đế là gì? –Là tám Chánh đạo:

1. Chánh kiến.

2. Chánh niệm.

3. Chánh tư duy.

4. Chánh nghiệp.

5. Chánh tinh tấn.

6. Chánh ngữ.

7. Chánh mạng.

8. Chánh định.

Tám pháp này chính là con đường tu tập của bậc Thánh giác ngộ. Nếu ai luôn tinh tấn, siêng năng quán sát bốn pháp ấy thì sẽ chóng lìa sanh tử, đạt đến chốn giải thoát. Các thầy Tỳ-kheo ở trong pháp này nếu đã đạt được cứu cánh, thì cũng nên hết lòng vì người khác giảng nói. Sau khi Ta diệt độ, các thầy cũng nên siêng năng nhớ nghĩ, tu tập.

Khi Đức Như Lai thuyết giảng pháp này vừa xong, có năm trăm vị Tỳ-kheo dứt hết nghiệp lậu, tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán. Chư Thiên trên hư không, số lượng là bốn vạn vị, ở trong các pháp xa trần lìa cấu, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Có bốn quyết định về sự thuyết pháp:

1. Nếu có Tỳ-kheo ưa muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: "Tôi tự thân theo Phật được nghe nên có thể khéo lãnh hội, giảng giải ý nghĩa pháp này, thọ trì đọc tụng, tự thấy rất là thông suốt", thì các vị nên cung thỉnh Tỳ-kheo ấy giảng nói. Nên tùy theo pháp được nghe mà tự khéo suy nghĩ: "Đó là Kinh, đó là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy chăng?" Nếu khi đã biết là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy rồi thì phải thọ trì, khen ngợi: "Lành thay!" Nếu trong Kinh và Luật không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng đừng khen ngợi. Nên biết pháp đó không phải do Ta nói.

2. Nếu có thầy Tỳ-kheo ưa thích muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: "Tôi ở chỗ chúng Tỳ-kheo Tăng, nghe được pháp như vậy, khéo lãnh hội, giảng giải ý nghĩa, thọ trì đọc tụng rất thông suốt", thì các vị nên cung thỉnh thầy ấy giảng nói. Nên tùy theo pháp được nghe mà tự khéo suy nghĩ: "Đấy là Kinh, đây là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy chăng?" Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy, thì cần thọ trì, khen ngợi: "Lành thay!" Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng chớ khen ngợi. Nên biết pháp ấy

chẳng phải Ta nói, lại cũng chẳng phải do chúng Tỳ-kheo nói.

3. Nếu có thầy Tỳ-kheo ưa muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: "Tôi tự thân từ chùa kia, ở nơi A-lan-nhã nọ, trong chúng có nhiều Tỳ-kheo, Thượng tọa, thảy đều là hàng đa văn, thông minh, trí tuệ, nghe được pháp như vậy và khéo lãnh hội, giải thích ý nghĩa, thọ trì đọc tụng thông suốt", thì các vị nên cung thỉnh thầy ấy giảng nói. Nên tùy theo pháp được nghe mà khéo suy nghĩ: "Là Kinh, là Luật, chính trong pháp tướng có pháp ấy chăng? Nếu đó là Kinh hoặc Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy thì cần phải thọ trì, khen ngợi: "Lành thay!" Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng chớ khen ngợi. Nên biết pháp ấy chẳng phải Ta nói.

4. Nếu có thầy Tỳ-kheo ưa muốn thuyết giảng giáo pháp, nói lời thế này: "Tôi tự thân từ chùa kia, ở chỗ A-lan-nhã nọ, có một Tỳ-kheo Thượng tọa là bậc trí tuệ, đa văn, được nghe pháp ấy, khéo lãnh hội, giải thích ý nghĩa, thọ trì, đọc tụng được thông suốt", thì các vị nên cung thỉnh thầy ấy giảng nói. Nên tùy theo chỗ nghe mà khéo suy nghĩ: "Là Kinh, là Luật, trong pháp tướng có pháp này chăng?" Nếu là Kinh, là Luật, ở trong pháp tướng có pháp ấy thì cần thọ trì, khen ngợi: "Lành thay!" Nếu là Kinh, là Luật ở trong pháp tướng không có pháp ấy thì không nên thọ trì, cũng chớ khen ngợi. Nên biết pháp này chẳng phải Ta nói. Các vị phải khéo phân biệt.

Đây là bốn quyết định về việc giảng nói giáo pháp, lại cũng dùng sự phân biệt về công việc thuyết pháp ấy để truyền trao cho người khác. Dẫu Ta ở lại đời hay vào Niết-bàn thì lời nói pháp hư giả hay chân thật đều do đấy mà biết.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

–Lành thay! Đức Thế Tôn, chúng con từ nay sẽ có thể phân biệt Phật nói hay Ma nói.

Lúc ấy Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo đều từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến thôn Cưu-bà. Đến nơi, Đức Phật cùng với chúng Tỳ-kheo trước sau vây quanh, cùng an tọa bên một gốc cây. Khi ấy ở trong thôn, các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ nghe Phật đã đến, đều cùng nhau vội vã đi tới chỗ Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, lui ra ngồi một bên, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài cùng các thầy Tỳ-kheo đến thôn này rồi còn có đi tới đâu nữa chăng?

Đức Như Lai đáp:

–Ta sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn. Từ thành Tỳ-da-ly Ta đi khắp

qua các thôn ấp, lần lượt rồi đến đây.

Các người trong thôn nghe Phật nói như vậy thì đều thương tiếc, buồn bã, nghẹn ngào kêu lớn:

–Than ôi! Khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất, chúng ta không còn bao lâu nữa sẽ mất chỗ nương tựa, mất người dìu dắt.

Họ lại gạt lệ bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn nên duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Đức Thế Tôn đáp:

–Các vị không nên sanh tâm buồn thương sầu não. Vì sao? Vì các pháp hữu vi bản tánh và hình tướng đều là như vậy. Các vị nên lìa bỏ tình cảm ưu sầu, tịnh tâm nghe Ta chỉ dạy lời sau cùng.

Các người trong thôn khi ấy đều gắng sức dằn lòng, cúi đầu yên lặng lắng nghe. Trong số ấy có một Bà-la-môn tên là Phất-ba-dục-đế, là hạng thông minh, trí tuệ, nghe nhiều nhớ giỏi. Bấy giờ Đức Như Lai liền nói:

–Các vị nên biết, người tại gia có bốn pháp cần nên tu tập:

1. Cung kính cha mẹ, hết lòng hiếu dưỡng.

2. Thường dùng pháp lành để dạy dỗ, dẫn dắt vợ con.

3. Luôn nhớ nghĩ, thương xót những người giúp việc, biết họ cần giúp đỡ gì không?

4. Gần gũi bậc thiện tri thức, xa lìa người xấu ác.

Các vị nếu thường thực hành bốn pháp ấy thì hiện tại được mọi người mến thương, kính trọng, đời sau được sanh nơi cảnh giới an lành.

Lại nữa, này Phất-ba-dục-đế, người tại gia có bốn pháp vui thích:

1. Không nhờ cậy vào tiền bạc của người khác, nên không có sắc diện hổ thẹn.

2. Nếu là hạng rất giàu có, vui với việc tích lũy của cải, không tiêu dùng. Đối với cha mẹ, vợ con, thân thích quyến thuộc đều không cung cấp, lại không cúng dường các bậc Sa-môn, Bà-la-môn.

3. Rất giàu có, thân mặc áo đẹp, miệng ăn vị ngon, phụng dưỡng cha mẹ, đối với thân thích, quyến thuộc thảy đều cung cấp, phụng sự các bậc Sa-môn, Bà-la-môn.

4. Ba nghiệp thân khẩu ý đều không làm ác, lại thông minh trí tuệ, ưa muốn học hỏi, hiểu biết.

Các vị nên rõ, người tại gia tuy có bốn điều vui thích này, như không

mắc nợ người khác, không tham lam keo kiệt, pháp này gọi là sự vui thích thấp nhất. Ưa thực hành bố thí gọi là sự vui thích bậc trung. Ba nghiệp thân khẩu ý không tạo việc ác, thông minh trí tuệ, ưa hiểu biết, pháp này là sự vui thích thù thắng, hơn hết.

Bấy giờ Đức Như Lai nói kệ:

Không nợ nần, xan tham
Gọi là vui bậc thấp.
Có tiền đem bố thí
Đây là vui bậc vừa.
Nghiệp thân, khẩu, ý sạch
Trí tuệ, ưa hiểu biết
Đây là vui bậc cao
Là việc làm người trí.
Các vị từ hôm nay
Cho đến trọn đời mình
Già trẻ dạy cho nhau
Hành pháp bậc vừa, cao.

❑

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN II

Lúc ấy, Phất-ba-dục-đế cùng những người trong nhóm bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con từ nay xin lấy pháp bậc vừa, bậc cao để cùng dẫn dắt chỉ bảo cho nhau.

Ngay khi ấy, nhóm Phất-ba-dục-đế gồm năm trăm người, liền ở trước Phật thọ ba quy y và nguyện giữ năm giới. Phất-ba-dục-đế lại bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo sáng mai thọ nhận cho con cúng dường.

Đức Như Lai im lặng chấp nhận. Nhóm ông Phất-ba-dục-đế biết Phật đã hứa liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng với những người đã đến, lễ Phật lui ra, rồi trở về nhà. Suốt trong buổi chiều họ lo sắm sửa các món ăn uống thơm ngon tinh khiết. Sáng ngày hôm sau, tới giờ thọ trai, Phất-ba-dục-đế sai người thân tín đến bạch Phật:

–Xin Đức Như Lai tự biết đúng thời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nhà ấy theo thứ tự mà ngồi. Ông Phất-ba-dục-đế thấy Phật và chúng Tăng đều đã an tọa, liền đứng dậy đi lấy nước, tự tay rót mời, cùng bưng dọn các món ăn mỹ vị. Ngoài ra, các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ có đến năm trăm người cũng đều đem đồ ăn ngon quý đến tại nhà ấy cùng cúng dường Phật và chúng Tỳ-kheo. Đang khi ăn, các Tỳ-kheo có vị không khéo thu nhiếp thân tâm theo đúng oai nghi, khiến các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ thấy được nên tâm không hoan hỷ.

Đức Thế Tôn biết được tâm ý của mọi người nên bảo họ:

–Các vị nên biết, Chánh pháp của Như Lai sâu rộng như biển, không thể lường tính. Lại trong biển rộng có các chúng sanh thân thể rất lớn, dài đến một vạn sáu ngàn du-xà-na hoặc thân dài tám ngàn du-xà-na, hoặc thân dài bốn ngàn du-xà-na, hoặc thân dài một ngàn du-xà-na, hoặc lại có thân chỉ dài một tấc, nửa tấc, cho đến rất nhỏ. Biển pháp của Như Lai cũng như vậy, trong đó cũng có vị đắc quả A-la-hán, đầy đủ ba minh và

sáu thứ thần thông, có oai đức lớn, làm phước lành cho trời người, có vị đạt được các quả A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn. Lại có vị được bốn hướng quả, cho đến cũng có người phàm phu chưa được hưởng lợi ích của Phật pháp. Vì vậy, các vị chớ ở trong biển pháp mà sanh tâm nghi hoặc.

Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

Tất cả các dòng sông
Đều trở về biển cả
Cúng dường Phật và Tăng
Phước về mình cũng vậy.

Đức Như Lai nói kệ ấy xong, lại vì mọi người giảng nói các bài pháp. Khi ấy năm trăm người nhóm ông Phất-ba-dục-đế ở trong các pháp xa cảnh trần, lìa các khổ đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy Đức Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng từ chỗ ngồi đứng dậy, tiếp tục lên đường đến thành Ba-ba. Năm trăm người nhóm ông Phất-ba-dục-đế đều buồn bã thở than, cung kính tiễn đưa Đức Như Lai, lòng bồi hồi lưu luyến, nhìn theo rồi hầu như tuyệt vọng đành trở về. Khi Đức Thế Tôn đến thành Ba-ba, trong thành ấy có người thợ khéo giỏi tên là Thuần-đà, sở hữu một khu vườn rất mát mẻ, yên tĩnh. Đức Như Lai cùng các thầy Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến vườn đó. Thuần-đà nghe tin Đức Phật và chúng Tăng đến khu vườn của mình thì hết sức vui mừng không thể tự kiềm chế, liền cùng các người thợ đồng đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ nơi chân Phật rồi ngồi qua một bên, thưa:

–Không rõ Đức Thế Tôn có duyên gì lại đến đây, và còn đi đâu nữa chăng?

Đức Thế Tôn đáp:

–Ta nay sở dĩ đến đây, là vì không bao lâu nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Vì vậy nên Ta đến đây để gặp nhau lần sau cùng.

Thuần-đà và các đồng nghiệp của ông nghe Phật dạy như vậy thì vô cùng ưu sầu, buồn thương, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay Ngài bỏ chúng sanh không còn thương tưởng sao? Vì sao Ngài lại muốn vào Niết-bàn? Kính xin Đức Thế Tôn hãy duy trì thọ mạng trong một kiếp hoặc gần một kiếp.

Rồi họ lại vò đầu, bứt tai, thở than lớn tiếng:

–Than ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Tất cả chúng sanh từ nay về sau mãi chìm đắm trong biển sanh tử, chưa biết bao giờ

mới ra khỏi. Vì sao? Vì Bậc Thầy dẫn dắt Vô thượng đã vào Niết-bàn!

Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông nay không nên sanh tâm sầu não. Tất cả pháp hữu vi đều như vậy, đều là dời đổi, biến chuyển vô thường, mọi tụ hội ân ái tất phải biệt ly. Vì vậy, nay ông chớ nên ưu sầu.

Thuần-đà liền bạch Phật:

–Con nay cũng biết các hành là vô thường, mọi tụ hội ân ái thảy đều biệt ly. Nhưng Đấng Vô Thượng sẽ vào Niết-bàn, con sao khỏi buồn thương sầu não!?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền vì Thuần-đà giảng nói các pháp. Thuần-đà nghe xong tâm trạng sầu thương giảm bớt, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn oai nghi, trịch áo bày vai bên phải cung kính đảnh lễ dưới chân Đức Phật, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, xin nguyện vào ngày mai thọ nhận cho con cúng dường bữa ăn đạm bạc.

Đức Thế Tôn hứa nhận bằng cách yên lặng. Khi Thuần-đà biết Phật đã hứa, liền làm lễ nơi chân Ngài rồi lui ra. Thuần-đà về nhà, suốt chiều hôm đó lo sắm sửa nhiều món ăn uống ngon quý, sáng ngày mai tới giờ ăn sai người thân tín đến bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn tự biết đúng thời.

Lúc ấy Đức Như Lai cùng các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến nhà Thuần-đà, theo thứ lớp mà vào chỗ. Thuần-đà thấy Phật và chúng Tăng đã an tọa, liền đi lấy nước tự tay rót mời, bỏ vào bát các món ăn thượng vị. Đức Thế Tôn cùng chúng Tăng dùng xong, rửa bát, trở về chỗ ngồi. Thuần-đà cũng ngồi gần đấy. Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông nay đã làm được một việc phước rất ít có, là người sau cùng cúng dường cơm lên Phật và chúng Tỳ-kheo, phước báo này nhiều không thể cùng tận. Tất cả chúng sanh nên trồng các loại phước đức không thể bằng được, vậy ông nên sanh tâm hoan hỷ. Ta nay thọ nhận sự thỉnh cầu sau cùng, sẽ không còn nhận bữa ăn nào khác nữa.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Ông nay đã tạo được
Công đức thật ít có
Cúng dường lần sau cùng
Phật và Tỳ-kheo Tăng
Công đức ngày càng tăng

Sẽ không bao giờ hết.
Ông nay phải tự mình
Sanh tâm rất hoan hỷ
Hết thảy chỗ tạo phước
Không ai được như ông.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, liền bảo Tôn giả A-nan:

–Ta nay thân bệnh, muốn mau đến thành Cưu-thi-na.

Tôn giả A-nan cùng các thầy Tỳ-kheo và ông Thuần-đà nghe Phật nói lời ấy thì càng sầu khổ, xót xa rơi lệ không thể tự kiềm chế. Đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi đến thành Cưu-thi-na. Thuần-đà cùng với quyến thuộc theo sau Đức Như Lai. Trên đường đi, Đức Thế Tôn ghé vào cạnh một gốc cây nói với Tôn giả A-nan:

–Ta hiện nay đang bị đau bụng!

Rồi cùng A-nan ra đi, cách gốc cây ấy không xa bị ra máu, liền trở về lại chỗ cũ. Ngài dạy Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy lấy y Tăng-già-lê cho Ta, xếp làm bốn lớp trải trên đất. Ta muốn ngồi nghỉ, không thể đi tiếp được.

A-nan vâng lời. Đức Thế Tôn liền ngồi nghỉ cạnh gốc cây, lại bảo Tôn giả A-nan:

–Ta nay rất khát nước. Tôn giả có thể đến sông Ca-quật-ta lấy nước sạch đến cho Ta.

A-nan thưa:

–Vừa rồi, có năm trăm cỗ xe của các người đi buôn, lội băng qua sông, khiến nước sông đục, sợ không uống được.

Đức Phật ba lần bảo Tôn giả A-nan lấy nước như vậy, nhưng A-nan cứ do dự, sau đó mới cầm bát ra đi. Đến dòng sông, Tôn giả thấy nước lắng trong, lòng rất sợ hãi, lông toàn thân dựng ngược, tự nghĩ: "Vừa rồi có năm trăm cỗ xe băng qua dòng nước nên ta nghĩ là nước còn đục, không ngờ nước liền trong, đến nỗi khiến ta như muốn trái nghịch với lời dạy của Đức Như Lai". Rồi Tôn giả vội đem nước về dâng lên Phật, thưa:

–Lạ thay! Đức Thế Tôn, vừa rồi con thấy năm trăm cỗ xe của các người đi buôn băng qua sông, con ngại rằng trên dòng hay dưới dòng trong khoảng mười dặm hãy còn chưa lắng trong. Vậy mà do thần lực của Đức Thế Tôn nên chỉ trong khoảnh khắc nước liền lắng sạch.

Đức Thế Tôn liền nhận nước uống.

Bấy giờ có một vị tiên nhân dòng họ Mãn-la, tên là Phất-ca-sa, là đệ tử của tiên nhân Ca-lan, từ Cưu-thi-na đến thành Ba-ba. Trên đường đi chợt thấy Đức Như Lai đang ngồi nghỉ bên một gốc cây, liền ghé lại chắp tay chào hỏi, rồi ngồi qua một bên thưa với Đức Phật:

–Pháp của người xuất gia, công việc trọng yếu nhất là tọa thiền để điều phục các căn trần, khiến cho tâm không loạn, chuyên nhất, vắng lặng, chẳng hề sợ hãi. Vì sao? Nhớ lại ngày xưa đi theo thầy tôi là tiên nhân Ca-lan, đang đi thầy tôi vì mệt nên dừng nghỉ cạnh một gốc cây gần bên đường, rồi tọa thiền tư duy. Đang lúc ấy có các người buôn, đi trên năm mươi cỗ xe hướng về phía trước, thầy tôi khi đó còn đang ở trong cảnh giới vắng lặng, thân không dao động hồi lâu mới từ thiền định xuất. Tôi liền đến thưa: "Khi Tôn sư đang tọa thiền thì có các người buôn với năm mươi cỗ xe đi qua trước đường, tiếng vang như sấm động, không biết Tôn sư có thấy không?". Thầy tôi trả lời: "Hoàn toàn không thấy". Tôi lại hỏi: "Có nghe tiếng động kia chăng?". Thầy tôi cũng đáp: "Không nghe". Tôi liền bạch: "Trên áo của Tôn sư sở dĩ có bụi bám vào, ấy là do đoàn xe đi qua nên mới như vậy". Lúc ấy tôi càng thấy rõ sự kỳ lạ, biết pháp tọa thiền rất đáng tôn trọng vì đã khéo thâu nhiếp căn trần không cho loạn động.

Đức Thế Tôn nói với Phất-ca-sa:

–Những lời ông nói chưa phải kỳ lạ. Vì sao? Nếu lại có người chẳng phải ngủ say, lại cũng không phải đang nhập định Diệt tận, chỉ là chánh tâm tọa thiền. Có năm trăm cỗ xe đi qua trước người ấy, nhưng người này đều không biết, không nghe, như vậy mới có thể gọi là kỳ lạ.

Lại nữa, Phất-ca-sa, đấy cũng chưa đủ để gọi là rất kỳ lạ. Nếu lại có người chánh niệm tọa thiền, gặp lúc trời sấm sét chấn động, điện chớp sáng lòa. Khi ấy có hai anh em người cày ruộng nghe tiếng sấm sét sợ hãi mà chết. Lại còn có bốn con bò cũng bị sét đánh chết mà người tòa thiền không biết, không nghe. Như thế có được gọi là kỳ lạ không?

Phất-ca-sa thưa:

–Năm trăm cỗ xe đi qua trước mặt, không biết không nghe đã là kỳ lạ rồi, huống chi là sấm sét chớp sáng vang động trời đất mà cũng không nghe biết thì rất là hy hữu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Phất-ca-sa:

–Ta ngày xưa tại thôn A-xa-ma, cạnh một gốc cây, ngồi ngay thẳng tư duy. Khi ấy có năm trăm cỗ xe của các người lái buôn đi ngang qua trước mặt Ta mà Ta trong thiền tư không biết, không nghe. Các lái buôn

đi qua hồi lâu thì Ta mới ra khỏi định. Lúc ấy các lái buôn từ xa thấy Ta đứng dậy, tất cả đều quay trở lại, nhìn trên thân Ta có bụi dơ bám vào y, họ liền phủi đi và hỏi: "Chúng tôi cùng năm trăm cỗ xe đã đi qua đây, Đức Thế Tôn có thấy không?". Đáp: "Ta không thấy". Lại hỏi: "Thế Tôn có thể tự nhắm mắt không quan sát, nhưng Ngài có nghe tiếng không?". Ta lại đáp: "Cũng không nghe tiếng". Lái buôn tự hỏi: "Thế Tôn đang ngủ hay nhập định Diệt tận?". Ta đáp: "Ta khi ấy không ngủ, cũng chẳng phải vào định, chỉ đang ở trong thiền tư, cho nên không nghe thấy". Các lái buôn nghe Ta nói như thế cho là rất kỳ lạ, khen ngợi là chưa từng có rồi nói: "Chỉ có diệu lực của sự tọa thiền mới được như vậy". Ta liền vì họ mà giảng nói các pháp. Các vị lái buôn ấy liền ở nơi các pháp xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nữa, Phất-ca-sa, Ta ngày xưa tại một thôn nọ đang ngồi một mình bên đám ruộng, vắng lặng thiền tư. Không lâu sau bỗng nhiên trời nổi sấm sét, sấm chớp gió mưa chấn động cả trời đất. Khi ấy, có hai anh em đang cày ruộng bỗng nghe tiếng sét đều sợ hãi mà chết, lại có bốn con bò cũng bị sét đánh chết ngay. Người trong thôn nghe nói về sự việc vừa xảy ra hoặc là cha mẹ, vợ con, bạn bè của hai người xấu số kia cùng nhau đến thăm viếng, khóc lóc. Bấy giờ Ta mới từ thiền định tỉnh giác, thấy trên đất vướng nước bùn, lại có mọi người tụ tập kêu khóc. Có một người đi đến, Ta liền hỏi: "Vì sao mọi người tụ tập than khóc như vậy?". Người kia đáp: "Đức Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng sét đánh, cùng sấm chớp sao? Trong thôn tôi, có hai anh em đang cày ruộng nơi này đều bị sét đánh chết và bốn con bò cũng bị như vậy. Vì sao Đức Thế Tôn lại không biết? Đức Như Lai lúc ấy đang ngủ hay nhập định Diệt tận?". Đáp: "Ta khi ấy không ngủ cũng không nhập định mà đang tĩnh lặng ngồi thiền cho nên không nghe". Người ấy nghe Ta nói như vậy cho là rất kỳ lạ, khen ngợi là chưa từng có, trong lòng tự nghĩ: "Do tọa thiền nên mới có năng lực như vậy". Ta liền vì thế giảng nói Chánh pháp. Họ đã được nghe pháp rồi liền ở trong các pháp xa lìa cấu nhiễm, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Phất-ca-sa nghe Phật dạy như vậy, sanh tâm cho là ít có, thưa với Phật:

–Khi tôi thấy thầy tôi ngồi thiền, năm mươi cỗ xe đi qua mà không nghe biết, cho đó là việc kỳ lạ. Nay nghe Như Lai kể lại hai trường hợp ấy thật gấp trăm ngàn vạn lần, không thể so sánh. Diệu lực thiền định của Như Lai thật không thể nghĩ bàn.

Rồi Phất-ca-sa bèn theo Phật thọ ba quy y. Như Lai lại vì ông giảng

nói các pháp thâm diệu. Ông ấy nghe pháp, tâm ý được khai ngộ, xa lìa phiền não cấu nhiễm được Pháp nhãn thanh tịnh. Ông liền nói với người hầu:

–Ông hãy lấy đem đến cho ta hai xấp vải kiếp-bối màu hoàng kim. Ta muốn dâng lên Phật.

Người hầu vâng lời liền lấy vải quý đem đến. Phất-ca-sa tay cầm xấp vải cung kính quỳ thẳng trước Phật, thưa:

–Con nay đem xấp vải này dâng lên Đức Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn thương xót mà thọ nhận.

Đức Thế Tôn nói với Phất-ca-sa:

–Ta nay vì ông nhận lấy một xấp vải. Xấp còn lại có thể đem cúng dường cho Tôn giả A-nan. Vì sao vậy? Vì Tôn giả A-nan ngày đêm gần gũi hầu hạ bên Ta, vả lại hôm nay đã hết lòng chăm sóc thân bệnh cho Ta. Nếu có thí chủ bố thí người bệnh và người chăm sóc bệnh, thì đấy gọi là bố thí lớn lao, đầy đủ nhất.

Phất-ca-sa nghe Phật dạy như vậy thì rất hoan hỷ, liền lấy một xấp vải đặt nơi chân Phật, lại đem một xấp đến chỗ Tôn giả A-nan quỳ thẳng thưa:

–Nay con đem xấp vải này cúng dường Tôn giả, mong được thọ nhận.

Tôn giả A-nan đáp:

–Lành thay, lành thay! Nay ông đã tin theo lời dạy của Bậc Thầy nơi của trời người, khiến ông trong suốt cuộc đời mình luôn được an lạc, ta nay vì ông mà nhận lấy.

Phất-ca-sa trở về chỗ Phật. Như Lai lại vì ông giảng nói các pháp. Ông nghe pháp rồi liền đạt được quả A-na-hàm. Khi ấy Phất-ca-sa lại bạch Phật:

–Con nay muốn nương pháp Phật xin được xuất gia.

Phật liền gọi: "Thiện lai Tỳ-kheo". Tức thì râu tóc tự rụng, áo ca-sa mặc vào thân liền thành Sa-môn, đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ Đức Như Lai từ trên mặt của người phóng ra các loại ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, óng ánh như pha lê. Tôn giả A-nan liền đảnh lễ nơi chân Phật, quỳ thẳng chắp tay, thưa:

–Không rõ Đức Thế Tôn do nhân duyên gì mà hiện tướng lành này?

Phật liền đáp:

–A-nan nên biết, Ta có hai nhân duyên mà phóng hào quang lớn:

Một là khi ở bên gốc cây Bồ-đề sắp thành đạo, liền phóng hào quang.

Hai là khi sắp vào Niết-bàn cũng phóng ra hào quang lớn.

Này A-nan, Tôn giả biết chăng, Ta thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vào khoảng cuối đêm và khi nhập Niết-bàn cũng vào thời gian ấy. Tôn giả nay nên biết, ngay trong hôm nay, sau nửa đêm, tại thành Cưu-thi-na, vùng đất sinh hoạt của các lực sĩ bên dòng sông Hy-liên, giữa hai cây Sa-la, Ta sẽ nhập Niết-bàn.

Đức Phật vừa nói xong, các chúng Tỳ-kheo, kể cả chư Thiên trên không đều buồn thương than khóc không thể tự kềm chế. Khi ấy Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo đến sông Ca-quật-tha. Ở đấy sau khi tắm gội xong, Ngài cùng các thầy Tỳ-kheo ngồi nghỉ bên bờ sông.

Lúc ấy ông Thuần-đà trong lòng tự trách: "Đức Thế Tôn do thọ dụng bữa cơm cúng dường của ta, bị đau bụng nên sắp vào Niết-bàn". Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Thuần-đà, nên bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả nay nên biết, tất cả chúng sanh chớ tự trách: "Như Lai vì thọ dụng bữa cơm của mình đã khiến cho thân Ngài bị bệnh mà vào Niết-bàn. Vì sao vậy? Đức Như Lai xuất hiện ở đời có hai hạng người đạt được phước tối thượng:

Một là khi Như Lai sắp thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà được đến để cung kính bố thí.

Hai là khi Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn mà được cúng dường bữa ăn sau cùng.

Hai người làm công việc cúng dường này phước đức bằng nhau không khác, phước báo nhận được không thể tính kể. Hai lần cúng dường ấy rất khó gặp được, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lâu mới có.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Thuần-đà:

–Nay trong tâm của ông chính đang có ý niệm ấy. Ông không nên tự sanh tâm hối trách như thế. Đã có được phước đức quý báu vô thượng khó gặp thì nên tự sanh tâm vui mừng, vinh hạnh. Trong trăm ngàn vạn kiếp, danh hiệu của Phật rất khó được nghe. Tuy được nghe danh, gặp Phật lại càng khó. Tuy được gặp Phật, cúng dường Phật lại khó hơn. Tuy được cúng dường Phật mà được cúng dường trong hai trường hợp khi sắp Thành đạo và sắp vào Niết-bàn lại càng khó hơn nữa. Ông nay đã được phước báo, không bao lâu sẽ đạt được trí tuệ biện tài, sức khỏe, dung mạo, thọ mạng.

Thuần-đà nghe Đức Phật dạy như thế, tâm sanh hoan hỷ vô cùng, bèn bạch Phật:

–Sung sướng thay! Bạch Đức Thế Tôn, con nay đã được lợi lạc lớn lao như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Kẻ bố thí được phước
Người tâm từ không oán
Làm lành hay trừ ác
Lìa dục không phiền não
Khéo hành được hạnh ấy
Không lâu vào Niết-bàn.

Đức Thế Tôn nói kệ xong, liền bảo Thuần-đà:

–Ông nay nên đem việc đạt được phước báo do sự cúng dường Phật lần sau cùng này, vì mọi người mà rộng nói, khiến người nghe luôn đạt được an lạc trong suốt cuộc đời mình.

Rồi Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ta nay muốn đến thành Cưu-thi-na, vùng đất sinh hoạt của các lực sĩ, bên dòng sông Hy-liên, giữa hai cây Sa-la.

Tôn giả A-nan thưa:

–Xin vâng, bạch Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo trước sau vây quanh, cùng nhau lên đường, vượt qua sông Hy-liên, đến trụ bên ngoài rừng Sa-la thuộc thành Cưu-thi-na, vùng đất phát sinh các lực sĩ.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy đi vào rừng Sa-la, thấy có hai cây đứng riêng một nơi thì quét dọn dưới đất cho thật sạch sẽ, xếp chỗ treo giường dây, đầu hướng về phía Bắc. Ta nay thân thể rất mỏi mệt.

Tôn giả A-nan và các thầy Tỳ-kheo nghe Phật dạy như thế thì càng thêm buồn thương. Tôn giả A-nan rơi lệ vâng theo lời dạy đi đến chỗ có hai cây Sa-la đứng riêng một nơi, quét dọn, sắp đặt, treo giường dây thảy đều đúng như pháp, rồi trở về bạch Phật:

–Thưa, con đã quét dọn, xếp đặt, thảy đều hoàn tất.

Lúc ấy Đức Thế Tôn cùng các thầy Tỳ-kheo đi vào rừng, đến nơi hai gốc cây Sa-la. Ngài lên giường, nghiêng hông bên phải, xếp chân lên nhau mà nằm, như sư tử ngủ, chánh niệm tỉnh giác. Khi ấy hai cây Sa-la bỗng nhiên trổ hoa, rơi trên thân Như Lai. Đức Thế Tôn liền hỏi Tôn giả A-nan:

–Tôn giả có thấy cây Sa-la này chẳng phải thời mà trổ hoa để cúng

dường Ta chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

–Dạ thưa, có thấy.

Bấy giờ tám bộ chúng trời, rồng, quỷ thần, ở trong hư không tuôn rải các loại hoa vi diệu tươi đẹp như: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa lần lượt rơi trên thân Đức Phật. Chư vị ấy lại còn tung rải các thứ hương thơm như ngưu đầu, chiên đàn; cùng tấu khúc nhạc trời, ca bài chúc tụng, tán thán. Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả có thấy trên hư không, hàng chư Thiên cùng tám bộ chúng cúng dường Ta chăng?

A-nan bạch:

–Dạ thưa có thấy.

Đức Thế Tôn lại nói:

–Người muốn cúng dường Ta để báo đáp ân đức, quyết không phải chỉ dùng hương hoa, hòa nhạc như thế này, mà là phải giữ giới cho thanh tịnh, đọc tụng kinh điển, suy nghĩ về nghĩa lý của các pháp sâu xa vi diệu. Như thế mới đúng gọi là cúng dường Ta.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo tên Ưu-ba-ma-na, lúc Như Lai chưa chọn Tôn giả A-nan làm thị giả, thì vị này thường làm công việc hầu hạ, chăm sóc Như Lai. Khi Ưu-ba-ma-na thấy Đức Như Lai nằm xuống giữa hai cây Sa-la thì rất buồn khổ, nên đứng ngay trước chỗ Phật. Đức Thế Tôn bảo:

–Thầy không nên đứng ở trước chỗ Ta.

Ưu-ba-ma-na liền đứng qua một bên. Tôn giả A-nan thấy thế liền sanh nghi hoặc, suy nghĩ: "Ta làm thị giả Đức Phật đến nay trải qua đã nhiều năm, chưa từng thấy Ngài dạy lời như thế. Hôm nay vì lý do gì mà không cho đứng ở trước? Đức Như Lai không còn bao lâu sẽ vào Niết-bàn, mà lại không cho đệ tử đứng trước buồn khóc!". Tôn giả A-nan liền đảnh lễ nơi chân Phật, rồi quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con từ xưa hầu hạ Phật thường đứng trước Đức Thế Tôn, chưa từng nghe dạy con phải bước lui. Nay vì sao Ngài dạy Ưu-ba-ma-na phải tránh ra không được đứng ở trước?

Phật dạy:

–Này Tôn giả A-nan, tám bộ chúng như trời, rồng, thần… nghe Ta đang ở nơi giữa hai cây Sa-la, nằm nghiêng hông bên phải, đều cùng nhau

đến để được thấy và chiêm ngưỡng Ta. Từ trong hư không cho đến khắp trên mặt đất, bốn phía đều có mặt kín cả, choán đến ba mươi hai du-xà-na. Tỳ-kheo Ưu-ba-ma-na ấy nếu đứng trước Ta, thì tám chúng trời, rồng, thần… sẽ sanh tâm không hoan hỷ, đều nghĩ rằng: "Nay Đức Như Lai đang ở nơi hai cây Sa-la, không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, đây là lúc chúng ta được nhìn thấy và chiêm ngưỡng lần sau cùng vậy mà vị Tỳ-kheo này đã đứng choán chỗ trước Phật". Do đó mà Ta phải bảo Ưu-ba-ma-na tránh qua một bên.

A-nan, Tôn giả biết chăng, hiện tại đây trong tám bộ chúng ấy, hoặc có người buồn khóc không thể tự kiềm chế, hoặc có vị thì sầu não, mê loạn, buồn thương hết mực, hoặc có người dùng tay tự vò đầu, bứt tóc, hoặc có vị vứt bỏ hết các đồ trang sức nơi thân, thảy đều đồng thanh nói lớn: "Đức Như Lai nay vào Niết-bàn, sao mà vội thế! Như Lai xuất hiện ở đời khó mà gặp gỡ, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lâu mới có, vậy mà nay lại sắp vào Niết-bàn. Than ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Từ nay ai là người để cho chúng ta hướng về và được dẫn dắt". Các vị trời đã được lìa dục đều than: "Hỡi ôi! Thế gian thật là vô thường, chỉ không có thọ sanh thì mới không bị trở về hoại diệt!". Lại nữa, nhóm chư Thiên kia cùng nhau nói: "Đức Thế Tôn ngày trước nơi thành Tỳ-da-ly, hay tại thành Vương xá, hoặc tại nước Xá-vệ và các nơi chốn khác an cư xong, các chúng Tỳ-kheo từ bốn phương cùng trở về thăm hỏi Đức Thế Tôn. Chúng ta nhân đấy, được ở bên đường trông thấy các Tỳ-kheo lễ bái cúng dường, đã lắng nghe lãnh hội kinh pháp, đạt được phước lợi lâu dài. Đức Thế Tôn nay sắp vào Niết-bàn, các chúng Tỳ-kheo Tăng an cư xong, không còn trở về thăm hỏi, vấn an Đức Thế Tôn như trước. Đi qua các chốn cũ, chúng ta cũng không còn ở bên đường trông thấy các Tỳ-kheo lễ bái, cúng dường Phật, được nghe giảng và lãnh hội kinh pháp. Từ nay vĩnh viễn mất đi phước lợi như thế".

Bấy giờ Đức Như Lai bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, sau khi Ta diệt độ, có thể phát tâm đi đến bốn chỗ liên quan tới Ta thì sẽ đạt được công đức không thể tính kể, đời sau thọ sanh thường được làm thân trời, người, được phước báo an lạc không cùng tận. Bốn nơi ấy là gì?

Vườn Lâm-tỳ-ni, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ, nơi Đản sanh của Như Lai khi là Bồ-tát.

Cội Bồ-đề nơi Ta ngồi xưa kia để thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở nước Ma-kiệt-đà.

Vườn Lộc dã, trụ xứ của tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, nơi Ta chuyển pháp luân.

Hai cội cây trong rừng Sa-la, bên dòng sông Hy-liên, vùng đất phát sinh các lực sĩ, thuộc nước Cưu-thi-na, nơi Ta vào Niết-bàn.

Đó là bốn chỗ. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tất cả mọi người, kể cả đồ chúng của ngoại đạo, phát tâm muốn đến bốn chỗ ấy để lễ bái thì sẽ đạt được công đức như trên đã nói.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như thế liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, từ nay con sẽ truyền lại rộng khắp cho đệ tử bốn chúng biết rõ về nơi chốn ấy, nếu đến lễ bái thì sẽ đạt được công đức như vậy.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Nếu có các hàng Ưu-bà-di phát thiện tâm, khéo giữ giới hạnh, ưa thích nghe kinh pháp, muốn thấy các Tỳ-kheo thì chúng con từ nay sẽ nên xử trí thế nào?

Phật dạy:

–Các vị từ nay chớ nên cùng họ gặp gỡ.

A-nan thưa:

–Khỏi cần gặp gỡ họ, nhưng nếu phải gặp thì nên như thế nào?

Phật dạy:

–Chớ cùng họ nói chuyện.

A-nan thưa:

–Không cùng họ nói chuyện nhưng nếu họ thưa thỉnh muốn được nghe kinh pháp thì phải thế nào?

Phật dạy:

–Nên vì họ giảng nói giáo pháp, song phải khéo thu giữ thân, miệng, ý.

Tôn giả A-nan lại bạch Đức Thế Tôn:

–Chúng con từ nay xin y như vậy mà phụng hành.

Rồi Tôn giả A-nan thưa hỏi:

–Đức Thế Tôn sau khi vào Niết-bàn, phép cúng dường thân xá-lợi nên như thế nào?

Phật dạy:

–Tôn giả nay khỏi phải lo việc này, chỉ nên tự suy nghĩ về cách hộ trì giáo pháp sau khi Ta diệt độ, đem những điều được nghe từ trước, hoan

hỷ vì người giảng nói. Vì sao? Vì chư Thiên sẽ đảm nhận lo việc cúng dường thân Ta. Lại còn có các Bà-la-môn, các vị vua, các Trưởng giả, Cư sĩ, những người này sẽ cùng đảm đương công việc cúng dường thân Ta.

A-nan thưa:

–Tuy đã có các hàng trời, người phát tâm cúng dường, nhưng con không biết nên dựa theo pháp nào?

Phật dạy:

–A-nan, muốn cúng dường thân Ta thì theo như pháp cúng dường thân Chuyển luân thánh vương.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Cúng dường Chuyển luân thánh vương, pháp ấy như thế nào?

Phật dạy:

–A-nan, pháp cúng dường Chuyển luân thánh vương là: dùng bông mới sạch và lụa mịn cùng quấn quanh thân, quấn như vậy đủ cả ngàn lớp, đặt thi thể vào kim quan. Lại dùng quách bằng bạc bọc kim quan ở trong. Rồi quách bằng đồng bọc quách bằng bạc ấy. Đem quách bằng sắt bọc quách bằng đồng. Như vậy, sau mới rưới các thứ dầu thơm, đem các loại hoa hương rải vào trong quan. Sau đó tấu các loại nhạc, ca ngâm tán tụng rồi mới đậy nắp quan. Tiếp, tạo xe báu lớn, cao rộng, có mái che, có lan can, trang trí tôn nghiêm, rồi đặt kim quan lên xe. Lại ở trong thành, tạo chỗ trà tỳ, phải quét dọn bốn bề sạch sẽ, đem gỗ quý chiên đàn và các loại danh hương nhóm lại thành đống lớn, trên đó trải tấm lụa dày, dùng màn trướng báu lớn che ở trên. Sau đó mới đưa xe chở kim quan đến chỗ trà tỳ, đốt hương, rải hoa, tấu nhạc cúng dường, đi nhiễu quanh đống hương liệu kia bảy vòng, rồi mới thỉnh kim quan đặt trên đống hương liệu, dùng dầu thơm rưới vào, pháp châm lửa phải bắt đầu từ dưới thấp. Trà tỳ xong, thì thâu lấy xá-lợi đặt trong bình vàng, ngay ở chỗ đó nên tạo dựng tháp, xây chùa, trang nghiêm, treo các thứ cờ phướn, lọng báu, đông đảo dân chúng đến lễ bái thì thường ngày đốt hương, rải hoa cúng dường.

A-nan nên biết, pháp cúng dường bậc Chuyển luân thánh vương, sự việc là như vậy. Trà tỳ thân Ta cùng với vua không khác, nhưng tạo tháp thờ thì khác với nhà vua. Nên tạo tháp, dựng chùa trang nghiêm, treo chín cái lọng. Nếu có chúng sanh treo các thứ cờ phướn, lọng báu, đốt hương rải hoa, thắp đuốc, đèn, lễ bái, tán thán, nơi tháp thờ xá-lợi, thì những người ấy sẽ đạt được phước lợi lớn trong suốt cuộc đời mình. Về sau không lâu, cũng lại có người khác tạo dựng tháp lớn cúng dường thân kia. Tôn giả A-nan nên biết, tất cả chúng sanh đều không có tháp, chỉ có bốn người mới

được lập tháp:

Một là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn luôn thương xót chúng sanh, có thể làm ruộng phước tốt nhất cho thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Hai là bậc Bích-chi-phật, do suy nghĩ về các pháp mà tự giác ngộ cũng có thể làm phước lợi cho dân chúng trong thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Ba là bậc A-la-hán, tùy chỗ nghe pháp mà suy nghĩ, dứt hết các lậu hoặc, cũng có thể làm phước lợi cho dân chúng trong thế gian, nên tạo dựng tháp thờ.

Bốn là hàng Chuyển luân thánh vương, nhiều kiếp đã vun trồng phước đức sâu dày, có oai đức lớn, là vua của bốn cõi thiên hạ, đầy đủ bảy thứ báu, tự mình thực hành mười điều thiện, lại khuyến khích mọi người trong bốn cõi thiên hạ cũng thực hành mười điều thiện, nên tạo dựng tháp thờ.

A-nan nên biết, nếu có chúng sanh đem các phẩm vật cúng dường nơi tháp ấy thì người ấy sẽ đạt được phước đức, theo thứ lớp sai biệt từ cao xuống thấp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như thế, tâm sanh sầu não, buồn thương khóc lóc, bước lui phía sau cách Phật không xa, than thầm: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, ở trong các pháp chưa đạt được nẻo thâm diệu mà Bậc Thầy của trời người sắp bỏ ta để vào Niết-bàn. Ta khi nào mới bước được vào đường giải thoát?". Than như thế rồi đưa tay vin vào một cành cây, tay kia thì vò đầu, muôn phần xót xa, tuyệt vọng.

Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

–Tôn giả A-nan hiện đang ở đâu?

Các thầy Tỳ-kheo thưa:

–Tôn giả A-nan đang ở cạnh gốc cây, phía sau Đức Như Lai, than khóc một mình.

Phật lại bảo thầy Tỳ-kheo:

–Thầy có thể đến chỗ kia bảo Tôn giả A-nan: "Bậc Thầy của trời người nay muốn thấy Tôn giả".

Thầy Tỳ-kheo vâng theo lời dạy của Như Lai đến nói với Tôn giả A-nan. Tôn giả nghe xong liền trở về, đến ngay chỗ Phật, cung kính đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả A-nan:

–Những ngày gần đây Ta đã nói với Tôn giả: "Tất cả các hành đều là vô thường, thương yêu gặp gỡ tất phải xa lìa", ông nay sao còn sanh tâm buồn thương quá thể như vậy? Lại nữa A-nan, ông từ trước đến nay làm thị giả cho Ta, gần gũi, đảm đang mọi việc, tới lui qua lại, sắp xếp khách viếng đều luôn đúng pháp, hợp cách. Lại thấy ông ba nghiệp thân, miệng, ý đều thanh tịnh, không có lỗi lầm, ông đạt được phước lợi thật là vô lượng.

Đức Thế Tôn lại nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Tôn giả A-nan không nên quá buồn thương như vậy. Vì sao vậy? Vì không bao lâu nữa Tôn giả sẽ đạt đến chỗ giải thoát. Các thầy Tỳ-kheo nên biết, chư Phật thời quá khứ đều có thị giả như Tôn giả A-nan hiện nay, các Đức Phật thời vị lai cũng lại như vậy. Các thầy Tỳ-kheo nên biết, Tôn giả A-nan hiện tại là một thị giả có trí tuệ sâu xa, thông minh, lợi căn. Ta từ trước đến nay giảng nói vô số các pháp, Tôn giả A-nan đều ghi nhớ, giữ gìn không quên.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo, Tôn giả A-nan khéo biết sắp xếp thời gian các trường hợp tới lui đúng pháp. Nếu có khách muốn đến yết kiến Ta, Tôn giả A-nan đều suy tính trước một cách hợp lý để cho họ được gặp Đức Thế Tôn: khi nào thì dành cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, khi nào thì dành cho các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, khi nào thì đến lượt các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, kể cả các chúng ngoại đạo. Như vậy những vị đến xin gặp Ta và nghe giảng pháp, thảy đều đạt được rất nhiều công đức phước lợi. Vì sao vậy? Vì tất cả đều do Tôn giả A-nan thông báo và dẫn dắt đến gặp Ta đúng lúc, khiến cho họ căn lành được thành tựu trọn vẹn.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có bốn pháp hy hữu đặc biệt:

Nếu các hàng Bà-la-môn đi đến chỗ ở của Chuyển luân thánh vương, đến nơi thấy dung mạo của vua đoan nghiêm, oai đức lộ rõ, thì sanh tâm hoan hỷ. Lại được nghe vua nói, âm thanh ngôn từ trong suốt thì cũng sanh hoan hỷ, cho đến thấy vua im lặng không nói thì trong lòng cũng phấn khởi. Rồi khi từ giã nhà vua trở về chỗ cũ của mình ai cũng lưu luyến mến mộ, bước từng bước mà buồn thương bứt rứt như người đói khát không được no đủ.

Các vị Sát-lợi.

Các vị Tỳ-xá.

Các vị Thủ-đà-la cũng lại như vậy.

Đó là bốn việc đặc biệt ít có của Chuyển luân thánh vương. Nên biết, Tôn giả A-nan cũng có bốn việc đặc biệt như vậy:

Các thầy Tỳ-kheo từ phương xa trở về, nhằm vấn an thăm hỏi Ta, thứ đến gặp Tôn giả A-nan đều sanh tâm hoan hỷ, nghe Tôn giả nói pháp và gặp lúc lặng thinh, cũng đều vui thích, từ biệt mà đi, đều lưu luyến mến mộ không dứt.

Các vị Tỳ-kheo-ni.

Các hàng Ưu-bà-tắc.

Các hàng Ưu-bà-di cũng lại như vậy.

Các vị nên biết, A-nan có bốn việc đặc biệt như thế. Đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

–Nay Tôn giả không nên tự sanh khổ não than thở: "Bậc Thầy của trời, người sắp vào Niết-bàn, Ta nay không còn cơ hội để mong đạt được giải thoát". Vì sao? Phàm những gì Ta đã thuyết giảng tức tất cả kho tàng giáo pháp, sau khi Ta diệt độ, phải nên suy nghĩ phụng trì, tinh tấn tu tập, không bao lâu tự mình sẽ đạt được giải thoát.

Lúc ấy Tôn giả A-nan được Đức Như Lai dùng Phạm âm an ủi, nên mọi ưu phiền sầu khổ đã giảm bớt. Tôn giả liền bạch Phật:

–Con nay trong lòng có chút tỉnh ngộ, muốn được thưa thỉnh, kính xin Thế Tôn thương xót.

Đức Phật đáp:

–Tôn giả muốn thưa điều gì cứ nói.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thành Cưu-thi-na này so với các nước lớn rất là xa cách nhỏ hẹp, dân chúng cũng không đông đúc, phồn thịnh. Kính mong Đức Thế Tôn đi đến các nước lớn khác như thành Vương xá, thành Tỳ-da-ly, thành (nước) Xá-vệ, thành Ba-la-nại, thành A-du-xà, thành Chiêm-ba, thành Câu-diệm-di, thành Đức-xoa-thi-la. Các thành như thế dân chúng đông đảo, sung túc, đất nước lại thịnh vượng, an lạc, người nhiều tín tâm, trí tuệ, thông minh. Kính mong Đức Thế Tôn đi đến các thành ấy để vào Niết-bàn, nhân dân trong những thành đó sẽ đạt được lợi ích lớn.

Đức Thế Tôn đáp:

–Tôn giả nay không nên thưa thỉnh Ta mà nói: "Thành Cưu-thi-na này là xa xôi nhỏ hẹp!". Tôn giả nên lắng nghe, Ta nay sẽ vì ông mà nói rõ. Này A-nan, về thời quá khứ xa xưa, thành Cưu-thi-na này có vị Chuyển luân thánh vương tên là Đại Thiện Kiến, đầy đủ bảy món báu. Vua có

ngàn người con, có năng lực hàng phục giặc oán, đều dùng chánh pháp để giáo hóa muôn dân. Lúc bấy giờ thành ấy có tên là Cưu-thi-bà-đế. Từ cửa Đông đến cửa Tây cách nhau mười hai du-xà-na. Cửa Nam, cửa Bắc cách nhau tám du-xà-na. Bốn mặt đều có bảy lớp thành bao quanh: lớp thứ nhất ở trong thành hoàn toàn dùng bằng vàng, lớp thứ hai xây dựng bằng bạc, lớp thứ ba tạo dựng bằng lưu ly, lớp thứ tư bằng pha lê, lớp thứ năm bằng xa cừ, lớp thứ sáu bằng mã não, lớp thứ bảy do các thứ báu hợp lại tạo nên.

Trong thành, lầu gác có đến bảy tầng, cửa sổ lan can đều dùng bảy báu để chạm trổ, trang trí. Trên cao giăng lưới treo các linh báu, khoảng cách nhau với mặt đường xa một lần tên. Thành có bốn cửa lớn, muốn vào thành phải qua chín lớp cửa đều trang hoàng uy nghiêm, sáng đẹp, vui mắt. Bên ngoài bảy lớp thành đều có ao nước, nước ấy trong sạch có đủ tám thứ công đức, đều dùng bảy báu để làm bậc thềm. Có các loài chim như: loan, phượng, khổng tước, le le, vịt nước, uyên ương bay lượn lên xuống, nhảy múa ca hót. Nơi ao nước lại có các thứ hoa như Cưu-mâu-đầu, Uất-ba-la, Phân-đà-lợi, hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng màu sắc xen kẽ. Trên bờ thì có bảy hàng cây báu, mỗi hàng cây đều được tạo thành do các loại báu khác nhau. Gió nhẹ thổi qua cành cây, lá kêu xào xạc, âm thanh như nhạc trời. Dân chúng trong thành đều no đủ, an ổn giàu vui, cuộc sống rất là sung túc, năm dục không thiếu cũng như nơi cõi trời Đao-lợi. Trên đường đi treo nhiều hạt ngọc minh châu, dân chúng qua lại không kể đêm ngày.

Thành ấy luôn có mười loại âm thanh: tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng trống, tiếng loa, tiếng của các loại đàn cầm, đàn sắt, tiếng khua chuông, đánh khánh thiết lập đại hội, tiếng ca ngợi những người trì giới, thứ mười là tiếng cùng nhau bàn luận giảng nói Phật pháp.

Vua Đại Thiện Kiến có các uy đức, thân tướng đoan nghiêm bậc nhất, mọi người trông thấy đều kính mến lại được sống lâu, an lạc, thân không tật bệnh. Vua là người nhân từ, thương nhớ tất cả chúng sanh, như người cha yêu mến các con. Tất cả dân chúng luôn tôn kính đức vua cũng như đối với người cha lành.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến những lúc muốn ra khu vườn rừng ngắm cảnh vui chơi, thì cho chỉnh đốn bốn thứ binh chủng, số lượng đến tám vạn bốn ngàn quân. Lại nữa, trong cung, phu nhân và tám vạn bốn ngàn thể nữ cũng được lên xe theo vua cùng đi. Khi ấy vua ra lệnh cho các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong nước đều theo đức vua cùng

đi dạo chơi. Sửa soạn sắp đặt xa giá xong xuôi, khi ấy vị quan chủ binh vào tâu vua: "Bốn binh chủng đã sẵn sàng, mong đức vua biết thời". Bấy giờ nhà vua ngự trên xe voi trắng, cùng các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các đại thần, quyến thuộc và bốn binh chủng trước sau vây quanh, đi đến khu vườn rừng, voi đi rất nhanh tợ như gió lướt. Bấy giờ, các vị đại thần, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng can gián vua:

–Đại vương ở lâu trong thâm cung, dân chúng bên ngoài ít có nhân duyên thấy vua. Nay ngài đến khu vườn rừng du ngoạn, tất cả dân chúng đang đứng chật hai bên đường, đều mong muốn được chiêm ngưỡng đại vương. Do việc ấy, mong ngài ra lệnh cho người dẫn đường không cần đi nhanh.

Vua nghe lời liền bảo người hầu nên cho xe đi từ từ, dân chúng hai bên đường mặc sức chiêm ngưỡng đức vua, như con thấy cha. Khi ấy vua trông thấy các nơi ngã tư đường đều bằng phẳng, bảy hàng cây báu la liệt rợp bóng im mát mà thiếu ao nước, vua liền ra lệnh cho một vị quan, bên lề đường tạo các ao bảy báu, khoảng rộng cách nhau đến cả trăm cung, trồng thêm các loại hoa nổi tiếng. Cũng ra lệnh trong mỗi ao đều cho người trông coi giữ gìn. Nếu người đến tắm thì có nước hoa thơm, đồ ăn uống, tùy ý sử dụng, cung cấp như vậy không kể ngày đêm. Lại ra lệnh cho các cận thần: từ nay về sau dân chúng nơi phương xa có đến cầu xin, tùy theo sự cần dùng mà cung cấp cho họ.

Sau khi đến khu vườn rừng, vua cùng các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, đại thần xem cảnh, vui chơi thích thú, cho đến trời chiều; ngọc minh châu chiếu sáng như ban ngày, không còn thấy bóng mặt trời mới biết là ban đêm. Khi ấy vua cùng các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các quan và dân vui chơi xong thì cùng trở về cung.

Một ngày khác, các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cùng các đại thần đem các thứ châu báu giá trị nổi tiếng dâng lên vua. Đức vua nói:

–Những ngày gần đây ta đi dạo chơi nơi khu vườn rừng, đã bảo các vị đại thần từ đây trở đi có người đến cầu xin thì theo đấy mà cấp cho họ. Ta làm việc bố thí đến như vậy, các khanh sao còn đem vật báu hiến cho ta?

Nhà vua tự nghĩ: "Những người sở dĩ đem vật báu đến dâng cho ta đều là do tài sản của những người giàu sang trong nước. Tài sản ấy đều do người nghèo đem đến". Vua liền dạy quan giữ kho đem các thứ châu báu và đồ cần dùng để tại ngã tư đường, đánh trống, khua chuông kêu gọi người ở xa trong bốn phương biết: "Nay vua Đại Thiện Kiến mở kho báu

để bố thí. Nếu ai cần dùng, tùy ý đến lấy". Vua thường như vậy, rộng thực hành việc bố thí đem lại lợi ích cho chúng sanh không kể ngày đêm.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ trong nước, cùng các vị đại thần tâu với nhà vua:

–Thưa đại vương, cung điện của đại vương đang ở thật quá chật hẹp. Chúng thần mỗi khi đến thăm hỏi đức vua, đám tùy tùng không có chỗ dung nạp. Kính xin đại vương mở rộng cung điện cho thật rộng lớn.

Vua nghe tâu, lặng yên chấp nhận, tự suy nghĩ: "Ta nay nên mở rộng cung điện thành trì". Khi ấy trời Đế-thích biết tâm niệm của vua, liền gọi một vị Thiên tử tên là Tỳ-thủ-kiến-ma rất tài giỏi, làm được mọi việc, đến dạy:

–Nay dưới cõi Diêm-phù-đề, vua Chuyển luân thánh vương tên là Đại Thiện Kiến, muốn mở rộng cung điện, thành trì, ông có thể xuống làm người thợ giỏi, khiến nơi ấy trở thành chốn trang nghiêm đẹp đẽ, chạm trổ, trang hoàng cũng như cung điện của ta không khác.

Vị trời kia vâng lệnh, chỉ trong khoảng thời gian như một tráng sĩ co duỗi cánh tay, đã đến cõi Diêm-phù-đề, đứng ngay trước nhà vua, vua thấy thân tướng của vị thần ấy phong độ đoan nghiêm khác thường, biết chắc là hàng phi phàm nên hỏi:

–Ngài là vị thần ở đâu bỗng nhiên xuất hiện?

Vị trời ấy đáp:

–Đại vương nên biết, tôi là đại thần của trời Đế-thích tên là Tỳ-thủ-kiến-ma, rất quen với nghề xây dựng. Đại vương có ý nghĩ muốn mở rộng cung điện nên trời Đế-thích sai tôi xuống đây đảm nhận công việc trông coi trợ giúp vua.

Vua nghe lời ấy, tâm vô cùng hoan hỷ. Khi ấy vị Thiên tử bắt đầu cho thực hiện việc mở rộng cung điện, thành trì. Thành gồm bốn cửa, khoảng rộng cách nhau hai mươi bốn du-xà-na; vì vua tạo cung điện cao, thấp, rộng, hẹp mỗi bên đều tám du-xà-na, dùng bảy báu để trang trí, tô điểm đẹp đẽ như cung trời Đế-thích. Trong cung điện có tám vạn bốn ngàn phòng riêng để ở, đều có đầy đủ các loại giường màn, đồ nằm bằng bảy báu. Lại vì vua mà kiến tạo điện thuyết pháp cao, thấp, ngang, rộng đều bằng tám du-xà-na, cũng dùng bảy báu để trang hoàng đẹp đẽ, uy nghiêm không khác. Trước cung điện ấy, bốn mặt đều có bảy hàng cây báu cùng trồng các loại hoa nổi tiếng rất ngay ngắn để tạo bóng mát. Lại xây ao báu, nước trong ao thanh khiết, đủ tám thứ công đức. Phần chính giữa cung điện đặt tòa sư tử, bằng bảy báu trang nghiêm, vô cùng cao

rộng, dùng màn báu che phủ ở trên, giăng treo bảy báu cùng khắp. Lại vì những người từ bốn phương xa đến nghe pháp, tạo ra bốn loại tòa ngồi bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, số lượng đến tám vạn bốn ngàn cái.

Vị trời Tỳ-thủ-kiến-ma đã vì nhà vua mà tạo lập cung điện, thành trì tất cả đều hoàn tất, bèn từ biệt nhà vua, bỗng nhiên biến khỏi nơi đó trở về cung trời. Bấy giờ vua Đại Thiện Kiến thấy cung điện thành trì xây dựng, trang hoàng đã xong, liền ra lệnh cho quan hầu cận đánh trống rao gọi khắp trong nước được biết: Vua Đại Thiện Kiến sau bảy ngày sẽ vì mọi người giảng nói chánh pháp, nếu ai muốn nghe đều có thể đến cung điện để nghe.

Khi ấy các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, các đại thần và dân chúng nghe lệnh này rồi đều lần lượt quy tụ về tại giảng đường. Lúc đó vua đi tới điện thuyết pháp, bước lên tòa sư tử. Tất cả những người đến nghe pháp cũng đã ngồi yên trên bốn loại tòa báu. Đức vua trước tiên vì mọi người nói pháp mười điều thiện, sau đó lại chỉ bày các pháp môn khác, trải qua đến một vạn hai ngàn năm. Chúng sanh nước ấy nếu đã từng nghe vua nói pháp, đến khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời, không còn bị đọa vào ba đường ác.

Này Tôn giả A-nan, vị vua ấy luôn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh như thế. Này A-nan, lúc bấy giờ vua Đại Thiện Kiến đang ở trong tĩnh thất, tâm tự suy nghĩ: "Ta ở trong đời quá khứ đã tạo nghiệp gì, tu tập căn lành gì mà được sanh làm người tôn quý trong đời, có oai đức lớn, dung mạo, sức lực, thọ mạng không ai bằng? Chính là do trong đời quá khứ đã từng rộng tu các phép bố thí, nhẫn nhục, từ bi nên nay mới đạt được phước báo như thế. Vậy ta nay phải dốc tu hành tinh tấn hơn nữa". Nhà vua tiếp tục tư duy, trong khoảng thời gian không lâu liền đạt được Sơ thiền, cho đến Tứ thiền, và còn tu tập Bốn tâm vô lượng.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến lại còn chỉ dạy cho phu nhân và các thể nữ trong cung đều tu Tứ thiền.

❑

KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN

QUYỂN III

Bấy giờ, ở núi Tuyết có tám vạn bốn ngàn con voi trắng, ngày ngày đi đến sắp hàng trước điện nhà vua. Khi ấy vua nghĩ: "Các con voi trắng này thường đến đây tất phải đi qua các đường giẫm đạp muôn vật". Liền lệnh cho quan chủ binh:

–Từ nay về sau không cần cho đám voi đông đảo ấy đến đây hàng ngày! Trải qua một ngàn năm có thể đến một lần, nhưng chỉ cần số lượng bốn vạn hai ngàn con là đủ, không cần phải đến tám vạn bốn ngàn con như thế!

Ngọc nữ báu của vua tên là Thiện Hiền cùng với các phu nhân khác và tám vạn bốn ngàn thể nữ ở trong tĩnh thất, ngồi thiền tư duy, trải qua bốn vạn năm, cùng nói với nhau: "Chúng ta ngồi thiền tư duy tại đây đã bốn vạn năm không thấy đại vương. Nay nên đến lễ bái thăm hỏi". Nói như thế rồi liền cùng nhau đi đến chỗ vua. Các cung nữ vào tâu vua:

–Thiện Hiền cùng tám vạn bốn ngàn thể nữ đến để thăm hỏi vấn an đức vua.

Vua nghe xong liền đi đến điện Thuyết pháp, lên ngồi trên tòa sư tử. Trong chốc lát Thiện Hiền và các thể nữ có mặt đông đủ. Vua liền gọi tới trước. Khi ấy Thiện Hiền cùng đám thể nữ lần lượt bước đến trước chỗ vua ngồi, đầu mặt lễ nơi chân, thứ lớp mà ngồi, rồi thưa:

–Chúng tôi cùng ở trong tĩnh thất, tọa thiền tư duy trải qua bốn vạn năm, đã lâu không gặp đại vương nên nay xin đến thăm hỏi, có điều muốn tâu bày, xin đại vương chấp nhận.

Vua đáp:

–Lành thay! Tùy ý.

Thiện Hiền liền thưa:

–Cõi Diêm-phù-đề này phía Tây là xứ Cù-da-ni, phía Bắc là xứ Uất-đơn-việt, phía Đông là xứ Phất-bà-đề, dân chúng bốn phương rất đông đúc, giàu vui, an ổn, thực hành mười điều thiện đều nhờ vào sức cảm hóa từ uy đức của đại vương. Nơi cõi Diêm-phù-đề này, những thành như

Cưu-ma-bà-đế, số lượng có đến tám vạn bốn ngàn. Những thành ấy, từ vua đến dân chúng và các hàng Bà-la-môn đều về đây, muốn yết kiến đại vương, nhưng đại vương tọa thiền trải qua nhiều năm, những người đến vương triều muốn được gặp vua đều không thấy, ví như các con hiếu không được thấy mặt cha lành. Lại nữa, dân chúng trong bốn thiên hạ từ lâu đã không được thấy đại vương du hành khắp chốn. Xin đại vương khéo dùng thời gian thích hợp để vỗ về, dẫn dắt muôn dân. Chúng tôi là phận nữ yếu đuối, thật chẳng có ích đối với đất nước, nên mới thích hợp với việc ngồi thiền lâu dài. Đại vương là bậc cao quý, thống lãnh cai quản cả trong ngoài, tất cả dân chúng đều ngưỡng mộ, tôn kính, đâu như việc làm của hàng nữ nhân chúng tôi. Nào voi trắng, xe, ngựa mỗi thứ đều có đủ số lượng là tám vạn bốn ngàn, đại vương nên dùng đến để du hành, thưởng ngoạn. Đại vương ngày xưa thường vì mọi người giảng nói chánh pháp, chỉ dạy tu tập mười điều lành. Nhưng trong thời gian ngài ngồi thiền việc này đã bỏ phế.

Khi ấy Thiện Hiền dùng các việc như vậy để tâu bày, can gián đức vua. Vua Đại Thiện Kiến nghe xong những lời ấy, liền đáp:

–Khanh trước sau đều dùng việc lành để can gián, khuyến khích ta. Nay nghe nàng nói thật trái với ý người xưa.

Thiện Hiền nghe đức vua dạy như thế thì rơi lệ nghĩ: "Ta sở dĩ dám can gián đại vương vì cho nhận thức của mình là đúng, nhưng không khéo lại sanh tội lỗi", liền từ tòa ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân đức vua và thưa:

–Thiếp nay ngu si không rõ chánh lý, mới dám đem những việc như thế để can gián đại vương. Kính mong đại vương cho thiếp được sám hối.

Vua Đại Thiện Kiến đáp lời Thiện Hiền:

–Tất cả các hành đều là vô thường, ân ái tụ hội rồi cũng biệt ly. Bốn cõi thiên hạ này tuy giàu mạnh như vậy nhưng không bao lâu nữa ta cũng phải lìa bỏ. Ta ngày xưa trải qua tám vạn bốn ngàn năm là bé thơ, tám vạn bốn ngàn năm làm đồng tử, tám vạn bốn ngàn năm thọ pháp quán đảnh làm thái tử, tám vạn bốn ngàn năm nhận lễ quán đảnh ở ngôi vua, sau đó mới thành Chuyển luân thánh vương, thống lãnh khắp bốn cõi thiên hạ, bảy báu đầy đủ, tám vạn bốn ngàn năm hành xử việc dân, tám vạn bốn ngàn năm vì muôn dân giảng nói chánh pháp, tám vạn bốn ngàn năm ngồi thiền tư duy. Suốt trong thời gian năm mươi tám vạn tám ngàn năm, tuy thọ mạng dài lâu như vậy rồi cũng phải chấm dứt. Ta nay đã già, mạng sống sắp hết, các bậc vua ngày xưa đều tôn quý dục lạc, như ta không

khác, rồi cũng tàn tạ trở về với vô thường. Thành Câu-thi-bà-đế và tám vạn bốn ngàn thành lớn khác rồi cũng bị diệt, không nên đối với cảnh ấy sanh lòng mến yêu tham đắm, tăng trưởng tâm buông lung. Ta nay sở dĩ được địa vị tôn quý, thù thắng này đều do ngày xưa gom góp các nghiệp lành, vậy ngày nay cũng phải gieo trồng nhiều thiện nghiệp để tạo nhân tốt cho đời sau. Vì thế nên ta phải ngồi thiền trải qua nhiều năm tháng.

Bấy giờ Thiện Hiền và các thể nữ nghe đức vua dạy như vậy trong lòng hoan hỷ, đảnh lễ nơi chân vua, rồi trở về cung của mình. Không bao lâu sau nhà vua ốm đau, tự biết sắp mạng chung liền lập thái tử lên làm vua, nhóm họp các vị đại thần, cùng các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, dùng nước nơi bốn bể làm lễ quán đảnh cho thái tử. Việc đã hoàn tất, vua liền mạng chung, sinh lên cõi Phạm thiên.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến làm vua tuy thống lãnh cả bốn cõi thiên hạ mà chỗ ở chỉ chọn lấy cõi Diêm-phù-đề. Cõi ấy tuy có tám vạn bốn ngàn thành lớn mà chỗ ở chỉ có thành Câu-thi-bà-đế. Ở trong núi Tuyết, có tám vạn bốn ngàn voi trắng báu mà vua chỉ cưỡi chỉ có một con. Tuy có tám vạn bốn ngàn con tuấn mã hay mà vua chỉ dùng một con. Tuy có tám vạn bốn ngàn xe bằng bảy báu mà vua thường ngự giá chỉ mỗi một chiếc. Tuy có tám vạn bốn ngàn vị phu nhân, mà vua yêu mến chỉ có một người. Tám vạn bốn ngàn ngôi điện báu chạm trổ trang sức, vua sử dụng chỉ có một điện. Đối với thân mình chỉ cần vừa đủ no nhưng vua luôn dốc sức lo toan khắp bốn phương thiên hạ, buộc tâm theo việc bên ngoài, luống nhọc tinh thần, không màng thân thể.

Này A-nan, vua Đại Thiện Kiến đâu phải người nào lạ, chính là thân Ta. Ta ngày xưa sống trong địa vị tôn quý, quốc độ thành trì đều ở tại đây. Cũng chính nơi thành này Ta làm Chuyển luân thánh vương, tạo mọi lợi ích cho vô lượng chúng sanh số lượng không thể tính. Nay chư Thiên vân tập đến đây đầy cả hư không, đều do Ta ngày xưa khi làm vua, luôn dùng các pháp lành để giáo hóa mà đạt được. Chư Thiên ấy nay cũng tại thành này thấy Ta sắp vào Niết-bàn, sẽ khiến họ rồi cũng sẽ được quả Niết-bàn.

Này Tôn giả A-nan, do các sự kiện như vậy, nên Tôn giả chớ cho rằng thành Cưu-thi-na này là xa xôi, nhỏ hẹp. Nay Ta quyết định trú ở đây mà vào Niết-bàn.

Khi Đức Như Lai diễn bày về việc ấy, có vô số ức chư Thiên và loài người, ở trong các pháp xa trần cảnh, lìa cấu nhiễm, đạt được pháp nhãn thanh tịnh, liền đồng thanh bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn, từ thời xa xưa vô lượng vô biên A-tăng-kỳ

kiếp, Đức Thế Tôn đã dùng các pháp lành tạo lợi ích cho chúng con, nay lại ở đây mà vào Niết-bàn tạo sự an lạc cho chúng con.

Liền lập tức tung rải hoa thơm và tấu nhạc trời, ca vịnh tán thán để cúng dường Đức Phật.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, kỳ lạ thay! Thành Cưu-thi-na này về thời quá khứ đã có những việc kỳ lạ đặc biệt. Con nay không còn sanh tâm coi thường nữa.

Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Tôn giả hãy vào thành Cưu-thi-na nói với các Lực sĩ: "Đức Phật trong ngày hôm nay, sau nửa đêm sẽ vào Niết-bàn", để họ có thể đến gặp gỡ Ta, nếu có chỗ nghi hoặc thì mặc tình thưa hỏi, chớ để khi Ta đã vào Niết-bàn không kịp thấy nhau, sanh tâm hối hận.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy như vậy thì càng buồn thương xót xa, rồi đảnh lễ nơi chân Phật, thân tướng giữ đúng oai nghi cùng với một Tỳ-kheo khác đồng vào thành. Lúc đó, trong thành Cưu-thi-na, các vị lực sĩ nam nữ, lớn nhỏ, mới vừa nhóm họp bàn luận về việc Đức Như Lai sẽ vào Niết-bàn, mọi người đều muốn đến viếng Đức Phật. Khi gặp Tôn giả A-nan, họ liền hỏi:

–Chúng con nghe Đức Thế Tôn đang nghỉ ở giữa hai cội cây Sa-la sắp vào Niết-bàn, chính chúng con vừa bàn luận muốn đến chỗ Phật.

Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ những lời dạy của Đức Như Lai cho các Lực sĩ. Họ nghe rồi thì đều buồn thương than khóc, có người ngất xỉu trên đất, cùng than thở:

–Hỡi ôi, khổ thay! Con mắt của thế gian sắp mất. Chúng ta từ nay biết nương tựa vào đâu! Cũng như bé thơ mất đi mẹ hiền, từ nay về sau cõi trời người sẽ giảm bớt, ba đường ác ngày càng tăng thêm.

Rồi họ thưa với Tôn giả A-nan:

–Cả quyến thuộc chúng con nay muốn đến viếng Phật.

Tôn giả A-nan trở về bạch Phật:

–Con đem lời dạy của Đức Thế Tôn vào thành tuyên nói, các vị Lực sĩ đều kinh hoàng, khóc than, thương tiếc, tất cả sẽ đến chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Các vị Lực sĩ nam nữ, lớn nhỏ, tất cả cùng nhau rơi lệ than thở, theo đường đi đến viếng Phật. Bấy giờ Tôn giả A-nan nhận thấy các vị Lực sĩ số lượng quá đông, nên tự nghĩ: "Nếu để cho từng người vào lễ Phật thì

sẽ không biết đến khi nào mới xong, ta nay nên sắp xếp cho từng gia đình lễ Phật". Khi các vị Lực sĩ đã đến chỗ Phật, Tôn giả A-nan liền nói với họ:

–Các vị đến đây số lượng quá đông, nếu mỗi người vào lễ Phật sẽ lâu lắm mới xong. Nay mỗi gia đình hãy cùng lúc vào lễ bái.

Các vị Lực sĩ nghe theo lời chỉ dẫn ấy, liền lần lượt vào lễ Phật rồi lùi lại, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn trụ thế trong một kiếp hoặc gần một kiếp, không vào Niết-bàn để đem lại lợi ích cho tất cả trời, người. Nay chúng sanh sẽ không còn mắt tuệ, kính mong Đức Thế Tôn vì chúng sanh mà làm người khai mở dẫn dắt.

Đức Như Lai nói với các Lực sĩ:

–Các vị nay không nên thưa thỉnh Ta nữa. Vì sao vậy? Vì tất cả các hành đều là vô thường, ân ái tụ hội rồi cũng phải biệt ly. Nếu Ta ở đời dù đủ một kiếp rồi cũng hoại diệt. Những pháp Ta đã giảng nói các vị nên nhớ nghĩ, giữ gìn, tụng niệm chớ để quên mất. Nếu được như vậy thì không khác gì Ta còn tại thế.

Các vị Lực sĩ nghe Phật dạy như vậy thì không dám thưa thỉnh nữa, nhưng trong lòng buồn rầu, ảo não, ngồi im lặng. Bấy giờ, trong thành Cưu-thi-na có một vị ngoại đạo tên là Tu-bạt-đà-la, đã một trăm hai mươi tuổi, thuộc hàng thông tuệ, từng đọc tụng bốn bộ Vệ-đà, tất cả các thứ sách vở luận thuyết đều thông thạo, được mọi người tôn kính. Ông nghe Đức Như Lai ở giữa hai cội cây trong rừng Sa-la sắp vào Niết-bàn, nên tự nghĩ: "Các sách vở, kinh luận của ta đọc có nói các Đức Phật ra đời rất là khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát lâu lắm mới xuất hiện một lần. Ngài đang ở trong rừng Sa-la, ta nay có chỗ nghi ngờ hãy đến thưa hỏi. Đức Cù-đàm nếu có thể giải quyết nghi ngờ cho ta thì mới thật sự là bậc đạt được Nhất thiết chủng trí". Suy nghĩ như thế rồi, ông bèn đi đến chỗ Phật. Tới phía ngoài rừng, ông gặp Tôn giả A-nan, liền thưa:

–Trong sách vở, kinh luận của tôi đọc có nói: "Đức Phật ra đời rất là khó gặp, muôn ngàn vạn kiếp đến thời mới xuất hiện, như hoa Ưu-đàm-bát không thể dễ gặp". Ngài giáo hóa ở đời tôi không được gặp từ đầu, nay nghe tại đây, trong rừng Sa-la này, Ngài sắp vào Niết-bàn, tôi có chỗ nghi ngờ muốn đến thưa hỏi, Tôn giả có thể vì tôi mà bạch với Đức Thế Tôn là tôi rất mong muốn xin được gặp Ngài.

Tôn giả A-nan nghe Tu-bạt-đà-la nói như thế, liền suy nghĩ: "Đức Thế Tôn hiện nay bốn đại không điều hòa, tiếp chuyện với những người

đến thăm quá lâu, nên Ngài đã mệt mỏi, giờ lại cùng ngoại đạo này gặp gỡ tất có nói bàn luận giảng giải, nếu cho ông ta vào sẽ khiến cho Đức Thế Tôn càng mệt hơn nữa". Nghĩ như vậy, nên liền đáp:

–Đức Thế Tôn hiện nay bốn đại không điều hòa, đang nằm nghỉ trong rừng cây, thân bệnh nên rất mệt mỏi, ông không nên vào gặp Đức Như Lai, chớ làm trở ngại khi Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn.

Tu-bạt-đà-la ba lần thưa thỉnh như vậy, và Tôn giả A-nan cũng lại ba lần đáp như thế. Khi ấy Đức Thế Tôn dùng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe tiếng Tu-bạt-đà-la thưa thỉnh Tôn giả A-nan, lại quán sát căn cơ biết là lúc có thể độ, liền dùng Phạm âm bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả chớ làm trở ngại đối với người đệ tử sau cùng của Ta. Hãy cho Tu-bạt-đà-la đến trước đây, Ta muốn gặp ông ấy. Người ấy chất trực, thông tuệ, dễ ngộ, sở dĩ đến đây là muốn giải quyết chỗ mình còn nghi ngờ, chẳng phải đến để tranh luận hơn thua.

Tôn giả A-nan liền vâng lời dạy của Đức Phật, nói với Tu-bạt-đà-la:

–Nay Đức Thế Tôn đã chấp thuận để ông được gặp.

Tu-bạt-đà-la nghe Đức Phật đã chấp thuận thì hết sức hoan hỷ phấn chấn chẳng thể tự kiềm chế, suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm chắc chắn là bậc đã được Nhất thiết chủng trí". Rồi ông liền đi đến trước Phật bày tỏ lời thăm hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Bạch Đức Cù-đàm, tôi có điều muốn được thưa hỏi, xin Ngài chấp thuận cho.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Tu-bạt-đà-la, ông cứ thưa hỏi.

Tu-bạt-đà-la liền hỏi Phật:

–Hiện nay các hàng Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian có sáu vị thầy của ngoại đạo là: Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lợi-câu-xa-lê Tử, San-xà-dạ-tỳ-la-thị Tử, A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la, Ca-la-cưu-đà-ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà-nhã-đề Tử... ai cũng tự nói mình là người đã đạt được Nhất thiết trí, bảo các học phái khác là tà kiến, cho công việc tu hành của họ là con đường giải thoát, còn việc hành hóa của người khác thì cho là nhân của sanh tử, cùng nhau tranh luận hơn thua, phải quấy. Vậy làm sao biết được thật hư? Vị thầy nào đáng được gọi là Sa-môn? Vị thầy nào đúng là nhân của sự giải thoát?

Đức Như Lai liền đáp:

–Lành thay, lành thay! Tu-bạt-đà-la, ông đã có thể hỏi Ta về ý nghĩa như vậy. Lắng nghe, hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Này Tu-bạt-đà-la, trong các giáo pháp, nếu không thấy có pháp Bát thánh đạo thì nên biết sẽ không có tên của bốn quả Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư. Đã không có quả Sa-môn thì cũng không có giải thoát. Giải thoát đã không có thì chẳng phải đã đạt được Nhất thiết chủng trí. Này Tu-bạt-đà-la, nếu trong các giáo pháp có pháp Bát thánh đạo thì nên biết là sẽ có tên bốn quả Sa-môn, có tên của quả Sa-môn thì có giải thoát, đã có giải thoát thì chính là đã đạt được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bạt-đà-la, chỉ trong giáo pháp của Ta mới có Bát thánh đạo, có tên của bốn quả Sa-môn, là con đường giải thoát, là Nhất thiết chủng trí. Các hàng ngoại đạo kia như Phú-lan-na Ca-diếp..., trong giáo pháp mà họ giảng dạy không có Bát thánh đạo, không có tên các đạo quả của Sa-môn, chẳng phải là con đường giải thoát và Nhất thiết chủng trí. Nếu họ nói là có, thì nên biết đó là lời hư dối.

Này Tu-bạt-đà-la, tất cả chúng sanh đã nghe Ta giảng dạy, có niềm tin, tiếp nhận và tư duy, thì nên biết người đó chắc chắn không phải chỉ nghe suông mà được giải thoát.

Này Tu-bạt-đà-la, khi Ta còn ở cung vua, chưa xuất gia, tất cả thế gian đều mê say theo sáu học phái ngoại đạo, vì chưa thấy được sự thật của quả Sa-môn.

Này Tu-bạt-đà-la, Ta năm hai mươi chín tuổi xuất gia học đạo, ba mươi sáu tuổi ở nơi cội cây Bồ-đề, suy nghĩ rốt ráo tận nguồn về pháp Bát thánh đạo, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đạt được Nhất thiết chủng trí, liền đến nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc dã, chỗ ở của tiên nhân, vì nhóm năm người của ông A-nhã Kiều-trần-như, chuyển bánh xe pháp, nói pháp Tứ đế. Họ là những người chứng đắc đạo giải thoát đầu tiên. Bấy giờ, mới có tên gọi Sa-môn xuất hiện tại thế gian, làm phước lợi cho chúng sanh.

Này Tu-bạt-đà-la, ông nên biết, giáo pháp của Ta có khả năng đạt đến giải thoát. Như Lai chính là Bậc Nhất Thiết Chủng Trí.

Lúc ấy, Tu-bạt-đà-la nghe Như Lai giảng nói về pháp Bát thánh đạo, tâm sanh hoan hỷ, hết sức xúc động, khao khát muốn được nghe ý nghĩa của pháp Bát thánh đạo nên bạch Phật:

–Kính xin Đức Thế Tôn vì con mà phân biệt ý nghĩa của Bát thánh đạo.

Khi đó Đức Thế Tôn liền vì ông mà phân biệt, giảng rộng pháp ấy.

Tu-bạt-đà-la được nghe Phật nói về ý nghĩa của Bát thánh đạo, tâm ý mở sáng, bỗng nhiên đại ngộ, ở trong các pháp xa lìa mọi phiền não cấu nhiễm, đạt được pháp nhãn thanh tịnh, liền bạch Phật:

–Con nay muốn xuất gia theo pháp của Phật.

Đức Như Lai liền gọi: "Thiện lai Tỳ-kheo!". Tức thì râu tóc tự rụng, áo ca-sa mặc trên thân, trở thành Sa-môn. Đức Thế Tôn lại vì ông giảng rộng pháp Tứ đế, Tu-bạt-đà-la liền được dứt hết các lậu hoặc, thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả A-nan:

–Tôn giả nay nên biết, Ta ở đạo tràng, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lần đầu tiên nói pháp độ nhóm năm người của ông A-nhã Kiều-trần-như. Hôm nay, trong rừng Sa-la, Ta sắp vào Niết-bàn, lần sau cùng nói pháp độ Tu-bạt-đà-la. Chư Thiên và loài người từ nay về sau không ai còn nghe Ta nói pháp mà được độ nữa. Trong tương lai, nếu ai có căn lành đáng được giải thoát đều là đệ tử của Ta, lần lượt dạy cho nhau. Này A-nan, Tu-bạt-đà-la tuy là ngoại đạo, nhưng căn lành ấy đã đến lúc thành thục, chỉ có Như Lai mới phân biệt biết được. Sau khi Ta vào Niết-bàn, nếu có ngoại đạo muốn cầu xin xuất gia theo giáo pháp của Ta thì các vị không nên hứa cho ngay, mà trước phải chỉ dẫn họ trải qua bốn tháng tụng đọc, học tập kinh điển để xem xét tánh ý của người ấy là dối hay thật. Nếu thấy hạnh của người đó chơn chất, ngay thẳng, nhu hòa, đối với giáo pháp của Ta thật có niềm vui sâu xa, như vậy mới có thể cho họ xuất gia. Này A-nan, vì sao? Vì các ông trí tuệ còn hạn chế chưa thể phân biệt về căn tánh của chúng sanh, vì vậy các ông trước phải xem xét.

Tu-bạt-đà-la bạch Phật:

–Con nay dốc chí cầu xuất gia, giả sử Đức Thế Tôn dạy phải trước ở trong Chánh pháp bốn mươi năm đọc tụng kinh điển, sau mới cho xuất gia, con cũng có thể chấp nhận, huống gì là bốn tháng.

Đức Thế Tôn liền bảo:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tu-bạt-đà-la, Ta xét tâm ý của ông đối với giáo pháp Ta đã hết lòng ngưỡng mộ quy kính, nay nói lời như vậy chẳng phải là hư dối.

Tu-bạt-đà-la bạch Phật:

–Con nay không nỡ thấy Bậc Tôn quý của trời, người vào Niết-bàn. Con ngay hôm nay muốn vào Niết-bàn trước Đức Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

–Lành thay!

Tu-bạt-đà-la liền ở trước Đức Phật nhập pháp Tam-muội hỏa giới mà vào Niết-bàn.

Lúc đó Đức Như Lai bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả chớ thấy Ta vào Niết-bàn mà cho rằng Chánh pháp từ đây sẽ đoạn dứt. Vì sao vậy? Vì Ta xưa đã vì các thầy Tỳ-kheo chế giới Ba-la-đề-mộc-xoa và giảng nói rộng các loại pháp vi diệu khác. Giới pháp ấy chính là bậc đại sư của các vị, cũng giống như Ta còn sống ở đời không khác.

Này A-nan, sau khi Ta vào Niết-bàn, các thầy nên theo thứ lớp lớn nhỏ mà tôn kính lẫn nhau, không được kêu tên họ mà phải gọi nhau bằng tên trong đạo, nên cùng nhau quan sát dò xét, không để cho trong chúng có người phạm giới trọng, cũng không nên soi mói tìm vạch lỗi nhỏ của người khác. Còn Tỳ-kheo Xa-nặc thì nên xử phạt nặng.

Tôn giả A-nan thưa hỏi:

–Như thế nào là xử phạt nặng?

Phật dạy:

–Này A-nan, phạt nặng là tất cả các thầy Tỳ-kheo chớ cùng nói chuyện với người ấy.

Tôn giả A-nan theo như lời Phật dạy mà phụng hành.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Các vị nếu có chỗ nào còn nghi ngờ thì cứ thật lòng thưa hỏi, chớ để sau khi Ta diệt độ, sanh tâm hối hận mà nói: "Đức Như Lai khi gần vào Niết-bàn trong rừng Sa-la, khi ấy ta đã không đến thưa hỏi để giải quyết điều còn nghi hoặc, đến nay trong lòng còn có chỗ vướng mắc". Ta nay tuy thân thể có bệnh, nhưng vẫn có thể vì các vị mà giải thích những điều nghi hoặc. Sau khi Ta vào Niết-bàn, nếu ai muốn giữ gìn Chánh pháp, tạo lợi ích cho hàng trời người, thì nay mau bày tỏ để giải quyết chỗ nghi.

Đức Thế Tôn nói rõ như vậy đến ba lần, các Tỳ-kheo đều im lặng, không có ai xin được giải quyết chỗ nghi. Lúc ấy Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Lạ thay, bạch Đức Thế Tôn, Ngài đã ba lần dạy như thế mà trong chúng đây đều không có vị nào nghi ngờ gì.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này A-nan, nay năm trăm thầy Tỳ-kheo trong

chúng hội này đều là những vị chưa chứng đắc đạo quả. Sau khi Ta vào Niết-bàn, họ sẽ được dứt sạch các lậu. Tôn giả cũng ở trong số đó.

Đức Thế Tôn lại nói với các thầy Tỳ-kheo:

–Các vị nếu thấy thân, miệng, ý của Ta có những lỗi gì thì nên nói cho Ta biết.

Khi ấy các thầy Tỳ-kheo nghe Phật dạy như thế rơi lệ sụt sùi cùng bạch Phật:

–Đức Như Lai đâu có chút lỗi nhỏ nào về thân, miệng, ý!

Lúc ấy Đức Như Lai liền nói kệ:

Các hành vô thường.
Là pháp sanh diệt
Sanh diệt đã diệt.
Tịch diệt là vui.

Đức Như Lai nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy nên biết, tất cả các hành đều là vô thường. Ta nay thân thể dù là kim cương cũng không tránh khỏi vô thường biến đổi. Ở trong nẻo sanh tử thật là đáng sợ, các thầy nên siêng năng tinh tấn tu tập dốc mong mau ra khỏi biển lửa sanh tử ấy. Đây chính là lời dạy sau cùng của Ta. Thời gian Ta vào Niết-bàn đã đến.

Lúc ấy các thầy Tỳ-kheo và hàng trời, người nghe Phật dạy như thế thì cúi đầu buồn bã, than khóc, có người ngất xỉu ngã xuống đất. Đức Như Lai liền vì tất cả mà dạy:

–Các vị không nên buồn thương sầu não, tánh tướng của các hành đều là như vậy.

Bấy giờ Đức Như Lai liền vào định Sơ thiền, rời Sơ thiền vào Nhị thiền, rời Nhị thiền vào Tam thiền, rời Tam thiền vào Tứ thiền, rời Tứ thiền vào Không xứ, rời Không xứ vào Thức xứ, rời Thức xứ vào Vô sở hữu xứ, rời Vô sở hữu xứ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, rời Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì vào định Diệt tận.

Khi ấy, Tôn giả A-nan thấy Đức Như Lai lặng yên không nói, các chi thể nơi thân tướng lại không chuyển động, liền rơi nước mắt, nói:

–Đức Thế Tôn nay đã vào Niết-bàn.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với Tôn giả A-nan:

–Đức Như Lai hiện giờ chưa vào Niết-bàn. Thân tướng Ngài vắng lặng không dao động chính là vì Ngài đang nhập định Diệt tận.

Khi ấy Đức Thế Tôn ra khỏi định Diệt tận, lại trở vào định Phi tưởng

phi phi tưởng xứ, cho đến theo thứ lớp vào lại Sơ thiền, lại rời Sơ thiền vào Nhị thiền, rời Nhị thiền vào Tam thiền, rời Tam thiền vào Tứ thiền, liền ở đấy mà vào Niết-bàn.

Bấy giờ Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với Tôn giả A-nan:

–Đức Thế Tôn đã vào Tứ thiền, ngay ở đấy mà nhập Niết-bàn.

Khi ấy Tôn giả A-nan và bốn bộ chúng nghe Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói như thế thì đều buồn bã, than khóc nghẹn ngào, không ai là không đau xót tột cùng. Các vị cùng than:

–Con mắt của thế gian đã mất, sao mà mau vậy! Tất cả chúng sanh từ nay về sau biết ai là người dẫn dắt? Hàng trời, người suy giảm, đường ác ngày càng tăng.

Khi ấy trên hư không, tám bộ chúng Trời, Rồng… đều thương khóc, nước mắt ràn rụa như mưa, cùng nhau than:

–Chúng ta từ nay lấy ai là người để quay về nương tựa, giống như trẻ thơ mất đi mẹ hiền. Ba đường ác ngày càng mở rộng, cửa giải thoát vừa khép kín. Tất cả chúng sanh chìm đắm trong biển khổ, cũng như người bệnh không có lương y, như kẻ đui mù không người dẫn dắt, chúng ta xa rời Đấng Pháp Vương Vô Thượng thì liền thấy giặc phiền não xâm phạm bức bách.

Than thở như thế rồi thì cùng buồn bã, sầu não không tự ngăn được. Lúc ấy, ở thành Cưu-thi-na, các vị Lực sĩ vốn đều tráng kiện giống như voi mạnh, thấy Đức Như Lai vào Niết-bàn thì tinh thần khốn khổ, như người mới mắc bệnh. Ngay lúc ấy, đại địa chấn động, trống trời tự vang lên, nước nơi bốn biển lớn sóng dậy cuồn cuộn, núi chúa Tu-di tự nhiên rung chuyển, gió cuốn, bão nổi, rừng cây nghiêng ngã, tan tác, xác xơ, rất lạ lùng, khác với sự thường.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương nói kệ:

Quá khứ cùng vị lai
Và ngay trong hiện tại
Không có chúng sanh nào
Là thoát khỏi vô thường.
Như Lai, Đấng Tối thượng
Thân kim cang bền chắc
Còn không khỏi vô thường
Huống chi những người khác
Tất cả các chúng sanh
Mến tiếc bảo vệ thân

Dùng hương hoa trang sức
Không biết sẽ hủy diệt
Như Lai thân sắc vàng
Tướng hảo thật trang nghiêm.
Rồi cũng đều xả bỏ.
Để vào Bát-niết-bàn
Đoạn dứt các phiền não
Thành Bậc Nhất Thiết Trí
Cũng còn chưa thoát khỏi
Huống kẻ bị buộc ràng!

Trời Đế-thích liền nói kệ:

Tánh tất cả các hành
Thật là pháp sanh diệt.
Đấng Lưỡng Túc tối thắng
Rồi cũng về vắng lặng.
Lửa tam độc bừng cháy
Luôn thiêu đốt chúng sanh
Không có mây đại bi
Ai làm mưa khiến diệt?

Tôn giả A-nậu-lâu-đà cũng nói kệ:

Hôm nay Đức Thế Tôn
Các căn không dao động
Tâm ý hướng các pháp
Mà xả bỏ thân này
An nhiên dứt tư lự
Cũng không còn các thọ
Như dầu hết đèn tắt
Như Lai diệt cũng vậy.

Tôn giả A-nan cũng nói kệ:

Đại địa bỗng chấn động
Gió mạnh thổi bốn bề
Biển nước sóng cuộn dâng
Núi báu Tu-di chuyển
Trời người tâm buồn đau
Khóc than như mưa đổ
Thảy đều rất lo sợ.
Như bị phi nhân bắt

Do Phật vào Niết-bàn
Nên mới có việc ấy.

Bấy giờ trong chúng có các vị Tỳ-kheo và trời người chưa đạt đạo thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn, lòng sầu não, lăn lóc trên đất than khóc. Người đã đắc đạo thì than thở:

–Thế gian khổ vì vô thường; ai cũng đau buồn, thương khóc không thể tự kiềm chế.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà thấy thế bèn nói với các thầy Tỳ-kheo và hàng trời người:

–Các vị không nên sanh tâm buồn phiền sầu não. Đức Như Lai trước đã vì các vị nói rằng tánh tướng của các hành là như vậy, vì sao lại còn buồn khóc?

Tôn giả A-nan nói với mọi người từ bốn phương xa đến:

–Đức Như Lai nay đã vào Niết-bàn rồi.

Mọi người nghe Tôn giả A-nan nói vậy đều buồn bã thương khóc, cất tiếng nghẹn ngào thưa với Tôn giả A-nan:

–Ở đây hiện quá đông người, trong khoảng ba mươi hai du-xà-na cũng đều kín chỗ. Mong Tôn giả sắp xếp theo thứ tự cho chúng tôi được đến gần trước Đức Như Lai để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường lần sau cùng. Như Lai ra đời rất khó gặp gỡ, như hoa Ưu-đàm-bát-la đúng thời mới hiện. Nay tự thân chúng tôi được ở tại chỗ Đức Phật vào Niết-bàn, kính mong thương xót để cho chúng tôi được nhìn thấy chiêm ngưỡng.

Tôn giả A-nan nghe mọi người nói như thế, bèn suy nghĩ: "Như Lai ra đời rất là khó gặp, được cúng dường sau cùng lại cũng rất khó. Ta nay nên sắp đặt cho những ai được cúng dường Phật trước? Nay nên cho các Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di được đến trước cúng dường thân Phật, vì những người ấy là thân nữ yếu đuối, xưa nay chưa chắc đã được đến chỗ Như Lai, do đó nên cho họ được tới lễ bái trước". Nghĩ như vậy rồi liền gọi các vị Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di cho biết là họ được ưu tiên cho đến trước kim thân Đức Như Lai để chiêm ngưỡng, cúng dường.

Các vị Tỳ-kheo-ni cùng vô lượng các vị Ưu-bà-di đều đến chỗ Phật, trông thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn thì đều than khóc sầu khổ, lần lượt vây quanh lễ bái, lớp lớp cúng dường. Khi ấy có một vị Ưu-bà-di nghèo khổ, đã một trăm tuổi, thấy các vị Bà-la-môn và Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, các Lực sĩ cùng vợ, con quyến thuộc của họ, già trẻ lớn nhỏ, dùng hoa hương thơm quý lần lượt cúng dường. Tủi thân nghèo khó, chỉ riêng mình không được như ý nguyện, trong lòng suy nghĩ: "Như Lai ra đời rất khó

gặp, cúng dường lần sau cùng lại cũng rất khó, mà nay ta thì cùng khốn, không lấy gì để tự tỏ bày". Nghĩ như vậy rồi lại càng thêm xót xa, đi đến gần chân của Phật, tâm rất ảo não, khóc rơi nước mắt, làm bẩn chân Phật, phát nguyện: "Nguyện cho con đời sau sanh ra chốn nào cũng thường được thấy Phật".

Các Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di cúng dường xong, liền trở về chỗ cũ. Tôn giả A-nan lại báo khắp cho các người khác:

–Các vị Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di đã cúng dường xong, chư vị có thể trước sau thứ lớp vào viếng.

Lúc ấy mọi người lần lượt vào lễ bái, đi đến chỗ Phật, thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn, thì đều kêu khóc thảm thiết, buồn thương vô hạn, rồi theo thứ lớp dâng các phẩm vật cúng dường. Bấy giờ các vị Lực sĩ nhóm họp lại, cùng bàn bạc: "Nay chúng ta phải làm lễ trà tỳ nhục thân của Như Lai như thế nào? Đức Như Lai khi sắp vào Niết-bàn chắc có để lại lời chỉ dạy". Bàn luận xong, họ cùng nhau đến hỏi Tôn giả A-nan:

–Chúng tôi nay muốn làm lễ trà tỳ nhục thân Đức Như Lai, vậy phương thức ấy như thế nào? Đức Thế Tôn khi sắp vào Niết-bàn chắc có để lại lời chỉ dạy, xin Tôn giả hướng dẫn cho.

Tôn giả A-nan nói với các vị Lực sĩ:

–Đức Như Lai đã di giáo là cách thức trà tỳ nhục thân của Ngài cùng với vua Chuyển luân thánh vương không khác.

Tôn giả A-nan liền nói lại đầy đủ công việc mà Đức Phật đã chỉ dẫn truyền dạy. Các vị Lực sĩ nghe Tôn giả A-nan nói xong, liền cùng nhau sắm sửa đầy đủ các vật dụng dùng cho việc trà tỳ hết sức trang nghiêm. Trước tiên là tạo xe báu, chạm trổ đẹp đẽ trang nghiêm, rồi cung thỉnh nhục thân Như Lai để trên xe báu, đốt hương rải hoa, tấu các thứ kỹ nhạc, ca tụng tán thán; ở trong lời nhạc giảng nói về các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh. Các vị Lực sĩ lại bạch Tôn giả A-nan:

–Như Lai nay đã vào Niết-bàn, được cúng dường lần sau cùng rất là khó gặp, chúng con xin cung thỉnh lưu lại nhục thân Như Lai trong bảy ngày bảy đêm để thỏa ý cúng dường, khiến cho tất cả hàng trời, người sống trong cõi sinh tử đều được an lạc.

Tôn giả A-nan đem lời của các vị Lực sĩ hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà, Tôn giả A-nậu-lâu-đà đáp:

–Lành thay! Tùy ý các vị ấy.

Tôn giả A-nan bèn bảo các vị Lực sĩ:

–Các vị được phép lưu lại nhục thân của Đức Phật trong bảy ngày bảy đêm để công việc cúng dường chiêm bái được mãn nguyện.

Các vị Lực sĩ nghe Tôn giả A-nan nói như thế, trong lòng tuy rất buồn mà lại cũng mừng vui, liền ở trong rừng bày biện các vật phẩm cúng dường đủ trong bảy ngày. Bấy giờ các vị Lực sĩ đem bông, mền mới và lụa mỏng quấn quanh nhục thân Đức Như Lai, sau đấy đặt vào trong kim quan. Trong kim quan ấy rải các bột hương ngưu đầu, chiên đàn và các hoa thơm, rồi đem kim quan đặt trong quách bằng bạc, đem quách bằng bạc đặt trong quách bằng đồng, lại đem quách bằng đồng đặt trong quách bằng sắt, rồi đưa quách bằng sắt đó đặt trên xe báu, tấu các loại nhạc ca tụng tán thán. Chư Thiên trên hư không tung rải các thứ hoa Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa và trỗi nhạc trời lớp lớp liên tục cúng dường, sau đó, mới lần lượt hạ các lọng báu che kim quan xuống. Các vị Lực sĩ cùng nhau nói:

–Thời gian bảy ngày đã qua, chúng ta nên rước kim quan Đức Như Lai đi nhiễu quanh thành, khiến cho dân chúng thỏa lòng cúng dường, sau đó sẽ dừng lại phía Nam của kinh thành để làm lễ trà tỳ.

Nói xong họ cùng nhau rước kim quan Đức Như Lai, nhưng đã đem hết sức lực mà nhấc vẫn không lên được. Mọi người đều kinh hãi, cho là điều kỳ lạ không biết vì lý do gì, liền đem việc này hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà:

–Chúng tôi cùng nhau muốn rước kim quan của Phật đi nhiễu quanh thành, trở về cửa thành phía Nam để cúng dường và làm lễ trà tỳ, dù đã vận dụng hết sức lực mà vẫn không thể nâng lên, chẳng rõ việc này là như thế nào? Xin Tôn giả chỉ dạy cho chúng tôi.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với họ:

–Sở dĩ như vậy là vì chư Thiên trên hư không muốn thỉnh kim quan của Phật đi nhiễu quanh thành, từ cửa phía Bắc rước vào đặt chính giữa thành, nhận các phẩm vật cúng dường của trời người, sau đấy thì từ phía Đông đi ra, đến tại nơi khu vực bảo tháp nổi tiếng mà làm lễ trà tỳ.

Các vị Lực sĩ nghe lời giải thích như thế thì cùng nhau nói:

–Ý của chư Thiên như vậy cũng nên thuận theo.

Các vị ấy liền thỉnh kim quan của Phật đi nhiễu quanh thành một vòng, từ cửa phía Bắc lần lượt đi vào đặt ở chính giữa thành, để cho hàng trời người được cúng dường thỏa nguyện, trỗi các khúc nhạc vi diệu, đốt hương rải hoa, ca tụng tán thán. Chư Thiên ở trên không tung rải vô số các hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-

thù-sa, cùng tấu vô số các khúc nhạc trời để cúng dường. Cúng dường xong, họ liền thỉnh kim quan từ cửa thành phía Đông đi ra đến chỗ khu vực đền tháp báu nổi tiếng. Đến nơi, các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng… tám bộ chúng, tất cả đều thương cảm, nghẹn ngào không thể tự kiềm chế, cùng nhau gom các loại gỗ quý ngưu đầu, chiên đàn và những thứ gỗ thơm khác chất thành đống, lại ngay nơi đống gỗ thơm trải tấm lụa dày, căng màn báu lớn để che ở trên, khiêng bảo quan đi nhiễu quanh đống gỗ thơm bảy vòng, đốt hương rải hoa, tấu các thứ kỹ nhạc, rồi đem bảo quan đặt trên đống gỗ thơm ấy, dùng dầu thơm quý rưới lên trên. Bấy giờ bốn bộ chúng cùng chư Thiên, loài người đều lưu luyến bồi hồi, xót xa, không thể tự kiềm chế, liền từ dưới châm lửa đốt nhưng lửa không cháy được, châm đốt như vậy cho đến ba lần cũng vẫn như thế. Khi ấy mọi người đem việc này hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà:

–Vì sao ba lần đốt đống củi thơm mà vẫn không cháy?

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói:

–Sở dĩ như vậy là vì Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở nước Đạc-xoa-na-kỳ-lợi nghe tin Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn liền cùng với năm trăm thầy Tỳ-kheo từ nước ấy vội trở về để được trông thấy Đức Thế Tôn lần cuối cùng. Vì vậy Đức Như Lai đã khiến cho lửa không cháy.

Mọi người nghe nói như vậy thì đều khen là việc rất đặc biệt, kỳ lạ.

Lúc này Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại nước Đặc-xoa-na-kỳ-lợi, từ nơi xa nghe tin Đức Như Lai tại thành Cưu-thi-na sắp vào Niết-bàn, trong lòng vô cùng buồn thương nhớ tưởng, bèn cùng với năm trăm thầy Tỳ-kheo vội vã lên đường trở về, còn cách thành không xa, nhưng thân thể quá mệt mỏi, nơi ở bên đường, cả đoàn tạm ngồi nghỉ bên gốc cây. Chợt thấy một ngoại đạo tay cầm cành hoa Mạn-đà-la, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp liền hỏi:

–Hiền giả từ đâu lại?

Vị ấy đáp:

–Tôi từ thành Cưu-thi-na lại.

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi:

–Hiền giả có biết thầy tôi là Bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri không?

Vị kia liền nói:

–Biết, thầy của Tôn giả ở giữa hai cội cây trong rừng Sa-la, tại thành Cưu-thi-na, vào Niết-bàn nay đã bảy ngày. Vừa rồi, chính tại khu vực đền tháp báu nổi tiếng sắp làm lễ trà tỳ, trời người đông đủ cùng nhau cúng

dường, tôi ở chỗ ấy nên có được cành hoa trời này.

Tôn giả Đại Ca-diếp nghe nói như vậy thì đau buồn nghẹn ngào. Các thầy Tỳ-kheo đều ưu sầu, vật vã, có người ngất xỉu ngã trên đất, cùng nhau than thầm: "Ôi thôi, khổ thay! Con mắt của thế gian đã mất!". Tôn giả Đại Ca-diếp an ủi:

–Các thầy không nên quá sầu khổ như thế. Tánh chất và hình tướng của các hành đều như vậy. Đức Như Lai, Đấng Tôn quý bậc nhất còn không tránh khỏi huống chi là kẻ khác. Nên siêng năng cầu mong xa lìa nỗi khổ ở đời. Nay chúng ta mau lên đường đến khu vực đền tháp báu nổi tiếng kia để lễ bái chiêm ngưỡng.

Khi ấy trong chúng có mấy vị Tỳ-kheo lớn tuổi xuất gia, ngu si kém hiểu biết cùng nói:

–Khi Phật còn ở đời luôn ngăn cấm khiển trách chúng ta không được buông lung tâm ý, nay Phật đã vào Niết-bàn rồi thì khỏi bị rầy la nữa, còn gì thích thú bằng.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp cùng các thầy Tỳ-kheo tiến về thành Cưu-thi-na, đến khu vực đền tháp báu nổi tiếng, trông thấy kim quan Đức Như Lai đặt trên đống củi thơm thì đều than khóc nước mắt tuôn trào, cùng đi nhiễu quanh đấy bảy vòng rồi bước lên đống củi thơm đến sát chỗ đặt kim quan, nơi phía dưới phần chân của Đức Như Lai kêu gào khóc than, cung kính đảnh lễ. Khi ấy Đức Như Lai từ trong kim quan để lộ ra hai chân. Tôn giả Ca-diếp thấy thế càng tăng thêm buồn sợ. Các hàng trời, người thấy việc kỳ lạ đặc biệt hy hữu như vậy ai cũng thở than, càng thêm buồn khổ lưu luyến. Tôn giả Ca-diếp nhận thấy trên chân Phật có chấm bẩn liền quay lại hỏi Tôn giả A-nan:

–Trên chân Đức Như Lai do nhân duyên gì mà có vết bẩn này?

Tôn giả A-nan đáp:

–Đức Như Lai khi mới vào Niết-bàn, bốn bộ chúng có mặt rất đông. Khi ấy tôi suy nghĩ: "Nếu để đại chúng cùng một lúc tiến hành lễ bái, những người nữ yếu đuối không chắc được đến trước Phật", liền chấp thuận cho các chúng Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di được ưu tiên đến chỗ Đức Như Lai để lễ bái, cúng dường. Lúc ấy, có một vị Ưu-bà-di nghèo khó, đã một trăm tuổi, thấy các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, Lực sĩ cùng vợ con quyến thuộc của họ, già trẻ, lớn nhỏ đều đem các đủ loại hương hoa vi diệu cúng dường, thì bà ấy tủi thân nghèo khổ, không có gì để biểu lộ lòng thành, nghĩ như vậy nên càng buồn thương, đến chỗ chân Đức Phật lòng thêm áo não khóc than rơi nước mắt khiến nơi chân Đức

Như Lai có vết dơ.

Tôn giả Ca-diếp nghe nói như vậy trong lòng không vui, quở trách Tôn giả A-nan không lo liệu ngăn ngừa để đến nỗi có vết bẩn ấy. Rồi Tôn giả dùng hương hoa cúng dường kim quan của Đức Phật, lễ bái tán thán thảy đều hoàn tất, khi ấy hai chân của Đức Như Lai tự nhiên thâu vào. Tôn giả Ca-diếp liền bước xuống đất. Do thần lực của Phật, đống củi thơm tự nhiên cháy, bốn mặt lửa bốc lên, trải qua bảy ngày kim quan mới cháy hết. Lúc ấy chư Thiên bèn rưới mưa dập tắt ngọn lửa, các vị Lực sĩ lo việc thâu nhặt xá-lợi. Do ngàn lớp lụa quấn quanh nhục thân Phật, lớp trong cùng và một lớp ở ngoài chưa cháy còn như cũ cũng bọc xá-lợi ở trong. Cùng lúc, chư Thiên từ hư không tung rải vô số các loại hoa thơm đẹp và tấu kỹ nhạc ca tụng tán thán cúng dường xá-lợi. Bấy giờ tất cả đại chúng có mặt cùng các vị Lực sĩ đều bày các thứ phẩm vật để cúng dường. Các vị Lực sĩ liền dùng bình bằng vàng thu nhặt xá-lợi, đặt trên xe báu đốt hương rải hoa, tấu các loại kỹ nhạc, rước trở về thành, dựng lầu cao lớn đem bình đựng xá-lợi ấy đặt ở trên lầu, lại sai bốn loại binh chủng lo công việc giữ gìn, chỉ chấp nhận cho các thầy Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni vào lễ bái, thứ lớp cúng dường. Ngoài ra, các bậc Quốc vương, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, tất cả dân chúng đều không cho đến trước nơi để xá-lợi.

Bấy giờ vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi nghe tin các vị Lực sĩ kia thâu nhận xá-lợi của Phật để trên lầu cao, lại còn dùng đến bốn thứ quân binh để dốc lo việc phòng vệ, giữ gìn, thì lòng rất buồn phiền, lại cũng tức giận các vị Lực sĩ kia, liền sai người thân tín đến nói với các vị Lực sĩ:

–Đức Thế Tôn khi còn ở đời cũng là thầy của tôi, khi Ngài vào Niết-bàn, tôi rất ân hận vì không được gặp. Tôi cùng Đức Thế Tôn đều là giòng Sát-đế-lợi, các vị sao riêng thu nhặt xá-lợi đem để nơi lầu cao lại còn bố trí bốn thứ quân binh lo phòng vệ, giữ gìn không phân chia cho người khác? Các vị nên phân chia cho tôi một phần, vì tôi muốn xây dựng tháp cao đẹp ở trong nước để cùng cúng dường. Nếu có thể ưng thuận như trên thì sự giao hảo giữa hai nước luôn luôn tốt đẹp, còn không thì sẽ đem binh trừng phạt các vị.

Ngoài ra, bảy quốc vương, các vị Ly-xa ở thành Tỳ-da-ly... đều sai sứ giả đến bày tỏ việc xin chia phần xá-lợi và cách xử sự cũng đều như vậy.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cũng đều sai người

thân tín đến thưa với các vị Lực sĩ:

–Đức Thế Tôn là thầy của chúng tôi, xin thương xót phân cho chúng tôi phần xá-lợi.

Lúc ấy sứ giả của các nước đi đến chỗ các vị Lực sĩ trình bày đầy đủ ý nguyện của vua nước họ. Các vị Lực sĩ nghe thế trong lòng bất bình, trả lời các sứ giả:

–Đức Phật đến nước chúng tôi mà vào Niết-bàn, xá-lợi tự nhiên phải thuộc về chúng tôi. Nếu muốn ở cõi nước khác cùng tạo bảo tháp trang nghiêm để cúng dường, thì việc ấy không thể được. Khi bảo tháp ở đây hoàn thành, mặc tình các vị có thể thích thú cùng đến đây để cúng dường lễ bái. Còn nếu muốn dấy binh để được vào chốn này trước thì quân và dân nước chúng tôi cũng đủ sức lo liệu để chống lại.

Các vị sứ giả đều trở về nước mình, mỗi người đều trình bày lên vua sự việc như vậy. Các vị vua nghe xong trong lòng càng giận dữ, đều chỉnh đốn các loại binh mã kéo đến công phạt. Lúc ấy, các vị Lực sĩ cũng sửa sang chiến cụ để chống lại kẻ địch.

Bấy giờ trong thành Cưu-thi-na có một vị Bà-la-môn tên Đồ-lô-na là hàng thông minh trí tuệ, tin tưởng nơi Tam bảo, bèn tự nghĩ: "Quốc vương tám nước kia và các vị Ly-xa, sức lực tráng kiện, binh chúng tinh nhuệ. Vả lại, các vị Lực sĩ dù dõng mãnh cũng khó địch nổi, nếu đánh nhau thì sẽ khó bảo toàn". Nghĩ như vậy rồi, ông liền bàn với các vị Lực sĩ:

–Các vị tuy rất dõng mãnh, nhanh nhẹn, quả cảm, nhưng tám quốc vương kia chung sức đồng lòng, thì binh số đông đảo, quân trận hùng mạnh, nếu chiến đấu sẽ không tránh khỏi thất bại. Khí thế hai bên đều quyết liệt, khí giới sắc bén, khi đã giao tranh tất có tổn thương, tàn hại. Đức Như Lai khi còn ở đời đã dạy mọi người thực hành từ bi mà ngày nay bỗng dưng cùng nhau sát phạt. Các vị cũng không nên tham tiếc xá-lợi, nên phân chia cho các nước và những vị Ly-xa... Mỗi quốc vương đều ở nơi lãnh thổ của mình mà tạo dựng bảo tháp, mới hợp với lời dạy xưa kia của Đức Thế Tôn, lại cũng khiến cho các vị đều được phước lợi.

Các vị Lực sĩ nghe lời khuyên như vậy, tâm ý được thông tỏ liền đáp:

–Lời của ông nói thật hợp lý, xin thuận theo ý kiến của ông.

Bà-la-môn Đồ-lô-na khi thấy các vị Lực sĩ đã bãi bỏ việc quân binh, liền ra ngoài thành nói với các đức vua:

–Các vị nay vì việc gì mà dấy binh?

Các vua đáp:

–Chúng tôi vì pháp, nên từ xa đến cầu thỉnh xá-lợi nhưng bị chống cự, không chịu phân chia, vì vậy nay chúng tôi kéo binh cùng đến.

Bà-la-môn Đồ-lô-na lại nói với các vị vua:

–Chúng tôi đã cùng nhau bàn luận là muốn cầu hòa, các vị Lực sĩ sẽ phân chia xá-lợi cùng với quý vị. Các vị hãy dùng bình báu để đựng, tôi sẽ vì quý vị mà phân chia.

Tám vị quốc vương nghe nói như thế đều vui mừng, cùng trao bình vàng. Bà-la-môn Đồ-lô-na nhận các bình vàng đem vào thành, ở trên lầu cao mà phân chia xá-lợi, rồi giao lại cho tám vị quốc vương. Lúc ấy, các vị vua đã được phần xá-lợi, đều vui mừng phấn khởi, cung kính đem về nước mình, đều tạo dựng bảo tháp. Bà-la-môn Đồ-lô-na theo các vị Lực sĩ xin cái bình đã phân xá-lợi để tự tạo tháp thờ. Các vị Lực sĩ lấy phần xá-lợi của mình ở ngay nơi chỗ trà tỳ, hợp với tro than còn lại để tạo dựng bảo tháp phụng thờ. Như vậy là gồm có tất cả mười chỗ tạo tháp để tôn thờ xá-lợi.

Đức Như Lai từ khi sắp vào Niết-bàn, khi vào Niết-bàn cho đến lúc trà tỳ, tạo dựng bảo tháp phụng thờ xá-lợi, sự việc diễn biến là như vậy.

Sau đó Tôn giả Đại Ca-diếp cùng Tôn giả A-nan và các thầy Tỳ-kheo ở tại thành Vương xá đã kết tập ba tạng kinh điển.

❑

SỐ 8

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI BÀ-LA-MÔN ĐẠI KIÊN CỐ [1]

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn cùng đông đủ đại chúng ở tại thành Vương xá, trong núi Thứu. Khi ấy có vương tử Càn-thát-bà tên là Ngũ Kế, qua khỏi nửa đêm, khi trời gần sáng, đến chỗ Phật, ánh sáng nơi thân của vị ấy phát ra chiếu soi khiến núi Thứu càng tươi sáng, rực rỡ. Vị ấy đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Ngài, đứng qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, có một thời con ở tại cõi trời Ba mươi ba, thấy chủ trời Đế-thích, vua trời Đại phạm và chúng trời cùng nhóm họp tại giảng đường Thiện pháp, có điều giảng luận, tự thân con nghe, tự thân con nhận lãnh. Nghĩa ấy như thế nào, cúi mong Đức Thế Tôn chỉ dạy khiến con biết rõ.

Đức Phật dạy vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế:

–Những điều ông được nghe, được nhận lãnh ở giảng đường Thiện pháp, tại cõi trời Ba mươi ba, từ chủ trời Đế-thích, vua trời Đại phạm và chúng trời tụ tập. Ta nay tùy chỗ thích ứng sẽ có lời chỉ dạy cho ông, khiến ông được rõ.

Khi ấy vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con một thời ở cõi trời Ba mươi ba, có chủ trời Đế-thích, vua trời Đại phạm và chúng trời cùng tụ tập tại giảng đường Thiện pháp. Lúc bấy giờ có vị trời do nhân duyên mới sanh ở cõi trời ấy,

---

[1] Bản Hán, Phật Thuyết Đại Kiên Cố Bà-la-môn Duyên Khởi kinh, Đại I.tr.207. Tham chiếu, Phật Thuyết Trường A-hàm kinh, Q.5, "Đệ nhất phần Điển tôn kinh đệ tam" (Đại I, tr.30b-34b). Tương đương: D.19 (Deva Digh ii.6) Mahāgovinda-suttanta; Trường II 19 "Đại Điển Tôn".

đồng thời cũng có những vị trời khác sanh ra trước đó, thấy các vị mới sanh có đủ năm việc rất đáng ưa thích: được sống lâu, được sắc đẹp, được tiếng tăm, được an lành, được quyến thuộc nơi cõi trời. Bạch Đức Thế Tôn, lúc ấy có một Thiên tử nói: "Chư Hiền, các vị hãy xem, những vị trời mới sanh kia và cũng có các vị sanh trước đó, có đủ năm việc rất đáng ưa thích, đó là: được sống lâu, sắc đẹp, tiếng tăm, an lành và quyến thuộc nơi cõi trời".

Lại có một số vị Thiên tử nói: "Chư Hiền, các vị trời mới sanh này đều là người tu hành thanh tịnh trong pháp Thanh văn của Đức Thế Tôn, sau khi thân hoại mạng chung cảm quả báo tốt đẹp mà sanh đến cõi trời Ba mươi ba này. Đồng thời cũng có các vị trời sanh trước đó đều có đủ năm thứ rất đáng ưa thích".

Lại có một số Thiên tử nói: "Vui sướng thay! Chư Hiền, nếu có bốn Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, giảng nói các pháp đem lại lợi ích cho trời người, giảm bớt chúng A-tu-la, khiến chư Thiên tăng trưởng lợi ích.

Khi ấy lại có một số Thiên tử nói: "Thôi đi! Chư Hiền, chẳng nói chi có bốn Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Vui thích thay! Chư Hiền, nếu có ba Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, giảng nói các pháp đem lại lợi ích cpho trời người, giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng lợi ích cho chư Thiên".

Lại có một số Thiên tử nói: "Thôi đi! Này chư Hiền, chẳng nói chi có ba Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Vui thích thay! Chư Hiền, nếu có hai Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng nói các pháp đem lại lợi ích cho trời người, giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng lợi ích cho chư Thiên".

Các việc như vậy mong Đức Phật vì chúng con giảng nói.

Lúc ấy, trời Đế-thích, vua trời Đại phạm đang có mặt trong chúng hội của Phật. Phật đem việc này bảo trời Đế-thích và chư Thiên:

–Các vị nên biết, cùng trong một thời không khi nào có hai Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng nói các pháp.

Trời Đế-thích và chư Thiên nghe Phật dạy như vậy, đều sanh tâm vui mừng, thích thú.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nhận thấy trời Đế-thích và các Thiên

chúng đều sanh hoan hỷ, liền bảo đại chúng:

–Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, đầy đủ tám pháp hy hữu, các vị nếu muốn được nghe, trước hết phải sanh tâm hoan hỷ và khởi ý ưa thích.

Tức thời Đức Phật bảo thiên chủ Đế-thích:

–Này Kiều-thi-ca, ông nay nên vì chư Thiên, tùy thuận khéo nói tám pháp hy hữu của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy trời Đế-thích vâng lời Phật dạy, giảng nói tám pháp hy hữu của Đức Như Lai.

–Này chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện thế gian, quyết định làm giảm bớt chúng A-tu-la, tăng trưởng Thiên chúng, khiến cho nhiều người được lợi ích an lạc, lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, nói pháp giáo hóa đem lại lợi ích cho trời người. Ấy là pháp phá các kiến chấp, pháp xa lìa nhiễm ô, pháp thuận quán sát, pháp trong sạch, pháp biết rõ các thọ, pháp trừ tâm kiêu mạn, pháp điều phục dòng nước khát ái, pháp phá trừ vô minh, pháp đoạn trừ mọi nương tựa, pháp lìa tham ái, pháp vắng lặng, pháp Niết-bàn, giảng nói các pháp như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, vì các hàng Thanh văn chỉ dạy các pháp cần tu học. Ấy là nên tu các pháp hạnh không sân hận. Do nhân duyên này nên Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, thường luôn giáo hóa chỉ dạy những vị tu hành nên ở các nơi trống vắng, tịch tĩnh tu hạnh không tranh cãi, hoặc khi đi, đứng, nằm, ngồi, nên xa nơi ồn ào, giảm bớt bạn bè, tự mình nương tựa thân mình, tự mình vui với mình, tự mình thương lấy mình, không xa lìa người khác mà tự mình nên tu hành. Những lời chỉ dạy như thế thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, tùy thuận thọ nhận các món ăn thức uống. Đức Như Lai trong khi ăn cảm nhận được thượng vị, cũng được chánh vị, được hương vị thứ nhất, được

mùi vị không ly tán.

Lại nữa, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác thọ nhận đồ ăn uống xa lìa kiêu mạn, không có sự chấp trước, thường lìa lỗi lầm, sanh khởi trí tuệ chân chánh, thường hướng tới giải thoát, lại dùng pháp này giáo hóa chỉ dạy tất cả, thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời đầy đủ thần thông, vì các hàng Thanh văn nói pháp thần thông, dạy dỗ, khai bày, hướng dẫn, khiến họ tu hành. Giáo hóa chỉ dạy như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác hiện ra ở đời, xa lìa các nẻo nghi ngờ, mê lầm, cũng lìa việc luận bàn về nghi hoặc, ở trong pháp thiện đạt được điều không sợ hãi. Lìa nghi như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời đối với các pháp, như điều đã giảng nói mà thực hành, như điều đã thực hành mà giảng nói. Lại đem các pháp đó chỉ dạy khai mở dẫn dắt khiến người tu hành, chỉ dạy như vậy thật là hy hữu.

Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác. Do vậy Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác hiện ra ở đời, giảng dạy chỉ bày Niết-bàn và con đường đi vào Niết-bàn, làm tăng trưởng sung mãn không cùng tận. Ví như nước sông Căng-già, nước sông Diễm-mâu-na chảy về biển lớn, tăng trưởng không cùng tận, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, giảng dạy chỉ bày Niết-bàn và con đường đi đến Niết-bàn, khéo giảng nói các pháp Niết-bàn và khéo an lập, khiến cho người tu hành tăng trưởng không cùng tận. Giảng dạy chỉ bày như vậy thật là hy hữu.

Này chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời đầy đủ tám pháp hy hữu như vậy, cho nên ta không thấy ở quá khứ và hiện tại có sự sai khác.

Bấy giờ các Thiên tử nghe lời trên xong, lại càng sanh hoan hỷ hơn trước, tâm ý vui thích, thưa với chủ trời Đế-thích:

–Thưa Thiên chủ, xin vì chúng tôi nêu giảng lại tám pháp hy hữu

của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy trời Đế-thích vì các Thiên chúng nói lại lần thứ hai tám pháp hy hữu:

–Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện ở đời, quyết định làm giảm bớt chúng A-tu-la, khiến chư Thiên được tăng trưởng lợi ích an lạc. Lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Chư Hiền, cho nên Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở thế gian, ta không thấy ở quá khứ cũng như hiện tại có sự sai khác... *Như trên đã rộng nói, cho đến câu...* Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện tại thế gian, giảng dạy chỉ bày Niết-bàn và con đường dẫn đến Niết-bàn, tăng trưởng sung mãn không cùng tận. Ví như nước sông Căng-già, nước sông Diễm-mâu-na chảy về biển lớn không cùng tận, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, chỉ dạy Niết-bàn và con đường đi đến Niết-bàn, khéo giảng nói pháp Niết-bàn và khéo an lập, khiến người tu hành tăng trưởng không cùng tận. Giảng dạy chỉ bày như vậy thật là hy hữu.

Này chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời đầy đủ tám pháp hy hữu như vậy, cho nên ta không thấy ở quá khứ hay hiện tại mà có sai khác.

Nghe xong lời ấy, các vị Thiên tử ấy lại càng sanh tâm hoan hỷ hơn trước, tâm ý vui thích.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi đã biết chư Thiên đã sanh tâm hoan hỷ hơn trước, lại bảo vua trời Đế-thích:

–Kiều-thi-ca, ông nay nên nói lại lần nữa tám pháp hy hữu của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc ấy trời Đế-thích vâng lời Phật dạy, nói lại lần thứ ba, tám pháp hy hữu:

–Lại nữa, chư Hiền, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác tùy thuận chúng sanh xuất hiện ở đời, quyết định làm tổn giảm chúng A-tu-la, tăng trưởng lợi ích cho Thiên chúng, khiến nhiều người được lợi ích an lạc. Lợi lạc như vậy thật là hy hữu.

Chư Hiền, cho nên Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời, ta không thấy ở quá khứ và hiện tại mà có sai khác... *Như trên đã rộng nói, cho đến câu...* Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời chỉ dạy Niết-bàn và con đường để vào Niết-bàn, tăng trưởng sung mãn không cùng tận. Ví như nước sông Căng-già, nước sông Diễm-

mâu-na chảy về biển lớn tăng trưởng không cùng tận, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, chỉ dạy Niết-bàn và con đường đi đến Niết-bàn, khéo giảng nói pháp Niết-bàn và khéo an lập, khiến người tu hành tăng trưởng không cùng tận. Giảng dạy chỉ bày như vậy thật là hy hữu.

Này chư Hiền, Đức Như Lai, Đấng Đại Sư xuất hiện ở đời đầy đủ tám pháp hy hữu như vậy, cho nên ta không thấy ở quá khứ hay hiện tại mà có sai khác.

Nói như vậy xong, lúc ấy Đại Phạm thiên vương biết chư Thiên đều sanh hoan hỷ, tâm ý vui thích hơn trước, liền nói kệ:

Chủ trời Đế-thích cùng Thiên chúng
Như vậy đều sanh tâm hoan hỷ
Quy mạng xưng tán Đức Như Lai
Khéo nói pháp hy hữu của Phật.
Trước thấy chư Thiên kẻ mới sanh
Đầy đủ sắc tướng và oai quang
Do đã lâu tu hành phạm hạnh
Được sanh cõi trời đủ lực lớn.

Khi ấy tất cả chư Thiên nơi cõi trời Ba mươi ba nghe kệ rồi đều sanh hoan hỷ hơn trước, tâm ý vui thích.

Bấy giờ vua trời Đại phạm biết chư Thiên sanh tâm hoan hỷ hơn trước rồi, liền bảo chúng trời:

–Các vị nếu ưa muốn nghe việc Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí tuệ lớn, ở trong nẻo sanh tử tạo được nhiều lợi ích an lạc, những việc như thế này thì cần phải sanh tâm hoan hỷ hơn trước, phát khởi ý ưa thích.

Thiên chúng cùng nhau thưa với vua trời Đại phạm:

–Lành thay! Đại Phạm thiên vương, kính mong rộng nói về việc Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đầy đủ trí tuệ lớn, ở trong nẻo sanh tử tạo được nhiều lợi ích an lạc.

Khi ấy vua trời Đại phạm liền rộng giảng nói về nhân duyên trí tuệ của Đức Như Lai ở thời xa xưa.

Đại Phạm thiên vương thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, trong đời quá khứ có một quốc vương tên là Vực Chủ. Thời ấy có một vị Bà-la-môn tên Kiên Cố, nhậm chức phụ tướng, làm quân sư cho nhà vua, trí tuệ thông minh, đầy đủ tài ba thao

lược khéo việc trị nước. Vua có thái tử tên là Lê-nỗ, vua rất yêu mến, thông minh trí lớn, lại có nhiều tài, khéo biết mọi việc, vua thường thương nhớ. Thái tử Lê-nỗ kia có sáu người bạn trẻ dòng Sát-đế-lợi kết làm bạn thân, thường gặp gỡ nhau nhóm cát làm vui. Phụ tướng Bà-la-môn Kiên Cố cũng có một người con tên là Hộ Minh, tài trí lanh lợi, thông thạo mọi công việc, được cha yêu mến. Bạch Đức Thế Tôn, phụ tướng tham gia chính sự trải qua nhiều năm, sau một thời gian bỗng nhiên mạng chung. Vua nghe phụ tướng Bà-la-môn Kiên Cố đã mạng chung thì buồn rầu ảo não, rơi nước mắt, vin gối bàng hoàng, mê man tuyệt vọng nói:

–Vị phụ tướng của ta là bậc tài trí, tham gia giúp việc điều hành quốc chánh tốt đẹp, lại thường cùng ta vui thích, nay bỗng qua đời khiến ta rất đau khổ.

Khi ấy thái tử nghe vua cha vì phụ tướng Bà-la-môn Kiên Cố mạng chung mà ưu sầu áo não, liền đến chỗ vua cha thưa:

–Phụ vương không nên lo buồn than khóc, chớ có tuyệt vọng, đau khổ. Vì sao vậy? Phụ vương nên biết Bà-la-môn Kiên Cố có một trưởng tử tên là Hộ Minh, gồm đủ tài trí, thông minh hơn người, nếu được thừa kế địa vị của cha, khả năng hiểu biết về chính sự, việc của người cha rõ, người con này thảy đều biết rõ. Nay có người như thế, sao vua cha lại lo buồn? Phụ vương nên ra lệnh triệu vào cung tùy việc chỉ dạy, đem trách nhiệm của cha giao phó cho người con.

Vua cha nghe lời, liền gọi sứ giả đến bảo:

–Ngươi đến chỗ của đồng tử Hộ Minh truyền lại lời này: "Vua nay triệu ông nên mau đến đây."

Sứ giả nhận lệnh, tức thời đi đến chỗ của đồng tử Hộ Minh, đến nơi, tuyên lại đủ lệnh của vua: Vua triệu Hộ Minh mau vào cung. Đồng tử Hộ Minh nghe sứ giả nói, liền đi đến chỗ vua, thân hành cung kính ngồi qua một bên. Nhà vua rất hoan hỷ, an ủi vỗ về và nói:

–Ta nay thật sự chỉ dạy cho ông: Thân phụ ông qua đời, tuy rất đáng buồn nhưng ta nay ra lệnh cho ông thừa kế địa vị của cha lãnh chức phụ tướng. Ông khéo cùng ta sửa trị việc nước.

Đồng tử Hộ Minh nhận lệnh của vua, thừa kế địa vị của cha làm phụ tướng, cùng vua sửa trị việc nước như công việc của người cha. Tất cả cách thức ứng xử công việc đều giống như cha mình, không có sai sót.

Bấy giờ trong nước, các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, nhân dân biết được sự việc ấy, đều nói:

–Quý hóa thay đồng tử Hộ Minh! Cha ngài ngày xưa tên là Kiên

Cố, con nay kế vị. Hãy mở rộng sự nghiệp của người đi trước! Chúng tôi sẽ gọi ngài là Đại Kiên Cố. Tên của Ngài trước đây là Hộ Minh, nay phát xuất từ sự nhiệt tình của mọi người mà có hiệu khác. Từ nay về sau đều gọi ngài là Đại Kiên Cố.

Bạch Đức Thế Tôn, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố làm việc không bao lâu, liền đi đến chỗ sáu vị đồng tử Sát-đế-lợi và bảo:

–Này các đồng tử, các vị nên đến thăm thái tử Lê-nỗ, thưa với ông ấy: "Thái tử nếu gặp cảnh khổ não chúng tôi và ngài cùng chịu, nếu được vui thích chúng ta cùng hưởng. Người có chỗ hướng về nương, tôi cũng có chỗ trở về. Nay phụ vương của ngài đã quá già nua, đi đứng yếu đuối, tuổi thọ chẳng còn bao lâu, một mai vua qua đời, chúng ta về đâu? Ngài nay nên biết, cần có các đại thần phò tá, cùng nhau bàn luận, sau khi đức vua băng hà, tất sẽ giúp ngài nhận lễ quán đảnh làm vua. Người nếu đã nối thừa vương vị, nên đem quốc độ cùng với chúng tôi phân ra để cùng sửa sang cai quản."

Sáu vị đồng tử nghe phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố nói như vậy liền cùng nhau đi đến chỗ thái tử Lê-nỗ, trình bày đầy đủ như trên. Khi đó thái tử nói:

–Này các đồng tử, nếu ta còn sống đến ngày đó, và có các đại thần phò tá, lập ta lên kế vị cùng trao lễ quán đảnh, ta khi ấy sẽ không quên các ông, quốc độ phân chia ra để cùng các ông cai trị. Nếu có điều vui chúng ta cùng hưởng.

Sau đó, trải qua một thời gian dài vua Vực Chủ bỗng nhiên mạng chung. Bấy giờ các đại thần phò tá đến chỗ thái tử cùng thưa:

–Thái tử nên biết, chúng tôi là các đại thần xin trao lễ quán đảnh cho ngài, nay đã đến lúc ngài thừa kế vương vị.

Thái tử Lê-nỗ nói với các đại thần phò tá:

–Các ông nếu thấy ta gánh vác được mà lập lên kế tục vương vị, nay chính đúng lúc.

Khi ấy các quan phò tá liền thiết lập tòa sư tử tốt đẹp. Thái tử lên ngồi trên tòa, họ dùng nước thơm rưới trên đảnh và cùng nhau tôn xưng:

–Thưa Thiên tử, ngày nay đã đến lúc thừa kế vương vị, chúng tôi quần thần xin tôn vua quán đảnh.

Vua làm lễ quán đảnh xong thì dốc lòng lo việc trị nước.

Bạch Đức Thế Tôn, vua Lê-nỗ lên ngôi thời gian chưa bao lâu, tùy ý thỏa thích vui đùa trong năm dục.

Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố đi đến chỗ của sáu vị đồng tử bảo:

–Các ông nên biết, thái tử đã thọ lễ quán đảnh, đang ở vương vị thời gian chưa bao lâu, vui trong năm món dục, tùy ý thỏa thích. Lúc trước vua có nói cùng các vị phân chia đất nước để cai trị, các vị nay nên đến chỗ vua Lê-nỗ mà thưa: "Đức vua trước đây có hứa với chúng tôi phân đất để cai trị, đức vua nay còn nhớ không?"

Bấy giờ sáu vị đồng tử nghe phụ tướng Đại Kiên Cố nói xong, liền cùng nhau đi đến chỗ vua Lê-nỗ, nói lại đủ như trên.

Bạch Thế Tôn, khi ấy vua Lê-nỗ bảo sáu vị đồng tử:

–Lời hứa trước đây như thế nào, ta đều nhớ cả. Ta nay sẽ đem quốc độ này chia làm bảy phần cấp cho các ông, để mỗi người đều có đất trị vì.

Nghe dạy như vậy, sáu vị đồng tử đều tâu vua:

–Vua đã phán lời như thế thật là tốt đẹp, mong đức vua triệu phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố, khiến ông ta như lời vua phán dạy thân hành phân chia cương giới cảnh vực. Ông ấy thông minh, trí tuệ thấu đạt, có thể phân chia đúng đắn.

Vua Lê-nỗ bèn ra lệnh cho sứ giả:

–Ông đến chỗ của phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố thưa: "Vua có lệnh triệu, mau đến chỗ vua".

Sứ giả vâng mạng, liền đi đến chỗ ở của phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố. Sau khi đến nơi liền nói lại lời triệu của đức vua:

–Ngài nên nhanh chóng đến yết kiến đức vua.

❑

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI
BÀ-LA-MÔN ĐẠI KIÊN CỐ

QUYỂN II

Lúc bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố liền đến yết kiến đức vua Lê-nỗ. Đến nơi, ngài hết lòng cung kính, lui ngồi qua một bên. Vua vui mừng khen ngợi an ủi, phụ tướng cũng rất cung kính đối đáp. Vua nói:

–Này Đại Kiên Cố, nay ông hãy vì ta phân chia đất nước này ra làm bảy phần để ta cùng sáu vị đồng tử đều có phần đất riêng.

Khi ấy phụ tướng nhận lệnh vua rồi liền suy tính để phân ranh giới. Phía Bắc và cạnh Bắc, ranh giới rộng rãi. Phía Nam và cạnh Nam ranh giới nhỏ hẹp, cũng như hình dáng chiếc xe. Đất đai cảnh trí của vùng trung thổ, chỗ có nhiều người tụ hội đông đảo là nơi đóng đô của vua Lê-nỗ, có thành Nại-đa-bố-la thuộc nước Ca-lăng-nga, thành Bao-đát-na thuộc nước Ma-thấp-ma-ca, thành Ma-hư-sa-ma thuộc nước Vãn-đế-na, thành Lao-lỗ-ca thuộc nước Tô-vĩ-la; thành Vĩ-đề-hứ thuộc nước Di-thể-la, thành lớn Chiêm-ba thuộc nước Ma-già-đà, thành lớn Ca-thi thuộc nước Ba-la-nại. Như vậy bảy nước đã phân ranh giới rồi, sáu vị đồng tử ở nơi mỗi nước nhận lễ quán đảnh, đều lên làm vua thống lãnh một vùng. Từ đó về sau mới có bảy vua, đó là: Vua Lê-nỗ, vua Phá Oán, vua Phạm Thọ, vua Thắng Tôn, vua Minh Ái, vua Trì Quốc, vua Đại Trì Quốc. Như vậy bảy vua đều có phần đất thống lãnh riêng. Một thời gian sau, sáu vị vua cùng nhau nhóm họp đến chỗ phụ tướng Bà-la-môn. Khi đến nơi, các vị liền thưa:

–Đại Kiên Cố, người sẵn có mưu trí tài ba thao lược phò tá cho đại vương Lê-nỗ. Sáu vị vua chúng tôi cũng mong được ông giúp đỡ để cùng nhau tán trợ.

Phụ tướng Bà-la-môn nghe xong, nhận lời phụ giúp cho cả bảy đức vua, nếu có công việc thì cùng nhau bàn luận.

Phụ tướng Bà-la-môn sau này lại còn làm giáo thọ cho bảy ngàn Bà-la-môn tụng kinh điển và cũng là giáo thọ cho bảy ngàn Bà-la-môn khác đọc kinh điển.

Khi ấy các Trưởng giả, Bà-la-môn, Cư sĩ, nhân dân đều biết phụ tướng Bà-la-môn tài trí như vậy, cùng nhau luận bàn:

–Vị Đại Kiên Cố ấy, đúng là một bậc đại Bà-la-môn chân thật, lại có thể cùng các vị Bà-la-môn giảng dạy cho họ đọc tụng kinh điển Vệ-đà.

Phụ tướng Bà-la-môn nghe mọi người nhận xét như vậy, liền nghĩ: "Các Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, nhân dân này, ở đâu họ cũng cùng nhau bình phẩm tán dương ta quá đáng, cho ta là người tài trí, lại xem ta là bậc đại Bà-la-môn chân thật, địa vị ấy ta chưa được, ta tự quán xét thật chẳng phải là bậc đại Bà-la-môn chân thật. Ta nay lại không thể cùng các Bà-la-môn giảng dạy đọc tụng kinh điển Vệ-đà, khiến họ hiểu biết chánh đáng rộng rãi. Ta thật chẳng phải tài giỏi. Huống nữa, sắc thân hình tướng thế gian của ta không tồn tại lâu dài. Ta xưa đã từng nghe các bậc tiên đức kỳ cựu đại Bà-la-môn có trí nói: "Trong pháp của Bà-la-môn, ai trong bốn tháng mùa hạ, ở chỗ thanh vắng tu tập Bi quán. Nếu thiền quán được thành tựu thời vua trời Đại phạm sẽ hiện thân đến, thỏa mãn lòng cầu nguyện". Nếu được như vậy ta rất ưa thích. Ta nên như lời dạy mà tu tập thiền quán này". Nói và nghĩ như vậy, bấy giờ, phụ tướng Bà-la-môn muốn sắp xếp trong bốn tháng mùa hạ, ở chỗ thanh vắng tu tập thiền định Bi quán, liền đến chỗ vua Lê-nỗ tâu:

–Thưa Đại vương, tôi nay mong muốn trong bốn tháng mùa hạ ở chỗ thanh vắng tu tập thiền định Bi quán, mong ngài chấp nhận.

Vua Lê-nỗ nói:

–Này Đại Kiên Cố, tùy ý ông muốn nếu thấy hợp thời.

Phụ tướng Bà-la-môn được vua hứa rồi, đến chỗ thanh vắng lặng tâm chuyên chú, ở trong bốn tháng mùa hạ tu tập Bi quán.

Bốn tháng mùa hạ đã qua, đúng ngày rằm trăng tròn các khất sĩ làm lễ trưởng tịnh, nên ở chỗ ấy dựa theo pháp của Bà-la-môn, dùng Cù-ma-di sạch trét trên đất rồi lập hỏa đàn ở bốn phương, ở chính trung tâm cũng lập hỏa đàn. Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn tắm rửa, mặc áo mới sạch sẽ, từ phương Bắc bước lên, đến ranh đàn phía Nam trải cỏ kiết tường, phủ khắp mặt đất của đàn, ngồi xuống mặt xoay về phía Bắc, cầm dụng cụ tiến hành việc phụng sự lửa để tế tự Phạm thiên.

Bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn làm lễ chưa bao lâu, bỗng ở phương Bắc hiện tướng ánh sáng lớn. Phụ tướng Bà-la-môn thấy được ánh sáng ấy, sanh tâm cho là ít có, toàn thân lông dựng đứng, lại càng nghiêm túc cung kính vững tâm an trú. Ánh sáng kia chói lọi xưa nay chưa từng thấy. Vua Đại Phạm thiên hiện ánh sáng lớn, sau đó không bao lâu, từ phương

Bắc đến, trụ trong hư không. Phụ tướng Bà-la-môn một lòng hoan hỷ, ngước nhìn lên thấy vua Đại Phạm thiên ở giữa hư không liền chắp tay đảnh lễ, nói kệ:

Đủ oai thần sắc tướng quang minh
Là vị Thánh nào hiện trên không
Tôi nay tuy thấy không thể biết
Xin nguyện như thật vì tôi nói.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương liền nói kệ đáp phụ tướng Bà-la-môn:

Những người thanh tịnh tức sẽ biết.
Ta thường trụ ở cõi Phạm thế
Lại nữa chư Thiên biết tên ta
Vị Bà-la-môn nên tự xét.

Phụ tướng Bà-la-môn lại nói kệ:

Cần dùng nước sạch và tòa ngồi
Tô, mật, sữa, cháo, vị tối thắng
Tôi lần đầu hết lòng hiến dâng
Xin nguyện Phạm vương thương thọ nhận.

Đại Phạm thiên vương lại nói kệ:

Cần dùng nước sạch và tòa ngồi
Tô, mật, sữa, cháo, vị tối thắng
Vị Bà-la-môn cúng lần đầu
Ta nay theo đó vì ông nhận.

Phụ tướng Bà-la-môn nói kệ:

Các cảnh năm dục tên cõi này
Được sanh Phạm thế tên cõi khác
Tôi thích nghĩa này muốn thưa hỏi
Xin được Phạm vương hứa nghe cho.

Đại Phạm thiên vương nói kệ:

Cõi này cõi khác trong hai nghĩa
Tùy ý ưa thích ông cứ hỏi
Ta nay hứa nghe đều không nghi
Ông hỏi thế nào mau nên nói.

Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn suy nghĩ: "Ta nay muốn dứt bỏ nghi hoặc, nên hỏi Phạm thiên về ý nghĩa gì trước tiên? Nên hỏi thế giới này do đâu mà phát khởi? Hay hỏi ý nghĩa của thế giới kia làm sao được

sanh?" Phụ tướng Bà-la-môn lại suy nghĩ: "Về ý nghĩa của thế giới này là do năm dục phát khởi, ở đây ta không nên hỏi. Ta nay nên hỏi ý nghĩa sanh thế giới khác, tức là cõi Phạm thiên". Phụ tướng Bà-la-môn nghĩ như vậy rồi liền hỏi Đại Phạm thiên vương:

–Đại Phạm thiên vương, bậc dõng mãnh thanh tịnh, tôi nay xin hỏi ngài, nguyện giải trừ nghi hoặc. Người trong cõi Đại phạm nếu muốn cầu sanh về cảnh giới tịch tĩnh của Phạm thiên, nên tu hạnh gì để được sanh về?

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương nói bài kệ đáp lời phụ tướng Bà-la-môn:

Người tu vô ngã tức tịnh hạnh
Tâm trụ một cảnh, bi giải thoát
Lìa các nhiễm dục trừ phiền não
Như thế được sanh Phạm thiên giới.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa với Đại Phạm thiên vương:

–Như ngài dạy trong bài kệ, người tu vô ngã tức là tịnh hạnh. Tôi đối với nghĩa này có thể rõ biết, nghĩa là có người khởi tâm chánh tín, tu theo pháp xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, giàu có sung sướng dù ít, dù nhiều cũng đều xả bỏ, trí tuệ có thể theo đấy mà chuyển biến, hoặc trong dòng tộc cao sang, hoặc trong dòng tộc thấp kém, tâm kia vẫn bình đẳng lìa các chấp trước, chỉ dùng ba y và một bình bát, không sở hữu vật gì khác. Ở trong việc học và truyền trao các pháp cần tu học, ba nghiệp thân, ngữ, ý đầy đủ thanh tịnh nơi thân mạng thanh tịnh tự sống, lìa các lỗi lầm, như vậy gọi là người tu vô ngã.

Lại như Đại Phạm thiên vương nói:

–"Tâm trú một cảnh", tôi nghe lời này cũng có thể hiểu rõ. Nghĩa là người thực hành thiền định, trong tâm thanh tịnh, trụ vào một cảnh, không tầm không tứ, định sanh hỷ lạc chứng Nhị thiền định, đầy đủ hạnh tu. Đây gọi là tâm trú nơi một cảnh.

Lại như Đại Phạm thiên vương nói:

–"Tâm bi là giải thoát", tôi nghe câu này, cũng có thể hiểu. Nghĩa là có một hạng người tu hạnh từ bi, khởi tâm bi mẫn trong đủ các thời, trước tiên ở phương Đông, trải tâm Bi rộng lớn ra khắp nơi, thực hành đầy đủ, tâm bình đẳng không hai, cũng không hạn lượng, không oán, không phiền não. Thực hành ở Đông phương như thế rồi, ở các phương Nam, Tây, Bắc bốn phía trên dưới, toàn thể thế giới, làm chuyển vận, mở rộng tâm Bi, thực hành đầy đủ cũng lại như vậy. Đây gọi là tu tâm Bi giải

thoát.

Lại như Đại Phạm thiên vương nói:

–"Lìa các dục nhiễm dứt trừ phiền não", tôi nghe câu này, chưa rõ nghĩa đó. Đại Phạm thiên vương, phiền não là những gì? Làm sao con người chuyển các phiền não mà được thanh tịnh? Các thứ phiền não trôi chảy đầy dẫy như biển ở trong tâm, làm sao khiến người tu hành được sanh về cảnh giới Phạm thiên tịch tĩnh kia?

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương liền nói bài kệ trả lời phụ tướng Bà-la-môn:

Tham, sân, si, mạn, nghi, phẫn, phú
Não, hại, hư dối và tật xan
Dấy pháp nhiễm ấy hủy báng người
Chính đó gọi là các phiền não.
Xa lìa những phiền não như trên
Trong nội tâm liền được thanh tịnh
Dứt tận cội nguồn biển phiền não
Được sanh cõi Phạm thiên tịch tịnh.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa Đại Phạm thiên:

–Như Phạm thiên đã dạy về các pháp phiền não, tôi nghe lời đó đã rõ ý nghĩa. Nếu tôi ở tại gia sẽ luôn bị trói buộc. Nếu tôi xuất gia sẽ trọn hướng lìa lỗi lầm, cần phải tu tập phạm hạnh thanh bạch, chân chánh, trong sạch. Vì sao vậy? Có sanh đều phải diệt, mạng người ngắn ngủi, nếu không biết rõ chết liền đọa đường ác. Vì vậy tôi nay tự biết rõ phải khéo tu tập, thực hành phạm hạnh chân chánh, và không còn tạo nghiệp ác nơi thế gian. Thưa Đại Phạm thiên, tôi nay bỏ nhà mà cầu xuất gia. Cúi mong Phạm thiên biết tâm ý tôi.

Đại Phạm thiên nói:

–Như ý muốn của ông, nay chính là đúng lúc.

Bấy giờ từ không trung Đại Phạm thiên hiện ra dạy những lời như trên rồi biến mất.

Lại nữa, trong chúng hội, vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con hôm nay nghe Phạm vương đối trước Thế Tôn nói việc nhân duyên đời trước, con bỗng suy nghĩ: "Phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố thuở ấy phải chăng chính là Đức Thế Tôn?".

Phật bảo vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố thuở ấy

chính là thân Ta. Ta nhớ lại, việc đi xuất gia của phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố xưa kia. Ông đã từng nghe chưa?

Ngũ Kế thưa:

–Bạch Thế Tôn, con chưa nghe, con chưa từng nghe.

Phật dạy:

–Này Ngũ Kế, Ta nay sẽ lần lượt vì ông giảng nói. Này Ngũ Kế, thời ấy phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố làm công việc phụng sự lửa xong, đi đến chỗ ở của vua Lê-nỗ. Khi đến nơi, ông quỳ gối, cung kính trước vua, nói kệ:

Tôi có ý nguyện nay xin thưa
Đại vương Lê-nỗ, chủ quốc giới
Tôi bỏ tướng vị cầu xuất gia
Mong vua tự lo việc quốc chính.

Bấy giờ đại vương Lê-nỗ nói kệ trả lời phụ tướng:

Nếu ông thiếu kém việc cần dùng
Mong muốn những gì ta sẽ giúp
Nếu ai quấy nhiễu ông nói mau
Ta dùng phép vua để trị phạt.
Ông như cha ta, ta như con
Chúng ta giúp nhau sao nỡ lìa
Ông tuy là tướng cũng là thầy
Vì sao nay lại nói như vậy.

Phụ tướng Bà-la-môn nói kệ:

Những đồ cần dùng tôi không thiếu
Cũng chẳng có ai gây phiền não
Chỉ vì tôi nghe lời chân thật
Phát tâm xuất gia không chuyển đổi.

Đại vương Lê-nỗ nói kệ:

Là phi nhân chân thật thế nào?
Vì sao tin nghe lời như vậy
Chớ cho lời ấy là chân chánh
Bỏ chức phụ tướng cầu xuất gia!

Phụ tướng Bà-la-môn nói kệ:

Thiên tử, tôi trước phụng sự lửa
Dốc phát tâm chuyên chú trong lành
Theo pháp lập đàn hỏa tế trời

Đem cỏ cát tường dùng để trải
Đại Phạm thiên vương, bậc Tiên thánh
Theo lời tôi cầu liền hiện thân
Tôi nghe ngài nói lời chân thật
Do vậy quyết tâm muốn xuất gia.

Đại vương Lê-nỗ nói kệ:

Như lời phụ tướng đã khéo nói
Ta nay đều đã tin hiểu cả
Ông trước đã nghe lời bậc Thánh
Tâm xuất gia ấy sao chuyển được.
Lòng ông thanh tịnh như hư không
Lại như lưu ly báu sạch đẹp
Ông nếu tu hành ta cũng tùy
Ta nhờ ông nên được khai ngộ.

Vua Lê-nỗ nói kệ rồi, lại bảo:

–Này Đại Kiên Cố, tâm ông thanh tịnh, ưa tu hạnh lành, tùy theo ý ông muốn. Ông có chỗ trở về, ta cũng có chỗ trở về.

Phụ tướng Bà-la-môn lại nói kệ thưa với vua:

Vua nên xả bỏ các cảnh dục
Nếu còn chấp trước tức người mê
Nên khởi quyết tâm lìa tham đắm
Đủ sức nhẫn Tam-ma-hứ-đa
Người ngộ pháp ấy liền thanh tịnh
Thật thường trụ đạo thanh tịnh ấy
Giảng nói pháp môn chân thật này
Do đấy được sanh cõi Phạm thiên.

Này Ngũ Kế, sáu vị vua được phân ra lãnh đạo các nước kia, nghe phụ tướng Bà-la-môn bỏ chức vị phụ tướng vui cầu xuất gia, sáu vua liền nhóm một chỗ. Lúc ấy, phụ tướng Bà-la-môn tự đi đến chỗ sáu đức vua, quỳ gối, thưa:

–Các đại vương nên biết, tôi nay muốn từ bỏ chức vị phụ tướng, xin các ngài tìm cầu người trợ giúp việc nước, nếu muốn học hỏi nên tìm riêng vị thầy mô phạm. Tôi nay ưa muốn xuất gia tu đạo. Vì sao vậy? Tôi ở chỗ Đại Phạm thiên nghe được lời chân thật, đó là cần nên xa lìa các phiền não. Từ đây về sau, tôi không ưa thích lối sống tại gia chỉ có trói buộc. Như tôi xuất gia chỉ quyết nhằm xa lìa lỗi lầm và cần tu tập phạm hạnh chân chánh, thanh bạch, trong lành. Vì sao? Mạng người ngắn ngủi,

có sanh đều phải có diệt. Nếu không hiểu rõ thì khi chết sẽ bị đọa cõi ác. Vì vậy tôi nay tự giác khéo tu tập, thực hành phạm hạnh chân chánh, không còn trở lại như người thế gian tạo các nghiệp ác.

Lúc ấy sáu vua cùng nhau bàn luận: "Ông phụ tướng Bà-la-môn này vì sao lìa bỏ giàu sang cầu xuất gia? Trong hàng Bà-la-môn cũng có người ưa thích giàu sang. Chúng ta nên đem việc giàu sang khuyên bảo vị ấy chớ nên xuất gia".

Sáu vua bàn luận xong, liền gọi vị phụ tướng Bà-la-môn nói:

–Sáu vị quân vương chúng tôi sẽ ban tất cả sự giàu sang tùy theo ý ông muốn, để khuyến thỉnh ông. Sự giàu sang của chúng tôi hiện nay đều nương theo pháp mà có.

Nói rồi họ liền đem tất cả tiền bạc của báu, các vật dụng quý giá sang trọng trao cho phụ tướng Bà-la-môn. Khi ấy phụ tướng Bà-la-môn thưa với sáu vị vua:

–Thưa các đại vương, nay tiền bạc, báu vật và các vật dụng quý giá sang trọng ấy tôi đều đã có đầy đủ. Những vật sở hữu của tôi, cũng nương theo pháp mà được. Tài sản của tôi, tôi còn xả bỏ, sao tôi lại nhận thêm vật của các đại vương ban. Chí tôi nay đã quyết cầu được xuất gia. Vì sao? Tôi gặp Đại Phạm thiên vương, được nghe lời chân thật là cần phải xả bỏ pháp phiền não… *(cho đến đoạn mà ở trên đã rộng nói)*.

Này Ngũ Kế, khi ấy sáu vị vua cùng bàn luận với nhau:

–Trong hàng Bà-la-môn cũng có người ưa thích sắc đẹp của kỹ nữ. Vậy chúng ta nên theo sự ưa thích ấy trao tặng, khiến ông ấy phải chấp nhận.

Bấy giờ sáu vị vua bàn luận xong, liền đem các kỹ nữ xinh đẹp tặng cho phụ tướng Bà-la-môn. Các vua nói:

–Các kỹ nữ này hình tướng xinh đẹp, thân thể đầy đặn, dung mạo dễ xem, lại có nhiều tài năng và hiểu biết. Ông nên thâu nhận chớ có xuất gia.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa với sáu vị vua:

–Thưa đại vương, nhà tôi cũng đã có đến bốn mươi người vợ hình tướng, dung mạo đều xinh đẹp, dễ mến, đoan chánh. Tuy đã tự có, tôi vẫn xả bỏ tất cả, huống chi nay lại nhận thêm ân đức của các vua. Tôi nay đã quyết chí cầu xuất gia. Vì sao? Tôi đã gặp Đại Phạm thiên vương, đã nghe lời dạy chân thật là cần nên xả bỏ pháp phiền não… *(như trên đã rộng nói)*.

Này Ngũ Kế, lúc ấy sáu vị vua nói với phụ tướng Bà-la-môn:

–Ông nay cương quyết cầu xuất gia, nhưng có thể chờ đợi được chăng? Sau bảy năm, con cháu của chúng tôi đã khôn lớn nên người rồi, chúng tôi cũng sẽ theo ông xuất gia. Đại Kiên Cố, ông có chỗ hướng về, chúng ta các vua cũng có chỗ trở về.

Phụ tướng Bà-la-môn thưa với sáu vị vua:

–Nếu đợi bảy năm thời gian rất là lâu. Chí tôi nay cương quyết mong mau được xuất gia. Vì sao vậy? Tôi đã gặp Đại Phạm thiên vương, nghe lời chân thật là cần nên xả bỏ pháp phiền não… *(như vậy, cho đến như trên đã rộng nói)*.

Sáu vị vua nói:

–Này Đại Kiên Cố, nếu không như thế thì có thể đợi sáu năm, hoặc năm năm, cho đến một năm.

Phụ tướng đáp:

–Nếu đợi một năm cũng là lâu. Tôi nay đã quyết chí mong mau được xuất gia.

Sáu vị vua lại nói:

–Nếu không được như vậy, thì hãy đợi bảy tháng.

Phụ tướng đáp:

–Nếu đợi bảy tháng cũng còn là lâu, tôi nay đã quyết lòng mong mau được xuất gia.

Sáu vị vua lại nói:

–Nếu không được thì hãy đợi sáu tháng cho đến nửa tháng.

Phụ tướng đáp:

–Nếu đợi nửa tháng thì quá lâu. Tôi nay đã quyết tâm mong mau được xuất gia.

Sáu vị vua lại nói:

–Nếu không được như vậy thì chỉ đợi bảy ngày.

Phụ tướng đáp:

–Thưa các đại vương, nếu đợi bảy ngày, kỳ hạn này có thể được. Chúng ta xuất gia, bỏ khổ được vui, nay chính là phải lúc.

Này Ngũ Kế, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn đi đến chỗ bảy ngàn người dạy họ tụng kinh điển Bà-la-môn cùng đến chỗ bảy ngàn người dạy họ đọc kinh điển Bà-la-môn. Đến các nơi ấy, ông bảo với tất cả một vạn bốn ngàn vị Bà-la-môn ấy:

–Lành thay! Lành thay! Này các chúng Bà-la-môn, các vị đã có kinh điển Vệ-đà, hoặc đọc hoặc tụng. Từ nay về sau, mỗi vị nên tìm riêng thầy dạy để học tập với nhau. Ta nay xuất gia, không thể dạy các vị. Vì sao vậy? Vì ta đã gặp Đại Phạm thiên vương, nghe lời chân thật, đó là cần nên xả bỏ pháp phiền não. Từ nay về sau, ta không còn ưa thích lối sống tại gia chỉ nhiều ràng buộc. Ta nếu xuất gia chỉ theo một hướng xa lìa lỗi lầm, cần tu tập phạm hạnh thanh tịnh, chân chánh, trong lành. Vì sao? Mạng người ngắn ngủi, có sanh đều phải có diệt. Nếu không hiểu biết, chết sẽ bị đọa vào đường ác. Vì vậy ta nay tự giác, khéo tu tập, thực hành phạm hạnh chân chánh, không như người đời tạo các nghiệp ác.

Khi ấy một vạn bốn ngàn người trong chúng Bà-la-môn đều thưa với phụ tướng Bà-la-môn:

–Thầy là người trí chớ nên xuất gia. Vì sao vậy? Vì làm người xuất gia, ít có lợi ích, ít có oai đức, ít được khen ngợi. Nếu là Bà-la-môn thì có lợi ích lớn, có oai đức lớn, được khen ngợi lớn.

Phụ tướng Bà-la-môn bảo với một vạn bốn ngàn vị Bà-la-môn kia:

–Các vị Bà-la-môn, chớ nói như vậy! Các vị nên biết người xuất gia có lợi ích lớn, có oai đức lớn, có được sự khen ngợi lớn. Còn Bà-la-môn thì ít có lợi ích, ít có oai đức, ít được khen ngợi. Như các hiểu biết mà Bà-la-môn các ông đang có, tất cả đều nhờ nhân duyên thầy trao mà được. Vì vậy các ông chớ có cái nhìn sai khác.

Một vạn bốn ngàn vị trong chúng Bà-la-môn đều thưa với phụ tướng Bà-la-môn:

–Như thầy đã dạy, đúng như vậy. Phàm người xuất gia thì có lợi ích lớn, có oai đức lớn, được khen ngợi lớn, cho đến việc chúng tôi có được hiểu biết tất cả đều nhờ nhân duyên thầy trao dạy. Thầy ngày nay nếu có chỗ trở về, chúng tôi cũng có chỗ trở về.

Lúc ấy phụ tướng Bà-la-môn lại nói với một vạn bốn ngàn Bà-la-môn:

–Chúng ta xuất gia, bỏ khổ được vui, nay chính là đúng lúc.

Bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn trở về nhà, gặp bốn mươi người vợ, nói với các vị ấy:

–Lành thay! Lành thay! Các vị mỗi người đều nên trở về nơi thân tộc của mình, hoặc có thể ở lại dòng tộc Bà-la-môn này. Ta nay từ giã các vị, chí cầu xuất gia. Vì sao? Ta đã gặp Đại Phạm thiên vương, nghe lời chân thật; đó là cần nên xả bỏ pháp phiền não. Từ nay về sau, ta không còn vui thích cảnh tại gia chỉ nhiều trói buộc. Ta nếu xuất gia sẽ hết lòng

lìa lỗi lầm, cần tu phạm hạnh thanh bạch, chân chánh, trong lành. Vì sao vậy? Mạng người ngắn ngủi, có sanh đều phải diệt. Nếu không hiểu biết thì khi chết sẽ bị đọa nơi cõi ác. Tự mình rõ biết, nên khéo tu tập phạm hạnh chân chánh, không còn trở lại thế gian tạo các nghiệp ác.

Bốn mươi người vợ nghe nói thế bèn thưa với phụ tướng Bà-la-môn:

–Ngài Đại Kiên Cố, khi nên làm Tôn sư, ngài là Tôn sư; khi đáng làm chồng, ngài là chồng; khi nên làm bạn lành, ngài là bạn lành. Nay tùy theo ý ngài muốn, ngài có chỗ trở về, chúng tôi cũng có chỗ trở về.

Phụ tướng Bà-la-môn bảo với bốn mươi vị phu nhân:

–Chúng ta xuất gia, bỏ khổ được vui, nay chính là đúng lúc.

Này Ngũ Kế, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn, những nơi cần thông báo đều đã thông báo xong. Ở trong bảy ngày, với niềm tin vững chắc, theo Phật xuất gia, râu tóc tự rụng, thân vận ca-sa thành tướng Bí-sô, đầy đủ oai nghi. Sau khi phụ tướng Bà-la-môn xuất gia, bảy vị vua ấy đều bỏ đất nước cùng theo xuất gia, lại có bảy ngàn vị Bà-la-môn được chỉ dạy tụng đọc kinh điển đều theo thầy xuất gia, bốn mươi vị phu nhân cũng xuất gia, lại có vô số trăm ngàn dân chúng đều tùy hỷ và ưa thích xuất gia.

Này Ngũ Kế, bấy giờ phụ tướng Bà-la-môn Đại Kiên Cố xa lìa các dục, chứng quả A-la-hán. Đã chứng Thánh quả, ngài lại vì các vị đồng tu phạm hạnh giảng nói các pháp thanh tịnh. Đại chúng nghe pháp xong, hiểu rõ ý nghĩa, được sanh lên cõi Phạm thiên.

Lúc ấy vị Thanh văn Đại Kiên Cố lại tiếp tục vì các vị đồng tu phạm hạnh giảng nói các pháp Thanh văn. Họ nghe pháp xong, hiểu rõ ý nghĩa, được sanh làm bốn vị Đại thiên vương trong cõi Dục. Lại có các vị đồng tu phạm hạnh khác, nghe pháp tỏ ngộ sanh vào cõi trời Ba mươi ba. Hoặc có các vị đồng tu phạm hạnh được sanh nơi cõi trời Dạ-ma. Hoặc có một số vị được sanh nơi cõi trời Đâu-suất. Hoặc có một số vị được sanh nơi cõi trời Hóa lạc. Hoặc có một số vị được sanh nơi cõi trời Tha hóa tự tại.

Này Ngũ Kế, thời ấy, những ai trong chúng hội, hoặc nam hay nữ cùng tu phạm hạnh, sanh tâm lỗi lầm với Thanh văn Đại Kiên Cố thì khi thân hoại mạng chung bị đọa trong địa ngục.

Thời ấy, những ai trong chúng hội, hoặc nam hoặc nữ cùng tu phạm hạnh, khởi niềm tin thanh tịnh với Thanh văn Đại Kiên Cố thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào cõi trời.

Này Ngũ Kế, khi ấy Thanh văn Đại Kiên Cố đi khắp các nơi thành ấp xóm làng, vì tất cả hạng người hoặc vua, hoặc quan, hoặc trưởng giả,

hoặc Bà-la-môn, kẻ sĩ, dân chúng đều giáo hóa, đem lại lợi ích khiến họ lìa bỏ tà đạo.

Bấy giờ, ở trong nước, các bậc vua, quan, trưởng giả, Bà-la-môn, bậc tu phạm hạnh và người tại gia, cho đến tất cả kẻ sĩ, dân chúng đều nói:

–Vui thay! Chúng ta quy y với bậc Thánh Đại Kiên Cố, quan phụ tướng của bảy vị vua nên hôm nay mới được lợi ích lớn lao, tốt đẹp.

Đức Thế Tôn giảng nói về nhân duyên đời trước như thế xong, vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế sanh tâm hoan hỷ, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Phật nói kinh này xong, vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kế cùng toàn thể đại chúng nghe lời Phật giảng, đều rất hoan hỷ, tin nhận phụng hành.

❑

SỐ 9

PHẬT NÓI KINH NHÂN TIÊN

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy.

Một thời Đức Phật cùng đông đủ đại chúng ở trong tinh xá Côn-tả-ca, tại thành Na-đề-ca. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở riêng một mình, suy nghĩ như thế này: "Đức Thế Tôn trước đây đã có nói về các nước, các thành như nước Áng-nga, nước Ma-già-đà, nước Ca-thi, nước Kiều-tát-la, nước Mật-nhĩ-sa, nước Đại lực sĩ, nước Bôn-noa, nước Tô-ma, nước A-thuyết-ca, nước Phược-đế, nước Câu-lỗ, nước Bán-tả, nước Phược-tha, nước Thú-la-tây-na, nước Dạ-phược-na, nước Cam-mô-nhạ... Các nước này có những bậc Thanh văn đã vào Niết-bàn, Đức Phật đều đã nói về chỗ sanh và quả báo của những vị ấy. Chỉ có nước Ma-già-đà là có các vị thuộc hàng thượng thủ Ưu-bà-tắc đã mạng chung. Những vị ở nước này chưa ai được Đức Thế Tôn nói về chỗ thác sanh của họ".

Tôn giả A-nan nghĩ như vậy rồi liền ra khỏi tinh xá, đi đến chỗ Phật ngự. Đến nơi, Tôn giả trịch áo bày vai bên phải, gối quỳ sát đất, cúi đầu lễ bên chân Đức Thế Tôn xong, đứng trước Phật bạch:

–Các phương, các nước *(như trước đã nói),* con theo hầu Đức Phật được nghe đều đã rõ biết, cho đến theo Phật nghe pháp, cũng được biết rõ. Như chỗ thác sanh của các vị Ưu-bà-tắc trong thành Na-đề-ca, Phật cũng đã nói. Trong thành Na-đề-ca kia, lại có năm trăm vị Ưu-bà-tắc cũng đã mạng chung. Các Ưu-bà-tắc ấy khéo đoạn ba chướng, chứng quả Tu-đà-hoàn, ngược dòng sanh tử, bảy lần trở lại nhân gian, bảy lần sanh lên cõi trời, rõ giới hạn của khổ, quyết chứng Bồ-đề.

Lại nữa, trong thành Na-đề-ca còn có ba trăm vị Ưu-bà-tắc cũng lần lượt mạng chung. Các vị ấy cũng đoạn được ba chướng cùng tham, sân, si. Một lần trở lại nhân gian, rõ được giới hạn của khổ, chứng quả Tư-đà-hàm.

Lại nữa, trong thành Na-đề-ca, còn có hai trăm năm mươi vị Ưu-bà-tắc lần lượt mạng chung. Các Ưu-bà-tắc ấy đoạn năm thứ phiền não và

tùy phiền não, chứng quả A-na-hàm, không trở lại nhân gian, không còn luân chuyển. Các việc như vậy con cũng đã rõ biết. Riêng nước Ma-già-đà có các vị Ưu-bà-tắc thượng thủ, sau khi mạng chung, những vị ở nước này chưa có ai được Đức Thế Tôn nói về chỗ thác sanh của họ. Cúi mong Đức Thế Tôn vì con mà giảng nói các vị Ưu-bà-tắc ở nước Ma-già-đà được thác sanh ở đâu? Hạnh nghiệp tu tập được quả báo gì?

Bạch Đức Thế Tôn, lại ở nước Ma-già-đà có vua Tần-bà-sa-la một lòng quy hướng Đức Phật, hiểu biết Chánh pháp, tôn trọng Tăng già, trọn đời luôn nhớ nghĩ không quên. Sau khi mạng chung, nhân dân trong nước đều khen ngợi công đức của vua. Họ nói: "Đây chính là bậc Pháp vương, nguyện cho Pháp vương sanh ở cõi lành, được an vui thù thắng".

Bạch Đức Thế Tôn, vì sao Ngài chưa nói đến chỗ thác sanh, ý nguyện, quả vị của vua? Cúi mong Đức Thế Tôn giảng nói từng sự việc.

Tôn giả lại thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, nước Ma-già-đà kia là nơi Đức Phật thành Chánh giác, tối cao thù thắng không thể so sánh, nơi thắng địa này vị vua ấy là chủ, cúi mong Đức Thế Tôn vì vua nói chỗ thác sanh.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của Tôn giả A-nan bằng cách im lặng. Tôn giả A-nan thấy Phật im lặng, biết là đã nhận lời thỉnh, liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi trở về chỗ cũ.

Bấy giờ, đêm đã gần mãn, trời sáng, sắp đến giờ thọ thực, Đức Thế Tôn đắp y mang bình bát vào thành Na-đề-ca lần lượt khất thực. Được thức ăn, Ngài trở về trú xứ, xếp y, rửa chân, trải tòa ngồi để thọ thực. Thọ thực xong, Ngài đi kinh hành, rồi trở lại chỗ ngồi suy nghĩ về câu hỏi của Tôn giả A-nan: "Quốc vương nước Ma-già-đà và các vị Ưu-bà-tắc đã mạng chung ở đây sẽ sanh về chỗ nào? Do hạnh nguyện gì, được quả báo thế nào?"

Khi suy niệm như vậy, do thần lực của Phật, ở trong không trung có tiếng xưng tên:

–Bạch Thế Tôn, con là Nhân Tiên. Bạch Đức Thiện Thệ, con là Nhân Tiên.

Khi ấy Đức Thế Tôn nghe tiếng ở không trung, liền từ tòa ngồi đứng dậy, đi đến chỗ các vị Thanh văn. Các chúng Thanh văn vây quanh Phật và an tọa. Tôn giả A-nan đi tới chỗ Phật, trịch áo bày vai bên phải, lễ dưới chân Đức Phật, đứng ở phía trước, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà ngài hoan hỷ hơn bình thường?

Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Như ông đã thưa thỉnh: "Vua Tần-bà-sa-la và các vị Ưu-bà-tắc sau khi mạng chung ở đây sẽ sanh về chỗ nào? Do hạnh nguyện gì, được quả báo ra sao?" Ta muốn đem ý nghĩa này chỉ bày cho thế gian, nhưng thời gian nói chưa đến. Ta luôn nhớ nghĩ mà an trú qua đêm, đến giờ ăn vào thành khất thực, trở về chỗ cũ, thọ thực xong, đi kinh hành, lui về tòa ngồi. Vì đã đến thời có thể giảng nói nên Ta đã nhớ nghĩ, quán sát vấn đề ông hỏi. Quốc vương nước Ma-già-đà kia và các vị Ưu-bà-tắc chết ở đây, sanh ở kia và hạnh nguyện thọ quả báo của họ theo thứ tự như thế. Do thần lực của Ta, ở trong hư không có tiếng xưng tên: "Bạch Thế Tôn, con là Nhân Tiên. Bạch Đức Thiện Thệ, con là Nhân Tiên".

Phật lại bảo:

–Này A-nan, ông xưa nay có nghe tên như vậy không?

A-nan bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, con chưa nghe tên như vậy. Khi con nghe tên này lông toàn thân như dựng ngược.

Tôn giả A-nan nói như vậy, lại nghe trong không trung có tiếng:

–Bạch Thế Tôn, con là vua Tần-bà-sa-la. Bạch Đức Thiện Thệ, con là vua Tần-bà-sa-la. Con nay hướng về Đức Phật hai, ba lần tự xưng tên tuổi, dòng họ. Bạch Đức Thế Tôn, Nhân Tiên ngày xưa sau khi mạng chung, sanh vào cõi người, được làm vua loài người, chứng quả Tu-đà-hoàn, nay là đời thứ bảy con được sanh vào Thiên cung Tỳ-sa-môn, cũng gọi là Nhân Tiên. Bạch Đức Thế Tôn, hiện nay con là con của Tỳ-sa-môn thiên vương, khéo rõ biết lời dạy vi diệu an lạc, tịch tĩnh của Phật. Sau này con sẽ chứng quả Tư-đà-hàm.

Phật liền khen ngợi:

–Lành thay! Hay thay! Ông là Nhân Tiên. Rất tốt! Ông nên như vậy mà tu hành không buông lung. Này Nhân Tiên, do nhân duyên gì mà ông được quả Tu-đà-hoàn?

Nhân Tiên đáp:

–Con không tạo nhân gì, cũng không có duyên gì đặc biệt, chỉ biết Phật pháp vi diệu tối thắng, tin tưởng sâu sắc, thực hành theo nên liền chứng được sơ quả. Bạch Thế Tôn, theo lệnh của Thiên vương Trì Quốc, con đi đến chỗ Thiên vương Tăng Trưởng, do đó mà biết được Đức Thế Tôn ở tại tinh xá Côn-tả-ca, riêng ngồi một mình, suy niệm về Quốc vương nước Ma-già-đà và các Ưu-bà-tắc, từ đây mạng chung sanh về chỗ

nào? Do hạnh nguyện gì? Được quả báo gì? Đức Phật muốn giảng nói các sự kiện như vậy. Bạch Đức Thế Tôn, con từ chỗ phụ vương Tỳ-sa-môn đích thân nghe được việc ấy, nhớ giữ không quên. Vì vậy con nay chính do nhân duyên ấy nên đi đến chỗ Phật để nói sự việc đó.

Phật dạy:

–Này Nhân Tiên, nay đã đúng thời, ông nên rộng nói.

Khi ấy Nhân Tiên vâng lời của Thế Tôn dạy, liền thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, một thời con nghe phụ vương Tỳ-sa-môn nói với chúng trời: "Các vị Thánh giả nên một lòng lắng nghe. Tôi ngày xưa ở cõi trời Ba mươi ba, đang thuyết pháp trong một hội chúng đặc biệt, chư Thiên đều vân tập đầy đủ và trời Hộ thế cũng có trong hội ấy, đều ngồi theo phương hướng của mình. Thiên vương Trì Quốc ngồi ở hướng Đông, quay mặt về hướng Tây. Thiên vương Tăng Trưởng ngồi ở hướng Nam, quay mặt về hướng Bắc. Thiên vương Quảng Mục ngồi ở hướng Tây, quay mặt về hướng Đông. Ta ngồi ở hướng Bắc, quay mặt về hướng Nam. Đại chúng nghe pháp ngồi trước mặt trời Hộ thế. Khi ấy chư Thiên và trời Hộ thế... đều muốn nghe pháp, đi đến hội chúng đó. Sau khi nghe pháp, trở về cung điện của mình, bỗng có ánh sáng lớn soi khắp cả hội chúng đến nỗi che khuất ánh sáng của chư Thiên. Bấy giờ trời Đế-thích bảo chư Thiên:

–Các vị nên biết, ánh sáng lớn này soi khắp hội chúng, khiến cho ánh sáng và sắc tướng của ta và của cả chư Thiên bị che không thể hiển hiện. Vì vậy chẳng bao lâu Đại Phạm thiên vương sẽ đến trong hội chúng này. Vì sao vậy? Phàm Đại Phạm thiên vương đi đến chỗ nào, trước hiện tướng lành. Chư Thiên các vị chớ rời khỏi chỗ ngồi, để biết vì sao hiển hiện ánh sáng này.

Chư Thiên và trời Hộ thế thưa Đế-thích:

–Chúng tôi thừa lệnh không đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cho đến khi biết được lý do xuất hiện ánh sáng.

Khi ấy Đại Phạm thiên vương dùng thân hình đồng tử bỗng nhiên xuất hiện trong chúng hội ấy, đầu có năm búi tóc, sắc tướng đầy đủ, liền nói kệ bảo chư Thiên:

Ông nương Phật Thế Tôn
Là mắt sáng cõi trần
Khéo nói pháp vi diệu
Được nghe câu tịch tĩnh.

Quý vị chúng chư Thiên
Sắc tướng oai lực lớn
Nhân tu phạm hạnh Phật
Do đấy sanh cõi trời.
Lại có vị tịnh hạnh
Đủ sắc, thọ, danh xưng
Là Phật tử trí lớn
Không lâu sanh cõi này.
Chư Thiên nghe lời ấy
Tâm sanh nhiều hoan hỷ
Nương về Phật Thế Tôn
Tin tưởng pháp vi diệu.
Khi Phạm vương nói kệ
Đủ năm thứ diệu âm
Chấn động rất sâu xa
Người nghe vui chân thật.

Khi Đại Phạm thiên vương nói kệ có đủ năm thứ diệu âm, đó là: âm thanh của bậc Đại phạm, âm thanh như chim Ca-lăng-tần-già, âm thanh như tiếng trống lớn, âm thanh như tiếng sấm vang rền và âm thanh luôn được yêu thích.

Phạm vương ở trong hội chúng, thâu hình đồng tử lại, hiện ra thân lớn. Ý nghĩa ấy là thế nào? Đại Phạm thiên vương tùy tâm ưa thích của đại chúng mà hiện thân kia. Hiện ra thân lớn có hai loại đức tính:

1. Đầy đủ sắc tướng.
2. Danh xưng vang khắp.

Thí như vàng ròng có hai đức tính, nghĩa là màu sắc và danh tiếng. Đại Phạm thiên vương ở trong Thiên chúng hiện hai loại thân cũng lại như vậy.

Khi Phạm thiên vương đến hội chúng, Thiên chúng trong hội không đứng dậy, cũng không làm lễ. Lúc đó Thiên chúng chắp tay ngồi yên, đều khởi ý nghĩ: "Ôi! Đây là chủ của thế giới Ta-bà!". Đại Phạm thiên vương ở trước chúng hội dùng thân đã hiện, lại hiện thân lớn hơn.

Khi ấy Phạm thiên vương biết tâm niệm của Thiên chúng, ngay trong thân lớn lại hiện lớn gấp bội. Ở trong hội chúng Thiên vương liền bay lên hư không ngồi kiết già, ví như đại lực sĩ ngồi vững trên đất, Đại

Phạm thiên vương ngồi cũng như vậy.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương lại bảo Thiên chúng:

–Sở dĩ hiện được thân lớn là do năng lực của Bốn thần túc. Chỉ có Đức Thế Tôn mới biết, mới thấy, có thể nói, có thể tu, lại cũng có thể hiển hiện. Vì vậy cho nên các vị cũng nên thành tâm tu thần túc này, cho đến hiện được thần thông, được lợi ích lớn. Bốn thần túc ấy là: Dục, Cần, Tâm, Tuệ.

Thiên chúng lại suy nghĩ: "Ôi! Đại Phạm thiên vương, mong biến hóa chư Thiên chúng tôi tất cả đều như thân Phạm vương, trong chỗ ngồi của mỗi Phạm thiên đều có một thiên vương ngồi".

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương biết tâm niệm của Thiên chúng, liền dùng thần lực thâu nhiếp thân chư Thiên, hóa thành thân Phạm vương, ở trong mỗi chỗ ngồi kia đều có một Thiên vương ngồi. Tâm niệm của Thiên chúng đều thỏa mãn và an lạc. Ví như vua Sát-đế-lợi nhận vua cha lễ quán đảnh để kế thừa vương vị, tâm niệm được thỏa mãn nên rất an vui, các Thiên chúng kia cũng lại như vậy.

Bấy giờ Đại Phạm lại bảo Thiên chúng:

–Chư Thiên và các vị trời Hộ thế nên một lòng lắng nghe! Trong các bậc Thánh chỉ có Phật Như Lai là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với Bốn thần túc có thể giảng nói rộng khắp, đã tu tập lâu dài, có năng lực biến hiện. Vì vậy các vị cần phải phát lòng thành, siêng năng tu tập, sẽ được biến hiện tự tại, đạt được nhiều lợi ích.

Khi ấy, các Thiên vương ngồi nơi chỗ ngồi của Phạm vương đều sanh niệm nghi ngờ: "Chỉ có một Đại Phạm vương, ngồi trong chỗ của ta. Vì sao khi ngài nói thì chư Thiên đều nói, nếu ngài im lặng thì chư Thiên cũng im lặng." Lại nữa, thiên chủ Đế-thích cũng khởi ý niệm như vầy: "Ôi, Đại Phạm thiên vương, nguyện thâu nhiếp thân hình vốn có của Thiên chúng chúng tôi, biến thành một thân lớn, ngồi ở trong chỗ của ta". Lúc đó Đại Phạm thiên vương biết ý niệm của Đế-thích, liền thâu thân hình của Thiên chúng, hiện ra một thân lớn, ngồi kiết già ở trong chỗ ngồi của Đế-thích. Đại Phạm thiên vương đã sử dụng sức thần túc, mỗi mỗi biến hiện như thế. Làm công việc biến hóa rồi, lại bảo chư Thiên và các vị trời Hộ thế:

–Đức Phật Thế Tôn dùng diệu lực của Bốn thần túc này và pháp Thanh văn trước kia đã hóa độ tám vạn vị Ưu-bà-tắc ở nước Ma-già-đà khéo đoạn ba chướng, dứt hết giới hạn của khổ, chứng quả Tu-đà-hoàn, ở trên cõi trời và trong nhân gian bảy lần qua lại. Có người sanh ở cõi

trời Tha hóa tự tại, có người sanh ở cõi trời Hóa lạc, có người sanh cõi trời Ba mươi ba, có người sanh cõi Tứ thiên vương, có người sanh ở vương cung dòng Sát-đế-lợi, có người sanh vào nhà thượng thủ Bà-la-môn, có người sanh trong nhà trưởng giả giàu có lớn.

Lại nữa, trong các Thiên tử, có vị suy nghĩ: "Ôi! Làm sao có được bốn vị Phật xuất hiện ở đời. Ôi! Làm sao có được tám vị Phật xuất hiện ở đời". Đại Phạm thiên vương biết tâm niệm của chư Thiên nên bảo:

–Thiên chúng các ông chớ nên nghĩ như vậy. Suy nghĩ muốn có bốn Đức Phật xuất hiện ở đời, cho đến tám Đức Phật xuất hiện ở đời, việc ấy không thể có được. Các Hiền giả nên biết, tôi nghe Phật dạy rằng không có hai Đức Phật cùng lúc xuất hiện ở đời, làm sao có đến bốn Đức Phật, tám Đức Phật cùng xuất hiện ở đời? Chư Hiền chỉ nên nguyện: Thể vô lậu của Đức Phật Thế Tôn, thọ mạng luôn tăng trưởng, trú lâu ở đời.

Lúc ấy chư Thiên lại nghĩ: "Làm sao Đại Phạm thiên vương lại biết rõ tất cả tâm niệm của ta?" Tất cả chư Thiên trong lòng đều sanh sợ hãi, buồn lo. Khi ấy Đại Phạm thiên vương bảo đại chúng:

–Các vị Thiên chúng và trời Hộ thế hãy một lòng lắng nghe, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác giảng nói chánh pháp Nhất thừa, khiến các chúng sanh xa lìa ưu bi, khổ não, đều được thanh tịnh, chứng lý chân thật. Lại nữa, ta sẽ bảo cho các vị: có ba loại pháp Như Lai đều biết. Ba loại pháp ấy là gì? Đó là nếu có người thân trước đã tạo nghiệp bất thiện, ý nghĩ bất thiện, sau do gần gũi bạn lành, lắng nghe diệu pháp, buộc niệm tư duy, đoạn dứt điều bất thiện của thân. Thân tạo nghiệp lành, đoạn dứt ý không lành, ý nghĩ đến hạnh lành. Người này từ trong an lạc sanh an lạc, trong vui thích lại sanh vui thích. Ví như có người ở chỗ hoan hỷ sanh tâm hoan hỷ, tự vui lại sanh vui. Người kia vui thích an lạc cũng lại như vậy. Đó là pháp loại thứ nhất.

Lại nữa, có người trước đã thọ năm dục, tạo nghiệp bất thiện, sau gần gũi bạn lành, lắng nghe diệu pháp, buộc niệm tư duy, bỏ được dục lạc, lại cũng không tạo các nghiệp bất thiện. Người ấy trong an lạc sanh an lạc, trong thích ý lại sanh thích ý. Ví như có người từ hoan hỷ lại sanh hoan hỷ, vui lại sanh vui. Người ưa vui Phật pháp cũng lại như vậy. Đó là loại pháp thứ hai.

Lại nữa, có người với pháp bất thiện rõ biết như thật, cũng với pháp thiện rõ biết như thật, cho đến Khổ, Tập, Diệt, Đạo cũng biết rõ như thật. Sau lại gần gũi bạn lành, với pháp bất thiện và các pháp thiện, cho đến Khổ, Tập, Diệt, Đạo đối với các pháp này lại tăng hiểu biết tinh vi gấp

bội. Người ấy từ trong an lạc sanh an lạc, trong thích ý lại sanh thích ý. Ví như có người trong hoan hỷ lại sanh hoan hỷ, vui lại sanh vui. Người ưa vui giáo pháp cũng lại như vậy. Đó là loại pháp thứ ba.

Đại Phạm thiên vương lại bảo chư Thiên và các vị trời Hộ thế:

–Các Thánh giả nên một lòng lắng nghe. Có bốn loại pháp Đức Phật Thế Tôn thảy đều thấy biết. Bốn loại pháp ấy là gì? Đó là thân, thọ, tâm, pháp. Đức Như Lai dùng trí tuệ quán bốn pháp này, hoặc trong hoặc ngoài rõ biết như thật, trí tuệ hiện hành, tu tập viên mãn, khéo nói chánh pháp Nhất thừa Bồ-đề, khiến chúng sanh đều được thanh tịnh, xa lìa ưu bi khổ não, chứng được lý của pháp vi diệu.

Đại Phạm thiên vương lại nói với chư Thiên và các vị trời Hộ thế:

–Các Thánh giả nên một lòng lắng nghe. Có pháp Tám chánh đạo, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác thảy đều thấy biết. Tám pháp ấy là gì? Đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Như vậy là Tám chánh đạo, tức là pháp dùng để đi vào con đường chánh định. Nếu có tu tập như vậy được Chánh tư duy, thực hành phạm hạnh, tu tập viên mãn, đạt được an vui của Phạm thiên. Lại còn Chánh ngữ là tất cả lời nói chân chánh, đầy đủ tất cả các hình thái của nó, nói đúng theo phạm hạnh, phân biệt làm sáng tỏ giáo pháp, được ý chỉ như thật, nói lời Chánh ngữ là mở cửa cam lồ, chỉ pháp Nhất thừa, khiến chúng sanh đều được thanh tịnh, xa lìa khổ não ưu bi, chứng được lý vi diệu của Phật pháp.

Lúc bấy giờ Nhân Tiên bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, các loại pháp quan trọng con nói đều là do Đại Phạm thiên vương ở cung trời Đế-thích đã vì chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, bốn vị trời Hộ thế và chư Thiên chúng... mà giảng nói như thế. Phụ vương của con là Tỳ-sa-môn thiên vương trở về cung điện đã nói, con đều ghi nhớ không quên. Nay nương nhờ oai lực lớn của Đức Như Lai, vì Tôn giả A-nan muốn biết chỗ sanh, chỗ diệt, hạnh nguyện quả báo của vua Tần-bà-sa-la, con nay đối trước Phật như thật nói ra.

Đức Phật khen:

–Lành thay! Hay thay! Ông nay khéo nói như thế.

Bấy giờ Nhân Tiên nói pháp ấy xong, Tôn giả A-nan và các vị trong chúng hội được nghe pháp ấy hoan hỷ tín thọ, lễ Phật lui ra.

❑

SỐ 10

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI HAI BÀ-LA-MÔN BẠCH Y VÀ KIM TRÀNG

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ngự tại giảng đường Lộc mẫu, gần khu vườn rừng hoang thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ có hai vị Bà-la-môn tên là Bạch Y và Kim Tràng, đến chỗ Đức Phật cầu xin xuất gia thành bậc Bí-sô. Khi ấy trời đã xế chiều, Đức Thế Tôn rời phòng đi đến giảng đường Lộc mẫu, dạo quanh kinh hành. Lúc đó Bà-la-môn Bạch Y thấy Phật Thế Tôn đi đến giảng đường Lộc mẫu, dạo quanh kinh hành, bèn gọi Bà-la-môn Kim Tràng nói:

–Này Kim Tràng, sự vui thích ở thế gian, các pháp được gọi là vui thích ấy, tất cả đều là hý luận. Tôi tuy có thực hành (các pháp ấy) nhưng rốt cuộc nó không phải là chân thật, hoặc thân hoặc tâm sanh biếng nhác, mệt mỏi. Do thân tâm biếng lười, mệt mỏi nên sanh ra thất niệm. Do sự thất niệm ấy nên đó là pháp vô thường không bền chắc, không rốt ráo, pháp tiêu tán hư hoại. Ông nay không nên ưa thích tu tập, thực hành pháp ấy, tức là việc lập bày phụng thờ lửa.

Bà-la-môn Kim Tràng nói:

–Ông làm sao biết được?

Bạch Y đáp:

–Tôi được nghe từ Tôn giả Cù-đàm. Đức Cù-đàm có đại biện tài, biết rõ nghĩa ấy. Ngài đã dạy: Cách thức thờ lửa là tập tục được truyền lại từ một vị Tiên xưa, cho đến phương cách của việc thờ lửa, Ngài cũng đều biết. Ngài nói có một loại Tiên nhân, ở trong hàng Sa-môn, Bà-la-môn sanh khởi ý lỗi lầm, nên tạo việc phải phụng sự lửa. Những kẻ lỗi lầm ấy ganh ghét nhau nên tìm kiếm chỗ yếu kém của nhau, chính do vậy nên mới có những lỗi lầm, khiến thọ mạng của các chúng hữu tình giảm bớt.

Lại nữa, có chúng sanh ở thế giới khác thọ mạng đã hết mà sanh đến đây, tìm cầu thanh tịnh, bỏ nhà xuất gia, tu hành tinh tấn, tương ưng với chân thật, khéo tác ý chân chánh, thân tâm như thế sẽ vào chánh định. Hướng tâm theo định liền có thể ghi nhớ chỗ ở kiếp trước. Những chúng sanh ấy không ưa ganh ghét, dò xét lỗi lầm của nhau, do đấy nên không khởi lên nguyên nhân của lỗi lầm. Đó là chính pháp thường trú, vững chắc, rốt ráo, là pháp không tiêu tán hư hoại.

Nếu có chúng sanh tìm xét lỗi lầm của nhau, do đó mà cùng tạo ra nhân sanh khởi lỗi lầm, thì đó là pháp vô thường, không vững chắc, không rốt ráo, là pháp tán hoại. Vì vậy, các Bà-la-môn không nên tu tập thực hành như vậy, chớ khởi ý lỗi lầm lập bày phép thờ lửa.

Này Kim Tràng, ông có biết không? Đức Thế Tôn vào lúc xế chiều, rời khỏi tịnh thất, đến giảng đường Lộc mẫu, dạo quanh kinh hành. Ông nay có thể cùng ta đồng đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lễ dưới chân Phật. Khi Phật kinh hành, chúng ta theo sau cũng đi kinh hành. Đức Thế Tôn sẽ vì chúng ta tùy nghi nói pháp.

Bà-la-môn Kim Tràng Nói:

–Lành thay! Tôi sẽ đi.

Bấy giờ hai vị Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng cùng nhau bàn luận xong, đồng đi đến chỗ Phật. Khi đến nơi, hai vị đầu mặt lễ dưới chân, theo sau kinh hành. Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Bạch Y và Kim Tràng:

–Các ông nên biết, những Bà-la-môn tự cho là thấu rõ ba minh, thuộc chủng tộc cao thượng, dòng họ thanh tịnh, theo việc thờ lửa trời, từ trong dòng tộc thù thắng mà sanh, cha mẹ đều thanh tịnh; khéo sanh trong dòng tộc hiền thiện, cho đến bảy đời, cha mẹ đều tôn quý thanh cao, dòng tộc thù thắng, không tội lỗi, không bị phỉ báng. Được như thế đều nhờ nơi dòng họ thanh tịnh. Lại tự cho rằng thông suốt năm thứ Ký luận:

1. Những pháp căn bản mẫu mực, thấu tỏ Ba minh.

2. Định danh các vật.

3. Cai-tra-bà-na.

4. Văn, chữ, chương, câu.

5. Lời nói khéo léo, êm ả, vui tươi.

Các Ký luận này trong kinh điển Vệ-đà, các bậc thầy Bà-la-môn đều biết rõ. Này Bạch Y, các Bà-la-môn ở trong Ba minh, há chẳng bị khinh hủy, lăng nhục và bị chê bai phỉ báng sao?

Hai Bà-la-môn Bạch Y, Kim Tràng đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, các Bà-la-môn ở trong Ba minh, làm sao không bị khinh hủy lăng nhục và không bị các điều chê bai phỉ báng. Nhưng trong kinh điển Ba minh của Bà-la-môn lại nói như thế này: "Các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh, là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh ra, là dòng dõi Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương truyền trao. Vì vậy các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh." Bạch Thế Tôn, chúng con, Bạch Y và Kim Tràng cũng do quyến thuộc trói buộc, không được giải thoát, mất dần pháp lành, tăng trưởng pháp ác. Bạch Thế Tôn, đó cũng chính vì con là Bà-la-môn có Ba minh như trong kinh điển cũng bị các việc khinh hủy, lăng nhục, chê bai, phỉ báng.

Phật dạy hai vị Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng:

–Các ông nên biết, những Bà-la-môn ở trong Ba minh, sở dĩ rước lấy sự khinh khi, hủy báng và chê bai là do Bà-la-môn nói như thế này: "Các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh, là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh ra, là dòng dõi Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương truyền trao. Vì vậy các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh!"

Này Bạch Y, các Bà-la-môn ấy tuy nói như vậy, nhưng ngược lại thì phá hoại, làm suy yếu tự thân, còn làm tổn thương mất mát. Các Bà-la-môn ấy bị phá hoại là do bởi không thành thật, lại khởi chấp trước, đi ngược với chánh pháp mà còn sanh tâm chê trách, nhàm chán lánh xa. Do đấy liền sanh khởi tranh luận. Vì sao vậy? Này Bạch Y, nếu có Bà-la-môn cho là khi sanh, thời gian cũng khác, trong thai cũng khác, chấp chặt vào quan điểm: "Do thời gian sanh khác nên mới thanh tịnh, mà các Bà-la-môn cũng đồng sanh chỗ thanh tịnh như vậy", cho nên nói thế này: "Các Bà-la-môn là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh ra, là dòng dõi Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương truyền trao. Vì vậy các Bà-la-môn chính thật là thanh tịnh, là Bà-la-môn chân chánh!"

Bạch Y, ông nên biết, có bốn chủng loại, tức là bốn chủng tộc. Thế nào là bốn?

–Là chủng tộc Sát-đế-lợi, chủng tộc Bà-la-môn, chủng tộc Tỳ-xá, và chủng tộc Thủ-đà-la.

Này Bạch Y, như vậy trong bốn chủng tộc ấy, người tạo nghiệp xấu nhận lấy quả báo xấu, chẳng phải là việc làm thù thắng, bị người trí chê trách, chết đọa đường ác. Lại trong bốn chủng tộc, có người tạo nghiệp tốt, thọ nhận quả báo tốt, là việc làm thù thắng, được người trí khen ngợi,

chết sanh cõi trời.

Này Bạch Y, thế nào gọi là nghiệp ác? Đó là: sát sanh, trộm cắp, tà nhiễm, nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, ác khẩu, tham lam, sân hận và tà kiến. Đấy là nghiệp ác.

Thế nào là nghiệp tốt? Ấy là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà nhiễm, không nói dối, không nói lời thêu dệt, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không tham, không sân, chánh kiến. Đấy là nghiệp tốt.

Lại nữa Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý niệm, cho rằng với các nghiệp xấu như sát sanh,… chịu lấy quả báo xấu, chẳng phải việc làm thù thắng, bị người trí chê trách, xa lánh, các chủng tộc Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la kia đều có, mà chỉ riêng chủng tộc Bà-la-môn không có việc ấy.

Hai Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, vì sao lại nói lời ấy, việc ấy không phải như vậy. Nếu người tạo nghiệp xấu sẽ nhận lấy quả báo xấu. Các chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la đều có những việc đó, mà riêng Bà-la-môn sao lại tránh khỏi?

Phật dạy:

–Này Bạch Y, ông lại chớ nên sanh khởi ý niệm, cho rằng các nghiệp xấu Bà-la-môn không có, còn ba chủng tộc kia thì có. Lời ấy là hợp với câu nói trong kinh Ba minh bảo rằng Bà-la-môn là con của Phạm thiên, từ miệng thanh tịnh sanh ra, là dòng dõi của Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương trao truyền, nguồn gốc thọ sanh thanh tịnh, nên là Bà-la-môn chân chánh.

Này Bạch Y, ông lại chớ sanh khởi ý niệm này: nếu trong bốn chủng tộc đều có nghiệp xấu, thì lời ấy không tương ưng với lời dạy trong kinh Ba minh.

Lại nữa, Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý nghĩ, cho rằng với các nghiệp tốt như: không sát sanh... sẽ nhận lấy quả báo tốt, là việc làm thù thắng, được kẻ trí khen ngợi, các hàng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ đà, trong các chủng tộc ấy không có, chỉ riêng Bà-la-môn mới có.

Bạch Y và Kim Tràng bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, sao nói như thế được? Việc ấy không phải như vậy. Nếu người tạo nghiệp tốt sẽ nhận lấy quả báo tốt, các hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà đều có như vậy, không riêng Bà-la-môn mới có.

Phật dạy:

–Này Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý, cho là các nghiệp tốt chỉ Bà-la-môn mới có, ngoài ra ba chủng tộc kia thì không. Lời ấy tức tương ứng với lời dạy trong kinh Ba minh. Do Bà-la-môn là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh, là dòng dõi của Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương trao truyền. Do nguồn gốc sanh thanh tịnh nên mới là Bà-la-môn chân chánh.

Này Bạch Y, ông lại chớ sanh khởi ý niệm này: nếu trong bốn chủng tộc đều có nghiệp tốt thì lời ấy là không tương ứng với lời dạy trong kinh Ba minh.

Lại nữa Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý niệm, cho rằng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, trong các chủng tộc ấy làm các việc sát sanh... tức các nghiệp xấu, khi thân hoại mạng chung, đọa ở địa ngục mà riêng Bà-la-môn không có như vậy.

Bạch Y và Kim Tràng bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn sao lại nói như vậy được? Việc ấy không phải thế. Các hàng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, trong các chủng tộc ấy ai tạo nghiệp xấu thì khi thân hoại mạng chung đều bị đọa địa ngục, mà riêng Bà-la-môn sao không bị đọa?

Phật dạy:

–Này Bạch Y, ông lại chớ sanh khởi ý cho rằng người tạo nghiệp ác bị đọa ở địa ngục, Bà-la-môn thì không, còn ba chủng tộc kia thì có. Lời ấy là tương ứng với lời dạy trong kinh Ba minh. Do Bà-la-môn là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh, là dòng dõi của Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương trao truyền, nguồn gốc sanh thanh tịnh nên mới gọi là Bà-la-môn chân chánh.

Này Bạch Y, ông lại chớ nên sanh khởi ý nghĩ: nếu trong bốn chủng tộc có tạo nghiệp xấu ác đều bị đọa địa ngục thì lời này là không tương ứng với lời dạy trong kinh Ba minh.

Lại nữa, này Bạch Y, ông chớ sanh khởi ý nghĩ: vì không sát sanh... tức tạo các nghiệp tốt khi thân hoại mạng chung được sanh ở cõi trời. Các hàng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la kia đều không được việc ấy, mà chỉ riêng Bà-la-môn là được việc ấy.

Bạch Y và Kim Tràng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, sao lại nói như vậy? Việc ấy không như thế. Các hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, người nào tạo nghiệp tốt thì khi thân hoại mạng chung đều được sanh cõi trời, đâu riêng Bà-la-môn mới có.

Phật dạy:

–Này Bạch Y, ông lại chớ sanh khởi ý nghĩ, cho rằng tạo nghiệp tốt được sanh ở cõi trời, chỉ Bà-la-môn mới có, ngoài ra ba chủng tộc kia thì không. Lời ấy thích ứng với lời dạy trong kinh Ba minh, do Bà-la-môn là con của Phạm vương, từ miệng thanh tịnh sanh, là dòng dõi của Phạm vương, từ Phạm vương hóa sanh, được Phạm vương truyền trao, nguồn gốc sanh trưởng thanh tịnh, nên là Bà-la-môn chân chánh.

Này Bạch Y, ông lại chớ nên sanh khởi ý nghĩ cho rằng nếu người trong bốn chủng tộc tạo nghiệp tốt đều được sanh cõi trời. Lời ấy là không thích ứng với lời dạy trong kinh Ba minh.

Lại nữa, Bạch Y, Ta trước đã nói: các pháp như vậy, hoặc lành, chẳng lành, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc có tội hoặc không tội, hoặc thuộc phần tịnh hoặc thuộc phần nhiễm, hoặc hơn hoặc kém, hoặc rộng hoặc hẹp, Các pháp như vậy chuyển biến tùy theo thời nhưng các Bà-la-môn một mực chấp chặt. Ta nói người ấy thật là kẻ si mê, nên tự thức tỉnh tâm của mình để được hiểu biết.

Này Bạch Y, lại các hàng Bà-la-môn, hoặc khởi luận bàn về họ hàng, hoặc luận bàn về dòng tộc, hoặc luận bàn về giáo nghĩa và khởi ý nghĩ thế này: "Người khác phải lập tòa ngồi, dâng nước, hiến cúng, đứng dậy trước để nghinh đón, chắp tay hỏi chào, thăm viếng Ta. Ta không cần đối với người khác làm các việc như vậy". Người khởi ý nghĩ ấy, Ta nói người ấy là không thấy chánh pháp.

Lại nữa, Bạch Y, nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn chấp trước khi nói về dòng họ, chủng tộc, hoặc lại chấp trước khi luận bàn về giáo nghĩa. Ta nói đó chẳng phải là Sa-môn, Bà-la-môn có hạnh xa lìa chân chánh.

Này Bạch Y, nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn không chấp trước khi nói về dòng họ, cũng không chấp trước khi bàn về chủng tộc, lại cũng không chấp trước khi bàn về giáo nghĩa. Ta nói đó là Sa-môn, Bà-la-môn có hạnh xa lìa chân chánh, hiểu biết chân chánh.

Lại nữa, Bạch Y, đại vương Thắng Quân, chủ nước Kiều-tát-la, thấy Sa-môn Cù-đàm là con của tộc họ Thích, từ trong dòng họ Thích bỏ nhà xuất gia. Vua Thắng Quân kia đối với người con của tộc họ Thích hoan hỷ, vui thích, cung kính lễ bái, đứng lên trước để nghinh đón, chắp tay thưa hỏi. Này Bạch Y, đại vương Thắng Quân, chủ nước Kiều-tát-la, đối với Phật Như Lai hoan hỷ, vui thích, cung kính lễ bái, đứng dậy trước nghinh đón, chắp tay thưa hỏi. Nhà vua kia không phải vì Sa-môn Cù-đàm là dòng tộc cao quý thù thắng, vua cũng không khởi ý về dòng tộc

cao quý, thù thắng; không vì Sa-môn Cù-đàm có tướng hảo đoan nghiêm, vua cũng không khởi ý nghĩ về tướng hảo; cũng không vì Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, vua cũng không sanh khởi ý nghĩ về tiếng tăm. Do đấy nên biết pháp vốn là như thế.

Này Bạch Y, pháp ấy xưa nay là lớn lao, tối thượng, vô cùng cao quý, thù thắng. Chánh kiến như vậy là mẹ của các pháp, là sự tăng thượng, là chốn quay về rốt ráo.

Lại nữa, Bạch Y, nếu có người tâm an trú trong chánh tín đối với Ta, người ấy tức được tăng trưởng vững chắc, đã căn bản ra khỏi sanh tử, không mất niềm tin thanh tịnh. Vì sao vậy? Bởi vì Sa-môn hay Bà-la-môn, hoặc chư Thiên, Ma vương, Phạm chí, tất cả ba cõi đều là con Ta, đều đồng một pháp không có sai biệt, từ miệng của chánh pháp sanh ra, cùng một pháp, từ pháp mà hóa sanh, là con của pháp chân chánh.

Này Bạch Y, nếu có người hỏi: "Tất cả các ông đều có cha mẹ, họ hàng, dòng tộc, vì sao xả bỏ?" thì nên nói: "Chúng tôi đều là Sa-môn, con của họ Thích". Bạch Y nên biết pháp vốn như vậy. Pháp ấy xưa nay rất cao tột lớn lao, vô cùng cao quý thù thắng. Chánh kiến như vậy là mẹ của các pháp, là sự tăng thượng, là chốn quay về rốt ráo.

❑

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI HAI BÀ-LA-MÔN BẠCH Y VÀ KIM TRÀNG

QUYỂN II

Lại nữa, Bạch Y, vào thời quá khứ xa xưa, khi thế giới ấy bị hủy hoại, các chúng sanh trong thế giới ấy được vãng sanh đến cõi trời Quang âm. Trải qua thời gian rất lâu, khi thế giới ấy hình thành, riêng có các chúng sanh ở cõi trời Quang âm mạng chung, sanh về ở cõi ấy. Các chúng sanh đó đều có ánh sáng nơi thân, thanh tịnh sáng suốt, nương hư không mà đi, tùy ý muốn mà đến, vui thích, an lạc, tự tại như ý. Do thân các chúng sanh ấy có ánh sáng nên thế giới thời ấy, ánh sáng của mặt trăng, mặt trời đều chưa xuất hiện. Do ánh sáng mặt trăng, mặt trời chưa xuất hiện, nên tinh tú cũng chưa hiện. Tinh tú chưa hiện nên màn đêm cũng không hiện. Màn đêm không hiện nên cũng không phân biệt ngày đêm khác nhau. Do chúng sanh ấy không phân biệt ngày đêm khác nhau nên năm tháng, ngày giờ cũng không có sự sai khác. Lại cũng không phân hình tướng nam nữ. Chúng hữu tình lúc bấy giờ vẫn tồn tại như vậy, ánh sáng nơi thân soi chiếu với nhau.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy ở trong quả đất này có dòng suối trào ra, màu sắc như sữa đặc, vị ngọt như nước mía, hoặc như mật, thơm ngon tuyệt diệu, làm món ăn cho loài người, nuôi dưỡng các căn, là hương vị của đất. Lúc ấy có một chúng sanh, đối với hương vị này sanh tâm ưa thích, đưa tay bốc để nếm thử hương vị của đất. Các chúng sanh khác thấy cũng bắt chước, khởi tưởng mong muốn, cũng dùng tay bốc nếm thử, tùy theo đấy mà sanh tâm ưa thích. Bấy giờ các hữu tình đối với hương vị của đất ấy rất ham thích, dùng làm món ăn nuôi dưỡng thân thể. Do ham ăn nhiều, thân thể chúng sanh dần dần cứng chắc, rồi đến thô nặng. Do thân thô nặng nên không thể tùy ý bay đi trên không, ánh sáng trên thân cũng mất. Khi đó toàn mặt đất đều tối tăm. Thế giới sau đó mới có mặt trời, mặt trăng xuất hiện. Mặt trời, mặt trăng xuất hiện thì tinh tú cũng xuất hiện. Từ đó mới có phân biệt ngày đêm. Đã có phân biệt ngày đêm tức có năm, tháng, ngày, giờ sai khác.

Lại nữa, Bạch Y, chúng sanh thời ấy lúc đầu ăn hương vị của đất,

hương vị ấy trong một thời gian dài là món ăn nuôi dưỡng người đời. Do có chúng hữu tình tham ăn nhiều, sắc tướng thô xấu. Nếu người ăn ít, sắc tướng xinh đẹp. Khi ấy người xinh đẹp thấy người thô xấu không biết thông cảm nhau nên nói: "Ông là người thô xấu, ta là người xinh đẹp". Do đây mới khởi tưởng kiêu mạn. Vì nhân duyên này mà hương vị trong đất ẩn mất. Bấy giờ các chúng sanh thấy hương vị của đất đã ẩn mất, cùng nhau than: "Khổ thay! Khổ thay! Nay đồ ăn vì sao mà ẩn mất?".

Lại nữa, Bạch Y, hương vị của đất đã mất, lại sanh ra bánh đất màu sắc như San-na-ca, mùi vị như nước mía, hoặc như mật, thơm ngon tuyệt diệu, làm món ăn cho người. Chúng sanh thời ấy cùng nhau ăn bánh đất để nuôi sống lâu dài. Do có chúng sanh tham ăn nhiều, sắc tướng thô xấu. Nếu người ăn ít, sắc tướng xinh đẹp. Người xinh đẹp thấy người thô xấu, do không thông cảm nhau, cho nên nói: "Ông là xấu xí, ta là xinh đẹp". Do đó mà sanh khởi tư tưởng kiêu mạn, vì nhân duyên này mà bánh đất ẩn mất. Lúc ấy chúng sanh thấy bánh đất không còn sanh nữa, cùng nhau than: "Khổ thay! Khổ thay! Nay bánh đất sao lại biến mất?".

Lại nữa, Bạch Y, bánh đất đã mất, lại sanh ra loại quả rừng như Ca-lung-phược-ca-chi, có bốn màu, mùi vị như nước mía, mật ong, thơm ngon tuyệt diệu, làm món ăn cho người. Thời ấy chúng sanh sau khi ăn quả rừng, làm món ăn nuôi thân lâu dài. Do có chúng sanh tham ăn nhiều, sắc tướng thô xấu. Nếu người ăn ít, sắc tướng xinh đẹp. Khi người xinh đẹp thấy kẻ thô xấu, không hiểu biết nhau, nên mới nói: "Ông thật xấu xí, ta đây xinh đẹp". Từ đó mới sanh tư tưởng kiêu mạn. Do nhân duyên này, quả rừng không mọc nữa. Lúc ấy chúng sanh thấy quả rừng không mọc, cùng nhau than: "Khổ thay! Khổ thay! Quả rừng sao lại không mọc?".

Này Bạch Y, như người thời nay, hoặc có việc đau khổ khi bị xúc não, cũng kêu than: "Khổ thay! Khổ thay!".

Lại nữa, Bạch Y, quả rừng đã mất, lúa thơm lại sanh, mà lúa thơm này không có trấu cám, mùi thơm đáng ưa, theo thời gian mà chín mùi. Buổi sáng cắt rồi, buổi chiều mọc lại. Buổi chiều cắt dùng, buổi sáng lại sanh. Cắt dùng rồi liền sống lại không có gián đoạn. Sáng chiều hai buổi lấy lúa thơm này để nuôi thân. Chúng sanh thời ấy vì không rõ nguyên nhân, cạnh tranh món ăn. Do nhân duyên này thành thân thô nặng, mới có hình tướng nam nữ sai khác. Do đó chúng sanh cùng nhau thương ghét, mới hủy báng nhau. Lại cũng lần lần cùng nhau tham đắm, do nguyên nhân tham đắm này làm nguồn gốc của các lỗi lầm. Lại có các chúng sanh mang tâm hủy báng nên mới dùng đến cây, gậy, ngói, đá cùng nhau đánh

đập. Do đó thế gian mới sanh việc làm phi pháp và hạnh bất chánh.

Này Bạch Y, như người đời nay, các đồng nữ dùng hoa trang sức, mặc y phục đẹp, mong người khác phái cưới về làm vợ, tạo điều phi pháp cho là đúng pháp, với việc làm như thế đều không tự biết, chúng sanh thời ấy cũng lại như vậy. Chánh pháp quá khứ, nay cho là phi pháp. Luật nghi quá khứ, cũng thành chẳng phải là luật nghi. Như vậy lần lần sinh ra các hạnh phi pháp. Do khởi hành động phi pháp nên sanh ra bức bách, giảm mất tâm chán lìa, lại tăng thêm biếng trễ. Hoặc trong một ngày, hai ngày, ba ngày, cho đến một tháng không ở nơi nhà, không lo việc nhà, đi chơi chỗ vắng vẻ, riêng che giấu lỗi lầm.

Thời ấy có một người, tánh tình biếng nhác, không chịu theo đúng thời đi gặt lúa thơm, mới nghĩ thế này: "Ta nay sao lại phải chịu khổ não? Mỗi buổi sáng đi lấy lúa thơm, mỗi buổi chiều lại cũng phải đi lấy. Ta có thể mỗi ngày đi một lần lấy đủ lúa ăn cho cả ngày". Nghĩ như vậy xong, người ấy liền đi lấy lúa thơm đủ dùng cho hai buổi.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy có một người đến gọi: "Ông nay cùng ta đi lấy lúa thơm". Người biếng nhác kia nói: "Ông đi một mình, ta đã lấy đủ lúa thơm để ăn hai buổi". Khi ấy người đến kêu mới nghĩ: "Lấy lúa thơm trong một lần để dùng cho hai buổi là việc hay. Ta nay sao không một lần đi lấy lúa thơm đủ dùng cho hai, ba ngày?" Nghĩ như vậy xong, người ấy liền đi lấy lúa.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy lại có một người đến gọi: "Ông hãy cùng ta đi lấy lúa thơm". Người trước đã lấy lúa đáp: "Ông một mình tự đi, ta đã lấy lúa thơm đủ ăn cho hai, ba ngày rồi". Bấy giờ người kia mới nghĩ: "Một lần đi lấy lúa thơm đủ ăn cho hai, ba ngày là việc quá hay. Ta nay sao không một lần đi lấy lúa thơm đủ ăn cho bốn, năm ngày". Suy nghĩ xong, anh ta liền đi lấy lúa.

Lại nữa, Bạch Y, ban đầu lúa thơm không có trấu cám mùi thơm ngon tuyệt hảo. Do nguyên nhân một người biếng nhác, sau đó thứ lớp lần lượt ham lấy thức ăn cho nhiều để dự trữ, đủ mình dùng riêng. Bấy giờ lúa thơm mới sanh trấu cám, sáng gặt lúa rồi, chiều không sanh. Chiều gặt, sáng không sanh. Gặt rồi lúa không sống trở lại, mà không tự biết được nguyên nhân. Các chúng sanh kia liền nhóm họp, bàn luận với nhau: "Chúng ta ban đầu thân đều có ánh sáng, nương hư không mà đi, vui thích tự tại. Do có ánh sáng nơi thân nên ánh sáng mặt trời, mặt trăng, ngôi sao không xuất hiện. Lại cũng không phân biệt ngày đêm khác nhau, năm tháng ngày giờ cũng không sai khác. Lại cũng không phân biệt hình tướng

nam nữ, theo tự nhiên ánh sáng nơi thân của chúng sanh soi chiếu lẫn nhau. Thời ấy trong đất có dòng nước như sữa đặc xuất hiện, vị ngọt như nước mía, như mật ong, mùi thơm ngon tuyệt diệu, làm món ăn cho con người, nuôi dưỡng thân căn, gọi là hương vị của đất. Khi ấy có một chúng sanh thấy mùi vị của đất sanh tâm ưa thích, đưa tay bốc lên ăn, nếm thử vị kia, các chúng sanh khác thấy rồi cũng bắt chước cùng ăn với nhau đều sanh ưa thích. Chúng ta thời ấy dùng làm món ăn nuôi dưỡng thân thể. Với món ăn này, nếu tham ăn nhiều thân thể chúng ta trở nên thô nặng. Do nguyên nhân ấy không thể nương hư không theo ý mà đi, ánh sáng nơi thân cũng ẩn mất. Do đấy toàn mặt đất đều tối tăm. Bấy giờ mới xuất hiện ánh sáng mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao, đầu tiên phân biệt ngày đêm, năm tháng, ngày giờ.

Thời ấy chúng ta dùng hương vị của đất để nuôi thân rất lâu. Người nào ăn nhiều, hình sắc thô xấu. Nếu người ăn ít thì sắc tướng xinh đẹp. Khi ấy người xinh đẹp thấy kẻ thô xấu sanh tâm kiêu mạn. Do nhân duyên ấy hương vị của đất ẩn mất, bánh đất lại được sinh ra, ngọt ngon tuyệt diệu, sắc hương đầy đủ. Chúng ta lại dùng món này để ăn trong thời gian rất lâu. Nếu người ăn nhiều, hình tướng thô xấu. Nếu người ăn ít sắc tướng xinh đẹp. Khi ấy người xinh đẹp thấy kẻ thô xấu sanh khởi tư tưởng kiêu mạn. Do nguyên nhân ấy nên bánh đất ẩn mất, quả rừng lại được sanh ra, ngọt ngon tuyệt diệu, sắc hương đầy đủ. Chúng ta đã dùng món này để ăn trong rất lâu. Người nào ăn nhiều, hình tướng thô xấu. Nếu người ăn ít, sắc tướng xinh đẹp. Lúc ấy, người xinh đẹp thấy kẻ thô xấu sanh tâm kiêu mạn. Do nhân duyên ấy, quả rừng ẩn mất, lúa thơm lại được sanh ra. Bấy giờ lúa thơm không có trấu và cám, thơm ngon đáng ưa. Buổi sáng thu hoạch, buổi chiều lại sanh. Buổi chiều thu hoạch, buổi sáng lại sanh. Chúng ta dùng ăn chỉ vì nuôi thân, không biết nguyên nhân nguồn gốc. Tham ăn đã nhiều, căn đục ô uế trở lại ngăn ngại. Bấy giờ mới có hình tướng nam nữ khác nhau. Sau đó sanh khởi ghét thương, cùng nhau hủy báng, lại cũng lần lần cùng nhau sanh tham đắm. Do nhân duyên tham đắm này làm nguồn gốc lỗi lầm. Bấy giờ chúng ta do cùng nhau phỉ báng, dùng cây, gậy, ngói, đá cùng nhau đánh đập. Do đấy thế gian mới sanh phi pháp, sanh khởi phi pháp lần lần có sự bức bách nhau, giảm mất tâm xả ly, lại thêm biếng nhác. Một ngày, hai ngày cho đến một tháng không ở trong nhà, không lo việc nhà, ham chơi lêu lổng, che giấu lỗi lầm. Khi ấy có một người tính tình biếng nhác, không thể theo đúng thời đi lấy lúa thơm, mới nghĩ ra: "Ta nay tại sao phải chịu khổ não, sáng chiều đều phải đi lấy lúa. Ta nên một ngày đi một lần lấy lúa thơm cho cả sáng và chiều".

Đã nghĩ như vậy liền đi lấy lúa. Thời ấy có một người khác đi đến gọi: "Ông nay cùng ta đi lấy lúa thơm". Người biếng nhác nói: "Ông đi một mình, ta đã lấy lúa thơm đủ ăn hai buổi". Khi ấy người kia mới nghĩ: "Lấy lúa đủ ăn hai buổi là điều tốt. Ta nay một lần đi lấy lúa thơm đủ ăn hai, ba ngày". Đã nghĩ như vậy, người ấy liền đi lấy lúa. Khi đó lại có một người đi đến gọi: "Ông hãy cùng ta đi lấy lúa". Người đã lấy lúa trước đáp: "Ông đi một mình, ta đã lấy lúa đủ ăn ba ngày". Lúc đó người kia liền nghĩ: "Lấy lúa đủ ăn ba ngày là tốt, ta nay một lần đi nên lấy đủ dùng trong bốn, năm ngày". Nghĩ như vậy xong, anh ta liền đi lấy lúa để dự trữ. Bấy giờ lúa thơm dần dần sanh trấu cám. Buổi sáng cắt gặt, buổi chiều không sanh. Buổi chiều cắt gặt, buổi sáng không sanh. Thu hoạch rồi không còn mọc trở lại, không biết nguyên nhân vì sao? Chúng ta bây giờ nên đem tất cả đất đai phân chia ra các phần bằng nhau. "Đây là địa giới của ông, đó là địa giới của ta".

Các chúng sanh kia cùng nhau bàn luận rồi, liền phân địa giới, giới hạn bằng nhau.

Phật dạy:

–Này Bạch Y, bấy giờ, mọi người phân chia địa giới rồi. Thời ấy có một người đi lấy lúa thơm, gian nan khó được, liền nghĩ: "Ta nay làm sao tìm được đồ ăn, lấy gì để nuôi dưỡng thân mạng? Nay phần lúa thơm của ta sắp hết, người khác tuy có mà họ không cho. Ta cần đi trộm ít lúa của người kia". Sau khi nghĩ như vậy, người kia lấy lúa của mình giấu kỹ ở đó, liền đến ranh giới của người khác lén lấy lúa thơm. Người chủ kia thấy được bảo người ăn trộm: "Ê! Ông là kẻ cướp. Vì sao đến đây lén lấy của ta?". Kẻ trộm đáp: "Ta không như vậy, chưa từng lấy lúa trong ranh giới của ông".

Lại nữa, người ăn trộm lúa ấy, lần sau đi lấy lúa cũng rất khó được, lại nghĩ như trước: "Ta nay làm sao kiếm được đồ ăn, lấy gì để nuôi dưỡng mạng sống? Phần lúa của ta gần hết, bên ranh giới của người khác tuy còn mà họ không cho. Nay ta cần trộm lấy ít lúa". Nghĩ như vậy rồi, y bèn lấy lúa của mình cất kỹ ở đó, đi đến ranh giới của người khác lén lấy lúa. Người chủ kia lại thấy lần nữa, đến gặp kẻ trộm nói: "Ê! Ông là kẻ cướp. Vì sao trở lại trộm lúa của ta?". Tên trộm trả lời: "Ta không như vậy, chưa từng lấy lúa thơm trong ranh giới của ông".

❑

PHẬT NÓI KINH DUYÊN KHỞI HAI BÀ-LA-MÔN BẠCH Y VÀ KIM TRÀNG

QUYỂN III

Lại nữa, Bạch Y, người ấy lần thứ ba lại đi lấy lúa thơm cũng rất khó được, mới suy nghĩ: "Ta nay làm sao kiếm được đồ ăn, lấy gì để nuôi dưỡng mạng sống? Nay phần lúa thơm của ta sắp hết, bên kia tuy còn mà người ta không hứa cho. Nay ta phải lần thứ ba trộm ít lúa của người kia". Nghĩ như vậy rồi, y lấy lúa của mình giấu kỹ, giữ gìn, liền đến ranh giới của người khác trộm lúa. Người chủ thấy người này đã ba lần đến đây lấy trộm lúa, tâm sanh giận dữ, liền nói: "Ê! Ông là kẻ trộm cắp. Tại sao ba lần đến đây trộm cắp?". Tay liền dùng gậy đánh. Kẻ trộm bị đánh kêu la khóc lóc. Bấy giờ thế gian mới sanh điều phi pháp. Các hạnh bất chánh từ đấy mà sanh, việc dùng gậy đánh đập do đây mới có. Nhân việc trộm cắp kia mới sanh sân hận và các việc khổ não. Đây là phi pháp. Do phi pháp sanh, việc bất chánh mới xuất hiện. Do đấy mới có ba việc bất thiện đầu tiên thành lập, ấy là trộm cắp, nói dối, dùng gậy gộc đánh đập.

Lại nữa, Bạch Y, mọi người lúc ấy thấy việc như vậy, đồng nhóm họp để cùng luận bàn: "Chúng ta ban đầu thân có ánh sáng, tùy ý tự tại. Do thân có ánh sáng nên mặt trăng, mặt trời và tinh tú thảy đều không hiện, không phân ngày đêm; năm tháng, ngày giờ cũng không sai khác. Khi ấy trong đất chất ngọt xuất hiện, gọi là hương vị của đất. Chúng ta làm món ăn nuôi thân dài lâu cho đến sau cùng do chúng ta tự tạo điều bất thiện nên vị đất mất, bánh đất lại sanh ra, dùng làm món ăn nuôi thân lâu dài. Đến sau đó chúng ta tự ý làm việc chẳng lành, bánh đất cũng mất, quả rừng lại sanh, dùng làm món ăn nuôi thân cho đến cuối cùng. Rồi sau chúng ta làm điều chẳng lành, quả rừng mất, lúa thơm lại sanh, không có trấu cám, dùng làm món ăn lâu dài nuôi thân. Cho đến sau này chúng ta lại làm việc chẳng lành, lúa thơm kia sanh trấu cám, sáng gặt chiều không mọc; chiều gặt sáng không sanh, không sống trở lại, không

biết nguyên nhân. Chúng ta bấy giờ liền đem ruộng lúa phân ranh giới. Khi phân ranh giới rồi, lúc ấy có người đi lấy lúa ăn, gian nan khó được, ở ranh giới của kẻ khác sanh tâm trộm cắp. Người chủ đã thấy bảo với người ăn trộm: "Ê! Ông là tên trộm cắp. Vì sao đến đây ăn trộm?". Kẻ trộm nói: "Ta không như vậy, chưa từng trộm cắp lúa trong ranh giới của ông". Người đó tiếp đến hai, ba lần lấy lúa, cũng như vậy, người chủ đã thấy, mới sanh giận dữ, lại nói: "Ê! Ông là kẻ cướp, vì sao ba lần đến đây trộm lúa?". Liền cầm gậy đánh, kẻ trộm bị đánh kêu than khóc lóc. Thế gian bấy giờ mới sanh phi pháp và các hành động bất chánh. Việc dùng gậy gộc đánh đập do đây mà sanh. Ba việc chẳng lành từ đây mới có, đó là: trộm cắp, nói dối và dùng gậy gộc đánh đập. Nay chúng ta hãy cùng nhau lựa chọn người đầy đủ sắc tướng, oai đức, trí tuệ bầu làm điền chủ. Mọi người chúng ta nên phân ranh giới lúa ra từng phần, dành một phần cho người lãnh đạo. Người này phải công bình chánh trực. Người đáng khiển trách thì khiển trách, người đáng chấp nhận thì chấp nhận, khéo bảo hộ địa phương và bảo hộ mọi người. Chúng ta nên mỗi người đều phải vâng lệnh".

Khi ấy mọi người tham gia bình luận rồi, liền cùng nhau lựa chọn người có đầy đủ sắc tướng, oai đức, trí tuệ lớn, lập làm điền chủ để lãnh đạo, mọi người đều vâng lệnh.

Đức Phật dạy:

–Này Bạch Y, bấy giờ chức điền chủ đã được thành lập, do đấy vị ấy được mọi người gọi là Điền chủ. Tên gọi Điền chủ đầu tiên được ghi vào trong sổ bằng văn tự. Lại nữa, do vị ấy ở trong ranh giới địa phận khéo bảo quản, giữ gìn, là người đứng đầu, nên được gọi là Sát-đế-lợi. Danh từ "Sát-đế-lợi" này thứ đến được ghi vào trong sổ bằng văn tự. Lại nữa, do vị ấy ở trong chúng khéo nói lời an ủi, hòa hợp nên được gọi là người an ủi. Người an ủi ấy có tên gọi là vua. Danh từ "vua" là chữ thứ ba được ghi vào sổ bằng văn tự. Thời ấy thế gian mới thành lập đã có dòng tộc Sát-đế-lợi. Bạch Y nên biết, hoặc đây, hoặc kia, các loại chúng sanh, hoặc đồng, hoặc khác, hoặc là pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác, pháp như thế vẫn tồn tại tự nhiên, tối thượng, tối thắng, vô cùng to lớn. Thấy được các pháp như vậy, thấy được các pháp phát triển như vậy càng tăng thêm sự quy ngưỡng, hướng về.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy, trong chúng sanh đó có một số người thấy các pháp không thật, là bức bách, suy giảm, lỗi lầm, sanh tâm chán nản muốn xa lìa, bỏ đời sống tại gia, chọn ở nơi chốn rộng rãi, vắng vẻ,

tạo lập am tranh, buộc tâm một chỗ, tịch tĩnh vắng lặng tu thiền. Cứ đến buổi chiều, vì việc ăn uống nên vị ấy đi vào trong xóm làng; sáng ngày mai vì việc ăn uống lại trở vào làng xóm. Tất cả mọi người thấy như vậy mới có ý nghĩ: "Nay người này thấy các pháp không thật, là bức bách, suy giảm, lỗi lầm, sanh tâm chán nản muốn xa lìa, bỏ đời sống tại gia, chọn ở chỗ rộng rãi vắng vẻ, tạo lập am tranh, buộc tâm một chỗ, tịch tĩnh vắng lặng tu thiền". Từ đây mới có tên là người tu thiền. Sau lại có người tạo việc ồn náo. Nên sau lại có tên gọi là người tu thiền, người gây ồn náo. Lại có tên gọi là bậc giáo thọ, và cũng có tên gọi là người tạo nghiệp bất thiện.

Lại nữa, Bạch Y, bấy giờ trong chúng có một hạng người, ban đầu tu thiền, sau lại sanh khởi tác ý suy nghĩ: "Nếu ở trong xóm làng thành lập trường lớp, quy tụ môn đồ đến học, dạy trao kinh điển văn chương". Tất cả mọi người trông thấy người này rồi, cùng nhau bàn: "Đây là một hạng người, ban đầu ở chốn hoang vắng, tịch tĩnh tu thiền, sau lại khởi ý nghĩ: "Nên ở trong xóm làng thành lập trường học, nhóm các chúng cầu học, dạy trao kinh điển, văn chương". Từ đó, họ không gọi là người tu thiền, mà có tên là giáo thọ, lại cũng có tên gọi là Bà-la-môn thường giảng nói. Danh từ "Bà-la-môn" lần đầu tiên được ghi trong sổ văn tự. Do đấy, thế gian mới có chủng tộc Bà-la-môn. Bạch Y nên biết, hoặc đây, hoặc kia, các loại chúng sanh hoặc đồng, hoặc khác, hoặc là pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác, pháp như vậy vẫn tồn tại tự nhiên, tối thượng tối thắng, vô cùng lớn lao. Thấy được pháp như vậy, thấy được pháp sanh như vậy, càng tăng thêm sự quy ngưỡng, hướng về.

Lại nữa, Bạch Y, thời ấy trong chúng có một hạng người khai khẩn ruộng đất, chuyên làm nghề nông để nuôi sống thân mạng. Do người này chuyên làm việc gieo trồng trên đồng ruộng nên gọi là Tỳ-xá. Danh từ "Tỳ-xá" đầu tiên có trong sổ văn tự. Từ đó nhân gian mới có chủng tộc Tỳ-xá. Bạch Y nên biết, hoặc đây hoặc kia, các loại chúng sanh hoặc đồng hoặc khác, hoặc là hợp pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác, pháp tự nhiên như vậy, tối thượng, tối thắng, vô cùng lớn lao. Thấy được các pháp như vậy, thấy được các pháp phát triển như vậy, càng thêm sự quy ngưỡng, hướng về.

Lại nữa, Bạch Y, thời đó trong chúng sanh có một hạng người dần dần sanh ra tâm xảo quyệt, gian dối, làm các việc xấu ác, gọi là Thủ-đà. Danh từ "Thủ-đà" đầu tiên được ghi vào sổ văn tự. Do đấy thế gian mới có chủng tộc Thủ-đà. Bạch Y nên biết, hoặc đây hoặc kia, có các chúng

sanh hoặc giống hoặc khác, hoặc là hợp pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác nhưng pháp như vậy vẫn tồn tại tự nhiên, tối thượng, tối thắng, vô cùng lớn lao. Thấy được các pháp như vậy, thấy được các pháp phát triển như vậy, càng tăng sự quy ngưỡng, hướng về.

Lại nữa, Bạch Y, trong dòng Sát-đế-lợi kia có kẻ nhàm chán muốn xa lìa, ra khỏi các việc xấu ác bức bách, tức là sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu não, gian trá tai họa nên bỏ nhà xuất gia, tức là hàng Sa-môn. Họ là những người đầu tiên được gọi là Sa-môn. Dòng Sát-đế-lợi tu tập như vậy, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà cũng như vậy, nếu ai sanh nhàm chán các điều xấu ác bức bách, sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ, ưu não, gian trá, tai họa nên bỏ nhà xuất gia đều là Sa-môn, không có khác nhau. Do đấy thế gian mới có hàng Sa-môn, bấy giờ mới được hình thành. Bạch Y nên biết, hoặc đây, hoặc kia, có các chúng sanh, hoặc giống hoặc khác, hoặc là hợp pháp, hoặc là phi pháp, tuy có sai khác nhưng pháp như vậy vẫn tồn tại tự nhiên, tối thượng, tối thắng, vô cùng cao quý. Thấy được các pháp như vậy, thấy các pháp phát triển như vậy, họ càng thêm quy ngưỡng hướng về.

Đức Phật dạy:

–Này Bạch Y, do đấy lần lượt có năm chủng tộc bắt đầu hiện hữu tại thế gian, đó là: dòng Sát-đế-lợi, dòng Bà-la-môn, dòng Tỳ-xá, dòng Thủ-đà, dòng Sa-môn. Trong năm dòng tộc này, dòng Sa-môn là tôn quý, cao thượng, tiếng tăm lừng lẫy không ai bằng.

Này Bạch Y, cũng như đỉnh núi cao, rất hùng vĩ, hoặc có bầy bò đi vòng quanh núi kia, tất cả đều đi đến được, chỉ riêng có đỉnh núi là chẳng thể đặt chân tới. Đỉnh núi cao kia là pháp tự nhiên như vậy, là lớn lao, hùng vĩ. Trong năm dòng tộc cũng lại như thế. Dòng tộc Sa-môn chính là pháp tự nhiên như vậy, ở trong thế gian, là cao tột, là hơn hết, không ai sánh bằng.

Lại nữa, Bạch Y, trong dòng Sát-đế-lợi kia nếu có ai thân, ý đã tạo nghiệp bất thiện, sanh khởi tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào đường ác, sanh vào địa ngục. Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, các dòng tộc này cũng như vậy; đã tạo nghiệp bất thiện của thân, ngữ, ý rồi lại khởi tà kiến, thì khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào đường ác, sanh vào địa ngục. Hàng Sa-môn cũng vậy, nếu đã tạo nghiệp bất thiện nơi thân, ngữ, ý, lại khởi tà kiến thì khi thân hoại mạng chung bị đọa vào đường ác, sanh vào địa ngục.

Lại nữa, Bạch Y, nếu dòng tộc Sát-đế-lợi kia đã tạo các hành động

hỗn tạp *(có thiện có ác)* về thân, về miệng và ý, sanh khởi tri kiến hỗn tạp, thì khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi người. Hàng Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và Sa-môn, các dòng tộc này cũng đều như vậy. Nếu thân tạo các hành động hỗn tạp, cũng như về miệng và ý tạo nghiệp hỗn tạp *(có thiện có ác)* thì khi thân hoại mạng chung đều sanh vào cõi người.

Lại nữa, Bạch Y, trong dòng tộc Sát-đế-lợi kia, có người đã tạo nghiệp thiện nơi thân, miệng, ý, thì khi thân hoại mạng chung được sanh ở cõi trời. Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và hàng Sa-môn, các dòng tộc này cũng đều như vậy. Đã tạo nghiệp thiện nơi thân, miệng, ý thì khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời.

Lại nữa, Bạch Y, vị Sát-đế-lợi ấy đã tu tập các nghiệp thiện nơi thân, miệng, ý, sanh khởi chánh kiến, an trú tâm trong Tứ niệm xứ, đã tu tập đúng như lý về Thất giác chi thì tự mình có thể chứng ngộ cảnh giới Niết-bàn. Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, và hàng Sa-môn cũng đều như vậy. Đã tu nghiệp thiện nơi thân, miệng, ý, khởi chánh kiến, chánh tâm an trú trong Tứ niệm xứ, đã tu tập đúng như lý về Thất giác chi thì tự mình cũng có thể chứng ngộ cảnh giới Niết-bàn.

Lại nữa, Bạch Y, vào lúc ban sơ ấy Đại Phạm thiên vương đã nói kệ:

Loài người Sát-lợi là tôn quý
Dòng tộc chân thật lại thanh tịnh.
Ba minh, các hạnh đều tròn đầy
Là bậc tôn quý cõi nhân thiên.

Này Bạch Y, bài kệ ấy của Đại Phạm thiên vương thật là khéo nói, là lời ca ngợi rất hay. Lời ấy thành thật chẳng phải hư dối. Vì sao vậy? Chính Ta cũng nói: Dòng Sát-đế-lợi được mọi người tôn quý, là dòng tộc chân thật lại thanh tịnh, ba minh và các hạnh đều viên mãn, là bậc tối tôn trong trời người.

Bấy giờ, hai Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng chắp tay cung kính bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con trước đây do ngu si che lấp, không tự hiểu biết. Ví như người tật nguyền, như người ngu dốt, như kẻ tối tăm, tất cả phương hướng không thể thông suốt. Chúng con ngày nay được ơn Phật Thế Tôn chỉ dạy ý nghĩa, phân biệt nói rõ, thông suốt tỏ ngộ, như người gù được thẳng, người ngu được chỉ bày dẫn dắt, như kẻ tối tăm gặp đèn sáng. Từ đây về sau xin nguyện quy y Phật, quy y Chánh pháp, quy y Tăng-già, gần gũi, hầu hạ Thế Tôn cho đến trọn đời, phụng trì Phật pháp

như giữ gìn thân mạng, luôn có đầy đủ sự hổ thẹn, thương xót chúng sanh, cho đến loài trùng kiến cũng sanh khởi tư tưởng hộ niệm. Con nay xin theo Phật xuất gia, thọ giới cụ túc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nay hai vị Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng xin theo Phật xuất gia, các thầy Tỳ-kheo nên vì họ mà truyền thọ giới cụ túc.

Lúc ấy, các vị Tỳ-kheo như lời Phật dạy, truyền thọ giới cụ túc cho hai vị ấy. Hai Bà-la-môn Bạch Y và Kim Tràng trong thời gian ngắn trở thành hình tướng Tỳ-kheo giới hạnh đầy đủ.

Sau đó Tôn giả Bạch Y và Kim Tràng, hai thầy Tỳ-kheo nội tâm chuyên chú, lìa các niệm tán loạn, thân tâm thanh tịnh, dốc cầu chánh lý, liền được Ba minh: Thiên nhãn, Túc trú và Lậu tận. Sau khi đầy đủ Ba minh liền thành bậc thấy biết chân chánh, nhờ nghe pháp nên đạt được lợi ích lớn.

❑

SỐ 11

PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ NI-CÂU-ĐÀ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở tinh xá Ca-lan-đà trong vườn Trúc, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ, trong thành này có một Trưởng giả tên là Hòa Hợp, vào một ngày nọ sau khi dùng cơm xong, đi ra khỏi thành, đến tinh xá Ca-lan-đà trong vườn Trúc, chỗ Phật đang ngự để được gần gũi chiêm ngưỡng lễ bái. Khi ấy Trưởng giả ra đi chưa bao lâu, liền nghĩ: "Nay trưa Phật và các thầy Tỳ-kheo đang ở nơi phòng, trong giờ chỉ tịnh, lúc này không thể gần gũi lễ bái, ta nên đi đến chỗ nhóm họp của thầy trò Phạm chí Ni-câu-đà". Lúc ấy Phạm chí Ni-câu-đà ở nơi vườn Ô-đàm-mạt-lê, cùng các Phạm chí vây quanh, đang lớn tiếng cùng nhau bàn luận. Họ chỉ bàn đến các việc về vua chúa, chiến đấu, giặc cướp, việc y phục, ăn uống, việc phụ nữ, việc rượu chè, tà kiến tạp nhạp, cho đến việc về biển cả... Những loại bình luận ấy đều do tâm ràng buộc của thế gian."

Khi ấy, Phạm chí Ni-câu-đà trông thấy Trưởng giả Hòa Hợp từ xa đi đến, liền bảo đại chúng:

–Các người im lặng, nên nói nhỏ lại. Người đang đến đây là đệ tử Thanh văn của Sa-môn Cù-đàm, tên là Hòa Hợp, là hàng Trưởng giả lớn trong thành Vương xá. Ông này tánh vốn ít nói, pháp môn mà ông ta tiếp nhận cũng rất vắng lặng. Vì vậy các người nên phải nói nhỏ. Ông ấy thấy biết như vậy thì mới đến đây.

Các Phạm chí nghe nói như thế, thảy đều im lặng. Bấy giờ Trưởng giả Hòa Hợp đi đến chỗ Phạm chí Ni-câu-đà. Đến nơi, Phạm chí Ni-câu-đà nghinh đón, tiếp chuyện vui vẻ. Sau khi đã tiếp xúc xã giao, mỗi người ngồi một bên, Trưởng giả Hòa Hợp thưa với Phạm chí Ni-câu-đà:

–Chúng hội của ngài có chỗ sai khác. Tôi đã nghe quý vị lớn tiếng

bàn luận, chỉ nói đến việc vua chúa, chiến tranh... như vậy cho đến bàn luận về chuyện biển cả... Những việc luận bàn này chỉ tăng thêm tâm chấp trước nơi thế gian. Có khác với Đức Thế Tôn của chúng tôi là Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn ở chỗ rộng rãi thanh vắng, luôn tự tại an lạc, mọi sự đi, đứng, nằm, ngồi đều xa lìa ồn náo, dứt hẳn dấu vết người, thường được vắng lặng; thân trú một chỗ, tâm không tán loạn, chuyên chú nhất tâm, tùy hoàn cảnh thích ứng mà hành hóa.

Bấy giờ Phạm chí Ni-câu-đà nói với Trưởng giả:

–Này Trưởng giả, nay ta làm sao bàn luận với Sa-môn Cù-đàm kia được. Nếu ta đưa ra một vấn đề để cật vấn, thì vị Sa-môn ấy dù đa mưu túc trí cũng không thể xoay chuyển vấn đề được. Hơn nữa, Sa-môn Cù-đàm kia ở nơi chỗ trống vắng thì làm sao đủ trí tuệ để xoay chuyển vấn đề, đã ở nơi chốn ấy thì không có khả năng ấy đâu! Vả lại, đi, đứng, nằm, ngồi ở chỗ thanh vắng, xa nơi huyên náo, tuyệt hẳn dấu vết người, luôn giữ tĩnh lặng, thân trú một chỗ, tâm không loạn động, chuyên chú nhất tâm, tùy theo hoàn cảnh mà hành hóa thích ứng, này trưởng giả, chỉ ví như con bò một mắt đi khắp đó đây. Nên biết con bò đó có thể đi được không? Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy, ở chỗ trống vắng như thế thì trí tuệ làm sao có thể chuyển biến được? Nếu Sa-môn Cù-đàm đến trong hội này, ta khi ấy sẽ cùng bàn luận, kiến lập ý nghĩa thù thắng, chỉ cần đưa ra một câu hỏi, thầy ông sẽ cúi đầu chịu phục. Ta sẽ thắng, thầy ông sẽ lập tức bị thua, như đập vào bình rỗng, rất dễ phá vỡ.

Lúc ấy Đức Thế Tôn ở trong tịnh thất đang yên lặng ngồi thiền. Do thiên nhĩ thanh tịnh, từ xa nghe Trưởng giả Hòa Hợp và Phạm chí Ni-câu-đà cùng nhau gặp gỡ luận bàn như vậy. Bấy giờ, vào buổi chiều, Đức Thế Tôn từ trong tịnh thất đi ra. Khi ấy trời mưa vừa tạnh, không khí mát mẻ, sáng sủa. Ngài đi đến ao Thiện vô độc, bên bờ ao Ngài từ từ đi kinh hành.

Phạm chí Ni-câu-đà từ xa thấy Đức Thế Tôn đang ở bên bờ ao, liền bảo với chúng bạn:

–Sa-môn Cù-đàm nay đang ở bên bờ ao Thiện vô độc chậm rãi đi kinh hành. Nếu ông ấy đến trong chúng hội này, các ngươi có cần đứng dậy nghinh đón, hoặc cùng luận bàn, hoặc sẽ rời tòa, hoặc lại chẳng dùng tòa ngồi của mình mà mời ngồi không?

Nói xong, ông ta lại tự nhiên vì Đức Thế Tôn đi trải tòa ngồi, còn nghe ông tự nói:

–Tôn giả Cù-đàm nếu đến đây đã có chỗ ngồi. Tùy theo ý muốn của

Ngài sẽ có tòa ngồi này.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi kinh hành bên ao Thiện vô độc, liền đi đến chỗ của Phạm chí Ni-câu-đà. Phạm chí từ xa thấy Đức Thế Tôn đi đến, liền bảo đại chúng:

–Khi Sa-môn Cù-đàm đến trong hội này, ta sẽ hỏi: "Trong pháp và luật của Đức Cù-đàm dùng pháp gì, hạnh gì khiến cho người tu hạnh Thanh văn đạt đến chỗ an ổn, nội tâm dừng nghỉ, đạt được phạm hạnh thanh tịnh?".

Lúc ấy Đức Thế Tôn đã đến chỗ chúng hội của Phạm chí, tự nhiên họ đều sanh tâm hoan hỷ, tất cả đều đứng dậy đón rước. Phạm chí Ni-câu-đà chắp tay hướng về Đức Phật đảnh lễ, thưa:

–Lành thay! Đức Cù-đàm đã đến đây. Ngài biết tất cả, đây là chỗ ngồi của Ngài, xin mời Ngài ngồi.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Ta biết ông đã sửa soạn và sắp xếp chỗ ngồi cho Ta. Ta sẽ đến ngồi.

Khi ấy các Phạm chí đồng lớn tiếng xướng:

–Hy hữu thay! Thật khó có được! Vị Sa-môn Cù-đàm ấy, ở trong hội này không ai nói ra, chỉ do diệu lực thần thông, tự biết chỗ ngồi dành cho mình.

Phạm chí Ni-câu-đà cùng Đức Thế Tôn vui vẻ chào hỏi xong thì lui ngồi qua một bên. Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Như Lai nay đến với chúng hội, các vị có điều gì cần phân biệt luận bàn không?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Khi thấy Ngài từ xa đi đến, tôi bảo đại chúng rằng: "Sa-môn Cù-đàm khi đến chúng hội này, ta sẽ hỏi Ngài: "Trong pháp luật của Ngài dùng pháp hạnh gì có thể giúp người tu hành đạt đến cảnh giới an ổn, nội tâm được tịch tĩnh, đạt phạm hạnh thanh tịnh?"." Nay Đức Cù-đàm đã đến đây, tôi cũng đem việc này thưa hỏi để cùng Ngài phân biệt luận bàn.

Đức Thế Tôn bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, đối với sự việc này ông thật khó lãnh hội. Vì sao? Vì pháp của Ta khác, nhận thức khác, thầy dạy khác, thực hành cũng khác. Ông chỉ nên theo giáo pháp của ông mà thưa hỏi.

Các Phạm chí cùng nói lớn:

–Thật là hy hữu! Sa-môn Cù-đàm đối với câu hỏi này không đem

giáo lý của mình giải đáp, trái lại có thể trong giáo pháp của người khác, khiến họ đặt câu hỏi rồi tùy theo câu hỏi đó mà trả lời.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Nếu chúng tôi khác giáo pháp, khác nhận thức, khác thầy, khác cách tu hành, đối với pháp luật của Ngài chúng tôi khó biết. Nay trong giáo pháp của chính chúng tôi, theo ý Ngài thì tu hành như thế nào để có thể được giải thoát, được thanh tịnh, trong sạch cao tột và được chân thật, được an trú trong chân thật thanh tịnh?

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Trong pháp tu hành của ông, nay Ta nói tóm lược: Ông cho rằng nếu có đầy đủ bốn giới thì gọi là có thể tu hành, có thể đạt đến chỗ tối thượng, thù thắng. Trước tiên, đối với việc tu hành để được giải thoát, không phải giảm thiểu các dục. Này Ni-câu-đà, thế nào là ý nghĩa tu hành của người về thọ trì bốn giới?

1. Không tự mình giết hại, không dạy người giết hại, không tùy hỷ đối với sự giết hại.

2. Không tự mình trộm cướp, không dạy người trộm cướp, không tùy hỷ đối với sự trộm cướp.

3. Không tự mình nói dối, không dạy người nói dối, không tùy hỷ đối với sự nói dối.

4. Không tự mình tà nhiễm, không dạy người tà nhiễm, không tùy hỷ đối với sự tà nhiễm.

Này Ni-câu-đà, người cho những điều như vậy là đạt được đầy đủ bốn giới.

Lại nữa, này Ni-câu-đà, thế nào là pháp tu hành của ông? Đó là đi đến chỗ thật cao, thiết lập chỗ ngồi, hoặc kiễng chân mà đứng, cho đó là pháp tu hành. Hoặc ăn đồ đắng chát, thô xấu làm pháp tu hành. Hoặc nằm im trên đất làm pháp tu hành. Hoặc không cạo râu tóc làm pháp tu hành. Hoặc nằm trên gai nhọn, nằm trên đòn cây làm pháp tu hành. Hoặc ở chỗ cao, mây bay lạnh giá làm pháp tu hành. Hoặc tự mình trói buộc một chỗ làm pháp tu hành. Cho đến một ngày ba lần tắm rửa thân thể... nhiều cách như vậy bức bách, thống khổ đối với tự thân cho là pháp tu hành. Các việc như vậy là pháp tu hành của Ni-câu-đà.

Này Ni-câu-đà, thế nào là hạnh xuất ly?

Ni-câu-đà, hạnh xuất ly của ông là: theo lối khỏa thân cho là được xuất ly. Lại đối với việc ăn xong thì phủi tay làm sạch. Không nhận sự

bố thí đồ ăn uống từ người có nét mặt buồn rầu hay sân hận. Không thọ thực giữa ngã tư, ngõ tắt. Không đứng chỗ có dao gậy, binh khí. Đi khắp thành ấp lặng thinh không nói, không nói từ đâu lại, không nói đi về đâu, không nói chỗ đang ở, không nói lời thuận nghịch, không dùng nhiều cách nói, cũng không trao đổi lời nói. Hoặc nhận đồ ăn từ một nhà hoặc nhận đồ ăn từ hai, ba, cho đến bảy nhà. Hoặc chỉ nhận đồ ăn một nhà, không nhận các nhà khác. Hoặc một ngày không ăn, hoặc hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày không ăn. Hoặc cho đến nửa tháng, một tháng không ăn. Hoặc trong bữa ăn không ăn bánh bột gạo, không ăn cơm, không ăn đậu và các loại cá, thịt, sữa bò, tô, lạc, dầu và mật. Không uống rượu, không uống nước ngọt, không uống nước giấm chua, chỉ uống nước lúa gạo thanh khiết để nuôi mạng sống. Lại nữa, cũng thường ăn rau, hoặc ăn hạt kê, hạt cỏ, hoặc ăn phân bò *(Cù-ma-di gomaya)*, hoặc uống thuốc nấu bằng lá, thuốc rễ, hoặc ăn gạo sống, hoặc ăn các thứ rau cỏ thô xấu. Hoặc chỉ mặc một áo, hoặc mặc áo bằng cỏ cát tường, hoặc mặc áo bằng vỏ cây, hoặc mặc áo bằng thanh gỗ ghép lại, hoặc mặc áo bằng vỏ trái cây, hoặc lượm tóc tử thi trong rừng làm áo, hoặc dùng cánh lông chim Đề-lý-tra làm áo, hoặc dùng cánh lông chim Hưu-lưu làm áo... Các pháp kể trên chính là pháp tu hành của Ni-câu-đà, chấp cho như thế là hạnh xuất ly.

Này Ni-câu-đà, các hạnh ấy lại được xem là thanh tịnh, giải thoát sao? Được xem là trong sạch tối thượng sao? Được cho là chân thật sao? Được gọi là an trú nơi chân thật thanh tịnh sao?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, những hạnh của tôi như thế là đạt được giải thoát, thanh tịnh, đạt được trong sạch tối thượng, đạt được chân thật, được an trú trong chân thật thanh tịnh.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, những điều tu hành của ông như vậy chẳng phải giải thoát, chẳng phải đạt được thanh tịnh, xuất ly, chẳng phải đạt được trong sạch tối thượng, chẳng phải được chân thật, chẳng phải được an trú trong chân thật thanh tịnh. Ở trong pháp tu hành đó chỉ đạt được một phần rất nhỏ.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, như Ngài đã nói, tuy là rất khéo, nhưng chỗ tu hành của tôi như thế là được xuất ly, tối thượng, là đạt được chân thật, đạt được vô thượng.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Lại nữa, với việc tu hành, ông cho rằng đạt được bốn giới là có thể tu hành, là được sự tăng trưởng tối thượng, thù thắng. Trước tiên tu hạnh cầu xuất ly, không giảm các dục, khi giữ lấy bốn giới cũng có đủ tâm "từ". Trước ở phương Đông sanh khởi tâm từ, quán hạnh đầy đủ, rộng lớn cùng khắp, vô lượng, không hai, cũng không tâm oán hại. Sau đó ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía trên dưới, tất cả thế giới đều rải tâm từ cùng khắp, đầy đủ quán hạnh, cũng lại như vậy. Này Ni-câu-đà, ông có nghĩ rằng: Tu hành như vậy là đạt được xuất ly, thanh tịnh chăng? Là đạt được trong sạch tối thượng chăng? Được chân thật chăng? Được an trú trong thanh tịnh chân thật chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, tôi tu hành như thế, thật được xuất ly, thanh tịnh, được trong sạch tối thượng, được chân thật, được an trú trong thanh tịnh chân thật.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, ông tu hành những điều như thế chẳng phải là đạt được xuất ly, thanh tịnh, chẳng phải đạt được trong sạch tối thượng, chẳng phải đạt được chân thật, chẳng phải là được an trú trong thanh tịnh chân thật. Vì ông còn chấp là có sở đắc, do đó chẳng phải chân thật.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, như lời Ngài dạy tuy là thật khéo, nhưng tôi tu hành là được xuất ly, thanh tịnh, là được chân thật, là được vô thượng.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, lại nữa, như ông tu hành cho rằng ta có đủ bốn giới. Là đã tu hành, là được tối thượng, tăng trưởng thù thắng. Trước tiên tu hạnh xuất ly, không giảm các dục. Do dùng Túc trú thông có thể hay biết việc quá khứ một, hai, ba đời cho đến trăm đời. Này Ni-câu-đà, ông có nghĩ rằng: Theo pháp như vậy tu hành sẽ được xuất ly, thanh tịnh chăng? Được trong sạch tối thượng chăng? Được chân thật chăng? Được an trú trong thanh tịnh chân thật chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, tôi tu hành như thế thật được xuất ly, thanh tịnh, được trong sạch tối thượng, được chân thật và được an trú trong thanh tịnh chân thật.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, những điều tu hành của ông như vậy là chẳng phải được xuất ly, chẳng phải được trong sạch tối thượng, chẳng phải được chân thật.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, như Ngài đã nói, tuy là rất khéo, nhưng tôi tu hành là được xuất ly, thanh tịnh, là được chân thật, là được vô thượng.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, lại nữa, như ông tu hành cho rằng ta đầy đủ bốn giới là đã tu hành, là được tối thượng, tăng trưởng thù thắng. Trước tiên tu hạnh xuất ly, không giảm các dục, có thể dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát tất cả chúng sanh ở thế gian, hoặc sanh hoặc diệt, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc sanh cõi lành, hoặc sanh cõi dữ, hoặc phú quý hoặc bần tiện, tùy nghiệp báo ứng, đều có thể quan sát thấy rõ. Này Ni-câu-đà, ông nghĩ tu hành như vậy là được xuất ly, thanh tịnh chăng? Được chân thật chăng? Được an trú trong thanh tịnh chân thật chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, tôi tu hành như thế thật là được xuất ly, thanh tịnh, được trong sạch tối thượng, được chân thật và được an trú trong thanh tịnh chân thật.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, những việc tu hành của ông như vậy tuy là thanh tịnh, nhưng Ta nói tu hành như ông là chưa lìa được vô số các phiền não theo đấy tăng trưởng.

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, vì sao tôi tu hành tuy thanh tịnh, Ngài lại nói là chưa lìa được vô số các phiền não theo đấy tăng trưởng?

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, các ông tu hành chỉ vì muốn làm sáng tỏ công lao, sự nghiệp tu hành của mình: do ta tu hành công hạnh như vậy, cho nên các hàng quốc vương, đại thần, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, những vị ấy tôn trọng, cung kính cúng dường, ta là Ni-câu-đà. Chính do việc này mà ông tu hành, phiền não càng tăng thêm. Này Ni-câu-đà, ông tuy tu hành, dựa vào chỗ tu của mình, sanh tâm cống cao, khinh miệt kẻ khác. Chính do việc này mà ông tu hành phiền não càng tăng thêm.

Lại nữa, Ni-câu-đà, các ông tu hành đối với Sa-môn, Bà-la-môn

khác khinh hủy, lăng nhục, nói như thế này: "Sa-môn, Bà-la-môn các ông do ăn nhiều thứ để nuôi mạng sống, ăn năm loại cây giống trong khắp thế gian, đó là: rễ cây làm giống, thân cây làm giống, thân cây rỗng làm giống, loại giống hiếm quý, hột trong trái lấy làm giống. Như thế dùng năm loại giống này để ăn nuôi thân". Ông, Ni-câu-đà, như vậy đi khắp nơi, nói lời chỉ trích, khinh nhục, tìm cầu việc tranh luận, nhanh chóng, sắc bén như điện như chớp, mong hàng phục, phá hoại kẻ khác như sương tán, nước đá tan. Này Ni-câu-đà, do đó mà ông tu hành phiền não càng tăng thêm.

Lại nữa, Ni-câu-đà, các ông tu hành, khi thấy Sa-môn, Bà-la-môn được mọi người tôn trọng, cung kính, cúng dường liền sanh tâm ganh ghét nói: "Sa-môn, Bà-la-môn các ngươi tham ăn quá nhiều thứ để nuôi thân, lại được người khác tôn trọng, cung kính cúng dường. Còn ta thường chỉ ăn những vật đắng chát, đạm bạc để nuôi thân mạng. Vì sao các người khác lại không cung kính, tôn trọng cúng dường ta là Ni-câu-đà". Do việc này mà ông tu hành phiền não càng tăng thêm.

❑

PHẬT NÓI KINH
PHẠM CHÍ NI-CÂU-ĐÀ

QUYỂN II

Lại nữa, Ni-câu-đà, các ông tu hành đối với Như Lai, hoặc đối với đệ tử của Như Lai, thân hành đến thưa hỏi, lại sanh hiềm giận, sân si phiền não đã có thì chướng ngại liền sanh. Do có chướng ngại nên sanh khởi các lỗi lầm. Này Ni-câu-đà, do đó ông tu hành mà phiền não vẫn cứ theo đấy gia tăng.

Ni-câu-đà, các ông tu hành đối với Như Lai hoặc đối với đệ tử của Như Lai thưa hỏi Chánh pháp. Đức Như Lai đem lòng chánh đáng khéo khai bày giảng nói, theo chỗ hỏi để đáp, trừ bỏ các nghi ngờ, mà các ông lại dùng luận thuyết ở ngoài đến để bàn cãi, nhằm chống trái nhau. Muốn mình có lý, trái lại với câu hỏi của mình, không phân biệt chính đáng. Này Ni-câu-đà, do chính điểm này các ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy gia tăng.

Ni-câu-đà, Các ông tu hành biết Đức Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai thật có công đức thù thắng cao tột, rất đáng kính ngưỡng mà không kính ngưỡng. Này Ni-câu-đà, do đấy mà các ông tu hành phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành đối với việc lợi ích muốn nhàm chán xa lìa, với việc tổn hại lại không chịu nhàm chán xa lìa. Các ông trong hai việc này, đối với việc tổn hại mà không xa lìa. Này Ni-câu-đà, do đó mà ông tu hành phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường dấy tướng kiêu mạn, luôn bày tỏ rằng ta là người có tu hành. Đó chính là lý do ông tu hành mà phiền não cứ theo đấy tăng lên.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, hoặc được đồ ăn uống trân quý giá, tham đắm mùi vị, sanh tâm phân biệt. Món này ta ưa, món này ta không ưa. Nếu ưa ta liền tiếp nhận, từ đấy chấp trước, sinh ra đắm nhiễm. Do có đắm nhiễm nên che giấu lỗi lầm, do đó không thể có trí tuệ thù thắng và không được xuất ly. Các loại món ăn uống nếu không đáng ưa, vẫn có

lòng tham tiếc, miễn cưỡng mà bỏ. Này Ni-câu-đà, do đấy mà các ông tu hành phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, vào chốn thâm sơn ở ẩn, ngồi im lặng lẽ, cho là tốt đẹp. Có người đến hỏi: "Ngài có thể hiểu rõ pháp môn nào và không hiểu rõ pháp môn nào?". Nhưng các ông đối với pháp hiểu rõ nói ta không rõ. Pháp không hiểu rõ lại nói ta hiểu. Đáp bằng nhiều cách như vậy, rồi cho rằng ta hiểu biết chánh đáng, tạo các vọng ngữ. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường hay sanh khởi nhiều giận hờn. Này Ni-câu-đà, các ông tu hành ở chỗ nào cũng không biết hổ thẹn. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đó tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường hay sanh khởi tâm biếng nhác, rất ít siêng năng. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đó tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường bị thất niệm, hiểu biết không chân chánh. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành tâm luôn tán loạn, các căn suy giảm. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành làm điều tổn hại, tâm luôn chấp chặt, không cầu xuất ly, một mực theo kiến chấp, đối với các pháp này thật sự sanh tâm chấp trước. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành tà kiến sâu dày, thực hành theo các pháp điên đảo. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành với chỗ không giới hạn, chấp là có giới hạn, sanh khởi tri kiến cũng giống như vậy. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành thường sanh khởi tham ái và sân hận. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, đối với các việc làm đều là ngu si, ám độn. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não

vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, không thể lắng nghe cũng như người điếc, không biết giảng dạy như loại dê câm. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy tăng thêm.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, ưa tạo nghiệp, gây ra tội lỗi, lại ưa thân gần người tạo nghiệp gây tội, ràng buộc với bạn bè xấu ác, như thế cho là việc nhiếp phục kẻ khác. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy gia tăng.

Ni-câu-đà, các ông tu hành, khởi tâm tăng thượng mạn, tưởng chấp có sở đắc, chưa thấy cho đã thấy, chưa làm cho đã làm, chưa được cho đã được, chưa biết cho đã biết, chưa chứng cho đã chứng. Này Ni-câu-đà, đó chính là lý do khiến ông tu hành mà phiền não vẫn theo đấy gia tăng.

Này Ni-câu-đà, ý ông nghĩ thế nào? Các pháp phiền não như trên đã nói, chỉ một số ít người tu hành có đủ các phiền não này chi phối chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, đâu phải chỉ một ít người tu hành có đủ các thứ phiền não này, theo ý của tôi thì số ấy rất nhiều.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Như Ta đã nói ở trên, các ông tu hành mà muốn biểu dương công lao sự nghiệp tu hành của mình, khiến cho các hàng Quốc vương, Đại thần, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn... kia phải tôn trọng cung kính cúng dường. Này Ni-câu-đà, các ông nếu như vậy, vì mong muốn nêu rõ công lao sự nghiệp tu hành như thế, mong cho Quốc vương, Đại thần... cung kính cúng dường, cho đến khởi tâm tăng thượng mạn, tưởng chấp có chứng đắc, chưa thấy cho đã thấy, chưa làm cho đã làm, chưa biết cho đã biết, chưa được cho đã được, chưa chứng cho đã chứng. Những quan niệm như thế đều không thanh tịnh, tất cả chúng đều làm cho phiền não theo đấy gia tăng, nên biết chúng đều thuộc về nhiễm ô.

Này Ni-câu-đà, ý ông nghĩ thế nào? Như Ta nói ở trên, các sự việc như vậy, nếu tu hành như vậy thì có được xuất ly và thanh tịnh chăng? Được trong sạch tối thượng chăng? Được chân thật chăng? Được an trú trong thanh tịnh chân thật chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng như vậy! Thưa Sa-môn Cù-đàm, tất cả chúng tôi tu hành như vậy là được xuất ly, thanh tịnh, là được trong sạch tối thượng, là được chân thật, là được an trú trong thanh tịnh chân thật.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Ta nay vì ông giảng nói như thật. Như ông trước đây có hỏi Ta: "Thưa Sa-môn Cù-đàm, ở trong pháp luật, do thực hành pháp gì khiến người tu hạnh Thanh văn đạt đến chỗ an ổn, nội tâm tĩnh lặng, phạm hạnh thanh tịnh?". Câu hỏi như vậy mới là chân thật. Nên biết chỗ dừng nghỉ của Thanh văn là trên hết của bậc trên, cao tột thù thắng, là chỗ dừng nghỉ của các bậc Thánh.

Lúc ấy, tất cả các Phạm chí đồng tán dương:

–Lạ thay! Kỳ lạ thay! Trong pháp luật của Sa-môn Cù-đàm, việc tu hành rất là thanh tịnh, trong sáng.

Bấy giờ Trưởng giả Hòa Hợp nghe lời tán thán như vậy, biết các Phạm chí ở trong hội chúng đối với Đức Thế Tôn đã có phần hướng mộ, liền bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, ông trước đây có nói, đối với Đức Thế Tôn sẽ cùng nhau nghị luận, thiết lập ý nghĩa thù thắng "Chỉ cần nêu một câu hỏi, khiến thầy ông phải cúi đầu chịu phục. Ta sẽ được thắng, thầy ông tức bị thua, như đập vào bình rỗng rất dễ phá vỡ". Nay ông vì sao chưa nêu câu hỏi?

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Ý ông thế nào? Ông thật đã có nói lời ấy chăng?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, tôi thật đã có nói lời như vậy.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, ông há không nghe các bậc thầy xưa uy đức kỳ cựu là hàng túc trí nói: Chư Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng như các ông ngày nay nhóm họp, cao tiếng lớn lời nêu các vấn đề để cùng bàn luận, luận về vua, về chiến đấu, về giặc cướp, luận về ăn mặc, về phụ nữ, về rượu, về các việc tà mị tạp nhiễm trói buộc, như vậy cho đến cùng luận về biển cả... không?

Này Ni-câu-đà, hoặc ông đã từng nghe các bậc Tiên sư cổ đức nói: Chư Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác như ta ngày nay, ở nơi rộng rãi thanh vắng, ngồi nằm dừng trú, xa lìa ồn náo, tuyệt dấu vết người, giữ tâm vắng lặng, thân ở một chỗ, tâm không tán loạn, chuyên chú một cảnh, tùy thích ứng mà hành xử không?

Phạm chí Ni-câu-đà bạch Phật:

–Đúng vậy, thưa Đức Cù-đàm, Tôi cũng từng nghe bậc thầy uy đức

kỳ cựu, là hàng túc trí xưa kia đã nói: Chư Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng phải như chúng tôi ngày nay nhóm họp cao tiếng, lớn lời, nêu các vấn đề bàn luận, luận về vua, về chiến đấu, về giặc cướp, luận về ăn mặc, về phụ nữ, luận về rượu, về các tà nhiễm, trói buộc, cho đến cùng nhau bàn luận về biển cả... Tôi cũng đã từng nghe các bậc tiên sư cổ đức nói: Chư Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác như Ngài ngày nay ở nơi rộng rãi thanh vắng ngồi nằm, dừng trú, xa lìa ồn náo, tuyệt dấu vết người, giữ tâm vắng lặng, thân ở một chỗ, tâm không tán loạn, chuyên chú một cảnh, tùy thích ứng mà hành xử.

Phật bảo Phạm chí Ni-câu-đà:

–Này Ni-câu-đà, các ông khi nghe các bậc cổ đức tiên sư xưa dạy, đâu không suy nghĩ thế này: "Các Đức Phật Thế Tôn hay tùy nghi thuyết pháp, tự mình giác ngộ, lại vì người khác nói pháp giác ngộ. Tự mình đã được giải thoát, lại vì người khác nói pháp giải thoát. Tự mình đã an lạc, lại vì người khác nói pháp an lạc. Tự mình đã được Niết-bàn, lại hay vì người khác nói pháp Niết-bàn".

Này Ni-câu-đà, các ông khi ấy nói ngược lại: "Sa-môn Cù-đàm nói thế này: Có sự phân biệt sai khác đối với pháp và sự nghiệp của bậc thầy họ". Lại nói: "Sa-môn Cù-đàm nói thế này: Ở nơi vắng lặng, hay khéo léo trong sự nghiệp là có phân biệt". Lại còn nói: "Sa-môn Cù-đàm nói rằng trong pháp của thầy ông Ni-câu-đà, có sự tập hợp các lỗi lầm và pháp bất thiện". Lại nói: "Sa-môn Cù-đàm nói rằng trong pháp của thầy ông Ni-câu-đà, các loại pháp lành đều bị ly tán". Lại còn nói: "Sa-môn Cù-đàm nói rằng vì muốn giảng nói, chỉ bày về nhân duyên sự việc nên phải dùng nhiều cách nói năng, như thế thì không nên căn cứ vào lời nói để biết".

Này Ni-câu-đà, vì sao không nên căn cứ vào lời nói để biết? Vì pháp của các bậc thầy, cũng như những điều tu hành của họ, cho đến các nhân duyên sự việc... của họ, tất cả đều khác.

Này Ni-câu-đà, vì vậy Ta không bao giờ nhận định về sự nghiệp và pháp giảng dạy của thầy ông. Cũng không nói đến sự nghiệp an trú vắng lặng của ông. Cũng không nói trong pháp của thầy ông là chỗ tập hợp của lỗi lầm và bất thiện. Cũng không nói trong pháp của thầy ông nhiều thứ pháp lành bị ly tán. Cũng không muốn nói về nhân duyên sự việc kia.

Này Ni-câu-đà, Ta thường nói thế này: "Nếu có người chân chánh không dua nịnh, không quanh co và cũng không hư dối, là người chân chánh tu hành, Ta liền vì họ giảng nói pháp, chỉ bày. Nếu như đáng khai thị dìu dắt khiến người chân chánh theo như lời khuyên dạy chỉ bày chân

chánh của Ta, trong bảy tháng hoặc sáu tháng, năm, bốn, ba, hai, một tháng, nửa tháng, thường không tán loạn, xa lìa phiền não bức bách, thân tâm thanh tịnh, chuyên chú tới đích. Ta nói người ấy là người đã thấy pháp, biết pháp, vượt quả thứ nhất, quả thứ hai, thẳng đến quả thứ ba, ở địa vị hữu dư y, chứng quả A-na-hàm".

Lại nữa, Ni-câu-đà, Ta thường nói thế này: "Nếu có người chân chánh không dua nịnh, không quanh co, không hư dối, chân chánh tu hành, Ta liền vì họ giảng nói, pháp chỉ bày. Như đáng khai thị dìu dắt, khiến người chân chánh như lời dạy bảo chỉ bày của Ta, ở trong năm, bốn, ba, hai, một ngày, nửa ngày cho đến chỉ trong khoảng bữa ăn thường không tán loạn, xa lìa phiền não bức bách, thân tâm thanh tịnh, chuyên chú thẳng tới mục đích. Ta nói người ấy là người đã thấy pháp, biết pháp, vượt qua quả thứ nhất, quả thứ hai, thẳng đến thứ ba, ở địa vị hữu dư y, chứng quả A-na-hàm."

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn khi giảng nói như vậy, các Phạm chí trong chúng hội, nghiệp chướng còn trói buộc sâu nặng, không thể tỏ ngộ, thân tâm mê hoặc rối loạn, trầm trệ bối rối. Các thứ biện tài đều không thể thi thố được, nên chỉ cúi đầu lặng yên, ngồi im lo nghĩ.

Đức Thế Tôn biết rõ sự việc như vậy, quay lại bảo Trưởng giả Hòa Hợp:

–Này Trưởng giả, nay trong chúng hội này đều thành kẻ si mê, đã mù mịt nơi cách thấy và nghe, im phắc không một lời như người cầm vật tự che bít miệng mình, tội lỗi sâu dày, chướng ngại quá lớn. Họ không thể đối với Đức Như Lai nêu lên câu hỏi: "Sa-môn của Ngài trong pháp và luật dùng pháp hạnh gì hay khiến cho người tu hạnh Thanh văn đến chỗ an ổn, nội tâm được vắng lặng, phạm hạnh thanh tịnh?"

Bấy giờ, Thế Tôn nhân thấy đã thích hợp, liền chỉ dạy cho Trưởng giả Hòa Hợp pháp đem đến lợi ích hoan hỷ, rồi phóng hào quang rộng lớn rực rỡ, chiếu sáng khắp nơi, từ trong chúng hội, thân nương hư không, trở về tinh xá Ca-lan-đà nơi vườn Trúc.

❑

SỐ 12

PHẬT NÓI KINH ĐẠI TẬP PHÁP MÔN

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn cùng với chúng Tỳ-kheo tập hợp du hành đến thành Mạt-lợi. Khi ấy, ở trong thành này có một vị Ưu-bà-tắc tín tâm thanh tịnh, cũng có tên là Mạt-lợi. Ông ta ở trong thành xây dựng một ngôi nhà mới, dùng các vật tốt đẹp để tôn tạo trang hoàng, rất rộng rãi, thoáng mát, thanh tịnh. Trước đó chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào dừng nghỉ trong ngôi nhà này. Lúc ấy Ưu-bà-tắc Mạt-lợi nghe Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo du hóa đến đây, trong lòng hoan hỷ, liền đi đến chỗ Phật. Khi đến nơi, ông cúi đầu mặt lạy ngang chân Đức Phật, đảnh lễ xong chắp tay, lui ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con là Ưu-bà-tắc Mạt-lợi. Đối với Đức Thế Tôn con có lòng tin thanh tịnh. Ở trong thành này con vừa xây dựng một ngôi nhà mới, rất yên tĩnh, thoáng mát rộng rãi. Ngôi nhà này trước đây chưa có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào được mời nghỉ ở trong đó. Nay con xin cung thỉnh Đức Phật và chúng Tỳ-kheo đến nghỉ trong nhà con. Cúi mong Đức Thế Tôn thương xót, chấp nhận lời thỉnh cầu này của con.

Lúc ấy Đức Thế Tôn chấp nhận bằng cách im lặng. Ưu-bà-tắc Mạt-lợi biết Phật đã chấp nhận lời thỉnh bằng cách im lặng, nên cúi đầu mặt đảnh lễ ngang chân Đức Thế Tôn, đi nhiễu theo phía phải ba vòng, từ giã Phật và chúng hội trở về nhà, sửa soạn, bố trí sau trước cho ngôi nhà thêm phần trang nghiêm, dùng nước thơm rưới khắp trên đất, trong ngoài đều thanh tịnh. Sau khi đã trang hoàng ngôi nhà nghiêm tịnh xong, ông trở lại chỗ Phật, đảnh lễ ngang chân Đức Thế Tôn, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, ngôi nhà mới làm, con đã dùng nước thơm rưới khắp trên đất, trong ngoài đều thanh tịnh. Mong Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo, nay chính phải lúc đến trụ trong nhà mới của con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn được đại chúng Tỳ-kheo cung kính vây

quanh, đi đến ngôi nhà mới xây dựng của Ưu-bà-tắc Mạt-lợi. Khi đến nơi, trước tiên Phật rửa chân, rồi mới bước vào nhà. Vào bên trong Ngài đi quanh, quan sát khắp nơi rồi đến giữa nhà, ung dung an tọa. Các thầy Tỳ-kheo cũng đều rửa chân, theo thứ tự đi vào nhà, lễ ngang chân Đức Phật, ngồi thứ tự phía sau Ngài. Ưu-bà-tắc Mạt-lợi theo sau đi đến, lễ ngang chân Đức Thế Tôn, chắp tay cung kính đảnh lễ tất cả các thầy Tỳ-kheo, rồi mới đến trước Phật, ngồi sang một bên.

Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng những lời khuyến khích an ủi, dạy dỗ Ưu-bà-tắc Mạt-lợi, rồi liền theo chỗ mong cầu của ông mà giảng nói pháp cần thiết, chỉ dạy những điều lợi ích, an vui. Ưu-bà-tắc Mạt-lợi nghe pháp hoan hỷ, trong lòng sanh niềm tin thanh tịnh. Đức Thế Tôn đã vì vị Ưu-bà-tắc ấy giảng nói pháp thích hợp, chỉ dạy điều lợi ích, an vui như thế. Đã quá nửa đêm, Phật liền bảo:

–Này Mạt-lợi, đã quá nửa đêm, ông nên tự biết về giờ giấc.

Khi ấy Ưu-bà-tắc Mạt-lợi nghe Đức Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ dưới chân Đức Thế Tôn, chắp tay cung kính đảnh lễ tất cả các thầy Tỳ-kheo, đi quanh Phật ba vòng, rồi rời khỏi chúng hội của Phật.

Đức Thế Tôn thấy Ưu-bà-tắc Mạt-lợi ra khỏi chúng hội chưa bao lâu, liền nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đại chúng Tỳ-kheo Thanh văn này của Ta đã lìa bỏ sự ham ngủ nghỉ, đều là hàng thanh tịnh lìa mọi phiền não. Nếu các thầy Tỳ-kheo ưa thích nghe nói pháp, thì thầy nên tùy chỗ mong cầu mà giảng nói, để họ theo đó đạt được lợi ích, không nên dừng nghỉ.

Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng vâng lời Phật dạy. Bấy giờ Đức Thế Tôn liền dùng y Tăng-già-lê xếp làm bốn lớp trải lên tòa sư tử, nghiêng hông bên phải, xếp hai chân nằm một cách an lành.

Phật nghỉ chưa bao lâu. Lúc ấy, ở chỗ khác có chúng ngoại đạo Ni-càn-đà-nhã-đề Tử... đối với các vị Tỳ-kheo Thanh văn hay sanh tâm khinh khi phỉ báng, muốn phá hoại, gây tranh cãi, nói lời phi pháp, dùng vô số cách để phỉ báng, nói như thế này:

–Pháp mà ta hiểu biết, các vị Thanh văn không thể biết rõ. Các ngươi có pháp gì ta đều hiểu biết như thật. Tà hạnh là ngươi, chánh hạnh là ta. Có lợi ích là ta, không có lợi ích là ngươi. Pháp ngươi nói ra lời trước dẫu đúng, lời sau liền sai; lời sau nếu đúng, lời trước lại sai, mà cũng không thể giảng nói pháp đạt được lợi ích như tiếng rống lớn của sư tử.

Lúc ấy nhóm Ni-càn-đà-nhã-đề Tử... muốn tạo nhân duyên để tranh cãi lớn, nên khi phát ra các lời nói phỉ báng như thế họ đều nhìn mặt nhau

trông rất hung ác. Lại còn nói rằng:

–Các thầy Tỳ-kheo Thanh văn sắc tướng oai nghi mà không vắng lặng, không thể lìa tham, chưa được giải thoát, không thể thấy pháp, không thể khéo biết con đường xuất ly, không thể hướng đến việc chứng đắc Thánh quả. Pháp tu tập ấy chẳng phải là do Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác nói.

Họ phát ra những lời phỉ báng như vậy là nhằm gây việc tranh cãi chống đối.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất biết được việc ấy, liền tự nghĩ: "Đức Như Lai nằm nghỉ chưa bao lâu, không nên vì việc này mà thưa với Đức Thế Tôn". Nghĩ như thế rồi Tôn giả nói với các Tỳ-kheo:

–Các thầy nên biết. Ở chỗ khác kia có nhóm ngoại đạo Ni-càn-đà-nhã-đề Tử... đối với các Tỳ-kheo Thanh văn thường sanh tâm khinh khi phỉ báng, muốn phá hoại, muốn cùng gây tranh cãi chống đối, nói lời phi pháp, dùng vô số cách để phỉ báng. Họ nói: "Pháp mà ta biết, các vị Thanh văn không thể biết rõ. Ngươi biết pháp gì, ta đều rõ biết như thực. Tà hạnh là ngươi, chánh hạnh là ta. Có lợi ích là ta, không lợi ích là ngươi. Ngươi nói pháp, lời trước dẫu đúng, lời sau liền sai. Lời sau nếu đúng, lời trước lại sai, mà cũng không thể giảng nói pháp đạt lợi ích như tiếng rống lớn của sư tử". Này các Tỳ-kheo, nhóm Ni-càn-đà-nhã-đề Tử kia... muốn tạo ra nhân duyên để tranh cãi chống đối, khi phát ra những lời phỉ báng như vậy họ đều nhìn nhau, mặt mày trông rất hung ác. Lại còn nói rằng: "Các hàng Tỳ-kheo Thanh văn sắc tướng tuy oai nghi mà không được vắng lặng, không thể lìa bỏ tham, chưa được giải thoát, không thể thấy pháp, không thể khéo biết con đường xuất ly, không thể hướng đến việc chứng đắc Thánh quả. Pháp tu tập ấy chẳng phải là do Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác nói". Phát ra những lời phỉ báng như vậy để nhằm gây việc tranh cãi chống đối.

Này các Tỳ-kheo, các thầy nên biết, đại chúng Thanh văn của chúng ta đều là những người tâm đã được lìa dục, thanh tịnh, hiện tại chứng đắc các pháp, khéo biết rõ các con đường xuất ly, tất cả đã được chứng đắc Thánh quả. Các Thanh văn chúng ta đối với pháp tu tập mỗi mỗi đều là do Bậc Đại Sư Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác thân hành giảng dạy, tất cả đều chân thật mà không hư dối. Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp do Phật giảng dạy gồm có: Khế kinh, Kỳ dạ, Ký biệt, Già-đà (tự thuyết), Bổn sự, Bổn sanh, Duyên khởi (thí dụ), Phương quảng, Hy pháp (vị tằng hữu), Luận nghị. Các pháp như vậy là do Đức Phật có lòng từ bi

thương xót, rộng vì tất cả chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh tu tập đúng theo điều đã nêu giảng, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an lạc cho các hàng trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, các thầy Tỳ-kheo nên biết, có một pháp do Phật giảng nói, đó là tất cả chúng sanh đều nương thức ăn mà tồn tại, đây là một pháp. Các pháp như vậy là do Đức Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh, giảng nói đúng như lý, khiến chúng sanh theo đúng như lời dạy tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an lạc cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có hai pháp do Đức Phật giảng nói, đó là danh và sắc. Những pháp như vậy là do Đức Phật có lòng từ bi luôn thương xót, rộng vì các chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến chúng sanh theo đúng như lời dạy tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an lạc cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có ba nghiệp do Phật giảng dạy. Đó là thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp. Nơi ba nghiệp này, lại có hai loại là thiện và ác. Thế nào là thiện? Nghĩa là thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ việc thiện. Thế nào gọi là ác? Nghĩa là thân tạo nghiệp ác, miệng nói điều ác, ý tạo nghiệp ác.

Lại nữa, có ba điều tư duy không thiện, do Phật giảng nói tư duy về tham dục, tư duy về sân hận và tư duy về sự tổn hại.

Lại nữa, có ba điều tư duy thiện do Đức Phật giảng nói là tư duy lìa dục, tư duy không sân hận và tư duy không gây tổn hại.

Có ba điều không phải là căn bản của thiện do Phật giảng nói là tham chẳng phải là căn bản của thiện, sân chẳng phải là căn bản của thiện và si chẳng phải là căn bản của thiện.

Có ba điều là căn bản của thiện do Đức Phật giảng nói là không tham là căn bản của thiện, không sân là căn bản của thiện và không si là căn bản của thiện.

Có ba lậu do Đức Phật giảng nói là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Lại có ba điều mong cầu do Đức Phật giảng nói là mong cầu về dục, mong cầu về hữu và mong cầu về phạm hạnh.

Có ba ái do Đức Phật giảng nói là dục ái, sắc ái và vô sắc ái.

Có ba cõi do Đức Phật giảng nói là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Có ba cảnh giới không thiện do Đức Phật giảng nói là cảnh giới nhiễm dục, cảnh giới sân hận và cảnh giới tổn hại.

Có ba cảnh giới thiện do Đức Phật giảng nói là cảnh giới không tham dục, cảnh giới không sân hận và cảnh giới không tổn hại.

Có ba hữu do Phật giảng nói là dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu.

Có ba tụ do Phật giảng nói là tà định tụ, chánh định tụ và bất định tụ.

Có ba thọ do Phật giảng nói là lạc thọ, khổ thọ và chẳng phải khổ lạc thọ (xả thọ).

Có ba khổ do Phật giảng nói là luân hồi khổ, khổ khổ và hoại khổ.

Có ba loại ham muốn sanh, do Phật giảng nói là ham muốn sanh ở cõi Dục, ham muốn sanh ở cõi Hóa lạc và ham muốn sanh ở cõi Tha hóa tự tại.

Có ba loại ưa thích sanh do Phật giảng nói là:

–Có hữu tình sanh ra, sanh rồi thọ vui, như trong loài người. Đó gọi là loại ưa thích sanh thứ nhất.

–Lại có chúng sanh hưởng thọ hỷ lạc lâu dài, vui này rất lớn, an lạc thích thú, như cõi trời Quang âm. Đó gọi là chỗ ưa thích sanh thứ hai.

–Lại có chúng sanh, cho đến trọn đời thọ đủ mọi sự diệu lạc, như cõi trời Biến tịnh. Đó gọi là chỗ ưa thích sanh thứ ba.

Có ba việc phước đem lại sự thành tựu cho tuệ hạnh, do Phật giảng nói là bố thí trang nghiêm nên tuệ hạnh được thành tựu, trì giới trang nghiêm nên tuệ hạnh được thành tựu và thiền định trang nghiêm nên tuệ hạnh được thành tựu.

Có ba thứ Tam-ma-địa do Phật giảng nói là Tam-ma-địa có tầm, có tứ, Tam-ma-địa không có tầm, chỉ có tứ và Tam-ma-địa không tầm, không tứ.

Có ba thứ Tam-ma-địa do Phật giảng nói là Tam-ma-địa không giải thoát, Tam-ma-địa vô nguyện giải thoát và Tam-ma-địa vô tướng giải thoát.

Có ba chỗ an trú do Phật giảng nói là Thiên trú, Phạm trú và Thánh trú.

Có ba căn do Phật giảng nói là căn chưa biết nên biết, căn đã biết và căn biết đầy đủ.

Có ba điều tăng thượng do Phật giảng nói là thế tăng thượng, pháp tăng thượng và ngã tăng thượng.

Có ba đời các Đức Phật do Phật giảng nói là chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai và chư Phật hiện tại.

Có ba việc đáng nói do Phật giảng nói là việc quá khứ đáng nói, việc vị lai đáng nói và việc hiện tại đáng nói.

Có ba loại mắt do Phật giảng nói là Nhục nhãn, Thiên nhãn và Tuệ nhãn.

Có ba loại minh do Phật giảng nói là Túc mạng trí minh, Chúng sanh sanh diệt trí minh và Lậu tận trí minh.

Có ba loại thông do Phật giảng nói là thần cảnh thông, thuyết pháp thông và giáo giới thông.

Có ba điều bất tịnh do Phật giảng nói là thân bất tịnh, ngữ bất tịnh, tâm bất tịnh.

Có ba điều thanh tịnh do Phật giảng nói là thân tịnh, ngữ tịnh và tâm tịnh.

Có ba môn học do Phật giảng nói là Giới học, Định học và Tuệ học.

Có ba phẩm do Phật giảng nói là Giới phẩm, Định phẩm, Tuệ phẩm.

Có ba thứ lửa do Phật giảng nói là lửa tham, lửa sân và lửa si.

Có ba phần vị do Phật giảng nói là Sanh phần vị, Thành phần vị và Pháp phần vị.

Những pháp như vậy, do Phật có lòng từ bi thương xót, vì tất cả chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an lạc cho chư Thiên và loài người trong khắp thế gian.

Lại nữa, quán Bốn niệm xứ do Phật giảng nói là:

–Quán thân bất tịnh, không có sanh khởi tư tưởng về dục nhiễm, điều phục vô minh, lìa thọ phiền não.

–Quán thọ là khổ.

–Quán tâm sanh diệt (vô thường).

–Khéo quán các pháp (vô ngã) cũng lại như vậy.

Lại nữa, có Bốn chánh đoạn (Tứ chánh cần) do Phật giảng nói, là:

–Các pháp bất thiện đã sanh, nên khởi tâm siêng năng tinh tấn, nhiếp phục ý chí và tâm niệm để đoạn trừ tất cả.

–Các pháp bất thiện chưa sanh, nên khởi tâm siêng năng tinh tấn, nhiếp phục ý chí và tâm niệm để ngăn ngừa khiến không cho sanh.

–Các pháp thiện chưa sanh, nên khởi tâm siêng năng tinh tấn, nhiếp phục ý chí và tâm niệm khiến cho sanh khởi.

–Các pháp thiện đã sanh, nên khởi tâm siêng năng tinh tấn, nhiếp

phục ý chí, tâm niệm khiến cho tất cả chúng được tăng trưởng viên mãn. Đây gọi là Bốn chánh đoạn (Tứ chánh cần).

Lại nữa, có Bốn thần túc do Phật giảng nói là:

–Dục Tam-ma-địa, đoạn hành đầy đủ thần túc.

–Tinh tấn Tam-ma-địa, đoạn hành đầy đủ thần túc.

–Tâm Tam-ma-địa, đoạn hành đầy đủ thần túc.

–Tuệ Tam-ma-địa, đoạn hành đầy đủ thần túc.

Lại nữa, có Bốn thiền định do Phật giảng nói là:

–Nếu Tỳ-kheo đã có thể lìa các dục và pháp bất thiện, có tầm, có tứ. Đây gọi là định thứ nhất "Ly sanh hỷ lạc".

–Nếu có Tỳ-kheo dừng dứt tầm tứ, trong tâm thanh tịnh, an trú vào một tưởng, không tầm, không tứ. Đây gọi là định thứ hai "Định sanh hỷ lạc".

–Nếu lại có Tỳ-kheo không tham đắm niềm vui, an trú nơi hành xả, thân được nhẹ nhàng, an lạc vi diệu. Đây gọi là định thứ ba "Ly hỷ diệu lạc".

–Nếu lại có Tỳ-kheo đoạn trừ tưởng về lạc, cũng không có tưởng khổ, ý cũng không vui, không khổ, không còn khổ vui. Đây gọi là định thứ tư "Xả niệm thanh tịnh ".

Như vậy gọi là Bốn thiền định.

Lại nữa, có Bốn tâm vô lượng do Phật giảng nói là:

Nếu có thầy Tỳ-kheo phát khởi tâm từ, trước ở phương Đông thực hành hạnh từ; ở các phương Nam, Tây, Bắc bốn phía trên dưới cũng thực hành hạnh từ, như vậy, phát khởi lòng từ ở tất cả mọi nơi, khắp cả thế giới, với tất cả chủng loại chúng sanh rộng lớn vô lượng không có giới hạn, cũng không phân biệt giới hạn. Đó gọi là tâm từ vô lượng.

Ba pháp Bi, Hỷ, Xả cũng lại như vậy. Đây gọi là Bốn tâm vô lượng.

Lại nữa, có Bốn định Vô sắc do Phật giảng nói là:

–Nếu có thầy Tỳ-kheo lìa tất cả cảnh sắc, không đối đãi, không ngăn ngại mà cũng không có tác ý, quán hư không là vô biên. Hành tướng của quán này gọi là định Không vô biên xứ.

–Lại lìa Không xứ, không còn quán sát, chỉ quán sát thức là vô biên. Hành tướng của pháp quán này gọi là định Thức vô biên xứ.

–Lại lìa Thức xứ, không còn quán sát, chỉ quán tất cả đều không thật có. Hành tướng của pháp quán này gọi là định Vô sở hữu xứ.

Lìa hành tướng của Vô sở hữu xứ, gọi là định Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Như vậy gọi là bốn định Vô sắc.

Lại nữa, có bốn trí do Phật giảng nói là Pháp trí, Vô sanh trí, Đẳng trí, và Tha tâm trí.

Lại nữa, có bốn an trú do Phật giảng nói là an trú nơi tất cả hạnh, an trú nơi hạnh xả, an trú nơi hạnh vắng lặng và an trú nơi hạnh trí tuệ.

Lại nữa, có Bốn Thánh đế do Phật giảng nói là Thánh đế về khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, Thánh đế về sự diệt trừ khổ và Thánh đế về con đường tu tập để diệt khổ.

Lại nữa, có bốn thứ bố thí thanh tịnh do Phật giảng nói:

–Có bố thí, người bố thí thanh tịnh, vì chẳng thấy có người thọ.

–Hoặc có bố thí, người thọ nhận thanh tịnh, vì chẳng thấy có người thí.

–Hoặc có bố thí, chẳng thấy có người thí, cũng chẳng thấy có người thọ nhận, nghĩa là bố thí thanh tịnh.

–Hoặc có bố thí, người thí và người thọ nhận cả hai đều thanh tịnh.

Lại có bốn loại sanh, do Phật giảng nói là sanh từ thai, sanh từ trứng, sanh từ chỗ ẩm thấp và sanh từ sự biến hóa.

Lại nữa, có bốn việc trong thai mẹ, do Phật giảng nói là:

–Có thể biết rõ việc vào thai mẹ, việc trú trong thai mẹ và việc ra khỏi thai mẹ. Đây gọi là việc thứ nhất trong thai mẹ.

–Có thể biết rõ việc vào thai mẹ, việc trú trong thai mẹ, không thể biết rõ việc ra khỏi thai mẹ. Đây gọi là việc thứ hai trong thai mẹ.

–Có thể biết rõ việc vào thai mẹ, không thể biết rõ việc trú trong thai mẹ và việc ra khỏi thai mẹ. Đây gọi là việc thứ ba trong thai mẹ.

–Không thể biết rõ việc vào thai mẹ, việc trú trong thai mẹ và việc ra khỏi thai mẹ. Đây gọi là việc thứ tư trong thai mẹ. Như vậy gọi là bốn việc trong thai mẹ.

Lại nữa, có bốn chỗ trú của thức do Phật giảng nói là:

–Do sắc, thức sanh; do sắc, thức duyên; do sắc, thức trú. Hoan hỷ hành động tăng trưởng rộng lớn là chỗ trú của thức.

–Do thọ, thức sanh; do thọ, thức duyên; do thọ, thức trú. Hoan hỷ hành động tăng trưởng rộng lớn là chỗ trú của thức.

–Do tưởng, thức sanh; do tưởng, thức duyên; do tưởng, thức trú.

Hoan hỷ hành động tăng trưởng rộng lớn là chỗ trú của thức.

–Do hành, thức sanh; do hành, thức duyên; do hành, thức trú. Hoan hỷ hành động tăng trưởng rộng lớn là chỗ trú của thức.

Như vậy gọi là bốn chỗ trú của thức.

Lại nữa, có bốn pháp cú do Đức Phật giảng nói là:

–Pháp cú thần thông.

–Pháp cú lìa sân hận.

–Pháp cú bình đẳng.

–Pháp cú Tam-ma-địa bình đẳng

Lại nữa, có bốn pháp "Sa-ma-na tương" do Đức Phật giảng nói là:

–Nếu hiện tại vui, đây là quả báo khổ.

–Nếu hiện tại khổ, đây cũng là quả báo khổ.

–Nếu hiện tại khổ, đây là quả báo vui.

–Nếu hiện tại vui, đây cũng là quả báo vui.

Đây gọi là bốn pháp Sa-ma-na tương.

Lại nữa, có bốn hướng tâm do Đức Phật giảng nói là: Vô tâm, Nhẫn nhẫn, Điều phục và Tịch tĩnh.

Lại nữa, có bốn con đường dùng thần thông do Đức Phật giảng nói là:

–Dùng thần thông trì hoãn nỗi khổ.

–Dùng thần thông qua nhanh nỗi khổ.

–Dùng thần thông trì hoãn niềm vui.

–Dùng thần thông qua nhanh niềm vui.

Lại nữa, có bốn Dự lưu thân do Đức Phật giảng nói là:

–Có một hạng Dự lưu, đối với Đức Như Lai tín tâm không mất, không phỉ báng Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, Ma, Phạm, biết rõ pháp thế gian.

–Có một hạng Dự lưu, tâm được thanh tịnh, chứng được pháp Phật, thấy chân chánh, hành chân chánh, tất cả đều biết rõ pháp tu hành của mình.

–Có một hạng Dự lưu, tâm sanh an vui, thấy người tại gia và hàng xuất gia, người trì giới thanh tịnh tâm sanh tôn kính.

–Có một hạng Dự lưu, tự tu hành tịnh giới, đầy đủ không mất, trí tuệ thông minh, lanh lợi, hình tướng khéo vắng lặng.

Như vậy gọi là bốn Dự lưu thân.

Lại nữa, có bốn quả Sa-môn do Đức Phật giảng nói là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

Lại nữa, có bốn chấp thủ do Đức Phật giảng nói là dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ.

Lại nữa, có bốn tưởng Tam-ma-địa do Đức Phật giảng nói là:

–Nếu có thấy pháp được vui, tu hành chuyển đổi, đây là tưởng Tam-ma-địa.

–Nếu có tri kiến chuyển đổi, đây là tưởng Tam-ma-địa.

–Nếu có trí tuệ phân biệt để chuyển đổi, đây là tưởng Tam-ma-địa.

–Nếu có thân được dứt sạch lậu chuyển đổi, đây là tưởng Tam-ma-địa.

Lại nữa, có bốn lực do Đức Phật giảng nói là Tuệ lực, Tinh tấn lực, Vô ngại lực, và Nhiếp lực.

Lại nữa, có bốn Bổ-đặc-già-la do Đức Phật giảng nói là:

–Có Bổ-đặc-già-la: ta có thể tu hành, ta trì giới, ta như pháp tương ưng, chẳng phải người khác có thể tu hành, chẳng phải người khác trì giới, chẳng phải người khác như pháp tương ưng.

–Có Bổ-đặc-già-la: người khác có thể tu hành, người khác trì giới, người khác như pháp tương ưng, chẳng phải ta có thể tu hành, chẳng phải ta trì giới, chẳng phải ta như pháp tương ưng.

–Có Bổ-đặc-già-la: ta có thể tu hành, người khác cũng hay tu hành. Ta trì giới, người khác cũng trì giới. Ta như pháp tương ưng, người khác cũng như pháp tương ưng.

–Có Bổ-đặc-già-la: ta không thể tu hành, người khác cũng không thể tu hành. Ta không trì giới, người khác cũng không trì giới. Ta không như pháp tương ưng, người khác cũng không như pháp tương ưng.

Như vậy gọi là bốn Bổ-đặc-già-la.

Lại nữa, có bốn việc tùy chúng do Đức Phật giảng nói là cùng chúng đồng một chỗ ở, cùng chúng đồng ăn uống, cùng chúng đồng sám hối và cùng chúng đồng thọ dụng.

Lại nữa, có bốn chuyển vận lớn do Đức Phật giảng nói là khéo giảng nói diệu pháp, nương tựa bậc chân chánh, tâm nguyện bình đẳng và trước tu hành trí tuệ.

Lại nữa, có bốn nhiếp pháp do Đức Phật giảng nói là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự.

Lại nữa, có bốn sự hiểu biết thông suốt do Đức Phật giảng nói là hiểu biết thông suốt về ý nghĩa, hiểu biết thông suốt về pháp, hiểu biết thông suốt về sự ưa thích giảng nói và hiểu biết thông suốt về biện tài.

Lại nữa, có bốn phiền não do Đức Phật giảng nói là phiền não do tham dục, phiền não do chấp có, phiền não do kiến chấp và phiền não do vô minh.

Lại nữa, có bốn hành do Đức Phật giảng nói là hành động tham dục, hành động chấp có, hành động kiến chấp và hành động do vô minh.

Lại nữa, có bốn kết tụ nơi thân do Đức Phật giảng nói là vô minh kết tụ nơi thân, sân hận kết tụ nơi thân, giới cấm thủ kết tụ nơi thân và tất cả chấp trước kết tụ nơi thân.

Lại nữa, có bốn việc sanh ra tham muốn do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo nhân nơi y phục mà sanh tâm mến thích. Do tâm mến thích sanh khởi nên liền sanh chấp trước.

–Có Tỳ-kheo nhân nơi ăn uống mà sanh tâm ưa thích. Tâm ưa thích sanh khởi nên liền sanh chấp trước.

–Có Tỳ-kheo nhân ngồi trên đồ nằm mà sanh tâm mến thích. Do tâm mến thích sanh khởi nên liền sanh chấp trước.

–Có Tỳ-kheo nhân nơi các thứ thọ dụng sanh tâm mến thích. Tâm mến thích sanh khởi nên liền sanh chấp trước.

Đây gọi là bốn việc sanh ra tham muốn.

Lại nữa, có bốn cách ăn do Đức Phật giảng nói là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực.

Lại nữa, có bốn việc không cần phòng hộ do Đức Phật giảng nói là:

–Như Lai không phòng hộ thân nghiệp, thân vẫn xa lìa các lỗi lầm.

–Như Lai không phòng hộ ngữ nghiệp, ngôn ngữ vẫn xa lìa các lỗi lầm.

–Như Lai không phòng hộ ý nghiệp, ý vẫn xa lìa các lỗi lầm.

–Như Lai không phòng hộ thọ mạng, mạng vẫn không tổn giảm.

Lại nữa, có bốn thứ điên đảo do Đức Phật giảng nói là:

–Vô thường cho là thường, vì vậy sanh khởi tư tưởng điên đảo, tâm điên đảo, nhận thức điên đảo.

–Lấy khổ cho là vui, vì vậy sanh khởi tư tưởng, tâm và nhận thức điên đảo.

–Vô ngã cho là ngã, vì vậy sanh khởi tư tưởng, tâm và nhận thức

điên đảo.

–Bất tịnh cho là tịnh, vì vậy sanh khởi tư tưởng, tâm và nhận thức điên đảo.

Như thế gọi là bốn thứ điên đảo.

Lại nữa, có bốn ngôn ngữ xấu ác do Đức Phật giảng nói là nói dối, nói lời trau chuốt, nói hai lưỡi và nói lời thô ác.

Lại nữa, có bốn ngôn ngữ hiền thiện do Đức Phật giảng nói là lời nói như thật, lời nói ngay thẳng thật thà, lời nói không hai lưỡi và lời nói dựa theo pháp.

Lại nữa, có bốn thứ chẳng phải hạnh A-duệ-la do Đức Phật giảng nói là:

–Không thấy nói thấy.

–Không nghe nói nghe.

–Không nhớ nói nhớ.

–Không biết nói biết.

Lại nữa, có bốn hạnh A-duệ-la do Đức Phật giảng nói là:

–Thật thấy nói thấy.

–Thật nghe nói nghe.

–Không bị thất niệm, nói là ghi nhớ.

–Thật biết nói biết.

Lại nữa, có bốn điều ghi nhớ do Đức Phật giảng nói là:

–Một mực ghi nhớ.

–Phân biệt để ghi nhớ.

–Hỏi ngược lại để ghi nhớ.

–Yên lặng để ghi nhớ.

Những pháp như vậy, do Đức Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến chúng sanh theo đúng như lời dạy tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích, an vui cho hàng trời, người trong khắp thế gian.

❑

PHẬT NÓI KINH ĐẠI TẬP PHÁP MÔN

QUYỂN II

Lại nữa, các Tỳ-kheo nên biết, có năm thủ uẩn do Đức Phật giảng nói là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn.

Lại nữa, có năm tham muốn do Đức Phật giảng nói là:

–Mắt thấy sắc, tâm ham muốn vui thích, do tâm vui thích nên chấp trước sắc trần.

–Tai nghe tiếng...

–Mũi ngửi mùi thơm...

–Lưỡi nếm rõ vị...

–Thân có cảm giác nơi xúc... cũng lại như vậy.

Lại nữa, có năm điều chướng ngại do Đức Phật giảng nói là:

–Chướng ngại vì lòng ưa muốn.

–Chướng ngại vì sân hận.

–Chướng ngại vì ngủ nghỉ.

–Chướng ngại vì làm ác.

–Chướng ngại vì nghi hoặc.

Lại nữa, có năm phần phiền não câu kết do Đức Phật giảng nói là:

–Phần phiền não do ưa muốn câu kết.

–Phần phiền não do sân hận câu kết.

–Phần phiền não do thân kiến câu kết.

–Phần phiền não do giới cấm thủ câu kết.

–Phần phiền não do nghi hoặc câu kết.

Lại nữa, có năm việc keo kiệt do Đức Phật giảng nói là keo kiệt về ăn uống, keo kiệt về việc lành, keo kiệt về lợi dưỡng, keo kiệt về sắc tướng, keo kiệt về pháp.

Lại nữa, có năm thọ căn do Đức Phật giảng nói là lạc thọ căn, khổ thọ căn, hỷ thọ căn, ưu thọ căn, xả thọ căn.

Lại nữa, có năm thắng căn do Đức Phật giảng nói là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Lại nữa, có năm lực do Đức Phật giảng nói là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Lại nữa, có năm học lực do Đức Phật giảng nói là tín học lực, tinh tấn học lực, niệm học lực, định học lực, tuệ học lực.

Lại nữa, có năm cảnh giới xuất ly do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị ấy dung nạp thọ nhận, chưa thể lìa dục, tùy theo các cảnh dục, khởi tâm tham muốn; không lui sụt, không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau trở lại quán sát cảnh giới của dục, sanh khởi tâm lìa dục, chối bỏ tâm tham dục, ưa vui giải thoát, khéo thực hiện các việc chân chánh, nên tâm được giải thoát. Tâm giải thoát phát khởi liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, trụ tâm nơi vô dục. Từ ý nghĩa này, do dục làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị ấy dung nạp thọ nhận, chưa thể lìa sân, đối với cảnh chống trái, trở ngại, khởi tâm giận dữ, không lui sụt, không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau trở lại hay quán sát các cảnh chống trái, trở ngại, sanh khởi tâm lìa sân, chối bỏ tâm sân, ưa vui giải thoát, khéo làm việc chân chánh nên tâm được giải thoát. Đã sanh tâm giải thoát liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, an trụ tâm nơi không sân. Từ ý nghĩa này, do sân làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị dung nạp thọ nhận, chưa thể lìa hại, đối với cảnh không vừa ý sanh khởi tâm gây tổn hại, không lui sụt không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau lại quán sát các cảnh không vừa ý, sanh khởi tâm không gây tổn hại. Đã không còn tâm tổn hại, ưa vui giải thoát, khéo tu hành chân chánh, tâm vui giải thoát. Tâm giải thoát đã sanh liền có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, trụ tâm nơi bất hại. Từ ý nghĩa này, do tổn hại làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có thầy Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ. Tâm vị ấy dung nạp thọ nhận, chưa lìa sắc tướng, với các cảnh sanh khởi tâm chấp trước vào cảnh sắc, không lui sụt, không xả bỏ, chưa giải thoát. Chính do duyên này, sau lại quán sát cảnh giới sắc tướng kia, sanh khởi tâm lìa cảnh sắc, chối bỏ tâm theo sắc, ưa vui giải thoát, khéo hay tu hành chân chánh, tâm được giải thoát. Tâm giải thoát đã sanh liền có thể xa lìa

các pháp bất tương ưng, an trú nơi tâm lìa cảnh sắc. Từ ý nghĩa này do cảnh sắc làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

–Có Tỳ-kheo đầy đủ sự hiểu biết, nhưng không hay thấy khổ, chấp trước có thân, chưa lìa thân tướng, mà đối với thân này sanh khởi tư tưởng cho là thật có, không chịu chối bỏ, chưa được giải thoát. Do nhân duyên này, sau lại quán sát: phàm có thân thì phải diệt, sanh khởi tư tưởng thân hủy diệt, tâm chấp trước tiêu tan, ưa vui giải thoát, khéo tu hành chân chánh, tâm được giải thoát. Tâm giải thoát đã sanh liền mới có thể xa lìa các pháp bất tương ưng, trú trong tư tưởng: thân dễ bị hủy diệt. Do ý nghĩa này, chấp có thân làm duyên, dẫn đến sanh tâm vô lậu.

Như vậy gọi là năm cảnh giới xuất ly.

Lại nữa, có năm chốn giải thoát do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do vị ấy luôn thân cận hầu hạ nên được lợi ích. Nếu khi nghe thầy giảng nói chánh pháp, tâm sanh vui thích, sanh khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm ấy phát sinh, tuy chưa có thể nghe, lĩnh hội, ghi nhớ được nhiều, chỉ ở trong đó biết được một pháp. Theo chỗ biết một pháp liền rõ một nghĩa, nếu không rõ được nghĩa kia thì không thể đối với pháp mà sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã hiểu rõ nghĩa kia nên sanh tâm hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được nhẹ nhàng. Do thân nhẹ nhàng, liền tương ưng với an lạc. Do an lạc nên tâm trú nơi Tam-ma-hứ-đa *(Tam-ma-địa)*. Tâm trú nơi cảnh kia, nên biết như thật, quán sát như thật, đã quán sát như thật tức lìa trần, lìa tham, được trí giải thoát. Trí giải thoát khởi lên liền được biết rõ rằng là ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do được gần gũi, hầu hạ nên được nghe pháp. Tùy chỗ nghe ấy, tâm sanh vui thích, sanh khởi tư tưởng trọng pháp. Do sanh tâm ấy nên hay ở trong pháp ấy được nghe, nhớ và lĩnh hội pháp sâu xa, rồi tùy theo đấy biết được các pháp, liền rõ các ý nghĩa. Nếu không rõ các ý nghĩa, thì không thể đối với pháp sanh tâm vui mừng. Do đã hiểu rõ các ý nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ, do tâm hoan hỷ nên thân được khinh an. Do thân được khinh an nên tương ưng với an lạc, do an lạc nên tâm an trú trong Tam-ma-hứ đa. Do tâm ấy an trú nên có thể nhận biết như thật, lại quán sát như thật. Đã quán sát như thật, tức lìa cảnh trần, lìa tham ái, được trí tuệ giải thoát. Trí giải thoát khởi lên liền biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã

thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do theo thầy gần gũi, hầu hạ nên được nghe pháp. Theo chỗ đã nghe, tâm sanh hoan hỷ, khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm trọng pháp nên hay nghe, ghi nhớ, lĩnh hội được pháp sâu xa, lại có thể đối với từng pháp giải rõ như thật các nghĩa, rộng vì người khác phân biệt giảng nói. Nếu không rõ các nghĩa thì không thể đối với pháp sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã hiểu rõ các nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên tương ưng với an lạc. Do có an lạc nên tâm an trú trong Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể biết như thật, lại quán sát như thật. Do quán sát như thật nên lìa trần, lìa tham, được trí giải thoát. Trí giải thoát đã sanh liền biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do theo thầy gần gũi hầu hạ nên được nghe pháp. Theo chỗ đã nghe, tâm sanh hoan hỷ, khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm trọng pháp nên hay nghe, lĩnh hội, ghi nhớ được pháp sâu xa, tâm lại có thể trụ vào một cảnh, không lui sụt, không xả bỏ. Đối với pháp được nghe, khởi tầm và tứ phát sanh trí tuệ chân chánh. Do sanh khởi tầm, tứ nên đối với các pháp mỗi mỗi đều rõ biết. Do biết các pháp nên thông tỏ các nghĩa, rồi rộng vì người khác phân biệt, giảng nói. Nếu không rõ các nghĩa thì không thể đối với pháp sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã thông tỏ các nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được khinh an. Do thân khinh an nên liền tương ưng với an lạc. Do có an lạc nên tâm trú nơi Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể biết như thật, lại quán sát như thật. Do đã quán sát như thật nên lìa trần, lìa tham, được trí tuệ giải thoát. Trí tuệ giải thoát khởi lên liền biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

–Có Tỳ-kheo đối với Pháp sư hay gần gũi phụng sự, tôn trọng cung kính, tu tập hạnh thanh tịnh, không chút dừng nghỉ. Do theo thầy gần gũi hầu hạ nên được nghe pháp. Theo chỗ được nghe đó nên tâm sanh hoan hỷ, khởi tư tưởng trọng pháp. Do tâm trọng pháp nên có thể nghe, lĩnh hội, ghi nhớ được pháp sâu xa, tâm trú trong một cảnh, không lui sụt, không xả bỏ. Đối với pháp đã nghe, khởi tầm và tứ, phát sanh trí tuệ chân chánh, lại có thể ở riêng trong Tam-ma-địa môn ấy khéo an trú, nhiếp

tâm, theo chỗ trú tâm mà chuyển hóa tâm thêm thù thắng tức là đối với mỗi pháp đều biết rõ. Do biết các pháp nên rõ các nghĩa, rồi rộng vì người khác phân biệt giảng nói. Nếu không rõ các nghĩa thì không thể đối với pháp sanh tâm hoan hỷ. Vì vậy do đã hiểu rõ các nghĩa nên tâm sanh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thân được nhẹ nhàng. Do thân nhẹ nhàng nên tương ưng với an lạc. Do có an lạc, tâm an trú nơi Tam-ma-hứ-đa. Do tâm ấy an trú nên có thể biết như thật, lại quán sát như thật. Do quán sát như thật nên lìa trần, lìa tham, được trí giải thoát. Trí giải thoát sanh khởi biết rõ rằng ta đã chấm dứt được sanh tử, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.

Như vậy gọi là năm chốn giải thoát.

Lại nữa, có năm cõi do Đức Phật giảng nói là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời và người.

Lại nữa, có năm chỗ ở thanh tịnh do Đức Phật giảng nói là Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh.

Lại nữa, có năm hạng người có học đi vào Phật pháp do Đức Phật giảng nói là:

–Hàng trung lưu vào Phật pháp.

–Trọn đời vào Phật pháp.

–Có thực hành vào Phật pháp.

–Không thực hành vào Phật pháp.

–Thượng lưu vào Phật pháp.

Đó gọi là năm hạng người có học đi vào với Phật pháp. Những pháp như vậy, do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh, giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, tạo lợi ích an vui cho hàng trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có sáu xứ bên trong do Đức Phật giảng nói là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ.

Lại nữa, có sáu xứ bên ngoài do Đức Phật giảng nói là sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ và pháp xứ.

Lại nữa, có sáu thức do Đức Phật giảng nói là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Lại nữa, có sáu xúc do Đức Phật giảng nói là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.

Lại nữa, có sáu thọ do Đức Phật giảng nói là:

–Nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Thiệt xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Thân xúc làm duyên sanh ra các thọ.

–Ý xúc làm duyên sanh ra các thọ.

Lại nữa, có sáu tưởng do Đức Phật giảng nói là tưởng về sắc, tưởng về thanh, tưởng về hương, tưởng về vị, tưởng về xúc và tưởng về pháp.

Lại nữa, có sáu điều ưa mến do Đức Phật giảng nói là mến cảnh sắc, mến âm thanh, mến mùi hương, mến nếm vị, mến chạm xúc và mến các pháp.

Lại nữa, có sáu điều thích ý do Đức Phật giảng nói là:

–Thấy sắc đáng ưa là điều thích ý.

–Nghe tiếng đáng ưa là điều thích ý.

–Ngửi mùi đáng ưa là điều thích ý.

–Nếm vị đáng ưa là điều thích ý.

–Xúc chạm biết đáng ưa là điều thích ý.

–Phân biệt pháp lành là điều thích ý.

Lại nữa, có sáu điều không thích ý do Đức Phật giảng nói là:

–Thấy sắc không đáng ưa là điều không thích ý.

–Nghe tiếng không đáng ưa là điều không thích ý.

–Ngửi mùi không đáng ưa là điều không thích ý.

–Nếm vị không đáng ưa là điều không thích ý.

–Xúc chạm biết không đáng ưa là điều không thích ý.

–Phân biệt pháp bất thiện không đáng ưa là điều không thích ý.

Lại nữa, có sáu hạnh xả do Đức Phật giảng nói là:

–Thấy sắc, liền tu tập xả bỏ ngay cảnh sắc đó.

–Nghe âm thanh, liền tu tập xả bỏ ngay nơi âm thanh đó

–Ngửi mùi hương, liền tu tập xả bỏ ngay mùi hương đó.

–Nếm vị, liền tu tập xả bỏ ngay vị đó.

–Xúc chạm, liền tu tập biết ngay nơi xúc chạm đó mà xả bỏ.

–Biết pháp, liền tu tập xả bỏ ngay nơi pháp đó.

Lại nữa, có sáu niệm do Đức Phật giảng nói là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Lại nữa, có sáu hành do Đức Phật giảng nói là kiến hành, văn hành, lợi ích hành, học hành, phân biệt hành, niệm hành.

Lại nữa, có sáu pháp xa lìa cảnh trần do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo hiện tại an trú thân nghiệp trong hạnh từ, theo đó bắt đầu tu tập thì được hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo hiện tại an trú ngữ nghiệp trong hạnh từ, theo đó bắt đầu tu tập nên được hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo hiện tại an trú ý nghiệp trong hạnh từ, theo đó bắt đầu tu tập nên được hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo nhận lợi dưỡng đúng như pháp, đi khất thực đúng như pháp, tùy phẩm vật nhận được ăn dùng đúng như pháp, tự giữ gìn thực hành, xa lìa phi pháp, theo đó bắt đầu tu tập nên đạt hạnh thanh tịnh vững chắc, không hoại.

–Có Tỳ-kheo tu hành giới luật thanh tịnh, không hủy phạm, không khiếm khuyết, lìa các lỗi lầm, tăng thêm thiện lực. Do việc làm đó nên không còn các kiến chấp; theo đó bắt đầu tu tập nên đạt hạnh thanh tịnh, vững chắc, không hoại.

Lại nữa, có sáu thứ nguồn gốc của sự tranh luận chống đối, do Đức Phật giảng nói:

–Có một loại người, tự mình ưa thích tạo tội, lại ưa gần gũi người tạo tội khác, thường muốn người khác mến kính mình.

–Có một loại người, tự mình ưa thích tạo tội, lại ưa gần gũi người tạo tội khác, thường muốn người khác mến kính mình, lại còn không tôn kính Phật, không tôn kính Pháp, không hay quán sát các pháp.

–Có một loại người, tự mình ưa thích tạo tội, lại ưa gần gũi người tạo tội khác, thường muốn người khác mến kính mình, lại còn ưa muốn chống đối với Tăng.

–Có một loại người có đủ tật: dua nịnh, luống dối, tham lam, keo kiệt, ganh ghét, che giấu..., các tùy phiền não và còn có thân kiến, tà kiến, biên kiến, kiến thủ không thể xa lìa.

–Có một loại người đầy đủ thân kiến... sanh khởi tâm điên đảo, lại còn không tôn kính Phật, không tôn kính Pháp, không hay quán pháp.

–Có một loại người đầy đủ thân kiến... sanh khởi tâm điên đảo, lại còn ưa thường chống đối với chúng Tăng.

Lại nữa, có sáu cảnh giới đối trị để được xuất ly do Đức Phật giảng nói là:

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm từ giải thoát, tùy công việc làm đều biết như thật, tinh tấn phát khởi tâm từ để đối trị. Tâm sân hận của ta thảy đều dứt sạch". Do quán tâm từ giải thoát như thế, nên tâm sân hận không còn chỗ nào để dung chứa, chấp nhận, chỉ có quán tâm từ hiện tiền thôi, vì vậy tâm sân không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm từ mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm bi giải thoát, tùy mọi việc làm đều biết như thật, siêng năng hăng hái vận dụng tâm bi để đối trị. Tâm hại của ta thảy đều dứt sạch". Do quán tâm bi giải thoát như thế nên tâm tổn hại không có chỗ dung chứa, chỉ còn quán tâm bi hiện tiền, vì vậy tâm tổn hại không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm bi kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm hỷ giải thoát, tùy chỗ làm đều biết như thật, siêng năng dùng tâm hỷ để đối trị với tâm không hoan hỷ của ta, tất cả đều dứt sạch". Do quán tâm hỷ giải thoát như vậy nên tâm không hoan hỷ không còn chỗ dung chứa, chỉ quán tâm hoan hỷ này được hiện tiền, cho nên tâm không hoan hỷ ở đây không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán hoan hỷ kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm xả giải thoát, tùy công việc làm đều biết như thật, siêng năng vận dụng tâm xả để đối trị với tâm của ta, tất cả đều dứt sạch". Do quán tâm xả giải thoát như vậy, nếu có tâm tham dục thì không còn chỗ dung chứa, chỉ quán tâm xả hiện tiền, cho nên tâm tham dục không còn sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm xả kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu quán tâm vô tướng giải thoát, tùy công việc làm đều biết như thật, siêng năng vận dụng tâm vô tướng giải thoát để đối trị với tâm chấp tướng của ta, tất cả đều dứt sạch". Vì do quán tâm vô tướng giải thoát như vậy nên tâm chấp trước hình tướng không có chỗ dung chứa, chỉ còn tâm quán vô tướng này hiện tiền thôi. Tâm chấp tướng ấy ở đây không còn chỗ sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm vô tướng kia mà được xuất ly.

–Có Tỳ-kheo nói như thế này: "Ta tu hạnh quyết định, do pháp quyết định này để đối trị với tâm nghi hoặc của ta, tất cả đều dứt sạch". Vì do tu hạnh quyết định như vậy, trong tâm nếu có nghi hoặc sẽ không còn chỗ dung chứa mà chỉ có quán tâm quyết định kia hiện tiền, cho nên tâm nghi hoặc không có chỗ sanh khởi. Vì sao? Vì do nhân duyên quán tâm quyết định kia mà được xuất ly.

Các điều như thế gọi là sáu thứ đối trị để được xuất ly. Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích cho hàng an lạc trời người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có Thất giác chi do Đức Phật giảng nói là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi và Xả giác chi.

Lại nữa, có bảy điều làm trợ duyên cho Tam-ma-địa do Đức Phật giảng nói là quán sát chân chánh, suy lường chân chánh, nói năng chân chánh, hành động chân chánh, nuôi sống chân chánh, dõng mãnh chân chánh, trụ niệm chân chánh.

Lại nữa, có bảy điều quán tưởng để tu hạnh giải thoát do Đức Phật giảng nói là:

–Quán tưởng bất tịnh.

–Quán tưởng sự chết.

–Quán tưởng không tham ăn uống.

–Quán tưởng tất cả thế gian không đáng vui.

–Quán tưởng về vô thường.

–Quán tưởng vô thường là khổ.

–Quán tưởng về nỗi khổ không cùng tận.

Lại nữa, có bảy lực do Đức Phật giảng nói là Tín lực, Niệm lực, Vô úy lực, Tinh tấn lực, Nhẫn lực, Định lực và Tuệ lực.

Lại nữa, có bảy Bổ-đặc-già-la do Đức Phật giảng nói, là: Tâm giải thoát, Câu giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân chứng, Tín giải thoát, Pháp hạnh, Tín hạnh.

Lại nữa, có bảy chỗ thức an trú do Đức Phật giảng nói là:

–Vô số thân hình đều có vô số tưởng, tức là hàng trời, người trong cõi Dục là chỗ thức an trú.

–Vô số thân hình chỉ có một tưởng, đó là cõi trời Sơ thiền, là chỗ thức an trú.

–Chỉ có một thân mà có vô số các tưởng, đó là cõi trời Nhị thiền, là chỗ thức an trú.

–Một thân một tưởng, đó là cõi trời Tam thiền, là chỗ thức an trú.

–Cõi Không vô biên xứ là chỗ thức an trú.

–Cõi Thức vô biên xứ là chỗ thức an trú.

–Cõi trời Vô sở hữu xứ là chỗ thức an trú.

Đó gọi là bảy chỗ thức an trú.

Các pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến các chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, tạo lợi ích an vui cho hàng trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có tám giải thoát do Đức Phật giảng nói là:

–Trong có tưởng sắc, quán sắc bên ngoài để giải thoát.

–Trong không tưởng sắc, quán sắc bên ngoài để giải thoát.

–Thanh tịnh giải thoát, an trú đầy đủ.

–Không vô biên xứ giải thoát.

–Thức vô biên xứ giải thoát.

–Vô sở hữu xứ giải thoát.

–Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.

–Diệt thọ tưởng giải thoát.

Lại nữa, có tám thắng xứ do Đức Phật giảng nói là:

–Trong có tưởng sắc, quán một ít sắc bên ngoài, khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong có tưởng sắc, quán sắc bên ngoài nhiều, khi quán sát như vậy, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, quán một ít sắc bên ngoài, khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, quán sắc bên ngoài nhiều, khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc "xanh" nghĩa là quán như hoa Ô-ma và áo màu xanh, đối với hai màu xanh này đều thấy màu xanh hiển hiện sáng tỏ, rất trong sạch. Khi quán như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc "vàng", nghĩa là quán màu sắc như hoa Ngật-lý-sắc-noa, A-ca-la và áo màu vàng. Ở trong hai màu vàng này đều là màu vàng hiển hiện sáng chói rất là trong sạch. Khi quán như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc "đỏ", nghĩa là quán màu sắc như hoa Mãn-độ-nhĩ-phược-ca, áo màu sắc "đỏ". Ở trong hai màu đỏ

này đều là màu đỏ hiển hiện sáng chói, rất là trong sạch. Khi quán sát như thế, sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

–Trong không tưởng sắc, ngoài quán sắc "trắng", nghĩa là quán như hoa màu sắc trắng và áo màu sắc trắng, ở trong hai màu trắng này đều là màu trắng hiển hiện, sáng chói rất trong sạch. Khi quán sát như thế sanh khởi tri kiến thù thắng, đó là thắng xứ.

Lại nữa, có tám thứ pháp thế gian do Đức Phật giảng nói là lợi dưỡng, suy kiệt, hủy báng, khen ngợi, xưng danh, chê bai, khổ, vui.

Lại nữa, có Bát chánh đạo do Đức Phật giảng nói là Chánh tri kiến; Chánh tư duy; Chánh ngữ; Chánh nghiệp; Chánh mạng; Chánh tinh tấn; Chánh niệm; Chánh định. Đây gọi là Bát chánh đạo.

Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, tạo lợi ích an vui cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có chín cõi chúng sanh ở do Đức Phật giảng nói là:

–Mỗi mỗi thân hình đều có các tư tưởng, tức là hàng trời người trong cõi Dục, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Mỗi mỗi thân hình chỉ có một tưởng, đó là cõi Sơ thiền, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Một thân hình có các tư tưởng, đó là cõi trời Nhị thiền, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Một thân hình một tư tưởng, đó là cõi trời Tam thiền, là chỗ chúng sanh nương ở.

–Cõi trời Không vô biên xứ là chỗ chúng sanh nương ở.

–Thức vô biên xứ là chỗ chúng sanh nương ở.

–Vô sở hữu xứ là chỗ chúng sanh nương ở.

–Cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ là chỗ chúng sanh nương ở.

–Cõi trời Vô tưởng là chỗ chúng sanh nương ở.

Đó gọi là chín chỗ chúng sanh nương ở.

Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh để đem lại an vui cho trời, người trong khắp thế gian.

Lại nữa, có mười hạnh cụ túc do Đức Phật giảng nói là:

–Không hủy hoại chánh kiến.

–Không hủy hoại chánh tư duy.

–Không hủy hoại chánh ngữ.

–Không hủy hoại chánh nghiệp.

–Không hủy hoại chánh mạng.

–Không hủy hoại chánh tinh tấn.

–Không hủy hoại chánh nhẫn.

–Không hủy hoại chánh định.

–Không hủy hoại chánh giải thoát

–Không hủy hoại chánh trí.

Đó gọi là mười hạnh cụ túc.

Những pháp như vậy do Phật có lòng từ bi thương xót, rộng vì chúng sanh giảng nói đúng như lý, khiến cho chúng sanh theo đúng như lời dạy mà tu tập, thực hành các hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích an vui cho trời, người khắp khắp trong thế gian.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết Tôn giả Xá-lợi-phất vì các Tỳ-kheo giảng nói pháp thích hợp, Phật liền từ chỗ nằm nghỉ ung dung ngồi dậy, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất, như chỗ Tôn giả nói là Phật đã nói, pháp này gọi là Đại tập pháp môn, ở trong đời sau có thể cùng chúng sanh tạo được lợi ích lớn. Vào đời vị lai, các Tỳ-kheo của Ta, những người tu phạm hạnh, đối với pháp môn Đại tập này phải nên thọ trì, đọc tụng, giảng nói cùng khắp. Xá-lợi-phất; vào đời vị lai, nếu người nào được thọ trì pháp môn Đại tập này, thì người ấy, trong giáo pháp của chư Phật đời vị lai là người hiền thiện, có lòng tin thanh tịnh, đối với giáo pháp của Đức Phật, tâm rất ưa thích, hiểu rõ, khai mở rộng lớn, tâm rất hoan hỷ.

Lúc bấy giờ các thầy Tỳ-kheo nghe Đức Phật tán thán pháp môn Đại tập này, tất cả đều hoan hỷ tín thọ, lễ Phật lui ra.

❑

SỐ 13

KINH TRƯỜNG A-HÀM
THẬP BÁO PHÁP

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao người nước An Tức.

QUYỂN I

Nghe như vầy:

Đức Phật ngự trong rừng cây của thái tử Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Thỉnh các vị Tỳ-kheo nghe giảng nói pháp mà phần trước, phần giữa, phần sau đều tốt đẹp, có trí tuệ, có thiện xảo, đầy đủ thanh tịnh từ đầu đến cuối, nói để người tu hành cùng nghe, tuần tự từ một pháp tăng đến mười pháp. Các vị nên hướng tâm và để ý.

Nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy, các vị Tỳ-kheo đều hướng về Tôn giả thưa:

–Xin nguyện muốn nghe.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Tiện đây tôi sẽ nói tuần tự từ một pháp tăng lên cho đến mười pháp, tất cả gom thành một pháp vô vi. Người tu hành, từ đây tất cả khổ não đều được xa lìa, tiêu diệt:

–Một pháp thứ nhất là hành giả hoàn thành pháp vô vi, chỉ cần giữ vững để tu hành.

–Một pháp thứ hai là tư duy, ý không lìa thân.

–Một pháp thứ ba là cần biết việc thô, tế của thế gian.

–Một pháp thứ tư là cần bỏ tâm kiêu mạn.

–Một pháp thứ năm là cần để ý vào một pháp quán (cho tự mình).

–Một pháp thứ sáu là theo nhiều pháp quán (cho tự mình).

–Một pháp thứ bảy là khó chịu về cảm thọ, không nên đình chỉ tập định.

–Một pháp thứ tám là đã thành tựu việc khiến ý đình chỉ.

–Một pháp thứ chín là nên biết tất cả con người đều nương ở món ăn.

–Một pháp thứ mười là nên chứng đắc, khiến cho tâm ý hết nghi ngờ.

Đó là mười pháp của người tu hành, không trái, không khác, có xét kỹ, không mê lầm, không điên đảo, là như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Hai pháp thứ nhất là người tu hành đã đến vô vi, nên có tâm ý cũng tự niệm.

–Hai pháp thứ hai là tăng thêm thực hành chỉ - quán.

–Hai pháp thứ ba là nên biết danh và tự.

–Hai pháp thứ tư là nên bỏ si và ái của thế gian.

–Hai pháp thứ năm là nên từ bỏ không biết hổ, không biết thẹn.

–Hai pháp thứ sáu là khó định hai pháp: không nên và nên như vậy.

–Hai pháp thứ bảy là nên biết–nên không biết như vậy.

–Hai pháp thứ tám là nên mong cầu chấm dứt sanh–không còn sanh ra nữa.

–Hai pháp thứ chín là nên biết con người do nhân duyên gì mà chịu khổ trên thế gian, cũng nên biết do nhân duyên gì mà vượt khỏi thế gian.

–Hai pháp thứ mười là nên tự mình chứng được trí tuệ và cũng được giải thoát.

Đó là hai mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có chứng đắc, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ tùy ý quán sát.

–Ba pháp thứ nhất là người tu hành đến vô vi, trong mọi sự việc đều có trí tuệ, cũng ưa nghe kinh pháp, cũng nên quán pháp căn bản.

–Ba pháp thứ hai là nên tư duy: còn niệm dục; được định không còn dục, chỉ có niệm; cũng không dục, cũng không còn niệm.

–Ba pháp thứ ba là nên biết cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

–Ba pháp thứ tư là nên xả bỏ tham ái nơi cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

–Ba pháp thứ năm là nên xả bỏ ba ác: ác về tham dục, ác về sân hận và ác về ngu si.

–Ba pháp thứ sáu là làm tăng trưởng: không có tham dục làm gốc;

không có sân hận làm gốc; không có ngu si làm gốc.

–Ba pháp thứ bảy là khó cảm nhận: hành tướng đang định; hành tướng khi dứt định; hành tướng khi khởi định.

–Ba pháp thứ tám là nên làm ba hướng sinh hoạt: không, không nguyện và không tưởng.

–Ba pháp thứ chín là nên biết ba thọ (thống): lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc cũng không khổ thọ.

–Ba pháp thứ mười là: tự chứng đắc trí tuệ; không còn phải học; vốn có từ xưa nay cũng thường trong sự sống; không có gì phải từ bỏ.

Đó là ba mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có xét kỹ, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Bốn pháp thứ nhất là người tu hành đạt đến vô vi còn trong vòng trời người: ưa ở phần đất đã chia; nương người có trí tuệ; tự mình mong muốn chính đáng; mạng sống đời trước có căn bổn.

–Bốn pháp thứ hai là tăng trưởng thực hành bốn điều dứt ý: tự quán về thân; quán xét trong ngoài thân chẳng lìa ý; biết sự vướng mắc của ý xa lìa tâm ý si mê phiền não thế gian. Thống lương (thọ) của ý pháp cũng như pháp quán xét về thân.

–Bốn pháp thứ ba là nên biết về bốn cách ăn: đoàn thực, lạc thực, niệm thực và thức thực.

–Bốn pháp thứ tư là nên bỏ bốn thứ bệnh: bệnh tham muốn, bệnh do ý chấp lẽ phải, bệnh tự nguyện răn cấm và bệnh cảm thọ nơi thân.

–Bốn pháp thứ năm là nên rõ biết bốn thứ lỗi lầm: lỗi lầm về giới, lỗi lầm về ý chấp lẽ phải, lỗi lầm về hành động, lỗi lầm về tạo nghiệp.

–Bốn pháp thứ sáu là bốn việc thành tựu nên tăng trưởng: thành tựu về giới, thành tựu về ý đứng đắn, thành tựu về hành động, thành tựu về nghiệp thiện.

–Bốn pháp thứ bảy là biết bốn đế: Khổ đế, Tập đế, Tận (diệt) đế và chịu nhận Diệt khổ đế (Đạo đế).

–Bốn pháp thứ tám là có bốn thứ thông tuệ: thông tuệ về khổ; thông tuệ về tập; thông tuệ về tận (diệt) và thông tuệ về đạo.

–Bốn pháp thứ chín là nên biết bốn tướng: biết ít; biết nhiều, không biết số lượng vì không chỗ có; không dùng thức biết nhiều; biết không có số lượng vì biết không chỗ có, nên không dùng trí để biết.

–Bốn pháp thứ mười là tự chứng: nên biết pháp thân; nên biết ý

thân; nên biết pháp nhãn; nên biết pháp tuệ.

Đó là bốn mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quan sát.

–Năm pháp thứ nhất là người tu hành đạt đến vô vi có năm cách dừng dứt tam y. Những gì là năm?

1. Người đệ tử học đạo có niềm tin căn bản, vững chắc, không ai phá hoại được.

2. Nhẫn nhục là Tiên nhân, hoặc Trời, hoặc Ma, hoặc Phạm thiên, cũng như trong thế gian không có hành động che giấu, thân tâm ngay thẳng, đặt liên quan với sự chỉ dẫn của trí tuệ mà tu hành.

3. Thân ít bệnh hoạn, an lành như giữ cái bụng mà đi tới. Thân không quá lạnh, quá nóng, không có sân giận. Được như vậy mới an lòng, khiến ăn uống tiêu hóa, làm cho thân yên ổn, điều hòa, phát sanh tu hành tinh tấn.

4. Có quan tâm dùng tinh tấn làm phương tiện, chắc được pháp tốt đẹp, ý không bỏ phương tiện, đem cả sức lực tâm ý, dốc hết siêng năng, không được nửa chừng dừng nghỉ, cần thiết là phải có kết quả tu hành.

5. Người tu hành từ đó sanh khởi trí tuệ, diệt chấp mới đạt đạo. Cần yếu là không chán nản hành trì, đi thẳng vào việc diệt khổ. Đây là cách dừng dứt ý nghĩ.

–Năm pháp thứ hai là làm tăng trưởng công đức cho người tu hành, tức năm thứ định:

1. Người đệ tử hành đạo tự thân giữ được hỷ lạc, như tẩm nước mát toàn thân, khiến cho khắp thân đều được hỷ lạc, từ đó tự mình giữ được niềm vui. Ví như khi người có trí tuệ tắm rửa, có đệ tử trí tuệ lo việc tắm rửa đem đồ đựng, hoặc bồn, hoặc vò, rửa bằng nước sạch, đã dùng nước sạch rửa chỗ dính cát bẩn, trong ngoài các chất dơ không còn tan ra, do đây nước mới không bị dơ. Người hành đạo cũng như vậy, tự mình giữ được lòng thân ái, sanh vui vẻ, mát mẻ, hòa hợp, thân cận nhau, tự thân liên quan với tất cả, từ đó chính mình tự giữ được hỷ lạc. Đây là một trong năm thứ định mà người đệ tử học đạo phải thực hành đầu tiên.

2. Cũng có người đệ tử hành đạo, thân đã được định nên sanh hỷ lạc, như tắm mát toàn thân, nên khắp thân không có chỗ nào là không nhờ từ định mà được hỷ lạc. Ví như trở về lại nguồn suối của ao nước, cũng không từ trên cao mà đến, cũng không từ phía Đông, cũng không từ phía Nam, cũng không từ phía Tây, cũng không từ phía Bắc, chỉ từ suối nước mát mẻ khắp đầy; vì suối nước tưới từ nguồn nước trong sáng nên nước

mát lạnh không chỗ nào là không chảy đến. Người đệ tử học đạo tu hành cũng như vậy, do thân an định nên được hỷ lạc tưới mát toàn thân, toàn thân chỗ nào cũng được tưới mát, từ đấy mà sanh hỷ lạc. Đây là định thứ hai trong năm thứ định mà người đệ tử học đạo phải thực hành.

3. Cũng có người đệ tử hành đạo, thân không còn đắm trước vào niềm vui của tham ái nên không liên quan đến việc thúc giục nhau, có thể khiến cho toàn thân không hỷ lạc. Ví như hoa sen sống trong nước và trưởng thành trong nước, cho đến rễ, cành và lá tất cả đều từ nước mát lạnh tưới tẩm cùng khắp. Đệ tử hành đạo thân cũng như vậy, do không ưa thích ái lạc nên thân như được tưới tẩm mát mẻ, từ đó không có ái lạc. Đây là định thứ ba trong năm thứ định mà người đệ tử học đạo phải hành theo.

4. Cũng có đệ tử hành đạo, từ thân này làm thanh tịnh được ý, đã trừ cảm thọ của thân mà thành hạnh, trong thân không có chỗ nào mà không đến từ tịnh ý và dứt trừ ý. Ví như có bốn dòng tộc, cũng như con cháu của bốn dòng tộc dùng lụa trắng dài tám, chín trượng phủ trên thân người từ đầu đến chân, chỗ nào cũng được che phủ bằng lụa trắng sạch. Như vậy đệ tử hành đạo đã hành trì để thân này được thanh tịnh ý và dứt trừ ý, khắp thân không có chỗ nào là không được phủ trùm do thanh tịnh, ý (vọng tưởng) đã được dứt trừ. Đây là định thứ tư trong năm thứ định mà người đệ tử học đạo phải hành trì.

5. Cũng có đệ tử hành đạo, quán sát rõ ràng về cảm thọ thân, đã rất tinh tường về ý niệm, tinh tường về chỗ ở, tinh tường về cảm thọ. Ví như người đứng quán sát người ngồi và người nằm. Người đệ tử học đạo hành trì cũng như vậy, biết hành tướng của cảm thọ, phải tư duy tinh tường về cảm thọ, do tinh tường về cảm thọ nên tinh tường về ý niệm, tinh tường về sự việc và cũng tinh tường luôn về cảm thọ. Đây là định thứ năm trong năm thứ định, người đệ tử học đạo phải hành trì.

–Năm pháp thứ ba là nên biết năm loại:

1. Loại cảm thọ về sắc.
2. Loại cảm thọ về thống (thọ).
3. Loại cảm thọ về tưởng.
4. Loại cảm thọ về hành.
5. Loại cảm thọ về thức.

–Năm pháp thứ tư là nên bỏ năm điều ngăn che (ngũ cái):

1. Ngăn che vì ái dục.

2. Ngăn che vì sân hận.

3. Ngăn che vì ngủ nghỉ.

4. Ngăn che vì vui đùa.

5. Ngăn che vì hối hận và nghi ngờ.

–Năm pháp thứ năm là nên giảm năm tâm ý đóng chặt:

1. Nếu có kẻ tu học không tin tưởng đạo.

2. Nghi không biết khiêm tốn.

3. Không cho ai có thể khá hơn, nên không chấp nhận, tâm ý như vậy nhất định đóng chặt chưa xả bỏ.

4. Không chịu nghe răn dạy về đạo pháp.

5. Cũng như có kẻ tu học trong đạo được tán thán về danh văn, là người trí, người đồng học, lại đem lời nói ác đến có ý ly gián, quấy nhiễu, xúc phạm, nếu trong đạo có người danh văn, người trí, người đồng học, đem lời nói ác đến có ý ly gián, quấy nhiễu, xúc phạm (là tâm ý đóng chặt).

Như vậy, đây là năm tâm ý đóng chặt chưa xả.

–Năm pháp thứ sáu là sẽ làm tăng trưởng cho đạo, là năm căn: tín căn, tinh tấn căn, ý (niệm) căn, định căn và tuệ căn.

–Năm pháp thứ bảy là khó khăn về cảm thọ, năm pháp hành động để được ra khỏi ái dục là: Nếu người đệ tử đã thành thục trong việc tu học đạo, không nghĩ đến ái dục, ý không vướng niệm dục thì không nên có ý nghĩ "Không dừng tham muốn, ý không thể vượt qua tham muốn" mà dừng lại ý ác không cho sanh khởi, không vận dụng ý nữa, từ bỏ ý xấu không dùng vào việc ác. Ví như: con gà với bộ lông đẹp, đầy sức lực, gặp lửa liền lùi lại, tỏ thái độ không đi tới được. Người đệ tử đã thấy đạo cũng như vậy, nếu tu hành nắm vững ý tưởng không niệm ái dục, liền không dùng đến ái dục, cũng không còn ái dục, ý không rơi vào ái dục, có niệm dục liền dừng, do có ý niệm liền dừng dứt nên không còn sanh khởi nữa. Từ đây, ý niệm về đạo mới xuất hiện và ý muốn tu hành sanh khởi, ý ấy vững chắc, có ý thức hay không có ý thức đều rõ ràng, vì ý ác không sanh khởi nên không cần ngăn ngừa ý, ý không còn chỗ ngại, không chỗ dùng, nhưng ý an ổn, vì ý đã tu hành và tu hành thành thục. Nếu lại do từ nhân duyên ái dục mà kết thành ảo não, ưu sầu, suy nghĩ là ta phải theo đúng như đã giải thích ở trên, không nên đắm trước thì sẽ được xa lìa, do nhân duyên này sẽ không còn bị chạy theo cảm thọ về tham dục.

Như vậy người tu hành từ nơi tham dục mà được độ thoát, tuy có

sân hận mà không sân hận, có xâm lấn mà không thật xâm lấn, có thấy sắc mà không tham sắc. Nếu người đệ tử học đạo nắm chắc ý tưởng không còn trở lại nghĩ đến thân, đã nắm chắc ý tưởng không nghĩ đến thân, liền không tham muốn thân, không muốn thân thì không đắm chấp nơi thân, ý sẽ không rơi vào ái dục, ý xấu ác không sanh khởi. Ví như con gà với bộ lông đẹp, có đủ sức khỏe, thấy lửa liền thoái lui, tỏ thái độ không đi tới được. Người đệ tử hành đạo cũng như vậy, đã nhận thức vững chắc thì không còn nghĩ đến thân, ý đã không nghĩ về thân, ý không vượt qua được ý, dứt được ý, thì ác ý mới không sanh khởi, tự giữ gìn một đời dứt điều ác, niệm ác không sanh. Muốn độ thân phải nhờ ý niệm độ, thân vốn không làm, do ý siêng mới có làm, dứt ý là ý được độ, dẫu ý không dừng thì ý cũng không ác, ý liền đạt đến niệm tưởng không chỗ ngại, không chỗ dừng, ý muốn dừng nghỉ, từ đó tu hành được thuần thục.

Nếu nhân duyên từ nơi thân sanh lỗi khổ não ưu bi, vì nhân duyên ấy đã sanh lỗi ưu não, thì từ đây mà hiểu rõ, dừng dứt không chấp trước là được độ thoát, cũng không từ nơi nhân duyên ấy mà lại chịu thọ nhận. Người đệ tử học đạo như vậy, từ thân này mà được xuất ly.

–Năm pháp thứ tám là làm cho sanh khởi đạo hạnh, là năm loại trí tuệ do định sanh:

1. Người có đạo đức, không chấp trước, không thuận theo chấp trước thì tuệ thứ nhất bên trong tự sanh.

2. Loại thiền định người thường không thể đạt đến, chỉ người có trí mới đạt được. Đây là loại tuệ thứ hai từ bên trong sanh khởi.

3. Loại định từ nhất tâm mà đạt được tiếng khen là có đạo hạnh. Như vậy là loại tuệ thứ ba từ bên trong sanh khởi.

4. Loại thiền định tự nhận thấy đạt đến hạnh an lạc, cảm thọ cũng rất tốt đẹp, như vậy là loại tuệ thứ tư từ bên trong sanh khởi.

5. Loại thiền định từ định này mà có thể ngồi, đứng tự tại, như vậy là loại tuệ thứ năm từ bên trong sanh khởi.

–Năm pháp thứ chín là nên biết năm pháp giải thoát:

1. Nếu người tu học được nghe các bậc tôn túc nói kinh, hoặc nghe người có trí tuệ nói, hoặc cùng người đồng học được nghe, nghe nói kinh như vậy xong liền biết ý nghĩa mà thực hành, đã rõ pháp liền rõ nghĩa, đã rõ nghĩa liền thọ nhận, đã thọ nhận liền hoan hỷ, đã hoan hỷ thân an lạc, đã an lạc nên ý được định, ý được định nên biết và thấy như thật, đã thấy biết như thật liền xả bỏ không dùng, đã bỏ không dùng nên không chấp, đã không chấp trước như vậy nên liền được giải thoát. Đây là giải thoát

thứ nhất của người tu hành.

2. Người tu hành đã được an trú nhưng ý chưa chánh, được chánh ý nhưng ý chưa định, được định ý nhưng chưa cởi bỏ được những trói buộc từ bên trong, cởi bỏ được những trói buộc bên trong nhưng chưa đạt vô vi, đã đến vô vi nhưng khi ấy không được nghe Phật giảng kinh, cũng không nghe người trí kẻ đồng học nói kinh, chỉ theo chỗ được nghe, được thọ trì liền tự mình đọc tụng. Đây là giải thoát thứ hai của người tu hành.

3. Hoặc là khi ấy cũng không được nghe Phật nói kinh và người trí kẻ đồng học nói kinh, chỉ như pháp đã nghe, theo pháp đã thọ nhận, nói dạy đầy đủ cho người mới học. Đây là giải thoát thứ ba của người tu hành.

4. Hoặc là khi ấy cũng không được nghe Phật nói kinh, người học chỉ như pháp đã nghe, như pháp đã thọ, riêng ngồi một chỗ suy nghĩ, nên như pháp đã nghe, như pháp đã thọ mà tụng đọc đầy đủ thì chỗ nên hiểu rõ sẽ như pháp hiểu rõ. Đây là giải thoát thứ tư của hành giả.

5. Hoặc là khi ấy không như pháp mà nghe, không như pháp mà thọ, cũng không suy nghĩ, chỉ từ thực hành mà đạt được một tướng định thuần thục, cảm thọ thuần thục và niệm thuần thục. Sau khi tu tập sẽ thể nhận tướng định thuần thục, cảm thọ thuần thục, tư niệm thuần thục và hành thuần thục, liền theo đúng như pháp, liền giải ngộ các pháp tương ứng như thật, liền giải ngộ các pháp như thật. Khi đã giải ngộ các pháp tương ứng như thật, đã giải ngộ các pháp như thật thì các pháp có thể sanh đã sanh ra tình thương phát khởi. Tình thương đã sanh thân liền an vui; thân biết an vui, đã được an vui thì ý liền, như chỗ đã biết đã thấy mà hối lỗi; đã hối lỗi thì không còn tham muốn, đã không tham muốn thì được giải thoát. Đây là giải thoát thứ năm của người tu hành.

Nếu người tu hành có đạo hạnh được như vậy, tu hành được như vậy, ý chưa dừng liền dừng, ý chưa định liền định, những trói buộc bên trong chưa hết liền dứt hết, chưa vượt được thế gian đến cõi vô vi liền vượt được thế gian đến vô vi Niết-bàn.

–Năm pháp thứ mười là biết đã tự chứng:

1. Không học về ấm.

2. Không học về giới.

3. Không học về định.

4. Không học về tuệ.

5. Không học vượt thế gian giải thoát.

Đó là năm mươi pháp của người tu học, không trái, không khác, có

thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Sáu pháp thứ nhất người tu hành đã đến vô vi, không còn nặng về chấp thủ. Các pháp ấy là:

1. Các thân hành dừng dứt được là nhờ trí tuệ của Phật và các bậc đồng học, đây là pháp không còn nặng về chấp thủ.

2. Từ pháp ấy được mến thương, được kính trọng, rất vừa ý vì đã được mến thương, đã được kính trọng trong mọi hành động, do đó mà nhóm họp không có tranh tụng, chuyên tâm tu tập thiền định để đạt đến pháp nhẫn.

3. Các việc miệng nói, tâm nghĩ đều có giới hạnh không hủy phạm, không xuyên tạc, không trì hoãn, không che giấu và không lỗi lầm là người học đạo nên thực hành đầy đủ. "Các vị ấy hành trì giới như thế, ta cũng hành trì giới", nên so sánh với người trí tuệ và người đồng học.

4. Người cầu đạo cần nhàm chán, cần quyết tâm tu tập để diệt khổ. "Họ như vậy, ta cũng như vậy", nên so sánh với người trí tuệ, người đồng học. Pháp này là pháp không còn nặng về chấp thủ.

5. Nếu mình có pháp lợi ích nên hướng dẫn các vị đồng học thực hành, để theo pháp ấy cùng đạt được. Tất cả pháp đạt được là tùy ở khả năng bên trong. Những lợi ích như thế nên cùng chia xẻ với các vị đồng học, không nên riêng che giấu. Đây là pháp không còn nặng về chấp thủ.

6. Từ mến thương nên được kính trọng, được vừa ý; đã được mến thương, đã được kính trọng, đã được vừa ý, đã được cùng nhau tu hành hòa hợp ở một chỗ, không tranh tụng, một lòng tu hành thiền định, đạt đến pháp nhẫn.

–Sáu pháp thứ hai là sáu cách cùng yên ổn để hộ trì người tu hành: mắt thấy sắc cũng không vui, cũng không chán, chỉ quán sát hành động của tâm ý, biết có chân chánh không. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý, cách quán sát cũng không vui, cũng không giận, chỉ cần quán sát tịnh chỉ tâm ý, không vọng tưởng.

–Sáu pháp thứ ba là nên biết sáu cách trở vào bên trong; mắt nhìn vào bên trong, tai, mũi, lưỡi, thân và ý nghĩ trở vào bên trong.

–Sáu pháp thứ tư là nên bỏ sáu tham ái: mắt theo ái dục; tai, mũi, lưỡi, thân và ý theo ái dục.

–Sáu pháp thứ năm là nên trừ bỏ sáu điều không cung kính:

1. Không cung kính Phật.

2. Không cung kính Pháp.

3. Không cung kính người đồng học.

4. Không cung kính giới.

5. Không bỏ ác khẩu.

6. Không bỏ ác tri thức.

–Sáu pháp thứ sáu là nên tăng trưởng sáu sự cung kính:

1. Cung kính Phật.

2. Cung kính Pháp.

3. Cung kính người đồng học.

4. Cung kính giới.

5. Tăng thêm lời nói tốt đẹp.

6. Gần thiện tri thức.

–Sáu pháp thứ bảy là khó chấp nhận sáu hành động vượt thế gian:

1. Nếu có người nói: "Ta đã được ý bình đẳng, tâm định tĩnh, đã tu tập có kết quả nhưng tâm giận dữ của ta chưa giải trừ được", liền nên đáp: "Chớ nói như vậy. Vì sao? Vì không đúng, tâm ý đã bình đẳng, định tĩnh, đã tu tập có kết quả thì sao lại còn có sân hận? Điều ấy là không đúng. Vì sao? Đã đạt tâm bình đẳng, định tĩnh là vì đã trừ hết niệm giận dữ".

2. Nếu có người tu hành nói: "Ta có lòng từ và tâm định, đã hành trì và đã có kết quả, chỉ có ý giết hại không trừ được", thì nên trả lời: "Lời nói kia không đúng. Vì sao vậy? Đã có từ tâm và định ý, đã thực hành và có kết quả, thì sao lại còn ý giết hại? Điều ấy là không đúng. Vì sao? Đã có lòng từ và tâm định không thể có ý sát hại".

3. Nếu có người tu hành nói: "Ta có tâm hoan hỷ, bình đẳng, ý đã định tĩnh, đã thực hành và có kết quả, chỉ có ý tưởng là không tịnh chỉ được", thì nên trả lời: "Chớ nói như vậy! Vì sao? Vì không đúng, đã có ý bình đẳng và tâm định, đã thực hành có tăng tiến và có kết quả, thì sao không thể định được? Điều ấy là không đúng. Vì sao? Tâm định, ý bình đẳng là đã trừ vọng, không thể không được định".

4. Nếu có người tu hành nói: "Ta có tâm chỉ quán, đã thực hành và có kết quả, chỉ có ái dục và sân hận là chưa trừ", thì nên đáp: "Chớ nói như vậy! Vì sao? Tâm đã đạt được chỉ và quán thì không có ái dục và sân hận".

5. Nếu có người tu hành nói: "Ta không có nghi, chỉ do ý không thuận theo", thì nên trả lời: "Chớ nói như vậy! Vì sao? Hiểu rõ được điều cốt yếu thì ý không còn nghi".

6. Nếu có người tu hành nói: "Tâm ý tôi đã hoàn toàn định tĩnh, nhưng đối với việc đã qua còn dùng ý niệm để nhận thức", thì nên trả lời: "Không nên nói như vậy vì điều đó không đúng, cũng không nên có ý niệm ấy. Đã được định ý thì không còn ý niệm cho là đã đủ. Lại người tu hành mà còn ý niệm nhận thức là không có đúng. Vì sao vậy? Người mà tâm ý đã được giải thoát thì không cầu nhớ nghĩ lại".

–Sáu pháp thứ tám là nên phải có sáu niệm:

1. Niệm Phật.

2. Niệm Pháp.

3. Niệm các vị Tăng đồng học.

4. Niệm giới.

5. Niệm thí.

6. Niệm thiên.

–Sáu pháp thứ chín là nên biết sáu điều không so lường:

1. Thấy không có so lường.

2. Nghe không có so lường.

3. Vì lợi không có so lường.

4. Giới không có so lường.

5. Trong sự việc không có so lường.

6. Ý niệm không có so lường.

–Sáu pháp thứ mười là tự biết đã chứng, có sáu điều:

1. Thần thông.

2. Nghe khắp hết.

3. Biết ý người khác.

4. Biết vốn từ đâu sanh lại.

5. Biết sẽ sanh về đâu.

6. Biết về sự trói buộc đã dứt sạch.

Đây là sáu mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không có mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Bảy pháp thứ nhất là người tu hành muốn đạt đến Niết-bàn, cần có bảy món quý báu:

1. Có lòng tin là quý báu.

2. Có giới là quý báu.

3. Biết hổ với mình là quý báu.
4. Biết thẹn với người là quý báu.
5. Biết lắng nghe là quý báu.
6. Biết bố thí là quý báu.
7. Có trí tuệ là quý báu.

–Bảy pháp thứ hai là nên tu hành bảy giác ý:

1. Niệm giác ý.
2. Phân biệt pháp giác ý (Trạch pháp).
3. Tinh tấn giác ý.
4. Khả giác ý (Hỷ).
5. Ỷ giác ý (Khinh an).
6. Định giác ý.
7. Hộ giác ý (Xả).

–Bảy pháp thứ ba là nên biết bảy loài:

1. Không thể xếp loài.
2. Loài súc sanh.
3. Loài ngạ quỷ.
4. Loài người.
5. Loài trời.
6. Loài chuyển hóa.
7. Loài trung gian.

–Bảy pháp thứ tư là nên bỏ bảy sự trói buộc:

1. Trói buộc do ái dục.
2. Trói buộc do chẳng thể thuận hợp.
3. Trói buộc do ưa thích.
4. Trói buộc do kiêu mạn.
5. Trói buộc do tà kiến.
6. Trói buộc do ngu si.
7. Trói buộc do nghi ngờ.

–Bảy pháp thứ năm là có thể trừ bớt người ác ở trong bảy pháp:

1. Không có lòng tin.
2. Không hổ với mình.
3. Không thẹn với người.

4. Không có siêng năng.

5. Vô ý hay quên.

6. Ý không định tỉnh.

7. Không có trí tuệ.

–Bảy pháp thứ sáu là tăng tuệ. Bảy pháp của người trí tuệ là:

1. Có lòng tin.

2. Hổ với mình.

3. Thẹn với người.

4. Phát khởi siêng năng.

5. Biết giữ tâm ý.

6. Có thiền định.

7. Có trí huệ.

–Bảy pháp thứ bảy là khó nhận biết bảy chỗ thức nương tựa:

1. Có sắc thân nhưng khác thân, khác hình tướng, ví như trong loài người hoặc trên cõi trời, là chỗ thứ nhất nơi thức nương tựa.

2. Có hình sắc, có nhiều thân chỉ có một tưởng, như chư Thiên trên cõi Phạm thiên lúc mới sanh về cõi ấy, là chỗ thứ hai nơi thức nương tựa.

3. Tại cõi Sắc, một thân hình một tư tưởng, như cõi trời Tự tại sáng chói, là chỗ thứ ba thức nương tựa.

4. Cõi không có sắc, chỗ người tu hành tất cả sắc tướng đã diệt, vô lượng niệm sân đã dừng, ví như cõi trời tên là Không xứ. Đây là chỗ thứ tư nơi thức nương tựa.

5. Cõi không có sắc, chỗ người tu hành tất cả từ Không xứ được vượt đến Thức xứ, tịnh chỉ không hạn lượng, như cõi trời tên là Thức xứ. Đây là chỗ thứ năm nơi thức nương tựa.

6. …[1]

7. Cõi không nương hình sắc, chỗ người tu hành không có tưởng cũng không lìa tưởng, như cõi trời tên là Phi tưởng. Đây là chỗ thứ bảy nơi thức nương tựa.

–Bảy pháp thứ tám là bảy pháp thực hành khiến có được định ý:

1. Thấy biết ngay thẳng.

2. Nhớ nghĩ ngay thẳng.

3. Nói năng ngay thẳng.

---

[1] Đại 1, tr.236c: không có.

4. Phương pháp ngay thẳng.

5. Tạo nghiệp ngay thẳng.

6. Phương tiện ngay thẳng.

7. Tâm ý ngay thẳng.

–Bảy pháp thứ chín là nên biết bảy điều hiện tại phải suy nghĩ:

1. Nếu người tu hành trong đạo, ý đặt niềm tin nơi Đức Phật để làm căn bản vào đạo thì tâm sẽ sanh trưởng, an trú, không hư hoại. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm, cũng như các người tu hành khác trong thế gian không thể phá hoại được.

2. Trì giới, giữ luật phải nhiếp tâm vào giới, như kẻ tử tội đang sợ hãi vào ra thành, trì giới học giới cũng vậy.

3. Có thiện tri thức là tốt, có người tốt đồng ở, sẽ tự trở về chỗ tốt đẹp.

4. Riêng ở một mình, không có người khác để khỏi mất tự chủ về hành động, mất tự chủ về thân và mất tự chủ về ý.

5. Duy trì hạnh tinh tấn, vững chắc trong hạnh tinh tấn, không bỏ phương tiện của đạo pháp.

6. Ý suy nghĩ: "Thà để thân, da, gân, xương, máu của mình đều tiêu hoại, cũng chỉ siêng năng đối với việc nên làm".

7. Người có chiêm nghiệm vững chắc, tu hành không bỏ phương tiện, pháp tu hành trong đạo cần phải đạt được. Nếu mình chưa được thì phải siêng năng, không được nửa đường dừng nghỉ, giữ ý thực hành, cố ý duy trì thực hành, tự mình tu hành lâu dài, giảng nói lâu dài, ý không quên mất.

Bảy điều này do tuệ nhớ nghĩ tu hành biết rõ về sanh diệt, được trí tuệ. Đây là bảy điều hiện tại phải suy nghĩ.

–Bảy pháp thứ mười là bảy pháp sẽ khiến đưa đến chứng ngộ:

1. Có giáo pháp; 2. Có hiểu rõ; 3. Biết thời; 4. Biết đủ; 5. Biết tự thân; 6. Biết đại chúng; 7. Biết người trước kẻ sau.

Đây là bảy mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

❑

KINH TRƯỜNG A-HÀM
THẬP BÁO PHÁP

QUYỂN II

–Tám pháp thứ nhất là Người tu hành muốn tăng trưởng nơi gốc thực hành nhưng chưa được trí tuệ, cần có tám pháp làm nhân duyên. Những gì là tám:

1. Nếu người tu hành nương theo lời Đức Phật, thọ giáo răn dạy mà thực hành, cũng nương tự bậc trí tuệ, kẻ đồng học là căn bản tu hành, nếu chưa được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ nhất.

2. Đã nương tựa Phật, cũng nương tựa bậc trí tuệ, kẻ đồng học, thường được nghe kinh pháp vi diệu, là căn bản để tăng trưởng việc tu hành, không được trí tuệ căn bản liền được trí tuệ căn bản. Đây là nhân duyên của pháp thứ hai.

3. Đã nghe pháp, không chấp vào thân, không chấp vào ý, từ đó làm nhân duyên căn bản cho sự tu hành, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ ba.

4. Đã nghe pháp, tinh tấn thực hành, từ đó làm căn bản cho sự tu hành được tăng trưởng, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ tư.

5. Giữ gìn ý tưởng, tự mình tận lực tu hành, có thời gian lâu tu trì, có thời gian giảng nói, muốn nhớ nghĩ liền được nhớ, sự tu hành được tăng trưởng, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ năm.

6. Nhận lời giảng dạy cũng như nhận được giáo pháp tu hành, làm tu hành được tăng trưởng, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ sáu.

7. Vui trong giáo pháp, vui trong việc thực hành, thường giảng nói kinh làm tu hành tăng trưởng, không được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ bảy.

8. Biết năm ấm tăng giảm nên tu hành. Hoặc là sắc, hoặc là sự tập khởi của sắc, hoặc từ đó mà sắc được diệt đều biết rõ là tư tưởng, thống,

lương khổ do thức sanh tử phân biệt. Từ sự nhận biết đó mà được vượt qua. Đó là căn bản của sự tu hành được tăng trưởng, chưa được trí tuệ liền được trí tuệ. Đây là nhân duyên của pháp thứ tám.

–Tám pháp thứ hai là: người theo tám pháp này tu hành có thể đạt đến đạo, có tám con đường:

1. Thấy biết chân chánh.
2. Nhớ nghĩ chân chánh.
3. Nói năng chân chánh.
4. Học pháp chân chánh.
5. Tạo nghiệp chân chánh.
6. Phương tiện chân chánh.
7. Tâm ý chân chánh.
8. Thiền định chân chánh.

–Tám pháp thứ ba là nên biết tám pháp nơi thế gian:

1. Lợi.
2. Không lợi.
3. Danh tiếng.
4. Không danh tiếng.
5. Luận bàn.
6. Đáng khen.
7. Vui thích.
8. Không vui thích.

–Tám pháp thứ tư nên bỏ là:

1. Thấy biết không chân chánh.
2. Nhớ nghĩ không chân chánh.
3. Nói năng không chân chánh.
4. Tu pháp không chân chánh.
5. Tạo nghiệp không chân chánh.
6. Dùng phương tiện không chân chánh.
7. Tâm ý không chân chánh.
8. Thiền định không chân chánh.

–Tám pháp thứ năm là nên giảm bỏ tám thứ:

1. Không nên mê mờ, chẳng tinh tấn đối với đạo. Người tu hành nên ở quận huyện, ở nơi thôn xóm, cũng như những nơi khác, tùy chỗ tu hành,

buổi sáng thức dậy mang y, cầm bát vào xóm làng khất thực, trong lòng suy nghĩ sẽ được nhiều đồ ăn vừa ý. Đã đi khất thực mà không được nhiều đồ ăn, liền suy nghĩ: "Hôm nay ta không nhận được nhiều đồ ăn vừa ý, thân gầy yếu không thể ngồi thiền nên đi nằm ngủ", liền đi nằm ngủ. Lại cũng không tìm cầu phương tiện giải thoát thế gian, điều chưa được không được, vấn đề chưa hiểu không hiểu, việc nên tự biết không chịu tự biết. Đây là một loại người mê mờ, không siêng năng trong đạo.

2. Người tu hành hoặc ở quận huyện, ở nơi thôn xóm, cũng như ở những nơi khác, tùy theo chỗ ở tu hành. Buổi sáng thức dậy mang y, cầm bát vào xóm làng khất thực, trong tâm nghĩ sẽ khất thực được nhiều đồ ăn vừa ý, tự mình sau đó nhận được nhiều đồ ăn, suy nghĩ: "Ta sáng nay nhận được nhiều đồ ăn vừa ý", liền nghĩ: "Sáng nay ta được ăn nhiều đồ ăn, làm cho thân nặng nề, không kinh hành hay ngồi thiền được, ta nay nên đi nằm nghỉ", liền đi nằm nghỉ, không tìm phương tiện vượt thoát thế gian, chỗ nên được không được, vấn đề nên hiểu không hiểu, việc nên tự biết không thể tự biết. Đây là việc mê mờ thứ hai.

3. Hoặc có người tu hành, khi cần đi hành đạo, liền sanh ý nghĩ: "Ta phải nên đi hành đạo, nhưng ta không có khả năng hành đạo, không thể đi giáo giới, ta nên đi nằm nghỉ". Không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, chỗ nên được chưa được, vấn đề nên hiểu chưa hiểu, điều cần tự biết chưa tự biết. Đây là việc mê mờ thứ ba.

4. Hoặc có người tu hành, suốt ngày hành đạo, ý nghĩ: "Từ sáng hành đạo đến giờ, thân thể mệt mỏi, không thể ngồi thiền hoặc đi kinh hành, ta phải đi nằm nghỉ", liền bỏ đi nằm nghỉ, không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, việc nên được lại không được, vấn đề nên hiểu không hiểu, cần phải tự biết phép chứng đắc không tự biết phép chứng đắc. Đây là loại mê mờ thứ tư.

5. Hoặc có người tu hành sắp nỗ lực tu tập, lại nghĩ: "Ta nên siêng tu hành, nhưng ta không có khả năng tu tập, không có khả năng vâng nhận lời răn dạy, ta nên dành chút thời gian để nghỉ ngơi", liền đi nằm nghỉ, không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, cần theo kịp người thì không thể theo kịp, điều nên hiểu thì không hiểu, nên tự mình chứng biết mà không thể tự chứng biết. Đây là điều mê mờ thứ năm.

6. Hoặc có người tu hành suy nghĩ: "Ta từ sáng đến giờ hành đạo nên thân thể mệt mỏi không thể ngồi thiền, ta phải đi nằm nghỉ". Người ấy đi nghỉ, không tìm cầu phương tiện vượt thế gian, điều nên được lại không được, việc nên rõ không rõ, nên tự chứng biết thì không tự chứng

biết. Đây là điều mê mờ thứ sáu.

7. Hoặc có người tu hành đã bị khổ vì bệnh, liền suy nghĩ: "Ta đã khổ vì mắc bệnh, thân thể yếu đuối không thể đi kinh hành, không thể ngồi thiền, ta cần phải nằm nghỉ", liền đi ngủ nghỉ, không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, việc nên được lại không được, điều nên hiểu lại không hiểu, nên tự chứng biết thì không tự chứng biết. Đây là điều mê mờ thứ bảy.

8. Hoặc có người tu hành gặp lúc bệnh mới vừa khỏi, sau đó liền nghĩ: "Ta bị bệnh mới lành, thân thể còn yếu đuối, không thể kinh hành hoặc ngồi thiền, ta nên đi nằm nghỉ", liền bỏ đi nằm ngủ, không tìm cầu phương tiện vượt thoát thế gian, điều nên được thì không được, việc nên hiểu không hiểu, pháp nên tự chứng biết thì không thể tự chứng biết. Đây là điều mê mờ thứ tám.

–Tám pháp thứ sáu là tám phương tiện tinh tấn tu tập làm tăng trưởng đạo lực.

1. Người tu hành hoặc ở quận huyện, hoặc ở thôn xóm, cũng như các chỗ khác, tại chỗ tu hành, buổi sáng thức dậy, mang y cầm bát vào xóm làng khất thực, ý nghĩ sẽ được nhiều đồ ăn, nhưng không được nhiều đồ ăn nên tự nghĩ: "Ta sáng nay không nhận được đồ ăn, thân nhẹ nhàng, có thể kinh hành, ngồi thiền, giúp phương tiện cho ta", pháp chưa được liền được, vấn đề chưa hiểu liền hiểu, chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ nhất.

2. Hoặc có người tu hành, nếu ở tại quận huyện, hoặc ở thôn xóm, cũng như những nơi khác, ở chỗ tu hành, buổi sáng thức dậy mang y cầm bát vào xóm làng khất thực, ý nghĩ sẽ được nhiều đồ ăn liền suy nghĩ: "Ta sáng nay nhận được nhiều đồ ăn vừa ý, thân có sức lực, trước nên ngồi thiền hoặc kinh hành, giúp phương tiện cho sự mong muốn của ta", chưa được liền được, chưa hiểu nên hiểu, chưa tự biết nên tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ hai.

3. Hoặc có người tu hành sắp đi hành đạo, tuy thân không thể hành đạo, cũng chưa nhận lời răn dạy về hành đạo, tự nghĩ: "Ta phải tìm cầu phương tiện để được răn dạy về hành đạo, để giúp phương tiện cho tự mình hành đạo", chưa được sẽ đạt được, chưa hiểu rồi sẽ hiểu, chưa tự biết rồi cũng tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ ba.

4. Hoặc có người tu hành, đã đi hành đạo lại sanh ý nghĩ: "Ta đã hành đạo từ lâu nay, bây giờ không thể tự hành đạo nữa, không thể phụng sự việc giảng đạo nữa, như thế là khiến ta mở ngõ cho việc sai phạm", có

suy nghĩ ấy nên những gì chưa được sẽ được, chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ tư.

5. Hoặc có người đang tu tập, liền suy nghĩ: "Ta không thể tự tạo việc tu hành để thành tựu việc giáo hóa, mà ta phải trước tìm cầu pháp phương tiện", liền trước hết thực hành pháp phương tiện, do đó pháp chưa được sẽ được, điều chưa hiểu sẽ hiểu, việc chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ năm.

6. Hoặc có người đã tận lực tu tập, liền nghĩ: "Ta đã tận lực tu hành, không còn cần tu tập để thành tựu việc giảng dạy, như thế là sẽ khiến cho ta vướng vào chỗ bế tắc, sai phạm. Phải tìm cầu pháp phương tiện để hóa giải chỗ sai phạm bế tắc đó". Như thế pháp chưa được sẽ được, điều chưa hiểu rõ sẽ rõ, nếu chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ sáu.

7. Hoặc có người tu hành, thân có bệnh rất cực khổ, liền nghĩ: "Ta có bệnh khổ, có khi do bệnh mà chết. Ta phải mau gấp tìm cầu phương tiện tu hành". Nhờ tu tập, pháp chưa được sẽ được, điều chưa hiểu sẽ hiểu, nếu chưa tự biết sẽ biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ bảy.

8. Hoặc có người tu hành vừa bị bệnh mới khỏi không lâu, liền suy nghĩ: "Thân ta vừa bệnh mới khỏi, sợ bệnh trở lại, nay ta nên trước tìm cầu phương tiện tu hành", liền tìm cầu phương tiện tu hành, điều chưa được sẽ được, việc chưa rõ sẽ rõ, chưa tự biết sẽ tự biết. Đây là phương tiện siêng năng thứ tám.

–Tám pháp thứ bảy là tám giải thoát khó cảm thọ:

1. Nếu có người tu hành, trong tưởng sắc, ngoài quán sắc, nếu có ít nhiều sắc xấu tốt đều thấy biết tự tại, ý tưởng cũng như thế. Đây là giải thoát thứ nhất.

2. Nếu có người hành đạo, bên trong thiền tư cảnh sắc, ngoài thấy sắc. Đây là giải thoát thứ hai.

3. Nếu có người tu hành, thân thanh tịnh giải thoát nhờ rõ biết về cảm thọ để tu hành. Đây là pháp giải thoát thứ ba.

4. Đều vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt sân hận, bao nhiêu tâm niệm "có", "không" đều diệt, không còn cảm thọ. Đây là giải thoát thứ tư.

5. Vượt qua tất cả không xứ, không còn có thức thọ hành. Vượt qua tất cả thức xứ, không còn chịu sức tác dụng cảm thọ của thức. Đây là pháp giải thoát thứ năm.

6. Vượt qua tất cả niệm vô sở hữu, không dụng công với tưởng

"hữu", "vô" cũng chẳng cảm thọ với tưởng "hữu", "vô". Đây là pháp giải thoát thứ sáu.

7. Vượt qua tất cả tưởng "hữu", "vô" cũng không tu tập tưởng "hữu", "vô". Đây là giải thoát thứ bảy.

8. Diệt tưởng và tư, tự thân biết rõ của cảm thọ. Đây là pháp giải thoát thứ tám.

–Tám pháp thứ tám: Gồm có tám sự nhớ nghĩ của bậc Đại nhân. Thế nào là tám?

1. Vì nhớ nghĩ đạo pháp nên là người thiểu dục, không phải đa dục.

2. Vì đạo pháp, là người tri túc, không tri túc sẽ không có đạo pháp.

3. Vì đạo pháp, là người biết tiếp nhận pháp tu hành, không thọ nhận pháp tu hành sẽ không có đạo pháp.

4. Vì đạo pháp, là người tinh tấn, không tinh tấn sẽ không có đạo pháp.

5. Vì đạo pháp, là người giữ gìn ý, không giữ gìn ý sẽ không có đạo pháp.

6. Vì đạo pháp, là người định tâm ý, không định ý sẽ không có đạo pháp.

7. Vì đạo pháp, là người trí tuệ, không có trí tuệ sẽ không có đạo pháp.

8. Vì đạo pháp, không có nhà là vui, cũng có thể không có nhà không vui, nhưng người cùng ở chung nhà mới vui, cùng ở là không có đạo pháp.

Đây là tám sự nhớ nghĩ của bậc Đại nhân.

–Tám pháp thứ chín là nên biết tám pháp. Đó là những gì?

1. Bên trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc, ít đoan chánh hoặc không đoan chánh, gồm thâu được sắc, biết tự tại, cũng được tự tại trong khi thấy, trong ý nghĩ. Đây là tự tại thứ nhất.

2. Bên trong quán niệm sắc, ngoài thấy sắc, thấy sắc chẳng qua chỉ nơi tác động nên biết tự tại, thấy tự tại. Quán tư tưởng như vậy là tự tại thứ hai.

3. Bên trong quán tưởng không có sắc, ngoài thấy sắc, ít đoan chánh hoặc không đoan chánh, nơi sắc hay tu hành, để biết tự tại, thấy tự tại. Quán tưởng như vậy là tự tại thứ ba.

4. Bên trong không nghĩ về sắc, ngoài thấy sắc, không những là đoan chánh hay không đoan chánh, nơi sắc hay tu hành, để biết tự tại, thấy tự tại. Quán tưởng như vậy là tự tại thứ tư.

5. Bên trong niệm tưởng về sắc, bên ngoài thấy sắc màu xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh, ví như hoa sen xanh thơm ngát, màu sắc xanh, ánh sáng, tướng thấy xanh. Trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc, màu sắc xanh, ánh sáng xanh, tướng thấy xanh như vậy. Quán tưởng như thế là tự tại thứ năm.

6. Bên trong quán tưởng biết sắc, bên ngoài thấy sắc màu vàng, sắc vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng, ví như hoa Gia-ni, như y màu vàng rất sáng, sắc vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng. Bên trong tưởng sắc, thấy sắc bên ngoài màu vàng, ánh sáng vàng, tướng thấy vàng như vậy. Quán tưởng như vậy là tự tại thứ sáu.

7. Bên trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc màu đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ, tướng thấy đỏ, ví như hoa sắc đỏ, cũng như áo sắc rất đỏ, màu đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ, tướng thấy đỏ. Người tu hành bên trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc màu đỏ, sắc đỏ, ánh sáng đỏ, tướng thấy đỏ như vậy. Như vậy, người tu hành tự tại biết, tự tại thấy màu sắc. Quán tưởng như thế là tự tại thứ bảy.

8. Bên trong tưởng sắc, ngoài thấy sắc màu trắng, sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng, ví như sao sáng, cũng như áo trắng còn mới, màu trắng, sắc trắng, ánh sáng trắng, tướng thấy trắng. Như vậy người tu hành bên trong tưởng sắc, bên ngoài thấy sắc, màu trắng, sắc trắng, tướng thấy trắng. Như vậy màu sắc là đối tượng tu tập để biết tự tại, thấy tự tại. Quán tưởng như thế là tự tại thứ tám.

–Tám pháp thứ mười là người tu hành khi quán cần tự biết tám điều không chấp trước:

1. Do năng lực không vướng mắc của người tu hành nên nhận thấy rõ ái dục ví như lửa dữ. Biết rõ mình thấy như vậy và rõ mình thấy như vậy thì kiến niệm ái dục qua nhanh và khiến tâm sáng suốt, không còn chấp trước. Đây là năng lực thứ nhất.

2. Đã tu hành Tứ ý chỉ, đầy đủ, không có chấp trước. Đây là năng lực thứ hai.

3. Đã tu hành Tứ ý đoạn (Tứ chánh cần) đầy đủ. Đây là năng lực thứ ba.

4. Đã tu hành Tứ thiền túc (Tứ thần túc) đầy đủ. Đây gọi là năng lực thứ tư.

5. Đã tu hành Năm căn đầy đủ. Đây là năng lực thứ năm.

6. Đã tu hành Năm lực đầy đủ. Đây là năng lực thứ sáu.

7. Đã tu hành Thất giác ý đầy đủ. Đây là năng lực thứ bảy.

8. Đã tu hành Bát hành (Bát chánh đạo) đầy đủ. Đây là năng lực thứ tám.

Đây là tám mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán sát.

–Chín pháp thứ nhất là người tu tập nên thực hành chín điều làm tâm ý an vui. Thế nào là chín?

1. Nghe pháp vui.

2. Tâm niệm vui.

3. Hoan hỷ vui.

4. Ưa thích vui.

5. Tốt đẹp vui.

6. An ổn vui.

7. Định tĩnh vui.

8. Dừng nghỉ vui.

9. Xa lìa vui.

–Chín pháp thứ hai là siêng năng để đạt đến chỗ thanh tịnh. Thế nào là chín?

1. Siêng năng đạt đến thanh tịnh.

2. Tâm ý đạt đến thanh tịnh.

3. Nhận thức đạt đến thanh tịnh.

4. Niệm nghi đạt đến thanh tịnh.

5. Thuyết đạo đạt đến thanh tịnh.

6. Dùng trí tuệ thấy như thật.

7. Trí tuệ nhận thức đoạn tham ái, đạt đến thanh tịnh.

8. Là đoạn hết chủng tử.

9. Là vượt khỏi thế gian.

–Chín pháp thứ ba là nên biết chín chỗ thần thức nương ở. Thế nào là chín?

1. Có sắc thân nhóm họp nơi thần thức nương gá, có bao nhiêu thân là có bấy nhiêu tưởng, chẳng phải một, ví như loài người và một số chư Thiên cõi Dục. Đây là cõi thứ nhất thần thức nương gá.

2. Có hình sắc, nơi thần thức nương gá, có nhiều thân nhưng chỉ có

một tưởng, ví như cõi trời tên Phạm ý (Phạm chúng) khi thân mạng lúc đầu mới sanh lên. Đây là cõi thứ hai thần thức nương gá.

3. Có hình sắc, thân gá, thức nương, một thân mà có nhiều tưởng, ví như cõi trời Lạc minh (Quang âm). Đây là cõi thứ ba thần thức nương gá.

4. Có hình sắc, thần thức nương, có một thân và một tưởng, ví như cõi trời Biến tịnh. Đây là cõi thứ tư thần thức nương gá.

5. Có hình sắc, thần thức nương, không có thọ, không có tưởng, ví như cõi trời Vô tưởng. Đây là cõi thứ năm nơi thần thức nương gá.

6. Có hữu tình không có hình sắc, thần thức nương, đã vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt sân hận còn ý niệm, có nhiều thân nhưng không còn thọ hành. Ví như cõi trời Không tuệ (Hư không là vô biên). Đây là cõi thứ sáu nơi thần minh nương vào.

7. Có hữu tình không có hình sắc, thần thức nương, đã vượt qua hoàn toàn Không vô biên xứ, đến thức tuệ hành (Thức là vô biên) đã hết ý niệm. Ví như cõi trời Thức tuệ hành (Thức vô biên xứ). Đây là cõi thứ bảy thần minh nương gá.

8. Có hữu tình không có hình sắc, thần thức nương, tất cả từ thức vô biên, lại vượt qua vô sở hữu tuệ thọ hành. Ví như cõi trời Vô sở niệm tuệ (Vô sở hữu xứ). Đây là cõi thứ tám thần minh nương gá.

9. Có hữu tình không có hình sắc, chỗ thức nương, tất cả từ Vô sở hữu xứ vượt qua cõi không có tư tưởng cũng không lìa tư tưởng, cảm thọ hoàn toàn dừng dứt, như cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng. Đây là cõi thứ chín thần minh nương gá.

–Chín pháp thứ tư là nên nhổ sạch chín thứ trói buộc. Những gì là chín?

1. Ái dục là sự trói buộc thứ nhất.

2. Sân hận là sự trói buộc thứ hai.

3. Kiêu mạn là sự trói buộc thứ ba.

4. Ngu si là sự trói buộc thứ tư.

5. Tà kiến là sự trói buộc thứ năm.

6. Nghi ngờ là sự trói buộc thứ sáu.

7. Tham lam là sự trói buộc thứ bảy.

8. Tật đố là sự trói buộc thứ tám.

9. Xan tham là sự trói buộc thứ chín.

–Chín pháp thứ năm là nên diệt trừ chín thứ phiền não căn bản. Những gì là chín?

1. Người tu hành nếu có ý muốn làm việc ác sẽ không an ổn, khiến bị bức bách, cũng như nghĩ các điều ác. Nếu người tu hành nghĩ đến, từ đó sẽ sanh các phiền não. Đây là phiền não thứ nhất.

2. Nếu người tu hành trước đã có làm ác nên không an, đã bị bức bách vì các điều ác đã thi hành, nếu người tu hành còn nghĩ nhớ đến, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ hai.

3. Nếu người tu hành, sau lại có ý muốn làm ác khiến cho không an mà vẫn muốn làm, bị bức bách mà vẫn muốn làm các điều ác. Nếu người tu hành niệm tưởng đến, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ ba.

4. Nếu người tu hành do gần gũi người có ý mong muốn làm ác, người ấy gần gũi người muốn làm ác, mong làm ác nên không an mà vẫn muốn làm, bị bức bách bởi muốn làm các điều ác. Nếu người tu hành nghĩ nhớ đến, từ đấy sanh phiền não. Đây là phiền não thứ tư.

5. Nếu người tu hành có gần gũi người đã thi hành việc ác thì tâm không an, bị bức bách do gần người làm các điều ác. Nếu người tu tập còn nghĩ nhớ đến, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ năm.

6. Nếu người tu hành do gần gũi nhau, sau lại bày ra việc ác nên sanh ra việc bất an, gây ra việc bức bách do làm các việc ác. Nếu người tu hành có tâm hướng như thế, từ đấy sẽ sanh các phiền não. Đây là phiền não thứ sáu.

7. Nếu người tu hành e ngại không tiện lợi và giúp ích cho việc tu hành, sợ không thuận tiện cho nhau nên muốn thiết lập sự an ổn, muốn giải tỏa bức bách, không muốn phải có các điều ác. Nếu người tu hành không chủ hướng, ý niệm như vậy, từ đấy sẽ sanh ra các phiền não. Đây là phiền não thứ bảy.

8. Nếu người tu hành e ngại không tiện lợi và muốn giúp ích cho việc tu hành, không thuận tiện cho nhau nên đã thiết lập sự an ổn, đã giải tỏa sự bức bách, không muốn có các điều ác. Nếu người tu hành hướng niệm không được như vậy, từ đấy sẽ sanh phiền não. Đây là phiền não thứ tám.

9. Nếu người tu hành e ngại không tiện cho nhau trong việc tu hành, sợ không tiện lợi cho nhau nên đã trợ giúp, đã an ổn, đã giải tỏa bức bách cũng như các điều ác. Nếu người tu hành hướng niệm không được như vậy là không cho nhau được an lạc. Từ đấy sanh phiền não. Đây là phiền

não thứ chín.

–Chín pháp thứ sáu là nên suy nghĩ trừ bỏ chín phiền não của ý. Thế nào là chín?

1. Nếu có người tu hành cho rằng: "Vì ta hay quên nên khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, làm cho ta không an ổn, và ta đã làm ác, còn duy trì ý hướng về phiền não ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy, là phiền não thứ nhất.

2. Hoặc có người tu hành nghĩ rằng: "Vì tự ta hay quên nên khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, làm cho ta không an ổn, là ta đã làm ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ác ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ hai.

3. Hoặc có người tu hành tự nghĩ: "Vì ta hay quên nên khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, làm cho ta không an ổn, ta có thể đã làm ác và còn duy trì ý hướng phiền não ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy, gọi là phiền não thứ ba.

4. Hoặc có người tu hành đôi khi tự nghĩ: "Ta có nhiều tình cảm thân thiết nên gần nên khiến ta mà hay quên, khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, không an ổn, ta đã làm điều ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ấy". Nếu người tu hành còn nhớ nghĩ như vậy, ấy là phiền não thứ tư.

5. Hoặc có người tu hành có khi tự nghĩ: "Ta có nhiều tình cảm thân thiết nên khiến ta hay quên, khiến ta dị tưởng, khiến ta không vui, không an ổn, vì thấy làm ác và còn giữ ý hướng về phiền não ấy. Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ năm.

6. Hoặc có người tu hành có lúc tự nghĩ: "Ta có nhiều tình cảm thân thiết nên khiến ta hay quên, khiến ta có dị tưởng, khiến ta không vui, không an ổn vì có thể ta đã làm ác và còn duy trì ý hướng về phiền não ấy. Nếu người tu hành còn có ý hướng như vậy, gọi là phiền não thứ sáu.

7. Hoặc có người tu hành sanh khởi ý nghĩ: "Ta không cùng phương tiện, ta nghĩ nhớ ác, khiến ta không an ổn, khiến ta nghĩ nhớ điều không tốt, vì nó khiến ta oán hận. Thật có ích lợi nếu được làm cho tâm an, được vui, được an ổn. Ta đã giữ ý hướng về phiền não ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ bảy.

8. Hoặc có người tu hành sanh khởi ý nghĩ: "Ta không cùng phương tiện, ta nghĩ nhớ ác, khiến ta không an ổn, khiến ta nghĩ nhớ điều không tốt, vì nó khiến ta thù oán. Thật lợi ích nếu làm cho tâm được an, được vui, được an ổn, thấy làm mà vẫn giữ chặt ý hướng quay điểm về phiền

não". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ tám.

9. Hoặc có người tu hành sanh khởi ý nghĩ: "Ta không cùng phương tiện, ta nghĩ nhớ ác, khiến ta không an ổn, khiến ta nghĩ nhớ điều không tốt, bởi vì nó khiến ta thù oán. Thật lợi ích nếu làm cho tâm được an, được vui, được an ổn. Tâm muốn làm mà ta vẫn giữ ý hướng về phiền não ác ấy". Nếu người tu hành hướng niệm như vậy là phiền não thứ chín.

–Chín pháp thứ bảy là chín chỗ nương trú khó có. Những gì là chín?

1. Nếu người tu hành được nương trú vào đức tin thì có thể bỏ điều xấu được điều tốt. Đây là chỗ nương trú thứ nhất.

2. Nếu người tu hành có ý tu tập xả bỏ tâm chấp trước, không muốn chấp trước. Đây là chỗ nương trú thứ hai.

3. Nếu người tu hành sanh khởi tâm tinh tấn, từ bỏ tâm không khởi tinh tấn. Đây là chỗ nương trú thứ ba.

4. Nếu người tu hành tự giữ chỗ an nhàn, xả bỏ tâm không giữ. Đây là chỗ nương trú thứ tư.

5. Nếu người tu hành có thể kham nhẫn, nương vào sự kham nhẫn như vậy mà được an trú thì đã được tâm trắc đạt chân chánh. Đây là chỗ nương trú thứ năm.

6. Nếu người tu hành xả bỏ một pháp (để tiến lên). Đây là chỗ nương trú thứ sáu.

7. Đã xả một pháp liền hiểu rõ thêm một pháp. Đây là chỗ nương trú thứ bảy.

8. Đã hiểu rõ một pháp liền thọ một pháp. Đây là chỗ nương trú thứ tám.

9. Đã thọ một pháp liền thực hành một pháp. Đây là chỗ nương trú thứ chín.

–Chín pháp thứ tám là chín thứ định. Những gì là chín?

1. Tâm ý an trú ở Sơ thiền là định thứ nhất.

2. Từ định thứ nhất tuần tự đạt đến rốt ráo Nhị thiền là định thứ hai.

3. Từ định thứ hai tuần tự đạt đến rốt ráo Tam thiền là định thứ ba.

4. Từ định thứ ba tuần tự đạt đến rốt ráo Tứ thiền là định thứ tư.

5. Từ thiền thứ tư tuần tự đạt đến rốt ráo Không xứ là định thứ năm.

6. Từ Không xứ tuần tự đạt đến rốt ráo Thức xứ là định thứ sáu.

7. Từ Thức xứ tuần tự đạt đến rốt ráo Vô sở hữu xứ là định thứ

bảy.

8. Từ Vô sở hữu xứ tuần tự đạt đến rốt ráo chỗ không có tư tưởng (Phi tưởng phi phi tưởng xứ) là định thứ tám.

9. Từ chỗ không có tưởng tuần tự đạt đến Diệt thọ tưởng là định thứ chín.

–Chín pháp thứ chín là nên biết chín chỗ không hợp thời. Người tu hành sanh vào chín chỗ này, dù tu hành cũng không viên mãn. Những gì là chín?

1. Con người khi ở trong địa ngục mà tội báo chưa hết thì không thể đắc đạo.

2. Hoặc khi bị đọa vào loài súc sanh, tội báo chưa hết cũng không thể đắc đạo.

3. Hoặc khi làm thân ngạ quỷ, tội báo chưa hết cũng không thể đắc đạo.

4. Hoặc được sanh ở cõi trời Trường thọ, khi phước báo chưa hết cũng không thể đắc đạo.

5. Hoặc có khi đối với ý nghĩa của Phật pháp, do không có người giảng nói nên không được tiếp nhận, cũng không thể đắc đạo.

6. Hoặc khi bị tai điếc không nghe Pháp, không thể nhận lãnh Pháp, cũng không thể đắc đạo.

7. Hoặc khi bị câm, không thể thọ trì, không thể đọc tụng, cũng không thể đắc đạo.

8. Hoặc khi được nghe mà không thể tiếp nhận, cũng không thể đắc đạo.

9. Hoặc khi chưa được sáng suốt, không khai mở tâm ý để giảng nói kinh pháp, cũng không thể đắc đạo.

–Chín pháp thứ mười là chín pháp tự chứng biết không còn phải diệt. Những gì là chín?

1. Diệt trừ khổ của danh tự (danh sắc).

2. Diệt trừ sáu nhập (lục nhập).

3. Diệt trừ cánh thọ (xúc).

4. Diệt trừ các thống (thọ).

5. Diệt trừ tham ái (ái)

6. Diệt trừ thọ (thủ).

7. Diệt mong cầu (hữu).

8. Diệt trừ sanh (sanh).

9. Diệt già, chết (lão tử).

Đây là chín mươi pháp của người tu hành, không trái, không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ, tùy ý quán xét.

–Mười pháp thứ nhất là tăng trưởng các đạo hạnh, giữ gìn Phật pháp, cứu giúp chúng sanh. Những gì là mười?

1. Nếu có vị đệ tử theo Đức Như Lai nhận lãnh đạo pháp, trọn đời phát nguyện tin theo thì không ai có thể phá hoại được dù là Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm thiên, cũng như loài người tại thế gian.

2. Tu tập, giữ gìn giới luật thanh tịnh, có thể hiểu rõ các việc phải làm, theo đó sợ phạm các tội đã gặp, thấy rõ như trong luật dạy răn để tu học.

3. Có trí tuệ phân biệt, có tuệ tùy thuận với người, có tuệ đạt pháp một cách trọn vẹn.

4. Ngồi một mình tư duy, tu tập điều khiển, chế ngự cả thân và ý.

5. Tu tập, thọ trì một cách siêng năng, có năng lực hiểu rõ các pháp, rồi nỗ lực thực hành, không từ bỏ pháp phương tiện thanh tịnh.

6. Ở đâu cũng giữ gìn tâm ý. Tâm ý rất nhiệm mầu, tùy theo các pháp đã làm, đã nói lâu xa mà vẫn có thể nhớ rõ, có thể hiểu thấu suốt.

7. Tu tập trí tuệ, từ trí tuệ biết rõ các pháp sanh diệt mà theo đó đạt đạo, đã quyết từ bỏ chúng không nghi ngờ, chỉ tu tập để dứt khổ, được vắng lặng.

8. Tu tập thọ nhận lời dạy tốt đẹp, rồi theo lời pháp tốt đẹp ấy thực hành.

9. Ưa thích nghe pháp, ưa thích nghe pháp để tu hành, chỉ vui thích được nghe các bài thuyết pháp.

10. Khi có người đồng học cùng tu, thì tinh tấn hỗ trợ cho nhau.

Đó là mười pháp cứu giúp. Từ đây về sau, các vị nên ngồi một mình tư duy, buộc tâm với Tín, Giới, Tuệ; tu tập siêng năng tâm ý mới phát tuệ, tiếp nhận lời dạy tốt đẹp, muốn nói kinh pháp, tự thân thực hành các pháp như vậy không dừng nghỉ. Đây gọi là pháp cứu giúp.

–Mười pháp thứ hai là nên tu tập mười hạnh chánh trực. Mười hạnh chánh trực là gì?

1. Nhờ nhận thức chánh trực, người tu hành làm cho các hạnh tà kiến được tiêu diệt, do các pháp nhân duyên của tà kiến chẳng phải ít. Bao

nhiêu hạnh tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên nhận thức ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều nhờ từ sự tu hành đủ các hạnh.

2. Nhờ sự tư duy, trắc đạt ngay thẳng nên tiêu trừ được mưu tính tà quấy, do các pháp nhân duyên của mưu tính tà quấy chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên tư duy, trắc đạt ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến từ sự tu hành đủ các hạnh.

3. Lời nói chánh trực làm tiêu trừ lời nói tà quấy, do các pháp nhân duyên của lời tà quấy chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên lời nói ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều từ tu hành các hạnh đầy đủ.

4. Hạnh ngay thẳng tiêu trừ hạnh tà vạy, do các pháp nhân duyên của hạnh tà vạy chẳng phải ít, nên bao nhiêu hạnh tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên hạnh ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều nhờ tu hành các hạnh đầy đủ.

5. Nghiệp ngay thẳng làm tiêu trừ nghiệp tà, do các pháp nhân duyên của tà nghiệp chẳng ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên nghiệp ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều đến từ sự tu hành đầy đủ các hạnh.

6. Phương tiện ngay thẳng làm tiêu trừ phương tiện tà vạy, do các pháp nhân duyên của phương tiện tà vạy chẳng phải ít. Bao nhiêu hạnh tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên phương tiện ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến đều nhờ từ tu hành đủ các hạnh.

7. Niệm ngay thẳng làm tiêu trừ niệm tà vạy, do các pháp nhân duyên của niệm tà vạy chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên của niệm ngay thẳng. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đều nhờ tu hành đủ các hạnh.

8. Chánh định tiêu trừ tà định, do các pháp nhân duyên của tà định không phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên chánh định. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến với người tu hành nhờ tu đủ các hạnh.

9. Chánh độ tiêu trừ tà độ, do các pháp nhân duyên của tà độ chẳng phải ít. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể tiêu trừ cũng nhờ rất nhiều từ nhân duyên chánh độ. Bao nhiêu pháp tốt đẹp đến với người tu hành nhờ tu đủ các hạnh.

10. Chánh tuệ tiêu trừ tà tuệ, do các pháp nhân duyên của tà tuệ chẳng phải một. Bao nhiêu hành động tệ ác sanh ra có thể được tiêu trừ cũng do từ nhân duyên chánh tuệ chẳng phải ít. Bao nhiêu pháp tốt đẹp được đầy đủ là nhờ tu hành đủ các hạnh.

–Mười pháp thứ ba là nên rõ biết trong ngoài mười sắc nhập. Những gì là mười? Đó là:

1. Nhãn nhập.

2. Sắc nhập.

3. Nhĩ nhập.

4. Thanh nhập.

5. Tỷ nhập.

6. Hương nhập.

7. Thiệt nhập.

8. Vị nhập.

9. Thân nhập.

10. Thô tế nhập.

–Mười pháp thứ tư là nên bỏ mười điều ngăn che trong ngoài. Những gì là mười?

1. Tham dục ngăn che bên trong.

2. Tham dục ngăn che bên ngoài.

Đủ cả hai do đó không có trí tuệ, cũng không có hiểu biết, cũng không đưa đến vô vi vượt thoát thế gian.

3. Là tức giận.

4. Là nóng giận.

Vì tức giận đều có tính cách ngăn che, nên đều nêu ra để thấy sự ngăn che. Nếu có đủ cả hai, thì do đó cũng không đưa đến trí tuệ, cũng không đưa đến hiểu biết, cũng không đưa đến vô vi vượt thoát thế gian.

5. Là ngủ nghỉ.

6. Là tối tăm.

Ý nói ngủ nghỉ là ngăn che, tối tăm cũng là ngăn che. Đủ cả hai thì từ đó không đưa đến trí tuệ, cũng không đưa đến hiểu biết, cũng không đưa đến vô vi vượt thoát thế gian.

7. Là phiền não.

8. Là nghi ngờ.

Ý nói phiền não là ngăn che, nêu ra nghi ngờ cũng là pháp ngăn che.

Đủ hai điều này từ đây không đưa đến trí tuệ, cũng không đưa đến hiểu biết, cũng không đưa đến cảnh giới vô vi vượt thế gian.

9. Hoặc trong pháp thanh tịnh mà nghi ngờ.

10. Hoặc trong pháp ác mà có nghi ngờ.

Nếu có nghi ngờ pháp thanh tịnh thì đó ngăn che. Trong pháp ác mà nghi ngờ cũng là ngăn che. Nếu có đủ cả hai, từ đây sẽ không có trí tuệ, cũng không dẫn đến hiểu biết, cũng không đạt đến vô vi vượt thoát thế gian.

–Mười pháp thứ năm là giảm trừ mười việc ác. Những gì là mười?

1. Sát sanh.

2. Trộm cướp.

3. Phạm sắc dục.

4. Nói hai lưỡi.

5. Nói dối.

6. Nói thô ác.

7. Nói thêu dệt.

8. Ngu si.

9. Sân hận.

10. Tà kiến.

–Mười pháp thứ sáu là tu hành để thành tựu mười hạnh thanh tịnh. Những gì là mười?

1. Xa lìa sát sanh, từ sát sanh mà dứt bỏ.

2. Xa lìa trộm cướp, từ trộm cướp mà dứt bỏ.

3. Xa lìa sắc dục, từ sắc dục mà dứt bỏ.

4. Xa lìa nói hai lưỡi, từ nói hai lưỡi mà dứt bỏ.

5. Xa lìa nói dối, từ nói dối mà dứt bỏ.

6. Xa lìa nói lời thô ác, từ lời thô ác mà dứt bỏ.

7. Xa lìa nói thêu dệt, từ lời thêu dệt mà dứt bỏ.

8. Xa lìa ngu si, từ ngu si mà dứt bỏ.

9. Xa lìa sân hận, từ sân hận mà dứt bỏ.

10. Xa lìa ý tà kiến, từ tà kiến mà dứt bỏ.

–Mười pháp thứ bảy là khó nhận rõ mười đức trong đạo. Những gì là mười?

1. Đã xả bỏ năm thứ tán loạn (ngũ chủng).

2. Sáu chánh đạo đức (lục chánh đạo đức).

3. Chỉ giữ một cảnh.

4. Là có bốn chỗ nương (y tứ).

5. Tự mình hiểu rõ, không đợi người giải mới hiểu.

6. Đã bỏ sự mong cầu (bên ngoài).

7. Chỗ mong cầu đã thanh tịnh.

8. Thân hành đã dừng nghỉ.

9. Khẩu hành đã dừng nghỉ.

10. Ý hành đã dừng nghỉ.

Dùng tâm ý tối thắng vượt qua, do trí tuệ thù thắng vượt qua. Thực hành đầy đủ gọi là người tối thắng.

–Mười pháp thứ tám là hoàn thành mười quán định cùng khắp. Những gì là mười?

1. Dù ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "đất" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

2. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "nước" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

3. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "lửa" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

4. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "gió" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

5. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "màu xanh" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

6. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "màu vàng" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

7. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "màu đỏ" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

8. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "màu trắng" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

9. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "hư không" phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

10. Ở đâu, Tỳ-kheo cũng tu tập quán tưởng "thức" rất phổ biến trên dưới cùng khắp, không hai, không hạn lượng.

Mười lực của Phật, thế nào gọi là mười lực?

1. Đức Phật ở đâu cũng như sự thật biết nên hay không nên, đúng

hay không đúng, đều biết như thật, do trí tuệ vận hành mà được tự biết. Đây là năng lực thứ nhất.

2. Đức Phật ở trong ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai, người tạo tội gì vốn phải chịu tai ương nào, Ngài đều biết rõ như thật. Đây là năng lực thứ hai.

3. Phật vì tất cả chúng sanh hiện tại đang cảm thọ cảnh giới tu hành biết rõ như thật, tự dùng trí tuệ vận hành mà được biết như thế. Đây là năng lực thứ ba.

4. Phật vì chúng sanh mà hủy bỏ hay giảng giải, quy định pháp tu hành, cũng biết rõ như thật loại định bị trói buộc, loại định đưa đến giải thoát, loại định đưa đến siêu thoát. Đây là năng lực thứ tư.

5. Phật hiểu biết như thật tâm nguyện của chúng sanh. Đây là năng lực thứ năm.

6. Phật hiểu biết như thật nhiều vô lượng các loại hạnh nghiệp của chúng sanh trong thiên hạ. Đây là năng lực thứ sáu.

7. Phật hiểu biết như thật căn lành của chúng sanh, có đủ hay không đủ. Đây là năng lực thứ bảy.

8. Phật vì vô lượng chúng sanh phân biệt tâm niệm, từ khởi nguyên cho đến chung cuộc đều như thật mà biết. Đây là năng lực thứ tám.

9. Phật dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát khắp thế gian thấy chúng sanh sanh tử qua lại, đều hiểu biết như thật. Đây là năng lực thứ chín.

10. Phật đã diệt tận các thứ kiết phược, không còn bị kiết phược trói buộc, sai sử; tâm ý đã giải thoát, từ trí tuệ tu hành giải thoát thấy pháp phải tự mình từ trí tuệ mà được chứng, lại biết cảm thọ đã hết, không còn sanh tử, chỗ tu hành đã được đầy đủ, không còn qua lại thế gian, đều hiểu biết như thật. Đây là năng lực thứ mười.

–Mười pháp thứ chín là tự chứng biết mười điều học đầy đủ, không còn phải học nữa. Những gì là mười?

1. Nhận thức chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về nhận thức chân chánh nữa.

2. Suy nghĩ, tính toán chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về suy tính chân chánh nữa.

3. Lời nói chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về lời nói chân chánh nữa.

4. Hành động chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về hành động chân chánh nữa.

5. Nghiệp chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về nghiệp chân chánh nữa.

6. Phương tiện chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về phương tiện chân chánh nữa.

7. Tâm niệm chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về niệm chân chánh nữa.

8. Thiền định chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về định chân chánh nữa.

9. Đã được giải thoát thế gian một cách chân chánh đầy đủ, không còn phải học về pháp đưa đến giải thoát khỏi thế gian một cách chân chánh nữa.

10. Trí tuệ chân chánh đã đầy đủ, không còn phải học về tuệ chân chánh nữa.

Đó là trăm pháp của người tu học.

Trăm pháp tôi đã nói này là không trái, là không khác, có thẩm xét, không mê lầm, không điên đảo, như người cầm đèn tuệ tùy ý quán sát. Những ai có trí tuệ cần quán sát như thế.

Các vị hãy lắng nghe những pháp tôi đã nói ở trên: Những pháp tôi đã nói, phần trên cũng tịnh, phần giữa cũng tịnh và phần sau cùng cũng tịnh. Có lợi ích, có tốt đẹp, đầy đủ thanh tịnh, là hạnh rốt ráo như chúng ta đã thấy.

Đây gọi là Thập báo pháp. Những pháp cần nói như trên, tôi đã vì các vị mà nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, các thầy Tỳ-kheo vâng nhận, hết lòng đội ân.

❑

SỐ 14

PHẬT NÓI KINH CON NGƯỜI DO DỤC SANH

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Sa-môn An Thế Cao, người nước An Tức.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú tại nước Câu-loại, đi đến xứ Pháp trị của nước Câu-loại. Bấy giờ Hiền giả A-nan một mình tĩnh tọa nơi thanh vắng, khởi lên ý nghĩ như vầy: "Thật chưa từng có! Chính ý này là nguồn gốc của sự vi diệu, sanh tử cũng vi diệu, nhưng trong sự vi diệu ấy lại phân minh dễ thấy".

Rồi Hiền giả A-nan, trời vừa sáng liền đến chỗ Đức Phật. Sau khi đến nơi, Hiền giả lạy dưới chân Đức Phật, đứng qua một bên và bạch:

–Bạch Thế Tôn, con ở một mình tại nơi thanh vắng tĩnh tọa, khởi lên ý nghĩ như vầy: "Thật chưa từng có! Chính ý này là nguồn gốc của sự vi diệu, sanh tử cũng vi diệu, nhưng trong sự vi diệu ấy lại phân minh dễ thấy".

Đức Phật bảo:

–Này A-nan, chớ có nói việc ấy là phân minh dễ biết dễ thấy. Nó rất sâu xa vi diệu. Này A-nan, từ gốc Hữu mà có sanh tử. Này A-nan, từ nguồn gốc của nhân duyên sanh tử ấy, nếu ai không biết, không thấy, không hiểu, không thọ trì, mới khiến cho thế gian này rối loạn như khung cửi, huyên náo qua lại, từ đời này qua đời sau, từ đời sau đến đời này, chịu khổ ở thế gian, làm cho họ không lìa khỏi thế gian được. Nhân duyên như vậy, này A-nan, nên biết là thâm sâu vi diệu, bởi vì biết rõ về nguồn gốc của sanh tử cũng rất vi diệu.

Nếu có người hỏi: "Có nhân duyên của lão tử không?" Hỏi như vậy thì nên đáp: "Có nhân duyên". "Này A-nan, nhân duyên của lão tử là gì?" Nên đáp: "Bởi vì có sanh".

Nếu hỏi: "Sanh có nhân duyên không?" Hỏi vậy, liền đáp: "Có nhân duyên". "Nhân duyên của sanh là gì?" Nên đáp: "Vì có hữu nên có sanh".

Nếu hỏi: "Hữu có nhân duyên không?", thì đáp: "Hữu có nhân

duyên". "Nhân duyên của hữu là gì?" Đáp rằng: "Thọ là nhân duyên của hữu".

Nếu hỏi: "Thọ có nhân duyên không?", thì đáp: "Thọ có nhân duyên". "Nhân duyên của thọ là gì?" Đáp rằng: "Tìm cầu ái là nhân duyên của thọ".

Như vậy, này A-nan, từ nhân duyên tìm cầu ái nên có thọ, từ nhân duyên thọ nên có hữu, từ nhân duyên hữu nên có sanh, từ nhân duyên sanh nên có lão tử, ưu bi khổ, không vừa ý, ảo não sanh ra. Như vậy là đầy đủ khối khổ ấm to lớn, từ đó tập khởi.

Này A-nan, nhân duyên của sanh là lão tử, cho nên nói: "Do cái này có nên cái kia có". Này A-nan, từ đó phải phân biệt rõ ràng nhân duyên của sanh là lão tử.

Này A-nan, nếu không có sanh cũng không có các chủng loại như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, người và loài người, các thứ chủng loại. Nếu như không có hữu, cũng sẽ không có sanh. Này A-nan, tất cả đều không có sanh, vậy có lão tử không?

A-nan bạch Đức Phật:

–Thưa không.

Đức Phật liền bảo Tôn giả A-nan:

–Từ nhân duyên ấy nên biết, là từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ đó làm nhân duyên nên lão tử nhờ sanh mà có. Này A-nan, nhân duyên của sanh là lão tử.

Nếu có người hỏi: "Sanh có nhân duyên không?" Nên đáp: "Sanh có nhân duyên". "Nhân duyên của sanh là gì?" Đáp: "Nhân duyên của sanh là hữu".

Này A-nan, từ nhân duyên này mà biết, mạng sống từ đó mà có, nhân duyên của hữu là sanh. Này A-nan, nếu không có nhân duyên của hữu thì làm gì có cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, người và loài người, các thứ chủng loại. Vậy nên có hữu hay không có hữu? Nếu không hữu thì không có gì hết. Này A-nan, tất cả đều không có hữu, vậy có sanh chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Cho nên, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ đó làm nhân duyên, sanh nhờ hữu mà có. Này A-nan, nhân duyên

của hữu là sanh.

Nếu có người hỏi: "Có nhân duyên của hữu không?" Nên đáp: "Có". "Cái gì là nhân duyên của hữu?" Nên đáp: "Thọ là nhân duyên của hữu". Như vậy cần phân biệt rõ ràng nhân duyên của thọ là hữu. Này A-nan, giả sử nhân duyên của thọ mà không có, cũng không có thọ hữu. Này A-nan, tất cả không có thọ, vậy có hữu chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, như vậy từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này khiến cho có thọ. Này A-nan, nhân duyên của thọ là hữu. Này A-nan, nhân duyên của hữu là thọ. Này A-nan nhân duyên của hữu, chính là thọ. Hãy trả lời câu hỏi như vậy.

"Do nhân duyên gì có thọ?" Nên đáp: "Ái làm nhân duyên cho thọ". Này A-nan, từ nhân duyên này nên biết, nhân duyên của ái là thọ. Này A-nan, nếu không có ái thì cũng không có thọ, cũng không có cái đang thọ. Này A-nan, tất cả nếu không có ái vậy có thọ chăng? Có danh từ thọ chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này, nhân duyên của ái là thọ. Này A-nan, nhân duyên của ái chính là thọ. Như vậy, này A-nan, do nhân duyên ái mà có mong cầu, do nhân duyên mong cầu mà có lợi, do nhân duyên lợi mà có mưu tính, do nhân duyên mưu tính mà có dục lạc, do nhân duyên dục lạc mà khởi tâm cầu mong; do nhân duyên ái ở trước mới không muốn xả bỏ, keo kiết, do nhân duyên không xả bỏ, keo kiết mới có gia đình, do nhân duyên có gia đình mới có chấp thủ, do chấp thủ làm căn bản, này A-nan, liền có dao gậy, vì có dao gậy liền có tranh giành, ngôn ngữ trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, lắm điều sai trái, đưa đến toàn pháp tệ ác.

Này A-nan, nếu từ gốc đã không có, thì cũng không có cái để ôm giữ, cũng không có ôm giữ. Này A-nan, tất cả đều không có ôm giữ, thì có dao gậy, vì có dao gậy liền có tranh giành, ngôn ngữ trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, lắm điều sai trái, đưa đến toàn pháp tệ ác đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó mà liền có dao gậy, vì có dao gậy liền có tranh giành, ngôn ngữ trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, lắm điều sai trái, đưa đến toàn pháp tệ ác. Vì thế cho nên, này A-nan, do chấp thủ liền có dao gậy, tranh giành, ngôn ngữ trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, lắm điều sai trái, đưa đến toàn pháp tệ ác Như vậy, chỉ toàn là khổ, từ ngũ ấm tập khởi tạo ra.

Do nhân duyên gia đình mà có thủ cho nên mới nói như vậy, theo đó mà biết. Này A-nan, do nhân duyên gia đình nên có chấp thủ, nếu không có nhân duyên gia đình liền không có thọ, vậy nhân duyên gì mà có gia đình? Tất cả nhân duyên gia đình đã không có, thì có gia đình, có dao gậy, tranh giành, ngôn ngữ trên dưới, lừa dối, xâm đoạt, nhiều lời hai lưỡi, nhiều sự sai trái đưa đến toàn pháp tệ ác không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó khiến cho có chấp thủ. Vì có chấp thủ nên mới có gia đình, này A-nan, khiến cho có tâm chấp giữ, vì do nhân duyên khó xả bỏ, tham lam mới có gia đình. Do nhân duyên này mới có như vậy, phải theo nhân duyên này mà biết. Này A-nan, vì nhân duyên khó xả, tham lam nên có gia đình. Này A-nan, nếu sự khó xả bỏ, tham lam mà không có, cũng không có thọ, đã không có thọ, vậy có sự tham lam, khó xả bỏ chăng? Này A-nan, tất cả sự tham lam, khó xả bỏ đã không có vậy có gia đình chăng?

A-nan bạch Phật:

–Dạ, không có.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này mà khiến cho có gia đình, tham lam, khó xả bỏ, cho nên này A-nan, khiến cho có gia đình. Do nhân duyên thọ ở trước, này A-nan, khiến cho có tham lam, khó xả bỏ vì thế mới nói như vậy, cũng do nhân duyên này mà có điều ấy? Như vậy, nên từ nhân duyên này, này A-nan, có thể hiểu, từ đó phát sanh ra thọ, do thọ này mà tham lam khó xả. Này A-nan, nếu sự phát sanh ra thọ không có, thì làm sao có thọ, cũng làm sao có nhân duyên nào để có thọ ở trước? Tất cả, này A-nan, không có phát sanh ra thọ, vậy có sự tham lam, khó xả bỏ chăng?

A-nan bạch Phật:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này khiến cho có tham lam, khó xả bỏ, phát sanh ra thọ ở trước, đồng thời cũng phát sanh ra nhân duyên hữu. Vì vậy, này A-nan, do thọ nên có tham lam, khó xả bỏ. Này A-nan, do nhân duyên dục tham, khiến cho hữu phát sanh nên mới nói như vậy. Này A-nan, nên từ nhân duyên này mà biết, từ nhân duyên dục tham khiến cho phát sanh. Này A-nan, nếu dục tham không có, đã không có nhân duyên, vậy nhân duyên nào sẽ có dục tham? Này A-nan, tất cả dục tham đã không có, vậy có hữu phát sanh chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này khiến phát sanh có tham dục. Cho nên, này A-nan, từ dục tham khiến cho các pháp trước phát sanh, từ các pháp ở trên phát sanh khiến có dục tham. Vì vậy mới nói, phải theo nhân duyên này mà biết là từ các pháp ở trên phát sanh nên khiến có dục tham. Này A-nan, nếu không có các pháp ở trên phát sanh, cũng không có nhân duyên khiến cho các pháp ấy phát sanh, thì này A-nan, tất cả đã không phát sanh vậy có tham dục không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, do nhân duyên này, tham dục có mặt, làm phát sanh các pháp nhân duyên ở trên khiến có tham dục. Do lợi dưỡng, này A-nan, khiến phát sanh các pháp trên, từ đó mà nói, phải nên từ nhân duyên đó mà biết, vì do nhân duyên lợi dưỡng khiến cho phát sanh các pháp trên. Này A-nan, nếu không có lợi thì không có mong cầu, cũng không có nhân duyên nào để mong cầu. Này A-nan, tất cả đã không có lợi vậy có phát sanh các pháp trước đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này cho nên phát sanh tài lợi, do lợi nên phát sanh mong cầu, do nhân duyên mong cầu nên khiến cho có lợi. Vì vậy nói là từ nhân duyên ấy nên biết, từ nhân duyên mong cầu có lợi dưỡng. Này A-nan, nếu không có nhân duyên mong cầu, cũng không có nhân duyên nào để mong cầu, cũng không từ nhân duyên nào để mong cầu, tất cả đã không có mong

cầu, vậy có thấy lợi dưỡng không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, như vậy, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó mà có lợi, mà có tìm cầu. Này A-nan, vì có tìm cầu cho nên khiến cho có lợi, do ái nên khiến cho có tìm cầu. Cho nên nói, theo đó mà biết, khiến có ái cầu. Này A-nan, nếu không có ái cũng không có tìm cầu, cũng không có nhân duyên tìm cầu, cũng không có ái. Này A-nan, tất cả ái không có, vậy có tìm cầu chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó mà có ái, vì có ái nên khiến cho có tìm cầu, vì có tìm cầu nên khiến cho có ái. Này A-nan, dục ái cũng như hữu ái, cả hai đều là tướng tham của thống (thọ).

"Này A-nan, có pháp làm nhân duyên cho thọ không?" Nếu ai hỏi như vậy, liền đáp: "Có". "Cái gì làm nhân duyên của thọ?" Đáp: "Cánh (xúc) là nhân duyên của thọ".

Từ nhân duyên đó, này A-nan, cũng nên biết chính cánh (xúc) là nhân duyên của thống (thọ). Này A-nan, nếu mắt không tiếp xúc, cũng không có cái đang tiếp xúc, thì mắt không thể tiếp xúc được. Này A-nan, mắt đã không tiếp xúc tất cả, vậy có nhãn xúc không? Cũng như có sự kiện mắt làm nhân duyên để phát sanh lạc, khổ, không lạc, không khổ không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó mà có, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên đó khiến cho có cảm thọ của nhãn xúc. Này A-nan, do nhân duyên cánh (xúc) của mắt nên khiến cho mắt biết Thống; lỗ tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Tâm không cánh (xúc), này A-nan, cũng không có cái đang cánh (xúc), cũng không có nhân duyên cánh (xúc) khiến cho tâm tiếp xúc, này A-nan, tâm không tiếp xúc với tất cả, vậy có nhân duyên để tâm tiếp xúc, thâu nhận vào khiến sanh ra thống không? Khiến sanh ra lạc không? Khiến sanh ra khổ không? Khiến sanh ra không khổ, không lạc không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, đó là hữu, đó là căn bản, đó là tập khởi, đó là nhân duyên để thống (thọ) làm phát sanh cánh (xúc). Này A-nan, tâm cánh (sự tiếp xúc của tâm) làm nhân duyên khiến cho có thống.

Nếu có người hỏi: "Cánh có nhân duyên không?" Đáp là: "Có". "Những gì là nhân duyên của cánh?" Đáp là: "Nhân duyên danh tự (danh sắc)".

Này A-nan, theo đó nên biết chính từ nhân duyên của danh tự nên có cánh. Nếu các pháp mà theo đó có hữu, cũng theo đó mà cần phải thọ, khiến cho danh và thân hợp lại mà hiện hữu. Này A-nan, nếu các pháp mà theo đó có hữu, cũng theo đó mà cần phải thọ đều không có, vậy có cánh (xúc) và có danh tự (danh sắc) không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, nếu các pháp mà theo đó có hữu, cũng theo đó mà cần phải thọ đều không có, thì danh và thân trong hiện tại có hay không? Vậy phải có đối tượng của cánh hay không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, tất cả danh tự cũng như sắc thân đều không có, vậy có cánh không? Vậy từ đó mà có cánh không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ đó làm nhân duyên, từ cánh đó khiến cho có danh tự. Này A-nan, do nhân duyên danh tự khiến cho có cánh.

Này A-nan, giả sử có người hỏi: "Có nhân duyên của danh tự không?", liền đáp: "Có". "Nhân duyên của danh tự là gì?" Đáp rằng: "Thức làm nhân duyên nên có danh tự".

Từ nhân duyên đó, này A-nan, phải hiểu rõ, nhân duyên của thức là danh tự. Này A-nan, nếu thức không vào trong bụng mẹ, vậy danh sắc này có theo tinh để thọ thai không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, nếu thức đã ở trong bụng mẹ mà không lưu trú, vậy có danh tự không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, thức là căn bản. Nếu thai nhi trai hay gái đã hư, đã chết, khiến cho không có hình dạng, vậy có danh tự khiến cho nó lớn lên, khiến cho nó đầy đủ không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, như vậy, từ đó phát sanh, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ đó làm nhân duyên, do thức mà có danh tự. Này A-nan, do nhân duyên thức mà có danh tự.

"Thưa Tôn giả A-nan, thức có nhân duyên không?" Nếu ai hỏi vậy, liền đáp: "Có". "Do nhân duyên gì có thức?" "Do nhân duyên danh tự mà có thức".

Này A-nan, phải theo nhân duyên này mà phân biệt, biết rõ rằng nhân duyên của danh tự là thức. Này A-nan, nếu thức không được danh tự dựa vào, vì thức đã không được dựa vào, vậy (thai nhi) có được sự hỗ trợ, để được tăng trưởng và có sanh, lão, khổ tập hợp để có thể hiện hữu hay không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, từ đó đưa đến, từ đó làm căn bản, từ đó tập khởi, từ nhân duyên này, thức làm cho có danh tự, do nhân duyên danh tự mà có thức. Như vậy nhân duyên của thức chính là danh tự, nhân duyên của danh tự chính là thức. Đừng nói danh, đừng nói xứ, đình chỉ nguồn gốc tranh giành hiện tại, phải theo trí tuệ, chớ có thọ. Này A-nan, có bao nhiêu nhân duyên chấp rằng thống (thọ) chính là thân?

A-nan thưa:

–Pháp ấy vốn từ Phật, pháp ấy gốc ở Phật, Phật là chỗ các pháp hướng về, mong Đức Phật nói cho. Con nhờ theo Phật nghe dạy, nghe xong thọ trì, hiểu rõ mà được lợi ích.

Đức Phật dạy:

–Hãy lắng nghe, này A-nan, lành thay! Lành thay! Hãy thọ trì và nhớ nghĩ cho kỹ, Ta sẽ dạy.

Hiền giả A-nan thưa:

–Xin vâng, con xin nghe theo Phật.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan, nếu có người nhìn thống (cảm thọ) này là thân, hoặc có người thấy cảm thọ này, chấp chẳng phải là thân, chỉ vì thấy pháp cánh (xúc), thống (thọ) của thân chính là thân, hoặc thấy toàn thân là cảm thọ đó, không phải là thân, cũng không phải là pháp cảm thọ; thấy pháp cảm thọ, chấp không phải là thân, chỉ vì thấy thân này là thân. Này A-nan, hoặc là ngay cảm thọ này chấp là thân nên đối với vấn đề đó mà nói như vầy: "Này Hiền giả, thống (thọ) này có ba loại, có lạc thọ, có khổ thọ, có bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, đối với ba thọ này, thấy thọ nào là thân?" Này A-nan, khi lạc thọ, lúc đó hai thọ kia là khổ và bất lạc khổ thọ đã diệt, lúc đó chỉ là lạc cánh (xúc). Này A-nan, lạc thọ là vô thường. Nếu khổ đã diệt, này A-nan, lạc thọ đã diệt, lìa thân, không chấp rằng ở trong thân. Như vậy, ngay lúc đó, này A-nan, lúc khổ thọ có mặt, bấy giờ hai thọ đã diệt, vậy là lạc hay khổ? Lúc đó chỉ là tiếp xúc với cảm thọ khổ. Này A-nan, khổ thọ là vô thường, là pháp khổ tận. Này A-nan, lúc khổ thọ đã hết, thân không còn biết cánh nữa, lúc đó, này A-nan, cũng không khổ, cũng không lạc, không tiếp xúc với cảm thọ đó nữa. Bấy giờ hai thọ đã diệt, vậy thọ cũng tức là khổ, chỉ vì lúc đó không khổ, không lạc, xúc là thọ. Này A-nan, không khổ không lạc thọ là vô thường. Khi khổ tận thì cảm thọ không khổ, không lạc, này A-nan, cũng đã tận, vậy lẽ ra phải là không có thân? Tự vị ấy chấp trước. Này A-nan, hoặc có người hành đạo đối với thọ là pháp vô thường, cho đó là thân. Này A-nan, hoặc có người hành đạo, buông lung với lạc thọ, khổ thọ, tự thấy là thân. Này A-nan, do nhân duyên như vậy không nên cho thọ là thân, thấy đó là thân. Này A-nan, nếu có người hỏi: "Nếu không chấp thọ, thấy là thân, thì xúc và thọ chỉ là pháp của thân chăng?".

Thì nên đáp lại:

"Này Hiền giả, nếu không có thọ và xúc, cũng không thấy cái bị xúc, vậy cần có nó không?" Lúc đó, này A-nan, vị Tỳ-kheo thấy không có cảm thọ chấp chẳng phải là thân, vậy có nên xem pháp xúc và thọ này cũng là thân chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Như vậy, này A-nan, do nhân duyên này không thể nào chấp xúc và thọ là thân, cũng không thể khiến cho một người hoàn toàn không có chấp cảm thọ là thân, mà chỉ thấy là xúc và thọ của thân. Này A-nan, vì không chấp thọ là thân, cũng không thấy thọ ấy chẳng phải là thân, cũng không thấy xúc và thọ của thân, đối với pháp cảm thọ cũng không thấy, không

chấp là thân mà chỉ thấy vì chấp ngã nên bất giác cho là thân này chính là thân. Có thể đáp: "Này Hiền giả, tự chấp tất cả điều ấy là thân mà không có xúc và thọ, vậy có thể có thân không?".

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo, không chấp thọ là thân, thân cũng không có xúc và thọ, thấy pháp cảm thọ cũng không phải là thân, có thân chỉ vì thân không tỉnh thức mà thôi. Quán thân như vậy, vậy có thân chăng?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, do nhân duyên như vậy, không nên cho rằng không có thọ là thân, cũng không cho rằng thân là xúc, cũng không nên cho rằng pháp là thân, cũng không nên cho rằng không biết thân là thân. Này A-nan, như vậy tất cả thọ là pháp tác động lên thân rồi thấy cảm thọ hiện lên thân. Này A-nan, có bao nhiêu nhân duyên hoặc là hành đạo, không bị cảm thọ tác động, vậy thấy hay không thấy thân?

A-nan thưa:

–Pháp này vốn do Phật dạy, cũng do Phật nói, cúi mong Phật vì con tuyên thuyết. Sau khi Phật dạy, đệ tử sẽ thọ trì, làm cho lời dạy đó được hiểu rõ, lợi ích.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy lắng nghe, thọ trì rồi nhớ mãi những điều đã thọ trì, ta sẽ vì ông mà nói.

Như vậy Hiền giả A-nan nghe pháp do Phật nói. Đức Phật liền dạy:

–Này A-nan, có Tỳ-kheo không cho thọ là thân, cũng không thấy thọ là thân, cũng không phải là sự xúc chạm của thân, cũng không có pháp cảm thọ chấp là thân, cũng không thấy thân kiến là thân, cũng không do hoặc cho hữu là thân, cũng không theo cái thấy này thấy là thân, rồi thấy như vậy không trở lại thế gian, khiến cho không còn thọ thế gian; đã không còn trở lại thế gian nữa thì không còn ưu sầu; đã không ưu sầu nữa liền được giải thoát thế gian và tự biết rằng: "Ta đã chấm dứt sanh, lão, bệnh, tử, ưu sầu, việc cần làm đã hoàn mãn, việc cần làm đã làm xong, không còn trở lại thế gian nữa". Do đó, này A-nan, nếu là người hành đạo thì không chấp thọ là thân, tự mình tu tập phương tiện, cũng không thấy kiến là thân. Này A-nan, có bao nhiêu nhân duyên để kẻ hành đạo lấy sắc làm thân?

A-nan thưa:

–Pháp vốn do Phật dạy, từ Ngài mà lưu xuất, cúi mong Ngài vì con

mà nói. Sau khi Ngài dạy, đệ tử sẽ thọ trì, khiến cho lời dạy ấy được hiểu rõ, lợi ích.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy lắng nghe, thọ trì, khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ nói.

Như vậy Hiền giả A-nan nghe pháp do Phật nói. Đức Phật liền dạy:

–Này A-nan, có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân. Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho không phải sắc hành nhỏ hẹp là thân, sắc hành không có hạn lượng là thân, chỉ cho rằng không có sắc hành nhỏ hẹp là thân. Này A-nan, hoặc có người hành đạo cũng không cho là sắc hành nhỏ hẹp, cũng không cho là sắc hành không có hạn lượng, cũng không cho là không có sắc hành nhỏ hẹp là thân.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cũng không cho là sắc hành nhỏ hẹp, cũng không cho sắc hành không có hạn lượng, cũng không cho là không có sắc hành nhỏ hẹp là thân, mà chỉ cho không phải sắc hành không hạn lượng là thân.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân. Hiện tại, này A-nan, có người hành đạo cho rằng sắc hành nhỏ hẹp là thân, khi thân hoại mạng chung nhận thấy có một ảnh tượng (ngã) của thân. Như vậy, quan niệm hai yếu tố (sắc hành nhỏ hẹp là thân và ảnh tượng của thân) như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân, rồi tự mình có quan niệm như vậy. Từ đó, này A-nan, có người hành đạo cho sắc hành nhỏ hẹp là thân, nên bị kiết sử ràng buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo không cho sắc hành nhỏ hẹp là thân, chỉ cho sắc không có hạn lượng là thân. Hiện tại, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho sắc không có hạn lượng là thân, khi thân hoại mạng chung nhận thấy có ảnh tượng (ngã) của thân như vậy, quan niệm hai yếu tố (sắc hành không có hạn lượng là thân và ảnh tượng của thân) như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, hoặc có người hành đạo, chấp thân là sắc không có hạn lượng. Cũng vậy, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho sắc không có hạn lượng là thân rồi bị kiết sử trói buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng chẳng phải sắc nhỏ hẹp, cũng chẳng phải sắc không có hạn lượng, nhưng chấp rằng chỉ có niệm mới nhớ nghĩ đến sắc nhỏ hẹp là thân. Hiện tại, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là chấp thân, khi đã thân hoại mạng chung, nhận thấy có ảnh tượng (ngã) của thân. Hai quan điểm

trên như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp tự chấp là có thân. Cũng vậy, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp khiến có thân rồi bị kiết sử ràng buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng cũng không phải sắc nhỏ hẹp, cũng không phải sắc không có hạn lượng, cũng không phải không có sắc nhỏ hẹp, cũng không phải không có sắc không có hạn lượng, mà là thân đọa hành (thân ràng buộc trong các hành). Hiện tại, này A-nan, hoặc có người hành đạo cho rằng cũng không phải sắc nhỏ hẹp, cũng không phải sắc không có hạn lượng, cũng không phải là không có sắc nhỏ hẹp, cũng không phải không có sắc không có hạn lượng, mà là thân kế đọa (thân bị chấp thủ ràng buộc), khi thân hoại mạng chung, nhận thấy có ảnh tượng (ngã) của thân. Hai quan điểm trên như vậy là không đúng, từ quan điểm đó đưa đến suy nghĩ như vậy. Này A-nan, hoặc có người hành đạo không phải sắc không có hạn lượng tự chấp là có thân. Theo đó, này A-nan, hoặc có người hành đạo mà chấp như vậy, chẳng phải sắc bị trói buộc sai sử.

Cũng vậy, này A-nan, hoặc có người hành đạo tự mình có những quan điểm đưa đến chấp trước về thân, vậy thân có mấy nhân duyên, này A-nan, để người hành đạo cho rằng sắc không phải là những yếu tố tác thành thân?

A-nan thưa:

–Pháp này vốn do Ngài dạy, cũng từ Ngài mà lưu xuất, mong Ngài vì con mà nói. Khi Ngài nói xong, đệ tử sẽ thọ trì, khiến cho lời nói ấy được hiểu rõ và lợi ích.

Đức Phật bảo A-nan:

–Hãy lắng nghe, thọ trì kỹ, nhớ mãi, Ta sẽ nói.

Như vậy Hiền giả A-nan theo Phật để nghe pháp. Đức Phật dạy:

–Này A-nan, có người hành đạo, hoặc không cho rằng sắc tác thành thân, cũng không cho rằng chấp sắc là thân, cũng không cho sắc không có hạn lượng, cũng không cho sắc nhỏ hẹp, cũng không cho sự chấp vào sắc không có hạn lượng là thân. Này A-nan, người hành đạo không cho sắc nhỏ hẹp là pháp tác thành thân, cũng không cho sự chấp là thân. Hiện tại, này A-nan, người hành đạo ấy không cho sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không cho sự đọa xuống là thân, sau khi thân hoại mạng chung lại không còn thấy ảnh tượng (ngã) của thân này. Hai quan điểm (sắc là... và thấy ảnh tượng của thân) là không đúng.

Cũng vậy, này A-nan, người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ

hẹp là thân, cũng không chấp là thân này. Cũng vậy, này A-nan, người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân thì không bị trói buộc.

Này A-nan, hoặc có người hành đạo không cho sắc không có hạn lượng là thân, cũng không cho sắc tác động là thân. Hiện tại, này A-nan, người hành đạo không cho sắc không có hạn lượng là thân, cũng không chấp đó là thân, khi thân hoại mạng chung, khiến cho không còn thấy lại ảnh tượng của thân tướng nữa. Như vậy không phải là đối tượng, như vậy chính là chẳng có thân đó. Cũng vậy, này A-nan, kẻ hành đạo không cho sắc không có hạn lượng là thân, cũng không rơi vào sự chấp vào thân. Cũng như vậy, A-nan, nếu có người hành đạo cho rằng không phải sắc không có hạn lượng là thân thì không bị trói buộc.

Này A-nan, hoặc người hành đạo không cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không rơi vào chấp thân. Hiện tại, này A-nan, người hành đạo cho rằng không phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không rơi vào chấp thân, sau khi thân hoại mạng chung rồi, khiến cho không còn thấy lại hình tượng của thân tướng nữa. Như vậy đó chẳng phải là đối tượng, như vậy đó chính là chẳng có thân đó. Cũng thế, này A-nan, kẻ hành đạo không cho rằng chẳng phải sắc nhỏ hẹp là thân, cũng không rơi vào chấp thân. Này A-nan, người hành đạo như vậy không cho không phải sắc nhỏ hẹp khiến người ấy không bị trói buộc.

Này A-nan, hoặc là có người hành đạo không cho không phải sắc không có hạn lượng là thân, cũng không rơi vào sự chấp thân này. Hiện tại, này A-nan, người hành đạo không cho rằng không phải sắc là thân, cũng không rơi vào kiến chấp cho là tác thành thân, sau khi thân hoại mạng chung, thân như vậy khiến cho không còn thấy kiến chấp ấy nữa, không cho là đối tượng như vậy, như vậy chính là không có thân đó.

Cũng vậy, này A-nan, người hành đạo không cho rằng không phải sắc không có hạn lượng là thân, cũng không rơi vào sự chấp đó là thân. Này A-nan, người hành đạo như vậy không cho là không phải sắc không có hạn lượng, cũng khiến cho thân không bị trói buộc.

Cũng vậy, hoặc có người hành đạo không cho không phải sắc không có hạn lượng là thân, cũng chẳng tác thành thân, cũng không rơi vào sự chấp đó là thân. Này A-nan, cũng có bảy chỗ khiến cho thức được an trú, cũng có hai thọ hành mà theo đó được giải thoát.

1. Đối với loài có sắc mà theo đó có nhiều thân, nhiều tư tưởng, ví như ở cõi người hay ở cõi trời. Đó là chỗ an trú thứ nhất của thức.

2. Đối với loài có sắc mà theo đó có một thân nhưng nhiều tư tưởng,

như cõi trời tên là Phạm thiên, ở đó được trường thọ. Đó là trú xứ thứ hai của thức.

3. Đối với loài có sắc mà theo đó có một thân nhưng nhiều tư tưởng, ví như cõi trời tên Minh thanh. Đó là chỗ trú xứ thứ ba của thức.

4. Đối với loài có sắc mà theo đó có một thân, một tư tưởng, như cõi trời tên Biến tịnh. Đó là trú xứ thứ tư của thức.

5. Đối với loài không có sắc mà theo đó có chúng sanh từ tất cả sắc tướng vượt qua nhiều tướng diệt, là vô hữu lượng không, dùng không tuệ để tâm an trú, như cõi trời tên Không tuệ hành (Không vô biên xứ thiên). Đó là trú xứ thứ năm của thức.

6. Đối với loài không có sắc mà theo đó có chúng sanh tu tập tất cả từ không rốt ráo vượt đến thức vô hạn lượng, từ tuệ mà an trú tâm, ví như cõi trời tên Thức tuệ (Thức vô biên xứ thiên). Đó là trú xứ thứ sáu của thức.

7. Đối với loài không có sắc mà theo đó có chúng sanh từ tất cả thức tuệ vượt qua vô hữu lượng, bất dụng, theo tuệ đó an trú tâm, ví như cõi trời Bất dụng tùng thị tuệ (Vô sở hữu xứ thiên). Đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Này A-nan, thế nào là "Cũng có hai thọ hành mà từ đó được giải thoát?"

–Có người hành đạo theo nhân duyên của sắc khiến cho không còn tư tưởng như cõi trời tên Bất tư tưởng (Vô tưởng thiên). Đó là thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ nhất.

–Có người hành đạo theo nhân duyên vô sắc, không thọ dụng theo tất cả nên được độ, vì thọ hành an trú ở cảnh giới không có tư tưởng mà cũng có tư tưởng (Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng), như cõi trời tên Bất tư tưởng diệc hữu tư tưởng. Đó là thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ hai.

Này A-nan, chỗ thức an trú theo thứ lớp ấy là từ nhân duyên tu tập sắc hành nhiều thân, nhiều tư tưởng, ví như ở cõi trời hay ở cõi người cũng đồng một xứ.

Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ an trú của thức này, cũng biết thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết từ đó mà diệt mất, cũng biết sự yêu thích của nó, cũng biết khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Khi đã biết như vậy rồi, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ an trú của thức có nên mong cầu, có nên mơ tưởng, có nên trụ trong đó chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ thức dừng nghỉ thứ hai là từ nhân duyên tu tập sắc hành, nhiều thân nhưng một tưởng, như cõi trời tên Phạm thiên, được sống lâu đệ nhất ở tại đó. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ an trú của thức ấy, cũng biết thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, cũng biết khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát ra khỏi nó. Vậy thì, này A-nan, người hành đạo đối với trú xứ của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ trú thứ ba của thức là từ nhân duyên tu tập sắc hành một thân nhưng nhiều tưởng; như cõi trời tên là Minh. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức ấy, biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, cũng biết khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết như vậy rồi, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức ấy có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ trú thứ tư của thức, từ nhân duyên tu tập sắc hành một thân, một tư tưởng như cõi trời tên Biến tịnh. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự từ đó mà diệt mất, sự ưa thích của nó, khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết như vậy rồi, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ dừng trú năm của thức, là từ nhân duyên tu tập không có sắc hành, do đã vượt qua mọi sắc, địa tưởng không còn, có vô lượng không, tu tập an trú vào không tuệ, như cõi trời tên là Không tuệ. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức ấy, cũng biết chỗ tập khởi của nó, cũng biết từ đó mà diệt mất, cũng biết sự ưa thích của nó, khổ xúc của nó, và con đường thoát khỏi nó. Vậy thì, này A-nan, người

hành đạo đối với chỗ trú của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, chỗ trú thứ sáu của thức là nhân duyên tu tập không có sắc hành, tất cả từ không tuệ vượt đến an trú thức vô hữu lượng thọ tuệ hành, như cõi trời tên Thức tuệ. Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức này, chỗ tập khởi của nó, sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, khổ xúc của nó, và cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết như vậy, này A-nan, người hành đạo đối với chỗ trú của thức ấy có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, đối với chỗ trú thứ bảy của thức là từ nhân duyên tu tập không có sắc hành tất cả từ Thức tuệ vượt đến vô hữu lượng bất dụng kỷ xả thọ tuệ hành, như cõi trời tên Bất dụng thọ tuệ hành (Vô sở hữu xứ thiên). Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết chỗ trú của thức này, chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, sự khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát khỏi nó. Đã biết vậy rồi, này A-nan, bấy giờ người hành đạo đối với chỗ trú của thức có nên mong cầu, mơ tưởng và an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ nhất, có người theo nhân duyên tu tập sắc, không có tưởng cũng không thọ, như cõi trời tên Bất tư (Vô tưởng thiên). Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết nó từ thọ, cũng biết nó từ thọ tập, cũng biết sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, sự khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát ra khỏi nó. Đã biết như vậy, khi ấy, này A-nan, người hành đạo đối với thọ hành mà theo đó được giải thoát này có nên mong cầu, mơ ước, an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, thọ hành mà theo đó được giải thoát thứ hai, có người do nhân duyên tu tập không có sắc, tất cả đều không thọ dụng theo tuệ đạt đến an trụ trong cảnh giới không có tư tưởng, cũng chẳng tư tưởng thọ hành (xa lìa Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng), tức là cõi trời Vô hữu tư

tưởng giải (Phi tưởng phi phi tưởng xứ). Này A-nan, nếu người hành đạo đã biết từ thọ hành này được giải thoát, chỗ tập khởi của nó, cũng biết sự biến mất của nó, sự ưa thích của nó, sự khổ xúc của nó, cũng biết con đường thoát ra khỏi nó. Đã biết như vậy, thì này A-nan, người hành đạo đối với thọ hành mà theo đó được giải thoát này có nên mong cầu, mơ ước, an trụ trong đó không?

A-nan thưa:

–Dạ, không.

Này A-nan, nếu kẻ hành đạo biết như vậy, thấy như vậy, nói là không biết, không thấy, nếu có kiết sử này, bấy giờ nên nói là thường, hay nên nói là vô thường; nên nói thế gian có bản thể (ngã) hay nên nói thế gian là không có bản thể, nên nói: đắc đạo rồi chết sanh trở lại, hay nên nói: đắc đạo không còn chết nữa? Vậy có hay không có sự thoát khỏi sự chết ở thế gian từ sự trói buộc này? Lúc đó, này A-nan, người hành đạo đối với bảy chỗ trú của thức và hai thọ hành đắc giải thoát như vậy, như đã thấy rõ bằng trí tuệ, theo tâm ý đã thông tỏ mà được giải thoát. Đó gọi là, này A-nan, bậc tu tập Vô sở trước (A-la-hán), nhờ tuệ mà được giải thoát.

Này A-nan, cũng có tám giải thoát xứ. Những gì là tám? Đó là:

1. Bên trong có sắc, quán sắc. Đó là giải thoát xứ thứ nhất.

2. Nội quán sắc, không quán tưởng ngoại sắc. Đó là giải thoát xứ thứ hai.

3. Quán ba mươi sáu vật bất tịnh trong thân, tu tập quán chiếu nên được chỉ. Đó là giải thoát xứ nhất thiết thứ ba.

4. Do đã lìa sắc tưởng, diệt địa tưởng, nhiều tưởng, không nghĩ đến Vô lượng không tuệ đã thọ rồi, ví như trời Không tuệ. Đó là giải thoát xứ thứ tư.

5. Vượt qua tất cả từ không tuệ đạt vô hữu lượng thức tuệ thọ rồi, gọi là trời Thức tuệ. Đó là giải thoát xứ thứ năm.

6. Vượt qua tất cả từ Thức tuệ (Thức vô biên) được Vô sở hữu, không dùng Thọ tuệ hành, gọi là trời Bất dụng vô sở dụng tuệ hành. Đó là giải thoát xứ thứ sáu.

7. Vượt qua tất cả từ không dụng tuệ, được Vô hữu tư tưởng, cũng chẳng phải Vô hữu tư tưởng (Phi tưởng phi phi tưởng), đình chỉ thọ hoàn toàn, gọi là trời Tư tưởng. Đó là giải thoát xứ thứ bảy.

8. Vượt qua tất cả từ không có tư tưởng đạt đến chỗ diệt tư tưởng

và giác ngộ hoàn toàn, thân đã tịnh chỉ xúc và thọ hoàn toàn. Đó là giải thoát xứ thứ tám.

Này A-nan, nếu người hành đạo đối với bảy chỗ an trú của thức, hai thọ hành mà từ đó được giải thoát và tám giải thoát xứ này, nếu như có trí tuệ, theo đó mà thấy, từ bỏ không thọ dụng ngã thì liền được giải thoát. Như vậy là có phước cho thân mình nhờ pháp môn định chỉ này. Này A-nan, đó gọi là hành đạo Vô sở trước, nhờ hai thọ hành mà được giải thoát.

Đức Phật nói như vậy, Tôn giả A-nan tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 15

PHẬT NÓI KINH ĐẾ-THÍCH SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong hang Đế-thích, nơi núi Tỳ-đề-hê, phía Bắc của khu làng Đại Bà-la-môn, trong vườn Đông yêm-la, thuộc thành Vương xá, nước Ma-già-đà với đông đủ đại chúng.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế-thích nghe Phật ở trong hang Đế-thích, núi Tỳ-đề-hê, nước Ma-già-đà, liền bảo Ngũ Kết vương tử Càn-thát-bà:

–Ngươi có biết không? Ta nghe Phật ở trong hang Đế-thích, núi Tỳ-đề-hê, nước Ma-già-đà. Ta muốn cùng ông đi đến chỗ Phật để thân cận cúng dường.

Ngũ Kết vương tử Càn-thát-bà nghe nói như vậy bèn thưa với Đế-thích:

–Rất hay! Thưa Thiên chủ!

Nói xong, vị ấy liền ôm đàn không hầu tô điểm bằng lưu ly báu đi theo Đế-thích. Lúc đó các Thiên chúng nghe Thiên chủ Đế-thích cùng vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết phát tâm đi đến chỗ Phật để thân cận cúng dường, nên cũng phát tâm vui thích đi theo đến chỗ Phật để thân cận cúng dường.

Thiên chủ Đế-thích cùng vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết và các Thiên chúng lúc ấy biến mất ở cõi trời nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, liền đến núi Tỳ-đề-hê, nước Ma-già-đà. Khi đó hòn núi này bỗng có một luồng ánh sáng bao trùm tỏa chiếu khắp cả bốn mặt. Dân chúng quanh vùng thấy luồng ánh sáng này, bèn nói với nhau:

–Núi này tại sao có một đám lửa lớn cháy rực cả một vùng giống như núi báu?

Khi ấy, Thiên chủ Đế-thích bảo vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết:

–Ngươi thấy núi này có màu sắc thù thắng vi diệu không? Đấy là chỗ Đức Phật Thế Tôn đang an trú nơi đó, bốn sự đều thanh tịnh. Vả lại, núi này có những nhà cửa đều do châu báu tạo thành. Người nào ở trong

đó đều dứt hết các phiền não, đều chứng Thánh quả, cho đến chư Thiên có oai lực lớn cũng thường ở nơi ấy.

Rồi nói tiếp:

–Cho nên chúng ta khó mà gặp được Ngài, như trên đã nói, để thân cận cúng dường. Nay đã đúng lúc, này vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết, hãy dùng âm nhạc tấu lên để cúng dường. Vì sao như vậy? Vì trước đây thật khó mà được gặp Ngài.

Vương tử Càn-thát-bà nghe xong, thưa với Đế-thích:

–Rất hay! Rất hay!

Nói xong, vương tử liền suy nghĩ: "Chư Phật Như Lai có đủ thiên nhĩ thông, không xa cũng không gần đều có thể nghe rõ cả". Nghĩ như vậy rồi liền khảy chiếc đàn không hầu tô điểm bằng lưu ly báu đã mang theo, trong âm thanh phát ra bài kệ. Bài kệ ấy như sau:

Như hiền nữ Nhật Quang
Hãy xin với cha nàng
Cùng ta làm quyến thuộc
Nên biết hỡi hiền lương!
Ta vốn hâm mộ nàng
Ví như người nóng khát
Nhớ nghĩ chốn thanh lương
Như người khát nhớ nước.
Như người bệnh mong thuốc
Người đói mong được ăn
Như voi chúa bị xích
Không thể bước tới được.
Lại như A-la-hán
Ưa cầu pháp tịch diệt
Nay mong muốn của ta
Ý nghĩa cũng như vậy.
Tham dục thêm phiền não
Nó đâu có chân thật
Nguyện cầu chẳng như ý
Chịu vô lượng khổ đau.
Ta đã tạo phước đức
Cúng dường A-la-hán
Các quả báo đạt được
Xin chia sẻ cùng nàng.

Ta mong Nhật Quang nữ
Lòng ấy không đổi dời
Đế-thích chư Thiên chủ
Cho tôi được mãn nguyện.

Khi ấy Đức Thế Tôn ở trong hang Đế-thích, dùng thiên nhĩ thông, từ xa nghe bài hát đó liền dùng thần lực bảo với vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết:

–Lành thay! Lành thay! Này vương tử Càn-thát-bà! Ông thật khéo sử dụng âm nhạc, khi những dây đàn rung lên phát ra những âm thanh vi diệu như tiếng ca êm ái của ông, khi ông ca hát cũng giống như tiếng đàn. Vì sao vậy? Bởi vì đã từ lâu khi phát ra âm nhạc thì trong dây đàn ấy lại phát ra kệ tụng. Lại nữa, trong bài kệ tụng ấy nói lên ba loại âm thanh. Đó là âm thanh yêu thích, âm thanh của loài rồng và âm thanh của bậc A-la-hán.

Lúc đó vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết nương vào thần lực của Phật, từ xa nghe tiếng của Ngài, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nhớ một thời có vua Càn-thát-bà tên là Đống-mẫu-la, vị vua ấy có một người con gái tên là Nhật Quang, tâm con rất muốn được làm quyến thuộc với nàng. Mặc dù lúc đó con đã làm đủ cách nhưng vẫn không được như nguyện. Con liền đến trước người con gái ấy hát lên bản nhạc này, trong tiếng đàn phát ra một bài kệ, trong bài kệ có ba loại âm thanh. Bạch Thế Tôn, khi con ca hát thì ở trong hội Thiện pháp có các Thiên chúng, họ cùng nói với nhau:

–Vị vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết này không thấy, không nghe Đức Thế Tôn của chúng ta có đủ mười hiệu là: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Lúc đó con nói với các Thiên chúng:

–Chư Thiên, các vị thật khéo tán thán công đức của Phật.

Chư Thiên đáp:

–Vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết, chúng tôi tán thán công đức của Phật cùng với người không khác.

Vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết nghe chư Thiên nói như vậy bỗng nhiên tỉnh ngộ, đáp:

–Nhân giả, nay tôi quy y Phật Thế Tôn. Nhân việc ấy tôi hướng về Đức Phật, hát lên bản nhạc này.

Bấy giờ, Thiên chủ Đế-thích suy nghĩ như vầy: "Nay vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết này căn duyên đã thuần thục, nhưng chưa đến trước Đức Phật để đích thân cúng dường". Nghĩ như vậy xong, liền bảo vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết:

–Ông hãy đem lời nói của ta đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Ngài, như lời ta mà thưa: "Thiên chủ Đế-thích cúi đầu lạy dưới hai chân, thăm hỏi sức khỏe của Thế Tôn, có ít bệnh, ít phiền, đi lại nhẹ nhàng, khí lực an ổn, tới lui ung dung chăng? Con nay cùng với Thiên chúng trời Đao-lợi này muốn đến gặp Phật để thân cận cúng dường, nghe lời Phật dạy".

Vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết nghe xong, thưa với Đế-thích:

–Rất hay, thưa Thiên chủ!

Nói như vậy rồi vị ấy liền đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật:

–Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích cùng với Thiên chúng trời Đao-lợi sai con đến đây lạy dưới hai chân Phật, thăm hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít phiền, đi lại nhẹ nhàng, khí lực an ổn, tới lui ung dung chăng? Chúng con hôm nay muốn đến gặp Phật để thân cận cúng dường, cho nên sai con đến đây để nghe Phật chỉ dạy.

Phật liền đáp:

–Ông hãy trở lại nói với Đế-thích và Thiên chúng ấy: "Nay đã đúng lúc".

Vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết vâng theo thánh chỉ của Phật, trở về chỗ Đế-thích truyền lại lời dạy của Thế Tôn: "Nay đã đúng lúc".

Bấy giờ Đế-thích và Thiên chúng Đao-lợi liền đến chỗ Phật, đến nơi, lạy dưới hai chân Phật, đứng qua một bên. Lúc đó Thiên chủ liền nghĩ: "Hang Đế-thích này có vẻ chật hẹp, còn Thiên chúng thì nhiều vô số, làm sao mà ngồi?". Phật biết ý nghĩ này, liền dùng thần lực khiến cho cái hang trở nên rộng rãi, có thể chứa hết Thiên chúng mà không trở ngại. Thiên chủ Đế-thích và Thiên chúng đều đảnh lễ Phật, rồi theo thứ lớp mà ngồi. Sau khi tất cả đã ngồi yên, Thiên chủ Đế-thích chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đã lâu chúng con muốn đến yết kiến Phật và muốn nghe chánh pháp. Bạch Thế Tôn, con nhớ lại có một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, Ngài nhập Tam-muội hỏa giới. Lúc đó con đang ở trong cung Tỳ-sa-môn, thấy trong cung có một phu nhân tên là Diệu Tý. Vị phu nhân ấy thấy Phật nhập Tam-muội hỏa giới thì chắp tay cung kính chuyên tâm niệm Phật. Con thấy Thế Tôn chưa ra khỏi

tam-muội, nên bảo với Diệu Tý: "Chờ Phật Thế Tôn ra khỏi tam-muội thì thưa: Ta chí thành hỏi thăm sức khỏe của Phật có ít bệnh, ít phiền, đi lại nhẹ nhàng, khí lực an ổn, tới lui ung dung chăng?" Con lại bảo: "Hãy chờ Phật xuất định, thưa lại lời chí thành của ta, đừng quên". Bạch Thế Tôn, việc này có đúng như vậy chăng?

Đức Phật nói:

–Này Đế-thích, việc này quả đúng như vậy. Vị phu nhân kia đã thay thế ông cung kính hỏi thăm sức khỏe của Ta.

Phật lại bảo:

–Này Thiên chủ, Ta ở trong tam-muội cũng có nghe ông nói, sau đó không bao lâu Ta liền xuất định.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, xưa kia con từng được nghe có Phật Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian tạo lợi ích lớn, dùng đại phương tiện, tùy theo từng loài mà dẫn dắt, hoặc ẩn nơi tướng người, hoặc hiện làm thân trời. Nay con tự biết Phật ở thế gian tạo lợi ích lớn, dùng phương tiện khéo léo, tùy loài mà dẫn dắt, hoặc ẩn, hoặc hiện. Bạch Thế Tôn, những vị Thanh văn theo Phật xuất gia, tu trì phạm hạnh, sau khi mạng chung, sanh lên trời Đao-lợi, các vị thiên nhân ấy vui mừng vì được ba việc, đó là: thọ mạng, sắc tướng và danh xưng. Bạch Thế Tôn, xưa có một Thích nữ tên là Mật Hạnh theo Phật xuất gia, giữ gìn phạm hạnh, thường nhàm chán thân nữ, cầu tướng nam tử. Sau khi mạng chung, sanh lên trời Đao-lợi làm con của con tên là Mật Hạnh, có đầy đủ oai lực, đúng là vị đại trượng phu. Bạch Thế Tôn, lại có ba vị Bí-sô tu hạnh Thanh văn nhưng chưa đoạn trừ được tâm tham dục, sau khi mạng chung sanh lên cõi trời, làm con của vị Càn-thát-bà thấp nhất, thường đến chỗ Thiên tử Mật Hạnh để hầu hạ. Khi ấy vị trời Mật Hạnh hướng về Càn-thát-bà thấp kém nói bài kệ:

Xưa kia ta thân nữ
Đủ trí tên Mật Hạnh
Chán nữ cầu tướng nam
Thường cúng Phật Pháp Tăng.
Khi ấy thấy ba người
Đang tu hạnh Thanh văn
Nay sanh vào hạ tộc
Theo ta để hầu hạ.
Các ngươi nay nên biết

Vì các ngươi nói thật
Xưa các ngươi làm người
Tứ sự đều đầy đủ
Không giữ giới cấm Phật
Nay ôm lòng xấu hổ
Rõ tâm là Chánh pháp
Chỉ kẻ trí mới biết.
Xưa ta cùng các ngươi
Gần Phật theo Chánh pháp
Tín tâm trì giới Phật
Và cúng dường Thánh chúng.
Nhờ ta hành chánh hạnh
Được làm con Đế-thích
Vị trời đại oai lực
Tự biết tên Mật Hạnh
Ở cung điện thù thắng
Chuyển nữ thành tướng nam.
Ngươi con Càn-thát-bà
Theo Phật giữ phạm hạnh
Nghe pháp Phật tối thượng
Trở lại làm người hầu
Ta ở trong cõi trời
Chưa thấy việc như vậy.
Tu trì hạnh Thanh văn
Mà sanh nhà hạ tiện
Ngươi con Càn-thát-bà
Chịu Mật Hạnh giáo hóa
Chỗ thọ sanh các ngươi
Chẳng phải đệ tử Phật.
Càn-thát-bà tử thưa:
"Lời ngài nói là thật
Chúng tôi vì tham dục
Đọa vào Càn-thát-bà.
Tôi nay nguyện tinh tấn
Chỉ nhớ chánh pháp Phật
Biết tham dục là sai
Đoạn trừ tâm tham dục
Tham bị phiền não trói

Còn mạnh hơn ma quân.
Bỏ pháp Phật chân thật
Nên không sanh cõi trời.
Đế-thích cùng Phạm vương
Ngồi trong hội Thiện pháp
Xem chư Thiên thắng hạnh
Qua lại ở cõi trời
Thấy tôi sanh hạ tộc
Qua lại ở cõi trời
Tôi do hành bất chánh
Nên không được thắng quả".
Khi ấy trời Mật Hạnh
Thưa với cha Đế-thích:
"Vua cha nay nên biết
Phật của con tối thắng
Xuất hiện ở thế gian
Khéo hàng phục ma quân
Tên Thích-ca Mâu-ni
Ba Càn-thát-bà này
Là con của Đức Phật
Vì quên mất chánh niệm
Nên đọa Càn-thát-bà
Nhưng trong ba vị kia
Một vị không chánh tri
Hai vị theo chánh đạo
Thường hướng Phật Bồ-đề
Thực hành theo chánh pháp
Kiến thức của Thanh văn
Không có ai hơn được.
Họ xa lìa ái dục
Đoạn trừ các phiền não
Chỉ nhớ Phật Thế Tôn
Không còn sanh các tưởng.
Pháp nào chưa liễu ngộ
Cả hai đều chánh tri
Sẽ được quả báo tốt
Sanh lên trời Phạm thiên.

Bạch Thế Tôn, khi nghe Thiên tử Mật Hạnh nói kệ xong, đối với

việc ấy lòng con vẫn còn phân vân, cho nên con đến chỗ Phật muốn đích thân thưa hỏi, mong Phật rủ lòng thương xót dạy bảo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Thiên chủ Đế-thích ở trong cõi sanh tử không hề biếng nhác, không phế bỏ, không bị cấu nhiễm, nếu có hỏi điều gì là do không biết chứ không phải là nhằm để quấy nhiễu Ta. Nếu vị này hỏi Ta sẽ trả lời". Nghĩ như vậy xong Phật liền nói bài kệ bảo Đế-thích:

Đế-thích nay nên biết
Chỗ vui trong lòng ông
Muốn hỏi nghĩa lý nào
Cứ hỏi Ta sẽ nói.

Thiên chủ Đế-thích liền nói kệ bạch Thế Tôn:

Nay mong Phật chấp thuận
Như lòng con vui sướng
Con nay xin thưa hỏi
Xin Phật hãy chỉ bày.

Thiên chủ Đế-thích nói kệ xong bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà cùng với các hàng phàm phu khác vì sao mà bị phiền não?

Phật dạy:

–Do thương ghét mà bị phiền não. Này Thiên chủ Đế-thích, những hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà cho đến các chúng sanh khác thường hay suy nghĩ: "Than ôi! Tự ta đối với người khác trước hết đừng có xâm hại, cũng đừng oán thù, không tranh giành chống đối, không kiện cáo tranh hơn thua, lại cũng đừng lôi kéo lẫn nhau. Tại sao ta lại làm những việc như vậy?" Này Thiên chủ, những việc như thế là do lòng thương ghét nổi lên nên mới sanh ra phiền não.

Đế-thích thưa:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như lời Phật dạy, nay con nhờ Phật biết được nghĩa này: Vì thương ghét nên có phiền não, phải đoạn trừ mê lầm thì trong lòng mới an vui.

Khi ấy Thiên chủ Đế-thích được nghe Phật dạy, hoan hỷ tin vâng, lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, phiền não thương ghét lấy gì làm nhân, do đâu tập khởi, vì sao sanh ra, lấy gì làm duyên, do đâu mà có, do đâu mà không?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, phiền não thương ghét do thân oán làm nhân, do thân oán tập khởi, từ thân oán sanh ra, lấy thân oán làm duyên, do có thân oán mà có phiền não thương ghét. Nếu không có thân oán sẽ không có thương ghét.

Đế-thích bạch Phật:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, nay con nhờ Phật hiểu được nghĩa này: Phiền não thương ghét lấy thân oán làm nhân. Nếu không có thân oán thì cũng không có thương ghét.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thân oán nhân đâu mà có, từ đâu tập khởi, do đâu sanh ra, lấy gì làm duyên, tại sao lại có, làm sao để không có?

Phật dạy:

–Này Đế-thích, do dục làm nhân, vì dục tập khởi, do dục sanh ra, do dục mà có thân oán. Nếu không có dục sẽ không có oán thân.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, nhân có dục mà có oán thân.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nhưng dục này nhân đâu mà có, do đâu tập khởi, do đâu phát sanh, lấy gì làm duyên, tại sao lại có, làm sao để không có?

Phật dạy:

–Này Đế-thích, dục do nghi hoặc mà có, từ nghi hoặc tập khởi, do nghi hoặc sanh, nương nghi hoặc làm duyên, nhân nghi hoặc mà có, nếu không có nghi hoặc sẽ không có dục.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, do nghi hoặc nên có dục.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nghi hoặc do nhân gì, tập gì, sanh gì, duyên gì mà có nghi hoặc này. Do đâu có nghi hoặc, do đâu không có?

Phật bảo Đế-thích:

–Lấy hư vọng làm nhân, từ hư vọng tập khởi, do hư vọng phát sanh, nương hư vọng làm duyên, do có hư vọng nên có nghi hoặc, do có nghi hoặc nên có dục, do có dục nên có thân oán, do có thân oán nên có thương ghét, do có thương ghét nên mới có dao kiếm đánh nhau, tố tụng, tranh

giành, trong lòng sanh ra quanh co, khúc khuỷu, lời nói không thành thật, khởi lên muôn ngàn các thứ nghiệp xấu, pháp bất thiện như vậy, dẫn đến sự tập khởi của khối đại khổ được tích tụ. Này Thiên chủ, nếu không có hư vọng thì không có nghi hoặc, nếu không có nghi hoặc liền không có tham dục, nếu không có tham dục liền không có thân oán sanh ra, thân oán không có thì thương ghét tự trừ. Vì không có thương ghét thì dao kiếm đánh nhau, tố tụng đấu tranh, trong lòng quanh co khúc khuỷu, lời nói không thành thật, các thứ nghiệp xấu, pháp bất thiện đều được tiêu trừ; như thế là toàn bộ khối khổ lớn được tiêu diệt.

Đế-thích bạch Phật:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, nhân mê lầm mà có hư vọng.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, pháp hư vọng lấy pháp gì để diệt trừ, cho đến các Bí-sô phải thực hành như thế nào?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, pháp để diệt trừ hư vọng là Bát chánh đạo. Bát chánh đạo là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nhờ tám pháp này mà diệt trừ được hư vọng. Nếu các Bí-sô thực hành pháp này thì gọi là thực hành các pháp diệt trừ hư vọng.

Đế-thích bạch Phật:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Pháp diệt trừ hư vọng là Bát chánh đạo.

Đế-thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, pháp diệt trừ hư vọng ấy, nếu Bí-sô thực hành đối với Biệt giải thoát có mấy pháp?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, pháp hư vọng này đối với Biệt giải thoát có sáu pháp. Những gì là sáu? Đó là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân cảm xúc, ý phân biệt pháp. Này Thiên chủ, mắt xem sắc có hai thứ, đó là sắc nên xem và sắc không nên xem. Sắc không nên xem là đối với tất cả cảnh giới của pháp ô nhiễm thì không nên xem. Sắc nên xem là đối với các cảnh giới của pháp thiện thì nên quán sát. Mắt xem cảnh sắc là như vậy, cho đến ý phân biệt pháp cũng như thế.

–Bạch Thế Tôn, nay con nhờ Phật biết được nghĩa này. Những điều

không nên xem là nếu mắt nhìn cảnh thuộc pháp bất thiện, hễ nhìn nó liền tăng trưởng pháp ô nhiễm, tổn hại pháp lành. Còn những điều nên xem là mắt thấy các cảnh thuộc pháp thiện, hễ thấy nó liền tăng trưởng pháp thiện, làm tổn giảm pháp ô nhiễm; cho đến ý phân biệt pháp trần cũng giống như vậy. Bạch Thế Tôn, nay con nhờ Phật nghe được pháp này rồi, mãn nguyện sung sướng, đoạn trừ nghi hoặc.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu lại có Bí-sô muốn đoạn trừ hư vọng phải đoạn bao nhiêu pháp, hành bao nhiêu pháp?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, nếu có Bí-sô muốn diệt trừ pháp hư vọng cần phải đoạn ba pháp, hành ba pháp. Một là nghi hoặc, hai là mong cầu, ba là lời nói vô nghĩa. Ba pháp này cũng có thể thực hành, cũng có thể không thực hành. Nói không thực hành tức là đối với ba pháp bất thiện phải đoạn trừ không thực hành, nếu thực hành pháp bất thiện sẽ tăng trưởng, pháp thiện sẽ tổn giảm. Còn nói nên thực hành tức là đối với ba pháp bất thiện siêng năng đoạn trừ, như vậy pháp bất thiện được tổn giảm, pháp thiện được tăng trưởng.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Nay con nhờ Phật được hiểu nghĩa này. Đó là ba pháp nghi hoặc, mong cầu và nói lời vô nghĩa. Nếu thực hành chúng thì pháp thiện bị tổn giảm, pháp bất thiện được tăng trưởng. Nếu các Bí-sô đối với ba pháp này siêng năng đoạn trừ thì pháp bất thiện sẽ tổn giảm, pháp thiện được tăng trưởng.

Lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu có Bí-sô thực hành pháp diệt trừ hư vọng, có mấy loại thân?

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, nếu có Bí-sô thực hành pháp diệt trừ hư vọng thì có ba loại thân. Ba loại thân đó là thân vui thích, thân khổ não và thân xả. Thân vui thích có hai nghĩa, đó là nên thực hành và không nên thực hành. Nên thực hành là các pháp thiện, không nên thực hành là các pháp bất thiện. Thân khổ não và thân xả cũng lại như vậy.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Nay con nhờ Phật nên được hiểu nghĩa này: Nếu các Bí-sô thực hành pháp diệt trừ hư vọng, đối với

thân vui thích, thân khổ não và thân xả, ba loại thân này nên thực hành theo các pháp thiện, không nên thực hành theo các pháp bất thiện.

Bấy giờ Đế-thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn sự ưa muốn, sự nhớ nghĩ và sắc tướng của tất cả chúng sanh có giống nhau không?

Phật dạy:

–Chẳng giống nhau. Này Thiên vương, tất cả chúng sanh không đồng một ưa muốn, không đồng một nhớ nghĩ, không đồng một sắc tướng. Này Thiên chủ, tất cả chúng sanh tuy mỗi mỗi đều ở trong cảnh giới của mình, nhưng không biết các cảnh giới sai biệt. Vì không biết các cảnh giới sai biệt cho nên mới đi vào con đường tối tăm, trở lại chấp pháp si mê cho đó là chân thật. Các chúng sanh ấy không biết các cõi muôn ngàn sai biệt, điều họ biết được chỉ là cảnh giới tối tăm. Tuy có hiểu biết nhưng cũng thường đi vào con đường tăm tối, chấp chặt lấy si mê mà cho là chân thật.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như Phật đã dạy, nay con nhờ Phật nên biết được nghĩa này: Tất cả chúng sanh không đồng một ưa muốn, không đồng một nhớ nghĩ, không đồng một sắc tướng. Do vì các chúng sanh ấy không biết sự sai biệt cho nên mới chấp sự si ám cho là chân thật.

Bấy giờ Đế-thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, có phải tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đạt được phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn không?

Phật dạy:

–Chẳng phải như vậy. Điều này có hai nghĩa. Này Thiên chủ, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào không thể tận trừ ái dục, chắc chắn không thể nào đạt được phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn. Còn nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể đoạn trừ được ái dục, liền chứng được tâm vô thượng giải thoát, tâm chánh giải thoát, kẻ ấy mới gọi là đạt được phạm hạnh thanh tịnh.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đúng vậy! Như lời Phật dạy, nay con nhờ Phật hiểu được nghĩa này: Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn không thể tận trừ ái dục, kẻ ấy quyết định không thể đạt được phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn. Còn nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào đã tận trừ được ái dục thì

quyết định đạt được tâm vô thượng giải thoát, tâm chánh giải thoát, kẻ ấy mới gọi là đạt được phạm hạnh thanh tịnh hoàn toàn.

Bấy giờ Đế-thích lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nay con phải làm sao để vĩnh viễn xa lìa bệnh của các kiến chấp, làm sao cho nó không còn sanh ra nữa? Bệnh của các kiến chấp ấy từ tâm thức sanh ra, vậy tâm thức này của con lại phải làm thế nào? Con tuy hỏi Phật về ý nghĩa các thứ nhưng tại sao con vẫn không thể đạt được Thánh quả, được quả Ứng Chánh Đẳng Giác của Phật Như Lai? Cúi mong Đức Thế Tôn vì con đoạn trừ nghi hoặc là nguồn gốc của căn bệnh kiến chấp.

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, ông có biết không, lúc trước đó có Sa-môn, Bà-la-môn cũng hỏi về ý nghĩa này.

Đế-thích bạch Phật:

–Nay con nhớ lại trong một thời có chư Thiên với đại oai lực nhóm họp ở hội Thiện pháp tại cung trời Đao-lợi.

Khi ấy, trong hội có các trời người không biết pháp muốn mau thành Phật. Vì có ý như vậy nên họ đã bạch với Thế Tôn. Thế Tôn quán sát thấy họ là những người ngu si cho nên đã không thọ ký cho họ. Chư Thiên ấy vì không được mãn nguyện, tâm có sai biệt, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, mỗi người đều trở về chỗ ở của mình. Chỗ ở của họ chẳng hiện ra nên liền bị đọa lạc. Lúc đó chư Thiên ấy vì bị đọa lạc nên hết sức sợ hãi, tâm sanh nghi hoặc, ai cũng nghĩ như vầy: "Chỗ ở của mình không hiện ra, chắc chắn phải bị đọa lạc. Nếu ta thấy được vị Sa-môn, Bà-la-môn nào thì phải đến để thưa hỏi: "Ngài có phải là Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác không?"

Bấy giờ các vị trời kia, có người thấy con một mình đi kinh hành, liền đến chỗ con hỏi:

–Nhân giả, ngài là ai?

Con đáp:

–Tôi là Thiên chủ Đế-thích.

Khi ấy các vị trời ấy trong lòng rất khổ não, thưa:

–Thiên chủ, há ngài không thấy tôi đang bị khổ não sao? Vì tôi hướng đến Phật để hỏi pháp nhưng không thể hỏi được, muốn quy y mà không quy y được, vì có tâm sai biệt nên đã trở về chỗ ở của mình, nhưng chỗ ở của mình lại chẳng hiện ra, biết chắc mình đã bị đọa lạc cho nên

khổ não, mong được cứu hộ. Thiên chủ, kể từ ngày hôm nay, tôi thệ nguyện quy y Phật làm đệ tử Thanh văn.

Khi ấy con liền nói kệ đáp vị thiên kia:

Các ngươi khởi niệm tà
Nói ra lời bất chánh
Tâm sai biệt cầu Phật
Do đó chịu khổ mãi.
Hoặc thấy vị Sa-môn
Và các Bà-la-môn
Kinh hành liền thưa hỏi:
"Ngài là chánh giác chăng?
Nếu là bậc chánh giác
Con quy y cúng dường".
Con liền hỏi vị kia
Làm sao để cúng dường
Hỏi rồi không thể biết
Chánh đạo Phật như thật.
Khi ấy Thiên chúng ấy
Những dục vọng trong lòng
Tâm và tâm sở pháp
Nghi hoặc nên phân biệt.
Con biết tâm pháp họ
Như Thế Tôn đã dạy
Con đã nói với họ
Ở trong ba cõi này
Chỉ có Phật Thế Tôn
Là Đại Sư thế gian
Hàng phục đại ma quân
Độ các loài hữu tình
Đến bờ giác Niết-bàn
Như Lai Đại Giác Tôn
Ở thiên thượng, nhân gian
Không có ai bằng Ngài.
Đại Trượng Phu vô úy
Khéo đoạn bệnh tham ái.
Như Lai Đại Nhật Tôn
Nay ông hãy đảnh lễ.

Khi Thiên chủ Đế-thích nói việc ấy xong, Phật lại bảo:

–Này Thiên chủ, ông có thể biết được việc quá khứ ấy, đó là lợi phân biệt và lợi vui thích.

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nay con nhớ lại thuở xưa, chư Thiên và A-tu-la cùng đánh nhau, thiên nhân thắng trận, A-tu-la bại trận. Con suy nghĩ như vầy: "Những điều vui thích của thiên nhân và của A-tu-la, nay con một mình được sự vui thích, do được cái lợi vui thích như vậy, thì trong suốt cuộc đời này cần phải tranh giành, đao binh chém giết lẫn nhau, đó gọi là lợi ích của sự vui thích. Còn lợi phân biệt là suốt cả đời này không tranh giành cho đến việc dùng đao binh tàn hại lẫn nhau, đó là lợi ích của sự phân biệt".

Đế-thích lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con nhờ Phật nghe được Chánh pháp này, lại càng thêm tin tưởng sâu sắc, phát khởi hạnh nguyện. Nguyện cho con sau khi mạng chung, nếu sanh ở nhân gian thì được sanh vào nhà giàu có, sang trọng, tiền bạc lúa thóc vô kể, chứa nhiều châu báu, xe cộ đầy đủ, quyến thuộc đông đúc, đủ mọi thứ chẳng thiếu vật gì. Nguyện cho con sẽ sanh vào nhà giàu có như vậy, ở trong thai của trí tuệ, thân thể tròn đầy, sắc tướng đẹp đẽ, ăn món thượng vị, giàu sang tự tại, thọ mạng lâu dài, phát tâm chánh tín theo Phật xuất gia, cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa làm Bí-sô, thường giữ phạm hạnh không có thiếu sót sai phạm, chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, cho đến đạt được biên vực tận cùng của sự khổ. Bạch Thế Tôn, con lại nghe nói có cõi trời Sắc cứu cánh, mong cho con khi mạng chung ở nhân gian được sanh lên cõi trời ấy.

Phật dạy:

–Này Thiên chủ, lành thay, lành thay! Này Thiên chủ, như lời nguyện của ông, do nhân duyên gì mà có được sự chứng quả thù thắng ấy?

Đế-thích bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con không có nguyên nhân gì đặc biệt, chỉ nhờ theo Phật nghe Chánh pháp mà phát khởi đức tin sâu xa, nhờ nguyện lực ấy mà chứng được quả như vậy. Bạch Thế Tôn, nay con ở trong hội này được nghe Chánh pháp, nhờ pháp lực ấy nên được tăng trưởng trí tuệ, lại được tăng thêm tuổi thọ.

Khi ấy Đế-thích phát lời nguyện ấy xong, liền xa lìa mọi thứ cấu nhiễm, được pháp nhãn thanh tịnh, đồng thời có tám vạn người, trời cũng

được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ Thiên vương Đế-thích nghe pháp, thấy pháp, có thể thông tỏ an trụ vững chắc nơi pháp, đoạn các nghi hoặc. Chứng như vậy xong, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chắp tay đảnh lễ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con đã được giải thoát! Con đã được giải thoát! Kể từ hôm nay cho đến trọn đời con xin quy y Phật, Pháp và Tăng, thọ trì giới Ưu-bà-tắc.

Bấy giờ Thiên chủ Đế-thích đang ở trước Đức Phật quay lại nói với vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết:

–Nhờ ông mà ngày nay ta được hoan hỷ, lợi lạc và nhiều người cũng được lợi ích. Nhờ ông đã đến trước dùng âm thanh vi diệu này cúng dường Phật khiến cho chúng ta được nghe pháp, chứng quả. Chờ ta trở về cung sẽ khiến cho ông được mãn nguyện.

Khi ấy, Thiên chủ Đế-thích lại bảo chúng chư Thiên ở cõi Đao-lợi:

–Này các Nhân giả, các ông hãy dùng phạm âm, ba lần xin quy y Đức Phật. Vì sao như vậy? Vì nay Đức Phật Thế Tôn đã đắc Phạm trụ, tịch tĩnh, Niết-bàn.

Bấy giờ Thiên chúng đi theo Đế-thích, đều nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng đầu mặt lạy sát chân Phật, đứng trước Đức Phật, đồng cất tiếng phạm âm, ba lần quy y Phật:

–Na mô na mạc, tát đa tát muội, bà nga phạ đế, đát tha nga đa da, a ra ha đế, tam miệu tam một đà dã (Thành kính đảnh lễ Bậc Nhất Thiết Trí, Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác).

Thiên chủ Đế-thích và chúng chư Thiên ấy ba lần quy y Phật xong liền cùng với vương tử Càn-thát-bà Ngũ Kết... biến mất khỏi hội chúng, trở về cõi trời.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương, chủ cõi Ta-bà, ngày đã qua, đêm đến, đi tới chỗ Phật, thân phát ra ánh sáng rực rỡ, chiếu sáng hang Đế-thích, đến trước Đức Phật, lạy dưới hai chân Ngài, chắp tay đảnh lễ, nói kệ:

Đế-thích được nhiều lợi
Theo Phật hỏi Chánh pháp
Phật dùng vi diệu âm
Đoạn trừ hết mê lầm.

Nói kệ xong, Phạm vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, khi Phật nói Chánh pháp, Thiên chủ Đế-thích xa

lìa mọi thứ cấu nhiễm, được con mắt pháp thanh tịnh, tám vạn trời người cũng được con mắt pháp thanh tịnh.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Khi ấy Đại Phạm thiên vương, chủ cõi Ta-bà, nghe Phật nói xong, hoan hỷ tin vâng, lạy dưới chân Phật rồi ẩn thân biến mất, trở về cõi trời.

Bấy giờ, lúc đêm vừa tàn, Đức Thế Tôn, đến chỗ chúng Bí-sô, đi vòng quanh rồi an tọa, bảo các Bí-sô:

–Ngày đã qua, khoảng nửa đêm, Đại Phạm thiên vương, chủ cõi Ta-bà đi đến chỗ Ta, lạy dưới chân xong, chắp tay cung kính nói kệ:

Đế-thích được nhiều lợi
Theo Phật hỏi Chánh pháp
Phật dùng vi diệu âm
Đoạn trừ hết mê lầm.

Lại nói với Ta: "Thiên chủ Đế-thích khi nghe Chánh pháp, được mắt pháp thanh tịnh, và tám vạn trời người cũng được mắt pháp thanh tịnh".

Ta liền nói: "Đúng vậy, đúng vậy!"

Khi ấy Phạm vương nghe lời Ta nói hoan hỷ tin vâng, lạy dưới chân Ta rồi ẩn thân biến mất, trở về cõi trời.

Bấy giờ các Bí-sô nghe Phật nói pháp này xong, thảy đều hoan hỷ, lạy Phật lui ra.

❑

SỐ 16

PHẬT NÓI KINH THI-CA-LA-VIỆT LẠY SÁU PHƯƠNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán,
Sa-môn An Thế Cao.

Phật ở trong núi Kê thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ, có vị con trai Trưởng giả tên Thi-ca-la-việt, sáng sớm dậy, tắm rửa chải đầu, mặc áo đẹp, hướng về phương Đông lạy bốn lạy, phương Nam lạy bốn lạy, phương Tây lạy bốn lạy, phương Bắc lạy bốn lạy, ngẩng lên trời lạy bốn lạy, cúi xuống đất lạy bốn lạy. Phật đi vào thành khất thực, từ xa trông thấy như vậy, liền đi đến nhà vị ấy để hỏi lý do:

–Tại sao anh lại lạy sáu phương? Việc này tương ứng với pháp gì?

Thi-ca-la-việt thưa:

–Khi cha con còn sống dạy con lạy sáu phương. Con chẳng biết tương ứng với pháp gì. Nay cha con đã mất, con không dám trái lệnh.

Phật dạy:

–Cha anh dạy anh lạy sáu phương không phải dùng thân lễ bái.

Thi-ca-la-việt liền quỳ xuống bạch Phật:

–Cúi mong Phật giải thích ý nghĩa của sự lạy sáu phương này cho con.

Phật dạy:

–Hãy lắng nghe và ghi nhớ. Trưởng giả là người thông minh trí tuệ nếu có thể giữ gìn bốn giới không có vi phạm thì đời này được mọi người kính nể, đời sau được sanh lên trời:

1. Không giết hại quần sanh.

2. Không trộm cắp.

3. Không lấy vợ người.

4. Không nói dối, nói hai lưỡi, tâm dục, tham dâm, sân hận, ngu si, phải tự kiềm chế đừng có nghe theo.

Nếu không tự kiềm chế bốn sự việc này thì tiếng xấu ngày một tăng,

như mặt trăng đã lặn, ánh sáng mất đi thành tối tăm. Còn ai tự kiềm chế được việc ác này thì như mặt trăng lúc mới mọc, ánh sáng càng lúc càng tỏ, cho đến ngày rằm là lúc mặt trăng tròn đầy nhất.

Phật dạy:

–Lại có sáu việc làm cho tiền tài mỗi ngày một hao giảm:

1. Thích uống rượu.

2. Thích cờ bạc.

3. Thích ngủ sớm dậy trễ.

4. Thích mời khách và cũng muốn được người ta mời lại.

5. Muốn kết thân cùng với ác tri thức.

6. Kiêu mạn khinh người.

Phạm bốn việc ác ở trên và lại làm sáu việc này sẽ phương hại đến hạnh lành, cũng như không ích lợi trong vấn đề sinh kế, khiến cho tiền bạc ngày một hao giảm, thì việc lễ bái sáu phương có ích lợi gì.

Phật dạy:

–Ác tri thức có bốn hạng:

1. Bên trong có tâm oán thù, bên ngoài giả làm tri thức.

2. Đối với người trước mặt thì nói tốt sau lưng thì nói xấu.

3. Khi bạn có việc cần cấp, trước mặt bạn thì tỏ ra sầu khổ, sau lưng thì ấp ủ vui mừng.

4. Bên ngoài như thân lắm, nhưng bên trong lại mưu oán.

–Thiện tri thức cũng có bốn hạng:

1. Bên ngoài như oan gia, bên trong lại có lòng nhân hậu.

2. Trước mặt người thì thẳng thắn can ngăn, bên ngoài thì đề cao việc tốt của người.

3. Gặp khi bệnh hoạn, kẻ quan quyền làm cho bạn lo âu sợ sệt thì tìm cách giúp đỡ hóa giải.

4. Thấy bạn nghèo túng cũng không bỏ rơi, thường nghĩ cách tìm phương tiện muốn cho được giàu có.

–Ác tri thức cũng có bốn hạng:

1. Khó can gián, khó dạy dỗ làm điều thiện, cùng kẻ ác làm thân.

2. Dù có dạy bảo cũng không thích nghe vì làm bạn với kẻ uống rượu cho nên thích hợp với người nghiện rượu.

3. Dù có dạy bảo thì bảo thủ, lại còn gây nhiều chuyện.

4. Dạy bảo làm bạn với kẻ hiền nhưng lại quen thân với bạn bè cờ bạc.

–Thiện tri thức cũng có bốn hạng:

1. Thấy người bần cùng đói rách thì giúp cho sinh sống.

2. Không tranh hơn thua với người.

3. Thường hay thăm viếng.

4. Đi đứng luôn luôn tưởng nhớ.

–Thiện tri thức lại có bốn hạng:

1. Bị quan lại bắt bớ thì đem về che giấu, chờ sau sẽ giải quyết.

2. Có tật bệnh, ốm đau thì đem về nuôi dưỡng, chăm sóc.

3. Nhận biết bạn có sự chết chóc thì lo việc chôn cất.

4. Nếu biết bạn đã chết, lại nghĩ tưởng đến gia đình bạn.

–Thiện tri thức lại có bốn hạng:

1. Bạn muốn tranh giành, đấu đá thì ngăn cản.

2. Bạn muốn theo kẻ ác tri thức thì khuyên can đừng theo.

3. Bạn không muốn làm ăn thì khuyên bảo lo làm ăn.

4. Bạn không thích theo đạo pháp thì dạy bảo làm cho có niềm tin, vui vẻ.

–Ác tri thức lại có bốn hạng:

1. Bị xâm phạm ít mà sân hận nhiều.

2. Khi có việc gấp rút nhờ cậy thì không chịu làm.

3. Thấy người khi có việc nguy cấp thì bỏ trốn.

4. Thấy người chết chóc thì bỏ đi không quan tâm.

Phật dạy:

–Hãy chọn người tốt để theo, kẻ ác để tránh. Ta nhờ làm bạn với thiện tri thức mà tự mình được thành Phật.

Phật dạy:

* Lạy về phương Đông, ý nghĩa là:

–Con thờ cha mẹ phải có năm việc:

1. Phải nhớ lo làm ăn.

2. Phải dậy sớm để sai bảo người giúp việc đúng giờ cơm nước.

3. Đừng để cha mẹ lo âu.

4. Phải nghĩ đến công ơn của cha mẹ.

5. Cha mẹ bệnh tật thì phải lo lắng tìm thầy thuốc trị liệu.

–Cha mẹ đối với con cũng có năm việc:

1. Phải nhớ khiến cho con bỏ ác theo thiện.

2. Dạy cho con chăm lo học hành.

3. Dạy cho con trì kinh giữ giới.

4. Phải biết lo dựng vợ gả chồng cho con.

5. Trong nhà có của cải gì phải để cho con.

* Lạy về phương Nam, có ý nghĩa là:

–Đệ tử thờ thầy phải có năm việc:

1. Phải cung kính tán thán.

2. Phải nhớ ơn thầy.

3. Phải nghe theo lời thầy dạy.

4. Nhớ nghĩ không nhàm chán.

5. Nên hết lòng theo và khen ngợi thầy.

–Thầy dạy đệ tử cũng có năm việc:

1. Phải làm cho mau hiểu biết.

2. Hãy làm cho đệ tử mình hơn đệ tử người khác.

3. Muốn làm cho điều đã biết nhớ mãi không quên.

4. Các hoài nghi đều giảng giải.

5. Muốn khiến đệ tử trí tuệ hơn thầy.

* Lạy về phương Tây, có ý nghĩa là:

–Vợ thờ chồng phải có năm việc:

1. Chồng đi đâu về phải đứng dậy nghênh tiếp.

2. Khi chồng đi khỏi phải lo mọi việc nấu nướng, quét dọn chờ chồng về.

3. Không được có lòng dâm dục với người khác, chồng có trách mắng cũng không được có thái độ trách mắng lại.

4. Hãy làm theo lời chồng răn dạy, có nhặt được vật gì cũng không được che giấu.

5. Khi chồng ngủ nghỉ, phải lo sắp xếp xong rồi mới ngủ.

–Chồng đối với vợ cũng có năm điều:

1. Đi đâu phải cho vợ biết.

2. Việc ăn uống đúng giờ, cung cấp áo quần cho vợ.

3. Phải cung cấp vàng bạc châu báu.

4. Những vật ở trong nhà nhiều ít đều phải giao phó cho vợ.

5. Không được ngoại tình, bằng cách nuôi dưỡng, hầu hạ, chuyển tài sản.

* Lạy phương Bắc là mình đối với người thân thuộc bằng hữu có năm việc:

1. Thấy làm việc ác thì riêng đến chỗ vắng mà can gián, khuyên ngăn.

2. Thấy việc nguy cấp dù rất nhỏ cũng mau chạy đến cứu giúp.

3. Có việc nói riêng, không được nói cho người khác nghe.

4. Phải kính mến khen ngợi nhau.

5. Có vật tốt dù nhiều, dù ít cũng nên phân chia cho nhau.

* Lạy dưới đất có nghĩa là:

–Chủ đối với người giúp việc phải có năm việc:

1. Phải đúng giờ cho ăn uống và cho quần áo.

2. Khi bị bệnh hoạn phải gọi thầy thuốc đến điều trị.

3. Không được đánh đập.

4. Họ có của riêng thì không được chiếm đoạt.

5. Những vật phân chia phải phân chia đồng đều.

–Tôi tớ đối với chủ cũng có năm việc:

1. Phải lo dậy sớm, đừng để chủ nhà gọi.

2. Khi làm việc phải hết lòng.

3. Phải thương tiếc đồ vật của chủ, không được vứt bỏ cho người khác.

4. Chủ nhà đi về phải đưa rước.

5. Phải khen ngợi điều hay, không được nói điều xấu của chủ.

* Hướng lên trời lễ bái có nghĩa là người phụng sự các bậc Sa-môn, Đạo sĩ cần làm năm việc:

1. Hướng đến các vị ấy với thiện tâm.

2. Chọn lời hay mà nói.

3. Lấy thân cung kính.

4. Phải quyến luyến hâm mộ.

5. Sa-môn, Đạo sĩ là bậc thiện sĩ trong loài người, phải cung kính, thờ phụng, thưa hỏi về phương cách để thoát khỏi nỗi khổ nơi cuộc đời.

–Sa-môn, Đạo sĩ có sáu điều nhớ nghĩ đến phàm nhân:

1. Dạy họ bố thí, không được tham lam keo kiệt.

2. Dạy cho họ trì giới, không được phạm sắc dục.

3. Dạy cho họ nhẫn nhục, không được giận hờn.

4. Dạy cho họ tinh tấn, không được kiêu mạn, lười biếng.

5. Dạy cho họ nhất tâm, không được buông lung.

6. Dạy cho họ sự hiểu biết, trí tuệ không được ngu si.

Sa-môn, Đạo sĩ dạy anh bỏ ác làm lành, khai thị con đường chánh đạo, ơn ấy lớn hơn cha mẹ. Hãy làm như vậy, xem như lúc cha anh còn sống dạy anh lạy sáu phương, lo gì mà không phú quý.

Thi-ca-la-việt liền thọ năm giới, làm lễ lui ra.

Phật nói bài kệ:

Gà gáy cần dậy sớm
Xuống giường vận y phục
Súc miệng để tâm tịnh
Hai tay dâng hương hoa.
Phật cao hơn chư Thiên
Quỷ thần không bì kịp
Cúi đầu nhiễu tháp chùa
Vòng tay lạy mười phương.
Hiền giả không tinh tấn
Giống như cây không rễ
Rễ đứt cành lá khô
Khi nào mới liền được.
Người hái hoa giữa ngày
Hoa tươi được bao lâu
Phóng tâm tự buông ý
Mạng qua rồi nói gì.
Người phải nghĩ vô thường
Nó đến không hẹn trước
Phạm lỗi không tự biết
Mạng qua vì tự khinh.
Nay phải vào Nê-lê
Khi nào mới ra được
Hiền giả nghe lời Phật
Trì giới chớ có nghi.
Phật như cây hoa tốt
Ai mà chẳng mến yêu
Nơi nơi nghe tiếng Ngài

Tất cả đều hoan hỷ.
Khi ta được quả Phật
Mong được như Pháp vương
Vượt qua đường sanh tử
Tất cả được giải thoát.
Tâm nương theo giới đức
Phước báo thường theo ta
Pháp thiện nay lớn dần
Trọn xa ba nẻo ác.
Giới trừ hết lo sợ
Phước đức ba cõi quý
Quỷ thần tà độc hại
Không phạm người có giới.
Đọa thế tục khổ đau
Mạng nhanh như điện chớp
Già, bệnh, chết đến ngay
Chẳng kể là hào quý.
Chẳng ai để nương tựa
Không chỗ nào trốn được
Phước trời còn phải hết
Mạng người há dài lâu.
Ở nhà của cha mẹ
Thí như người khách trọ
Mạng trước thọ đã hết
Bỏ cũ thọ thân mới.
Tất cả do hành động
Xoay vần như bánh xe
Khởi diệt theo tội phước
Sanh tử mười hai nhân.
Hiện thân không thác loạn
Tế độ khắp mọi người
Thương chúng rơi đường tà
Trôi giạt nơi vực thẳm.
Siêng năng dùng sáu độ
Tu hành đạt như nhiên
Cho nên cúi đầu lạy
Qui mạng Thiên Trung Thiên.
Thân người đã khó được

Được thân lại tham dục
Ý thức đối tham dâm
Thọ, tưởng không nhàm chán.
Dự bị ở đời sau
Hoan hỷ đến địa ngục
Sáu tình đã đầy đủ
Tự mình chịu khổ đau.
Tất cả phải chánh tâm
Ba đời thần thức tốt
Không tham đắm tám nạn
Tùy hạnh sanh mười phương.
Sanh đâu cũng tinh tấn
Sáu độ là cây cầu
Tuệ rộng lớn khuyên răn
Tất cả nhờ trí Phật.

❑

SỐ 17

PHẬT NÓI KINH CON TRAI CỦA THIỆN SANH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Chi Pháp Độ.

Nghe như vầy:

Một thời Bậc Chúng Hựu (Thế Tôn) du hóa tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ (Vương xá). Bấy giờ cư sĩ Thiện Sanh bị bệnh nguy cấp, cho gọi con trai đến bảo:

–Sau khi cha mất, con phải hướng về sáu phương mà lễ bái.

Ngay ngày hôm sau cư sĩ Thiện Sanh qua đời. Người con bèn cung kính lo việc chôn cất, cúng dường tang sự xong, liền dậy sớm, tắm rửa, mặc áo mới, đứng trên bờ sông lễ bái sáu phương, nói:

–Tôi cung kính những chúng sanh ở phương Đông, những chúng sanh ấy cũng lễ bái cung kính tôi.

Giáp vòng các phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương Trên và phương Dưới, phương nào cũng nói như vậy.

Khi ấy, vào buổi sáng sớm, Đức Phật đắp y, ôm bát vừa muốn vào thành thì thấy con trai của cư sĩ Thiện Sanh đứng trên bờ sông lễ bái sáu phương, nói như vậy. Bậc Chúng Hựu liền đến đó, hỏi:

–Này con ông cư sĩ, anh nghe ai nói mà lại dậy sớm, tắm rửa, mặc áo mới, đứng trên bờ bái yết sáu phương, tự nói lên lời cung kính lễ bái? Lạy các phương xong lại tắm, anh cung kính vị pháp sư nào vậy, này Thiện Sanh tử?

Người con trai của Thiện Sanh thưa:

–Trước khi cha con sắp mất có dạy như vậy, cho nên con làm theo, chứ không nghe theo thầy nào cả.

Bậc Chúng Hựu bảo:

–Này con ông cư sĩ, lời nói của cha anh không phải là sáu phương này. Dẫu anh muốn sáng sớm, ngồi lễ bái sáu phương, nhưng có hành vi xấu ác, cấu uế của bốn việc không thể sám hối thì khi thân này chết tinh thần sẽ sanh vào trong cõi ác như địa ngục. Phàm con người vì bốn việc này mà bị lao khổ, anh cần phải biết rõ. Những gì là bốn?

1. Ham thích sát sanh.

2. Ham thích trộm cắp.

3. Tà hạnh dâm dục.

4. Thích nói dối.

Phật nói kệ tụng về ý nghĩa trên:

Sát sanh cùng trộm cắp.
Lừa dối và nói láo.
Chạy theo vợ người khác
Người trí không khen ngợi.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, có bốn việc đưa đến nẻo ác. Những gì là bốn?

1. Tham dục.

2. Giận dữ.

3. Si mê.

4. Sợ hãi.

Phật đọc bài tụng nói lên ý nghĩa trên:

Có dục, sân, si, sợ
Không lãnh thọ Chánh pháp
Do đó tiếng xấu xa
Như trăng khuyết không tròn.
Không dục, sân, si, sợ
Lại thừa lãnh Chánh pháp
Do đó danh tiếng thơm
Như vầng trăng tròn đầy.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, có sáu tai họa làm tiêu tán tiền tài, đi vào đường ác, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Thích rượu, phóng dật.

2. Vào phòng người khác không đúng lúc.

3. Đam mê cờ bạc.

4. Đam mê kỹ nhạc.

5. Có bạn ác.

6. Trễ nải lười biếng.

Phật đọc bài tụng nói lên ý nghĩa trên:

Uống rượu vào phòng khác
Thích bài bạc, ca xướng

Bạn ác cùng biếng lười
Bậc Thánh không khen ngợi.

Phàm rượu có sáu việc nguy biến, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Làm tiêu hao tiền bạc.
2. Đưa đến bệnh hoạn.
3. Khởi tranh chấp.
4. Sân hận nhiều.
5. Mất tiếng tốt.
6. Hao tổn trí não.

Đã có những xấu ác này thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến thì mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Tà dâm có sáu điều nguy biến, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Không tự bảo vệ được thân mình.
2. Không bảo vệ được vợ con.
3. Không bảo vệ được gia đình quyến thuộc.
4. Do nghi ngờ sanh ra xấu ác.
5. Oan gia có được cơ hội.
6. Các khổ vây quanh.

Đã có điều xấu ác này thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Vui chơi cờ bạc có sáu điều nguy biến, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Thắng thì sanh oán.
2. Thua thì nổi nóng.
3. Bạn bè thì lo lắng.
4. Oan gia thì vui mừng.
5. Vào tù ngục ưu phiền.
6. Mọi người đều nghi ngờ.

Đã có điều xấu ác này thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Ham mê ca nhạc có sáu điều nguy biến, cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Tâm trí thích múa.
2. Tâm trí thích ca.

3. Tâm trí thích đàn.

4. Tâm trí thích âm điệu.

5. Tâm trí thích trống.

6. Tâm trí thích những việc như vậy.

Đã có điều xấu ác này thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Bạn ác có sáu điều nguy biến cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Tập chuyện say sưa mê muội.

2. Tập theo việc hôn loạn.

3. Tập theo nẻo buông lung.

4. Tập thói quen đến quán rượu.

5. Làm quen với kẻ tiểu nhân.

6. Tập quen với lời nói thô bỉ.

Đã có điều xấu ác này sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch.

Biếng nhác có sáu điều nguy biến cần phải biết. Những gì là sáu?

1. Ăn no không chịu làm việc.

2. Ăn đói không chịu làm việc.

3. Lạnh không chịu làm việc.

4. Nóng không chịu làm việc.

5. Sáng không chịu làm việc.

6. Tối không chịu làm việc.

Đã có điều xấu ác này rồi thì sự nghiệp sẽ tiêu tan, tiền tài chưa đến sẽ không đến, đã đến sẽ mất hết, vốn liếng có từ trước cũng hao sạch. Phật nói bài tụng về ý nghĩa trên:

Ưa sắc, nhạc, ca múa
Ngày ngủ đêm đi chơi
Bạn ác cùng làm ác
Kẻ ấy tổn hại lớn.
Cờ bạc, rượu rối loạn
Theo đuổi vơ của người
Xa hiền gần kẻ ngu
Tổn hại như trăng khuyết
Thân tự kiêu tự đại
Hủy diệt đạo Sa-môn

Tà kiến và keo kiệt
Đó là kẻ tà mạn.
Phàm rượu hao tiền của
Ít lợi uống thêm khát
Bệnh rượu thêm nợ nần
Thân nguy loạn mau chóng.
Hoặc vì rượu kết bạn
Hoặc vì rượu phạm pháp
Muốn được lợi, tốt đẹp
Với rượu phải lo chừa.
Hoặc ngày như giữ giới
Tối lại trộm tà hạnh
Cũng tại vì lò rượu
Như vậy chớ thân gần.
Không tự biết ấm lạnh
Như cỏ chẳng quý thân
Tinh tấn tu sự nghiệp
Như thế lợi mà hại.
Nếu chịu được ấm lạnh
Như cỏ chẳng quý thân
Tinh tấn tu sự nghiệp
Đã an lại có ích.
Đi xuống của dần tiêu
Đi lên chưa từng tổn
Trọn theo Bậc Tôn Quý
Vì thiện nên được thiện.
Lành lớn được tạo nên
Thành thật tập hạnh lành
Thân thích đều mến ưa
Giữ giới diệt điều ác.
Cho nên cần phải tập
Đã làm rồi lại làm
Cùng thân thích đi lên
Như ngôi vua cao cả.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, có bốn hạng người giống như bạn nhưng không phải là bạn cần phải biết. Những gì là bốn?

1. Hay chọn lấy những vật lạ.

2. Nói lời nịnh hót.

3. Vì muốn làm đẹp mặt mình.

4. Chỉ bày những lời sai quấy.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Bạn nhằm lấy vật lạ
Nói đẹp để êm tai
Gặp nhau toàn nịnh hót
Lời tà càng hiểm nguy.
Đó chẳng phải là bạn
Người trí không kết thân
Đã biết phải xa lìa
Như ra khỏi đường xấu.

Bạn hay chọn lấy vật lạ, nên biết có bốn việc. Những gì là bốn?

1. Tham chọn lấy vật ấy.

2. Cho ít mà mong cầu nhiều.

3. Vì sợ sệt nên theo mình.

4. Vì điều lợi nên theo mình.

Phật nói tụng về ý nghĩa ấy:

Người chọn lấy vật lạ
Cho ít mà mong nhiều
Vì sợ, lợi nên theo
Là bạn tham đúng nghĩa.
Đấy chẳng phải là bạn
Người trí không kết thân
Đã biết, nên xa lìa
Như ra khỏi đường xấu.

Bạn nói lời nịnh hót, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Nói đời tư kẻ khác.

2. Giấu đời tư của mình.

3. Ngoài mặt giả khen tốt.

4. Quay lưng thì bài xích.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Thích nói đời tư người
Đời tư mình thì giấu
Ngoài mặt giả khen tốt

Sau lưng lại nói xấu
Kẻ đó không phải bạn
Người trí không kết thân
Đã biết, phải tránh xa
Như ra khỏi đường xấu.

Bạn vì muốn làm đẹp mặt mình, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Nói việc dở đã qua của người khác.

2. Âm thầm tìm lỗi ở tương lai.

3. Cho mà không thật lòng.

4. Mong cho người gặp nguy hiểm.

Phật nói tụng về ý nghĩa này:

Làm điều không nên làm
Bất lợi nên nói nịnh
Cho nhưng không thật lòng
Mong người nguy nhờ mình
Kẻ đó không phải bạn
Người trí không kết thân
Đã biết, phải tránh xa
Như ra khỏi đường xấu.

Bạn hay chỉ bày những điều sai quấy, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Khuyên người sát sanh.

2. Khuyên người trộm cắp.

3. Khuyên người tà dâm.

4. Khuyên người dối láo.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Sát sanh cùng trộm cắp
Dối trá và nói láo
Theo đuổi vợ của người
Khuyên người làm như vậy
Kẻ đó không phải bạn
Người trí không kết thân
Đã biết phải tránh xa
Như ra khỏi đường xấu.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, có bốn loại bạn là người nhân từ có trí

tuệ, muốn làm lợi cho người, cần phải biết. Những gì là bốn?

1. Cùng khổ cùng vui.
2. Cùng làm lợi ích cho nhau.
3. Làm hưng thạnh sự nghiệp của mình.
4. Có lòng nhân từ thương xót.

Phật nói tụng về ý nghĩa này:

An nguy cùng có nhau
Chia sẻ các thiện lợi
Dốc vì sự nghiệp bạn
Thương xót dẫn đường chánh
Những người bạn như vậy
Kẻ trí đến học hỏi
Hãy nên theo người này
Lợi ích, không xấu ác.

Bạn cùng khổ cùng vui, nên lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Cho những vật báu của mình.
2. Cho tài lợi đối với vợ con.
3. Cho những vật của nhà mình.
4. Nói lời trung thực, nhẫn nhịn.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Cho bạn lợi của mình
Có tài lợi cũng cho
Cho tài sản nhà mình
Nói trung thực nhẫn nhịn
Những loại bạn như thế
Kẻ trí đến thân cận
Hãy nên theo người này
Lợi ích, không xấu ác.

Bạn có lợi cùng hưởng, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Không nói đời riêng kẻ khác.
2. Không giấu đời tư của mình.
3. Gặp nhau nói điều thiện.
4. Bài xích lối nói hai chiều.

Phật nói tụng về ý nghĩa này:

Không nói đời tư người

Không giấu đời tư mình
Gặp nhau nói điều thiện
Bài xích nói hai chiều
Những loại bạn như thế
Kẻ trí đến thân cận
Hãy nên theo người này
Lợi ích, không xấu ác.

Bạn làm hưng thạnh sự nghiệp của mình, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Giúp tài lợi cho sự nghiệp của bạn.

2. Dùng sức lực trợ giúp cho sự nghiệp của bạn.

3. Bạn buông lung thì can ngăn.

4. Lấy điều thiện để khuyên bạn.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Đem tài lợi cho bạn
Dùng sức giúp bạn an
Cắt đứt sự buông lung
Nuôi dưỡng thiện chí bạn
Những loại bạn như thế
Kẻ trí đến thân cận
Hãy nên theo người này
Lợi ích, không xấu ác.

Bạn có lòng nhân từ thương xót, cần lấy bốn việc để biết. Những gì là bốn?

1. Dạy khuyên kiên định để thành tựu đức tin.

2. Dạy khuyên kiên định để thành tựu giới.

3. Dạy khuyên kiên định để thành tựu văn.

4. Dạy khuyên kiên định để thành tựu thí.

Phật nói tụng về ý nghĩa trên:

Đạo tín, giới, văn, thí
Luôn đem khuyến hóa người
Những loại bạn như thế
Kẻ trí đến thân cận
Hãy nên theo người này
Lợi ích, không xấu ác.

Lại nữa, này con ông cư sĩ, hướng về phương Đông thì cũng như

con hướng về cha mẹ. Do đó người con phải lấy năm việc để cung kính, phụng dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với cha mẹ. Những gì là năm?

1. Nhớ nghĩ báo đáp ân cha mẹ.

2. Phải lo thay thế gánh vác.

3. Phải biết an ủi can ngăn.

4. Chỉ mong được cung cấp, nuôi dưỡng cha mẹ.

5. Chỉ làm vui cho cha mẹ.

Cha mẹ cũng phải lấy năm việc để yêu thương con cái. Những gì là năm?

1. Tạo cơ nghiệp cho con.

2. Lo tài lợi cho con.

3. Lo dựng vợ gả chồng cho con.

4. Dạy con học theo kinh sách đạo lý.

5. Đem của cải giao phó cho con.

Đó là hai bổn phận cần thiết nên làm của phương Đông, là pháp được các bậc Thánh xưa chế ra, làm con phải hiếu thảo, làm cha mẹ phải từ ái thương yêu, kẻ sĩ trượng phu mong lợi ích và pháp thiện không suy giảm.

Hướng về phương Nam thì như đệ tử hướng về thầy. Do đó người đệ tử phải lấy năm việc để cung kính, phụng dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với thầy. Những gì là năm?

1. Phải hết lòng lắng nghe lời chỉ dạy.

2. Phải ham thích sự học.

3. Phải siêng năng hầu hạ.

4. Đừng hành động sai trái.

5. Phải cúng dường thầy.

Thầy cũng phải lấy năm việc để thương yêu giáo dục đệ tử. Những gì là năm?

1. Dạy đệ tử học những điều mình đã học.

2. Lấy nghề hay truyền cho đệ tử.

3. Khiến đệ tử siêng năng học hành.

4. Dẫn dắt đệ tử đi theo con đường lành.

5. Hướng dẫn cho đệ tử quen biết những bạn hiền.

Đó là bổn phận cần thiết nên làm của phương Nam, là pháp được các Thánh xưa chế định, làm đệ tử phải khiêm cung, làm thầy phải lấy lòng nhân từ để dạy dỗ, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp lành không suy thoái.

Hướng về phương Tây thì như chồng đối với vợ. Do đó chồng phải lấy năm việc để kính trọng, nuôi dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với vợ. Những gì là năm?

1. Hết lòng kính mến.

2. Không có ý giận dữ.

3. Không ngoại tình với kẻ khác.

4. Cấp y phục, thức ăn đúng lúc.

5. Cho những đồ trang sức báu đúng thời.

Vợ cũng phải có mười bốn điều để thờ chồng. Những gì là mười bốn?

1. Khéo làm việc.

2. Khéo tác thành mọi sự việc.

3. Gìn giữ tài sản chồng giao phó.

4. Gà gáy phải lo dậy.

5. Tối thì đi ngủ.

6. Làm việc phải học hỏi.

7. Phải đóng cửa hầu chồng.

8. Phải hầu thăm sức khỏe khi chồng đi xa về.

9. Nói lời hòa nhã.

10. Ngôn ngữ êm tai.

11. Giường ghế phải ngay thẳng.

12. Đồ ăn uống phải tinh khiết.

13. Nhớ nghĩ về bố thí.

14. Cung cấp nuôi dưỡng chồng.

Đó là hai bổn phận cần thiết nên làm của phương Tây, là pháp nên làm của vợ và chồng được các Thánh xưa chế định, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp thiện không suy giảm.

Hướng về phương Bắc thì như thấy bạn thân của mình. Do đó phải lấy năm việc để kính trọng, nuôi dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với bằng hữu. Những gì là năm?

1. Chánh tâm kính trọng.

2. Không có ý giận hờn.

3. Tình cảm trung thực.

4. Luôn luôn phân chia các món ngon.

5. Không quên ân dày.

Bạn hữu cũng phải lấy năm việc để đối lại bạn của mình. Những gì là năm?

1. Có điều sợ sệt thì bảo về nương tựa với mình.

2. Có ngạo mạn thì quở trách.

3. Có việc riêng thì che giấu.

4. Cung cấp nuôi dưỡng thêm lợi ích.

5. Nói lời trung thực nhẫn nhịn.

Đó là hai bổn phận cần làm của phương Bắc, là pháp giao tế của bạn bè, được các Thánh xưa chế định, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp thiện không suy thoái.

Hướng xuống phương Dưới là như người chủ đối với người giúp việc. Theo đó người chủ phải lấy năm việc để kính trọng, nuôi dưỡng và an ủi một cách chân chánh đối với người giúp việc. Những gì là năm?

1. Tùy theo sức của họ để sai bảo.

2. Cho cơm áo đúng thời.

3. Luôn luôn phân chia món ngon ngọt.

4. Luôn luôn khuyên dạy một cách đồng đều.

5. Có bệnh tật thì cho nghỉ ngơi.

Người giúp việc cũng phải lấy mười điều để đối với chủ. Những gì là mười?

1. Làm việc một cách khéo léo.

2. Hoàn tất công việc một cách khéo léo.

3. Khi được giao phó phải suy xét cẩn thận.

4. Phải thức khuya.

5. Phải dậy sớm để làm việc.

6. Làm việc phải học hỏi.

7. Khi làm việc phải gắng sức.

8. Nhà chủ nghèo không được khinh mạn.

9. Chủ gặp cảnh thiếu nghèo cũng không được bỏ đi.

10. Khi ra khỏi nhà phải nói: "Người chủ nhà tôi thông minh trí

tuệ".

Đó là hai bổn phận nên làm của phương Dưới, là pháp được các Thánh xưa chế định, người chủ nên chấp hành, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp thiện không suy giảm.

Hướng lên phương Trên thì như người tại gia bố thí cho Sa-môn, Phạm chí. Do đó cư sĩ có năm điều để cung kính, phụng dưỡng, an ủi một cách chân chánh đối với Sa-môn, Phạm chí. Những gì là năm?

1. Mở cửa chờ đợi.

2. Đi ra nghênh tiếp.

3. Thăm hỏi và sắp đặt bàn ghế chỗ ngồi.

4. Bảo hộ, cất giữ kinh pháp.

5. Đem đồ ăn trong sạch thanh tịnh để cúng dường Sa-môn, Phạm chí.

Sa-môn, Phạm chí cũng phải lấy năm điều để đáp lại gia đình thí chủ. Những gì là năm?

1. Khuyên dạy để họ trở thành người chánh tín.

2. Khuyên dạy để họ thành người giới hạnh.

3. Khuyên dạy để họ thành người hiểu biết rộng.

4. Khuyên dạy để họ thành người bố thí.

5. Khuyên dạy để họ thành người trí tuệ.

Đó là hai bổn phận nên làm của phương Trên, được các Thánh xưa chế định, là pháp mà cư sĩ tại gia và Phạm chí Sa-môn nên thực hành, kẻ sĩ trượng phu mong được lợi ích và pháp thiện không suy giảm.

Đức Phật nói bài tụng về các ý nghĩa trên:

Phương Đông là cha mẹ
Thầy dạy ở phương Nam
Phương Tây là vợ con
Bằng hữu ở phương Bắc
Người hầu ở phương Dưới
Sa-môn Phạm chí Trên
Như vậy nên đảnh lễ
Cư sĩ phải nên làm.
Người giàu có tiền của
Hãy nghĩ vì lợi người
Cùng người đồng tài lợi
Kẻ bố thí sanh thiên.

Được lợi cùng người hưởng
Nơi nào cũng an vui
Nghĩa gồm thâu thế gian
Là gần gốc an lạc.
Phàm ban ơn cho người
Như mẹ cho con mình
Điều thiện giúp thiên hạ
Phước ấy thật hằng sa.
Trên được nơi chúng hội
Đạt lợi ích an vui
Người thành tựu tín, giới
Liền có được danh thơm.
Ý thường không biếng nhác
Xả bỏ hạnh keo kiệt
Thu nhiếp tình bạn người
Ẩm thực cùng chia xẻ.
Qua lại để viếng thăm
Như vậy tiếng vang lừng
Ai tu thân cẩn thận
Ở nhà vẫn là Hiền.
Nhà chứa hàng hóa báu
Cần làm việc nghĩa nhân
Trước học là tối thắng
Sau đó lo làm ăn.
Nếu kiếm được của cải
Phải chia làm bốn phần
Một phần cho y, thực
Hai để cầu lợi ích
Cắt một phần dự trữ
Để phòng lúc khốn nguy
Làm ruộng, buôn, nuôi trâu
Nuôi dê nữa là bốn
Thứ năm sửa nhà cửa
Sáu lo lập gia đình
Chứa hàng hóa như vậy
Lợi ích ngày càng tăng
Tiền tụ về ngày đêm
Như nước chảy về biển

Của cải có dần dần
Như ong lấy mật hoa.
Giàu tiền nghèo bố thí
Xa gần đều không cho
Tham keo và nghiệp ác
Có của không giúp bạn
Trong việc này phải học
Không cho, chớ ngăn người.
Thường xem người cần giúp
Bạn tốt như lửa hừng
Ở trong thân tộc ấy
Cả hai đều tốt đẹp
Cùng thân chúng an hưởng
Như cung trời Đế-thích.

Bấy giờ, con trai của Thiện Sanh nghe Bậc Chúng Hựu nói xong, liền cúi đầu lạy dưới chân Phật, đứng dậy nhiễu ba vòng, vui mừng tự mình xin quy y, theo Phật thọ giới.

❑

SỐ 18

PHẬT NÓI KINH CÔNG ĐỨC TIN PHẬT

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật tại thành A-nô-ca, trong vườn Yêm-la cùng với đông đủ đại chúng.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ khất thực, đắp y ôm bát vào thành A-nô-ca, thứ lớp khất thực xong, trở về chỗ ở của mình, xếp y rửa chân, trải tòa ngồi thọ thực. Khi ăn xong, Tôn giả đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu mặt lạy dưới chân Như Lai, rồi đứng qua một bên, chắp tay hướng về Thế Tôn thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con đối với Phật pháp khởi lòng tin một cách sâu xa. Vì sao vậy? Vì thần thông của Phật là tối thắng không ai sánh bằng. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở quá khứ, hiện tại và vị lai vẫn không ai có thể biết thần thông của Phật, huống chi là hơn được Phật. Làm sao họ có thể chứng được đạo quả Vô thượng Bồ-đề?

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này Xá-lợi-phất, Tôn giả có thể khéo nói về nghĩa lý vô cùng rộng này. Tôn giả nên thọ trì và ở trong đại chúng rống lên tiếng rống của sư tử, vì họ mà tuyên thuyết rộng khắp.

Xá-lợi-phất lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, nay con đối với Phật sanh khởi tín tâm, cho rằng không người nào ở quá khứ, hiện tại và vị lai có thể bằng Phật, cũng không có Sa-môn, Bà-la-môn nào biết rõ thần thông của Phật huống chi là hơn được Phật. Làm sao họ có thể chứng được đạo quả Vô thượng Bồ-đề?

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao? Các Đức Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác trong ba đời có đủ giới thanh tịnh, trí tuệ, giải thoát, thần thông, diệu hạnh, Ta dùng diệu lực của thần thông đều biết rõ cả. Các Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác ấy cũng lại như vậy, các Ngài biết Ta có đầy đủ giới thanh tịnh, trí tuệ, giải thoát,

thần thông, diệu hạnh. Này Xá-lợi-phất, Tôn giả chớ có bảo rằng chỉ riêng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni mới có đủ thần thông ấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Chẳng phải như vậy, bạch Thế Tôn, con không có nói "Chỉ có Phật mới có đủ thần thông ấy". Con biết ba đời các Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác đều có đầy đủ giới thanh tịnh, trí tuệ, giải thoát, thần thông, diệu hạnh cũng đồng như Phật.

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất, đúng vậy, đúng vậy! Các Đức Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác trong ba đời đều có đủ các pháp thần thông ấy. Tôn giả hãy vì các chúng sanh mà tuyên bày pháp sâu xa như vậy, hãy một lòng thọ trì. Ở trong đại chúng, hãy rống lên tiếng rống của sư tử, thuyết giảng rộng khắp.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết giảng rộng rãi diệu pháp tối thắng vô cùng sâu xa, cho đến nghiệp thiện, nghiệp bất thiện và các pháp duyên sanh, với mỗi pháp con đều biết rõ như thật. Khi hiểu một pháp liền tu một pháp; tu một pháp xong lại diệt một pháp; diệt một pháp xong lại chứng một pháp. Cho nên nay con sanh khởi lòng tin Đức Phật là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác chân thật.

Phật bảo:

–Này Xá-lợi-phất, nay Tôn giả hãy đi hỏi những người khác trong thời quá khứ có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể rõ biết về diệu lực nơi các thần thông chân thật hơn Phật cho đến thành tựu quả vị giác ngộ như Phật? Tôn giả hãy hỏi và xem họ sẽ đáp như thế nào.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Tôn giả lại đến hỏi các người khác rằng trong thời vị lai có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Đức Phật cho đến thành tựu quả vị giác ngộ như Phật? Tôn giả hãy đến hỏi và xem họ sẽ đáp như thế nào.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Tôn giả đến hỏi các người khác rằng trong thời hiện tại có Sa-môn, Bà-la-môn nào bằng với Đức Phật cho đến thành tựu quả vị giác ngộ như Phật?

Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Tôn giả hãy đến hỏi các người khác rằng thời quá khứ, vị lai và hiện tại, các Sa-môn, Bà-la-môn... quy y người nào? Tôn giả hãy hỏi và xem họ sẽ đáp như thế nào.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn, nghĩa ấy chẳng phải như vậy. Con được theo Phật nghe Phật dạy, đã ghi nhớ thọ trì: "Không có hai Đức Phật cùng xuất hiện ở thế gian, chỉ có một Đức Phật Thế Tôn là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác chân thật, là Bậc Chánh Biến Tri, đầy đủ năng lực thần thông tối thượng". Thân Thế Tôn, con không thấy gì có vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết được năng lực thần thông ấy, huống chi là có thể hơn Phật, cho đến việc thành tựu quả vị giác ngộ như Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại thưa:

–Con thấy Đức Thế Tôn có vô số các pháp tối thắng. Pháp tối thắng ấy là khi Đức Phật Thế Tôn đang thuyết pháp, ai đạt được thiện lợi, Phật đều biết rõ. Nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn... trụ ở các nơi như núi rừng hoang vắng, bên gốc cây, chốn gò mả, hay trong nhà trống, nhập Tam-ma-địa, đoạn trừ các phiền não, tu tập viên mãn, làm tăng trưởng các pháp lành, chánh tâm ghi nhớ; lại nữa, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đoạn các pháp ác, tu các pháp lành cho đến chứng được quả vị. Các pháp như vậy Phật đều biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật, không có Sa-môn, Bà-la-môn nào biết được năng lực thần thông này hơn Phật, huống chi là thành tựu quả vị giác ngộ như Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có đầy đủ pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn có năng lực khéo phân biệt được pháp mười hai xứ. Và có thể thuyết giảng rộng rãi pháp này cho người khác nghe. Không có một Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể rõ biết pháp mười hai xứ ấy, có thể phân biệt được mười hai xứ. Đó là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. Các pháp như vậy chỉ có Phật Thế Tôn mới biết rõ. Như vậy gọi là pháp tối thắng của Phật, không có Sa-môn nào hơn được, huống hồ là thành tựu quả vị giác ngộ như Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn có năng lực khéo phân biệt thấu đạt lý của pháp Bổ-đặc-già-la và giảng nói cho người khác nghe. Không có Sa-môn, Bà-la-môn nào biết được pháp như vậy và giảng cho người khác nghe về pháp Bổ-đặc-già-la, tức bảy loại thân, đó là tùy tín hành, tùy pháp hành, tín giải, kiến chí, thân chứng, tuệ giải thoát và câu giải thoát. Bảy loại pháp tối thắng của Bổ-đặc-già-la như vậy chỉ có Phật Thế Tôn mới rõ biết. Đây gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn nói ra lời chân thật không hư dối, cũng không nói lời thêu dệt và nói lời

hai lưỡi. Những điều Ngài nói ra là đúng đắn, đem lại lợi ích lớn. Pháp tối thắng ấy có nhân có duyên. Phật có thể ở trong đại chúng phát ra âm thanh vi diệu, giảng nói ý nghĩa sâu xa. Pháp chân thật hơn hết như vậy chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn dùng Tam-ma-bát để quán sát thân hữu lậu là dơ nhớp xấu xa. Ấy là những phần trên và dưới của thân thể như tóc, lông, móng, răng, da thịt, gân, xương, các vật bất tịnh như thế đầy dẫy trong thân, Phật đều biết rõ, đấy là vật không rốt ráo, cần phải xa lìa, nhàm chán. Đó gọi là Tam-ma-bát để thứ nhất.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đối với những vật trong thân như da, thịt, xương, tủy, các vật hôi thối... là hữu lậu bất tịnh, thì có thể dùng trí tuệ để quán sát một cách như thật. Đó là Tam-ma-bát để thứ nhì.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể dùng trí tuệ quán sát về thân hữu lậu, suốt cả cuộc đời mà vẫn chẳng thấy là rốt ráo; nếu có thể quán sát như vậy thì đó là Tam-ma-bát để thứ ba.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn nào có thể dùng trí tuệ quán sát về thân hữu lậu, đời này chẳng phải là rốt ráo, cho đến đời sau cũng chẳng phải là rốt ráo; nếu có thể quán sát được như vậy thì đó là Tam-ma-bát để thứ tư.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn nào có thể dùng trí tuệ như trên để quán sát về thân hữu lậu, đời này và đời sau đều chẳng phải là rốt ráo, cho đến đời sau và đời sau nữa vẫn chẳng phải là rốt ráo, đều là bất tịnh đáng ghét; nếu có thể quán sát như vậy thì gọi là Tam-ma-bát để thứ năm.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, hữu lậu bất tịnh như vậy là pháp không rốt ráo. Chỉ có Phật Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy xa hơn mắt thường, thấy khắp chúng sanh sống, chết, đẹp, xấu, sinh đến chỗ lành hay chỗ ác, cho đến sanh lên cõi trời, Ngài đều biết đúng như thật. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là khi Thế Tôn thuyết pháp, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào quy y hướng về Ngài để nghe pháp thọ trì, cầu đạt sự tịch tĩnh, họ đều nương tựa vào Thất giác phần. Thất giác phần là Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Khinh an giác phần, Xả giác phần, Niệm giác phần, Định giác phần. Bảy pháp như vậy chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể biết rõ. Đó gọi là pháp tối

thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là khéo phân biệt pháp Tứ chánh cần. Tứ chánh cần là điều ác đã làm khiến cho đoạn trừ; điều ác chưa làm khiến cho không phát sinh; điều thiện đã làm khiến cho tăng trưởng; điều thiện chưa làm khiến cho phát sanh. Các pháp như vậy đối với thiên thượng, nhân gian, Ngài đều thuyết giảng rộng rãi để tạo mọi lợi ích. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn của con có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn có năng lực hiển bày chánh trí thần thông. Thần thông đó là từ một thân hiện thành nhiều thân, từ nhiều thân hợp thành một thân, hoặc hiện không có gì cả, hoặc dùng thân xuyên qua thành quách núi đá để đi, hoặc thị hiện từ mặt đất lấy tay tiếp xúc với hư không cho đến tận cõi trời Phạm thiên, hoặc hiện đi dưới nước như đi trên đất liền, hoặc hiện ngồi kiết già trên không trung, hoặc hiện hành tướng giống như mặt trời mặt trăng du hành trên không trung. Những thần thông như vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy diệu lực của thần thông ấy mà sanh lòng ngờ vực, con nói những người ấy là những kẻ phàm phu ngu si, không phải là bậc Thánh, không đủ sức thần thông, không cầu chánh giác, cũng không muốn cầu Niết-bàn tịch tĩnh. Và năng lực thần thông ấy chính là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, những điều ưa muốn của thế gian là sắc hoan hỷ, sắc đẹp... nếu có ai mong cầu, Như Lai vì các chúng sanh đó, theo căn cơ mà giáo hóa. Đó là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, những sắc vui và những sắc không vui, sắc đẹp và sắc không đẹp của thế gian, cả hai đều xa lìa, xả bỏ không trụ, khéo biết túc mạng. Đó chính là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong sắc thấy sắc, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, bên trong không có tưởng về sắc, thấy các sắc bên ngoài, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, thân khéo giải thoát, chứng được Hành trụ, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, chứng đắc hoàn toàn định Không vô biên xứ, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, chứng đắc hoàn toàn định Thức vô biên xứ, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, chứng đắc hoàn toàn định Vô sở hữu xứ, đó

gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, chứng đắc hoàn toàn định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, rõ biết thọ, tưởng và đã diệt thọ tưởng, đó gọi là thần thông của Như Lai.

Tất cả những cảnh giới thần thông tối thắng như thế chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể rõ biết hoàn toàn. Đó gọi là năng lực thần thông của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là mọi nhân duyên đã làm, nhận lấy quả báo, mọi suy nghĩ... *cho đến* tuổi thọ của các Sa-môn, Bà-la-môn... từ một đời cho đến nhiều đời trong quá khứ, con đối với số năm nhiều như vậy không thể nào biết được. Chỉ có Phật Thế Tôn mới biết được những nơi mà các Sa-môn, Bà-la-môn này đã trụ trong kiếp quá khứ hoặc trong sắc giới, hoặc trong vô sắc giới, hoặc Hữu tưởng xứ, hoặc Vô tưởng xứ, hoặc Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Mọi nhân duyên quả báo mà họ đã làm, Ngài đều biết rõ cả. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là khi Thế Tôn thuyết pháp đều thuyết giảng hoàn toàn như thật. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn vì ngu si nên sanh ra ý nghĩ này nọ, khởi tâm mê hoặc nghi ngờ "Pháp Phật đã giảng đều dùng ngôn ngữ sự tướng để nói pháp được giảng nói phải là ba đời đồng nói, hoặc gần hoặc xa, pháp đều thích hợp với tâm ý và cũng đều được thuyết giảng như thế. Pháp do vị ấy nói đều chẳng như thật". Người khởi niệm nghi này, Phật đều biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn thuyết pháp, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào tự mình không sanh nghi, sau đó nghe người khác nói: "Pháp Phật nói ra đều chẳng như thật". Nghe lời nói ấy rồi lại sanh lòng nghi, cũng cho: "Thế Tôn dùng sự tướng để thuyết giảng các pháp". Người khởi lên sự hủy báng này, Phật cũng biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, khi Đức Phật Thế Tôn thuyết pháp, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào vốn không sanh nghi hoặc, không bảo "Thế Tôn dùng sự tướng để thuyết giảng các pháp" Sau lại nghe người khác nói, do đó mà sanh nghi hoặc, lại bảo với người khác khiến cho người này cũng sanh nghi hoặc. Do tâm nghi hoặc mới sanh ra ý này ý nọ, nói như thế này: "Việc này giống như trước, đều chẳng chân thật". Đó là những loại tâm sai khác của chúng sanh, đối với những việc như vậy Phật đều biết cả. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn thấy có Sa-môn ở trong Tam-ma-địa, không nghi, không nói, Phật đều biết rõ hạnh nguyện của họ. Lại nữa, hoặc thấy Sa-môn từ định mà ra Phật cũng biết rõ, họ có những việc gì và những nghi hoặc nào nên mới xuất định, những nghi hoặc như vậy Phật đều biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn khéo biết rõ các pháp không rốt ráo. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ở trong núi, tâm an trụ vào định Đẳng dẫn, tự dùng diệu lực thần thông biết được sự việc hai mươi kiếp tăng giảm. Họ nghĩ như vầy: "Ta ở trong thời quá khứ, những sự việc trong kiếp tăng giảm đều biết rõ". Bạch Thế Tôn, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với những việc tăng giảm trong thời vị lai và hiện tại họ không thể biết được. Chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới biết rõ đầy đủ sự tăng giảm của ba đời. Đó gọi là biết rõ pháp không rốt ráo thứ nhất.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ở trong núi sâu, tâm an trụ trong định Đẳng dẫn, tự dùng diệu lực thần thông biết được sự việc bốn mươi kiếp tăng giảm. Vị ấy nghĩ: "Trong đời vị lai có những kiếp tăng giảm, ta đã biết rõ". Bạch Thế Tôn, các Sa-môn, Bà-la-môn kia lại không biết sự tăng giảm của kiếp quá khứ và hiện tại. Chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới biết ba đời một cách đầy đủ. Đó gọi là biết rõ pháp không rốt ráo thứ hai.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào ở trong núi sâu, tâm an trụ trong định Đẳng dẫn, tự dùng diệu lực thần thông biết được sự việc tăng giảm của tám mươi kiếp. Vị ấy nghĩ: "Những việc tăng giảm của quá khứ và vị lai, ta đều biết rõ". Bạch Thế Tôn, vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy chỉ còn đối với biên vực tận cùng của hiện tại là không thể biết. Chỉ có Phật Thế Tôn là biết rõ chi tiết giới hạn của ba đời. Đó gọi là biết rõ pháp không rốt ráo thứ ba.

Đức Thế Tôn đã dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy xa hơn mắt thường như thế, Ngài thấy hết các pháp sanh và diệt của chúng sanh cho đến sanh lên cõi trời. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Đức Phật Thế Tôn dùng pháp điều phục, biết rõ pháp an lạc trong tâm của các (cấp độ) Bổ-đặc-già-la, từ đó Ngài vì chúng sanh giảng nói cho Bổ-đặc-già-la ấy. Khi đã biết rõ, họ theo đúng như lý mà tu hành, đoạn ba thứ phiền não, không lâu sau đó chứng quả Tu-đà-hoàn, ngược dòng sanh tử, bảy lần qua lại nơi cõi trời hoặc ở nhân gian, dứt tận biên vực của khổ. Như vậy Thế

Tôn đều biết rõ cả. Lại nữa, Thế Tôn biết pháp ưa thích nơi tâm ý của Bổ-đặc-già-la ấy rồi, giúp họ theo đúng như lý mà tu hành, đoạn trừ ba thứ phiền não, đoạn trừ tham, sân, si, sau đó không lâu sẽ chứng quả Tư-đà-hàm; một lần trở lại nhân gian nữa thì dứt được tận cùng biên vực của khổ. Như vậy Thế Tôn đều biết rõ cả. Lại nữa, Thế Tôn, khéo biết pháp ưa thích nơi tâm ý của Bổ-đặc-già-la rồi, giúp họ đúng như lý tu hành, đoạn ba món phiền não và tùy phiền não, không lâu sau đó chứng quả A-na-hàm. Như vậy Thế Tôn đều biết rõ cả. Lại nữa, Thế Tôn, khéo biết rõ Bổ-đặc-già-la, giúp họ theo đúng như lý tu hành, chẳng bao lâu thì dứt sạch các lậu, chứng pháp giải thoát, sanh tử đã hết, phạm hạnh được lập, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Những pháp như vậy Thế Tôn mỗi mỗi đều biết rõ cả. Đó là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Đức Phật Thế Tôn khéo biết rõ về bốn loại thai tạng. Một là loại không biết nhập thai, cũng không biết trụ thai và ra khỏi thai; hai là có biết nhập vào thai nhưng không biết trụ trong thai và ra khỏi thai; ba là biết nhập vào thai, trụ trong thai nhưng không biết ra khỏi thai; bốn là nhập vào thai, trụ ở thai và ra khỏi thai đều biết rõ. Bốn loại như vậy, sự biết có sai khác, chỉ có Phật Thế Tôn mới biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn khéo biết rõ các Bổ-đặc-già-la, tùy theo loại mà đoạn trừ các chướng ngại để chứng Thánh quả. Các pháp như vậy, Phật đều biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn có pháp tối thắng. Đó là Phật Thế Tôn biết rõ có người đã đủ tín căn, giới hạnh thanh tịnh, trí tuệ đầy đủ, chân thật không hư vọng, không có ngã, không biếng trễ, không có các thứ huyễn hoặc, không bị tán loạn, cũng không có tham dục, không dùng tà đạo để dẫn dắt chúng sanh, thường thực hành chánh niệm. Những pháp như vậy, chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể biết rõ. Đó gọi là pháp tối thắng của Phật.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, hàng phàm phu ngu si của thế gian tham các dục lạc, lao khổ thân mình, cầu lợi một các vô nghĩa. Chư Phật Như Lai chẳng giống như vậy, chỉ muốn làm lợi cho người khác, chẳng cầu cái vui riêng cho mình, khéo biết tâm pháp, thấy pháp tịch tĩnh, trụ trong an lạc, không dục không khổ, được bốn thiền định. Cho nên bạch Thế Tôn, nếu có những thiện nam tử thuộc hàng thượng căn nên thấy như vậy, nên nghe như vậy,

nên hay như vậy, nên biết như vậy, thì mới gọi là bậc thượng căn đích thực.

Bấy giờ, trong chúng hội có một Tôn giả tên là Long Hộ, tay cầm phất trần báu, đứng hầu một bên Phật. Lúc đó, Tôn giả Long Hộ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con xem các hàng ngoại đạo tà kiến như Ni-kiền tử... đối với Phật Thế Tôn trước không có lòng tin, chỉ dùng tà đạo để cạnh tranh nói cho hơn. Cho nên con nay quyết tâm tạo lập pháp tràng để tuyên nói chỉ dẫn cho người đời, nhằm khiến họ đều nghe biết về công đức thù thắng của Phật. Vì Phật Thế Tôn là Bậc Đại Trượng Phu tối tôn tối thượng, không ai bằng.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Long Hộ:

–Tôn giả chớ nói như vậy, chớ có tuyên nói chỉ dẫn cho người khác biết về công đức thù thắng của Phật. Nay Ta không muốn xưng dương như vậy.

Tôn giả Long Hộ liền tán thán Đức Thế Tôn:

–Lành thay! Lành thay! Đúng là Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả hãy khéo dùng chánh pháp như trên, rộng vì các Bí-sô, Bí-sô-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các Sa-môn, Bà-la-môn mà tuyên nói giảng rộng khắp nơi, cho đến các hàng ma, ngoại đạo Ni-kiền tử... những hàng tà kiến không tin Phật, được nghe chánh pháp này khiến họ khởi sanh lòng tin sâu xa, quy hướng về Phật mà sanh chánh kiến, biết rõ chánh pháp.

Ngài lại nói:

–Này Xá-lợi-phất! Tôn giả cần phải thuyết giảng rộng khắp như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Xá-lợi-phất xong thì ngồi im lặng. Tôn giả Xá-lợi-phất, nương vào oai lực của Phật, nói pháp này xong, lạy Phật lui ra. Khi ấy, những vị ở trong hội chúng được nghe chánh pháp, hoan hỷ đảnh lễ, tín thọ phụng hành.

❑

SỐ 19

PHẬT NÓI KINH ĐẠI TAM-MA-NHẠ

Hán dịch: Đời Tống, Đại sư Pháp Thiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại rừng Ca-tỳ-la, cùng với chúng Đại Bí-sô đều là A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã được tự lợi, dứt hết các sự trói buộc, tâm được tự tại; có đủ năm ngàn năm trăm vị như vậy.

Bấy giờ mười phương lại có chư Thiên, Thích, Phạm, đầy đủ đại oai đức, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, thân sắc đoan nghiêm, hào quang chiếu sáng, đi đến rừng Ca-tỳ-la, tới trước Thế Tôn, đầu mặt lạy dưới chân, đứng qua một bên. Khi đó bốn vị Đại Phạm vương, mỗi vị dùng một bài kệ ca tụng công đức của Phật. Vị Phạm vương thứ nhất nói bài tụng:

Đức Đại Tam-ma-nhạ
Tuyên dương Diệu pháp âm
Đức Phật, Bậc Tối Thắng
Trời, người đều vân tập.

Vị Phạm vương thứ hai nói bài tụng:

Trải qua vô số kiếp
Tu hành, tâm tin sâu
Giữ gìn mắt, các căn
Không đắm nơi trần cảnh.

Vị Phạm vương thứ ba nói bài tụng:

Giới định tuệ chân thật
Thanh tịnh không cấu nhiễm.
Như kim cang Đế-thích.
Kiên cố không thể hoại.

Vị Phạm vương thứ tư nói bài tụng:

Nếu ai quy y Phật
Trọn không đọa nẻo ác

Người ấy khi mạng chung
Liền được sanh cõi trời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh quán khắp đại chúng hội vô lượng vô số trời và người, rồi bảo các Bí-sô:

–Thời quá khứ các Đức Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác nhóm họp trời, người mà vì họ nói pháp cũng như thế này. Hôm nay Ta tập hợp trời người muốn vì các vị thuyết pháp, các vị hãy thọ trì. Nếu người nào dõng mãnh, quyết định không sợ sệt, giống như sư tử, có sự tin tưởng sâu xa, vững chắc mà không tham đắm thì từ thế gian cõi người cho đến cõi Phạm thiên, đều đạt được Niết-bàn.

Khi Phật nói lời pháp ấy, lại có một ngàn bảy trăm vị trời, người hữu học và vô số chư Thiên với hào quang chiếu sáng, đi đến chỗ Phật. Phật bảo các Bí-sô:

–Các vị hãy lắng nghe cho kỹ. Ta xem các Thiên chúng vừa đến đây, nên dùng pháp của hàng Thanh văn ưa thích mà hóa độ họ.

Bấy giờ lại có bảy ngàn vị Đại dược-xoa, có đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có sáu ngàn vị Đại dược-xoa đứng trên Kim sơn, có đầy đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có ba ngàn vị Đại dược-xoa đứng trên núi Ta-đa, có đầy đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có trăm ngàn vị Dược-xoa, Cung-tỳ-la... đứng trên núi Vĩ-bố-la, thành Vương xá, có đầy đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có Thấp-phạ-di-đát-ra, Bán-tả-thủy, Vĩ-thấp-phạ-di-phạ... các đại tướng Dược-xoa, có đầy đủ oai đức đại thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc, đi đến rừng Ca-tỳ-la.

Lại có Hộ thế thiên vương Càn-thát-bà chủ ở phương Đông, tên là Địa-lý-đa-ra-sắc-đà-ra, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân sắc đẹp đẽ, hào quang sáng chói, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp. Hộ thế thiên vương Cưu-bàn-nô chủ ở phương Nam tên là Vĩ-lỗ-trà-ca, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân sắc đẹp đẽ, hào quang sáng chói, cùng các quyến

thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp. Hộ thế thiên vương ở phương Tây là Đại long chủ tên là Vĩ-lô-bác-xoa có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân sắc đẹp đẽ, hào quang sáng chói, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp. Hộ thế thiên vương ở phương Bắc là Đại dược-xoa chủ tên là Câu-phệ-ra, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân sắc đẹp đẽ, hào quang sáng chói, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp. Lại có, các quỷ thần theo hầu Tứ đại thiên vương, đó là Ma-dã, Ca-trí, Vĩ-chỉ-trí, Bạt-lý-ngu, Bạt-lý-cu-trí.... đều có thần thông uy lực, ngã mạn, vô minh, hình dáng xấu xí, biến hóa đủ loại, cùng với quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các thần tướng Dược-xoa là Ấn-nại-ra, Mộ-phạ-lỗ-nô, Bát-ra-nhạ-bát-đế, Bà-ra-nại-phược-nhạ, Y-xá-nẳng, Tán-nan-nẳng, Ca-ma, Tất-lý-sắc-tra, Cu-nễ-kiến-tra, Nễ-kiến-tra, Mãn-ni-ma-ni-tả-ra, Bát-ra-nô-na, Ô-ba-bán-tả-ca, Sa-đa-nghi-lý, Hải-ma-phạ-đa-bố-ra-noa-khư-nễ-ra-cu-vĩ-tra-ngu-ba-ra, A-tra-phạ-cu-nẳng-ra-ra-nhạ-nễ, Nẳng-lý-sa-bà, Tức-đát-ra-tế-nẳng, Hiến-đà-lý-phạ, Nễ-lý-đà-thiết-đế-ma-đa-lệ, Bán-tả-ra, Hiến-noa-tô-mô-ma-nẳng-di-lý-cụ, cùng các quyến thuộc Đát-lý-phả-lệ, Đát-lý-kiến-tra-kế, cho đến các vị du hành trong thế gian, có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các vị Đại độc long, đó là rồng Đát-xoa-ca, Kiếm-mạt-la-thấp-phạ-đa-lỗ, Bát-ra-bát-đa, Bát-ra-nhạ-ngu, Sa-ngu-nẳng-sa-họa-tảo-na-cu, Địa-lý-đa-ra-sắt-tra-ra, Cu-tổ-ra, Ái-ra-phạ-ni... sân hận bạo ác, có oai đức đại thần thông, hào quang sáng chói, cùng các quyến thuộc cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có vị Kim sí điểu tên là Vô Úy, cùng các loại thú bay, có mắt thanh tịnh... cùng các quyến thuộc cũng có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có Kim cang thủ Vô năng thắng, ở trong biển cả, tất cả Bố Úy Dược-xoa cùng các quyến thuộc đều có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có chúng A-tu-la, đó là Vĩ-ma-tức-đát-ra, Tô-tức-đát-ra, Bát-ra-hạ, Na-mẫu-na-lệ và một trăm Mạt-lệ A-tu-la tử cùng các quyến thuộc có

đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có Tứ đại thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại và Thiên chúng, đều có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các vị trời danh tiếng đó là trời Phạ-lỗ-noa, trời Phạ-lỗ-ni, trời Tô-ma, trời Tất-lý-sắc-tra, trời A-nga-ma, trời Mật-đát-ra-phạ-lỗ-ni, Địa thiên, Thủy thiên, Hỏa thiên, Phong thiên, mười vị trời như vậy, có đủ đại oai đức, thần thông biến hóa, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có trời Na-la-diên, trời Ta-hạ-lợi-tả, Nhật thiên, Nguyệt thiên, Tinh tú thiên, trời Đế-thích, trời Mạc-già, tất cả các vị trời Hiền thánh tối tôn, cùng các quyến thuộc... mười vị trời như vậy, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các vị Thiên nữ là Thiên nữ Ta-hê-ca, Thiên nữ Như Hỏa Diệm, Thiên nữ A-lý-sắc-tra, Thiên nữ Tô-ma, Thiên nữ Ô-đa-ma, Thiên nữ Bổ-sắc-ba-phạ-tất-nễ, Thiên nữ Tả-ra-ca, Thiên nữ Tô-bạt-nại-ra, Thiên nữ Yết-xoa-a-tả-dụ-đa, Thiên nữ Bát-ra-nại-dụ-ma-nẳng, Thiên nữ Sa-nễ-ca... vô số Thiên nữ như vậy cùng các quyến thuộc, có đủ đại thần thông, vô lượng oai đức, thân tướng đoan nghiêm, hào quang chiếu sáng, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có các Đại dược-xoa nữ là nữ Dược-xoa Xá-ma, nữ Dược-xoa Ma-ha Xá-ma, nữ Dược-xoa Ma-nậu-sa, nữ Dược-xoa Ma-nậu-số-đát-ma, nữ Dược-xoa Ngật-lý-noa, nữ Dược-xoa Bát-ra-mộ-sa, nữ Dược-xoa Ma-nẳng-bát-ra-nổ-sa-ca, nữ Dược-xoa Mạc-ra-hạ, nữ Dược-xoa Ma-hạ-mạt-ra, nữ Dược-xoa Bí-sô-mâu-ni-ca, mười hai vị Đại dược-xoa nữ như vậy, cũng có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có mười vị Đại dược-xoa nữ, đó là nữ Dược-xoa Thâu-ngật-ra, nữ Dược-xoa Yết-noa-mạt-ra, nữ Dược-xoa Ca-lô-noa, nữ Dược-xoa Nễ-ra-ca-phạ-tất-nễ, nữ Dược-xoa A-phạ-na-đa-kế-xá, nữ Dược-xoa Bát-ra-mục-khế-bế-đa-ca-phạ-tất-nê, nữ Dược-xoa Ta-na-ma-đa, nữ Dược-xoa Ha-lý-đế, nữ Dược-xoa Lô-tức-ca, các Dược-xoa nữ như vậy, cũng có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc, cung

kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Lại có Hạ-lý-đế và quyến thuộc đồng nam, đồng nữ cũng có đủ oai đức thần thông, hào quang chiếu sáng, cùng các quyến thuộc, cung kính vây quanh, đi đến rừng Ca-tỳ-la, nơi chúng hội để nghe pháp.

Như vậy, mười phương Phạm vương, Đế-thích, trời người, tám bộ, các Đại Bí-sô, vô lượng vô số đều đến nơi chúng hội.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Đại hắc thần tên là Tổ-tôn-na, có đủ đại thần thông, dõng mãnh, bạo ác, luôn gây não hại cho trời người, làm chướng ngại cho việc tu thiện, lấy tay vỗ mặt đất, phát ra âm thanh đại ác, ở trên hư không hóa ra gió lớn, mây lớn, sét lớn, mưa đá lớn, sấm lớn, tia chớp có sét lớn, các thứ tướng xấu ác khiến ai cũng khiếp sợ. Phật liền quán sát giảng nói pháp Thanh văn, ma nghe xong liền quy y và chấm dứt các điều ác ấy, cùng các Bí-sô đồng an trụ trong Thanh văn thừa.

Bấy giờ chúng hội thấy Phật hàng phục các ma ác, tâm đều phấn khởi vui mừng, tin kính vâng làm.

❑

SỐ 20

KINH PHẬT GIÁO HÓA PHẠM CHÍ A-BẠT

Hán dịch: Đời Đông Ngô,
Ưu-bà-tắc Chi Khiêm.

Nghe như vầy:

Một thời Phật cùng đông đủ năm trăm vị Sa-môn du hóa tại Việt-kỳ, đến nơi Ngài an tọa bên gốc cây ngoài thành Cổ-xa. Trong ngôi làng gần đó, có một vị Phạm chí giàu sang, hiền hậu tên là Phí-ca-sa, hiểu rõ kinh sách và sự vận hành của tinh tú. Ai hỏi điều gì cũng đều trả lời được. Ông có năm trăm người đệ tử, người đệ tử đứng đầu tên là A-bạt.

A-bạt hỏi thầy:

–Hôm nay có Phật đến, mọi người khen ngợi đức độ của Phật, danh tiếng bao trùm trời đất, chẳng biết đó là người thế nào?

Phí-ca-sa đáp:

–Ta nghe vị ấy thuộc dòng họ Thích, là Thái tử con vua một nước, vị ấy không nhờ thầy mà tự mình trước tác kinh điển để giáo hóa chúng sanh.

A-bạt thưa:

–Nếu không có thầy thì tiếng tăm đâu có tốt. Vả lại con của vị quốc vương phần nhiều thì kiêu mạn, dâm dục và ham vui, làm sao đi bộ, tự hạ thấp mình xuống để khất thực, dạy bảo người không mệt mỏi? Vị ấy là bậc chân nhân sao? Mong thầy nên đi đến để xem đạo đức của vị ấy.

Phí-ca-sa nói:

–Chẳng phải vậy. Ta ở đời là bậc hiền thiện, hào phú, thông minh, nhiều tài, vị kia mới xuất hiện, đáng lẽ phải đến yết kiến ta mới đúng. Ta không nên đến.

A-bạt thưa:

–Con nghe trời Đế-thích cùng vị Phạm thiên thứ bảy đều đến để hầu hạ vị ấy. Những đệ tử được vị ấy dạy đều chứng ngũ thông, bay đi nhẹ nhàng, thấy xa nghe suốt, biết được ý chí của con người, biết cả từ đâu sanh đến, chết đi về đâu. Hơn nữa, vị đó là Thầy của trời, sao lại không

đến để yết kiến?

Phí-ca-sa bảo:

–Kinh nói: Đế vương sanh con có ba mươi hai tướng tốt, lập tức sẽ làm hoàng đế phi hành, làm vua bốn châu thiên hạ tự nhiên có bảy báu là: Kim luân báu; Bạch tượng báu; Ngựa báu; Ngọc nữ báu; Thần châu báu; Lý gia báu; Hiền tướng báu, và có ngàn người con đều là bậc tài nghệ, thông minh, vũ dũng, một người có thể địch được ngàn người, không dùng binh đội, dao gậy, cuộc đời thái bình. Nếu bỏ thiên hạ, tự nhiên thành Phật, lấy pháp vô vi hóa độ con người đạt đạo. Có phải là vị ấy chăng? Ông hãy đến xem thử. Nếu có tướng ấy thì đúng là Phật, ta sẽ tôn thờ.

A-bạt thưa:

–Cho phép con đi cùng với các bạn đồng học.

Vị thầy nói:

–Rất hay!

A-bạt cùng với năm trăm người bạn đồng môn đến chỗ Phật, cùng xuống xe, vòng tay vái chào một cách cung kính trước Phật. Phật bảo ngồi xuống, năm trăm người đều ngồi, chỉ có A-bạt là hồi hộp nhìn bên trái liếc bên phải, chăm chú xem tướng Phật. Đức Phật biết ý ấy, Ngài cũng đứng dậy và làm như thế. A-bạt đứng thì Phật cũng đứng, A-bạt ngồi Phật cũng ngồi. A-bạt bèn hỏi Đức Phật:

–Ngài thờ đạo nào? Cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, ôm bình bát có ý nghĩa gì?

Phật nói:

–Từ khi Ta cầu đạo đến nay đã trải qua nhiều kiếp lâu xa không thể kể hết, thường thờ chư Phật, hành đạo Bồ-tát, đã thờ kính vô số thầy bạn. Cạo bỏ râu tóc là suốt đời giữ giới, từ bỏ tham ái, cũng không trang sức đẹp đẽ, khiến cho người đời không tham đắm Ta, Ta cũng không tham đắm người đời. Mặc áo pháp ca-sa, đó là biểu tượng cho dòng họ của bậc Thánh xưa, giải thoát những điều cấu nhiễm trói buộc, cũng không còn nhớ nghĩ về thế gian. Bình bát là ứng khí (vật đựng đồ ăn) của bậc đạo nhân dùng, tiết chế thân tâm để được tỉnh ngộ, vật phi nghĩa không nhận. Đó là biểu tượng của pháp vô vi thanh tịnh. Nay Ta đã thành Phật, là Thầy của thiên hạ, ông cứ tự ý muốn hỏi gì cũng được.

A-bạt thưa:

–Thầy của chúng con đang thờ tên là Phí-ca-sa, đời đời thông minh, tiếng tăm xa gần đều biết, lại là dòng dõi Phạm chí, đặc biệt hơn những

người khác. Thiên hạ tuy cho vua là quý nhưng cũng có kẻ bất nhân, chứ dòng họ của con hoàn toàn không thích sát sanh.

Phật dạy:

–Ta vốn vì ghét việc sát sanh nên cầu đạo Vô thượng chánh chân của Phật. Dòng họ Phạm chí của ông miệng chỉ nói quý nhân từ, tuy tay không giết hại nhưng tâm đều có ý sát hại. Nay Ta là Phật, thân, miệng, ý đều thanh tịnh, không sát hại tất cả chúng sanh, khuyên bảo những người trong thiên hạ không được hiếu sát, dạy họ làm việc nhân nghĩa.

A-bạt hỏi:

–Nay Phật đã bỏ vợ con, tự mình làm tuyệt dòng giống, không người kế tự, sao bằng thầy tôi đời đời được kế tự.

Phật dạy:

–Dòng họ loài người trong thiên hạ, trước sau mỗi mỗi khác nhau. Những người ở đời trước đã từng là con của Ta, Ta cũng đã từng là con của tất cả mọi người, hội họp rồi sẽ có chia ly, bản chất của chúng là vô thường; hoặc trước đó là oán cừu nay trở thành thân thuộc; hoặc trước đây là thân thuộc nay trở thành oán cừu. Nhân duyên tan hợp, tất cả đều như huyễn. Cha mẹ, vợ con vốn chẳng phải là thân thuộc của Ta, Ta cũng không phải là thân thuộc của họ. Người đời chỉ lấy cái "ta" này, hoặc chẳng phải là "ta" mà gây ra tội ác, sau đó phải chịu khổ.

Ngày xưa, Ta đã từng làm làm vị vua dòng Sát-lợi, tên là Cổ-ma-sàng có bốn người con. Người thứ nhất tên là Úc-cam, người thứ hai tên là Kiền-ni, người thứ ba tên là Độ, người thứ tư tên là Hưởng. Nhà vua chưa băng hà mà bốn người con đã giành ngôi. Vua nghe việc ấy nên rất buồn rầu lo lắng, nghĩ rằng bốn người con tranh ngôi sẽ giết hại nhân dân, liền ủy thác việc nước lại rồi đi về phương Đông. Cứ mỗi bước, mỗi bước tự nghĩ: "Đời người có bao lâu mà lo lắng mãi mãi! Ta nay làm vua muốn có con cái. Khi đã có con, chúng lại muốn giết nhau. Có con như vậy ích gì cho người! Ta không nỡ nhìn thấy cảnh huynh đệ tương tàn ấy, sợ giết đi thì không ai nối dõi, chỉ nên bỏ nhà làm Sa-môn mà thôi". Vua liền vào núi phía Bắc gặp vị đạo nhân Ca-tỳ-giáo đang ở trong một am tranh, cùng có đạo nhân Ma-ly. Vua hỏi lý do tại sao học đạo.

Ma-ly tự nói:

–Tôi cưới vợ mà không có con mặt thẹn với mọi nhà cho nên làm Sa-môn.

Vua bảo:

–Lạ thay! Ta là quốc vương có bốn người con, thân ta tuy chưa chết mà con đã làm loạn trong nước, ta không nỡ nhìn thấy cảnh ấy cho nên mới đi tìm đạo.

Ma-ly hiểu rõ càng thêm tinh tấn.

Như vậy, này A-bạt, chính là muốn khiến cho con được hiền lương, cha già bệnh chết con không cướp ngôi, khi sống làm ác, chết bị đọa địa ngục, con không thể thay thế được. Do đó, Ta thường dùng tâm từ bi cứu tế người vật, thành đạo, chứng quả Phật, độ thoát chúng sanh.

A-bạt thưa:

–Phật thật khó sánh! Ngày nay thiên hạ có bốn hạng người: quân tử, Phạm chí, điền gia, công kỹ. Chỉ có dòng Phạm chí của con vừa chân chánh vừa cao quý. Ngoài ra, ba hạng kia đều phải tôn thờ dòng họ của con.

Đức Phật bảo:

–Giả sử dòng họ của ông là chân chánh, cao quý, nhưng nếu như người vợ không có con, phải lấy người gái hầu để sanh con trai, vậy ông có chấp nhận người đó không?

Thưa:

–Phải chấp nhận.

–Nay tổ mẫu của ông hiện chọn lấy người hèn kém để nối dõi, có thể gọi đó là chân chánh cao quý chăng?

A-bạt im lặng. Năm trăm người đệ tử đều đứng lên nói:

–Sa-môn Cù-đàm, tại sao lại hủy báng dòng họ chúng tôi? A-bạt là người tài trí, có thể cùng Ngài vấn nạn.

Đức Phật bảo:

–Tất cả hãy im lặng. Nếu ai có tài trí hãy tự mình tranh biện.

Đức Phật hỏi về vị tổ của họ, cho đến ba lần mà chẳng ai trả lời. Kim cang lực sĩ đưa cái chày lớn lên nói:

–Đức Phật đã hỏi lại ông, tại sao không trả lời?

A-bạt sợ hãi thưa:

–Thật đúng như lời Phật nói.

Năm trăm người kia nói:

–Thánh trí của Phật thật sáng suốt, mẹ của A-bạt đúng là người con gái giúp việc trong nhà họ Thích. Chúng tôi từ nay không còn kính phục nữa.

Đức Phật dạy:

–Chẳng phải như vậy. Ở đời hoặc mẹ thì bần tiện nhưng con lại hiền quý. A-bạt là người hiền, các ông không nên hủy báng. Nếu như người dòng Phạm chí ấy lấy con gái dòng Sát-lợi, sanh con khôn lớn, nên học theo cha hay học theo mẹ?

Tất cả đều đáp:

–Nên học theo cha.

Đức Phật dạy:

–Như vậy nếu mẹ bần tiện nào có hại gì. Nếu con khôn lớn, giỏi kinh điển, đức hạnh cao vút hơn cả cha mình, các ông càng phải kính phục. Nếu con gái của Phạm chí là vợ của dòng Sát-lợi, sanh con khôn lớn, biết bên ngoại là hiền lương nhưng không chịu học, tự bắt chước theo cha, săn bắn, sát sanh, các ông có kính phục không?

Tất cả đều đáp:

–Không nên kính phục.

Đức Phật dạy:

–Như vậy đề cập đến phía mẹ làm gì. Nếu giả sử A-bạt có con hiền lương, tài trí tuyệt thế, các ông phải xử sự như thế nào?

Đều thưa:

–Nên mời ngồi tòa ở trên.

–Giả sử cả cha lẫn mẹ đều thuộc dòng Phạm chí, nhưng sanh con chẳng ra gì, không ngay thẳng, các ông phải làm gì?

Tất cả đều đáp:

–Phải cho ngồi nơi tòa thấp.

Đức Phật dạy:

–Sự quý trọng đó mãi như vậy không? Nếu con của Phạm chí mà sát sanh, trộm cắp, phạm pháp thì quan lại có nên bắt không?

Thưa:

–Nên bắt.

–Tại sao các ông không tranh luận: "Dòng họ của tôi cao quý, không nên bắt tôi?"

Thưa:

–Hiện nay có tội, đâu có nói dòng dõi.

Đức Phật dạy:

–Nay Ta là Phật dạy cho dân chúng nói lời chân chánh về lòng nhân

hiếu để bỏ dục, giận dữ, si mê, giữ thái độ bình thường. Đối với những người làm điều ác, Ta liền dạy họ không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, uống rượu, cúng tế tà đạo. Người đời trước làm ác, thân phải chịu tội, còn việc giết hại sinh linh để tế trời, tội càng thêm nặng, chẳng ích lợi gì. Vả lại, phàm tâm của các vị trời thì thanh tịnh, nhân từ, há lại ăn đồ ăn của con người sao? Có đức thì thần giúp, không giết hại là phước. Cho nên những bậc Thế chủ hiền trí trong thiên hạ nghe kinh, giới của Phật đều tự dứt bỏ một cách vĩnh viễn, nguyện không làm ác, thà giữ giới mà chết, tinh thần được sinh lên trời. Nếu ai có thể chí tâm thanh tịnh liền đạt được bốn đạo quả của bậc Sa-môn: một là Cấu cảng (Tu-đà-hoàn), hai là Tần lai (Tư-đà-hàm), ba là Bất hoàn (A-na-hàm), bốn là Ứng chân (A-la-hán).

Lại nữa, những bậc quân vương trong thiên hạ, tuy thực hiện việc trị nước, muốn được thái bình, nhưng vẫn có bổn phận bắt dân đóng thuế, ý tham chưa trừ. Còn nay Ta là Phật đều khiến cho con người không còn tham dục nữa, chứng đạo vô vi. Từ khi Ta cầu đạo đến nay, trải qua vô số kiếp, mỗi đời đều có lời nguyện: "Nguyện bỏ ái dục, tu hạnh Sa-môn, chẳng thích cũng chẳng không; đối với những người hiền minh, các bậc quân tử trong thiên hạ, nghe giới kinh của Phật, không ai là không phụng hành. Người nào không vâng theo về sau đều hối hận. Ai kiềm chế được ý chí, không còn tham dục, liền đoạn trừ con đường sanh tử buồn khổ. Nếu chẳng luyến ái nhau, liền được thoát khỏi khổ đau. Cuộc đời vô thường, con người như bọt nước, cái này thành thì cái kia hoại, đâu có tồn tại".

Đức Phật hỏi A-bạt:

–Thầy của ông lấy gì để giảng dạy?

Thưa:

–Thầy của con dạy không được giết người, giết bò, không được trộm cắp vàng bạc, không được dâm dục với vợ thầy và vợ của đệ tử, không được uống rượu. Lúc bốn mươi tám tuổi mới được cưới vợ. Thầy của con dạy người suốt đời phải giữ tám giới này. Chẳng hay giới của Phật có ý nghĩa gì?

Đức Phật dạy:

–Những ai thích nghe hãy lắng nghe! Nếu có con nhà tộc tánh tìm đến, tự trình bày việc ưa thích giới của Phật, Ta sẽ tùy theo khả năng từng người mà truyền trao giới pháp. Người muốn tu tập tại nhà thì gọi là Thanh tín sĩ, phải giữ năm giới:

1. Không được ham giết hại các loài cầm thú, kể cả loài nhỏ bé nhất, không được làm tổn hại đến thân hình chúng, huống hồ lại cầm dao gậy hành hạ chúng. Tâm nghĩ việc nhân từ, miệng không bảo giết.

2. Không được trộm cắp, tham lam đối với tài sản của cải người khác, lừa cân tráo đấu, dù như đồ vật nhỏ nhất cũng không được xâm chiếm của kẻ khác. Tâm phải nhớ điều nghĩa, miệng không được dạy người trộm cắp.

3. Không được ham dâm dục, xâm phạm vợ của người khác, không được xem sắc đẹp, không được nghe nhạc hay, tâm tu lễ cấm, lời nói không trái phép.

4. Không được nói dối, gièm pha, vu vạ để lời buộc tội người. Lời nói đúng lúc. Lời nói phải thành tín, tâm không được lộ rõ sự kiêu mạn, miệng không được khen chê.

5. Không được uống rượu, không tự ý say sưa. Tâm không nghiện rượu, miệng không nếm rượu. Rượu có ba mươi sáu thứ lỗi, chớ có khuyên người uống.

Đó gọi là giới luật nơi hàng Thanh tín sĩ của Ta.

Đức Phật dạy:

–Ta không kêu gọi người, nhưng người tự đến xin kính thọ giới và được dạy dỗ, bỏ ác làm theo thiện, kẻ hiền trí trong thiên hạ muốn làm Sa-môn, trước hết Ta hỏi: Do duyên gì mà được giác ngộ?

Phàm là con người, cần phải hiếu kính, lấy việc an dưỡng cha mẹ làm chính, nếu muốn học đạo cần phải báo ân cha mẹ. Cha mẹ có đồng ý, sau đó Ta mới nói giới Sa-môn cho họ. Có hai trăm năm mươi giới, suốt đời phải giữ cho thanh tịnh, không được nửa đường phế bỏ, làm mất ân cúng dường. Nếu ai dốc lòng cầu thỉnh, tín tâm không chuyển, có thể phụng trì pháp luật như thế Ta mới ban giới pháp cho họ. Giới của Sa-môn lấy từ bi làm gốc, không được tàn sát các loài vật nhỏ bé nhất, luôn thương xót người vật xem như con đỏ, cũng không thù oán kiện cáo, mong người ngay thẳng, thường nhớ đến công ơn của cha mẹ và thầy bạn, siêng năng cầu đạo, nhằm độ thoát cho cha mẹ. Sa-môn không được tham lam, lừa đảo để chiếm đoạt tài vật của kẻ khác, thấy những của cải báu hãy xem như là cát bụi, người ta có cho cũng không lấy, nếu có lấy cũng không được giữ, phải đem cho những người bần cùng, thường thuyết giảng đức tính không tham cho mọi người.

Sa-môn không được có vợ để nối dõi, phải đề phòng tránh xa người nữ, đóng kín nẻo tình dục. Khi thấy sắc đẹp, mắt không được ngắm nhìn,

hãy xem người già như mẹ, người trẻ như chị em, nếu tâm không đình chỉ được phải quán bất tịnh để trừ hạnh dâm, có sanh tử đều do si ái.

Sa-môn không được nói dối, nói lời thêu dệt, gièm pha vu vạ để buộc tội người, thấy nghe như thật, điều phi nghĩa thì không rao truyền, hòa giải kẻ tranh chấp, nói hai bên đều tốt, nói lời từ tốn là nhằm giữ lấy sự chính đáng, không được nói đời tư của người khác.

Sa-môn không được ngâm vịnh, ca hát, múa vui, đùa giỡn và luận bàn chuyện xướng ca, cần phải siêng năng suy tư, ôn cũ để biết mới. Những điều Sa-môn nói, lời ấy ắt là của Pháp sư. Những ai không nghe, tâm ý chẳng được mở mang. Sáng tối tụng kinh, không được nhầm lẫn. Hãy tinh tấn thực hành điều cốt yếu của đạo, mục đích là để dứt trừ các thứ ô uế, vì người thuyết pháp, suy tư hợp với ý nghĩa.

Sa-môn không được mong nằm giường tốt đẹp, quần áo không được dùng tơ lụa thêu thùa, ăn uống không được tham đắm vị ngon, không được dùng đồ vàng bạc chạm trổ, chỉ nên dùng bình bát bằng đất nung, hoặc bằng thiếc.

Sa-môn không được uống rượu, ăn thịt, mong nhớ được nếm các mùi vị, không được uống rượu thuốc và đi đến các nơi chốn bán rượu.

Sa-môn không được lấy hương hoa xoa lên thân, xông ướp áo quần, phải nhớ kỹ đến sự trì giới.

Sa-môn không được mua kẻ sai khiến, hàng nô tỳ, cho mướn đồ vật và nhi đồng, hoặc có người đem đến cho mình, nhất thiết không được nhận.

Sa-môn không được nuôi dưỡng các thứ súc vật, cưỡi xe, cưỡi ngựa buông lung tâm ý.

Sa-môn không được cất giữ lúa gạo. Mỗi sáng đi khất thực, không quá bảy nhà, nhà thứ nhất mà không được cho mới đến nhà thứ hai, giáp vòng bảy nhà mà không được thì chỉ nên uống nước mà thôi.

Sa-môn vào xóm làng, phải như chim ăn no rồi bay đi, không trông mong về chỗ còn lại, nếu không được ăn, tâm cũng không giận.

Sa-môn bỏ nhà, ở không cầu an lạc, không ham nhà tốt, chỉ ở các chốn núi rừng, cạnh đầm ao, bên gốc cây mà thôi.

Sa-môn không được buôn bán cầu lợi, suy nghĩ về cái này cái kia, cái nào là sang, cái nào là hèn.

Sa-môn không được bận bịu chuyện ruộng vườn, khai khẩn đất đai để trồng lúa thóc, nhớ nghĩ, vui thích công việc trồng.

Sa-môn không được bàn luận về sự vui thích đối với đất đai, sông nước hương hoa; phải nhất tâm suy nghĩ về đạo, ngoài ra không được suy nghĩ cái gì khác.

Sa-môn không được bàn về chuyện làng xóm, thành ấp, quốc gia, xấu tốt, cao thấp.

Sa-môn không được bình luận về cơ nghiệp của đồng đạo như ruộng, nhà, lúa thóc, y phục, đồ ăn uống, kia thì có, đây thì không.

Sa-môn không được nằm mà đàm luận, ăn mà nói chuyện, không được dự đoán việc chính sự, binh bị, việc hành quân đánh chiếm, được thua.

Sa-môn không được nói về y phục, thức ăn tốt xấu, ngon dở, cho đến khen chê nước suối tốt xấu.

Sa-môn không được nói về hình tướng tốt xấu của các loài súc sanh. Đó là sự đàm luận của kẻ ngu, chứ không phải là sự luận bàn của đạo pháp.

Sa-môn không được tự xưng là mình hiểu kinh, còn kẻ khác thì không thông, phải tự trách mình không phải kẻ hiền, không được cao ngạo, kiêu căng.

Sa-môn giảng pháp, không được nói: "Kinh của tôi thì hay còn kinh của ông thì bị vướng mắc, giới của tôi thực hành thanh tịnh, giới của ông thực hành thì ô uế". Không được nói: "Thầy của tôi thì sáng suốt, thầy của ông thì không sáng suốt". Kinh Phật thống nhất, chỗ quy về không hai. Kẻ có chí khí còn trẻ hãy tự gánh vác, thể hiện, không nên khen chê. Không được cho rằng: "Ta thuộc về dòng họ lớn, còn tộc của ông thì chẳng ra gì". Không được tự nói: "Điều ông giảng nói không bằng ta".

Sa-môn không được tự cho các thứ giường ghế, áo quần, gối, đồ nằm của ta tốt đẹp, còn của người khác thì thô sơ, không được soi gương cạo râu, tưởng nhớ đến những vật mịn, trơn. Không được xem các trưởng giả đấu giá những người nghèo hèn và các loài súc sanh đấu húc. Không được bắt chước lối dùng hai tay đánh nhau, không được chơi cờ "xu bồ", bài bạc, xem kết quả của các trò chơi, biếng nằm chờ ăn. Không được nghĩ đến phương nào, quận nào, từ kia lại đây hết bao nhiêu dặm đường. Không được làm thầy thuốc cho con trai, con gái và cho bò, ngựa. Không được dạy người nói năng lung tung hay không nên nói năng. Không được tập giỡn với binh đao gậy gộc, ném đạn vui chơi. Không được học xem tướng nam nữ, nghèo giàu, sang hèn, có tướng, không tướng và tướng trạng của sáu thứ gia súc. Không được theo đòi việc bói quẻ về sự phong

phú hay nghèo nàn của những năm tai biến, hạn hán.

Sa-môn không được xem coi về lịch số, đoán mặt trời mặt trăng đầy vơi hay bị che lấp, sao xấu biến hiện, núi sập, động đất, mưa gió trong năm, tất cả đều không được học.

Sa-môn quá ngọ không được ăn, y phục, thức ăn uống thô sơ, tâm không oán hận, bình bát thường mang dưới hông trái, dù đến nơi nào cũng không lo đói lạnh, thường mang bình bát bên thân, như chim có cánh, miệng không được ăn phi thời, sáu căn thường đoan chánh, tâm biết hổ thẹn, không sân, không hận vì thân khổ, nguyện giữ giới kinh, mắt không liếc sắc; tai, mũi, lưỡi, thân, tiếp xúc điều tốt hay xấu mà tâm vẫn không động, hãy tiết chế trong việc ăn uống để thân không đói cũng không no, để cơ thể được nghỉ ngơi, giả như có ngủ cũng không lâu, giữ chí thanh cao, luôn gắn bó với nẻo Nê-hoàn giải thoát. Thí như con hiếu, sáng chôn cha mẹ, thương khóc nhớ tưởng, chẳng phút nào quên. Sa-môn của Ta ở đây giữ chí hành đạo, khi ngồi thì thiền tư, lúc đứng dậy thì tụng niệm, thường tỉnh giác, tinh tấn, đừng trái với giới hạnh. Đó là đệ tử của Phật.

Phật bảo A-bạt:

–Những giới như vậy gồm có hai trăm năm mươi thứ, nay chỉ nói sơ lược, Sa-môn phải thu giữ tâm ý, đừng để buông lung, ở chỗ vắng lặng thanh tịnh, bỏ dâm, nộ, si, nhằm thành tựu được trí tuệ, thường dùng tâm từ bi thương xót khắp thiên hạ, xả bỏ trạng thái tham dục, ham ngủ nghỉ, một lòng tin pháp, không còn nghi hoặc mới đạt được A-la-hán. La-hán là người đã chứng quả Ứng chân. Thí như người đời thường sinh sống, nợ nần nghèo khổ, khi được tài lợi trở về với mình tất vui mừng. Lại như tội nhân ở lâu trong ngục, có vị trưởng giả tốt tạo phương tiện để được ra tù. Ví như kẻ thoát khỏi hoàn cảnh nô tỳ được làm dân lương thiện. Lại nữa, bệnh khổ nhiều năm, nhờ uống thuốc của cha mà trị được lành. Lại như người đi buôn, từ nơi con đường hiểm trở mà được hàng hóa quý giá rồi trở về nhà.

Năm thí dụ này người đều hoan hỷ, những Sa-môn của Ta cũng lại như vậy. Tự nghĩ đến sanh tử, năm ấm trói buộc từ lâu, thọ khổ vô lượng, nay được giải thoát.

Sao gọi là năm ấm? Một là sắc, hai là thống (thọ), ba là tưởng, bốn là hành, năm là thức. Năm thứ này che lấp con người, làm cho họ không thấy được đạo.

Sa-môn tự nghĩ, biết về lẽ vô thường, thân này chẳng phải của ta, ý ngu si liền tỏ, tâm không tham đắm vướng mắc. Sắc ấm đã trừ, đó là cái

vui thứ nhất.

Sa-môn nhớ nghĩ, tự thấy trong thân năm tạng nhơ nhớp, ý tham dục liền bỏ, thiện ác không hai, thống (thọ) ấm đã trừ, đó là cái vui thứ hai.

Sa-môn siêng năng suy nghĩ, thấy ân ái là khổ, không tạo các pháp hữu lậu, không có ý tưởng về cánh lạc (xúc). Tưởng ấm đã trừ, đó là cái vui thứ ba.

Sa-môn tư duy về thân, miệng, ý thanh tịnh, cũng không mừng, giận, tâm định tĩnh vắng lặng, không khởi, không tạo tác. Hành ấm đã trừ, đó là cái vui thứ tư.

Sa-môn tự nghĩ rằng được Phật giáo hóa thanh tịnh, đoạn các nhân duyên, si ái diệt sạch. Thức ấm đã trừ, đó là điều vui mừng thứ năm.

Phật bảo A-bạt:

–Sa-môn của Ta vứt bỏ các dục, phụng hành kinh giới, để đoạn sanh tử, như vậy, đời này không còn tư tưởng buồn khóc ái luyến nhau nữa. Ta không tham ái người, người cũng không tham ái Ta, nhưng Ta lấy đạo thương nhớ tất cả, muốn làm cho họ được độ thoát.

Phàm người hành đạo, thân khổ một đời, nhưng người không theo đạo thì thọ khổ nhiều kiếp. Như người tắm rửa chỉ sạch bên ngoài, tâm dơ không trừ được. Bậc đã chứng quả Ứng chân (La-hán) thì các điều ác đều dứt hết.

Người phàm phải dốc tâm theo, tâm của người hành đạo chuyên nhất, như đá ở trong đất, mặt trời thiêu đốt cũng không tiêu, mưa ngập cũng không tan, gió thổi cũng không động, ra khỏi phàm tục, liền thành đạo lớn. Tâm ý đã nguội lạnh, không bị lửa dâm dục thiêu đốt nữa, giống như bông sen ra khỏi bùn lầy ô uế mà gốc nằm trong nước, nước dơ không dính được.

Sa-môn tự nghĩ: “Cha mẹ nuôi con, ân lớn một đời. Đức Phật khai hóa khắp thiên hạ, làm cho con người đắc đạo, tự thấy được gốc ngọn của năm đường sanh tử, biết thọ mạng của con người, ý chí đã chân chánh, hành hóa tự tại, muốn lên trời thì lên, muốn vào biển thì vào. Thí như lấy hương tắm cho người chết, không thể làm cho xác chết thơm lên được. Dạy cho người ác điều thiện, chưa chắc họ làm theo. Tâm con người ác thì miệng thân đều ác. Lời nói của người học thế tục chỉ làm cho nghe xong thì sự buông lung mà thôi, không phải là đạo chân chánh. Người hành đạo nghe như vậy thì quyết không trả lời, biết tâm ý kẻ phàm, nhận thức tư duy đều điên đảo. Kẻ ngu không hiểu đạo, lấy chánh làm tà, không

phân biệt được chân ngụy. Bậc Thánh Nhân thương xót họ nên càng thêm lòng từ bi cứu độ".

Sa-môn giữ ý như người mặc áo mới lúc ngồi, lúc đứng đều cẩn thận, không muốn làm cho dơ bẩn. Cho nên người giữ giới thường chiến đấu với tâm, dù trăm điều ác đến, rốt cuộc đều không nghe theo.

Cha mẹ sanh con, lúc còn thơ ấu dạy dỗ cho theo đạo, khi lớn phạm tội bị chết, không thể oán trách cha mẹ. Thí như ngồi xổm trên giường có cây mà không có dây thì không thể ngồi được. Đệ tử mà không có minh sư cũng không thể đắc đạo được. Như các vị đạo sĩ này ở thời tiền kiếp của Ta thờ nhiều Thánh hiền, thọ lãnh được những điều phi phàm, đều do thầy là bậc Vô vi dạy. Người được quả La-hán, có thể tự mình nêu bày rõ, ở nơi nào được quả Cấu cảng (Tu-đà-hoàn), ở nơi nào được quả Tần lai (Tư-đà-hàm) và Bất hoàn cho đến quả Ứng chân, tất cả đều giải thoát, không còn sanh tử nữa, biết rõ rộng hẹp, như xem bức tranh đẹp, phân biệt được năm màu. Thấy người trong thiên hạ đều có ba độc: kiêu mạn, phóng dật, tham đắm mùi vị, tự biết đã cởi bỏ, không còn tham sanh lên trời, cũng không thích ở trong cõi người, chỉ nhớ tưởng đến chúng sanh, muốn họ được giải thoát. Kẻ phàm phu chưa nghe Chánh pháp cần phải học tập thật kỹ, như cầm dây tơ ngũ sắc xâu chuỗi ngọc lưu ly năm màu đều hiện.

Bậc đạt được mắt đạo xem thấy thần thức của con người từ đâu đến và chết đi về đâu. Biết người nào chết thần thức bị đọa vào địa ngục, ai bị đọa vào súc sanh, ai bị đọa vào ngạ quỷ, ai sinh vào loài người, ai chết sanh lên trời, kẻ thành đạo tự biết. Đoạn trừ năm chỗ sanh này, đã đạt được điều nguyện ước, xem thân này như đất bụi, cứ đem thân mình nghiền nát thành bụi cũng được. Đã rõ chân ngụy như vào nước trong thì cát sỏi hoặc châu báu đều hiện rõ. Dự biết thiên hạ, một người là trăm, trăm người là một. Sở dĩ như vậy là vì một người sanh con truyền đến cháu chắt, hưng thạnh được trăm, hoặc khi một trăm người chết dần dần chuyển thành không, hay lại còn có một.

Sa-môn đắc đạo, thấy một cách đầy đủ về tốt và xấu. Biết người nào chết sẽ sanh nơi đường lành, cũng biết kẻ nào chết sẽ sanh vào đường dữ. Lại thấy phạm vi bốn đại trong thân, biết được tuổi thọ, khổ, vui, dài ngắn của con người. Từ gốc đã không rõ, tâm thức là hành, hành thọ danh sắc, chỉ do nhân duyên ký thác, sanh trong bụng mẹ, lại thương nhớ nhau. Cha mẹ nói: "Con tôi". Con nói: "Cha mẹ tôi", tinh thần xoay chuyển đều không tự biết. Đời trước là kẻ thiện, lại sanh làm người, phú quý sống lâu,

còn kẻ bất thiện thì khổ mà chết yểu. Tất cả đều do nghiệp của bản thân. Trời, đất, người, vật đều nhờ bốn khí (bốn đại): một là đất, hai là nước, ba là lửa, bốn là gió. Trong thân con người, chất cứng là đất, chất ướt là nước, chất ấm nóng là lửa, hơi thở là gió. Sống nhờ vào đó, chết trở về tứ đại. Xét từ gốc ngọn, tất cả đều từ những cái khác sanh ra nhưng kẻ phàm không biết. Trong khoảng đất trời, sự sanh như mộng, mạng sống ngắn ngủi, loay hoay rồi chết. Giống như gió thổi nước biển, các lớp sóng đuổi nhau, sanh tử cũng vậy, qua lại không ngừng.

Sa-môn đắc đạo, biết hết những việc đầu cuối, trước sau, thành bại của đất trời trong một kiếp, thân có trở lại cũng biết sự việc từ vô số kiếp lâu xa. Cũng biết các bậc thần tiên đắc đạo trong thiên hạ thần tiên không ai bằng Phật. Tự biết ý chí vốn có vạn mối, việc nay là một, thường thương chúng sanh bị tham dục, sân giận, si mê kết hợp gây rối loạn trong lòng, hoặc do ân ái nên không biết chỗ cốt yếu ấy. Bậc đắc đạo, đạt thần thông như người xem gương, bay đi không bị ngăn ngại, vách đá đều qua được, có thể đứng trên núi Tu-di, lấy bàn tay sờ mặt trời, mặt trăng, có thể làm cho trong thân phun nước, phun lửa, có thể biến mất ở dưới đất rồi hiện ra ở một chỗ khác. Có thể ngồi hay nằm trên hư không tùy ý, có thể sai khiến Ma vương, Phạm thích, chư Thiên, không gì mà không đảo lộn được. Thí như người thợ làm đồ gốm nung ngói gạch, vật đựng đồ, nước không thể thấm qua được. Kẻ phàm phu thì như ngói chưa nung, người đắc đạo thì như ngói đã nung, có thể làm khô hay ướt, dù nước có thấm qua cũng không bể. Như người thợ vàng muốn làm vật gì tùy ý, người đắc thần túc cũng lại như vậy, tùy ý biến hóa. Người làm đồ gốm đem nung lửa thành đồ dùng. Sa-môn của Ta cũng như vậy, giữ ý thành đạo, giống như da trâu khô cuộn lại cũng có tiếng mà mở ra cũng có tiếng, để ẩm thì thành chất cao, cuốn vào hay mở ra cũng đều mềm mại. Ý đạo cũng thế, tất cả đều mềm mại, không có cứng rắn. Giống như ở trên lầu cao thấy người ở dưới ca múa, tiếng chuông, tiếng trống và tiếng của sáu thứ gia súc. Đạo là như vậy, cũng nghe được âm nhạc cõi trời, cũng nghe được tiếng kêu thống khổ, đói khát của địa ngục, ngạ quỷ, thấy rõ lòng người, kẻ có dục, người không dục, có các sự mừng giận, thương, ghét, ngu, trí, mạnh, yếu, kẻ dễ hóa độ, người khó hóa độ, đường tốt, đường không tốt đều có thể phân biệt biết rõ. Như người thích tắm rửa, cọ xát thân thể, nếu chưa cùng khắp thì lại cọ xát cho đến thỏa thích. Bậc Đạo nhãn quán biết người có thể độ được, liền đem kinh Phật để khai mở truyền trao. Ý đã thiện rồi, lại được làm người, hành vi cao vút, lúc chết được sanh lên trời. Nếu trì giới thanh tịnh liền được bốn đạo quả Sa-môn. Người đã đắc đạo

rồi liền biết việc của một đời, mười đời, trăm đời, vô số đời; cũng biết kiếp thành, kiếp hoại, bắt đầu và kết thúc của trời đất; biết vô số kiếp, thân này từ kia sanh ra; khi sanh, cha mẹ, tên tuổi, dòng họ như thế này. Đời khác tuổi thọ nhiều ít. Biết khi khác từ cõi người sanh lên trời, rồi từ cõi trời sanh xuống làm người; hoặc từ loài người đọa vào địa ngục; từ địa ngục làm súc sanh, ngạ quỷ. Từ ngạ quỷ ra được làm thân người; hoặc từ loài người lại làm quỷ thần, từ quỷ thần sa vào địa ngục, rồi được sanh lên trời, vị ấy đều phân biệt tự tư duy biết rõ. Như người khách xa nhà nhớ nghĩ quê nhà. Dùng tâm thức đầy đủ quán thấy năm đường, tự biết mình đã giải thoát, đạo lực đã được tự tại, muốn sống trăm tuổi, ngàn tuổi, vạn tuổi, cho đến vô số kiếp cũng được. Có thể theo ý muốn không ăn từ mười ngày, trăm ngày, một năm, trăm năm, cho đến vô số năm, muốn ăn thì ăn. Như lên lầu cao nghe nhìn người bên dưới; khi ngồi, khi đứng, tiếng nói từ Đông, Tây, Nam, Bắc, tất cả đều nghe thấy.

Đạo nhân tự biết ý chí đã tịnh, thiện ác đều trừ. Như người ưa làm những điều lỗi lầm, phạm pháp, bị quan lại dùng xác chó chết quấn trên cổ, dắt đi khắp nơi. Người ấy rất xấu hổ, muốn sớm thoát ly. Bậc chứng A-la-hán xấu hổ về thân này cũng như vậy. La-hán có hai loại: Diệt và Hộ. Gọi là Diệt vì tự mình lo đắc đạo, liền đạt được Nê-hoàn (Niết-bàn). Còn gọi là Hộ vì lo che chở con người, độ thoát khắp thiên hạ. Giống như nước trong thì cát, đá, cá, rùa tự hiện trong đó. Đạo ý đã tịnh liền thấy tất cả tâm thức trong thiên hạ, Sa-môn cũng vậy.

–Thầy ông giáo huấn có được như vậy không?

A-bạt thưa:

–Điều này thật khó sánh kịp.

Đức Phật dạy:

–Ta thấy thế gian cũng có đạo sĩ, không biết Phật pháp, ở ẩn nơi ao đầm, ăn toàn rau cỏ, nói: "Không cần thầy tự nhiên sẽ chứng đạo". Kẻ ấy có đắc đạo chăng?

Đáp:

–Không đắc đạo.

Đức Phật dạy:

–Đạo từ tâm mà được, cần có thầy có pháp. Ở trên là một cách tin đạo si vọng thứ nhất. Lại có đạo sĩ hái một trăm thứ cây, cành, lá, hoa, quả làm thành phương thuốc, tự uống thuốc này cho là có thể thành tiên. Thầy trò của ông có tin như vậy chăng?

Thưa:

–Không tin.

–Đó là tin đạo một cách si vọng thứ hai. Hoặc có đạo sĩ từ bỏ cha mẹ, mặc áo da nai, nằm nghỉ trên chiếu cỏ, xõa tóc, không ăn, lạy trời cầu đạo, chỉ tự làm khốn khổ cho mình mà chẳng thành đạo gì cả. Ông có bắt chước như vậy chăng?

Thưa:

–Không bắt chước.

–Đó là tin đạo một cách si vọng thứ ba. Cũng có đạo sĩ ở trong thâm sơn cùng cốc vắng vẻ, cách biệt, đề xướng có đạo, thờ phụng nước lửa, mặt trời, mặt trăng và năm sao, giết vật tế trời, rộng mong cầu phước. Ông có làm như vậy chăng?

Thưa:

–Chẳng làm như vậy.

–Đó là tin đạo một cách si vọng thứ tư.

Đức Phật bảo A-bạt:

–Từ khi đất trời được mở rộng đến nay có hai mươi ba vị đạo sĩ Đại Phạm chí tên là: Kỳ-đồ, Lưu-hao, Tận-đà, Ca-di, A-nhu, Ca-thần, Linh-di, Át-siêu, Viêm-mao, Ba-mật, Lam-hóa, A-luân, Cầu-đàm, Kỳ-tảng, Linh-lệ, Ca-diếp, Bạo-phục, A-bát, Khê-hiệt, Ưu-sát, Ba-lợi, Nghiêu-cảnh, Pha-khư, thành quách đất trời đều do hai mươi ba vị này hợp lại tạo ra. Nay Phí-ca-sa có bằng những vị ấy không?

Đáp:

–Không bằng.

Đức Phật dạy:

–Thầy của ông bao lớn và có thể làm thầy các đế vương và khiến cho họ được đắc đạo không?

Thưa:

–Không có thể.

–Các ông có thể làm thầy thái tử, đại thần, quan trưởng và khiến họ được đắc đạo chăng?

Thưa:

–Không thể.

–Thầy của ông có thể dạy cho các hàng sĩ, công, nông, thương, trưởng lão, trung niên, thiếu niên, nam tử, phụ nữ, và khiến cho họ đều

được đắc đạo chăng?

Thưa:

–Không thể.

–Tổ tiên của thầy ông đã đắc đạo chưa?

Thưa:

–Không nghe thầy con dạy chuyện này.

–Vậy các ông theo những đạo nào?

Thưa:

–Thầy con dạy rằng ai giữ tám giới lúc chết được sanh lên trời Phạm thiên.

–Chẳng lẽ trong các ông, ai trì tám giới này đều có thể sanh lên trời Phạm thiên sao?

Thưa:

–Nghe thầy con nói như vậy.

Đức Phật bảo A-bạt:

–Sa-môn của Ta đắc quả Ứng chân (A-la-hán), biết sự sanh tử trong kiếp sống, phân biệt được mọi người, lúc đó là người nào, từ đâu sanh và làm việc gì. Biết người trong thiên hạ và việc ở trên trời, bay đi từ chỗ này đến chỗ khác, muốn sống thì sống, muốn chết thì chết, có thể làm rung động đất trời, dời núi Tu-di ra vào không gián đoạn, biến hóa tùy ý, cha mẹ đã chết biết đọa nơi đâu, tìm kiếm để chỉ bày, dẫn dắt, làm cho được giải thoát. Con được đắc đạo, cha mẹ đều được độ thoát. Lại nữa, Sa-môn của Ta tu tập tâm ý chuyên chú, chánh chân, gồm hai trăm năm mươi giới, thành tựu đạo Vô vi (Niết-bàn).

Đức Phật bảo A-bạt:

–Ta bỏ nước, bỏ ngôi vua làm Sa-môn lo đoạn sanh tử, nay đã tự chứng được, là Bậc Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu, làm Bậc Thầy của trời và người. Ai trì kinh giới của Ta, không ai mà không đắc đạo. Ta luôn luôn dùng tâm từ giáo hóa thiên hạ bỏ ác làm lành. Điều thiện có thể làm mãi, điều ác không thể lâu dài, điều khổ thì lâu dài, sự vui thì ngắn ngủi. Kẻ hưởng dục lạc trong hiện tại thì vui thích, nhưng về lâu sau phải chịu khổ. Có tội mà chí tâm sám hối, đó là điều tốt nhất.

Bấy giờ A-bạt nhìn kỹ thân Phật, tâm nghĩ tướng Phật có ba mươi hai tướng, đặc biệt có một tướng ta không thấy, tại sao như vậy?

Đức Phật biết ý ấy liền hiện tướng lưỡi ra, trước tiên chạm đến tai bên trái, sau đến tai bên phải, lại đến mé tóc, dùng lưỡi che cả mặt, rồi từ từ thâu lưỡi trở lại.

A-bạt khen:

–Bậc như Đức Phật dù vạn kiếp cũng khó gặp, có tướng lưỡi như vậy sao mà chẳng biết?

Đức Phật dạy:

–Các ông đến đây đã lâu, hãy trở về xin lỗi với thầy của các ông đi.

Năm trăm người đều đến trước lạy dưới chân Phật rồi đi ra.

Phí-ca-sa cưỡi xe đi ra, thấy các đệ tử đi lại, liền đứng chờ họ. Các đệ tử đi đến, xuống xe đảnh lễ. Thầy hỏi:

–Sa-môn Cù-đàm tiếng đồn khắp thiên hạ, vậy có tướng ấy không? Vì sao ở lâu như vậy? Phật đã nói chuyện gì?

A-bạt thưa:

–Những điều đã nói hồi sáng, không sai một chút nào. Sau khi về nhà dùng cơm xong con sẽ từ từ kể lại chuyện ấy.

Thầy nói:

–Đức Phật không thể giữ các ngươi lại để ăn cơm sao?

Thưa:

–Đức Phật ngồi bên gốc cây, hoàn toàn chẳng có gì cả. Ngài biết đã đến giờ ăn cho nên bảo chúng con trở về.

Mọi người trở về dùng cơm xong, A-bạt thuật lại cho thầy nghe đầy đủ những điều Phật đã nói.

Thầy bảo:

–Ông nói Đức Phật dạy, không có thêm bớt, có ý muốn ta tôn thờ Ngài chăng.

A-bạt thưa:

–Con nghe những lời Phật nói vượt hẳn Phạm chí của ta, chỉ sợ dòng dõi chúng ta không thể tôn thờ Ngài thôi!

Vị thầy liền tức giận, giậm chân bảo:

–Ta nhiều đời làm thầy, tại sao lại không bằng?

A-bạt thưa:

–Thầy hãy thử tự mình đến để xem trí năng của Đức Phật.

Thầy nói:

–Vậy thì ta phải tự mình thỉnh Phật để cùng đàm đạo.

Đến chiều tối, ông cho bày biện bàn ghế đủ cho năm trăm vị. Lúc gà gáy, vị thầy tự mình đi đến, xưng tên họ, xin được gặp Phật. Đảnh lễ Phật xong, ông ngồi qua một bên, vòng tay thưa:

–Hôm nay tôi có soạn một ít thức ăn, mong Phật cùng chúng Sa-môn đều dùng oai thần hạ cố.

Đức Phật im lặng nhận lời. Phí-ca-sa vui vẻ từ biệt, trở về bày biện thức ăn. Trời chưa đúng ngọ, ông lại bảo A-bạt tới rước Phật cùng năm trăm vị Sa-môn đến nhà. Sau khi ổn định chỗ ngồi, Đức Phật và các Sa-môn ăn uống, rửa tay xong, Phí-ca-sa hỏi Đức Phật:

–Hôm qua A-bạt trở về nói những điều Phật dạy, chẳng biết hôm nay Phật có thể nói lại cho tôi nghe được không?

Đức Phật bảo:

–Tất cả đều không có thêm bớt.

Đức Phật liền nói lại những điều đã nói hôm qua. Phí-ca-sa nghe lời Phật nói, hoan hỷ, liền tự cúi lạy thưa:

–Ngày hôm qua con đã vô cớ tức giận vì những điều A-bạt nói.

Đức Phật dạy:

–Ông tuy nổi giận về người đệ tử hiền ấy nhưng giống như ngựa hay biết được tâm ý con người.

Đức Phật chú nguyện cho A-bạt:

–Mong ông sống lâu không bệnh.

Bấy giờ vị thầy khen ngợi Đức Phật:

Lửa chiếu soi bóng tối
Vua sông, biển, trăm hang
Thánh nhân dạy dỗ khắp
Như nước có minh quân.
Ma-ni báu số một
Trăng sáng hơn các sao
Như mặt trời chiếu soi
Ba cõi, Phật lớn nhất.

Đức Phật biết tâm Phí-ca-sa đã hiền hòa, chân chánh, không tà vạy nên vì ông nói kệ:

Người làm nhân nghĩa
Bố thí làm phước
Giác ngộ vô thường
Hộ trì kinh, giới.

Thế gian nguy khốn
Vui ít khổ nhiều
Phải lo thân mình
Không nên biếng nhác.
Nhằm đoạn tham dục
Tích tập đáng sợ
Sanh, già, bệnh chết
Đau khổ buồn lo.
Ân ái chia lìa
Tất cả đều khổ
Cho nên Thánh nhân
Cầu đạo giải thoát.

Phí-ca-sa nghe xong, liền đứng dậy đảnh lễ chân Phật, rơi lệ thưa:

–Con nhớ tổ tiên của con đều chẳng có ai biết Phật, mong Phật xót thương. Con có anh em, vợ con, gia đình, nay muốn đem đến đây để họ được thọ lãnh Phật pháp.

Đức Phật bảo:

–Được!

Khi ấy mọi người liền lạy chân Phật, thọ tam quy, cùng với A-bạt... đồng giữ năm giới.

Sau đó Phí-ca-sa mạng chung. Các đệ tử hỏi Phật:

–Thầy của chúng con mất rồi, sanh ở nơi nào?

Đức Phật dạy:

–Thầy của các ông đã đắc quả thứ ba là Bất hoàn, sanh tại tầng trời thứ mười chín của bậc A-na-hàm, sẽ ở đó Bát-nê-hoàn.

A-bạt cùng tất cả năm trăm người muốn làm Sa-môn. Đức Phật dạy:

–Các ông hãy tự mình về nhà, khéo giữ năm giới, giữ ý chí kiên cố rồi mới có thể xuất gia.

Đức Phật nói kinh này xong, tất cả đều rất hoan hỷ, đảnh lễ lui ra.

❑

SỐ 21

PHẬT NÓI KINH PHẠM VÕNG SÁU MƯƠI HAI KIẾN

Hán dịch: Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi, đời Ngô.

Nghe như vầy:

Một thời Phật du hóa tại nước Câu-lưu, cùng đông đủ chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ có vị ngoại đạo tên Tu-tì và đệ tử là Ma-nạp-phạm-đạt, đi theo sau Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng. Ngoại đạo Tu-tì dùng vô số lời lẽ hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng; còn vị đệ tử Ma-nạp-phạm-đạt lại tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng hết lời. Hai thầy trò mãi tranh luận với nhau, mỗi người đều cho rằng lời của người kia nói là sai lầm trong suốt thời gian đi theo sau Phật và chúng Tỳ-kheo Tăng trên đường các Ngài đến chỗ thọ thỉnh.

Lúc ấy, Đức Phật từ nước Câu-lưu đến nước Xá-vệ, dừng chân nghỉ tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà. Khi đó các Tỳ-kheo hội họp tại giảng đường Ca-lê-la, cùng nhau ngồi bàn luận:

–Việc này như thế nào? Ngoại đạo Tu-tì và đệ tử Ma-nạp-phạm-đạt luôn đi theo sau Thế Tôn và chúng ta, trong khi chúng ta đến chỗ thọ thỉnh. Ngoại đạo Tu-tì thì dùng vô số lời lẽ để hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng; còn vị đệ tử Ma-nạp-phạm-đạt thì lại tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng hết lời.

Đức Phật từ xa nghe rõ các Tỳ-kheo đang luận bàn về việc này, liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi xuống và hỏi các Tỳ-kheo:

–Các ông đang nhóm họp tại giảng đường Ca-lê-la để bàn luận những việc gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Vừa rồi chúng con cùng nhau nhóm họp để bàn luận về việc ngoại đạo Tu-tì và đệ tử là Ma-nạp-phạm-đạt đi theo sau Phật và chúng con trên đường đi đến chỗ thọ thỉnh. Ngoại đạo Tu-tì thì dùng vô số lời lẽ để hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng; còn vị đệ tử là Ma-nạp-phạm-đạt thì lại

tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng hết lời.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Này các Tỳ-kheo, khi hội họp thường phải làm hai việc. Những gì là hai? Một là thuyết pháp, hai là tư duy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông chớ có sân hận, sanh tâm ý ác, buồn rầu thì mới tốt. Nếu có người hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông sanh lòng sân hận, sầu muộn thì các ông sẽ bị suy thoái. Này các Tỳ-kheo, nếu có người tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông chẳng nên vui mừng, cũng không buồn lo, cũng chẳng có ý hân hoan; nếu chẳng như vậy, các ông sẽ bị suy thoái.

Nếu có người hủy báng Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông nên nghĩ: "Điều người kia nói không phải là lời nói thành thật. Đức Phật không có những việc như vậy". Này các Tỳ-kheo, nếu có người tán thán Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, các ông nên suy nghĩ: "Thật có việc này". Vì sao như vậy? Vì kẻ biết ít chỉ biết theo lời răn dạy không thể nghe nhiều, nên mới chê trách Phật.

Các Tỳ-kheo hỏi Phật:

–Sao gọi là kẻ biết ít, chỉ biết theo lời răn dạy, không đa văn nên mới chê trách Đức Phật?

Đức Phật dạy:

–Người đó nói rằng Đức Phật không sát sanh, không kết oán, không cầm dao gậy, dạy người làm thiện, thương yêu tất cả mọi người cho đến loài côn trùng nhỏ bé; cũng không lấy tài vật của kẻ khác, chỉ muốn bố thí, tâm niệm bố thí, thấy người bị kẻ khác cướp đoạt thì thương xót; thân tự làm thanh tịnh, không kết tội kẻ khác, tu phạm hạnh thanh tịnh, thích hạnh thanh tịnh, không thích pháp ái dục xấu ác; cũng không nói dối, lời nói chí thành, thích sự thành thật không hư dối. Người thế gian đều tin lời nói của vị ấy, không có ý khác, cũng không vọng niệm, không nói hai lưỡi, rao truyền để hai bên đánh nhau, nếu có tranh tụng thì hòa giải, khiến hai bên được an ổn, không chửi mắng, cũng không nói lời ác, nói ra điều gì cũng khiến cho mọi người hoan hỷ, chỉ nói điều thiện, không nói lời lừa dối, nói lời rất thành thật đúng lúc, nói lời dịu dàng theo chánh pháp, có nghĩa lý; không ngồi giường cao chạm trổ đẹp đẽ, cũng không trang sức hương hoa, không nghe ca hát múa xướng, không uống rượu; cũng không đeo vàng bạc châu báu, luôn khất thực đúng pháp, không ăn sai giờ, không nhận nô tỳ trai gái, không hủy diệt mầm lúa, cũng không nuôi gà, dê, heo, không có

nhà cửa; cũng không mua bán ở chợ búa, không dùng cân, đấu thước, tấc để lừa đảo, xâm đoạt của người; đối với việc dùng dao gậy, đánh đập khủng bố người đều xa lìa.

Thí như ngoại đạo tham đắm việc ăn uống, vì việc đó nên mọi việc làm đều tham đắm; họ cất chứa nhiều lúa thóc để ăn, uống rượu, nuôi súc vật, y phục, thuốc men. Sa-môn Cù-đàm đều không có những việc ấy.

Thí như ngoại đạo thọ nhận đồ ăn của tín thí vì việc ấy nên luôn làm những việc si mê, mặc sức ra vào, bài báng ganh tị, chỉ muốn thân mình được cung kính. Đức Phật thường xa lìa nghiệp si mê này.

Thí như ngoại đạo thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn ở trong làng xóm, tích chứa nhà cửa, lúa thóc, cây cối, hoa quả, vườn rau cải, tự giữ lấy để ăn dùng. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn ngồi nằm giường cao rộng trải tơ, lấy vàng bạc tốt đẹp khảm lên trên, rồi lấy nệm làm bằng các loại lông voi, ngựa, súc sanh, các loài chim trải lên tòa ngồi. Đức Phật đều xa lìa các việc này.

Thí như có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn hỏi nhau: "Vua là thế nào? Giặc là thế nào? Binh đội là thế nào? Đánh nhau là thế nào? Đại thần là thế nào? Quận, nước, huyện, ấp là thế nào? Nữ nhân là thế nào? Dâm dật là thế nào?" Nói toàn chuyện thế gian, nói cả về việc biển khơi... Còn Đức Phật đều xa lìa các việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn hành động hư dối, giả làm như thật, ứng hiện trong ngoài không hợp nhau, tỏ vẻ xuất sắc để cầu tài lợi, thường tham đắm chuyện ăn uống. Đức Phật đều xa lìa kiến chấp si mê.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn tranh cãi với nhau cho rằng: "Ta biết pháp luật, ngươi chẳng biết pháp luật, ngươi có tà kiến làm sao có thể biết pháp được? Ta có chánh kiến còn ngươi thì ngôn ngữ trước sau điên đảo. Ta có chánh kiến, ngươi có tà kiến. Ngươi bị thua, ta được thắng. Ngươi là xấu, ngươi có biên kiến, đến độ không chịu nghe lời nói của ta. Ngươi cần phải học hành. Ngươi có gì để bảo chứng không?" Đức Phật thì xa lìa quả báo của hàng súc sanh ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn thường chơi cờ xu bồ, bài bạc và nói: "Ta được ném thả vào túi, leo lên trụ, chơi cờ vua, đấu nghé, ném chén". Đức Phật đều xa lìa các việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí, mà khi tắm rửa còn dùng tạp hương xoa vào mình, tự làm đẹp, lấy gương tự soi, cầm dù lọng cao,

mang giày da, búi tóc, dùng châu ngọc. Đức Phật đều xa lìa các việc như thế.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn thường làm việc ác, lấy tay đánh chân, dùng đầu mặt xúc chạm nhau, đấu voi, ngựa, trâu, dê, đấu người nam, người nữ và trẻ em, đấu gà, heo, vịt. Đức Phật đều xa lìa những tà kiến, ác kiến ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, biết phân biệt về dao, mâu, cung tên, phân biệt tướng nam, tướng nữ, người lớn, trẻ nhỏ, biết phân biệt tướng voi, ngựa, trâu, dê. Đức Phật đều xa lìa các việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, làm thầy thuốc cho đàn ông, đàn bà, con nít, làm thầy thuốc cho voi, ngựa, trâu, dê. Đức Phật đều xa lìa các việc như vậy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống; làm các việc về quỷ thần, tạo ra các thứ áo quần, làm thầy thuốc chữa mắt, làm thuốc cho phụ nữ mới sanh, làm bùa chú cho người bị nhiễu loạn. Khi người nữ lui tới thì cầm cây cỏ hóa thành đồ ăn ngon cho họ ăn, nói dối là đi tìm vật tốt để hóa ra y phục cho người mặc vào có thể bay được. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống; cho người uống thuốc để nôn mửa. Đức Phật đều xa lìa các việc như thế.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn dùng nghiệp súc sanh để tự mưu sống, bảo người đi tới chỗ này chỗ nọ, dùng chú thuật khiến cho gây lộn, kiện cáo, cùng đánh đập người, vật ngã xuống đất, dùng bùa chú khiến phụ nữ bị hư thai, dùng cây lau chú thuật khiến bám vào tay người. Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn dùng nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống, cầm củi đốt lửa, chú vào hơi độc của vỏ cây á phiện, hạt bồ đào để tạo ra khói, chú vào con chuột để cắn giết người, học chú thuật để biết người lúc nào sống lúc nào chết. Đức Phật đều xa lìa các việc như thế.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống. Một người nói: “Sẽ có mưa lớn”; một người nói: “Sẽ có mưa nhỏ”; một người nói: “Lúa thóc sẽ chín”; một người nói: “Lúa thóc sẽ không chín”; một người nói: “Lúa thóc sẽ tốt”;

một người nói: "Lúa thóc sẽ không tốt"; một người nói: "Sẽ có bệnh dịch lớn"; một người nói: "Không có"; một người nói: "Sẽ có giặc đến phá hoại nước này"; một người nói: "Sẽ có chết chóc lớn"; một người nói: "Sẽ có vua băng hà"; một người nói: "Sẽ có lập vua mới"; một người nói: "Sẽ có động đất lớn"; một người nói: "Không có động đất"; một người nói: "Sẽ có nguyệt thực"; một người nói: "Không có nguyệt thực"; một người nói: "Sẽ có nhật thực"; một người nói: "Không có nhật thực"; một người nói: "Mặt trời từ phía Đông qua phía Tây"; một người nói: "Từ phía Tây qua phía Đông"; một người nói: "Mặt trăng tinh tú từ phía Đông qua phía Tây"; một người nói: "Từ phía Tây qua phía Đông, do đó mà có việc tốt xấu"; một người nói: "Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng từ phía Đông qua phía Tây"; một người nói: "Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh tú xuất hiện"; một người nói: "Do đó cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh tú lặn"; một người nói: "Mây sẽ che mặt trời"; một người nói: "Mặt trời sẽ ra khỏi mây"; một người nói: "Mặt trời sẽ trong sáng, không bị mây che". Đức Phật đều xa lìa những việc ấy.

Có ngoại đạo đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm nghiệp của hàng súc sanh để tự mưu sống. Một người nói: "Vua nước này sẽ qua tàn phá nước kia, vua nước kia sẽ tàn phá lại nước này", một người nói: "Xe, ngựa, sáu thứ súc vật của nước này ít", giải mộng cho người, dùng chú thuật khiến người không nói được, khiến cho người cấm khẩu; vì người mà viết sách nói lên giá trị của họ, vì người mà lấy áo quần để so sánh phẩm giá của họ, phân biệt màu sắc tốt xấu để đánh giá họ. Đức Phật đều xa lìa những việc như vậy.

Đức Phật dạy:

–Sa-môn ngày ăn một bữa, chiều không ăn, ăn đúng giờ, xa lìa việc ăn phi thời, đối với y bát, thực hành hạnh biết vừa đủ, ăn uống vừa no thì thôi, có đi đâu cũng đều mang theo y bát bên mình, thí như con chim bay đi đâu cũng có hai cánh bên thân. Tỳ-kheo cũng như vậy, đối với áo quần, việc ăn uống, bình bát đều vừa đủ thì thôi, dù đi đến đâu cũng mang theo y bát bên mình; Tỳ-kheo cũng như vậy, thọ trì, phụng hành lời răn dạy của bậc Hiền giả, tự quán thân mình, không có tranh cãi, luôn suy nghĩ về đạo, làm việc hợp với sự thật, thấy sắc không khởi tưởng, cũng không xem người cùng đánh nhau, giữ sự tịch tĩnh liên tục, không có si mê loạn động; các pháp ác bất thiện, không vừa lòng, không nên để chúng làm loạn tâm mình, như giữ gìn con mắt. Đó gọi là Tỳ-kheo phụng hành giới phẩm của bậc Hiền giả.

Bậc Hiền giả như vậy, các căn tịch tĩnh, đối với bên trong không nghĩ về sự tranh giành, loạn động, ăn uống chỉ nhằm vừa đủ, không ăn nhiều cũng không ăn ít, thấy thích ứng là được, thường ăn một bữa, không thêm không bớt, nhằm nuôi mạng sống chứ không phải để cho mập béo, chỉ để cho thân được an ổn, không thọ khổ, có khí lực để tu tập hành hóa.

Các Tỳ-kheo ở tương lai nên tôn thờ và hành trì giới của bậc hiền thiện ấy. Bậc hiền thiện ấy nên ăn uống đủ no, phải suy tư về đạo, đầu đêm, cuối đêm phải hành đạo, thực hành đạo niệm vi diệu, không lay động, ban ngày hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành, không nghĩ đến pháp ác; đầu đêm hoặc đi kinh hành, hoặc ngồi; nửa đêm nằm nghiêng hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, ý tưởng nghĩ đến việc thức dậy, luôn mong thấy trời sáng; cuối đêm lại ngồi suy tư về đạo. Lúc kinh hành thì không nghĩ đến pháp ác. Nếu đi vào quận, huyện, làng ấp để khất thực, thì sáng sớm ngủ dậy, đắp y mang bát đi vào những nơi chốn ấy để khất thực, phải luôn gìn giữ các căn, thường nghĩ đến việc khất thực cho xong, dùng cơm xong, rửa tay, rửa chân, cất bát, liền vào chỗ vắng vẻ một mình, ban đêm ngồi thiền, hoặc ở bên gốc cây vắng vẻ, hoặc chỗ đất trống, hoặc giữa núi, trong hang động, hoặc trong nhà cỏ, hay bên ao đầm, ngồi ngay thẳng, không ngó bên này, không liếc bên kia, lìa bỏ sự si mê của thế gian, ý nhớ nghĩ về sự hành hóa, không có ý ác, lấy tâm từ bi thương xót tất cả mọi người kể cả các loại côn trùng nhỏ bé, ý cũng không nghĩ ác, trừ bỏ ái dục, xa lìa sự ham ngủ nghỉ, thường nghĩ đến việc mau đạt được tâm ý hành định, mà không nghĩ đến việc ngủ nghỉ, từ bỏ các tưởng còn do dự, không nói điều ác, cũng không nghĩ tưởng về điều ác, giữ lòng tịch định, xa lìa sự nghi ngờ bên ngoài, xả bỏ các tưởng về việc hành hay chẳng hành các pháp ác, ý cũng chẳng nhớ nghĩ về các tưởng ấy, trừ bỏ năm thứ ngăn che và những ý tưởng về phiền não.

Thí như có người mang tiền đi buôn, mong được như ý, khi trở về quê, lợi tức thường được dư dả, sinh sống đầy đủ, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người từ lâu đã làm tôi tớ cho người ta, nay được thoát khỏi thân nô tỳ, ra vào tự tại, tự nghĩ: "Ta vốn làm nô tỳ, nay được giải thoát để làm dân". Người đó nghĩ như thế, trong lòng vui mừng.

Thí như có người bị nhốt trong lao ngục, được ân xá mà ra khỏi ngục, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Thí như có người bị bệnh nặng, năm này qua năm nọ không lành, bỗng gặp được lương y chữa cho lành bệnh, có khí lực, đi đứng ra vào, ăn

uống tự nhiên. Người đó suy nghĩ: "Lúc xưa bị bệnh quanh năm, nay được lành bệnh, lại có khí lực ăn uống, ra vào", người đó tự nghĩ như thế, trong lòng vui mừng.

Thí như có người đem tài vật quý báu đi qua đường hiểm, tài vật được giữ gìn hoàn toàn an ổn, đến được con đường tốt, người đó tự nghĩ, trong lòng vui mừng.

Tỳ-kheo cũng như vậy, xa lìa năm thứ ngăn che tâm ý. Thí như người mắc nợ đã trả được nợ; người bị cầm tù nay được thả ra; người bệnh lâu ngày được lành; người làm tôi tớ nay được về làm dân, như người qua đường hiểm nay được an lành, trong lòng hoan hỷ.

Đức Phật bảo:

–Kẻ thiếu trí hoặc không đa văn mới hủy báng Phật.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta hiểu thì thâm diệu, điều mà Ta biết thì rốt ráo. Vị đệ tử hiền giả nghe như vậy liền khen ngợi Đức Như Lai.

Đức Phật nói:

–Sao gọi đó là pháp thâm diệu mà Ta hiểu rõ, đệ tử hiền giả nghe pháp ấy liền tán thán Đức Như Lai?

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều học hỏi các sự việc và biết các sự việc ấy, thì đều ở trong mười tám thứ kiến giải này.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp vị lai, thấy việc vị lai, học hỏi việc vị lai, đối với số học thuyết, mỗi mỗi rõ biết từng việc, thì đều ở trong bốn mươi bốn thứ kiến giải.

Đối với ngoại đạo ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều học hỏi các sự việc và biết rõ các sự việc ấy, đều ở trong mười tám thứ kiến giải thì người hành theo "Thường kiến" luôn tự cho "Thế gian là hữu thường", ở trong bốn kiến giải.

Đức Phật dạy:

–Người ngoại đạo ấy vì sao trong bốn kiến giải đều thấy là thường, tự thuyết giảng cho người thế gian về "Hữu thường"? Nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, hành thiền định, liền ở trong loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, có thể nhớ sự việc trong hai mươi kiếp ở quá khứ. Người đó nói: "Ngã và thế gian là hữu thường". Vì sao như vậy? Ta biết lúc thành lúc hoại ở kiếp quá khứ, nhưng không biết lúc thành lúc hoại ở kiếp

vị lai". Người đó liền nghĩ: "Biết việc quá khứ, bỏ việc vị lai". Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, ở trong loại đinh tương tự như Tam-muội chánh thọ, có thể nhớ được sự việc trong bốn mươi kiếp ở vị lai. Người đó nói: "Ngã và thế giới là hữu thường. Vì sao vậy? Vì ta không biết sự việc thành, hoại ở kiếp quá khứ, chỉ biết lúc thành, hoại ở kiếp vị lai". Người đó bèn bỏ việc quá khứ không biết đến, chỉ nghĩ đến việc vị lai. Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba, nếu có ngoại đạo, đoạn trừ ái dục, tinh tấn hành thiền, nhờ loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, nhớ lại sự việc trong tám mươi kiếp ở quá khứ và vị lai. Người đó bèn nói: "Ngã và thế giới là hữu thường. Vì sao vậy? Vì ta biết lúc thành lúc hoại ở kiếp vị lai và quá khứ". Người đó bèn nhớ nghĩ đến trí tuệ của quá khứ và vị lai. Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, nếu có ngoại đạo, tinh tấn tịch tĩnh, nhất tâm đoạn trừ hạnh ác, liền được loại định tương tự như Tam-muội chánh thọ, nhớ đến căn tịch tĩnh, trụ nơi niệm si. Người ấy tự cho: "Thế gian là hữu thường. Vì sao vậy? Vì ta không biết lúc thành lúc bại ở kiếp quá khứ, cũng không biết lúc thành lúc bại ở kiếp vị lai". Đó là kiến giải thứ tư.

Chỗ mà ngoại đạo gọi là "nói thường, thấy thường, tự mình vì người thế gian thuyết giảng hữu thường", đều ở trong bốn kiến giải này không thể vượt lên trên. Như Lai đều biết rõ, biết một cách vi diệu vượt hơn thế nữa, cho nên Như Lai không chấp trước, nhờ không chấp trước nên được giải thoát. Như Lai biết sự thọ nhận (thống dương) do lạc xúc sanh ra đã diệt tận, biết nó từ đâu sanh khởi, Như Lai thấy vậy nên không chấp nhận, ý hiểu rất rõ.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta hiểu hết sức thâm diệu, vô cùng sâu xa sáng tỏ, nếu có vị đệ tử hiền giả nghe được pháp đó liền tán thán Phật.

Có ngoại đạo trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ đến việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, đều thích nói là biết những việc trong quá khứ, tất cả đều ở trong mười tám kiến giải. Vị ngoại đạo ấy vì sao ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ đến việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, đều thích nói là biết những việc trong đó? Nếu có ngoại đạo đều "nói thường, thấy thường", tự thân vì người thế gian thuyết "hữu thường" thì đều ở trong bốn kiến giải. Vì sao vị ngoại đạo ấy gọi là "nói thường, thấy thường", vì người thế gian nói "thường"? Khi kiếp hoại,

chúng sanh nơi hạ giới được sanh lên trời A-vệ-hóa-la thứ mười hai. Lúc kiếp hoại, vị thiên đó phước đức cạn mỏng, mạng chung liền sanh xuống hạ giới. Có vị Phạm thiên sanh trong cõi hư không, bèn đối với vị đó tự xưng là bậc Đại tôn phạm, tự cho "Ta làm ra tất cả mọi sự, ta là thượng tôn, là cha của tất cả, giải nghĩa cho ngàn người, ta là bậc Tôn thượng". Vị Phạm thiên ấy tự nghĩ: "Làm thế nào để có chúng sanh được sanh đến đây?". Vị ấy vừa nghĩ như vậy, những người ở hạ giới khác liền được sanh lên trên cõi trời ấy. Bấy giờ vị Phạm thiên kia nhân điều mới thấy đó, nên nói: "Ta hóa sanh ra các người này". Các người đó cũng tự sanh kiến giải cho rằng: "Vị Phạm thiên đã hóa sanh ra chúng ta. Vì sao vậy? Vì Phạm thiên sanh trước, chúng ta sanh sau, cho nên hóa sanh ra chúng ta là vị Phạm thiên sanh trước ấy". Ngài hết sức đoan chánh đẹp đẽ và thanh khiết, oai thần vòi vọi". Các vị trời thì tùy theo phước đức cạn mỏng mà mạng hết dần dần sanh xuống nhân gian. Các vị ấy tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, hành nhất tâm liền được loại định tương tự như tam-muội, nên nhớ lại chỗ sanh khi xưa. Vị ấy nói: "Vị Phạm thiên sanh ra ở trên trời trước tiên đó thì được thường tại, không di chuyển, cũng không chết. Vị Phạm thiên tối tôn tối thượng luôn tồn tại ấy hóa sanh ra chúng ta. Chúng ta là những người phi thường (vô thường), bị chuyển dời và bị chết". Đó là chủ thuyết thường và vô thường, gọi là kiến chấp thứ nhất.

Hai là nếu có ngoại đạo đối với Phạm thiên nêu bày kiến giải như thế này: "Nếu có các pháp sắc, thống dương (thọ), tưởng, hành, thức, thì các pháp ấy là thường, cũng không chuyển dời, không chết. Còn các đại chủng như địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng và không chủng, những thứ này là vô thường, không bền chắc". Vị Phạm thiên ấy, lộc tướng phước đức cạn mỏng, mạng chung lại sanh xuống nhân gian. Vị đó tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm liền được loại định ý tương tự tam-muội, nhớ lại Phạm thiên lúc trước, bèn nói: "Các pháp như sắc, thọ (thống dương), tư tưởng (tưởng), hành, thức kia là pháp thường còn bền chắc. Còn các đại chủng như địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng và không chủng ở nhân gian này là pháp vô thường, không bền chắc, có diệt vong", thì đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba nếu có ngoại đạo, chủ trương rằng có vị trời tên là Kỷ-đà-ba-đồ, ở trên cõi trời cùng nhau vui chơi, vì vui chơi nên sau đó thường không nhớ lại lúc thân thể bị bệnh nằm liệt giường. Vị đó thân tướng, pháp lộc, phước đức cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian. Vị đó thực hành hạnh tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm nên được loại định tương tự như tam-muội, nhớ lại chỗ sanh đời trước, liền nói: "Sự vui sướng an

lạc của vị trời kia luôn tồn tại, chẳng dời đổi, chẳng diệt vong. Còn sự vui sướng của nhân gian là vô thường không bền chắc, bị tử vong. Vị thiên kia là hữu thường, còn người nhân gian này là vô thường", thì đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, nếu có ngoại đạo chủ trương rằng có vị trời tên là Tán-đề, vị đó ở trên trời cùng với vị trời tên là Đốn Bình, hai bên nhìn nhau sanh ra sân hận nên phải xa lìa tòa ngồi của mình. Vị thiên nhân ấy lộc tướng phước đức cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian, tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm liền được loại định ý tương tự như tam-muội, nhớ lại thuở xưa đã sanh ở thiên thượng, vị đó nói: "Chư Thiên kia cùng nhau vui chơi thỏa thích là thường trụ, bền chắc không có tử vong. Còn ta ở nhân gian thì chẳng thường, không bền chắc, bị tử vong. Chư Thiên kia là thường còn, ta ở nhân gian là vô thường", thì đó là kiến giải thứ tư.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo, tất cả gì họ nói "hữu thường", tất cả những gì họ vì người thế gian nói "hữu thường" đều ở trong bốn kiến giải ấy, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Thế Tôn đều biết rõ, còn hiểu biết vượt hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do Thế Tôn không chấp trước cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Thế Tôn biết thọ do xúc sanh, biết phương tiện để thoát khỏi kiến giải, nhờ không có thọ nên tâm ý khéo được giải thoát. Pháp mà Thế Tôn biết thì thâm diệu, sáng tỏ; Thế Tôn đều biết rõ tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy đều tán thán Đức Thế Tôn.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ lại việc trong thời quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi đều thích nói, hiểu rõ những việc đó, thì đều ở trong mười tám thứ kiến giải, vốn là đối tượng nhận thức của đạo nhân. Những gì mà ngoại đạo nói: "Ta tự nhiên sanh ở đây, không phải từ nơi khác sanh đến", nghĩ: "Không có từ đâu sanh đến", thấy rằng: "Vốn không có thế gian, nay có thế gian", đều ở trong hai loại kiến giải.

Những điều mà ngoại đạo đã biết và nói rằng: "Ta tự nhiên sanh ở đây, không phải từ phương khác sanh đến", nhớ là: "Không có thế gian, nay lại có thế gian" là do chủ trương rằng có một vị trời tên là Vô Tưởng, sanh vào cõi Vô tưởng, không có cảm thọ. Vị trời ấy do nghĩ đến tư tưởng nên lộc, phước đức liền cạn mỏng, mạng chung sanh xuống nhân gian. Người đó tu hành tinh tấn, xa lìa ái dục, nhất tâm định ý, tâm ý liền được loại định như vào tam-muội nhưng không thể nhớ lại thuở xưa từ đâu sanh

đến, nên nói: "Vốn không có thế gian, nay mới có thế gian, thuở xưa ta vốn không có, nay bỗng tự nhiên sanh". Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo ý niệm si mê, người si mê ấy nghĩ: "Vốn không có thế gian, nay bỗng nhiên có thế gian, ta vốn không có, nay tự nhiên sanh ra có. Vì sao như vậy? Vì ta vốn không có, nay tự nhiên sanh ra có. Đó là vì vốn không có thế gian". Đó là kiến giải thứ hai.

Các ngoại đạo kia chủ trương: "Ta vốn không từ đâu sanh", nghĩ là "không từ đâu sanh". Kiến giải này gọi là "Bổn pháp thế gian, nay bỗng có thế gian", đều ở trong hai kiến giải trên. Đó là hai loại kiến giải không có loại kiến giải thứ ba. Ta biết rõ và còn vượt lên trên bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do Ta không chấp trước, cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết cảm thọ do xúc sanh ra, và còn biết phương tiện từ đâu phát sanh kiến giải ấy, nên ý hiểu rất rõ.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, Ta biết tất cả pháp ấy. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết như vậy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ nghĩ hành động lúc quá khứ, đối với một số chủ trương đều thích nói là đã hiểu rõ việc quá khứ, thì đều ở trong mười tám loại kiến giải này.

Có ngoại đạo, một người nói: "Những điều tôi thấy là có giới hạn", một người cho rằng: "Những điều tôi thấy là không có giới hạn", một người nêu: "Những điều tôi thấy là có giới hạn, mà cũng không có giới hạn", một người cho là: "Những điều tôi thấy là không có giới hạn, cũng không phải không có giới hạn", tất cả đều ở trong bốn kiến giải này. Nhận thức của chúng ngoại đạo ấy như thế nào?

Nếu có ngoại đạo thực hành như vầy: Tự giảng nói về "hữu hạn" cho người thế gian, cho rằng chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra đều là lời nói hư vọng si cuồng. Vị ấy tự giảng nói không hạn lượng cho người thế gian, nói rằng: "Nếu có ai nói rằng ngã và thế gian là hữu hạn, vô hạn. Ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn, thì đó cũng chỉ là lời nói hư vọng. Lời phát biểu như vậy là lời nói điên cuồng. Vì sao? Vì ta thấy thế gian là 'hữu hạn'". Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, nếu có ngoại đạo chủ trương: "Điều ta làm và thấy là vô hạn", nghĩa là "Ngã và thế gian là vô hạn". Ngoại đạo ấy làm như vầy, thấy như vầy tức là "Ngã và thế gian là vô hạn". Người ấy nói rằng: "Ngã và thế gian là vô hạn. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê. Nếu có người nói ngược lại rằng: Ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô

hạn; ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn. Ai nói lời nói đó là nói cuồng si. Vì sao như vậy? Vì ngã và thế gian là vô hạn". Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba, có ngoại đạo chủ trương: Thấy như vầy hành như vầy, tức cho rằng: "Ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn". Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra đều là lời vọng ngữ, si cuồng. Kẻ nào nói ngược lại: Ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn; ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn, ai nói như vậy là nói lời si cuồng. Vì sao như vậy? Vì ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn". Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, có ngoại đạo chủ trương: "Ta nhớ như vầy, làm theo kiến giải như vầy, nghĩa là ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra đều là lời hư vọng si cuồng. Ai nói ngược lại rằng: Ngã và thế gian là hữu hạn, ngã và thế gian là vô hạn, ngã và thế gian vừa hữu hạn, vừa vô hạn", nói như vậy là nói lời si cuồng. Vì sao? Vì ngã và thế gian cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn". Đó là kiến giải thứ tư.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo, có người nói: "Ngã và thế gian hữu hạn", có người bảo "vô hạn", có người cho rằng "vừa hữu hạn vừa vô hạn", lại có người nói: "Không hữu hạn, cũng không vô hạn", đều ở trong bốn kiến giải này, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Ta biết tất cả những điều đó, lại còn vượt lên trên bằng sự hiểu biết một cách tuyệt diệu hơn nữa. Do Ta không chấp trước, không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết cảm thọ là do xúc sanh ra, biết phương tiện để thoát ra khỏi nó, không chấp vào các thọ, nên Ta được hoàn toàn giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Đức Phật.

Nếu có ngoại đạo ở tròn kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, nhớ nghĩ đến chỗ đã sanh thuở trước, đối với vô số học thuyết đều ưa thích thuyết giải những việc ấy, thì các học thuyết ấy đều ở trong mười tám loại kiến giải. Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh luận mỗi người mỗi cách. Nếu có người hỏi sự việc liền đấu tranh với nhau, lời nói, ngôn giáo khác nhau: "Ta sẽ dạy đạo như vậy, người kia nên dạy như vậy, người khác phải dạy như vậy, ngươi nên như vậy, không nên như vậy", đều ở trong bốn kiến giải ấy.

Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh luận, chủ thuyết mỗi người khác nhau ra sao? Có các ngoại đạo thấy như vầy, hành như vầy, nói rằng: "Ta không biết cũng không thấy có đời sau hay không có đời sau, ta không biết cũng không thấy là tất cả không có đời sau. Ta vốn không thấy không biết, không nhớ việc này, lời của ta nói không phải như lời người khác đã nói". Người ấy tự khẳng định: "Sự thấy của ta là chân thật, ngoài ra đều là si mê".

Đức Phật dạy:

–Người chấp thủ tà kiến si mê ấy, khi thân chết đọa vào cõi ác Nê-lê. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn biết được nhiều việc, trí tuệ thông tỏ, nhận xét đúng đắn về ý nghĩa, lời nói không khác, danh tiếng đồn xa, trừ bỏ kiến chấp của kẻ khác, có ai đến chỗ vị ấy để hỏi, vị ấy không thể trả lời được. Vị ngoại đạo ấy chết bị đọa vào nẻo ác. Đó là kiến giải thứ nhất.

Thứ hai, có ngoại đạo chủ trương thế nào? Vị ngoại đạo ấy thấy như vầy, nói như vầy: "Tôi không biết có tai ương hay phước đức của việc thiện ác? Cũng không biết là không có tai ương hay phước đức của việc thiện, ác. Tôi không biết cũng không thấy. Nếu nói như vầy: có tai ương hay phước đức của thiện ác, thì tôi chấp nhận; nếu không có tai ương, phước đức của việc thiện, ác, thì tôi không chấp nhận; nếu tôi không chấp nhận nó sẽ cảm thọ trở lại". Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn hiểu biết nhiều việc, giải thuyết một cách trí tuệ, nghĩa lý chắc thật, lời lẽ không thay đổi, tiếng tăm đồn xa, hủy bỏ kiến chấp của kẻ khác, có ai đến chỗ vị ấy hỏi, thì vị ấy không thể trả lời, giải thích. Vị ngoại đạo ấy nghi ngờ sợ sệt có người đến hỏi. Nếu có người đến hỏi liền cùng nhau tranh luận rằng: "Dạy người này phải như thế này, dạy người khác phải như thế khác, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, không nên như vậy". Đó là kiến giải thứ hai.

Thứ ba, có ngoại đạo chủ trương thế nào? Chúng ngoại đạo ấy thấy như vậy, nói như vầy: "Nếu không có ngã thì sao gọi là thiện, sao gọi là ác, nên làm những gì và không nên làm những gì, đâu là nẻo thiện, đâu là nẻo ác, đâu là sự thật đời này, đâu là sự thật đời sau, thường làm những gì thì bị khổ, thường nên làm những gì thì được vui?" Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn có nhiều hiểu biết, nghĩa lý xác thực, lời lẽ không thay đổi, tiếng tăm đồn xa, hủy bỏ kiến giải của kẻ khác, có ai đến hỏi: "Thiện ác ở chỗ nào? Những gì nên làm và những gì không nên làm? Đâu là con đường của thiện ác? Sự thật của đời này và đời sau ở chỗ nào? Thường phải làm những gì đưa đến khổ vui?", đến hỏi như vậy nhưng vị ấy giải

thích, sợ rơi vào nẻo ác. Nếu có người đến hỏi việc như vậy, liền cùng nhau tranh cãi, lời nói khác nhau: "Dạy người này nên làm như vầy, dạy người khác nên làm như kia, dạy người này nên như vậy, cũng nên như vậy, không nên như vậy". Đó là kiến giải thứ ba.

Thứ tư, có ngoại đạo chủ trương thế nào? Ý nghĩ của chúng ngoại đạo ấy si mê, nếu có người đến hỏi việc, liền cùng nhau tranh cãi, lời nói khác nhau: "Dạy người này nên như vầy, dạy người khác nên như kia, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, cũng không nên như vậy, không như vậy, cũng nên như vậy, cũng không như vậy". Đó là kiến giải thứ tư.

Đó là ý nghĩa mà các ngoại đạo cùng nhau tranh luận, với các lời lẽ khác nhau. Khi có người đến hỏi, họ tranh luận với nhau: "Dạy người này nên làm như vầy, dạy người khác nên làm như kia, nên như vậy, không nên như vậy, cũng nên như vậy, cũng không nên như vậy", đều ở trong bốn kiến giải ấy, không thể vượt hơn bốn kiến giải ấy. Phật đều biết rõ, và còn biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do Ta không chấp trước cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết cảm thọ do xúc sanh, biết theo phương tiện để thoát ra khỏi thọ hiện tại, tâm ý được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, vô cùng chói sáng, Ta đều biết rõ. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp quá khứ, biết việc quá khứ, nhớ việc trong lúc quá khứ, đối với vô số học thuyết, ưa giải thích những việc ấy, đều ở trong mười tám kiến giải này, không thể vượt qua mười tám kiến giải ấy được. Thế Tôn đã biết như vậy, còn vượt lên bằng sự hiểu biết tuyệt diệu. Do đó Thế Tôn không chấp trước, cũng không hủy báng, hiện tại không còn chấp thọ nên được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết được rất thâm diệu, sáng tỏ vô cùng, Ta biết rõ tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp tương lai, nhớ nghĩ việc tương lai, hành theo vô số học thuyết, ưa thích giảng nói những việc ấy, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải. Các ngoại đạo ấy đã biết những gì mà ở trong kiếp tương lai, biết việc tương lai, hành theo vô số học thuyết, ưa giải thích những việc ấy. Nếu có ngoại đạo hành theo tưởng, nhận thức theo tưởng, tự thân nói về tưởng cho người thế gian, đều ở trong mười sáu kiến

giải. Ngoại đạo ấy đã biết những gì mà hành theo tưởng, nhận thức theo tưởng, nói về tưởng cho người thế gian, đều ở trong mười sáu kiến giải?

Ngoại đạo ấy đã thấy như vầy, làm như vầy: "Bản ngã có sắc thì đời sau có tưởng".[1] Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê. Đó là kiến giải thứ nhất.

Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không có sắc, không có đời sau. Chỉ có lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ hai.

Nếu có ngoại đạo, hành theo tưởng nhận thức theo tưởng, tự thân nói về tưởng cho người thế gian: "Bản ngã vừa có sắc, vừa không sắc. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ ba.

Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không có sắc, cũng không phải không có sắc. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tư.

Thứ năm, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là hữu hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ năm.

Thứ sáu, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ sáu.

Thứ bảy, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã vừa hữu hạn, vừa vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ bảy.

Thứ tám, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không hữu hạn, cũng không vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tám.

Thứ chín, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là nhất tưởng.[2] Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ chín.

Thứ mười, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là ít tư tưởng.[3] Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười.

Thứ mười một, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là nhiều loại tư tưởng.[4] Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải

---

[1] Hán: hữu ngã sắc vi hữu hậu thế tưởng 有我色爲有後世想。Tham chiếu: Trư?ng A-hàm, số 21, kinh Phạm Động, tr.458, chú thích 72.

[2] Hán: nhất tưởng vi hữu ngã 一想爲有我。Tham chiếu: Sđd, tr.459, chú thích 76.

[3] Hán: thiểu tư tưởng vi hữu ngã 少思想爲有。Tham chiếu: Sđd, tr.460, chú thích 78.

[4] Hán: chủng chủng tư tưởng vi hữu ngã 種種思想爲有我。Tham chiếu: Sđd, tr.459, chú thích 77.

thứ mười một.

Thứ mười hai, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là vô số tư tưởng. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười hai.

Thứ mười ba, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là nhất lạc (hoàn toàn vui). Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười ba.

Thứ mười bốn, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là khổ. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười bốn.

Thứ mười lăm, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là vừa khổ vừa vui. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười lăm.

Thứ mười sáu, nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không khổ cũng không vui. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ mười sáu.

Đức Phật dạy:

–Vị ngoại đạo ấy hành theo tưởng, nhận thức theo tưởng, tự thân vì thế gian nói về tưởng, đều ở trong mười sáu kiến giải này, không thể vượt hơn được. Đức Thế Tôn đều biết những việc ấy. Thế Tôn còn hiểu biết hơn thế nữa, sự hiểu biết của Thế Tôn là tuyệt diệu, cho nên Thế Tôn không chấp trước cũng không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Thế Tôn biết các cảm thọ do xúc sanh ra, biết phương tiện để thoát ra khỏi nó; Thế Tôn trong hiện tại không chấp các thọ nên tâm ý được giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, hết sức sáng tỏ, Ta biết tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết như vậy liền tán thán Phật.

Nếu có ngoại đạo, ở trong kiếp tương lai, thấy việc tương lai, nhớ nghĩ về các việc đã làm trong quá khứ, đối với vô số học thuyết, ưa thích giải thuyết những việc làm ấy thì đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải. Những ngoại đạo ấy đã nói những gì?

Nếu có ngoại đạo hành vô thường, nhận thức vô thường, tự thân tuyên thuyết về vô thường cho người thế gian, thì đều ở trong tám kiến giải.

1. Ngoại đạo ấy đã thực hành những gì mà chủ trương "hành vô tưởng, nhận thức vô tưởng", rồi tự thân tuyên thuyết về vô tưởng cho

người thế gian? Ngoại đạo ấy thấy như vầy, hành như vầy: "Bản ngã không có tưởng là hữu sắc, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ nhất.

2. Nếu có ngoại đạo đã biết những gì thuộc về luận thuyết: "hành vô tưởng, nhận thức vô tưởng", rồi tự thân tuyên thuyết về vô tưởng cho người thế gian thì đó là chủ thuyết "Bản ngã không có tưởng là vô sắc, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đấy là kiến giải thứ hai.

3. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không có tưởng vừa là hữu sắc, vừa là vô sắc, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ ba.

4. Nếu có ngoại đạo nói: "Ngã và thế gian là không có sắc cũng không phải không có sắc, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tư.

5. Nếu có ngoại đạo nói: "Ngã và thế gian là hữu hạn, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ năm.

6. Nếu có ngoại đạo nói: "Ngã và thế gian là vô hạn, chết rồi không có đời sau. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ sáu.

7. Nếu có ngoại đạo nói: "Vừa hữu hạn, vừa vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ bảy.

8. Nếu có ngoại đạo nói: "Cũng không hữu hạn, cũng không vô hạn. Chỉ lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tám.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo ở kiếp tương lai, thấy việc tương lai, sự hiểu biết và lời nói khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn loại kiến giải. Ngoại đạo ấy đã biết những gì mà nói "nhận thức vô tưởng, hành vô tưởng, cũng không nhận thức vô tưởng?" Quan điểm của vị ấy là "Ngã và thế gian là không có tưởng", đều ở trong tám kiến giải này:

1. Kiến giải thứ nhất là nếu có ngoại đạo thấy như vầy, hành như vầy: "Bản ngã là có sắc, không có tưởng, cũng không phải không có tưởng, chết rồi có đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ nhất.

2. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã vừa là hữu sắc, vừa là vô sắc, không có tưởng, cũng không phải không có tưởng, chết rồi có đời sau.

Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ hai.

3. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã vừa là hữu sắc, vừa là vô sắc, không có tưởng, cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta ta chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ ba.

4. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không có sắc, cũng không phải không có sắc, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tư.

5. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là hữu hạn, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ năm.

6. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã là vô hạn, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ sáu.

7. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã vừa hữu hạn vừa vô hạn, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ bảy.

8. Nếu có ngoại đạo nói: "Bản ngã không hữu hạn cũng không vô hạn, không có tưởng cũng không phải không có tưởng ở đời sau. Lời nói của ta là chân thật, ngoài ra là si mê". Đó là kiến giải thứ tám.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo nói: "Không phải có tưởng, cũng không phải không có tưởng hành; không phải có tưởng, cũng không phải không có tưởng kiến; không phải có tưởng hành, cũng không phải có tưởng kiến", đều ở trong tám kiến giải ấy, không thể vượt hơn tám kiến giải ấy. Thế Tôn đều biết những điều ấy, Ta còn biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, cho nên Ta không chấp trước cũng không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết các cảm thọ nhận do xúc sanh ra, và biết phương tiện thoát ra khỏi nó. Hiện tại Ta không có chấp trước nên tâm ý hoàn toàn giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, vô cùng sáng tỏ, Ta biết tất cả. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán Phật.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo ở kiếp tương lai, thấy việc tương lai, đối với vô số học thuyết có sự hiểu biết và lời nói khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải này. Ngoại đạo ấy biết những gì mà nói như vậy? Nếu có

ngoại đạo nói: "Không có hành, không có nhận thức, không có người nghĩ biết về 'không'", đều ở trong bảy kiến giải. Ngoại đạo ấy nói: "Không có hành, không có nhận thức, không có người nghĩ biết về 'không'", họ biết như thế nào mà nói như vậy?

1. Nếu có ngoại đạo thấy như vầy: "Các sắc tứ đại của ta, do cha mẹ sanh ra, do ăn uống nên trưởng thành, tắm rửa mặc y phục, nhưng nó là vật vô thường, thân chết trở về đất, xương cốt các thứ nơi thân rơi rớt mỗi thứ một nơi, gió thổi vào thân, tan nát hư hoại, đến đời sau không còn sống chết nữa, như vậy liền tiêu diệt hết". Đó là kiến giải thứ nhất.

2. Lại có ngoại đạo nói: "Chết rồi không phải như vậy, tuy tan hoại nhưng còn có cái ngã vượt hơn thế nữa. Đâu là chỗ ngã này vượt lên trên? Cái ngã ấy là ở cõi Sắc và cõi Dục hành. Bản ngã ấy nếu chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử nữa". Đó là kiến giải thứ hai.

3. Nếu có ngoại đạo nói: "Ngã là cái mà chết rồi không có hủy hoại như vậy, có cái ngã khác còn vượt hơn nó, cái ngã ấy là sắc vô ý, còn ngã kia nếu chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa". Đó là kiến giải thứ ba.

4. Lại có ngoại đạo nói: "Ngã chẳng phải chết hủy hoại như vậy, có cái ngã còn vượt hơn nó nữa. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua các cõi trời Sắc tưởng, vượt qua cõi trời Tưởng giận dữ, nhớ vô số các loại hư không tri hành. Ngã ấy nếu chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử nữa". Đó là kiến giải thứ tư.

5. Lại có ngoại đạo nói: "Ngã này không phải chết rồi hủy hoại như vậy, còn có cái ngã vượt lên trên nó. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua cõi trời Nhất thiết hư không tri, cõi trời Vô ương số danh thức tri, cõi trời Sở niệm hành kỳ, nếu chúng không hủy hoại, đời sau không còn sanh tử nữa". Đó là kiến giải thứ năm.

6. Lại có ngoại đạo nói: "Ngã ấy không phải chết rồi hủy hoại như thế, có cái ngã còn vượt lên trên nó nữa. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua cõi trời Nhất thiết thức tri, không còn chấp trước danh, vượt qua cõi trời Vô thức tri niệm hành kỳ. Ngã ấy chết rồi thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa". Đó là kiến giải thứ sáu.

7. Lại có ngoại đạo nói: "Ngã ấy chẳng phải chết rồi hủy hoại như thế, có cái ngã còn vượt lên trên nó nữa. Sao gọi cái ngã ấy như vậy? Vì ngã ấy vượt qua cõi trời Nhất thiết vô thức tri, vị thiên nhân ấy là thuộc cõi trời Vô tưởng hữu tưởng niệm hành. Ngã này khi chết thì hủy hoại, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa". Đó là kiến giải thứ bảy.

Đức Phật dạy:

–Quan điểm về đoạn diệt trong tu tập của ngoại đạo có thể tuyên bố là "Không có hành, không có tưởng, không có người niệm 'không'", đều ở trong bảy kiến giải ấy, thuộc về bảy kiến giải ấy, không thể vượt hơn được. Thế Tôn đều biết những sự kiện ấy, còn vượt lên nó bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, cho nên Ta không chấp trước, cũng không hủy báng mà được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết các cảm thọ do xúc sanh ra, và biết cách thoát ra khỏi nó. Hiện tại Ta không còn chấp trước nên ý được giải thoát hoàn toàn. Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, vô cùng sáng tỏ, biết một cách trọn vẹn. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe biết pháp ấy liền tán thán công đức của Phật.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo ở kiếp tương lai, thấy việc tương lai, đối với vô số học thuyết, có chủ trương khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn kiến giải này. Lại có ngoại đạo tự chủ trương: "Niệm hành trong hiện tại là Vô vi (Niết-bàn), kiến trong hiện tại là Vô vi (Niết-bàn)", đều ở trong năm kiến giải này.

1. Có ngoại đạo thấy như vầy, nói và hành cũng như vầy: "Ở trong cung điện, tự hoan lạc, dùng năm thứ dục lạc để tự vui thích. Người đó nói: "Ngã hiện tại đạt được Vô vi (Niết-bàn)". Đó là kiến giải thứ nhất.

2. Lại có ngoại đạo nói không giống như những người khác rằng: "Bản ngã hiện tại được Niết-bàn, nhưng còn phải đạt hiện tại Niết-bàn. Sao gọi là hiện tại Niết-bàn? Nếu Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, ý niệm hành thiện an lạc, được đệ Nhất thiền; vị ấy diệt tận ngã, đời sau không còn sanh tử trở lại nữa. Ngã ấy đạt Niết-bàn trong hiện tại". Đó là kiến giải thứ hai.

3. Lại có Sa-môn, Đạo nhân không như những người khác đã nói chủ trương: "Không cần ngã hiện tại ấy được Niết-bàn, còn có hiện tại Niết-bàn cao hơn nữa. Hiện tại Niết-bàn ấy như thế nào? Đó là Tỳ-kheo diệt ý, bên trong được định tịch tĩnh, giữ ý chí chuyên nhất, không nghĩ cũng không hành, tam-muội sanh hỷ lạc, liền được đệ Nhị thiền. Người đó hoàn toàn vắng lặng đạt Niết-bàn trong hiện tại". Đó là kiến giải thứ ba.

4. Lại có Sa-môn, Đạo nhân không như những người khác đã nói chủ trương: "Không cần ngã hiện tại ấy được Niết-bàn, còn có hiện tại Niết-bàn vượt hơn nữa. Hiện tại Niết-bàn ấy là thế nào? Đó là Tỳ-kheo an vui, xa lìa dâm dật, ưa thích hành quán, thân hành được tịch tĩnh, an

lạc. Nếu chỗ hành quán của vị hiền giả luôn được an ổn, liền được đệ Tam thiền". Đó là kiến giải thứ tư.

5. Lại có Sa-môn, Đạo nhân không như những người khác đã nói chủ trương: "Không cần ngã hiện tại ấy được Niết-bàn, còn có hiện tại Niết-bàn vượt hơn thế nữa. Hiện tại Niết-bàn ấy như thế nào? Đó là có vị Tỳ-kheo đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, không có niệm duyên với điều khả ý hay bất khả ý, tâm không khổ, cũng không vui, luôn giữ gìn tâm thanh tịnh, liền được đệ Tứ thiền. Vị ấy trong hiện tại được giải thoát hoàn toàn, do đó đời sau không còn sanh tử trở lại nữa". Đó là kiến giải thứ năm.

Đức Phật dạy:

–Những gì các Sa-môn, Đạo nhân có thể tuyên thuyết, nhận thức và suy tư về hiện tại Niết-bàn đều ở trong năm kiến giải ấy, không thể vượt hơn năm kiến giải ấy. Thế Tôn biết tất cả các kiến giải ấy, Ta còn hiểu biết hơn thế nữa bằng sự hiểu biết tuyệt diệu, do đó Ta không chấp trước, cũng không hủy báng nên được Vô vi (Niết-bàn). Ta biết các cảm thọ do xúc sanh ra, và biết phương tiện để thoát khỏi nó. Hiện tại Ta không còn chấp trước nên tâm ý được hoàn toàn giải thoát. Pháp mà Ta biết thì thâm diệu, vô cùng sáng tỏ; Ta biết một cách trọn vẹn. Nếu có vị đệ tử hiền giả nghe, biết pháp ấy liền tán thán công đức của Phật.

Đức Phật dạy:

–Vị ngoại đạo ấy suy niệm về thường tồn, có quan điểm thường tồn và giảng nói cho người nghe rằng: "Ngã và thế gian là thường tại", thuộc về bốn loại kiến giải ấy. Do không biết chỉ bày nên không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Vị ấy không đạt được sự hiểu biết đó.

Đức Phật dạy:

–Ngoại đạo ấy nói về hạnh bậc thượng và bậc trung, mỗi pháp hiện hữu là do chính nó, rồi tự thân giảng thuyết cho mọi người rằng thế gian là thường tại, thuộc về hai loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên vị ấy không được đạo hạnh tinh tấn chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Vị ấy không đạt được sự hiểu biết đó.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo luôn suy niệm về thường tồn, có quan điểm thường tồn rồi nói với mọi người: "Ngã và thế gian là hữu thường", thuộc về bốn loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên vị ấy không đắc

đạo, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Vị ấy không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia, có người nói: "Ngã và thế gian là hữu hạn", có người bảo "Vô hạn", có người cho: "Vừa hữu hạn vừa vô hạn, có người nói: "Không hữu hạn, cũng không vô hạn" đều ở trong bốn loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Vị ấy không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo ấy cùng nhau tranh luận chủ thuyết không giống nhau, đều ở trong bốn loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên không tinh tấn tu tập đạo hạnh, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia có luận thuyết về tưởng, thực hành theo tưởng, rồi nói với mọi người: "Ngã và thế gian là có tưởng", đều ở trong mười sáu loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia có niệm vô tưởng, có kiến (quan điểm, nhận thức) vô tưởng, rồi nói với mọi người "Ngã và thế gian là không có tưởng", ở trong tám loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là do sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo ấy không có niệm về tưởng, cũng không phải không có tưởng, nói với mọi người "Ngã và thế gian là không có tưởng", ở trong tám loại kiến giải ấy. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không

thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia chủ trương "hoại diệt", thường nói cho mọi người: "Ngã và thế gian là hoại diệt", ở trong bảy loại kiến giải. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được sự hiểu biết ấy.

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo kia chủ trương "Hiện tại là Vô vi (Niết-bàn)", nhưng thấy hiện tại là vô thường, vì người giảng nói về "hiện tại Niết-bàn", ở trong năm loại kiến giải. Do không biết, không thấy nên họ không được đạo hạnh tinh tấn, chính là sự hiểu biết về nhân duyên tập khởi, nhân duyên không tập khởi, do cái này nhân duyên thành, do cái kia nhân duyên không thành. Họ không đạt được chỗ này.

Đức Phật dạy:

–Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết, mỗi mỗi chủ trương khác nhau, đều ở trong mười tám loại kiến giải ấy. Các ngoại đạo kia ở trong kiếp tương lai, thấy việc tương lai, đối với vô số học thuyết, chủ trương khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn loại kiến giải ấy.

Hiệp lại tất cả đều ở trong sáu mươi hai loại kiến giải ấy, qua lại trong sáu mươi hai loại kiến giải ấy, nằm gọn trong đó, chết nghẹt trong cái lưới kiến giải mà không thể thoát ra ngoài.

Đức Phật dạy:

–Thí như người đánh cá lành nghề hay học trò của ông ta, dùng cái lưới có lỗ nhỏ, bao phủ trên cái ao nhỏ, khi thả lưới xong, người đánh cá hoặc đứng phía trước ao, hoặc ngồi, suy nghĩ rằng: "Các con cá bơi lội trong cái ao nhỏ đều bị mắc trong lưới, vùng vẫy trong lưới không thể thoát ra được".

Đức Phật dạy:

–Các ngoại đạo cũng như vậy, ở trong kiếp quá khứ, thấy việc quá khứ, đối với vô số học thuyết có chủ trương khác nhau, đều ở trong mười tám loại kiến giải ấy. Nếu có ngoại đạo ở trong kiếp tương lai, thấy việc tương lai, suy niệm, tuyên thuyết về việc tương lai, đối với vô số học thuyết có chủ trương khác nhau, đều ở trong bốn mươi bốn loại kiến giải

ấy. Tất cả họ đều qua lại trong sáu mươi hai loại kiến giải ấy, sống chết, an trụ trong đó, cùng nhau gặp gỡ hợp thành trong cái lưới ấy mà không thoát ra được.

Đức Phật dạy:

–Này Tỳ-kheo, thân của Phật đã đoạn trừ hết các chấp trước. Ta thường dùng thân này để chư Thiên và loài người có thể thấy được. Sau khi Ta nhập Bát-niết-bàn thì không thể thấy nữa.

Khi Đức Phật nói kinh này, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Bấy giờ Tỳ-kheo Na-da-hòa-lưu ở trước Đức Phật, dùng quạt quạt cho Phật. Hiền giả Na-da-hòa-lưu quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

–Thật chưa từng thấy! Bậc Thiên Trung Thiên đã nói kinh thâm diệu và hết sức sáng tỏ này. Bạch Thế Tôn, kinh này tên là gì? Và làm sao để thọ trì?

Đức Phật dạy Na-da-hòa-lưu:

–Phật Câu-lâu-tần, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, khi nói kinh này đã đặt tên là Pháp Võng. Phật Ca-diếp, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khi thuyết kinh này đã gọi tên là Kiến Võng. Nay Ta cũng nói kinh này gọi tên là Phạm Võng.

Đức Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo đều hoan hỷ, đến trước Đức Phật đảnh lễ rồi lui ra.

❑

SỐ 22

KINH TỊCH CHÍ QUẢ

Hán dịch: Đời Đông Tấn,
Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại vườn xoài Kỳ-vực thuộc thành Vương xá, cùng đông đủ chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lúc bấy giờ, vua A-xà-thế vào ngày rằm tháng bảy, ngày thọ tuế, cùng đông đủ bá quan, quần thần, quyến thuộc vây quanh, vua im lặng, an nhiên quan sát, bảo quần thần:

–Các khanh nên biết, ta luôn tu tập như vậy mà sầu muộn vẫn không thay đổi, tuy đến tuổi này mà trong lòng cứ buồn thảm mãi. Vậy phải dùng phương pháp gì để tiêu trừ sự sầu muộn ấy?

Có vị quan tâu với vua:

–Nên dùng năm thứ âm nhạc để làm tiêu tan sự buồn lo.

Có vị quan khác thưa:

–Nên cho kỹ nữ mỹ miều cử trống, khảy đàn, hát những bài ca tuyệt diệu thì có thể làm tiêu sầu.

Lại có vị quan tâu vua:

–Nên dùng bốn loại binh chủng tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh, với các binh sĩ dũng mãnh để tiêu trừ sầu muộn.

Lại có vị quan khác tâu với vua:

–Bất-lan Ca-diếp, Mạc-kha-ly Duy-cù-lâu, A-di-súy, Kỳ-da-kim-ly, Ca-chiên, Tiên-tỷ-lô-trì, Ni-kiền tử..., các vị thầy ấy, mỗi vị đều có năm trăm vị đệ tử đang ở trong thành lớn này. Đại vương nên chuẩn bị xe lớn, đến gặp mặt nghe đàm đạo vui vẻ, có thể xa lìa sầu khổ.

Khi ấy có vị thầy thuốc trẻ tuổi tên Kỳ-vực (đời Tấn gọi là Cố Hoạt) đang cầm quạt hầu vua. Nhà vua quay lại hỏi:

–Tại sao khanh im lặng, không trình bày ý kiến của mình?

Kỳ-vực tâu với vua:

–Nay có Đức Phật Thế Tôn cùng với chúng đệ tử đang ở tại vườn xoài. Đại vương muốn cắt đứt nỗi phiền muộn, trừ sự buồn lo, có thể đến chỗ Phật, cúi đầu cung kính đảnh lễ, thưa hỏi chỗ nghi hoặc thì sẽ được khai mở.

Lúc ấy vua A-xà-thế lập tức nảy ý muốn gặp Bậc Thiên Trung Thiên nên đáp lời Kỳ-vực:

–Lành thay! Thật tốt đẹp! Hãy cùng trẫm đi đến yết kiến.

Kỳ-vực tuân lệnh, sửa soạn năm trăm thớt voi, năm trăm thể nữ, sửa soạn xong liền thưa:

–Tâu đại vương, nay đã đến giờ.

Nhà vua cưỡi một con voi tên là Nhân Điều, cùng năm trăm quân hầu hộ vệ trước sau, thắp đuốc lớn ra khỏi thành Vương xá. Lúc đó nhà vua trong lòng sợ sệt dừng lại không dám bước tới, gọi Kỳ-vực nói:

–Đức Phật cùng với bao nhiêu vị Tỳ-kheo có mặt tại vườn Xoài này?

Kỳ-vực tâu:

–Có tất cả một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Nhà vua nói:

–Khanh không lừa dối ta, để ta ra khỏi nước, đi vào con đường nguy hiểm này chứ? Mỗi lần trẫm đến chỗ các vị Phạm chí, họ chỉ có năm trăm người mà âm thanh vang dội, nay các Tỳ-kheo nhiều như vậy mà sao không nghe một tiếng động nào?

Kỳ-vực thưa với vua:

–Xin đại vương đừng sợ hãi. Thần không dám dối đại vương, không làm điều phản nghịch, hại đến đại vương, hoàng hậu và các cung phi. Chỉ vì Đức Phật Thế Tôn luôn luôn yên lặng, các đệ tử tinh tấn tu học cũng giữ phép im lặng. Cúi mong đại vương cứ đến trước để thấy được ánh sáng tuyệt cùng, thấy Phật Thế Tôn và chúng đệ tử, tâm ý đại vương sẽ lập tức hoan hỷ.

Khi ấy vua A-xà-thế từ xa trông thấy Đức Thế Tôn liền xuống voi, cởi bỏ năm loại trang sức: vương miện, anh lạc báu, áo khoác báu tràng hoa, phất trần và cởi kiếm, bỏ lọng, đi bộ đến giảng đường. Vua hỏi Kỳ-vực:

–Đức Phật ở chỗ nào?

Đáp:

–Vị đang ngồi ở trước chúng Tỳ-kheo chính là Đức Phật. Ngài có

oai thần sáng chói, công đức cao vòi vọi.

Nhà vua đến trước Đức Phật thăm hỏi, chiêm ngưỡng Đức Phật, rồi đứng qua một bên, quan sát chúng Tỳ-kheo của Đức Phật. Thấy tất cả đều ngồi yên lặng, hết sức thanh tịnh, thậm thâm vi diệu, trong lòng vua vui mừng, vòng tay hướng về Đức Phật bạch:

–Tâm Phật tịch lặng, vi diệu, vô niệm, các đệ tử cũng như vậy. Mong Phật làm cho tâm trí của tôi cũng được định tĩnh vi diệu như thế.

Có một thanh niên tên Bạch Hiền tâu với vua:

–Đại vương mong muốn được hạnh ấy chăng?

Nhà vua bạch với Phật:

–Đúng như vậy, bạch Thế Tôn, tôi rất ưa thích chúng Tăng, tâm ý tôi rất hoan hỷ.

Bấy giờ vua A-xà-thế bạch Đức Phật:

–Tôi có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép tôi mới dám hỏi.

Đức Phật bảo:

–Đại vương có ý muốn gì cứ hỏi.

Nhà vua thưa:

–Những người làm những công việc tùy theo sở thích ưa muốn như sự vui sướng ngủ nghỉ, hội họp, tính toán, thuật số, các đại thần và trăm quan đều tuân phục. Thái sử bói quẻ biết được sự kết thúc và bắt đầu của con người. Họ nhận được sự cung kính, các thức ăn uống, kỹ nghệ. Hoặc vì bản thân, cha mẹ, vợ con, nô tỳ cúng dường Sa-môn, Phạm chí, dâng cúng các vật hảo hạng để cầu được sự lợi lạc an ổn tốt đẹp. Như vậy đối với Pháp luật của Phật có đắc đạo chứng quả chăng?

Đức Phật đáp:

–Đại vương đã từng hỏi các ngoại đạo khác như vậy chưa?

Nhà vua bạch Phật:

–Tôi đã từng đến chỗ Bất-lan Ca-diếp hỏi: “Có những người với các thứ voi, ngựa, cưỡi xe hay đi bộ, có của báu, kẻ hầu, kho tàng, lực sĩ dõng mãnh, xe voi, ngựa lớn, vui chơi ngủ nghỉ, trời người cùng tụ hội đến, các hàng đại thần, trăm quan tùy tùng; thái sử bói quẻ biết sự khởi đầu và kết cuộc của con người nên được cung kính; những việc làm ấy, hoặc vì thân mình cầu được an ổn, hoặc vì cha mẹ, vợ con, nô tỳ cúng dường Sa-môn, Phạm chí những vật hảo hạng. Như vậy là tôi đã làm theo pháp luật, được nhập vào đạo tịch nhiên rồi phải chăng?”

Vị ấy liền trả lời tôi: “Không có gì cả, cũng không có Bậc Thế Tôn,

không có báo đáp ân lành, cũng không có tội phước, không có cha mẹ cũng không có người đắc đạo La-hán. Cúng dường không có phước, cũng không có đời này đời sau, cũng không có người chuyên cần tu hành nhất tâm hướng về đạo. Mặc dù có thân mạng, sau khi mạng chung, bốn sự tan rã, tâm diệt trở về không, sau đó không còn sanh trở lại. Tuy chôn vào đất, mỗi phần tự hư thối, rốt cuộc cũng như hư không, không còn hiện hữu nữa".

Kính bạch Thế Tôn, tôi đã hỏi vị thầy ngoại đạo, vị ấy dùng quan điểm như thế đáp lại tôi. Tâm tôi nghĩ: "Không phải thế. Tại sao lại không có tội phước báo ứng?" Thí như có người hỏi xoài là loại gì thì lại lấy dưa trả lời, hỏi dưa thì lấy xoài trả lời, Bất-lan Ca-diếp cũng như vậy, lời lẽ điên đảo, chẳng có đầu đuôi. Tuy nghe ông ta nói lời ấy nhưng tôi cũng chẳng hiểu.

Vua A-xà-thế bạch Phật:

–Tôi lại đến chỗ Mạc-kha-ly Cù-da-lâu hỏi: "Sao gọi là tiểu xứ, dục xứ? Con người không có nhân duyên có được trở thành người thanh tịnh không? Không biết không thấy thì có tội phước không? Vị ấy cũng trả lời với tôi: "Không có đời này đời sau, không có tự lực và tha lực, không có tinh tấn. Tất cả mọi người đều có khổ vui theo như vậy". Nếu hỏi sáu thì lấy bảy đáp lại, bạch Thế Tôn, thí như hỏi xoài thì lấy dưa đáp, hỏi dưa thì lấy xoài đáp. Vị ngoại đạo ấy cũng như vậy, ở trong nước của tôi, với những nghi vấn mà tôi đã hỏi, thì vị ấy dùng quan điểm đó đáp lại. Tôi đã hỏi những điều trên nhưng không được giải thích rõ ràng nên liền bỏ đi.

Tôi lại đến chỗ A-di-súy hỏi: "Sao gọi là trụ xứ, dục xứ. Làm thế nào để ở trong pháp luật ấy chứng được đạo? Vị ấy trả lời: "Tâu đại vương, người khắc đến hỏi tôi cũng trả lời là có sanh lại ở đời sau. Tôi ở trong vấn đề ấy cũng nói có đời sau. Giả như có người hỏi đời sau sanh lại ở thế gian là có hay không? Như ý tưởng của tôi là có đời sau, hoặc không có đời sau. Hoặc có người đến hỏi như có đời sau hoặc không có đời sau, tôi trả lời hoặc có hoặc không". Thí như có người hỏi xoài thì lấy dưa đáp lại, hỏi dưa thì lấy xoài đáp lại, A-di-súy cũng như vậy. Tôi hỏi về những phương pháp tu tập khác nhau để đắc đạo quả Sa-môn thì vị ấy đáp lại tôi bằng lời lẽ chẳng có thứ tự. Tâm tôi nghĩ: "Tất cả các đạo khác ở thành Vương xá đều không thể giải tỏa, tiêu trừ tâm sầu muộn của ta. Ta nên đến chỗ nào để được gặp Sa-môn, Phạm chí khiến tâm ý ta được khai mở, không còn ưu sầu?" Thấy những điều A-di-súy nói chẳng ích lợi gì, tôi liền bỏ đi.

Tôi lại đến chỗ Ba-hưu-ca-chiên hỏi: "Sao gọi là sở trụ xứ? Nguyên do của hàng súc sanh? Ở trong luật pháp này làm sao để đắc đạo chứng quả?" Vị ấy đáp lại tôi: "Tâu đại vương, như người được thọ thân này, không nhân cũng không duyên, không có tưởng, cũng không kiêu mạn, không chứa nhóm giặc hại, thì ngay chỗ hiện tại mà được trụ xứ, đối với việc được thân này chẳng mất gì cả. Các sắc và tâm tưởng cứ tự lưu hành, cái gọi là tội phước, thiện ác đối với người đó đã đoạn tuyệt. Những điều mắt xem thấy chẳng có gì để tranh cãi. Khi thọ mạng của thân hết, không lo buồn về sự chết. Kẻ ấy không nói là ta sắp chết và nói do sự sắp đặt của chư Thiên cho con người, nên tuổi thọ kết thúc là mất hẳn. Vì dựa vào ái dục trần tục của nhân gian, trời người phát sinh kiến chấp, từ đó dục liền có năm giặc, sáu mươi hai loại. Sáu mươi hai loại này không có chủng tánh, nói đủ là sáu mươi hai sự cùng với chủng tánh cùng sanh, không dùng tư tưởng, đi vào tám nạn đều sẽ xả bỏ, luôn được thêm lợi ích, an ổn. Đã được an ổn, thường ở cõi trời, đã được ở cõi trời liền có tám mươi bốn đại niệm cùng với huyễn thuật cùng sanh, cùng với vi diệu sanh, liền khởi lên già, bệnh, khổ. Không có Đạo nhân, cũng không có Phạm chí chủ trương như vậy. Giới của ta thanh tịnh, lại xa lìa ái dục, đối với dục thường theo bên thân đã tận trừ. Thí như đốt đèn thì có ánh sáng. Sự việc là như vậy, không có Phạm chí đắc đạo". Thí như có người hỏi xoài thì lấy dưa đáp lại, hỏi dưa thì lấy xoài đáp lại, vị Ba-hưu-ca-chiên cũng vậy. Tôi hỏi về sự chứng đạo của Sa-môn thì ông ta lại đem việc già, bệnh của con người mà trả lời. Tâm tôi nghĩ: "Ta hỏi về việc đạo chứng mà vị ấy lại trả lời như vậy". Nghe lời nói của ông ấy, trong lòng không vui, chẳng hiểu gì cả, tôi liền đứng dậy bỏ đi.

Tôi lại đến chỗ Tiên-tỷ-lô-trì để hỏi về sự mong cầu đối với pháp luật này làm sao để thành đạo? Vị ấy đáp lại tôi: "Tâu đại vương, điều mà con người đã dạy, phải làm là đoạn trừ sự chiếm đoạt có thấy hay không thấy, nhàm chán mọi sự mong cầu, tự mình từ bỏ ưu sầu như là đập bình đất, xa lìa tham lam keo kiệt. Phá nước hủy thành, tàn hại muôn dân, sát sanh, trộm cướp, dâm dật, nói dối, nói hai lưỡi, uống rượu, đánh nhau, tuy phạm những việc này cũng chẳng có tội báo. Người bố thí cũng không có phước báo. Tàn hại, bội nghịch, làm những điều ác, không tội không phước, không có gì để giữ, để làm, không có nhân duyên, không có chí thành, cũng không có chân thật, dẫu làm theo nghĩa lý, thiện ác không có báo ứng". Thí như hỏi xoài thì lấy dưa đáp lại, hỏi dưa thì lấy xoài đáp lại, Tỷ-lô-trì cũng như vậy. Tôi hỏi về phương pháp tu tập để đắc đạo chứng quả thì lại trả lời đoạn tuyệt, không có tội phước. Tâm tôi nghĩ rằng

duyên gì như vậy. Không thể hiểu nổi tôi liền bỏ đi.

Tôi lại đến chỗ Ni-kiền tử, hỏi Ni-kiền tử: "Sao gọi là được trụ xứ, dục xứ, có người thọ tội phước hay không? Làm những việc gì ở đời trước? Người học đạo có đắc đạo chăng?" Vị ấy đáp lại tôi: "Thưa đại vương, tất cả những người hiện tại mà tôi thấy được có tội hay phước đều là do nhân duyên ái dục từ đời trước sanh ra, do nhân duyên ái dục mà có già bệnh. Đối với người học đạo có ý niệm về nhân duyên, nhờ sanh ra con cháu, sau đó mới được đạo". Thí như hỏi xoài đáp dưa, hỏi dưa đáp xoài. Tôi hỏi việc chứng quả đắc đạo, vị ấy trở lại dùng kiến chấp hư vọng để trả lời. Tôi nghe vị ấy nói xong không mừng không vui, liền đứng dậy bỏ đi.

Vua A-xà-thế bạch Đức Phật:

–Tôi đã hỏi tất cả các vị thầy ấy mà không được thông tỏ. Dám mong Đức Thế Tôn, Đấng Chứa Của Báu, xin hỏi những điều như vậy, mong Ngài giải đáp sự nghi ngờ cho tôi: "Thế nào là vị Phạm chí có chí tịch tịnh? Đối với pháp luật này làm thế nào để chứng đạo?"

Đức Phật bảo nhà vua:

–Những điều đại vương hỏi, Ta sẽ vì đại vương phân biệt rõ ràng để tâm đại vương giải tỏa các ràng buộc. Trước hết Ta hỏi đại vương, đại vương hãy tùy ý đáp lại. Thế nào đại vương, nếu có người mặc quần áo đẹp cung kính đứng hầu đại vương tự cho là sung sướng. Người đó không thích địa vị và chỗ ở của mình, tâm tự nghĩ: "Vua A-xà-thế là người, ta cũng là người, vua dùng năm thứ dục lạc để tự vui thích, y phục trang nghiêm, mà còn không thích chỗ ở, không ưa địa vị của mình. Ta nên lập đức, lìa các tội báo, chi bằng ta hãy cạo bỏ râu tóc mặc áo ca-sa làm Sa-môn, từ nhà phát sanh niềm tin, bỏ nhà học đạo. Vị ấy bèn thọ giới pháp, tu tập vâng giữ các điều ngăn cấm của đạo: không sát sanh, trộm cắp, tà dâm; không nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, mắng nhiếc; không giận hờn, ganh ghét si mê. Ý của đại vương như thế nào, nếu có người đến chỗ đại vương tâu rằng, người hầu trang nghiêm đẹp đẽ, cung phụng hầu hạ đại vương đã không thích địa vị, không ham chỗ ở, từ nhà phát sanh niềm tin, bỏ nhà học đạo, giữ gìn thân miệng ý, không phạm các điều ác, tu hành mười nghiệp thiện? Đại vương đối xử với người hầu ấy như thế nào?

Nhà vua thưa với Đức Phật:

–Tôi gặp người đó sẽ hoan hỷ hỏi thăm, cung kính lễ bái, cúng dường y phục, đồ ăn đồ uống, giường nằm tọa cụ, thuốc thang khi đau ốm.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Người đó chưa thực hành đại pháp mà đạt được kết quả của đạo như vậy.

Nhà vua bạch Đức Phật:

–Cúi mong Phật thuyết pháp.

Đức Phật bảo nhà vua:

–Ta đối với thế gian là Bậc Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Khi thuyết pháp, lời nói đầu cũng thiện, lời nói giữa cũng thiện, lời nói cuối cũng thiện, đầy đủ trí tuệ vi diệu, giảng thuyết hạnh thanh tịnh. Nếu có con của bậc Trưởng giả tôn quý nghe Phật giảng thuyết kinh điển, đối với Pháp luật của Như Lai có được đức tin tốt đẹp lợi ích, tự thấy đối với trong Phật pháp có lợi ích lớn liền được pháp nhẫn, nghĩ rằng đời sống gia đình bức bách, phiền não, còn người xuất gia thì không có ngăn ngại, liền nhất tâm trừ bỏ dục lạc, cho đến trọn đời vâng giữ hạnh thanh tịnh, nghĩ rằng: "Ta muốn dứt bỏ nhà cửa, tài sản, quyến thuộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, từ nhà phát sinh niềm tin xuất gia theo đạo, xả bỏ dục lạc làm Sa-môn, phụng trì hai trăm năm mươi giới của Tỳ-kheo không vi phạm điều cấm của đạo, nên đạt được pháp". Vị ấy khi đứng đều có khuôn pháp chẳng mất oai nghi, ngay đó trừ được tâm sở hữu, yên tịnh nghiêm trang, cẩn thận sợ sệt những lỗi lầm, nhất tâm bình đẳng, tu tập chánh giới, xa lìa sát sanh, không cầm dao gậy, tâm thường giữ lòng hổ thẹn, rộng làm an ổn cho tất cả chúng sanh, không làm chúng sợ hãi. Tâm vị ấy thanh tịnh, không có tổn hại, xa lìa trộm cắp, trừ bỏ sự lấy của không cho, hoan hỷ tuệ thí, tâm muốn xả bỏ, nhớ nghĩ an ổn, thường tự phòng hộ.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không cho thì không lấy, xa lìa dâm dục, tịnh tu phạm hạnh, giữ tâm trinh khiết, tiêu diệt tâm dục ô uế.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không bị sắc mê hoặc, xa lìa nói dối, không còn hư dối, chưa từng dối trá, giữ tâm thành tín, an trụ trên sự thật, không làm ngược lại lời thệ nguyện đối với thế gian.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ôm lòng lừa đảo, không thích hai lưỡi, không gièm pha bậc có đức, chưa từng xúi giục để bên này bên kia tranh giành, hòa giải những điều tranh tụng, làm tiêu trừ sự oán hại.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không nói hai lưỡi để gây thù hận, xa lìa lời nói ác độc, không thích chửi mắng, luôn luôn giữ tâm tự tại, chưa từng phóng túng buông lời bất thiện, nói điều nhu hòa, không nói lời thô bỉ, ai

nghe cũng tín phục, hân hoan, quy ngưỡng.

Tâm vị ấy thanh tịnh, chưa từng chửi mắng, xa lìa lời nói thêu dệt, phát ngôn đúng lúc, không có sự hủy báng, mưu hại, bàn luận pháp ý nghĩa rõ ràng, lời nói an tường, tịch tĩnh không sai sót, phân biệt tình lý.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không thêu dệt, xa lìa vô minh, trừ bỏ tâm ngu si, không tham vật của kẻ khác, không tìm lỗi của người, xem thân mình như người, thường cầu được an định tuyệt đối.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ôm lòng ngu si, xa lìa sân hận, không có ý sân hại, thường giữ tâm từ bi, dùng phương tiện khéo léo thương xót che chở cho cả loài côn trùng nhỏ bé, biết xấu hổ, an ủi tất cả muôn loài.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ôm lòng sân hận, xa lìa việc ham ngủ nghỉ, tâm tập hạnh không, thường hành vắng lặng, chưa từng an nghỉ, mong thấy trời sáng để thức dậy.

Tâm vị ấy thanh tịnh, tinh tấn không ngủ nghỉ, xa lìa đùa giỡn, nói chuyện ồn ào, hành động không tham đắm, không hung bạo.

Tâm vị ấy thanh tịnh, tinh tấn không đùa giỡn, xa lìa hồ nghi, tâm không do dự, giữ ý nhất định ở nơi pháp lành, trong lòng thanh tịnh, chí không hồ nghi, xa lìa tà kiến, đời này đời sau, tin bố thí đạt được phước, hiếu thuận đối với cha mẹ, tôn kính bậc Hiền thánh, vâng giữ tu hành theo đường thiện của người có lòng tin, sau khi mạng chung được sanh trở lại, được đạo lục thông, hành hạnh bình đẳng.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không có tà kiến, xa lìa dua nịnh, trong lòng chân thật, không ôm lòng xảo trá, không dùng cân, đấu, thước tấc để xâm chiếm, lừa dối cướp đoạt của người, không trói buộc và bỏ người vào lao ngục, không hủy báng, không oán trách, mong được sáng tỏ.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không dua nịnh, xa lìa quan hệ nam nữ, không thích ở nhà với cảnh vợ con ái dục, tiêu trừ hồ nghi.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không tham danh lợi, không nuôi nô tỳ, tớ hầu, tỳ thiếp; không thích đời sống gia đình.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không có vọng chấp, không nuôi voi, ngựa, trâu, dê, không ưa nuôi súc vật.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không muốn cưỡi xe, không nuôi gà, chim, chó, heo; không có cầu lợi.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không nuôi gà heo, xa lìa nhà cửa, không trang sức phòng ốc, không tậu ruộng nhà, vườn tược cây trái.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không tham đắm ruộng nhà, xa lìa sự thêu dệt

mỹ lệ, tòa ngồi vàng bạc cao rộng; không thích nệm trải trên xe, ghế bện bằng tre.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ngủ giường cao, xa lìa bảy thứ châu báu, không chứa ngọc ngà vật báu, xả bỏ đồ chơi bằng ngọc, không ham danh lợi.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không ham tài sắc, xa lìa hương hoa, không thích các loại hương, thân không ướp hương, không có mong cầu.

Tâm vị ấy thanh tịnh, không tham đắm hoa hương, xa lìa ăn phi thời, đúng giờ chỉ ăn một lần, trọn đời giữ đúng kỳ hạn.

Tâm vị ấy thanh tịnh, ăn không sai giờ, cày đất gieo giống, đứng đắn trong các việc ấy, thấy rồi mới làm, làm việc của Sa-môn, làm nghiêm tịnh tâm mình, chiếu soi phá bỏ ưu sầu, trừ hết uế hại, thường hành chân chánh, tiết độ, tri túc, một lòng với đạo, làm Sa-môn Phạm chí như vậy, thọ nhận đồ ăn của tín thí, ngay nơi chỗ ở quận, nước, huyện ấp, hành động như pháp, cội rễ đã thường thanh tịnh, cành thân nhánh lá hoa quả cũng thanh tịnh, đầy đủ các thứ thanh tịnh, hạt giống ấy cũng thanh tịnh như vậy, tại quận nước, huyện ấp làm Sa-môn với hạnh xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí là người đáng thọ nhận đồ ăn của tín thí, ngay chỗ mình ở phải khéo nhớ nghĩ đến tín thí, thường hành như pháp.

Nếu có Sa-môn Phạm chí thọ nhận đồ ăn của tín thí, ở ngay trụ xứ, hành động không tương ứng, mong cầu đồ ăn uống, so đo, tính toán, mong cầu hương hoa, y phục, giường nằm, tàng trữ châu báu, những việc mong cầu như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn ngồi giường cao rộng, sử dụng giường báu, hành động không tương ứng, trang sức giường chõng, sơn phết đẹp đẽ, ưa thích vẽ vời, tạo cảm giác mạnh, tay cầm tràng phất, cưỡi voi, xe, ngựa, chí mong cầu ăn ngon, thường ưa danh sắc, Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Nếu có Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn tắm rửa tự do, hành động không tương ứng, hành động đáng bỏ, lấy hương hoa tự ướp vào người, cầu mong đồ cúng dường, không theo đạo lý, tay cầm dao và lọng, thi nhau dùng chuỗi ngọc châu báu, đeo vào cánh tay, cổ tay, vào cổ vào chân, thân thì mặc y phục trắng sạch, chặt đứt cây cối; những hành động như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn tự làm đẹp thân thể, ở tại trụ xứ hành động không tương ứng, như đấu voi, trâu, ngựa, gà, chó, dê, heo, đấu loạn giữa người nam, người nữ, người

lớn, người nhỏ, đi xem việc đấu nhau và các lễ hội, hành động và mong cầu như vậy, vị Sa-môn đạo nhân đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn tự mình trang nghiêm thân thể, chỗ ở phi pháp, hành động không tương ứng, chỉ làm nghề nghe tiếng voi, tiếng bầy ngựa, tiếng xe, tiếng người đi bộ, tiếng trâu, tiếng dê, đánh trống, kỹ nhạc, ca múa, vui đùa, bàn luận nói năng, những pháp như vậy là đạo hạnh của ngoại đạo, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn chơi cờ xu bồ, bài bạc, nếp sống phi pháp, hành động bất nhất, cùng nhau cạnh tranh, ném thẻ vào túi, leo cột, chơi cờ vua, chọi bò con, ném chén, hành động như vậy là nếp sống phi pháp, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn cùng nhau lớn tiếng tranh nhau lời nói, hành động phi pháp, nếp sống phi pháp, việc làm không tương ứng, cho rằng: "Đây là pháp đúng, đấy là phi pháp. Việc ấy chẳng phải như vậy, đây là pháp duy nhất, chẳng phải như ngươi nói. Ta đã tu tập pháp, ngươi làm không đúng, ta làm đúng; ngươi có nhân duyên, ta không có nhân duyên; những điều đáng nói trước ngươi lại nói dối ngược ra sau, ta đã thắng ngươi, ngươi không được gì cả, chỉ làm các điều ác, sẽ gặp nguy hại; ta được độ thoát, ngươi bị tổn hại, không được tự tại", những sự tranh tụng như vậy là lời nói phi pháp, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Nếu có Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn ngồi lại bàn luận không căn cứ, hành động không tương ứng như: "Vua xử ra sao với giặc trộm? Chiến đấu ra sao? Ăn uống thế nào? Y phục nam nữ, kẻ lớn người nhỏ ra sao? Các việc thế gian, nguyên nhân tốt xấu thế nào?", những lời nói phi pháp mang tính như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn nói năng không đúng, nói những điều phi pháp, hành động không tương ứng, nói về việc vua chúa, việc của hàng Bà-la-môn, nói về cây cối, nhân sự, nói về quốc sự, đối với đây với kia phải như vậy, nước kia phải có điều đó, người này phải đến kia, người kia phải lại đây; những lời nói phi pháp như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn hành động quanh co dua nịnh, việc làm phi pháp, hành động không tương ứng, ngồi lại nói chuyện như thế là đắc lợi, như thế là suy bại, làm ăn mua bán tài

vật của người; những việc phi pháp quanh co, dua nịnh như vậy, vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn học các huyễn thuật, hưng khởi tà kiến, nói sự quái gở của mặt trời, bói ngược xem tướng, nói dối có sự chiếm đoạt, học phẩm thuật, xử độ thuật và thuật học chú dối trá, thuật niệm chú Càn-đà-la, niệm chú Khổng tước, niệm chú Tạp toái. Ấy là dị thuật dối trá, mê hoặc. Những việc như vậy là thuật phi pháp. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn học chú mê hoặc, thuật lừa dối, xem tướng mặt người, xem tinh tú, các việc tai biến, mây, gió, sấm sét, sương mù, cầu xin ngày tốt, vào lúc trong tháng mùa hạ ở làng xóm kia sẽ có mưa, không mưa, ở đất đó sẽ tốt, không tốt, nói về việc quốc vương. Hành động như vậy là thuật phi pháp. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn học bao nhiêu loại pháp tà quấy, tạo nghiệp súc sanh, xem mạch ra toa làm thuốc, vì muốn làm cho người đoạn khí, thổ hạ, xuất hạn, chí không chân chánh, nói ra thuật lừa dối, bói việc an ổn. Những việc như vậy là nghiệp súc sanh. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà vẫn còn hành động phi pháp, miệng nhai cơm bàn luận chuyện cưới hỏi: "Vị ấy có chỗ ở tốt, quán của vị này, nhà của vị kia, nhà vị này đáng nhớ, nhà vị kia yên ổn; vị này có lầu đài, làm việc siêng năng, vị kia có lầu quán, làm việc lười biếng, và nói về những việc vụn vặt của vua. Việc làm như vậy là nghiệp súc sanh. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn làm bao nhiêu hạnh súc sanh, nghiệp tà kiến: xem bói, xem tướng châu báu, bò, ngựa, nhà ở, dao bén, xem tướng đàn ông, đàn bà, người lớn, con nít. Những việc làm như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà tự thân còn làm nghiệp phi pháp yêu tá, mê vọng, làm việc vô trí mà tự cho là có trí, bói quẻ, làm phù chú. Hành động như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn xem việc tốt, xấu, dự đoán lúa thóc sẽ mất mùa, được mùa, sẽ bình yên hay bị nạn, sẽ bị khủng bố, sẽ được an ổn, sẽ có nạn dịch lớn, sẽ có tử vong. Việc làm

như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí mà còn nói vua nước này chiến đấu sẽ đắc thắng, vua nước kia thì không bằng, vua nước này sẽ công du thăm nước kia, vua nước kia thì không được tự tại như vậy. Ở đây sẽ đắc thắng, ở kia sẽ bại trận; voi ngựa, sáu thứ súc vật, xe cộ của vua này nhiều; voi, ngựa, xe cộ của vua kia ít. Các việc như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn cùng nhau bàn luận chuyện mặt trời, mặt trăng đi thuận đường, mặt trời, mặt trăng đi sai đường; tinh tú đi thuận đường, tinh tú đi sai đường; mặt trời mặt trăng vận hành chậm, nhanh, không thuận, sẽ có tai biến lạ lùng, khác thường, sẽ có nhật thực, nguyệt thực, hoặc có mưa, có sương, có mưa đá, hoặc sẽ có sấm chớp. Việc làm như vậy là nghiệp tà kiến. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó.

Sa-môn Phạm chí đã thọ nhận đồ ăn của tín thí rồi mà còn nói mặt trời mặt trăng vì vậy mà đi thuận đường, vì vậy mà đi sai đường, tinh tú đi thuận đường là có nhân duyên, đi không thuận đường cũng có nhân duyên. Có sự trở ngại biến hóa quái dị, mặt trời mặt trăng sẽ đi về hướng Tây, hoặc nói đi về hướng Đông, hoặc nói sẽ bị xâm thực, lại nói tại sao không bị xâm thực, sẽ có sấm chớp, sét nổ. Những việc như vậy thường cho là chứng nghiệm. Vị Sa-môn đạo nhân ấy đều đã xa lìa những việc đó, thì mới gọi là bậc Hiền thánh.

Đệ tử Sa-môn của Ta tôn thờ giới phẩm của bậc Hiền thánh, hành động biết vừa đủ, áo quần mục đích là để che thân, ăn uống mục đích là để no lòng, đi đến đâu y bát luôn mang theo bên thân, không lưu luyến việc gì. Ví như con chim bay trên bầu trời mang theo đôi cánh, Tỳ-kheo cũng vậy, tôn thờ giới của bậc Hiền thánh, tâm biết vừa đủ, không có mong cầu, chăm chú, tiết chế, các hành động của vị ấy đều an ổn, tất cả hành động đều tốt lành, thấy nhìn, quan sát, không mất oai nghi, co duỗi, tiến ngừng theo đúng nghi pháp, ngồi đứng an nhàn, không có tổn hại, trì giới phẩm này là tri túc đệ nhất, các căn tịch tĩnh, tâm được an ổn, các căn không loạn, giữ gìn tâm mình, không còn suy tưởng, để tâm nơi đạo, mắt thấy sắc đáng ưa không suy tưởng tìm cầu cái đẹp, đoạn trừ ngay chỗ cảm thọ, phụng hành gốc thiện, ở trong tâm mình, xa lìa nội sắc, giữ gìn nhãn căn, khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm cũng như vậy, không có tưởng mong cầu, không có tham đắm, trừ bỏ những

điều không nên làm, vứt sạch ngu si, đoạn pháp bất thiện, giữ ý bên trong khiến cho không loạn, làm cho tâm, căn được định. Vị Tỳ-kheo phụng trì giới của Hiền thánh ấy là bậc Tri túc đệ nhất. Tâm vị ấy tịch tịnh, các căn của toàn thân đều an định, bên trong không khởi loạn động mà hành an ổn, ở chỗ an nhàn vắng lặng, ẩn mình nơi núi rừng, hang động hoang dã, trong thân an ổn, lìa thế gian, không nhiễm đắm tham vướng, tâm nghĩ đến vô tưởng, không tham sở hữu của kẻ khác, không khởi ngu si, không xâm loạn người, thường hành tâm từ bi, trong lòng thanh tịnh, không có tưởng si mê, du hành nơi nào tâm không vướng mắc, thích điều thiện, an ổn.

Ví như người đi xa cầu lợi, vượt qua đường xấu, thoát khỏi hiểm trở chông gai, được nhiều tài lợi, không quên cung cấp cho vợ con, trai gái, thân tộc. Người ấy tự nghĩ trong lòng hoan hỷ vô cùng. Tỳ-kheo cũng vậy xa lìa ngu si, trong lòng thanh tịnh, không có vẩn đục, đã trừ sân hại, vui mừng không ô uế.

Ví như có người bị bệnh liệt giường, ốm yếu quanh năm, ngày hôm sau lành bệnh, sức lực an ổn, ăn uống tiêu hóa, trong lòng tự nghĩ ta vốn nguy ách nay được lành bệnh. Tỳ-kheo cũng vậy, trừ tâm sân hận, tư duy chín chắn, tâm cũng hoan hỷ.

Ví như có người làm tôi tớ cho kẻ khác, chấp lao phục dịch, không bao giờ được nghỉ ngơi, không được tự tại, sau được giải thoát, làm kẻ tự do, tâm tự nghĩ rằng ta vốn là người bị lệ thuộc kẻ khác, nay được thoát khỏi, tâm rất vui mừng. Tỳ-kheo trừ bỏ tâm nghi ngờ, không còn do dự, liền được thanh tịnh, hoan hỷ vui mừng.

Ví như có người bị nhốt trong lao ngục, khổ sở đau đớn, sau đó được ra tâm tự nghĩ rằng ta vốn bị nhốt trong ngục u tối, nay đã thoát khỏi, liền tự thương mình. Tỳ-kheo cũng vậy, trừ khử tâm nghi, thanh tịnh, không còn tỳ vết, hoan hỷ. Tỳ-kheo trừ bỏ tâm bất chánh, tâm không còn tư tưởng tỳ vết, thanh tịnh trong lòng.

Ví như có người gặp năm được mùa, sợ lúc đói khát để được an ổn, cứu giúp mạng mình, gặp lúc được mùa, lúa thóc được giá rẻ, vui mừng không sợ sệt, tâm tự nghĩ rằng ta vốn đói khát, nguy khốn khó tả, nay được no đủ, trong lòng vui mừng. Tỳ-kheo cũng vậy trừ tâm bất chánh, không có các tưởng, trở về nguồn gốc thanh tịnh, không còn tâm nghi ngờ, trừ năm thứ ngăn che, xa lìa tâm phiền não, ra sức để đạt trí tuệ mà thoát các ách nạn, hình ngục đói khát đã trừ, ái dục, các pháp bất thiện đã bỏ, có tưởng có hành, tịch nhiên thanh tịnh, hành đệ Nhất thiền.

Ví như có người xuống nước tắm rửa, sạch sẽ không dơ bẩn, vượt qua bờ bên kia, tâm được hoan hỷ. Tỳ-kheo cũng vậy, tịch nhiên ở một mình, an tịnh, hỷ duyệt, quán thấy tất cả, thân này từ đâu có, thấy không có thân, rộng quán thấy không có gốc rễ, tâm được vắng lặng, vui mừng an ổn, đạt đệ nhất nhất tâm (thiền định), vị ấy dùng định này, trong lòng thanh tịnh, an trụ tịch nhiên, được tâm chuyên nhất, ái dục đã hết, trừ khử các tưởng, bên trong nhớ nghĩ đầy đủ, an ổn làm hạnh lành, đệ nhị nhất tâm. Lại ngay thân này được tam-muội định, hoan hỷ an ổn, không còn chướng ngại, quán thấy đầy đủ, không có thân loại, thành vô sở đắc, đắc định hoan hỷ.

Ví như hoa sen xanh, cành hoa sanh ở dưới nước bùn hôi thối, nuôi lớn trong nước, tuy ở trong nước mà gốc, lá, hoa, quả ở trong nước không dính nước, cũng không bị ô nhiễm. Tỳ-kheo cũng vậy, đối với thân này cùng với tam-muội, an ổn hoan hỷ. Vị ấy lấy tâm chánh thọ này đạt đến vững chắc, tâm không loạn động, thanh tịnh tâm mình, không có trần dục, đạt đệ tam nhất tâm (thiền định). Vị ấy dùng tâm này, thân an ổn, ý định an ổn, không tham đắm, giả như có thân phải rộng quán tất cả đều không có gì, lại cũng không còn hỷ lạc, an ổn không loạn.

Ví như có một hòn núi, hoàn toàn không bị sứt mẻ, rộng lớn vô biên, gió từ phương Đông thổi tới cũng không thể làm nó di động, gió từ Nam, Tây, Bắc phương thổi tới cũng như vậy. Vì sao? Vì chân núi vững chắc nên không thể di động. Bên trong lại có dòng nước trong lành, mát mẽ, không có ô uế, nhờ nương vào núi nên dòng nước chảy đầy đủ, cùng khắp trong núi, không chỗ nào mà không chảy đến, vì nhờ nước sạch. Tỳ-kheo cũng vậy, quán thân này không có ưa thích, nương tựa an ổn, hành động đầy đủ, quán thấy không thân. Vị ấy đã thấy khắp, dùng tâm này thực hành an ổn, thanh tịnh không có tỳ vết, vững chắc không khác, trừ khử ái dục, không khổ không lạc, đang hành nhất tâm đệ Tứ thiền.

Ví như có người vào ngày mười bảy, mười tám trong tháng, mặc quần áo mới, đầu mặt vui vẻ, xem thấy thân mình đoan nghiêm, nhờ mặc y phục thật đẹp. Tỳ-kheo cũng vậy, thân hành thanh tịnh, tâm không ô uế, vui mừng được độ thoát, không còn gì để làm, không thấy có thân, quán khắp không sót chỗ nào, dùng tâm thanh tịnh, không có các ô uế.

Ví như ở quận, nước, huyện, ấp không xa có một giảng đường, có người ở trong đó đốt lửa sáng rực, ánh sáng chiếu khắp, không có cao thấp, gió không thể diệt, chim không thể che, và các chủng loại khác cũng không thể làm mờ ánh sáng ấy, nó thật vững chắc bất động. Tỳ-kheo cũng

vậy, tâm không tán loạn, vững chắc bất động, đã được thanh tịnh vắng lặng. Tỳ-kheo biết rõ rằng đã được chánh thọ, thân tâm tịch tĩnh, thân tứ đại này, từ cha mẹ sanh, chỗ nương của thần thức, bỏ thân, không vui thích, thân tâm là vật tai hoạn cần phải nhàm chán, không còn thọ sanh trở lại, khiến tâm vô sắc, trừ khử tất cả thân hình các chủng loại, không mất căn bản mà lập thân tâm, hóa hiện các thân, đầy đủ tướng tốt, không có thiếu sót.

Ví như nhổ gốc rễ cây cỏ, kẻ trí thấy biết, như nhổ gốc cây, không còn sanh trở lại nữa. Tỳ-kheo cũng thế, hiểu rõ như vậy, sở hữu của thân này, thấy có danh sắc, tứ đại hợp thành, từ cha mẹ sanh, cơm áo nuôi dưỡng, là vật ngăn che hư ngụy, nào có bền chắc, là pháp tiêu diệt, thần thức nương tựa, khiến cho an trụ không tán loạn, cũng không lay động. Ta ở ngay nơi thân tâm, hóa hiện các thân, không có sắc tâm, đầy đủ hình dạng, các căn không hủy, từ tam-muội khởi, hóa bao nhiêu thân, hình dung đầy đủ.

Ví như có người ra khỏi cái rương có rắn hổ mang. Người trí thấy đó biết là cái rương của bốn con rắn hổ. Tỳ-kheo cũng vậy, hiểu rõ việc ấy là cái thân hữu hình, nương vào hơi ấm, tứ đại hợp thành, từ cha mẹ sanh, thần thức nương tựa, phải ngay thân tâm biến hiện các hình, không có danh sắc, đầy đủ hình dung, nói về căn bản không có thiếu sót, từ tam-muội khởi, hóa thân vô số.

Ví như có người rút gươm ra khỏi bao, kẻ sáng mắt biết rằng trong bao này có một cây gươm bén nay đã rút ra. Tỳ-kheo cũng vậy hiểu rõ việc ấy, rộng xem con người hóa ra vô số hình, đầy đủ các tướng tốt, khiến cho không thiếu sót.

Tỳ-kheo dùng Tam-muội chánh thọ này mà tâm được thanh tịnh, không có tỳ vết ô uế, trừ bỏ phiền não, nhu hòa vô dục, vững chắc bất động, trí tuệ thần túc, đã đạt được trí tuệ thần thông, tâm không tăng giảm, hành động bình đẳng, tôn xưng là Đại tự tại, tâm niệm không sợ sệt, dùng một thân hóa ra vô số thân, vô số thân trở lại làm thành một thân, tự do biến hiện, với bao nhiêu trí tuệ, xuyên qua tường vách mà không ngại dấu vết.

Ví như chim bay trên hư không, bay ra không cần cửa, bay vào không cần lỗ, vị ấy vào đất không trở ngại như ra vào trong nước, đi trên mặt nước giống như đạp trên mặt đất. Ở trong hư không, ngồi kiết già ngay thẳng, như chim bay trên mây, đối với mặt trời, mặt trăng oai thần rộng lớn, lấy tay nắm bắt, sờ chạm vào, biến thân lên đến cõi Phạm thiên

thứ bảy.

Ví như thợ làm đồ gốm thiện xảo, trộn bùn thật đều, nắn ra hình tượng đẹp, khiến cho đất thó dính lại để làm đồ dùng, chẳng có gì mà không làm được. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, được thần thông tự tại biến hóa lên đến Phạm thiên.

Ví như thợ huấn luyện voi, ngựa, huấn luyện các voi ngựa đều khiến được thành tựu. Tỳ-kheo cũng như vậy, thần thông biến hóa, thân lên đến cõi Phạm thiên.

Ví như thợ vàng luyện vàng tinh xảo, lấy vàng ròng làm vòng ngọc đeo tay, xâu chuỗi, ấn ngọc khảm vàng xinh đẹp, tùy ý làm gì cũng thành. Tỳ-kheo cũng vậy, thần thông biến hóa, thân lên đến Phạm thiên, Tỳ-kheo giữ Tam-muội chánh thọ, tâm thanh tịnh, không tỳ vết, đạt đến chứng trí, được thần thông, tâm không vướng mắc, mắt có thể thấy được tất cả, thấy trên trời dưới đất các chỗ thiện ác, tai có thể nghe hết, nghe tiếng nói của chư Thiên con người và tiếng của loài trùng bò, hơi thở của người vật.

Ví như vị Đại sĩ trượng phu thổi kèn ốc lớn, đứng trên đài lớn, dùng hết sức để thổi, tiếng vang bốn phương đều nghe. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, tai đạo nghe khắp chư Thiên, nhân, thiện ác đều nghe được cả, do đã đắc đạo chứng thần thông, biết khắp tâm niệm thiện ác của người khác, có dục, không có dục, có sân hay không sân, có lòng từ hay không có lòng từ, có ngu si hay không ngu si, có trí tuệ hay không có trí tuệ, có phiền não hay không có phiền não, có đắc đạo chứng quả hay không đắc đạo chứng quả, loạn tâm hay tịnh tâm, siêng năng hay biếng nhác, công đức trí tuệ, hữu lượng vô lượng đều biết rõ cả.

Ví như quận, nước, huyện, ấp, không xa có một cái chòi lớn hoặc là lầu cao, có người đứng trên đó, thấy vô số người đi lại ra vào, kẻ trí thấy vậy, xem kẻ ra vào. Tỳ-kheo cũng như thế, thấy tâm con người thiện ác, tốt xấu cùng với tất cả hình loại trong thế gian.

Đức Phật nói:

–Vị Tỳ-kheo ấy đạt được thần thông nhớ về vô số sự việc trong đời quá khứ, có tâm trí tuệ hay tâm si mê. Thấy một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, ngàn vạn đời, vô số đời, qua lại xoay quanh, đất trời thành bại, nơi sanh của người đó, lại sanh nơi này, ở tại nơi này, tên gọi của địa phương, dòng họ, tên gọi, tướng mạo, thọ, yểu, đẹp, xấu, thiện ác. Chết chỗ kia sanh ở đây, chết ở đây sanh ở kia, đều biết rõ cả.

Ví như có người từ làng xóm này đến làng xóm khác, ngồi đứng, nói năng, ngủ nghỉ, không nói, rồi từ làng xóm kia trở lại làng xóm này,

ngồi đứng nói năng, kinh hành, đều biết rõ cả. Tỳ-kheo cũng vậy, có sự hiểu biết như biển, thấy sự việc vô số ở đời quá khứ.

Đức Phật nói:

–Tỳ-kheo được thần thông trong tâm thanh tịnh, đạo nhãn thấy khắp, xa hơn người thường, thấy người chết, sống, thiện ác, đẹp xấu, sanh ở cõi thiện, cõi ác, người mà thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, quán sát chân chánh, không tà kiến, duyên vào căn bản này, nên khi mạng chung được sanh lên trời, còn người mà thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, duyên vào căn bản này, sau khi chết đọa trong đường ác. Ví như có người đứng trên lầu cao thấy người đi bộ qua lại ra vào, ngồi, vui sướng hay buồn rầu. Tỳ-kheo đã được thần thông như thế, đạo nhãn thấy khắp, thanh tịnh không tỳ vết, thấy việc quá khứ vị lai.

Đức Phật nói:

–Tỳ-kheo đạt được thần thông, các lậu đã hết, trí tuệ chứng tam đạt, không còn nghi ngờ, rõ biết Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, trừ hữu lưu, vô lưu, không còn tâm si mê, thấy rõ cội nguồn, thâm sâu bền chắc không khác, thấy biết đúng như vậy, đã vượt qua dục lậu, nếu có si lậu, tâm đã thanh tịnh giải thoát, đã độ thoát rồi, trí độ đầy đủ, sanh tử đã đoạn, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, biết cội gốc của danh sắc.

Đức Phật nói:

–Đại vương, đó là đạo quả hiện tại của Sa-môn.

Bấy giờ A-xà-thế, vua nước Ma-kiệt đứng dậy lạy dưới chân Phật, tự hối hận lỗi lầm của mình, bạch Đức Thế Tôn:

–Con đã phạm trọng tội. Ví như đứa trẻ ngu si, không có trí tuệ, mê hoặc, mất trí, không biết quyền biến khéo léo. Đức Phật là Bậc Pháp Vương, là cha mẹ của tất cả, thường lập Chánh pháp cứu kẻ mê, lập ra pháp, không có sân, hận che lấp. Kể từ nay cho đến suốt đời, mong Đức Thế Tôn cho con quy y, tự thấy lỗi lầm xấu ác, lại thọ lãnh lời khuyên răn của Phật, nguyện sửa đổi lỗi lầm quá khứ, thuận tu ở tương lai.

Đức Phật dạy:

–Đại vương, như vua đã nói, ngài thật như đứa trẻ thơ, ngu si không trí tuệ, mê hoặc không có phương tiện, đã hại mạng của cha mẹ mình, nay quy y Bậc Pháp Vương, là đã được sanh lại, tự thấy điều tội lỗi, đối với pháp luật này, sẽ được thiện lợi, không có tổn hại.

Khi ấy vua A-xà-thế chắp tay hướng về Đức Phật thưa:

–Cúi mong Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo thọ nhận sự cúng dường

của con.

Đức Phật im lặng nhận lời. Nhà vua biết Đức Phật đã nhận lời, trong lòng vui mừng sung sướng, nhiễu quanh Phật ba vòng, cúi lạy rồi lui ra.

Khi nhà vua lui ra cách Phật không xa, bảo đồng tử Kỳ-vực:

–Khanh đã đem lại nhiều điều lợi ích cho ta, khiến ta đến chỗ Đức Phật, học hỏi Phật pháp, được gần gũi Thế Tôn, thoát khỏi tội nặng, làm cho tội nặng trở thành nhẹ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vua A-xà-thế đã được pháp sanh nhẫn, tuy có hại pháp vương nhưng đã biết trừ các ô uế, không còn các lậu, đã trụ nơi pháp mà không động chuyển, ngay chỗ này xa lìa mọi phiền não cấu uế, sanh các pháp nhãn.

Nhà vua trở về hoàng cung, ngay ban đêm đã cho bày soạn trăm thứ thức ăn ngon quý, thanh tịnh. Sáng sớm, vua liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu lạy dưới chân Đức Phật bạch:

–Đã đến giờ, thỉnh Thế Tôn phó trai.

Đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo Tăng, quyến thuộc vây quanh đi đến cung vua. Đức Phật và chúng Tăng đã ngồi xong, nhà vua lấy nước rửa chân tay, rồi bày đồ ăn uống, tự tay vua dâng cơm. Khi Đức Phật và chúng Tăng ăn và rửa tay xong, nhà vua liền lấy một cái ghế nhỏ, ngồi ở trước Đức Phật, nghe Phật thuyết pháp.

Nhà vua bạch Đức Phật:

–Cúi mong Đức Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh mời của con, an cư một mùa hạ, tại Vương xá cung. Con xin cúng dường không thiếu sót vật gì. Con sẽ xây cất năm trăm tinh xá cúng dường Phật để cho một ngàn hai trăm năm mươi vị có chỗ nghỉ ngơi, kho lẫm lúa thóc lớn nhỏ ở trong cung, con sẽ đem cúng dường.

Đức Phật dạy:

–Đại vương hoan hỷ tức là đã cúng dường Ta đầy đủ rồi. Trước đây Ta đã nhận sự thỉnh mời một mùa hạ của Trưởng giả Tu-đạt ở nước Xá-vệ rồi.

Nhà vua bạch Phật:

–Trưởng giả nước kia đã được thiện lợi. Đức Phật là vị trời giữa trời, trước đã thọ nhận lời thỉnh mời của vị đó.

Bấy giờ Đức Phật thuyết pháp cho vua A-xà-thế nghe, khiến tâm vua khai mở. Đức Phật nói kệ:

Đem lửa tế miếu thờ
Tối thượng trong tế tự
Vua tôn quý loài người
Biển là gốc các sông
Trăng sáng nhất tinh tú
Mặt trời chiếu ban ngày
Đã qua lại trên dưới
Giúp các mầm sinh trưởng
Trên trời, tại cõi người
Phật đạo là tối thượng.

Đức Phật nói kinh xong, vua A-xà-thế, chư Tỳ-kheo, chư Thiên, A-tu-la nghe kinh hoan hỷ, đảnh lễ lui ra.

❑

SỐ 23

KINH ĐẠI LÂU THÁN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn
Pháp Lập và Pháp Cự.

QUYỂN I

Phẩm 1: DIÊM-PHÙ-LỢI

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật cùng với chúng Đại Tỳ-kheo hai ngàn năm trăm vị du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, sau giờ thọ thực, chúng Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường, cùng nhau ngồi bàn luận:

–Thật là lạ lùng chưa từng có! Trời đất này hình thành như thế nào và hoại diệt như thế nào?

Từ xa, Đức Phật nghe rõ lời nói ấy của các Tỳ-kheo, sau giờ thọ thực, cùng ngồi bàn luận tại giảng đường. Đức Phật liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi xuống, rồi hỏi các Tỳ-kheo:

–Các thầy đang tập hợp để bàn luận việc gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Sau bữa cơm, chúng con tập hợp tại giảng đường, cùng bàn luận: "Thật lạ lùng chưa từng có! Trời đất hình thành như thế nào và hoại diệt như thế nào?" chỉ cùng nhau bàn luận việc đó mà thôi.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các vị có muốn nghe Như Lai nói để biết về thời kỳ hình thành và hoại diệt của trời đất không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Nay đã đến lúc, xin Đấng Thiên Trung Thiên vì các Tỳ-kheo chúng con nói cho biết về thời kỳ thành, hoại của đất trời. Tỳ-kheo chúng con nghe lời Phật dạy, sẽ phụng trì.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Nay Ta vì các ông mà nói.

Các Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Thế Tôn, chúng con rất muốn nghe để biết.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, nếu khi một mặt trời, mặt trăng xoay vần chiếu sáng bốn châu thiên hạ, thì bốn ngàn thiên hạ ở thế giới đó, có một ngàn mặt trời, mặt trăng, có một ngàn núi chúa Tu-di, có bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn cung rồng lớn, bốn ngàn đại Kim sí điểu (chim lớn cánh vàng), bốn ngàn đường ác, bốn ngàn đường ác lớn, bảy ngàn các loại cây lớn, tám ngàn các loại núi lớn, một vạn các loại địa ngục lớn, gọi đó là một Tiểu thiên thế giới bằng một ngàn Tiểu thế giới. Một ngàn Tiểu thiên thế giới như vậy thì gọi là Trung thiên thế giới. Một ngàn Trung thiên thế giới như vậy thì gọi là Tam thiên thế giới. Sự thành, hoại thiêu hủy hết, gọi đó là một cõi Phật.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, cõi đất ấy rộng sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, biên giới vô hạn; cõi đất đó ở trên nước, nước đó rộng bốn trăm sáu mươi vạn do-tuần, biên giới không giới hạn, ngăn ngại; gió lớn giữ nước, gió đó trải rộng hai trăm ba mươi vạn do-tuần, biên giới không giới hạn.

Này các Tỳ-kheo, biển lớn đó sâu tám trăm bốn mươi vạn do-tuần, biên giới không bờ, không đáy.

Này các Tỳ-kheo, núi Tu-di ăn sâu xuống biển lớn tám vạn bốn ngàn do-tuần, cao cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần, phía dưới hẹp, trên hơi rộng, trên đỉnh bằng phẳng. Đủ bốn chủng loại chúng sanh ở trên đó, đầy ấp không có chỗ trống; các đại tôn thần cũng ở trên đó, các tôn thần lại tôn một vị thần lớn, tất cả đều ở trên đó. Cung trời Đao-lợi ở trên núi Tu-di. Qua khỏi trời Đao-lợi, trên đó có cõi Diệm thiên; qua khỏi cõi Diệm thiên, có trời Đâu-suất; trên cõi trời Đâu-suất, có trời Ni-ma-la; qua khỏi trời Ni-ma-la, trên đó có trời Ba-la-ni-mật-hòa-da-việt-trí; qua khỏi đó, trên có trời Phạm-ca-di; qua khỏi cõi trời ấy, trên có cõi Thiên ma. Cung điện của cõi đó rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây; chung quanh đều dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, mã não, chơn châu đỏ, xa cừ chạm trổ vô cùng đẹp đẽ. Vách vàng cửa bạc, vách bạc cửa vàng; vách lưu ly cửa pha lê, vách pha lê cửa lưu ly; vách chơn châu đỏ cửa mã não, vách mã não cửa chơn châu đỏ; vách xa cừ cửa bằng các báu. Trang trí tuyệt đẹp, dùng toàn bảy báu: Lan can bằng vàng, trụ bằng vàng thì bậc thang

bằng bạc, lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê, thì bậc thang bằng lưu ly; lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ, thì bậc thang bằng mã não; lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang dùng tất cả vật báu để làm. Đường bằng vàng thì lề đường bằng bạc; đường bằng bạc thì lề đường bằng vàng; đường bằng lưu ly thì lề đường bằng pha lê; đường bằng pha lê thì lề đường bằng lưu ly; đường bằng chân châu đỏ thì lề đường bằng mã não; đường bằng mã não thì lề đường bằng chơn châu đỏ; đường bằng xa cừ thì lề đường bằng tất cả vật báu. Cây, gốc, thân bằng vàng thì cành, lá, hoa, quả bằng bạc; cây, gốc, thân cây bằng bạc thì cành, lá, hoa, quả bằng vàng; cây, gốc, thân cây bằng lưu ly thì cành, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây, gốc, thân cây bằng pha lê thì cành, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây, gốc, thân cây bằng chơn châu đỏ thì cành, lá, hoa, quả bằng mã não; cây, gốc, thân cây bằng mã não thì cành, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây, gốc, thân cây bằng xa cừ thì cành, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu. Trang trí tuyệt đẹp, đều dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não. Trên cửa có mái che, trên lan can có đường đi, dưới lầu có vườn, có nhà. Đất mát sanh các loại hoa, các loại cây, các loại lá. Các loại hoa sum suê, tỏa ra các mùi thơm; các loại chim bay, loại nào cũng hót lên tiếng thương yêu.

Qua khỏi cõi Thiên ma, trên có trời Phạm-ca-di; qua khỏi trời Phạm-ca-di, trên có trời A-vệ-hóa; qua khỏi đó, trên có trời Thủ-bì-cân; qua khỏi cõi ấy, có trời Tỷ-hô-phá; qua khỏi đấy thì có trời Vô nhân tưởng; qua khỏi cõi ấy có trời A-hòa; rồi đến trời Đáp-hòa; đến cõi trời Tu-đạt-xưng; trời Tu-đà-thi; trời A-ca-ni-trá; trời A-yết-thiền; trời Thức tri; trời A-nhân; trời Vô hữu tư tưởng diệc bất vô tưởng. Cho đến ở trên cõi đó có loài người; sanh, già, bệnh, chết, không vượt qua khỏi số phận như thế.

Phật dạy:

–Tỳ-kheo, tường thành của núi chúa Tu-di làm bằng bốn báu: lưu ly, pha lê, vàng, bạc. Phía Bắc núi chúa Tu-di có cõi tên là Uất-đơn-việt, mỗi mặt rộng dài bốn mươi vạn dặm, bốn phương bằng phẳng. Phía Đông núi chúa Tu-di có cõi tên là Phất-vu-đãi, mỗi mặt rộng dài sáu mươi vạn dặm, chu vi tròn đầy. Phía Tây núi chúa Tu-di có cõi tên là Câu-da-ni, mỗi mặt rộng dài ba mươi hai vạn dặm, như hình bán nguyệt. Phía Nam núi chúa Tu-di có cõi tên là Diêm-phù-lợi, mỗi mặt rộng dài hai mươi tám

vạn dặm. Bắc rộng, Nam hẹp, hông phía Bắc của núi chúa Tu-di, ánh thiên kim chiếu sáng cõi phương Bắc. Hông phía Đông của núi chúa Tu-di, ánh thiên ngân chiếu sáng cõi phương Đông. Hông phía Tây của núi chúa Tu-di, có ánh pha lê cõi trời chiếu sáng cõi phía Tây. Hông phía Nam của núi chúa Tu-di, ánh lưu ly cõi trời chiếu sáng cõi phía Nam. Cõi phương Bắc có cây tên là Ngân hành, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Cõi phía Đông có cây lớn tên là Điều hành, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Cõi Câu-da-ni có cây tên là Cân hành, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm; trên cây ấy có con trâu đá, cao bốn mươi dặm. Cõi Diêm-phù-lợi có cây tên là Diêm-phù, cao bốn ngàn dặm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Kim sí điểu vương và rồng có cây tên là Câu-lợi-đàm, cao bốn ngàn dặm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. A-tu-luân có cây tên là Thiện trú quá độ, cao bốn ngàn dặm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Phía Bắc của biển lớn có cây tên là Diêm, cao bốn ngàn dặm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Cõi phía Bắc, trong khu đất bao la có rừng cây tên là Am, mỗi mặt dài rộng hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Diêm-phá, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Đa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Na-đa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Nam, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Nữ, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Tiểu nhi, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Bách, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Chiên đàn, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Khư-bát, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Ban-nại, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Tỷ-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Đại lợi, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Nại, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là An thạch lựu, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Sao-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Pha-pha, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Pha-long, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là A-ma-lặc, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là A-lệ-lặc, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Tỳ-ê-lặc, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là vi, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Trúc, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là

Tha-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Hiệp-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Qua, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Đại qua, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Thoát hoa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Dục pha, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Tu nữ hoa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Bì-la, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Hòa sư, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Da-di, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Đầu tiên, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm; lại có rừng cây tên là Bồ đào, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm.

Qua khỏi đó là vùng đất trống; trên vùng đất trống ấy, lại có ao hoa Ưu-bát hai ngàn dặm, ao hoa sen hồng hai ngàn dặm, ao hoa sen trắng hai ngàn dặm, ao hoa sen vàng hai ngàn dặm, ao hoa sen xanh hai ngàn dặm.

Qua khỏi đó rồi, là vùng đất trống, trên vùng đất trống đó có biển Uất thiền, từ phương Đông và phương Tây chảy vào biển lớn. Trong biển Uất thiền ấy, thấy dấu vết của Chuyển luân vương quan sát thiên hạ, có dấu tích của Chuyển luân vương hiện ra khi du hành. Phía Bắc của biển Uất thiền có núi tên là Uất-đơn-gia.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, núi ấy rất vui, cây cối xinh tươi, sanh lá, trổ hoa, ra quả rất thơm tho, chỗ nào cũng có thú và chim, không có thứ gì khác.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, núi Uất-đơn-gia đó rất vui, đẹp đẽ, cao vòi vọi. Núi Uất-đơn-gia có núi nhỏ tên là Tu-đát-na, núi này có tám vạn cái hang, có tám vạn con voi ở trong đó, bảy ngày ăn một bữa, có sáu cái răng, trên to, dưới nhỏ, khoảng giữa răng nanh và răng thường, có vàng trám kín.

Qua khỏi núi Tu-đát-na, có núi tên là Đông vương rất cao, hơn một ức, phần trên núi đó cao bốn ngàn dặm. Trên núi ấy, có ao tên là A-na-đạt, rộng, dài hai ngàn dặm, cát dưới đáy đều là vàng, nước mát lạnh, êm ả, trong suốt, dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm bờ; bốn phía ao có tường; dưới đáy cũng có bài trí bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây, bao bọc xung quanh; đường đi bằng bảy báu, phối trí đẹp đẽ. Ao của Long vương A-nậu-đạt, bốn phía ao có thềm; thềm bằng vàng thì bậc thang bằng bạc, thềm bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; thềm bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; thềm bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly; thềm bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã

não, thềm bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; thềm bằng xa cừ thì bậc thang bằng bảy báu. Trên thềm có mái che, có lan can, có đường đi qua lại, có lầu. Trong ao đó, có hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng, hoa sen vàng; cũng có loại hoa màu lửa, màu vàng ròng, màu xanh, màu hồng, màu đỏ, màu trắng vây quanh. Hoa lớn như bánh xe, cọng lớn như trục bánh xe, nếu chích vào thì nhựa chảy ra như mùi sữa, vị ngọt như mật. Cung của Long vương A-nậu-đạt ở trong ao đó, tên là Bát-xà-đâu. Long vương A-nậu-đạt ở trong ấy. Long vương này có những gì quý? Vì sao gọi là Long vương A-nậu-đạt? Trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác trong thiên hạ, đều bị ba sức nóng thiêu đốt, Long vương A-nậu-đạt không bị ba sức nóng thiêu đốt. Lại nữa, ngoài Long vương A-nậu-đạt, còn các Long vương khác trong thiên hạ đều bị cát nóng rơi trên thân, thiêu đốt cháy vảy; vảy cháy rồi, thiêu đốt da; thiêu đốt da rồi, thiêu đốt gân; thiêu đốt gân rồi, thiêu đốt xương; thiêu đốt xương rồi, thiêu đốt tủy; bị thiêu đốt rất thống khổ; trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác đều bị nóng, riêng Long vương A-nậu-đạt thì không bị nóng. Vì vậy gọi là A-nậu-đạt. Đó là việc thứ nhất.

Lại nữa, trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác trong thiên hạ, khi khởi lên việc dâm dục, hướng đến nhau, thì bị gió nóng thổi đến trên thân, thiêu đốt thân rồng, liền mất nhan sắc, trở thành thân rắn, thật là kinh khủng, không vui! Các Long vương khác trong thiên hạ, trừ A-nậu-đạt, đều bị nóng, riêng Long vương A-nậu-đạt không bị nóng, vì vậy, gọi là A-nậu-đạt. Đó là việc thứ hai.

Lại nữa, các Long vương trong thiên hạ, trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác đều bị các Kim sí điểu vương xông vào cung điện, tất cả đều sợ bị ăn thịt. Nếu Kim sí điểu khởi ý nghĩ muốn xông vào cung của Long vương A-nậu-đạt, thì liền lại nghĩ sẽ tự chuốc lấy vô số tai biến vào thân. Trừ Long vương A-nậu-đạt, các Long vương khác trong thiên hạ, đều bị sức nóng dữ dội ấy, chỉ riêng Long vương A-nậu-đạt thì không bị nóng, vì vậy gọi là A-nậu-đạt. Đó là việc thứ ba. Do ba sự việc này, nên gọi là Long vương A-nậu-đạt.

Phía Đông có con sông lớn, một dòng chảy xuống, chia thành năm trăm nhánh sông khác, chảy quanh Long vương A-nậu-đạt, rồi chảy về hướng Đông vào biển lớn; phía Nam Long vương A-nậu-đạt, có dòng sông lớn tên là Hòa-xoa, chia thành năm trăm nhánh sông khác, chảy quanh Long vương A-nậu-đạt, rồi chảy vào biển lớn phía Nam; phía Tây Long vương A-nậu-đạt có dòng sông lớn, tên là Tín-đà, chia thành năm

trăm nhánh sông khác, chảy quanh Long vương A-nậu-đạt, rồi vào biển lớn phía Tây; phía Bắc Long vương A-nậu-đạt, có dòng sông lớn, tên là Tư đầu, chia thành năm trăm nhánh sông khác, chảy quanh Long vương A-nậu-đạt, rồi vào biển phía Bắc. Phía Nam núi Đông vương có nước tên là Duy-da-ly; phía Bắc Duy-da-ly có bảy ngọn núi đen, phía Bắc núi đen có bảy vị tiên Bà-la-môn ở đó, một là Cơ-cơ-du, hai là Thí-nê-lê, ba là Uất-đơn, bốn là Thiên, năm là Ca-xà, sáu là Ưu-đa-la, bảy là Ba-bi-đầu. Có núi tên là Hòa-đàm-ma. Qua khỏi bảy vị tiên Bà-la-môn, ở phía Bắc có núi tên là Càn-đàm-ma-ha-thuật, trong có hai cái hang, cái thứ nhất tên là Họa, cái thứ hai tên là Thiện, đều dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não, tạo thành, tô điểm mịn màng như áo lụa. Phía Bắc hang Họa có cây lớn tên là Thiện trú, có tám ngàn cây lớn vây quanh. Dưới cây lớn Thiện trú, có voi chúa tên là Thiện trụ ở dưới, có tám ngàn con voi đi vòng chung quanh; phía Bắc cây lớn Thiện trú có ao tắm tên là Ma-na-ma được làm bằng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não; bên bờ hào có tám ngàn ao tắm bao bọc chung quanh, nước trong các ao ấy đều mát lạnh, êm, đẹp, trong trẻo, cát dưới đáy đều là vàng, dùng bảy báu: vàng bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh. Cái ao ấy tuyệt đẹp. Lan can bằng vàng, trụ bằng vàng thì bậc thang bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly; lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não; lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng tất cả vật báu. Đường bằng vàng thì lề đường bằng bạc; đường bằng bạc thì lề đường bằng vàng; đường bằng lưu ly thì lề đường bằng pha lê; đường bằng pha lê thì lề đường bằng lưu ly; đường bằng chơn châu đỏ thì lề đường bằng mã não; đường bằng mã não thì lề đường bằng chơn châu đỏ; đường bằng xa cừ thì lề đường bằng tất cả vật báu, đều dùng bảy báu tạo thành, rất đẹp. Cây, cành, gốc bằng vàng thì thân, lá, hoa, quả bằng bạc; cây, cành, gốc bằng bạc thì thân, lá, hoa, quả bằng vàng; cây, gốc, cành bằng lưu ly thì thân, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây, gốc, cành bằng pha lê thì thân, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây, gốc, cành bằng chơn châu đỏ thì thân, lá, hoa, quả bằng mã não; cây, gốc, cành bằng mã não thì thân, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây, gốc, cành bằng xa cừ thì thân, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu; dùng bảy báu tạo thành bốn mặt chung quanh ao Ma-na-ma, rất đẹp. Dùng

bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thềm vàng, bậc thang bạc; thềm bạc, bậc thang vàng; thềm pha lê, bậc thang lưu ly; thềm lưu ly, bậc thang pha lê; thềm chơn châu đỏ, bậc thang mã não; thềm mã não, bậc thang chơn châu đỏ; thềm xa cừ, bậc thang bằng tất cả vật báu; dùng bảy báu làm rất đẹp. Trên thềm có mái cong che; trên lan can có đường đi; dưới lầu có vườn, nhà, có ao tắm, cây cối sanh ra các loại hoa, các loại quả, tỏa ra các mùi thơm; trong đó cá các loài chim bay, cùng hót lên tiếng thương yêu. Trong ao Ma-na-ma, có hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng, hoa sen đỏ; trong đó có cái màu hồng, cái màu vàng ròng, cái màu xanh, cái màu vàng, cái màu đỏ, cái màu trắng, đủ các loại màu xen lẫn; các loài hoa vây quanh ấy lớn như bánh xe, cọng của các loài hoa ấy lớn như trục bánh xe. Chích vào hoa ấy thì nhựa của nó chảy ra như sữa, vị nó như mật. Voi chúa Thiện trụ khi khởi ý nghĩ muốn vào trong ao tắm rửa cho thỏa thích, thì liền nghĩ đến tám ngàn voi chúa khác. Khi ấy tám ngàn voi chúa đó nói: "Voi chúa Thiện trụ đã nghĩ đến chúng ta", liền cùng nhau đến trước chỗ voi chúa Thiện trụ ở. Khi ấy voi chúa Thiện trụ cùng với tám ngàn voi chúa đi đến ao Ma-na-ma. Trong đàn voi, có con cầm lọng, cầm quạt đi vòng chung quanh. Giữa lúc ấy, có con voi rất hăng say tên là Cơ-na ở trước ca múa, biểu diễn các loại nhạc hay.

Khi ấy voi chúa Thiện trụ vào trong ao Ma-na-ma tắm rửa, diễn các loại nhạc hay, cùng nhau vui chơi thỏa thích. Trong đàn voi, có con rửa vòi, miệng cho voi chúa; có con rửa ngà, đánh răng; có con gội đầu, có con kỳ lưng; có con rửa bụng, có con rửa bắp vế, có con rửa đầu gối; có con rửa chân, có con rửa đuôi; có con nhổ gốc hoa, rửa để cho voi chúa ăn, có con lấy vòi quấn lấy hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng xoa lên đầu voi chúa.

Bấy giờ, voi chúa Thiện trụ tắm rửa thoái mái, ăn uống xong, liền đến dưới bóng cây Thiện trú; đến lượt tám ngàn con voi chúa lần lượt vào ao đó để tắm rửa, tấu lên các loại nhạc hay, cùng nhau ăn uống thỏa thích, rồi cùng nhau quay về chỗ voi chúa Thiện trụ.

Lúc ấy voi chúa Thiện trụ cùng với đông đủ tám ngàn voi chúa, trước sau vây quanh, trở lại bên cây Thiện trú. Trong đàn voi đó, có con cầm lọng che cho voi chúa, có con cầm quạt quạt; phía trước có tấu nhạc hay và ca múa. Về đến khu rừng Thiện trú, voi chúa đứng, nằm, đi lại tùy thích; tám ngàn voi chúa khác, mỗi con cũng tùy ý đứng nằm, đi lại nơi khu rừng cây ấy theo ý muốn. Trong tám ngàn cội cây của đàn voi, có cây

chu vi bốn trượng, chín thước; có cây chu vi năm trượng, sáu thước; có cây chu vi sáu trượng, ba thước; có cây chu vi bảy trượng, bảy thước; có cây chu vi tám trượng, bốn thước; có cây chu vi chín trượng, một thước; có cây chu vi chín trượng, năm thước; có cây chu vi mười một trượng, hai thước. Cội cây của voi chúa Thiện trụ, chu vi của thân mười trượng, chín thước. Khi cành lá của tám ngàn cây ấy rơi rụng, thì gió liền thổi sạch. Lúc tám ngàn voi chúa ấy đại tiểu tiện, thì các quỷ thần dọn sạch.

Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, voi chúa Thiện trụ oai thần tôn quý, lớn lao đến như thế, loài súc sanh say máu mà còn được như vậy!

-oOo-

Phẩm 2: UẤT-ĐƠN-VIỆT

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Cõi Uất-đơn-việt, chu vi rộng dài mỗi mặt bốn mươi vạn dặm; phía Bắc cõi ấy có vô số các loại núi. Hai bên dòng sông của vùng ấy có các loại cây, nước sông chảy êm ả, có các loại hoa, tụ thành nhóm, trôi theo dòng nước. Hai bên bờ sông có thuyền có hình dạng rất đẹp, dùng bốn thứ báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê tạo thành. Ở giữa phía Bắc cõi ấy, có ao tắm tên là Uất-nan-đà, dài rộng bốn ngàn dặm, nước ao êm mát trong trẻo, có bảy lớp vách, cát dưới ao đều là vàng. Ao tắm Nan-đà, bốn mặt chung quanh đều có thềm, dùng bốn thứ báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê tạo thành; bệ bằng vàng thì bậc thang bằng bạc, bệ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; bệ bằng lưu ly thì bậc thang pha lê; bệ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly. Trong ao Nan-đà có hoa sen xanh, hoa sen trắng, hoa sen vàng, hoa sen đỏ; trong đó có cái màu hồng, có cái màu vàng ròng, có cái màu đỏ, có cái màu trắng vây quanh. Gốc thân, nếu bị cắt thì nhựa của nó chảy ra như sữa, vị nó như mật, ánh sáng chiếu đến bốn mươi dặm, mùi thơm của nó cũng tỏa ra bốn mươi dặm. Phía Đông ao tắm Nan-đà, có con sông tên là Dĩ vị. Phía Nam ao tắm Nan-đà, có con sông tên là Tu-yết. Phía Tây ao tắm Nan-đà, có con sông tên là Bại thổ. Phía Bắc ao tắm Nan-đà, có dòng sông tên là Thiện chủng. Nước của các dòng sông ấy đều chảy êm ả; trong đó có các loại hoa tụ thành nhóm, trôi theo dòng nước. Hai bên bờ sông có các loại cây, dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê tạo thành hai bờ sông.

Phía Đông của ao tắm Nan-đà, có khu vườn tên là Hiền thượng, có

bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh, dùng bốn thứ vàng, bạc, lưu ly, pha lê tạo thành rất đẹp. Trong vườn Hiền thượng, có cây Hương, trổ hoa, kết quả, bổ quả tỏa ra các loại mùi thơm; có cây Táo hương trổ hoa, kết quả, bổ quả ra, toát ra các loại mùi thơm; có cây Y bị, có cây Anh lạc, có cây Bất tức đang trổ hoa, kết quả, nếu bổ quả thì hiện ra các thứ áo, mền, ngọc Anh lạc, các thứ ấy cứ ra mãi không thôi. Có cây Diệp, cây Khí, cây Âm nhạc trổ hoa, kết quả nếu bổ quả ra, thì xuất hiện các thứ đồ dùng, các thứ quả, các thứ nhạc cụ. Cây ấy cao bảy dặm; có cây cao sáu dặm, năm dặm, bốn dặm, ba dặm, hai dặm; cây thấp nhất cao một dặm.

Phía Nam ao tắm Nan-đà, có khu vườn tên là Dữ hiền, có bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh, dùng bốn thứ báu tạo thành. Trong vườn có cây Hương, cây Đảo hương, cây Y bì, cây Anh lạc, cây Bất tức, cây Khí, cây Diệp đều trổ hoa, kết quả, bổ quả ra thì tỏa các loại mùi thơm, nước thơm và hiện ra các loại áo, mền, ngọc Anh lạc không dứt, cùng các thứ đồ dùng như trái cây, âm nhạc. Cây nhỏ nhất cao mười dặm, hai mươi dặm, bốn mươi dặm, cao nhất là bảy mươi dặm.

Phía Tây ao tắm Nan-đà, có khu vườn tên là La-việt, dùng bốn thứ báu tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh. Các cây mọc ở đó cao thấp cũng giống như vườn ở phía Đông.

Phía Bắc ao tắm Nan-đà, có khu vườn tên là Thường hữu hoa cũng dùng bốn loại báu vàng, bạc, pha lê, lưu ly tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh. Các cây mọc ở đó, cao thấp cũng giống như khu vườn ở phía Đông.

Cõi phía Bắc, có loại cây cong xuống đan vào nhau giống như đường đi. Người ở cõi phía Bắc đứng nằm trên đó, nam, nữ có chỗ riêng biệt. Có loại lúa thơm tinh khiết, không cày cấy gieo trồng mà tự nhiên mọc, bốc lên đủ loại hương vị. Người muốn ăn thì lấy gạo thơm tinh khiết thổi nấu. Có loại ngọc tên là Diệm vị, dùng búa đập xuống, ánh sáng hiện ra làm chín cơm. Người ở bốn phương đến đều cùng nhau ăn, ăn no mà cơm cũng chưa hết. Không có trộm cướp, người ác, không ai nói là vợ con ta, không có người làm ruộng, ăn cơm xong, sắc mặt tươi nhuận, có oai thần. Con trai, con gái, nếu khởi ý dâm dục, nhìn nhau mà không nói gì, người con trai đi trước, người con gái theo sau, đi đến và vào trong vườn, cùng nhau thọ lạc; hai ngày, ba ngày, hoặc đến bảy ngày, mỗi người

tùy ý ra về, không tùy thuộc vào nhau. Người con gái mang thai, bảy ngày, tám ngày thì sanh, hoặc trai, hoặc gái, liền bồng ra giữa ngã tư đường. Nếu có người từ các phương Đông, Tây, Bắc, Nam đến, đưa tay cho mút ra sữa để uống. Sau bảy ngày, tự nhờ phước đức lớn lên, giống như người ở lứa tuổi hai mươi, hoặc hai mươi lăm ở châu Diêm-phù-lợi.

Cõi phía Bắc, bao bọc bốn phía có nước tên là A-nậu-đạt. Qua đêm, mây nổi lên, trời mưa xuống nước có tám vị, như trong khoảng một bữa ăn của người, tẩy rửa sạch bụi bặm cõi phía Bắc, bụi bặm không sinh lại nữa; giống như dầu Tô-ma rưới trên đất, bụi không sinh được, cõi phía Bắc cũng như thế, bụi bặm không sinh được. Giống như một người thợ kết vòng hoa, hoặc đệ tử của vị thợ đó, dùng các loại hoa kết thành vòng, tay trái cầm vòng hoa, tay phải dùng nước xối cho vòng hoa hết bụi; cõi phía Bắc cũng như vậy, đất không dấy bụi, luôn có dòng nước chảy sanh ra cây cỏ, luôn có lá, hoa, quả; trong đó có cỏ xanh, giống như màu cánh của chim Khổng tước, mùi thơm của nó như mùi thơm Chiên đàn, chân giẫm lên, liền lún xuống bốn tấc, chân dỡ lên, cỏ lại bung lên như cũ.

Người ở cõi phía Bắc muốn đến trong vườn Hiền thượng, vui chơi giải trí với nhau, ngay khi ấy, lên thuyền đến bên bờ, cởi áo tắm gội, cùng nhau vui chơi rồi, liền bỏ thuyền qua sông, đi đến vùng cây Hương, lấy hương xoa mình, đến vùng cây Mền, áo, lấy áo mặc, đến vùng cây Bất tức, vùng cây Anh lạc, vùng cây Đồ dùng, vùng cây Quả, vùng cây Âm nhạc, lấy vòng ngọc anh lạc để đeo, lấy đồ dùng, nhạc cụ, rồi đến vườn Hiền thượng. Khi úa tàn, hoa trong vườn Hiền thượng, bị gió thổi rụng xuống đất, ngập tới đầu gối người, rồi gió tứ phương đến thổi sạch đất trong vườn.

Khi ấy mọi người cõi phía Bắc, đều vào trong vườn Hiền thượng, cùng nhau vui chơi thỏa thích, hai ngày ba ngày cho đến bảy ngày; sau đó mọi người tự ra về theo ý mình không có gì ràng buộc. Cho đến các vườn Dữ hiền thượng, vườn La-việt, vườn Thường hữu hoa cũng lại như vậy.

Khi muốn ăn, người ở cõi phương Bắc lấy gạo thơm tinh khiết thổi nấu, dùng ánh sáng của ngọc Diêm vị, đốt ở dưới thì cơm chín. Nếu có người từ phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, đến chỗ đó, đều ăn cơm ấy, người đến đã ăn xong nhưng cơm cũng không hết.

Người cõi phương Bắc có cây tên là Tượng đầu, phần trên cong, đâu vào nhau, trông như đường đi; nhân dân nghỉ đêm tại đó; trai gái có chỗ riêng biệt.

Người cõi phương Bắc, tóc đều nhau, màu xanh biếc, dài tám thước.

Sắc mặt người dân như nhau, dài, ngắn bằng nhau, người nữ cũng vậy. Nhân dân thực hành mười điều thiện, lại không bày cho nhau làm điều ác, đều thọ ngàn tuổi, không ai thiếu. Sau khi chết, có người sanh lên cõi trời Đao-lợi, sanh lên cõi trời Đâu-suất, có người sanh lên cõi trời Ni-ma-la, có người sanh lên cõi trời Ba-la-ni-mật. Ở trên cõi trời, thọ mạng hết, sanh xuống trong cõi người Diêm-phù-lợi, được sanh vào nhà đại hào phú, hoặc nhà đại trưởng giả, Bà-la-môn.

Người cõi phương Bắc, khi đại tiểu tiện, đất nứt ra, chôn vào lòng đất, chỗ đó sạch sẽ, không có vật uế hôi thối.

Người ở phương Bắc, đàn ông, đàn bà khi chết rồi, dùng áo mền phủ lên, không khóc lóc, rồi đem để ở ngã tư đường. Có con chim tên là Uất-giá gắp xác chết đi ra khỏi cõi phương Bắc.

Vì sao gọi là Uất-đơn-việt? Cõi Uất-đơn-việt, hơn hẳn ba cõi khác, lại cao hơn hết, vì vậy gọi là Uất-đơn-việt. Nhân dân ở cõi Uất-đơn-việt ăn gạo thơm tinh khiết, không có trộm cướp, không có kẻ ác, không có danh từ vợ ta, không có danh từ con ta; nhan sắc rất đẹp, có oai thần, không có ai chết yểu; sau khi chết, sanh về cõi lành, vì vậy gọi là Uất-đơn-việt.

-oOo-

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG 1

Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, khi thế gian có Chuyển luân vương, bảy báu có bốn đức tự nhiên sanh ra. Bảy thứ báu ấy là gì? Một là bánh xe báu bằng vàng, hai là voi báu trắng, ba là ngựa báu xanh biếc, bốn là ngọc minh nguyệt báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là vị thánh quan báu chủ quản kho tàng, bảy là vị tướng quân báu chủ quản quân đội.

Bánh xe báu bằng vàng của Chuyển luân vương là loại gì? Vào ngày rằm trăng tròn vua tắm gội, rồi lên lầu cao cùng ngồi với thể nữ, thấy ở phương Đông có bánh xe bằng thiên kim tự nhiên lăn đến; có ngàn tăm hoàn hảo, tất cả đều dùng vàng trời tạo thành, cao một trượng, bốn thước. Vua thấy rồi, tự nghĩ: “Ta nghe từ các bậc tiên thánh dạy: “Nếu có vị vua vào ngày rằm trăng tròn, tắm gội rồi lên lầu cao, cùng ngồi với thể nữ, thấy ở phương Đông có bánh xe vàng tự nhiên hiện, thì liền được thành Chuyển luân vương”. Vua tự nghĩ, muốn thử bánh xe vàng. Lúc bấy giờ

Chuyển luân vương liền thử bánh xe vàng, bèn tập hợp bốn binh đi đến chỗ bánh xe vàng, chỉnh đốn y phục, quỳ thẳng, vòng tay, dùng tay phải chỉ về phía bánh xe vàng khiến bay về phương Đông, bánh xe vàng liền bay về phương Đông. Chuyển luân vương liền cùng với bốn bộ binh và người nhà, thân quyến, tất cả đều bay theo. Chư Thiên trên cõi trời Tứ thiên vương cũng đều bay trước bánh xe vàng. Bánh xe vàng đến chỗ, dừng lại. Chuyển luân vương cùng bốn bộ binh, người nhà, thân thuộc, đều dừng nghỉ đêm ở đó.

Lúc ấy các vua ở phương Đông, không chần chờ, kịp thời đem bát vàng đựng đầy cơm bạc, bát bạc đựng đầy cơm vàng, cùng nhau đến chỗ Chuyển luân vương thưa:

–Thiên vương đến đây, thật là quý hóa! Các thành quách, cõi nước ở phương Đông này giàu có, vui vẻ, hưng thịnh, an ổn; năm thứ lúa thóc nhiều, tốt, nhân dân đông đúc, nhiều thứ châu báu, thợ giỏi cũng nhiều, ngọc minh nguyệt, ngọc lưu ly, voi trắng, ngựa, trâu, bò, dê, nô tỳ, lúa gạo rất nhiều, kho tàng đầy ắp. Xin Đại vương ở lại đây, chúng tôi xin nhận lãnh sự dạy bảo của người. Chuyển luân vương liền bảo các vua:

–Chư Hiền, các vị tự dùng chánh pháp trị nước, đừng làm việc phi pháp. Chư Hiền chỉ dạy đừng sát sanh, đừng trộm cắp, đừng xâm phạm phụ nữ của người khác, đừng nói dối, chửi bới, nói lời ác, nói hai lưỡi; đừng nghĩ điều ác, nên dùng lòng từ mà cai trị, hãy phụng hành đầy đủ! Làm được như vậy, tức là đã nhận lãnh lời giáo huấn của ta.

Bấy giờ các tiểu vương đem cõi nước dâng lên Chuyển luân vương. Chuyển luân vương trụ lại ở đó, rồi đi tuần du các nước phương Đông. Thời gian dừng lại ở đây, số năm không kể xiết, cùng nhau hưởng vui thú thỏa thích; ăn uống thì được biển phía Đông cung cấp. Xong rồi, trở về.

Vua hàng phục cõi Diêm-phù-lợi ở phương Nam cũng thế, lại cùng người nhà, thân thuộc và bốn bộ binh bay trước bánh xe vàng, Lại đến cõi Cu-da-ni ở phương Tây cũng như vậy, lại đến cõi Uất-đơn-việt ở phương Bắc cũng như vậy, các trời trên cõi Tứ thiên vương đều bay phía trước bánh xe vàng. Bánh xe vàng đến chỗ dừng lại. Chuyển luân vương cùng với người nhà, thân thuộc và bốn bộ binh dừng lại ở đó.

Bấy giờ các tiểu vương ở phương Bắc dùng bát vàng chứa đầy cơm bạc, dùng bát bạc chứa đầy cơm vàng đều đi đến chỗ Chuyển luân vương thưa:

–Thiên vương đến đây, thật là quý hóa! Các thành quách, cõi nước ở phương Bắc này, giàu có, vui vẻ, hưng thịnh, an ổn, năm thứ lúa thóc

nhiều, tốt, nhân dân đông, châu báu nhiều, thợ giỏi cũng nhiều, ngọc minh nguyệt, ngọc lưu ly, voi trắng, ngựa, trâu, bò, dê, nô tỳ, lúa gạo rất nhiều, kho tàng đầy ắp. Xin Đại vương ở lại đây, chúng tôi xin nhận lãnh sự dạy bảo của ngài.

Chuyển luân vương liền bảo các tiểu vương:

–Chư Hiền, các vị tự dùng chánh pháp trị nước, đừng làm điều phi pháp. Chư Hiền, các vị đừng sát sanh, đừng trộm cắp, đừng xâm phạm phụ nữ của người khác, đừng nói dối, chửi bới, nói ác, nói hai lưỡi; đừng nghĩ đến điều ác của người, nên nghĩ đến lòng từ, làm theo chánh kiến. Làm được như vậy tức là đã nhận lãnh lời giáo huấn của ta.

Lúc ấy các tiểu vương đem cõi nước dâng lên. Chuyển luân vương trụ lại ở đó, rồi tuần du các nước phương Bắc. Thời gian dừng lại ở đây, số năm không kể xiết, cùng nhau hưởng vui thú thỏa thích; ăn uống thì được biển phía Bắc chu cấp. Sau đó, vua cùng người nhà, thân thuộc và bốn bộ binh trở lại cõi Diêm-phù-lợi. Cõi Diêm-phù-lợi, oai thần lớn lao, bánh xe vàng cũng vậy, lúc ấy đo được, từ Đông sang Tây dài bốn trăm tám mươi dặm, từ Nam sang Bắc rộng hai trăm tám mươi dặm. Chư Thiên vì Chuyển luân vương mà tạo dựng bảy lớp thành lũy, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh; bài trí đẹp đẽ, đều dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não; vách bằng vàng thì cửa bằng bạc, vách bằng bạc thì cửa bằng vàng, vách bằng lưu ly thì cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê thì cửa bằng lưu ly, vách bằng chơn châu đỏ thì cửa bằng mã não, vách bằng mã não thì cửa bằng chơn châu đỏ, vách bằng xa cừ thì cửa bằng tất cả vật báu. Bốn phía chung quanh thành đều có cửa. Lan can bằng vàng, trụ bằng vàng thì bậc thang bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly; lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não; lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng bằng tất cả vật báu. Đường bằng vàng thì lề đường bằng bạc; đường bằng bạc thì lề đường bằng vàng; đường bằng lưu ly thì lề đường bằng pha lê; đường bằng chơn châu đỏ thì lề đường bằng mã não; đường bằng mã não thì lề đường bằng chơn châu đỏ; đường bằng xa cừ thì lề đường bằng tất cả vật báu. Lại dùng bảy báu tạo thành cây cảnh thật đẹp đẽ: cây, gốc, cành bằng vàng thì thân, lá, hoa, quả bằng bạc; cây, gốc, cành bằng bạc thì thân, lá, hoa, quả bằng vàng; cây, gốc,

cành bằng lưu ly thì thân, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây, gốc, cành bằng pha lê thì thân, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây, gốc, cành bằng chơn châu đỏ thì thân, lá, hoa, quả bằng mã não; cây, gốc, cành bằng mã não thì thân, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây, gốc, cành bằng xa cừ thì thân, lá hoa, quả bằng tất cả vật báu. Trên cửa có mái che. Đường đi có nhà lầu bên lề, có vườn, có nhà. Trong ao tắm có các loại cây, các loại lá, các loại hoa, các loại quả, tỏa ra các thứ mùi thơm; các loài chim cùng nhau hót. Thành làm xong, linh thiêng hùng vĩ, bánh xe vàng dừng lại ở đó. Thành ấy đo được từ Đông sang Tây tám mươi dặm, từ Nam sang Bắc bốn mươi dặm.

Khi ấy chư Thiên vì Chuyển luân vương dùng bảy báu tạo dựng cung điện có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi bằng bảy báu, bảy lớp hàng cây bằng bảy báu bao bọc chung quanh. Trên bảy lớp cửa có mái che; đường đi có nhà lầu, dưới có vườn, ao tắm, các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại chim cùng nhau hót.

Tạo dựng cung điện của Chuyển luân vương xong, bánh xe vàng liền dừng trước cửa cung điện, trên hư không.

Bấy giờ Chuyển luân vương vô cùng vui vẻ, hoan hỷ nói:

–Chính vì ta mà bánh xe vàng báu tự nhiên hiện. Ta nay vì thế thành Chuyển luân vương.

Phật dạy:

–Chuyển luân vương có bánh xe vàng báu tự nhiên như thế, còn voi trắng báu của Chuyển luân vương là loại gì?

Chuyển luân vương sáng sớm cùng với các bề tôi, hội họp bàn luận, liền khi ấy, tự nhiên có voi trắng hiện ra trước mặt. Thân thể hoàn hảo, toàn màu trắng, có thể bay đi, tướng đoan chánh; đầu đỏ có sáu ngà, trên to, dưới nhỏ, ngà màu vàng ròng đẹp như tranh vẽ. Chuyển luân vương thấy xong liền nghĩ: "Con voi này nếu có thể điều phục được, thì sẽ trở nên hiền lành", liền cho người điều khiển voi điều khiển thử, chỉ mới thực hiện một lần mà đã điều khiển rất tốt, như một con vật đã thuần thục.

Lúc ấy Chuyển luân vương muốn thử voi báu trắng, liền cho tập hợp bốn bộ binh, trang bị cho voi trắng thật trang nghiêm, rồi cưỡi voi trắng, khi mặt trời vừa mọc, liền ra khỏi cửa cung, bay đi vòng quanh trong bốn biển, ngay tức khắc trở về cung, cùng nhau vui vẻ an tọa.

Bấy giờ Chuyển luân vương vô cùng vui vẻ, thích thú nói:

–Chính vì ta mà voi báu trắng tự nhiên hiện. Ta nay đã thành Chuyển luân thánh vương.

Chuyển luân vương có voi trắng báu như thế, còn ngựa báu màu xanh biếc của Chuyển luân vương là loại gì?

Chuyển luân vương, sáng sớm cùng bề tôi bàn luận. Khi ấy vua thấy có ngựa màu xanh biếc tự nhiên ở trước mặt. Ngựa đó, thân xanh, lông trơn láng, đầu đen. Chuyển luân vương tự nghĩ: "Nếu có ai điều khiển con ngựa này thì sẽ tốt ngay", liền cho người điều khiển ngựa đến, tức thời điều khiển rất tốt, như một con ngựa hiền lành.

Bấy giờ Chuyển luân vương muốn thử con ngựa báu màu xanh biếc, liền tập hợp bốn bộ binh, trang bị xong, cưỡi ngựa, mặt trời chưa mọc, đã ra khỏi cửa cung, liền cùng với bốn bộ binh bay đi vòng quanh trong bốn biển và ngay ngày ấy, trở về cung, cùng nhau vui vẻ an tọa. Chuyển luân vương vô cùng vui mừng, nói:

–Chính vì ta mà ngựa báu xanh biếc tự nhiên hiện. Ta nay đã thành Chuyển luân vương.

Đã có con ngựa báu màu xanh biếc như vậy, còn ngọc báu minh nguyệt của Chuyển luân vương là loại gì?

Khi Chuyển luân vương, vào buổi sáng, cùng với các bề tôi đang ngồi bàn luận, bỗng thấy có ngọc báu minh nguyệt tự nhiên hiện ở trước mặt. Ngọc ấy xanh màu lưu ly, tám mặt trơn láng, đẹp đẽ, trong suốt, có ánh sáng tỏa chiếu. Chuyển luân vương thấy rồi, tự nghĩ: "Nếu treo ngọc này để chiếu sáng trong hậu cung của ta thì tuyệt đẹp".

Lúc ấy Chuyển luân vương muốn thử ngọc báu minh nguyệt, liền tập hợp bốn bộ binh, lấy ngọc báu gắn lên đầu ngọn cờ, ban đêm, ra khỏi cung, cùng với bốn bộ binh. Bấy giờ, ngọc báu minh nguyệt chiếu sáng nhà các Trưởng giả, Bà-la-môn, làm họ thức dậy, cho là đã sáng nên sai nô tỳ đi chợ mua sắm. Ngọc ấy chiếu đủ sáng để bốn bộ binh ra khỏi cung bốn mươi dặm, bay đi vòng quanh trong bốn biển, ngay đêm ấy, trở về hoàng cung an tọa. Chuyển luân vương vô cùng vui mừng, thích thú, nói:

–Chính vì ta mà ngọc báu minh nguyệt tự nhiên hiện. Ta nay đã thành Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương đã có ngọc báu minh nguyệt như thế.

-oOo-

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN II

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG 2

Chuyển luân vương có ngọc nữ báu thế nào?

Sáng sớm, Chuyển luân vương cùng với các đại thần ngồi bàn luận. Khi ấy, có ngọc nữ báu hiện ra ở trước, đoan chánh đẹp đẽ, sắc diện không ai bằng, cũng không cao, không thấp, không mập, không ốm, không trắng, không đen; mùa đông, thân ấm áp, mùa hạ, thân mát mẻ; lỗ chân lông khắp thân thể đều tỏa ra mùi hương chiên đàn, miệng thơm mùi hoa sen. Chuyển luân vương rất yêu quý, chẳng khởi ý dâm dục với ai khác, huống là tự thân làm.

Bấy giờ Chuyển luân vương rất vui mừng, phấn khởi nói:

–Chính vì ta, nên ngọc nữ báu tự nhiên hiện. Nay ta đã thành Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương có ngọc báu nữ như thế, còn vị quan chủ quản kho tàng báu của Chuyển luân vương là thế nào?

Sáng sớm, Chuyển luân vương ngồi bàn luận. Khi ấy vua thấy vị thánh quan chủ quản kho tàng báu hiện ở trước mặt, thông minh, hiểu việc, chí thành, đi đến chỗ Chuyển luân vương thưa:

–Chuyển luân vương muốn cần việc gì, thần sẽ vì Thiên vương mà phục vụ. Thiên vương chỉ ngồi yên ổn.

Chuyển luân vương muốn thử vị thánh quan chủ quản kho tàng báu, liền tập họp bốn bộ binh, lên thuyền ra biển, bảo với vị ấy:

–Ta muốn được vàng bạc châu báu, ngươi hãy cung cấp cho ta.

Vị thánh quan chủ quản kho tàng báu tâu với Chuyển luân vương:

–Qua biển rồi, thần sẽ cung cấp tùy theo ý vua.

Vua bảo:

–Nay ta cần dùng ngay tại đây, hãy mau cung cấp cho ta vàng, bạc, châu báu. Qua biển rồi ta chẳng cần dùng nữa.

Vị thánh quan chủ quản kho tàng nghe xong, tuân theo lệnh truyền

bảo của vua liền, sửa y phục, quỳ thẳng trên thuyền, tay phải khuấy nước, lấy đồ đựng múc vàng, bạc, châu báu. Giống như loài trùng bám trên cây, các loại vàng, bạc, châu báu ở trên tay cũng như vậy.

Lúc ấy vị thánh quan chủ quản kho tàng đem các loại châu báu để trên thuyền và tâu với Chuyển luân vương:

–Ngài muốn bao nhiêu vàng, bạc, châu báu, nay thần cung cấp cho ngài.

Chuyển luân vương bảo với vị thánh quan chủ kho tàng:

–Vàng, bạc, châu báu ta đã có rất nhiều. Ta chỉ muốn thử khanh thôi.

Vị thánh quan chủ kho tàng nghe rồi liền đem vàng, bạc, châu báu bỏ trở lại xuống nước.

Bấy giờ Chuyển luân vương rất vui mừng, hân hoan nói:

–Chính vì vậy mà vị thánh quan chủ quản kho tàng báu tự nhiên hiện. Nay ta đã thành Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương có vị thánh quan chủ kho tàng báu như thế.

Chuyển luân vương có vị tướng quân báu chủ quản quân đội ra sao?

Sáng sớm, Chuyển luân vương ngồi bàn luận. Khi ấy vua thấy có vị tướng quân chủ quản quân đội ở trước mặt, thông minh, dũng mãnh, rành việc, đi đến chỗ Chuyển luân vương và tâu vua:

–Nhà vua muốn làm việc gì, thần sẽ thi hành. Vua chỉ ngồi yên chớ lo.

Lúc ấy Chuyển luân vương muốn thử vị ấy, liền tập hợp bốn binh chủng, bảo với vị tướng quân báu:

–Ai chưa biết binh pháp, thì dạy cho họ biết; người đã biết rồi, thì dạy cho họ biết thêm; người chưa biết kỷ luật, thì dạy cho họ biết; người chưa biết cưỡi ngựa, bắn cung thì dạy cho họ biết.

Vị tướng quân chủ binh báu liền nhận lệnh, huấn luyện toàn thể binh chủng.

Chuyển luân vương rất vui mừng, hân hoan nói:

–Chính vì ta mà vị tướng quân báu chủ quản quân đội tự nhiên hiện. Nay ta đã thành Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương có vị tướng quân báu chủ quản quân đội như thế.

Phật dạy:

–Chuyển luân vương có bảy báu như vậy.

Phật dạy:

–Chuyển luân vương có bốn đức. Bốn đức ấy là gì?

Một là rất giàu có. Các thứ châu báu, ruộng, nhà, nô tỳ, châu ngọc, voi, ngựa, thợ giỏi rất nhiều. Người giàu có trong thiên hạ không ai bằng Chuyển luân vương. Đó là đức thứ nhất của Chuyển luân vương.

Hai là rất đoan chánh đẹp đẽ. Nhan sắc của Chuyển luân vương không ai bằng. Người đoan chánh, đẹp đẽ trong thiên hạ không ai bằng Chuyển luân vương. Đó là đức thứ hai của Chuyển luân vương.

Ba là thường an ổn, không bệnh tật. Thân Chuyển luân vương bình yên, không nóng cũng không lạnh, ăn uống các thứ theo ý thích đều được an ổn. Người không bệnh trong thiên hạ không có ai như Chuyển luân vương. Đó là đức thứ ba của Chuyển luân vương.

Bốn là Chuyển luân vương sống lâu an ổn. Người sống lâu an ổn trong thiên hạ không có ai như Chuyển luân vương. Đó là đức thứ tư của Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương có bảy báu và bốn đức như thế.

Chuyển luân vương dùng chánh pháp để cai trị, không thay đổi điều tốt hiện có, thực hành mười điều thiện, khuyên dạy vua các nước nhỏ, bề tôi chung quanh và muôn dân phụng hành mười điều thiện. Chuyển luân vương yêu thương dân chúng trong các nước nhỏ, như cha thương con. Nhân dân các nước nhỏ kính yêu Chuyển luân vương như con thương cha. Khi Chuyển luân vương cai trị thiên hạ, thì cõi Diêm-phù-lợi, đất bằng phẳng, không có cao thấp, không có gai gốc, không có các loài thú độc, kiến trùng, không có núi đồi, khe hang, không có đất sỏi đá, Chỉ có toàn là vàng, bạc, ngọc minh nguyệt, lưu ly, hổ phách, pha lê, xa cừ, mã não, san hô. Khi Chuyển luân vương trị quốc, thiên hạ giàu có, vui sướng, an ổn, hưng thịnh, ngũ cốc phong phú, dân chúng đông đúc.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Thời gian Chuyển luân vương trị quốc, nhân dân trong tám vạn ngôi làng của các nước nhỏ, khi gà gáy, lần lượt cùng nghe. Khi Chuyển luân vương trị quốc, khắp thiên hạ luôn có cây cỏ nước, cây cối luôn xanh tươi, luôn có lá, hoa, quả. Mặt đất đầy cỏ, phân bố khắp nơi, màu cỏ như lông chim Khổng tước, mùi thơm như mùi hoa. Chân giẫm lên thì lún xuống bốn tấc, dỡ chân thì bung lên như cũ. Cỏ mọc đầy trên đất cao không quá bốn tấc. Có cây Hương thường trổ hoa kết quả, bổ quả ra, tỏa các mùi hương thơm. Có cây Áo, mền mọc ra hoa quả và các thứ áo, mền. Có cây Anh lạc châu báu trổ hoa kết quả, bổ ra, có vô số các thứ châu báu

anh lạc. Có cây Hoa kết vòng trổ hoa kết quả, bổ ra có các loại vòng hoa. Có cây Quả luôn trổ hoa kết quả, bổ ra có các thứ quả. Có cây Đồ dùng trổ hoa kết quả, bổ ra có các loại đồ dùng. Có cây Kỹ nhạc trổ hoa kết quả, bổ ra có các thứ âm nhạc.

Thời gian Chuyển luân vương trị quốc, cõi Diêm-phù-lợi không cày cấy gieo trồng mà gạo, lúa, kê, nếp đều tự nhiên mọc, thanh khiết, không có tạp vật, tiết ra các vị ngọt.

Khi Chuyển luân vương lâm chung, thân không đau đớn. Ví như người ưa thích tập luyện, ăn nhiều bụng chẳng hề đau. Khi Chuyển luân vương lâm chung, thân thể không đau cũng như vậy. Sau khi Chuyển luân vương lâm chung, bánh xe bằng vàng, voi trắng báu liền biến mất; ngựa màu xanh biếc, ngọc báu minh nguyệt cũng biến mất; ngọc nữ báu, vị thánh quan chủ quản kho tàng báu, vị tướng quân báu chủ quản quân đội liền tắm rửa thân Chuyển luân vương, dùng lụa quấn kín, lại dùng năm trăm tấm khăn phủ thân, bỏ vào trong quan tài bằng sắt, dùng đề hồ rưới lên trên. Xong rồi, dùng lọng che lên, lấy đinh đóng vào, đưa quan tài Chuyển luân vương đi. Dân chúng cùng nhau cử nhạc, ca múa, đưa ra ngoài thành, chất tất cả củi thơm, khiêng quan tài Chuyển luân vương đặt lên trên rồi châm lửa đốt. Thiêu xong, ngọc nữ báu, vị thánh quan chủ quản kho tàng báu, vị tướng quân báu chủ quản quân đội cùng nhặt xương, đặt ở ngã tư đường, rồi xây tháp thờ. Tháp ấy cao bốn mươi dặm, rộng, dài bốn mươi dặm, chung quanh xây tường, rộng, dài hai trăm dặm, dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh rất đẹp. Ai từ bốn phương đến lễ bái Chuyển luân vương, hành nghi thức xây dựng tháp đều được vô số phước đức.

Bấy giờ, ngọc nữ báu, thánh quan chủ quản kho tàng báu và tướng quân báu chủ quản quân đội xây tháp cho Chuyển luân vương xong, liền bố thí cơm cho người đói, thức uống cho người khát, y phục cho người muốn có y phục, hương xông cho người muốn có hương xông, cho của cải, trâu, dê cho người muốn có các thứ ấy. Sau đó, ngọc nữ báu, thánh quan chủ quản kho tàng báu và tướng quân báu chủ quản quân đội đều mạng chung.

-oOo-

Phẩm 4: NÊ LÊ 1

Phật bảo:

–Tỳ-kheo, có núi Thiết vi lớn, lại có núi Thiết vi lớn thứ hai, khoảng giữa mờ mờ mịt mịt ánh sáng của đại tôn thần Nhật nguyệt không thể chiếu đến. Trong đó, có tám địa ngục lớn. Mỗi địa ngục có mười sáu bộ. Địa ngục lớn thứ nhất tên là Tưởng, địa ngục lớn thứ hai tên là Hắc nhĩ, địa ngục lớn thứ ba tên là Tăng càn, địa ngục lớn thứ tư tên là Lô cách, địa ngục lớn thứ năm tên là Khiếu hoán, địa ngục lớn thứ sáu tên là Thiêu chích, địa ngục lớn thứ bảy tên là Phủ chử, địa ngục lớn thứ tám tên là A-tỳ-ma-ha.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là Tưởng? Địa ngục lớn tên Tưởng ấy, nếu có người đọa vào trong đó, tám ngón tay mọc móng như dao bén, dùng để đâm chém nhau, thịt của họ theo tay mà rơi xuống, tưởng nghĩ muốn giết hại nhau, cho đó là việc bình thường, nên gọi là địa ngục Tưởng.

Lại có các nhân duyên khác: Địa ngục lớn gọi là Tưởng đó, nếu có người đọa vào chốn ấy, trong tay tự nhiên có dao kiếm, dùng để đâm chém nhau, với ý tưởng muốn giết hại người khác, vì cho đó là việc bình thường, nên gọi là Tưởng.

Lại có các nhân duyên khác: Có người đọa vào trong đó, tay tự nhiên thành dao nhỏ, dùng để đâm chém, lột da người khác, luôn tưởng nghĩ muốn giết hại kẻ khác, vì cho là việc bình thường, nên gọi là Tưởng.

Lại có nhân duyên khác: Có người đọa vào trong địa ngục lớn gọi là Tưởng ấy, dùng tay cào, lột da từ chân đến đỉnh đầu kẻ khác, nghĩ tưởng muốn giết hại người khác. Gió mát thổi đến thì vết thương trên thân lành lại, họ truyền nói với nhau là sẽ trở lại sống lâu. Trong đó lại có kẻ nói với nhau: "Bọn ta nay thích sống như vậy đó", nên gọi là địa ngục Tưởng.

Lại có nhân duyên khác: Vì người sống lâu trong địa ngục, nên mới từ trong địa ngục Tưởng thoát ra, liền chạy cầu được giải thoát.

Lại có địa ngục tên là Hắc giới, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả người vào trong ấy, lửa từ thân phát ra, đốt quanh thân ba vòng, rồi nhập lại thân, đau đớn không thể chịu nổi; vì tội ác chưa giải trừ cho nên chưa chết được.

Lại nữa, tường phía Đông của địa ngục Hắc giới, lửa cháy ba vòng thiêu người, rồi lửa cháy đến vách phía Tây. Từ vách phía Tây lửa cháy đến vách phía Đông; lửa từ vách phía Nam, cháy đến vách phía Bắc; lửa

từ vách phía Bắc cháy đến vách phía Nam; lửa từ trên cháy xuống đến đất; lửa từ dưới cháy lên trên, cháy lên mãi. Người trong đó bị thiêu đốt, đau đớn không thể chịu nổi, vì tội ác chưa hết nên chẳng chết, còn ở trong ấy rất lâu, mới từ nơi địa ngục Hắc giới thoát ra liền bỏ chạy tìm chốn giải thoát.

Có địa ngục tên là Phí thỉ cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong cõi ấy thì tự nhiên bị dìm trong nước sôi sùng sục đến tận cổ. Ngục tốt dùng tay vật mạnh tội nhân xuống, tội nhân muốn ra cũng không thể được. Thân thể, tay chân, tai, mũi, đầu, mắt, đều bị thiêu đốt đau đớn không chịu nỗi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Có loài trùng tên là Thiết khẩu, đục khoét vào đầu người, đục khoét xuyên qua thịt người, phá xương hút tủy. Người trong địa ngục dùng tay bốc phân ăn, môi lưỡi đều bị bỏng; cổ họng, ruột, bao tử trong bụng đều bị chín, thức ăn liền tuột ra ngoài, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên chưa chết, phải ở trong đó rất lâu. Về sau, từ trong địa ngục Phí thỉ thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Năm trăm đinh, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt nắm chân tay người đè nằm xuống đất có đinh, dùng đinh sắt nóng đỏ đóng vào bàn tay bên phải; dùng đinh sắt đóng vào bàn tay bên trái; dùng đinh sắt đóng vào chân bên phải; lại dùng đinh sắt đóng chân bên trái; lại dùng đinh sắt đóng vào tim; lại dùng đinh sắt đóng khắp thân thể, xuống thấu dưới đất; dùng hết năm trăm cây đinh đóng vào thân. Sau đó, tội nhân cử động, muốn đứng dậy, đau đớn không thể chịu nổi. Ngục tốt hỏi: "Muốn cầu điều gì?" Đáp: "Tôi chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt dùng kềm cạy miệng ra, dùng sắt nóng chảy rót vào trong miệng tội nhân, môi, lưỡi, cổ họng đều cháy tiêu. Ruột, bao tử trong bụng đều chín nhừ, thức ăn tuột ra ngoài, đau đớn không sao kể xiết. Do tội ác chưa hết nên chẳng chết. Vì tội nhân trong địa ngục chịu đựng như thế quá lâu, nên sau khi mới từ địa ngục Năm trăm đinh ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Xa thiếp, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt đều hỏi: "Muốn cầu điều gì?" Đáp: "Chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt liền chụp từng người đè xuống đất, lấy kềm cạy miệng họ ra, dùng nước đồng sôi rót vào miệng từng người, môi lưỡi đều cháy. Ngũ tạng, ruột, bao tử trong bụng đều cháy nhừ, bị thiêu đốt, đau đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên chẳng chết. Ở trong địa ngục quá lâu, sau đó mới được thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Ẩm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt liền hỏi: "Muốn cầu điều gì?" Đáp: "Tôi chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt liền chụp từng người đè xuống đất nóng, dùng kềm cạy miệng họ ra, lấy viên sắt nóng bỏ vào miệng tội nhân; mũi, lưỡi, cổ họng đều bị cháy, ngũ tạng, ruột, bao tử cháy hết, thức ăn liền tuột ra ngoài, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó quá lâu, nên vừa thoát khỏi địa ngục Ẩm, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Nhất đồng phủ, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt lần lượt xách cả tay chân, thân thể tội nhân bỏ vào nồi đồng nấu, dưới đáy cũng nóng, ở trên cũng nóng. Nước sôi nổi bọt trào vọt lên, phủ lên, làm chín những chỗ tay chân lộ trên mặt nước. Giống như nấu đậu, dưới cũng nóng, trên cũng nóng; chỗ bị phủ cũng nóng, chỗ lộ trên mặt nước cũng nóng. Tội nhân trong địa ngục cũng thế. Ở trong hai vạn dặm của địa ngục Đồng phủ: trên dưới đều chín, đầu mặt, tay chân đều chín nhừ; ngục tốt dùng mâu đâm vào thân họ, đau đớn không thể chịu nổi, vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Vì tội nhân trong địa ngục chịu đựng như thế quá lâu, nên sau đó, mới từ địa ngục Nhất đồng phủ thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Đa đồng phủ, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt lần lượt xách cả thân thể, tay chân của tội chân bỏ vào nồi đồng để nấu. Nước sôi dâng trào lên, lần lượt từ đáy vọt lên trên, đầu, mắt, tay, chân đều bị chín nhừ. Ngục tốt liền lấy mâu đâm tội nhân. Bỏ tội nhân vào trong nồi đồng khác, rồi cũng bị nấu nhừ như vậy, đau đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, mới từ trong địa ngục Đa đồng phủ thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Thiết ma, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt liền lần lượt xách từng tội nhân đặt nằm trên bàn mài bằng sắt; dùng nắp đậy lên, rồi chà xát, làm cho thịt nát máu tuôn; xương dưới còn dính lại trên bàn mài, lửa trong bàn phát ra, đốt cháy đau đớn chẳng thể chịu nổi. Tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Vì tội nhân trong địa ngục chịu đựng như thế quá lâu, nên sau đó, vừa từ địa ngục Thiết ma thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Nùng huyết, cao rộng hai vạn dặm. Tội nhân vào trong địa ngục đó, tự nhiên có máu mủ nóng như lửa tuôn ra, tội nhân lấy tay chân cào đạp, muốn thoát ra, đầu, mặt, tai, mũi, thân thể, tay chân đều bị cháy, liền lấy tay bốc máu mủ đó mà ăn; môi, lưỡi, cổ, họng đều cháy; ruột, bao tử, ngũ tạng trong bụng đều cháy, thức ăn liền tuột ra ngoài, đau

đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, mới từ trong địa ngục Nùng huyết thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Cao lăng, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, lửa của địa ngục phun ra; ngục tốt liền xô tội nhân vào; đầu, mặt, tai, mũi, thân thể, tay chân đều cháy rụi, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó quá lâu, sau đấy, mới từ trong địa ngục Cao lăng thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Chước bản, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt lần lượt bắt tội nhân đè xuống nền sắt nóng, dùng dây sắt quấn cột thân họ lại, hai tay cầm rìu bổ vào thân và đầu, mặt, tay, chân, mũi, tai của họ, đau đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chưa chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, mới từ trong địa ngục Chước bản thoát ra, liền bỏ chạy muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Hộc lượng, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, ngục tốt liền lấy lửa than đổ vào tội nhân, rồi đẩy tội nhân vào thùng, lấy tay đè xuống; đầu, mặt, thân thể, tay chân, mũi, tai đều cháy nhừ. Ngục tốt lại xô tội nhân lên trên lửa đốt tới, đốt lui, đau đớn không thể chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên không chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy mới từ trong địa ngục Hộc lượng thoát ra, liền bỏ chạy mong tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Kiếm thọ diệp, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, gió nổi lên thổi lá cây kiếm sắt rơi xuống chặt đứt tay, chân, đầu, mặt, tai, mũi, thân thể tội nhân, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chẳng chết. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, vừa mới từ trong địa ngục Kiếm thọ diệp thoát ra, liền bỏ chạy mong tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Nhiễu lao hà, cao rộng hai vạn dặm. Hai bên bờ ngục, có loại cỏ dao cắt đầu. Tội nhân vào trong đó bị dao đâm ngược, chặt đứt tay chân, đầu, mặt, mũi, tai, thân thể tội nhân, đau đớn không thể chịu nổi. Bấy giờ tội nhân đều rơi xuống sông Nhiễu lao, nước sôi vọt lên, dưới đáy có cỏ dao tám tấc đâm vào thân tội nhân, máu phụt ra, chỉ còn có xương, liền bị nước sôi trào phủ lên trên tội nhân, đau đớn không thể chịu nổi. Gió thổi đến bờ cỏ, dao xoay ngược vào trong, chặt đầu, mặt, tai, mắt, mũi, thân thể, tay chân của tội nhân, đau đớn không thể kể xiết. Vì tội ác chưa giải trừ nên chưa chết. Ngục tốt liền hỏi tội nhân: “Muốn

cầu việc gì?" Đáp: "Tôi chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt lần lượt đè từng tội nhân xuống nền đất nóng, lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân; môi, lưỡi, cổ họng đều bị cháy, thân thể, ngũ tạng, ruột, bao tử đều bị cháy, thức ăn tuột ra ngoài, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên chưa chết. Hai bên bờ sông có cây sắt, ngục tốt xách tội nhân giơ lên, đặt xuống dưới gốc cây, cây sinh ra các mũi nhọn chĩa xuống, đâm vào thân thể tội nhân, máu chảy thịt rơi, chỉ còn có xương. Gió nổi lên thổi vào thân thể tội nhân, bình phục như cũ.

Có loài chim tên là Thiết điểu trác mổ vào đầu tội nhân, hút não, đậu trên đầu tội nhân, mổ lấy cặp mắt. Tội nhân muốn xuống thì mũi nhọn đâm ngược lên; tội nhân muốn lên thì bị mũi nhọn đâm xuống. Bấy giờ tội nhân bỏ chạy muốn tìm chốn giải thoát, nhưng lại bị rơi vào trong bờ của ngục Nhiễu lao hà nước sôi trào vọt lên khiến rớt xuống đáy, bị cỏ nhọn đâm chích như cũ. Trên bờ, nổi gió thổi cỏ đao bên bờ chặt ngược, gây thương tích ở đầu, mặt, tai, mũi, thân thể, tay chân của tội nhân, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa giải trừ nên không chết. Ngục tốt hỏi: "Muốn cầu việc gì?" Đáp: "Tôi chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt liền lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân; môi, lưỡi, cổ họng, ruột, bao tử đều cháy nhừ, thức ăn tuột ra ngoài. Ngục tốt ở bên bờ, lại leo lên cây bên bờ, thả dao ở trên xuống, đâm ngược tội nhân.

Có loài chim tên là Na-ny trác, mổ vào đầu, hút não tội nhân, đậu lên đầu tội nhân rồi mổ mắt. Tội nhân muốn lên hay xuống đều bị đâm ngược vào thân, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa hết, nên không chết. Lại bị đọa rơi vào lại trong địa ngục Nhiễu lao hà, đau đớn như cũ. Gió lại thổi đến bên bờ, dao cỏ đâm ngược tội nhân như trước. Ngục tốt lại hỏi tội nhân: "Muốn cầu việc gì?" Đáp: "Chỉ khổ vì đói khát". Ngục tốt lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân, bị thiêu đốt như cũ, đau đớn không thể nào chịu nổi. Ở trong đó rất lâu, sau đấy, vừa từ trong địa ngục Nhiễu lao hà thoát ra, liền chạy đi, muốn tìm cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Lang dã can, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, chó sói tự nhiên đứng trước mặt, trong thân phát lửa đỏ, ngoạm thịt trên thân tội nhân vào miệng để ăn, đau đớn không thể chịu nổi. Chim bay đến mổ nuốt thịt tội nhân, đau đớn không sao kể xiết. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Ở trong ấy rất lâu, sau đấy, mới từ địa ngục Lang dã can thoát ra, liền chạy đi, muốn cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Hàn băng, cao rộng hai vạn dặm. Tất cả tội nhân vào trong đó, gió bốn phía chung quanh nổi lên, lạnh buốt, thổi xuyên qua

da, thịt, gân, xương, vào đến tủy của tội nhân. Vì phải chịu đựng như vậy cho nên chết ở trong đó.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là địa ngục Hắc nhĩ? Nếu có tội nhân nào đọa vào địa ngục Hắc nhĩ, gió đen thổi cát nóng phủ lên trên thân, liền ngã xuống đất, da, thịt, xương, gân, tủy đều bị cháy, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì phải chịu đựng như vậy nên gọi là Hắc nhĩ.

Lại nữa, có nhân duyên khác: Tội nhân đọa vào trong địa ngục lớn Hắc nhĩ, bị sắt đen nóng đỏ trói buộc thân, gió thổi lên làm chúng siết mạnh vào, cắt đứt da, thịt, thân thể họ; phá vỡ xương làm tủy vọt ra, đau đớn không thể nào chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì phải chịu đựng như vậy nên gọi là Hắc nhĩ.

Lại nữa, có nhân duyên khác: Kẻ bị đọa vào đại địa ngục Hắc nhĩ, ngục tốt dùng dây sắt đen nóng đỏ quấn vào thân tội nhân, làm cháy da, thịt, xương, tủy, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì hình phạt như vậy nên gọi là Hắc nhĩ.

Lại nữa, có kẻ đọa vào ngục đại Hắc nhĩ, ngục tốt dùng dây sắt cột hai bên tội nhân, lấy cưa cưa đứt, lấy búa bửa ra, đau đớn không sao chịu đựng nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì hình phạt như vậy, nên gọi là Hắc nhĩ. Lại nữa, tội nhân ở trong đó rất lâu, bị thiêu đốt đau đớn, nên mới vừa từ địa ngục Hắc nhĩ thoát ra, liền chạy đi, muốn cầu giải thoát.

Có địa ngục tên là Hắc hỏa, cao rộng hai vạn dặm. Tội nhân vào hết trong đó, lửa đen từ thân phát ra, đốt quanh thân ba vòng rồi vào lại trong thân, đau đớn không thể chịu đựng nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Ở trong địa ngục này rất lâu, nên mới từ trong địa ngục Hắc hỏa thoát ra, tuần tự nhập vào mười sáu địa ngục như trước, cho đến địa ngục Hàn băng mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là địa ngục Tăng càn?

Có tội nhân đọa vào đại địa ngục Tăng càn, tự nhiên hai ngọn núi sắt phát lửa; núi lửa ép tội nhân trong địa ngục, làm nát thân hình, đau đớn không sao chịu nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì vậy, gọi là Tăng càn.

Lại nữa, có nhân duyên khác: Nếu có tội nhân đọa vào đại địa ngục Tăng càn, tội nhân vào trong đó, có hai ngọn núi cùng ép, thân thể tội

nhân đều bị dập nát, rã ra, rơi xuống, đau đớn không thể chịu đựng nổi. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Vì vậy gọi là Tăng càn.

Lại có nhân duyên khác nữa: Tội nhân ở trong đó quá lâu, nên vừa từ địa ngục Tăng càn thoát ra, liền chạy đi, mong cầu giải thoát, nhưng lại bị nhập vào mười sáu địa ngục như trước, cho đến địa ngục Hàn băng thì mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là địa ngục Lâu liệp?

Có tội nhân đọa vào địa ngục Lâu liệp, ngục tốt lần lượt bắt từng tội nhân bỏ vào trong chảo sắt. Tội nhân la lớn lên, rất rùng rợn, đau đớn. Vì vậy, nên gọi là Lâu liệp.

Lại nữa, có tội nhân đọa vào địa ngục Lâu liệp, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong đỉnh sắt, tội nhân kêu la rùng rợn, rất đau đớn. Vì vậy gọi là Lâu liệp.

Lại nữa, có tội nhân vào trong địa ngục Lâu liệp, ngục tốt lần lượt bắt từng người bỏ vào trong nồi sắt. Tội nhân kêu la, rất rùng rợn, rất đau đớn. Vì vậy gọi là Lâu liệp.

Lại có nhân duyên khác nữa: Tội nhân ở trong đó quá lâu, nên vừa mới từ trong địa ngục Lâu liệp thoát ra, liền chạy đi, mong cầu giải thoát. Nhưng lại lần lượt nhập vào mười sáu địa ngục như trước, cho đến địa ngục Hàn băng mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là Đại khiếu hoán?

Có tội nhân đọa vào đại địa ngục Khiếu hoán, ngục tốt lần lượt bắt từng tội nhân bỏ vào trong chảo lớn nấu. Tội nhân hết sức đau đớn, la lớn lên. Vì vậy, gọi là Đại khiếu hoán. Lại có nhân duyên khác: Tội nhân đọa vào đại địa ngục Khiếu hoán, ngục tốt lần lượt bắt từng người bỏ vào trong nồi lớn. Tội nhân rất đau đớn, kêu gào. Lại có nhân duyên khác nữa: Có tội nhân bị đọa vào đại địa ngục Khiếu hoán, ngục tốt lần lượt bắt từng tội nhân bỏ vào trong đỉnh sắt nấu. Tội nhân rất đau đớn, luôn luôn gào thét. Vì ở trong đó rất lâu, nên vừa từ trong địa ngục Khiếu hoán thoát ra, liền chạy đi mong cầu giải thoát. Nhưng lại lần lượt nhập vào mười sáu địa ngục như trước, đến địa ngục Hàn băng mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là Thiêu chích?

Có tội nhân nào đọa vào đại địa ngục Thiêu chích, ngục tốt lần lượt

bắt từng người bỏ vào trong thùng sắt, trong ấy tự nhiên phát lửa, thiêu đốt, đau đớn. Vì vậy gọi là Thiêu chích. Lại nữa, có tội nhân nào đọa vào đại địa ngục Thiêu chích, ngục tốt lôi tội nhân vào trong đường đi bằng sắt, tự nhiên có lửa đốt cháy, đau đớn. Vì vậy gọi là Thiêu chích. Vì tội ác chưa hết nên không chết. Lại nữa, có tội nhân nào đọa vào đại địa ngục Thiêu chích, ngục tốt lôi tội nhân vào nhà sắt, tự nhiên có lửa thiêu đốt, đau đớn. Vì vậy gọi là Thiêu chích. Tội nhân ở trong đó quá lâu, nên vừa mới từ trong địa ngục Thiêu chích thoát ra, liền chạy đi, mong cầu giải thoát. Nhưng lại bị rơi vào mười sáu địa ngục như trước, đến địa ngục Hàn băng mới chết.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là A-tỳ-ma-ha?

Có tội nhân nào đọa vào địa ngục A-tỳ-ma-ha, mắt chỉ thấy cảnh ác, chẳng thấy cảnh lành; tai chỉ nghe tiếng ác, chẳng nghe tiếng lành; miệng chỉ được ăn món dơ, chẳng ăn được món ngon; mũi chỉ ngửi được mùi hôi, chẳng ngửi được mùi thơm; thân chỉ tiếp xúc với thứ khó chịu; ý chỉ nghĩ điều ác, không lành. Vì vậy, gọi là A-tỳ-ma-ha. Lại có nhân duyên khác: Có tội nhân nào đọa vào địa ngục A-tỳ-ma-ha, lửa tường phía Đông cháy đến tường phía Tây; lửa tường phía Tây cháy đến tường phía Đông; lửa tường phía Nam cháy đến tường phía Bắc; lửa tường phía Bắc cháy đến tường phía Nam; lửa ở trên cháy xuống dưới đất; lửa dưới đất cháy mãi lên trên. Sáu mặt lửa đều áp đến thiêu đốt tội nhân đau đớn. Vì vậy gọi là A-tỳ-ma-ha. Lại nữa, có tội nhân nào đọa vào địa ngục A-tỳ-ma-ha, không có một khoảnh khắc an lạc. Vì vậy gọi là A-tỳ-ma-ha. Tội nhân ở trong đó quá lâu, nên mới vừa từ trong địa ngục A-tỳ-ma-ha thoát ra, liền chạy đi, mong cầu giải thoát. Nhưng lại lần lượt rơi vào mười sáu địa ngục như trước, đến địa ngục Hàn băng mới chết.

Phật dạy:

–Ở ngoài núi Đại thiết vi, phía Nam cõi Diêm-phù-lợi, có thành vua Diêm-la, cao rộng hai mươi bốn vạn dặm, dùng bảy báu làm bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, vườn, ao tắm, bao bọc chung quanh; vách bằng vàng thì cửa bằng bạc, vách bằng bạc thì cửa bằng vàng; vách bằng lưu ly thì cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê thì cửa bằng lưu ly; vách bằng chơn châu đỏ thì cửa bằng mã não, vách bằng mã não thì cửa bằng chơn châu đỏ; vách bằng xa cừ thì cửa bằng tất cả vật báu; trên có mái che lối đi, dưới có vườn, ao tắm; có các thứ cây, lá, hoa, quả tỏa ra các thứ mùi thơm, các loại chim bay, cùng nhau vui

hót.

Phật dạy:

–Người mà thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi chết, đọa vào trong địa ngục của vua Diêm-la này. Ngục tốt trói ngược tội nhân, đem đến yết kiến vua Diêm-la và tâu với vua:

–Những tội nhân này đều bất hiếu với cha mẹ, không phụng sự Sa-môn, đạo nhân, không sợ quả báo đời sau. Xin nhà vua tùy theo ý ngài mà phạt họ.

Nhà vua liền kêu tội nhân đến trước, xét kỹ, hỏi rõ người ấy:

–Khi xưa ngươi ở thế gian có thấy người già một trăm hai mươi tuổi, đầu bạc, răng rụng, mặt hóp, da nhăn, khí lực suy kém, chống gậy mà đi, thân thể run rẩy không?

Tội nhân ấy đáp:

–Đã thấy.

–Tại sao không tự nghĩ mình cũng sẽ già nua như vậy, không thể thoát khỏi sự già nua. Tại sao không sửa đổi thân, khẩu, ý làm thiện?

Tội nhân đáp:

–Tôi thật mê loạn, không rõ đạo lý.

–Ta nay hỏi ngươi về cái ý mê loạn không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải là tội của cha mẹ, cũng chẳng phải tội của anh em, cũng chẳng phải tội của Thiên đế vương, cũng chẳng phải tội của thân quyến, bạn bè, cũng chẳng phải tội của tổ tiên, người đời trước, cũng chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn phải không? Ngươi làm ác thì chính thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ nhất xong, rồi xét kỹ, hỏi rõ tội nhân lần thứ hai:

–Khi xưa ngươi còn ở tại thế gian chẳng thấy đàn ông, đàn bà bệnh, nằm liệt trên giường, mồ hôi đổ ra, nằm bất động trên giường, không thể ngồi dậy, người nhà đỡ ngồi dậy cho ăn uống sao?

Tội nhân đáp:

–Đã thấy.

Vua nói:

–Tại sao ngươi không tự nghĩ mình cũng sẽ bị đau ốm như vậy để tự sửa đổi thân, khẩu, ý thành thiện?

–Tôi thật là mê loạn, không rõ đạo lý.

Vua nói:

–Ta nay hỏi ngươi về cái ý mê loạn, không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải tội của cha mẹ; chẳng phải tội của anh em; chẳng phải tội của Thiên đế vương; chẳng phải tội của người thân, bạn bè; chẳng phải tội của tổ tiên, người đã khuất; cũng chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn chứ? Ngươi tự làm ác, thì chính thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ hai, rồi vua hỏi lần thứ ba:

–Khi xưa ngươi còn ở lại thế gian, chẳng thấy người đàn ông, đàn bà khi chết, thân thể hư hoại rã nát như cây vất trong rừng, bị chim, quạ, trùng, kiến, chồn sói ăn thịt; hoặc có người bị thiêu, hoặc có người được chôn sao?

Tội nhân đó đáp:

–Đã thấy.

–Tại sao ngươi không tự nghĩ mình cũng sẽ chết như thế để tự sửa đổi thân, khẩu, ý thành thiện?

–Tôi thật mê loạn, không rõ đạo lý.

Vua nói:

–Ta sẽ hỏi ngươi về cái ý mê loạn, không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải tội của cha mẹ, chẳng phải tội của anh em, chẳng phải tội của Thiên đế vương, chẳng phải tội của tổ tiên, người quá cố, chẳng phải tội của họ hàng, bạn bè; cũng chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn chứ? Ngươi tự làm ác thì chính thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ ba xong liền hỏi lần thứ tư:

–Khi xưa ngươi ở thế gian, chẳng thấy trẻ sơ sinh chưa biết gì, phân và nước tiểu dính đầy thân thể sao?

Tội nhân đó đáp:

–Tôi đã thấy.

–Tại sao ngươi không tự nghĩ mình vốn cũng như vậy, để sửa đổi thân, khẩu, ý thành thiện?

–Tôi thật mê loạn, không rõ đạo lý.

Vua nói:

–Ta nay hỏi ngươi về cái ý mê loạn, không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải là tội của cha mẹ, chẳng phải là tội của anh em, chẳng phải tội của Thiên đế vương, chẳng phải tội của tổ tiên, người đã khuất; chẳng phải tội của họ hàng, bạn bè; cũng chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn chứ? Ngươi tự làm ác, thì chính thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ tư xong, lại tra xét kỹ, hỏi lần thứ năm:

–Khi xưa ngươi còn ở thế gian, chẳng thấy ở các ấp, huyện trong nước, bắt được kẻ trộm cướp, hoặc kẻ phạm tội sát nhân, đem đến trình với vua, vua ra lệnh phanh thây bêu đầu, hoặc bỏ vào trong nồi nấu, hoặc thiêu sống, hoặc nhốt vào lao ngục; hoặc dùng roi đánh đập, hết sức đau đớn; hoặc cắt tay chân, mũi tai; hoặc đâm xuyên thân; hoặc chặt đầu, đủ các hình phạt đau đớn dữ dội sao?

Tội nhân đó đáp:

–Đã thấy.

–Tại sao ngươi không tự nghĩ nếu mình có lỗi cũng sẽ bị bắt như vậy, để sửa đổi thân, khẩu, ý thành thiện?

–Tôi thật mê loạn, không rõ đạo lý.

–Ta sẽ hỏi ngươi về cái ý mê loạn, không rõ đạo lý: Tội ấy chẳng phải tội của cha mẹ; chẳng phải tội của anh em; chẳng phải tội của Thiên đế vương; chẳng phải tội của tổ tiên, người đã khuất; chẳng phải tội của thân thuộc, bằng hữu; chẳng phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn chứ? Ngươi tự làm ác, thì tự thân ngươi phải chịu.

Vua Diêm-la hỏi lần thứ năm xong, liền giao cho ngục tốt lần lượt đem treo ngược các tội nhân trong địa ngục. Thành địa ngục dài, rộng, mỗi bên bốn vạn dặm, mờ mờ mịt mịt.

Bấy giờ, Phật thuyết kệ:

Bốn phương có bốn cửa
Các góc giữ rất chắc
Vách tường làm bằng sắt
Trên cũng dùng sắt che
Dưới đất đều lót sắt
Lửa tự nhiên phát ra.

Trong cõi đó, có mười đại địa ngục: ngục thứ nhất tên là A-phù, ngục thứ hai tên là Ni-la-phù, ngục thứ ba tên là A-ha-phù, ngục thứ tư tên là A-ba-phù, ngục thứ năm tên là A-la-lưu, ngục thứ sáu tên là Ưu-bát, ngục thứ bảy tên là Tu-kiện, ngục thứ tám tên là Liên hoa, ngục thứ chín tên là Câu văn, ngục thứ mười tên là Phân-đà-lợi.

Phật dạy:

–Vì sao gọi là A-phù? Tội nhân ở trong địa ngục A-phù thân tự nhiên sanh, thí như hơi mây. Vì vậy gọi là A-phù.

Vì sao gọi là Ni-la-phù? Thân của tội nhân ở trong địa ngục Ni-la-

phù ví như thân xác luôn bị lao đao khốn đốn. Vì vậy gọi là Ni-la-phù.

Vì sao gọi là A-ha-phù? Tội nhân trong địa ngục A-ha-phù vô cùng khổ sở, luôn kêu la thảm khốc. Vì vậy gọi là A-ha-phù.

Vì sao gọi là A-ba-phù? Tội nhân trong địa ngục A-ba-phù luôn kêu gào khóc lóc rất đau đớn, thống khổ. Vì vậy gọi là A-ba-phù.

Vì sao gọi là A-na-lưu? Tội nhân trong địa ngục A-na-lưu luôn đau đớn, rất khổ sở, muốn la lên mà lưỡi không thể nhúc nhích được. Vì vậy gọi là A-na-lưu.

Vì sao gọi là Tu-kiện? Tội nhân trong địa ngục Tu-kiện, thân giống như lửa màu vàng. Vì vậy gọi là Tu-kiện.

Vì sao gọi là Ưu-bát? Tội nhân trong địa ngục Ưu-bát, thân xanh giống như cây Ưu-bát. Vì vậy gọi là Ưu-bát.

Vì sao gọi là Câu văn? Tội nhân trong địa ngục Câu văn, sắc của thân vàng trắng giống như hoa Câu văn. Vì vậy gọi là Câu văn.

Vì sao gọi là Phân-đà-lợi? Tội nhân trong địa ngục Phân-đà-lợi, sắc của thân đỏ như hoa Phân-đà-lợi. Vì vậy gọi là Phân-đà-lợi.

Vì sao gọi là Liên hoa? Tội nhân trong địa ngục Liên hoa, sắc của thân màu hồng. Vì vậy gọi là Liên hoa.

Phật dạy:

–Thí như có một trăm hai mươi hộc, bốn thăng chứa đầy hạt cải. Cứ một trăm năm, người ta lấy đi một hạt cải. Này Tỳ-kheo, một trăm hai mươi hộc, bốn thăng hạt cải đó hết sạch, mà tội nhân trong địa ngục A-phù vẫn chưa hết.

Nếu tội nhân trong địa ngục Ni-la-phù, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết hai ngàn bốn trăm tám mươi hộc hạt cải, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục A-ha-phù, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết bốn vạn tám ngàn một trăm sáu mươi hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục A-ba-phù, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết chín mươi sáu vạn ba ngàn ba trăm hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục A-na-lưu, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết một ngàn chín trăm hai mươi sáu vạn bốn ngàn hộc thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Tu-kiện, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết ba ức tám ngàn vạn năm trăm hai mươi tám hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Thanh liên hoa, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết tám mươi sáu ức năm trăm sáu mươi hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Huỳnh bạch liên hoa, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết một ngàn bảy trăm hai mươi ức vạn một ngàn hai trăm hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Câu văn liên hoa, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết ba vạn bốn ngàn bốn trăm ức hai mươi hai vạn bốn ngàn hộc, thì mới được thoát ra.

Ở trong địa ngục Hồng liên hoa, cứ một trăm năm lấy đi một hạt cải, lấy cho hết ba vạn bốn ngàn bốn trăm ức, hai mươi hai vạn bốn ngàn hộc, thì mới được thoát ra.

Hai mươi tiểu kiếp là nửa đại kiếp. Có người tên là Câu-ba-lợi đọa vào trong địa ngục Hồng liên hoa, ngồi chê bai Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên. Đức Phật nhân đó nói kệ:

Nếu có người phát khởi ý
Từ miệng thốt lời đao gươm
Ngồi chỉ nói toàn việc ác
Thì sẽ trở lại tự hại mình.
Người đáng chê bai lại khen
Đáng khen ngợi lại phỉ báng
Miệng nói ác lỗi càng nặng
Lỗi miệng nặng, chẳng an ổn.
Ví như người đánh bạc gian
Các lỗi xấu ác chỉ ít
Có ác ý với người hiền
Lỗi ấy lại càng quá nặng.
Địa ngục Phù có trăm ngàn
A-phù có ba mươi lăm.

Vua Diêm-la ngày đêm ba lần đi qua trên chỗ đồng nung nóng, lửa tự nhiên phát ra phía trước trong cung. Vua rất sợ hãi, lông toàn thân dựng ngược, liền chạy ra khỏi cung. Bên ngoài cũng tự nhiên có lửa, vua rất sợ nên chạy lại vào cung. Ngục tốt chụp bắt vua Diêm-la, xô ngã xuống nền sắt nóng, lấy móc câu sắt móc miệng kéo hả ra, rồi lấy nước đồng sôi rót vào miệng vua, làm cháy cổ họng; ruột, bao tử, ngũ tạng trong bụng đều cháy, nước đồng sôi chảy xuống và tuột ra ngoài, thiêu đốt đau đớn không thể chịu nổi. Tội ác chưa hết nên chẳng chết.

Ở thế gian, có kẻ nào thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi chết, bị đọa vào đường ác, bị thiêu đốt đau đớn như các tội nhân trong địa ngục. Ở thế gian, người nào thân làm việc lành, miệng nói điều lành, ý nghĩ điều lành, sau khi chết, được sanh lên trời. Khi ấy Phật nói kệ:

Vua sai thần xét hỏi họ
Tội ác mà họ đã làm
Người nào luôn nghĩ ý ác.
Người như vậy, thân luôn khổ
Biết bị hỏi, chẳng làm ác
Mà làm theo các điều thiện
Có người sợ, thấy nhân duyên
Sống chỉ có bệnh và chết
Không nhân duyên, liền giải thoát.
Sanh, bệnh, chết liền dứt hết
Được an ổn, rất an lạc
Hiện tại liền được diệt độ
Vượt qua lo âu sợ hãi
Vô vi là pháp thường hằng.

-oOo-

Phẩm 5: A-TU-LUÂN

Phật dạy:

–Phần dưới núi Tu-di sâu bốn mươi vạn dặm, có chúng A-tu-luân, gọi là Sao-đa-thi-lợi. Thành quách của họ mỗi mặt rộng dài ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành, rất đẹp đẽ. Bao bọc chung quanh có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, cao tám vạn dặm, đều dùng bảy báu tạo thành. Bốn phương có bốn cửa, cửa cao một trăm vạn dặm, rộng sáu ngàn dặm. Hai bên cửa, mỗi bên đều có mười A-tu-luân ở đó. Dùng bảy báu làm cung điện, bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh. Cây thì có loại màu xanh, có loại màu hồng, có loại màu vàng, có loại màu trắng; có cây ra lá, có cây trổ hoa, có cây kết quả. Trên cây có các loài chim đậu như Hạc, Khổng tước, Sáo, Bồ câu trắng; tất cả đều ở trên cây, cùng ca hót rất hay.

Từ chỗ của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, đi về phía Đông bốn vạn dặm, ở đó có thành quách của A-tu-luân, mỗi mặt rộng, dài ba mươi sáu vạn dặm, dùng bảy báu trang trí thật đẹp đẽ; dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh. Bốn phương có bốn cửa, cửa cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm, đều có ba trăm A-tu-luân ở. Bao bọc chung quanh có bảy dòng nước rất sâu, đầy ngập. Trong đó có hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen hồng, hoa sen trắng, cát dưới đáy đều là vàng. Bên bờ có cây, có cây màu xanh, có cây màu hồng, có cây màu vàng, có cây màu trắng, có cây ra lá, có cây trổ hoa, có cây trĩu quả. Trên cây có các loài chim đậu, rất đẹp đẽ, cùng nhau vui hót.

Từ chỗ của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, đi về phía Nam bốn vạn dặm, ở đó có thành quách của chúng A-tu-luân, tên là Ba-đà-ha, mỗi mặt rộng, dài bốn mươi sáu vạn dặm, dùng bảy báu trang trí rất đẹp đẽ, bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây. Bốn phương đều có cửa, cửa cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm, ở mỗi cửa đều có ba trăm A-tu-luân ở. Chung quanh có bảy dòng nước rất sâu, đầy ngập; cát dưới đáy đều là vàng. Trong đó, có hoa sen màu xanh, hồng, vàng, trắng. Có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy hàng cây bao bọc chung quanh. Có cây màu xanh, hồng, vàng, trắng đang ra lá, trổ hoa, kết quả. Trên mỗi cây có các loài chim rất đẹp, cùng nhau vui hót.

Từ chỗ của A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, đi về phía Tây bốn vạn dặm, ở đó có chúng A-tu-luân tên là Ba-lợi. Thành quách của họ, mỗi mặt rộng, dài ba mươi sáu vạn dặm, đều dùng bảy báu trang trí đẹp đẽ, làm bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối; bờ tường cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm; bốn phương có bốn cửa, cửa cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm, cửa đều dùng bảy báu tạo thành. Mỗi bên cửa đều có ba trăm A-tu-luân ở. Cung điện của họ cũng dùng bảy báu tạo thành; bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối; có bảy dòng nước rất sâu, đầy ngập; cát dưới đáy đều là vàng; cũng có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng; cũng có cây xanh, hồng, vàng, trắng sanh ra lá, hoa, quả. Trên cây có các loài chim rất đẹp, cùng nhau vui hót.

Từ cung của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, đi về phương Bắc bốn vạn dặm, ở đó có chúng A-tu-luân La-hô. Thành quách của họ mỗi mặt rộng, dài ba mươi sáu vạn dặm; cũng dùng bảy báu trang trí đẹp đẽ, làm vách, lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh. Bờ tường cao mười

vạn dặm, rộng sáu vạn dặm. Bốn phương có bốn cửa, cửa cao mười vạn dặm, rộng sáu vạn dặm, mỗi bên cửa đều có ba trăm A-tu-luân ở. Cung điện của họ cũng dùng bảy báu tạo thành; bảy lớp vách, bảy lớp lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh, có bảy dòng nước sâu, đầy ngập. Trong đó, có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng; cát dưới đáy đều là vàng. Lại có bảy lớp lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh. Có cây xanh, hồng, vàng, trắng sanh ra lá, hoa, quả. Trên cây có các loài chim rất đẹp, cùng nhau vui hót.

Trong thành của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi, có cây lớn tên là Trú quá độ, cao mười hai vạn dặm, tỏa ra chung quanh cũng hai mươi vạn dặm, rễ ăn sâu hai vạn dặm, vòng thân bốn vạn dặm, thường có hoa, quả. Thân của chúng A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi cao hai vạn tám ngàn dặm, có vị cao hai vạn bốn ngàn dặm, có vị cao hai vạn dặm, có vị cao một vạn sáu ngàn dặm, có vị cao một vạn hai ngàn dặm, có vị cao tám ngàn dặm; có vị cao bảy tầng âm thanh, có vị cao sáu tầng âm thanh, có vị cao năm tầng âm thanh, có vị cao bốn tầng âm thanh, có vị cao ba tầng âm thanh, có vị cao hai tầng âm thanh, vị cao tối thiểu là một tầng âm thanh.

Cung của loài A-tu-luân Sao-đa-thi-lợi có bốn loại gió thường thổi. Bốn loại gió ấy là gì?

Một là gió không thể hoại.

Hai là gió đứng vững.

Ba là gió duy trì.

Bốn là gió trên cao.

Đó là bốn loại gió, chủ trì trên nước như mây nổi.

❑

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN III

Phẩm 6: LONG ĐIỂU

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn loại Rồng. Những gì là bốn?

1. Loại rồng sanh từ trứng.

2. Loại rồng sanh từ nước.

3. Loại rồng sanh từ bào thai.

4. Loại rồng hóa sanh.

Đó là bốn loại rồng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Có bốn loài Kim sí điểu:

1. Loại chim sanh từ trứng.

2. Loại chim sanh từ nước.

3. Loại chim sanh từ thai.

4. Loại chim hóa sanh.

Đó là bốn loại chim.

Nơi đáy biển lớn, phía Bắc núi Tu-di có cung Long vương Ta-kiệt, rộng, dài tám vạn do-tuần; dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bao quanh đẹp đẽ. Vách bằng vàng thì cửa bằng bạc, vách bằng bạc thì cửa bằng vàng; vách bằng lưu ly thì cửa bằng pha lê; vách bằng pha lê thì cửa bằng lưu ly; vách bằng chơn châu đỏ thì cửa bằng mã não; vách bằng mã não thì cửa bằng chơn châu đỏ; vách bằng xa cừ thì cửa bằng tất cả vật báu, phối trí đẹp đẽ. Vách ấy cứ hai vạn dặm có một cái cửa. Cửa cao hai ngàn bốn trăm dặm, rộng một ngàn hai trăm dặm. Cửa ấy thường có năm trăm quỷ thần canh giữ. Trên vách cửa có lan can, lối đi, mái che; bên cửa có vườn nhà, ao tắm, có các loại cây tỏa ra mùi thơm, có các loại hoa, các loại lá, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Bắc biển lớn, có cung Long vương Nan-đầu-hòa-nan, mỗi mặt rộng, dài hai vạn tám ngàn dặm; dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, lan can, bảy lớp đường đi, hàng cây bao bọc chung quanh. Cửa cung cao một ngàn bốn mươi dặm, rộng bốn trăm tám mươi dặm. Trên vách có lan can, đường đi, mái che. Chung quanh có khu viên quán, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót, như khu viên quán của Long vương Ta-kiệt. Phía Bắc của cung Long vương Nan-đầu-hòa-nan, có cây lớn tên là Câu-lê-thiểm, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm. Phía Đông cây Câu-lê-thiểm, có cung điện của loài Kim sí điểu (chim cánh vàng) sanh từ trứng, rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm, chung quanh có bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bằng bảy báu; có vườn, nhà, ao tắm, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Phía Nam của cây Câu-lê-thiểm, có cung của loài Kim sí điểu sanh từ nước, rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm, cũng có bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bằng bảy báu; có vườn nhà, ao tắm, hoa hương, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Phía Tây của cây lớn Câu-lê-thiểm, có cung của loài Kim sí điểu sanh từ bào thai, rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm; cũng có bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bằng bảy báu; có vườn, nhà, ao tắm, hoa hương, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Phía Bắc của cây lớn Câu-lê-thiểm, có cung của loài Kim sí điểu hóa sanh, rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm, cũng có bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bằng bảy báu; có vườn, nhà, ao tắm, hoa hương, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ trứng muốn tìm bắt loài Rồng sanh từ trứng, từ cành phía Đông của cây Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy tám ngàn dặm, bắt loài Rồng sanh từ trứng ăn thịt, nhưng chẳng thể ăn được loại rồng sanh từ bào thai, loại sanh từ nước và loại hóa sanh.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ nước muốn tìm bắt loài Rồng sanh từ trứng, liền từ cây lớn Câu-lê-thiểm lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy tám ngàn dặm, bắt loài Rồng sanh từ trứng ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ nước, muốn tìm bắt loài Rồng sanh từ nước, liền từ cành phía Nam của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy một vạn sáu ngàn dặm, bắt loài Rồng sanh từ nước ăn thịt, nhưng chẳng ăn được loài Rồng sanh từ bào thai và loại hóa sanh.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ bào thai muốn bắt loại rồng sanh từ

trứng, liền từ cành phía Đông của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy sáu ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ trứng ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ bào thai, muốn bắt loại rồng sanh từ nước, liền từ cành phía Nam của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển làm dậy sóng một vạn sáu ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ nước ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu sanh từ bào thai muốn bắt loại rồng sanh từ bào thai, liền từ cành phía Tây của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy ba vạn hai ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ bào thai ăn thịt, nhưng chẳng thể bắt loại rồng hóa sanh ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu hóa sanh muốn bắt loại rồng sanh từ trứng, liền từ cành phía Đông của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy tám ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ trứng ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu hóa sanh muốn bắt loại rồng sanh từ nước, liền từ cành phía Nam của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy một vạn sáu ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ nước ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu hóa sanh muốn bắt loại rồng sanh từ bào thai, liền từ cành phía Tây của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy ba vạn hai ngàn dặm, bắt loại rồng sanh từ bào thai ăn thịt.

Khi loài Kim sí điểu hóa sanh muốn bắt loại rồng hóa sanh, liền từ cành phía Bắc của cây lớn Câu-lê-thiểm, lao xuống biển lớn, dùng cánh quạt nước biển, sóng dậy sáu vạn bốn ngàn dặm, bắt loại rồng hóa sanh ăn thịt.

Có các loại Long vương khác mà loài Kim sí điểu chẳng thể bắt ăn thịt được. Những loại Long vương nào mà Kim sí điểu chẳng thể ăn thịt được? Một là Long vương Ta-kiệt, hai là Long vương A-nậu-đạt, ba là Long vương Nan-đầu-hòa-nan, bốn là Long vương Thiện Kiến, năm là Long vương Đề-đầu-lại, sáu là Long vương Y-la-mộ, bảy là Long vương Thiện Trụ, tám là Long vương Ca-câu, chín là Long vương A-vu-lâu, mười là Long vương Uất-chiên-bát, mười một là Long vương Kiền-ha-cụ-đàm, mười hai là Long vương Lam-ba. Kim sí điểu đều chẳng thể bắt các Long vương ấy ăn thịt được.

Các Long vương này đều ở trong núi. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý rồng, phụng trì đầy đủ giới hạnh của rồng, liền sanh vào loài Rồng. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý Kim sí điểu, phụng trì giới hạnh Kim sí điểu, để cầu làm Kim sí điểu, chết rồi liền sanh vào loài Kim sí điểu. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý chim Ưu-lưu, phụng trì giới hạnh đầy đủ, sau khi chết liền sanh vào loại chim Ưu-lưu. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu ý trâu bò, làm theo ý trâu bò, giới hạnh đầy đủ, sau khi chết liền sanh vào loài trâu bò. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu đạo chó, làm theo ý chó, giới hạnh đầy đủ, sau khi chết sanh vào loài chó. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu đạo nai, làm theo ý nai, giữ giới đầy đủ, sau khi chết sanh vào loài nai. Nếu có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu đạo gà, làm theo ý gà, giữ giới đầy đủ, sau khi chết sanh vào loài gà. Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn đến cầu làm trời Ma-ni-việt, cầu làm nữ nhân, cầu làm thần lớn, cầu làm nhật nguyệt, có người ngày tắm ba lần trong nước để cầu sanh lên trời, có người thờ trời, người thờ nhật nguyệt để cầu sanh lên trời.

Phật dạy:

–Những người si mê kiến chấp ấy đọa vào hai đường ác: Một là địa ngục, hai là súc sanh. Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói lên kiến giải thế này: "Ngã và thế gian là thường", rồi cho mình là đúng, cho những kẻ khác là ngu si. Có kẻ bảo: "Ngã và thế gian là vô thường", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ bảo: "Ngã và thế gian là thường, vô thường", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ chủ trương: "Ngã và thế gian cũng chẳng thường, cũng chẳng vô thường", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ cho: "Ngã và thế gian có giới hạn", rồi bảo mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ nói: "Ngã và thế gian không giới hạn", rồi bảo mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có kẻ bảo: "Ngã và thế gian có giới hạn, vừa không có giới hạn", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người chủ trương: "Ngã và thế gian chẳng có giới hạn, cũng không phải không có giới hạn", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người nêu: "Ngã là có thân mạng", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người nói: "Thân ta chết và đổi thành thân khác", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người bảo: "Không có thân mạng", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người chủ trương: "Không có thân mạng, cũng không phải không có thân mạng", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người cho: "Con người khi sanh ra từ chỗ nào, thì sau khi chết sẽ về chỗ đó", rồi cho mình là đúng, những kẻ khác

là ngu si. Có người nói: "Con người sanh ra từ chỗ không có, sau khi chết cũng sẽ trở vào chỗ đó", bảo mình là đúng, những kẻ khác là ngu si. Có người bảo: "Con người vừa có chỗ từ đó sanh ra, vừa không có chỗ từ đó sanh ra, sau khi chết cũng sẽ về chỗ đó", rồi cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Có người chủ trương: "Con người cũng chẳng có chỗ từ đó sanh ra, cũng không phải không có chỗ từ đó sanh ra", rồi cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Phật dạy:

–Kẻ đạo nhân Bà-la-môn nói rằng ngã và thế gian là hữu thường, và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, là vì họ tu tập chấp kiến có ngã, có mạng, có thân và thế gian, cho nên nói ngã và thế gian là hữu thường. Có người nói ngã và thế gian là vô thường. Có người nói ngã và thế gian vừa hữu thường, vừa vô thường. Có người nói ngã và thế gian chẳng hữu thường, cũng chẳng vô thường. Mọi người đều cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, vì theo kiến chấp của họ là chấp có ngã, chấp có mạng, chấp có thân và thế gian, cho nên tuyên bố ngã và thế gian là hữu thường. Kẻ đạo nhân Bà-la-môn nói ngã và thế gian là hữu hạn, và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, vì theo nhạn thức của họ là có ngã, có mạng, cho nên tuyên bố mạng là hữu hạn, con người là hữu hạn, từ khi ở trong bụng mẹ, cho đến khi chết chôn trong mồ đều như nhau. Con người từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, và trải qua bảy lần sống chết, về sau đắc đạo; cho nên nói ngã và thế gian là hữu hạn. Có người nói ngã và thế gian là vô hạn, cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si, vì trong nhận thức của họ là có ngã, có mạng, có thân, có thế gian, nên tuyên bố có mạng, có người vô hạn. Con người từ khi ở trong bụng mẹ cho đến sau khi chết chôn trong mồ đều như nhau, từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, trải qua bảy lần sống chết, về sau đắc đạo. Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu quan điểm của mình rằng ngã và thế gian vừa hữu hạn vừa vô hạn, vì nhân thức của họ là có ngã, có mạng, có thân, có thế gian, rồi tuyên bố mạng là vô hạn, con người là hữu hạn. Con người từ khi ở trong bụng mẹ, cho đến sau khi chết đem chôn đều như nhau, từ lúc sơ sanh đã nhạn bốn phần thân thể, trải qua bảy lần sống chết, về sau đắc đạo. Có người cho là ngã và thế gian chẳng hữu hạn, cũng chẳng vô hạn, nên họ tuyên bố mạng là hữu hạn. Con người từ khi ở trong bụng mẹ cho đến sau khi chết đem chôn đều như nhau, từ lúc sơ sanh đã nhận bốn phần thân thể, trải qua bảy lần sống chết, về sau mới đắc đạo, cho đến nói cũng chẳng phải hữu hạn, cũng chẳng phải vô hạn.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu quan điểm của mình: "Có mạng ấy, có thân ấy". Người đó cho rằng mạng trong đời hiện tại là thường còn, mạng ở đời sau là thường còn; nên họ nói ta là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Có đạo nhân nêu ý kiến: "Mạng khác, người khác", vì người ấy cho đời này có thọ mạng, đời sau không có thọ mạng, nên họ nói ta là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói: "Nay thấy mạng dứt, sau khi chết, chuyển sanh qua đời khác", cho nên nói ta là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Có đạo nhân Bà-la-môn nói: "Cũng chẳng có mạng, cũng chẳng có thân. Đời này mạng dứt hẳn, đời sau cũng dứt hẳn", hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói lên quan điểm: "Người sanh ra từ cõi nào thì sau khi chết cũng sẽ sanh về cõi đó". Họ đều cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Vì ý kiến của họ là đời này có thân mạng, đời sau có thân mạng, cho nên nói mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu ý kiến: "Không từ đâu sanh ra, sau khi chết cũng đến chỗ chẳng thấy ấy. Đời nay có mạng, cũng chẳng thấy đời sau không có mạng"; hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nêu ý kiến: "Có người từ chỗ "không từ đâu sanh ra", nên khi chết cũng về chỗ đó", và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Họ chẳng thấy đời này có thân mạng, cũng chẳng thấy đời sau có thân mạng.

Hoặc có đạo nhân Bà-la-môn nói: "Không phải có, cũng không phải không có chỗ từ đó sanh ra", và cho mình là đúng, còn những kẻ khác là ngu si. Đạo nhân ấy chẳng phải không thấy đời này có thân mạng, cũng không phải không thấy đời sau có thân mạng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ở đời quá khứ, có vị vua tên là Bất Hiện Diện. Bấy giờ nhà vua cho tập trung nhiều người mù đến và hỏi họ:

–Các ngươi đã từng biết loài voi chưa?

Những người mù tâu:

–Tâu Thiên vương, chẳng biết!

Vua hỏi:

–Các ngươi muốn biết loài voi chăng?

Tâu:

–Muốn biết.

Lúc ấy vua ra lệnh dắt voi đến, rồi lệnh cho những người mù kia sờ

voi. Trong đó, có người mù sờ trúng vòi voi, có người mù sờ trúng ngà voi, có người mù sờ trúng tai voi, có người mù sờ trúng lưng voi, có người mù sờ trúng bụng voi, có người mù sờ trúng chân sau voi, có người mù sờ trúng đầu gối voi, có người mù sờ trúng chân trước voi, có người mù sờ trúng đuôi voi.

Khi ấy vua Bất Hiện Diện hỏi đám người mù kia:

–Voi có hình dạng thế nào?

Người mù sờ trúng vòi voi, tâu:

–Voi như cái càn xe cong.

Người sờ trúng ngà voi, tâu:

–Voi như cái chày.

Người sờ trúng tai voi, tâu:

–Voi như cái ky.

Người sờ trúng đầu voi, tâu:

–Voi như cái đảnh.

Người sờ trúng lưng voi, thưa:

–Voi như vật chứa.

Người sờ trúng bụng voi, thưa:

–Voi như bức vách.

Người sờ trúng bàn chân sau voi, thưa:

–Voi như cây trụ.

Người sờ trúng chân trước voi, thưa:

–Voi như cái cối.

Người sờ trúng đuôi voi, tâu:

–Voi như con rắn.

Rồi bọn họ cùng tranh cãi, chẳng tin nhau, cùng la lên cho mình là đúng, voi là như vậy; còn người khác nói không phải như vậy. Vua đắc ý cười.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, có các đạo nhân ngoại đạo, chẳng biết chỗ phát sanh của Khổ đế, cũng chẳng biết Khổ đế, Tập đế, Khổ tận đế (Diệt đế), Khổ diệt đạo đế (Đạo đế), họ cùng tranh cãi chẳng tin nhau, mạ lỵ nhau, tự cho mình là đúng.

Nếu có đạo nhân Sa-môn biết chỗ phát khởi của Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế, liền cùng nhau hòa hợp, giống như sữa khi hòa hợp không còn

phân biệt, chỉ nói về những lời dạy, việc làm của Phật đạt được an lạc.

Phật dạy:

–Tỳ-kheo, nên tu tập các sự thật là Khổ đế, Tập, Tân (Diệt), và Đạo đế.

-oOo-

Phẩm 7: CAO THIỆN SĨ

Phật dạy:

–Phàm phu có ba việc để biết về bậc cao sĩ, biết tâm niệm của vị ấy. Ba việc ấy là gì? Một là người tâm nghĩ việc thiện, miệng chí thành nói việc thiện, thân làm việc thiện. Giả như người ác tâm nghĩ việc bất thiện, miệng nói lời bất thiện, thân làm việc bất thiện; bậc cao nhân biết đó là bất thiện. Cho nên nói bậc cao sĩ là người như thế nào? Là người thân nghĩ việc thiện, miệng chí thành nói việc thiện, thân làm việc thiện. Bậc cao nhân ở trong thế gian có ba việc làm được phước. Ba việc ấy là gì? Một là cùng bậc kỳ lão ngồi đàm đạo, hoặc ở trong nhà, đi trong làng, đi giữa đường và cùng ngồi với bậc kỳ lão, cùng khen ngợi bậc cao sĩ hành thiện. Bậc cao sĩ nghĩ rằng: "Hãy làm cho mọi người cùng khen ngợi người ấy rằng: 'Lành thay! Đúng là có bậc cao nhân ấy'", tâm liền an định, lại nghe lời này, tâm cũng hoan hỷ, thân cũng an ổn. Có lần bậc cao nhân chứng kiến xử kẻ trộm cắp bị quan huyện bắt, tra khảo, trừng trị tàn khốc, lại dùng xích sắt xích lại, chặt đứt chân tay lìa ra từng khúc, xẻo tai, xẻo mũi, dùng lược tre cào da, rồi chặt ra từng tấc, từng tấc, đem ném cho cọp sói ăn; có kẻ bị để cho voi đạp chết; có kẻ bị bỏ vào trong giỏ đốt cháy; có kẻ bị nấu chết; có kẻ bị làm cho sinh lực hao mòn mà chết; có kẻ bị đem ra ngoài thành hành hình. Bậc cao sĩ chứng kiến những cảnh ấy nghĩ: "Ta không làm ác, nhà vua chỉ bắt người làm ác, ta đây có gì phải lo. Cho đến già, ta chẳng sợ gì quan huyện". Bậc cao sĩ ấy vì nghĩ như vậy, nên tâm hoan hỷ. Bậc cao nhân tâm nghĩ việc thiện, miệng nói việc thiện, thân làm việc thiện, nên dù khi có bệnh, nằm liệt giường thì các việc thiện lúc mạnh khỏe đã làm đều hiện ra trước mắt. Người ấy chẳng sát sanh, chẳng lấy của cải người khác, chẳng xúc phạm đến phụ nữ của người, chẳng gạt người, chẳng nói hai lưỡi, chẳng nói lời thô ác, chẳng nói dối, chẳng ganh ghét, chẳng tham của người khác; tin rằng làm thiện thì được thiện, làm ác thì bị ác, liền tự thấy người trên

cõi trời Đao-lợi thứ hai; qua lại thấy Phật, thấy A-la-hán. Các việc thiện đã làm trong lúc khỏe mạnh, đều thấy trước mắt. Người ấy lúc bệnh tự nghĩ: "Khi khỏe mạnh, ta đã từng làm việc thiện, nên đến bây giờ khiến các việc thiện đều hiện ra trước ta; kết quả là khi chết ta sẽ tự sanh lên trời, ở với những người thiện". Do làm ba việc đó, bậc cao sĩ tâm được vui vẻ, thân được an ổn.

Phật dạy:

–Giả sử bậc cao thiện sĩ tự biết làm việc thiện sẽ được thiện, lại chẳng sợ sanh tử, vì cho là qua nhanh, không tồn tại, cho nên bậc cao thiện sĩ thường tự nghĩ, muốn bỏ thân ác, vì trong thân ác thường có xương máu chẳng sạch, là nơi hôi thối; ý muốn sớm chết đi để hoàn thành thân thiện. Vì sao vậy? Vì thường nghĩ đến chốn vui vẻ, khả ái, nên một mình vui vẻ lên trời để hưởng sự vui vẻ rất đáng ưa thích.

Các Sa-môn hỏi Phật:

–Xin Thế Tôn vì chúng con mà nói sự vui lên trời là thế nào?

Phật bảo:

–Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói.

Các Sa-môn thưa:

–Chúng con xin lắng nghe.

Phật dạy:

–Thí như vua Giá-ca-việt-la có bảy báu, có sẵn bốn việc mà người khác không có, lại có năm loại mà nghĩ tới, hoặc muốn được thì có trước mắt. Vua có bảy báu. Bảy báu đó là gì? Một là một bánh xe vàng tự nhiên sanh, hai là voi trắng, ba là ngựa màu xanh biếc, bốn là ngọc Ma-ni, năm là ngọc nữ quý, sáu là vị quan phụ tá giỏi, bảy là vị tướng quân chủ binh giỏi.

Phật dạy:

–Các vị muốn biết chủ của bánh xe vàng ấy chăng? Nhà vua, vào ngày rằm và ngày ba mươi, tắm rửa; tắm rửa xong, cùng ngồi với các phụ nữ ở chánh điện, thấy bánh xe vàng từ xa bay đến; bánh xe có ngàn tăm, trục tăm đều tốt, không gì sánh bằng, cách đất ba, bốn trượng. Vua thấy bánh xe vàng, liền khởi ý và nói: "Các bậc cao sĩ đã nói rằng vì phụng sự cho vua Giá-ca-việt-la, nên có bánh xe vàng bay đến; bánh xe bay ấy thường từ phương Đông tới, có ngàn tăm, trục tăm đều tốt. Có được bánh xe vàng đó sẽ thành vua Giá-ca-việt-la. Nay ta được hay không được làm vua Giá-ca-việt-la? Vua tự nghĩ muốn thử bánh xe vàng ấy. Vua đứng

dậy, sửa lại y phục, quỳ thẳng, hướng về bánh xe vàng nói: "Như nay vì ta mà đến, thì nên đưa ta đi xem phép trị nước thời xưa của các nước". Vua vừa nói xong, bánh xe vàng liền bay về phương Đông. Vua cùng các vị đại thần thân cận và các quan đều bay theo. Bánh xe vàng đến chỗ, dừng lại, vua cùng các quan cũng dừng theo. Bánh xe vàng bay tới các tiểu quốc, vua của các tiểu quốc đều đến, quỳ thẳng, cúi đầu, thưa: "Những cõi nước này đều là của đại vương". Lại bưng bát bạc đựng đầy cơm vàng, lại dùng bát vàng chứa đầy cơm bạc dâng lên. Vua các tiểu quốc đều tâu: "Ở trong các nước này, tài nguyên phong phú, lúa gạo vừa đủ, mưa gió thuận hòa, nhân dân vui vẻ. Xin đại vương tiếp nhận đất nước và lưu lại ở đây".

Vua nhân đó trả lời các vị tiểu vương: "Các ông hãy tự trị quốc, chỉ dùng chánh pháp, chớ làm mất phép xưa, cẩn thận đừng sát sanh, đừng dối lấy của cải người khác, đừng lừa gạt xúc phạm phụ nữ của người khác, không được lừa dối người, không được nói hai lưỡi, không được nói ác, không được nói dối, không được ganh ghét, không được tham của người khác, không được giận dữ, dấy tâm ác. Tất cả đều nên phụng hành mười điều này. Bất cứ ai phạm một điều trong mười điều, chớ để họ ở trong nước".

Vua theo bánh xe vàng đến phương Đông dạy bảo các vị tiểu vương của các nước nhỏ xong, lại theo bánh xe vàng bay đến phương Nam, bánh xe vàng đến chỗ, dừng lại. Vua cùng ngàn xe, vạn ngựa cũng dừng lại. Các vị tiểu vương của các nước nhỏ ở phương Nam đều đến cúi đầu, quỳ thẳng tâu xin dâng cõi nước, và dùng bát vàng bạc đựng đầy cơm vàng bạc, cùng dâng lên các lễ vật như các vua ở các nước phương Đông.

Bánh xe vàng lại bay đến phương Tây. Các vị đại thần thân cận và các quan đều cùng dừng lại theo bánh xe vàng. Vua của các tiểu quốc ở phương Tây đều đến cúi đầu, quỳ thẳng, tâu xin dâng cõi nước và dùng bát vàng bạc đựng đầy cơm vàng bạc, như nghi lễ của các vua ở cõi nước phương Nam đã làm.

Bánh xe vàng lại bay đến phương Bắc, bánh xe vàng dừng lại, vua và các quan cũng dừng lại nơi đó. Các vị tiểu vương của các nước nhỏ đều đến cúi đầu, quỳ thẳng tâu xin dâng cõi nước và thưa: "Ở đây nhân dân vui vẻ, lúa gạo vừa đủ, mưa gió thuận hòa. Xin đại vương nên ở lại đây cai trị". Ngay khi đó, các vị ấy lại dùng bát vàng bạc đựng đầy cơm vàng bạc dâng lên vua. Vua không nhận, nhân đó đáp lại lời các vị tiểu vương: "Các ông hãy tự dùng chánh tâm mà trị nước, chớ làm mất phép

xưa, không được sát sanh, không được lấy của cải kẻ khác, không được xâm phạm phụ nữ của kẻ khác, không được gạt người, không được nói hai lưỡi, không được nói ác, không được nói dối, không được ganh ghét, không được tham lam của kẻ khác, không được giận dữ, không được có tâm ác. Tất cả đều phải phụng hành mười điều này. Bất kỳ ai phạm một trong mười điều ấy, không nên để họ ở trong nước".

Vua đã đi khắp bốn biển, bốn phương xong, theo bánh xe vàng trở về nước mình, lên điện. Bánh xe vàng thường hiện ra trước nhà vua. Nhà vua đã có bánh xe báu như thế.

Nhà vua lại có voi báu. Voi báu là loại thế nào? Voi ấy rất trắng, không gì bằng. Thân, vòi, ngà, răng, móng, chân đều trắng, bóng đẹp; dây cương đều làm bằng vàng, cái chuông đeo ở ngực làm bằng vàng ròng, tấm đai choàng ở bụng làm bằng ngọc trắng; đi thì bay đi, muốn đến đâu tùy ý. Các vị quan thân cận tâu với vua: "Chúc mừng đại vương, trong nước có voi trắng báu. Voi ấy trắng, tuyệt đẹp, không gì sánh bằng. Thân, vòi, ngà, răng, móng chân đều trắng, bóng đẹp; dàm, dây cương, chuông đeo ở ngực đều làm bằng vàng ròng, tấm đai choàng ở ngực làm bằng ngọc trắng, đi thì bay đi, đến đâu cũng tự tại".

Vua thấy voi, rất vui vẻ nói: "Con voi có tướng khác thường, đẹp đẽ, nên tập luyện cho nó cách đi đứng, tới lui". Vua bèn giao cho vị thân cận chuyên môn để tập luyện, chỉ tập luyện trong thời gian vài ngày thì đã biết cách đi đứng. Vua khởi ý muốn cưỡi thử voi. Lúc mặt trời lên một sào, vua cưỡi thử voi. Khi ấy voi bay khắp bốn phương, bốn biển, rồi trở về cung ăn uống.

Vua Giá-ca-việt-la có ngựa báu. Ngựa báu ấy là loại thế nào? Đó là ngựa màu xanh biếc, bộ lông láng mướt, đẹp đẽ; trang trí trên đầu gồm đủ dàm và dây cương bằng vàng giống như đầu voi; cái lục lạc, đai choàng ở ngực bằng ngọc trắng. Đi thì bằng nước phi, tùy theo ý muốn, đến đâu cũng được. Bề tôi chung quanh tâu vua: "Chúc mừng đại vương, trong nước có ngựa báu ấy. Đó là ngựa màu xanh biếc, bộ lông láng mướt đẹp đẽ, trang trí trên đầu như voi, dàm và dây cương, lục lạc đeo và đai choàng đều bằng vàng ròng, tấm choàng ở bụng bằng ngọc trắng". Vua thấy rất vui vẻ, liền bảo quần thần huấn luyện nó vài ngày, ngựa đã biết cách đi lại. Vua có ý muốn thử ngựa. Khi mặt trời lên một sào, vua liền cưỡi ngựa, ngựa liền bay đi vòng khắp bốn phương, bốn biển, rồi trở về cung điện của mình để ăn uống.

Vua Giá-ca-việt-la có ngựa báu như thế.

Vua có ngọc minh nguyệt báu. Ngọc minh nguyệt báu là loại gì? Ngọc màu rất xanh, có tám góc nhọn, chiếu sáng khắp cung. Ánh sáng của nó tỏa ra chung quanh bốn mươi dặm, như ánh sáng mặt trời. Vua có ý thử ngọc minh nguyệt. Sau khi mọi người yên nghỉ, trời tối đen như mực, vua lấy ngọc gắn lên đầu cây sào vàng, giữa đêm ra khỏi thành, đem theo vợ con, ngàn xe, vạn ngựa, đi cách xa cung và các dinh thự, để chỉ xem ánh sáng của ngọc, giống như mặt trời mọc chiếu sáng cả xe ngựa. Lại cách xa hơn nơi ngàn xe, vạn ngựa, ánh sáng tỏa chiếu chung quanh đến bốn mươi dặm. Cư dân chung quanh thành, thấy ánh sáng ngọc, đều gọi nhau: "Dậy! Dậy! Mặt trời lên cao đến như thế rồi, tất cả hãy đi chợ mua bán, tại sao lại còn nằm?"

Vua Giá-ca-việt-la có ngọc báu Ma-ni như thế.

Vua có ngọc nữ báu. Ngọc nữ ấy là loại như thế nào? Ngọc nữ có vóc người không cao, không thấp, không lớn, không nhỏ, không mập, không ốm, không trắng, không đen, rất cân đối, rất đoan chánh, không ai sánh bằng. Hơi từ miệng bay ra như hương xông, lỗ chân lông trên toàn thân đều tỏa mùi thơm, như mùi thơm Uất-kim, hầu hạ nhà vua sớm hôm, khi thức, lúc ngủ, không làm vua phật lòng; mùa đông thì thân ấm, mùa hạ thì thân mát, hầu vua chẳng kể đến thân mình, không để vua giận.

Vua Giá-ca-việt-la có ngọc nữ báu như thế.

Vua có vị quan giúp việc giỏi, từ rất cao, xa thấy người liền biết tánh tình; dùng mắt nhìn thiên hạ, biết trước thiên hạ có vật quý báu cất giấu, biết cái nào là có chủ, cái nào là vô chủ. Cái mà có chủ thì giữ gìn trông coi cho họ, cái không chủ thì lấy cấp phát cho quan dùng. Vị quan giúp việc giỏi đến trước tâu vua: "Xin ngài hãy yên lòng chớ nên âu lo, tiền tài, bảo vật thần sẽ tự cung cấp cho ngài". Vua tỏ ý nghi ngờ về lời nói ấy, không rõ có thể thực hiện được mọi yêu cầu không nên vua liền cùng với vị quan giúp việc giỏi ấy lên một chiếc thuyền ra giữa biển. Vua bảo vị đó: "Ta muốn được bảo vật ngay bây giờ và ngay tại đây, hãy trao cho ta". Vị quan giúp việc giỏi tâu: "Phải đợi thần đến đất liền mới có thể dâng cho ngài được". Vua bảo: "Ở đất liền, ta chẳng cần dùng, chỉ muốn có ngay ở tại đây". Vị quan giúp việc giỏi liền dùng tay khuấy trong nước lấy được vàng báu, to như bánh xe, đem lên trên thuyền nhiều không kể xiết. Vua bảo: "Thôi, thôi, dừng lại! Thuyền đầy thêm nặng".

Vị quan giúp việc giỏi của vua Giá-ca-việt-la là như vậy.

Vua có vị tướng cầm binh và huấn luyện giỏi là người như thế nào?

Đó là người tài cao, dũng lược, khỏe mạnh, không có gì là không biết. Nếu muốn huy động thì quân sĩ nhiều vô số, còn không muốn huy động thì quân sĩ không có. Vị tướng cầm binh và huấn luyện giỏi tâu với vua: "Nay vua cứ yên tâm, chớ lo lắng về việc nước. Vua cần người dụng binh, thần tự chiến đấu". Ý vua muốn thử vị tướng quân ấy, liền tập trung người, ngựa, voi trong nước và đều cho mang áo giáp, để xứng đáng là bộ binh mang áo giáp, khi lâm trận, đủ sức tự vệ. Vua thầm nghĩ: "Muốn cho đoàn binh sĩ này xuất phát thử, nhanh chăng?" Vua vừa nghĩ, thì binh sĩ liền hiện ra trước mặt. Vua nghĩ, muốn cho binh sĩ dừng lại, binh sĩ liền dừng. Vua nghĩ, muốn cho binh sĩ giải tán, binh sĩ liền giải tán.

Vị tướng chủ binh, huấn luyện giỏi của vua Giá-ca-việt-la là như thế.

Vua Giá-ca-việt-la có bảy báu như vậy.

Vua có bốn việc khác với người phàm. Bốn việc ấy là gì?

Một là tuổi thọ vô hạn lượng, trong loài người không ai có tuổi thọ như vua Giá-ca-việt-la.

Hai là thường an ổn, chưa từng có bệnh, ăn uống đều tiêu, thân thể nóng lạnh thích hợp với thời tiết. Trong loài người không có ai an ổn hơn vua Giá-ca-việt-la.

Ba là đẹp đẽ không ai bằng, hơn hẳn người thế gian, nhưng chẳng bằng chư Thiên.

Bốn là muôn họ đều thương vua, đều xem vua như cha mẹ; vua thương muôn họ như cha mẹ thương con. Mỗi khi vua xuất cung đi đến các dinh thự, biệt quán, muôn họ nói với người đánh xe cho vua: "Xin cho xe đi chầm chậm, chúng tôi muốn được chiêm ngưỡng vua, nhưng không đến gần được. Xin chúc vua sống lâu muôn tuổi". Vua bảo người đánh xe: "Hãy đi chầm chậm, ta muốn nhìn thấy nhân dân trong nước ta, chúc họ sống lâu vô kể".

Vua Giá-ca-việt-la có bốn việc như vậy, người phàm không có.

Vua có năm nguyện, những điều suy tư mong muốn luôn hiện ra trước mặt; niềm vui trong tâm, vị ngon ở lưỡi, sự thích thú của mắt, mọi điều ưa thích đều hiện hữu. Tai nghe các âm thanh êm dịu của lời ca, tiếng nhạc, mùi thơm mà mũi đã ngửi, gây niềm vui trong lòng, như mũi ngửi mùi phấn thơm, đều luôn hiện hữu. Các vị mặn, chua, ngọt, mà miệng đã nếm, các món ngon đều hiện hữu. Những cái trong sạch mịn màng, đẹp đẽ, dễ ưa đều hiện hữu.

Do năm điều ước muốn đó của vua Giá-ca-việt-la, nên mắt vua chưa

từng thấy sắc xấu, tai chưa từng nghe tiếng dở, mũi chưa từng ngửi mùi hôi thối, miệng chưa từng ăn các món không ngon, thân chưa từng mặc áo thô xấu.

Phật bảo các Sa-môn:

–Vua Giá-ca-việt-la có bảy báu vật kỳ lạ, có bốn tướng đặc biệt, có năm điều ước muốn như vậy. Các vị cho rằng vua đối với các việc đó có vui vẻ chăng?

Các Sa-môn đáp:

–Vua chỉ có một báu, tâm đã vui vẻ, huống là có đủ bảy báu.

Phật cầm một viên đá nhỏ trong tay, hỏi các Sa-môn:

–Viên đá trong tay Ta là lớn hay ngọn núi là lớn?

Các Sa-môn đáp:

–Viên đá trong tay Phật là nhỏ, đã nhỏ thì làm sao so sánh với hòn núi? Dù có lớn gấp trăm lần, ngàn lần, ức lần, cũng chẳng bằng hòn núi lớn.

Phật dạy:

–Như viên đá nhỏ trong tay Ta lớn không bằng cái lớn của hòn núi, dù cho nó lớn gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, ngàn vạn lần, ức vạn lần, cũng chẳng bằng cái lớn của hòn núi. Vua Giá-ca-việt-la tuy có bảy báu, bốn tướng khác lạ, có năm điều ước muốn, nhưng không bằng cái vui trên cõi trời, gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, ngàn vạn ức lần. Giống như viên đá nhỏ trong tay Phật so với núi đá lớn.

Phật dạy:

–Bậc cao thiện sĩ ở thế gian, tâm nghĩ việc thiện, miệng nói việc thiện, rất thành thật, thân làm việc thiện. Lúc hết thọ mạng ở thế gian, sau khi chết, được sanh lên cõi trời Đao-lợi thứ hai, làm trời. Một trăm năm ở thế gian bằng một ngày một đêm trên cõi trời Đao-lợi; ba trăm năm ở thế gian là một tháng ở cõi trời Đao-lợi; ba vạn sáu ngàn năm ở thế gian là một năm ở cõi trời Đao-lợi. Theo sự tính đếm ở cõi trời thì người ở trên cõi trời Đao-lợi thứ hai, sống một ngàn năm.

Cửa ngoài của cung trời Đao-lợi rộng bảy trăm dặm, bức tường thành bên ngoài có bảy lớp, có bảy hào nước, trong nước đều có hoa sen bốn màu, dưới đáy nước đều là cát vàng, trên thành đều có lan can làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê; bảy lớp đất đều có bảy lớp hàng cây: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây bằng pha lê, cây bằng san hô, cây bằng hổ phách, cây bằng xa cừ. Cây bằng vàng, gốc bằng vàng,

thân bằng vàng thì lá bằng bạc, hoa bằng bạc, quả bằng bạc; cây bằng bạc, gốc bằng bạc, thân bằng bạc thì lá bằng vàng, hoa bằng vàng, quả bằng vàng; cây bằng lưu ly, gốc bằng lưu ly, thân bằng lưu ly, thì lá bằng pha lê, hoa bằng pha lê, quả bằng pha lê; cây bằng pha lê, gốc bằng pha lê, thân cây bằng pha lê thì lá bằng lưu ly, hoa bằng lưu ly, quả bằng lưu ly; cây bằng san hô, gốc bằng san hô, thân bằng san hô thì lá bằng hổ phách, hoa bằng hổ phách, quả bằng hổ phách; cây bằng hổ phách, gốc bằng hổ phách, thân bằng hổ phách thì lá bằng xa cừ, hoa bằng xa cừ, quả bằng xa cừ; cây bằng xa cừ, gốc bằng xa cừ, thân bằng xa cừ thì lá bằng mã não, hoa bằng mã não, quả bằng mã não. Cửa thành rộng hai trăm tám mươi dặm, cao sáu trăm bốn mươi dặm, xà ngang và bức hoành treo trên cửa đều bằng bạc, hai cánh cửa đều làm bằng vàng. Có năm trăm con quỷ giữ cửa ngoài. Khoảng giữa cung là chỗ trời ở, cao rộng hai ngàn dặm, có vách đều bằng bảy báu vàng, bạc, pha lê, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ; có bảy dòng nước chảy quanh vách, bảy lớp cây báu như ở cửa ngoài; thành cao sáu trăm bốn mươi dặm, rộng hai trăm tám mươi dặm, dùng bạc làm xà ngang và bức hoành, vàng làm hai cánh cửa, vàng làm then cài cửa, có năm trăm con quỷ cùng giữ cửa. Chỗ ở của trời, cao rộng hai ngàn dặm, có bảy lớp vách bằng bảy thứ báu, bảy lớp mương nước; các lan can, cây báu như cửa ngoài; thành cao, rộng, dày như ở cửa ngoài, số quỷ giữ cửa như cửa ngoài.

Đi về phía Đông của trời Đao-lợi, có chỗ để vui chơi, giải trí gọi là nhà Nan-đà-hoàn, chu vi bảy ức dặm, có bảy lớp vách; vách vàng, vách bạc, vách san hô, vách lưu ly, vách hổ phách, vách xa cừ, vách pha lê; có bảy hào nước, cát dưới đáy đều là vàng, có hoa sen bốn màu, trên thành có bảy lớp lan can báu, bảy lớp vách; mỗi nơi đều có bảy hàng cây báu: cây bằng vàng, gốc bằng vàng, thân bằng vàng thì lá bằng bạc, hoa bằng bạc, quả bằng bạc; cây bằng bạc, gốc bằng bạc, thân bằng bạc thì lá bằng vàng, hoa bằng vàng, quả bằng vàng; cây bằng pha lê, gốc bằng pha lê, thân bằng pha lê thì lá bằng lưu ly, hoa bằng lưu ly, quả bằng lưu ly; cây bằng lưu ly, gốc bằng lưu ly, thân bằng lưu ly thì lá bằng pha lê, hoa bằng pha lê, quả bằng pha lê; đường của nhà rộng sáu trăm bốn mươi dặm; bảy lớp vách hai bên đường đều làm bằng vàng, bạc, pha lê, lưu ly, hổ phách, san hô, xa cừ; khoảng giữa của mỗi bức vách đều có hào nước; trong nước có hoa sen bốn màu, dưới đáy nước đều có cát vàng; trên vách có lan can đều làm bằng bảy báu như phía trong, có bảy loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng pha lê, cây bằng lưu ly, cây bằng hổ phách, cây bằng san hô, cây bằng xa cừ. Trong nhà ấy có hai tảng đá, một tảng tên là

Nan, một tảng tên là Nan-việt, mỗi tảng cao rộng bốn ngàn dặm, đá ấy mềm lại mịn như nhung lụa. Trong nhà có hai ao tắm, một ao tên là Nan-đà, một ao tên là Nan-đà-ni; mỗi ao sâu rộng bốn ngàn dặm; trong ao sanh hoa sen bốn màu: thứ nhất là màu xanh, thứ hai là màu hồng, thứ ba là màu tím, thứ tư là màu trắng; cát ở đáy ao đều là vàng. Trời Đao-lợi, khi muốn vui chơi giải trí liền cùng nhau dẫn đến nhà phía Đông, cùng vui chơi thỏa thích. Vì vậy gọi là nhà Nan-đà-hoàn.

Ra khỏi cửa thành phía Nam trời Đao-lợi có nhà tên là Chất-la-nại, chu vi bảy ức dặm, vách của nhà ấy có bảy lớp: vách bằng vàng, vách bằng bạc, vách bằng pha lê, vách bằng lưu ly, vách bằng hổ phách, vách bằng san hô, vách bằng xa cừ; ở khoảng giữa mỗi vách có một hào nước, trong nước có hoa sen bốn màu, cát ở đáy nước đều là vàng, có bảy loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây bằng pha lê, cây bằng hổ phách, cây bằng san hô, cây bằng xa cừ; trên vách ấy đều có lan can bằng lưu ly, pha lê, san hô, hổ phách, xa cừ. Đường qua nhà Chất-la-nại rộng sáu trăm bốn mươi dặm, đều có bảy lớp vách; vách vàng, bạc, pha lê, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ; ở khoảng giữa mỗi vách, có một hào nước, trong nước có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng; cát ở đáy nước đều là vàng, có bảy thứ lan can báu: lan can bằng vàng, lan can bằng bạc, lan can bằng pha lê, lan can bằng lưu ly, lan can bằng san hô, lan can bằng hổ phách, lan can bằng xa cừ; có bảy loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng lưu ly, cây bằng san hô, cây bằng hổ phách, cây bằng xa cừ. Trong nhà ấy có hai tảng đá, mỗi tảng cao rộng bốn ngàn dặm, mịn lại mềm như nhung lụa; tảng thứ nhất tên là Chất-la, tảng thứ hai tên Chất-đa-khoa-la. Trong nhà ấy lại có hai ao tắm: ao thứ nhất tên là Chất-đa, ao thứ hai tên là Chất; trong hai ao có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng; ở đáy ao đều có cát vàng. Nhà ấy có bốn loại cây báu: cây bằng vàng, cây bằng bạc, cây bằng pha lê, cây bằng lưu ly. Trời Đao-lợi đi đến nhà Chất-đa-lợi cùng vui chơi giải trí, vui vẻ vô cùng; bốn thứ báu chiếu sáng chư Thiên, loài người, khiến cho họ có màu sắc rực rỡ, đẹp đẽ. Vì vậy gọi là Chất-la-nại. Chất-la-nại là nhà cửa rực rỡ.

Phía Bắc trời Đao-lợi, ra khỏi cửa thành, có nhà gọi là Phả-loại, cao rộng bảy ức dặm, có bảy lớp vách báu, bảy hào nước, ở đáy nước đều là cát vàng, lan can như ở phương Nam. Đường của nhà ấy rộng sáu trăm bốn mươi dặm; trong nhà có hai tảng đá: tảng thứ nhất tên là Ca-la, tảng thứ hai tên là Ca-la-thi-la, mềm mịn như nhung lụa. Có hai ao tắm sâu, rộng bốn ngàn dặm, ao thứ nhất tên là Càn-đa, ao thứ hai tên là Càn-đà-

khởi, có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng. Trời Đao-lợi, khi muốn vui chơi ở nhà Phả-loại, thì thân thể liền cường tráng. Giống như người sau khi tắm xong, thân thể tươi nhuận, chư Thiên Đao-lợi vào nhà phía Bắc, thân thể đều tươi nhuận. Vì vậy gọi là nhà Phả-loại.

Từ phía Tây trời Đao-lợi đi ra, có nhà tên là Di-thi-da-viễn, cao rộng bảy ức dặm, có bảy lớp vách, bảy hào nước, bảy loại cây báu, bảy thứ lan can báu, hoa sen bốn màu, ở đáy nước đều là cát vàng, như ở phương Bắc. Đường qua nhà ấy rộng sáu trăm bốn mươi dặm, có bảy lớp vách báu, bảy hào nước, bảy loại cây báu, bảy thứ lan can báu, hoa sen bốn màu; ở đáy nước đều là cát vàng, như ở phương Bắc. Trong nhà có hai tảng đá đẹp, mỗi tảng cao rộng bốn ngàn dặm, mịn mềm như nhung lụa, tảng thứ nhất tên là Bắc-la, tảng thứ hai tên là Bắc-la-việt, có hai ao tắm, mỗi cái sâu rộng bốn ngàn dặm, trong ao ấy có hoa sen bốn màu: xanh, hồng, tím, trắng, ở đáy ao đều là cát vàng, ao thứ nhất tên là Ba-thi, ao thứ hai tên là Vân. Trời Đao-lợi, khi muốn đi đến nhà Di-thi-da-viễn để vui chơi, thì ở cõi trời Đao-lợi, bất kể lớn nhỏ, nghèo giàu, sang hèn, đều được vào nhà Di-thi-da-viễn. Vì vậy gọi là nhà Di-thi-da-viễn.

Trên trời Đao-lợi, trong cung trước sân giữa của điện vua, có bảo vật trăm màu, tự trải bày trên đất, trước cung vua. Trong cung, có bảy trăm nhà lầu, bậc thềm bằng vàng, bậc thềm bằng bạc, bậc thềm bằng lưu ly, bậc thềm bằng pha lê, dưới mỗi bậc thềm có mười sáu trụ lưu ly chiếu sáng. Trong cung, có bốn giường ngồi, giường bằng vàng, giường bằng bạc, giường bằng pha lê, giường bằng lưu ly, để trời ngồi trên đó, nghĩ về điều thiện của muôn họ, cũng nghĩ về điều thiện của chư Thiên. Cung điện chỗ Thiên vương ở gọi là Đề-diên. Trên điện ấy có trăm đại lộ, mỗi đại lộ có trăm nhà, mỗi nhà có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ có bảy người hầu; điện ấy màu lưu ly xanh, và chư Thiên đều vây quanh cung điện. Phía Nam có cây gọi là cây Ba-chất-câu-kỳ-la, rễ ăn sâu xuống đất hai trăm dặm, cành ở trên tỏa ra bốn phía: Đông Tây hai ngàn dặm, Nam Bắc hai ngàn dặm, cây cao bốn ngàn dặm. Khi cây đang trổ hoa, gió từ trên thổi xuống, mùi thơm của hoa bay xuống bốn ngàn dặm, bay ngược chiều gió hai ngàn dặm. Vào mùa cây đang trổ hoa, chư Thiên ngồi dưới cây, vui chơi với nhau một trăm hai mươi ngày, một trăm hai mươi ngày trên trời là một vạn hai ngàn năm dưới thế. Chư Thiên muốn dùng voi trắng báu tên là Nghê-la-viễn để giải trí vui chơi, voi tự biến ra thành ba mươi hai cái đầu, mỗi đầu có bảy ngà, ngà hóa thành bảy ao tắm, trong mỗi ao tắm hiện bảy hoa sen; mỗi cành hoa sen có nghìn lá, trên mỗi lá có một ngọc nữ báu.

Những điều vua ước muốn, đều có đủ, hết sức vừa ý.

Người ở thế gian tuy làm việc thiện nhưng không thể làm nhiều: tâm nghĩ việc thiện ít, miệng nói lời thiện ít, thân làm việc thiện ít, nên tuy được sanh lên cõi trời Đao-lợi, nhưng chẳng được vào nhà Nan-đà-hoàn ở phía Đông; chẳng thể vào được nhà Chất-đa-lại; chẳng thể vào được nhà Phả-loại phía Bắc; chẳng thể vào được để thưởng thức hương hoa dưới cây Ba-chất-câu-kỳ-la, chỉ được ở xa mà trông, chẳng được vào phía trước. Giống như chỗ ăn uống của vua Giá-ca-việt-la, những người ở ngoài cung chẳng được lén vào; chư Thiên ở cõi trời chẳng được xem cây cũng như vậy.

Người ở thế gian làm việc thiện, tâm nghĩ việc thiện, miệng chí thành làm việc thiện, thân làm việc thiện, sau khi mạng chung, liền được sanh lên cõi trời Đao-lợi. Bậc cao thiện sĩ sanh lên cõi trời Đao-lợi sống rất lâu, sau khi chết, lại hạ sanh tại thế gian, làm thái tử trong gia đình vương hầu, phú quý nhiều vật báu, là người đoan chánh. Thí như niềm vui của người do dối gạt nên mới có được nhiều tiền, vàng, bạc, ngọc báu, nô tỳ, xe ngựa, vợ con, ruộng đất, nhà cửa, bỗng có danh tiếng. Người đó nghĩ rằng anh ta chẳng làm gì, chẳng mua bán, cũng chẳng cày ruộng, tự nhiên có được tài sản. Anh ta chỉ vui chơi thôi, thế mà cũng có được vàng, bạc, châu báu, nhà cửa, ruộng đất, lại có danh tiếng là người phú quý.

Phật dạy:

–Như đứa trẻ con ham chơi mà được lợi như vậy là ít, hay như vậy là nhiều? Điều ấy chẳng bằng tâm nghĩ việc thiện, miệng nói việc thiện, thân làm việc thiện, được lợi thù thắng hơn so với kẻ dối gạt. Vì sao vậy? Thực hành ba việc thiện ấy, sau khi chết, sanh lên cõi trời Đao-lợi, là bậc cao sĩ.

Phật dạy các Sa-môn:

–Nay Ta vì các ông mà nói hai con đường, đó là con đường ngu si và con đường của bậc cao thiện sĩ. Nay các ông tự chọn con đường nào? Nay Ta là Phật vì các ông nói sự khó, dễ.

Phật dạy:

–Các ông nên ở trong núi, hoặc ở nơi gốc cây, trong nhà vắng, hoặc ở chỗ gò mả, nơi khe suối, chốn đồi cao, tự nghĩ về năm điều bên trong, sớm cầu đạo Niết-bàn.

Phật dạy:

–Đó là lời dạy của Ta.

Các Sa-môn đều chắp tay, nhận lời dạy bảo, lần lượt ra trước Phật đảnh lễ.

-oOo-

Phẩm 8: TỨ THIÊN VƯƠNG

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Phía Đông núi chúa Tu-di, cách núi Tu-di bốn vạn dặm có thành quách của Thiên vương Đề-đầu-loại, gọi là chốn Hiền thượng vương, rộng dài hai mươi bốn vạn dặm, dùng bảy báu làm bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây đẹp đẽ, bao bọc chung quanh. Vách bằng vàng, cửa bằng bạc, vách bằng bạc, cửa bằng vàng; vách bằng lưu ly, cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê, cửa bằng lưu ly; vách bằng chơn châu đỏ, cửa bằng mã não; vách bằng mã não, cửa bằng chơn châu đỏ, vách bằng xa cừ, cửa bằng tất cả vật báu; lan can bằng vàng thì trụ bằng vàng, bậc thang bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly, lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não; lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng tất cả vật báu. Đường bằng vàng, lề đường bằng bạc, đường bằng bạc, lề đường bằng vàng; đường bằng lưu ly, lề đường bằng pha lê; đường bằng pha lê, lề đường bằng lưu ly; đường bằng chơn châu đỏ, lề đường bằng mã não; đường bằng mã não, lề đường bằng chơn châu đỏ; đường bằng xa cừ, lề đường bằng tất cả vật báu; cây bằng vàng, thân, gốc bằng vàng thì cành, lá, hoa, quả bằng bạc; cây bằng bạc, thân gốc bằng bạc thì cành, lá, hoa, quả bằng vàng; cây bằng lưu ly, thân, gốc bằng lưu ly thì cành, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây bằng pha lê, thân, gốc bằng pha lê thì cành, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây bằng chơn châu đỏ, thân, gốc bằng chơn châu đỏ thì cành, lá, hoa, quả bằng mã não; cây bằng mã não, thân, gốc bằng mã não thì cành, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây bằng xa cừ, thân, gốc bằng xa cừ thì cành, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu. Trên cửa có mái che, đường đi, phía dưới có vườn nhà, ao tắm, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa, các loại quả, tỏa ra các thứ hương thơm, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Nam núi chúa Tu-di, cách bốn vạn dặm có thành quách của Thiên vương Kỳ-lâu-lặc gọi là Thiện kiến, rộng dài hai mươi bốn vạn

dặm. Nơi vua ở cũng có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây bằng bảy báu bao bọc chung quanh tuyệt đẹp. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Tây núi chúa Tu-di, cách bốn vạn dặm có trời gọi là Tỳ-lưu-la, có thành quách, rộng dài hai mươi bốn vạn dặm. Nơi vua ở cũng có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp cây cối bằng bảy báu bao bọc chung quanh tuyệt đẹp. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Phía Bắc núi chúa Tu-di, cách bốn vạn dặm, có Thiên vương tên là Tỳ-sa-môn, có ba thành quách, rộng dài mỗi mặt hai mươi bốn vạn dặm. Có ba chỗ vua ở: chỗ thứ nhất tên là Sa-ma, chỗ thứ hai tên là Ba-ca-la-viết, chỗ thứ ba tên là A-ni-bàn, cũng có bảy báu làm bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh, tuyệt đẹp. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Phía Đông chỗ ở A-ni-bàn của Thiên vương Tỳ-sa-môn có núi tên là Ca-tỳ-diên, cao, rộng, dài bốn ngàn dặm, dùng bốn báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly tạo thành. Chung quanh núi có tường bao bọc, rộng, dài hai vạn dặm, dùng bảy báu làm bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp cây cối, bao bọc chung quanh tuyệt đẹp. Bốn mặt đều có cửa, dùng bốn báu tạo thành. Trên cửa có mái che, đường đi; phía dưới có vườn, nhà, ao tắm, cây cối, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Tại núi Ca-tỳ-diên, thuộc chỗ ở A-ni-bàn của vua có ao tắm của Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, tên là Na-lợi, rộng dài hai ngàn dặm, có tường bao bọc chung quanh, ở đáy ao có cát bằng vàng, nước mát lại trong, dùng bốn báu tạo thành bốn lớp vách, lan can, đường đi, cây cối tuyệt đẹp chung quanh ao tắm. Trong ao mọc lên hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng, hoa sen đỏ, ánh sáng của hoa chiếu hơn hai mươi bốn dặm, mùi thơm cũng tỏa ra hai mươi bốn dặm, chung quanh ao tắm có thềm. Thiên vương Tỳ-sa-môn muốn đến núi Ca-tỳ-diên vui chơi giải trí, ngay khi ấy liền nghĩ đến Thiên vương Đề-đầu-lại. Thiên vương Đề-đầu-lại liền nói:

–Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến ta.

Lúc ấy vua chỉnh đốn y phục, khăn mũ, sửa sang xa giá, cùng vô số trăm ngàn Kiền-đạp-hòa vây bọc chung quanh, từ thành Hiền thượng đi ra, đến chỗ Thiên vương Tỳ-sa-môn, và dừng ngay phía trước.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn mặc áo, đội mũ, choàng khăn, sửa

sang xa giá, cùng với các Thiên vương và vô số trăm ngàn các quỷ thần, cùng đi đến núi Ca-tỳ-diên. Khi ấy gió thổi quét sạch đất núi Ca-tỳ-diên, gió thổi hoa của cây cối trong núi rơi vãi khắp đất. Bốn Thiên vương cùng vào núi Ca-tỳ-diên, cùng nhau vui chơi, ăn uống thỏa thích trong một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày. Sau đó mọi người có thể tự ra về.

❑

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN IV

Phẩm 9: ĐAO-LỢI THIÊN

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trên đỉnh núi chúa Tu-di, có trời Đao-lợi, mỗi bên rộng dài hai mươi vạn dặm; trên đó có thành quách của Thích-đề-hoàn-nhân, tên là Tu-đà-diên, mỗi mặt rộng dài hai mươi bốn vạn dặm, có bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh tuyệt đẹp, đều dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành; vách bằng vàng thì cửa bằng bạc, vách bằng bạc thì cửa bằng vàng, vách bằng lưu ly thì cửa bằng pha lê, vách bằng pha lê thì cửa bằng lưu ly, vách bằng chơn châu đỏ thì cửa bằng mã não, vách bằng mã não thì cửa bằng chơn châu đỏ, vách bằng xa cừ thì cửa bằng tất cả vật báu; lan can bằng vàng, trụ bằng vàng thì bậc thang bằng bạc; lan can bằng bạc, trụ bằng bạc thì bậc thang bằng vàng; lan can bằng lưu ly, trụ bằng lưu ly thì bậc thang bằng pha lê; lan can bằng pha lê, trụ bằng pha lê thì bậc thang bằng lưu ly; lan can bằng chơn châu đỏ, trụ bằng chơn châu đỏ thì bậc thang bằng mã não, lan can bằng mã não, trụ bằng mã não thì bậc thang bằng chơn châu đỏ; lan can bằng xa cừ, trụ bằng xa cừ thì bậc thang bằng tất cả vật báu; đường đi bằng vàng thì lề bằng đường bạc, đường đi bằng bạc thì lề đường bằng vàng; đường đi bằng lưu ly thì lề đường bằng pha lê; đường đi bằng pha lê thì lề đường bằng lưu ly; đường đi bằng chơn châu đỏ thì lề đường bằng mã não, đường đi bằng mã não thì lề đường bằng chơn châu đỏ; đường đi bằng xa cừ thì lề đường bằng bằng tất cả vật báu; cây bằng vàng. gốc, thân bằng vàng thì cành, lá, hoa, quả bằng bạc; cây bằng bạc, gốc, thân bằng bạc thì cành, lá, hoa, quả bằng vàng; cây bằng lưu ly, gốc, thân bằng lưu ly thì cành, lá, hoa, quả bằng pha lê; cây bằng pha lê, gốc, thân bằng pha lê thì cành, lá, hoa, quả bằng lưu ly; cây bằng chơn châu đỏ, gốc, thân bằng chơn châu đỏ thì cành, lá, hoa, quả bằng mã não; cây bằng mã não, gốc, thân bằng mã não thì cành, lá, hoa, quả bằng chơn châu đỏ; cây bằng xa cừ, gốc, thân bằng xa cừ thì cành, lá, hoa, quả bằng tất cả vật báu. Vách ấy cao hai ngàn bốn trăm dặm,

rộng một ngàn hai trăm dặm, cửa ấy cao một ngàn bốn trăm dặm, rộng một ngàn hai trăm dặm. Vách ấy, cứ cách hai vạn dặm thì có một cái cửa, mỗi cửa có năm trăm quỷ thần giữ cửa trời Đao-lợi. Trên cửa có mái che, nhà lầu, đường đi, dưới có vườn nhà, ao tắm, có các loại cây, cây có các loại hoa, quả, tỏa ra các thứ mùi thơm, các loại chim bay cùng nhau múa hót.

Trong thành Tu-đà-diên, có cung của Long vương Y-la-bồ, mỗi mặt rộng, dài hai mươi bốn vạn dặm; đều dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây.

Trong thành Tu-đà-diên, có cung điện tham nghị của vua trời Đao-lợi, mỗi mặt rộng, dài hai vạn dặm, cao bốn ngàn dặm; dùng bảy báu tạo thành bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh hai vạn dặm. Trên cung điện có mái che, đường đi, nhà lầu; dùng pha lê, lưu ly làm mái che, vàng ròng làm đất; cột trụ trong cung điện vòng thân to bốn trăm tám mươi dặm, cửa cao bốn ngàn dặm, dùng bảy báu làm thành; bên trong có tòa ngồi của trời Đế-thích, mỗi bên rộng, dài bốn mươi dặm, đều dùng bảy báu làm thành, tòa ấy rất mềm mại, mịn màng, hai bên đều có mười sáu tòa.

Phía Bắc của cung điện, có hậu cung của trời Đế-thích, rộng, dài bốn vạn dặm, đều dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, bao bọc chung quanh rất đẹp đẽ.

Phía Đông cung điện, có vườn của Đế-thích tên là Thô kiên, mỗi mặt rộng dài bốn vạn dặm, cũng dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh rất đẹp đẽ. Cửa cao một ngàn hai trăm dặm, rộng dài tám trăm dặm, trên cửa có mái che, đường đi, nhà lầu, ở dưới có vườn, ao tắm; trong vườn có các loại cây, hoa, quả, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Trong vườn Thô kiên có cây Cao hương cao bảy mươi dặm, đều sanh hoa quả, bổ ra thì tỏa ra các thứ mùi thơm, có cây cao hai mươi dặm, ba mươi dặm cho đến cao sáu mươi dặm, cây thấp nhất cao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ. Kế đến có cây Anh lạc, có cây cao bảy mươi dặm, có cây cao hai mươi dặm, ba mươi dặm cho đến sáu mươi dặm, cây thấp nhất cao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ, đều sanh hoa quả, bổ ra thì hiện ra ngọc Anh lạc. Lại có cây áo, chăn, cây Bất tức, cây đồ dùng, cây âm nhạc, có cây cao bảy mươi dặm, có cây cao hai mươi dặm, ba mươi dặm cho đến sáu mươi dặm, cây thấp nhất cao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ, đều sanh ra hoa quả, bổ ra thì

hiện ra các loại áo, mền, anh lạc, tràng hoa, đồ dùng, âm nhạc. Trong vườn Thô kiên, có hai tảng đá, tảng thứ nhất tên là Hiền, tảng thứ nhì tên là Hiền thiện, dùng vàng trời tạo thành, đá rất đẹp đẽ.

Phía Nam cung điện, có vườn của trời Đế-thích tên là Lạc họa, mỗi mặt rộng dài bốn vạn dặm, đều dùng bảy báu tạo thành bảy lớp vách, lan can, đường, cây cối, có cửa cao một ngàn hai trăm dặm; trên cửa có mái che, đường đi, nhà lầu, ở dưới có vườn, ao tắm, có các loại cây, lá, hoa, quả, trong ao tắm có chim bay cùng nhau vui hót. Trong vườn Lạc họa có hai tảng đá, tảng thứ nhất tên là Họa, tảng thứ hai tên là Thiện họa, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm, đá rất mềm, mịn. Trong vườn Lạc họa có cây Hương, lại có cây chăn áo, Anh lạc, cây Bất tức, cây âm nhạc, có cây cao bảy mươi dặm, có cây cao hai mươi dặm cho đến ba mươi dặm, sáu mươi dặm, cây thấp nhất bao mười ba dặm một trăm hai mươi bộ, đều sanh hoa quả, bổ ra thì tỏa ra các loại mùi thơm, hiện ra y phục, mền, anh lạc, tràng hoa, đồ dùng, âm nhạc.

Phía Đông điện Đao-lợi có vườn của trời Đế-thích tên là Quán loạn, mỗi mặt rộng dài bốn vạn dặm, dùng toàn bảy báu tạo thành bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh; cửa cao một ngàn hai trăm dặm, rộng tám trăm dặm; ở trên có mái che, đường đi, nhà lầu; ở dưới có vườn, ao tắm, có các loại cây, lá, hoa, quả, tỏa ra các thứ hương thơm, các loài chim bay cùng nhau vui hót; các thứ mà các cây đã sanh ra cũng như ở phương Nam. Trong vườn Quán loạn có tảng đá vuông.

Phía Tây của cung điện trời Đao-lợi có vườn cây tên là Ca vũ, mỗi bên rộng dài bốn vạn dặm, cũng dùng bảy báu tạo thành bảy lớp vách, lan can, đường đi, cây cối, bao bọc chung quanh. Cửa cao một ngàn hai trăm dặm, rộng tám trăm dặm; ở trên có mái che, đường đi, nhà lầu, ở dưới có vườn, ao tắm, có các loại cây, lá, hoa, quả, các loại chim bay cùng nhau vui hót. Trong vườn Ca vũ có hai tảng đá, tảng thú nhất tên là Nan-đà, tảng thứ hai tên là Hòa-nan; mỗi tảng rộng dài hai ngàn dặm, đều dùng lưu ly trời làm thành, rất mềm mịn.

Trong vườn Quán loạn, Lạc họa có ao tắm tên là Nan-đà, mỗi mặt rộng dài hai ngàn dặm, có bảy lớp bờ tường bao bọc chung quanh, nước trong ao phẳng lặng, đẹp đẽ, trong vắt, có các loại cây bao bọc chung quanh; cát ở đáy ao đều là vàng; dùng bảy báu tạo thành bảy lớp lan can, đường đi, hàng cây, bao bọc chung quanh, trên có mái che, đường đi, nhà lầu; dưới có vườn, ao tắm; ở trong có các loại cây, lá, hoa, quả, tỏa ra các loại hương thơm; các loại chim bay cùng nhau vui hót. Trong ao tắm Nan-

đà có hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng, hoa sen vàng lớn như bánh xe, cành như trục xe, chích vào nhựa chảy ra như sữa, ánh sáng chiếu ba mươi dặm, hương bay xa bốn mươi dặm. Trong vườn Ca vũ, Quán loạn có cây lớn tên là Trú quá độ, vòng thân hai trăm tám mươi dặm, cao bốn ngàn dặm, cành lá tỏa ra hai ngàn dặm.

Chư Thiên Đao-lợi có cung điện, rộng dài bốn mươi vạn dặm; dùng toàn bảy báu tạo thành bảy lớp lan can, đường đi, cây cối bao bọc chung quanh; có vườn, ao tắm, các loại chim bay, cùng nhau vui hót, các loại cây, lá, hoa, quả tỏa ra các loại hương thơm. Cung điện của chư Thiên Đao-lợi có cái rộng dài mỗi mặt ba vạn sáu ngàn dặm, có cung rộng dài ba vạn hai ngàn dặm, có cung rộng dài ba vạn bốn ngàn dặm, có cung rộng dài hai vạn bốn ngàn dặm, có cung rộng dài hai ngàn dặm, có cung rộng dài một vạn sáu ngàn dặm, có cung rộng dài một vạn hai ngàn dặm, có cung rộng dài tám ngàn dặm; cung nhỏ nhất rộng dài bốn ngàn dặm. Trong đó lại có cung rộng, dài ba ngàn sáu trăm dặm, có cái ba ngàn hai trăm dặm, nhỏ cho đến bốn trăm tám mươi dặm, dùng toàn bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành bảy lớp lan can, đường đi, cây cối; có vườn, ao tắm, các loại chim bay cùng nhau vui hót.

Trước cung điện trời Đao-lợi có hai con đường dẫn đến hậu cung trời Đế-thích, lại có hai con đường dẫn đến vườn Thô kiên; lại có hai con đường dẫn đến vườn Lạc họa; lại có hai con đường dẫn đến vườn Quán loạn; lại có hai con đường dẫn đến vườn Ca vũ; lại có hai con đường dẫn đến ao tắm Nan-đà; lại có hai con đường dẫn đến cây lớn Trú quá độ; lại có hai con đường dẫn đến cung chư Thiên; lại có hai con đường dẫn đến Long cung Y-la-mãn.

Trời Đế-thích khi muốn đến vườn Thô kiên để vui chơi giải trí thì nghĩ đến các Thiên vương. Bấy giờ các Thiên vương nói: "Trời Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta", liền chỉnh đốn y phục, đội mũ, quấn khăn, sửa sang xe ngựa, rồi cùng đến chỗ trời Đế-thích, dừng ngựa lại ở trước. Lúc ấy trời Đế-thích lại nghĩ đến trời Đao-lợi. Trời Đao-lợi nói với chư Thiên: "Trời Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta", bèn mặc y phục, chuẩn bị các loại xe ngựa, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước. Khi ấy trời Đế-thích lại nghĩ đến Long vương Y-la-mãn. Bấy giờ Long vương Y-la-mãn nói: "Trời Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta", liền hóa thành ba mươi sáu đầu voi, trên mỗi đầu hóa ra sáu ngà, trên mỗi ngà hóa ra bảy ao tắm, trên mỗi ao tắm hóa ra bảy hoa sen, trên mỗi hoa sen hóa ra bảy ngọc nữ đang chơi nhạc. Long vương Y-la-mãn đem các loại thần hóa ấy đến chỗ trời Đế-

thích, dừng lại ở trước.

Lúc ấy trời Đế-thích chỉnh đốn y phục, đội mũ, quấn khăn, bước lên trên và ngồi xuống trên đầu Long vương, hai bên đều có mười sáu tiểu vương ngồi hầu. Trời Đế-thích liền đi đến trong vườn Thô kiên, gió mở cửa vườn Thô kiên; gió liền nổi lên quét dọn thổi sạch đất trong vườn; gió Y-la nổi dậy thổi vào vườn, bông hoa rơi xuống đất, ngập tới đầu gối người. Trời Đế-thích cùng chư Thiên đều vào trong vườn, ngồi trên tảng đá Hiền thiện, đều có mười sáu Tiểu thiên vương ngồi.

Bấy giờ trời Đế-thích muốn có được Anh lạc liền nghĩ đến Thiên tử Di-xá-bát. Khi ấy Thiên tử nói: "Trời Đế-thích đã nghĩ đến ta", liền biến hóa ra Anh lạc, đem dâng lên trời Đế-thích. Khi chư Thiên cõi trời Đao-lợi muốn có được Anh lạc, Thiên tử Di-xá-bát liền biến hóa ra Anh lạc, đem đến dâng lên chư Thiên Đao-lợi. Có chư Thiên chẳng thấy được vườn Thô kiên, cũng chẳng được vào bên trong, cũng chẳng được dùng nhạc trời vui chơi. Vì sao? Vì công đức đã làm đời trước ít. Có chư Thiên Đao-lợi chỉ được đứng xa mà nhìn chẳng được vào, cũng chẳng được dùng nhạc trời để vui chơi. Vì sao? Vì công đức đã làm đời trước còn ít. Trong đó, có chư Thiên được vào dùng nhạc trời cùng vui chơi giải trí. Vì sao vậy? Vì đời trước đã tạo công đức đầy đủ.

Bấy giờ trời Đế-thích cùng chư Thiên Đao-lợi ở trong vườn Thô kiên cùng nhau vui chơi, ăn uống một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, liền rời khỏi đấy đi ra đến vườn Lạc họa, cùng nhau vui chơi cũng như vậy. Lại đến vườn Quán loạn, Ca vũ cùng nhau ăn uống, vui chơi cũng như trên.

Vì sao gọi là Thiện đẳng? Vì chư Thiên khi vào cung trời Đao-lợi đều nghĩ: "Lành thay! An lạc!", vì vậy gọi là Thiện đẳng. Vì sao gọi là Thô kiên? Thân liền thô cứng, vì vậy gọi là Thô kiên. Vì sao gọi là Lạc họa? Chư Thiên Đao-lợi, khi vào trong vườn Lạc họa, tư nhiên thân có các loại màu sắc như tranh vẽ, vì vậy gọi là Lạc họa. Vì sao gọi là Quán loạn? Chư Thiên Đao-lợi, khi vào trong vườn Quán loạn, vào ngày mồng tám, mười bốn, ngày rằm trong tháng, trời Đế-thích liền tự bỏ thể nữ, một mình dẫn phu nhân A-tu du hành. Khi ấy chư Thiên tử cùng với thể nữ chen nhau đi lại mất trật tự, vì vậy gọi là Quán loạn. Vì sao gọi là Ca vũ? Chư Thiên Đao-lợi, khi vào trong vườn Ca vũ, liền cùng nhau ca múa vui chơi, vì vậy gọi là Ca vũ. Vì sao gọi là cây lớn Trú quá độ? Có vị trời tên là Văn-đà ở trên cây ấy dùng năm thứ nhạc trời vui chơi thỏa thích, vì vậy gọi là Trú quá độ. Lại nữa, cây lớn Trú quá độ thường có hoa, quả giống

như cây Gia-ni, vì vậy gọi là Trú quá độ. Bên cạnh trời Đế-thích thường có mười Thiên tử ủng hộ. Vị thứ nhất tên là Căn, vị thứ hai tên là Cụ Giới, vị thứ ba tên là Tỳ-lưu, vị thứ tư tên là Tỳ-lưu-tạng, vị thứ năm tên là A-lưu, vị thứ sáu tên là Ba-lưu, vị thư bảy tên là Lợi Hoàn, vị thứ tám tên là Lâu-hán, vị thứ chín tên là Câu-hòa-nan, vị thứ mười tên là Nan. Mười vị Thiên tử này thường theo ủng hộ trời Đế-thích.

Ở cõi người, trong nước có mọc hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng, đẹp đẽ và rất thơm, trên đất cũng có hoa rất mềm mại, đẹp đẽ, tên là hoa A-đề-vật, hoa Danh-đà-ba-la-tu-giao-hòa-sư-đà-nô-mạt. Đất của người ở cõi Câu-da-ni, Uất-đơn-việt, đất của người ở cõi Phất-vu-đãi phương Đông cũng như vậy. Chỗ ở của rồng và Kim sí điểu, trong nước có mọc hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, rất mềm mại, thơm tho, đẹp đẽ, và trên đất liền cũng có các loại hoa. Chỗ ở của A-tu-luân, trong nước cũng có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng, mềm mại, rất thơm tho, đẹp đẽ, trên đất liền cũng có hoa đẹp tên là Mạc, Đại mạc, Gia, Đại gia, Mạn-đà, Đại mạn-đà. Trên cõi trời Tứ thiên vương, trong nước có mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng, rất mềm mại, thơm tho, đẹp đẽ; trên đất liền sanh hoa cũng đẹp. Ở cõi trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển, trong nước cũng có hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng, rất mềm mại, thơm tho, đẹp đẽ; hoa trên đất liền cũng đẹp. Người trong cõi ấy có bảy loại sắc: có người sắc đỏ, có người sắc vàng ròng, có người sắc xanh, có người sắc vàng, có người sắc tía, có người sắc trắng, có người sắc đen, đó là bảy loại sắc. Người cõi A-tu-luân cũng có bảy sắc như thế. Chư Thiên cũng đều có bảy sắc như vậy. Chư Thiên có mười việc. Mười việc ấy là gì? Một là bay đi cùng khắp, hai là qua lại tự do, ba là chư Thiên không có giặc trộm, bốn là không tự nói việc thiện của bản thân, năm là không có sự xâm phạm nhau, sáu là răng của chư Thiên bằng nhau, bảy là tóc màu xanh biếc mượt mà, dài tám thước; tám là người cõi trời, ai mà tóc màu xanh thì thân cũng màu xanh, chín là ai muốn được trắng thì thân liền trắng, mười là ai muốn đẹp, thì thân liền đẹp. Đó là mười sự việc của chư Thiên.

Trong cõi người ấy, so sánh ánh sáng con đom đóm chẳng bằng ánh sáng ngọn đèn, ánh sáng ngọn đèn chẳng bằng ánh sáng ngọn đuốc, ánh sáng ngọn đuốc chẳng bằng ánh sáng đống lửa lớn, ánh sáng đống lửa lớn chẳng bằng ánh sáng ngôi sao, ánh sáng ngôi sao chẳng bằng ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trăng chẳng bằng ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trời chẳng bằng ánh sáng của cung điện Tứ thiên vương, ánh sáng của cung điện Tứ thiên vương chẳng bằng ánh sáng của cung điện cõi trời

Đao-lợi, ánh sáng của cung điện trời Đao-lợi chẳng bằng ánh sáng của cung điện trời Đế-thích, cứ như vậy, lần lượt chẳng bằng nhau, trên cho đến ánh sáng của cung trời A-ca-ni-trá; ánh sáng của cung trời A-ca-ni-trá chẳng bằng ánh sáng của Thiên tử Ma-y-phá; ánh sáng của Thiên tử Ma-y-phá chẳng bằng ánh sáng của Khổ đế, Tập, Tận, Đạo đế; ánh sáng của Khổ đế, Tập, Tận (Diệt), Đạo đế chẳng bằng ánh sáng của Phật.

Người ở cõi Diêm-phù-lợi, thân cao bảy thước, hoặc có người cao đến tám thước, áo rộng một trượng, dài sáu thước.

Người ở cõi Câu-da-ni, người ở cõi Phất-vu-đãi, thân cao bảy thước, hoặc có người cao đến tám thước, áo rộng một trượng, dài sáu thước.

Người ở cõi trời Uất-đơn-việt, thân cao một trượng bốn thước, áo rộng hai trượng tám thước, dài một trượng bốn thước, nặng hai lạng rưỡi.

Rồng và Kim sí điểu, thân cao bốn mươi dặm, áo rộng tám mươi dặm, dài bốn mươi dặm, nặng hai lạng rưỡi.

Các A-tu-luân, thân cao bốn mươi dặm, áo rộng tám mươi dặm, dài bốn mươi dặm, nặng hai lạng rưỡi.

Chư Thiên trên cõi trời Tứ thiên vương, thân cao hai mươi dặm, áo rộng bốn mươi dặm, dài hai mươi dặm, nặng hai lạng rưỡi.

Chư Thiên trên cõi trời Đao-lợi, thân cao bốn mươi dặm, áo rộng tám mươi dặm, dài bốn mươi dặm, nặng bảy thù rưỡi.

Người ở cõi trời Diệm, thân cao tám mươi dặm, áo rộng một trăm sáu mươi dặm, dài tám mươi dặm, nặng nửa lạng.

Người ở cõi trời Đâu-suất, thân cao một trăm sáu mươi dặm, áo rộng ba trăm hai mươi dặm, dài một trăm sáu mươi dặm, nặng hai thù.

Chư Thiên ở cõi trời Lạc vô cống cao, thân cao ba trăm hai mươi dặm, áo rộng sáu trăm bốn mươi dặm, dài ba trăm hai mươi dặm, nặng một thù.

Chư Thiên ở cõi trời Tha hóa tự chuyển, thân cao sáu trăm bốn mươi dặm, áo rộng một ngàn sáu trăm tám mươi dặm, dài sáu trăm bốn mươi dặm, nặng nửa thù.

Chư Thiên ở trên các cõi trời ấy, áo mặc vừa vặn với thân.

Người ở Diêm-phù-lợi sống lâu trên dưới một trăm tuổi. Người ở cõi Câu-da-ni sống lâu trên dưới hai trăm tuổi. Người ở cõi trời Phất-vu-đãi sống lâu trên dưới ba trăm tuổi. Người ở cõi Uất-đơn-việt đều sống một ngàn tuổi, không có ai chết yểu. Rồng và Kim sí điểu thọ một kiếp nhưng có con chết yểu. Người ở cõi A-tu-luân thọ một ngàn tuổi nhưng

cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi Tứ thiên vương thọ năm trăm tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Đao-lợi thọ một ngàn tuổi theo năm trời nhưng lại cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Diệm thọ hai ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Đâu-suất thọ bốn ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Lạc vô cống cao thọ tám ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Tha hóa tự chuyển thọ một vạn sáu ngàn tuổi theo năm trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Phạm-ca-di thọ một kiếp nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-ba-la thọ hai kiếp nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Thủ-đà-hành thọ bốn kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Di-hô-bát thọ tám kiếp theo kiếp của cõi trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Vô tưởng và ngạ quỷ thọ bảy kiếp theo kiếp của cõi trời nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-tỳ-ba thọ mười kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-đáp-hòa thọ hai mươi kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Tu-đà-chiên thọ bốn mươi kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Tu-đà-chiên-ni thọ tám kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-ca-ni-trá thọ trăm kiếp nhưng cũng có vị chết yểu. Chư Thiên cõi trời Hư không tri thọ vạn kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Thức tri thọ hai vạn kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời A-kiệt-nhược-nhiên thọ bốn vạn kiếp nhưng cũng có người chết yểu. Chư Thiên cõi trời Không có tư tưởng cũng có tư tưởng thọ tám vạn kiếp không có ai chết yểu.

Phật dạy:

–Con người có bốn cách ăn để nuôi thân. Bốn cách đó là gì? Một là thấy, lấy ăn, hai là ăn bằng hơi ấm, ba là ăn bằng ý, bốn là ăn bằng thức. Đó là bốn cách ăn để nuôi thân.

Những loài nào thấy, lấy ăn? Người cõi Diêm-phù-lợi ăn cơm, gạo, xôi, nếp, thịt cá, mặc áo, tắm rửa, cho là ăn an ổn. Người ở cõi Câu-da-ni phương Tây và Phất-vu-đãi phương Đông cũng như vậy. Người ở cõi Uất-đơn-việt ăn gạo thơm tinh khiết, tự nhiên, đó là cách thấy, lấy ăn và tắm rửa. Rồng và Kim sí điểu ăn cá, ba ba và ăn đề mễ, đề lịch cá lớn, đó là thấy, lấy ăn và tắm rửa. Chư Thiên A-tu-luân ăn thức ăn tự nhiên và mặc áo tắm rửa. Chư Thiên ở cõi Tứ thiên vương ăn thức ăn tự nhiên, mặc áo và tắm rửa. Chư Thiên ở cõi Đao-lợi cũng ăn thức ăn tự nhiên, mặc áo và tắm rửa. Chư Thiên cõi trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời

Tha hóa tự chuyển đều ăn thức ăn tự nhiên và mặc áo tắm rửa. Từ cõi trời Tha hóa tự chuyển trở lên, dùng niềm vui trong thiền làm thức ăn, lấy định ý làm thức ăn.

Những loài nào ăn bằng hơi ấm? Các loại trứng ăn bằng hơi ấm.

Loài nào lấy ý niệm làm thức ăn? Loài đó có ý tưởng nghĩ về món thịt, đó là dùng ý niệm làm thức ăn.

Loài nào dùng thức làm thức ăn? Người ở trong địa ngục và chư Thiên cõi trời Vô tưởng dùng thức làm thức ăn, đó là thức thực.

Đó là bốn loại thức ăn vì chúng sanh mà sanh ra để nuôi thân mạng.

Người ở cõi Diêm-phù-lợi dùng vàng, bạc, châu báu, gạo thóc, tiền của buôn bán đổi chác để nuôi sống. Người ở cõi Câu-da-ni dùng trâu ngựa, gạo thóc, châu ngọc buôn bán, đổi chác. Người ở cõi Phất-vu-đãi dùng vàng bạc, châu báu, gạo thóc, tiền của buôn bán, đổi chác để nuôi sống. Người ở cõi Uất-đơn-việt không buôn bán, đổi chác; chư Thiên cũng vậy. Cõi Diêm-phù-lợi có việc hôn nhân giữa nam và nữ. Người ở cõi Câu-da-ni, Phất-vu-đãi cũng có việc hôn nhân giữa nam và nữ.

Người ở cõi Uất-đơn-việt không có việc hôn nhân. Nếu người con trai khởi ý dâm dục, thì hướng đến người con gái, nhìn nhau rồi theo nhau đi, con trai đi trước, con gái đi sau. Có cây uốn cong đầu lại như đường đi, người ở cõi phía Bắc dừng lại trong đó, con trai, con gái có chỗ riêng biệt, liền cùng đến bên cây ấy, nếu cây rũ xuống che phủ trên người, thì cùng nhau giao hợp; nếu cây không phủ trên người thì không giao hợp, mỗi người đi mỗi ngã.

Rồng và Kim sí điểu có việc hôn nhân giữa con đực và con cái. A-tu-luân cũng có việc hôn nhân giữa nam và nữ. Từ đó trở lên không có việc hôn nhân.

Người ở Diêm-phù-lợi, nam nữ cùng ở một chỗ giao hợp. Người ở cõi Câu-da-ni, Phất-vu-đãi, Uất-đơn-việt, nam nữ cùng làm việc giao hợp. Rồng và Kim sí điểu, đực và cái cũng làm việc giao hợp. Các nam nữ của A-tu-luân cũng làm việc giao hợp. Chư Thiên cõi Tứ thiên vương, nam nữ cũng làm việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Đao-lợi, nam nữ dùng gió làm việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Diệm, nam nữ lấy việc gần nhau làm giao hợp. Chư Thiên cõi trời Đâu-suất, nam nữ dắt tay nhau liền thành việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Vô cống cao, nam nữ nhìn nhau liền thành việc giao hợp. Chư Thiên cõi trời Tha hóa tự chuyển, nam nữ nghĩ đến việc dâm dục, liền thành việc giao hợp. Từ cõi này trở lên, xa lìa dục.

Có người thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ điều ác, từ

cõi nhân gian này, khi chết, đọa vào địa ngục, thọ nhận mạng sống và có danh sắc, có được lục nhập.

Có người thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ điều ác, từ cõi nhân gian này sau khi chết đọa vào súc sanh, thọ nhận mạng sống và có được danh sắc, từ danh sắc được lục nhập.

Có người thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ điều ác, từ cõi nhân gian này, khi chết đọa vào ngạ quỷ, thọ nhận mạng sống, có danh sắc, có lục nhập.

Có người thân làm các việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ điều thiện, khi chết, liền sanh làm người, được danh sắc, từ danh sắc được lục nhập.

Có người thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, tâm nghĩ việc thiện, từ cõi nhân gian này, chết đi liền sanh lên cõi Tứ thiên vương, thọ mạng sống, được danh sắc, từ danh sắc được lục nhập; giống như đứa trẻ một tuổi hoặc một tuổi rưỡi ở cõi Diêm-phù-lợi, người mới sanh lên trời làm Thiên tử cũng như vậy. Các Thiên tử ấy nhớ lại thân nam, nữ của mình là như thế, vừa mới sanh lên trời, liền tự biết đời trước mình đã tạo nhân duyên gì mà nay được sanh lên đây, liền tự nói: "Ta thực hành ba sự thật nên được sanh lên đây". Ba sự thật ấy là gì? Một là bố thí, hai là trì giới, ba là bỏ ác. Đó là ba. Ta ở trên trời, khi chết đi, sẽ trở lại sanh trong nhân gian, thân cũng trở lại làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện; sau khi chết, sẽ trở lại sanh làm Thiên tử trên trời". Nói như vậy rồi, liền nghĩ muốn được ăn, tự nhiên liền có thức ăn đựng đầy bát báu hiện ra trước mặt. Người phước đức ít, thì tự nhiên có cơm màu xanh hiện ra trước mặt; người phước đức bậc trung thì tự nhiên có cơm màu đỏ hiện ra trước mặt; người phước đức bậc cao thì tự nhiên có cơm trắng hiện ra trước mặt, chư Thiên liền lấy ăn. Khi ấy, cơm trong miệng tự nhiên tiêu hết. Giống như đề hồ hay dầu mè đặt lên lửa, liền tan ra, chư Thiên khi ăn cũng như vậy, cơm ở trong miệng liền tự tiêu hết. Khi khát tự nhiên có nước cam lộ đựng đầy bát báu hiện ra trước mặt. Người phước đức ít, thì tự nhiên có nước màu xanh hiện ra trước mặt; người phước đức bậc trung thì tự nhiên có nước màu đỏ hiện ra trước mặt; người phước đức bậc cao thì có nước màu trắng hiện ra trước mắt, liền lấy uống, nước vào trong miệng tự nhiên tiêu hết. Giống như đề hồ, dầu mè đặt trên lửa liền tan ra, chư Thiên khi uống nước cũng như vậy, nước vào miệng tự nhiên tiêu hết. Ăn uống xong rồi, liền lớn lên.

Như trên cõi trời Tứ thiên vương, chư Thiên đi đến trong ao tắm,

tắm rửa tự vui chơi; từ ao tắm ra, đi đến bên cây Hương, lấy các thứ hương thơm xoa vào mình, đi đến bên cây Anh lạc, cây tự cúi xuống, lấy khăn mũ anh lạc đội lên; lại đến bên cây Y phục, Bất tức, cây tự cúi xuống, lấy y phục mặc vào, tràng hoa mang vào; lại đến bên cây Khí, Quả, cây Âm nhạc, cây tự cúi xuống, lấy đồ dùng và trái cây ăn, lấy nước trong của nó để uống; lại lấy trống, âm nhạc để đánh, tự ý ca múa. Đi vào trong vườn, nhà cửa, thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ chơi âm nhạc, ca múa vui chơi với nhau, hễ nhìn ngọc nữ phía Đông thì quên ngọc nữ phía Tây, nhìn ngọc nữ phía Tây, liền quên ngọc nữ phía Đông. Thiên tử tự nghĩ: "Ta đời trước đã tạo nhân duyên gì mà nay được sanh ở chốn này?". Ngay khi ấy liền quên việc đời trước, vì ngồi nhìn ngọc nữ, khởi dâm, thất ý. Ngọc nữ tên là Bất Niệm. Vì sao gọi là Bất Niệm? Vì có tác dụng là người nam nhìn thì thất ý.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện, thì khi ở nhân gian này chết đi, liền sanh lên cõi trời Đao-lợi, thân cao lớn giống như đứa trẻ hai tuổi hoặc ba tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi. Chư Thiên nhớ biết, thân nam của ta như thế, thân nữ của ta như thế. Thiên tử liền tự nhớ đời trước, vì sao được sanh ở cõi này, là do bố thí, trì giới, bỏ ác. Khi muốn được ăn uống thì tự nhiên có bát vàng đựng đầy đồ ăn uống hiện ra trước; tùy theo phước đức bậc cao, bậc trung hay bậc thấp mà sanh ra các thứ ăn uống trắng, đỏ, xanh, ở trước mặt liền lấy ăn uống, khi vào trong miệng tự nhiên tiêu hết; giống như đem váng dầu mè đặt lên trên lửa, liền tự tan ra, khi chư Thiên ăn uống cũng như vậy; ăn xong, thân liền cao lớn, giống như người trời Đao-lợi, liền đến trong ao tắm, tắm rửa vui chơi, rồi ra khỏi đến bên các cây Hương, cây Anh lạc, Y bị, Bất tức, Khí, Quả, Âm nhạc, cành cây tự cúi xuống, lấy hương xoa mình, lấy ngọc Anh lạc, tràng hoa đeo, áo quần mặc, lấy đồ dùng, ăn quả, lấy nhạc cụ, trống để hát múa, rồi vào vườn nhà, thấy vô số ngọc nữ, liền quên đi nhân đời trước, không thể nhớ lại.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, từ cõi nhân gian này trở đi, liền sanh lên cõi trời Diệm, khi vừa sanh, thân người ấy như đứa trẻ ba tuổi hoặc bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi. Thân Thiên tử tự nhiên cao lớn như vậy, cũng lại tự nhớ nghĩ đời trước vì đã bố thí, trì giới, bỏ ác, nên được sanh lên trời. Khi muốn ăn uống thì cũng tự nhiên bát báu đầy thức ăn uống hiện ra trước mặt, liền ăn uống, thức ăn vào miệng liền tiêu hết, giống như đem váng sữa, dầu mè đặt lên trên lửa liền tan hết; ăn xong vào ao tắm, tắm xong đi ra, đến dưới các cây, cành cây tự cúi xuống, lấy các thức ăn uống sẵn có, chơi âm nhạc, múa hát rồi vào nhà thấy vô

số trăm ngàn ngọc nữ, tâm ý rối loạn, chẳng nhớ được việc đời trước.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, ý nghĩ việc thiện, từ cõi nhân gian này chết đi, liền sanh lên cõi trời Đâu-suất, vừa sanh lên, thân thể cao lớn như đứa trẻ bốn tuổi, năm tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi, cũng tự biết những việc đã làm đời trước như bố thí, trì giới, bỏ ác, cũng có thức ăn tự nhiên để ăn uống, thân liền cao lớn, như chư Thiên khác. Vị ấy đi đến ao tắm, tắm rửa rồi đi ra, đến dưới các cây, lấy các vật sở hữu, chơi nhạc, múa hát, rồi vào vườn nhà, thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ, tâm ý rối loạn, không thể nhớ lại đời trước.

Người nào mà thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, ý nghĩ việc thiện, khi chết, sanh lên cõi trời Vô cống cao, vừa sanh lên thân đã cao lớn như đứa trẻ năm sáu tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi, hoặc sanh lên cõi trời Tha hóa tự tại, thân cao lớn như đứa trẻ sáu bảy tuổi ở cõi Diêm-phù-lợi, thân liền cao lớn, tự biết đời trước đã bố thí, trì giới, bỏ ác, cũng có thức ăn tự nhiên để ăn uống. Họ vào ao tắm rửa rồi ra, đến chỗ các cây, cành cây tự cúi xuống, mỗi người tự lấy các vật sở hữu như áo quần, ngọc Anh lạc, tràng hoa để đeo, lấy đồ dùng, ăn trái cây, chơi âm nhạc, múa hát, rồi vào vườn nhà, thấy vô số trăm ngàn ngọc nữ, tâm ý rối loạn, chẳng thể nhớ lại đời trước.

Phật dạy:

–Trong mười lăm ngày có ba ngày chay. Ba ngày ấy là ngày nào? Mồng tám, mười bốn, rằm là ba ngày chay trong tháng. Vào ngày chay mồng tám trong tháng, Tứ thiên vương bảo với sứ giả: "Hãy đi xem xét bốn cõi, thị sát muôn dân để biết ở thế gian có người hiếu thuận với cha mẹ không, có người phụng sự Sa-môn, Bà-la-môn không, có người kính trọng bậc Trưởng lão không, có người ăn chay, trì giới, giữ đạo không, có người bố thí không, có người tin có đời này, có đời sau không?" Sứ giả vâng lệnh, đi khắp bốn cõi, trở về tâu đầy đủ: "Có người bất hiếu với cha mẹ, chẳng cung kính, phụng sự Sa-môn, Bà-la-môn. Đạo nhân, Trưởng lão chẳng giữ trai giới, chẳng bố thí". Tứ thiên vương nghe rồi, liền chẳng vui, nói: "Nay ta nghe lời ác, đó là tổn giảm chư Thiên mà tăng thêm dòng giống A-tu-luân". Nếu có người hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, Đạo nhân, Trưởng lão; có nhiều người trai giới, bố thí, tin có đời này, đời sau, vị sứ giả cũng tâu đầy đủ. Tứ thiên vương nghe rồi, rất vui, nói: "Nay ta nghe lời thiện, khiến cho nhiều người làm việc thiện, tăng thêm chư Thiên, tổn giảm dòng giống A-tu-luân". Đó là ngày chay mồng tám trong tháng.

Vì sao ngày mười bốn là ngày chay? Vào ngày chay mười bốn, Tứ thiên vương tự bảo thái tử: "Hãy đi xem xét khắp bốn cõi, thị sát muôn dân". Khi thái tử trở về tâu đầy đủ, đại ý là có nhiều người làm ác. Tứ thiên vương nghe tâu chẳng vui, nói: "Con người có nhiều kẻ ác, làm tổn giảm chư Thiên, tăng thêm dòng giống A-tu-luân". Nếu có được nhiều người làm thiện, thì Tứ thiên vương hoan hỷ nói: Tăng thêm chư Thiên, làm tổn giảm giòng giống A-tu-luân". Đó là ý nghĩa của ngày mười bốn là ngày chay.

Vì sao ngày rằm là ngày chay? Vì vào ngày chay rằm, Tứ thiên vương tự đích thân đi xem xét khắp bốn cõi, thị sát trăm họ, có ai hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Đạo nhân, kính trọng Trưởng lão, trai giới, tin có đời này, đời sau chăng. Có nhiều người không thể làm được như vậy, liền khi ấy Tứ thiên vương vào trong trời Thiện đẳng chánh tâu với trời Đế-thích: "Ở thế gian có nhiều người bất hiếu với cha mẹ, Sa-môn, Đạo nhân; có nhiều người chẳng kính Trưởng lão, chẳng trai giới, bố thí, chẳng tin có đời này, đời sau". Trời Đế-thích nghe rồi nói: "Ta nghe nhiều người làm ác, chẳng làm thiện, nên làm tổn giảm chư Thiên, tăng thêm dòng giống A-tu-luân". Nếu có nhiều người làm thiện, Tứ thiên vương vào cõi trời Thiện đẳng chánh tâu đầy đủ với Đế-thích và chư Thiên Đao-lợi. Đế-thích và chư Thiên Đao-lợi rất hoan hỷ nói: "Ta nay nghe thế gian làm nhiều điều thiện, làm tăng thêm chư Thiên, tổn giảm A-tu-luân". Đó là ý nghĩa của ngày chay vào ngày rằm trong tháng.

Đó là ba ngày chay của mười lăm ngày đầu tháng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có người ngoại đạo hỏi: "Tất cả con trai, con gái khi mới sinh ra có ai theo sau để ủng hộ chăng?" Nếu có người ngoại đạo hỏi như vậy, thì các ông nên trả lời: "Ở ngã tư đường, chợ búa, tất cả nơi giết chóc, chốn mồ mả đều có loài phi nhân, không chỗ nào không có, loài đó gọi là phi nhân. Tùy theo tên của nơi mà chúng thọ báo như quận, quốc, huyện, ấp, gò đống, như sông, ngòi, khe, núi đều có tên, loài phi nhân cũng lấy tên mình như vậy; như người đặt tên mình để phân biệt, loài phi nhân cũng lấy tên như vậy. Có cây nào cao bảy thước, to một thước, ở trên đó chắc chắn có thần.

Người nào ở cõi nhân gian này, thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ việc ác, làm mười điều ác, thì mười người, trăm người, có một vị thần theo dõi, giúp đỡ. Thí như trăm bầy trâu dê, hoặc là bầy trâu dê cả ngàn con mà chỉ có một người chăn giữ.

Phật dạy:

–Như vậy, người mà thân làm việc ác, miệng nói điều ác, tâm nghĩ việc ác, trăm người, ngàn người chỉ có một vị thần ủng hộ.

Người ở chốn nhân gian này, thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện, làm theo mười điều thiện, là người làm theo pháp, có chánh kiến, là hạng người chẳng thoái chuyển, thì một người thường có trăm ngàn phi nhân ủng hộ, giống như một người, hoặc là vua, hay là đại thần thường có một trăm, hoặc ngàn người ở hai bên hộ vệ.

Phật dạy:

–Như vậy, người mà thân làm việc thiện, miệng nói điều thiện, tâm nghĩ việc thiện, làm theo mười điều thiện, là một người trong những người tôn trọng pháp, có chánh kiến, thường có trăm hoặc ngàn phi nhân theo sau hộ vệ. Đó gọi là người nam, người nữ thường có phi nhân ủng hộ.

Có ba việc mà người cõi Diêm-phù-lợi hơn người cõi Câu-da-ni. Ba việc ấy là gì? Một là ý chí mạnh mẽ trong khi tạo nhân, hai là người cõi này ý chí mạnh mẽ trong lúc tu phạm hạnh, ba là người cõi này dũng mãnh hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Có ba việc mà người cõi Câu-da-ni hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Trâu bò nhiều, dê nhiều, châu ngọc nhiều. Đó là ba việc người cõi Câu-da-ni hơn người cõi Diêm-phù-lợi.

Người cõi Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người cõi Phất-vu-đãi. Ba việc ấy là gì? Một là người cõi này có ý chí mạnh mẽ trong khi tạo nhân, hai là người cõi này có ý chí mạnh mẽ trong lúc tu phạm hạnh, ba là người có ý chí dũng mãnh hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Người cõi Phất-vu-đãi có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là đất đai rất rộng, hai là đất đai rất dày, ba là cõi ấy rất giàu có. Đó là ba việc người ở cõi Phất-vu-đãi hơn người cõi Diêm-phù-lợi.

Người cõi Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người cõi Uất-đơn-việt. Ba việc ấy là gì? Một là luôn có ý chí mạnh mẽ, hai là ý chí mạnh mẽ trong khi tu phạm hạnh, ba là ý chí mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Người cõi Uất-đơn-việt có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là không có sự ràng buộc, hai là không nuôi nô tỳ, ba là sống lâu đủ ngàn tuổi, không thiếu. Đó là ba việc.

Người cõi Diêm-phù-lợi có ba việc hơn A-tu-luân. Ba việc ấy là gì? Một là có ý chí mạnh mẽ, hai là có ý chí tinh tấn tu phạm hạnh, ba là có

ý chí mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Các A-tu-luân có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là thọ mạng lâu dài, hai là được tồn tại lâu dài, ba là nhiều an ổn. Đó là ba việc.

Người Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người trên cõi trời Tứ thiên vương. Ba việc ấy là gì? Một là luôn luôn có ý chí mạnh mẽ, hai là có ý chí mạnh mẽ tu hành phạm hạnh, ba là có ý chí mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Người cõi trời Tứ thiên vương có ba việc hơn người trên cõi Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là sống lâu, hai là được tồn tại lâu dài, ba là nhiều an ổn. Đó là ba việc.

Người Diêm-phù-lợi có ba việc hơn người trên cõi trời Đao-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là ý chí luôn luôn mạnh mẽ, hai là ý chí mạnh mẽ khi tu phạm hạnh, ba là ý chí ý mạnh mẽ hướng đến quả Phật. Đó là ba việc.

Trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Ni-ma-la, trời Bà-la-ni-mật-lợi-da khởi trí có ba việc hơn người Diêm-phù-lợi. Ba việc ấy là gì? Một là thọ mạng lâu dài, hai là tồn tại lâu dài, ba là nhiều an ổn. Đó là ba việc.

Cõi Dục có mười hai loại. Mười hai loại ấy là gì? Một là địa ngục, hai là cầm thú, ba là ngạ quỷ, bốn là người thế gian, năm là A-tu-luân, sáu là Tứ thiên vương, bảy là trời Đao-lợi, tám là trời Diệm, chín là trời Đâu-suất, mười là trời Vô cống cao, mười một là trời Tha hóa tự chuyển, mười hai là trời Ma. Đó là mười hai loại tạo thành cõi Dục.

Trời Sắc hành có mười tám. Mười tám cõi ấy là gì? Là trời Phạm-gia-di, trời Phạm-bất-số-lâu, trời Phạm-ba-lợi-sa, trời Đại phạm, trời A-duy-tỳ, trời Ba-lợi-đáp, trời A-ba-la-na, trời Ba-lợi-đa-thủ, trời A-ba-la, trời Ma thủ, trời A-phi-ba-la, trời Duy-a, trời Ba-lợi-đa-duy, trời A-ba-ma-duy-ha, trời Duy-ha, trời Duy-a-bát, trời A-đáp-hòa, trời Thiện kiến, trời Sắc, trời A-ca-ni-trá. Đó là mười tám trời Sắc hành.

Trời Vô sắc hành có bốn cõi. Bốn cõi ấy là gì? Một là trời Hư không trí, hai là trời Thức trí, ba là trời A-kiệt-nhiên, bốn là trời Không tư tưởng cũng có tư tưởng. Đó là bốn trời Vô sắc.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, đại thiên thần giữ đất phát khởi ác kiến thế này: chỉ có đất, không có nước, cũng không có lửa, không có gió.

Phật dạy:

–Lúc ấy Ta đi đến chỗ của vị thần giữ đất, bảo với vị ấy: "Có phải thật ông phát khởi ác kiến, nói rằng không có nước, lửa, gió chăng?" Thiên thần đáp: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta nói: "Thiên thần chớ nói là đất không có nước, lửa, gió. Vì sao? Vì nằm sâu trong đất vài dặm thì đất đó có nước, lửa, gió".

Phật dạy:

–Ta có thể biết vị đại thần giữ đất phát khởi ác kiến, liền dùng pháp khuyên giúp, khiến cho tâm ý khai thông hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa mọi phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Thí như lụa trắng sạch, tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm, liền thấm màu tốt.

Phật dạy:

–Như vậy, đại thần giữ đất liền xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Bấy giờ đại thần giữ đất, hiện tại đạt được pháp hành, dứt hồ nghi, bạch Phật: "Con từ nay cho đến hết cuộc đời, đem thân mạng quay về với Phật, đem thân mạng quay về với Pháp, đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ trì giới Ưu-bà-di, thường có lòng từ đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất".

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có vị đại thần giữ nước, phát khởi ác kiến, nói: "Chỉ có nước, không có đất, cũng không có lửa, gió". Lúc ấy Ta đi đến chỗ vị đại thần giữ nước hỏi vị đó: "Có phải thật ngươi phát khởi ác kiến nói: chỉ có nước, không có đất, gió chăng?" Vị thần thưa: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta nói: "Đại thần chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Chỉ xuống sâu trong nước vài dặm thì nước đó cũng có lửa, đất và gió'.

Thủy thần liền dứt bỏ ác kiến. Ta chỉ dùng pháp khuyên giúp, khiến tâm ý khai thông, hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Thí như lụa trắng sạch tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm, liền thấm màu tốt. Đại thần giữ nước cũng như vậy, hiện tại đạt được pháp hành, không có hồ nghi, liền bạch Phật: "Con từ nay cho đến mãn đời, đem thân mạng quay về với Phật, đem thân mạng quay về với Pháp, đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ giới, thường đem lòng từ đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất".

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có vị đại thần giữ lửa phát khởi ác kiến, nói: "Trong lửa không có đất, nước, gió". Bấy giờ, Ta đi đến chỗ thần giữ lửa, hỏi: "Có phải thật ông phát khởi ác kiến, nói rằng trong lửa không có đất, nước, gió chăng?" Thần lửa bạch: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta nói: "Thiện

thần chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Vì có lửa thì cũng có đất, nước, gió".

Lúc ấy đại thần giữ lửa liền dứt bỏ ác kiến. Ta liền dùng pháp khuyên giúp, khiến cho tâm ý khai thông, hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Thí như lụa trắng sạch tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm, thì liền thấm màu tốt. Đại thần giữ lửa cũng như vậy, hiện tại đắc pháp hành, không còn hồ nghi, bạch Phật: "Con từ nay cho đến mãn đời, xin đem thân mạng quay về với Phật, xin đem thân mạng quay về với Pháp, xin đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ trì giới cấm, làm Ưu-bà-di, thường có lòng từ đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất".

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa có vị đại thần giữ gió phát khởi ác kiến, nói: "Từ trong gió không có đất, nước, lửa". Bấy giờ Ta đi đến chỗ đại thần giữ gió hỏi: "Có phải thật ông phát khởi ác kiến nói rằng từ trong gió không có đất, nước, lửa chăng?" Thần gió bạch: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta nói: "Chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Vì chỉ vào sâu trong gió vài dặm thì gió đó cũng có đất, nước, lửa". Khi ấy vị đại thần giữ gió liền dứt bỏ ác kiến.

Phật nói:

–Ta dùng pháp khuyên giúp, khiến cho tâm ý vị ấy được khai thông, hiểu biết, hoan hỷ, lập tức xa lìa phiền não, phát sanh các pháp nhãn. Thí như lụa trắng sạch, tốt đem nhúng vào thuốc nhuộm thì liền sẫm màu tốt. Đại thần giữ gió cũng như vậy, hiện tại đắc pháp hành, không có hồ nghi, liền bạch Phật: "Con từ nay cho đến mãn đời, xin đem thân mạng quay về với Phật, xin đem thân mạng quay về với Pháp, xin đem thân mạng quay về với Tỳ-kheo Tăng, thọ giới, làm Ưu-bà-di, thường có lòng thương đối với người và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất".

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Mây có bốn màu. Bốn màu ấy là gì?

1. Có mây màu xanh.

2. Có mây màu đỏ.

3. Có mây màu vàng, trắng.

4. Có mây màu đen.

Loại mây có màu xanh thì trong đó nhiều nước, loại mây có màu đỏ thì trong đó có nhiều lửa, loại mây có màu vàng, trắng thì trong đó có nhiều đất, loại mây có màu đen thì trong đó có nhiều gió.

Sấm chớp có bốn thứ. Bốn thứ ấy là gì?

1. Sấm chớp ở phương Đông, gọi là Bách chủ.

2. Sấm chớp ở phương Nam, gọi là Thân vị.

3. Sấm chớp ở phương Tây, gọi là A-kiệt-la.

4. Sấm chớp ở phương Bắc, gọi là A-chúc-lam.

Vì sao trong hư không có sấm chớp phát ra tiếng. Có lúc sấm sét Thân vị cùng với sấm sét A-chúc-lam cãi vã, đánh nhau, vì vậy trong hư không phát ra tiếng; hoặc sấm chớp Thân vị cùng với sấm chớp Bách chủ cãi vã, đánh nhau, vì vậy trong mây phát ra tiếng. Có lúc sấm chớp A-chúc-lam cùng với sấm chớp Thân vị cãi vã, đánh nhau, vì vậy trong hư không phát ra tiếng. Vì sao trong mây trên hư không phát ra tiếng? Có lúc, các loại đất cùng với các loài nước cãi vã đánh nhau; các loại đất cùng với các loài lửa cãi vã, đánh nhau; các loài đất cùng với các loài gió cãi vã đánh nhau; thí như hai ngọn núi va chạm nhau làm xê dịch vị trí.

Phật dạy:

–Các loại đất cùng với các loài nước, lửa, gió cãi vã, đánh nhau cũng như thế. Vì vậy nên trong hư không phát ra tiếng. Do việc này mà mất mưa. Lại có năm việc làm mất mưa. Năm việc ấy là gì?

1. Ngay khi mây trời nổi lên sấm sét, khi ấy người cho là trời sắp mưa; có lúc gió nổi lên dữ dội, thổi mây đến vùng núi xa hay chỗ đồng ruộng, mưa xuống. Đó là việc mất mưa thứ nhất.

2. Lại nữa, mây trời nổi lên sấm chớp, khi ấy mọi người cho là trời sẽ mưa, nhưng có lúc lửa nổi lên đốt tiêu nước mưa. Đó là việc mất mưa thứ hai.

3. Lại nữa, mây trời nổi lên sấm chớp, lúc ấy mọi người cho là trời sẽ mưa, nhưng có lúc vua A-tu-luân dùng hai tay vốc nước mưa bỏ vào trong biển lớn. Đó là việc mất mưa thứ ba.

4. Lại nữa, mây trời nổi lên sấm chớp, lúc ấy mọi người cho là trời sẽ mưa, nhưng khi ấy vị trông coi việc mưa lại lo dâm loạn, vì vậy trời mưa không đúng thời tiết. Đó là việc mất mưa thứ tư.

5. Lại nữa, quốc vương làm việc phi pháp, làm theo pháp ngu si, nhiều sân hận, độc ác, nên trời mưa không đúng thời tiết. Đó là việc mất mưa thứ năm.

❑

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN V

Phẩm 10: CHIẾN ĐẤU

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, chư Thiên muốn cùng đánh nhau với A-tu-luân, liền đứng xếp hàng bên doanh trại của mình. Khi ấy, trời Đế-thích bảo chư Thiên trời Đao-lợi: "Nếu chư Thiên chúng ta chiến thắng, A-tu-luân bại thì chúng ta sẽ dùng năm sợi dây trói A-tu-luân Duy-ma-chất". Trời Đế-thích ra lệnh cho các trời Lạc… Chư Thiên cõi trời Đao-lợi liền nhận lệnh của trời Đế-thích.

Khi ấy A-tu-luân Duy-ma-chất cũng bảo các A-tu-luân: "Nếu các A-tu-luân thắng, chư Thiên bại thì sẽ bắt trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại". Các A-tu-luân nhận lệnh.

Bấy giờ chư Thiên chiến đấu với A-tu-luân, chư Thiên đắc thắng. Chư Thiên Đao-lợi bắt A-tu-luân Duy-ma-chất, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trời Thiện đẳng để yết kiến trời Đế-thích. Nếu A-tu-luân Duy-ma-chất suy nghĩ: "Ta thích ở trên cõi trời", liền tự thấy dây trói đã mở, tự nhiên năm điều vui của trời hiện ra trước mặt. Nếu A-tu-luân Duy-ma-chất tự nghĩ muốn trở về, liền tự trở về, năm sợi dây trói mất đi trở thành năm điều vui của cõi trời.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–A-tu-luân đã bị trói buộc như vậy mà sự trói buộc của ma lại kịch liệt hơn. Như vậy, nếu nghĩ là bị ma trói buộc thì chớ nghĩ là được ma mở trói. Đã có ngã mà nghĩ là ta có ngã thì sẽ bị đắm vào niệm không có ngã; do đó bị đắm vào niệm hữu sắc, do đó cũng bị đắm vào niệm vô hữu sắc; do đó cũng bị đắm vào niệm chẳng có sắc, cũng chẳng phải không có sắc; do đó cũng bị đắm vào niệm hữu tưởng; do đó cũng bị đắm vào niệm vô tưởng; do đó cũng bị đắm vào niệm chẳng có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng; do đó cũng bị đắm vào bệnh hoạn; do đó bị đắm vào sự lở lói; do đó bị đắm vào sự khổ đau. Đệ tử của bậc Hiền giả, nghe sự vướng mắc vào bệnh hoạn, vướng mắc vào sự lở lói, vướng mắc vào khổ

đau như vậy, nên ưa hạnh dứt mọi tham đắm vướng mắc. Ngã ấy là bị đắm trước, là chẳng chuyên nhất, là loạn, là niệm hữu ngã trá hình, là bị đắm vào niệm không có ngã, là bị đắm vào niệm hữu sắc, là bị đắm vào niệm vô sắc, là bị đắm vào niệm chẳng có sắc cũng chẳng không có sắc, là bị đắm vào niệm hữu tưởng, là bị đắm vào niệm vô tưởng, là bị đắm vào niệm chẳng có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng, là bị đắm vào sự vướng mắc nơi bệnh hoạn, lở lói, khổ đau. Đệ tử bậc Hiền giả nghe sự vướng mắc nơi bệnh hoạn, lở lói, khổ đau ấy liền ưa thích hạnh dứt mọi tham đắm vướng mắc.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, A-tu-luân chiến đấu với chư Thiên. Thích-đề-hoàn-nhân bảo chư Thiên trời Đao-lợi: "Nếu chư Thiên thắng thì sẽ dùng năm sợi dây trói A-tu-luân Duy-ma-chất". Chư Thiên liền nhận lệnh.

Lúc ấy Duy-ma-chất cũng bảo các A-tu-luân: "Nếu chúng ta thắng thì sẽ cùng nhau bắt trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại". Sau đó, hai bên chiến đấu. Chư Thiên đắc thắng, liền bắt A-tu-luân Duy-ma-chất dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trời Thiện đẳng để yết kiến Thiên vương Đế-thích. Khi A-tu-luân Duy-ma-chất đi đến, thấy trời Thiện đẳng, liền dùng lời hung ác chửi mắng.

Bấy giờ người hầu cận, ở trước trời Đế-thích liền nói kệ:

Trời Đế-thích sợ hãi chăng
Không có sức nên lặng thinh
Nghe Duy-ma-chất trước mặt
Miệng thốt ra lời thô ác?

Trời Đế-thích đáp:

Đâu vì sợ mà lặng thinh.
Sức ta chẳng kém Duy-ma
Vì sao người có trí tuệ
Lại cùng tranh với kẻ ngu?

Người hầu cận lại đọc kệ:

Nếu khi kẻ ngu đến đánh
Chẳng nên nhẫn nhịn việc này
Với họ phải dùng gậy gộc
Để đánh trả kẻ ngu si.

Trời Đế-thích đáp kệ:

Ta đã biết rõ điều này

Chẳng nên nói với kẻ ngu
Nếu kẻ ngu có nổi sân
Thì người trí không nên cãi.

Người hầu cận lại nói kệ:

Trời Đế-thích nên thấy nhân
Nên biết, yên lặng như vậy
Thì kẻ ngu cho bậc trí
Vì sợ hãi nên lặng thinh.
Người ngu si tự cho rằng
Ngài sợ hãi nên làm thinh
Do vậy nên hãy đến đánh.
Vua sợ hãi chạy như trâu.

Thích-đề-hoàn-nhân đáp lại, nói kệ:

Nghĩ: đến quấy nhiễu, hại ta
Cho là sợ nên im lặng
Lợi của thân, nghĩa bậc nhất
Là nhẫn nhục chẳng gì bằng.
Với bọn người xấu ác kia
Nếu có ý khởi sân hận
Chẳng nên thốt lời giận dữ
Cùng tranh cãi kẻ hận sân.

Thích-đề-hoàn-nhân một lần nữa nói kệ trả lời người hầu:

Việc xảy ra có hai nhân
Là vì mình và người khác
Nếu có người khởi tranh cãi
Người trí tuệ không cùng tranh.
Nếu có xảy việc đôi co
Là vì mình hay người khác
Người cho đó là ngu si
Vì với pháp không hiểu rõ.
Người không sức nói có sức
Người có sức bảo si mê
Người hành pháp, dùng sức họ
Không có ai hàng phục được.
Người mà có sức lực ấy
Đối kẻ yếu, họ lặng thinh
Ta biết nhẫn là rất khó

Càng khó hơn trước kẻ yếu.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nên biết trời Đế-thích lúc bấy giờ là thân Ta. Ta đã nhẫn nhục như vậy, Ta nay cũng vẫn nhẫn nhục.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa A-tu-luân cùng chiến đấu với chư Thiên đắc thắng, chư Thiên bị hại. Trời Đế-thích liền ngồi trên ngàn cỗ xe ngựa chạy về, chớp mắt ẩn vào cây lớn, thấy trên cây có các tổ chim, trong đó có hai quả trứng, liền tự nói kệ:

Này người hầu, chim sắp về
Nên lui xe ngựa, tránh đi
Thà A-tu phá hoại ta.
Chớ đừng phá hai trứng ấy.

Người hầu liền nhận lệnh của trời Đế-thích quay ngàn cỗ xe ngựa tránh đi. Các A-tu-luân thấy ngàn cỗ xe ngựa của trời Đế-thích quay trở lại, liền nói: "Họ muốn trở lại chiến đấu với chúng ta", vì thế A-tu-luân hoảng sợ bỏ chạy, chư Thiên đắc thắng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy muốn biết trời Đế-thích bấy giờ là ai chăng? Chính là thân Ta đó. Lúc ấy Ta thương xót nghĩ đến tất cả dân chúng và các loài sâu bọ nhỏ bé nhất.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngày xưa, chư Thiên chiến đấu với A-tu-luân, chư Thiên đắc thắng, A-tu-luân bại. Khi đó trời Đế-thích rất hoan hỷ, trở về cho tạo dựng một đại giảng đường đặt tên là Thắng. Vì sao đặt tên là Thắng? Vì thắng các A-tu-luân. Giảng đường có một trăm lớp lan can, giữa mỗi lớp lan can đều làm bảy trăm đường đi; giữa mỗi đường đi có bảy trăm ngọc nữ, mỗi ngọc nữ có bảy trăm người hầu. Trời Đế-thích khỏi phải lo về áo quần, thức ăn uống cho các ngọc nữ. Mỗi người như việc làm đời trước, tự nhiên được sanh ra trong giảng đường. Tất cả giảng đường trong ngàn thế giới, không có cái nào bằng giảng đường của trời Đế-thích.

Vua A-tu-luân nghĩ: "Sức oai thần của ta rất tôn quý, thế mà các mặt trời, mặt trăng và trời Đao-lợi ở trên ta cứ qua lại trong hư không. Ta muốn lấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng bỏ vào trong lỗ tai đi khắp mười phương". Nghĩ như vậy rồi, liền nổi giận không dằn lại được. Bấy giờ vua A-tu-luân nghĩ đến A-tu-luân Duy-ma-chất. A-tu-luân Duy-ma-chất biết

việc ấy, liền mang các loại dụng cụ, trang bị các loại binh khí xe ngựa và vô số trăm ngàn A-tu-luân cùng kéo đến chỗ vua A-tu-luân, dừng lại ở trước.

Lúc ấy vua A-tu-luân lại nghĩ đến A-tu-luân Xá-ma-lợi. A-tu-luân Xá-ma-lợi biết việc ấy liền mang các loại dụng cụ, trang bị binh khí, ngựa xe cùng với vô số trăm ngàn A-tu-luân kéo đến chỗ vua A-tu-luân dừng lại ở trước.

Vua A-tu-luân lại nghĩ đến A-tu-luân Mãn-do, A-tu-luân Kỳ-la. Hai vị biết việc đó, liền mang các loại dụng cụ, trang bị binh khí, cùng với vô số trăm ngàn A-tu-luân kéo đến chỗ vua A-tu-luân dừng lại ở trước.

Bấy giờ vua A-tu-luân tự mang các loại dụng cụ, trang bị binh khí, ngựa xe, cùng với vô số trăm ngàn A-tu-luân vây quanh, từ thành xuất phát, kéo đi để chiến đấu với chư Thiên trời Đao-lợi.

Khi ấy Long vương Nan-đầu-hòa-nan dùng thân quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, làm chấn động núi Tu-di, dùng đuôi đập xuống biển lớn, nước biển vọt lên bên núi Tu-di đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Trời Đao-lợi liền biết A-tu-luân muốn đến chiến đấu với chư Thiên. Lúc ấy các rồng trong biển mang các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, đến nghinh chiến với các A-tu-luân. Đánh mà đắc thắng thì đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng. Nhưng các vị rồng thất bại, không thắng được liền đi đến chỗ quỷ thần Câu-đề nói với các vị ấy: "Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên. Hãy cùng đến nghinh chiến". Chư quỷ thần Câu-đề nghe các vị rồng nói, liền mang các loại chiến y và đồ trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng đi đến chỗ A-tu-luân để chiến đấu, nếu đắc thắng thì đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng. Nhưng chẳng thắng được, liền đi chỗ quỷ thần Trì Hoa, nói với các quỷ thần Trì Hoa rằng A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi. Quỷ thần Trì Hoa nghe lời nói đó của rồng và quỷ thần Câu-đề liền mang các loại binh trượng, trang bị ngựa, xe, cùng đến chỗ A-tu-luân để chiến đấu, nếu đắc thắng sẽ đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng, nhưng không thắng được liền đến chỗ quỷ thần Thái-đà-mạt, nói với họ: "Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến và đuổi đi". Quỷ thần Thái-đà-mạt nghe rồi, liền mang các loại binh trượng, ngựa xe, cùng đến nghinh chiến với A-tu-luân, nếu đắc thắng sẽ đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng, nhưng không thể thắng được, liền đi đến chỗ Tứ thiên vương, nói với Tứ thiên vương: "Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên

cùng đến nghinh chiến, đuổi đi". Chư Thiên nghe xong, Đại thiên vương Tỳ-sa-môn ngay khi ấy nghĩ đến chư Thiên Đề-đầu-lại, Thiên vương Đề-đầu-lại biết việc ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, xe ngựa, cùng với vô số trăm ngàn Đề-đầu-lại vây quanh sau trước, đi đến chỗ của Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, dừng lại ở trước. Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến Thiên vương Tất-lâu-lặc. Thiên vương Tất-lâu-lặc biết việc đó, liền mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng với vô số chư Thiên lại cùng với vô số trăm ngàn binh sĩ, lại cùng với vô số trăm ngàn loài Rồng vây quanh trước sau, đi đến chỗ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, dừng lại ở trước.

Bấy giờ, Thiên vương Tỳ-sa-môn mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng với vô số trăm ngàn loài quỷ thần vây quanh, cùng với chư Thiên vương đến chiến đấu với các A-tu-luân, nếu đắc thắng, sẽ đuổi các A-tu-luân về thành quách của chúng, nhưng chẳng thắng được, liền đi đến trời Thiện đẳng, tâu với trời Đế-thích và nói với chư Thiên cõi Đao-lợi: "Các A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi".

Lúc ấy trời Đế-thích bảo chư Thiên: "Hãy đến chỗ chư Thiên Tu-diệm, chư Thiên Đâu-suất, chư Thiên Ni-ma-la, chư Thiên Ba-la-ni-mật, nói rằng A-tu-luân muốn chiến đấu với chư Thiên, nên cùng đến nghinh chiến, đuổi đi".

Thiên tử Ba-la-ma liền nhận lệnh của trời Đế-thích đi đến nói với bốn vị trời trên như vậy. Các vị trời ấy liền mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, cùng vô số chư Thiên xuống cõi trời dưới.

Trời Diệm đến sườn phía Đông của núi Tu-di ủng hộ trời Đao-lợi. Trời Đâu-suất cùng với vô số chư Thiên đi đến trụ tại sườn phía Nam của núi Tu-di. Thiên tử Ni-ma-la cùng với vô số chư Thiên đi đến sườn phía Tây của núi Tu-di để ủng hộ trời Đao-lợi. Thiên tử Ba-la-ni cùng với vô số chư Thiên đến trụ ở sườn phía Bắc núi Tu-di để ủng hộ trời Đao-lợi.

Trời Đế-thích nghĩ đến các quỷ thần Duy Mạn. Các quỷ thần Duy Mạn biết việc ấy, liền mang đầy đủ các thứ trang bị, binh trượng, ngựa xe, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Trời Đế-thích nghĩ đến voi chúa Thiện trụ. Voi chúa Thiện trụ biết việc ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, xe ngựa, đi đến chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Trời Đế-thích lại nghĩ đến các Thiên vương. Các Thiên vương biết điều ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, ngựa xe, đi đến

chỗ trời Đế-thích, dừng lại ở trước.

Trời Đế-thích lại nghĩ đến chư Thiên Đao-lợi. Chư Thiên Đao-lợi biết việc ấy, liền mang đầy đủ các đồ trang bị, binh trượng, ngựa xe, đi đến chỗ trời Đế-thích dừng lại ở trước.

Bấy giờ trời Đế-thích tự mang đầy đủ các loại trang bị, binh trượng, ngựa xe, ngồi trên lưng tượng vương Thiện trụ, cùng với vô số trăm ngàn vị trời vây quanh trước vua, ra khỏi thiên cung, đi đến chỗ các A-tu-luân, cùng chiến đấu, dùng dao, kiếm, mâu, tên, cung, nỏ đâm bắn. A-tu-luân bị thương, đau đớn chẳng kể xiết, tuy bị như vậy mà chẳng chết. Các A-tu-luân cũng thế, dùng dao, kiếm, mâu, tên, cung, nỏ bằng bảy báu đâm bắn làm chư Thiên bị thương, đau đớn không kể xiết, tuy bị như vạy nhưng chẳng chết. Trời ở cõi Dục chiến đấu với các A-tu-luân cũng như vậy. Vì dục là nhân ẩn tàng, vì nhân duyên là dục nên mới xảy ra như thế.

-oOo-

Phẩm 11: BA TIỂU KIẾP

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có ba tiểu kiếp. Ba tiểu kiếp ấy là gì? Một là kiếp đao kiếm, hai là kiếp lúa gạo quý hiếm, ba là kiếp tật bệnh. Đó là ba tiểu kiếp.

Thế nào là kiếp đao kiếm?

Khi ấy con người phần nhiều sống phi pháp, ngu si, tà kiến, làm mười điều ác. Vì người làm những việc ác như vậy, nên các thức ăn ngon như váng sữa, dầu mè, mật, đường cát, các thứ đó đều tiêu mất; các thứ y phục, gấm vóc, vải lông tốt đều mất hết. Đất ở cõi ấy tự nhiên phát sanh núi rừng, khe suối, hang hố, bờ vực. Các loại ngọc như lưu ly, pha lê… các thứ báu đều chìm trong đất, chỉ có bờ gai. Trong thời kiếp đao kiếm, dân chúng chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng nghe theo và phụng sự Sa-môn, Đạo nhân, chẳng kính bậc Tôn trưởng. Tiếng xấu ác ấy lan truyền khắp nơi.

Phật dạy:

–Thí như người đời nay, hiếu kính với cha mẹ, tôn kính, phụng sự Sa-môn, Đạo nhân, nghe theo lời của các bậc Trưởng lão. Tiếng tốt ấy đồn khắp nơi. Cũng như vậy, trong thời kỳ kiếp đao kiếm, dân chúng chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng nghe lời và phụng sự Sa-môn, Đạo nhân, chẳng kính bậc Trưởng lão, tiếng ác lan truyền khắp nơi. Trong

thời kỳ kiếp đao kiếm hoàn toàn không có điều thiện, huống là có người làm việc thiện. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm, người ở cõi này, không có hiện tượng mua bán đổi chác, các cây lớn đều ngã xuống đất, chỉ có hầm hố dơ bẩn, cao thấp chẳng bằng phẳng; nơi có nước thì sóng dậy mênh mông làm sụp lở bờ; nước sông cạn đến đáy; dân chúng thưa thớt, chỉ có sợ sệt, lông toàn thân dựng ngược. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm, dân chúng gặp nhau thì chỉ muốn cướp bóc, giết hại nhau. Thí như loài chó sói ở chốn đầm hoang thấy bầy nai thì muốn giết hại, trong thời kỳ kiếp đao kiếm, dân chúng gặp nhau chỉ muốn cướp bóc, giết hại nhau, cũng như vậy. Tay nắm lấy cỏ cây, ngói đá thì đều hóa thành đao kiếm, giết hại lẫn nhau. Thời ấy, con người chỉ thọ mười tuổi. Trong đó, có người thông minh, trí tuệ, chạy trốn vào núi rừng, khe suối, hang hố, bờ sông sâu và nghĩ: "Không ai có thể giết ta được, ta cũng chẳng giết ai", bèn ở đó ăn trái, dưa, rễ cây. Trong thời kỳ kiếp đao kiếm, con người giết hại nhau bảy ngày mới nghỉ. Người chết đều đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì trong thời kỳ kiếp đao kiếm đó, mọi người đều ôm ý tưởng, hành động độc ác, khi chết chỉ nghĩ ác. Thời kỳ kiếp đao kiếm là như vậy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế nào là thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm?

Trong thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, con người phần nhiều sống phi pháp, ngu si, tà kiến, ganh ghét, tham lam keo kiệt, giữ của chẳng chịu bố thí. Vì vậy, trời mưa chẳng đúng thời tiết. Vì trời mưa chẳng đúng thời tiết, nên dân chúng cày cấy, gieo trồng nhưng lúa khô chết không mọc, chỉ còn thân cây khô, vì vậy lúa thóc quý hiếm. Người lượm lúa rơi trong ruộng để tự nuôi sống. Thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm là như vậy.

Lại nữa, người ta phải đi quét đường sá, chợ búa, xóm làng để được chia thóc, để tự nuôi sống. Lại nữa, trong thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, lá cây rụng trên đất, người ta cào đất lượm lá cây, nấu ăn. Trong thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, dân chúng bị tai nạn khốn khổ như thế. Trong thời kỳ này, người bị đói khát chết nhiều năm, hài cốt tan rã trên đất. Người đói khát đi lượm hài cốt nơi chợ búa, xóm làng, đường phố để nấu ăn. Dân chúng đói khát mới như vậy. Thời kỳ kiếp lúa gạo quý hiếm, người chết bị đọa vào trong loài ngạ quỷ. Vì sao vậy? Vì thời kỳ ấy, dân chúng ganh ghét nhau và tham lam bỏn sẻn. Đó là kiếp lúa gạo quý hiếm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thế là thời kỳ kiếp tật bệnh?

Trong thời kỳ kiếp tật bệnh, con người phụng hành kinh, giới, theo

chánh kiến, lìa tà kiến, làm mười điều thiện. Vì vậy, bấy giờ các quỷ thần ở thế giới phương khác, đến quấy nhiễu các người này, đánh ngã họ, nhiễu loạn tâm ý họ. Nơi này quỷ thần dâm loạn, vì vậy quỷ thần ở phương khác đến quấy nhiễu mọi người, đánh ngã làm rối loạn tâm ý. Thí như nhà vua, hoặc đại thần, ra lệnh binh lính giữ gìn cửa thành. Các binh lính này dâm loạn, nếu cường tặc của nước khác đến đánh úp thì cướp lấy đất nước, huyện ấp cũng như vậy. Thời kỳ kiếp tật bệnh, dân chúng phụng hành kinh giới, theo chánh kiến, lìa tà kiến, làm theo mười điều lành, quỷ thần ở phương khác đến xúc nhiễu người, đánh ngã, làm nhiễu loạn tâm ý. Ở thời kỳ kiếp tật bệnh, người chết đều được sanh lên trời. Vì sao vậy? Vì thời kỳ kiếp tật bệnh, dân chúng đều lần lượt hỏi thăm sức khỏe của nhau: "Thế nào, được an ổn chăng? Chẳng hề gì chứ?" Đó là thời kỳ kiếp tật bệnh.

Đó là ba tiểu kiếp.

-oOo-

Phẩm 12: TAI BIẾN

Phật bảo các Tỳ-kheo: Trời đất có ba tai biến. Ba tai biến ấy là gì? Một là tai biến về lửa, hai là tai biến về nước, ba là tai biến về gió. Đó là ba tai biến.

Thời kỳ tai biến, con người tụ lại ba chỗ. Ba chỗ ấy là gì? Gặp thời kỳ tai biến về lửa, con người đều lên trên cõi trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm, tụ tập rất đông. Gặp thời kỳ tai biến về nước, mọi người đều lên trên cõi trời Thủ-bì-cân thứ mười chín, tụ tập rất đông. Gặp thời kỳ tai biến về gió, mọi người đều lên trên cõi trời Duy-xa-a-bát thứ mười ba tụ tập rất đông. Gặp thời kỳ tai biến về lửa, người trong thiên hạ đều làm việc phi pháp, tà kiến, không chánh kiến, phạm mười điều ác, vì dân chúng đều làm việc phi pháp, làm theo tà kiến, chẳng thấy chánh hạnh; vì làm mười điều ác, nên trời chẳng mưa đúng thời tiết. Sau thời gian trời không mưa, bao nhiêu cây cối, thảo dược, vạn vật trong cõi ấy đều khô chết, không sống lại được.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đó là vô thường, không kiên cố, chẳng được trường cửu. Đó là quá suy đồi, cho nên phải sớm nhàm chán. Hãy vứt bỏ tất cả, tự cầu giải thoát.

Sau đó quá lâu, không thể tính đếm, đại loạn gió nổi lên thổi vào

biển lớn ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên triền núi Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời này vào trong quỹ đạo, vì thế nên thế gian có hai mặt trời xuất hiện. Sau khi mặt trời xuất hiện, nước trong các mương, sông nhỏ đều khô hết.

Phật dạy:

–Đó là vô thường, không kiên cố, chẳng được trường cửu. Đó là quá suy đồi, cho nên phải sớm nhàm chán, để đến được đạo giải thoát tự nhiên. Thời gian sau đó rất lâu, không thể tính đếm được, đại loạn gió nổi lên, thổi nước biển lớn nổi sóng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách, lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời thành quách trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có ba mặt trời xuất hiện. Các dòng nước như sông lớn, sông nhỏ, các dòng sông ở Tà-viễn-a-di-việt-ma-hê, Hòa-xa-tín-tha đều khô hết.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường không kiên cố mới như vậy. Đó là quá suy đồi, cho nên phải nhàm chán, xa lìa để được đạo giải thoát tự nhiên.

Lại về sau rất lâu, không thể tính đếm, có đại loạn gió nổi lên thổi nước biển, sóng dậy ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có bốn mặt trời xuất hiện. Các dòng suối, suối lớn và ao A-nậu-đạt, ao hoa sen hồng, ao hoa sen xanh, ao hoa sen trắng, ao hoa sen vàng, ao lớn Ma-na-nhai, ao lớn Na-lợi đều khô hết.

Phật bảo:

–Vì vô thường, không kiên cố mới như vậy, chẳng trường cửu. Đó là quá suy đồi, cho nên phải sớm nhàm chán, xa lìa để được đạo giải thoát tự nhiên.

Lại về sau rất lâu, không thể tính đếm, đại loạn gió nổi lên, thổi nước biển lớn, sóng dậy ba trăm sáu mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Nước biển lớn dần dần vơi đi bốn ngàn dặm, tám ngàn dặm, một vạn hai ngàn dặm cho đến vơi đi hai vạn tám ngàn dặm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường, không kiên có mới như vậy, chẳng được trường cửu. Đó là quá suy đồi cho nên phải sớm nhàn chán, xa lìa, để được giải thoát tự nhiên. Khi năm mặt trời xuất hiện, làm khô cạn nước biển lớn,

có chỗ đến hơn hai vạn tám ngàn dặm, một vạn tám ngàn dặm, một vạn bốn ngàn dặm, tám ngàn dặm, bốn ngàn dặm. Có lúc nước biển vơi dần đi, có nơi còn hơn bảy cây, sáu cây, năm cây, bốn cây, ba cây, hai cây, một cây. Sau đó vơi dần, độ sâu còn bằng tầm cao của bảy người, sáu người, năm người, bốn người, ba người, hai người, một người. Nước biển còn ngập một người, sau đấy, vơi dần đến lưng người, vơi dần đến đầu gối người; sau đó chỉ còn một ít nước, giống như nước mưa đọng trong dấu chân trâu. Sau đó ít lâu, nước trong biển lớn đều khô hết, chẳng thể làm ướt ngón chân người. Thí như thêm một giọt nước mỡ vào trong đống lửa lớn thì chẳng thấy khói.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường, không kiên cố mới như vậy. Cho nên sớm phải nhàm chán, xa lìa để được giải thoát tự nhiên.

Lại về sau rất lâu, chẳng thể tính đếm, đại loạn gió thổi nước biển lớn, sóng dây ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời đại thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì thế nên thế gian có sáu mặt trời xuất hiện. Bốn cõi lớn trong thiên hạ và tám vạn thành, núi lớn và núi chúa Tu-di, đều bị đốt cháy, bốc khói. Thí như hiện trạng bốc khói của lò gốm lớn khi mới nhen.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Như vậy, khi sáu mặt trời xuất hiện ở thế gian, thiêu đốt bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn, núi chúa Tu-di đều bốc khói. Thí như mỡ thấm vào trong đám lửa lớn liền cháy tan không khói.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vì vô thường, không kiên cố, cho nên phải sớm chán bỏ, cần cầu giải thoát, đắc đạo tự nhiên.

Lại sau đó rất lâu, có đại loạn gió nổi lên, thổi nước biển lớn, sóng dậy ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời thành quách lên trên sườn núi chúa Tu-di, bỏ mặt trời trong quỹ đạo. Vì vậy, thế gian có bảy mặt trời xuất hiện. Bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn, núi chúa Tu-di đều rung chuyển chao động. Thí như cái đảnh, cái vạc lớn đun lửa, nước sôi vọt lên. Khi bảy mặt trời xuất hiện cũng như vậy. Cung của các trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Ni-ma-la, trời Ba-la-ni-mật, trời Phạm-ca-di đều rung chuyển lay động. Cung của chư Thiên Phong cao, trên đến trời A-vệ-hóa-la, các Thiên tử mới sanh ở cung trời đó thấy lửa đều sợ hãi. Các Thiên tử sanh trước nói với các Thiên tử mới sanh: "Các vị chớ nên sợ hãi. Ngày xưa khi ta thấy lửa thiêu,

lửa chỉ lên tới đây, không cao hơn nữa. Bấy giờ, bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn và núi Tu-di đều rung chuyển lay động. Bốn ngàn dặm núi chúa Tu-di bị sụp đổ, rồi tám ngàn dặm, một vạn hai ngàn dặm, một vạn sáu ngàn dặm, hai vạn dặm, bốn ngàn dặm, ba vạn tám ngàn dặm đều sụp đổ. Thí như mỡ thấm vào trong đống lửa lớn, không có khói cũng không có gì khác.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Mọi sở hữu là vô thường, không kiên cố, là như thế. Đó là sự suy đồi cùng cực, cho nên phải sớm nhàm chán xa lìa, để được giải thoát tự nhiên.

Ai sẽ tin lúc thế gian có bảy mặt trời xuất hiện? Chỉ có người thấy mới tin. Ai sẽ tin bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn và núi chúa Tu-di bị rung chuyển lay động? Và Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển, trời Phạm-ca-di đều rung chuyển lay động? Hay gió cuốn các cung của chư Thiên lên đến trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm? Chỉ có người thấy mới tin. Ai sẽ tin núi chúa Tu-di bị hủy hoại hết, lại không còn chỗ núi đất nào mà không bị thiêu đốt, tất cả các địa ngục đều bị phá hủy hết sạch; sau đó súc sanh, cầm thú cũng bị tiêu diệt hết; kế đến ngạ quỷ cũng bị tiêu diệt; tiếp theo A-tu-luân cũng bị tiêu diệt; rồi tiếp đến loài người đều chết hết và Tứ thiên vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô cống cao, trời Tha hóa tự chuyển, trời Phạm-ca-di, chư Thiên đều chết hết; đó gọi là đất trời bị thiêu hủy. Con người dồn lại một chỗ. Nhưng sau đó rất lâu, có mây lớn nổi lên, đổ mưa to xuống, giọt mưa to như bánh xe đầy ngập các sông biển, nước dần dần dâng lên đến trời Phạm-ca-di, lại đến trời Quang minh thanh thứ mười lăm. Nước ấy bốn phía đều có gió cản lại. Gió thứ nhất tên là Trụ phong, thứ hai tên là Trợ phong, thứ ba là Bất động phong, thứ tư là Kiên phong. Đó là bốn thứ gió.

Sau đó rất lâu, khoảng một ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống vô số trăm ngàn do-tuần. Có gió tên là Tăng kiệt bao bọc bốn phía, nổi lên thổi nước hạ xuống lần lần. Trên sóng nước, nổi lên một lớp bọt dày hóa thành đường đi bảy báu; cứ như vậy lên đến tầng trời thứ bảy tạo thành cung điện.

Sau đó rất lâu, vài ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống hàng trăm do-tuần, hàng trăm ngàn do-tuần, gió loạn từ bốn phía nổi lên, thổi động mặt nước, sanh một lớp bọt dày, hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, chơn châu đỏ làm thành đường đi. Kim phong lo việc

tạo thành cõi Ba-la-ni-hòa-đa-việt thứ sáu, chỗ ở của chư Thiên.

Sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn dặm, nước dần dần hạ xuống, có gió loạn tên là Thái kiệt từ bốn phía đến thổi trên mặt nước, sóng nổi dậy sanh ra một lớp bọt dày, hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành đường đi, nhà cửa. Gió loạn trông coi trên cõi trời thứ năm tạo thành cảnh cung điện của chư Thiên.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống ngàn vạn do-tuần, gió loạn từ bốn phía đến thổi trên mặt nước, sóng nổi dậy, sanh một lớp bọt dày hóa thành bốn báu. Một là vàng ròng, hai là bạc trắng, ba là lưu ly, bốn là pha lê; gió loạn mang đến tại khoảng giữa trời và thế gian tạo thành núi chúa Tu-di cao ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, rộng dài ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Vùng trời ở sườn phía Đông của núi là bạch ngân; vùng trời ở sườn phía Nam là lưu ly xanh, vùng trời ở sườn phía Tây là pha lê, vùng trời ở sườn phía Bắc là vàng ròng.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước xuống dần dần, hàng ngàn vạn do-tuần, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, trên mặt nước sanh một lớp bọt dày hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành giao lộ; gió loạn mang lên núi chúa Tu-di làm nên cảnh cung điện của trời Đao-lợi thứ hai.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước hạ xuống dần dần hàng ngàn vạn do-tuần, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, sóng nổi lên, sanh ra một lớp bọt dày hóa thành bảy báu, thành đường đi, gió loạn mang lên núi chúa Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, ở giữa núi làm nên cảnh cung điện của chư Thiên ở cõi trời thứ nhất.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước hạ xuống dần dần, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, sóng nổi lên, sanh một lớp bọt dày hóa thành kim cương, gió loạn mang đến bốn cõi lớn trong thiên hạ, và tám vạn thành bên ngoài tạo thành núi cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần bao bọc bốn phía, gọi là núi Đại thiết vi.

Lại sau đó rất lâu, hàng ngàn vạn năm, nước dần dần hạ xuống, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động nước, sóng nổi lên làm sanh ra một lớp bọt dày hóa thành kim cương; gió loạn lại mang đến bốn cõi lớn trong thiên hạ và tám vạn thành bên ngoài bao bọc bốn phía và tạo thành núi lớn thứ hai, núi ấy cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần.

Sau đó, nước hạ xuống dần dần hàng mười vạn dặm, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động mặt nước, sóng nổi lên làm sanh ra một lớp bọt dày hóa thành bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ,

mã não bao bọc chung quanh tạo thánh tám lớp núi cao một trăm sáu mươi tám vạn dặm, tên gọi là A-đa-lợi rất đẹp đẽ.

Nước ấy hạ xuống dần dần hàng mười vạn dặm, gió loạn từ bốn phía thổi đến làm xao động mặt nước, sóng nổi lên làm sanh ra một lớp bọt dày hóa thành bảy báu mang lên núi A-đa-lợi bao bọc chung quanh, làm thành núi thứ hai, tên là Y-sa-đa cao một trăm ba mươi bốn vạn dặm rất đẹp đẽ. Núi thứ ba tên là Dự-hán-đa cao bốn mươi tám vạn dặm, rộng cũng bốn mươi tám vạn dặm. Núi thứ tư tên là Thiện kiến, cao hai mươi bốn vạn dặm, rộng cũng hai mươi bốn vạn dặm. Núi báu thứ năm tên là A-ba-ni, cao mười hai vạn dặm, rộng cũng mười hai vạn dặm. Núi báu thứ sáu tên là Ni-di-đa-la cao bốn ngàn bốn vạn dặm, rộng cũng bốn ngàn bốn vạn dặm. Núi báu thứ bảy tên là Duy-na-đâu cao hai vạn hai ngàn dặm, rộng cũng hai vạn hai ngàn dặm. Núi báu thứ tám tên là Giá-ca-hòa cao một vạn hai ngàn dặm, rộng cũng một vạn hai ngàn dặm.

Sau đó, nước hạ xuống dần dần, gió loạn từ bốn phía thổi đến trên mặt nước sanh một lớp bọt dày, hóa thành lớp đất dày, từ đó sanh đại địa, dày sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, biên giới vô hạn. Gió loạn nổi lên, thổi mạnh xoáy mòn đất rất sâu đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, dài cũng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, các dòng nước trong thiên hạ đều chảy dồn vào đó đầy ắp, do đó thành biển lớn. Nước biển vì sao mặn? Vị mặn duy nhất ấy có ba nguyên nhân. Một là trong biển có đàn cá lớn, có con thân dài bốn ngàn dặm, có con dài tám ngàn dặm, có con dài một vạn hai ngàn dặm, có con dài một vạn sáu ngàn dặm, có con dài hai vạn dặm, có con dài hai vạn bốn ngàn dặm, có con dài hai vạn tám ngàn dặm, có con dài ba vạn hai ngàn dặm, tất cả đều ngâm sâu trong biển, cho nên nước biển mặn.

Hai là mây nổi lên che phủ các biển, rồi đổ mưa to, mây ấy lên đến trời A-ca-ni-trá, đổ mưa hạt lớn như bánh xe, rửa sạch cung điện của trời Tu-di-đà-chiên, trời A-đáp-hòa, trời A-tỷ-ba, trời Thủ-bì-cân, trời Duy-ha-bát, trời A-bì-ba, trời Phạm-ca-di xuống đến Tứ thiên vương. Vì nước mặn ấy đều chảy vào biển lớn nên nước biển có vị mặn.

Lại nữa, được vị tiên nhân có khả năng làm phép khiến cho nước biển có vị mặn, cho nên nước biển mặn.

Đó là ba nguyên nhân.

Phật dạy:

–Trời đất khi cùng gặp tai biến về nước, người trong thiên hạ đều thực hành các điều thiện, vui mừng làm việc đạo đức. Sau khi chết, tinh

thần, thể phách đều sanh lên cõi trời thứ mười sáu làm chư Thiên. Người trong địa ngục, các loài sinh vật, có hơi thở có sự cựa quậy, khi chết đều trở lại hình người; lại thực hành các điều thiện, vui làm đạo đức, chết đều sanh lên làm chư Thiên ở cõi trời thứ mười sáu. A-tu-luân, chư Thiên và chư Thiên trên cõi trời thứ nhất cho đến chư Thiên trên cõi trời thứ mười lăm, khi chết, tinh thần, thể phách đều đi xuống trở lại hình người, thực hành, tích tụ các điều thiện, ưa thích, vui vẻ làm việc đạo đức, khi chết đều trở lại lên cõi trời thứ mười sáu làm chư Thiên. Sau đó, chư Thiên chết hết.

Rất lâu, mây lớn lại nổi lên, bay lên đến tầng trời thứ mười lăm, mây ấy đổ mưa nước tro nóng rất lớn, hạt mưa lớn như bánh xe. Trời mưa nước tro nóng như vậy rất lâu, hàng trăm ngàn vạn dặm, bốn cõi thiên hạ tám vạn thành, các núi lớn và núi chúa Tu-di, từ trên cõi trời thứ mười lăm, xuống đến cõi Tứ thiên vương, tất cả đều tiêu diệt hết, không còn gì. Thí như dùng nước mỡ nhỏ vào đống lửa lớn, chẳng thấy bốc khói.

Ai sẽ tin lời này? Chỉ có người đắc đạo tự nhiên, mới tin mà thôi.

Đó gọi là thời kỳ trời đất gặp tai biến về nước, sự kiện trọng yếu hủy hoại tiêu tan hết.

Trời đất bị phá hủy tiêu tan hết, sau đó mới có được cách thức sanh khởi. Như thời kỳ gặp tai biến về nước, lại có cùng cách thức sanh khởi. Bắt đầu hình thành từ trên cõi trời thứ mười lăm, xuống cho đến cõi trời thứ nhất A-tu-luân, và tạo tác bốn cõi thiên hạ, tám vạn thành, các núi lớn, núi Tu-di, mặt trời, mặt trăng, tinh tú mới hiện ra, xuống cho đến vạn vật có trong thiên hạ, tạo ra cảnh núi lớn Thiết vi. Đó gọi là thời kỳ trời đất gặp tai biến về nước hủy hoại tiêu tan hết, sau đó mới bắt đầu lại từ đầu.

Phật dạy:

–Thời kỳ trời đất cùng gặp tai biến về gió lớn, người trong thiên hạ cùng thực hành và an trú trong điều thiện, nhân từ, hiếu thuận, thường ưa thích làm việc đạo đức. Khi chết, tinh thần đều lên cõi trời thứ mười bảy làm chư Thiên. Người trong địa ngục và các loài sinh vật, có hơi thở, có cử động, khi chết đều trở lại làm người, đều trở lại làm các hạnh lành, ưa thích làm việc đạo đức; khi chết, tinh thần, thể phách lên cõi trời thứ mười bảy làm chư Thiên. Trời A-tu-luân và chư Thiên trên cõi trời thứ nhất cho đến cõi trời thứ mười sáu đều chết hết, tinh thần, thể phách lại quay xuống làm hình người, ban bố, thực hành, tích lũy các điều thiện, ưa thích làm việc đạo đức, khi chết đều được sanh lên cõi trời thứ mười bảy làm chư Thiên, tiếp đến thì người trong thiên hạ mới chết hết.

Sau đó rất lâu, gió lớn tên là Lai-kha-sa nổi lên, thổi đến cõi trời thứ mười sáu, thoáng chốc phá hoại, tiêu hủy hết, trên đó đều tiêu tan hết chẳng còn gì, không còn tiếng, không còn vang. Gió lớn thổi như vậy rất lâu, làm tiêu tan hết chỗ ở của chư Thiên trên cõi trời thứ mười sáu, xuống cho đến trời A-tu-luân, không còn gì. Thí như gió lớn thổi bột mịn, bột theo gió bay đi tiêu tan hết.

Bốn cõi thiên hạ và tám vạn thành, các núi lớn và núi Tu-di tiêu diệt hết; núi Thiết vi, Thái sơn đều cùng loạt tiêu diệt hết, không còn gì. Thí như gió lớn thổi bột mịn, bột theo gió bay đi tiêu tan hết.

Sau thời kỳ trời đất gặp tai biến về gió lớn một kiếp, lại bắt đầu phương thức sanh khởi như sau khi gặp tai biến về lửa, lại bắt đầu sanh khởi lại một kiếp mới.

Đó gọi là trời đất cùng gặp gió lớn, phá hoại tiêu tan hết là do ba thứ ấy, lại mới bắt đầu sanh khởi, cũng là do ba thứ ấy.

Ai sẽ là người tin lời này? Chỉ có người đắc đạo tự nhiên mới tin điều ấy mà thôi. Trời đất cùng bắt đầu sanh khởi, như khi gặp thời kỳ tai biến về lửa, sau đó lại tuần tự bắt đầu sanh khởi. Gió loạn lại nổi lên, sau khi tạo dựng xong, chư Thiên trên cõi trời thứ mười lăm, ai phước lộc mỏng, đều xuống ở đầy nơi cõi trời thứ mười một và tại chỗ người ở, xuống ở đó tràn đầy, và ở trời A-tu-luân, tại bốn phía núi Tu-di, nơi ở cũ của họ, đều tràn đầy.

❑

KINH ĐẠI LÂU THÁN

QUYỂN VI

Phẩm 13: TRỜI ĐẤT THÀNH HOẠI

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Trời đất hoại diệt, sau đấy mới bắt đầu hình thành lại. Loài người đều ở trên cõi trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm. Người ở trên cõi trời đó dùng sự mừng vui làm thức ăn, mỗi người tự có ánh sáng, thần túc, sống rất lâu.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Khi nước ấy ngập khắp cõi thiên hạ, bấy giờ không có mặt trời, mặt trăng, không có tinh tú, không có ngày đêm, không có một tháng, nửa tháng cũng không có năm, tuổi, mờ mờ, mịt mịt, không thấy gì. Sau khi trời đất hình thành, chư Thiên trên đó, ai lộc phước đức mỏng, thì khi chết, từ trên cõi trời A-vệ-hóa-la đi xuống dạo chơi ở cõi này, cũng dùng sự vui mừng làm thức ăn. Ai cũng tự có ánh sáng, thần túc bay đi. Họ ở tại cõi nhân gian, sống rất lâu. Khi ấy, người trong thiên hạ rất đoan chánh, đẹp đẽ, chẳng phân biệt nam nữ, cũng chẳng phân biệt vua, dân, lớn, bé, chỉ cùng nhau tụ họp, qua lại.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Khi ấy, trên đất tự nhiên sanh hương vị đất. Thí như lớp dầu trên váng sữa, vị và đất ấy cũng như vậy, vị nó như mật. Rồi có một người ham thích mùi lạ, nghĩ rằng: "Ta muốn thử dùng ngón tay lấy vị đất nếm thử để biết là loại gì". Người ấy liền dùng ngón tay lấy vị đất nếm, rất vui thích, nếm như vậy đến ba lần, cảm thấy rất thích thú, sau đó liền hốt đầy tay để ăn. Những người khác thấy thế liền bắt chước dùng tay bốc vị đất mà ăn. Sau khi người ăn vị đất đó rồi, thân liền thô cứng, sắc mặt trở thành xấu, mất đi ánh sáng, thần túc, chẳng thể bay lại lên trời. Thiên hạ trở lại như cũ, mờ mờ, mịt mịt. Theo phương thức cũ, có đại hắc phong nổi lên, thổi vào nước biển lớn, sâu đến ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, đưa mặt trời, mặt trăng đại thành quách lên bên sườn núi Tu-di một trăm sáu mươi tám vạn dặm, bỏ mặt trời mặt trăng thành quách vào trong quỹ đạo. Do

nhân duyên ấy, thiên hạ có mặt trời, mặt trăng. Bấy giờ, mặt trời đại thành quách từ phía Đông núi Tu-di mọc lên, vòng quanh núi chúa Tu-di, vòng đến hướng Tây rồi lặn. Lại từ phía Đông của núi mọc lên, vòng quanh núi Tu-di, rồi lặn về hướng Tây. Khi ấy, có người nói: "Đó là mặt trời ngày hôm qua", hoặc có người nói: "Đó chẳng phải là mặt trời ngày hôm qua". Mặt trời đại thành quách lại từ phía Đông núi Tu-di mọc lên như vậy ba lần, vòng quanh núi Tu-di rồi lặn về hướng Tây. Khi ấy có người nói: "Đó là mặt trời của hôm qua mọc lên". Vì vậy họ gọi đó là mặt trời. Mặt trời có hai việc. Một là mọc lên chiếu sáng hiện rõ thành quách, hai là lặn đi chẳng hiện ra cung điện, bốn phía vuông tròn. Ánh sáng của nó chiếu quanh khắp mọi nơi, vì vậy nên tròn. Dùng vàng, pha lê trời tinh khiết tạo thành thành quách. Thành quách ấy có hai phần: một phần là vàng ròng không tỳ vết, không dơ bẩn, ánh sáng chói lọi; một phần là pha lê không tỳ vết, không dơ bẩn, tỏa ánh sáng. Mặt trời đại thành quách rộng dài mỗi mặt hai ngàn ba mươi dặm, trên dưới đều bằng phẳng. Trong thành có lầu nhà, cung điện bằng vàng, tên là Diêm-phù, thanh tịnh, cao sáu trăm bốn mươi dặm, rộng cũng sáu trăm bốn mươi dặm. Trong lầu nhà, cung điện Diêm-phù, có tòa ngồi của Thiên tử mặt trời, mỗi mặt rộng dài hai mươi dặm, dùng bảy báu cõi trời: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành. Toàn thân của Thiên tử mặt trời phóng ánh sáng, chiếu khắp cung điện Diêm-phù. Ánh sáng của cung điện Diêm-phù chiếu sáng đại thành quách và chiếu xuống bốn phương. Thiên tử mặt trời chẳng nghĩ rằng ta đi hay là chẳng đi, thường dùng năm thứ dục lạc tự vui chơi, thỏa thích. Thiên tử mặt trời có vô số trời đi trước dẫn đường, vui sướng vô cùng, trước sau có dẫn đường, theo đó mà đi, vì vậy gọi là ngự.

Thành quách của Thiên tử mặt trời dùng bảy báu làm thành bảy lớp vách, bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, cây cối, vườn nhà, ao tắm, có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Trong đó có các loại chim bay cùng nhau vui hót. Tuổi thọ của Thiên tử mặt trời là năm trăm năm của trời. Con cháu, cháu con truyền đời cho nhau, mức cuối cùng là một kiếp. Thiên tử mặt trời thành quách phóng xuống năm trăm ánh sáng, chung quanh lại có năm trăm ánh sáng. Đó là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành mà đạt được. Do nhân duyên gì mà được ngàn ánh sáng? Đạt được để làm gì? Để chiếu sáng thiên hạ, khiến cho dân chúng thấy ánh sáng đó mà có thể hoàn thành các việc. Vì sao dân chúng thấy ánh sáng đó có thể hoàn thành các việc? Nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo mền, thức ăn uống, xe ngựa, lục súc, hương xông, tràng hoa, giường nằm, phòng ốc, nhà cửa, đèn lửa, xin cái gì liền cho cái đó, không nghịch ý

người, thường không ngừng nghỉ, bố thí hết mình, không mệt mỏi, thật lòng bố thí, sau không hối tiếc, khiến cho đạo nhân thanh tịnh, hoan hỷ phụng trì chơn pháp, vì vậy làm cho định ý, an ổn, thì người bố thí được vô số hạnh lành. Thí như Chuyển luân vương khi vừa mới lên ngôi, tâm ý hoan hỷ không kể xiết.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo mền, thức ăn uống, xe ngựa, lục súc, tràng hoa, giường nằm, phòng ốc, nhà cửa, đèn lửa; ai xin gì, không nghịch ý người xin, bố thí không dừng nghỉ, thật lòng bố thí, sau không hối tiếc, khiến cho đạo nhân thanh tịnh, phụng trì pháp tôn quý, do vậy hoan hỷ, khiến được định ý, an ổn, được vô số hạnh lành, thì người ấy khi chết được sanh vào chỗ an ổn, tức là sanh vào chỗ Thiên tử mặt trời, liền được giữ thành quách mặt trời, ánh sáng của người đó chiếu xuống khắp bốn phương.

Đó gọi là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành mà đạt được.

Lại, do có mười nhân duyên gì mà được ngàn ánh sáng? Một là không sát sanh; hai là không trộm cắp; ba là không xâm phạm phụ nữ của người khác; bốn là không nói dối; năm là không uống rượu; sáu là không nói lời thô ác, mắng nhiếc; bảy là không nói hai lưỡi, thêu dệt; tám là không ganh ghét; chín là không sân hận; mười là chánh kiến. Vì tâm nghĩ về vô số điều thiện, điều nhân từ nên khi chết liền sanh về chỗ Thiên tử mặt trời, tự nhiên được giữ thành quách mặt trời. Đó là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành đạt được.

Lại do từ nhân duyên lành gì mà đạt được ngàn ánh sáng? Một là không sát sanh, hai là không trộm cắp, ba là không xúc phạm phụ nữ người khác, bốn là không nói dối, năm là không uống rượu, ý luôn luôn nghĩ về điều lành, điều nhân từ. Thí như chỗ đất tốt, tại ngã tư đường có ao tắm, nước trong mát, êm ả, đẹp đẽ, các loại cây bao bọc chung quanh, nếu có người từ nơi nóng bức đến, rất đói khát vào trong ao tắm, tắm rửa uống nước thì tâm ý người ấy vô cùng hoan hỷ.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, nếu có người nào không trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, ý nghĩ vô số điều thiện thì khi chết được sanh về chỗ Thiên tử mặt trời, liền được giữ thành quách mặt trời. Đó là nhân duyên lành đạt được ngàn ánh sáng rực rỡ. Vì sao mặt trời đại thành quách khiến cho thiên hạ có mùa thu, mùa đông lạnh lẽo? Vì do mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên ấy là gì? Một là khoảng giữa núi Tu-di chừng ba

trăm ba mươi sáu vạn dặm mọc lên hoa sen hồng, hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng rất đẹp và nhiều hương thơm. Ánh sáng của mặt trời đại thành quách chiếu vào trong đó, bị hút. Vì nhân duyên ấy làm cho mặt trời đại thành quách lạnh vào mùa thu, mùa đông. Đó là việc thứ nhất.

Hai là khoảng giữa núi A-la-đà, dài một trăm sáu mươi tám vạn dặm, trong đó mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng rất đẹp và nhiều hương thơm, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách. Vì vậy, khiến cho mặt trời đại thành quách lạnh. Đó là việc thứ hai.

Lại nữa, khoảng giữa núi Du-an, dài tám mươi bốn vạn dặm, trong đó có mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng rất đẹp và nhiều hương thơm, lại hút ánh sáng mặt trời đại thành quách. Vì vậy thiên hạ lạnh. Đó là việc thứ ba.

Lại nữa, ở khoảng giữa núi Thiện kiến, dài bốn mươi tám vạn dặm, trong đó có mọc hoa sen xanh, hồng, vàng, trắng rất đẹp và nhiều hương thơm, hút ánh sáng mặt trời. Vì vậy khiến thiên hạ lạnh. Đó là việc thứ tư.

Ngoài núi Thiện kiến, kế đến có núi A-sao-ba, khoảng giữa dài hai mươi bốn vạn dặm; sau núi thứ năm là A-sao-ba, có núi Ni-di-đà, khoảng giữa dài mười hai vạn dặm; sau núi thứ sáu là Ni-di-đà, có núi Tỷ-na, khoảng giữa dài bốn vạn tám ngàn dặm; sau núi thứ bảy là Tỷ-na, có núi Thiết vi dài hai vạn bốn ngàn dặm, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên khiến cho thiên hạ lạnh vào mùa thu, đông. Đó là việc thứ tám.

Lại nữa, các dòng sông trong thiên hạ, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy nên mặt trời đại thành quách lạnh vào mùa thu, đông. Đó là việc thứ chín.

Lại nữa, nước của các dòng sông đó chảy về hướng đông, chảy về hướng cõi Diêm-phù-đề ít, chảy về cõi Câu-da-ni nhiều, liền hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách. Vì vậy mặt trời trong thiên hạ lạnh, đó là việc thứ mười.

Lại nữa, các dòng sông chảy về Câu-da-ni ít, chảy về Phất-vu-đãi nhiều, lại hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, cho nên thiên hạ lạnh. Đó là việc thứ mười một.

Lại nữa, các dòng sông chảy về Phất-vu-đãi ít, chảy về Uất-đơn-việt nhiều, lại hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách. Nước biển lớn hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vậy mặt trời trong thiên hạ lạnh, có mùa thu, đông. Đó là việc thứ mười hai.

Vì nhân duyên gì mà mặt trời đại thành quách nóng vào mùa xuân, mùa hạ? Có mười việc. Mười việc ấy là gì?

Bên núi chúa Tu-di có núi tên là A-đa, cao một trăm sáu mươi tám vạn dặm, rộng cũng một trăm sáu mươi tám vạn dặm, biên giới rộng vô cùng, rất đẹp đẽ, dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não làm thành. Núi ấy hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vạy nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ nhất.

Lại nữa, ngoài núi A-đa, có núi tên là Y-sa-đa cao bốn mươi tám vạn dặm, rộng cũng bốn mươi tám vạn dặm, biên giới vô cùng, rất đẹp đẽ, dùng toàn bảy báu làm thành, hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách, vì vạy nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ hai.

Lại nữa, ngoài núi Y-sa-đa, có núi tên là Du-an-đà, cao bốn mươi tám vạn dặm, rộng cũng bốn mươi tám vạn dặm, biên giới vô cùng, rất đẹp đẽ, dùng toàn bảy báu làm thành. Núi ấy lại hút ánh sáng của mặt trời đại thành quách nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ ba.

Lại nữa, ngoài núi Du-an-đà, có núi tên là Thiện kiến, cao hai mươi bốn vạn dặm, rộng cũng hai mươi bốn vạn dặm, biên giới vô cùng… Đó là việc thứ tư.

Lại nữa, có núi tên là A-sao-ni, cao mười hai vạn dặm, rộng cũng mười hai vạn dặm, biên giới vô cùng… Đó là việc thứ năm.

Lại nữa, có núi tên là Ni-di-đà, cao bốn vạn tám ngàn dặm, rộng cũng bốn vạn tám ngàn dặm, biên giới vô cùng… Đó là việc thứ sáu.

Sau núi Ni-di-đà, kế đến có núi tên là Tỷ-na-đầu, cao hai vạn bốn ngàn dặm, rộng cũng hai vạn bốn ngàn dặm, biên giới vô cùng… Đó là việc thứ bảy.

Ngoài ra, kế đến lại có núi tên là Thiết vi, cao hai vạn hai ngàn dặm, rộng cũng hai vạn hai ngàn dặm, biên giới vô cùng, dùng toàn bảy báu làm thành. Ánh sáng của mặt trời đại thành quách chiếu khắp trên đó vì vậy nên thiên hạ nóng, có mùa xuân, mùa hạ. Đó là việc thứ tám.

Lại nữa, từ đây cao lên bốn mươi vạn dặm, có nhà của thiên thần, dùng pha lê làm thành, ở giữa hư không, gió lớn khống chế lôi đi, giống như mây nổi. Người trong thiên hạ đều gọi là tinh tú; cái lớn chu vi bảy trăm hai mươi dặm, cái trung bình chu vi bốn trăm tám mươi dặm, cái nhỏ chu vi hai trăm bốn mươi dặm. Ánh sáng của mặt trời đại thành quách nhiều hơn những tinh tú đó, do nhân duyên ấy nên thiên hạ nóng. Đó là việc thứ chín.

Lại nữa, đất trong thiên hạ, hút ánh sáng của mặt trời đại thành

quách, vì vậy nên thiên hạ nóng, thành mùa xuân, mùa hạ. Đó là việc thứ mười.

Mặt trời đại thành quách có năm thứ gió thường hộ trì. Một là Trì phong, hai là Trụ phong, ba là Trợ phong, bốn là Chuyển phong, năm là Hành phong. Đó là năm thứ gió cùng làm chuyển mặt trời đại thành quách đi, chưa từng có lúc dừng nghỉ.

Phật dạy:

–Bấy giờ mặt trăng đại thành quách mọc lên đi vòng núi Tu-di, từ hướng Đông lặn về hướng Tây, ánh sáng oai thần kém hơn, cho nên gọi là mặt trăng. Mặt trăng có hai việc: Ánh sáng đi vòng và chiếu khắp bốn phương. Đại thành quách của nó bốn bên đều tròn, ánh sáng bao quanh cũng tròn. Mặt trăng thành quách do bạc trời, lưu ly trời tạo thành. Mặt trăng đại thành quách rộng, dài mỗi mặt một ngàn chín trăm sáu mươi dặm, phần trên phần dưới bằng nhau. Trong thành có cung điện bằng lưu ly của Thiên tử mặt trăng. Cao sáu trăm dặm, rộng cũng sáu trăm dặm. Bên trong có tòa ngồi của Thiên tử mặt trăng, mỗi mặt rộng dài hai mươi dặm, dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não tạo thành. Toàn thân của Thiên tử mặt trăng đều phóng ra ánh sáng chiếu cung điện, ánh sáng của cung điện phóng ra chiếu đại thành quách, ánh sáng đại thành quách chiếu xuống khắp bốn phương. Thiên tử mặt trăng chẳng tự nghĩ là ta đi hay chẳng đi, thường dùng năm dục lạc của cõi trời vui chơi thỏa thích. Thiên tử mặt trăng dẫn theo vô số chư Thiên trước, sau đánh xe dạo chơi, thường vui vẻ thích thú, nên gọi là ngự. Tuổi thọ của Thiên tử mặt trăng theo tuổi trên trời là năm trăm tuổi. Con cháu, cháu con tiếp nối truyền cho nhau. Vách của thành quách ấy dùng bảy báu tạo thành. Bảy lớp lan can, bảy lớp đường đi, bảy lớp hàng cây, cây cối bao bọc chung quanh, dùng toàn bảy báu tạo thành. Có vườn nhà, ao tắm, trong đó có đủ loại hoa sen xanh, vàng, đỏ trắng, các loài chim bay cùng nhau vui hót. Thiên tử mặt trăng có năm trăm ánh sáng phóng xuống, chung quanh lại có năm trăm ánh sáng gộp lại thành một ngàn ánh sáng, do nhân duyên lành mà đạt được. Do nhân duyên lành gì mà được ngàn ánh sáng? Nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo, mền, thức ăn uống, xe ngựa, lục súc, hương xông, tràng hoa, phòng ốc, nhà cửa, đèn lửa, cần gì cho nấy, không nghịch ý người xin, thật lòng bố thí, sau chẳng hối tiếc, khiến cho Đạo nhân thanh tịnh phụng trì chân pháp, khiến được an ổn thì được vô số hạnh lành. Thí như Chuyển luân vương khi mới lên ngôi, tâm ý vô cùng hoan hỷ.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, nếu có người bố thí cho Sa-môn, Đạo nhân và kẻ bần cùng áo, mền, thức ăn uống, các thứ đồ dùng khiến được an ổn, hoan hỷ vô cùng, thì người ấy khi chết được sanh lên chỗ Thiên tử mặt trăng, liền được giữ đại thành quách mặt trăng. Vì vậy nên gọi là ngàn ánh sáng do nhân duyên lành đạt được.

Lại từ nhân duyên lành gì mà được ngàn ánh sáng? Nếu có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, nói thêu dệt, nói lời thô ác, mắng chửi, nói hai lưỡi, không có ý ganh ghét, không sân giận, ngu si, làm mười điều thiện thì tâm ý vô cùng hoan hỷ. Thí như vùng đất tốt, ở ngã tư đường có ao tắm, nước trong sạch, êm ả, đẹp đẽ, chung quanh có cây. Nếu có người đói khát từ chỗ nóng bức đến vào trong ao tắm, uống nước, tâm ý vô cùng hoan hỷ.

Phật dạy:

–Cũng như thế, nếu có người làm mười điều thiện, khi chết, liền sanh lên chỗ Thiên tử mặt trăng, được giữ đại thành quách mặt trăng. Đó gọi là nhân duyên lành mà đạt được ngàn ánh sáng ấy.

Lại do từ nhân duyên lành gì mà được ngàn ánh sáng? Nếu có người không sát sanh, không trộm cắp, không xâm phạm phụ nữ người khác, không nói dối, không uống rượu. Người ấy luôn hoan hỷ, thì khi chết liền sanh lên chỗ Thiên tử mặt trăng, được giữ thành quách mặt trăng. Đó gọi là do nhân duyên lành mà đạt được ngàn ánh sáng.

Trong khoảng sáu mươi lần búng ngón tay thì gấp được bảy thước lụa. Gấp hai mươi mốt thước lụa là một giờ. Khoảng một trăm lần búng ngón tay thì gấp được mười thước. Mặt trời đại thành quách, trong một ngày, đi được sáu mươi dặm về hướng Nam; đi hết một trăm tám mười ngày, mới đi trở lại về hướng Bắc một trăm tám mươi ngày nữa. Mặt trời đi một trăm tám mươi ngày còn mặt trăng đi mười lăm ngày.

Vào giữa ngày ở cõi Diêm-phù-lợi thì ở cõi Phất-vu-đãi phương Đông là tối; ở cõi Câu-da-ni phương Tây thì mặt trời mới mọc, ở cõi Uất-đơn-việt phía Bắc vào nửa đêm. Ở cõi Câu-da-ni vào giữa ngày thì ở cõi Diêm-phù-lợi tối, ở cõi Uất-đơn-việt mặt trời mới mọc, ở cõi Phất-vu-đãi nửa đêm. Ở cõi Uất-đơn-việt vào giữa ngày thì cõi Câu-da-ni tối. Ở cõi Phất-vu-đãi mặt trời mới mọc thì cõi Diêm-phù-lợi nửa đêm. Ở cõi Phất-vu-đãi vào giữa ngày thì ở cõi Uất-đơn-việt là tối. Ở cõi Diêm-phù-lợi mặt trời mới mọc thì ở cõi Câu-da-ni là nửa đêm. Như vậy ở cõi Diêm-phù-lợi giữa ngày, thì cõi Phất-vu-đãi ở phương Đông tối. Cõi

Câu-da-ni phương Tây mặt trời mọc thì ở cõi Uất-đơn-việt nửa đêm. Ở cõi Câu-da-ni giữa ngày thì ở cõi Diêm-phù-lợi tối. Ở cõi Uất-đơn-việt mặt trời mọc thì ở cõi Phất-vu-đãi nửa đêm.

Phật dạy:

–Do nhân duyên gì mà mặt trăng bị khuyết giảm dần dần? Vì có ba việc nên bị khuyết giảm. Ba việc ấy là gì?

Một là vì đi về một góc nên dần dần bị khuyết giảm. Đó là việc thứ nhất.

Hai là ở bên mặt trăng đại thành quách, có chư Thiên, y phục của họ màu xanh, ngọc anh lạc của họ cũng xanh, che khuất phía họ đứng nên phía ấy bị khuyết giảm. Đó là việc thứ hai.

Ba là mặt trời đại thành quách dùng sáu mươi ánh sáng, chiếu ngay nơi ánh sáng của mặt trăng đại thành quách chiếu, nên phía ấy bị khuyết giảm. Đó là việc thứ ba, mặt trời đoạt ánh sáng mặt trăng.

Vì nhân duyên gì mà mặt trăng hiện đầy? Có đầy đủ ba việc. Ba việc ấy là gì?

Một là mặt trăng dần dần đi ba phương. Vì vậy nên mặt trăng dần dần hiện ra tròn đầy. Đó là việc thứ nhất.

Hai là ngày rằm trong tháng, chư Thiên sắc xanh, mặc áo xanh vào trong thành mặt trăng cùng nhau vui chơi. Khi ấy mặt trăng dùng hết ánh sáng chiếu chư Thiên. Thí như ở chính giữa các ngọn đèn, đốt lên ngọn lửa lớn, thì ngọn lửa ấy chiếu khắp các ngọn đèn.

Phật dạy:

–Cũng như vậy, chư Thiên ở bên mặt trăng đại thành quách, sắc họ xanh và y phục cũng xanh. Vào ngày rằm trong tháng họ vào cùng vui chơi với Thiên tử mặt trăng, nên ánh sáng mặt trăng chiếu hư không. Vì vậy nên ngày rằm mặt trăng hiện ra tròn đầy. Đó là việc thứ hai.

Ba là vào ngày rằm trong tháng, mặt trời dùng sáu mươi ánh sáng chiếu khắp mặt trăng đại thành quách, mặt trăng không nhận. Vì vậy nên mặt trăng hiện ra tròn đầy. Đó là việc thứ ba.

Mặt trăng đại thành quách thường có năm thứ gió hộ trì. Năm thứ ấy là gì? Một là Trì phong, hai là Trụ phong, ba là Trợ phong, bốn là Chuyển phong, năm là Hành phong. Đó là năm thứ gió thường đi với mặt trăng thành quách, chưa từng có khi dừng nghỉ.

Vì nhân duyên gì mà trong mặt trăng hiện ra màu sữa? Vì có cội cây tên là Diêm-phù-lợi, do vậy tên của cõi này là Diêm-phù-lợi. Dưới

cây ấy có núi, dùng toàn bảy báu làm thành, cao tám trăm dặm, chung quanh cũng tám trăm dặm. Cây ấy cao bốn ngàn dặm, bóng tỏa ra hai ngàn dặm, thân to năm trăm sáu mươi dặm, rễ ăn sâu xuống tám trăm bốn mươi dặm, bóng của cây chiếu hiện trong mặt trăng, làm cho mặt trăng đại thành quách hiện ra màu sữa, chẳng sáng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

–Tộc tánh tử khi hành sự nên như mặt trăng chiếu sáng thiên hạ, dứt bỏ thân kiêu mạn, vượt lên trên chủng tánh, thường giữ ý hổ thẹn. Quả trên cây lớn Diêm-phù-lợi giống như cái bình lớn, vị của nó ngọt như mật, sắc nó trắng như váng sữa. Phía Bắc cây lớn Diêm-phù-lợi có bảy lớp núi, bảy lớp cây cối; có bảy tinh xá của Tiên nhân Bà-la-môn.

Phật dạy:

–Bấy giờ dân chúng ăn vị đất trên đất đó, để tự sanh sống. Cứ như vậy, ăn vị đất ấy rất lâu, sống lâu vô cùng. Ai ăn vị đất nhiều thì sắc diện biến thành xấu; kẻ ăn ít thì sắc diện xinh đẹp. Người nhan sắc xinh đẹp thì tự kiêu ngạo, chê cười kẻ nhan sắc xấu. Vì sắc đẹp mà tự kiêu ngạo chê cười nhau, nên vị đất ấy liền biến mất, chẳng sinh lại. Lại tự nhiên sanh bánh mỏng, vị quả nó rất thơm ngon, nhưng không bằng vị đất khi trước. Dân chúng cùng hội họp bàn tán, tự đánh mình, kêu than, khóc lóc, tưởng nhớ vị đất rất ngon trước kia đã bị mất.

Phật dạy:

–Thí như người cõi này có vị ngon ngọt cùng người thưởng thức, liền nói: "Vị ấy ngon làm sao!" Họ nhớ mãi vị ấy không thôi. Lúc ấy dân chúng cũng như vậy, cùng hội họp bàn tán, buồn lo tự đánh mình, kêu la, khóc lóc, nhớ nghĩ vị đất trước kia. Khi đó dân chúng lại lấy bánh mỏng ăn để tự nuôi sống. Như vậy rất lâu, ai ăn bánh đất mỏng nhiều, thì nhan sắc liền biến thành xấu, ai ăn ít thì nhan sắc xinh đẹp. Người nhan sắc xinh đẹp thì chê cười kẻ nhan sắc xấu. Do nhan sắc mà tự kiêu ngạo chê cười nhau, nên bánh đất mỏng liền biến mất, không sanh lại. Lại sanh ra Ba-la, vị của nó cũng thơm ngon nhưng không bằng vị của bánh mỏng trước kia, giống như hoa Khô-gia-lam, vị của nó như mật. Lúc ấy dân chúng hội họp bàn tán, buồn lo, tự đánh mình, kêu la, khóc lóc, nhớ nghĩ bánh đất mỏng trước kia. Dân chúng liền lấy vị Ba-la ăn để tự sanh sống, mạng sống của họ rất lâu. Ai ăn vị Ba-la nhiều thì nhan sắc biến thành xấu, ai ăn ít thì nhan sắc xinh đẹp. Người nhan sắc xinh đẹp vì sắc đẹp mà kiêu ngạo chê cười nhau rất thậm tệ, nên Ba-la đất liền biến mất không sanh ra nữa. Lại tự nhiên sanh ra gạo thơm, vị nó cũng thơm ngon, đẹp

đẽ; các loại gạo ấy đều tinh khiết, tỏa ra tất cả hương vị nhưng không bằng vị Ba-la. Dân chúng cùng hội họp, bàn tán, lo sầu, kêu la, khóc lóc, nhớ nghĩ vị Ba-la trước kia, tự đánh mình. Giống như dân chúng cõi này, gặp phải sự việc quá đau khổ, kêu la, khóc lóc, dân chúng lúc ấy ở đó cũng như vậy.

Bấy giờ dân chúng lấy gạo thơm tự nhiên ăn. Sau khi ăn gạo thơm tự nhiên, con người biến thành kẻ nam, người nữ, hai phái nhìn nhau liền khởi ý dâm dục, đi đến chỗ vắng cùng nhau làm việc bất tịnh, là sự việc dơ uế. Người khác thấy liền nói: "Vì sao các ngươi làm việc phi pháp? Mọi người đâu có hướng đến nhau mà làm chuyện như vậy?" Rồi tránh xa họ, chẳng cùng chuyện trò. Hai, ba tháng sau mới gọi họ đến gặp và nói: "Xưa kia, người không tham đắm, ngày nay, người vừa có tham đắm". Sau đấy liền đem người con gái gả cho người con trai, ca múa, vui cười, chúc tụng, cầu cho vợ chồng thường được an ổn.

Lúc ấy người tham đắm việc dâm dục phi pháp, sau khi làm việc dâm dục phi pháp, liền tạo ra nhà cửa. Do vì việc phi pháp ấy, nên bắt đầu tạo dựng nhà cửa.

Phật nói kệ:

Ban đầu tạo nước Chiêm-ba
Tiếp xây thành Ba-la-nại
Vì vậy mặt trời chiếu sáng
Sau đó mới làm La-duyệt.

Bấy giờ dân chúng tham đắm việc dâm dục phi pháp. Chư Thiên trên cõi trời A-vệ-hóa-la thứ mười lăm, lộc phước đức của họ ít, khi chết, sanh xuống nhân gian vào trong bào thai nơi bụng mẹ, vì vậy nên nữ nhân bắt đầu mang thai, sanh ra con trai, con gái. Lúc ấy dân chúng cùng ăn gạo thơm thanh khiết, vào buổi chiều đi lấy gạo thơm thì sáng hôm sau gạo lại tiếp tục sanh như cũ. Buổi sáng đi lấy, đến chiều gạo thơm cũng sanh lại như cũ.

Phật dạy:

–Như vậy, dân chúng sáng, chiều thu hoạch gạo thơm, tùy theo đó mà sanh ra như cũ. Rồi ngay chỗ thu hoạch gạo thơm, bỗng nhiên có người nghĩ: "Ta sớm chiều đi lấy gạo thơm thanh khiết một cách mệt nhọc, chi bằng dồn lại lấy phần gạo thơm cho hai ngày", nghĩ rồi liền đi đến lấy. Gặp người khác, anh ta rủ cùng đi lấy gạo thơm. Anh ta bảo: "Tôi đã mang phần gạo thơm cho hai ngày về rồi. Anh hãy tự đến lấy đi". Bấy giờ người ấy khen hay, nói: "Hắn thật sung sướng, hóa ra hắn đã đến lấy

phần gạo thơm cho hai ngày rồi, ta nên trừ lại phần gạo thơm cho hai, ba ngày". Người khác lại thấy nói: "Để ta cùng đi lấy gạo thơm tinh khiết với". Người kia đáp: "Tôi đã lấy phần gạo thơm cho hai ba ngày rồi. Anh hãy tự đi lấy tùy ý". Người ấy nghe nói cho là phải, tự nghĩ nên đến lấy phần gạo thơm tinh khiết cho bốn, năm ngày, liền đi đến lấy phần gạo thơm tinh khiết cho bốn, năm ngày. Vì nhiều người cùng bắt chước đi lấy gạo thơm tinh khiết, nên sau đó mới sanh loại lúa thơm, chỗ nào đã lấy, thì ngay chỗ ấy không sanh lại. Lúc ấy dân chúng tụ tập cùng bàn tán sầu lo, chẳng vui, tự đánh mình, khóc lóc, kêu la, nói: "Xưa kia, ta dùng niềm vui làm thức ăn, thân có ánh sáng, dùng thần túc bay đi, đúng là thời gian an ổn. Nhưng đất tự nhiên sanh vị đất rất thơm ngon, sắc của nó giống như váng sữa trắng, vị của nó như mật. Kẻ ngu lấy vị đất kia ăn rồi liền bắt chước nhau lấy ăn, nên đều bị mất ánh sáng, thần túc. Ai ăn nhiều thì nhan sắc thô xấu, ai ăn ít thì nhan sắc xinh đẹp. Kẻ nhan sắc đẹp đẽ thì tự kiêu ngạo, chê cười kẻ nhan sắc xấu. Vì chê cười nhau nên vị đất biến mất, không sanh lại. Lại sanh một loại bánh mỏng, sau khi bánh mỏng biến mất, lại sanh Ba-la; Ba-la biến mất, lại sanh gạo thơm; vì kiêu ngạo chê cười nhau nên đến nỗi khiến cho ngay chỗ lấy gạo thơm tinh khiết không sanh lại nữa, nên phải cùng chia đất, đắp bờ làm ranh giới". Vì vậy người trong thiên hạ lại làm cái việc chưa từng có là cùng phân chia đất đai đắp bờ làm ranh giới, mỗi người tự cày cấy gieo trồng. Bấy giờ, có một người ngu đã có lúa thơm của mình rồi nhưng còn đi ăn trộm lúa gạo thơm của người khác. Người chủ bắt gặp liền nói: "Anh đã làm chuyện phi pháp. Đã có lúa thơm của mình mà không lấy dùng, lại đi ăn trộm lúa thơm của người khác sao? Sau, ngươi đừng làm chuyện như thế nữa". Nhưng ba lần như vậy, người ấy để dành gạo thơm của mình, đi ăn trộm gạo thơm nhà người khác. Người chủ lại bắt gặp, liền nói: "Ngươi đã phạm lỗi lớn là đã để dành gạo thơm của mình, lại đi ăn trộm gạo thơm của người khác, như vậy đến nay là lần thứ ba". Rồi dùng tay đánh, dẫn vào trong làng, cho ngồi trong đám đông người, trách cứ: "Người này để dành gạo thơm của mình, lại đi ăn trộm của người khác". Người ăn trộm đó nói với mọi người: "Người này dùng tay đánh đập tôi". Mọi người liền cùng nhau hội họp bàn tán, sầu lo chẳng vui, tự đánh mình, khóc lóc, kêu than, nói: "Nay thế gian đã nảy sanh điều ác, bất thiện, oán thù kết chặt lâu ngày tạo thành nỗi khổ ghê gớm. Một người đã thiêu, rồi lại thiêu hủy mạng mình, nên có các sự kiện lão, bệnh, tử và đường ác. Con người hiện chịu sự bắt bớ, đánh đập nhau, đã vậy rồi lại tự gây ra sự kiện tụng". Mọi người liền cùng nhau bàn luận: "Bây giờ không biết ở đâu có người hiền

để tôn lên làm người lãnh đạo, để trông coi công việc. Những việc chúng ta làm, do người đó quyết định. Nếu có người làm việc phi pháp thì phải trừng phạt. Gạo thơm mà chúng ta đã gieo trồng, mọi người đều cùng góp phần cung cấp y phục, thức ăn uống cho người ấy". Lúc ấy, trong đám đông đó, có một người tôn quý nhất, đoan chánh, đẹp đẽ, uy phong lẫm liệt. Mọi người liền thưa với người ấy: "Nên vì chúng tôi mà làm người lãnh đạo để trông coi công việc, chúng tôi sẽ tuân theo sự chỉ giáo của ngài. Nếu ai làm việc phi pháp thì nên trừng phạt họ, số gạo thơm mà chúng tôi đã gieo trồng và thu hoạch được, mọi người cùng cung cấp y phục, thức ăn uống cho ngài". Người ấy nói: "Đồng ý". Họ liền cùng nhau lập người ấy làm lãnh đạo trông coi tất cả công việc và tuân theo sự chỉ giáo của người ấy. Nếu có người làm việc sai lầm thì liền trừng phạt. Gạo thơm mà mọi người trồng được cùng góp cho người lãnh đạo. Dân chúng cùng tuân theo giáo lệnh và tôn xưng là đại vương. Theo phép mà thu thuế, cho nên gọi là Sát-lợi. Vì vậy nên thiên hạ mới có dòng dõi Sát-lợi; đất nước trong thiên hạ đều thuộc về đại vương.

Khi ấy cõi đất Diêm-phù-lợi, bằng phẳng không có núi gò, khe hang, gai góc; không có muỗi mòng, chấy rận, cũng không có gạch đá, đất rải đầy ngọc minh nguyệt, lưu ly, vàng, bạc. Khi vua cai trị cõi Diêm-phù-lợi, thiên hạ giàu có, yên vui, hưng thịnh, bình yên, ngũ cốc phong phú, dân chúng đông đúc, đất tốt, nước cũng dồi dào, giống như váng dầu mè rưới trên đất không có bụi bặm. Cỏ xanh mọc rất nhiều, bao bọc cùng khắp, sắc cỏ như đuôi chim Khổng tước, mùi thơm của nó như mùi thơm của hoa, mềm láng như nhung lụa, châm giẫm lên thì lún xuống đất bốn tấc, dỡ chân lên thì trở lại như cũ, đất không có chỗ bị lún xuống bốn tấc. Có cây Hương, cây Anh lạc, cây Y bị, cây Bất túc, cây Bão, cây Khí, cây Âm nhạc; cây sanh hoa quả, bổ ra, quả nào cũng hiện ra các thứ vật dụng. Trong đó, có cây cao bảy tầng âm thanh, có cây thấp đến sáu, năm, bốn, ba, hai, một tầng âm thanh, cây thấp nhất cao nửa tầng âm thanh. Khi đại vương trị vì thiên hạ, cõi Diêm-phù-lợi có tám vạn quận quốc. Dân chúng ở trong xóm làng, khi gà gáy, lần lượt cùng nghe. Thiên hạ không có bệnh, không nóng lắm, cũng không lạnh lắm, lại không có người đói khát. Nhà vua dùng chánh pháp cai trị, phụng hành mười điều thiện, dạy khắp dân chúng trong thiên hạ, khiến thực hành mười điều thiện. Nhà vua nhớ nghĩ và thương dân chúng trong thiên hạ như cha thương con, dân chúng trong thiên hạ kính vua như con kính cha. Vị vua ấy có người con tên là Chơn, kế ngôi. Vua Chơn có con tên là Tề. Vua Tề có con tên là Đảnh Sanh. Vua Đảnh Sanh có con tên là Giá Lưu. Vua Giá Lưu có con tên là Hòa

Hành. Vua Hòa Hành có con tên là Lưu Chí. Vua Lưu Chí có con tên là Nhật. Vua Nhật có con tên là Ba-na. Vua Ba-na có con tên là Đại Ba-na. Vua Đại Ba-na có con tên là Sa-kiệt. Vua Sa-kiệt có con tên là Đại Thiện Kiến. Vua Đại Thiện Kiến có con tên là Đề Nhiệm. Vua Đề Nhiệm có con tên là Nhiễm. Vua Nhiễm có con tên là Mê Lưu. Vua Mê Lưu có con tên là Ma-lưu. Vua Ma-lưu có con tên là Tinh Tấn Lực. Vua Tinh Tấn Lực có con tên là Kiên Tặc. Vua Kiên Tặc có con tên là Thập Xa. Vua Thập Xa có con tên là Xá-la. Vua Xá-la có con tên là Thập Trượng. Vua Thập Trượng có con tên là Bách Trượng. Vua Bách Trượng có con tên là Na-hòa-đàn. Vua Na-hòa-đàn có con tên là Chơn Xà. Vua Chơn Xà có con tên Ba-diên. Về sau các vua rất nhiều.

Các Chuyển luân vương có mười dòng họ. Một là họ Ca-nô-xa, hai là họ Đa-lư-đề, ba là A-ba, bốn là Kiền-đà-lợi, năm là Ca-lăng, sáu là Giá-ba, bảy là Câu Liệp, tám là Bát-xà, chín là Di-thi-lợi, mười là Ma-ni. Đó là mười dòng họ. Họ Ca-nô-xa có năm đời vua, họ Đa-lư-đề cũng có năm đời, họ A-ba có bảy đời, họ Kiền-đà-lợi cũng có bảy đời, họ Ca-lăng có chín đời, họ Giá-ba có mười bốn đời, họ Câu Liệp có ba mươi mốt đời, họ Bát-xà có ba mươi hai đời, họ Di-thi-lợi có tám vạn bốn ngàn đời, họ Ma-ni có một trăm lẻ một đời vua. Về sau có vua tên là Đại Thiện Sanh, mọi người gọi là Y-ma. Vua Y-ma có con, tự là Ô Lạp. Vua Ô Lạp có con tự là Bất Ni. Vua Bất Ni có con tên là Sư Tử. Vua Sư Tử có con tên là Duyệt-đầu-đàn. Vua Duyệt-đầu-đàn có con tên là Tất-đạt Bồ-tát. Tất-đạt Bồ-tát có con tên là La Vân.

Phật dạy:

–Do nhân duyên ấy từ xưa đến nay nên phát khởi dòng Sát-lợi. Bấy giờ có người suy nghĩ: "Chúng ta bị ràng buộc do tật bệnh, phù thũng, ghẻ lở. Nay muốn bỏ tất cả sự ràng buộc đó". Họ liền đi vào ngồi trong nhà, chốn vắng vẻ, liền bỏ hết sự ràng buộc do tật bệnh, phù thũng, ghẻ lở. Họ vào trong chốn vắng, suy tư về đạo. Hôm nay dậy sớm, ngày mai dậy sớm, đi vào xóm làng hẻo lánh để khất thực, dân chúng trông thấy đều cùng hoan hỷ. Dân chúng liền nói: "Lành thay! Vị ấy đã bỏ tất cả sự ràng buộc của tật bệnh, phù thũng, ghẻ lở, đi vào chốn vắng vẻ, ngồi suy tư về đạo".

Phật dạy:

–Nhưng những bọn người ấy chỉ làm việc ác, bất thiện, vì vậy gọi là Bà-la-môn. Lúc ấy những người đó không ngồi thiền suy tư về đạo, cũng chẳng thể đắc thiền. Vì chẳng thể ngồi thiền, đắc thiền, nên rời chỗ

ngồi đứng dậy đi vào trong xóm làng khất thực, cầu đảo. Họ không thể ngồi thiền, cũng chẳng thể đắc thiền, cùng người tà hạnh vào nơi xóm làng hẻo lánh khất thực, cho nên gọi là "tụ", vì làm hạnh tà cho nên gọi là "hòa sa-la". Do vậy thế gian bắt đầu phát sinh chủng tộc Bà-la-môn. Khi ấy dân chúng đều phụng hành các pháp. Do vậy thế gian có chủng tộc Công sư. Khi ấy con người đều phạm tội sát sanh, nên gọi là chủng tộc Sát sanh. Do nhân duyên ấy, thế gian bắt đầu có sự sát sanh. Vì thế gian đã phát sanh bốn chủng tộc ấy, nên sau đó thế gian mới phát sanh chủng tộc thứ năm là Sa-môn. Nếu chủng tộc Sát-lợi, thân làm việc ác, miệng nói việc ác, tâm nghĩ việc ác, sau khi làm việc ác ấy thì thân chết đọa vào trong cảnh khổ đau vất vả. Các chủng tộc Bà-la-môn, Công sư và Sát sanh cũng như vậy. Nếu thân làm việc ác, miệng nói việc ác, tâm nghĩ việc ác thì thân chết đọa vào cảnh khổ đau vất vả. Chủng tộc Sát-lợi, nếu thân làm việc thiện, miệng nói việc thiện, tâm nghĩ việc thiện thì thân chết lại được sanh vào chốn an lạc. Các chủng tộc Bà-la-môn, Công sư, Sát sanh, thân họ làm việc thiện, miệng nói việc thiện, tâm nghĩ việc thiện thì thân chết sanh vào chốn an lạc. Chủng tộc Sát-lợi, chủng tộc Bà-la-môn, chủng tộc Công sư, chủng tộc Sát sanh nếu thân làm việc thiện, khẩu, ý hai việc thì khi chết thân rơi vào cảnh vừa khổ vừa vui.

Nếu có người trong chủng tộc Sát-lợi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tin đạo, bỏ nhà làm Sa-môn phụng hành ba mươi bảy phẩm kinh. Khi phụng hành như vậy rồi, thiện nam, thiện nữ, vì tin đạo nên bỏ nhà tu hạnh Sa-môn, làm việc thanh tịnh vô thượng, nên không bao lâu, trong hiện tại, nhờ công đức mà tự thành đạo, vượt khỏi sanh tử, đầy đủ phạm hạnh, việc làm đã xong, chẳng còn việc gì khác nữa.

Nếu có người trong các chủng tộc Bà-la-môn, Công sư, Sát sanh cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tu hạnh Sa-môn, phụng hành ba mươi bảy phẩm kinh; do vì lòng tin của thiện nam tử, bỏ nhà làm hạnh Sa-môn, tu hành việc thanh tịnh vô thượng, thì chẳng bao lâu trong hiện tại, nhờ công đức mà tự thành đạo, vượt khỏi sanh tử, đầy đủ phạm hạnh, việc làm đã xong, chẳng còn việc gì khác nữa.

Bốn chủng tộc ấy, có người phát khởi hạnh hoàn thành trí tuệ được tôn xưng là bậc A-la-hán dứt hết mọi vướng chấp ràng buộc.

Bấy giờ trời Phạm-ma-tam-bát nói kệ:

Dòng Sát-lợi, người tôn quý
Các chủng tánh trong muôn dân
Do lòng tin thành tuệ hạnh

Bậc tôn quý của trời, người.

Vị trời Phạm-ma-tam-bát ấy thọ trì kệ này, không thọ trì điều ác, nói việc lành, chẳng nói lời ác.

Phật dạy:

–Để khuyến trợ điều đó, Ta, Như Lai, Vô Sở, Trước Đẳng Chánh Giác, cũng nói kệ nghĩa như vậy:

Các hàng chủng tánh trong dân
Dòng Sát-lợi, người tôn quý
Do lòng tin thành tuệ hạnh
Bậc tôn quý của trời, người.

Khi Phật nói kinh này xong, tám vạn bốn ngàn vị trời, người xa lìa mọi phiền não cấu nhiễm, đối các pháp sanh pháp nhãn, vô số Tỳ-kheo khởi chứng vô dư, không bị sanh tử, ý được giải thoát.

Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo hoan hỷ đến trước Phật, đảnh lễ, lui ra.

❑

* Chú ý:

Từ đây xuống sâu dưới đất hai mươi ức vạn dặm, lại có vị đất; xuống hai mươi ức vạn dặm nữa lại có lúa vàng; xuống hai mươi ức vạn dặm nữa, lại có thiếc cứng; xuống hai mươi ức vạn dặm nữa, lại có nước; xuống tám mươi ức vạn dặm nữa, lại có gió; xuống năm trăm hai mươi ức vạn dặm nữa, lại có thiên hạ khác (cõi khác) ở phương dưới. Từ cõi nhân gian này lên đến Phạm thiên cũng năm trăm hai mươi ức vạn dặm.

Hỏi:

–Do đâu mà nói đích xác là kiếp kiếp?

Đáp:

–Danh tự kiếp là thời kỳ tai biến về hoại diệt. Nhân duyên có bốn thời kỳ:

Một là tồn tại lâu thì đất tận diệt, lửa lại sanh khởi; hai là lâu quá thì lửa tận diệt, nước lại sanh khởi; ba là lâu quá thì nước tận diệt, gió lại nổi lên từ từ sanh khởi, về sau, trời đất hình thành.

Từ thành đến hoại diệt như vòng tròn không đầu mối, cho nên gọi là kiếp. Đất trời vận hành rất lâu, đến lúc tận diệt, tất cả người mà tội hết rồi, đều sanh lên trên cõi trời Phạm, gần gũi với vị trời ấy. Khi đó, người có tội mà chưa hết, lại sanh vào cõi Phật khác. Trong đường ác ở cõi đời, kiếp sở dĩ có sự sanh khởi và tận diệt, có hiện tượng vô thường, tan rã, vì việc ấy cũng là lẽ đương nhiên. Nếu chết là sự sanh khởi hết thì không biết khổ, đã không biết khổ thì cũng không biết cầu đạo. Vì sao? Vì khi diệt tận thì lửa sanh khởi. Vì sao? Vì lửa diệt tận thì nước sanh khởi. Vì sao? Vì nước diệt tận thì gió sanh khởi. Vì sao? Vì gió diệt tận thì đất sanh khởi.

SỐ 24

KINH KHỞI THẾ

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng
Xà-na-quật-đa, người Thiên Trúc.

QUYỂN I

Phẩm 1: CHÂU DIÊM-PHÙ

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà, ở thạch thất Ca-lợi-la tại thành Xá-bà-đề. Lúc ấy, các Tỳ-kheo, sau khi thọ trai, tập hợp tại giảng đường. Mọi người đồng ngồi, suy nghĩ và cùng bàn luận:

–Các Trưởng lão, thật chưa từng có! Nay, thế gian này, quốc độ, đất trời, chỗ ở của chúng sanh, thành lập như thế nào? Tan hoại như thế nào? Tan hoại rồi lại thành lập như thế nào? Thành lập rồi lại an trụ như thế nào?

Bấy giờ Đức Thế Tôn, một mình ở tại tịnh thất, do thiên nhĩ nghe pháp thanh tịnh hơn người, nghe các Tỳ-kheo sau khi thọ trai tập hợp tại giảng đường, cùng bàn luận chuyện hi hữu như vậy. Nghe xong, Thế Tôn sau buổi trưa xuất thiền, từ thạch thất đứng dậy, đi lên giảng đường, ở trước đại chúng Tỳ-kheo, theo lệ thường, trải tòa, ngồi thẳng tự nhiên. Đức Thế Tôn tuy biết nhưng vẫn hỏi:

–Các vị Tỳ-kheo, tập hợp tại đây để bàn luận chuyện gì?

Khi ấy các vị Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con, sau khi thọ trai, cùng nhau tập hợp tại giảng đường này, bàn luận, nêu lên vấn đề: "Các Trưởng lão, thật chưa từng có! Thế gian thành lập như thế nào? Thế gian tan hoại như thế nào? Thế gian tan hoại rồi lại thành lập như thế nào? Thế gian thành lập rồi lại an trụ như thế nào?" Bạch Đại Đức Thế Tôn, chúng con tập hợp đến đây, ngồi bàn luận việc như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hay thay! Tỳ-kheo các vị mới có khả năng tin và làm theo những

điều đúng pháp như vậy. Các thiện nam tử, các vị vì lòng tin mà bỏ nhà xuất gia. Nếu các vị thường cùng nhau tập hợp một chỗ, bàn luận những điều đúng pháp như vậy, thì đó là việc chẳng thể nghĩ bàn. Tỳ-kheo các vị, nếu khi tập hợp ngồi lại, thì nên tu hai Pháp hành này, mỗi người vì sự nghiệp của mình, chẳng sanh lười biếng kiêu mạn, đó là bàn luận pháp nghĩa và im lặng như bậc Thánh. Nếu có thể làm được điều đó, thì các vị nên nghe Như Lai nói về ý nghĩa và sự thành lập thế gian, sự tan hoại của thế gian, sự tan hoại rồi và thành lập lại của thế gian, thành lập rồi được an trụ như thế nào.

Các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay đã đúng lúc. Nếu Phật Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói nghĩa này, thì Tỳ-kheo chúng con sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ như vậy mà phụng trì.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, và suy nghĩ cho kỹ! Ta sẽ vì các vị lần lượt giảng nói.

Các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con rất muốn được nghe.

Phật dạy:

–Tỳ-kheo, như chỗ vận hành của một mặt trời mặt trăng, chiếu sáng bốn cõi thiên hạ, cũng giống như vậy, bốn cõi thế giới, có ngàn chỗ mặt trời, mặt trăng chiếu đến, thì đấy gọi là một ngàn thế giới. Chư Tỳ-kheo, trong ngàn thế giới, có ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, bốn ngàn châu nhỏ, bốn ngàn châu lớn, bốn ngàn biển nhỏ, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn giống loại rồng, bốn ngàn dòng giống rồng lớn, bốn ngàn giống loại Kim sí điểu (chim cánh vàng), bốn ngàn giống loại Kim sí điểu lớn, bốn ngàn giống loại ở chỗ cõi ác, bốn ngàn giống loại ở chỗ cõi ác lớn, bốn ngàn tiểu vương, bốn ngàn đại vương, bảy ngàn loại cây lớn, tám ngàn loại núi lớn, mười ngàn loại địa ngục lớn, ngàn vua Diêm-ma, ngàn châu Diêm-phù, ngàn Cù-đà-ni, ngàn Phất-bà-đề, ngàn Uất-đơn-việt, ngàn trời Tứ thiên vương, ngàn trời Tam thập tam, ngàn trời Dạ-ma, ngàn trời Đâu-suất-đà, ngàn trời Hóa lạc, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn trời Ma-la, ngàn trời Phạm thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong cõi Phạm thế, có một Phạm vương, oai lực rất mạnh, không ai có thể hàng phục, thống lãnh cả ngàn Phạm tự tại vương, nói: "Ta có khả năng tạo tác, có khả năng biến hóa. Ta như cha trong các sự việc". Vị ấy nói lên lời tự kiêu, tự đại như vậy rồi, liền sanh

ngã mạn. Như Lai chẳng vậy. Vì sao vậy? Vì tất cả thế gian, mỗi cái tùy theo nghiệp lực mà hiện khởi và thành lập.

Chư Tỳ-kheo, ngàn thế giới này, giống như lưới phủ, gọi là tiểu thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, một ngàn thế giới phủ vây như lưới, đó là bậc thứ hai trung thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, như trung thiên thế giới bậc hai này hợp làm một đầy khắp đủ một ngàn cõi thì gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, Tam thiên đại thiên thế giới đồng thời thành lập; đồng thời thành lập rồi, thì lại tan hoại; đồng thời tan hoại rồi thì lại thành lập; đồng thời thành lập trở lại rồi, thì được an trụ. Thế giới như vậy bị thiêu đốt hết rồi, gọi là tan hoại. Tất cả sinh khởi lại, gọi là thành lập. Tất cả ổn định rồi gọi là an trụ. Đó là nơi ở của chúng sanh của một cõi Phật vô úy.

Chư Tỳ-kheo, đại địa này đây dày bốn mươi tám vạn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Như vậy đại địa, trụ ở trên nước; nước trụ trên gió; gió nương hư không. Chư Tỳ-kheo, phía dưới đại địa này, có lớp nước, dày sáu mươi vạn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Phía dưới lớp nước ấy, có lớp gió, dày ba mươi sáu vạn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Chư Tỳ-kheo, nước biển lớn ấy sâu vô cùng, sâu đến tám vạn bốn ngàn do-tuần, chung quanh rộng vô cùng. Như vậy đại địa trụ ở trên nước; nước trụ trên gió; gió nương hư không. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di, phần dưới chìm trong nước biển tám vạn bốn ngàn do-tuần, phần trên nhô lên khỏi mặt nước biển cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Núi chúa Tu-di, phần đáy bằng phẳng, phần dưới bám chặt trên bánh xe vàng lớn. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di ở trong biển lớn, dưới hẹp, bên trên càng lên càng rộng ra, ngay thẳng chẳng cong, thân lớn kiên cố, đẹp đẽ lạ thường, rất thích ngắm nhìn, bốn báu hiệp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Trên núi Tu-di, có sanh các loại cây; cây ấy sum suê tươi tốt, tỏa ra các mùi thơm, mùi thơm xông khắp cùng các núi, là chỗ dừng chân của nhiều chúng Thánh hiền, oai đức rất lớn, thiên thần thù thắng tuyệt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di, phần trên có đỉnh, đỉnh nhô ra bốn phía uốn cong cách mặt biển, mỗi cái cao bảy trăm do-tuần, đẹp đẽ khả ái, do bảy báu hiệp thành, đó là nơi trang trí vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, xa cừ, mã não.

Chư Tỳ-kheo, phần dưới núi Tu-di, riêng có ba bậc, nơi ở của chư thần. Bậc cuối cùng cao rộng bằng phẳng sáu mươi do-tuần, có bảy lớp tường nhà, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; lại có bảy lớp cây Đa-la, bao bọc chung quanh, ngay ngắn ưa nhìn. Cây ấy đều do bảy báu tạo

thành: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Mỗi bức tường đều có bốn cửa, ở mỗi cửa, có các bờ lũy, nhà gác, đường đi; đối diện có lầu, chòi, đài, cung điện, phòng, hành lang, vườn, ao tắm, đầy đủ trang nghiêm. Trong mỗi ao, đều sanh hoa đẹp, phảng phất các mùi hương. có các rừng cây, các thứ thân, lá, các thứ hoa quả đều đầy đủ, cũng tỏa ra các thứ mùi thơm tuyệt diệu. Lại có các thứ chim hót lên âm thanh vi diệu, âm thanh hòa quyện vào nhau, hòa nhã thánh thót.

Bậc thứ hai của núi, cao rộng bằng phẳng bốn mươi do-tuần; có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, hàng cây Đa-la cũng có bảy lớp, bao bọc chung quanh đều đặn bằng phẳng, ngay ngắn khả ái; cũng được trang trí bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não; các loại cửa, nhà, lầu, gác, đài, điện, vườn, ao, cây, quả, chim chóc đều đầy đủ trang nghiêm.

Bậc cao nhất của núi, cao rộng bằng phẳng hai mươi do-tuần; bảy lớp tường cho đến các loài chim, hót lên các âm thanh vi diệu, không thiếu thứ gì.

Chư Tỳ-kheo, trong bậc dưới có vị Dạ-xoa, tên là Bác Thủ ở. Trong bậc hai, có vị Dạ-xoa tên là Trì Man ở. Trong bậc cao, có vị Dạ-xoa tên là Thường Túy ở.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng núi Tu-di, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, có cung điện của Tứ đại thiên vương. Phần trên núi Tu-di, có cung điện của trời Tam thập tam là chỗ ở của trời Đế-thích. Trên cõi trời Tam thập tam một tầng, có cung điện của chư Thiên Dạ-ma. Trên cõi trời Dạ-ma một tầng, có cung điện của trời Đâu-suất-đà. Trên trời Đâu-suất một tầng, có cung điện của chư Thiên Hóa lạc. Trên trời Hóa lạc một tầng, có cung điện của chư Thiên Tha hóa tự tại. Trên trời Tha hóa một tầng, có cung điện của chư Thiên Phạm thiên. Trên trời Tha hóa, dưới trời Phạm thiên, ở khoảng giữa có cung điện của chư Thiên Ma-la Ba-tuần. Trên trời Phạm thiên lại có trời Quang âm; trên trời Quang âm lại có trời Biến tịnh; trên trời Biến tịnh, lại có trời Quảng quả; trên trời Quảng quả lại có trời Bất thô; trên trời Quảng quả dưới trời Bất thô, khoảng giữa có chỗ của cung điện chư Thiên tên là Vô tưởng chúng sanh. Trên trời Bất thô, có trời Bất não; trên trời Bất não, có trời Thiện kiến; trên trời Thiện kiến có trời Thiện hiện, có cung điện của A-ca-ni-trá.

Chư Tỳ-kheo, từ A-ca-ni-trá trở lên, lại có chư Thiên tên là Vô biên không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, các nơi này đều là tên gọi chỗ ở của chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, xứ sở như vậy, ranh giới như vậy, các chúng sanh cư trú trên đó. Các chúng sanh ấy, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt, ở trong giới hạn đó, trong thế giới đó. Có các chúng sanh, có sanh, già, chết, đọa vào và sống trong đường sanh hóa như vậy, đến bây giờ chẳng ra khỏi, đó gọi là thế giới Ta-bà, cõi Vô úy. Tất cả các thế giới khác trong mười phương cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc núi chúa Tu-di, có châu tên là Uất-đơn-việt. Cõi ấy dài rộng mười ngàn do-tuần, bốn phía bằng phẳng. Mặt người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông núi chúa Tu-di, có châu tên là Phất-bà-đề. Cõi ấy dài rộng chín ngàn do-tuần, tròn như trăng đầy. Mặt người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây núi chúa Tu-di, có châu tên là Cù-đà-ni. Cõi ấy rộng dài tám ngàn do-tuần, hình như bán nguyệt. Mặt người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi chúa Tu-di, có châu tên là Diêm-phù-đề. Cõi ấy rộng dài bảy ngàn do-tuần. Bắc rộng, Nam hẹp, như xe của Bà-la-môn. Mặt người trong cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc núi chúa Tu-di, do vàng trời tạo thành, chiếu sáng châu Uất-đơn-việt; phía Đông do bạc trời tạo thành, chiếu sáng châu Phất-bà-đề; phía Tây do pha lê trời tạo thành, chiếu sáng châu Cù-đà-ni; phía Nam do lưu ly trời màu xanh tạo thành, chiếu sáng châu Diêm-phù-đề.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, có một đại thọ tên là Am-ba-la, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu dưới đất hai mươi mốt do-tuần, cao trăm do-tuần, cành lá phủ che năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Phất-bà-đề, có một đại thọ tên là Ca-đàm-bà, thân to cũng bảy do-tuần, ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá phủ che năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Cù-đà-ni có một đại thọ tên là Chấn-đầu-ca, thân to cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Ở gốc cây ấy, có một con trâu đá, cao một do-tuần. Do nhân duyên này nên gọi là Cù-đà-ni.

Chư Tỳ-kheo, châu Diêm-phù ấy có một đại thọ tên là Diêm-phù, thân to cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Ở gốc cây đó, có một đống vàng Diêm-phù-na-đàn, cao hai mươi do-tuần. Vì vàng tốt này xuất hiện nơi cây Diêm-phù, nên gọi là Diêm-phù-na-đàn,

và do đó có tên là vàng Diêm-phù-na-đàn.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của loài Kim sí điểu, có một đại thọ tên là Câu-tra-dư-ma-lợi, thân lớn cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của A-tu-la, có một đại thọ tên là Thiện trú hoa, thân lớn cũng bảy do-tuần, cho đến cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, cõi trời Tam thập tam có một đại thọ tên là Thiên du, thân lớn cũng bảy do-tuần, ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, dưới núi Tu-di, kế đến có núi tên là Khư-đề-la, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, ngay ngắn, khả ái, do bảy báu hợp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai núi Tu-di và núi Khư-đề-la, rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao bọc do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la, có núi tên là Y-sa-đà-la, cao hai vạn một ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, hùng vĩ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Khoảng giữa hai núi Khư-đề-la và Y-sa-đà-la, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần; bao bọc do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Y-sa-đà-la, có núi tên là Du-càn-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, hùng vĩ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Khoảng giữa hai núi Y-sa-đà-la và Du-càn-đà-la, rộng hai vạn một ngàn do-tuần, bao bọc do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Du-càn-đà, có núi tên là Thiện kiến, cao sáu ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Khoảng cách giữa núi Du-càn-đà-la và Thiện kiến là một vạn hai ngàn do-tuần, có vô lượng các loài hoa bao bọc chung quanh: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Thiện kiến, có núi tên là Mã bán đầu, cao ba ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* do mã não... bảy báu tạo thành. Núi Thiện kiến cùng với núi Mã bán đầu, khoảng cách giữa hai

núi, rộng sáu ngàn do-tuần, bao bọc chung quanh do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, là các loại hoa có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Mã bán đầu, có núi tên là Ni-dân-đà-la, cao một ngàn hai trăm do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Núi Mã bán đầu, cùng với núi Ni-dân-đà-la, khoảng cách giữa hai núi, rộng hai ngàn bốn trăm do-tuần, bao bọc chung quanh do vô lượng các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., là các thứ có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Ni-dân-đà-la, có núi tên là Tỳ-na-da-ca, cao sáu trăm do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Núi Di-dân-đà-la và núi Tỳ-na-da-ca, khoảng cách giữa hai núi, rộng một ngàn hai trăm do-tuần, bao bọc chung quanh do các thứ hoa vô lượng nhiều màu..., cho đến các loại hoa có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước.

Ngoài núi Tỳ-na-da-ca, có núi tên là Chước-ca-la, cao ba trăm do-tuần, trên rộng cũng vậy, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* do mã não..., bảy báu tạo thành. Khoảng cách giữa núi Tỳ-na-da-ca và Chước-ca-la, rộng sáu trăm do-tuần, bao bọc chung quanh do vô lượng hoa, có bốn loại, nhiều màu sắc... cho đến các loại hoa có mùi thơm vi diệu, lan tỏa khắp mặt nước. Cách núi Chước-ca-la, một khoảng không xa là biển lớn, khoảng đất trống ở giữa, có cỏ xanh phủ khắp. Ở phía Bắc biển lớn, có Thọ vương tên là Diêm-phù, thân to bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, cao trăm do-tuần..., cho đến cành lá, che phủ bốn phía năm mươi do-tuần, bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ khắp. Kế đến có rừng cây Am-ba-la, rừng cây Diêm-phù, rừng cây Đa-la, rừng cây Na-đa, mỗi rừng cây ngang rộng năm mươi do-tuần. Giữa các rừng cây, có khoảng đất trống, sanh các loại cỏ xanh. Kế đến có rừng cây tên là Nam, rừng cây tên là Nữ, rừng San-đà-na, rừng Chơn-đà-na, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có khoảng đất trống, cỏ xanh rậm rạp. Kế đến có rừng quả A-lê-lặc, rừng quả Tỳ-hê-lặc, rừng quả A-ma-lặc, rừng quả Am-ba-la-đa-ca; mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh rậm rạp. Kế đến có rừng cây Khả-thù-la, rừng quả Tỳ-la, rừng quả Bà-na-bà, rừng quả Thạch lựu; mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng cây Điều bột, rừng cây Nại, rừng cây Cam giá, rừng

Trúc nhỏ, rừng Trúc lớn, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng Lau, rừng Sậy, rừng Cát-la, rừng Cát-la lớn, rừng Ca-sa-văn đà, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng hoa A-đề-mục-đa-ca, rừng hoa Chiêm-ba, rừng hoa Ba-tra-la, rừng hoa Tường vi, mỗi khu rừng cũng rộng năm mươi do-tuần; bên cạnh có vùng đất trống, cỏ xanh phủ khắp. Lại có các ao, trong các ao lại có hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca... phủ đầy. Lại có các ao, đầy ắp rắn độc; mỗi ao cũng rộng năm mươi do-tuần. Khoảng giữa các ao, có vùng đất trống, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có biển tên là Điều-thiền-na-ca, rộng mười hai do-tuần, nước biển trong, mát, vị rất ngon ngọt, êm ả, trong vắt, có bảy lớp bờ lũy, nối liền bằng bảy báu, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, trang nghiêm đẹp đẽ; dùng mã não..., bảy báu trang trí; bốn mặt chung quanh có các bậc thềm, đường đi, đẹp đẽ, cũng dùng vàng, bạc lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... tạo thành. Lại có vô lượng hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, che phủ mặt nước. Hoa nào màu lửa, thì hiện ánh sáng lửa; hoa nào màu vàng ròng, thì hiện ánh sáng vàng ròng; hoa nào màu xanh thì hiện ánh sáng xanh; hoa nào màu đỏ thì hiện ánh sáng đỏ; hoa nào màu trắng thì hiện ánh sáng trắng; hoa nào màu Ba-vô-đà thì hiện ánh sáng Ba-vô-đà; hoa như bánh xe, cọng như trục bánh xe; cọng tiết ra nhựa, sắc trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong biển Điều-thiền-na-ca, có đường đi của Chuyển luân thánh vương, rộng mười hai do-tuần. Trong cõi Diêm-phù, khi Chuyển luân thánh vương ra đời, thì trong biển, con đường này tự nhiên hiện lên, ngang bằng với mặt nước.

Chư Tỳ-kheo, kế biển Ô-thiền-na-ca, có núi tên là Ô-thừa-già-la. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thừa-già-la ấy trang nghiêm ngay thẳng, đẹp đẽ khả quan; tất cả cây, tất cả lá, tất cả hoa, tất cả quả, tất cả hương, các loài cỏ, các loài chim thú, xuất hiện trong thế gian đều ở trong núi ấy, không thiếu thứ gì. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thừa-già-la hùng vĩ, đẹp đẽ khả quan như vậy, các vị nên biết rõ điều đó.

Chư Tỳ-kheo, kế đến, lại có núi tên là Kim hiệp. Ở trong núi đó, có tám vạn cái hang, có tám vạn long tượng cư trú, thân màu trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chống đất, đều có thần thông, nương trên không mà đi; đầu có màu đỏ giống như loài trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca; sáu ngà đầy

đủ. Ngà nó nhọn hoắt, màu như vàng ròng.

Chư Tỳ-kheo, qua khỏi núi Kim hiệp, liền có núi Tuyết, cao năm trăm do-tuần, rộng, dày cũng vậy. Núi ấy đẹp đẽ, do bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Bốn mặt của núi đó, có bốn ngọn bằng vàng, đỉnh nhô ra ngoài núi, mỗi cái cao hai mươi do-tuần. Lại có ngọn cao, các thứ báu xen nhau, cao vượt hẳn lên một trăm do-tuần. Trên đỉnh núi, có ao tên là A-nậu-đạt-đa. Ao ấy rộng dài năm mươi do-tuần. Nước ao mát lạnh, mùi vị ngon ngọt, trong trẻo chẳng đục; bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông bao bọc chung quanh, ngay thẳng đẹp đẽ, *cho đến*... mã não..., bảy báu tạo thành. Lại có các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca; hoa ấy có nhiều màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe, dưới có củ, rễ lớn như trục xe, nhựa trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong ao A-nậu-đạt-đa đó, có cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa. Điện này có năm trụ, đẹp đẽ khả ái. Long vương A-nậu-đạt-đa cùng với quyến thuộc vui chơi trong đó, hưởng năm dục của trời, vui thích tự tại.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao A-nậu-đạt-đa, có sông Hằng-già, từ miệng voi phát ra, cùng với năm trăm sông đều chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt-đa, có sông Tân-đầu, từ miệng trâu phát ra, cùng với năm trăm sông đều chảy vào biển Nam. Phía Tây ao A-nậu-đạt-đa, có sông Bạt-xoa, từ miệng ngựa phát ra, cùng với năm trăm sông, đều chảy vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu-đạt-đa, có sông Tư-đà, từ miệng sư tử phát ra, cùng với năm trăm sông, đều chảy vào biển Bắc.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì, mà Long vương này gọi là A-nậu-đạt-đa?

Chư Tỳ-kheo, có ba nhân duyên. Những gì là ba? Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, có chỗ ở của các rồng, chỉ trừ Long vương A-nậu-đạt, còn các rồng khác khi hưởng mọi sự vui thích, thân liền nóng bức. Lúc bấy giờ các rồng liền mất thiên hình, hiện ra hình rắn, các rồng luôn luôn chịu các khổ này. Long vương A-nậu-đạt-đa, không có việc như vậy. Đó là nhân duyên thứ nhất.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, trừ Long vương A-nậu-đạt, còn các rồng khác, khi vui chơi hưởng mọi sự thích thú, có gió nóng thổi đến, thổi lên thân thể, liền mất thiên hình, hiện ra hình rắn, chịu khổ như vậy. Đó là nhân duyên thứ hai.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù có các rồng, khi vui chơi hưởng

mọi sự thích thú, Kim sí điểu vương bay vào cung; các rồng thấy Kim sí điểu vương thì tâm sanh sợ hãi; vì sợ hãi nên liền mất thiên hình, hiện ra hình rắn, đều chịu các khổ. Long vương A-nậu-đạt không có việc như vậy. Nếu Kim sí điểu vương sanh tâm thế này: "Ta nay muốn vào trong cung của Long vương A-nậu-đạt-đa", thì Kim sí điểu kia bị quả báo bại liệt, liền tự chịu khổ, vĩnh viễn chẳng thể vào được cung điện của Long vương A-nậu-đạt. Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ ba. Vì vậy gọi là A-nậu-đạt-đa.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi Tuyết không xa, có thành tên là Tỳ-xá-ly. Phía Bắc Tỳ-xá-ly, có bảy núi đen. Phía Bắc bảy núi đen, có núi Hương; ở trong núi Hương có vô lượng vô biên Khẩn-na-la ở, thường có tiếng ca vũ, âm nhạc. Núi ấy có nhiều các giống cây. Cây ấy đều tỏa ra các thứ hương xông, là chỗ ở của vị thần đại công đức.

Chư Tỳ-kheo, trong núi Hương ấy, có hai hang báu: một là Tạp sắc, hai là Thiện tạp sắc, đẹp đẽ khả ái..., *cho đến* đều dùng mã não..., bảy báu tạo thành. Mỗi hang đều rộng, dài năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, có một Càn-thát-bà vương tên là Vô Tỷ Dụ, cùng với năm trăm Khẩn-na-la nữ, ở trong hai hang Tạp sắc và Thiện tạp sắc, cùng hưởng ngũ dục, đi, đứng, nằm, ngồi, vui chơi thỏa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của hai hang, có Thọ vương Đại-bà-la tên là Thiện trụ, riêng có tám rừng cây Bà-la, bao bọc chung quanh. Trong rừng Thiện trụ ấy, có một Long tượng cũng tên là Thiện trụ, dạo, chơi, dừng nghỉ trong đó, lông trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất, bay lên không mà đi; xương đầu nhô lên như con trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca; đầu nó màu đỏ, đầy đủ sáu ngà, ngà nhọn hoắt, như mạ cát vàng.

Lại có tám ngàn vị Long tượng khác, đều là quyến thuộc, lông chúng đều trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất, *cho đến*... ngà chúng đều mạ vàng.

Phía Bắc rừng Ba-la thiện trụ, vì Đại long tượng vương Thiện trụ mà xuất hiện một cái ao, tên là Mạn-đà-cát-ni, dài rộng bằng phẳng, năm mươi do-tuần; nước ao mát lạnh, ngon ngọt trong trẻo, không có các uế trược, *cho đến*..., rễ, củ lớn như trục xe; cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, bên cạnh ao Mạn-đà-cát-ni, lại có tám ngàn ao bao bọc, bốn mặt vây quanh. Mỗi ao đều giống như ao Mạn-đà-cát-ni, không khác.

Chư Tỳ-kheo, Long tượng vương Thiện trụ ấy khi khởi ý muốn vào ao Mạn-đà-cát-ni để chơi, liền nghĩ đến tám ngàn vị Long tượng quyến thuộc. Khi ấy tám ngàn vị Long tượng, cũng khởi tâm thế này: "Tượng vương Thiện trụ đã nghĩ đến chúng ta, nay chúng ta nên đến chỗ của Thiện trụ vương". Các Long tượng đến rồi, đều dừng lại, và đứng cúi đầu trước Long tượng vương Thiện trụ.

Bấy giờ Đại long tượng vương Thiện trụ, biết các Long tượng đã tập hợp, liền dẫn đi đến ao Mạn-đà-cát-ni. Tám ngàn long tượng sau, trước vây quanh, thứ lớp mà đi. Tượng vương Thiện trụ đi ung dung, trong lúc các Long tượng, có con cầm lọng trắng che đầu, có con dùng vòi cầm quạt Ma-ni trắng quạt lưng; có các nhạc thần, nhảy múa hát xướng, đi trước dẫn đầu.

Đại long tượng vương Thiện trụ đến rồi, liền vào ao Mạn-đà-cát-ni, lặn hụp tắm gội, vui chơi giải trí, tùy theo ý thích, hưởng mọi sự thích thú. Trong đám Long tượng, có con rửa vòi, có con chà ngà, có con ngoáy tai, có con gội đầu, có con kỳ lưng, có con chà hông, có con rửa đùi, có con rửa chân, có con rửa đuôi, có con nhổ gốc sen, rửa sạch đưa vào miệng, có con nhổ hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca... kết lên đầu tượng vương Thiện trụ.

Khi ấy Đại long tượng vương Thiện trụ ở trong ao Mạn-đà-cát-ni, tắm rửa tùy thích, giỡn chơi vui vẻ, tự tại an lạc, ăn các củ sen do các long tượng dâng hiến; trên đầu trang sức các thứ hoa Ưu-bát-la... và các thứ hoa khác; tắm rửa xong rồi, tự ao ấy ra, lên đứng trên bờ. Tám ngàn long tượng, sau đó phân tán vào trong tám ngàn ao, tùy ý tắm rửa, giỡn chơi tự tại; hưởng mọi sự thích thú rồi, đều ăn củ sen; ăn xong cũng dùng hoa Ưu-bát-la và các thứ hoa khác kết lên đầu để tự trang nghiêm; rồi cùng nhau tập hợp đến chỗ Thiện trụ vương, vây quanh bốn phía, cung kính dừng lại.

Lúc ấy Đại tượng vương Thiện trụ cùng tám ngàn Long tượng kia, sau trước dẫn đi, trở về nơi rừng cây Ba-la thiện trụ. Khi tượng vương đi, các long tượng, hoặc cầm lọng trắng, hoặc cầm quạt trắng đi theo, như trước. Các thần trỗi nhạc, dẫn đường cũng như vậy.

Đại long tượng vương Thiện trụ đến rừng cây lớn Ba-la thiện trụ rồi, ở dưới cây Thọ vương, tùy ý nằm, đứng, hưởng mọi an lạc. Tám ngàn long tượng, cũng đều đi đến tám ngàn cây của chúng, đi, đứng, nằm, tự tại an lạc. Ở trong rừng ấy, hoặc có cây Ba-la, vòng gốc của nó lớn sáu tầm, hoặc có cây Ba-la, vòng gốc của nó lớn bảy tầm, tám tầm, chín tầm,

mười tầm; có cây Ba-la, vòng gốc của nó lớn mười hai tầm, chỉ có cây Thọ vương Ba-la thiện trụ, vòng gốc của nó lớn mười sáu tầm. Trong rừng tám ngàn cây Ba-la ấy, nếu có lá úa vàng rụng xuống, thì liền có gió thổi bay ra ngoài, làm sạch rừng ấy. Tám ngàn long tượng, nếu có bài tiết vật ô uế, thì có các Dạ-xoa, quét dọn mang đổ.

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù-đề, khi có Chuyển luân thánh vương ra đời, trong tám ngàn long tượng, có một con nhỏ nhất, sáng sớm mỗi ngày, đều đến trước Chuyển luân vương hầu hạ phụng sự, luyện tập thuần thục voi báu. Nhân đó được gọi là Đại long tượng vương Thiện trụ. Mỗi ngày rằm, vào lúc sáng sớm, đi đến chỗ trời Đế-thích, đứng ở phía trước, nhận sự sai bảo.

Chư Tỳ-kheo, Tượng vương Thiện trụ có thần thông, có oai đức như vậy, nên tự sanh vào loài voi nhưng là voi chúa mới có sức đại oai thần như thế. Các Tỳ-kheo, nên biết như vậy.

-oOo-

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐƠN-VIỆT 1

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt có vô lượng núi. Trong các núi, có các loại cây sum suê tươi tốt, tỏa ra các mùi hương; hương xông khắp nơi trong châu. Núi sanh các loại cỏ đều có màu xanh biếc, xoay về bên phải như lông Khổng tước, hương thơm giống như Bà-sư-ca, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, dài bốn ngón tay, chân giẫm lên thì nó nằm rạp xuống, dỡ chân lên thì trở lại như cũ. Núi ấy, đặc biệt có cây trái nhiều màu; cây có thân, lá, hoa, quả, tỏa ra các thứ mùi thơm, xông khắp; có các loài chim loài nào cũng hót, âm thanh hòa nhã, vi diệu. Trong các núi ấy, có các dòng sông, rẽ thành trăm nhánh, xuôi dòng chảy xuống từ từ êm ả, chẳng chậm, chẳng nhanh, không có sóng gợn. Ở bờ sông chẳng sâu; chẳng cạn, bằng phẳng, dễ lội. Nước sông trong vắt, các thứ hoa phủ ở trên, rộng nửa do-tuần, nước chảy đầy khắp. Hai bên bờ các dòng sông, có các khu rừng mọc dọc theo, cành lá rậm rạp; có các loại hoa thơm, các thứ quả, quả xanh phủ khắp; các loài chim cùng nhau ca hót. Lại ở các bờ sông ấy, có các thuyền đẹp, trang trí bằng đủ màu sắc, đẹp đẽ khả ái, toàn là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, đất đai bằng phẳng, không có các loại gai gốc, rừng rậm, hầm hố, nhà xí, phân uế bất tịnh, sỏi đá, ngói gạch,

mà toàn bằng vàng bạc; thời tiết điều hòa, không lạnh, không nóng; đất thường nhuận ướt, cỏ cây phủ khắp. Các rừng cây, lá cành luôn tươi tốt, hoa quả đầy cành.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, lại có rừng cây tên là An trụ. Cây cao sáu câu-lô-xá, lá dày chồng chất, thứ lớp nối nhau như tranh lợp nhà, giọt mưa không lọt. Người ở cõi ấy, cư trú dưới tàng cây. có các cây Hương cũng cao sáu câu-lô-xá, hoặc có cây cao năm câu-lô-xá, có cây cao bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây thấp nhất cao nữa câu-lô-xá, tất cả đều có cành, lá hoa, quả. Các cây ấy, tùy theo ý muốn (của người) phát ra các thứ mùi thơm. Lại có cây Kiếp-ba-ta, cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất, cao nửa câu-lô-xá, tất cả đều có cành, lá hoa, quả. Từ hông của quả, tự nhiên trồi ra đủ các thứ y phục, treo nơi cây. Lại có các thứ cây Anh lạc; cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, tất cả đều có cành, lá, hoa, quả. Từ quả theo ý muốn của người, tuôn ra các thứ Anh lạc thòng xuống. Lại có cây Man cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, cũng có cành, lá, hoa, quả. Từ quả, tùy theo ý muốn của người, mọc ra các thứ tràng hoa treo ở nơi cây. Lại có cây Khí; cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, cũng có cành, lá, hoa, quả; tùy theo ý người muốn mọc ra các thứ đồ dùng, treo ở nơi cây. Lại có đủ các loại cây ăn quả, cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, đều có cành, lá, hoa, quả. Từ nơi cành ấy, theo ý người muốn mọc ra đủ các loại quả. Lại có cây Nhạc; cây ấy cũng cao sáu câu-lô-xá, cho đến cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; cũng có cành, lá, hoa, quả. Từ hông của cây ấy, tùy theo ý người, hiện ra các thứ nhạc cụ, treo ở nơi cây. Đất ở cõi ấy, lại có gạo thơm tự nhiên, chẳng do cày bừa, gieo trồng; tinh khiết, trắng trẻo, không có vỏ. Khi muốn nấu ăn thì có các quả tên là Đôn trì, dùng làm chõ, vạc, đốt bằng lửa ngọc, chẳng cần than, củi, tự nhiên phát sức nóng, tùy theo ý muốn, làm chín các thức ăn; thức ăn đã chín rồi thì lửa ngọc mới tắt.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, bốn mặt chung quanh có bốn ao nước. Ao ấy tên là A-nậu-đạt-đa, mỗi cái đều rộng, dài năm mươi do-tuần, nước ao mát lạnh, êm ả ngọt ngào, thơm, sạch, không đục. Có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bao bọc chung quanh, bảy lớp dây chuông treo rũ chung quanh, lại có bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc bốn

phía, nhiều màu khả ái. Tất cả đều do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não... tạo thành. Ở bốn phía của ao đều có bờ thềm, mỗi bờ thềm cũng do bảy báu tạo thành, hiện ra nhiều màu tươi đẹp. Lại có các loài hoa: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca..., màu xanh, vàng, đỏ, trắng và màu xanh ngọc bích. Mỗi hoa lớn như bánh xe, mùi thơm chan hòa vi diệu tuyệt vời. Lại có các cọng lớn như trục xe, bẻ ra nhựa chảy, màu như sữa, ăn thì ngon ngọt, vị nó như mật.

Chư Tỳ-kheo, bốn phía của ao A-nậu-đạt-đa, có bốn sông lớn, rộng một do-tuần, các thứ hoa phủ kín, nước sông bình lặng, chảy thẳng không uốn khúc, chẳng nhanh, chẳng chậm, chẳng có sóng gợn, từ từ chảy thẳng; bờ sông không cao, bằng cạn dễ vào. Hai bên bờ các sông, có các khu rừng, cành nhánh giao nhau che khuất ánh nắng, tỏa ra các mùi thơm vi diệu; có các loại cỏ mọc ở bên cạnh, màu xanh, mềm mại, xoay về bên phải... *Nói lược, cho đến* cao bằng bốn ngón tay; chân giẫm xuống thì nó rạp theo, dỡ chân lên thì trở lại như cũ; cũng có các loài chim phát ra các thứ âm thanh. Ở hai bên bờ sông, lại có các thuyền nhiều màu khả ái, cho đến dùng bảy báu: xa cừ, mã não... đóng thành, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lâu-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, thường vào nửa đêm, từ trong bốn ao A-nậu-đạt-đa, khởi lên mây rất dày, che phủ khắp nơi; châu Uất-đơn-việt và các núi biển, đều bị che phủ, sau đó mới mưa nước tám công đức, như sữa Lê ngưu đổ xuống. Mưa ngập bốn ngón tay, ngay chỗ nước mưa rơi xuống, liền thấm vào đất, chẳng chảy lan ra. Vào nửa đêm hôm sau, mưa tạnh, mây tan, bầu trời trong vắt, từ biển nổi gió, thổi vào mát mẻ, trong lành êm diệu, chạm vào khỏe khoắn, thấm nhuận châu Uất-đơn-việt, khắp nơi được điều hòa màu mỡ tốt tươi. Như người xâu tràng hoa khéo tay và đệ tử ông ta, đã làm xong tràng hoa, dùng nước rảy lên, tràng hoa kia được tưới, tươi sáng rực rỡ. Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, đất đai thường thấm nhuận, tươi sáng màu mỡ cũng lại như vậy, như thường có người dùng dầu tô thoa lên.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt, lại có một cái ao tên là Thiện hiện; lại có một khu vườn, cũng tên là Thiện hiện. Vườn ấy rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; hàng cây Đa-la cũng có bảy lớp, bao bọc chung quanh, nhiều màu khả ái..., tạo thành. Mỗi hướng đều có các cửa, ở mỗi cửa đều có thành bảo vệ, nhiều màu khả ái, cũng dùng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, san hô, xích châu, xa cừ, mã não... tạo

thành.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy bằng phẳng đẹp đẽ, không có gai gốc, gò đống, hầm hố, sỏi đá, ngói gạch và các vật tạp uế..., chỉ có nhiều vàng, bạc, các thứ châu báu khác lạ; khí hậu điều hòa, không lạnh, không nóng, thường có suối chảy bốn phía tràn đầy; cây lá tốt tươi, hoa quả đầy cành, có các thứ hương theo gió ngát thơm. Lại có các loài chim lạ, thường phát ra âm thanh vi diệu, hòa nhã trong trẻo; có cỏ màu xanh, xoay về bên phải, mềm mại êm ái, như lông Khổng tước, mùi thơm giống như hoa Bà-lợi-sư, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, dùng chân giẫm lên, theo chân rạp xuống, bung lên khi dở chân. Lại có loại cây có gốc, thân, hoa, lá, quả đều tỏa ra mùi thơm, xông khắp mọi nơi.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Thiện hiện, cũng có rừng cây tên là An trú; cây đều cao sáu câu-lô-xá, lá dày che kín, nước mưa không lọt, thứ lớp như vảy cá, như tranh lợp nhà. Mọi người đều cư trú dưới đó. Lại có cây Hương, cây Kiếp-ba-ta, cây Anh lạc, cây Man, cây Khí, cây quả. Lại có cơm chín bằng gạo thơm tự nhiên, thanh khiết, tuyệt ngon.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy, không có ai là sở hữu chủ, cũng không canh gác bảo vệ. Người ở châu Uất-đơn-việt khi muốn vào vườn này, tự ý vui chơi, hưởng các thú vui, thì với bốn cửa ấy, tùy ý muốn vào cửa nào cũng được; vào vườn ấy rồi, vui chơi tắm rửa, thoải mái hưởng mọi sự vui thích, muốn đi thì đi, muốn ở thì ở, tự tại tùy ý.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt, nên ở phía Nam ao Thiện hiện, lại có một cái vườn tên là Phổ hiền; vườn ấy dài rộng một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can... bao bọc chung quanh, *cho đến*... Cơm chín tinh khiết, tuyệt ngon.

Chư Tỳ-kheo, vườn Phổ hiền ấy, cũng không canh gác bảo vệ; người ở châu Uất-đơn-việt nếu khi muốn vào vườn Phổ hiền tắm rửa, vui chơi hưởng mọi sự thích thú, thì theo bốn cửa của nó, tùy ý mà vào; vào rồi, tắm rửa, vui chơi thỏa thích; đã thỏa thích rồi, muốn đi thì đi, muốn ở thì ở.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt nên phía Tây của ao Thiện hiện, lại có một khu vườn tên là Thiện hoa. Vườn ấy rộng, dài một trăm do-tuần, bảy lớp lan can bao bọc chung quanh, *nói lược... cho đến* như vườn Thiện hiện, không có gì khác; cũng lại không có người canh gác bảo vệ. Người ở châu Uất-đơn-việt nếu khi muốn vào trong vườn Thiện hoa, tắm rửa, vui chơi, hưởng thọ khoái lạc, thì theo bốn cửa của nó, tùy ý mà vào; vào rồi tắm rửa, vui chơi hưởng lạc; hưởng lạc rồi, muốn đi thì đi, muốn ở thì ở,

nói lược... như vườn Thiện hiện ở trước.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt, nên ở phía Đông ao Thiện hiện, tiếp theo vườn Thiện hiện, ở khoảng đó, có sông tên Dị nhập đạo, từ từ xuôi dòng, không có sóng gợn, không chậm, không nhanh, các loại hoa phủ đầy, rộng hai mươi do-tuần rưỡi.

Chư Tỳ-kheo, sông Dị nhập đạo, ở trên hai bờ có các thứ cây, cành lá che khuất ánh nắng, tỏa ra các thứ mùi thơm, xông khắp vùng ấy; có các thứ cỏ mọc..., *lược nói... cho đến*... chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, cao bằng bốn ngón tay, khi chân đạp lên, theo chân lên xuống. Lại có các thứ cây ăn trái nhiều màu; cành, lá, hoa, quả đều đầy đủ; cũng có các thứ mùi thơm xông khắp; các thứ chim lạ, cùng nhau ca hót. Hai bên bờ sông ấy, có các thuyền đẹp, nhiều màu khả ái, do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não... tạo thành, trang nghiêm đẹp đẽ.

Chư Tỳ-kheo, vì người Uất-đơn-việt, nên ở phía Nam ao Thiện hiện, có một sông lớn tên là Thiện thể, từ từ xuôi dòng*... lược nói*... đều như sông Dị nhập đạo. Chỗ ấy có các thứ rừng cây, cùng với sông trên không khác, *cho đến*... các thuyền... các sắc tạo thành, mềm mại giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Tây ao Thiện hiện, vì người Uất-đơn-việt, nên có một sông lớn tên là Đẳng-xa, *cho đến*... *nói lược*... từ từ xuôi dòng.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Bắc ao Thiện hiện, vì người Uất-đơn-việt, nên có một sông lớn tên là Oai chủ, từ từ xuôi dòng, *lược nói... cho đến*... hai bên bờ sông có thuyền do bảy báu trang sức, mềm mại giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca; trong đó có kệ Uất-đà-na:

Sông Thiện hiện, Phổ hiền
Thiện hoa và Hỷ lạc
Dị nhập cùng Thiện thể
Đẳng xa và oai chủ.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đơn-việt, nếu khi muốn vào sông Dị nhập đạo, sông Thiện thể, Đẳng xa, Oai chủ đó... để tắm gội, vui chơi, hưởng các sự thích thú, thì liền đến hai bên bờ sông ấy, cởi bỏ áo xiêm, ngồi lên các thuyền đậu bên bờ sông, bơi đến giữa dòng sông, tắm rửa thân thể, vui chơi thỏa thích; tắm rửa rồi, tùy ý, có người nào ra trước, thì liền lấy y phục ở trên mặc vào rồi đi, cũng chẳng cần tìm kiếm y phục của mình. Vì sao? Vì người Uất-đơn-việt, không có ngã và đối tượng chấp

ngã, không canh gác, bảo vệ. Các người ấy, lại đi đến dưới các cây Hương; đến dưới cây rồi, cây ấy tự nhiên cong cành rũ xuống, vì các người ấy, tỏa ra các mùi thơm vi diệu, để cho họ đưa tay lên thì đụng tới. Những người ấy, lấy các thứ hương ở nơi cây, thoa lên thân hình rồi, lại cùng đi đến cây Kiến-ba-ta; đến rồi, cây ấy, cũng cong cành rũ xuống như cây trước, hiện ra các thứ y phục, để cho các người ấy dùng tay lấy tới. Những người ấy lại lấy các thứ y phục thượng diệu ở cây đó, mặc vào rồi đi. Lại đi đến dưới cây Anh lạc; đã đến đó rồi, cành cây Anh lạc cũng đều cong rũ xuống, vì các người ấy hiện ra các thứ Anh lạc thượng diệu, dùng tay lấy được. Những người ấy lấy các đồ trang sức bằng Anh lạc ở nơi cây, mang vào thân rồi, liền lại đi đến dưới các cây Man; đến nơi, cây Man tự nhiên vì các người ấy mà cong cành rũ xuống, hiện ra các tràng hoa báu thượng diệu, để cho các người ấy đưa tay lấy được. Họ liền lấy các tràng hoa đẹp ở đấy, đặt lên đầu, rồi đi đến các cây Khí vật; đến nơi, cây Khí cũng tự nhiên rũ cành xuống, để cho những người ấy đưa tay tới, tùy theo ý muốn, lấy các đồ dùng rồi, mang đến chỗ cây ăn quả; khi ấy cây ăn quả đó, cũng vì các người ấy, cành uốn cong rũ xuống, sanh ra các thứ trái ngọt tuyệt vời, để họ dùng tay lấy được. Những người ấy tùy theo ý muốn, lấy các thứ quả chín ở cây ấy, ăn rất ngon lành. Trong đó, có người lấy nhựa, đựng đầy đồ dùng mà uống. Ăn uống đã xong, họ lại đi đến rừng cây âm nhạc; đến rừng đó rồi, vì các người ấy, nên cành cây âm nhạc cũng rũ xuống, hiện ra các loại nhạc cụ, đưa tay lấy được. Những người ấy, tùy theo nhu cầu của mình, mà lấy các loại nhạc cụ ở trên cây ấy, hình dáng các thứ cụ khí đẹp đẽ, có âm thanh hòa nhã; lấy rồi mang theo, dạo chơi khắp nơi, muốn đàn thì đàn, muốn múa thì múa, muốn ca thì ca, tùy theo sở thích, hưởng các thứ nhạc. Việc ấy đã xong, mỗi người theo ý thích, hoặc đi, hoặc ở.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN II

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐƠN-VIỆT 2

Này chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt tóc màu xanh biếc dài bằng tám ngón tay, người cùng một loại, một hình, một sắc, không có hình sắc riêng để có thể biết sự khác biệt của họ.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt đều mặc y phục, không ai lõa thể, cho đến chỉ để lộ nửa thân; thân, sơ bình đẳng, không có sự thích hoặc không. Răng đều bằng khít, không khuyết, không thưa, đẹp đẽ sạch sẽ, sắc trắng như ngọc kha, sáng đẹp, khả ái.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, nếu có đói khát, khi cần ăn uống, liền tự có để sử dụng, không cày bừa, chẳng gieo trồng, có gạo thơm tự nhiên, tinh khiết trắng trẻo, không có mày, cám, lấy đựng đầy trong quả Đôn trì; lại lấy ngọc lửa để dưới quả Đôn trì; do phước lực của chúng sanh, khi ngọc lửa vừa để vào, tư nhiên phát ra sức nóng; thức ăn chín rồi, lửa lại tự tắt. Những người ấy được cơm, khi muốn ăn dọn đồ dùng ra, tập hợp lại ngồi ăn. Bấy giờ, nếu có người từ bốn phương đến muốn cùng ăn, họ liền vì các người ấy, dọn đủ cơm ra, ăn xong, cơm vẫn còn, cho đến người ăn, ngồi ăn chưa xong, đồ đựng thức ăn vẫn đầy. Khi những người ấy ăn cơm gạo thơm tự nhiên không mày cám, tinh khiết thơm ngon này, mùi vị của nó đầy đủ, chẳng cần gia vị. hình sắc của loại cơm ấy giống như vị Tô-đà của chư Thiên; lại như chùm hoa tinh khiết, trắng, tươi sáng. Những người ấy ăn xong, thân thể đầy đặn, không có khuyết giảm, cứ vậy không thay đổi, không già, không khác. Sự ăn uống đó còn giúp thêm cho những người ấy, sức lực sắc diện được an ổn, trọn vẹn, không gì là không đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, nếu đối với nữ nhân khi sanh tâm mê đắm, tùy theo sự yêu mến trong lòng, đưa mắt ngắm nhìn, người con gái kia biết tình ý, liền đến đi theo. Hai người cùng đi tới nơi gốc cây; người con gái đi theo đó, nếu là thân thuộc như mẹ, dì, chị em của người này, thì cành cây không rủ xuống, mà ngay khi ấy lá của cây ấy héo vàng,

khô, rụng, chẳng che kín, chẳng ra hoa quả, cũng chẳng chịu hiện ra giường chõng, đồ nằm... Nếu chẳng phải là mẹ, dì, chị, em... thì cây liền cong cành rũ nhánh che khuất, cành lá sum suê, hoa quả tươi tốt, cũng vì họ mà hiện ra trăm ngàn các thứ giường chõng, đồ nằm... Họ liền dắt nhau đi vào nơi gốc cây, làm theo ý muốn, vui vẻ hưởng mọi sự.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt ở trong thai mẹ, chỉ trong bảy ngày, đến ngày thứ tám, thì sanh ra. Người mẹ sanh rồi, tùy đứa con sanh ra hoặc trai, hoặc gái, đều đem đặt ở ngã tư đường, bỏ đấy mà đi. Ở trên đường đó, người đi đường từ Đông, Tây, Nam, Bắc qua lại, thấy đứa con trai con gái ấy, lòng sanh thương mến, vì muốn nuôi nấng, ai cũng lấy ngón tay đưa vào trong miệng đứa bé, ngay nơi ngón tay ấy, tự nhiên chảy ra sữa ngọt tuyệt diệu. Đứa bé trai, gái, uống thứ nước đó, khiến được sống an toàn như là uống sữa. Trải qua bảy ngày, các đứa trẻ trai, gái ấy lại tự thành tựu một loại thân thể, cùng với vóc dáng của người xưa không khác; con trai lại theo con trai, con gái lại theo con gái, mỗi người đều theo bạn bè cùng nhau mà đi.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, thọ mạng đúng hạn, không có người chết yểu. Khi mạng chung, đều được sanh lên các cõi trên. Vì nhân duyên gì mà người Uất-đơn-việt được hạn định tuổi thọ này, sau khi mạng chung đều được sanh lên các cõi trên?

Chư Tỳ-kheo, ở đời, hoặc có người, chuyên làm việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, đọa vào cõi ác, sanh trong địa ngục. Hoặc lại có người chưa từng sát sanh, chẳng trộm cắp của người khác, chẳng làm việc tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói hai lưỡi, chẳng nói thô ác, chẳng nói thêu dệt, chẳng tham, chẳng sân, cũng chẳng tà kiến. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, hướng đến đạo lành, sanh trong cõi trời, người. Do nhân duyên gì mà người bị sanh xuống? Vì sự sát sanh, tà kiến... của họ, có người khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nay nên thực hành mười điều thiện. Vì nhân duyên này, nên khi thân ta hoại, sẽ được vãng sanh vào cõi Uất-đơn-việt. Sanh vào cõi ấy, sống lâu ngàn năm chẳng tăng, chẳng giảm". Người ấy đã phát nguyện như vậy rồi, thực hành mười điều thiện, khi thân hoại được sanh vào cõi Uất-đơn-việt; đã ở cõi ấy, lại được thọ mạng đúng hạn, đầy đủ ngàn năm, chẳng tăng chẳng giảm.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này mà người Uất-đơn-việt được thọ mạng đúng hạn.

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà được sanh lên cõi trên? Chư Tỳ-

kheo, người cõi Diêm-phù, khi ở cõi ấy, thọ mười điều thiện, vì vậy, nên khi mạng chung, liền được vãng sanh vào cõi Uất-đơn-việt. Người Uất-đơn-việt, vì do thân trước của họ có mười điều thiện, ở trong cõi Uất-đơn-việt, như pháp tu hành, nên khi thân hoại mạng chung đều được sanh lên cõi thiện của chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, người Uất-đơn-việt, sanh lên chỗ tốt đẹp. Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, mạng sống đến lúc kết thúc, khi xả thọ, không có một người nào buồn thương, lưu luyến, khóc than, chỉ cùng nhau mang thi thể đến đặt ở ngã tư đường bỏ đó mà đi.

Chư Tỳ-kheo, người trong cõi Uất-đơn-việt có pháp như vầy. Nếu có chúng sanh, khi thọ mạng hết, liền có một con chim tên là Ưu-thừa-già-ma, từ trong núi lớn bay nhanh đến, ngậm tóc người chết, tha thi hài của người chết, bỏ trên bờ sông ở phương khác. Vì sao? Vì người Uất-đơn-việt hạnh nghiệp thanh tịnh, ưa sự tinh khiết, ưa sự vui vẻ, nên không thể cho gió thổi mùi xú uế bay đến chỗ ở của họ. Chư Tỳ-kheo, người Uất-đơn-việt, khi muốn đại tiểu tiện, thì vì người ấy, đất liền nứt ra; đại tiểu tiện xong rồi đất khép lại như cũ. Vì sao? Vì người Uất-đơn-việt ưa sự tinh khiết, ưa sự vui vẻ. Lại nữa, cõi đó có nhân duyên gì mà được gọi là châu Uất-đơn-việt? Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đơn-việt đó, ở trong bốn châu thiên hạ, đối với ba châu kia, thì nó là tối thượng, tối diệu, tối cao, tối thắng, nên gọi châu này là Uất-đơn-việt.

-oOo-

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG

Này chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù, khi Chuyển luân thánh vương ra đời, châu Diêm-phù này, tự nhiên có đủ bảy thứ quý báu. Tự thân Chuyển luân vương lại có bốn thứ thần thông, oai đức và sức mạnh. Bảy thứ báu là gì? Một là bánh xe vàng báu, hai là voi trắng báu, ba là ngựa màu xanh biếc báu, bốn là ngọc thần báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là chủ kho tàng báu, bảy là tướng binh báu. Đó là bảy báu.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có đầy đủ bánh xe báu là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương xuất hiện ở cõi Diêm-phù, lấy nước rưới đầu, làm chủ Sát-đế-lợi. Vào ngày rằm trăng tròn, sau khi thọ trai buổi sáng, ngài mặc áo lông trắng thẳng nếp, xõa tóc rũ xuống,

trang sức bằng ngọc Ma-ni và các ngọc Anh lạc, ở trên lầu gác, thân thuộc, quần thần vây quanh sau trước. Khi ấy, trước vua, có bánh xe vàng báu, bỗng nhiên bay đến, đường kính bánh xe bằng bảy khuỷu tay, ngàn tăm, trục, vành, các thứ khớp nhau, đầy đủ, tự nhiên thành tựu, chẳng phải do thợ làm ra.

Lúc ấy Chuyển luân thánh vương quán đảnh Sát-đế-lợi, liền khởi lên ý nghĩ thế này: "Nếu vua Sát-lợi quán đảnh, vào ngày rằm, trăng tròn, sau khi thọ trai buổi sáng, tắm rửa sạch sẽ, thân mặc áo lông trắng thẳng nếp, đeo các Anh lạc, ở trên lầu gác, thân thuộc quần thần, trước sau vây quanh, khi đó, trước nhà vua, bỗng nhiên có bánh xe trời vàng báu, ngàn tăm, trục, vành đầy đủ khớp nhau, tự nhiên bay đến, chẳng phải do thợ làm ra, đường kính bánh xe bằng bảy khuỷu tay, trong, ngoài đều bằng sắc vàng ròng, khi có được điềm lành này, thì vị vua ấy thành tựu các đức của Chuyển luân vương. Ta nay, được vật này, nên cũng nhất định là Chuyển luân thánh vương".

Bấy giờ Chuyển luân thánh vương quán đảnh Sát-đế-lợi, ý muốn thử bánh xe trời báu ấy, nên ra lệnh trang bị đầy đủ bốn thứ binh lực, đó là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Bốn thứ binh lực đã được trang bị đầy đủ rồi, vua liền đi đến chỗ bánh xe trời vàng, để lộ cánh tay phải, gối phải quỳ xuống đất, ở trước bánh xe vàng, đưa cánh tay phải sờ, vỗ bánh xe báu, nói như thế này: "Ngươi là bánh xe trời báu; ta nhất định là Chuyển luân vương. Nơi chưa hàng phục, hãy vì ta mà hàng phục". Bánh xe trời báu ấy nghe lời, liền chuyển động, vì muốn hàng phục nơi chưa hàng phục.

Chư Tỳ-kheo, vua quán đảnh Sát-lợi, đã thấy bánh xe báu chuyển động như vậy rồi, liền ra lệnh xa giá đi về phương Đông. Khi ấy, bánh xe báu và bốn binh chủng cùng lúc đi theo.

Chư Tỳ-kheo, ở trước bánh xe báu, lại có bốn vị đại thiên dẫn dắt mà đi. Nơi dừng lại của bánh xe trời báu tại các chỗ đã đến, Chuyển luân thánh vương và bốn binh chủng đều dừng lại và nghỉ ngơi tại đó.

Lúc ấy các vua của tất cả các quốc độ ở phương Đông, liền lấy bát vàng đựng đầy cơm bạc, lại lấy bát bạc đựng đầy cơm vàng, xong xuôi, đầy đủ rồi, đều cùng đem đến trước Chuyển luân vương, tâu rằng: "Thiên vương đến đây thật vinh hạnh! Nay đây, xin dâng vật này lên Thiên vương. Dân chúng phương Đông giàu có, vui vẻ, an ổn, không có gì sợ sệt, dân chúng, nhà cửa đông đúc, rất dễ mến. Cúi xin đại vương tiếp nhận, luôn thương tưởng đến bọn thần là những vua nhỏ. Từ nay, chúng thần

vâng lệnh phụng sự Thiên vương, một lòng không thay đổi".

Chuyển luân vương bảo các vua: "Các vị thành tâm, luôn luôn như vậy. Các vị phải tự ở trong cõi của mình, đúng như pháp mà cai trị, giáo hóa, thu phục, nuôi dưỡng quần sanh. Chớ để trong nước có điều bất như pháp. Vì sao? Các vị đều để trong nước ta có việc ác, phi pháp xuất hiện lưu hành, ta sẽ trị tội các vị không tha. Nay dạy các vị tự mình dứt sát sanh và dạy người khác chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến chẳng nên làm. Các vị nếu đoạn trừ sát sanh, dạy người khác chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng hành tà dâm, nói lời chân thật, chánh kiến, thì ta tin tưởng nơi các vị, và đất nước đã được hàng phục".

Các quốc vương ở phương Đông, nghe Chuyển luân vương ban lệnh như vậy, cùng lúc đều thọ hạnh mười điều thiện; thọ rồi tuân hành theo. Mỗi vị ở nơi quốc độ đều như pháp cai trị, giáo hóa. Vì Chuyển luân vương có sức tự tại, nên vua hướng đến đâu, thì bánh xe báu đi theo đến đó. Bánh xe trời vàng báu của Thánh vương hàng phục tất cả các quốc độ ở phương Đông như vậy rồi, du hành cùng khắp cho giáp bờ biển phía Đông, sau đó mới quay về. Kế đến, lần lượt đi khắp phương Nam, phương Tây cho đến phương Bắc. Dựa theo đúng con đường của các bậc Chuyển luân thánh vương ngày xưa mà đi. Khi Chuyển luân thánh vương và bốn binh chủng tuần tự đi, thì trước họ lại có bốn vị đại thiên, đi trước bánh xe báu. Nếu bánh xe báu này dừng lại chỗ nào, thì tùy theo chỗ ấy, Chuyển luân thánh vương và bốn binh chủng liền dừng lại nghỉ ngơi.

Bấy giờ các quốc vương ở tất cả cõi nước phương Bắc, cũng mang bát vàng trời đựng đầy cơm bạc, bát bạc trời đựng đầy cơm vàng, cùng đi đến Chuyển luân vương. đến rồi, quỳ thẳng, tâu thế này: "Vinh hạnh thay! Thiên vương đến! Vinh hạnh thay! Thiên vương đến! Phương Bắc chúng tôi, nhờ sức của thiên vương mà dân chúng hưng thịnh, giàu có, vui vẻ, an ổn, không có các điều sợ sệt, rất dễ mến. Xin thiên vương ở lại đây, thi hành việc cai trị, giáo hóa. Chúng thần xin tùy thuận, không dám hai lòng". Khi ấy Chuyển luân vương bảo các vua: "Nếu được như vậy, thì các vị tự cai trị, giáo hóa trong nước mình, nhất tề y theo lời dạy bảo. Chớ để trong nước có điều bất như pháp. Vì sao? Nếu để trong cõi nước của ta có người hành theo phi pháp và các việc ác, ta sẽ trị tội các vị. Lại nữa các vị chớ tự sát sanh, chẳng trộm cắp, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, các vị đều nên đoạn trừ. Nếu lìa sát sanh cho đến tự mình và người khác tu hành chánh kiến, nếu được như vậy thì ta tin rằng quốc độ của các vị

hàng phục tốt".

Các vua đồng thanh tâu lên Chuyển luân vương: "Đúng như lời thiên vương răn dạy, bọn thần xin phụng hành!"

Lúc ấy các vua của các nước phương Bắc nghe Chuyển luân vương dạy bảo như vậy, ai nấy đều tuân thọ hạnh mười điều thiện; thọ rồi phụng trì, đúng như pháp; các vị ở tại nước mình y cứ vào luật để cai trị giáo hóa. Vì sức tự tại của Chuyển luân thánh vương, nên chỗ mà vua đi, bánh xe báu đi theo. Bánh xe vàng báu này, lần lượt như vậy, hàng phục phương Bắc. Khi đã đi khắp rồi, trở lại chỗ cũ.

Bấy giờ, bánh xe báu, mới lựa chọn một chỗ có địa hình hùng vĩ nhất, đẹp đẽ nhất ở trong cõi Diêm-phù để dừng lại ở đó; chỗ ấy Đông Tây rộng bảy do-tuần; Nam Bắc rộng mười hai do-tuần; đo đạc, quy hoạch phân chia ranh giới như vậy rồi, thì chư Thiên ngay đêm ấy, từ trên không hạ xuống, vì Chuyển luân vương, tạo lập cung điện, hoàn thành ngay tức thời. Khi đã hoàn thành rồi, màu sắc tuyệt vời đẹp đẽ, trang trí bằng bốn báu, đó là vàng trời, bạc trời, pha lê, lưu ly trời. Bánh xe vàng báu này, vì thánh vương sẽ trụ lơ lửng trên không, ở tại cửa trong cung, như bánh xe gắn liền trục xe, không lay, không động. Ngay lúc, Chuyển luân thánh vương, rất vui mừng, hân hoan vô cùng, nghĩ như thế này: Ta nay đã được bánh xe vàng báu rồi ư?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có đầy đủ bánh xe vàng trời báu tự nhiên là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương lại có đầy đủ voi trắng báu là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương, vào buổi sáng, khi ngồi trên chánh điện, thì ngay trước vua, xuất hiện voi báu, tên là Ô-bô-sa-tha, hình thể đẹp đẽ, lông nó toàn trắng như hoa Câu-vật-đầu, bảy nhánh chống đất, có đại thần lực, bay trên không mà đi, đầu màu hồng đỏ, như con trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca, có đủ sáu ngà, ngà đều nhọn hoắt; trên mỗi cái ngà, trang nghiêm đầy đủ như bông bèo, giống như cây lật vàng. Chuyển luân thánh vương thấy voi báu rồi, khởi lên ý nghĩ: "Voi trắng tuy xuất hiện, nhưng khi chưa biết điều phục để nhận lãnh các việc, thì có trở thành thuần thục để cưỡi được chăng?"

Bấy giờ, chỉ trong thời gian một ngày, voi liền được điều phục tốt, có thể kham nhận tất cả sự việc, giống như vô lượng con voi ngàn tuổi khác, đã được điều phục thuận hợp rồi, đẹp đẽ, hiền lành, tùy theo ý thích như thế, như thế. Voi trắng báu ấy, trong vòng một ngày, nhanh chóng

chịu sự điều phục, nhận lãnh các việc, cũng lại như vậy.

Khi ấy Chuyển luân vương, vì muốn thử voi, nên vào buổi sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc, cưỡi voi báu này, tuần du khắp nơi, đến các bờ biển, tận cùng biên thùy đại địa. Đã đi khắp rồi, Chuyển luân vương mới trở về cung, ăn điểm tâm. Do nhân duyên ấy, trong lòng nhà vua vui vẻ, mừng rỡ, nghĩ: "Vì ta nên voi báu xuất hiện như vậy".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có đầy đủ voi trắng báu tự nhiên là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngựa báu hoàn hảo là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương, vào lúc sáng sớm, ngồi trên chánh điện, ngay ở trước vua, ngựa báu màu xanh biếc tên là Bà-la-ha xuất hiện, sắc xanh, thân mướt, lông, đuôi óng ả, đầu đen, lông bờm bung ra, có sức thần thông bay trên không mà đi. Khi ấy Chuyển luân vương thấy ngựa báu rồi, khởi lên ý nghĩ thế này: "Ngựa này tuy đã xuất hiện, nhưng chưa biết điều phục để nhận lãnh các việc, thì có thể vì ta mà chuyên chở tốt chăng?" Khi ấy, ngựa báu, trong vòng một ngày, liền được điều phục tốt, có thể nhận lãnh các việc, giống như vô lượng ngựa ngàn tuổi khác, đã được điều phục thuần phục rồi, hiền lành tuân phục như thế, như thế. Khi điều phục ngựa này, trong vòng một ngày, nhận lãnh thực hiện tất cả các việc, cũng lại như vậy.

Khi ấy Chuyển luân vương vì muốn thử ngựa, vào buổi sáng, khi mặt trời vừa mọc, cưỡi ngựa báu này đi khắp đại địa, rồi trở về cung, mới ăn điểm tâm. Do nhân duyên đó, vua rất vui mừng, hân hoan vô cùng, nghĩ: "Ta nay đã được ngựa báu màu xanh biếc".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngựa báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngọc báu hoàn hảo là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có Ma-ni báu, sắc tỳ lưu ly, đầy đủ tám cạnh, chẳng phải do thợ làm ra, đẹp đẽ tuyệt vời, tự nhiên phát ra ánh sáng thanh tịnh. Khi ấy, Chuyển luân vương thấy ngọc báu rồi, nghĩ thế này: "Ma-ni báu này, các tướng đầy đủ, ta nay nên treo trong cung, để phát ra ánh sáng".

Chuyển luân vương, vì muốn thứ Ma-ni báu ấy, bèn trang bị đầy đủ bốn binh chủng, đó là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Khi đầy đủ bốn binh chủng rồi, ngay lúc nửa đêm, trời mưa lất phất, mây đùn đen

nghịt, ánh chớp xuất hiện, Chuyển luân thánh vương lấy ngọc báu ấy treo lên ngọn cờ, ra dạo ngoài vườn. Vì sao? Vì ý muốn dạo chơi xem tính chất của ngọc báu.

Chư Tỳ-kheo, Ma-ni báu ấy, ở trên ngọn cờ chiếu khắp bốn phương cho đến bốn binh chủng đều được thấy rõ. Ánh sáng chiếu khắp như mặt trời chiếu nơi thế gian.

Lúc đó tất cả Bà-la-môn, Cư sĩ... trong cõi ấy đều tưởng là trời sáng, ánh sáng mặt trời đã lên, hoảng hốt tung dậy, làm các công việc. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân thánh vương, rất hoan hỷ, nghĩ: "Ngọc báu này, đã vì ta xuất hiện".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngọc báu hoàn hảo như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có người nữ báu hoàn hảo là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ra đời, thì có người nữ báu xuất hiện, chẳng thô, chẳng bé, chẳng cao, chẳng thấp, chẳng trắng, chẳng đen, đẹp đẽ tuyệt vời, đi đứng uyển chuyển, sắc mạo vẹn toàn, làm cho người thấy, ưa nhìn không chán. Lại người nữ báu ấy, khi trời nóng thì thân mát, khi trời lạnh thì thân ấm, trên thân phát ra mùi thơm tuyệt diệu, giống như chiên đàn, miệng thường phát ra mùi thơm Ưu-bát-la, vì Chuyển luân vương, hôm sớm siêng năng, cẩn trọng cung kính phụng sự. Phàm làm việc gì, không phật ý vua. Trong ý của người nữ ấy không còn nghĩ ác, huống là thân, miệng của nàng có lỗi lầm. Do nhân duyên này nên Chuyển luân thánh vương rất hoan hỷ, hân hoan vô cùng, tự nghĩ rằng vì ta mà xuất hiện người nữ báu này.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có người nữ báu hoàn toàn là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, vị quan báu chủ kho tàng oai lực đầy đủ của Chuyển luân thánh vương là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ra đời có vị quan báu chủ kho tàng xuất hiện, rất giàu, nhiều của cải, lại có nhiều công đức, có được thiên nhãn, thấy suốt trong đất tất cả hầm mỏ bí mật, có chủ hay không chủ, đều được mắt của vị ấy thấy hết. Hoặc ở dưới nước, hoặc ở trên đất, hoặc ở xa, hoặc ở gần, ở trong đó có các vật báu, kỳ lạ, vị quan chủ kho tàng này đều giữ gìn, trông coi đúng cách, chẳng để bị hư hoại mất mát. Vật vô chủ thì kịp thời thu lấy, nghĩ là những vật cần dùng của Chuyển luân vương. Bấy giờ vị quan chủ kho tàng liền tự đến chỗ Chuyển luân

vương, tâu: "Đại thánh thiên vương! Nếu thiên vương cần của cải, vật báu, xin ngài chớ lo, sức lực của thần có thể tự lo liệu được. Những cái thiên vương cần, đều cung cấp đầy đủ".

Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử tài của vị quan báu chủ kho tàng, nên lên thuyền vào trong dòng nước, dừng lại, ra lệnh cho vị ấy: "Ngươi, quan chủ kho tàng, lại đây. Ta cần của báu, ngươi phải mau cung cấp đầy đủ!"

Vị quan chủ kho tàng tâu: "Cúi xin Đại thiên vương, chờ thần trong chốc lát, đợi thuyền đến bờ, ngay ở bên bờ, thu lấy của báu để dâng lên cho thiên vương dùng". Vua bảo vị quan chủ kho tàng: "Ta nay chẳng cần của cải bên bờ, ngay bây giờ, tại nơi đây, vì ta mà lo đầy đủ". Vị quan chủ kho tàng tâu: "Xin tuân lệnh thiên vương, chẳng dám trái lệnh".

Vị quan chủ kho tàng nhận lệnh vua rồi, trật áo vai phải, gối phải quỳ trên thuyền, tay quơ trong nước, ngón tay như càng cua, cào dồn vàng bạc, chứa đầy các đồ đựng, ngay ở trên thuyền, mang đến dâng vua: "Đại vương, các vàng bạc này đều là bạc trời, trời cho vật này, cung cấp cho đại vương, để làm của cải mà dùng".

Chuyển luân vương bảo vị quan chủ kho tàng: "Ta chẳng cần của cải, chỉ thử ngươi thôi".

Vị quan chủ kho tàng nghe lời vua rồi, bèn lấy vàng, bạc, bỏ xuống nước. Do nhân duyên này, nên Chuyển luân thánh vương rất hoan hỷ, phấn khởi không thôi, tâm tự nghĩ: "Ta nay đã được vị quan báu chủ kho tàng ư?"

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có vị quan chủ kho tàng hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, vị tướng báu chủ binh đầy đủ oai lực của Chuyển luân thánh vương là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, do sức từ phước đức của Chuyển luân vương, nên tự nhiên xuất hiện tướng binh báu, mưu trí, nhiều tài, giỏi các sách lược, biết rõ quân cơ, thành tựu thần tuệ. Chuyển luân thánh vương khi cần binh lực đều có khả năng cung cấp đầy đủ; muốn chạy liền chạy; muốn đi liền đi; muốn giải tán liền giải tán; muốn tập hợp liền tập hợp.

Bấy giờ vị tướng chủ binh liền đi đến chỗ Chuyển luân vương; đến rồi tâu rằng: "Nếu vua cần binh, được dạy dỗ, tập luyện, chịu đựng, xin ngài chớ lo, thần sẽ vì ngài mà dạy bảo, tập luyện binh mã, làm cho như ý, huấn luyện thuần thục, theo lệnh".

Khi ấy Chuyển luân vương vì muốn thử vị tướng binh báu ấy, liền

ra lệnh cho các quan lo việc binh, trang bị bốn binh chủng, đó là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Vua biết bốn binh chủng đã được trang bị rồi, bảo với vị tướng báu: "Binh tướng của ngươi đã đến, nên vì ta mà khéo thống lĩnh bốn binh chủng, dạy bảo cho biết vâng lệnh: khéo chạy, khéo đi, khéo tập hợp, khéo giải tán, đúng pháp, chớ sai trái". Tướng binh báu nghe Chuyển luân vương ra lệnh như vậy, tâu: "Đại vương, xin vâng lệnh thiên vương, thần chẳng dám trái lệnh", rồi liền thống lãnh bốn binh chủng, trang bị binh khí, dạy chạy, dạy đi, dạy tập hợp, dạy giải tán, như lệnh của vua; muốn chạy liền chạy; muốn đi liền đi; muốn tập hợp liền tập hợp; muốn giải tán liền giải tán; tùy ý tự tại. Do nhân duyên ấy, nên Chuyển luân thánh vương rất hoan hỷ, phấn khởi không thôi, tự nghĩ: "Ta nay đã được tướng báu chủ binh".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có tướng báu chủ binh oai lực đầy đủ là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, nếu có bảy thứ báu xuất hiện như vậy, thì hiển nhiên được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có đầy đủ bốn thứ thần thông tự tại là những gì?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương thọ mạng lâu dài, sống lâu ở đời. Ở trong tất cả thời gian, tất cả thế gian, không có ai trong loài người có thể được an ổn, sống lâu so với thọ mạng của Chuyển luân thánh vương. Đó là thần thông thứ nhất, thọ mạng đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thân thể của Chuyển luân thánh vương ít bệnh, ít phiền, các tướng đầy đủ, bụng bằng, đầy, chẳng nhỏ, chẳng lớn; lạnh, nóng, mát, ấm thích hợp theo thời tiết, đi đứng nhẹ nhàng, ăn uống tiêu hóa, ổn định an lạc. Ở trong tất cả thời, tất cả thế gian, không có ai trong thế gian mà thân thể ít bệnh, ít phiền như vậy. Đó gọi là thần thông thứ hai, thần lực đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, báo thân của Chuyển luân thánh vương hình mạo đoan chánh, đặc biệt; thường được thế gian ưa nhìn không chán, sắc thân thanh tịnh, trang nghiêm toàn vẹn, đẹp đẽ tuyệt vời, không ai sánh kịp. Ở trong tất cả thời, tất cả thế gian, người thọ sanh, không ai đoan chánh, đặc biệt, được thế gian ưa nhìn không chán như hình tướng đầy đủ của Chuyển luân thánh vương. Đó là thần thông thứ ba, sắc mạo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên nghiệp lực, Chuyển luân

thánh vương có phước báo lớn, nên tài sản phong phú, châu báu có nhiều, các thứ trong thế gian chẳng thiếu thứ gì. Ở trong tất cả thời, tất cả thế gian, người thọ sanh, không ai giàu có, an lạc, tự tại, của cải, y phục, đồ chơi, vật báu tuyệt vời, đầy ắp kho tàng như Chuyển luân thánh vương. Đó là thần thông thứ tư, quả báo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, nếu ai đầy đủ bốn thứ thần thông như vậy, không khuyết giảm, thì được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương do phước đức dày mà được dân chúng ái kính, tâm thường vui vẻ, như con thương cha. Lại nữa, dân chúng cũng được Chuyển luân vương thương tưởng nghĩ đến, ý thường thương yêu chăm sóc, như cha thương con.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương, vào một hôm nọ, ngự xe báu lớn, ra khỏi cung tuần du xem xét, qua các cảnh đẹp, rồi đến vườn cây. Ngay lúc ấy, tất cả dân chúng đều được thấy mặt Chuyển luân thánh vương, nên rất vui mừng, cùng nhau lên tiếng bảo người đánh xe của vua: "Này ông đánh xe! Xin ông buông cương, cho xe đi chầm chậm, chớ để đi mau. Vì sao? Vì nếu ông cho xe tiến lên chầm chậm thì chúng tôi có được nhiều thời gian để nhìn thấy Chuyển luân thánh vương". Bấy giờ, Chuyển luân vương nghe lời ấy rồi, lại cũng bảo người đánh xe như vậy: "Này người đánh xe! Hãy cho xe đi chậm lại, chớ để đi mau. Vì sao? Vì nếu ngươi cho xe đi tới từ từ, an ổn, thì ta có nhiều thì giờ tuần du khắp nơi, xem xét tất cả dân chúng".

Chư Tỳ-kheo, dân chúng lúc bấy giờ thấy Chuyển luân vương rồi, mọi người tự mang vật báu của mình, đến trước xe quỳ xuống, dâng lên Chuyển luân vương, tâu: "Tâu đại vương! Nay thần dân chúng tôi đem những thứ này, dâng lên thiên vương. Những vật này thuộc về thiên vương. Xin thiên vương thọ nhận, tùy ý sử dụng. Vì sao? Vì những bảo vật như thế này chỉ có thiên vương mới xứng đáng dùng".

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương ra đời, châu Diêm-phù này trong sạch, bằng phẳng, không có các thứ gai gốc và các rừng rậm, gò đống, hầm hố, nhà xí, đồ chơi dơ bẩn, nơi hôi hám bất tịnh, sỏi đá, ngói, gạch, cát, đất phèn... tất cả đều không có. Vàng, bạc..., bảy báu, tự nhiên đầy đủ; chẳng lạnh, chẳng nóng, thời tiết điều hòa.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương ra đời, châu Diêm-phù này, tự nhiên hình thành ổn định tám vạn ấp, ở đó đều được an lạc, không có điều sợ hãi, muôn dân phát đạt, lúa gạo phong phú, xóm làng đông đúc, rất là dễ mến.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương ra đời, châu Diêm-phù này, nơi vua cai trị, xóm làng thành ấp, nhà cửa san sát, thôn liền nhau, gà bay đến được; dân chúng an lạc, kể sao cho xiết.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương ra đời, châu Diêm-phù này, thường vào lúc nửa đêm, từ trong ao A-na-bà-đạt-đa, nổi lên đám mây lớn, bay phủ khắp châu Diêm-phù và các núi, biển; ngay khi ấy, mưa đổ xuống. Khắp cõi Diêm-phù như trong màng sữa trâu lê. Nước mưa ngập bốn ngón tay, nước mưa ngon ngọt, đủ tám công đức, chảy xuống chỗ thấp liền rút hết, xuống nữa thì lan ra thấm vào trong đất, nước thấm lan chẳng thấy. Đến cuối đêm, mây mù tan hết, có gió trong, mát từ biển lớn nổi lên, thổi hơi ẩm ướt bay đi khắp nơi; dân chúng cõi Diêm-phù xúc chạm, đều được an lạc. Lại nữa, hơi ẩm của vị ngọt ấy thấm vào châu này, khiến khắp nơi được phì nhiêu, tươi tốt, quang đãng. Thí như người thợ giỏi làm tràng hoa và học trò của ông ta, làm tràng hoa xong rồi, lấy nước rưới lên, khiến được thấm ướt, sắc hoa tươi tốt, việc này cũng vậy.

Lại nữa, khi Chuyển luân vương ra đời, tất cả đất đai trong cõi Diêm-phù này, tự nhiên mầu mỡ, tốt tươi, thấm nhuận. Thí như có người lấy váng sữa, dầu thoa lên đồ vật. Đất ấy mầu mỡ, tốt tươi, thấm nhuận cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ra đời rồi, trụ thế lâu dài, trải qua vô số năm. Ở thời gian này, lại cũng chịu nhiều sự tiếp xúc với khổ trong cõi người. Thí như người đàn ông nhỏ bé, thân thể yếu đuối, ăn thức ăn ngon rồi, vận động, làm việc, chịu một ít mệt nhọc, mới được tiêu hóa. Như vậy, Chuyển luân vương kia ở đời lâu dài, ở trong sanh tử, tiếp xúc một ít sự khổ, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân thánh vương, hết thọ mạng, xả thân này rồi, chắc chắn sanh lên trời, cùng sanh đồng chỗ với trời Ba mươi ba.

Chư Tỳ-kheo, ngay khi Chuyển luân thánh vương mạng chung, để cúng dường Chuyển luân thánh vương, ở trong không trung, tự nhiên mưa hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi... các thứ hương hoa, rơi khắp; cũng mưa bột thiên trầm thủy, bột Đa-già-la, bột chiên đàn hương và các thứ hoa như thiên Mạn-đà-la... lại có thiên nhạc, âm thanh vi diệu, tự nhiên trỗi lên; cũng có âm thanh ca ngợi của chư Thiên trong hư không để cúng dường thân Chuyển luân vương ấy, vì làm phúc lợi.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ người nữ báu, vị quan báu chủ kho tàng, tướng báu chủ binh liền dùng các loại nước thơm tinh diệu rửa thân

Chuyển luân vương; dùng nước hoa rửa rồi, trước hết lấy mền bông Liếp-ba-bà, quấn vào thân vua; sau đó mới lấy mền lông thẳng nếp quấn thêm một lớp nữa; kế đến, lại lấy đủ năm trăm tấm mền nhỏ đẹp đẽ, sắp lên hai lớp mền kia, lần lượt bó lại; quấn bó xong rồi, lại lấy kim quan tràn đầy váng dầu, đem thân Chuyển luân vương đặt vào trong kim quan. Lại lấy quách bạc, bọc kim quan này; bỏ vào trong quách bạc rồi, đóng đinh từ trên xuống dưới, để được an toàn. Lại tập trung tất cả cây thơm chất thành đống lớn; sau đó thiêu đốt thân Chuyển luân vương. Thiêu đốt xong rồi thu nhặt tro xương, đặt ở ngã ba đường, xây một tháp cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, trang trí nhiều màu, dùng bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Tháp ấy có bốn bức tường bao bọc, chu vi năm mươi do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can... *lược nói... như trên... cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Khi ấy người nữ báu và chủ kho tàng báu, chủ binh báu vì Chuyển luân vương làm tháp đã xong xuôi rồi, sau đó bày biện đồ cúng thượng diệu; những người đến xin, cúng cấp các thứ, nghĩa là người cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần xe cho xe, cần y phục cho y phục, cần của cải cho của cải, cần đồ báu cho đồ báu, cho khắp tất cả, đều được đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, sau khi Chuyển luân thánh vương mạng chung mới được bảy ngày, thì bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu đều tự nhiên biến mất; người nữ báu, chủ kho tàng, chủ tướng binh cũng đều mạng chung; bốn loại thành báu, từ từ biến đổi, trở thành bờ đất; dân chúng trong cõi, đều tùy lúc dần dần suy giảm.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành hữu vi, vô thường biến đổi như vậy, không có gì thường còn; hư hoại, lìa tan, chẳng được tự tại, là pháp bị tiêu diệt hủy hoại, tạm trong chốc lát, chẳng tồn tại lâu dài.

Chư Tỳ-kheo, nên xả bỏ các hành hữu vi, nên xa lìa, nên nhàm chán, mau cầu đạo giải thoát.

-oOo-

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 1

Chư Tỳ-kheo, ở bốn đại châu, tám vạn tiểu châu, ngoài các núi lớn khác và núi chúa Tu-di, riêng có một núi tên là Chước-ca-la, cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, rộng dài cũng sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, dày đặc kiên cố, do kim cương tạo thành, khó có thể phá hoại.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Thiết vi ấy, lại có thêm một núi Đại thiết vi, cao rộng bằng phẳng, số do-tuần như trước. Khoảng giữa hai núi, rất tối tăm, không có ánh sáng. Mặt trời, mặt trăng có đại oai thần, đại lực, đại đức như vậy mà không thể chiếu đến đó để có ánh sáng.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai núi có tám đại địa ngục. Những gì là tám? Đó là Hoạt đại địa ngục, Hắc đại địa ngục, Hiệp đại địa ngục, Khiếu hoán đại địa ngục, Đại khiếu hoán đại địa ngục, Nhiệt não đại địa ngục, Đại nhiệt não đại địa ngục, A-tỳ-chí đại địa ngục.

Chư Tỳ-kheo, tám đại địa ngục ấy, mỗi cái lại có mười sáu tiểu địa ngục quan hệ trực thuộc bao bọc chung quanh. Mười sáu ngục ấy tất cả đều rộng dài năm trăm do-tuần. Những gì là mười sáu? Đó là địa ngục Hắc vân sa, địa ngục Phẩn niệu nê, địa ngục Ngũ xoa, địa ngục Cơ ngạ, địa ngục Tiêu khát, địa ngục Nùng huyết, địa ngục Nhất đồng phủ, địa ngục Đa đồng phủ, địa ngục Thiết ngại, địa ngục Hàm lượng, địa ngục Kê, địa ngục Khôi hà, địa ngục Chước tiệt, địa ngục Kiếm diệp, địa ngục Cô lang, địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì gọi là đại địa ngục Hoạt?

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong đại địa ngục Hoạt này, có kẻ sanh ra, có kẻ có mặt, có kẻ ra khỏi, có kẻ đang ngụ, ngón tay tự nhiên đều mọc móng sắt dài nhỏ bén, như mũi nhọn. Các chúng sanh ấy, đã thấy nhau rồi, tâm ý dục loạn; vì tâm dục loạn, nên mỗi người dùng móng tay sắt, tự đâm vào thân, khiến cho da rách nát hết; hoặc tự rạch thân; rạch rồi lại rạch, cho đến rạch lớn ra, xẻo rồi lại xẻo, cho đến xẻo thật lớn; cắt rồi lại cắt, cho đến cắt thật lớn.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy tự mình cắt xẻo rồi, mới biết thế này: "Ta nay bị thương, ta nay đã chết". Vì nghiệp báo, nên ngay khi ấy, lại có gió lạnh thổi đến trên thân, khoảnh khắc sống lại, cơ thể da thịt, gân, xương, máu, tủy, sanh ra và hoạt động trở lại; đã được hoạt động lại rồi, vì nhân duyên nghiệp lực, lại khởi lên đủ thứ, bèn gọi nhau bảo: "Chúng sanh các ngươi, ý muốn được sống, đã được sống rồi, thật là quý!"

Chư Tỳ-kheo, nên biết, vì trong đây, chỉ nói một phần nhỏ, nên gọi là Hoạt. Nhưng ở trong đó, lại có biệt nghiệp, chịu khổ rất nặng, đau đớn bức bách, khổ độc khó chịu đựng nổi, cho đến đời trước hoặc là thân người, hoặc chẳng phải là thân người, đã phát khởi, đã tạo tác các nghiệp ác bất thiện, chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa hiện ra một phần nhỏ, chưa hiện ra toàn phần, ở trong khoảng ấy, mạng báo chưa hết, cầu chết chẳng được.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong đại địa ngục Hoạt, có kẻ sanh ra, có kẻ có mặt, cho đến kẻ đang trụ, ngón tay họ lại biến thành nguyên một dao sắt, hoặc nửa cái dao sắt, rất dài, bén nhọn. Họ nhìn nhau, tâm ý dục loạn; đã dục loạn rồi,... *cho đến*... đâm, rạch, xẻo, cắt, phá hết mà chết. Gió lạnh thổi đến, khoảnh khắc sống trở lại.

Chư Tỳ-kheo, như vậy, như vậy, vì nói một phần nhỏ, nên gọi là Hoạt.

Chư Tỳ-kheo, lại vì có biệt nghiệp, nên ở trong đó, chịu rất nhiều khổ não; vì khổ chưa hết, nên cầu chết chẳng được, cho đến đời trước, hoặc là thân người, hoặc chẳng phải là thân người, đã tạo tác những nghiệp ác bất thiện, chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa lìa, nên tất cả nhận chịu đầy đủ như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, chúng sanh ở trong đại địa ngục Hoạt thời gian không kể xiết, khổ báo chưa hết, từ ngục này ra, chạy đi khắp nơi, lại cầu đến nơi khác, có phòng ốc nhà cửa, tìm chỗ cứu hộ, tìm chỗ nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy, vì nghiệp tội, nên liền tự đi vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa. Ngục ấy, rộng dài năm trăm do-tuần. Đã vào ngục rồi, ở trên hư không, nổi lên đám mây đen lớn, mưa cát bay, lửa phừng phực, sức nóng dữ dội. Thân của chúng sanh bị đọa vào trong địa ngục, lửa ấy chạm da thì cháy da, đụng thịt thì cháy thịt, đến gân thì cháy gân, đến xương thì cháy xương, đến tủy thì cháy tủy; phát ra khói rất nóng, bùng lên cùng khắp, chịu khổ não cùng cực. Vì khổ báo ấy chưa hoàn toàn hết, nên cầu chết chẳng được, *cho đến*... Ngày trước, là thân người, hoặc chẳng phải thân người đã tạo tác các nghiệp ác bất thiện, chẳng diệt, chẳng trừ, chẳng chuyển, chẳng biến, chẳng lìa, chẳng mất, lần lượt mà chịu, trải qua thời gian không cùng.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy chịu khổ như vậy, trải qua thời gian không cùng rồi, từ địa ngục Hắc vân sa ra, lại chạy đi tìm cầu phòng xá nhà cửa, cầu cứu giúp, cầu che chở, cầu chỗ nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy, lại tự nhập vào trong tiểu địa ngục Nhiệt phẩn thỉ nê. Ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần; tội nhân vào rồi, từ cổ trở xuống ở trong phân ướt; phân ấy nóng như nước sôi, khói nóng cũng bốc lên thiêu tay, chân, tay, mũi, đầu, mắt, thân thể của tội nhân ấy, trong giây lát chín nhừ, *cho đến*... Ngày trước, hoặc là người, chẳng phải người, đã khởi tạo các nghiệp ác bất thiện, chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chẳng lìa, chẳng mất, nên lần lượt nhận chịu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong tiểu địa ngục Phẩn thỉ, có các thiết trùng, tên là Châm khẩu, ở trong phân ướt đục các chúng sanh, tất cả bộ

phận trên thân đều bị đục thủng, trước hết đục da; đã đục phá da rồi, kế đến đục thịt; đã đục thịt rồi, kế đến đục gân; đã phá gân rồi, kế đến đục xương; đã phá xương rồi, nằm ở trong tủy, ăn tất cả tinh tủy của các chúng sanh, khiến khắp thân chịu khổ kịch liệt. Nhưng thọ mạng của chúng sanh kia cũng chưa dứt hẳn, *cho đến*... Người ấy làm việc ác bất thiện, chưa diệt, chưa hết, lần lượt nhận chịu như vậy.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy ở trong thời gian vô lượng, chịu thống khổ rồi, từ nơi tiểu địa ngục Phẩn thỉ nê thoát ra, lại chạy đi tìm cầu nhà cửa phòng ốc, cầu giúp đỡ, cầu đất đai, cầu nơi nương tựa. Bấy giờ, liền nhập vào trong tiểu địa ngục Ngũ xoa. Ngục ấy rộng năm trăm do-tuần. Các tội nhân ấy, vào ngục này rồi, khi ấy ngục tốt giữ ngục chụp lấy tội nhân giơ cao lên, ném xuống rồi đặt trên sàn sắt nóng dữ dội, khói lửa bùng lên, tội nhân ở trong đó, hôn mê, nằm ngửa, ngục tốt bèn dùng hai đinh sắt nóng, đóng vào hai gót chân, sức nóng hực lên dữ dội; lại lấy hai đinh đóng vào hai tay, sức nóng cũng hực lên dữ dội; ở giữa rốn đóng một đinh sắt, sức nóng trở nên dữ dội. Khi ấy ngục tốt lại dùng năm cái xoa, xẻ năm bộ phận cơ thể, chịu đau đớn hết sức, cho đến nơi ấy, thọ mạng chưa dứt, nghiệp ác chưa hết... Xưa kia là người, chẳng phải là người, đã tạo tất cả nghiệp ác, ở trong ngục này, lần lượt nhận chịu.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy chịu sự đau đớn này, trải qua thời gian không cùng, từ nơi tiểu địa ngục Ngũ xoa ra, lại trở lại đi cầu cứu độ, cầu nhà cửa, cầu đất đai, cầu chỗ nương tựa, cầu che chở, cầu giúp đỡ, liền lại đi đến chỗ địa ngục đói khát. Ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần, tội nhân vào rồi, khi ấy ngục tốt giữ ngục, từ xa thấy những người ấy, từ ngoài đi vào, liền hỏi trước: "Các ngươi nay đi đến đây muốn việc gì?" Các chúng sanh ấy cùng trả lời: "Thưa ngài, chúng tôi đói khát". Ngục tốt nghe thế liền chụp tội nhân, xô nhào xuống nền sắt nóng hừng hực. Lúc ấy tội nhân hôn mê nằm ngửa, ngục tốt dùng kềm sắt cạy miệng họ ra, lấy hòn sắt nóng bỏ vào trong miệng. Môi miệng tội nhân ngay khi ấy cháy tiêu hết; đã đốt môi rồi, liền đốt lưỡi; đã đốt lưỡi rồi, liền đốt hàm ếch; đã đốt hàm ếch rồi, liền đốt yết hầu; đã đốt yết hầu rồi, liền đốt tim; đã đốt tim rồi, liền đốt ngực; đã đốt ngực rồi, liền đốt ruột già; đã đốt ruột già rồi, liền đốt bao tử; đã đốt bao tử rồi, qua đến ruột non, xuống tới bộ hạ, ra ngoài, hòn sắt ấy nóng hừng hực, vẫn còn đỏ như lúc ban đầu. Các chúng sanh ấy, ngay lúc đó, chịu khổ cùng cực mà mạng sống cũng chưa dứt, *nói lược... cho đến*, đời trước, hoặc là người, chẳng phải người, đã tạo... lần lượt như vậy. Trong địa ngục này, chịu đủ các thứ...

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy trong thời gian vô cùng, thọ khổ ấy rồi, từ tiểu địa ngục đói khát này thoát ra, lại chạy đi cầu chỗ giúp đỡ, che chở... *nói lược như trước*. Sau đó lại đi đến địa ngục Tiêu khát; ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần. Vào ngục này rồi, khi ấy, ngục tốt từ xa thấy những người ấy, từ ngoài đi vào, liền hỏi trước: "Nay đây các ngươi cần cầu việc gì?" Tội nhân đáp: "Thưa ngài, nay chúng tôi rất khát". Ngục tốt nghe nói liền chụp tội nhân xô ngã trên nền sắt nóng hừng hực; ở trong sức nóng mãnh liệt ấy, nằm ngửa, hôn mê; ngục tốt liền dùng kềm sắt cạy miệng họ ra, nấu đồng đỏ chảy, rồi đổ vào miệng. các chúng sanh ấy, ngay lúc đó, môi miệng đều cháy bỏng hết; môi miệng cháy bỏng rồi, kế đến đốt lửa; cứ như vậy, đốt hàm ếch, đốt yết hầu, đốt tim, đốt ngực, đốt ruột già, đốt bao tử, đi thẳng qua ruột non, xuống bộ hạ rồi chảy ra ngoài. Các chúng sanh ấy, ngay khi đó, đều chịu khổ cùng cực, chịu đau cùng cực, khổ ấy khác thường, khó thể nghĩ bàn. Nhưng thọ mạng của họ, chưa dứt, chưa hết... *cho đến*... hoặc là người, chẳng phải người tạo nghiệp ác chưa diệt, chưa lìa... *nói lược như trước*, lần lượt nhận chịu đầy đủ như vậy.

□

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN III

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ cùng cực rồi, sau đó từ ngục Tiêu khát rộng năm trăm do-tuần ấy thoát ra, chạy đi... *như trước... lược nói cho đến câu...* cầu chỗ cứu hộ, liền lại đến địa ngục Nùng huyết. Địa ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần, mủ máu lênh láng, ngập sâu đến cổ, đều sôi sùng sục. Chúng sanh ở địa ngục nhập vào trong đó rồi chạy qua chạy lại khắp Đông, Tây, Nam, Bắc. Trong khi chạy như vậy, các chúng sanh ấy bị thiêu tay, thiêu chân, thiêu tai, thiêu mũi. Tay, chân, tai, mũi đã bị thiêu rồi, tất cả chi tiết cũng bị thiêu luôn; khi chi tiết của thân thể đã bị thiêu rồi, các tội nhân ấy chịu khổ não kinh khủng, tàn khốc vô cùng, chẳng thể nghĩ bàn, cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện đã tạo tác từ thân người, chẳng phải người chưa hết thì mạng cũng chưa dứt.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, địa ngục Nùng huyết lại có các loài trùng tên là Tối mãnh thắng. Các loài trùng ấy, vì chúng sanh thọ tội trong địa ngục kia mà gây ra sự khổ não lớn lao: Từ ngoài thân vào, trước hết cắn phá da họ; đã cắn phá da rồi, kế đến cắn phá thịt họ; đã cắn phá thịt rồi, kế đến cắn phá gân họ; đã cắn phá gân rồi, kế đến cắn phá xương họ; đã cắn phá xương rồi, hút tủy họ ra, theo đó mà ăn. Các chúng sanh kia, ngay trong lúc ấy, chịu các khổ cùng cực, cho đến các nghiệp ác bất thiện của người hoặc chẳng phải người đã tạo tác chưa hết, chưa diệt nên thọ mạng chẳng dứt, đều phải chịu đủ.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, địa ngục Nùng huyết có các chúng sanh đói khát bức bách, khi ấy có kẻ dùng tay vốc lấy máu mủ sôi nóng ấy bỏ vào miệng; bỏ vào miệng rồi, lập tức môi miệng kẻ ấy bị cháy bỏng, khi môi miệng bị cháy bỏng liền cháy đến các răng; răng lợi đã cháy rồi, liền cháy đến yết hầu. Cứ như vậy, thiêu cháy ngực, thiêu cháy tim, thiêu cháy ruột, thiêu cháy bao tử; bao tử đã cháy rồi, cháy thẳng đến ruột non, từ đó tuột xuống phần dưới rồi ra ngoài. Các chúng sanh ấy, ở trong địa ngục đó, chịu các khổ nặng nề dữ dội như vậy, mạng sống chưa dứt, cho đến khi

nghiệp ác bất thiện của thân người, chẳng phải người đã từng tạo tác chưa dứt, cứ như vậy lần lượt chịu đựng.

Lại nữa, các Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian vô lượng chịu khổ ách cùng cực, rồi sau đó, từ địa ngục Nùng huyết rộng năm trăm do-tuần ấy thoát ra, chạy đi như trước, cho đến chạy cầu chỗ cứu hộ, liền lại nhập vào trong ngục Nhất đồng phủ. Ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần. Tội nhân vào rồi, ngục tốt thấy họ, liền chụp lấy bỏ vào trong vạc, đầu chúc xuống, chân chỏng lên; các chúng sanh ấy, ngay trong khi bị khát, lửa dữ địa ngục đốt cháy dữ dội, khi nước sôi bùng lên cũng bị rim bị nấu, khi ở khoảng giữa cũng bị rim bị nấu; khi chuyển động dọc ngang qua lại cũng bị rim bị nấu; khi bỏ nước sôi phủ lên cũng bị rim bị nấu; hoặc thấy, chẳng thấy, tất cả các thời đều bị nấu. Thí như thế gian, hoặc nấu đậu nhỏ, đậu lớn, đậu oản, cho vào trong vạc, đổ ngập nước, ở dưới đun lửa, lúc ấy nước sôi trào lên, nước sôi với đậu trộn lẫn; khi đậu nổi lên, cũng bị rim bị nấu, khi chìm xuống cũng bị rim bị nấu, khi ở khoảng giữa cũng bị rim bị nấu, khi chuyển động qua lại cũng bị rim bị nấu, khi bọt phủ cũng bị rim bị nấu; hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, lúc nào cũng bị nấu.

Chư Tỳ-kheo, cứ như vậy, như vậy, ở ngục Nhất đồng phủ, trong đó, ngục tốt nắm lấy tội nhân, cho đầu chúc xuống, cho thân chỏng lên, ném vào vạc đồng. Khi ở trong vạc, bị lửa địa ngục thiêu đốt bức bách. Khi nước sôi trào lên, tội nhân liền bị nổi lên hoặc chìm xuống, theo đó mà bị rim, bị nấu. *Nói lược... cho đến câu* hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, lúc nào cũng bị nấu. Cũng lại như vậy, các chúng sanh ấy, ở trong ngục ấy, chịu khổ kịch liệt, cho đến những nghiệp ác do người, hoặc chẳng phải người, đã tạo tác từ xưa, cứ lần lượt như vậy, ở địa ngục ấy, phải nhận chịu đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loại chúng sanh, trải qua thời gian vô lượng thọ khổ đó rồi, từ tiểu địa ngục Nhất đồng phủ rộng năm trăm do-tuần thoát ra, vội vàng chạy đi như trước,... *cho đến* muốn tìm cầu chỗ cứu hộ. Bấy giờ liền nhập vào trong tiểu địa ngục Đa đồng phủ. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Tội nhân vào rồi, kẻ giữ ngục khi ấy liền đến chụp bắt tội nhân đưa chân lên, chúc đầu xuống, ném vào trong nồi đồng. Lửa dữ địa ngục thiêu đốt bức bách. Khi nước sôi bùng lên cũng bị rim, bị nấu, khi nước sôi hạ xuống cũng bị rim bị nấu; khi ở khoảng giữa cũng bị rim, bị nấu; dọc ngang che khuất, hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, tất cả đều bị rim, nấu. Giống như nấu đậu, đốt lửa thật nhiều,

khi nước sôi trào lên, cũng bị rim bị nấu... *lược nói cho đến câu* hoặc thấy, chẳng thấy, tất cả đều bị rim, bị nấu.

Chư Tỳ-kheo, cứ như vậy, như vậy, ở trong tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần ấy, các loại chúng sanh bị kẻ giữ ngục, chụp hai chân, dựng ngược thân họ, chúc đầu xuống ném vào nồi đồng. Khi ấy tội nhân bị lửa địa ngục thiêu đốt dữ dội, hoặc trên, hoặc dưới, chuyển động dọc ngang... *lược nói... cho đến câu* hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, tất cả đều bị rim nấu, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, trong tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần ấy, các loại chúng sanh lại bị ngục tốt dùng móng tay sắt bấu lấy tội nhân bỏ từ chỗ này qua chỗ khác, lần lượt mà nấu. Khi từ chỗ này ra, đến chỗ khác thì máu mủ da thịt khắp thân ràn rụa, tan nát chẳng còn gì, chỉ còn bộ xương. Khi ấy tội nhân chịu khổ cùng cực, nhưng mạng sống chưa dứt, cho đến khi tất cả nghiệp ác đã tạo từ thân của người hoặc chẳng phải người chưa hết, thì chẳng chấm dứt, ở trong ngục này, đều nhận chịu tất cả.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loại chúng sanh, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần ấy phát chạy ra... *như trước, cho đến câu* muốn tìm cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy liền nhập vào địa ngục Thiết ngại (cối sắt). Ngục đó cũng rộng năm trăm do-tuần. Đã vào trong ấy rồi, kẻ giữ ngục liền xông đến chụp bắt chúng sanh thọ tội, xô ngã ngửa trên chày sắt, dùng lửa dữ thiêu đốt, một lúc sau nước đồng chảy ra. Khi ấy tội nhân nằm ngửa mê man. Ngục tốt mới lấy tảng đá lớn, từ trên ép xuống, ép đi ép lại, do vậy lại bị nghiền nát, nghiền đi nghiền lại, biến thành bụi nhỏ; thành bụi nhỏ rồi, lại nghiền nhỏ nữa, đã nhỏ rồi lại càng nhỏ hơn, biến thành bột mịn, lấy bột mịn ấy, nghiền nữa, nghiền đi nghiền lại, mới thành bột mịn hơn. Trong các thứ bột mịn, đó là bột mịn nhất. Ngay khi ấy, mỡ, máu, não, tủy của thân thể tội nhân, chảy qua một bên, chỉ còn dính lại bột xương mịn, nhưng do mạng báo chưa dứt, trong tất cả thời, chịu khổ cùng cực, cho đến khi nghiệp ác của thân người, chẳng phải người đã tạo chưa mất, thì chưa dứt, cứ lần lượt như vậy mà thọ nhận đủ.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loại chúng sanh, trải qua vô lượng thời gian, chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Thiết ngại rộng năm trăm do-tuần ấy thoát ra, chạy đi... *như trước cho đến*, muốn cầu nhà cửa, muốn cầu chỗ nương tựa, chỗ che chở. Bấy giờ liền nhập vào địa ngục Hàm lượng. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Đã vào trong ấy rồi, kẻ giữ

ngục bèn chụp bắt tội nhân bỏ vào hòm sắt, làm cho lượng lửa mảnh liệt có sẵn trong hòm bùng cháy lên. Khi tội nhân địa ngục bị lửa ấy đốt tay, đốt chân, đốt tai, đốt mũi, đốt tất cả chi tiết, bộ phận trong cơ thể. Trong lúc bị đốt, các tội nhân này chịu mọi nỗi thống khổ cùng cực, nhưng mạng sống của họ chưa được kết thúc, cho đến khi tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo tác ngày xưa của thân người hoặc chẳng phải người chưa dứt thì chưa chết, chưa lìa, chưa mất, cứ lần lượt như vậy nhận chịu đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, có các loại chúng sanh trải qua thời gian vô lượng, thọ khổ rồi, từ tiểu địa ngục Hàm lượng rộng năm trăm do-tuần được thoát ra, chạy đi *như trước*... cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu cứu độ, cầu đất đai, cầu chỗ nương tựa. Khi ấy liền nhập vào tiểu địa ngục Kê. Ngục ấy cũng rộng năm trăm do-tuần. Trong ngục này, chỉ thuần sanh loài gà, tràn ngập cả địa ngục, từ trên thân của gà cho đến đầu gối, cổ, tất cả đều có sức nóng dữ dội, ánh lửa bùng cháy. Các chúng sanh ở trong đó, chạy khắp nơi, chân đạp lửa nóng, ngoái nhìn bốn phía không có chỗ tránh. Lửa lớn bùng cháy đốt tay, đốt chân, đốt tai, đốt mũi; lần lượt như vậy, đốt các chi tiết lớn nhỏ trên cơ thể, cùng lúc đốt hết. Lúc ấy tội nhân chịu khổ cùng cực, đau đớn khôn xiết, nhưng tại nơi đó, mạng báo chưa dứt, thì chưa chết; lần lượt như vậy, nhận đủ tất cả.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loài chúng sanh trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ rồi, từ địa ngục Kê ấy được thoát ra, chạy đi *như trước, cho đến* muốn cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy liền nhập vào địa ngục Khôi hà (Sông tro). Ngục đó cũng rộng năm trăm do-tuần. Chư Tỳ-kheo, khi ấy dòng sông tro tuôn chảy cuồn cuộn, sóng lớn vọt cao, tiếng sóng vang động, nước tro sôi trào, tràn ngập hai bờ; tội nhân vào rồi, theo dòng mà nổi chìm; dưới đáy sông tro, toàn là gai sắt đầu nó rất bén nhọn, như là mới mài. Ở hai bên bờ sông, lại có rừng đao, đứng thẳng, dày đặc, thật đáng kinh sợ. Trong rừng đao, lại có loài chó, hình màu khói đen, lông, da, dơ bẩn; lại rất dễ sợ. Trên bờ, lại có ngục tốt giữ địa ngục ấy. Hai bên bờ sông, đặc biệt có mọc vô số cây Xà-ma-la; cây ấy có nhiều mũi nhọn, đều nhỏ và dài; mũi nó như được mài. Bấy giờ các chúng sanh ở trong địa ngục đã vào trong sông, muốn đến bờ bên kia, ngay lúc ấy, bị sóng lớn nhận chìm đến dưới đáy sông, liền bị mũi gai nhọn bằng sắt dưới lòng sông đâm ngược lên cùng khắp thân thể, chẳng cựa quậy được. Tội nhân trong ấy chịu các khổ cùng cực, nghiêm trọng. Chịu khổ đã lâu, mới được nổi lên, thoát ra. Từ dòng sông tro, qua đến bờ kia; đã lên bờ rồi, lại vào rừng đao, rừng này rất rộng, thân cành rậm rạp, đi qua khu rừng, chạm vào dao bén, đi qua khắp nơi, đi mãi không dừng, bị cắt tay, cắt chân, cắt

tai, cắt mũi, cắt hết chi tiết, cắt hết thân thể không chừa chỗ nào. Lúc ấy tội nhân chịu khổ tàn độc, chịu khổ cùng cực, cho đến khi tất cả nghiệp ác đã tạo ngày trước ở thân người, chẳng phải người chưa hết thì mạng sống cũng chưa dứt, ở trong rừng ấy, đều nhận chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, hai bên bờ sông tro ấy lại có các loại chó, thân chúng đen điu, dơ bẩn dễ sợ, trợn mắt gầm sủa, phát ra âm thanh chát chúa ghê rợn, đăm đăm nhìn vào từng phần của cơ thể chúng sanh trong địa ngục ấy; toàn bộ chi tiết trong cơ thể, chỗ nào có thịt thì xé ra từng miếng mà ăn, chẳng sót một chút nào. Những người ở trong ấy, chịu khổ hết sức, cho đến cùng cực, nhưng chưa được chết, cho đến khi chưa hết nghiệp ác bất thiện đã tạo ở đời trước từ thân người chẳng phải người thì còn phải chịu đủ tất cả.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy bị bức bách do nước sôi trong sông như vậy. Lại còn bị khổ trong rừng đao kiếm bén nhọn, các tên giữ ngục, các loại chó đen đui, dơ bẩn, hung ác, các thứ ấy luôn là sự nguy cấp, không nơi trốn tránh, bèn trèo lên cây Xà-ma-la. Thân cành cây ấy, toàn thể là gai sắt, mũi nó rất nhọn giống như mới mài, đầu nhọn tỉa xuống, đâm vào thân họ. Khi muốn tuột xuống thì các gai sắt đầu nhọn chĩa lên. Các chúng sanh ấy, khi ở trên cây Xà-ma-la lại có các con quạ tên là Thiết sài, bay đến trên cây mổ tội nhân ấy, trước hết mổ đầu, làm vỡ xương sọ, hút não mà ăn. Bấy giờ những người ấy chịu khổ vô cùng, chịu khổ thống thiết, chẳng thể chịu nổi, liền rớt xuống lại trong nước tro sôi; lại bị sóng lớn nhận chìm xuống tận đáy sông, khi đến đáy sông rồi lại bị gai nhọn đâm chích, đã bị đâm chích rồi thì gai sắt dính cùng mình, chẳng thể đi lại, chỉ ở trong đó, chịu khổ vô cùng, chịu khổ quá tàn khốc, chẳng thể chịu nổi. Khi chịu khốn khổ hết mức, sức tàn được khởi, vượt qua khỏi sông tro, chạy đến bờ này; chạy đến bờ này rồi, lại rơi vào rừng đao; khi rơi vào rừng đao lại bị dao nhọn cắt thân thể họ, cắt tay, cắt chân, cho đến cắt khắp tất cả chi tiết. Lại ở trong đó, chịu đủ các khổ, mạng cũng chưa dứt... *lược nói... cho đến* nghiệp ác đã tạo đời trước từ thân người, chẳng phải người chưa dứt chưa hết, phải lần lượt chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, hai bên bờ sông tro, các kẻ giữ ngục, thấy tội nhân ấy, liền đến trước hỏi: "Các ngươi nay vì sao từ xa đến đây, muốn được vật gì?" Các chúng sanh kia đều trả lời: "Chúng tôi quá khát". Khi đó, kẻ giữ ngục liền lại chụp bắt các chúng sanh ấy đặt lên nền đất nung nóng, rực cháy, lật nằm ngửa ra. Trong lúc nằm ngửa, trên thân kẻ ấy, ngọn lửa bùng lên. Ngục tốt liền dùng kềm sắt cạy miệng ra,

dùng nước đồng sôi đổ vào miệng họ. Lúc ấy các chúng sanh trong địa ngục đã uống nước đồng liền bị đốt cháy môi, miệng cho đến ruột non, đi thẳng xuống hạ bộ rồi tuôn ra ngoài. Những tội nhân kia chịu khổ cùng cực, cho đến khi thọ mạng chưa hết, chưa dứt. Những kẻ ấy đối với các nghiệp ác đã tạo ra trong quá khứ của thân người, chẳng phải người chưa diệt hết, đều phải nhận chịu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loại chúng sanh chịu tội báo đó, trải qua thời gian vô lượng, khổ não lâu dài, có ngọn gió tên là Hòa hiệp thổi đến thổi các chúng sanh ở trong địa ngục đến ở bên bờ; lần lượt như vậy, liền từ ngục Khôi hà đó được thoát ra, ra rồi chạy đi, cho đến cầu chỗ cứu hộ. Bấy giờ liền rơi vào địa ngục Chước tiệt. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Tội nhân vào rồi, kẻ giữ ngục liền bắt tội nhân đặt xuống nền đất đỏ rực, cho đến xô lật nằm ngửa trên đất, liền cầm một cái rựa sắt lớn rất nóng đỏ rực dễ sợ. Các chúng sanh thọ tội trong địa ngục ấy bị chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, cắt cả tai mũi; cắt chi, cắt tiết, cắt cả chi tiết, lần lượt như vậy, toàn thân đều bị cắt. Các chúng sanh ấy, ngay lúc đó, chịu khổ cùng cực; thọ mạng chưa dứt cho đến khi các nghiệp ác đã tạo tác của thân người chẳng phải người chưa hết thì cứ như vậy, lần lượt chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Chước tiệt được thoát ra, ra rồi chạy đi cầu chỗ nương tựa, cho đến cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất đai, cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy liền rơi vào địa ngục Kiếm diệp. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Vào trong ấy rồi, do vì quả của nghiệp ác, nên bỗng nhiên có ngọn gió thổi đến, thổi các lá sắt giống như kiếm bén, từ trên không rơi xuống cắt đứt tất cả bộ phận trên thân tội nhân; đó là cắt tay, cắt chân, cắt cả tay chân, cắt tai, cắt mũi, cắt cả tai mũi, cắt chi, cắt tiết, cắt cả chi tiết. Tội nhân chịu khổ cùng cực, chịu khổ ghê gớm, mạng sống cũng chưa dứt... *lược nói như trên*, cho đến nghiệp ác đã tạo của thân người, chẳng phải người chưa diệt, chưa tận, ở địa ngục này, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại ở trong tiểu địa ngục Kiếm diệp ấy, các loại chúng sanh, vì quả của nghiệp ác nên có con quạ mỏ sắt bỗng nhiên bay đến đậu trên hai vai của chúng sanh ấy, chân đạp trên vai, cánh phủ trên đầu, rồi dùng mỏ sắt mổ hai tròng mắt của tội nhân, ngậm trong miệng bay đi. Khi ấy tội nhân chịu khổ cùng cực, đau đớn ghê gớm, chẳng thể nghĩ bàn, nhưng thọ mạng họ cũng chưa dứt hết... *lược nói như trên cho*

đến các nghiệp ác đã tạo tác của thân người, chẳng phải người lần lượt như vậy đều nhận chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh, ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Kiếm diệp thoát ra, ra rồi chạy đi muốn cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất, cầu nơi nương tựa, cầu nơi cứu hộ. Bấy giờ lại rơi vào địa ngục Hồ lang, cũng rộng năm trăm do-tuần. Các chúng sanh ấy vào ngục này rồi, vì quả của nghiệp ác, nên từ trong địa ngục xuất hiện loài lang sói dữ dằn, trợn mắt rống lên phát ra âm thanh rùng rợn, cắn xé thân các chúng sanh trong địa ngục, dùng chân đạp, miệng rứt, xé da thịt và gân mật mà ăn. Lúc ấy tội nhân chịu khổ cùng cực, đau đớn khôn cùng, mạng sống cũng chưa dứt... *lược nói như trước*... nghiệp ác đã tạo tác của thân người, chẳng phải người, lần lượt như vậy ở trong đó, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian vô lượng chịu khổ rồi, từ tiểu địa ngục Hồ lang được thoát ra, ra rồi chạy đi... *cho đến* cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất đai, cầu chỗ cứu hộ, cầu chỗ nương tựa. Khi đó lại rơi vào địa ngục Hàn băng. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Các tội nhân vào ngục đó rồi, vì quả của nghiệp ác, nên bỗng nhiên có luồng gió lạnh, từ bốn phía thổi đến, thổi hơi giá buốt tê cóng chạm vào thân thể chúng sanh ở địa ngục ấy, theo chỗ xúc chạm mà da liền bị xé rách; da bị xé rách rồi, kế đến xé rách thịt; thịt xé rách rồi, tiếp đến xé gân; xé gân rồi, kế đến phá xương; phá nát xương rồi, tiếp đến phá tủy; khi phá đến tủy, các chúng sanh ấy chịu khổ vô cùng, khổ quá sức, cho đến khổ quá lớn không thể chịu nổi, và chấm dứt mạng sống ở trong ấy.

Đó là đại địa ngục thứ nhất tên là Hoạt và mười sáu tiểu địa ngục.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thứ hai là đại địa ngục Hắc thằng, cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần bao bọc chung quanh, từ ngục Hắc vân sa cho đến sau cùng là ngục thứ mười sáu tên là Hàn băng, cùng một loại như nhau.

Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy có nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Hắc thằng? Đại địa ngục ấy có chúng sanh, sanh ra, có mặt, xuất hiện, và ở. Vì nghiệp bất thiện đời trước, nên bị quả báo, ở trên không trung bỗng nhiên sanh ra một dây leo to lớn nóng hừng hực, thí như mây đen từ trên không xuất hiện, phủ khắp mù mịt, xuống giáp mặt đất. Như vậy, như vậy, ở trong đại địa ngục Hắc thằng ấy, có các chúng sanh vì nghiệp bất thiện đời trước của họ nên bị quả báo, từ trên hư không xuất hiện một dây

đen lớn nóng hừng hực, cũng lại như vậy. Các dây đen này rớt xuống trên thân của chúng sanh ở địa ngục ấy, khi rớt xuống trên thân, liền đốt tất cả thân thể tội nhân. Trước hết, đốt da; đã đốt da rồi, kế đến đốt thịt; đã đốt thịt rồi, kế đến đốt gân; đã đốt gân rồi, kế đến đốt xương. Khi đốt xương rồi, thì thấu đến tủy, tủy liền chảy ra, bị lửa thiêu đốt. Khi đốt tủy trong xương, phát ra lửa mạnh. Lúc ấy tội nhân chịu khổ cùng cực. Vì nghiệp của tội ác nên mạng cũng chưa dứt, *cho đến*... nghiệp ác bất thiện do thân của người, chẳng phải người đã tạo tác từ đời trước chưa diệt, chưa biến, chưa trừ, chưa hết nên ở trong ngục này nhận chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại ở trong đại địa ngục Hắc thằng ấy, có các chúng sanh sanh ra, có mặt, ở và hóa thạch. Vì quả báo nơi nghiệp bất thiện đời trước của họ, các kẻ giữ ngục chụp bắt tội nhân đặt trên nền đất sắt nóng hừng hực, ánh lửa cực nóng, toàn thân bị thiêu đốt, lật nằm ngửa, dùng dây sắt nóng quấn khắp thân thể; quấn xong rồi, dùng rìu sắt nóng đỏ rực, chặt ngang chặt dọc thân thể chúng sanh ở trong địa ngục ấy, hoặc chặt làm hai phần, hoặc ba phần, bốn phần, năm phần cho đến mười phần, hoặc hai mươi phần, hoặc năm mươi phần, hoặc đến cả trăm phần. Giống như thợ mộc khéo tay ở thế gian, hoặc đệ tử của ông ta lấy các loại đồ dùng được để trên đất bằng, dùng dây mực ghi dấu đường ngang, dọc, ghi dấu đường xong rồi, liền dùng rìu bén theo đó mà chặt, hoặc chặt làm hai phần, hoặc ba phần, bốn phần, năm phần cho đến mười phần, hoặc hai mươi phần, hoặc đến trăm phần, như vậy, như vậy. Chư Tỳ-kheo, ở trong đại địa ngục Hắc thằng ấy có các chúng sanh cũng lại như vậy. Các kẻ giữ ngục chụp bắt tội nhân đặt trên nền sắt nóng, lật nằm ngửa dùng dây sắt đen quấn lại liền lấy rìu sắt chặt thân thể họ ra thành từng đoạn, cột lại như thế.

Lúc ấy tội nhân đau đớn khôn cùng, chịu khổ cùng cực nhưng mạng sống chưa dứt. Nếu chưa hết các nghiệp ác bất thiện đã tạo tác từ trước từ thân người, chẳng phải người, thì ở trong ngục phải nhận chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục Hắc thằng ấy, có các chúng sanh có mặt, có hóa sanh đến ở. Các kẻ giữ ngục, nắm bắt tội nhân đặt trên nền đất sắt nóng, cho đến xô nằm ngửa trên đất, dùng dây sắt đen quấn quanh mình họ; quấn xong rồi, lại dùng cưa sắt đang rực đỏ, theo chỗ quấn đó, cưa thân thể ra, cưa đi cưa lại, cho đến cưa nát; kế đến bửa ra, bửa đi bửa lại, cho đến bửa nát, hoặc cắt, hoặc chặt; đã cắt chặt rồi, lại cắt chặt nữa, cắt chặt cho đến rất nhỏ. Thí như người thợ cưa khéo tay ở thế gian, hoặc là đệ tử của ông lấy các thứ cây gỗ để trên mặt đất, dùng

dây mực ghi dấu ngang dọc, ghi dấu rồi thì dùng cưa bén theo đó mà cưa, cưa đi cưa lại, cho đến cưa nát; kế đến bửa nhỏ ra; bửa đi bửa lại cho đến bửa nát; lại cắt chặt, đã cắt chặt rồi, lại cắt chặt nữa, cắt chặt cho đến rất nhỏ như vậy, như vậy. Chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục Hắc thằng ấy có các chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở, các ngục tốt giữ ngục chụp bắt tội nhân đặt trên nền đất sắt nóng rực, cho đến lật nằm ngửa trên đất, dùng dây sắt đen quấn quanh để phanh thây, liền dùng cưa sắt đỏ rực cưa sả thân họ, cưa đi cưa lại cho đến cưa nát; bửa đi bửa lại cho đến bửa nát; cắt đi cắt lại cho đến cắt nát; chặt đi chặt lại cho đến chặt nát. Lúc ấy tội nhân... *cho đến* chịu khổ cùng cực, mạng cũng chưa dứt... *lược nói như trên, cho đến* các nghiệp ác đã tạo tác từ thân người, chẳng phải người, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, ở trong đại địa ngục Hắc thằng, có các chúng sanh sanh ra, có mặt *cho đến* ở các ngục tốt dùng dây sắt nóng ánh lửa đỏ rực giao cho các tội nhân, khiến chúng tự đánh nhau; trong lúc đánh nhau làm cháy tay, cháy chân, cháy hết tay chân; cháy tai, cháy mũi, cháy hết tai mũi, cháy chi cháy tiết, cháy hết chi tiết. Khi đó, tội nhân... *cho đến* chịu khổ cùng cực, mạng cũng chưa dứt... *lược nói như trên... cho đến* nghiệp tạo tác từ trước từ thân người chẳng phải người, phải chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại trong địa ngục Hắc thằng ấy có các chúng sanh, sanh ra, có mặt... cho đến ở. Vì quả của nghiệp ác, nên từ trên không có một dây đen lớn xuất hiện, lửa khói hừng hực, sức nóng vô cùng... rơi ngay trên thân của chúng sanh ở trong địa ngục. Khi dây đen chạm đến, theo đó mà trói cột thân thể tội nhân; cột đi cột lại cho đến cột thật chặt; trói đi trói lại cho đến trói thật chặt; đã trói cột rồi lại có gió thổi tới, thổi cho mở ra; khi dây mở ra, các chúng sanh ấy, da trên thân đều bị bóc ra; da đã bị bóc rồi, thịt cũng bóc theo; thịt đã bị bóc rồi, kế đến móc gân ra, cho đến phá xương; gân xương bị phá rồi, thổi vào đến tinh tủy, tinh tủy theo gió bay đi. Bấy giờ tội nhân chịu khổ cùng cực, mạng cùng chưa dứt, *lược nói như trên... cho đến* nghiệp ác bất thiện chưa hết thì cứ như vậy lần lượt chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ lâu dài, mới từ đại địa ngục Hắc thằng thoát ra, ra rồi chạy đi... *cho đến* cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất đai, cầu chỗ nương tựa, cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy lại rơi vào địa ngục Hắc vân sa, ngục này rộng năm trăm do-tuần. Tội nhân đã vào rồi... *lược nói như trên... cho đến* lần lượt rơi vào địa ngục thứ mười sáu là Hàn băng; rơi vào các ngục

ấy rồi cho đến khi mạng chung chịu các thứ khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, đại địa ngục Hiệp cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng dài năm trăm do-tuần, bao bọc chung quanh, từ ngục Hắc vân sa... *nói lược cho đến*... địa ngục cuối cùng tên là địa ngục Hắc băng.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà đại địa ngục ấy gọi là Hiệp?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, có chúng sanh sanh ra, có mặt, xuất hiện và hóa sanh cho đến ở. Do quả báo từ nghiệp ác của chúng sanh ấy, nên có hai núi lớn tên là Bạch dương khẩu ánh lửa đỏ rực nóng bức vô cùng. Lúc bấy giờ tội nhân bị ép đuổi vào trong núi ấy. Vào khoảng giữa hai núi rồi, hai núi liền kẹp lại, lại chạm vào nhau, lại húc nhau, lại ma xát nhau; khi hai núi hiệp lại như vậy, chạm nhau, húc nhau, ma xát nhau rồi, trở về chỗ cũ. Thí như rồng Tỳ-khư-nâu cùng với rồng La-tỳ-khưu-nâu hiệp nhau, chạm nhau, húc nhau, ma xát nhau; chúng đã hiệp nhau, chạm nhau, húc mài nhau rồi, đều trở về chỗ cũ, như vậy, như vậy. Chư Tỳ-kheo, hai ngọn núi ấy hiệp nhau, chạm nhau, húc nhau, mài nhau, mài nhau dữ dội rồi đều trở về chỗ cũ, cũng lại như vậy. Các chúng sanh trong địa ngục ấy, khi bị hai núi hiệp, chạm, húc, mài thì tất cả máu mủ trong thân chảy ra lai láng, chỉ còn có xương bị nghiền nát. Tội nhân lúc bấy giờ... *cho đến* chịu khổ cùng cực, mạng cũng chưa dứt, *lược nói như trên*... lần lượt đều chịu, nên biết như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các đại địa ngục Hiệp ấy có các chúng sanh sanh ra và ở. Ngục tốt giữ ngục ấy bắt các chúng sanh trong địa ngục ấy đặt trên nền sắt nóng, hừng hực; lửa ấy nóng dữ dội, đỏ rực, dễ sợ, xô lật nằm ngửa, lại thấy miếng sắt lớn cũng rất nóng đem phủ lên trên. Giống như cách mài nghiền ở thế gian, như thế mà mài, mài đi, mài lại, lại mài thật kỹ, làm mịn rồi mịn nữa, lại làm rất mịn; nghiền đi nghiền lại, lại nghiền nhỏ nữa cho đến thành bụi; đã thành bụi rồi lại làm thành bụi nhỏ, lần lượt như vậy, biến thành bụi cực nhỏ, khi biến thành bụi nhỏ, tất cả bộ phận cơ thể đều thành mủ máu chảy ra hết, chỉ có bộ xương còn lại chỗ đó. Lúc ấy tội nhân... *cho đến* chịu khổ cùng cực, mạng cũng chưa hết, *lược nói như trên*... lần lượt nên biết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các đại địa ngục ấy, có các chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Ngục tốt giữ ngục ấy bắt các chúng sanh đặt trong chậu sắt lớn rất nóng, chậu ấy hừng hực một màu đỏ rực; đặt vào trong chậu rồi ép lại giống như mía và vỏ gai ở thế gian, trong khi ép như vậy, ép đi ép lại, cho đến ép thật sát; đã bị ép rồi chỉ thấy máu mủ chảy ra một bên, hài cốt đều thành bột mịn. Bấy giờ tội nhân... *cho đến* chịu khổ

cùng cực..., *lược nói như trên*... mạng cũng chưa dứt, tùy theo việc làm của họ mà chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại trong các đại địa ngục Hiệp ấy, có chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Ngục tốt giữ ngục ấy bắt các chúng sanh bỏ vào cối sắt, cối ấy hừng hực, ánh lửa đỏ rực, lại cầm chày sắt, cũng rất nóng giữ tội nhân ấy, giã đi giã lại cho đến giã mạnh; nghiền lại rồi nghiền cho đến nghiền mạnh; đã giã nghiền rồi liền thành bột mịn; đã mịn như vậy rồi mà lại càng mịn nữa, cho đến rất mịn. Trong khi nghiền thành bột mịn, chỉ thấy máu mủ ràn rụa chảy về một bên, chỉ còn bột xương. Bấy giờ, tội nhân... *cho đến*... chịu khổ cùng cực... *lược nói như trên... cho đến*... lúc bấy giờ, mạng cũng chưa dứt, chịu đủ các khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại trong các đại địa ngục Hiệp ấy, có các chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Lúc bấy giờ, ở trên hư không, có một con voi sắt lớn, tự nhiên xuất hiện, hừng hực mạnh mẽ, cho đến ánh lửa một màu đỏ rực, dùng hai chân đạp thân các chúng sanh ở địa ngục ấy, lần lượt đạp từ đầu đến chân, trước hết đạp trên đầu, sau đạp các chỗ khác; đạp đi đạp lại cho đến đạp mạnh; khi bị voi đạp, phần thân chúng sanh trong địa ngục ấy, máu mủ ràn rụa chảy khắp các nơi, chỉ có bột xương còn lại một bên. Bấy giờ tội nhân chịu khổ cùng cực... *lược nói như trên*, mạng cũng chưa dứt, như vậy lần lượt, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại trong các đại địa ngục Hiệp này, các chúng sanh trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ lâu dài; khổ này dứt rồi, từ các đại địa ngục thoát ra, ra rồi một mạch chạy đi... *cho đến* cầu nơi cứu hộ. Bấy giờ lại rơi vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần ấy; rơi vào rồi, lại rơi vào tiểu địa ngục khác..., cứ như vậy cho đến địa ngục Hàn băng, chịu khổ đầy đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại liền nhập vào địa ngục Khiếu hoán. Trong địa ngục đó cũng có mười sáu tiểu địa ngục; mỗi ngục rộng năm trăm do-tuần, bao bọc chung quanh. Từ ngục Hắc vân sa cho đến cuối cùng là địa ngục Hàn băng. Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy, có nhân duyên gì mà gọi là Khiếu hoán? Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Khiếu hoán ấy, có chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Ngục tốt giữ ngục cùng một lúc đuổi ép các chúng sanh ấy khiến vào trong thành sắt. Thành ấy hừng hực, sắt nóng dữ dội, ánh lửa đỏ rực. Lúc ấy tội nhân ở trong thành sắt... *cho đến*... chịu khổ cùng cực. Vì các khổ bức bách, chẳng thể chịu đựng nổi nên thường kêu la, nên gọi là địa ngục Khiếu hoán. Lại trong ngục ấy, dùng sắt làm nhà, phòng xe cộ cũng đều bằng sắt. Lâu đài, vườn ao tất cả đều là lửa lớn

dữ dội, ánh lửa rực sáng, trên dưới rỗng suốt. Ngục tốt dẫn chúng sanh chịu tội cho vào trong ấy, chịu khổ bức bách, chẳng thể chịu nổi, nên liền kêu la, vì vậy gọi là địa ngục Khiếu hoán. Tội nhân ở trong ấy, chịu khổ vô cùng. *Lược nói như trên*... mạng cũng chưa dứt. Nếu nghiệp ác bất thiện của họ chưa dứt, thì cứ lần lượt như vậy mà chịu đầy đủ. Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các loài chúng sanh chịu khổ lâu dài, trải qua thời gian vô lượng, từ địa ngục Khiếu hoán thoát ra, ra rồi chạy đi... *lược nói như trước... cho đến* cầu nơi cứu hộ, liền lại đến các tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần, nhập vào rồi, chịu đủ các tội như trước... *lược nói... cho đến* sau cùng nhập vào địa ngục Hàn băng, thọ đủ các khổ mới được mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy, cũng có mười sáu tiểu ngục vây chung quanh, đều rộng dài năm trăm do-tuần, từ ngục Hắc vân sa cho đến cuối cùng là địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy có nhân duyên gì mà được gọi là Đại khiếu hoán?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy, có chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở. Các ngục tốt giữ ngục bắt chúng sanh ấy cũng bỏ vào trong thành sắt nóng cháy dữ dội, cho đến trên dưới ánh lửa rực sáng cùng khắp. Tội nhân ở trong ấy chịu khổ cùng cực, vì các khổ não bức bách chẳng thể chịu nổi nên phải kêu la lớn tiếng. Do nhân duyên ấy nên gọi địa ngục đó là Đại khiếu hoán. Trong địa ngục đó, cũng dùng sắt nóng mà làm nhà; phòng xá, xe cộ, lầu gác đều làm bằng sắt, lửa dữ hừng hực đỏ rực khắp nơi; tội nhân trong đó, chịu khổ cùng cực... *lược nói như trên*... mạng cũng chưa dứt... lần lượt như vậy, nhận chịu đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, lại các loại chúng sanh trong địa ngục ấy chịu khổ lâu dài, trải qua thời gian vô lượng, mới từ đại địa ngục Đại khiếu hoán được thoát ra, thoát ra rồi chạy đi... *cho đến*... n*ói lược*... cầu nơi cứu hộ. Lúc ấy, lại rơi vào trong các tiểu địa ngục Hắc vân sa; vào rồi chịu khổ... cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng, chịu đủ các khổ, cho đến mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong đại địa ngục Nhiệt não ấy, cũng có mười sáu tiểu địa ngục vây bọc chung quanh. Ngục ấy, mỗi cái đều giống như trước, rộng dài năm trăm do-tuần, từ Hắc vân sa cho đến cuối cùng là địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy có nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Nhiệt não?

Chư Tỳ-kheo, ở trong đại địa ngục Nhiệt não ấy chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến ở; các ngục tốt giữ ngục bắt chúng sanh ấy chúc đầu xuống treo chân lên, bỏ vào trong nồi, nồi đó rất nóng, nước sôi sùng sục, lửa đỏ phừng phực phủ ngập tội nhân theo nước bùng lên hạ xuống. Ngay khi đó, tội nhân chịu nóng bức hết sức, nóng bức cùng cực..., vì vậy nên gọi là ngục Đại nhiệt não. Lại trong ngục ấy có vò sắt, chậu sắt, vạc sắt, đảnh sắt, nồi sắt, cũng đều rực đỏ, nóng vô cùng. Lại đem tội nhân bỏ vào trong đó. Lúc ấy tội nhân bị lửa địa ngục hoặc nấu, hoặc rim, chịu các khổ não; chịu khổ não rồi, lại chịu khổ não nữa; chịu khổ não cùng cực. Vì vậy gọi là địa ngục Nhiệt não rất nóng. Tội nhân ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *Lược nói như trước*... cho đến mạng chung, lần lượt như vậy, chịu đủ các khổ. Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng chịu các thứ khổ dài lâu trong ấy rồi, mới từ đại địa ngục đại địa ngục Nhiệt não vô cùng nóng bức ấy thoát ra, ra rồi chạy đi... *cho đến*... muốn cầu nơi cứu hộ, nơi nương tựa. Lúc ấy lại rơi vào các tiểu địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là địa ngục Hàn băng, nếu mạng chưa dứt thì lần lượt chịu các khổ não như trước.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN IV

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 3

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí cũng có mười sáu loại địa ngục trực thuộc, bao bọc chung quanh. Mỗi ngục rộng năm trăm do-tuần, trước hết là địa ngục Hắc vân sa, cho đến cuối cùng là địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, địa ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là A-tỳ-chí?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy có các chúng sanh, sanh ra, có mặt, xuất hiện và ở đó. Các chúng sanh ấy do quả báo của các nghiệp ác, tự nhiên sanh ra. Các ngục tốt giữ ngục dùng hai tay chụp thân của chúng sanh trong địa ngục ấy, ném trên nền sắt nóng hừng hực, ánh lửa bốc thẳng lên một cách mãnh liệt, phủ khắp mặt đất, rồi cầm dao bén từ mắt cá xẻ gân ra. dùng tay lôi rút cho đến gân trên đầu, tất cả đều dính mắc nhau, xuyên thấu tim tủy, thống khổ khó bàn; lôi rút như vậy rồi, bỏ lên xe sắt, vội vàng kéo chạy. Xe ấy rất nóng, ánh lửa hừng hực mãnh liệt, kéo chạy qua vô lượng do-tuần. Chỗ đã đi qua toàn là đường sắt hiểm hóc lửa cháy đỏ rực, đi rồi, lại đi tùy theo ý của ngục tốt, không có thời gian dừng nghỉ, muốn đến phương nào theo ý liền đến, tùy chỗ đi, tùy chỗ đến, ngục tốt kéo đi, không hề rời xa. Khi đi như vậy, tùy chốn đi qua, thiêu tiêu thân tội nhân, máu thịt không còn lại chút nào. Do nhân duyên ấy chịu khổ vô cùng, chịu khổ kịch liệt, khổ chẳng chịu nổi, mạng sống cũng chưa dứt cho đến khi nghiệp ác bất thiện chưa hết, chưa diệt, chưa tan, chưa biến, chưa đổi thì những việc đã làm của thân người và chẳng phải người từ trước, đều chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, có các chúng sanh sanh ra, có mặt, biến hóa và ở đó. Vì quả báo theo nghiệp bất thiện của họ, từ phía Đông, có một đống lửa lớn bỗng nhiên hiện ra, màu đỏ hừng hực, mãnh liệt vô cùng, rực đỏ về một phía. Lần lượt như vậy, phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới, đâu đâu cũng có đống lửa rất lớn phát ra ngọn lửa đỏ rực, sức nóng hừng hực. Lúc ấy tội nhân bị các

đống lửa bốn phương này vây quanh dần dần áp sát, chạm vào thân thể nên chịu các thống khổ... *cho đến* chịu khổ cùng cực mà mạng cũng chưa dứt... *như trên...* ở trong các ngục ấy, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, có các chúng sanh sanh ra, có mặt *cho đến*... ở đó. Do quả báo của nghiệp ác, nên từ tường phương Đông, phát ra ánh lửa lớn vọt thẳng tới tường phía Tây, đến rồi dừng lại. Từ tường phía Tây phát ra ngọn lửa lớn vọt thẳng xa qua tường phía Đông, đến rồi dừng lại. Từ tường phía Nam phát ra ngọn lửa lớn vọt thẳng tới tường phía Bắc. Từ tường phía Bắc phát ra ngọn lửa lớn vọt thẳng tới tường phía Nam, từ dưới vọt lên; từ trên vọt xuống; dọc ngang, trên dưới liên tục lao vào nhau. Ánh lửa rực đỏ, khối lửa chạm nhau. Lúc ấy ngục tốt bắt các tội nhân ném vào trong đống lửa lớn do sáu phương nhóm lại đó. Các tội nhân ấy... *cho đến* chịu khổ cùng cực và mạng cũng chưa dứt... *lược nói...* cho đến khi các nghiệp ác bất thiện của họ chưa dứt thì ở khoảng giữa đó, chịu đầy đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt... *cho đến* ở đó, do quả báo của nghiệp ác nên trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ lâu dài. Bấy giờ, họ thấy ở cửa phía Đông của địa ngục bỗng nhiên tự mở. Các chúng sanh ấy đã nghe tiếng mở cửa, thấy cửa mở, liền chạy đến đó, chạy rồi, chạy lại rất nhanh. Họ nói: "Chúng ta đến nơi đó chắc chắn sẽ được thoát ra. Nay chúng ta nếu đến được chỗ ấy, chắc là được an lành". Các chúng sanh ấy khi chạy đi như vậy, chạy đi, chạy đi mãi, chạy đi rất nhanh, thân họ chuyển thành ánh lửa rực đỏ, giống như thế gian có người con trai tráng kiện cầm ngọn đuốc lớn chạy ngược gió, lửa của ngọn đuốc ấy chuyển thành rực đỏ, ánh lửa mãnh liệt... như thế, như thế. Các chúng sanh ấy chạy như vậy, gần đến cửa thì do nghiệp lực của tội báo, cửa lại tự đóng. Khi ấy tội nhân ở trong ngục đó, bị ngọn lửa rực cháy nung nóng nền sắt làm cho tội nhân mê man ngã xuống, úp mặt mà chịu; nằm úp xuống rồi, liền bị đốt da; đã bị đốt da rồi, kế đến bị đốt thịt; đã bị đốt thịt rồi, kế đến bị đốt gân; đã bị đốt gân rồi, kế đến bị đốt xương; đã bị đốt xương rồi, đốt thấu đến tủy. Khi đốt thấu đến tủy, chỉ thấy khói bay ra, bay ra mãi; khói hết rồi, lửa phát ra; tội nhân ở trong đó, *cho đến*... lần lượt chịu khổ cùng cực mà mạng cũng chưa dứt... *lược nói như trước*... Nghiệp ác bất thiện của những kẻ ấy chưa hết cho đến những điều đã làm của thân người hay chẳng phải người từ trước, ở trong đó, chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, các

chúng sanh sanh ra, có mặt... *cho đến* ở đó. Do quả báo của các nghiệp ác bất thiện, nên trải qua thời gian vô lượng, ở trong đó chịu các khổ rồi, bốn cửa địa ngục lại mở ra lại. Khi cửa ngục mở, các chúng sanh trong địa ngục ấy nghe tiếng động, thấy cửa mở, nhắm theo cửa chạy ra, chạy mãi chạy mãi, cho đến chạy hết sức nhanh, khởi ý nghĩ thế này: "Chúng ta nay đây, đang ở nơi này, nhất định sẽ thoát được. Chúng ta nay đây, nhất định sẽ hết khổ". Các người ấy, khi đang cố sức chạy như vậy, thân họ lại chuyển thành lửa đỏ mãnh liệt. Giống như một người đàn ông mạnh khỏe cầm cây đuốc bằng cỏ khô chạy ngược gió. Cây đuốc ấy đã cháy, lại càng cháy mạnh hơn. Như vậy, như vậy, các chúng sanh ấy chạy rồi chạy mãi, chạy hết sức nhanh, trong lúc chạy, các chi phần nơi thân thể của họ chuyển thành lửa đỏ; khi muốn cất chân lên thì máu thịt đều tan ra, khi muốn đặt chân xuống thì máu thịt sanh lại, khi đến các cửa ngục thì các cửa ngục đều đóng. Các chúng sanh ấy ở trên nền sắt nóng hừng hực ấy, một mặt chạy đi nhưng chẳng ra được tâm họ hôn mê, té úp xuống đất. Té úp xuống đất rồi, bị đốt hết da trên thân; đã bị đốt da rồi, kế đến bị đốt thịt; đã bị đốt thịt rồi lại bị đốt xương, cho đến đốt thấu tủy, khói lửa phực lên, khói tỏa mịt mù, lửa bốc đỏ rực, khói lửa quyện nhau, sức nóng tăng gấp bội, các tội nhân trong ấy, chịu khổ cùng cực... *lược nói như trước cho đến* thọ mạng chưa được chấm dứt, nghiệp ác bất thiện chưa diệt, chưa lìa, chưa biến, chưa tan... *cho đến* các việc đã tạo tác của thân người hay chẳng phải người từ trước, tất cả đều chịu đủ.

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, có các chúng sanh... *cho đến* ở đó, do vì sức quả báo của các nghiệp ác bất thiện, mà bị ngọn lửa bừng lên thiêu đốt. Bấy giờ sắc và mắt đã thấy đều là những cái không vừa ý; cái vừa ý đều chẳng hiện ra; chẳng phải là cái mà ý ưa thích như là sắc chẳng thể ưa, sắc chẳng đẹp thường gây bực bội. Âm thanh mà tai nghe, mùi mà mũi ngửi, vị mà lưỡi nếm, cái mà thân xúc chạm, điều mà ý nghĩ đến đều là những cái mà tâm ý chẳng ưa, chẳng phải là cái mà ý ưa, chẳng phải là điều mà ý thích thì thường hiện ra. Hễ có cảnh giới đều là chẳng tốt, những tội nhân ở trong đó, do nhân duyên ấy nên thường chịu khổ não nặng nề; vì sắc kia xấu nên xúc kia cũng vậy, cho đến thọ mạng chưa được chấm dứt, nghiệp ác bất thiện chưa hết, chưa diệt; đối với tất cả các nghiệp ác đã tạo tác của thân người hay chẳng phải người đời trước thì phải chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do duyên cớ gì mà ngục A-tỳ-chí gọi là A-tỳ-chí?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chí ấy, vào tất cả thời gian, không có một khoảnh khắc nào tạm hưởng được sự an lạc, kể cả khoảng thời gian như búng ngón tay, vì vậy gọi tên đại địa ngục ấy là A-tỳ-chí. Lần lượt như vậy, chịu khổ liên tục.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục ấy, trải qua thời gian vô lượng, chịu khổ lâu dài cho đến khi từ đại địa ngục A-tỳ-chí này được thoát ra, ra rồi chạy đi; chạy rồi chạy mãi cho đến chạy thật nhanh, muốn cầu nhà cửa, cầu che chở, cầu đất đai, cầu nơi nương tựa, cầu chỗ cứu hộ. Bấy giờ, lại rơi vào các tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần như Hắc vân sa...; rơi vào rồi... *cho đến lược nói* cuối cùng đến địa ngục thứ mười sáu tên là Hàn băng, chịu đủ các khổ. Sau đó, chính từ nơi ấy mới bỏ mạng. Đến đây, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu người thân, khẩu, ý tạo nghiệp
Làm rồi rơi vào trong đường ác
Như thế sẽ sanh địa ngục Hoạt
Là nơi đáng sợ, lông dựng đứng
Trải qua vô số ngàn ức năm
Chết rồi khoảnh khắc sống trở lại
Oán thù mỗi mỗi vay trả nhau
Do chúng sanh ấy lại giết nhau
Đối với cha mẹ, khởi tâm ác
Hoặc Phật, Bồ-tát, chúng Thanh văn
Kẻ ấy đều đọa ngục Hắc thằng.
Chốn ấy chịu khổ thật vô cùng
Dạy người chánh hạnh làm tà vạy
Thấy kẻ làm lành quyết phá hoại
Kẻ ấy đều đọa ngục Hắc thằng.
Hai lưỡi, lời ác, nói dối nhiều.
Chẳng tu ba thứ mầm thiện căn
Kẻ ấy si mê sẽ phải vào
Đại địa ngục Hiệp, chịu khổ lâu
Hoặc giết dê, ngựa và trâu bò
Các loại thú gà heo vân vân
Và giết các loại trùng kiến khác
Kẻ ấy sẽ đọa địa ngục Hiệp.
Ở đời dùng đủ thứ khủng bố
Để mà bức bách hại chúng sanh
Sẽ đọa trong địa ngục Ngại sơn

Chịu các khổ ném, ép, đâm, giã
Vì tham dục, sân, si kết sử
Đảo lộn chánh lý khiến sai khác
Phải cho là quấy, trái pháp luật
Họ bị đao kiếm xoay đâm thủng
Ỷ vào sức mạnh cướp của người
Có sức hay không đều lấy sạch
Nếu làm việc bức não như vậy
Kẻ ấy sẽ sanh ngục Khiếu hoán.
Dùng mọi cách xúc não chúng sanh
Ở ngục Khiếu hoán bị thiêu nấu
Trong đó lại có Đại khiếu hoán
Là do tâm dua nịnh gian xảo
Tà kiến dày đặc che lấp hết
Dây ái buộc ràng chịu trầm luân
Thường tạo nghiệp thấp kém như vậy
Họ đều bị đọa Đại khiếu hoán.
Khi đến Đại khiếu hoán như vậy
Thành sắt cháy hừng, lông rụng ngược
Trong đó nhà sắt và phòng sắt
Người đến nhập vào đều bị thiêu
Nếu làm các việc ở thế gian
Thường gây não loạn cho chúng sanh
Kẻ ấy sẽ sanh ngục Nhiệt não
Trong vô lượng thời chịu nóng bức.
Sa-môn, Bà-la-môn, thế gian
Cha mẹ, tôn trưởng bậc kỳ cựu
Thường xúc não họ khiến chẳng vui
Kẻ ấy đều đọa ngục Nhiệt não.
Tịnh nghiệp sanh thiên, chẳng ưa tu
Thường chia rẽ người thương chí thân
Kẻ ưa làm các việc như vậy
Tất sẽ đọa vào ngục Nhiệt não.
Ác với Sa-môn, Bà-la-môn
Cùng các người hiền và cha mẹ
Hoặc lại làm hại các Tôn giả
Họ đọa nhiệt não bị thiêu đốt
Thường hay tạo tác nhiều nghiệp ác

Chưa từng phát khởi một niệm lành
Người ấy đọa thẳng ngục A-tỳ
Sẽ chịu vô lượng mọi khổ não.
Nếu bảo chánh pháp là phi pháp
Bảo các phi pháp là chánh pháp
Không lợi ích đối với việc lành
Người ấy sẽ đọa ngục A-tỳ.
Cùng hai ngục Hoạt và Hắc thằng
Hiệp và Khiếu hoán là năm ngục
Nhiệt não, đại nhiệt cọng thành bảy
Ngục A-tỳ-chí là thứ tám.
Đó là tên tám đại địa ngục
Nóng bức quá khổ không chịu nổi
Do nghiệp ác mà người tạo ra
Trong đó có mười sáu tiểu ngục.

Đức Thế Tôn thuyết kệ ấy xong, bảo các Tỳ-kheo:

–Này chư Tỳ-kheo, các vị nên biết khoảng giữa thế giới kia, lại riêng có mười địa ngục. Những gì là mười? Đó là địa ngục Át-phù-đà, địa ngục Nê-la-phù-đà, địa ngục A-hô, địa ngục Hô-hô-bà, địa ngục A-ca-ca, địa ngục Tao-kiền-đề-ca, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Ba-đầu-ma, địa ngục Bôn-trà-lợi, địa ngục Câu-mâu-đầu. Chư Tỳ-kheo, trong khoảng giữa ấy, có mười loại địa ngục như vậy.

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà địa ngục ấy gọi là Át-phù-đà? Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong ngục Át-phù-đà có thân hình giống như bọt nước, vì vậy gọi là Át-phù-đà.

Lại nữa, ở trong đó có địa ngục Nê-la-phù-đà. Do nhân duyên gì mà gọi là Nê-la-phù-đà? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Nê-la-phù-đà ấy, các chúng sanh có thân hình giống như cục thịt, vì vậy gọi đó là Nê-la-phù-đà.

Lại nữa, ở trong đó, có địa ngục A-hô. Do nhân duyên gì mà gọi là A-hô? Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong ngục A-hô chịu khổ cùng cực, trong khi bị bức bách kêu la: "A-hô! A-hô!" Thật là thảm thiết, vì vậy gọi đó là địa ngục A-hô.

Lại nữa, ở trong đó có địa ngục Hô-hô-bà. Do nhân duyên gì mà gọi là Hô-hô-bà? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Hô-hô-bà ấy, các loại chúng sanh vì khi bị khổ bức bách liền kêu la: "Hô hô bà!" Vì vậy gọi đó là Hô-hô-bà.

Lại nữa, ở trong đó có địa ngục A-tra-tra. Do nhân duyên gì mà gọi là A-tra-tra. Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục A-tra-tra ấy, các chúng sanh vì bị khổ não bức bách thân họ, chỉ kêu lên được: "A tra tra! A tra tra!" Nhưng âm vang nơi lưỡi chẳng thoát ra khỏi miệng, vì vậy gọi đó là A-tra-tra.

Lại nữa, ở trong đó có địa ngục Tao-kiền-đề-ca. Do nhân duyên gì mà gọi là Tao-kiền-đề-ca? Vì màu của ngọn lửa dữ giống như Tao-kiền-đề-ca, vì vậy gọi đó là Tao-kiền-đề-ca.

Lại nữa, ở trong đó có ngục Ưu-bát-la. Do nhân duyên gì mà gọi là Ưu-bát-la? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Ưu-bát-la ấy, màu của lửa dữ như hoa Ưu-bát-la, vì vậy gọi đó là Ưu-bát-la.

Lại nữa, ở trong đó có ngục Câu-mâu-đầu. Do nhân duyên gì mà gọi là Câu-mâu-đầu? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Câu-mâu-đầu ấy, màu của lửa dữ giống như hoa Câu-mâu-đầu, vì vậy gọi đó là Câu-mâu-đầu.

Lại nữa, ở trong đó có ngục Bôn-trà-lợi-ca. Do nhân duyên gì mà gọi là Bôn-trà-lợi-ca? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Bôn-trà-lợi-ca, màu của lửa dữ như hoa Bôn-trà-lợi-ca, vì vậy gọi đó là Bôn-trà-lợi-ca.

Lại nữa, ở trong đó có ngục Ba-đầu-ma. Do nhân duyên gì mà gọi là Ba-đầu-ma? Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Ba-đầu-ma ấy, màu của lửa dữ như hoa Ba-đầu-ma, vì vậy gọi đó là Ba-đầu-ma.

Chư Tỳ-kheo, như cái hộc của nước Kiều-tất-la, đong đầy hai mươi hộc hạt mè như vậy, vun cao không khỏa khi ấy, có một người đàn ông, mãi một trăm năm lấy đi một hạt mè, lần lượt như vậy, cứ đúng một trăm năm lại lấy một hạt ném đi nơi khác. Chư Tỳ-kheo, cứ ném như vậy cho đến hai mươi hộc của nước Kiều-tất-la đựng đầy mè; thời gian như vậy, ta nói, thọ mạng của tội nhân ở ngục Át-phù-đà còn chưa dứt hẳn, chỉ dùng con số này mà nói đại khái. Hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Át-phù-đà như vậy bằng một lần tuổi thọ ở ngục Nê-la-phù-đà; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Nê-la-phù-đà bằng tuổi thọ ở ngục A-hô; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục A-hô bằng một lần tuổi thọ ở ngục Hô-hô-bà; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Hô-hô-bà bằng một lần tuổi thọ ở ngục A-tra-tra; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục A-tra-tra bằng một lần tuổi thọ ở ngục Tao-kiền-đề-ca; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Tao-kiền-đề-ca bằng một lần tuổi thọ ở ngục Ưu-bát-la; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Ưu-bát-la bằng một lần tuổi thọ ở ngục Câu-mâu-đầu; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Câu-mâu-đầu bằng một lần tuổi thọ ở ngục Bôn-trà-lợi-ca; hai mươi lần tuổi thọ ở ngục Bôn-trà-lợi-ca bằng một lần tuổi thọ ở ngục Ba-đầu-ma; hai mươi lần tuổi thọ

ở ngục Ba-đầu-ma là một chung kiếp.

Chư Tỳ-kheo, tại chốn của địa ngục Ba-đầu-ma, nếu các chúng sanh ở cách xa nơi ấy một trăm do-tuần, liền bị ngọn lửa của ngục ấy táp đến; nếu chúng sanh ở cách xa năm mươi do-tuần thì bị lửa ấy xông đều đui không thấy; nếu chúng sanh ở cách xa hai mươi lăm do-tuần thì máu huyết trong thân thể bị nung nóng hư hoại.

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù-ca-lê vì đối với Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên khởi tâm bài báng, tâm ô uế, tâm độc ác, nên sau khi chết liền đọa vào ngục Ba-đầu-ma. Sau khi đọa vào ngục ấy, từ trong miệng của ông ấy phát ra một ngọn lửa nóng lớn, dài hơn mười khuỷu tay; ở trên lưỡi của ông ta tự nhiên có năm trăm lưỡi cày sắt thường xuyên cày trên ấy. Chư Tỳ-kheo, Ta ở những nơi khác, chưa từng thấy một kẻ nào tự làm tổn hại như vậy, nghĩa là ở bên người phạm hạnh mà sanh tâm cấu uế, tâm tổn não, tâm độc ác, tâm chẳng lợi ích, tâm không tình thương, tâm bất tịnh. Chư Tỳ-kheo, vì vậy, các ông nên đối với tất cả những người phạm hạnh, khởi nghiệp thân, khẩu, ý từ bi. Như Ta đã thấy người ngày đêm khởi thân, khẩu, ý nghiệp từ bi thì thường được an lạc. Vì vậy cho nên, tất cả Tỳ-kheo các ông đều nên như điều Ta thấy, Ta nói, ngày đêm thường khởi tâm từ. Các ông thường nên học tập như vậy. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Khi các người sống ở thế gian
Trên lưỡi tự nhiên sanh rìu búa
Nghĩa là miệng nói điều độc ác
Trở lại làm hại chính thân mình.
Người đáng khen ngợi lại không khen
Người chẳng nên khen thì lại khen
Như vậy gọi là miệng tranh cãi
Do sự tranh này nên không vui
Nếu người đánh bạc được tiền của
Đó là việc tranh nhỏ thế gian
Với người tịnh hạnh khởi tâm xấu
Gọi là từ miệng tranh cãi lớn
Như vậy ba mươi sáu trăm ngàn
Số địa ngục Nê-la-phù-đà
Năm chốn địa ngục Át-phù-đà
Cho đến địa ngục Ba-đầu-ma
Vì hủy Thánh nhân nên như vậy

Do nghiệp khẩu ý gây tội ác.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa thế giới, lại có các thứ gió tên là Nhiệt não. Chư Tỳ-kheo, các thứ gió ấy nếu thổi đến châu này thì các chúng sanh sanh ra và ở trong bốn châu này, tất cả bộ phận trong thân đều hoại diệt, tiêu tan không còn gì hết. Thí như cỏ lau nếu bị cắt mà chẳng tưới nước thì sẽ khô héo, chẳng còn gì. Như vậy, như vậy, chư Tỳ-kheo, khoảng giữa thế giới có các thứ gió tên là Nhiệt não, nếu khi thổi đến bốn châu này thì ở đấy, chúng sanh đều bị khô chết, không còn gì hết, cũng lại như vậy. Nhưng vì hai núi Thiết vi và Đại thiết vi ở bên trong ngăn lại nên ngọn gió kia chẳng thổi đến đây được.

Chư Tỳ-kheo, núi Thiết vi và Đại thiết vi kia có đại lợi ích như vậy, vì các chúng sanh ở trong bốn thế giới, bốn châu này làm chỗ nương tựa.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khoảng giữa thế giới có các thứ gió thổi vào địa ngục thiêu đốt chúng sanh, thịt mỡ, tủy trên thân và các thứ hơi hôi thối bất tịnh, thật đáng ghê sợ. Chư Tỳ-kheo, gió ấy, nếu thổi đến trong thế giới bốn châu này, thì chúng sanh ở đây cho đến ở đó, tất cả đều bị đui mù, không có mắt, do vì hơi hôi thối cực mạnh. Nhưng do vì hai núi Thiết vi và Đại thiết vi ngăn lại làm trở ngại nên mùi hôi thối đó chẳng bay đến được.

Chư Tỳ-kheo, hai ngọn núi lớn Thiết vi và Đại thiết vi đã có thể vì các chúng sanh ở trong thế giới bốn châu này làm việc lợi ích rất lớn như vậy, thành nơi nương tựa cho các chúng sanh.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khoảng giữa thế giới, lại có gió lớn gọi là Tăng-già-đa. Chư Tỳ-kheo, gió ấy, nếu thổi đến thế giới này, thì bốn đại châu trong thế giới này cùng tám vạn bốn ngàn các tiểu châu khác, các núi lớn khác, núi chúa Tu-di đều có thể bị nhấc bổng lên, cách mặt đất hoặc cao một câu-lô-xá, nhấc lên rồi có thể làm cho vỡ ra tan đi... *cho đến* hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá, đã nhấc lên rồi đều có thể làm cho tan vỡ tiêu mất…, cho đến nhấc lên cao một do-tuần, tan vỡ tiêu mất, cũng như trước đã nói, như vậy cho đến nhấc lên hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần phá hủy làm cho tiêu tan…, *cho đến* nhấc lên một trăm do-tuần, phá hủy làm cho tiêu tan… nhấc lên hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần rồi phá hoại tiêu tan cũng giống như trước…, *cho đến* nhấc lên một ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần rồi phá hủy tiêu tan. Thí như một người trai trẻ tay nắm bột mì, nắm rồi giơ cao lên bóp vụn ra, ở giữa hư không, ném vãi tứ tán, không còn gì hết. Như vậy, như vậy, chư Tỳ-kheo, khoảng giữa thế giới ấy, có các thứ gió cực mạnh

gọi là Tăng-già-đa, nếu gió ấy thổi đến bốn châu này thì khi ấy bốn châu trong thế giới này và tám vạn bốn ngàn các châu nhỏ khác, tất cả các núi và núi chúa Tu-di đều bị nhấc lên cao đến một câu-lô-xá, phá hủy, tiêu tan… *lược nói như trước… cho đến* nhấc cao lên bảy ngàn do-tuần, phá hoại tiêu tan, cũng lại như vậy. Chư Tỳ-kheo, nhưng vì do hai núi Thiết vi và Đại thiết vi trong đó ngăn lại nên gió chẳng thổi đến được. Chư Tỳ-kheo, do oai đức của hai núi Thiết vi và Đại thiết vi trong ấy có lợi ích lớn nên mới được như vậy, vì các loại chúng sanh ở trong thế giới bốn châu này làm chỗ nương tựa.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngay bên ngoài hai núi Thiết vi ở phía Nam châu Diêm-phù có trú xứ của cung điện vua Diêm-ma, bằng phẳng rộng dài sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông. Bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, có nhiều màu dễ xem, do bảy báu tạo thành. Đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não… tạo thành. Ở bốn phương đều có các cửa, mỗi cửa đều có hàng rào bảo vệ, lầu đài, cung điện, vườn cảnh, ao hoa, các ao hoa ấy và trong vườn cảnh có các thứ cây, các thứ cây ấy có các thứ lá, các thứ hoa thơm, các thứ quả đẹp dày đặc khắp nơi, các thứ mùi thơm theo gió lan ra, các loài chim đều cùng nhau ca hót.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vua Diêm-ma ấy, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên vào ban đêm ba lần và ban ngày ba lần, tự nhiên có nước đồng đỏ xuất hiện trước mặt. Ngay lúc ấy, cung điện của vua liền biến thành sắt, đầu tiên, công năng của năm dục ngay trước mắt đều biến mất. Nếu vua ở trong cung thì ngay trong cung cũng xuất hiện như vậy. Khi ấy vua Diêm-ma thấy việc như thế thì lo sợ bất an, tóc lông dựng ngược, liền chạy ra ngoài. Nếu vua ở ngoài cung, thì ở bên ngoài cũng lại xuất hiện như vậy. Lúc ấy vua Diêm-ma lòng sanh sợ sệt, run rẩy bất an, tóc lông trên thân cùng lúc dựng ngược liền chạy vào trong. Khi ấy kẻ giữ ngục chụp vua Diêm-ma, giơ cao lên, ném nằm xuống trên nền sắt nóng. Nền sắt bừng cháy dữ dội, ánh sáng đỏ rực. Khi ném nằm xuống rồi, liền lấy kềm sắt cạy miệng ra, lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng, môi miệng bị bỏng rồi, kế đến lưỡi bỏng; lưỡi đã bị bỏng rồi, lại bỏng yết hầu; yết hầu đã bị bỏng rồi, lại bỏng đến ruột già, ruột non… lần lượt cháy bỏng hết, theo hạ bộ mà ra. Bấy giờ vua Diêm-ma nghĩ: "Tất cả chúng sanh vì ngày xưa, thân đã làm hạnh ác, miệng đã nói lời ác, ý đã nghĩ điều ác, vì vậy bọn họ đều phải chịu các loại khổ não khác nhau, tâm chẳng được vui. Như các chúng sanh trong địa ngục, nay thân này của ta cùng các chúng sanh khác; vua Diêm-ma là người gây ra nghiệp cũng vậy thôi.

Than ôi! Ta nguyện từ nay xả thân này rồi, khi thọ thân khác đều cùng với người ở nhân gian cùng nhau thọ sanh. Bấy giờ khiến ta ở trong pháp của Như Lai sẽ được tín giải. Khi được tín giải đầy đủ, ta sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, được tín giải chân chánh, bỏ nhà xuất gia. Khi ta xuất gia rồi, sống hòa hiệp chẳng bao lâu, đối với thân thiện nam đã làm việc gì mà được tín giải chân chánh? Bỏ nhà xuất gia, ở trong pháp thấy được chỗ cùng tột của phạm hạnh vô thượng nên tự thông đạt, chứng đắc; đã chứng đắc đầy đủ rồi, ta mong rằng: "Nay ta sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đều đã làm xong, lại đối với đời sau chẳng thọ sanh nữa"."

Chư Tỳ-kheo, vua Diêm-ma, khi ấy phát khởi và huân tập những ý nghĩ tốt đẹp như vậy, nên ngay bấy giờ, cung điện của vua Diêm-ma trở lại thành bảy báu, các thứ xuất hiện giống như công năng nơi năm dục của chư Thiên hiện ra đầy đủ. Bấy giờ vua Diêm-ma lại khởi lên ý nghĩ: "Tất cả chúng sanh, vì thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện nên được sung sướng. Xin nguyện cho họ đều được hưởng an lạc như vậy. Thí như đám Dạ-xoa ở trên không, đó là thân ta cùng vua Diêm-ma khác và chúng sanh trong các cõi là những người cùng tạo nghiệp".

Chư Tỳ-kheo, có ba Thiên sứ ở trong thế gian. Những gì là ba? Đó là lão, bệnh, tử.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người vì tự buông lung, thân làm việc ác, miệng nói việc ác, ý nghĩ ác. Những người như vậy, thân, miệng, ý đều ác. Do nhân duyên ấy nên khi thân hoại mạng chung, đọa vào cõi ác sanh trong địa ngục. Những kẻ giữ ngục ngay khi ấy đến xua đuổi chúng sanh đó đến trước mặt vua Diêm-ma, tâu: "Tâu Thiên vương, những chúng sanh này xưa ở nhân gian, tự do phóng túng, hùa làm theo việc bất thiện, buông thả thân, miệng, ý làm các việc ác nên nay sanh lại ở đây, xin Thiên vương khéo chỉ dạy họ, khéo quở trách họ". Vua Diêm-ma hỏi tội nhân: "Này các ngươi, xưa ở nhân gian, vị đệ nhất Thiên sứ có khéo chỉ dạy các ngươi, có khéo quở trách các ngươi chăng? Thường thấy vị Thiên sứ ấy xuất hiện chăng?"

Đáp rằng: "Tâu Đại thiên, chúng tôi thật chẳng thấy". Vua Diêm-ma lại bảo: "Các ngươi thường thấy xưa kia khi ở thế gian làm thân người, hoặc là đàn bà, hoặc là đàn ông, khi tướng già lão xuất hiện, răng rụng, tóc bạc, da dẻ nhăn nheo, đen đỉu biến thể, hiện tượng như hạt mè, tay co lưng còng, bước đi khập khểnh, chân chẳng theo mình, nghiêng ngã hai bên, cổ nhỏ da đùn, hai bên xệ xuống, giống như cổ bò, môi miệng khô

khốc, họng lưỡi khô ngạt, thân thể yếu còm, khí lực mỏng manh, khò khè ra tiếng giống như kéo cưa, bước tới muốn ngã, chống gậy mà đi, tuổi cao suy tổn, thịt tiêu máu kiệt, gầy gò yếu đuối, qua lại đường đời, cử động chậm chạp không còn như trẻ, cho đến thân tâm thường hay run rẩy chẳng yên, tất cả chi tiết mệt mỏi khó điều khiển, ngươi có thấy chăng?"

Những kẻ ấy đáp: "Tâu Đại thiên, quả thật chúng tôi có thấy". Vua Diêm-ma lại bảo họ: "Các ngươi là người ngu si, ngày xưa đã thấy tướng mạo như vậy, vì sao không suy nghĩ như thế này: "Nay thân ta đây cũng có những hiện tượng ấy, cũng có những việc ấy; ta cũng chưa xa lìa những các hiện tượng ấy; ta nay có đủ hiện tượng già nua như vậy chưa xa lìa được. Ta sẽ đối với thân, khẩu, ý cũng có thể tạo tác các nghiệp lành vi diệu, khiến ta sẽ có quả báo lợi ích an lạc lâu dài"."

Những người ấy đáp lại: "Tâu Đại thiên, chúng tôi thật chẳng suy nghĩ như vậy. Vì sao? Vì tâm phóng túng nên làm những việc buông lung". Vua Diêm-ma lại bảo: "Các ngươi là người ngu si, nếu là như vậy thì các ngươi tự biếng nhác, làm việc phóng túng, chẳng tu nghiệp thiện nơi thân, khẩu và ý. Do nhân duyên ấy, các ngươi sẽ bị khổ não trong đêm dài, không có an lạc. Vì vậy, các ngươi sẽ phải chịu đầy đủ tội phóng dật này, bị quả báo của những nghiệp ác như vậy, cũng như những chúng sanh khác chịu tội báo này. Lại nữa, quả báo khổ não của những nghiệp ác này nơi các ngươi, chẳng phải do mẹ các ngươi tạo, chẳng phải do cha các ngươi tạo, chẳng phải do anh em các ngươi tạo, chẳng phải do chị em các ngươi tạo, chẳng phải quốc vương tạo, chẳng phải chư Thiên tạo, cũng chẳng phải tổ tiên ngày trước tạo, đó là do tự thân các ngươi tạo nghiệp ác này, nay tập hợp lại để chịu quả báo này".

Bấy giờ vua Diêm-ma trình bày đầy đủ đệ nhất Thiên sứ như vậy để khéo chỉ dẫn, quở trách họ rồi, lại đem đệ nhị Thiên sứ khéo chỉ dẫn, quở trách họ, bảo: "Này các ngươi, các ngươi đã bao giờ từng thấy đệ nhị Thiên sứ xuất hiện ở thế gian chăng?" Đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi quả thật chẳng thấy". Vua lại bảo: "Các ngươi đâu chẳng thấy khi xưa làm thân người tại thế gian, hoặc làm thân đàn bà, hoặc làm thân đàn ông, tứ đại hòa hiệp, bỗng nhiên chống trái, bị bệnh khổ xâm nhập, khốn đốn triền miên, hoặc nằm trên giường nhỏ, hoặc nằm trên giường lớn, vì tự phóng uế nên thân mình dơ bẩn, lăn lóc trên đó hết sức bực bội, nằm ngủ ngồi dậy đều nhờ người dìu đỡ, cho ăn, cho uống, tất cả đều nhờ người, các ngươi có thấy chăng?"

Những người ấy đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi quả thật có thấy".

Vua lại bảo: "Các kẻ ngu si kia, các ngươi thấy như vậy, nếu là người thông minh thì tại sao chẳng suy nghĩ như vầy: "Nay ta cũng có hiện tượng như vậy, nay ta cũng có việc như vậy, ta cũng chưa xa lìa hiện tượng hoạn nạn như vậy, chưa thoát khỏi được. Nên tự biết ta nay cũng có thể tạo các nghiệp thiện, hoặc nghiệp thiện của thân, hoặc khẩu, hoặc ý, khi ấy ta sẽ được đại lợi ích, được an lạc lâu dài"."

Những người ấy đáp: "Tâu Đại thiên, dạ không, chúng tôi quả thật chẳng suy nghĩ như vậy, vì tâm biếng nhác nên làm việc phóng túng".

Vua lại bảo: "Các người ngu si kia, nay các ngươi đã làm việc phóng dật như vậy, lười biếng nhác nhớm, chẳng làm việc thiện, hoặc nghiệp thiện của thân, hoặc khẩu, hoặc ý thì làm sao các ngươi có thể hưởng được quả báo lợi ích, an lạc lâu dài. Vì vậy các ngươi phải tu hành việc thiện. Nếu hành phóng dật, chạy theo sự phóng dật thì nghiệp ác này của các ngươi chẳng phải do cha mẹ tạo, chẳng phải do chị em tạo, chẳng phải vua, chẳng phải trời, cũng chẳng phải tổ tiên ngày trước tạo, chẳng phải các Sa-môn, Bà-la-môn… tạo. Nghiệp ác này các ngươi đã tự tạo, các ngươi tự trở lại nhận chịu quả báo này".

Khi ấy vua Diêm-ma đã đem đệ nhị Thiên sứ để khéo chỉ dẫn, quở trách bọn họ như vậy rồi, lại đem đệ tam Thiên sứ để khéo chỉ bày, khéo quở trách họ, nói: "Này bọn ngu si kia, các ngươi khi xưa làm thân người ở thế gian, đã từng thấy đệ tam Thiên sứ xuất hiện ở đó chăng?" Đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi quả thật chẳng thấy". Vua Diêm-ma lại bảo: "Các người ngu si kia, khi ở thế gian đâu chẳng thấy, hoặc thân đàn bà, hoặc thân đàn ông, lúc mạng chung, đặt ở trên giường, lấy áo nhiều màu phủ kín trên thân, mang ra khỏi xóm làng, lại làm các thứ tràng phan, xe lọng bao bọc trang nghiêm, quyến thuộc vây quanh, vứt bỏ chuỗi báu, đưa tay xõa tóc, tro đất bôi đầu, vô cùng sầu khổ, kêu gào khóc lóc, hoặc kêu than ôi, hoặc kêu cha, hoặc kể công dưỡng dục, xót thương đấm ngực, nghẹn ngào đau đớn thảm thiết, các ngươi có thấy chăng?" Đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi quả thật có thấy".

Vua Diêm-ma lại bảo: "Các người ngu si kia, các người ngày xưa đã thấy những việc như vậy, thì tại sao chẳng suy nghĩ như vầy: "Ta nay cũng có hiện tượng như vậy, thân ta cũng có những việc như vậy, ta chưa thoát được những việc như vậy, ta cũng có chết, ta cũng có hiện tượng chết, chưa được thoát khỏi. Ta nay nên tạo các nghiệp thiện, nghiệp thiện hoặc của thân, hoặc của miệng, hoặc của ý, là vì để được lợi ích lớn, được an lạc lâu dài cho ta?" Những người ấy đáp: "Tâu Đại thiên, chúng tôi

quả thật chẳng suy nghĩ như vậy. Vì sao? Vì do phóng dật".

Vua Diêm-ma lại bảo: "Các người ngu si kia, các ngươi đã là người làm việc phóng dật. Vì phóng dật nên chẳng tạo nghiệp thiện, cũng chẳng vì sự lợi ích lâu dài, sự an lạc lâu dài của các ngươi mà tu các điều thiện của thân, khẩu, ý. Vì vậy nay các ngươi có việc như vậy, gọi là việc làm phóng dật. Vì phóng dật nên các ngươi tự tạo các nghiệp ác bất thiện này. Nghiệp ác này của các ngươi, chẳng phải do cha mẹ tạo, chẳng phải do anh em tạo, chẳng phải do chị em tạo, chẳng phải vua, chẳng phải trời, cũng chẳng phải tổ tiên ngày trước tạo. Lại chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn tạo. Nghiệp ác này của các ngươi là do các ngươi tự tạo, tự tập hợp lại; bị quả báo này, các ngươi lại tự nhận chịu".

Khi ấy vua Diêm-ma đem đầy đủ việc của đệ tam Thiên sứ chỉ bày, quở trách các tội nhân ấy. Quở trách xong, ra lệnh dẫn đi. Khi ấy, kẻ giữ ngục liền chụp lấy hai tay, hai chân tội nhân, chúc đầu xuống, chỏng chân lên, ném ngược họ vào trong các địa ngục.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Chúng sanh tạo tác nghiệp ác rồi
Sau khi chết, đọa vào đường ác
Khi vua Diêm-ma thấy họ đến
Dùng tâm thương xót mà quở trách:
Khi xưa ngươi ở tại nhân gian
Há chẳng thấy lão, bệnh, tử sao?
Đó là Thiên sứ đến chỉ dạy
Tại sao phóng túng chẳng hay biết.
Buông thân, khẩu, ý nhiễm các trần
Chẳng hành ý, giới, tự điều phục
Như vậy làm sao gọi là biết?
Và chẳng tạo tác nhân lợi ích.
Bấy giờ vua Diêm-ma như pháp
Đã quở trách tội nhân như vậy.
Kẻ ấy ngạt thở, tâm sợ hãi
Toàn thân run rẩy tâu vua rằng:
Tôi xưa do theo bạn bè ác
Nghe các pháp lành tâm chẳng ưa
Bị tham dục sân hận buộc ràng
Chẳng làm tự lợi nên tổn thân.
Vua nói: ngươi chẳng tu nhân lành

Chỉ thuần tạo các thứ nghiệp ác
Người si, ngày nay phải gặt quả
Nhận chịu việc kia nên đến ngục.
Tất cả các nghiệp ác như thế
Chẳng phải cha và mẹ làm ra
Chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn
Lại chẳng phải Quốc vương, chư Thiên
Đó chính là ngươi tự tạo tác
Đủ các loại nghiệp ác bất tịnh
Đã tự tạo các nghiệp ác ấy
Nay phải nhận chịu quả ác này.
Vua kia cùng với ba Thiên sứ
Lần lượt dạy bảo quở trách xong
Khi ấy ngục chủ, vua Diêm-ma
Buông tha tội nhân khiến dẫn đi.
Kẻ ở trong chỗ vua Diêm-ma
Liền đến trước chụp bắt tội nhân
Dẫn dắt họ đến chỗ địa ngục
Là chốn đáng sợ, lông dựng ngược
Bốn bên đối nhau có bốn cửa
Bốn phương, bốn hướng đều sừng sững
Tường bọc chung quanh đều bằng sắt
Bốn bên lại dùng lan can sắt
Sắt nóng hừng hực dùng làm nền
Ánh lửa mãnh liệt, khói nghi ngút
Xa thấy khiếp sợ tâm phân tán
Hừng hực đỏ rực chẳng dám đến
Giống như trong vòng trăm do-tuần
Lửa lớn cháy bừng phủ dày đặc.
Chúng sanh trong đó đều bị thiêu
Đều do ngày trước tạo nhân ác
Lại bị ba Thiên sứ quở trách
Nhưng tâm phóng dật không quán sát
Bọn họ ngày nay hối hận mãi
Đều do tâm tội lỗi ngày xưa.
Các loại chúng sanh có trí tuệ
Nếu thấy Thiên sứ đến chỉ dẫn
Phải nên tinh cần chớ phóng dật

Vua khéo léo nói thánh pháp này
Đã thấy nghe rồi phải kinh sợ
Chốn cùng tận các cõi tử sinh
Tất cả không đâu hơn Niết-bàn
Các hoạn nạn hết không còn nữa.
Đến đó đạt an ổn diệu lạc
Như vậy, thấy pháp đạt tịch diệt
Đó là vượt qua các sợ hãi
Tự nhiên đắc Niết-bàn tịch tịnh.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN V

Phẩm 5: CÁC RỒNG VÀ KIM SÍ ĐIỂU

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, tất cả loài Rồng có bốn cách thọ sanh. Những gì là bốn? Một là sanh từ trứng, hai là sanh từ bào thai, ba là sanh từ chỗ ẩm thấp, bốn là sanh từ sự biến hóa. Đó gọi là bốn cách thọ sanh của Rồng.

Chư Tỳ-kheo, loài Kim sí điểu cũng có bốn cách thọ sanh, đó là sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp, sanh từ sự biến hóa. Đó gọi là bốn cách thọ sanh.

Chư Tỳ-kheo, dưới nước của biển lớn, có cung điện của Long vương Sa-già-la, rộng dài bằng phẳng tám do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can trang trí chung quanh, có bảy lớp dây ngọc, trong điện báo linh báu. Lại có bảy hàng cây Đa-la mọc thẳng che khuất ánh sáng, bao bọc chung quanh, màu sắc đẹp đẽ dễ xem; có các báu trang trí, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu đỏ, xa cừ, mã não..., bảy báu tạo thành. Ở bốn phía cung điện đều có các cửa, mỗi cửa đều có các lâu đài, lầu quán, phòng vệ. Lại có vườn cảnh và suối, ao. Trong các ao vườn, ao nào cũng đủ các loại hoa, cỏ ngay hàng thẳng lối. Lại có các cây, với các thứ cành lá, các thứ hoa quả, các thứ hương thơm theo gió lan xa, các loài chim cùng cất giọng trong trẻo thánh thót.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai núi: núi chúa Tu-di và núi Khư-đề-la, lại có cung điện của hai đại Long vương là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà tọa lạc. Nơi ấy dài rộng sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can… *lược nói… như trên… cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của biển lớn có sanh một cội đại thọ cho các Long vương và tất cả Điểu vương cánh vàng tên là Cư-tra-xà-ma-ly (Đời Tùy gọi là Lộc tự), chu vi cội cây ấy bảy do-tuần, phần ăn sâu xuống đất là hai mươi do-tuần, thân vươn cao một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Ngoài phạm vi của cây, vườn cảnh dài rộng, bằng

phẳng năm trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến*... các loài chim cùng nhau ca hót… *như trên*…

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có cung điện của loài Rồng sanh từ trứng và loài Kim sí điểu sanh từ trứng tọa lạc. Cung điện ấy, mỗi cái dài rộng sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến*… các loài chim cùng nhau ca hót… *như trên*…

Phía Nam của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có cung điện của loài Rồng sanh từ bào thai và loài Kim sí điểu sanh từ bào thai tọa lạc. Mỗi cái cũng dài rộng sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến*… các loài chim cùng nhau ca hót… *như trên*…

Phía Tây của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp tọa lạc. Mỗi cái cũng dài rộng sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến*… các loài chim cùng nhau ca hót… *như trên*…

Phía Bắc của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ sự biến hóa tọa lạc. Mỗi cái cũng dài rộng sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót… *như trên*…

Chư Tỳ-kheo, khi Điểu vương cánh vàng sanh từ trứng kia muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng thì liền bay đến đậu trên cành phía Đông của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly xem xét biển lớn xong, rồi mới bay xuống, dùng hai cánh quạt nước biển lớn khiến nước tự rẽ ra hai trăm do-tuần. Ngay trong lúc ấy, nó ngậm loài Rồng sanh từ trứng bay ra khỏi biển, tùy ý mà ăn.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ trứng chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng tùy ý mà ăn thịt, chứ chẳng thể bắt các loài Rồng sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp, sanh từ chỗ biến hóa.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ bào thai nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng liền bay đến đậu trên cành phía Đông của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly nhìn xuống biển lớn rồi mới bay xuống, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, khiến nước tự rẽ ra hai trăm do-tuần, nhân đó mới ngậm lấy các loài Rồng sanh từ trứng bay ra khỏi biển, tùy ý ăn thịt.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ bào thai nếu muốn bắt loài Rồng sanh bào thai liền bay đến đậu trên cành ở phía Nam của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly nhìn xuống biển lớn, rồi dùng hai cánh quạt nước biển lớn, khiến nước rẽ ra bốn trăm do-tuần, liền ngay lúc ấy, bắt các loài Rồng sanh từ bào thai bay ra khỏi biển, tùy ý mà ăn.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ bào thai ấy chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng và loài Rồng sanh từ bào thai, theo nhu cầu của chúng, chứ chẳng thể bắt hai loài Rồng sanh từ sự ẩm thấp và sanh từ sự biến hóa.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ chỗ ẩm thấp nếu khi muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng, liền bay đến đậu trên cành phía Đông của cây đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước rẽ ra hai trăm do-tuần, xong ngậm lấy loài Rồng sanh từ trứng, tùy ý ăn thịt.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ chỗ ẩm thấp, nếu khi muốn bắt loài Rồng sanh từ bào thai liền bay đến đậu trên cành phía Nam của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước rẽ ra bốn trăm do-tuần, xong ngậm lấy loài Rồng sanh từ bào thai sử dụng theo ý thích.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ chỗ ẩm thấp, nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp, liền bay đến đậu trên cành phía Tây của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước rẽ ra tám trăm do-tuần, liền ngậm lấy loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp, tùy ý ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ chỗ ẩm thấp chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng, từ bào thai, từ ẩm thấp, tùy theo nhu cầu, tùy ý mà ăn, chứ chẳng thể bắt loài Rồng sanh từ sự biến hóa.

Chư Tỳ-kheo, Điểu vương cánh vàng sanh từ sự biến hóa ấy, nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng, ngay khi ấy bay đến đậu trên cành cây phía Đông của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần, liền ngậm lấy loài Rồng sanh từ trứng, tùy ý mà ăn.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ sự biến hóa ấy, nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ bào thai thì ngay khi ấy bay đến đậu trên cành phía Nam của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần. Nước biển đã rẽ ra rồi, Điểu vương sanh từ sự biến hóa liền ngậm lấy các loài Rồng sanh từ bào thai, tùy ý mà ăn.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ sự biến hóa nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp, liền bay đến đậu trên cành cây phía Tây của đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển, nước biển rẽ ra tám trăm do-tuần, liền ngậm lấy các loài Rồng sanh từ ẩm thấp, tùy ý mà ăn.

Lại nữa, Điểu vương cánh vàng sanh từ sự biến hóa ấy, nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ biến hóa, thì bay đến đậu trên cành phía Bắc của

cây đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, nhìn xuống biển lớn, liền dùng hai cánh quạt nước biển lớn, nước biển rẽ ra một ngàn sáu trăm do-tuần, liền ngậm lấy các loài Rồng sanh từ sự biến hóa, tùy ý mà ăn.

Chư Tỳ-kheo, các loài Rồng ấy đều bị Điểu vương cánh vàng này ăn thịt hết. Thế nhưng, này chư Tỳ-kheo, đặc biệt có loài Rồng mà Kim sí điểu không thể bắt được, đó là Long vương Ta-già-la, chưa từng bị Điểu vương cánh vàng kia làm kinh động. Lại có Long vương Nan-đà, Long vương Ưu-ba-nan-đà, hai Long vương này cũng chẳng bị Điểu vương cánh vàng kia bắt được. Lại có Long vương Đề-đầu-lại-tra, Long vương A-na-bà-đạt-đa, Điểu vương cánh vàng cũng chẳng thể bắt được. Chư Tỳ-kheo, ngoài ra, cũng còn có các Long vương khác nữa, chẳng bị Điểu vương cánh vàng bắt ăn thịt, đó là Long vương Ma-đa-xa-ca, Long vương Đức-xoa-ca, Long vương Yết-lặc-noa-kiều-đa-ma-già, Long vương Xí-bà-đà-phất-tri-lê-ca, Long vương Quân sư Ba-đà-ca, Long vương Cam-bà-la, Long vương A-thấp-bà-đa-la... Chư Tỳ-kheo, lại có các loại Rồng khác ở trong cảnh giới mà họ ở, cũng chẳng bị các Kim sí điểu ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh này có nhân duyên gì ở trong các cõi sanh làm loài Rồng như vậy? Chư Tỳ-kheo, có các chúng sanh huân tu nhân Rồng, thọ trì giới Rồng, phát khởi tâm Rồng, phân biệt ý Rồng, tạo nghiệp như vậy rồi, vì nhân duyên kia đã thành thục, nên sanh vào loài Rồng. Lại có chúng sanh huân tu nhân Kim sí điểu, thọ trì giới Kim sí điểu, phát khởi tâm Kim sí điểu, phân biệt ý Kim sí điểu, vì nhân duyên ấy mà khi thân hoại mạng hết, sanh vào loài Kim sí điểu như vậy. Lại có chúng sanh huân tu nhân dã thú, thọ trì giới dã thú, phát khởi tâm dã thú, làm theo nghiệp dã thú, phân biệt ý dã thú; vì huân tu các loại nhân, giới của các loài thú, phát khởi hành nghiệp, thành tựu tâm ý, do nhân duyên ấy mà thân hoại mạng hết, liền sanh vào các loài thú. Lại có chúng sanh huân tu nhân trâu, bò; giới trâu bò, nghiệp trâu bò, tâm trâu bò, ý trâu bò... *cho đến* phân biệt… Vì nhân duyên ấy, nên sanh vào loài trâu bò. Lại có chúng sanh huân tu nhân gà, giới gà, nghiệp gà, tâm gà, ý gà... *cho đến* phân biệt… vì nhân duyên ấy nên sanh vào loài gà. Lại có chúng sanh tu nhân cú mèo, thọ giới cú mèo, phát tâm cú mèo, hành nghiệp cú mèo, phân biệt ý cú mèo, vì huân tu nghiệp cú mèo, thọ giới cú mèo, khởi tâm cú mèo, phân biệt ý cú mèo, nên xả thân này rồi sanh vào loài cú mèo.

Chư Tỳ-kheo, lại có chúng sanh huân tu giới mặt trăng, hoặc tu giới mặt trời, giới tinh tú, giới đại nhân, hoặc có kẻ huân tu giới mặc nhiên, hoặc có kẻ huân tu giới đại lực thiên, hoặc có kẻ huân tu giới đại trượng

phu, hoặc có kẻ huân tu giới nhập thủy, hoặc có kẻ huân tu giới cúng dường mặt trời, hoặc có kẻ huân tu giới thờ hành hỏa, hoặc tu khổ hạnh. Tại các chỗ dơ bẩn, đã huân tu rồi, khởi lên ý nghĩ thế này: "Nguyện cho những giới mà ta đã tu này, đó là giới mặt trăng, giới mặt trời, giới sao mai, giới mặc nhiên, giới đại lực thiên, giới đại trượng phu, giới thủy, giới hỏa, khổ hạnh, dơ uế, các giới như vậy, khiến cho ta do nhân duyên này sẽ được làm trời, hoặc được quả báo của trời", phát ra những nguyện tư duy tà vạy như vậy. Chư Tỳ-kheo, phước của các trượng phu này đen tối, nên phát khởi tâm tà nguyện. Nay Ta bảo rằng chỗ hướng đến của những kẻ ấy chắc chắn có hai chốn là hoặc sanh vào địa ngục, hoặc sanh vào loài súc sanh.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn… đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là thường còn. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối. Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là không thường còn. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian cũng vừa thường còn vừa không thường còn. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian chẳng phải thường còn, chẳng phải không thường còn. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, hoặc có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian có biên giới. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian không có biên giới. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian cũng vừa có biên giới, vừa không có biên giới. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian chẳng phải có biên giới, chẳng phải chẳng có biên giới. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, hoặc có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Mạng tức là thân. Đây mới là sự thật, ngoài ra là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Có mạng có thân. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Không có mạng, không có thân. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Như Lai sau khi tịch còn hiện hữu. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-

môn đưa ra kiến giải và nói: "Như Lai sau khi tịch không còn hiện hữu. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Như Lai sau khi tịch cũng vừa hiện hữu, cũng vừa không hiện hữu. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều hư dối". Lại có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: 'Như Lai sau khi tịch chẳng phải hiện hữu, chẳng phải không hiện hữu. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: " Ngã và thế gian là thường. Đây là sự thật, ngoài ra đều hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong các hành, đang có kiến chấp về ngã, có kiến chấp về thế gian, lìa khỏi các hành cũng có kiến chấp về ngã, có kiến chấp về thế gian. Do ý nghĩa đó, đã đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là thường. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là vô thường. Đây là sự thật, ngoài ra đều là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong các hành đang có kiến chấp về vô ngã, kiến chấp không có thế gian, rời khỏi các hành, cũng có kiến chấp về vô ngã, kiến chấp không có thế gian. Do ý nghĩa ấy, họ mới nói thế này: "Ngã và thế gian là vô thường. Đây mới là sự thật, ngoài ra đều là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối" là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong các hành, đang có kiến chấp về ngã, kiến chấp thế gian, rời khỏi các hành cũng có kiến chấp về ngã, và kiến chấp về thế gian. Do ý nghĩa ấy, họ mới nói thế này: "Ngã và thế gian cũng thường cũng vô thường. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải chẳng thường. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong các hành, đang có kiến chấp về ngã, kiến chấp về thế gian, rời khỏi các hành cũng có kiến chấp về ngã, kiến chấp về thế gian. Vì vậy nên họ nói: "Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải chẳng thường. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là có biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã lập thuyết thế này: "Mạng có biên giới,

nhân có biên giới, từ khi mới nhập thai vào bụng mẹ mới gọi là mạng, đến sau khi chết chôn gọi là nhân. Trước giai đoạn nhân, tức là khi mới xuất sanh thọ thân bốn đại chủng đã trải qua bảy lần đọa lạc, bảy lần luân chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi mới thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy nên họ nói thế này: "Ngã và thế gian là có biên giới, đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy có nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian là không biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì các Sa-môn, Bà-la-môn ấy lập thuyết thế này: "Mạng không có biên giới, nhân không có biên giới, từ khi mới nhập thai vào bụng mẹ gọi là mạng, đến sau khi chết chôn cất gọi là nhân. Trước giai đoạn nhân, từ khi mới xuất sanh thọ nhân bốn đại chủng, đã bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi, mới thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy nên họ mới nói thế này: "Ngã và thế gian không có biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian cũng vừa có biên giới, vừa không có biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đó đã lập thuyết thế này: "Mạng cũng có biên giới, cũng không biên giới, gọi là người là từ khi thác sanh vào thai trong bụng mẹ đến khi chết. Trước giai đoạn người từ khi mới thọ thân bốn đại chủng, đã bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi, mới thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy nên họ nói thế này: "Ngã và thế gian cũng có biên giới, cũng không biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Ngã và thế gian chẳng phải có biên giới, chẳng phải không có biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã lập thuyết thế này: "Thế gian chẳng phải có biên giới, chẳng phải không biên giới, từ khi mới thọ thân bốn đại chủng, đã bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi, mới thành tựu và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy nên họ nói thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có biên giới, chẳng phải không biên giới. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Mạng tức là thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong thân thấy có ngã và thấy có mạng, ở trong thân người khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy cho nên

họ nói thế này: "Mạng tức là thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Mạng khác, thân khác. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong thân thấy có ngã và thấy có mạng, ở trong thân người khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy nên họ nói thế này: "Mạng khác, thân khác. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Có mạng, có thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong thân thấy có ngã và thấy có mạng, ở trong thân người khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy nên họ nói thế này: "Có mạng, có thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy ở trong thân chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có mạng, ở trong thân kẻ khác cũng chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có mạng. Vì vậy nên họ nói thế này: "Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: "Sau khi Như Lai tịch diệt vẫn còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với thế gian khởi lên kiến giải: "Từ thọ mạng này đến thọ mạng khác cũng sẽ hướng vào nơi đến mà luân chuyển". Vì vậy nên họ nói thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt vẫn còn hiện hữu". Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đưa ra kiến giải và nói: " Như Lai sau khi tịch diệt không còn. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy, đối với thế gian khởi lên kiến giải: "Đời này có thọ mạng, đến thọ mạng đời sau thì chấm dứt". Vì vậy nên họ nói thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt không còn. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số đó, nhóm Sa-môn đưa ra kiến giải và nói: "Như Lai sau khi tịch diệt còn hiện hữu và cũng không còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với thế gian đưa ra kiến giải: "Nơi này mạng chấm dứt, đi đến nơi khác, hướng vào nơi đến mà lưu chuyển". Vì vậy nên họ nói thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt còn hiện hữu và cũng không còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Chư Tỳ-kheo, trong số ấy, nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đưa ra kiến

giải và nói: "Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải còn hiện hữu, cũng chẳng phải không còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối", là vì nhóm Sa-môn, Bà-la-môn ấy đối với thế gian đưa ra kiến giải: "Người ở nơi này mạng chấm dứt rồi, chuyển đến nơi khác mạng cũng chấm dứt". Vì vậy nên họ nói thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải còn hiện hữu, cũng chẳng phải không còn hiện hữu. Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối".

Bấy giờ Đức Phật bảo chư Tỳ-kheo:

–Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ khi xưa, có một Quốc vương tên là Cảnh Diện. Vua Cảnh Diện lúc ấy muốn xem các người mù bẩm sinh để giải trí, liền truyền lệnh cho những người đàn ông mù bẩm sinh khắp trong nước đều phải tập hợp lại. Khi đã tập hợp xong, vua bảo với đám người mù ấy: "Các ông là những người mù bẩm sinh, có ai đã biết hình dáng của voi như thế nào chưa?" Các người mù bẩm sinh đồng thanh đáp: "Tâu Thiên vương, chúng tôi là những người mù bẩm sinh, thật chẳng biết hình dáng thật của voi". Vua lại bảo: "Các ông từ trước đến nay chưa được biết voi, nay đây muốn biết hình dáng của voi không?"

Khi ấy nhóm người mù bẩm sinh lại cùng đáp: "Tâu Thiên vương, chúng tôi thật chưa biết. Xin vua ban ơn để chúng tôi được biết hình dáng của voi".

Vua Cảnh Diện lập tức hạ lệnh gọi một quản tượng, bảo: "Khanh hãy mau đến chuồng voi của ta dắt một con voi đến đây để đứng trước mặt ta, chỉ cho những người mù".

Người quản tượng nhận lệnh của vua rồi liền dắt voi đến đứng trước điện của vua nói với các người mù: "Đây là voi".

Khi ấy những người mù ai cũng lấy tay sờ mó vào voi. Người quản tượng lại nói với các người mù: "Các ông đã sờ voi rồi, phải tâu thật với vua".

Khi đó, trong đám người mù, có người sờ đụng vòi, có người đụng ngà, có người sờ đụng tai, có người sờ đụng vào phần thân của voi như đầu, cổ, lưng, hông, đuôi, chân…

Nhà vua hỏi: "Những người mù bẩm sanh các ông đã biết hình dáng của voi chưa?" Các người mù bẩm sanh đồng đáp: "Tâu Thiên vương, chúng tôi đã biết hình dáng của voi rồi".

Nhà vua liền hỏi: "Các ông, nếu đã biết voi, thì hình tướng của voi như thế nào?"

Khi ấy trong đám người mù, người sờ trúng vòi liền tâu vua: "Tâu

Thiên vương, hình dáng voi như cái dây to". Người sờ trúng ngà, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cây cọc". Người sờ trúng tai voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cái sàn". Người sờ trúng đầu voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cái vò". Người sờ trúng cổ voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cây đà nhà. Người sờ trúng lưng, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như sườn nhà". Người sờ trúng hông, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như tấm phên". Người sờ trúng đùi vế voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cái cột". Người sờ trúng bàn chân voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cây cối". Người sờ trúng đuôi voi, tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi như cây chổi".

Đám người mù đều tâu: "Tâu Thiên vương, hình dáng voi là như vậy! Hình dáng voi là như vậy!"

Nhà vua bảo đám người mù: "Các ông cũng chẳng biết đấy là voi hay chẳng phải voi, huống là biết được hình dáng của voi".

Lúc ấy đám người mù ai cũng tự cho mình là đúng, cùng tranh cãi nhau, đều lấy tay che mặt, cãi cọ, mắng nhiếc nhau ồn ào. Bọn họ tranh cãi xong rồi, lúc ấy vua Cảnh Diện thấy đám người mù cãi vã nhau như vậy thì vui vẻ cười lớn. Nhà vua liền nói kệ:

Những người mù bẩm sinh không thấy
Đối với việc này cùng nhau cãi
Nếu không có người nói cho biết
Làm sao có thể rõ hình voi.

Chư Tỳ-kheo, sự việc ấy là như vậy. Các Sa-môn, Bà-la-môn hiện có ở thế gian cũng như thế, đã chẳng hề biết như thật về Thánh đế khổ, về nguyên nhân của khổ, về sự diệt trừ khổ, và về con đường tu tập để diệt trừ khổ; đã chẳng thể biết nên họ luôn cùng nhau cãi cọ, tranh chấp, trôi dạt theo sanh tử, nhục mạ nhau; đã phát sanh sự tranh chấp cãi vã, nên tranh luận mãi không thôi, ai nấy đều dùng tay che mặt, giống như người mù kia, cùng nhau gây não loạn. Thế Tôn ở giữa chúng nói kệ:

Nếu chẳng thể biết Thánh đế khổ
Cũng lại chẳng biết nhân khổ tập
Các pháp khổ có trong thế gian
Khổ này diệt hết chẳng còn gì
Ở trong đạo ấy còn chẳng biết
Huống biết thực hành hạnh diệt khổ
Như vậy tâm ấy chưa giải thoát

Chưa đạt được trí tuệ giải thoát
Họ chẳng thể quán rõ chân lý
Chỉ biết hướng đến sanh, lão, tử
Chưa lìa được trói buộc của ma
Đâu đạt được đến chỗ vô hữu.

Chư Tỳ-kheo! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết như thật về Thánh đế khổ, Thánh đế về nguyên nhân của khổ, về sự diệt trừ khổ, và về con đường tu tập để diệt trừ khổ, ai biết như thật thì nên tùy thuận mà tu học, thì chắc chắn sẽ mãi mãi cùng nhau hòa hợp tu hành, mọi người đều cùng nhau hoan hỷ không tranh luận, cùng hướng về sự học, giống như nước với sữa cùng hòa tan trong nhau, cùng ở một chỗ, thị hiện làm pháp sư để nói Thánh pháp, trụ nơi an lạc. Thế Tôn đối với việc này nói kệ:

Nếu biết được các hữu là khổ
Và nguyên nhân sanh ra các khổ
Đã biết tất cả đều là khổ
Nên nay diệt hết chẳng còn gì.
Nếu biết diệt này là do đạo
Thì liền đạt được chốn diệt khổ
Liền được đầy đủ tâm giải thoát
Và được trí tuệ nơi giải thoát.
Thì đạt được tận cùng các hữu
Như vậy chẳng còn sanh, lão, tử
Vĩnh viễn thoát ràng buộc của ma
Và lìa mọi hữu của nhân thế.

-oOo-

Phẩm 6: A-TU-LA 1

Bấy giờ Phật bảo chư Tỳ-kheo:

–Chư Tỳ-kheo, phía Đông của núi chúa Tu-di, cách núi hơn ngàn do-tuần, dưới biển lớn có quốc độ, là trú xứ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, rộng dài tám vạn do-tuần, có bảy lớp tường thành bao bọc; bảy lớp lan can trang trí, cho đến bảy lớp dây chuông bằng vàng bạc trang trí chung quanh. Bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la nhiều màu đẹp đẽ, đều là bảy báu hợp thành là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã

não. Mỗi bờ tường cao một trăm do-tuần, dày năm mươi do-tuần, bốn mặt bờ tường cứ cách nhau năm trăm do-tuần thì có một cái cửa, cửa ấy đều cao ba mươi do-tuần, rộng mười hai do-tuần. Ở mỗi cửa có các loại lầu gác phòng vệ, vườn cây, ao nước. Trong các vườn cây đều có các loại cây ăn trái. Cây ấy đều có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả; quả ấy đều có các thứ mùi thơm đặc biệt, lan tỏa rất xa, lại có đủ các giống chim, cùng nhau ca hót, phát ra các loại âm thanh êm dịu.

Chư Tỳ-kheo, trong thành lớn của A-tu-la có cung điện riêng biệt của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Cung ấy tên là Thiết-ma-bà-đế, rộng dài một vạn do-tuần, bảy lớp tường thành đều do bảy lớp báu hợp thành, cao một trăm do-tuần, dày năm mươi do-tuần; ở bốn mặt thành cứ cách năm mươi do-tuần thì có một cửa, mỗi cửa đều cao ba mươi do-tuần, rộng mười hai do-tuần, các cửa ấy cũng có lầu đài phòng vệ, vườn cây, ao nước, ao hoa…, lại có đủ các loại cây ăn quả. Cây ấy đều có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương thơm; hương thơm ấy lan tỏa khắp nơi, có các giống chim cùng nhau ca hót, phát ra các thứ âm thanh êm dịu.

Chư Tỳ-kheo, trong thành Thiết-ma-bà-đế, ngay chính giữa là nơi nhóm họp của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tên là Thất đầu. Chỗ ấy dài năm trăm do-tuần, bảy lớp lan can trang trí chung quanh, cũng có bảy lớp dây chuông vàng bạc. Bên ngoài chốn ấy, có bảy lớp hàng cây Đa-la nhiều màu đẹp đẽ bao bọc, rất dễ ưa thích, đều là vàng, bạc, pha lê, san hô, hồng ngọc, xa cừ, mã não…, bảy báu tạo thành. Chốn ấy, bốn mặt đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, phòng vệ, cũng đều do bảy báu hợp thành, các màu xen lẫn khiến người thích nhìn. Đất chỗ ấy xanh biếc, lóng lánh, mềm mại, trơn mịn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, chốn tụ họp Thất đầu của vua A-tu-la ấy ngay ở giữa tự nhiên có một trụ báu cao hai mươi do-tuần, ở dưới trụ báu là bảo tòa dùng để ngồi của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cao một do-tuần, vuông vức nửa do-tuần, do bảy báu: xa cừ, mã não… tạo thành, nhiều màu xen lẫn rất dễ ưa thích, mềm mại, trơn mịn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca. Hai bên tòa ấy, mỗi bên có mười sáu chỗ ngồi của Tiểu a-tu-la; cũng dùng bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, cho đến mã não nhiều màu dễ xem, mềm mại, trơn mịn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, chỗ tụ họp Thất đầu của vua A-tu-la kia, phía Đông có cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, chỗ ấy rộng dài một ngàn

do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bên ngoài có bảy lớp hàng cây bao bọc, trang trí chung quanh, nhiều màu xen lẫn, rất dễ ưa thích; cũng đều do bảy báu tạo thành, gồm vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não. Ở bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu đài, phòng vệ, vườn cây, ao nước, ao hoa… Lại có các cây, cây ấy đều có các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương thơm, hương thơm ấy lan tỏa khắp nơi. Có các giống chim cùng nhau ca hót, phát ra các thứ âm thanh êm dịu.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam, Tây, Bắc chỗ nhóm họp Thất đầu của vua A-tu-la kia đều có cung điện, là chỗ ở của các tiểu vương A-tu-la. Chỗ ấy rộng dài hoặc chín trăm do-tuần, hoặc tám trăm, bảy trăm, sáu trăm, năm trăm, bốn trăm, ba trăm, hai trăm do-tuần, cái nhỏ nhất còn rộng dài đến một trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở bốn phía nơi tụ họp Thất đầu của A-tu-la kia, lại có cung điện của tất cả A-tu-la nhỏ nhất. Chỗ ấy rộng dài hoặc chín mươi do-tuần, hoặc tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, cái nhỏ nhất rộng dài đến mười hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* có các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Đông nơi tụ họp Thất đầu của A-tu-la kia có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-la-chất-đa-la gọi là rừng Ta-la. Rừng ấy rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông đều do mã não…, bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, phòng vệ, nhiều màu dễ xem, cũng do bảy báu tạo thành vàng, bạc,… và mã não.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam chỗ nhóm họp Thất đầu của A-tu-la kia lại có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la gọi là rừng Xà-ma-lê. Rừng ấy rộng dài cũng một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông đều bằng bảy báu gồm mã não… tạo thành. Ở bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, nhiều màu dễ xem, cũng đều do bảy báu tạo thành là vàng, bạc, … và mã não.

Chư Tỳ-kheo, ở phía Bắc chỗ nhóm họp Thất đầu của A-tu-la kia cũng có vườn của A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la gọi là rừng Nan-đà-na. Rừng ấy cũng rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông đều do bảy báu: mã não… tạo thành. Ở bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, phòng vệ, nhiều màu dễ xem... *cho đến* đều do xa cừ, mã não, các vật quý báu tạo thành. Nhưng các cửa này, tuy

không có đài gác mà tự có các sự trang nghiêm khác, cũng bằng như những cái ở trước.

Chư Tỳ-kheo, rừng Ta-la và rừng Xà-ma-lê ấy, giữa hai rừng có một ao lớn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tên là Nan-đà. Ao ấy rộng dài năm trăm do-tuần. Nước ao rất mát, trong lặng êm ả, thường chẳng dấy bẩn. Có bảy lớp gạch báu lót xen kẽ bên trong; bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông treo rũ chung quanh. Bên ngoài ao có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc bốn bên, nhiều màu dễ nhìn, đều do bảy báu: mã não… tạo thành. Ở bốn phía đều có tầng cấp nhiều màu xen lẫn, khiến người ưa nhìn, cũng do bảy báu tạo thành. Lại có các thứ hoa mọc khắp trong ao, đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi; thứ hình như lửa thì màu lửa, ánh sáng lửa; thứ hình như vàng thì màu vàng, ánh sáng vàng; thứ hình xanh thì màu xanh, ánh sánh xanh; thứ hình đỏ thì màu đỏ, ánh sáng đỏ; thứ hình trắng thì màu trắng, ánh sáng trắng; thứ hình lục thì màu lục, ánh sáng lục tròn như bánh xe. Ánh sáng của hoa ấy chiếu một do-tuần, mùi thơm lan tỏa cũng một do-tuần. Trong ao lại xuất hiện vô lượng ngó sen lớn như bánh xe, cắt ra nhựa chảy màu trắng như sữa, vị nó ngon ngọt, giống như mật thượng hạng.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu rừng Câu-tỳ-đà-la và Nan-đà-na có một cội đại thọ của vua A-tu-la Tỳ-đa-chất-đa-la tên là Tô-chất-đát-la-ba-tra-la, gốc to cả bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần; thân phía trên cao một trăm do-tuần, cành lá che khuất năm trăm do-tuần.

Chu vi khu vực ấy năm trăm do-tuần, bên ngoài cũng có bảy lớp bờ tường... *cho đến* bao bọc chung quanh, nhiều màu dễ xem và do bảy báu: xa cừ, mã não… tạo thành. Ở bốn phía cũng có cửa, đều do bảy báu tạo thành. Mỗi cửa cũng có lầu gác phòng vệ... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót…

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN VI

Phẩm 6: A-TU-LA 2

Chư Tỳ-kheo, chỗ nhóm họp Thất đầu của A-tu-la kia có hai con đường thông hành để nhà vua qua lại dạo chơi. Chỗ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có hai con đường cũng giống như vậy. Chỗ cung điện của các vua Tiểu a-tu-la cũng có hai con đường; chỗ ở của các Tiểu a-tu-la cũng có hai con đường; khu vườn Ta-la cũng có hai con đường; khu vườn Xà-ma-lê cũng có hai con đường; khu vườn Cu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường; khu vườn Nan-đà-na cũng có hai con đường; dưới đại thọ Tô-chất-đát-la-ba-tra-la cũng có hai con đường, tất cả đều như trước, cùng với chỗ nhóm họp Thất đầu qua lại thông nhau.

Chư Tỳ-kheo, nếu vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la muốn đến khu vườn Ta-la kia và các khu vườn Xà-ma-lê, Cu-tỳ-đà-la, Nan-đà-na… để tắm rửa vui chơi, du hành thỏa thích thì bấy giờ vua liền nghĩ đến các vua Tiểu a-tu-la, nghĩ đến các chúng Tiểu a-tu-la. Khi ấy các vua Tiểu a-tu-la và các Tiểu a-tu-la cũng nghĩ thế này: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ liền dùng các loại chuỗi báu trang sức nơi thân. Trang sức xong, họ liền cưỡi các loại xe cùng đến ngoài cửa cung của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Đến nơi, họ xuống xe đi tới trước cung điện vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, đứng đợi.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đó đến trước cung điện, cũng liền tự dùng các thứ chuỗi báu trang sức nơi thân. Trang sức xong, vua liền lên xe. Khi ấy các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la hộ vệ hai bên, vây bọc chung quanh, lớp trước lớp sau cùng nhau đi đến khu vườn Ta-la, khu vườn Xà-ma-lê, khu vườn Cu-tỳ-đà-la, khu vườn Nan-đà-na. Đến nơi ấy rồi, họ dừng lại trước khu vườn Nan-đà, xuống xe nghỉ ngơi.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà có ba luồng gió tự nhiên thổi đến để tạo nên vẻ trang nghiêm cho vườn ấy. Những gì là ba? Đó là khai, tịnh và xuy. Thế nào là khai? Có luồng gió thổi đến mở các cánh cửa của khu

vườn, đó là khai. Thế nào là tịnh? Có luồng gió thổi đến quét khu vườn, làm cho đất sạch sẽ, đó là tịch. Thế nào là xuy? Có luồng gió thổi đến làm chuyển động toàn khu vườn, các hoa trên cây rơi vãi khắp nơi, gọi đó là xuy.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà gió thổi rơi các loại hoa tuyệt đẹp, ngập đến đầu gối, có các mùi hương, hương thơm ngào ngạt xông khắp khu vườn. Ngay lúc ấy, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cùng các vua Tiểu a-tu-la vây chung quanh cùng đi vào vườn Nan-đà tùy ý tắm rửa, ngắm xem, vui chơi. Các A-tu-la ở trong vườn ấy hoặc một tháng, hoặc hai tháng hoặc ba tháng, tắm rửa, dạo chơi, tùy theo ý thích dừng lại đây, mặc tình hưởng mọi vui thích.

Chư Tỳ-kheo, có năm A-tu-la luôn luôn ở bên vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la để phòng giữ những việc chẳng lành. Những ai là năm? Vị thứ nhất tên là Tùy Hỷ, vị thứ hai tên là Thường Hữu, vị thứ ba tên là Thường Túy, vị thứ tư tên là Mâu-chơn-lân-đà, vị thứ năm tên là Tỳ-kha-đa-la.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có năm vị A-tu-la như vậy, luôn luôn ở bên để giữ gìn, bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, trên cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la kia có nước của biển lớn sâu một vạn do-tuần, trụ ở trên đó. Nhưng khối nước kia có bốn luồng gió tự nhiên giữ lại. Những gì là bốn? Một gọi là trụ, hai gọi là an trụ, ba gọi là bất đọa, bốn gọi là lao cố. Do gió ấy giữ nên nước thường trụ, chẳng động.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi chúa Tu-di hơn một ngàn do-tuần, dưới biển lớn có trú xứ là cung điện của vua A-tu-la Dũng Dược. Chỗ ấy dài rộng tám vạn do-tuần, có bảy lớp tường thành… giống như trú xứ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Tất cả những cái có tại nơi đây cũng giống như đã nói ở trước, các ông nên biết, cho đến trên cung điện của vua này có một khối nước lớn, cũng được bốn thứ gió giữ gìn, đó là trụ, an trụ, bất đọa và lao cố.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây núi chúa Tu-di cũng cách một ngàn do-tuần, dưới nước biển lớn có cung điện của vua A-tu-la Xà-ba-la, chỗ ấy dài rộng tám vạn do-tuần, có bảy lớp tường thành… cũng như trụ xứ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Tất cả những cái có tại nơi đây cũng giống như đã nói ở trước, các vị nên biết, cho đến trên cung điện của vua này cũng có một khối nước, cũng được bốn thứ gió giữ gìn, đó là trụ, an trụ, bất đọa và lao cố.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc núi chúa Tu-di cũng cách một ngàn do-tuần,

dưới nước biển lớn có cung điện của vua A-tu-la La-hầu-la, chỗ ấy dài rộng tám vạn do-tuần, có bảy lớp tướng thành… các cửa có lầu đài phòng vệ, vườn cảnh, ao hoa, cho đến các loại cây, các loại cá, các loại hoa, các loại quả, các loại hương xông, có các giống chim cùng nhau ca hót như đã nói ở trên.

Chư Tỳ-kheo, ở trong thành ấy, có thành là nơi ở của vua A-tu-la La-hầu-la, thành tên là Ma-bà-đế, dài rộng, trang nghiêm, cũng giống như trước đã nói, có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bên ngoài là bảy lớp hàng cây Đa-la, bảy lớp dây chuông bao bọc, nhiều màu đẹp đẽ, đều là xa cừ, mã não… bảy báu tạo thành. Tường thành này dài rộng cao thấp cũng như đã nói ở trên. Bốn mặt thành cũng có các cửa, mỗi cửa cao thấp, dài rộng cũng giống như trước. Ở mỗi cửa ấy đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, vườn hoa, các ao và các ao hoa… cũng có các cây, cây ấy có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương xông, cũng có đủ các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, thành Ma-bà-đế, chỗ vua ở, có chỗ nhóm họp của vua A-tu-la La-hầu-la, cũng gọi là Thất đầu, chỗ ấy dài rộng như trước đã nói, bảy lớp lan can, dây chuông và hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, *cho đến*… cũng được trang nghiêm bằng bảy báu: xa cừ, mã não… dùng xa cừ trời trải khắp mặt đất, mềm mại mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề. Ở ngay chính giữa có một trụ báu cao thấp, dài rộng như trước đã nói. Ở dưới trụ ấy là nơi đặt một tòa cao cho vua A-tu-la La-hầu-la, sự cao thấp, dài rộng, trang trí của tòa ấy, tất cả đều như trước, nhiều màu đẹp đẽ do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não… mềm mại, mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề. Bên trái của tòa ấy cũng là nơi đặt riêng các tòa cao tuyệt đẹp cho mười sáu Tiểu a-tu-la, do bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ; bên phải cũng đặt các tòa cao cho mười sáu vua Tiểu a-tu-la, như trước đã nói, mềm mại, mịn trơn, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia là cung điện riêng biệt của vua A-tu-la La-hầu-la, bề dài rộng của nơi ấy tất cả đều như trước; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, cho đến bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não… bảy lớp tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa ấy đều có lầu cao phòng ngự, đài gác, vườn cảnh, các hào, hoa, suối, ao; có các loại cây, cây ấy đều có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương xông thơm, lại có các giống chim lạ cùng nhau

ca hót, âm thanh êm dịu thanh thoát.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây, Nam, Bắc chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia đều có trú xứ là cung điện của các vua Tiểu a-tu-la. Các cung điện, hoặc có cái dài rộng chín trăm do-tuần, hoặc có cái tám trăm, hoặc có cái bảy trăm, cho đến sáu trăm, năm trăm, bốn trăm, ba trăm, hai trăm, cái nhỏ nhất là một trăm do-tuần. Tất cả đều có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia, bốn mặt lại có trú xứ là cung điện của chúng Tiểu a-tu-la. Nơi ấy dài rộng hoặc chín mươi do-tuần, hoặc tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, cái nhỏ nhất cũng còn rộng dài mười hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* đủ các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia lại có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la tên là rừng Ta-la. Rừng ấy dài rộng, tất cả đều như trước… có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, cho đến mã não… bảy lớp tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa ấy đều có lầu gác nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* cũng do bảy báu: xa cừ, mã não… tạo thành, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia cũng có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la tên là rừng Xà-ma-lê, dài rộng trang nghiêm đều như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường cho đến bảy lớp hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não… Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, cũng do mã não… bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia cũng có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la tên la rừng Cu-tỳ-đà-la dài rộng tất cả đều như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường *cho đến* mã não… tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, tất cả cửa ấy đều có lầu gác, nhiều màu dễ xem, *cho đến* cũng đều là xa cừ, mã não… bảy báu tạo thành, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la, tên là rừng Nan-đà-na. Rừng ấy dài rộng như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, tất cả cửa ấy cũng đều có lầu gác, các thứ trang trí, nhiều màu đẹp đẽ, *cho đến* xa cừ, mã não… bảy báu trang nghiêm, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai khu rừng Xà-ma-lê và Tu-la của vua

A-tu-la La-hầu-la xuất hiện một ao nước tên là Nan-đà, ao ấy dài rộng như trước đã nói, nước ao trong mát mẻ, êm ả thơm ngọt, sạch sẽ không cáu bẩn, dùng bảy thứ gạch báu, bảy lớp bờ lũy, bảy lớp ván báu trang trí xen lẫn; có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ *cho đến* do mã não… bảy báu tạo thành. Ở bốn phía ao, đều có bờ thềm rất dễ ưa thích cũng đều được trang trí bằng bảy báu. Trong ao có các thứ hoa, đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi. Hoa ấy thân hồng, sắc hồng, ánh sáng hồng… *như trước, cho đến* thân xanh, sắc xanh, ánh sáng xanh tỏa sáng bốn phương, hương xông ngào ngạt lan tỏa khắp nơi. Lại có cây sen, nhựa trắng vị ngọt, ăn vào thơm phức, giống như mật thượng hạng.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai khu vườn Cu-tỳ-đà-la và Nan-đà-la vì vua A-tu-la La-hầu-la xuất hiện một đại thọ. Cây ấy cũng tên là Tô-chất-đát-la-ba-tra-la, độ cao to của thân cây, các thứ trang nghiêm… *như trước đã nói, cho đến* bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can đều là xa cừ, mã não… bảy báu tạo thành, rất dễ ưa thích... *cho đến*… đủ các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh êm dịu thanh thoát, khiến người nghe hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, chỗ hội họp Thất đầu của vua A-tu-la kia tất cả đều trang nghiêm như trước đã nói, cũng có đường đi, tới lui bằng đường tắt để vua A-tu-la La-hầu-la đi đến cung điện. Lại cũng có một con đường cho các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la qua lại hướng đến Xà-ma-lê và Cu-tỳ-đà-la, cũng có một con đường hướng đến ao Nan-đà-na và Nan-đà. Cây Tô-chất-đát-la-ba-tra-la đều có đường giao thông qua lại, vui chơi thỏa thích.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la, nếu muốn đi đến rừng Ta-la và rừng Nan-đà-na để tắm rửa dạo chơi, thì khi ấy xem xét tất cả, rồi nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền nghĩ: “Vua A-tu-la La-hầu-la có lòng nghĩ đến ta, muốn cùng ta vui chơi”. Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như thế rồi lại tự nghĩ đến các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la của mình. Cùng lúc các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đều nghĩ: “Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la rũ lòng thương nghĩ đến chúng ta, chúng ta nên đi”, liền dùng các thứ chuỗi báu trang nghiêm nơi thân rồi đều cưỡi xe cùng đi đến chỗ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi đã đến cửa cung tất cả đều đứng ngay hàng. Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các vua Tiểu a-tu-la và

các chúng Tiểu a-tu-la đều đã tụ hội, liền tự trang nghiêm nơi thân mình, đeo các chuỗi Anh lạc, cưỡi các thứ xe được các tiểu vương và các chúng A-tu-la hộ vệ hai bên, vây quanh sau trước đi đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la, đến rồi dừng lại. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vua A-tu-la là Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi đó hai vua A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la cũng nghĩ: "Vua A-tu-la La-hầu-la nay đã nghĩ đến chúng ta". Đã biết như vậy rồi hai vua liền nghĩ đến các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la của họ. Khi hai vua nghĩ như vậy, thì các vua Tiểu a-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la kia đều trang sức, tụ họp kéo đến chỗ hai đại vương Dũng Dược và Xà-bà-la. Đến rồi thì cũng lại trang nghiêm như thế bằng chuỗi Anh lạc, cưỡi xe, sau trước vây quanh dẫn nhau hướng đến trụ xứ của vua A-tu-la La-hầu-la, đến nơi ai nấy đều theo vị trí đứng về một bên. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la … đều đã vân tập, liền nghĩ đến các vua Tiểu a-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la của mình. Họ biết rồi, cũng đều trang sức, cưỡi xe đi đến, tới trước chỗ vua A-tu-la La-hầu-la thì dừng lại, trang nghiêm chỉnh tề. Khi ấy vua A-tu-la La-hầu-la thấy họ tụ họp đông đủ rồi, liền mang các loại chuỗi Anh lạc báu tuyệt đẹp, trang nghiêm nơi thân, cưỡi các thứ xe, trước sau vây quanh, cùng với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la Dũng Dược, vua A-tu-la Xà-bà-la và các tiểu vương, chúng A-tu-la tất cả cùng vân tập, trước sau nối nhau kéo đến rừng Ta-la, rừng Xà-ma-lê, rừng Cu-tỳ-đà-la, rừng Nan-đà-na… đến rồi, chẳng mấy chốc đứng dồn lại. Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà, tự nhiên có ba luồng gió. Những gì là ba? Đó là khai, tịnh và xuy. Trong ấy, có luồng gió thổi đến mở các cửa nơi khu vườn, nên gọi là khai. Có luồng gió thổi đến quét dọn đất vườn làm cho sạch sẽ, nên gọi là tịnh. Có luồng gió thổi đến rung chuyển các cây hoa làm cho hoa bay khắp, nên gọi là xuy. Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà, loại hoa tuyệt đẹp tung rơi khắp trên mặt đất, ngập tận đầu gối, hương thơm của các loài hoa ấy lan tỏa khắp vườn. Vườn ấy đủ các thứ trang nghiêm, thứ nào cũng dễ ưa.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la và vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la Dũng Dược, vua A-tu-la Xà-ba-la… cùng với các tiểu vương, đông đảo quyến thuộc Tiểu a-tu-la… lần lượt vào vườn Nan-đà-na. Vào rồi, tắm rửa, vui chơi, ngắm nhìn đủ các thứ; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, tùy theo ý muốn, dạo chơi thỏa thích. Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la cũng có năm vị A-tu-la thường theo hộ vệ, phòng các việc chẳng lành, tên năm vị A-tu-la ấy như đã nói trước. Nước biển trên cung dài rộng, sâu cạn, với bốn thứ gió giữ gìn, khiến nước không chảy

đi… đều như trước đã nói.

-oOo-

Phẩm 7: TỨ THIÊN VƯƠNG

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Đông núi chúa Tu-di có ngọn núi tên là Do-càn-đà; đỉnh núi cách đất bốn vạn hai ngàn do-tuần. Trên đỉnh núi ấy có trụ xứ là thành quách của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Thành ấy tên là Hiền thượng, dài rộng bằng phẳng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, lại có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều dùng bảy báu để trang trí, đó là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, mã não… tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, vườn cảnh, ao hồ, có các vườn hoa, các thứ cây lạ, cây ấy có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương, hương ấy lan khắp, có các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh dịu dàng, thanh thoát, rất dễ say mê.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Nam núi chúa Tu-di, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, ở trên đỉnh núi Do-càn-đà có trú xứ là thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca, tên thành là Thiện hiện, dài rộng trang nghiêm giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra đã nói ở trước, cho đến đủ các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh êm dịu thánh thót, rất dễ say mê.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Tây núi chúa Tu-di, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà có trú xứ là thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa, tên thành là Thiện quán, rộng dài trang nghiêm, tất cả đều giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra đã nói, cho đến các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh êm dịu thánh thót, rất dễ say mê.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Bắc núi chúa Tu-di, cách mặt đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, là chỗ ở của Thiên vương Tỳ-sa-môn, có ba thành quách lớn. Một tên là Tỳ-xá-la-bà, hai tên là Già-bà-bát-đế, ba tên là A-trà-bàn-đa, cả ba đều dài rộng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ thành, bảy lớp lan can… *cho đến* các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, chỉ trừ cung điện của Nguyệt thiên tử, bảy cung điện lớn của Nhật thiên tử, còn các cung điện trong đó, có cái dài rộng bằng

phẳng bốn mươi do-tuần, có cái ba mươi, có cái hai mươi, cho đến có cái mười hai do-tuần, cái nhỏ nhất cũng dài rộng tới sáu do-tuần, chỗ ở cũng có bảy lớp bờ thành, bảy lớp lan can… như trước, cho đến các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện của Tỳ-xá-la-bà và Già-bà-bát-đế, xuất hiện một cái ao cho Thiên vương Tỳ-sa-môn, tên là Na-trĩ-ni, dài rộng bằng phẳng bốn mươi do-tuần, nước ao điều hòa, trong mát êm ả, vị nước ngon ngọt, thơm sạch không bẩn, bốn phía bờ ao có bảy lớp bậc thềm gạch, bảy lớp gỗ báu xen lẫn phân minh, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ…, cho đến xa cừ, mã não… bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có đường cấp, cũng dùng bảy báu trang nghiêm. Trong ao có nhiều loại hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi… tự nhiên mọc lên. Hoa hình lửa thì màu lửa, ánh sáng lửa, cho đến hình nước thì có màu nước, ánh sáng nước. Hoa lớn hay nhỏ đều như bánh xe, ánh sáng tỏa chiếu đến nửa do-tuần, mùi thơm lan tỏa khắp một do-tuần. Có các ngó sen lớn như trục xe, cắt ra, nhựa chảy màu trắng như sữa, uống vào ngon ngọt, vị như mật hảo hạng.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện Già-bà-bát-đế và A-trà-bàn-đa có thiết lập một cảnh vườn cho Thiên vương Tỳ-sa-môn, vườn ấy tên là Ca-tỳ-diên-đa, dài rộng bằng phẳng bốn mươi do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, cho đến bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ… *như trước… cho đến* bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, nơi trú xứ Hiền thượng của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra, sự qua lại giữa các thành quách có hai con đường. Nơi trú xứ Thiện hiện của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca, sự qua lại giữa các thành quách cũng có hai con đường. Nơi trú xứ Thiện quán của Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa, sự qua lại giữa các thành quách cũng có hai con đường. Nơi trú xứ là các thành quách A-trà-bàn-đa, Tỳ-xá-la-bà và Già-bà-bát-đế của Thiên vương Tỳ-sa-môn cũng đều có hai con đường. Nơi trú xứ là cung điện của các chúng tiểu thiên và quyến thuộc của trời Tứ thiên vương, sự qua lại cũng có hai con đường. Sự qua lại giữa ao Na-trĩ-ni và vườn Ca-tỳ-diên-đa… cũng có hai con đường.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn nếu muốn đi vào trong vườn Ca-tỳ-diên-đa vui chơi, tắm rửa thì lúc ấy liền nghĩ đến thiên vương Đề-đầu-lại-tra, vị này liền phát sanh ý nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến ta". Biết như vậy rồi, vị ấy liền nghĩ đến phạm vi sở

thuộc của mình là chư Tiểu thiên vương và Tiểu Thiên chúng. Khi ấy các vua quyến thuộc và Thiên chúng ở phương Đông đều nghĩ: "Thiên vương Đề-đầu-lại-tra đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, tất cả đều trang sức nơi thân, mang các chuỗi Anh lạc, cưỡi các thứ xe, lên xe đi đến chỗ Đại thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Đến nơi thì dừng lại một bên ở trước. Lúc ấy, Thiên vương Đề-đầu-lại-tra cũng tự trang sức nơi thân mình, mang các chuỗi báu, cưỡi các thứ xe cùng các tiểu vương, Thiên chúng quyến thuộc vây quanh sau trước, cùng nhau đi đến chỗ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến rồi, dừng lại một bên ở trước.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến hai vị Đại thiên vương là Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bác-xoa. Cùng lúc hai vị vương kia cũng nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ liền nghĩ đến các Tiểu thiên vương và các Thiên chúng dưới quyền thống lãnh của mình. Khi ấy các tiểu vương và các Thiên chúng cũng đều nghĩ là Đại thiên vương đã nghĩ đến chúng ta, chúng ta phải kịp thời đến nhanh. Biết như vậy rồi, họ liền dùng chuỗi báu trang sức nơi thân, cùng đi đến chỗ hai vị đại vương Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bác-xoa. Lúc ấy hai vị Thiên vương biết các tiểu vương và Thiên chúng đều đã tụ hội, cũng tự trang sức nơi thân, đeo các thứ chuỗi Anh lạc, cưỡi các thứ xe đến trước cùng chúng vây quanh, cùng nhau đi đến chỗ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến nơi rồi, theo chỗ thích hợp mà dừng lại phía trước.

Lúc đó Đại thiên vương Tỳ-sa-môn thấy hai vị Thiên vương và Thiên chúng của họ đều đã tụ hội, cũng tự nghĩ đến các tiểu vương và Thiên chúng dưới sự thống lãnh của mình. Lúc ấy các Tiểu thiên vương và Thiên chúng của họ ở phía Bắc liền nghĩ: "Đại thiên vương Tỳ-sa-môn nay đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, tất cả đều mang các thứ chuỗi báu Anh lạc trang sức nơi thân, cùng nhau đi đến trước chỗ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, đứng im lặng.

Bấy giờ Đại thiên vương Tỳ-sa-môn cũng liền đeo các thứ chuỗi báu, trang nghiêm nơi thân rồi cưỡi các loại xe, cùng với các Đại thiên vương Đề-đầu-lại-tra, Tỳ-lâu-lặc-ca, Tỳ-lâu-bác-xoa... bốn vị Thiên vương, mỗi vị đều dẫn theo các Thiên vương, Thiên chúng sở thuộc vây quanh sau trước, cùng đi đến vườn cảnh Ca-tỳ-diên-đa. Đến rồi, tạm thời dừng lại ở trước cửa vườn. Chư Tỳ-kheo, trong vườn Ca-tỳ-diên-đa ấy, tự nhiên có ba luồng gió, đó là khai, tịnh và xuy. Khai là mở cửa vườn ấy, khiến hoa tung bay; tịnh là làm sạch đất vườn ấy; xuy là thổi cây vườn ấy. Chư Tỳ-kheo, trong vườn Ca-tỳ-diên-đa, hoa rơi xuống ngập tới đầu gối, các thứ hương

thơm lan tỏa khắp nơi.

Lúc ấy Đại thiên vương Tỳ-sa-môn, Thiên vương Đề-đầu-lại-tra, Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca, Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa… cùng các tiểu vương và các quyến thuộc vây quanh, cùng đi vào trong vườn Ca-tỳ-diên-đa tắm rửa, vui chơi tùy ý thỏa thích. Họ ở trong vườn ấy tắm rửa rồi, hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng vui chơi tùy theo ý muốn, dạo chơi khắp chốn. Chư Tỳ-kheo, vua Tỳ-sa-môn có năm vị Dạ-xoa luôn luôn đi theo hộ vệ hai bên: vị thứ nhất tên là Ngũ Trượng, vị thứ hai tên là Khoáng Dã, vị thứ ba tên là Kim Sơn, vị thứ tư tên là Trường Thân, vị thứ năm tên là Châm Mao. Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn khi qua lại dạo chơi thường được năm vị thần Dạ-xoa này hộ vệ.

-oOo-

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 1

Chư Tỳ-kheo, trên đỉnh núi chúa Tu-di có trú xứ là cung điện của trời Ba mươi ba. Nơi ấy dài rộng tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ do bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não… Thành ấy cao bốn trăm do-tuần, dày năm mươi do-tuần, bốn mặt bờ tường cách nhau năm trăm do-tuần, ở khoảng giữa mở một cái cửa. Mỗi cửa của thành đều cao ba mươi do-tuần, rộng mười do-tuần. Hai bên cửa đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, mái hiên, xe cộ, lại có ao, hoa, rừng, cây ăn quả; cây ấy có các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương, mùi hương tỏa khắp, có các giống chim cùng nhau ca hót, âm thanh êm dịu thánh thót rất dễ say mê. Ở mỗi cửa ấy đều có năm trăm Dạ-xoa đêm ngày bảo vệ cho trời Ba mươi ba. Chư Tỳ-kheo, ở trong thành ấy, lại lập một thành cho trời Ba mươi ba gọi là Thiện kiến, thành ấy dài rộng sáu vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cũng dùng bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc cho đến mã não… Thành ấy cũng cao bốn trăm do-tuần, dày năm mươi do-tuần. Bốn mặt thành cũng cách nhau năm trăm do-tuần; ở khoảng giữa mở một cái cửa. Các cửa cũng cao ba mươi do-tuần, rộng mười do-tuần. Ở mỗi cửa cũng đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, ao nước, hoa, rừng, các loài cây lạ; cây ấy đều có các thứ lá, các thư hoa, các thứ quả, các thứ hương, mùi hương tỏa khắp, có các giống chim

cùng nhau ca hót. Các cửa như vậy, mỗi cửa đều có năm trăm Dạ-xoa ngày đêm bảo vệ cho trời Ba mươi ba.

Chư Tỳ-kheo, bên cạnh thành Thiện kiến của trời Ba mươi ba có kiến tạo một cung điện cho Đại long tượng vương Y-la-bát-na. Cung ấy dài rộng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can... *cho đến* các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, trong thành Thiện kiến, có chỗ nhóm họp của trời Ba mươi ba gọi là Thiện pháp đường. Chỗ ấy dài rộng năm trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cho đến mã não… bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có cửa, ở mỗi cửa đều có lầu gác phòng vệ, đài, nhà, đủ loại màu sắc do bảy báu tạo thành. Đất chỗ ấy đều là lưu ly xanh quý báu, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề. Ngay chính giữa, có một trụ báu cao hai mươi do-tuần, ở dưới trụ báu đặt một tòa ngồi riêng cho trời Đế-thích, cao một do-tuần, vuông vắn nửa do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, cho đến xa cừ… bảy báu tạo thành, mềm mại mịn trơn, chạm vào… *như trước*… Hai bên tòa ấy, mỗi bên có mười sáu tòa ngồi của Tiểu thiên vương, áp sát hai bên, bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ, mềm mại mịn trơn, chạm vào… *như trước*.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, có cung điện của Đế-thích. Cung ấy dài rộng một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường *cho đến*… các giống chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều có trú xứ là cung điện của các Tiểu thiên vương. Những cung ấy, hoặc rộng chín trăm do-tuần, hoặc dài rộng tám trăm do-tuần, hoặc bảy trăm, sáu trăm, năm trăm, bốn trăm, ba trăm, hai trăm do-tuần, cái nhỏ nhất còn dài rộng đến một trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các giống chim cùng nhau ca hót.

Lại nữa, Thiện pháp đường, nơi nhóm họp của chư Thiên, các phía Đông, Tây, Nam, Bắc, đều có trú xứ là cung điện của các tiểu Thiên chúng trời Ba mươi ba. Các cung ấy hoặc rộng chín mươi do-tuần, hoặc rộng dài tám mươi do-tuần, hoặc bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần; cái nhỏ nhất cũng dài rộng đến mười hai do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, phía Đông có vườn của trời Ba mươi ba tên là Ba-lâu-sa, rộng dài bằng phẳng một ngàn do-tuần... *cho đến* bảy lớp bờ tường đều do mã não…

bảy báu tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Ba-lâu-sa có hai tảng đá lớn: tảng thứ nhất tên là Hiền, tảng thứ hai Thiện hiền, đều do ngọc mã não trời tạo thành, cả hai đều rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại, mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, phía Nam cũng có vườn của vua trời Ba mươi ba tên là Tạp sắc xa. Vườn ấy cũng rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não… tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa, mỗi cửa đều có lầu gác, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành. Ở trong vườn ấy cũng có hai tảng đá: tảng thứ nhất tên là Tạp sắc, tảng thứ hai tên là Thiện tạp sắc, do ngọc lưu ly trời màu xanh tạo thành; cả hai cùng rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, phía Tây lại có vườn của vua trời Ba mươi ba tên là Tạp loạn. Vườn ấy cũng rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* bảy báu tạo thành. Các cửa bốn phía đều có lầu cao phòng vệ, đài gác, đều do bảy báu tạo thành. Trong vườn Tạp loạn ấy cũng có hai tảng đá: tảng thứ nhất tên là Thiện hiện, tảng thứ hai tên là Tiểu thiện hiện, đều do ngọc pha lê trời tạo thành; cả hai cũng rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại mịn trơn chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, ở phía Bắc lại có vườn của vua trời Ba mươi ba tên là Hoan hỷ, vườn ấy cũng rộng dài một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành. Các cửa bốn phía đều có lầu cao phòng vệ, đài gác cũng được trang trí bằng bảy báu.

Chư Tỳ-kheo, ở trong vườn Hoan hỷ cũng có hai tảng đá: tảng thứ nhất tên là Hoan hỷ; tảng thứ hai tên là Đại hoan hỷ do bạc trời tạo thành, cả hai cũng đều rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại mịn trơn, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai vườn Ba-lâu-sa và Tạp sắc xa, có một cái ao lớn của vua trời Ba mươi ba tên là Hoan hỷ, bằng phẳng rộng dài năm mươi do-tuần, nước ao mát lạnh, êm dịu, ngọt ngon, trong trẻo, không bẩn, dùng bảy thứ gạch báu xây bờ lũy, bốn phía có bảy lớp thềm gỗ trang trí xen lẫn; có bảy lớp lan can... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-

la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ. Bốn phía ao, đều có bậc thềm, đều dùng bảy báu trang trí. Trong ao có các thứ hoa là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi. Hoa hình lửa thì sắc lửa, ánh sáng lửa... *cho đến* hình nước thì sắc nước, ánh sáng nước; rộng dài, lớn nhỏ đều như bánh xe, ánh sáng tỏa chiếu đến một do-tuần, gió thổi mùi thơm lan tỏa đến một do-tuần. Có các ngó sen lớn như trục xe, cắt ra nhựa chảy màu trắng như sữa, vị nó ngọt ngon như mật thượng hạng.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa vườn Tạp loạn và Hoan hỷ có một cội đại thọ của vua trời Ba mươi ba tên là Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đà-la. Phần gốc của cây chu vi bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che khắp bờ tường, rộng dài năm trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, dưới cây Ba-lợi-da-đát-la-câu-tỳ-đà-la ấy có một tảng đá tên là Bát-đồ-cam-bà-la do vàng trời tạo thành. Tảng đá đó rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, vì duyên cớ gì mà Thiện pháp đường đó, nơi nhóm họp của chư Thiên gọi là Thiện pháp?

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của chư Thiên, khi vua trời Ba mươi ba tập hợp ở đó, chỉ bàn luận nghĩa lý sâu xa, chỉ dùng lời khéo léo, tế nhị, vi diệu, suy nghĩ chín chắn, cân nhắc, quan sát, đều là các pháp thù thắng trọng yếu của thế gian, chân thật đúng lý, vì vậy chư Thiên gọi nơi nhóm họp này là Thiện pháp đường.

Lại do nhân duyên gì gọi là vườn Ba-lâu-sa-ca?

Chư Tỳ-kheo, vua trời Ba mươi ba vào trong vườn Thô sáp rồi, ngồi trên hai tảng đá Hiền và Thiện hiền, chỉ bàn luận việc thô lậu của thế gian bằng lời đùa giỡn, bất thiện. Vì vậy gọi là vườn Ba-lâu-sa-ca.

Lại do nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp sắc xa?

Chư Tỳ-kheo, vua trời Ba mươi ba vào vườn Tạp sắc xa rồi, ngồi trên hai tảng đá Tạp sắc và Thiện tạp sắc chỉ bàn luận các thứ sắc tướng tạp loại của thế gian, vì vậy gọi là vườn Tạp sắc xa.

Lại vì nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp loạn?

Chư Tỳ-kheo, tại vườn Tạp loạn ấy, vua trời Ba mươi ba thường lấy ngày mồng tám, mười bốn, rằm trong tháng để cho tất cả thể nữ ở trong cung vào trong vườn đó cùng với chúng trời Ba mươi ba vui chơi, không có gì trở ngại, tự do vui hưởng năm thứ dục lạc ở cõi trời một cách đầy

đủ, và dạo chơi thỏa thích. Vì vậy nên chư Thiên cùng gọi vườn ấy là vườn Tạp loạn.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN VII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 2

Chư Tỳ-kheo, lại do nhân duyên gì mà vị trời ấy có vườn gọi là Hoan hỷ?

Chư Tỳ-kheo, vua trời Ba mươi ba vào trong vườn Hoan hỷ ấy rồi, ngồi trên hai tảng đá Hoan hỷ và Thiện hoan hỷ, tâm cảm thấy vui vẻ, ý nghĩ về sự vui vẻ, nghĩ mãi nghĩ mãi, cảm thấy an lạc, cảm nhận an lạc rồi thì niềm an lạc ấy dâng lên cùng cực. Vì vậy chư Thiên đều khen ngợi vườn kia và cho đấy là vườn Hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, lại cây trời kia, do nhân duyên gì mà gọi là Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đa-la?

Chư Tỳ-kheo, dưới cây Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đa-la kia, có một vị Thiên tử tên là Mạt-đa ở, ngày đêm thường lấy các sự vui thích nơi năm dục của cõi trời kia hòa hiệp vui chơi tận hưởng đầy đủ. Vì vậy chư Thiên bèn khen ngợi cây ấy gọi là Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đa-la.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trời Ba mươi ba dù có việc gấp nhưng chưa từng rời bỏ tảng đá Bát-đồ-cam-bà mà quyết phải thiết lễ cúng dường, tôn trọng, cung kính, xong rồi mới tùy ý mà đi. Vì sao? Vì tảng đá này là chỗ ngự của Đức Như Lai ngày xưa. Do vậy chư Thiên cho là chỗ tích tụ phước đức. Tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn… trong thế gian phải nên cúng dường.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Ba mươi ba chỉ được nhìn thấy vườn Ba-lâu-sa-ca mà không thể vào được. Vì không vào được nên không thể được hưởng đầy đủ thú vui của năm dục lạc nơi ấy. Vì sao? Vì nghiệp của họ còn nặng, vì căn lành đời trước của họ cạn mỏng nên không thể vào được. Có hạng trời Ba mươi ba được thấy vườn Ba-lâu-sa-ca cũng có thể vào được, đã vào được rồi, được hưởng đầy đủ các thứ vui thích của năm dục kết hợp tại chỗ ấy. Vì sao? Vì căn lành của họ vượt trội hơn. Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Ba mươi ba, mắt chẳng thấy được vườn Tạp sắc xa, thân cũng không vào được, cũng không được dùng những thú vui kết hợp

của năm dục tại vườn kia để hưởng thụ. Vì sao? Vì căn lành của họ có sự sai khác. Có hạng trời Ba mươi ba, tuy mắt thấy được vườn Tạp sắc xa, nhưng thân không vào được, cũng không được dùng những thú vui kết hợp của năm dục tại vườn ấy để hưởng thụ. Vì sao? Vì căn lành của họ yếu kém. Có hạng trời Ba mươi ba, mắt đã thấy được vườn Tạp sắc xa, thân cũng được vào; đã được vào rồi lại được cùng nhau hòa hợp hưởng thọ đầy đủ các thứ vui của năm dục. Vì sao? Vì căn lành của họ tăng trưởng vượt bậc. Chư Tỳ-kheo, phàm tất cả chư Thiên nơi trời Ba mươi ba như thế thì đều thấy vườn Tạp loạn và cũng đều được vào. Đã được vào rồi, cũng đều có được đầy đủ những thú vui hòa hiệp đồng thể của năm dục trong vườn ấy để thọ hưởng. Vì sao? Vì hạnh tu của họ bằng nhau; trong ấy, căn lành của họ không có sự sai khác.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Ba mươi ba thân không được thấy vườn Hoan hỷ, cũng không được vào; vì không được vào nên không có được đầy đủ các thú vui của năm dục hòa hiệp đồng thể trong vườn ấy để thọ hưởng. Vì sao? Vì quả phước nơi ấy thù thắng mà tạo nghiệp đời trước của chư Thiên trời Ba mươi ba có sự sai khác. Có hạng trời Ba mươi ba thấy được vườn Hoan hỷ mà không thể vào, cũng chẳng thể có được các thú vui kết hợp đồng thể của năm dục trong vườn Hoan hỷ để hưởng thụ. Vì sao? Vì nghiệp của chư Thiên ấy có sự sai khác. Có hạng trời Ba mươi ba thấy được vườn Hoan hỷ, cũng được vào; đã vào rồi, được hưởng trọn đầy đủ các sự vui thích đồng thể của những thú vui hòa hợp năm dục ở vườn ấy. Vì sao? Vì các vị trời ấy ngày xưa đã tu nghiệp thiện, không có sự sai khác.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường ấy, nơi nhóm họp của trời Ba mươi ba có hai con đường. Cung điện, nơi ở của trời Đế-thích cũng có hai con đường. Cung điện của các Tiểu thiên vương và các cung điện phụ thuộc khác của trời Ba mươi ba cũng có hai con đường. Cung điện của Đại long tượng vương Y-la-bà-na cũng có hai con đường. Vườn Ba-lâu-sa-ca cũng có hai con đường. Vườn Tạp sắc xa, vườn Tạp loạn, vườn Hoan hỷ, ao Hoan hỷ…, mỗi nơi đều có hai con đường. Dưới cây Ba-lợi-dạ-đát-la-câu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường.

Chư Tỳ-kheo, vua trời Đế-thích nếu khi muốn đi đến vườn Ba-lâu-sa-ca, vườn Tạp sắc xa, vườn Hoan hỷ... để tắm rửa, dạo chơi, hưởng mọi sự thích thú thì bấy giờ liền nghĩ đến Đại long tượng vương Y-la-bà-na. Cùng lúc Đại long tượng vương Y-la-bà-na cũng nghĩ: "Vua trời Đế-thích đã nghĩ đến ta". Biết như vậy rồi, vị ấy liền đi ra khỏi cung, tự hóa thành

ba mươi ba đầu, trên mỗi đầu đều có sáu ngà, trên mỗi ngà hóa ra bảy ao, trong mỗi ao có bảy hoa, trên mỗi hoa đều có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ lại tự có bảy người nữ hầu.

Lúc ấy Đại long tượng vương hiện các loại thần biến như vậy rồi, liền đi đến chỗ vua trời Đế-thích; khi đến nơi thì nghiêm trang dừng lại.

Bấy giờ vua trời Đế-thích lại nghĩ đến các tiểu vương và các tiểu Thiên chúng của trời Ba mươi ba. Khi ấy các tiểu vương và các Thiên chúng kia cũng nghĩ: "Vua trời Đế-thích nay đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ liền dùng các thứ chuỗi Anh lạc đẹp nhất trang nghiêm nơi thân, lên xe, cùng đi đến chỗ trời Đế-thích. Đến rồi đều dừng lại phía trước. Trời Đế-thích nhận thấy chư Thiên đã tề tựu đông đủ thì cũng tự trang nghiêm nơi thân mình, mang các thứ chuỗi báu Anh lạc. Đông đảo Thiên chúng, sau trước, hai bên, vây bọc chung quanh, cùng với các tiểu vương, tất cả đều lên mình Long tượng vương Y-la-bà-na. Vua trời Đế-thích ngồi chính giữa, phía trên đầu voi, hai bên phải và trái có mười sáu vị Tiểu thiên vương ngồi trên những đầu biến hóa ra của Long tượng vương Y-la-bà-na. Khi tất cả đã an tọa xong, trời Đế-thích dẫn các Thiên chúng đi đến các vườn Ba-lâu-sa-ca, Tạp sắc xa, Tạp loạn, Tạp hoan hỷ… Đến nơi thì dừng lại. Trong bốn vườn Hoan hỷ… ấy, mỗi vườn đều có ba luồng gió, đó là khai, tịnh và xuy… *như trước…* mở cửa, làm cho sạch đất và thổi tung các hoa… Chư Tỳ-kheo, trong các vườn ấy, gió thổi hoa bay rải khắp mặt đất, dày ngập đến gối, hương thơm hoa ấy xông tỏa nơi nơi. Trời Đế-thích cùng với các Tiểu thiên vương và chúng trời Ba mươi ba vây quanh sau trước đi vào các vườn Tạp sắc xa, Hoan hỷ… vui chơi, tận hưởng mọi sự vui thú, tùy ý dạo chơi, hoặc ngồi, hoặc nằm. Trời Đế-thích muốn có chuỗi Anh lạc liền nghĩ đến Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma. Lúc đó vị Thiên tử ấy liền biến ra các loại Anh lạc báu dâng lên Thiên vương. Nếu trời Ba mươi ba và các quyến thuộc, vị nào muốn có chuỗi Anh lạc, Tỳ-thủ-yết-ma cũng đều biến hóa ra để cung cấp. Ai muốn nghe âm thanh kỹ nhạc thì có các loài chim hót phát ra âm thanh; âm thanh ấy luôn dịu dàng, hòa nhã khiến chư Thiên ưa nghe. Bấy giờ chư Thiên tận hưởng mọi sự vui thú như vậy trong một ngày cho đến bảy ngày, một tháng cho đến ba tháng, đủ các thứ dạo chơi, tắm rửa, vui đùa, đi đứng, ngồi nằm ung dung, thỏa thích.

Chư Tỳ-kheo, vua trời Đế-thích có mười vị Thiên tử luôn theo hộ vệ: vị thứ nhất tên Nhân-đà-la-ca, vị thứ hai tên Cù-ba-ca, vị thứ ba tên Tần-đầu-ca, vị thứ tư tên Tần-đầu-bà-ca, vị thứ năm tên A-cu-tra-ca, vị

thứ sáu tên Tra-đô-đa-ca, vị thứ bảy tên Thời-bà-ca, vị thứ tám tên Hồ-lô-kỳ-na, vị thứ chín tên Nan-trà-ca, vị thứ mười tên Hồ-lô-bà-ca. Chư Tỳ-kheo, vua trời Đế-thích có mười vị Thiên tử như vậy thường theo hai bên để hộ vệ chẳng hề rời xa.

Chư Tỳ-kheo, cõi Diêm-phù-đề, vì tất cả mọi người nên có các loài hoa sinh ra từ nước hết sức tinh khiết, đẹp đẽ, cực kỳ dễ ưa. Đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi. Các loại hoa này thơm ngát, mềm mại, đẹp đẽ. Có các loại hoa sinh từ đất liền cực kỳ đẹp đẽ là hoa Đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-bà-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-nị-ca…

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Cù-đà-ni có các thứ hoa sinh từ nước cực kỳ xinh đẹp như hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hương thơm ngào ngạt xông khắp mọi nơi. Có hoa sinh nơi đất, cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-nị-ca…

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Phất-bà-đề có các loài hoa sinh từ nước hết sức tươi đẹp là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, màu sắc thật tươi sáng, trong lành, hương thơm ngào ngạt. Có các thứ hoa sinh từ đất cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-nị-ca…

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đơn-việt, có các loài hoa sinh từ nước vô cùng tươi đẹp, đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hương thơm êm dịu, xông tỏa khắp chốn. Có các thứ hóa sinh từ đất, cực kỳ đẹp tươi là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-nị-ca…

Chư Tỳ-kheo, nơi ở của tất cả loài Rồng và Kim sí điểu đều có các loài hoa sinh ra từ trong nước cực kỳ xinh đẹp là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hương thơm lan tỏa, êm dịu tuyệt vời. Có các thứ hoa sinh ra nơi đất liền cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-bà-na, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-

lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Yết-ca-la-lợi-ca, hoa Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca…

Chư Tỳ-kheo, loài A-tu-la cũng có các loài hoa sinh từ trong nước cực kỳ xinh đẹp là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, hương thơm xông khắp, rất dễ ưa thích. Có các thứ hoa sinh ra nơi đất liền cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sư-ca, hoa Yết-ca-la-lợi-ca, hoa Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, hoa Tần-lân-đàm, hoa Ma-ha tần-lân-đàm, hoa Mạn-đà-la-phạm, hoa Ma-ha mạn-đà-la-phạm…

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên của cõi trời Tứ thiên vương có các thứ hoa sinh từ trong nước cực kỳ đẹp đẽ, rất dễ ưa thích là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, mùi hương rất thơm, chất rất mềm mại; có các thứ hoa sinh từ nơi đất liền xinh đẹp tuyệt vời là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-ca, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca, hoa Yết-ca-la-lợi-ca, hoa Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, hoa Tần-lân-đàm, hoa Ma-ha tần-lân-đàm…

Chư Tỳ-kheo, trời Ba mươi ba có các loại hoa sinh từ trong nước cực kỳ xinh đẹp, rất dễ ưa thích là hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-trà-lợi-ca, mùi hương thơm dịu, thân rất mềm mại. Có các thứ hoa sinh từ nơi đất liền xinh đẹp tuyệt vời là hoa A-đề-mục-đa-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-tra-la, hoa Tô-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Ma-lợi-ca, hoa Ma-đầu-kiền-đề-ca, hoa Tao-kiền-đề-ca, hoa Du-đề-ca, hoa Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, hoa Đà-nô-sa-ca-lợi-ca, hoa Yết-ca-la-lợi-ca, hoa Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, hoa Tần-lân-đàm, hoa Ma-ha tần-lân-đàm, hoa Mạn-đà-la-phạm, hoa Ma-ha mạn-đà-la-phạm…

Giống như trời Ba mươi ba có các thứ hoa, các cõi trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân… cũng có tất cả các loại hoa theo thứ lớp như vậy, không có sai khác.

Chư Tỳ-kheo, các loài hoa ở nhân gian có bảy màu. Đó là màu lửa tỏa ánh sáng lửa, màu vàng ròng tỏa ánh sáng vàng ròng, màu xanh tỏa ánh sáng xanh, màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, màu trắng tỏa ánh sáng trắng, màu vàng tỏa ánh sáng vàng, màu đen tỏa ánh sáng đen, ví như màu sắc

thường hiện của Ma phạm.

Chư Tỳ-kheo, nhân gian có các loài hoa với bảy màu ấy, A-tu-la cũng có các loài hoa với bảy màu như vậy. Tất cả Thiên chúng cũng lại có bảy loại màu sắc ánh sáng ấy, ví như màu sắc thường hiện của Ma phạm.

Chư Tỳ-kheo, tất cả chư Thiên có mười pháp cá biệt. Chư Tỳ-kheo, một là khi chư Thiên đi, tới lui không giới hạn; hai là khi chư Thiên đi, tới lui không bị chướng ngại; ba là khi chư Thiên đi, không có mau chậm; bốn là khi chư Thiên đi không có dấu chân; năm là thể lực của chư Thiên không có bệnh hoạn; sáu là thân của chư Thiên có hình không bóng, bảy là tất cả chư Thiên không đại tiểu tiện; tám là tất cả chư Thiên không có hỉ mũi, khạc nhổ; chín là thân của chư Thiên trong sạch vi diệu, không da thịt, gân mạch, mỡ máu, xương tủy; mười là thân của chư Thiên tùy theo ý muốn hiện ra cao thấp, xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn nhỏ, thô tế đều được, tất cả đều đẹp đẽ trang nghiêm tuyệt vời, khiến người ưa thích. Thân của tất cả chư Thiên đều có mười đặc tính bất khả tư nghì như vậy. Chư Tỳ-kheo, lại nữa, thân của chư Thiên đầy đặn to lớn, răng trắng vuông kín, tóc xanh đều đặc, mềm mại, óng ả, thân có ánh sáng và thần lực, bay đi trên không, mắt nhìn không chớp, có chuỗi báu Anh lạc tự nhiên, y phục không cáu bẩn.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề thọ mạng trăm năm, trong đó có người chết yểu. Người ở cõi Cù-đà-ni thọ mạng hai trăm tuổi, cũng có người chết yểu. Người ở cõi Phất-bà-đề thọ mạng ba trăm tuổi, cũng có người chết yểu. Người ở cõi Uất-đơn-việt thọ mạng nhất định là một ngàn năm, không có người chết yểu. Các chúng sanh ở cõi Diêm-ma-la, thọ bảy vạn hai ngàn năm, cũng có người chết yểu. Các Rồng và Kim sí điểu, thọ mạng một kiếp, cũng có chết yểu. Các A-tu-la thọ mạng một nghìn tuổi bằng với trời Ba mươi ba nhưng cũng có chết yểu. Trời Tứ thiên vương thọ năm trăm tuổi, cũng có chết yểu. Trời Ba mươi ba thọ một ngàn tuổi, chư Thiên Dạ-ma thọ hai ngàn tuổi, trời Đâu-suất-đà thọ bốn ngàn tuổi, chư Thiên Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi, trời Tha hóa tự tại thọ một vạn sáu ngàn tuổi, trời Ma thân thọ ba vạn hai ngàn tuổi, trời Phạm thiên thọ một kiếp, trời Quang ức niệm thọ hai kiếp, chư Thiên Biến tịnh thọ bốn kiếp, chư Thiên Quảng quả thọ tám kiếp, chư Thiên Vô tưởng thọ mười sáu kiếp, chư Thiên Bất thô thọ một ngàn kiếp, chư Thiên Vô não thọ hai ngàn kiếp, chư Thiên Thiện kiến thọ ba ngàn kiếp, chư Thiên Thiện hiện thọ bốn ngàn kiếp, trời Sắc cứu cánh thọ năm ngàn kiếp, trời

Hư không xứ thọ mười ngàn kiếp, trời Thức xứ thọ hai vạn một ngàn kiếp, trời Vô sở hữu xứ thọ bốn vạn hai ngàn kiếp, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ thọ tám vạn bốn ngàn kiếp, chư Thiên ấy đều có sự chết yểu.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề, thân cao ba khuỷu rưỡi tay, áo dài bảy khuỷu tay, rộng ba khuỷu rưỡi tay. Người ở cõi Cù-đà-ni, người ở cõi Phất-bà-đề, thân và áo bằng với người ở cõi Diêm phù. Người cõi Uất-đơn-việt, thân cao bảy khuỷu tay, áo dài mười bốn khuỷu tay, phần trên và phần dưới bảy khuỷu tay. Thân A-tu-la cao một do-tuần, áo dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, nặng nửa lạng. Trời Tứ thiên vương thân cao nửa do-tuần, áo dài một do-tuần, rộng nửa do-tuần, nặng một lạng. Trời Ba mươi ba, thân cao một do-tuần, áo dài hai do-tuần, rộng một do-tuần, nặng nửa lạng. Trời Dạ-ma, thân cao hai do-tuần, áo dài bốn do-tuần, rộng hai do-tuần, nặng một phần tư lạng. Trời Đâu-suất-đà, thân cao bốn do-tuần, áo dài tám do-tuần, rộng bốn do-tuần, nặng một phần tám lạng. Trời Hóa lạc, thân cao tám do-tuần, áo dài mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần, nặng một phần mười sáu lạng. Trời Tha hóa tự tại, thân cao mười sáu do-tuần, áo dài ba mươi hai do-tuần, rộng mười sáu do-tuần, nặng một phần ba mươi hai lạng. Chư Thiên Ma thân, thân cao ba mươi hai do-tuần, áo dài sáu mươi bốn do-tuần, rộng ba mươi hai do-tuần, nặng một phần sáu mươi bốn lạng. Chư Thiên từ đây trở lên, độ cao thấp của thân và áo bằng nhau không khác.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề có chợ, hoặc dùng tiền, vật báu, hoặc dùng ngũ cốc, lụa, hoặc dùng súc vật để trao đổi. Người ở cõi Cù-đà-ni có chợ, hoặc dùng trâu dê, hoặc dùng ngọc báu Ma-ni để trao đổi. Người cõi Phất-bà-đề có chợ, hoặc dùng của cải, lụa, hoặc dùng ngũ cốc, hoặc dùng ngọc báu Ma-ni để trao đổi. Người ở cõi Uất-đơn-việt không có chợ để trao đổi, theo nhu cầu tự nhiên có.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề, người ở cõi Cù-đà-ni, người ở cõi Phất-bà-đề đều có phép dựng vợ gả chồng giữa nam và nữ. Người cõi Uất-đơn-việt không có ngã và đối tượng của ngã, cành cây nếu rũ xuống, nam nữ bèn giao hợp, không có việc hôn phối.

Chư Tỳ-kheo, các Rồng, Kim sí điểu, A-tu-la… đều có hôn phối, pháp thức giữa nam nữ, đại khái như nhân gian. Trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân… đều có hôn phối… *như trên*. Từ cõi trời này trở lên, không có hôn phối, vì không có sự khác biệt giữa nam nữ.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề khi hành dục, hai căn giao

nhau, lưu xuất bất tịnh. Người ở cõi Cù-đà-ni, người ở cõi Phất-bà-đề, người ở cõi Uất-đơn-việt cũng đều như vậy. Tất cả các Rồng, Kim sí điểu khi hành dục, hai căn cũng giao nhau, nhưng chỉ xuất ra hơi gió, liền đạt được khoái lạc, không có bất tịnh. Các A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba khi hành dục, căn được khoái lạc cũng xuất ra hơi gió, giống như các Rồng và Kim sí điểu không khác. Chư Thiên Dạ-ma nắm tay thành dục, trời Đâu-suất-đà nhớ nghĩ nhau thành dục, chư Thiên Hóa lạc nhìn kỹ nhau thành dục, trời Tha hóa tự tại cùng nói chuyện thành dục, chư Thiên Ma thân cùng nhìn nhau thành dục, tất cả đều được khoái lạc, xong việc hành dục.

Chư Tỳ-kheo, về ánh sáng ở nhân gian thì ánh sáng của đom đóm không bằng ánh sáng của lửa đèn, ánh sáng của lửa đèn lại không bằng ánh sáng của cây đuốc, ánh sáng của cây đuốc không bằng ánh sáng của đống lửa; ánh sáng của đống lửa không bằng ánh sáng của các vì sao, ánh sáng của vì sao không bằng ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng của mặt trăng không bằng ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của mặt trời chói lọi rực rỡ còn chẳng bằng ánh sáng từ chuỗi báu Anh lạc trên tường vách quanh cung điện của trời Tứ thiên vương. Ánh sáng của trời Tứ thiên vương lại chẳng bằng ánh sáng của trời Ba mươi ba. Ánh sáng của trời Ba mươi ba lại chẳng bằng ánh sáng từ chuỗi báu Anh lạc trên tường vách của cung điện chư Thiên Dạ-ma. Các ánh sáng có trong trời Dạ-ma chẳng bằng ánh sáng của trời Đâu-suất-đà. Các ánh sáng của trời Đâu-suất-đà chẳng bằng ánh sáng của trời Hóa lạc. Ánh sáng của trời Hóa lạc chẳng bằng ánh sáng của chư Thiên Tha hóa tự tại. Ánh sáng của trời Tha hóa tự tại chẳng bằng ánh sáng của trời Ma thân. Ánh sáng từ chuỗi báu Anh lạc trên tường vách cung điện của chư Thiên Ma thân so với các cõi trời dưới, rất thù thắng tuyệt diệu, đặc biệt không gì vượt qua được.

Chư Tỳ-kheo, tuy nhiên, ánh sáng của trời Ma thân này so với ánh sáng của trời Phạm thiên lại chẳng bằng; ánh sáng của trời Phạm thiên kia so với ánh sáng của trời Ức niệm lại chẳng bằng; ánh sáng của trời Ức niệm so với ánh sáng của trời Biến tịnh thì chẳng bằng; trời Biến tịnh so với trời Quảng quả thì chẳng bằng… y như vậy, trời Vô não nhiệt, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời A-ca-nị-trá… chỉ trừ Anh lạc… ngoài ra đều như trước đã nói, nên biết như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ánh sánh có trong thế gian, hoặc của thế giới chư Thiên, hoặc Ma, hoặc Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, người… muốn so với hào quang của Như Lai, A-la-ha, Tam-miệu-tam-phật-đà thì dù với số

trăm ngàn vạn ức hằng hà sa đi nữa cũng chẳng thể sánh được. Hào quang ấy của Như Lai rất thù thắng tuyệt diệu, đặc biệt bậc nhất. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, vì thân của Như Lai là giới hạnh vô lượng, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thần thông và sự thể hiện thần thông, giáo hóa và sự chuyển biến của giáo hóa, nơi chốn thuyết giảng và sự chuyển biến của nơi chốn thuyết giảng đều vô lượng. Chư Tỳ-kheo, Như Lai có vô lượng công đức như vậy, tất cả các pháp đều đầy đủ. Do ý nghĩa ấy nên hào quang của Như Lai là tối thắng, vô thượng, cần phải hiểu rõ như thế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả chúng sanh có bốn thứ thức ăn dùng nuôi các đại để tự tồn tại, có được các hữu, để gồm thâu, thọ nhận. Một là thô đoàn và vi tế thực, hai là xúc thực, ba là ý tư thực, bốn là thức thực. Nghĩa là:

1. Ăn bằng thức ăn thô cứng và nhỏ mịn.

2. Ăn bằng sự xúc chạm.

3. Ăn bằng sự tư duy.

4. Ăn bằng thức.

Những chúng sanh nào ăn bằng thức ăn thô cứng và nhỏ mịn? Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Diêm-phù-đề ăn lúa gạo, đậu, cá thịt…, những thứ này gọi là thức ăn thô cứng. Đậy che, xoa sờ, tắm rửa lau chùi, phấn sáp thoa chà, những thứ này gọi là thức ăn vi tế. Người ở cõi Cù-đà-ni, ở cõi Phất-bà-đề, thức ăn thô cứng và vi tế đại khái như người ở cõi Diêm-phù-đề… Người ở cõi Uất-đơn-việt, thân không cày cấy, tự nhiên có loại gạo thơm chín làm thức ăn thô cứng, đậy che, tắm rửa và xoa sờ… làm thức ăn vi tế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả loài Rồng và Kim sí điểu… dùng các giống cá, ba ba, cá sấu, tôm, mực, nòng nọc, rồng con, rắn, rái… làm thức ăn thô cứng; các sự che đậy, tắm rửa… làm thức ăn vi tế. Các A-tu-la dùng vị cam lộ tuyệt ngon của trời làm thức ăn thô cứng, các sự che đậy... làm thức ăn vi tế. Trời Tứ thiên vương và Thiên chúng đều dùng vị cam lộ kia làm thức ăn thô cứng; các sự che đậy… làm thức ăn vi tế. Trời Ba mươi ba cũng dùng vị cam lộ của trời kia làm thức ăn thô cứng, các sự che đậy… làm thức ăn vi tế. Giống như trời Ba mươi ba, các cõi trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại… đều dùng vị cam lộ của trời ấy làm thức ăn thô cứng, các sự che đậy… làm thức ăn vi tế. Từ đây trở lên, chư Thiên đều dùng niềm vui trong định làm thức ăn, Tam-ma-bạt-đề làm thức ăn, không có thức ăn thô cứng và vi tế.

Chư Tỳ-kheo, những chúng sanh nào dùng sự xúc chạm làm thức

ăn? Chư Tỳ-kheo, tất cả chúng sanh thọ sanh từ trứng như là ngỗng, chim ưng, chim hồng, chim hạc, gà, vịt, khổng tước, anh vũ, cù đục, tu hú, bồ câu, yến, se sẻ, trĩ, chim khách, quạ… và nhiều loại chúng sinh khác sanh từ trứng, vì chúng được thọ thân từ trứng nên tất cả dùng xúc chạm làm thức ăn.

Những chúng sanh nào dùng tư duy làm thức ăn? Nếu có chúng sanh dùng ý tư duy nuôi dưỡng các căn, tăng trưởng thân mạng như là cá, ba ba, rùa, rắn, tôm, mực, già-la, cù-đà… và nhiều loài chúng sanh khác dùng ý tư duy, nuôi lớn các căn, tăng trưởng thọ mạng, thì đó là chúng sanh dùng tư duy làm thức ăn.

Những chúng sanh nào dùng thức làm thức ăn? Đó là những chúng sanh ở địa ngục và cõi trời Vô biên thức xứ… Các chúng sanh ấy đều dùng sự duy trì thức làm thức ăn.

Chư Tỳ-kheo, bốn thứ thức ăn này duy trì các đại, giữ gìn sự sống cho các chúng sanh.

Ở đây có bài kệ:

Hoa, sắc và các pháp
Thọ mạng, áo, năm thứ
Chợ búa và cưới gả
Căn, quang, thực là mười.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh ở thế gian đều cùng có ba loại hành động ác là thân, khẩu và ý hành động ác.

Chư Tỳ-kheo, có các chúng sanh, thân làm hạnh ác, miệng nói hạnh ác và ý nghĩ hạnh ác. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung đọa vào đường ác, sanh trong địa ngục. Họ ở trong ấy, sau cùng thức diệt. Thức của địa ngục lúc mới tương tục sanh thì thức kia cùng sanh liền có danh sắc. Do duyên danh sắc liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có chúng sanh, thân làm hạnh ác, miệng nói hạnh ác, ý nghĩ hạnh ác. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung đọa vào đường ác, sanh trong loài súc sanh. Họ ở nơi ấy, sau cùng thức diệt. Thức của loài súc sanh, lúc mới tương tục sanh, ngay khi thức ấy cùng sanh thì liền có danh sắc. Do duyên danh sắc, liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có chúng sanh, thân làm hạnh ác, miệng nói hạnh ác, ý nghĩ hạnh ác. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung đọa vào đường ác, sanh cõi Diêm-ma. Họ ở nơi đấy, sau cùng thức diệt. Thức ở cõi Diêm-ma, lúc mới tương tục sanh, ngay lúc thức ấy mới sanh liền cùng

với danh sắc cùng sanh một lần. Do duyên danh sắc liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, đó là ba loại hạnh ác cần phải xa lìa.

Chư Tỳ-kheo, thế gian lại có ba thứ hạnh lành. Đó là hạnh lành của thân, của miệng và của ý.

Chư Tỳ-kheo, nếu có chúng sanh, thân làm hạnh lành, miệng nói hạnh lành và ý nghĩ hạnh lành thì do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung được sanh vào loài người. Họ ở nơi đấy, sau cùng thức diệt, thức của người, lúc thức ấy vừa mới chuyển sanh liền cùng danh sắc đồng thời sanh ra. Do duyên danh sắc liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có chúng sanh, thân làm hạnh lành, miệng nói hạnh lành, ý nghĩ hạnh lành. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi trời. Họ ở nơi ấy, thức diệt. Thức của cõi trời ấy, ngay lúc chuyển sanh, khi thức ấy sanh liền cùng với danh sắc đồng thời sanh. Do có danh sắc liền có lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên trong cõi trời, hoặc ngay nơi Thiên tử, hoặc ngay nơi Thiên nữ, hoặc ở chỗ ngồi, hoặc trong hai gối, hoặc giữa hai đùi vế, bỗng nhiên sanh ra. Khi vừa mới sanh, họ liền lớn như em bé mười hai tuổi ở nhân gian. Nếu là Thiên nam thì ngay tại chỗ ngồi của Thiên tử theo một bên đầu gối sanh ra. Nếu là Thiên nữ thì trong hai đùi vế của Thiên nữ sanh ra. Khi đã sanh ra, vị Thiên tử ấy liền gọi là con trai, con gái của ta. Chư Tỳ-kheo, như vậy nên biết, tu thiện thì sanh Thiên, có những pháp như thế, đó là Thiên tử hoặc Thiên nữ… Khi vừa sanh ra, do những nghiệp duyên của mình đã huân tập nên họ nhớ nghĩ được ba việc: một là tự biết chết ở chỗ nào, hai là tự biết chỗ sanh ra trong hiện tại, ba là biết sự sanh ấy là do nghiệp quả ấy, là do phước báo ấy. Họ lại nghĩ: "Vì ta ở nơi ấy, thân mạng hoại rồi, sanh lại nơi này là do ta có ba nghiệp quả như thế. Ba loại nghiệp quả đã thuần thục thì được sanh lại nơi đây. Ba loại nghiệp quả ấy là gì? Đó là thân làm hạnh lành, miệng nói hạnh lành, ý nghĩ hạnh lành. Ba loại nghiệp này do quả báo thuần thục nên khi thân hoại mạng chung, sanh đến nơi này". Lại nghĩ: "Nguyện rằng, nếu ở nơi này sau khi chết, ta sẽ sanh vào nhân gian. Khi ta đã thọ sanh ở nhân gian, lại tu các hạnh lành về thân, miệng, ý… Do thân, miệng, ý tu các hạnh lành nên sau khi thân hoại rồi, thì sanh trở lại nơi này". Nghĩ như vậy xong họ liền nghĩ đến ăn. Khi họ nghĩ muốn ăn, thì ở ngay trước mặt liền có các đồ đựng báu tự nhiên tràn đầy vị cam lộ cõi trời nhiều màu khác nhau. Trong các Thiên tử, vị nào có nghiệp thù thắng thì vị cam lộ màu rất trắng trong; vị Thiên tử nào quả báo bậc trung thì vị cam lộ màu hơi

đỏ; vị Thiên tử nào có phước đức bậc hạ thì vị cam lộ màu hơi đen. Khi ấy, các vị Thiên tử dùng tay bốc các vị cam lồ bỏ vào miệng. Vị cam lộ ấy khi đã vào miệng dần dần tự tiêu hóa. Giống như sữa hay váng sữa đem đặt trên lửa liền tự tiêu mất, không đông lại được. Cũng giống như thế, vị cam lộ trời bỏ vào miệng thì tự nhiên tiêu hóa. Ăn vị ấy rồi, nếu khi nào khát nước, thì liền ngay ở trước mặt có đồ chứa báu cõi trời đựng đầy rượu trời, tùy theo phước bậc thượng, trung, hạ mà hợp với màu trắng, đỏ, đen… *như trước*… khi uống vào miệng, cũng tự tiêu mất như vậy. Lúc ấy, các vị Thiên tử đó, ăn uống xong, thân liền to lớn; thô tế, cao thấp giống như các Thiên tử và Thiên nữ sanh trước.

Chư Tỳ-kheo, các Thiên tử, Thiên nữ ấy khi đã trưởng thành, ai nấy tùy theo ý mình đều có chỗ đi đến. Họ đi đến ao nước, lội vào trong ao, tắm rửa sạch sẽ, vui vẻ tận hưởng; xong ra khỏi ao, lại đến cây Hương, cành cây Hương kia tự nhiên uốn cong xuống, từ trong cành cây tuôn ra các thứ hương thơm, chảy vào trong tay. Các Thiên tử dùng thoa vào thân, thoa vào thân rồi, lại đến cây Y phục. Khi ấy cây Y phục cũng cúi xuống, ngay ở trong cành lại tuôn ra các thứ y phục tuyệt đẹp, thả xuống tận tay, các Thiên tử lấy mặc vào. Mặc y phục rồi, họ đến cây Anh lạc. Cây cúi xuống tới tay đeo vào khắp thân… *như trước*… Trang nghiêm nơi thân rồi, họ lại đến cây Tràng hoa. Cây ấy cúi xuống, tuôn ra các loại tràng hoa tuyệt diệu. Các vị trời ấy lấy cài lên đầu rồi lại đến cây Đồ dùng. Cây ấy tuôn ra các loại đồ dùng quý báu để họ tùy ý lấy dùng. Sau đó họ đi đến rừng quả, đựng đầy các loại trái cây, hoặc ăn, hoặc vắt nước uống. Xong, họ lại đến các cây Âm nhạc, cây cũng cúi xuống, tự nhiên hiện hóa các loại nhạc khí, tùy ý mà lấy, hoặc đờn, hoặc gõ, hoặc ca, hoặc múa, âm thanh tuyệt vời, khiến người ưa nghe. Bấy giờ họ lại đi vào các khu vườn; đã vào vườn rồi liền thấy vô lượng vô biên trăm ngàn ức số thiên ngọc nữ. Các vị Thiên tử ấy khi chưa thấy Thiên nữ thì có sự thấy biết về nghiệp báo đời trước: "Ta từ chỗ ấy sanh đến nơi này. Thân ta nay thọ quả báo như thế, là vì nghiệp đã thuần thục". Ngay khi ấy họ hiểu rõ tất cả, nhớ việc đời trước như nhìn vào lòng bàn tay. Do thấy Thiên nữ, mê đắm sắc đẹp, tâm chánh niệm tỉnh thức ấy liền diệt, mất đi sự nhớ nghĩ về đời trước, vướng mắc vào ái dục hiện tại, nên miệng thốt lên: "Đây đều là Thiên ngọc nữ ư? Thiên ngọc nữ ư?" Đó gọi là bị dục ái trói buộc.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là ba thứ hạnh lành cần phải tu tập.

Chư Tỳ-kheo, trong mỗi tháng có sáu ngày Ô-bô-sa-tha (đời Tùy gọi là Tăng thượng, nghĩa là thọ trì phép chay tịnh tăng trưởng căn lành).

Trong nửa tháng đầu có mười lăm ngày, trong nửa tháng sau cũng có mười lăm ngày. Hai lần nửa tháng đều có ba ngày chay. Ba ngày chay của nửa tháng đầu là gì? Đó là ngày mồng tám, mười bốn và ngày rằm trong tháng. Nửa tháng sau cũng có ba ngày chay như nửa tháng trước. Vì sao trong mỗi nửa tháng đều có ba ngày chay thọ trì trai giới? Chư Tỳ-kheo, hai lần nửa tháng đều có tám ngày, ngay trong những ngày ấy, bốn Đại thiên vương tập hợp những quyến thuộc, bảo với tất cả rằng: "Các ngươi đi xem khắp bốn phương ở trong thế gian, có người tu hành, hiếu thuận, phụng dưỡng mẹ cha, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Tôn trọng các bậc Tôn trưởng chăng? Tu hành bố thí, thọ trì giới cấm chăng? Giữ gìn bát quan trai giới và sáu ngày chay chăng?" Khi ấy, nghe Tứ thiên vương dạy như vậy rồi, các vị sứ giả kia phụng mệnh Thiên vương, liền xuống xem khắp nẻo nhân gian, ai hành hiếu hạnh phụng dưỡng mẹ cha? Ai cung kính Sa-môn và Bà-la-môn? Lại có con cái nhà ai cung kính phụng sự bậc Tôn trưởng; chăm sóc, tôn sùng, lễ phép, nhường nhịn? Ai hành bố thí, ai thực hiện sáu ngày chay? Ai trì tám giới cấm? Ai giữ giới hạnh? Lúc bấy giờ sứ giả lần lượt xem khắp thế gian, thấy trong loài người, ít ai thường xuyên hiếu thuận phụng dưỡng mẹ cha, ít ai thường xuyên vâng lời, tôn trọng Sa-môn; ít ai thường xuyên cung kính các Bà-la-môn kỳ cựu hữu đức; đối với các bậc Trưởng lão, ít ai cung kính; bố thí thì chút đỉnh, ăn chay thì thưa thớt, giữ giới thì bất toàn, điều răn cấm thì khiếm khuyết.

Lúc ấy Thiên sứ thấy đầy đủ rồi, ngay trong ngày ấy, trở về chỗ Tứ thiên vương tâu: "Đại vương thẩm xét, tất cả loài người trong thế gian, phần nhiều không hiếu dưỡng, phụng sự cha mẹ, phần nhiều cũng không cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, phần nhiều không kính trọng các bậc Sư tăng, Tôn trưởng kỳ cựu có đức, phần nhiều cũng không có người tu hành bố thí, thọ trì lục trai, phần nhiều cũng không có người phụng hành giới cấm, giữ bát quan trai".

Bấy giờ Tứ thiên vương nghe các Thiên sứ tâu rồi, tâm ý buồn rầu chẳng vui, bảo các sứ giả: "Nếu quả các người ở thế gian như vậy, thì thật là điều chẳng lành. Vì sao? Vì tuổi thọ ở nhân gian rất là ngắn ngủi, ít thời gian ở tại cõi đời, nên phải tu các điều thiện để khi chuyển qua đời sau được an lạc. Nhưng tại sao nay số người ấy không có nhiều người làm điều hiếu dưỡng với mẹ cha... *cho đến* không thể giữ sáu ngày chay, phụng hành tám giới cấm, thọ trì thân khẩu? Điều này làm tổn giảm lớn các Thiên chúng của ta, lại làm tăng thêm dòng giống A-tu-la".

Chư Tỳ-kheo, còn nếu người thế gian phần nhiều thực hành hiếu

thuận, phụng dưỡng cha mẹ, tôn trọng Sa-môn, Bà-la-môn, kính phụng bậc Kỳ cựu, chăm lo tu bồi lễ nghĩa, nhường nhịn, thực hành tốt việc bố thí, ưa thọ trì sáu ngày chay, siêng năng vun bồi phước nghiệp, thường giữ tám giới cấm, tu hành như vậy, tương tục không dứt thì lúc ấy Thiên sứ đi tuần sát thấy rồi, tâu với Tứ thiên vương: "Đại vương thẩm xét! Loài người ở thế gian, phần nhiều có hiếu thuận, phụng dưỡng mẹ cha, phần nhiều cung kính Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Tôn trưởng, ưa làm việc bố thí, siêng tu trai giới".

Lúc ấy Tứ đại thiên vương nghe lời tâu này của các Thiên sứ rồi tâm rất hoan hỷ, phấn chấn vô cùng, bảo: "Rất tốt! Rất tốt! Các người ở thế gian có thể tu như vậy là điều lành rất lớn. Vì sao? Vì số người ở thế gian kia, mạng sống ngắn ngủi, chẳng bao lâu sẽ chuyển đến một thế giới khác. Nay đây, tại cõi nhân gian ấy, họ luôn hiếu dưỡng với cha mẹ, phụng sự Sa-môn và Bà-la-môn, tôn kính bậc Kỳ lão, tu hành đức lễ phép, khiêm nhường; phần nhiều ưa bố thí, trì trai giới, như vậy sẽ tăng được vô lượng quyến thuộc cho chư Thiên, làm tổn giảm dòng giống A-tu-la".

Chư Tỳ-kheo, vì sao vào ngày mười bốn và ngày ba mươi của mỗi tháng thì có những ngày chay? Chư Tỳ-kheo, vào ngày mười bốn và ba mươi của mỗi tháng này cũng giống như trước, Tứ thiên vương gọi Thái tử, sai xuống nhân gian quán sát việc thiện ác. Việc thiện ít thì buồn rầu, việc thiện nhiều thì vui mừng. *Đầy đủ như đoạn Thiên sứ đã nói trên, chỉ khác là Thái tử tự mình đi.*

Chư Tỳ-kheo, vì sao mười lăm ngày trong mỗi nửa tháng lại có những ngày chay? Chư Tỳ-kheo, vào những ngày ấy, Tứ thiên vương xuống thế gian đích thân quan sát việc thiện ác, biết nhiều hay ít rồi, liền đi đến Thiện pháp đường, nơi chư Thiên tụ tập bàn luận. Ở ngay trước pháp đường, mặt hướng về trời Đế-thích tâu đầy đủ các việc thiện ác, nhiều, ít, trái, thuận ở thế gian. Bấy giờ trời Đế-thích nghe nói người thế gian tu phước ít lại buồn rầu, bực tức chẳng vui. Vì sao như thế? Vì Thiên chúng giảm xuống, chúng A-tu-la lại nhiều thêm. Nếu nghe người nhân gian hành động đúng pháp nhiều thì tâm hoan hỷ, phấn chấn vô cùng, nói thế này: "Các Thiên chúng của ta dần dần sẽ tăng thêm, chúng A-tu-la dần dần sẽ giảm xuống".

Chư Tỳ-kheo, do vậy sáu ngày mà chư Thiên xuống xem thiện ác ở nhân gian nên tu trai giới, gọi đó là ngày chay.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN VIII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 3

Chư Tỳ-kheo, như khi các ngoại đạo, hoặc Ba-lợi-bà-la-xà-ca, hoặc những người khác đến chỗ các vị và hỏi: "Này các Trưởng lão, do nhân duyên gì có một hạng người bị các phi nhân khủng bố? Lại có hạng người chẳng bị các phi nhân khủng bố?" Nếu các ngoại đạo hỏi như vậy thì các vị nên trả lời như thế này: "Này các Trưởng lão, có nhân duyên này: Ở trong thế gian có hạng người làm điều phi pháp, bên trong có tà kiến và nhận thức điên đảo. Họ chuyên làm mười pháp bất thiện, nói việc bất thiện, nghĩ việc bất thiện, tà kiến, điên đảo. Vì gây mười điều bất thiện như vậy nên chư thần bảo hộ đời sống dần dần rời bỏ họ. Những hạng người như thế, nếu có trăm hoặc ngàn thần, chỉ lưu lại một vị bảo hộ một cách lơ là, như bầy dê, bầy trâu cả trăm ngàn con mà chỉ để một người chăn. Ở đây cũng vậy, vì thần bảo hộ ít, nên thường bị hàng phi nhân khủng bố. Còn có hạng người thực hành chánh pháp, chẳng hành tà kiến, không nhận thức điên đảo; vì họ làm mười điều thiện, chánh kiến, chánh ngữ, tu hành nghiệp thiện như vậy, nên từng người một đều có vô lượng, hoặc trăm, ngàn chư thần bảo hộ. Do nhân duyên ấy, những người này không bị hàng phi nhân khủng bố. Thí như nhà vua và đại thần của vua, tùy theo từng người mà có trăm, ngàn thần hộ sanh bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, ở nhân gian, nếu có những dòng họ thế nào thì trong hàng phi nhân cũng có tất cả dòng họ như thế.

Chư Tỳ-kheo, nhân gian có các nơi cư trú như núi, rừng, sông, hồ, quốc, ấp, thành quách, ao, đầm, thôn xóm, làng mạc, thì trong cõi phi nhân cũng có tên gọi núi rừng, thành ấp, nhà cửa như thế, kể cả những nơi chốn đứng ngồi của vua, quan đại thần.

Chư Tỳ-kheo, tất cả ngã tư đường, nơi giao lộ, nơi bờ ruộng, đường làng quanh co, nơi làm thịt sinh vật, và các hang núi đều có các thần, không đâu là không có, và cũng là chỗ ở của các loài phi nhân. Lại nữa, hang hốc, gò cao, mồ mả, núi rừng, nơi vất tử thi, con đường mà tất cả

loài thú dữ đi qua đều có phi nhân cư trú nơi ấy. Tất cả cây rừng cao đến một tầm, vòng thân một thước đều có chư thần ở trên đó, coi như nhà ở.

Chư Tỳ-kheo, tất cả nam nữ ở thế gian, từ khi sanh cho đến về sau, đều có chư thần luôn luôn đi theo, chẳng từng rời bỏ, chỉ trừ khi làm các điều ác và khi mạng sống sắp dứt mới bỏ mà đi… *như trên đã nói.*

Chư Tỳ-kheo, châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Cù-đà-ni: Một là mạnh khỏe, hai là chánh niệm, ba là chỗ Phật xuất hiện ở đời, bốn là nơi tu tập các nghiệp, năm là chốn tu tập phạm hạnh. Châu Cù-đà-ni có ba việc hơn cõi Diêm-phù-đề: Một là nhiều trâu bò, hai là nhiều dê, ba là nhiều Ma-ni báu. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Phất-bà-đề… *cũng như trên*. Châu Phất-bà-đề có ba việc hơn Diêm-phù-đề: Một là châu rất rộng lớn, hai là đâu đâu cũng có bãi sông, ba là châu rất đẹp đẽ. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Uất-đơn-việt *như trên đã nói.* Châu Uất-đơn-việt có ba việc hơn cõi Diêm-phù-đề: Một là người cõi ấy không có ngã và đối tượng của ngã, hai là thọ mạng rất lâu, ba là người cõi ấy có hạnh thù thắng. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn cõi Diêm-ma-thế… *như trên đã nói*… cõi Diêm-ma-thế có ba việc hơn châu Diêm-phù-đề: Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình cao lớn, ba là có cơm áo tự nhiên. Người cõi Diêm-phù-đề có năm việc hơn tất cả Rồng, Kim sí điểu… *như trước đã nói*. Các Rồng và Kim sí điểu có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đề: Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình to lớn, ba là cung điện rộng rãi. Người cõi Diêm-phù-đề có năm việc hơn A-tu-la… *như trên đã nói*. A-tu-la có ba việc hơn người cõi Diêm-phù-đề: Một là thọ mạng lâu dài, hai là hình sắc đẹp đẽ, ba là được hưởng sung sướng nhiều. Ba việc như vậy, rất là thù thắng.

Chư Tỳ-kheo, trời Tứ thiên vương có ba việc tốt đẹp: Một là cung điện cao, hai là cung điện tốt đẹp, ba là cung điện có ánh sáng rực rỡ. Trời Ba mươi ba có ba việc tốt đẹp: Một là sống lâu, hai là hình sắc đẹp đẽ, ba là nhiều thú vui. Giống như vậy, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân… nên biết đều có ba việc tốt đẹp như trời Ba mươi ba, hơn cõi Diêm-phù-đề, *như trên đã nói*. Châu Diêm-phù-đề có năm việc hơn chư Thiên, Rồng, *như trên đã nói*, các vị nên biết.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ba cõi có ba mươi tám chủng loại chúng sanh. Chư Tỳ-kheo, trong cõi Dục có mười hai loại, trong cõi Sắc có hai mươi hai loại và trong cõi Vô sắc có bốn loại. Chư Tỳ-kheo, mười hai chủng loại trong cõi Dục là gì? Đó là Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỷ, Người, A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà,

trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân. Hai mươi hai chủng loại trong cõi Sắc là gì? Đó là trời Phạm thân, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô não, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời A-ca-nị-tra. Trong cõi Vô sắc có bốn chủng loại là trời Không vô biên, trời Thức vô biên, trời Vô sở hữu, trời Phi tưởng phi phi tưởng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong thế gian có bốn loại mây. Đó là mây trắng, mây đen, mây đỏ, mây vàng. Chư Tỳ-kheo, trong bốn loại mây này, nếu là loại sắc trắng thì có nhiều địa giới, nếu là loại sắc đen thì có nhiều thủy giới, nếu là loại sắc đỏ thì có nhiều hỏa giới, nếu là loại sắc vàng thì có nhiều phong giới. Các vị nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, thế gian lại có bốn loại thần lớn. Đó là thần lớn địa đại, thần lớn thủy đại, thần lớn hỏa đại, thần lớn phong đại.

Chư Tỳ-kheo, đã từng có một thời, đại thần địa đại, khởi lên ác kiến, tâm tự nghĩ: "Ở trong địa giới không có thủy, hỏa, phong giới". Chư Tỳ-kheo, ngay khi ấy, Ta đến chỗ vị thần kia bảo: "Này địa thần, tâm ngươi thật có ác kiến cho rằng trong địa giới không có ba đại thủy, hỏa, phong chăng?" Vị thần kia trả lời với Ta: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Ta lại bảo: "Này địa thần, chớ khởi ác kiến như thế. Vì sao? Vì trong địa giới này thật ra đều có đầy đủ thủy, hỏa, phong giới, nhưng ở trong đó địa giới nhiều hơn, vì vậy được gọi là địa đại".

Chư Tỳ-kheo, Ta có thể biết đại thần địa đại khởi lên ý nghĩ như vậy nên dứt trừ cái kiến thức thiên lệch kia, khiến vị thần ấy sanh tâm hoan hỷ, ngay trong các cấu uế đạt được pháp nhãn thanh tịnh, chứng quả ngộ đạo, không còn bị mê lầm trói buộc, vượt thoát nghi ngờ, chẳng còn phiền não, không theo giáo pháp khác, thuận hành theo pháp. Vị ấy đã thưa với Ta: "Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Bạch Đại Đức Thế Tôn, từ nay về sau, con luôn luôn phụng trì giới Ưu-bà-di cho đến mạng chung, không sát sanh, không trộm cắp và không làm điều phi pháp… Cúi xin Phật, Pháp, Tăng hộ trì cho con được thanh tịnh".

Chư Tỳ-kheo, lại vào một thời, đại thần thủy đại khởi lên ác kiến cũng nghĩ thế này: "Ở trong thủy giới không có địa giới, hỏa giới, phong giới". Ta biết ý nghĩ ấy liền đi đến bảo vị thần kia: "Có thật ngươi có ý nghĩ như vậy chăng?" Đáp: "Quả đúng như vậy". Ta lại bảo: "Ngươi chớ khởi lên ác kiến như thế. Ở trong thủy giới này có đầy đủ địa giới và hỏa,

phong giới nhưng vì nước có nhiều hơn nên được gọi là thủy đại".

Cứ như vậy cho đến hỏa thần, phong thần đều có kiến chấp ấy. Phật đã biết hết, đều đến hỏi rõ. Họ đều đáp: "Bạch Thế Tôn, quả đúng như vậy". Phật khai thị ý nghĩa như trước. Họ đều được tỏ ngộ, quy y Tam bảo, thuận hành theo pháp… *như trên*. Đại thần địa đại dứt trừ nghi hoặc, đi đến chỗ Phật…

Chư Tỳ-kheo, đó là đại thần của bốn đại.

Chư Tỳ-kheo, thế gian có mây từ dưới đất bay lên không trung, có đám lên đến một câu-lô-xá thì dừng lại, hoặc có đám lên đến hai hoặc ba câu-lô-xá thì dừng lại, cho đến có đám lên tới sáu, bảy câu-lô-xá mới dừng. Chư Tỳ-kheo, hoặc có đám mây bay lên không trung đến một do-tuần thì dừng lại, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần thì dừng lại. Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có đám mây bay lên không trung một trăm do-tuần thì dừng lại, hoặc đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần thì dừng lại, hoặc lại có đám mây từ đất bay lên không trung hàng ngàn do-tuần thì dừng lại, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần thì dừng lại, cho đến khi kiếp tận.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đi đến chỗ các vị, hỏi thế này: "Thưa chư Trưởng lão, do nhân duyên gì trong mây trên hư không có âm thanh?" Này các Tỳ-kheo, các vị nên trả lời: "Có ba nhân duyên, vì va chạm nhau nên trong đám mây có âm thanh phát ra. Này các Trưởng lão, hoặc có lúc vì phong giới cùng với địa giới ở trong mây va chạm nhau nên phát ra âm thanh. Vì sao? Thí như hai cành cây cọ vào nhau liền có lửa phát ra. Chư Trưởng lão, đó là nhân duyên thứ nhất phát ra âm thanh. Hoặc có lúc phong giới cùng với thủy giới ở trong mây va chạm nhau nên phát ra âm thanh, cũng như trên đã nói. Đó là nhân duyên thứ hai phát ra âm thanh. Lại nữa, chư Trưởng lão, hoặc có lúc phong giới cùng với hỏa giới ở trong mây va chạm nhau liền phát ra âm thanh… *cho đến* thí như hai cây cọ xát vào nhau thì phát ra lửa. Đó là nhân duyên thứ ba phát ra âm thanh". Nên trả lời như vậy. Chư Tỳ-kheo, các vị nên phân biệt rộng rãi như thế để biết.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đến chỗ các vị hỏi thế này: "Thưa các Trưởng lão, do nhân duyên gì mà trong mây trên hư không bỗng nhiên phát sanh ánh chớp?" Này chư Tỳ-kheo, các vị nên trả lời như vầy: "Này chư Trưởng lão, có hai nhân duyên trong mây nên trên hư không phát ra ánh chớp. Một là phương Đông có luồng điện tên là Kháng hậu, phương Nam có luồng điện tên là Thuận lưu, phương Tây có

luồng điện tên là Đọa quang minh, phương Bắc có luồng điện tên là Bách sanh thọ. Chư Trưởng lão, hoặc có lúc phương Đông phát ra luồng điện lớn Kháng hậu cùng với luồng điện Đọa quang minh ở phương Tây chạm nhau, đối nhau, xát nhau, đánh nhau, vì vậy từ trong đám mây ở trên hư không kia phát ra ánh sáng lớn gọi là ánh chớp, đó là nhân duyên thứ nhất phát ra ánh chớp. Lại nữa, này chư Trưởng lão, hoặc là luồng điện lớn Thuận lưu ở phương Nam cùng với luồng điện lớn Bách sanh thọ ở phương Bắc chạm nhau, đối nhau, xát nhau, đánh nhau, vì vậy phát ra ánh sáng chớp. Thí như gió thổi hai cây cọ xát nhau bỗng nhiên xẹt lửa, rồi trở lại vị trí cũ. Đây là nhân duyên thứ hai từ trong đám mây phát ra ánh chớp.

Chư Tỳ-kheo, ở trong hư không, có năm nhân duyên có thể ngăn cản mưa, khiến cho nhà xem thiên văn chẳng lường biết được, càng thêm nghi hoặc, như là ghi nhạn trời chắc chắn sẽ mưa nhưng lại không mưa. Năm nhân duyên ấy là gì? Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ở trong hư không, mây đùn sấm động phát ra các thứ tiếng rền ầm ầm, hoặc phát ra ánh chớp, hoặc có gió thổi khí lạnh đến, các thứ như thế đều là hiện tượng sinh mưa. Các người đoán thời tiết và các nhà thiên văn đều tin chắc rằng lúc ấy nhất định phải mưa. Ngay lúc đó, vua A-tu-la La-hầu-la ra khỏi cung điện, liền dùng hai tay vốc đám mây có mưa kia ném vào trong biển. Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ nhất ngăn cản mưa mà nhà thiên văn và người đoán thời tiết chẳng thấy chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc vì ghi nhận là trời chắc chắn mưa nhưng rốt cuộc không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có lúc, hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra các tiếng ầm ầm rền vang… cũng phát ra ánh chớp, cũng có gió thổi khí lạnh đến, khi ấy, nhà thiên văn và người đoán thời tiết thấy hiện tượng ấy rồi tin chắc lúc ấy trời nhất định mưa. Ngay khi đó, sức tăng trưởng của hỏa giới phát sanh, nên trong tức khắc, mây tự nhiên tan hết. Đây là nhân duyên thứ hai cản mưa mà nhà thiên văn và người đoán thời tiết chẳng thấy, chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc vì ghi nhận là trời chắc chắn mưa mà lại chẳng mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có lúc hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra các thứ tiếng ầm ầm rền vang…, cũng phát ra ánh chớp, cũng có gió thổi khí lạnh đến. Lúc đó nhà thiên văn và người đoán thời tiết thấy hiện tượng ấy rồi, cho là trời chắc chắn sẽ mưa. Nhưng ngay khi ấy, vì sức tăng trưởng nhanh của phong giới phát sanh, đủ sức thổi mây đưa đến sa mạc Ca-lăng-già, hoặc đưa tới vùng sa mạc Đàn-trà-ca, hoặc đưa đến vùng sa mạc Ma-đăng-già, hoặc đưa đến vùng đồng trống, hoặc đưa đến

vùng sa mạc Ma-liên-na. Đây là nhân duyên thứ ba ngăn cản mưa mà nhà thiên văn và người đoán thời tiết chẳng thấy, chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc, vì cho là trời chắc chắn mưa mà lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra các tiếng ầm ầm vang rền… cũng phát ra ánh chớp và có gió thổi khí lạnh đến. Các nhà đoán thời tiết cho là trời chắc chắn mưa, nhưng các vị thần có trách nhiệm coi mưa, có lúc chểnh mảng, vì sự chểnh mảnh ấy nên mây kia không mưa xuống được đúng lúc, đã chẳng mưa xuống đúng lúc nên mây kia tự tan hết. Đây là nhân duyên thứ tư ngăn cản mưa, vì các lý do đó nên các nhà thiên văn tâm sanh nghi hoặc, vì cho là trời chắc chắn mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc bầu trời nổi mây, trong mây cũng phát ra những tiếng rền ầm ầm… phát ra ánh chớp lớn, gió thổi khí lạnh đến. Các nhà thiên văn cho là chắc chắn sẽ mưa, nhưng tất cả dân chúng nơi cõi Diêm-phù này, trong đó có nhiều người không làm đúng như pháp, ưa đắm các thứ dục lạc, tham lam, keo kiệt, ganh ghét, tà kiến trói buộc. Các hạng người ấy, vì làm việc ác, vì quen làm điều phi pháp nên mê đắm dục lạc, vì tham lam, ganh ghét nên trời không mưa. Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ năm ngăn cản mưa.

Trong đây có bài kệ tự thuyết:

Hoa pháp sắc thọ mạng
Y phục và mua bán
Cưới gả, Tam-ma-đề
Và bốn loại ăn uống
Thực hành hai kỳ chay
Trên dưới gọi ba cõi
Sắc mây và chư Thiên
Câu-lô-xá, sấm dậy.

-oOo-

Phẩm 9: CHIẾN ĐẤU

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa có thời chư Thiên và A-tu-la đánh nhau kịch liệt. Bấy giờ trời Đế-thích bảo với các thủ lãnh trời Ba mươi ba rằng: "Chư Nhân giả, chư Thiên các ngươi, nếu cùng với A-tu-la đánh nhau thì nên trang bị và giữ gìn tốt vũ khí. Nếu chư Thiên thắng, A-tu-la bại, thì các ngươi phải bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường nơi chư Thiên hội họp".

Chư Thiên trời Ba mươi ba nghe Đế-thích truyền lệnh đều tuân hành. Lúc ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng bảo các A-tu-la thế này: "Nếu khi chư Thiên cùng với A-tu-la đánh nhau, mà chư Thiên bại, thì các ngươi tức khắc bắt sống vua trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến chỗ hội họp của các A-tu-la là Thất đầu để đứng trước ta". Các chúng A-tu-la cũng làm theo lời dặn bảo.

Chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, vua trời Đế-thích đánh thắng, liền bắt sống vua A-tu-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường, nơi chư Thiên hội họp, đứng hướng mặt về trời Đế-thích.

Khi ấy nếu vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la khởi lên ý nghĩ thế này: "Cầu cho các A-tu-la đều được an lành. Ta nay không dùng các A-tu-la nữa. Ta sẽ ở lại đây, cùng một chỗ với trời Ba mươi ba, đồng hưởng vui thú, rất vừa ý ta". Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la khi khởi lên ý nghĩ này liền thấy năm sợi dây cột thân tự mở ra, các thú vui năm dục ở cõi trời đều hiện ra trước. Nhưng nếu khi vua khởi lên ý nghĩ thế này: "Ta nay không dùng trời Ba mươi ba, cầu cho chư Thiên đều được an lành. Ta muốn trở về cung của A-tu-la". Khi khởi lên ý nghĩ như thế thì năm sợi dây trên thân liền siết chặt lại, các thú vui năm dục bỗng nhiên biến mất.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có các sự trói buộc vi tế như vậy, thì các sự trói buộc của Ma lại càng vi tế hơn thế. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, khi tư duy tà vạy liền bị trói buộc, khi tư duy chân chánh liền được giải thoát. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, tư duy có ngã là tư duy tà vạy, tư duy không có ngã cũng là tư duy tà vạy. Cho đến tư duy về ngã là thường còn, ngã là không thường còn; có sắc, không có sắc; có tưởng, không có tưởng và chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng… đều là tư duy tà vạy.

Chư Tỳ-kheo, những tư duy tà vạy này là ung nhọt, là ghẻ lở, giống như tên độc. Trong đó, nếu có người đa văn đạt trí tuệ của bậc Thánh thì biết tư duy tà vạy như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như mũi tên; nghĩ như thế rồi, giữ vững tâm nơi sự nhớ nghĩ chân chánh, chẳng theo sự vận hành của tâm, khiến tâm chẳng động, được nhiều lợi ích.

Chư Tỳ-kheo, nếu nghĩ có ngã tức là nghĩ tà, tức là hữu vi, tức là hí luận; nếu nghĩ là không có ngã cũng là hí luận, cho đến có sắc, không sắc; có tưởng, không tưởng; chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng đều là hí luận.

Chư Tỳ-kheo, đã có hí luận đều là bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở, giống như tên độc. Trong đó có người đa văn đạt đến trí tuệ bậc Thánh

biết các tội lỗi của hí luận này rồi, thì ưa sự không hý luận, giữ tâm vắng lặng, được nhiều lợi ích.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, có vua trời Đế-thích, khi muốn đánh nhau với A-tu-la, trời Đế-thích bảo với chư Thiên trời Ba mươi ba chung quanh thế này: "Chư Tôn giả, các vị phải trang bị tốt binh khí nơi thân thể. Nay các A-tu-la muốn đến đánh. Nếu chư Thiên thắng thì phải bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường, nơi hội họp của chư Thiên khiến ra mắt ta". Chư Thiên trời Ba mươi ba nhận mệnh lệnh của trời Đế-thích, y theo lời dặn mà làm. Vua A-tu-la cũng ra lệnh như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ở trận đánh ấy, chư Thiên đắc thắng, liền dùng năm sợi dây trói vua A-tu-la dẫn đến trước Thiện pháp đường. Lúc ấy, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã bị năm sợi dây trói, đang ở trước chúng trời, thấy trời Đế-thích vào Thiện pháp đường, đến chỗ ngồi an tọa, liền thốt ra lời ác, mắng nhiếc hủy nhục vị Thiên chủ đủ lời. Lúc ấy có vị hầu cận trời Đế-thích tên là Ma-đa-ly, thấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đứng trước chúng thốt lời hung ác, mắng nhiếc Thiên chủ liền dùng kệ bạch với Đế-thích:

Trời Đế-thích xấu hổ, sợ hãi
Vì không thế lực nên chịu nhịn
Nghe lời mắng thô ác như thế
Đều nhận lãnh hết không dám nói.

Đế-thích dùng kệ đáp lại Ma-đa-ly:

Chẳng phải xấu, sợ mà chịu nhịn
Chẳng phải không sức đối Tu-la
Ai có thể mưu cầu như ta
Đâu được đồng với kẻ vô trí.

Ma-đa-ly lại dùng kệ bạch Thiên chủ:

Nếu chẳng nghiêm khắc quở trách nặng
Kẻ ngu đầy dẫy lại tăng thêm
Nên phải bẻ dẹp kẻ vô trí
Giống như sợ roi bò bỏ chạy.
Nếu nay thả nó được bình yên
Trở về chốn cũ lại kiêu mạn
Vì vậy người trí phải ra oai
Biểu hiện sức mạnh chế ngu si.

Trời Đế-thích lại dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

Việc này từ lâu ta đã biết
Vì để chế phục bọn ngu si
Nếu họ dùng sân hận mắng nhiếc
Ta nghe, chịu đựng tự chế tâm.

Ma-đa-ly lại dùng kệ bạch Đế-thích:

Vua trời Đế-thích xin nghĩ kỹ
Nhẫn nhục như thế là có hại
Vì kẻ ngu kia mắng như thế
Cho là vì sợ không dám đáp.

Đế-thích lại lần nữa dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

Đám ngu si kia, theo ý họ
Cho là ta sợ nên làm thinh
Nếu mong thân luôn được lợi ích
Thì nên vì họ, thường nhẫn nhục.
Theo ý ta khi thấy họ mắng
Chẳng nên với sân lại khởi sân
Nếu dùng sân báo trả lại sân
Chiến đấu như vậy khó được thắng.
Nếu bị kẻ khác gây bực tức
Có chí nhẫn được thật là khó
Nên biết nhẫn này là sức mạnh
Người nhẫn như vậy đáng ngợi khen.
Hoặc ta, hoặc người phàm khởi tâm
Đều cầu mong lìa chỗ đáng sợ
Người khác nổi sân mắng nhiếc ta
Chẳng nên sanh oán đối với họ.
Đối với chính mình hoặc tha nhân
Cả hai đều nên làm lợi ích
Đã biết mình bị người sân mắng
Nên làm cho sân tự tiêu tan.
Như vậy hai bên, tâm lợi ích
Cả mình, lẫn người đều thành tựu
Ý niệm người kia là ngu si
Đó là do họ không biết pháp.
Như các trượng phu có sức lớn
Luôn vì kẻ vô lực nhẫn nhịn
Với người vô lực, nhẫn chẳng sân

Người nhẫn như vậy được khen ngợi.
Người kia không có sức trí tuệ
Lấy sức ngu si làm sức mạnh
Tâm ngu si nên vứt bỏ pháp
Những người như vậy hạnh không chánh.
Họ dùng ngu si cầu hơn ta
Sân giận mắng nhiếc phát lời thô
Nhẫn được ác kia, thì thường thắng
Nhẫn ấy tăng lên khó nói đủ.
Người thắng nói năng e chẳng xét
Với họ, sợ oán nên mới nhẫn
Nghe người dưới mắng mà nhẫn nhục
Nhẫn này được người trí ngợi khen.

Chư Tỳ-kheo, các vị nên biết, trời Đế-thích lúc bấy giờ chính là Ta. Vào thuở ấy, Ta làm vua trời Ba mươi ba, giáo hóa tự tại, thọ phước báo tốt đẹp, mặc dù hưởng mọi diệu lạc nhưng thường nhẫn nhục, cũng khen ngợi hạnh nhẫn, ưa hạnh ôn hòa mềm mỏng, lại không sân giận, cũng luôn ngợi khen người không sân giận. Chư Tỳ-kheo, các vị tự nói là trong sự tu hành có tâm tin hiểu, bỏ tục xuất gia, tinh cần chẳng biếng trễ. Nên các vị muốn đối với các chúng sanh khác, thân tu hành nhẫn nhục khen ngợi sự nhẫn nhục từ bi thuận hợp, thường hành an lạc, diệt trừ sân hận, khen người không sân thì các vị phải phát khởi sự tu học như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chúng trời cùng với các A-tu-la, mỗi bên đều trang bị binh khí muốn đánh nhau. Bấy giờ Đế-thích bảo với Thiên chúng: "Chư Nhân giả, nếu A-tu-la cùng chư Thiên đánh nhau, khi chư Thiên đắc thắng thì các ngươi nên dùng năm sợi dây trói vua A-tu-la lại… *như trước đã nói*…". Chư Thiên vâng lệnh. Vua A-tu-la cũng làm như vậy, ra lệnh cho chúng quân binh. Chư Tỳ-kheo, lúc giao chiến, vua A-tu-la thắng, vua trời Đế-thích không địch nổi phải lui về. Xe vua cưỡi khi ấy là chiếc ngự xa dễ điều khiển, bánh có ngàn căm, muốn hướng thẳng về cung trời, nhưng có một cây đại thọ tên là Cư-tra-xà-ma-lê chắn đường, Kim sí điểu lót ổ trên cây ấy đã sanh các trứng. Đế-thích thấy rồi bảo với Ma-đa-ly, người đánh xe:

Ma-đa-ly! Trên cây có trứng
Vì ta, quay xe lại tránh xa
Thà bị Tu-la làm mất mạng
Chứ đừng phá hoại tổ chim này.

Khi ấy Ma-đa-ly, người đánh xe giỏi, nghe vua trời Đế-thích dạy như vậy, liền quay chiếc ngự xa dễ điều khiển, bánh có ngàn căm, trở lại chạy thẳng đến cung A-tu-la.

Chư Tỳ-kheo, các chúng A-tu-la lúc bấy giờ thấy xe Đế-thích bỗng nhiên quay lại, đều cho là Đế-thích có mưu lược đặc biệt nên trở lại đánh nhau với mình. Chúng A-tu-la nhân đó rút lui toàn bộ, trở về cung mình.

Chư Tỳ-kheo, lúc ấy, do nhân duyên từ bi của Đế-thích mà chư Thiên chuyển bại thành thắng, A-tu-la phải thua.

Chư Tỳ-kheo, nên biết, trời Đế-thích thuở ấy chính là Ta. Chư Tỳ-kheo, thuở ấy Ta làm vị Đại thiên chủ, lãnh đạo trời Ba mươi ba, cai trị giáo hóa tự tại, hưởng phước báo tốt đẹp, vẫn luôn luôn thương yêu tất cả chúng sanh, vì sự sanh tồn của chúng mà khởi lòng từ bi, làm điều lợi ích. Tỳ-kheo các vị, vì lòng tin mà xuất gia, phải làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chư Thiên và A-tu-la muốn đánh nhau. Bấy giờ Đế-thích bảo với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Nhân giả, bây giờ chúng ta nên thu hết vũ khí. Trong chúng chư Thiên và A-tu-la đều có kẻ sáng suốt, trí tuệ, hai bên chúng ta nên nói về pháp nghĩa, hoặc thiện, hoặc ác. Nhưng ai dùng lời thiện nhiều hơn sẽ thắng". Khi ấy Thiên chủ và A-tu-la nhường cho nhau nói trước. Lúc đó vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền lên tiếng trước, hướng về trời Đế-thích nói kệ:

Kẻ ngu si quá mức
Quyết phải quở trách nặng
Bẻ dẹp kẻ vô trí
Như bò sợ roi chạy
Ngu si không có trí
Thật khó chế ngự ngay
Vì vậy dùng roi mạnh
Mau dứt si, mạn kia.

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la hướng về trời Đế-thích nói kệ này xong, chúng A-tu-la và các quyến thuộc đều rất hoan hỷ, khen ngợi, phấn khởi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều đứng im lặng.

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la bảo Đế-thích: "Đại thiên vương nên nói kệ".

Bấy giờ Thiên vương hướng đến A-tu-la nói kệ:

Ta thấy rõ việc này
Không muốn giống người si

Người ngu tự khởi sân
Người trí ai tranh cùng?

Vua trời Đế-thích nói kệ ấy xong, chư Thiên trời Ba mươi ba và các quyến thuộc đều khen ngợi, vui mừng phấn khởi. Các A-tu-la và quyến thuộc đều đứng lặng thinh.

Đế-thích bảo vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Nhân giả, hãy nói tiếp lời đi!" Khi ấy, A-tu-la hướng đến Thiên chủ nói kệ:

Im lặng, ý nhẫn nhục
Đế-thích! Ta cũng thế
Ngu si khi tranh thắng
Nói ta sợ nên nhẫn.

Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ ấy rồi, các A-tu-la và quyến thuộc đều hân hoan, vui mừng khen ngợi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều đứng lặng thinh. Vua A-tu-la cũng bảo Đế-thích: "Thưa Thiên chủ, đến lượt ngài biện thuyết về lời tốt đúng như pháp". Bấy giờ, trời Đế-thích hướng đến A-tu-la nói kệ:

Người ngu theo ý mình
Bảo nhẫn là sợ sệt
Cho đây cầu tự lợi
Còn kia chẳng lợi ích
Ta bảo kia làm ác
Chẳng nên sân với sân
Với sân nên làm thinh
Đánh vậy thì thường thắng.
Nếu bị người xúc não
Có sức thường nhẫn được
Nên biết người nhẫn này
Đứng trên các hạnh nhẫn.
Không kể mình hay người
Đều cầu lìa chỗ sợ
Nếu biết người ghét mình
Với họ không nên sân
Hai bên đều lợi ích
Cho là mình như người
Nếu người sân mắng nhiếc
Sân mình tự tiêu tan
Đối mình hoặc với người

Cả hai đều được lợi.
Ý người nghĩ ngu si
Là do không biết pháp
Nếu người có sức mạnh
Nhẫn được người yếu đuối
Nhẫn này là tối thắng
Không có nhẫn nào hơn.
Kẻ kia không trí tuệ
Chỉ có sức ngu si
Vì ngu si bỏ pháp
Nên tự mất chánh hạnh.
Ngu si tự khoe thắng
Sân hận phát lời ác
Nhẫn được xúc não ấy
Đó là được thắng lợi.
Sợ người mạnh mà nhẫn
Nhẫn ấy sợ sanh oán
Đối kẻ yếu nhẫn được
Nhẫn này người trí khen.

Vua trời Đế-thích thuyết kệ ấy xong, chư Thiên trời Ba mươi ba và các quyến thuộc khen ngợi, phấn khởi vô cùng. Chúng A-tu-la đều làm thinh. Khi ấy, trong hàng chư Thiên, những vị có trí tuệ, đều nhóm lại một chỗ bàn luận so sánh các bài kệ này, suy nghĩ tường tận, xem xét suy tầm, rồi cùng khen ngợi như thế này: "Chư Nhân giả, nay trời Đế-thích khéo nói ý nghĩa về sự cai trị giáo hóa, tất cả đều không có dao gậy, roi vọt, cũng không tranh cãi, đánh đấm, hủy nhục, oán thù, cũng không kiện cáo và mong cầu báo trả. Lại đối với sanh tử có sự nhàm chán, cầu xa lìa dục, vì sự tịch diệt, vì sự tĩnh lặng, vì chứng đắc thần thông, vì chứng đắc quả Sa-môn, vì thành tựu Chánh giác đắc Niết-bàn. Chư Nhân giả, những bài kệ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói không có lời tốt đẹp như thế. Tất cả những lời ấy chỉ có dao gậy, roi vọt, gai góc, độc địa, hủy nhục, tranh cãi, đánh đấm, kiện tụng, oán thù, mong cầu đáp trả. Lại trưởng dưỡng sanh tử, không có nhàm chán tham đắm ái dục, chẳng nghĩ về hạnh tĩnh lặng tịch diệt, chẳng cầu thần thông và quả Sa-môn, chẳng cầu Chánh giác và Đại Niết-bàn. Chư Nhân giả, những bài kệ của vua trời Đế-thích đã nói, gọi là lời nói thiện. Những bài kệ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói, chẳng phải là lời nói thiện. Chư Nhân giả, những bài kệ của vua trời Đế-thích đã nói là lời nói thiện, đúng là lời nói thiện. Những bài kệ

của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói chẳng phải là lời nói thiện, nhất định chẳng phải là lời nói thiện".

Chư Tỳ-kheo, các vị nên biết! Trời Đế-thích thời ấy chính là Ta. Chư Tỳ-kheo, lúc đó Ta là vua trời Đao-lợi cai trị giáo hóa tự tại, thọ hưởng phước lạc, còn nói lời thiện để làm dụng cụ chiến đấu. Vì do lời thiện nên chiến đấu thường thắng. Tỳ-kheo các thầy đã được ở trong giáo pháp nói lời thiện của Ta, lắng tâm lìa tục, bỏ nhà xuất gia, tu hạnh tinh tấn. Các vị nếu muốn tìm hiểu lời thiện, lời ác trong giáo pháp để nắm lấy nghĩa lý thì nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chư Thiên vương… và A-tu-la khi đánh nhau, vua trời Đế-thích đánh dẹp Tu-la, sau khi đã chiến thắng, tạo dựng cung điện đẹp đẽ, chiều Đông Tây rộng năm trăm do-tuần, chiều Nam Bắc hai trăm năm mươi do-tuần. Chư Tỳ-kheo, bên ngoài cung điện đẹp đẽ ấy, có một trăm nơi phòng ngự; ở mỗi nơi phòng ngự có bảy lầu gác, đều dùng bảy báu tạo thành; trong mỗi lầu gác, thiết trí bảy phòng; trong mỗi phòng đặt bảy cái giường; trên mỗi cái giường có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ lại có riêng bảy người hầu gái. Vua trời Đế-thích cùng các ngọc nữ và người hầu nữ, chẳng có việc gì làm, chỉ tận hưởng mọi diệu lạc thù thắng. Đồ ăn uống, cần dùng như hương hoa, áo quần, tất cả mọi vật dụng để vui chơi, đều tùy theo nghiệp đời trước mà hưởng được phước báo. Chư Tỳ-kheo, trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới, với các cung trời hiện có, không có cung điện nào bằng cung điện đẹp đẽ ấy của vua trời Đế-thích.

Lúc đó, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la suy nghĩ: "Ta có sức mạnh và uy đức như thế, cung điện mặt trời, mặt trăng và trời Ba mươi ba, tuy ở trên ta, vận hành cùng khắp, nhưng sức của ta có thể nắm lấy làm vòng đeo tai, đi khắp các nơi, chẳng bị trở ngại". Đã có một lúc, vua A-tu-la La-hầu-la, trong lòng giận dữ, chứa đầy phiền não độc hại, ý chẳng vui vẻ, liền nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi đó vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la nay nghĩ đến ta" và liền tự nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la cùng các A-tu-la quyến thuộc dưới quyền thống lãnh của mình. Lúc đó các tiểu vương và các A-tu-la kia biết vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ đến mình, ai nấy đều chuẩn bị các loại binh khí kéo đến chỗ vua. Đến nơi rồi, đứng yên ở phía trước. Bấy giờ, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tự mặc áo giáp, cầm gậy, vội vàng lên xe, cùng với các tiểu vương và quân sĩ, vây quanh sau trước kéo đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la. Vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vị vua A-tu-la

là Dũng Dược và Huyễn Hóa. Cùng lúc, hai vua này biết được ý nghĩ ấy rồi, lại cũng nghĩ giống như vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la là nghĩ đến các tiểu vương của mình và chúng thuộc hạ. Ai nấy đều biết rồi, cũng khẩn trương chuẩn bị vũ khí, hướng đến chỗ hai vua. Đến nơi, tất cả đều cùng kéo tới chỗ vua A-tu-la La-hầu-la tự trang bị đủ các loại vũ khí tùy thân, cùng ba vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược, Huyễn Hóa và tiểu vương, quyến thuộc của ba vua ấy, vây quanh sau trước, từ thành A-tu-la lũ lượt ra đi, muốn cùng với chư Thiên Đao-lợi đánh nhau một trận quyết liệt.

Bấy giờ, hai vua Rồng lớn là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà từ cung đi ra, dùng thân quấn quanh núi Tu-di bảy vòng, tức thì làm núi rung động; động rồi lại động, động lớn, động khắp; rung rồi lại rung, rung lớn, rung khắp; phun rồi lại phun, phun lớn, phun khắp, dùng đuôi đập biển, làm cho một khối nước vọt lên hư không lên tận đỉnh Tu-di.

Chư Tỳ-kheo, liền ngay khi ấy, Thiên chủ Đế-thích bảo các Thiên chúng: "Chư vị Nhân giả, các vị có thấy đại địa này rung động như vậy không? Hư không đen nghịt giống như mây có mưa, lại như sương mù dày đặc. Ta biết chắc rằng, nay A-tu-la muốn cùng với chư Thiên đánh nhau".

Lúc ấy, ở trong biển, các Rồng tại chỗ đều rời cung mình, cầm các loại gậy gộc, trang bị tề chỉnh, ra ngay trước A-tu-la cùng chúng chiến đấu. Nếu thắng thì đuổi chúng lui thẳng về cung. Nhưng không thắng nên sợ hãi chạy lui, rồi cùng đến gặp Dạ-xoa Địa Cư. Đến nơi, nói rằng: "Các vị nên biết, các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Nay, các ngươi nên cùng chúng ta đến chỗ ấy giúp nhau đánh phá". Dạ-xoa nghe xong liền chuẩn bị vũ khí cùng các Rồng kéo đi, cùng đánh nhau với A-tu-la. Nếu thắng thì đuổi chúng đi, nhưng không thắng nên sợ hãi chạy lui, rồi cùng đi đến ra mắt Dạ-xoa Bát thủ. Đến nơi, thưa rằng: "Các vị biết chăng? Các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Các ngài nên đến cùng chúng tôi tương trợ nghinh chiến". Bát thủ nghe xong, cũng chuẩn bị vũ khí, cùng kéo đi... *cho đến*… thua chạy, rồi lại cùng đến báo với Dạ-xoa Trì phát rồi cũng bỏ chạy như trên… đến báo với Dạ-xoa Thường túy, cũng chuẩn bị gậy gộc và cùng với Trì phát… hiệp lực chiến đấu. Nếu đắc thắng thì đuổi bọn chúng về cung, nhưng do thất bại nên sợ hãi rút lui, rồi đến yết kiến Tứ đại thiên vương. Đến nơi, tâu với Tứ thiên vương: "Tứ vương thẩm xét! Nay các A-tu-la muốn đánh với chư Thiên. Các ngài nên cùng với chúng tôi tương trợ đánh cho chúng tan tác". Khi ấy Tứ thiên vương nghe

Thường túy nói liền vội vàng cầm các loại vũ khí lên xe mà đi... *cho đến*… chạy lui, chẳng thể hàng phục. Lúc đó Tứ thiên vương bèn cùng nhau lên Thiện pháp đường, nơi chư Thiên nhóm họp, bàn luận tâu với Đế-thích: "Thiên vương nên biết, các A-tu-la nay tụ tập muốn đánh chư Thiên, xin nên đến đó đánh nhau với chúng". Trời Đế-thích nghe Tứ thiên vương nói như vậy thì chấp thuận, liền triệu một vị trời Ma-na-bà bảo rằng: "Này Thiên tử, ngươi đến đây! Nay ngươi có thể đến trời Tu-dạ-ma rồi sang trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Đến nơi, vì ta mà tâu với các Thiên vương thế này: 'Chư Thiên các ngài, chắc các ngài đã biết, nay A-tu-la muốn đánh với chư Thiên, Thiên vương các ngài cần phải tương trợ, cùng đến chỗ ấy chiến đấu với chúng'". Ma-na-bà nghe lời của Đế-thích xong liền đi đến trời Tu-dạ-ma tâu đầy đủ sự việc.

Thiên vương Tu-dạ-ma nghe lời tâu của Thiên sứ trời Đế-thích là Ma-na-bà liền nghĩ đến tất cả Thiên chúng trong cõi trời Tu-dạ-ma. Khi ấy Thiên chúng biết ý nghĩ của Thiên vương rồi, đều khẩn trương mặc áo giáp, mang vũ khí, nhảy lên loại xe ở cõi trời, cùng nhau kéo đến chỗ Thiên vương. Đến rồi, đứng yên ở trước. Cùng lúc, Thiên vương Tu-dạ-ma cũng tự thân mặc loại áo giáp báu đẹp ở cõi trời, cầm các gậy báu, cùng với đông đủ vô lượng trăm ngàn vạn các Thiên tử vây quanh, đi xuống, đến trên đỉnh núi chúa Tu-di, tại phía Đông núi, cắm cờ khó hàng phục toàn màu xanh, tựa vào đỉnh núi.

Lúc ấy Thiên sứ Ma-na-bà liền trở lên trời Đâu-suất-đà. Đến nơi, vị ấy tâu với Thiên vương cõi Đâu-suất: "Thiên vương nên biết! Thiên vương Đế-thích có lời báo trình: 'Các A-tu-la muốn đánh với chư Thiên, xin chư Thiên cùng đến tương trợ, góp sức chiến đấu, khiến chúng thối lui'". Trời Đâu-suất-đà nghe lời ấy rồi, liền nghĩ đến đại chúng chư Thiên của mình. Chư Thiên ấy biết rồi, liền tụ tập đến chỗ của Đại thiên vương. Đến nơi, ai nấy đều dốc sức cầm vũ khí, nhảy lên xe cùng với vô lượng trăm ngàn vạn Thiên chúng, kéo nhau đi xuống, cùng lúc vân tập ở đỉnh núi Tu-di, tại phía Nam, cắm cờ khó hàng phục toàn màu vàng, tựa vào đỉnh núi.

Thiên sứ Ma-na-bà lại đi đến trời Hóa lạc, tâu với vị trời ấy: "Thiên vương nên biết! Trời Đế-thích sai tôi đến báo với ngài rằng: 'Các A-tu-la muốn đánh chư Thiên… tâu đầy đủ như trước... *cho đến* trời ấy cùng với vô lượng trăm ngàn vạn chúng Thiên tử, đều trang bị vũ khí, nhảy lên các thứ xe, cùng nhau kéo xuống, đến đỉnh núi Tu-di, tại phía Tây núi, cắm cờ khó hàng phục, toàn một màu đỏ, tựa vào đỉnh núi.

Cũng như thế, lên báo với Thiên vương Tha hóa tự tại… *như trước đã nói*… Khi ấy Thiên chúng của vị trời kia trang bị vũ khí hơn trời Hóa lạc, cùng với vô lượng trăm Thiên tử, vô lượng ngàn Thiên tử, vô lượng trăm ngàn Thiên tử, vây quanh kéo xuống, đến núi Tu-di, tại phía Bắc, cắm cờ khó hàng phục toàn màu trắng, tựa vào đỉnh núi.

Bấy giờ trời Đế-thích thấy chư Thiên các cõi trên đều vân tập, liền nghĩ đến Dạ-xoa ở hư không. Khi ấy các chúng Dạ-xoa ở hư không đều nghĩ: "Thiên vương Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, chúng Dạ-xoa liền bảo nhau cùng mặc giáp, cầm gậy, trang bị dụng cụ tùy thân, xong xuôi, nhảy lên các loại xe, đi đến trước Đế-thích đứng sang một bên. Trời Đế-thích lại nghĩ đến các Tiểu thiên vương cùng quyến thuộc của chư Thiên trời Ba mươi ba. Khi biết ý nghĩ ấy, họ đều mặc giáp, trang bị vũ khí, nhảy lên các loại xe, đến trước Thiên vương. Lúc ấy, Đế-thích mặc các loại áo giáp và trang bị vũ khí, nhảy lên các loại xe, cùng với Dạ-xoa Hư không và các tiểu vương trời Ba mươi ba, vây quanh trước sau, ra khỏi thiên cung muốn cùng với A-tu-la đánh nhau một trận quyết liệt.

Chư Tỳ-kheo, khi đánh nhau với A-tu-la các Thiên chúng ấy sử dụng nhiều loại vũ khí như: đao, tên, giáo, côn, vồ, chày, tên nhọn kim cang, tên bắn đối mặt, tên như cái đục, tên nhọn bọc sắt, tên như răng trâu, tên nhọn như lá Ca-lăng-già, tên nhọn li ti, tên nổ. Những loại vũ khí ấy có nhiều màu sắc đẹp đẽ, đều là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não… bảy báu tạo thành. Dùng những loại dao gậy này, từ xa phóng đến xuyên suốt thân A-tu-la mà chẳng bị hại, trên thân của chúng cũng lại chẳng thấy thương tích, chỉ do nhân duyên xúc chạm nên chịu thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, các A-tu-la, khi đánh với chư Thiên có các loại vũ khí, sắc loại giống như của chư Thiên, cũng do bảy báu tạo thành, đâm vào thân chư Thiên, cũng đều xuyên qua, mà không có thương tích, chỉ do nhân duyên xúc chạm nên chịu thọ các thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, khi chư Thiên ở cõi Dục cùng với chúng A-tu-la đánh nhau, còn có các loại vũ khí như vậy, huống hồ là vũ khí của loài người tại thế gian.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN IX

Phẩm 10. KIẾP TRỤ

Chư Tỳ-kheo, thế gian đặc biệt có ba loại trung kiếp. Một là đao binh, hai là đói khát, ba là dịch bệnh. Thế nào gọi là trung kiếp đao binh? Chư Tỳ-kheo, kiếp đao binh là loài người lúc bấy giờ không có chánh hạnh, chẳng nói như pháp, tà kiến, điên đảo, cùng làm đầy đủ mười nghiệp bất thiện. Chúng sanh khi ấy chỉ thọ mười tuổi. Chư Tỳ-kheo, khi con người thọ mười tuổi như vậy, con gái sanh ra mới năm tháng là đã có chồng, giống như ngày nay mười lăm, mười sáu tuổi gả về nhà chồng. Bấy giờ, chất đất sanh tô du, sanh tô, đường tảng, đường cát thơm, đến khi ấy, tất cả đều biến mất chẳng hiện ra nữa. Lại nữa, dân chúng kia khi thọ mười tuổi, toàn dùng thứ lông thô của loài dê đen làm áo, giống như áo Ca-thi-ca-kiều-xa-da, áo Sô-ma-tăng, áo Độ-cứu-la, áo Câu-lộ-ma-ta, áo Kiếp bối, áo Cam-bà-la-bảo, ngày nay xem là rất tốt đẹp, áo thô bằng lông kia cũng được cho là như vậy. Thời bấy giờ, con người chỉ ăn hạt cỏ giống như người ngày nay ăn gạo thơm… cho là thức ăn ngon. Lại được cha mẹ thương yêu, cầu được mười tuổi, cho là thượng thọ, cũng như ngày nay cầu sống trăm tuổi.

Chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có những chúng sanh bất hiếu với cha mẹ, chẳng kính Sa-môn, Bà-la-môn, chẳng kính bậc cao niên, nhưng những vị này cũng được người khác cúng dường, phụng sự, khen ngợi, tôn trọng giống như người tu hành giáo pháp ngày nay, danh dự không khác. Vì sao? Vì nghiệp của họ là như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi không có tiếng lành, cũng chẳng ai tu tập mười nẻo nghiệp thiện, phần nhiều tất cả đều tạo nghiệp bất thiện. Chúng sanh thấy nhau đều sanh tâm độc hại, chém giết, không còn ý niệm thương yêu nhường nhịn. Như ngày nay, đám thợ săn ở những chỗ núi, đầm trống vắng trông thấy các loại cầm thú, chỉ khởi tâm độc ác, giết hại.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, dụng cụ trang sức của tất cả dân

chúng đều là dao, gậy. Cũng như người đời nay dùng tràng hoa, bông tai, vòng cổ, xuyến, nhẫn, trâm để trang sức, người thời ấy dùng dao, gậy cũng lại như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào lúc trung kiếp sắp hết, trong vòng bảy ngày, tất cả dân chúng, tay chạm vào vật gì như là cỏ, cây đất cục, ngói đá, đều biến thành dao, gậy, mũi rất nhọn hơn người chế tạo. Ai nấy giành nhau giật lấy, giết hại lẫn nhau. Trong vòng bảy ngày, giết nhau chết hết, nhân đó mạng chung đều đọa vào đường ác, thọ khổ nơi địa ngục. Vì sao? Vì họ đối với nhau sanh tâm sát hại, tâm ô uế, tâm ác, tâm không lợi ích, tâm không từ bi, tâm không thanh tịnh.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là trung kiếp đao binh.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp đói khát? Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ kiếp đói khát, tất cả dân chúng không có người thực hành chánh pháp, chỉ theo tà kiến điên đảo, đều làm đủ mười nghiệp bất thiện. Do nhân duyên ấy, trời không mưa. Do không mưa nên bị đói khổ. Lại không có hạt giống, nhặt xương người làm nghề nghiệp, dùng các loại vỏ nuôi mạng. Thế nào gọi là nhặt xương người làm nghề nghiệp? Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ đói khát, dân chúng khi ấy đều đi khắp nơi, hoặc ngã tư đường, hoặc đường hẻm, thành quách, đại lộ, thâu nhặt xương người hầm lấy nước uống để sống, vì vậy gọi là nhặt xương người làm nghề nghiệp.

Thế nào gọi là dùng các loại vỏ nuôi mạng? Chư Tỳ-kheo, thời kỳ kiếp đói khát, dân chúng khi ấy vì quá đói nên lột các vỏ cây nấu nước uống để tự nuôi sống, vì vậy nên gọi là dùng các loại vỏ cây nuôi mạng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh khi ấy, sau khi chết đói sẽ đều sanh vào các đường ác, đó là đọa vào cõi Diêm-ma-la, làm thân ngạ quỷ. Vì các chúng sanh kia tham lam ganh ghét, sợ ăn hết thức ăn nên giành nhau cất giấu.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là trung kiếp đói khát.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp dịch bệnh? Chư Tỳ-kheo, dân chúng khi ấy muốn thực hành chánh pháp, muốn nói như pháp, cũng muốn thực hiện sự hiểu biết không điên đảo, cũng muốn thực hành đầy đủ mười nẻo nghiệp thiện. Nhưng vào thời ấy, những người làm đúng như pháp, do vì mười nghiệp bất thiện ở quá khứ của họ vượt hơn quả báo hiện thời nên liền khiến loài phi nhân phóng xả khí tai ương, dịch bệnh hoành hành, đến nỗi nhiều người bị bệnh chết.

Chư Tỳ-kheo, lại nữa, trong thời kỳ dịch bệnh như vậy, lại có vô lượng loài phi nhân ở thế giới khác đến gây các dịch bệnh cho dân chúng

ở cõi này. Vì sao? Vì họ phóng dật, làm việc phi pháp, nên các loài phi nhân kia đoạt mất hồn họ, cho họ xúc chạm với điều xấu ác, khiến tâm họ hôn mê, rối loạn; trong đó có nhiều người phước mỏng nên mạng chung. Thí như nhà vua hoặc đại thần của vua, để bảo vệ cho dân ở địa đầu biên giới nên bố trí quân lính canh giữ. Có lúc bỗng nhiên đạo tặc ở phương khác đến, vì lính phòng vệ kia không canh phòng cẩn mật, do có sự chểnh mảng nên bị lũ giặc nhất thời chém giết, hoặc phá nhà cửa, hoặc phá thôn xóm, hoặc hủy làng mạc, dân chúng, thành quách… Vì do phóng dật nên phi nhân ở phương khác đến gây nên dịch bệnh, sinh mạng chết hết. Cũng như vậy, hoặc vào thời gian nọ, loài phi nhân ở phương khác đến gây dịch bệnh. Khi ấy các chúng sanh không làm chuyện phóng dật, nhưng loài quỷ kia quá mạnh đã cưỡng bức, đoạt linh hồn họ, cho họ xúc chạm với điều xấu ác, khiến tâm họ mê man bất loạn; trong đó có nhiều người bị bệnh chết. Thí như nhà vua và các đại thần của vua, vì để bảo vệ các làng mạc nên bố trí quân binh trấn giữ. Hoặc giả sau đó, giặc cướp phương khác đến quấy nhiễu, xâm phạm. Tuy là sự trấn giữ kia không có lơ là, chểnh mảng, vẫn siêng năng cẩn mật canh giữ, nhưng bọn giặc quá mạnh, cưỡng bức gây hại, cũng có thể cùng lúc giết hại nhiều người, hoặc phá nhà cửa của họ, hủy thôn xóm, làng mạc... *như trước*... Chư Tỳ-kheo, ở trong kiếp dịch bệnh, dân chúng bị bệnh, quá đau đớn, mạng chung cũng như vậy. Sau khi mạng chung, họ đều được sanh lên các cõi trời. Vì sao? Vì chúng sanh ấy không có tâm hại nhau, không có tâm não loạn, lại có tâm lợi ích, tâm từ bi, tâm thanh tịnh, cho đến khi sắp mạng chung lại hỏi thăm nhau: "Bệnh của ngươi có thể chịu đựng chăng, ít bị tổn hại chăng? Có ai thoát chăng, có ai khỏi chăng? Có ai có bệnh gì khác chăng?" Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy nên họ được sanh lên cõi trời. Đây gọi là trung kiếp dịch bệnh.

Chư Tỳ-kheo, như thế gọi là ba loại trung kiếp của thế gian.

-oOo-

Phẩm 11: THẾ TRỤ

Chư Tỳ-kheo, ở trong thế giới có bốn thứ vô lượng chẳng thể lường tính, chẳng thể nêu bày, chẳng thể nghĩ bàn. Hoặc trời, hoặc người, hoặc những vị toán số trong thế gian muốn nắm bắt số lượng ấy, dù trải qua một năm, hoặc trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc ức năm, trăm ngàn ức năm, chẳng bao giờ có thể nắm bắt được. Bốn thứ ấy là gì? Chư

Tỳ-kheo, như sự tồn tại của thế giới, điều này chẳng thể tính đếm mà biết được, dù trải qua một năm, một trăm năm, một ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc ức năm, trăm ức năm, ngàn ức năm, trăm ngàn ức năm. Chư Tỳ-kheo, như sự hoại diệt của thế giới sau khi tồn tại cũng chẳng thể tính toán mà biết được, dù trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, một ức năm, hoặc trăm ức năm, hoặc ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức năm. Chư Tỳ-kheo, như sự hình thành của thế giới, sau khi hoại diệt, điều này cũng chẳng thể tính toán mà biết được, dù trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc ức năm, trăm ức năm, ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức năm. Chư Tỳ-kheo, như sự tồn tại của thế giới sau khi hình thành, điều này cũng chẳng thể tính toán mà biết được, dù trải qua một năm, trăm năm, ngàn năm, trăm ngàn năm, hoặc một ức năm, trăm ức năm, ngàn ức năm, hoặc trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, đó là bốn thứ vô lượng chẳng thể lường tính, chẳng thể nêu bày, chẳng thể nghĩ bàn, hoặc trời, hoặc người, không ai tính toán mà có thể biết được, dù cho trải qua trăm ngàn vạn năm, trăm ngàn vạn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, mọi thế giới hiện có ở phương Đông đều chuyển biến trụ rồi hoại, không có thời gian dừng nghỉ, hoặc có sự chuyển thành, hoặc có sự chuyển hoại. Chư Tỳ-kheo, các phương Nam, Tây, Bắc mọi thế giới hiện có đều chuyển biến thành, trụ, hoại cũng lại như thế. Chư Tỳ-kheo, như bánh xe có năm bộ phận, trừ trục ra, chúng xoay chuyển chẳng ngừng, không lúc nào tạm nghỉ, đại khái thế giới cũng như vậy. Lại như cơn mưa mùa hạ, hạt mưa to nối nhau rơi xuống, không dừng nghỉ, cũng thế, sự chuyển biến thành, trụ, hoại của các thế giới ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc không khi nào dừng, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ở trong khoảng thời gian ấy lại có ba tai họa. Một là tai họa về nước, hai là tai họa về lửa, ba là tai họa về gió. Ở thời kỳ tai họa về lửa, chư Thiên ở cõi trời Quang âm khỏi bị tai họa ấy. Thời kỳ tai họa về nước, chư Thiên ở cõi trời Biến tịnh khỏi bị tai họa ấy. Thời kỳ tai họa về gió, chư Thiên ở cõi trời Quảng quả khỏi bị tai họa ấy. Thế nào là tai họa về lửa? Chư Tỳ-kheo, khi tai họa về lửa khởi lên, các chúng sanh đều có hạnh lành, nói lời như pháp, thành tựu năm kiến không có điên đảo, tu hành đầy đủ mười nẻo nghiệp thiện; đối với thiền vô giác quán, không dụng công tu, tự nhiên chứng đắc. Khi ấy chúng sanh kia dùng sức thần thông, trụ ở trên không, trụ nơi các cõi tiên, trụ nơi các cõi trời, trụ nơi cõi phạm hạnh. Trụ như vậy rồi, thọ cái vui vô giác quán của tầng

thiền thứ hai. Chứng biết như vậy, thành tựu trọn vẹn, thân hoại mạng chung, liền sanh vào cõi trời Quang âm. Chúng sanh trong cõi Địa ngục, chúng sanh trong cõi Súc sanh, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, cõi Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Tu-dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, và trời Ma thân cho đến cõi Phạm, tất cả chúng sanh sanh ở nhân gian đều thành tựu vô giác vô quán, chứng tri mọi sự an lạc, thân hoại mạng chung, liền sanh cõi trời Quang âm. Tất cả sáu đường đều dứt tuyệt. Đây gọi là thế gian chuyển đổi chấm dứt.

Chư Tỳ-kheo, thế nào là thế gian trụ rồi chuyển sang hoại? Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ nọ, thời gian lâu xa vô lượng, thiên hạ bị khô hạn, lại không có mưa, tất cả cỏ cây đều khô cháy, không còn một loại nào. Thí như cỏ lau nhân khi còn non cắt đi, lại không được tưới nước sẽ khô cháy mục nát, chẳng còn lại gì… Chư Tỳ-kheo, trời lâu chẳng mưa, tất cả cỏ cây khô cháy cũng lại như vậy. Chư Tỳ-kheo, các hành cũng vậy, tất cả đều vô thường, chẳng tồn tại lâu dài, chẳng bền chắc, chẳng tự tại, là pháp hoại diệt cần phải nhàm chán, xả ly, mau cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, bấy giờ có luồng gió lớn Ca-lê-ca thổi khiến cho tám vạn bốn ngàn do-tuần nước biển lớn dạt ra bốn phía. Ở dưới liền có cung điện lớn mặt trời, lại thổi một mặt trời lên khỏi biển, đặt ở khoảng giữa lưng chừng núi chúa Tu-di, cách đất bốn vạn hai ngàn do-tuần trong quỹ đạo mặt trời. Chư Tỳ-kheo, đó gọi là mặt trời thứ hai của thế gian xuất hiện trên đời, các ao hồ, sông ngòi nhỏ đều khô cạn tất cả không còn cái nào. Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường… *như trên đã nói*… nên cầu thoát khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, như trên đã nói, ngọn gió Ca-lê-ca thổi nước biển lớn, lại đưa cung điện mặt trời đặt trong quỹ đạo mặt trời. Đó gọi là mặt trời thứ ba của thế giới xuất hiện ở đời. Có bao nhiêu hồ lớn, ao lớn, rạch lớn, sông lớn và vô số sông…, tất cả các sông đều khô cạn không còn cái nào. Các hành cũng thế, tất cả đều vô thường. Cứ lần lượt như vậy, thế gian lại có mặt trời thứ tư xuất hiện. Bấy giờ tất cả hồ lớn, sông lớn như là hồ lớn Thiện hiện, hồ lớn A-na-bà-đạt-đa, hồ lớn Mạn-đà-kỳ-ni, hồ lớn Xà mãn… đều khô kiệt hết, không còn hồ nào. Các hành cũng vậy, tất cả đều vô thường… Cứ lần lượt như vậy, thế gian lại có mặt trời thứ năm xuất hiện. Vào lúc ấy, nước biển lớn dần dần khô cạn, lúc đầu vơi dần ngang tới mắt cá chân, cho đến giảm xuống ngang bằng đầu gối, cho đến nửa thân, cho đến một thân, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy thân, đến đó là khô cạn.

Chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước biển lớn dần dần vơi xuống bằng nửa cây Đa-la, cho đến một cây Đa-la, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy cây Đa-la, dần dần lại đến nửa câu-lô-xá, vơi dần khô cạn cho đến nửa do-tuần, một do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần, dần dần vơi cạn cho đến một trăm do-tuần, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần, cứ dần dần vơi…

Chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước biển lớn lại dần dần vơi một ngàn do-tuần, hai ngàn do-tuần, cho đến ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần. Chư Tỳ-kheo, đang lúc thế gian xuất hiện năm mặt trời, nước biển lớn kia còn sót lại… *cho đến* bảy ngàn do-tuần, đến sáu ngàn do-tuần, như vậy cho đến bảy trăm do-tuần, sáu trăm do-tuần, năm, bốn, ba, hai, một trăm do-tuần. Nước còn đọng lại như vậy cho đến bảy do-tuần, hoặc sáu do-tuần, năm, bốn, ba, hai, một do-tuần; hoặc nước còn đọng lại giảm còn bảy câu-lô-xá, sáu câu-lô-xá, năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá. Chư Tỳ-kheo, khi năm mặt trời xuất hiện trong thế gian, nước biển lớn ấy sâu còn đọng lại bảy cây Đa-la, hoặc sáu cây Đa-la, năm, bốn, ba, hai, một cây Đa-la; hoặc nước còn lại sâu bằng bảy người, hoặc sáu người, năm, bốn, ba, hai, một người, cho đến nửa người, hoặc còn từ gối xuống đến mắt cá. Lại khi năm mặt trời xuất hiện, ở trong biển lớn, hoặc có lúc phần nước còn lại ít ỏi, như mưa mùa thu đọng lại trong vết chân trâu, nước có rất ít. Như vậy, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước trong biển lớn cũng ít như thế. Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, trong biển lớn ấy, ở tất cả các nơi, nước khô cạn hết không còn giọt nào, như người bôi mỡ. Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng lại như vậy, vô thường chẳng bền lâu, khoảnh khắc tạm thời… *cho đến* nên nhàm chán, nên xả ly, nên cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo… *như trước… cho đến* lúc sáu mặt trời xuất hiện ở thế gian, bốn đại châu kia và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, tất cả núi lớn, cho đến núi chúa Tu-di đều bốc khói, khói bốc liên tục, như khi người thợ gốm nung đồ dùng, trên đồ dùng, ngọn lửa cùng lúc phụt lên, phụt lên liên tục, ngọn lửa ấy liền bùng lên, phủ kín khắp cả. Như thế, như thế, bốn đại châu kia và các núi lớn bốc khói mãnh liệt, cũng lại như thế… *cho đến*… chư hành vô thường… nên cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo… *như trước… cho đến* lúc bảy mặt trời xuất hiện, bốn đại châu ấy, và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, tất cả núi lớn cho đến núi Tu-di đều cháy rụi, dưới đất, mạch nước cũng đều khô cạn. Nước đã hết, gió cũng tiêu. Khi ngọn lửa bùng cháy như thế, bảy trăm do-tuần

phần trên đỉnh núi chúa Tu-di nhất thời ngã đổ. Lửa ấy càng mạnh, gió thổi lên thiêu đốt cung điện Phạm thiên, nhưng không thể lên đến trời Quang âm. Lúc ấy các Thiên tử ở cõi trời Quang âm sanh sau có mặt ở thế gian, vì chưa biết kiếp thế gian có sự chuyển hoại, chuyển hoại rồi thành và chuyển trụ, nên đều sanh tâm khiếp hãi, kinh ngạc, run sợ, cùng nói với nhau: "Không bao lâu ngọn lửa ấy sẽ thiêu đốt cung điện Quang âm này". Khi ấy các Thiên tử nơi cõi trời Quang âm ở trước tại đó biết rõ sự hoại, thành, trụ của kiếp thế gian nên trấn an các Thiên tử hậu sanh: "Các vị chớ kinh sợ. Vì sao? Các vị nên biết, ngày xưa, có ngọn lửa cũng đến nơi đó". Các Thiên chúng nghe lời ấy rồi, liền nhớ nghĩ về ánh sáng lửa khi xưa, nhớ nghĩ ánh sáng kia chẳng lìa tâm, cho nên mới được tên này, đó là Quang thiên. Lửa kia như thế bùng cháy rất lớn, đỏ rực mãnh liệt, thiêu đốt thành tro không còn lại gì, phải nên ghi nhớ. Chư Tỳ-kheo, các hành cũng thế... *cho đến*… nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, thế gian hoại rồi thành như thế nào? Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, lại trải qua thời gian ngày tháng lâu xa vô lượng chẳng thể tính bàn, nổi lên mây dày to lớn đến nỗi che khắp cõi Phạm thiên. Sau khi che khắp, mưa lớn đổ xuống, hạt mưa rất to, hoặc như trục xe, hoặc như cái chày, trải qua nhiều năm, trăm ngàn vạn năm, khối nước mưa kia, dần dần dâng lên, đến chỗ ở của Phạm thiên, nước lênh láng khắp nơi. Nhưng khối nước ấy, có bốn luồng gió giữ lại, một gọi là trụ, hai gọi là an trụ, ba gọi là bất đọa, bốn gọi là kiên cố. Lúc ấy, sau khi mưa dứt, khối nước đó lại tự hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn ức do-tuần. Ngay khi ấy, bốn phương, nhất thời có gió lớn nổi dậy. Gió ấy tên là A-na-tỳ-la, thổi khối nước kia làm sóng nước nổi dậy cuồn cuộn chẳng dừng; trong nước tự nhiên sanh khối bọt lớn. Khi ấy, gió lớn A-na-tỳ-la thổi khối bọt kia ném lên không trung. Từ trên đó, tạo ra cung điện của các Phạm thiên, đẹp đẽ dễ ưa, do bảy báu xen lẫn tạo thành là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy mới có cung điện, tường vách đẹp đẽ như thế. Chư Thiên cõi Phạm thân xuất hiện ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, tạo như vậy rồi, khối nước lớn ấy, lại hạ xuống trăm ngàn vạn ức do-tuần… *như trên*… Bốn phương gió nổi dậy, tên là A-na-tỳ-la. Do gió lớn này thổi ném bọt nước tạo thành cung điện nên ở cõi trời Ma thân, tường vách, trụ xứ như trời Phạm thân không có gì khác, chỉ có màu sắc của vật báu thô tế xê xích, sai khác chút ít thôi. Cùng cách ấy, tạo ra cung điện của chư Thiên cõi Tha hóa tự tại, cung điện của chư Thiên trời Hóa lạc; kế đến tạo ra cung điện của chư Thiên cõi Đâu-suất-đà; kế

đến tạo ra cung điện của chư Thiên trời Dạ-ma. Cứ như vậy, lần lượt xuất hiện đầy đủ, đều giống như cung điện của chư Thiên cõi Phạm thân, nhưng màu sắc nơi báu vật có khác là dần dần ít thô đi.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, khối nước kia lại dần dần giảm thiểu và hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn ức do-tuần, bỗng nhiên dừng lại. Ở trong khối nước, bốn phía chung quanh tự nhiên sanh bọt, nổi lên mặt nước, dày sáu mươi tám ức do-tuần, rộng lớn vô cùng. Thí như trong suối, ao và hồ đầm, cùng khắp bốn phía đều có bọt nổi, che dày trên mặt nước, đứng yên tại chỗ. Như thế, như thế, này chư Tỳ-kheo, trong khối nước kia, cùng khắp bốn mặt, bọt nổi lên trên dày sáu mươi tám ức do-tuần, rộng lớn vô cùng, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, luồng gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia, tức khắc tạo tác núi chúa Tu-di, kế đến tạo thành quách, nhiều màu khả ái, bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi chúa Tu-di xuất hiện rõ ràng. Chư Tỳ-kheo, lại vào thời ấy, gió lớn Tỳ-la thổi bọt nước kia lên đến núi chúa Tu-di, phân ra bốn phía, tạo bốn ngọn núi, mỗi ngọn cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, bảy báu hợp thành, đó là vàng, bạc... *cho đến* xa cừ, mã não. Do nhân duyên ấy, thế gian xuất hiện bốn ngọn núi lớn. Gió kia, lần lượt như vậy, thổi bọt nổi trên mặt nước tạo ra cung điện trời Ba mươi ba.

Lại nữa, ở khoảng lưng chừng phía Đông, Tây, Nam, Bắc núi chúa Tu-di, chỗ rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, tạo ra cung điện cho Tứ đại thiên vương; vách tường, bờ thành đều bằng bảy báu, đẹp đẽ thẳng tắp, nhiều màu dễ xem. Như vậy xong rồi, lúc ấy ngọn gió kia lại thổi bọt nước lên khoảng lưng chừng núi chúa Tu-di, bốn vạn hai ngàn do-tuần, tạo thành cung điện cho Nguyệt Thiên tử; tường thành cao lớn, bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ. Tạo như vậy rồi, lại thổi nước lớn tạo thành đầy đủ bảy cung điện lớn cho Nhật Thiên tử; thành quách, lầu gác đều do bảy báu tạo thành, vạn phần đẹp đẽ, nhiều màu dễ xem. Do nhân duyên ấy, thế gian mới có cung điện mặt trời ở trong hiện tại. Lại nữa, chư Tỳ-kheo, gió ấy thổi bọt nước kia lên trên núi chúa Tu-di tạo thành ba chỗ thành quách, bảy báu trang nghiêm, nhiều màu đẹp đẽ là các báu: vàng, bạc... *cho đến* xa cừ, mã não. Do nhân duyên đó, thành quách như vậy xuất hiện nơi thế gian.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt ở trên nước biển này cao một vạn do-tuần, tạo cung điện pha lê cho Dạ-xoa trên không; thành quách, lầu gác cũng bằng pha lê. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy,

thế gian mới có tường vách, cung điện của Dạ-xoa ở trên không xuất hiện đầy đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi ấy, gió lớn A-na-tỳ-la lại thổi bọt nước ở phía Đông, Tây, Nam, Bắc núi chúa Tu-di, mỗi phía cách núi một ngàn do-tuần. Dưới biển lớn, tạo thành bốn mặt thành của A-tu-la, bảy báu trang nghiêm, đẹp đẽ khả ái... *cho đến*… thế gian có thành A-tu-la bốn mặt ấy xuất hiện như vậy.

Lại nữa, gió lớn A-tỳ-na-la thổi bọt nước kia đặt để bên ngoài núi chúa Tu-di, ngay chỗ ấy, lại tạo thành núi lớn, tên là Khư-đề-la-ca. Núi ấy cao rộng, mỗi mặt bốn vạn hai ngàn do-tuần, đều do bảy báu tạo thành, trang nghiêm, đẹp đẽ dễ xem. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Khư-đề-la-ca xuất hiện như thế.

Lại nữa, gió lớn A-tỳ-na-la thổi bọt nước kia, đặt ở bên ngoài núi Khư-đề-la-ca, ngay nơi ấy, tạo thành một núi tên là Y-sa-đà-la. Núi ấy cao rộng, mỗi mặt hai vạn một ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái, bảy báu tạo thành... *cho đến* các báu như xa cừ, mã não… Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Y-sa-đà-la xuất hiện như thế.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia đặt để bên ngoài núi Y-sa-đà-la, cũng tạo thành một ngọn núi ở nơi ấy, tên là Do-càn-đà-la. Núi ấy cao rộng một vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái... *cho đến* do bảy báu xa cừ, mã não… tạo thành. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có núi chúa Do-càn-đà-la xuất hiện. Lần lượt như vậy, tạo thành núi Thiện hiện, cao rộng bằng nhau, sáu ngàn do-tuần. Lại, kế đến tạo thành núi Mã phiến đầu, cao rộng bằng nhau ba ngàn do-tuần. Tiếp theo lại tạo thành núi Ni-dân-đà-la, cao rộng bằng nhau một ngàn hai trăm do-tuần. Kế đến lại tạo thành núi Chước-ca-la, cao rộng bằng nhau ba trăm do-tuần, nhiều màu khả ái, đều là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não… bảy thứ báu đẹp đẽ tạo thành, như trước đã nói đầy đủ về sự tạo tác núi Khư-đề-la-ca, không có gì khác. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có các núi Chước-ca-la… xuất hiện như vậy.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia phân tán ra rồi đặt để ở bốn phía bên ngoài núi Chước-ca-la, tạo thành bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ, cùng các núi lớn khác. Lần lượt như vậy, tạo tác xong xuôi. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ và các núi lớn lần lượt xuất hiện.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia vượt ra ngoài bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di và tất cả các núi lớn khác; đặt để

vòng quanh, gọi là núi Đại luân vi, cao rộng bằng nhau sáu trăm tám mươi vạn ức do-tuần, thật vững chắc, do kim cương tạo thành, khó thể phá hoại. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, núi Đại luân vi xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi làm xoáy mòn đại địa, dần dần sâu xuống, rồi ngay trong ấy, khối nước lớn bỗng nhiên dồn lại. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, ở trong thế gian lại có biển lớn xuất hiện.

Lại, do nhân duyên gì mà nước biển lớn này mặn chát không thể dùng vào việc ăn uống? Chư Tỳ-kheo nên biết, việc này có ba nhân duyên. Một là từ sau nạn hỏa tai, trải qua thời gian lâu xa vô cùng, nổi mây lớn dày đặc, che kín đứng yên cho đến trời Phạm. Sau đó mưa xuống, hạt mưa rất lớn… *như trước đã nói kỹ*… Nước của cơn mưa lớn ấy rửa tất cả cung điện của trời Phạm thiên. Kế đến lại rửa khắp cung điện của trời Ma, cung điện trời Tha hóa tự tại, cung điện trời Hóa lạc, cung điện trời Đâu-suất-đà, cung điện trời Dạ-ma, rửa đi rửa lại, rửa mãi như thế. Khi rửa, các cung điện ấy có bao nhiêu vị cay, mặn, đắng đều chảy xuống hết. Kế đến lại rửa khắp núi chúa Tu-di, và bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, các núi lớn khác, núi Luân vi… Khi rửa như vậy, nước ngâm, thấm, chảy, rửa các vị mặn, cay, đắng trong đó, nhất thời đều chảy vào trong biển lớn.

Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ nhất khiến nước biển lớn mặn, không thể dùng trong ăn uống được.

Lại nữa, nước biển lớn ấy là chỗ ở của các đại thần, chúng sanh có thân to lớn. Đó là cá, ba ba, rồng, cá rái, giải, cá sấu, tôm, ếch nhái, cung-tỳ-la-đê, ma-da-đê, mị-li-da-đê, mị-đâu, la-đâu, la-kỳ-la… Trong số ấy, hoặc có loài thân một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần; có những chúng sanh thân to lớn như vậy ở trong đó. Các loại phân tiểu của chúng lưu xuất đều ở trong biển, do nhân duyên này, nước biển mặn, không thể dùng trong ăn uống.

Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ hai khiến nước biển mặn.

Lại nữa, nước biển lớn ấy, khi xưa chư tiên nhóm họp lại để chú nguyện: "Nguyện cho mi thành vị mặn chẳng thể uống được! Nguyện cho mi thành vị mặn chẳng thể uống được!" Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ ba khiến nước biển lớn mặn chẳng thể ăn uống được.

Lại nữa, do có nhân duyên gì mà sức nóng khủng khiếp thiêu đốt thế gian? Chư Tỳ-kheo, ngay thời kỳ chuyển kiếp của kiếp sơ thế giới này, khi mới thành hình, gió lớn A-tỳ-na-la thổi dạt sáu cung điện lớn của mặt trời, đều đặt hết ở dưới nước của biển lớn. Đặt vào chỗ nào thì trong

địa phận chỗ ấy, khối nước lớn kia tức tốc tiêu hết, chẳng chảy đâu được. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó trong thế gian mới có sức nóng kinh khiếp thiêu đốt xuất hiện. Như thế gọi là thế gian chuyển hoại rồi trụ.

Lại nữa, sao gọi là thế gian chuyển hoại thành trụ? Chư Tỳ-kheo, giống như hiện nay thế gian thành rồi trụ lập, nhưng có nạn lửa. Vì sao lại có nạn nước xuất hiện? Chư Tỳ-kheo, thời kỳ kiếp thủy tai, tất cả dân chúng có hạnh như pháp, nói lời như pháp, thành tựu chánh kiến, không có điên đảo, giữ mười hạnh lành. Những người này sẽ đạt được tầng thiền thứ ba Vô hỷ mà chẳng nhọc công sức, không có mệt mỏi, tự nhiên chứng đắc. Khi ấy chúng sanh đó được trụ trong con đường phạm hạnh của chư tiên, chư Thiên trên hư không; được trụ trong ấy rồi, đắc an lạc do lìa hỷ, liền tự khen: "Này chư Nhân giả, vui sướng quá! Vui sướng quá! Tầng thiền thứ ba này vui sướng như thế!"

Bấy giờ tất cả chúng sanh nơi ấy cùng hỏi những chúng sanh đắc thiền ấy. Họ liền đáp: "Lành thay Nhân giả! Đây là tầng thiền thứ ba Vô hỷ, nên biết như thế!" Các chúng sanh kia đã nghe và biết được rồi, lại thành tựu tầng thiền thứ ba Vô hỷ như vậy. Đã thành tựu rồi chứng đắc, chứng đắc rồi tư duy, tư duy rồi an trú, khi thân hoại mạng chung sanh lên cõi trời Biến tịnh. Như thế, dưới từ cõi Địa ngục, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương, cho đến trên chư Thiên Phạm thế, Quang âm, từ đây trở xuống, tất cả chúng sanh, tất cả xứ, tất cả hữu đều dứt hết. Chư Tỳ-kheo, như vậy gọi là thế gian chuyển biến.

Lại nữa, thế nào là thế gian chuyển rồi lại hoại? Chư Tỳ-kheo, trải qua thời gian Tam-ma-da lâu xa vô lượng, mây lớn che khắp, đến nỗi đầy cả cõi trời Quang âm. Từ đây trở xuống, mưa nước tro nóng trải vô lượng năm. Chư Tỳ-kheo, khi nước tro nóng kia mưa xuống, làm tiêu cung điện của trời Quang âm, tất cả đều tiêu diệt hết, không còn hình bóng, mảy may vi trần, có thể nhận biết được. Thí như váng sữa bỏ vào lửa cháy tiêu hết, hoàn toàn không còn dấu vết có thể nghiệm biết được. Như thế, như thế, nước tro nóng kia, khi mưa xuống làm tiêu cung điện của chư Thiên trời Quang âm… cũng lại như vậy, không còn dấu vết gì để có thể biết. Chư Tỳ-kheo, các hành là vô thường, phá hoại ly tán, lưu chuyển tiêu diệt, khoảnh khắc chẳng ngừng cũng y như thế, đáng chán, đáng sợ, nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, các cung điện của chư Thiên, các cõi trời Phạm thân, Ma thân, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Đâu-suất, Dạ-ma… bị mưa tro nóng xối rửa tiêu diệt… *như trên*… giống như váng sữa ném vào lửa nóng tiêu tan

hết không còn dấu vết... *cho đến*… tất cả các hành đều vô thường… nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, khi nước tro nóng kia mưa xuống, xối bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ và núi lớn khác, núi chúa Tu-di làm tiêu tan hết không còn vết tích gì có thể biết được… *như trước đã nói rõ*... phải nên nhàm chán. Sự biến đổi như vậy, chỉ riêng người thấy mới có thể tin thôi. Đó gọi là thế gian chuyển rồi để hoại.

Lại nữa, thế nào là chuyển hoại rồi thành? Chư Tỳ-kheo, bấy giờ nổi mây mưa lớn trải qua nhiều năm, nổi gió thổi bọt nước tạo thiên cung ở trên... *cho đến*… như sự việc về nạn lửa, đó là nạn nước.

Lại nữa, vì sao có nạn gió? Chư Tỳ-kheo, khi sắp có nạn gió, tất cả chúng sanh tu hành như pháp, thành tựu chánh niệm, sanh vào tầng thiền thứ tư, cảnh trời Quảng quả. Chúng sanh nơi địa ngục, bỏ thân địa ngục, sanh lại nhân gian, tu hạnh thanh tịnh, thành tựu Tứ thiền cũng y như thế. Các cõi Súc sanh, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân, chư Thiên Phạm thế, Quang âm, Biến tịnh… đều tu hành thành tựu Tứ thiền… *như trên*… Chư Tỳ-kheo, đó gọi là thế chuyển.

Vì sao chuyển hoại? Chư Tỳ-kheo, trải qua thời gian Tam-ma-da lâu xa vô lượng, có gió lớn nổi dậy; gió ấy tên là Tăng-già-đa. Chư Tỳ-kheo, gió ấy, trước hết thổi tất cả cung điện của chư Thiên trời Biến tịnh khiến va chạm nhau cho đến hoại diệt, không còn dấu vết có thể nhận biết. Thí như tráng sĩ lấy hai dụng cụ bằng đồng, hai tay nắm lấy chà xát vào nhau không thôi, hủy hoại tiêu diệt, không còn hình dáng vết tích nào có thể biết được. Gió hòa hiệp kia thổi làm tiêu mất cung điện trời Biến tịnh cũng y như vậy. Chư Tỳ-kheo, các hành vô thường, phá hoại, ly tán, khoảnh khắc chẳng lâu... *cho đến*… đáng chán, nên cầu thoát khỏi.

Lần lượt như thế, thổi cung điện của trời Quang âm, cung điện của chư Thiên trời Phạm thân, tất cả cung điện của trời Ma thân, trời Tha hóa tự tại, trời Hóa lạc, trời Dạ-ma, làm đụng nhau, va nhau, cọ nhau, khiến đều tan nát, không còn hình tướng, không còn bóng dáng, không mảy may để có thể nhận biết. Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng y như thế, mục nát chẳng bền, không chân thật, cần phải nhàm chán, xả ly, sớm cầu giải thoát.

Chư Tỳ-kheo, gió kia lại thổi bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di và các núi lớn khác, làm cho nhấc cao lên một câu-lô-xá, rồi phân tán hủy hoại, hoặc hai, hoặc ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá rồi

phân tán hủy hoại. Hoặc thổi nâng cao lên một do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu bảy trăm do-tuần, rồi làm phân tán hủy hoại; hoặc thổi nâng cao lên ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần, hoặc thổi nâng cao lên trăm ngàn do-tuần, rồi làm phân tán hủy hoại. Gió kia như thế, thổi tan hoại tất cả, đều làm cho không còn hình, không còn tướng, không còn vi trần tàn tích nào có thể nhìn thấy. Thí như người đàn ông khỏe mạnh cầm cục bột bóp vụn tan nát, rải khắp lên trên không, gió thổi bay hết không còn hình, không còn ảnh. Như thế, như thế, gió kia thổi phá các cây, các núi… cũng y như vậy, chỉ trừ người thấy mới có thể tin. Đây gọi là thế gian chuyển trụ rồi hoại.

Lại nữa, thế gian hoại rồi chuyển thành như thế nào? Chư Tỳ-kheo, như thế rồi lại trải qua thời gian Tam-ma-da lâu xa vô lượng năm, mây đen lớn nổi lên, che khắp thế giới cho đến trời Biến tịnh; đã che khắp rồi, lại đổ mưa lớn, giọt mưa rất to, hoặc như trục xe, hoặc như cái chày liên tục đổ xuống, trải qua nhiều năm, trăm ngàn vạn năm, lượng nước chứa cao đến trời Biến tịnh, tất cả đều tràn ngập, được bốn thứ gió giữ lại… *như đã nói ở trên… cho đến* thổi bọt nước tạo thành cung trời Biến tịnh, bảy báu nhiều màu hiện ra rõ ràng, tất cả đều như nạn lửa, nạn nước, trình bày theo thứ tự. Chư Tỳ-kheo, như thế gọi là thế gian hoại rồi chuyển thành.

Thế gian chuyển thành rồi trụ như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, giống như hiện nay thế gian, trời, người chuyển thành rồi trụ. Chư Tỳ-kheo, cũng lần lượt đều do gió thổi như vậy, đó gọi là ba nạn của thế gian.

-oOo-

Phẩm 12: TỐI THẮNG 1

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thế gian chuyển rồi, khi hình thành như vậy, các loài chúng sanh phần nhiều được sanh lên cõi trời Quang âm. Các chúng sanh ấy, khi sanh lên cõi trời kia, thân tâm thư thái, lấy sự vui mừng làm thức ăn, tự nhiên phát ánh sáng. Lại có thần thông đi trên hư không, được sắc đẹp thù thắng, tuổi thọ lâu dài, sống đời an lạc. Chư Tỳ-kheo, thế gian bấy giờ chuyển hoại rồi thành, rỗng không, không có vật gì. Trong cung của chư Phạm chưa có chúng sanh. Trên trời Quang âm, kẻ phước nghiệp hết lại sanh xuống trong cung điện Phạm, chẳng từ thai

sanh, bỗng nhiên hóa hiện. Ban đầu, trời Phạm này, gọi là Sa-ha-ba-đế. Sa-ha là tên thế giới; Ba-đế là chủ, vì vậy cho nên có tên này xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, lại có các chúng sanh khác phước thọ hết rồi, từ trời Quang âm, bỏ thân mạng xong cũng sanh xuống đây, thân hình đẹp đẽ, lấy niềm vui mừng làm thức ăn uống, tự nhiên phát ra ánh sáng, có sức thần thông bay trên hư không, thân sắc tươi đẹp, liền ở trong khoảng ấy, an trụ lâu dài. Các chúng sanh ấy, trong thời gian sinh sống, không có nam nữ, không có tốt xấu, chỉ có tên này: chúng sanh, chúng sanh mà thôi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngay trong thời kỳ Tam-ma-da như thế, trên mặt đất này, sanh ra lớp mỡ đất, ngưng tụ khắp nơi. Thí như có người nấu chín nước sữa, trên sữa có màng mỏng đóng lại, giống như màng nước, kết trên mặt nước cũng như thế. Chư Tỳ-kheo, lại thời gian sau, trên mặt đất này đã sanh ra lớp mỡ đất, đứng yên tại chỗ, dần dần như kem, thành ra sanh tô, có các hình dáng màu sắc như vậy, mùi vị thơm ngon giống như mật thượng hạng. Lúc ấy chúng sanh ở trong đó, bỗng nhiên có kẻ tánh tham ăn, thích nghĩ thế này: "Nay ta cũng có thể dùng tay lấy thứ này nếm thử để biết được đây là vật gì". Chúng sanh kia nghĩ như vậy rồi liền dùng ngón tay chọt sâu xuống một lóng, chấm lấy vị đất mút để thưởng thức. Thưởng thức rồi thích ý, chấm mút, chấm mút như vậy cho đến ba lần, liền sanh tham đắm. Kế đến dùng tay bốc, dần dần dùng tay hốt, sau lại hốt nhiều, tự do mà ăn. Khi đó vị chúng sanh ấy tự do hốt ăn như vậy. Có vô số chúng sanh khác trông thấy cũng liền bắt chước, tranh nhau mà ăn. Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy lấy vị đất này ăn mãi không thôi, thân hình họ tự nhiên xấu đi, da dẻ thô dày, nhan sắc phai mờ nhớp nhúa, hình mạo đổi khác, không còn ánh sáng, cũng không còn có thể bay lên hư không, vì lớp mỡ đất nên thần thông biến mất. Chư Tỳ-kheo, như trước đã nói, sau cũng như thế. Lúc đó thế gian trở thành tối tăm. Chư Tỳ-kheo, vì vậy nên thế gian mới có sự tối tăm lớn xuất hiện.

Lại nữa, tại sao ngay lúc ấy thế gian lại xuất hiện mặt trời, mặt trăng và các tinh tú, lại có tên gọi ngày đêm, một tháng, nửa tháng, năm, thời tiết… xuất hiện? Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, cung điện mặt trời to lớn đẹp đẽ từ phương Đông xuất hiện, vận hành vòng quanh lưng chừng núi Tu-di rồi lặn ở phía Tây. Lặn ở phía Tây rồi, trở lại xuất hiện ở phương Đông. Khi ấy chúng sanh lại thấy mặt trời to lớn đẹp đẽ từ phương Đông xuất hiện, bảo với nhau: "Chư Nhân giả, lại là mặt trời chiếu sáng cung điện, sẽ từ phương Đông xuất hiện trở lại, vòng sang phía phải núi Tu-di và sẽ

lặn mất ở phương Tây". Thấy ba lần rồi, họ vẫn bảo nhau: Chư Nhân giả, đó là ánh sáng lưu hành của trời kia, đấy là ánh sáng của trời kia lưu hành". Vì vậy, họ gọi mặt trời là Tu-lê-da (Tu-lê-da theo đời Tùy ý chỉ cái này là cái kia) cho nên có tên gọi như thế xuất hiện.

❑

KINH KHỞI THẾ

QUYỂN X

Phẩm 12: TỐI THẮNG 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các vị nên biết! Cung điện mặt trời cao rộng bằng nhau năm mươi mốt do-tuần, trên dưới cũng vậy, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, hàng cây Đa-la cũng có bảy lớp bao bọc chung quanh, nhiều màu xen kẽ, dùng để trang nghiêm. Các bờ tường kia đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích châu, xa cừ, mã não tạo thành. Ở bốn phía đều có các cửa. Ở mỗi cửa đều có lầu gác canh phòng, đài quan sát và các rừng cây, ao, vườn. Ở trong ấy có đủ các loại cây, cây ấy có các loại lá, các loại hoa, các loại quả, các loại mùi thơm theo gió xông khắp. Lại có các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, mặt trời kia dùng hai loại vật dụng tạo thành cung điện, vuông vắn như ngôi nhà, từ xa trông giống như tròn. Chư Tỳ-kheo, những gì là hai? Đó là vàng và pha lê. Cung điện mặt trời ấy do nhiều vàng trời và pha lê trời, hợp lại mà thành; một mặt hai phần đều là vàng trời trong sạch không dơ, lìa các cáu bẩn, sạch sẽ chói sáng; một mặt một phần là do pha lê trời tạo thành, sạch sẽ chói sáng, càng chà càng sáng, không có cấu uế.

Chư Tỳ-kheo, lại nữa, cung điện mặt trời đẹp đẽ to lớn kia, có năm loại gió thổi chuyển đi: một là Trì, hai là Trụ, ba Tùy thuận chuyển, bốn là Ba-la-ha-ca, năm là Tương hành.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trước cung điện mặt trời kia, đặc biệt có vô lượng vị trời đi trước; vô lượng trăm vị trời, vô lượng ngàn vị trời, vô lương trăm ngàn vị trời đi trước. Khi đi, ai nấy đều luôn được an lạc, đều gọi là lao hành. Danh xưng chư Thiên Lao hành phát xuất từ đó.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời, dùng vàng Diêm-phù-đàn làm xe, kiệu đẹp, cao mười sáu do-tuần, vuông tám do-tuần, trang nghiêm đẹp đẽ. Thiên tử mặt trời và quyến thuộc ở trong xe ấy, cùng nhau thọ hưởng thú vui năm dục của trời một cách đầy đủ, vui vẻ. Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trời thọ năm trăm tuổi, con cháu truyền nhau, đều cai trị ở

đó. Cung điện tồn tại mãn một kiếp.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các bộ phận nơi thân thể của Thiên tử mặt trời, ánh sáng phát ra, chiếu sáng xe Diêm-phù-đàn; ánh sáng xe Diêm-phù-đàn lại chiếu sáng cung điện kia. Từ trong đại cung điện mặt trời kia, ánh sáng liên tục phát ra chiếu sáng khắp cả bốn châu và các thế giới.

Chư Tỳ-kheo, xe và cung điện của Thiên tử mặt trời đều có đầy đủ một ngàn ánh sáng; năm trăm ánh sáng theo bên chiếu sáng, năm trăm ánh sáng hướng xuống chiếu sáng.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà chỗ ở của Thiên tử mặt trời, cung điện to lớn đẹp đẽ, chiếu sáng bốn đại châu và các thế giới?

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người hay làm việc bố thí. Khi người ấy bố thí thì bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và người bần cùng cô độc, từ xa đến xin, và bố thí các thức ăn uống, xe cộ, áo quần, tràng hoa, chuỗi Anh lạc, hương xoa, giường, nệm, phòng xá, đèn dầu, nói chung là vật cần thiết dưỡng thân nuôi mạng. Khi bố thí, bố thí nhanh chóng, bố thí chẳng dua nịnh; hoặc lại cúng dường cho chư Tiên trì giới, người hành thiện đầy đủ công đức, phụng sự đủ các thứ cần dùng. Do nhân duyên ấy, thân tâm vị ấy thọ vô lượng an lạc. Thí như ở chốn rừng núi hoang vu vắng vẻ, nơi sa mạc bát ngát xa xôi, bỗng nhiên có một ao nước, nước ao mát mẻ, trong sạch, ngọt ngon. Có đoàn lữ hành, đi xa mệt mỏi, nóng bức đói khát, chẳng được ăn uống, trải qua nhiều ngày, đến chỗ ao ấy, uống rồi tắm rửa không còn đói khát, nóng bức, ra khỏi ao, thân ý vui vẻ, sung sướng vô cùng, lấy làm hoan hỷ. Như thế, như thế, người kia bố thí, do tâm thanh tịnh nên khi thân hoại mạng chung, sanh làm Thiên tử ở trong cung điện mặt trời. Sanh trong ấy rồi, vị ấy được quả báo về cung điện, phi hành nhanh chóng vừa ý như thế. Do nhân duyên đó, cung điện mặt trời chiếu sáng bốn châu và các thế giới khác.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng người, chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, chẳng phóng dật, cúng dường chư Tiên hiền có đầy đủ công đức trì giới, gần gũi người chỉ thuần làm pháp lành... *như trên*, khi thân hoại mạng chung, theo nguyện vãng sanh lên cung điện mặt trời. Ở nơi ấy vị ấy liền hưởng thọ quả báo nhanh chóng. Vì vậy gọi là các nẻo nghiệp thiện. Do nhân duyên ấy, cung điện mặt trời đó chiếu sáng bốn châu và các thế giới khác.

Lại có một hạng người tu chẳng sát sanh cho đến tu chánh kiến, cũng từng cúng dường các vị tiên đầy đủ công đức trì giới, cũng từng gần

gũi người chỉ thuần làm thiện. Vì gặp nhân duyên thanh tịnh ấy, nên liền được quả báo sanh lên cung điện mặt trời, thọ quả báo nhanh chóng. Do nhân duyên ấy, cung điện mặt trời chiếu sáng bốn đại châu và các thế giới khác... *như trên*...

Chư Tỳ-kheo, sáu mươi sát-na gọi là một la-bà, ba mươi la-bà gọi là mâu-hưu-đa. Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời vận hành không ngừng nghỉ dù cho trong khoảng một mâu-hưu-đa, một la-bà hay một sát-na. Sáu tháng đi về hướng Bắc, trong một ngày chuyển dần về hướng Bắc sáu câu-lô-xá, chưa từng rời khỏi quỹ đạo mặt trời. Sáu tháng đi về phương Nam, cũng trong một ngày, chuyển dần về hướng Nam sáu câu-lô-xá, chẳng lệch khỏi quỹ đạo mặt trời.

Chư Tỳ-kheo, trong thời gian sáu tháng, thì vào ngày thứ mười lăm, cung điện mặt trăng cũng di chuyển như vậy.

Lại nữa, do nhân duyên gì, thường vào mùa hạ phát sanh nóng bức?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, trong khoảng thời gian sáu tháng đi về hướng Bắc, một ngày thường đi sáu câu-lô-xá, chưa từng rời khỏi quỹ đạo mặt trời. Nhưng trong thời gian ấy, có mười nhân duyên nên phát sanh nóng bức. Những gì là mười?

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Tu-di lại có một núi tên là Khư-đề-la-ca cao rộng bằng nhau bốn vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành. Trong thời gian ấy, ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến núi kia, làm cho núi phát nóng, nên ở thời điểm ấy có sự nóng bức. Đây là nhân duyên thứ nhất gây nóng bức.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la-ca, lại có một ngọn núi tên là Y-sa-đà-la, cao rộng bằng nhau hai vạn một ngàn do-tuần. Trong thời gian ấy cung điện mặt trời chiếu sáng đến núi kia làm cho núi ấy phát nóng. Đây nhân duyên thứ hai gây ra sự nóng bức.

Lại có núi Do-càn-đà cao rộng bằng nhau, một vạn hai ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ ba.

Lại có núi Thiện hiện, cao rộng bằng nhau sáu ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tư.

Lại có núi Mã phiến đầu, cao rộng bằng nhau ba ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ năm.

Lại có núi Ni-dân-đà-la, cao rộng bằng nhau một ngàn hai trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ sáu.

Lại có núi Tỳ-na-da-ca cao rộng bằng nhau sáu trăm do-tuần... Đó

là nhân duyên thứ bảy.

Lại có núi Luân vi cao rộng bằng nhau ba trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tám.

Lại từ đại địa này trở lên cao một vạn do-tuần, ở trong hư không, có trú xứ là cung điện của các Dạ-xoa do pha lê tạo thành... Đó là nhân duyên thứ chín.

Lại có bốn đại châu, tám vạn tiểu châu, trong các châu ấy, có các núi lớn khác ngoài núi chúa Tu-di... Đó là nhân duyên thứ mười. Tất cả đều như đã nói về núi Khư-đề-la-ca.

Đó là mười nhân duyên sanh nóng bức trong sáu tháng cung điện mặt trời đi trong quỹ đạo về hướng Bắc.

Lại nữa, do nhân duyên gì ở trong đó có sự lạnh lẽo?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, sáu tháng về sau, dần dần đi về hướng Nam. Bấy giờ lại có mười hai nhân duyên phát sanh lạnh lẽo. Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai núi là núi Tu-di và núi Khư-đề-la-ca, có biển Tu-di-lưu rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao la bát ngát. Trong ấy có nhiều hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Bôn-đồ-lê-ca... mọc khắp mọi nơi, hương thơm ngào ngạt. Ánh sáng của cung điện mặt trời ngang qua nơi ấy, chiếu xuống biển kia. Đây là nhân duyên thứ nhất có sự lạnh lẽo. Cứ lần lượt như vậy, núi Y-sa-đà-la là nhân duyên thứ hai, núi Do-càn-đà là nhân duyên thứ ba, núi Thiện hiện là nhân duyên thứ tư, núi Mã phiến đầu là nhân duyên thứ năm, núi Ni-dân-đà-la là nhân duyên thứ sáu, núi Tỳ-na-da-ca là nhân duyên thứ bảy, núi Đại luân vi là nhân duyên thứ tám... Trong các biển ấy có các loài hoa đầy đủ thứ lớp như trong núi Khư-đề-la-ca đã nói.

Lại nữa, trong châu Diêm-phù ở chỗ có các dòng sông chảy, ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến, nên có sự lạnh lẽo... *lược nói cho đến*... Đây là nhân duyên thứ chín gây ra sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như các dòng sông chảy của châu Diêm-phù, ở châu Cù-đà-ni, các dòng sông chảy nhiều gấp bội; ở đấy ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến, sự lạnh lẽo càng tăng. Đây là nhân duyên thứ mười gây ra sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như các dòng sông chảy của châu Cù-đà-ni, ở châu Phất-bà-đề, các dòng sông chảy nhiều hơn nơi đây gấp bội. Đó là nhân duyên thứ mười một gây ra sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như các dòng sông chảy của châu Phất-bà-đề, ở châu Uất-đơn-việt, các dòng sông chảy hơn nơi đây gấp bội. Ánh sáng của cung

điện mặt trời chiếu đến nên sanh lạnh lẽo. Đây là nhân duyên thứ mười hai gây ra lạnh lẽo.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, trong khoảng thời gian sáu tháng đi về hướng Nam, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, không ngược quỹ đạo. Có mười hai nhân duyên như vậy nên có sự lạnh lẽo.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì về thời kỳ mùa đông đêm dài ngày ngắn? Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, qua sáu tháng rồi, dần dần đi về hướng Nam, cứ mỗi ngày di chuyển sáu câu-lô-xá, không có sai lệch. Ngay lúc ấy, cung điện mặt trời ở tại mé cực Nam của châu Diêm-phù, địa hình nhỏ hẹp, nên mặt trời qua nhanh. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này vào mùa đông ngày ngắn, đêm dài.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì về mùa xuân, hạ, ngày dài đêm ngắn? Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời, qua sáu tháng rồi dần dần đi về hướng Bắc, cứ trong mỗi ngày di chuyển sáu câu-lô-xá, không có sai lệch ngoài quỹ đạo cố định. Ngay lúc ấy, đang đi ở trong xứ châu Diêm-phù, đất rộng, đi lâu nên ngày dài. Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên này nên mùa xuân, hạ ngày dài đêm ngắn.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, nếu ở châu Diêm-phù, khi mặt trời giữa trưa, thì ở châu Phất-bà-đề mặt trời vừa lặn, ở châu Cù-đà-ni mặt trời mới mọc, ở châu Uất-đơn-việt chính là lúc nửa đêm. Nếu ở châu Cù-đà-ni khi mặt trời giữa trưa, thì ở châu Diêm-phù này mặt trời vừa lặn, ở châu Uất-đơn-việt mặt trời mới mọc, ở châu Phất-bà-đề nhằm lúc nửa đêm. Nếu ở châu Uất-đơn-việt mặt trời giữa trưa thì ở châu Cù-đà-ni mặt trời vừa lặn, ở châu Phất-bà-đề mặt trời mới mọc, ở châu Diêm-phù nhằm lúc nửa đêm. Nếu ở châu Phất-bà-đề mặt trời giữa trưa thì ở châu Uất-đơn-việt mặt trời vừa lặn, ở châu Diêm-phù mặt trời mới mọc, ở châu Cù-đà-ni nhằm lúc nửa đêm.

Chư Tỳ-kheo, nếu người châu Diêm-phù gọi là phương Tây thì người Cù-đà-ni cho là phương Đông; người Cù-đà-ni gọi là phương Tây thì người cõi Uất-đơn-việt cho là phương Đông; người cõi Uất-đơn-việt gọi là phương Tây thì người cõi Phất-bà-đề cho là phương Đông; người cõi Phất-bà-đề gọi là phương Tây thì người châu Diêm-phù cho là phương Đông. Hai phương Nam, Bắc cũng lại như vậy.

Khi ấy Đức Thế Tôn tự thuyết kệ:

Chuyển biến trụ và hoại
Trời hiện và mỏng che
Mười hai loại gió thổi

Chư Thiên đi phía trước
Lầu gác và gió thổi
Thân thể ánh sáng chiếu
Nghiệp bố thí, trì giới
Qua sát-na, la-bà
Nóng thì có mười duyên
Lạnh có mười hai thứ
Ngày đêm và giữa trưa
Đông, Tây nói bốn hướng.

Chư Tỳ-kheo, cung điện của Thiên tử mặt trăng cao rộng bằng nhau bốn mươi chín do-tuần, bốn bên bao bọc gồm bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông. Lại có bảy lớp hàng cây Đa-la bao quanh nhiều màu dễ xem. Các bờ tường ấy đều do vàng, bạc... cho đến mã não, bảy báu tạo thành. Các cửa ở bốn mặt đều có lầu gác, trang trí đủ thứ... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót, *như đã nói về cung điện mặt trời ở trước.*

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng thuần bằng bạc cõi trời, lưu ly xanh cõi trời xen kẽ lẫn nhau; hai phần bạc cõi trời, trong sạch không dơ, không có cặn bẩn, thể nó trong sáng, ánh sáng chói lòa, còn phần kia là lưu ly xanh cõi trời, cũng rất trong sạch, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu xa.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng kia, cung điện rất đẹp đẽ, được năm loại gió hộ tống đưa đi: Một là Trì, hai là Trụ, ba là Thuận, bốn là Nhiếp, năm là Hành. Do năm loại gió này hộ tống nên cung điện mặt trăng theo hư không mà đi.

Chư Tỳ-kheo, trước cung điện mặt trăng cũng có vô lượng cung điện của chư Thiên dẫn đường đi trước; vô lượng trăm ngàn vạn số Thiên tử... cũng đi ở trước. Khi đi ở trước họ luôn luôn thọ hưởng vô lượng các thứ diệu lạc. Các Thiên tử ấy đều có tên gọi.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đại cung điện mặt trăng ấy, có một cỗ xe lớn, tạo thành bằng lưu ly xanh. Xe ấy cao sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Thiên tử mặt trăng cùng với các Thiên nữ ở trong xe này dùng đủ các thứ vui của năm dục, cùng nhau thọ hưởng, vui vẻ thỏa thích, tùy ý mà đi.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng kia theo năm tháng trời thọ năm trăm tuổi, con cháu truyền nhau, ngự trị nơi ấy. Những cung điện ấy trụ một kiếp.

Chư Tỳ-kheo, trong các bộ phận nơi thân thể của Thiên tử mặt trăng

phát ra ánh sáng chiếu khắp cỗ xe lưu ly xanh kia. Ánh sáng của xe ấy lại chiếu sáng cung điện mặt trăng. Ánh sáng của cung điện mặt trăng chiếu sáng bốn đại châu.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng kia có năm trăm luồng ánh sáng chiếu xuống phía dưới, năm trăm luồng ánh sáng chiếu chung quanh. Vì vậy mặt trăng gọi là ngàn ánh sáng, cũng gọi là ánh sáng mát lạnh.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì cung điện mặt trăng chiếu sáng bốn đại châu? Vì trong quá khứ bố thí cho Sa-môn và Bà-la-môn, người bần cùng cô độc từ xa đến xin ăn; đều bố thí đồ ăn, thức uống, xe cộ, y phục, tràng hoa, các thứ hương thơm, giường, phòng, các vật dụng nuôi sống... Khi bố thí, kịp thời, nhanh chóng, không có tâm dối trá quanh co; hoặc lại cúng dường chư Tiên đầy đủ công đức trì giới, chánh trực, thuần thiện. do nhân duyên đó nên thọ vô lượng các thứ thân tâm an lạc. Thí như trong chốn núi đầm vắng vẻ, sa mạc hoang vu, có một ao nước, mát mẻ đẹp đẽ, không có cáu bẩn. Khi ấy có người, đường xa mỏi mệt, đói khát nóng bức, vào trong ao này tắm rửa, uống nước, trừ tất cả khổ, thọ vô lượng lạc. Như thế, như thế, do nhân duyên trên, sanh trong cung điện mặt trăng thọ quả báo an lạc, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại có người dứt bỏ sát sanh cho đến dứt bỏ uống rượu và các hạnh phóng dật, cúng dường, phụng sự chư Tiên có đức thì được sanh vào trong cung điện mặt trăng, chiếu sáng bốn châu; hoặc lại có người vì dứt trừ sát sanh cho đến có chánh kiến nên được cung điện đi trên hư không nhanh chóng. Đây gọi là các đạo nghiệp thiện.

Lại do nhân duyên gì cung điện mặt trăng dần dần hiện ra?

Chư Tỳ-kheo, việc này có ba nhân duyên: Một là di chuyển, xuất hiện trái nhau. Hai là thân chư Thiên màu xanh, hình mang Anh lạc, tất cả đều xanh, thường trong nửa tháng, che khuất cung ấy, vì che khuất nên khi ấy hình mặt trăng dần dần hiện ra. Ba là từ cung điện mặt trời có sáu mươi luồng ánh sáng cùng loạt phát ra che vầng trăng kia, do nhân duyên ấy mặt trăng dần dần hiện ra.

Do nhân duyên gì cung điện mặt trăng ấy hiện ra tròn đầy như thế?

Chư Tỳ-kheo, cũng do ba nhân duyên nên có như vậy: Một là lúc bấy giờ cung điện mặt trăng chuyển xuất đối mặt nhau, do đó nên hiện ra tròn đầy. Lại nữa, chư Thiên màu xanh, y phục bằng Anh lạc, tất cả đều xanh, thường trong nửa tháng che khuất cung điện mặt trăng. Nhưng cung điện mặt trăng này, vào ngày trai nhật, ngày thứ mười lăm, hình rất tròn đầy, ánh sáng vằng vặc. Thí như thắp đuốc lớn nhiều dầu lên, thì ánh sáng

các ngọn đèn nhỏ đều bị lu mờ. Như vậy, cung điện mặt trăng, vào ngày thứ mười lăm có thể che khuất các thứ ánh sáng, cũng lại như vậy.

Sáu mươi luồng ánh sáng của cung điện mặt trời cùng lúc phát ra che vầng trăng. Cung điện mặt trăng này vào này trai nhật, ngày thứ mười lăm tròn đầy, ở tất cả chỗ đều không bị che khuất, khi ấy ánh sáng mặt trời chẳng thể che khuất được.

Do nhân duyên gì cung điện mặt trăng vào ngày thứ mười lăm của phần hắc nguyệt cung điện mặt trăng hoàn toàn không hiện?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng ấy vào ngày thứ mười lăm của phần hắc nguyệt quá gần với cung điện mặt trời, do ánh sáng mặt trời kia che khuất nên hoàn toàn không hiện.

Có nhân duyên gì cung điện của mặt trăng gọi là mặt trăng?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng đó, ở phần trăng tối, một ngày qua đi cho đến hết tháng, ánh sáng vằng vặc dần dần giảm đi. Do nhân duyên này gọi là mặt trăng.

Do nhân duyên gì trong cung điện của mặt trăng có các ảnh lần lần hiện ra?

Chư Tỳ-kheo, trong đại châu này có cây Diêm-phù. Do cây này nên gọi là châu Diêm-phù. Cây ấy cao lớn, ảnh hiện trong vầng trăng. Do nhân duyên này nên có các ảnh hiện ra.

Do nhân duyên gì có các dòng sông chảy ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, vì có mặt trời nên có sức nóng; vì có sức nóng nên có sự thiêu đốt; vì có sự thiêu đốt nên có hơi bốc lên; vì có hơi bốc lên nên có sự ẩm ướt; vì có sự ẩm ướt nên trong tất cả núi chất lỏng chảy thành nước rồi hình thành các sông. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này nên trong thế gian có sông chảy.

Do nhân duyên gì năm loại hạt giống xuất hiện ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, hoặc ở phương Đông có các thế giới hoặc thành rồi hoại, hoặc hoại rồi thành, hoặc thành rồi trụ; các phương Nam, Tây, Bắc, thành hoại và trụ cũng lại như vậy. Lúc ấy có luồng gió lớn A-na-tỳ-la đặc biệt ở thế giới thành trụ khác, thổi năm loại hạt giống rải vào thế giới này, rải rồi rải nữa cho đến rải khắp; đó là hạt căn, hạt hành, hạt tiết, hạt tiếp, hạt tử. Đấy là năm loại hạt.

Chư Tỳ-kheo, quả của cây Diêm-phù lớn bằng cái chậu một hộc của nước Ma-già-đà. Khi hái quả ấy, nhựa chảy ra, sắc trắng như sữa, vị ngọt như mật. Chư Tỳ-kheo, quả của cây Diêm-phù, tùy chỗ sanh ra, có năm

phần lợi ích; đó là phương Đông, Nam, Tây và trên dưới. Quả sanh ở phần phía Đông thì các Càn-thát-bà cùng ăn; quả sanh ở phần phía Nam là thức ăn của dân chúng trong bảy làng xóm. Những gì là bảy? Một là Bất chánh khiếu, hai là Khiếu hoán, ba là Chánh thể, bốn là Hiền, năm là Thiện, sáu là Lao, bảy là Thắng. Ở trong bảy thứ làng xóm ấy có bảy ngọn núi đen: Một là Thiên sương, hai là Nhất bác, ba là Tiểu cước, bốn là Hà phát, năm là Bách thiên đầu, sáu là Năng thắng, bảy là Tối thắng. Ở trong bảy núi kia có bảy cái hang là chỗ ở của Phạm tiên: Một là Thiện nhãn, hai là Thiện hiền, ba là Tiểu, bốn là Bách thiên đầu, năm là Lạn vật trì, sáu là Hắc nhập, bảy là Tăng trưởng. Khi phần phía Tây sanh quả thì Kim sí điểu cùng ăn; phần trên sanh quả thì Dạ-xoa hư không cùng ăn; phần dưới sanh quả thì các loài sâu trong biển đến ăn. Ở đây có bài kệ:

Mới nói mưa nhiều ít
Thị hiện trong cung điện
Hai việc có gió nhiều
Ở trước chư Thiên đi
Xe cộ và thọ mạng
Thân thể ánh sáng chiếu
Nghiệp bố thí, trì giới
Vầng trăng đầy và khắp
Trăng bị che không hiện
Có ảnh do duyên gì
Các sông, các hạt giống
Cây Diêm-phù sau cùng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh thuở ban đầu khi ăn vị đất, được nhiều lợi ích, sống lâu ở đời. Nhưng các người này, nếu kẻ ăn nhiều thì nhan sắc giảm sút, nếu ăn ít thì nhan sắc đẹp đẽ. Ngay khi ấy vì hình sắc hiện rõ nên chúng sanh khinh chê nhau, cùng tranh hơn kém. Người đẹp thì sanh kiêu mạn, vì kiêu mạn, nên đất mất mùi vị, tiếp tục sanh lớp đất, sắc vị đầy đủ. Thí như hoa Yết-ni-ca-la có màu sắc như vậy. Lại như mật nguyên chất nấu lên bỏ cặn bọt có vị như thế. Các chúng sanh ấy cùng tụ tập lại, ưu sầu khổ não, đấm ngực kêu gào, mê loạn khốn đốn, nói thế này: "Ôi! Vị đất của ta. Ôi! Vị đất của ta!" Thí như người đời nay có các vị ngon, sau khi thưởng thức, biết rồi nói rằng: "Ôi tuyệt, đây là vị của ta!" Chấp trước tên cũ chẳng biết thật nghĩa. Các chúng sanh ấy cũng như thế. Khi ấy chúng sanh đó ăn lớp đất mỏng kia cũng sống lâu ở đời. Người ăn nhiều thì nhan sắc xấu, kẻ ăn ít thì hình dáng đẹp. Vì có đẹp xấu nên sinh ngã mạn, lăng nhục nhau. Lớp đất mỏng lại biến mất, sanh các loại dây

bò, hình sắc trọn vẹn, hương vị đầy đủ. Thí như hoa Ca-lam-bà-ca nở có sắc như vậy, cắt ra thì nhựa chảy giống như mật nguyên... *cho đến như trước*..., tụ tập sầu não, lần lượt như vậy. Dây bò biến mất rồi, có lúa thơm mọc, chẳng cày chẳng gieo, tự nhiên mọc lên, không vỏ không cây, hạt gạo tinh khiết, hương vị đầy đủ. Lúc ấy chúng sanh ăn loại đó rồi thân thể liền có mỡ, tủy, da, thịt, gân, xương, máu, huyết, các mạch lưu thông và tướng mạo, các căn nam nữ hiện rõ. Sắc tướng đã sanh, tâm nhiễm liền khởi, vì có nhiễm nên luôn nhìn nhau; đã luôn nhìn nhau liền sanh ái dục. Vì ái dục nên ở chỗ vắng làm việc phi phạm hạnh bất tịnh. Khi đó lại có các chúng sanh khác chưa làm chuyện này, thấy rồi bảo rằng: "Các ngươi đã làm chuyện quá xấu hổ. Tại sao như vậy?" Lúc ấy chúng sanh kia liền sanh xấu hổ, đã rơi vào các điều ác bất thiện, mới có danh tự "Ba đế" như vậy. (Ba đế, đời Tùy dịch là đọa, tức là phu chủ). Bấy giờ chúng sanh kia vì đọa vào các pháp ác như vậy nên người cùng hành dục đem đồ ăn uống biếu tặng cho nhau, nói với người nữ kia rằng: "Ngươi có chồng rồi! Ngươi có chồng rồi!" Nhân đó đặt tên là Bà-lê-da. (Tùy dịch là Phạn thực, tức là vợ.)

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, các vị Thắng nhân hạ sanh trước, thấy ở thế gian có chuyện vợ chồng xảy ra, lòng sanh chán ghét, dùng tay trái nắm lấy, tay phải xô đi, khiến rời bỏ xứ sở. Lúc đó đôi vợ chồng kia, hoặc hai tháng, hoặc ba tháng, đã đi rồi trở lại, liền bị những vị ấy dùng cây, gậy, đất cục, ngói, gạch ném quăng và nói: "Các ngươi nên trốn đi! Các ngươi nên trốn đi!" Vì vậy ngày nay, khi các người con gái lấy chồng, được ném các thứ hoa, hoặc ném vàng bạc, y phục, la-xà (la-xà tức là lúa khô làm hoa) và nói lời chú nguyện: "Xin chúc cô dâu an ổn hạnh phúc!"

Chư Tỳ-kheo, lần lượt như vậy, việc người xưa cho là xấu, người đời này cũng làm như vậy lại cho là tốt đẹp. Do nhân duyên ấy, các chúng sanh ở trong cõi đời làm các hạnh ác, lần lượt như thế cho đến tạo dựng các kiểu nhà cửa, vì nghiệp xấu ác kia đã che khuất.

Kệ rằng:

Trước làm thành Chiêm-bà
Sau làm Ba-la-nại
Qua kiếp tàn sau cùng
Quy hoạch thành Vương xá.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó các vị Thắng nhân ngày trước tạo lập thôn, thành, làng xóm, quốc ấp, kinh đô, cung thất, các trú xứ khác... làm đẹp thế gian, lần lượt xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh như thế, khi càng tăng trưởng hạnh phi pháp thì có chúng sanh khác, phước mạng, nghiệp hết, từ trời Quang âm, bỏ thân xuống lại vào trong thai mẹ, thọ thai, sanh thân. Vì nhân duyên đó, người đời nhiều dần, việc phi pháp càng tăng.

Chư Tỳ-kheo, các Thắng nhân xưa sanh trước ở thế gian, các chúng sanh ấy vì phước lực có thừa nên chẳng cần cày gieo mà có gạo thơm tự nhiên sanh ra. Buổi sáng lấy phần thì phần buổi tối thấy sanh lại như cũ; buổi tối lấy phần thì buổi sáng sanh lại như nguyên không khác. Nếu người chưa lấy thì vẫn còn y. Chúng sanh sanh sau vì phước mỏng dần, trễ nhác, lười biếng, tâm sanh tham tiếc, nghĩ thế này: "Nay, gạo thơm này chẳng phải cày gieo mà có thì cần gì phải khổ công phân chia hai buổi sớm tối đi lấy, tự chuốc lấy sự mệt nhọc, nay ta có thể lấy luôn một lần", liền lấy hai phần gạo thơm một lần. Có chúng sanh khác đến kêu người kia nói: "Giờ ăn sắp đến, hãy cùng nhau đi lấy gạo thơm". Người kia đáp: "Tôi đã lấy luôn phần buổi sáng, buổi tối cùng một lúc đem về rồi. Ngươi muốn đi lấy thì cứ đi đi!" Người đó nghĩ: "Người này làm hay, khỏe khoắn quá. Hai phần sớm tối cùng lấy luôn! Ta nay cũng có thể lấy hai phần ăn của ba ngày". Nghĩ như thế xong vị ấy liền làm. Bấy giờ lại có các chúng sanh khác rủ người kia: "Chúng ta hãy cùng nhau đi lấy gạo thơm!" Người kia đáp: 'Tôi đã lấy trước phần ăn ba ngày rồi! Các ngươi tự đi đi" Những người ấy nghe rồi lại nghĩ: "Người này khôn quá! Chúng ta nay cũng nên cùng lúc lấy luôn phần của bốn, năm ngày để dự trữ". Do nhân duyên đó, bấy giờ gạo thơm dần dần sanh lúa, bọc hạt gạo bên trong. Lại chỗ bị gặt, không còn mọc nữa, chỗ chưa gặt thì vẫn còn y nguyên. Khi ấy ruộng lúa mới có sự phân chia, cỏ cây mới mọc. Lúc đó chúng sanh mới cùng tụ tập lại sầu lo khóc lóc, tự bảo nhau: "Ta nhớ khi xưa, thân được sanh ra, dùng sự vui mừng làm thức ăn, tự nhiên phát sáng, bay trên không tự tại, thần sắc đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài. Nhưng vì chúng ta bỗng sanh vị đất, sắc hương đầy đủ, ăn cũng sống lâu. Nếu ai ăn nhiều, hình sắc thô xấu, còn người ăn ít, nhan sắc vẫn đẹp. Vì tranh đẹp xấu nên sanh tâm kiêu mạn, trở thành sai biệt. Do sự việc này vị đất biến mất. Kế sanh lớp đất mỏng, tiếp sanh dây bò, rồi sanh gạo thơm, cho đến cây lúa, gặt rồi chẳng sanh, chưa gặt vẫn còn. Vì vậy nên thành có phân chia, cỏ cây mọc lên. Nay đây chúng ta nên chia khu vực, làm thành ranh giới, kia là phần anh, đây là phần tôi, và lập khế ước, người phạm bị phạt".

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, thế gian mới có các danh từ ranh giới, trách phạt xuất hiện.

Bấy giờ trong bọn họ có một chúng sanh vì tiếc lúa của mình, trộm lấy lúa của kẻ khác. Có người phát hiện liền bảo: "Ôi! Ngươi đã làm việc thậm ác! Đã làm việc thậm ác! Tại sao mình có rồi, lại trộm lấy của người khác?", trách rồi thả đi và nói: "Chớ làm như vậy nữa!". Nhưng chúng sanh ấy lại làm nữa, cũng trách rồi thả đi. Như vậy ba lần, không chịu hối cải, nên nặng lời trách mắng, dùng tay đánh vào đầu, dắt đến đám đông bảo với mọi người: "Người này ăn trộm". Nhưng người ăn trộm kia ở trước đám đông, chống chế cãi lại nói với mọi người: "Nay chúng sanh này dùng lời thô ác, cố ý mạ nhục, dùng tay đánh đầu tôi". Khi ấy các chúng sanh kia cùng nhau tụ tập, ưu sầu than khóc, tự bảo nhau: "Ngày nay chúng ta đến tình trạng thế này thật là khốn khổ. Chúng ta đã làm nảy sanh pháp ác bất thiện, khởi các phiền não, làm tăng trưởng quả khổ sanh, già trong vị lai, sẽ hướng đến đường ác. Nay chúng ta chứng kiến việc dùng tay đánh nhau, rồi níu kéo, xua đuổi, trách mắng, mạ nhục. Nay chúng ta phải tìm một người đứng đắn, cùng lập lên làm chủ để làm người bảo hộ. Nếu người đáng quở trách thì chính thức quở trách, người đáng phạt thì chính thức phạt, người đáng xua đuổi thì chính thức xua đuổi. Chúng ta chia ruộng, thóc lúa sở hữu tự mỗi người thu hoạch. Vị chủ bảo hộ nếu có cần thứ gì thì bọn chúng ta cùng nhau cung cấp". Mọi người bàn luận chu đáo như vậy rồi, liền cùng tìm kiếm người đứng đắn làm chủ thủ hộ. Bấy giờ ở trong số đông kia chỉ có một người, thân hình cao lớn, mười phần trang nghiêm, dung nghi đẹp đẽ lạ thường, nhìn không biết chán, sắc thân sáng chói, các căn đầy đủ. Khi ấy mọi người đến chỗ người kia nói như thế này: "Lành thay nhân giả! Xin ngài vì chúng tôi mà làm vị chánh thủ hộ. Chúng tôi ai nấy đều có ranh giới đất ruộng, ngài nên đến xem xét, đừng để xâm lấn nhau. Kẻ đáng mắng thì phải mắng, đáng trách thì phải trách, đáng phạt thì phải phạt, đáng đuổi thì phải đuổi. Lúa thóc chúng tôi thu hoạch được sẽ phân chia cho ngài, không để thiếu thốn". Người kia nghe rồi, liền chấp nhận làm người thủ hộ, mắng, trách, phạt, đuổi công bình chính trực, không có sự xâm lấn. Mọi người khi thu hoạch lúa gạo đem đến cung cấp không để gián đoạn, thiếu thốn. Cứ theo cách như vậy làm vị chánh chủ. Vì từ trong ruộng lúa của dân chúng lấy đất mà phân chia nên nhân đó gọi là Sát-đế-lợi (đời Tùy dịch là Điền chủ). Khi ấy, mọi người y theo lời chỉ dẫn làm theo. Vị Sát-đế-lợi kia trong việc phục vụ cho mọi người luôn khôn khéo, trí tuệ, ở trong mọi người, tướng tốt hơn hết, vì vậy lại được gọi là Yết-la-xà (đời Tùy dịch là Vương). Mọi người lập làm Đại Bình Đẳng vương, vì vậy lại gọi là Ma-ha Tam-ma-đa (Tùy dịch là Đại Bình Đẳng).

Chư Tỳ-kheo, vị Ma-ha Tam-ma-đa kia, khi làm vua thì tất cả mọi người mới có tên là Tát-đa-bà (Tùy dịch là Chúng sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Ma-ha Tam-ma-đa có người con tên là Hô-lô-giá (Tùy dịch là Ý Hỷ).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Hô-lô-giá kia làm vua, mọi người cùng xưng là Ha-di-ma-ca (Tùy dịch là Xá Giả).

Chư Tỳ-kheo, vua Hô-lô-giá có người con tên là Ca-lê-da-na (Tùy dịch Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Ca-lê-da-na kia làm vua, mọi người cùng xưng là Đế-la-xà (Tùy dịch là Hồ-ma-sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Ca-lê-da-na có người con tên là Bà-la-ca-lê-gia-na (Tùy dịch là Tối Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Bà-la-ca-lê-da-na kia làm vua, mọi người cùng xưng là A-bạt-la-khiên-đà (Tùy dịch là Vân Phiến).

Chư Tỳ-kheo, vua Vân Phiến ấy có người con tên là Ô-bô-sa-tha (Tùy dịch là Trai Giới).

Chư Tỳ-kheo, vua Trai Giới ấy khi tại vị, mọi người cùng xưng là Đa-la-thừa-già (Tùy dịch là Mộc Hĩnh).

Chư Tỳ-kheo, trên đảnh của vua Trai Giới kia tự nhiên lồi lên một bọc thịt, bọc thịt ấy rách ra, sanh một đồng tử đẹp đẽ lạ thường, đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, vừa sanh ra đã nói: "Ma-đà-đa" (Tùy dịch là Trì Ngã). Vị vua sanh trên đảnh ấy đầy đủ thần thông, có oai lực lớn, thống lãnh cả bốn đại châu, cai trị và giáo hóa tự tại.

Chư Tỳ-kheo, sáu vị vua ấy thọ mạng vô lượng.

Chư Tỳ-kheo, đùi vế bên phải của vị vua sanh từ đảnh ấy, lồi lên một bọc thịt, sanh một đồng tử, đẹp đẽ lạ thường, thân cũng đầy đủ ba mươi hai tướng, tên là Hữu Bễ Sanh, có oai lực lớn, thống lãnh bốn đại châu.

Đùi vế bên trái của vua Hữu Bễ ấy lồi lên bọc thịt, sanh một đồng tử, thân cũng đầy đủ ba mươi hai tướng, tên là Tả Bễ Sanh, có đủ oai đức, cai trị ba đại châu.

Bọc thịt ở đầu gối bên phải của vua Tả Bễ ấy, sanh một đồng tử, oai đức như những vị tướng, cai trị hai đại châu.

Bọc thịt ở đùi vế bên trái của vua Hữu Tất ấy, sanh một đồng tử, oai đức như những vị tướng, cai trị một đại châu.

Chư Tỳ-kheo, từ đó về sau, có vua Chuyển luân, đều lãnh một châu,

các vị nên biết.

Chư Tỳ-kheo, lần lượt như vậy, từ lúc ban đầu chúng sanh lập vua Đại Bình Đẳng, rồi kế đến vua Ý Hỷ, đến vua Chánh Chân, đến vua Tối Chánh Chân, đến vua Thọ Trai Giới, đến vua Đảnh Sanh, đến vua Hữu Bễ, đến vua Tả Bễ, đến vua Hữu Tất, đến vua Tả Tất, đến vua Dĩ Thoát, đến vua Dĩ Dĩ Thoát, đến vua Thể Giả, đến vua Thể Vị, đến vua Quả Báo Xa, đến vua Hải, đến vua Đại Hải, đến vua Xà-câu-lê, đến vua Đại Xà-câu-lê, đến vua Mao Thảo, đến vua Biệt Mao Thảo, đến vua Thiện Hiền, đến vua Đại Thiện Hiền, đến vua Tương Ái, đến vua Đại Tương Ái, đến vua Khiếu, đến vua Đại Khiếu, đến vua Ni-lê-ca, đến vua Na-cù-sa, đến vua Lang, đến vua Hải Phần, đến vua Kim Cang Tý, đến vua Sàng, đến vua Sư Tử Nguyệt, đến vua Na-da-đê, đến vua Biệt Giả, đến vua Thiện Phước Thủy, đến vua Xí Nhiệt, đến vua Tác Quang, đến vua Khoáng Dã, đến vua Tiểu Sơn, đến vua Sơn Giả, đến vua Diệm Giả, đến vua Xí Diệm.

Chư Tỳ-kheo, vua Xí Diệm ấy, con cháu truyền thừa có một trăm lẻ một đời, đều ở thành Bô-đa-la cai trị giáo hóa thiên hạ. Vua sau cùng tên là Hàng Oán; vì thường hay hàng phục các giặc oán nên gọi là Hàng Oán.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hàng Oán nối nhau cai trị giáo hóa tại thành A-du-xà, có năm vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Nan Thắng.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Nan Thắng ấy kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ba-la-nại, gồm có sáu vạn ba ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Nan Khả Ý.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Nan Khả Ý kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ca-tỳ-la, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng là vua Phạm Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Phạm Đức kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Bạch tượng, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Tượng Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Tượng Đức kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Câu-thi-na, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Hoắc Hương.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hoắc Hương kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ưu-la-xa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Na-già-na-thị.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Na-già-na-thị kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Nan hàng phục; gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vị vua sau

cùng tên là Hàng Tha.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hàng Tha kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Cát-na-cưu-già, gồm có một vạn hai ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Thắng Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thắng Quân kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Bỉ ba, có một vạn tám ngàn vua. Vị vua sau cùng là Thiên Long.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiên Long kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Đa-ma-lê-xa, có hai vạn năm ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên kế tục nhau cai trị giáo hóa trở lại tại thành Đa-ma-lê-xa, có một vạn vua. Vị vua sau cùng cũng có tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Đàn-đa-phú-la, có một vạn tám ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Thiện Ý.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Ý kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ngọc xá đại, có hai vạn năm ngàn vua, vị vua sau cùng tên là Thiện Trị Hóa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Trị Hóa kế tục nhau trở lại cai trị giáo hóa tại thành Ba-la-nại, có một ngàn một trăm vua. Vị vua sau cùng là Đại Đế Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Đại Đế Quân kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Mao chủ đại, có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng lại có tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên kế tục nhau, trở lại cai trị giáo hóa thành Bô-đa-la có một ngàn năm trăm vua. Vị vua sau cùng tên là Khổ Hạnh.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Khổ Hạnh kế tục nhau trở lại cai trị giáo hóa tại thành Mao chủ đại, có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng là Địa Diện.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Diện kế tục nhau, trở lại cai trị giáo hóa tại thành A-du-xà, có một ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Trì Địa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Trì Địa kế tục nhau, trở lại cai trị giáo hóa tại thành lớn Ba-la-nại, có tám vạn vua. Vị vua sau cùng tên là Địa Chủ.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Chủ kế tục nhau, cai trị giáo hóa tại

thành Mị-tu-la, có tám vạn bốn ngàn vua. Vị vua sau cùng là Đại Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Đại Thiên cai trị giáo hóa tại thành lớn Mị-tu-la, có tám vạn bốn ngàn vua. Tám vạn bốn ngàn vị vua này đều ở tại thành lớn Mị-tu-la, tu hành phạm hạnh trong rừng Am-bà-la; vua sau cùng là vua Ni-mị, kế đến là vua Một, kế là vua Thụ Tê, rồi vua Ha-nô, vua Ưu-ba, vua Nô-ma, vua Thiện Kiến, vua Nguyệt Kiến, vua Văn Quân, vua Pháp Quân, vua Hàng Phục, vua Đại Hàng Phục, vua Cánh Hàng, vua Vô Ưu, vua Trừ Ưu, vua Kiên Tiết, vua Ma-la, vua Lâu-na, vua Phương Chủ, vua Trần Giả, vua Ca-la, vua Nan-đà, vua Cánh Diện, vua Sanh Giả, vua Hộc Lãnh, vua Thực Ẩm, vua Nhiêu Thực, vua Nan Hàng, vua Nan Thắng, vua An Trú, vua Thiện Trú, vua Đại Lực, vua Lực Đức, vua Thụ Hành.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thụ Hành ấy kế tục nhau cai trị giáo hóa tại thành Ca-nhiếp-ba có bảy vạn năm ngàn vua. Vị vua sau cùng tên là Am-bà-lê-sa.

Chư Tỳ-kheo, vua Am-bà-lê-sa có con tên là Thiện Lập.

Chư Tỳ-kheo, vua Thiện Lập và con cháu nối nhau cai trị giáo hóa tại thành lớn Ba-la, có một ngàn một trăm vua. Vị vua sau cùng tên là Kê-lê-kỳ.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, có Đức Ca-diếp Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, xuất hiện ở đời. Bồ-tát khi ấy tu hành phạm hạnh sanh lên cõi trời Đâu-suất.

Vua Kê-lê-kỳ có người con tên là Thiện Sanh, con cháu nối nhau trở lại cai trị giáo hóa tại thành Bô-đa-la, có một trăm lẻ một vua, vua sau cùng tên là Nhĩ Giả. Vua Nhĩ Giả có hai người con, người con lớn là Cù-đàm, người con thứ hai Bà-la-đọa-xà. Vua Cù-đàm có một người con tên là Cam Giá Chủng.

Chư Tỳ-kheo, vua Cam Giá Chủng và con cháu nối nhau, trở lại cai trị giáo hóa tại thành Ba-đa-la, có một trăm lẻ một vua Cam Giá Chủng. Vị vua cuối cùng tên là Bất Thiện Trường.

Chư Tỳ-kheo, vua Thiện trường sanh bốn người con: Một là Ưu-mâu-khư, hai là Kim Sắc, ba là Tợ Bạch Tượng, bốn là Túc Cù. Túc Cù có người con tên là Thiên Thành. Thiên Thành có con tên là Ngưu Thành. Vua Ngưu Thành và con cháu nối nhau cai trị giáo hóa tại thành Ca-tỳ-la-bà, có bảy vạn bảy ngàn vị vua. Vị vua sau cùng là Quảng Xa, kế đến là vua Biệt Xa, vua Kiên Xa, vua Trụ Xa, vua Thập Xa, vua Bách Xa, vua Cửu Thập Xa, vua Tạp Sắc Xa, vua Trí Xa, vua Quảng Cung, vua Đa Cung, vua Kiêm Cung, vua Trụ Cung, vua Thập Cung, vua Bách Cung,

vua Cửu Thập Cung, vua Tạp Sắc Cung, vua Trí Cung.

Chư Tỳ-kheo, vua Trí Cung sanh hai người con: một là Sư Tử giáp, hai là Sư Tử Túc.

Sư Tử Giáp nối ngôi vua, sanh bốn người con trai: một là Tịnh Phạn, hai là Bạch Phạn, ba là Hộc Phạn, bốn là Cam Lộ Phạn và sanh một người con gái tên là Cam Lộ.

Chư Tỳ-kheo, vua Tịnh Phạn sanh hai người con: Một tên là Tất-đạt-đa, hai tên là Nan-đà. Bạch Phạn có hai người con: Một là Đế-sa, hai là Nan-đề-ca. Hộc Phạn có hai người con: Một là A-nê-lâu-đà, hai là Bạt-đề-lê-ca. Cam Lộ Phạn có hai người con: Một là A-nan-đà, hai là Đề-bà-đạt-đa. Còn bà Cam Lộ chỉ có một người con tên là Thế-bà-la.

Chư Tỳ-kheo, Bồ-tát Tất-đạt-đa có một người con tên là La-hầu-la.

Chư Tỳ-kheo, lần lượt như vậy, từ vua Đại Bình Đẳng về sau, con cháu nối tiếp nhau, là một chủng tộc tối thắng cho đến đồng tử La-hầu-la tự thân chứng A-la-hán, đoạn các phiền não, dứt đường sanh tử, không còn tái sanh nữa.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này nên vào thuở xa xưa có dòng Sát-đế-lợi hơn hết xuất hiện ở thế gian, theo đúng như pháp, chứ chẳng phải phi pháp.

Chư Tỳ-kheo, vì các pháp như vậy, nên chủng tộc Sát-đế-lợi trong thế gian sanh ra là trên hết.

Bấy giờ, lại có các chúng sanh khác nghĩ thế này: "Thế gian là hữu vi, là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên độc". Suy nghĩ chính chắn rồi, họ xả bỏ hữu vi, vào trong rừng núi, tạo lập thảo am, tĩnh tọa tu thiền. Nếu có nhu cầu gì, hoặc vào buổi sáng, hoặc vào chiều tối, họ tạm rời thảo am, vào làng khất thực, mọi người trông thấy, cần gì cúng nấy, nhanh chóng thực hiện, rồi cùng khen ngợi: "Những chúng sanh này sớm tu nghiệp thiện, xả bỏ các pháp ác bất thiện, đang tồn tại trong thế gian, đó là Bà-la-môn". Vì Nhân duyên này dòng dõi Bà-la-môn xuất hiện ở thế gian. Trong số người ấy, hoặc có người thiền định bất thành, dựa vào thôn xóm, phần nhiều dạy về chú thuật. Do đây lại được gọi là hạng giáo hóa. Lại vì những người ấy vào thôn xóm nên gọi là hạng hướng tới thôn xóm. Lại vì thành tựu các pháp dục, nên gọi là hạng thành tựu dục. Do nhân duyên này, vào thuở xa xưa Bà-la-môn là thù thắng, là chủng tánh cao quý xuất hiện ở thế gian, theo đúng như pháp chẳng phải phi pháp.

Lại nữa, ngoài ra có một hạng chúng sanh làm đủ các thứ để cầu lợi như kỹ năng, công xảo, nghệ thuật, các ngành nghề sanh sống. Do nhân

duyên này nên gọi là Tỳ-xá. Vì vậy cho nên ngày xưa dòng dõi Tỳ-xá xuất hiện ở thế gian. Họ cũng theo đúng như pháp chẳng phải phi pháp.

Chư Tỳ-kheo, ba dòng dõi này đã sanh ra ở thế gian rồi, về sau lại có giòng dõi thứ tư sanh ra ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người tự chê bai phép tắc vốn có của gia tộc họ, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, xả bỏ thế gian, xuất gia tu đạo, tự xưng: "Ta là Sa-môn". Nói như vậy rồi, liền thành tựu chánh nguyện. Dòng dõi Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng vậy. Có một hạng người, cũng chê bai như trước, cũng bỏ nhà xuất gia, tự xưng: " Ta là Sa-môn", liền thành tựu chánh nguyện, vì họ đã có chánh nguyện về chủng loại.

Chư Tỳ-kheo, có hạng Sát-đế-lợi, nghiệp thân, khẩu, ý làm những hạnh ác; vì những hạnh ác, nên khi thân hoại mạng chung, chỉ nhận quả khổ. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng như vậy.

Lại có hạng Sát-đế-lợi, nghiệp thân, khẩu, ý làm các việc lành; vì làm việc lành nên khi thân hoại mạng chung chỉ thọ quả vui. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng giống như vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng Sát-đế-lợi, nghiệp thân, khẩu, ý làm cả hai việc ác, thiện; vì làm cả hai nên khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ quả khổ lẫn vui. Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng như vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng Sát-lợi chánh tín xuất gia, tu tập ba mươi bảy pháp trợ đạo, có khả năng dứt hết các lậu, tâm và trí được giải thoát, ngay hiện tại thấy pháp, chứng pháp, đắc các thần thông. Đã tác chứng rồi tự nêu rõ: "Sự sanh của ta đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, về sau không còn thọ nhận thân sanh tử nữa". Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng y như vậy.

Chư Tỳ-kheo, ba dòng dõi ấy ở trong đời sau, có khả năng thành tự đầy đủ minh, hạnh, đắc quả A-la-hán, gọi là tối thắng.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Sa-ha-bà-để, xưa ở trước ta, nói bài kệ:

Sát-lợi giống hơn hết
Nếu rời các chủng tánh
Thành tựu đủ minh, hạnh
Thì hơn các trời, người.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Sa-ha-bà-để khéo đọc bài kệ ấy, chẳng làm điều bất thiện. Ta đã ấn chứng.

Chư Tỳ-kheo, Ta, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác cũng nói nghĩa này.

Chư Tỳ-kheo, cứ lần lượt như vậy, Ta đã nói đủ về thế gian chuyển thành, thế gian chuyển hoại, thế gian chuyển trụ.

Chư Tỳ-kheo, có một vị thầy giáo hóa vì các Thanh văn làm điều nên làm, thương yêu lợi ích, hành hạnh từ bi. Ta đã làm xong, các vị nên nương theo.

Chư Tỳ-kheo, hoặc ở nơi đồng trống, nơi rừng núi vắng vẻ, bên gốc cây, chốn phòng, thất tịch tĩnh, hoặc ở nơi hang hốc ven núi, gò mả, nơi đất thừa, xa lìa làng xóm, dùng các thứ cây cỏ kết tạm làm chỗ ở. Chư vị Tỳ-kheo nên ở các nơi ấy tu tập thiền định, chớ nên phóng dật khiến về sau phải hối hận.

Chư Tỳ-kheo, đó là lời huấn thị của Ta.

Phật thuyết kinh xong, chư Tỳ-kheo... hoan hỷ vâng làm.

❑

SỐ 25

KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN

Hán dịch: Sa-môn Đạt-ma-cấp-đa,
người Thiên Trúc, đời Tùy.

QUYỂN I

Phẩm 1: CHÂU DIÊM-PHÙ

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà ở thạch thất Ca-lợi-la tại thành Xá-la-bà-tất-đế. Bấy giờ, tại nơi ấy, có số đông Tỳ-kheo, sau khi thọ trai, cùng đến tụ họp ở giảng đường Ca-lợi-la. Sau khi an tọa, mọi người đều suy nghĩ rồi cùng nhau bàn luận:

–Này các Trưởng lão, thật chưa từng có! Nay thế gian này, thiên địa, chúng sanh, chỗ ở, quốc độ, chuyển biến thành lập như thế nào? Và chuyển biến tan hoại như thế nào? Chuyển biến tan hoại rồi lại thành lập như thế nào? Chuyển biến thành lập rồi an trụ như thế nào?

Khi ấy Đức Thế Tôn, một mình ở trong thạch thất yên tĩnh, với thiên nhĩ nghe khắp, thanh tịnh hơn người, nghe các Tỳ-kheo, sau khi thọ trai, tụ họp tại giảng đường Ca-lợi-la cùng bàn luận việc hy hữu như vậy. Thế Tôn nghe rồi, ngay sau buổi trưa hôm ấy, xuất thiền, ra khỏi thạch thất Ca-lợi-la, đi đến giảng đường; đến giảng đường rồi ở trước đại chúng Tỳ-kheo, theo lệ thường, trải tòa, ngồi thẳng an nhiên.

Sau khi an tọa, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi:

–Này các thầy Tỳ-kheo, vừa rồi, các thầy tụ tập nơi đây bàn luận việc gì?

Khi ấy các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Đại Đức Thế Tôn, sau khi thọ trai, Tỳ-kheo chúng con cùng đến giảng đường Ca-lợi-la này tụ họp, bàn luận thế này: “Này các Trưởng lão, thật chưa từng có! Thế gian chuyển biến thành lập như thế nào? Chuyển biến tan hoại như thế nào? Thế gian chuyển biến tan hoại rồi thành lập như thế nào? Thế gian chuyển biến thành lập rồi an trụ như thế

nào?" Bạch Đại Đức Thế Tôn, vừa rồi chúng con tập họp đến đây để bàn luận việc như vậy.

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Hay thay! Hay thay! Này các Tỳ-kheo, chỉ các thầy mới có khả năng tin và làm việc như pháp như vậy. Này chư Thiện nam tử, vì lòng tin, các thầy bỏ tục xuất gia, nếu các thầy thường tập trung ngồi lại với nhau và bàn luận việc như pháp như vậy, thì đó là việc bất khả tư nghì. Này các thầy Tỳ-kheo, khi các thầy ngồi lại với nhau, nên tu hai thứ pháp này để tự tạo sự nghiệp cho mình: hoặc là bàn luận pháp nghĩa, hoặc là Hiền thánh mật nhiên, chẳng sanh lười biếng, kiêu mạn. Nếu có thể làm được điều đó, thì các thầy mới nên nghe Như Lai nói về ý nghĩ: Thế gian chuyển biến thành lập, thế gian chuyển biến tan hoại, thế gian chuyển biến tan hoại rồi thành lập; thế gian chuyển biến thành lập rồi an trụ.

Khi Đức Phật dạy như vậy rồi, các Tỳ-kheo bạch:

–Bạch Đại Đức Thê Tôn, nay đã đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay đã đúng lúc! Nếu Phật Thế Tôn vì Tỳ-kheo chúng con mà giảng thuyết nghĩa này thì sau khi nghe Thế Tôn dạy, chúng con sẽ theo đó mà phụng trì.

Lúc bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy suy nghĩ chính chắn! Ta sẽ vì các ông lần lượt giảng thuyết.

Khi ấy các Tỳ-kheo đồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con rất muốn nghe.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, như mặt trời, mặt trăng ở tại một chỗ mà chiếu sáng bốn cõi thiên hạ, bấy giờ tại bốn chỗ thiên hạ đều có cả ngàn mặt trời, mặt trăng. Này chư Tỳ-kheo, đó gọi là một ngàn thế giới. Này chư Tỳ-kheo, trong ngàn thế giới, có ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, bốn ngàn châu nhỏ, bốn ngàn châu lớn, bốn ngàn biển nhỏ, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn dòng giống Rồng, bốn ngàn dòng giống Rồng lớn, bốn ngàn dòng giống Kim sí điểu, bốn ngàn dòng giống Kim sí điểu lớn, bốn ngàn dòng giống chốn ác đạo, bốn ngàn dòng giống chốn ác đạo lớn, bốn ngàn tiểu vương, bốn ngàn đại vương, bảy ngàn các giống cây lớn, tám ngàn các loại núi lớn, mười ngàn các loại địa ngục lớn, một ngàn vua Diêm-ma-la, ngàn châu Diêm-phù, ngàn Cù-đà-ni, ngàn Phất-bà Thiên vương, ngàn trời Tam thập tam, ngàn trời Dạ-ma, ngàn trời Đâu-suất-đà, ngàn trời Hóa lạc, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn trời Chư-ma-la, ngàn trời Phạm thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong cõi Phạm thế kia, có một Phạm chủ, oai lực rất mạnh, không ai hàng phục được, thống nhiếp ngàn Phạm tự tại vương, nói: "Ta có khả năng tạo tác, gọi ta là cha, ta tự tạo ra các sự vật". Vị ấy nói những lời kiêu ngạo như vậy, rồi liền sanh ngã mạn. Như Lai không như vậy. Vì sao? Vì tất cả thế gian kia, mỗi pháp đều tùy theo nghiệp lực mà hiện khởi, thành lập.

Chư Tỳ-kheo, ngàn thế giới nhỏ này, giống như búi tóc, gọi là một tiểu thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, một tiểu thiên thế giới như búi tóc như vậy, gọi đó là bậc hai – trung thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, một ngàn trung thiên thế giới ở bậc hai như vậy, gọi là đại thiên thế giới. Ba ngàn lần thế giới như vậy, gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Chư Tỳ-kheo, tam thiên đại thiên thế giới này đồng thời thành lập; đồng thời thành lập rồi thì lại tan hoại; đồng thời tan hoại rồi thì trở lại thành lập; đồng thời thành lập rồi thì an trụ. Như thế, thế giới xoay vần thiêu hủy gọi là bại hoại; xoay vần thành lập gọi là thành tựu; xoay vần an trụ, gọi là an lập. Đó là nơi ở của chúng sanh, một cõi Phật vô úy.

Chư Tỳ-kheo, đại địa ấy dày bốn mươi tám vạn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Chư Tỳ-kheo, đại địa ấy trụ ở trên nước; nước trụ trên gió, gió nương hư không. Chư Tỳ-kheo, phía dưới đại địa ấy, có một lớp nước, dày sáu mươi vạn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Dưới lớp nước ấy, có một lớp gió dày ba mươi sáu vạn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Chư Tỳ-kheo, nước biển lớn ấy sâu vô cùng, sâu tới tám vạn bốn ngàn do-tuần, chung quanh rộng vô biên. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di phần chìm trong biển là tám vạn bốn ngàn do-tuần, phần nhô khỏi mặt biển cũng cao tám vạn bốn ngàn do-tuần. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di, mặt đáy bằng phẳng, phần dưới bám chặt trên bánh xe vàng lớn. Chư Tỳ-kheo, núi chúa Tu-di ấy ở trong biển lớn, dưới hẹp, trên rộng, càng lên càng rộng ra, ngay thẳng chẳng lồi lõm, thân lớn, vững chắc, đẹp đẽ lạ thường, lạ mắt, ưa xem, bốn báu hiệp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê; có các loại cây tốt tươi, tỏa ra các mùi thơm, mùi thơm bay xa, xông khắp các núi, là chốn dừng chân của nhiều chúng Thánh hiền, và chư Thiên thần đại oai đức thắng diệu.

Chư Tỳ-kheo, ở phần trên của núi chúa Tu-di, bốn phương có bốn ngọn, ngọn vươn cao ở bốn phía, mỗi ngọn cao bảy trăm do-tuần, đẹp đẽ khả ái, do bảy báu tạo thành, là nơi được trang trí bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não; núi uốn cong trên mặt biển.

Chư Tỳ-kheo, phía dưới núi Tu-di có ba bậc, trú xứ của chư thần.

Tầng bậc thấp nhất cao rộng sáu mươi do-tuần; có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, lại có bảy lớp cây Đa-la ngay ngắn khả ái, bao bọc chung quanh. Cây ấy được tạo thành bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Các tường vách đều có bốn cửa, mỗi cửa ấy đều có bờ lũy, lầu gác, mái hiên, tháp canh, cung điện, hành lang, vườn cây, cùng các ao hồ đầy đủ trang nghiêm. Trong ao có hoa đẹp, đủ loại hương thơm; có đủ tất cả các loại cây, đủ các loại cành lá, các loại hoa quả, cũng phát ra các mùi thơm ngào ngạt. Lại có các loài chim hót ca, âm thanh vi diệu hòa quyện vào nhau, hòa nhã thánh thót.

Tầng bậc kế tiếp của núi, cao rộng bốn mươi do-tuần, được trang nghiêm bằng bảy vòng tường thành, lan can, dây chuông, hàng cây Đa-la bằng phẳng, ngay ngắn, khả ái bao quanh, cũng được trang trí bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não; cũng có đầy đủ các thứ cửa ngõ, lầu gác, đài, điện, vườn, ao, cây có quả và các loài chim.

Tầng bậc trên cùng của núi, cao rộng hai mươi do-tuần, cũng có bảy lớp tường thành cho đến các loài chim, phát ra âm thanh vi diệu.

Chư Tỳ-kheo, ở tầng bậc dưới của núi, có vị Dạ-xoa tên là Bát thủ ở; tại tầng bậc giữa, có các vị Dạ-xoa tên là Trì phát; tầng trên có các vị Dạ-xoa tên là Thường túy.

Chư Tỳ-kheo, giữa triền núi Tu-di rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, có cung điện của Tứ đại thiên vương. Chư Tỳ-kheo, phần trên núi Tu-di có các cung điện của chư Thiên Tam thập tam, nơi ở của Đế-thích. Trên cõi trời Tam thập tam, có cung điện của chư Thiên Dạ-ma; trên trời Dạ-ma một tầng, có cung điện của chư Thiên Đâu-suất-đà; trên trời Đâu-suất-đà một tầng, có cung điện của chư Thiên Hóa lạc; trên trời Hóa lạc một tầng, có cung điện của chư Thiên Tha hóa tự tại; trên trời Tha hóa tự tại một tầng, có cung điện của chư Thiên Phạm thân; ở khoảng giữa trời Tha hóa tự tại và Phạm thân, có các cung điện của ma Ba-tuần; ở phía trên trời Phạm thân, có trời Quang âm; phía trên trời Quang âm, có trời Biến tịnh; phía trên trời Biến tịnh, có trời Quảng quả; phía trên trời Quảng quả, có trời Bất thô; khoảng giữa trời Quảng quả và trời Bất thô, có các cung điện là chỗ ở của chúng sanh Vô tưởng; ở phía trên trời Bất thô, có trời Bất não; phía trên trời Bất não, có trời Thiện kiến; phía trên trời Thiện kiến, có trời Thiện hiện; phía trên trời Thiện hiện là cung điện của chư Thiên A-ca-ni-trá. Chư Tỳ-kheo, trên trời A-ca-ni-trá, lại có chư Thiên Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Các nơi này đều được gọi là trú xứ của chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, nơi chốn như vậy, ranh giới như vậy là chỗ ở của chúng sanh. Chúng sanh ấy, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc diệt đều nằm trong giới hạn ấy. Trong thế giới đó, các loài chúng sanh có sanh, già, chết đều rơi vào đó. Chúng ở trong đường sanh hóa như vậy, đến bây giờ không ra khỏi. Cho nên gọi thế giới Ta-bà là cõi Vô úy. Ngoài ra, tất cả thế giới khác cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của núi chúa Tu-di có châu tên là Uất-đa-la-cứu-lưu. Cõi ấy dài rộng mười ngàn do-tuần, bốn phía bằng phẳng; khuôn mặt của người ở cõi ấy giống như hình trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của núi chúa Tu-di, có châu tên là Phất-bà-tùy-đề-hạ. Cõi ấy dài rộng chín ngàn do-tuần, tròn như trăng tròn; khuôn mặt của người ở cõi ấy cũng giống như trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây núi chúa Tu-di, có châu tên là Cù-đà-ni. Cõi ấy dài rộng tám ngàn do-tuần, hình dáng như nửa mặt trăng, khuôn mặt của người ở cõi ấy lại giống như trái đất.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam núi chúa Tu-di, có châu là Diêm-phù-đề. Cõi ấy dài rộng bảy ngàn do-tuần, phía Bắc rộng, phía Nam hẹp, hình dạng như cái hòm xe. Khuôn mặt của người ở cõi ấy cũng giống như trái đất.

Chư Tỳ-kheo, mặt bắc núi chúa Tu-di do vàng trời tạo thành, chiếu sáng châu Uất-đa-la-cứu-lưu; mặt Đông do bạc trời tạo thành, chiếu sáng châu Phất-bà-tỳ-đề-ha; mặt Tây do pha lê trời tạo thành, chiếu sáng châu Cù-đà-ni; mặt Nam do lưu ly xanh cõi trời tạo thành, chiếu sáng châu Diêm-phù-đề này.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu có một đại thọ gọi là Am-bà-la, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu dưới đất là hai mươi mốt do-tuần, phần vượt lên cao là một trăm do-tuần, cành lá phủ che năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Phất-bà-tỳ-đề-ha có một đại thọ gọi là Ca-đàm-bà-phất, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu dưới đất là hai mươi mốt do-tuần, phần vượt lên cao là một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, châu Cù-đà-ni có một đại thọ gọi là Chấn-đầu-ca, thân to bảy do-tuần... *cho đến* cành lá phủ năm mươi do-tuần. Dưới cây ấy có một con trâu đá, cao một do-tuần. Do nhân duyên này nên gọi là châu Cù-đà-ni.

Chư Tỳ-kheo, châu Diêm-phù-đề ấy có một đại thọ gọi là Diêm-

phù, thân to bảy mươi do-tuần... *cho đến* cành lá bao phủ năm mươi do-tuần. Dưới cây ấy có khối vàng Diêm-phù-đàn cao hai mươi do-tuần; vì vàng sanh ra từ dưới cây Diêm-phù cho nên gọi là Diêm-phù-đàn; và do đó có tên là vàng Diêm-phù-đàn.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của loài Rồng và loài Kim sí điểu có một đại thọ tên là Câu-tra-dư-ma-lợi-hòa, thân to bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, chỗ ở của A-tu-la có một đại thọ tên là Tu-chất-đà-la-ba-tra-la, thân to bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, trời Tam thập tam có một đại thọ tên là Ba-lợi-cù-tỷ-đà-la, thân to bảy do-tuần, phần ăn sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, phần vượt lên cao là một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, dưới núi Tu-di, kế đến có núi tên là Khư-đề-la-ca, cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên rộng cũng vậy, ngay thẳng khả ái, do bảy báu hợp thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai núi Tu-di và Khư-đề-la-ca ấy rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao bọc chung quanh là vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp sông hồ.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la-ca, kế đến có núi tên là Y-sa-đà-la, cao hai vạn một ngàn do-tuần, trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não… bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Khư-đề-la-ca và Y-sa-đà-la rộng bốn vạn hai ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp sông hồ.

Ngoài núi Y-sa-đà-la, kế đến có núi tên là Du-kiền-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não… bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Y-sa-đà-la và Du-kiền-đà-la rộng hai vạn một ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp các sông hồ.

Ngoài núi Du-kiền-đà-la, kế đến có núi tên là Thiện kiến cao sáu ngàn do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não… bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Du-kiền-đà-la và Thiện kiến rộng

một vạn hai ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che phủ khắp các sông hồ.

Ngoài núi Thiện kiến, kế đến có núi tên là Mã bán đầu, cao ba ngàn do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não… bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Thiện kiến và Mã bán đầu rộng sáu ngàn do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca, phủ khắp sông hồ.

Ngoài núi Mã bán đầu, kế đến có núi tên là Ni-dân-đà-la, cao một ngàn hai trăm do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não… bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Mã bán đầu và Ni-dân-đà-la rộng hai ngàn bốn trăm do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che khắp các sông hồ.

Ngoài núi Ni-dân-đà-la, kế đến có núi tên là Tỳ-na-da-ca, cao sáu trăm do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não… bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Ni-dân-đà-la và Tỳ-na-da-ca rộng một ngàn hai trăm do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca, Tao-kiền-đề-ca che khắp các sông hồ.

Ngoài núi Tỳ-na-da-ca, kế đến có núi tên là Chước-ca-la (Tùy dịch là Luân), cao ba trăm do-tuần, ở trên cũng rộng như vậy, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* mã não… bảy báu hợp thành. Khoảng giữa hai núi Tỳ-na-da-ca và Chước-ca-la ấy rộng sáu trăm do-tuần, chung quanh có vô số các loài hoa... *cho đến* hoa Tao-kiền-đề-ca che khắp các sông hồ. Cách núi Luân viên (Chước-ca-la) không xa, cạnh bên một khoảng đất trống cỏ xanh phủ khắp là biển lớn. Phía Bắc biển lớn có một cội cây lớn gọi là cây Diêm-phù, thân to bảy do-tuần, rễ cắm sâu xuống đất hai mươi mốt do-tuần, cao một trăm do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ bốn phía năm mươi do-tuần; khoảng đất trống ở bên cỏ xanh phủ khắp. Kế đến có rừng cây Am-bà-la, rừng cây Diêm-phù, rừng cây Đa-la, rừng cây Na-đa, mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần, khoảng đất trống ở giữa, cỏ xanh mọc đầy. Kế đến có rừng cây tên là Nam, rừng cây tên là Nữ, rừng San-đà-na, rừng Chơn-đà-na, mỗi khu rừng rộng năm mươi dặm; khoảng đất trống bên khu rừng, cỏ xanh phủ đầy. Kế đến có rừng quả Kha-lê-lặc, rừng quả Tỳ-hê-lặc, rừng quả Ma-lặc, rừng quả Am-bà-la-đa-ca; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-

tuần. Kế đến có rừng cây Khả-thù-la, rừng quả Tỳ-la, rừng quả Bà-na-bà, rừng quả Thạch lựu; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng Ô bột, rừng Nại, rừng Mía, rừng Trúc nhỏ, rừng Trúc lớn, mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng Lau, rừng Sậy, rừng Cát-la, rừng Cát-la lớn, rừng Ca-sà-văn-đà; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần. Kế đến có rừng hoa A-đề-mục-đa-ca, rừng hoa Chiêm-bà, rừng hoa Ba-tra-la, rừng hoa Tường vi; mỗi khu rừng rộng năm mươi do-tuần; vùng đất trống bên cạnh, cỏ xanh phủ đầy.

Lại có các ao có các loại hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca… phủ đầy. Lại có các ao đầy ắp rắn độc; mỗi ao rộng năm mươi do-tuần; khoảng đất trống ở giữa, cỏ xanh phủ đầy.

Kế đến có biển tên là Ô-thiền-na-ca rộng mười hai do-tuần; nước ao trong mát, vị rất ngọt ngon, êm ả trong veo, có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp đá chắn, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, thẳng tắp đẹp đẽ; đều do mã não… bảy báu hợp thành, trang trí bốn phương chung quanh, đều có thềm bậc đẹp đẽ khả ái, cũng do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não hợp thành. Lại có hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca. Hoa màu lửa thì hiện hình lửa; hoa màu vàng thì hiện hình vàng; hoa màu xanh thì hiện hình xanh; hoa màu đỏ thì hiện hình đỏ; hoa màu trắng thì hiện hình trắng; màu Bà-vô-đà thì hiện hình Bà-vô-đà. Hoa lớn như bánh xe, cộng như trục xe, tiết ra nhựa, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong biển Ô-thiền-na-ca, có các đường đi của Chuyển luân thánh vương, mặt đường rộng mười hai do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù-đề, khi Chuyển luân thánh vương xuất hiện thì các con đường dưới biển ấy tự nhiên hiện ra, mặt nước đứng lặng. Chư Tỳ-kheo, kế bên biển Ô-thiền-na-ca có ngọn núi tên là Ô-thiền-già-la. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thiền-già-la ấy đẹp đẽ khả ái, tươi tốt khả quan, có các thứ cây, các thứ lá, các thứ hoa, các thứ quả, các thứ hương và các loài dị thảo, đủ các loài chim, thú. Những vật có mặt trên thế gian, ở trong núi Ô-thiền-già-la kia, không thiếu thứ gì. Chư Tỳ-kheo, núi Ô-thiền-già-la kia đẹp đẽ khả ái, khả quan như vậy, các thầy nên giữ gìn tốt như thế. Chư Tỳ-kheo, kế núi Ô-thiền-già-la có núi tên là Kim hiếp. Chư Tỳ-kheo, trong núi Kim hiếp, có tám vạn cái hang; trong các hang kia đều có tám vạn long tượng toàn màu trắng cư trú trong đó, giống như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chống đất, đều có thần thông, nương hư không mà đi. Đầu chúng màu đỏ giống như loài trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca, có sáu ngà;

ngà chúng nhọn hoắt, màu như mạ vàng.

Chư Tỳ-kheo, qua khỏi núi Kim hiếp có núi tên là Tuyết sơn, cao năm trăm do-tuần, rộng dày cũng vậy. Núi ấy đẹp đẽ, do bốn báu hợp thành, đó là vành, bạc, lưu ly, và pha lê. Bốn mặt núi ấy có bốn ngọn bằng vàng, đỉnh vượt lên cao hai mươi do-tuần. Trên đỉnh núi ấy có ao A-nậu-đạt. Long vương A-nậu-đạt cư trú trong ấy. Ao rộng dài năm mươi do-tuần. Nước ao trong mát, mùi vị ngon ngọt, trong sạch không nhơ, có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bao bọc chung quanh đẹp đẽ khả ái... *cho đến* do mã não… bảy báu hợp thành. Lại có các loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca. Các hoa ấy có nhiều màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe; lại có ngó, rễ lớn như trục xe, nhựa trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, trong ao A-nậu-đạt ấy có cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa. Cung điện đó có năm trụ, đẹp đẽ khả ái. Long vương A-nậu-đạt-đa cùng quyến thuộc trong đó vui chơi, thọ hưởng năm dục của chư Thiên, đầy đủ khoái lạc.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao A-nậu-đạt có con sông Hằng, từ miệng voi chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt có sông Tân-đầu, từ miệng trâu chảy ra, hòa nhập năm tăm sông, chảy vào biển Nam. Phía Tây ao A-nậu-đạt, có sông Bạc-xoa, từ miệng ngựa chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu-đạt có sông Tư-đà, từ miệng sư tử chảy ra, hòa nhập năm trăm sông, chảy vào biển Bắc.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà vị Long vương ấy được gọi là A-nậu-đạt-đa?

Chư Tỳ-kheo, có ba nhân duyên. Ba nhân duyên ấy là gì? Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù có chỗ ở của các rồng, chỉ trừ Long vương A-nậu-đạt-đa, còn các rồng khác, thì thọ hưởng khoái lạc, liền có các vật nóng rơi trên thân, các rồng ấy đều mất hình sắc loài trời, hiện hình sắc loài rắn. Các rồng chịu nỗi khổ đó còn Long vương A-nậu-đạt-đa không có việc như vậy. Đó là nhân duyên thứ nhất.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, chỉ trừ Long vương A-nậu-đạt-đa, còn các rồng khác khi du hí hưởng lạc, đều có gió nóng thổi đến chạm vào thân chúng, làm mất hình sắc loài trời, hiện hình sắc loài rắn, nên có khổ như vậy. Đó là nhân duyên tứ hai.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, khi các rồng có sự du hí hưởng lạc thì có vua của loài Kim sí điểu bay vào cung của chúng. Khi chúng

thấy Kim sí điểu vương thì lòng sanh sợ hãi; vì sợ hãi nên liền mất hình sắc loài trời, hiện hình sắc loài rắn, chịu đầy đủ các khổ. Long vương A-nậu-đạt-đa không như vậy. Nếu Kim sí điểu vương phát sanh ý nghĩ thế này: "Nay ta muốn vào cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa, thì khi ấy Kim sí điểu kia bị quả báo bại liệt nên tự thọ khổ, không thể vào được cung điện của Long vương A-nậu-đạt-đa. Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ ba. Do nhân duyên ấy nên gọi là A-nậu-đạt-đa.

Chư Tỳ-kheo, về phía Nam núi Tuyết không xa, có thành tên là Tỳ-xá-ly. Phía Bắc của thành Tỳ-xá-ly, có bảy núi Đen; phía Bắc núi Đen lại có núi Hương. Trong núi Hương ấy, có vô số vị Khẩn-na-la. Ở đó thường có tiếng ca vũ âm nhạc. Núi ấy có nhiều các loại cây, cây tỏa ra các mùi hương, là chỗ ở của các thần đại oai đức.

Chư Tỳ-kheo, trong núi Hương đó có hai hang báu: Một là Tạp sắc, hai là Thiện tạp sắc, đẹp đẽ khả ái... *cho đến* do mã não… bảy báu hợp thành. Mỗi hang rộng dài năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, ở trong hai hang Tạp sắc và Thiện tạp sắc, có một vị Càn-thát-bà vương tên là Vô tỷ dụ cùng với năm trăm Khẩn-na-la nữ ở trong đó thọ hưởng năm dục, đi, đứng, nằm, ngồi đùa giỡn vui chơi.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của hai hang Tạp sắc và Thiện tạp sắc, có thọ vương Ta-la tên là Thiện trụ. Thọ vương Ta-la Thiện trụ này có riêng tám ngàn rừng cây Ta-la bao bọc chung quanh. Khi ấy, trong rừng Ta-la Thiện trụ kia có một Long tượng ở, cũng tên là Thiện trụ, lông toàn màu trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất, bay đi trên không, xương đầu nhô lên như con trùng Nhân-đà-la-cù-ba-ca. Đầu nó màu đỏ, đầy đủ sáu ngà; ngà nó nhọn hoắt, có cát vàng điểm trên ngà. Lại có tám ngàn các long tượng khác làm quyến thuộc. lông chúng đều trắng như hoa Câu-mâu-đầu, bảy chi chấm đất... *cho đến* ngà đều tô điểm bằng vàng.

Phía chánh Bắc rừng thọ vương Ta-la Thiện trụ kia, có xuất hiện một cái ao cho Đại long tượng Thiện trụ, tên là Mạn-đà-kiết-ni, rộng dài bằng phẳng năm mươi do-tuần. Nước ao mát mẻ ngon ngọt, trong xanh, không có cáu bẩn... *cho đến* ngó, rễ lớn như trục xe, cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, chung quanh ao Mạn-đà-kiết-ni ấy, lại có tám ngàn ao khác bao bọc. Tất cả tám ngàn ao ấy đều giống như ao Mạn-đà-kiết-ni, không có gì khác.

Chư Tỳ-kheo, Long tượng vương Thiện trụ khi muốn vào ao Mạn-

đà-kiết-ni để du hí thì liền nghĩ ngay đến tám ngàn Long tượng quyến thuộc. Và ngay khi ấy, tám ngàn Long tượng kia cũng khởi ý nghĩ: "Long tượng vương Thiện trụ của chúng ta đang nghĩ đến chúng ta. Nay chúng ta nên đi đến bên Thiện trụ vương". Các Long tượng đến rồi, liền cúi đầu đứng trước Long tượng vương Thiện trụ.

Bấy giờ Long tượng đại vương Thiện trụ liền đi đến ao Mạn-đà-kiết-ni. Tám ngàn Long tượng kia hộ vệ chung quanh. Thiện trụ vương ung dung tiến bước. Các long tượng tùy tùng, có con cầm lọng trắng che đầu, có con dùng vòi cầm quạt ma-ni trắng quạt trên lưng; ở trước lại có các thần âm nhạc ca múa hát xướng dẫn đường. Khi Long tượng đại vương Thiện trụ đến nơi, liền vào ao Mạn-đà-kiết-ni kia lặn hụp, vui chơi, tắm rửa du hí, tự do thỏa thích thọ hưởng khoái lạc. Trong số long tượng tùy tùng, có con rửa vòi, có con chà ngà, có con ngoáy tai, có con gội đầu, có con kỳ lưng, có con chà hông, có con rửa đùi, có con rửa chân, có con rửa đuôi, hoặc có con dùng vòi nhổ ngó sen rửa sạch rồi đưa vào miệng Tượng vương Thiện trụ; hoặc có con dùng vòi nhổ các thứ hoa Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, Bôn-trà-lợi-ca… kết lên đầu Tượng vương Thiện trụ.

Khi Long tượng đại vương Thiện trụ, ở trong ao Mạn-đà-kiết-ni, tự do theo ý thích, tắm rửa du hí, vui chơi thoải mái, thọ hưởng khoái lạc rồi, ăn ngó sen của các long tượng dâng hiến, trên đầu kết hoa Ưu-bát-la và các thứ hoa khác… trang sức rồi ra khỏi ao, lên đứng trên bờ. Khi ấy tám ngàn long tượng liền phân tán vào trong tám ngàn ao, tùy ý tắm rửa, tự do du hí, hưởng thọ khoái lạc, rồi cùng ăn ngó sen trong ao. Ăn xong, cũng dùng hoa Ưu-bát-la và các thứ hoa khác tự kết lên đầu rồi, cùng tụ họp, đến bên Long tượng vương Thiện trụ; đến nơi, vòng quanh bốn phía. Bấy giờ Đại long tượng vương Thiện trụ cùng với tám ngàn Long tượng vương kia trước sau dẫn đi trở về rừng thọ vương Ta-la Thiện trụ. Trên đường đi, các long tượng, hoặc cầm lọng trắng che, hoặc cầm quạt ma-ni trắng quạt; lại có chư thần chơi các loại âm nhạc đi trước mở đường.

Lúc bấy giờ, Đại long tượng vương Thiện trụ về đến đại lâm Ta-la Thiện trụ, ở dưới cây lớn tùy ý đứng nằm. Khi ấy tám ngàn Long tượng kia cũng đều đến dưới tám ngàn cây Ta-la khác, đi, đứng, nằm, ngồi tự tại an lạc. Ở trong rừng cây Ta-la ấy, có cây, gốc của nó có chu vi sáu tầm, hoặc có cây có chu vi bảy tầm, tám tầm, hoặc chín tầm, mười tầm; có cây gốc của nó tới mười hai tầm; còn cây thọ vương Ta-la Thiện trụ, gốc của nó chu vi tới mười sáu tầm. Tại rừng tám ngàn cây Ta-la ấy, nếu

có lá úa vàng rụng xuống thì liền có gió thổi bay ra ngoài, làm sạch khu rừng. Khi tám ngàn Long tượng kia bài tiết phẩm uế thì có các Dạ-xoa quét dọn mang đổ.

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù, nếu khi có Chuyển luân thánh vương xuất hiện thì trong tám ngàn long tượng ấy, có long tượng nhỏ nhất, hằng ngày cứ mỗi buổi sáng, đến trước Chuyển luân thánh vương hầu hạ phụng sự; nhân đó được gọi là Điều thiện tượng vương. Lại Đại vương long tượng Thiện trụ ấy vào ngày rằm sáng sớm thức dậy, đi đến chỗ Thiên Đế-thích, đứng ở trước cửa để nhận sự sai bảo.

Chư Tỳ-kheo, Đại vương long tượng Thiện trụ có thần thông như vậy, có oai đức như vậy, tuy sanh trong loài súc sanh nhưng cùng loại với loài Rồng nên có sức oai thần lớn như thế. Các thầy nên luôn nhớ như vậy.

-oOo-

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐA-LA-CỨU-LƯU 1

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu có vô lượng núi, những núi ấy có các loại cây, sum suê rậm rạp, tỏa ra các mùi hương xông khắp châu ấy. Lại có các loại cỏ toàn màu xanh biếc, uốn xoay về bên phải như lông khổng tước, hương thơm như hoa Bà-lợi-sư-ca, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, dài khoảng bốn ngón tay, giẫm chân lên thì rạp xuống, dỡ chân lên thì dựng đầu lên lại. Lại có các loại cây sanh ra các thứ cành lá, hoa quả, hương thơm; các loài chim đua nhau ca hót, âm thanh hòa nhã vi diệu. Trong những núi ấy, có các dòng sông, chia thành bốn ngã, xuôi dòng chảy xuống, bình lặng êm ả, không có sóng gợn, lại không chảy nhanh. Bờ sông không sâu, không cạn, bằng phẳng dễ lội. Nước sông trong sạch, các hoa che phủ, rộng nửa do-tuần, chảy đi cùng khắp. Hai bên bờ sông đều có rừng cây, theo dòng che nắng; đủ loại hoa thơm, cỏ xanh trải khắp, có nhiều loại trái, chim chóc hót vang. Hai bên bờ sông, có các thuyền đẹp, nhiều màu khả ái, toàn là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não… bảy báu hợp thành.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu, đất đai bằng phẳng, không có gai gốc, rừng rậm, hầm hố; cũng không nhà xí, phẩn uế bất tịnh, sỏi đá, ngói gạch, toàn bằng vàng, bạc; không lạnh, không nóng, thời tiết điều hoà. Đất đai ở nơi ấy luôn luôn màu mỡ, cỏ xanh phủ khắp; các loại cây

rừng, lá thường xanh tốt, hoa quả đầy cành.

Chư Tỳ-kheo, trong châu Uất-đa-la-cứu-lưu, có các rừng cây, tên là An trú; các cây đều cao sáu câu-lô-xá, lá dày đan khít, thứ lớp kế nhau như tranh lợp nhà, giọt mưa không lọt. Nhân dân cõi ấy, trú dưới tàng cây. Có các cây Hương cũng cao sáu câu-lô-xá, hoặc có cây cao năm câu-lô-xá; lại có cây cao bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nào nhỏ nhất cũng cao nửa câu-lô-xá; đều có các thứ lá, hoa và quả. Các thứ cây ấy, tùy tâm (người thích) phát ra các thứ hương thơm. Có cây Kiếp-ba cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; tất cả đều có lá, hoa và quả. Từ hông của quả, tự nhiên trồi ra các loại y phục, treo ở trên cây. Lại có các cây Anh lạc, cây này cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; tất cả đều có lá, hoa, quả; hông của quả ấy, tùy tâm (người muốn) tuôn ra các thứ Anh lạc, treo thòng xuống đất. Lại có cây Man cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá; cũng có lá, hoa, quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn) tuôn ra các thứ tràng hoa, treo ở trên cây. Lại có các cây Khí cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, đều có lá, hoa và quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn), hiện ra các loại đồ dùng, treo ở trên cây. Lại có các loại cây ăn trái cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá, đều có lá, hoa, quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn) hiện ra các loại quả ở trên cây. Kế đến, lại có cây âm nhạc cũng cao sáu câu-lô-xá... *cho đến* có cây cao năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá; cây nhỏ nhất cao nửa câu-lô-xá, cũng có lá, hoa, quả; các quả ấy, tùy tâm (người muốn) hiện ra các thứ nhạc cụ, treo ở trên cây.

Đất ở cõi ấy, lại có gạo thơm tự nhiên không do cày bừa gieo trồng, tinh khiết trắng sạch, không có vỏ bọc. Khi muốn nấu chín, thì tự nhiên có các quả đôn trì dùng làm nồi, chõ, đun bằng ngọn lửa ngọc, không cần củi mà tự cháy, tùy theo ý muốn, làm chín thức ăn; thức ăn chín rồi, lửa ngọc tự tắt, không còn cháy nữa.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu ấy, bốn mặt chung quanh có bốn ao nước tên là A-nậu-đạt-đa. Mỗi ao rộng dài năm mươi do-tuần. Nước ao trong mát, ngọt ngào êm ả, thơm sạch không dơ; có bảy lớp bờ lũy, bảy lớp thềm gỗ, bảy lớp lan can, bao bọc chung quanh, nhiều màu khả ái; tất cả đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não… bảy báu hợp thành. Bốn phía ao đều có bờ thềm, nhiều màu khả ái... *cho*

đến mã não… bảy báu hợp thành; có nhiều loài hoa: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-mâu-đầu, bôn trà lợi… xanh, vàng, đỏ, trắng và màu xanh biếc… hình hoa tròn to, lớn như bánh xe, mùi thơm ngào ngạt, tỏa khắp mọi nơi; còn có các ngó sen lớn như trục xe, bẻ ra nhựa chảy, màu sắc như sữa, uống vào ngon ngọt, mùi vị như mật.

Chư Tỳ-kheo, bốn phía ao A-nậu-đạt-đa ấy, có bốn dòng sông lớn, xuôi dòng chảy, không có sóng gợn không nhanh, không chậm; bờ sông không cao, bằng, cạn dễ vào, nước không chảy xiết, nhiều hoa phủ khắp, rộng một do-tuần. Hai bên bờ sông lại có rừng cây, đan xen che nắng và tỏa ra mùi hương thơm ngát; có các thứ cỏ, tươi xanh mềm mại, xoay về bên phải… *lược nói cho đến* cao bằng bốn ngón tay, chân giẫm lên thì rạp xuống, dỡ chân thì dựng lên lại, và các loài chim chóc cùng âm thanh. Hai bên bờ sông lại có các thuyền nhiều màu khả ái... *cho đến* xa cừ, mã não… bảy báu hợp thành, chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu, thường vào nửa đêm, từ trong bốn ao A-nậu-đạt nổi lên mây đen, che phủ khắp nơi. Châu Uất-đa-la-cứu-lưu và các núi, biển đều bị che phủ, sau đó mưa xuống nước tám công đức, giống như sữa bò đổ xuống, lượng nước mưa rơi xuống ngập bốn ngón tay, không chảy lan tràn thấm ngay xuống đất, ngay chỗ mưa rơi. Vào nửa đêm hôm sau, mây tan mưa dừng, bầu trời quang tạnh, gió biển nổi lên, thổi vào mát mẻ, êm dịu, trong lành điều hòa; chạm vào an lạc; làm thấm nhuận châu Uất-đa-la-cứu-lưu, khắp nơi đều tươi mát, trù mật, sung mãn. Như thợ xâu tràng hoa khéo tay và học trò làm tràng hoa xong, lấy nước rưới lên; rưới rồi, tràng hoa kia cũng lại như thế, tươi sáng rực rỡ.

Chư Tỳ-kheo, đất đai ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu kia luôn luôn nhuận ướt phì nhiêu; giống như có người dùng dầu tô bôi lên, đất ấy nhuận ướt cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu kia lại có một cái ao tên là Thiện hiện, dài rộng một trăm do-tuần, mát mẻ bình lặng, trong sạch không bẩn, thềm bờ bằng bảy báu… *lược nói cho đến* vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao Thiện hiện lại có một khu vườn, cũng tên là Thiện hiện, rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp dây chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu khả ái, đều do bảy báu hợp thành... *cho đến* xa cừ, mã não…

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy bằng phẳng đẹp đẽ, không có gai góc, gò nổng, hầm hố, cũng không có nhà xí, sỏi đá, ngói gạch, các loại

nhơ bẩn tạp nhạp; có nhiều vàng, bạc, không lạnh, không nóng, khí hậu ôn hòa; thường có suối chảy, bốn phía tràn đầy, cây lá tốt tươi, hoa quả trĩu cành; có các loại hương xông ngát; có các loài chim thường phát ra âm thanh vi diệu, tiếng kêu hòa nhã; lại có các loại cỏ xanh tươi, xoay về bên phải, mềm mại như lông Khổng tước, thường có mùi thơm, như hoa Bà-lợi-sư-ca; chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề; khi châm giẫm lên, theo chân rạp xuống, khi chân dỡ lên, theo chân bung lên. Lại có các cây có gốc, thân, hoa, lá và quả, tỏa ra mùi thơm, xông khắp mọi nơi.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy lại có rừng cây tên là An trú. Cây mọc sáu câu-lô-xá; lá cây dày đặc, mưa không lọt xuống; lá cây nối tiếp nhau như tranh lợp nhà. Nhân dân phần nhiều cư trú ở dưới đó. Lại có các cây Hương, các cây Kiếp-ba, các cây Anh lạc, các cây Man, các cây Khí vật, các cây có quả. Lại có cơm của loại gạo thơm, tự nhiên thanh khiết.

Chư Tỳ-kheo, vườn Thiện hiện ấy không có ai là sở hữu chủ, không có người canh giữ. Người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Thiện hiện du hý, thọ hưởng các thú vui thì tùy ý mà vào, bằng các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc; vào trong du hý tắm rửa thọ hưởng các thú vui rồi muốn đi tùy ý, đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam ao Thiện hiện có một khu vườn tên là Phổ hiền, dành cho người Uất-đa-la-cứu-lưu. Vườn rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can bao bọc chung quanh.

Chư Tỳ-kheo, vườn Phổ hiền ấy không có người canh giữ; chỉ có người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Phổ hiền tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì họ vào bằng các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc. Vào tắm rửa, du hý, hưởng lạc rồi, theo ý thích muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây ao Thiện hiện ấy, có khu vườn là Thiện hoa, dành cho người Uất-đa-la-cứu-lưu. Vườn đó rộng dài một trăm do-tuần, có bảy lớp lan can bao bọc chung quanh… *lược cho đến*… giống như vườn Thiện hiện, không có gì khác. Cũng không có người canh giữ; chỉ có người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Thiện hoa tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì vào bằng các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc. Vào tắm rửa, du hý, hưởng lạc rồi, tùy ý muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc ao Thiện hiện ấy, có khu vườn tên là Hỷ lạc, dài rộng ngang nhau một trăm do-tuần… *cho đến* không có người canh giữ; chỉ có người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào vườn Hỷ lạc tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì theo các cửa Đông, Nam, Tây, Bắc mà vào. Tắm rửa, du hý, hưởng lạc rồi, tùy ý muốn đi đâu thì đi… *lược nói như vườn Thiện*

hiện ở trước.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông ao Thiện hiện, tiếp giáp với vườn Thiện hiện có một con sông lớn tên là Dịch nhập đạo, từ từ chảy xuống, không có sóng, không chảy nhanh; hoa phủ mặt nước, rộng hai do-tuần rưỡi.

Chư Tỳ-kheo, hai bên bờ sông Dịch nhập đạo có các loại cây che phủ, các loại hương xông, các thứ cỏ mọc… *lược cho đến* chạm vào mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca, cao khoảng bốn ngón tay, khi chân giẫm lên thì rạp xuống, khi dỡ chân lên thì dựng lên. Có các thứ cây và các thứ lá, hoa, quả đầy đủ. Có các loại hương xông, có các loài chim, loài nào cũng ca hót. Hai bên bờ sông Dịch nhập đạo, có các thuyền đẹp, nhiều màu khả ái, do bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não hiệp thành, trang hoàng rực rỡ.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam ao Thiện hiện có con sông lớn tên là Thiện thể, dành cho người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu, từ từ chảy xuống… *lược nói*… giống như sông Dịch nhập đạo. Ở đó cũng có đủ các thứ như sông kia không khác… *cho đến* các thuyền, nhiều màu hợp thành… mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây ao Thiện hiện có con sông lớn, tên là Như xa, dành cho người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu từ từ chảy xuống… *lược nói như trên*…

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc ao Thiện hiện, có con sông lớn tên là Oai chủ, dành cho người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu, từ từ chảy xuống… *lược nói cho đến*… hai bên bờ sông có thuyền, trang hoàng bằng bảy báu, mềm mại như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Tới đây có kệ Uất-đà-na:

Sông Thiện hiện, Phổ hiền
Thiện hoa và Hỷ lạc
Dịch nhập cùng Thiện thể
Như xa và Oai chủ

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn vào các sông Dịch nhập đạo, Thiện thể, Như xa, Oai chủ… để tắm rửa, du hý, hưởng lạc thì đến hai bên bờ sông, cởi bỏ áo xiêm để trên bờ. Nếu muốn ra xa thì ngồi trên thuyền, bơi ra giữa dòng, tắm rửa thân thể, du hý, hưởng lạc. Trong bọn họ, ai lên bờ trước thì tự do lấy xiêm y mặc vào rồi đi, chẳng cần phải tìm xiêm y của mình. Vì sao vậy? Vì người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu không chấp ngã và ngã sở, không có người canh giữ. Họ đi đến cây Hương; đến nơi rồi, tức thì cành nhánh của cây Hương rũ xuống, tay có

thể vịn tới, vì họ mà tỏa ra các mùi thơm vi diệu. Khi ấy họ lấy các loại hương trong cây ấy, dùng xoa lên thân, rồi lại đến dưới cây Kiếp-ba. Đến nơi rồi, cây này cũng như cây trước, rũ cành nhánh xuống, để họ đưa tay vịn tới và hiện ra các loại y phục. Những người này, tại cây ấy, lấy các loại y phục tuyệt đẹp mặc vào rồi đến dưới, cành cây Anh lạc cũng rũ xuống để người đưa tay vịn tới; cũng như những cây trước, cây Anh lạc ấy hiện ra các thứ Anh lạc cho những người ấy. Họ lấy Anh lạc đeo vào thân rồi đi đến cây Man; đến nơi rồi, cành cây Man cũng tự rũ xuống, đưa tay với tới được, tuôn ra các thứ tràng hoa cho họ. Họ lấy các tràng hoa mang vào cổ rồi đi đến cây Khí; đi đến nơi rồi, cành cây Khí cũng rũ thấp xuống, tay với tới được, cho họ tùy theo loại đồ dùng ưa thích mà lấy. Rồi họ đi đến cây ăn quả; đến nơi rồi, cành cây cũng rũ xuống, đưa tay với tới được. Cây ấy sanh ra các thứ quả cho họ. Họ ở dưới cây ấy, tùy theo sở thích quả nào vừa ý thì lấy; lấy xong, có người ăn luôn quả, có người vắt lấy nước uống; ăn uống xong, đi đến rừng cây âm nhạc. Đến nơi rồi, cành cây âm nhạc cũng rũ xuống, đưa tay với tới, rồi hiện ra các thứ nhạc cụ cho họ. Những người ấy, ở trong rừng cây, tùy theo nhu cầu của mình chọn lấy các nhạc cụ âm nhạc; hình dáng nhạc cụ đẹp đẽ, âm thanh hòa nhã; muốn đờn thì đờn, muốn múa thì múa, muốn ca thì ca. Hưởng các thú vui như vậy xong rồi, mỗi người theo sở thích, muốn đi đâu thì đi.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN II

Phẩm 2: CHÂU UẤT-ĐA-LA-CỨU-LƯU 2

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu này, đầu tóc màu xanh, xỏa xuống bằng tám ngón tay. Người cõi ấy cùng một màu da, một dung mạo, một hình dáng, không có màu da riêng để có thể phân biệt sự khác nhau.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu không có ai lõa thể, cũng không để lộ nữa thân, thuận theo đạo lý, không có lòng riêng tư; răng đều bằng khít, không sửa, không khuyết, trắng đẹp sạch sẽ, giống như ngọc kha, sáng trong khả ái.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu, nếu có đói khát, khi cần ăn uống, thì họ liền lấy gạo thơm tự nhiên không do canh tác, tinh khiết trắng trẻo, không có mày cám bỏ vào trong quả đôn trì; rồi lấy viên ngọc lửa đặt ở dưới. Do phước lực của chúng sanh, viên ngọc ấy tự nhiên phát lửa. Khi cơm đã chín, ngọn lửa liền tắt. Bọn họ, ai muốn ăn cơm thì ngồi vào chỗ ngồi. Trong lúc ấy, người từ khắp bốn phương đến muốn ăn, thì dọn cho họ; ăn xong nhưng cơm không hết, cho đến khi những người được mời ăn ấy chưa đứng dậy thì cơm vẫn còn đầy. Người ở cõi ấy ăn loại gạo thơm tự nhiên, một thứ gạo khi nấu chín, không có mày cám, tinh khiết thơm ngon, chẳng cần gia vị; đầy đủ mùi vị, trắng như chùm bông, màu ấy giống như vị Tô-đà của chư Thiên. Nhân dân ở cõi ấy khi ăn cơm này, thân thể sung mãn, không gầy sút, không già nua, không biến đổi, y nhiên bất động... *cho đến* họ ăn cơm đó còn bổ ích cho họ như sắc thân, khí lực an lạc, đầy đủ biện tài.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu, nếu ai có dục ý, ở bên người nữ, sanh tâm đắm nhiễm, để ý đến nhau, thì người ấy liền đưa mắt nhìn người nữ kia. Người nữ kia liền đi theo người ấy, đến dưới tàng cây. Nếu người nữ kia là mẹ, hoặc là dì, là chị, là em của người ấy thì tàng cây kia không rũ xuống cho họ, mà lá cây tức thì tàn úa không rụng, không che phủ, không ra hoa, cũng không bày giường ra. Nếu chẳng phải là mẹ, cũng chẳng phải là dì, là chị, là em thì tàng cây ấy liền rũ xuống che phủ,

cành lá rậm rạp xanh tốt, xuất ra trăm ngàn loại giường; đồ trải nằm. Họ dẫn nhau vào nơi ấy, vui vẻ hưởng lạc, làm gì tùy ý.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu ở trong thai bảy ngày, đến ngày thứ tám, người mẹ mới sanh. Mẹ sanh con rồi, hoặc là trai hay gái, liền bồng con mình đặt ở ngã tư đường rồi bỏ đi. Khi ấy, ở nơi đó có người ở các phương Đông, Tây, Nam, Bắc đến, người nào muốn nuôi bé nam hoặc nữ ấy thì đưa ngón tay vào trong miệng của bé. Trên đầu ngón tay chảy ra loại sữa ngon ngọt cho bé trai hoặc gái ấy uống; đứa bé uống sữa rồi mạng sống được duy trì. Qua bảy ngày như vậy, đứa bé lại tự hình thành một loại vóc dáng giống như người lớn không sai khác. Nếu là con trai thì đi theo cùng nhóm con trai; nếu là con gái thì đi cùng nhóm con gái.

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu thọ mạng nhất định, không có người chết yểu. Khi mạng chung thì sanh lên trời.

Lại nữa, ở đây, vì nhân duyên gì mà người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu có được thọ mạng nhất định và sau khi chết đều sanh lên trời?

Chư Tỳ-kheo, ở trên đời, có người chuyên giết hại sanh mạng, trộm cắp của cải người khác, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời hung dữ, nói thêu dệt, và tham, sân, tà kiến. Do nhân duyên ấy nên khi thân hoại mạng dứt sẽ đọa vào đường ác, ở trong địa ngục. Lại có người không hề sát sanh, không trộm cắp vật người khác, không tà dâm, không vọng ngữ, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không nói hung dữ, không tham, không sân, lại không tà kiến.

Do nhân duyên này, khi thân hoại mạng dứt sanh về đường thiện, sanh làm trời, người.

Lại vì nhân duyên gì mà bị đọa lạc? Vì do sát sanh và tà kiến… Còn được sanh lên? Vì không sát sanh lại có chánh kiến…

Lại có người nghĩ thế này: "Nay ta nên làm mười điều thiện. Do nhân duyên ấy, khi mạng chung sanh vào cõi Uất-đa-la-cứu-lưu; sanh vào cõi ấy rồi sống đúng ngàn năm, không tăng, không giảm". Người đó phát khởi nguyện lành như vậy rồi, liền làm mười việc thiện, khi thân hoại sanh vào cõi Uất-đa-la-cứu-lưu. Sanh vào cõi ấy rồi, sống đủ ngàn năm, không tăng, không giảm.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu có được thọ mạng nhất định.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà họ được sanh lên cõi trên? Chư Tỳ-kheo, người ở châu Diêm-phù, khi ở nơi ấy, thọ mười nghiệp lành thì khi

thân hoại sẽ sanh vào cõi Uất-đa-la-cứu-lưu. Người Uất-đa-la-cứu-lưu ấy nếu khi xưa có thực hành đầy đủ mười nghiệp thiện đúng như pháp rồi, khi thân hoại sẽ sanh lên cõi lành, vào hàng chư Thiên.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, người Uất-đa-la-cứu-lưu sanh lên cõi tốt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu khi thọ mạng kết thúc thì không có người nào buồn rầu than khóc, chỉ chuẩn bị sẵn sàng rồi đem đặt ở ngã tư đường rồi bỏ đi.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu có tục thế này: Nếu có chúng sanh nào đó, khi thọ mạng hết rồi, ngay khi ấy có một con chim bay đến, con chim ấy tên là Ưu-thiền-già-ma (đời Tùy âm là Cao hành). Bấy giờ chim Ưu-thiền-già-ma, từ hang núi lớn bay nhanh đến, ngậm tóc mang tử thi kia bỏ ở châu khác. Vì sao vậy? Vì nghiệp của người Uất-đa-la-cứu-lưu thanh tịnh, ý muốn vui vẻ, không để cho gió thổi lan mùi xú uế kia.

Chư Tỳ-kheo, người Uất-đa-la-cứu-lưu khi muốn đại tiểu tiện, thì đất nứt ra cho họ; đại tiểu tiện xong, đất khép lại như cũ. Vì sao? Vì người Uất-đa-la-cứu-lưu muốn thanh tịnh, ý muốn vui vẻ.

Lại nữa, ở đây, do nhân duyên gì mà gọi châu ấy là Uất-đa-la-cứu-lưu? Chư Tỳ-kheo, châu Uất-đa-la-cứu-lưu ấy, so với ba châu khác trong bốn cõi thiên hạ là tối thượng, tối diệu, tối thắng. Vì vậy gọi châu này là châu Uất-đa-la-cứu-lưu.

-oOo-

Phẩm 3: CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Chư Tỳ-kheo, trong châu Diêm-phù, khi Chuyển luân vương ra đời, thì ngay nơi cõi Diêm-phù ấy tự nhiên có đầy đủ bảy thứ quý báu. Vị Chuyển luân vương ấy lại có bốn thứ năng lực thần thông. Bảy thứ quý báu ấy là gì? Một là bánh xe vàng báu, hai là voi trắng báu, ba là ngựa báu màu xanh biếc, bốn là ngọc thần báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là chủ kho tàng báu, bảy là tướng lĩnh báu. Đó là bảy thứ báu.

Chư Tỳ-kheo, thế nào là Chuyển luân thánh vương có đầy đủ bánh xe vàng báu?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ấy xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề, dùng nước rưới đầu, làm Sát-đế-lợi. Vào ngày chay tịnh, ngày rằm trăng tròn, nhà vua gội đầu, mặc áo lông trắng thẳng nếp, xõa tóc rũ

xuống, trang sức bằng ngọc Ma-ni và các Anh lạc; ở trên lầu gác, quyến thuộc quần thần, vây quanh sau trước. Khi ấy, trước vua, tự nhiên có bánh xe báu bằng vàng trời, có ngàn tăm, trục, vành, các bộ phận đầy đủ, hiện đến, chẳng phải do thợ làm thành; đường kính bánh xe bằng bảy khuỷu tay.

Bấy giờ Chuyển luân thánh vương quán đảnh Sát-đế-lợi nghĩ thế này: "Khi xưa ta từng nghe nói thế này: 'Nếu có vua quán đảnh Sát-đế-lợi vào ngày chay tịnh, ngày rằm trăng tròn, gội đầu, mặc y phục bằng lông trắng thẳng nếp, mang các Anh lạc, ở trên lầu gác, quyến thuộc, quần thân sau trước vây quanh thì khi ấy trước vua tự nhiên có bánh xe báu bằng vàng trời, có ngàn tăm, trục vành, các bộ phận đầy đủ, hiện đến, chẳng phải do công thợ, toàn bằng màu vàng, đường kính bằng bảy khuỷu tay. Khi có điềm này thì vua đã thành tựu đức của Chuyển luân vương'. Nay ta nhất định xứng đáng là Chuyển luân vương".

Bấy giờ Chuyển luân vương quán đảnh Sát-đế-lợi muốn thử bánh xe báu kia, liền ra lệnh trang bị bốn loại binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh. Bốn binh chủng đã trang bị xong, nhà vua liền đi đến bên bánh xe vàng. Đến nơi, để lộ cánh tay phải, đầu gối quỳ xuống đất, ở trước bánh xe vàng, dùng tay phải vỗ bánh xe báu và nói thế này: "Này bánh xe báu! Nay nếu ta là Chuyển luân vương thì hãy vì ta mà hàng phục những vùng đất chưa hàng phục". Bánh xe báu tức thời chuyển bánh để hàng phục các nơi chưa hàng phục.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, vua quán đảnh Sát-đế-lợi đã thấy bánh xe vàng báu kia chuyển động, liền trang bị xa giá đi về hướng Đông. Bánh xe báu kia và bốn loại binh chủng: tượng, mã… cùng lúc đi theo.

Chư Tỳ-kheo, trước và sau bánh xe báu, lại có bốn vị đại thiên đi kèm. Địa phương nào mà bánh xe báu kia đến dừng nghỉ thì Chuyển luân vương và bốn loại binh chủng tượng, mã… cũng đều dừng lại nghỉ tại nơi ấy.

Lúc bấy giờ tất cả các vị Quốc vương ở phương Đông đều lấy bát vàng đựng đầy cơm bạc, hoặc lấy bát bạc đựng đầy cơm vàng. Làm như vậy đầy đủ rồi, cùng đi đến trước chỗ Chuyển luân vương. Đến nơi, họ tâu với Chuyển luân vương: "Tâu đại vương, ngài đến đây thật quý hóa! Đây là thiên vật (xin dâng ngài)! Nhân dân phương Đông này giàu có, an lạc, không có sợ sệt; nhân dân đông đúc, thật rất dễ thương. Cúi xin Đại thiên xót thương thọ nhận! Xin lân mẫn, chúng thần tuân mệnh phụng sự thiên vương, quyết không thay lòng đổi dạ".

Khi ấy Chuyển luân vương bảo các vua: "Các ông nếu đã thành tâm như vậy thì các ông ở trong quốc độ của mình hãy trị hóa đúng như pháp. Vì sao? Vì nếu các ông để cho trong quốc độ của mình có những điều ác phi pháp xảy ra thì ta sẽ trị tội các ông. Nay ta ra lệnh cho các ông phải chấm dứt sát sanh, và dạy cho dân chúng không sát sanh, không lấy vật không cho, không tà dâm, không nói dối… không tà kiến. Nếu các ông chấm dứt sát sanh, không lấy vật không cho, không tà dâm, nói lời chân thật, chánh kiến thì ta biết là các ông và đất nước các ông đã hàng phục".

Bấy giờ các Quốc vương ở phương Đông nghe Chuyển luân vương dạy như vậy rồi, cùng lúc đồng thọ nhận mười nghiệp thiện; thọ nhận rồi làm theo. Mỗi quốc độ đều như pháp trị hóa. Vì sự tự tại của Chuyển luân vương nên ngài đi đến chỗ nào, bánh xe báu đi theo đến đó. Bánh xe báu bằng vàng trời của Thánh vương đã hàng phục các quốc độ phương Đông như vậy rồi, đến bờ biển phương Đông du hành cùng khắp rồi quay về. Kế đến, lần lượt đi đến phương Nam, phương Tây, cho đến phương Bắc, y theo con đường Chuyển luân vương ngày xưa đã đi mà đi. Chuyển luân vương và bốn loại binh chủng khi dẫn nhau đi thì bánh xe báu này dừng lại chỗ nào thì ở ngay chỗ ấy, Chuyển luân vương và bốn loại binh chủng liền dừng lại chỗ đó.

Bấy giờ tất cả các Quốc vương ở phương Bắc cũng đều mang bát bằng vàng trời đựng đầy cơm bạc; hoặc bát bằng bạc trời đựng đầy cơm vàng. đến nơi, quỳ thẳng, thưa: "Thiên vương đến đây, thật là vinh hạnh! Thiên vương đến đây, thật là vinh hạnh! Chúng tôi ở phương Bắc này trông chờ Thiên vương. Ở đây, nhân dân đông đúc, giàu có, an lạc, không gì lo sợ, thật là dễ mến. Xin Thiên vương ở lại trị hóa. Chúng tôi xin thần phục".

Chuyển luân vương liền dạy: "Nếu quả như vậy, các ông hãy tự trị hóa quốc độ của mình, nhất mực y theo giáo lệnh, đừng làm trái pháp. Vì sao? Vì đừng để cho trong quốc độ của ta có người phi pháp và kẻ làm ác. Lại nữa, các ông đừng sát sanh và dạy người không sát sanh, không lấy vật không cho, và việc tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, các ông phải đoạn trừ. Nếu lìa sát sanh cho đến nếu thực hành chánh kiến, làm được như vậy thì ta biết là quốc độ của các ông đều đã hàng phục".

Các vị vua ấy cùng tâu với Chuyển luân vương: "Chúng tôi sẽ phụng hành đúng như lời Thiên vương dạy".

Bấy giờ các Quốc vương ở các phương Bắc nghe Chuyển luân vương dạy như vậy rồi đều tuân theo, thọ mười nghiệp thiện; thọ rồi

thực hành, giữ đúng như pháp, y luật trị hóa. Do sức tự tại nên Chuyển luân vương đi đến chỗ nào, bánh xe báu theo đến nơi ấy. Bánh xe vàng này cứ như thế lần lượt hàng phục phương Bắc rồi, qua tới bờ biển Bắc, có bao quốc độ đều đi khắp biên giới, xong rồi trở về.

Bấy giờ, ở trong cõi Diêm-phù-đề, vua chọn lựa một địa điểm hùng vĩ nhất, đẹp đẽ nhất, sạch sẽ nhất cho bánh xe báu dừng lại chỗ đó. Chỗ ấy từ Đông sang Tây rộng bảy do-tuần; Nam sang Bắc ước chừng mười hai do-tuần. Đi được như vậy rồi, bấy giờ, vào ban đêm, chư Thiên đi xuống, tự nhiên vì Chuyển luân thánh vương tạo lập cung điện, hoàn thành tức thời. Khi đã hoàn thành, cung điện ấy rực rỡ, trang nghiêm, do bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, pha lê, lưu ly cõi trời.

Khi ấy bánh xe báu bằng vàng ròng cõi trời vì Thánh vương, đang ở cửa trong của cung điện vọt lên hư không, ung dung dừng lại như dính vào trục xe, không lay, không động. Ngay khi ấy Chuyển luân vương rất vui mừng, vô cùng phấn khởi nghĩ thế này: "Nay ta đã được bánh xe báu cõi trời rồi ư?"

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương ấy có bánh xe báu bằng vàng trời, hoàn hảo tự nhiên, hình dáng là như thế.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương lại có voi báu màu trắng hoàn hảo như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương vào buổi sáng sớm, khi đang ngồi trong cung quan sát liền có voi báu xuất hiện, màu lông đẹp đẽ, hình thể toàn trắng như hoa Câu-vật-đầu, bảy chi chấm đất, có đại thần lực, bay đi trên không. Đầu nó màu đỏ, như con trùng Đà-la-cù-ba-ca. Voi có sáu ngà nhọn hoắt, rất đẹp, trang nghiêm nhiều màu, giống như lúa vàng. Voi tên là Ô-bô-sa-tha. Chuyển luân thánh vương thấy voi báu rồi nghĩ như thế này: "Voi này đã xuất hiện, nếu khi được điều phục thì có thể đảm nhận các việc, trở thành thuần phục để cưỡi chăng?"

Bấy giờ, trong vòng một ngày, con voi báu ấy liền được điều phục, có thể đảm nhận việc kéo xe cho vua và tất cả việc khác. Giống như con voi đã được điều phục qua vô lượng trăm ngàn năm đến nay, nghiêm trang, hiền lành, tùy thuận, thích ý, con voi báu kia trong vòng một ngày, chịu sự điều phục, đảm nhận các việc cũng giống như thế. Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử voi báu, vào buổi sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc cưỡi voi báu kia chu du cùng khắp, đến tận bờ biển, thấu chốn biên thùy. Chu du khắp nơi rồi, trở về đến chỗ cung điện cũ, Chuyển luân vương kia mới ăn điểm tâm. Do nhân duyên ấy, bấy giờ nhà vua, trong lòng vô cùng

hoan hỷ, cho rằng vì mình nên mới sanh voi báu như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có voi báu trắng, tự nhiên, hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân thánh vương có ngựa báu hoàn hảo như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy, vào buổi sáng sớm, ngồi trên cung điện, thì ngay trước mặt vua, ngựa báu màu xanh biếc xuất hiện, thân thể xanh mướt, sắc lông óng ả, đầu đen, lông bờm bung ra, có sức thần thông, bay đi trên không, tên nó là Bà-la-la-ha. Chuyển luân vương thấy ngựa rồi, nghĩ thế này: "Ngựa này đã xuất hiện, nếu khi đã điều phục thì có thể nhận lãnh các việc, có thể vì ta làm tốt việc chuyên chở chăng?"

Khi ấy, trong vòng một ngày, ngựa báu kia liền được điều phục, đảm nhận các việc. Giống như con ngựa đã được điều phục từ vô lượng năm đến nay, hiền lành vô cùng, con ngựa này cũng vậy, khi điều phục chỉ trong vòng một ngày, có thể đảm nhận tất cả mọi việc. Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử ngựa báu vào buổi sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc, cưỡi lên ngựa báu đi khắp cõi nước, trở về cung điện, Chuyển luân vương mới dùng sáng. Vì nhân duyên ấy nên sanh hoan hỷ, phấn khởi vô cùng: "Nay ta đã có ngựa báu màu xanh biếc".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có ngựa báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương có ngọc báu hoàn hảo là như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có ngọc Ma-ni báu, sắc tỳ lưu ly, có tám cạnh đẹp đẽ, chẳng phải do thợ làm ra, tự nhiên phát ra ánh sáng trong suốt. Chuyển luân vương thấy ngọc ấy rồi, nghĩ như thế này: "Ngọc Ma-ni báu này đầy đủ các tướng, phải treo nó ở trong cung để phát ánh sáng". Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử ngọc báu Ma-ni nên trang bị bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh. Đủ bốn binh chủng rồi, vào nửa đêm, mây đen dày đặc, sấm chớp nổi lên, mưa rơi lất phất, khi ấy Chuyển luân vương lấy viên ngọc báu treo trên ngọn cờ đi ra ngoài vườn, ý muốn dạo chơi thử xem tính chất của ngọc. Chư Tỳ-kheo, ngọc báu Ma-ni ở trên đầu ngọn cờ, ánh sáng tỏa khắp, chiếu cả bốn phương, thân của bốn binh chủng cũng đều chiếu sáng, như mặt trời chiếu sáng thế gian.

Lúc bấy giờ, tất cả Bà-la-môn, Cư sĩ… cư trú ở cõi ấy đều thức dậy, làm các công việc vì tưởng là đã sáng, mặt trời đã mọc. Do nhân duyên

ấy, Chuyển luân vương cảm thấy vui mừng, vô cùng phấn khởi, tự nghĩ: "Ngọc báu này vì ta mà xuất hiện chăng?"

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương có ngọc báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là ngọc nữ báu hoàn hảo của Chuyển luân thánh vương?

Chư Tỳ-kheo, ngọc nữ báu của Chuyển luân vương xuất hiện, không lùn, không cao, không to, không bé, chẳng trắng, chẳng đen, đoan trang thùy mị, trông thật đáng yêu, đẹp đẽ vô cùng, dung mạo hoàn hảo. Khi trời nóng thì thân ngọc nữ mát; khi trời lạnh thì thân ấm; trên thân tiết ra mùi hương Chiên đàn, miệng luôn thơm mùi thơm hoa sen xanh, vì Chuyển luân vương ngủ trễ dậy sớm, cần mẫn cung kính phụng sự; phàm làm việc gì cũng không phật ý vua. Tâm của nàng còn không khởi ác niệm, huống là thân, khẩu. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân thánh vương cảm thấy hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, trong lòng tự nghĩ: "Ngọc nữ báu này vì ta mà xuất hiện chăng?"

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy, có ngọc nữ báu hoàn hảo là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là bề tôi báu chủ kho tàng, đầy đủ oai thần của Chuyển luân thánh vương?

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có vị quan báu chủ kho tàng xuất hiện, rất giàu có nhiều của, có nhiều công quả. Vị quan ấy do nghiệp báo nên sanh ra có thiên nhãn, thấy rõ trong lòng đất; hoặc kho tàng có chủ, hoặc kho tàng vô chủ đều bị đôi mắt của vị ấy phát hiện. Lại nữa, hoặc ở dưới nước, trên bờ, hoặc xa, hoặc gần, hễ chỗ nào có thì vị quan chủ kho tàng ấy đều vì vua mà giữ gìn đúng như pháp. Nếu là vật vô chủ thì vị ấy liền thu lấy bỏ vào vàng, bạc của mình, khi Chuyển luân vương có việc cần dùng về tài bảo thì kịp thời cung cấp đầy đủ. Khi ấy, vị quan chủ kho tàng kia liền đi đến chỗ Chuyển luân vương thưa: "Tâu Đại thánh thiên vương, nếu Thiên vương cần dùng tài bảo gì thì xin Thiên vương chớ lo. Thần sẽ vì Thiên vương cung cấp đầy đủ theo nhu cầu".

Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử vị quan báu chủ kho tàng nên đi đến bên bờ nước, ngồi lên trên thuyền, ra giữa dòng sông, bảo vị quan chủ kho tàng: "Ông là vị quan chủ kho tàng; ta cần dùng tài bảo. Hãy mau cung cấp đầy đủ. Hãy mau cung cấp đầy đủ!". Vị quan chủ kho tàng tâu: "Cúi xin Đại thiên vương, hãy đợi giây lát, thuyền này đến bờ, ngay tại nơi ấy, thần sẽ lấy tài bảo để cung cấp cho Thiên vương sử dụng". Nhà vua bảo: "Nay ta không muốn lên bờ lấy tài bảo, chỉ ở ngay đây, hãy cung

cấp đầy đủ cho ta!"

Vị quan chủ kho tàng liền tâu: "Xin tuân thánh chỉ, chẳng dám trái lệnh!"

Khi ấy, vị quan chủ kho tàng, nhận thánh chỉ rồi, liền vén tay áo bên phải, gối phải quỳ trên thuyền, đưa tay quơ trong nước, ngón tay như càng cua, cào dồn nhiều vàng bạc, chứa đầy đồ đựng, đặt ở trên thuyền, dâng lên Chuyển luân vương, tâu: "Đây là vàng bạc cõi trời. Chư Thiên đem của báu này dâng lên Thiên vương để ngài sử dụng". Khi ấy Chuyển luân vương bảo với vị quan chủ kho tàng: "Ta không cần tài bảo, chỉ thử ngươi thôi".

Vị quan chủ kho tàng nghe vua nói vậy, thu lại vàng bạc bỏ vào trong nước. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân vương cảm thấy hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, tự nghĩ: "Ta nay đã có vị quan báu chủ kho tàng rồi chăng?'

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có vị quan báu hoàn hảo chủ kho tàng là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là vị tướng giỏi lãnh đạo quân đội của Chuyển luân vương?

Chư Tỳ-kheo, do sức phước đức, Chuyển luân vương ấy tự nhiên có vị tướng báu xuất hiện. Vị ấy thông minh, có nhiều mưu lược, hiểu rõ quân cơ, đầy đủ thân tuệ. Nếu Chuyển luân vương cần binh lực, thì ông có thể chuẩn bị đầy đủ: Nếu muốn binh lính chạy thì liền chạy, muốn giải tán liền giải tán, muốn đứng yên liền đứng yên.

Khi ấy vị tướng lãnh báu liền đi đến chỗ Chuyển luân vương. Đến nơi, tâu với Chuyển luân vương: "Nếu nhà vua muốn huấn luyện quân lính, xin nhà vua đừng lo. Thần sẽ huấn luyện quân lính cho ngài, khiến cho chúng thuần phục, tùy thuận như ý muốn".

Khi ấy Chuyển luân vương muốn thử vị tướng lãnh báu kia nên liền ra lệnh điều động đủ bốn binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh, tất cả đều như nhau. Hạ lệnh điều động đủ bốn loại binh chủng xong, khi ấy vua ra lệnh cho vị tướng lãnh báu kia: "Ông là tướng lãnh, hãy vì ta mà khéo léo chuẩn bị quân lính, huấn luyện khiến chúng tùy thuận: chạy tốt, đi tốt, tập hợp tốt, giải tán tốt, đúng như pháp, chớ sai trái". Vị tướng lãnh ấy nghe Chuyển luân vương ra lệnh như vậy liền tâu với vua: "Như lời Thiên vương dạy bảo, thần không dám trái lệnh".

Bốn binh chủng ấy, sau khi đã chuẩn bị rồi, y theo sắc lệnh của vua, bảo chạy thì chạy, bảo giải tán thì giải tán,... *cho đến* muốn đứng yên thì

đứng yên. Do nhân duyên ấy, Chuyển luân vương rất hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, nghĩ rằng ta nay đã có tướng lãnh báu.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy có vị tướng lãnh báu, đầy đủ oai lực là như vậy.

Chư Tỳ-kheo, nếu có bảy thứ báu xuất hiện như thế thì sau dịu chắc chắn được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy tuổi tác thọ mạng rất lâu dài. Trong tất cả thời gian, tất cả thế gian, không có người nào có được sự an ổn lâu dài như Chuyển luân vương. Sinh mạng tồn tại lâu dài, đó là thần thông thứ nhất – thọ mạng đầy đủ của Chuyển luân vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, thân thể mà vị Chuyển luân vương ấy bẩm thọ không bệnh, ít não, các tướng đầy đủ. Lại nữa, bụng của vua không lớn, không nhỏ; lạnh, ấm, mát, nóng, điều hòa theo thời tiết; tới lui nhẹ nhàng, ăn uống tiêu hóa, an ổn khoái lạc. Trong tất cả mọi thời, không có người nào khác ở thế gian sanh ra mà được như vậy, ít bệnh, không có các nỗi buồn rầu như thánh vương kia. Đó là thần thông thứ hai – thần lực đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, báo thân có được của Chuyển luân kia đoan chánh khả ái, thường được thế gian ưa nhìn ngắm, đẹp đẽ tuyệt vời, sắc thân thanh tịnh, trang nghiêm trọn vẹn. Ở trong tất cả thời gian, trong loài người, không có ai thọ sanh mà có được như thế, đoan chánh, khả ái, được thế gian ngắm nhìn hình tướng hoàn hảo của Chuyển luân vương ấy. Đó là thần thông thứ ba – sắc mạo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, do nhân duyên nghiệp báo, Chuyển luân vương kia có đại phước đức; đó là đầy đủ các loại của cải, đầy đủ các loại châu báu trân kỳ của thế gian. Trong mọi thời, không có ai thọ sanh trong loài người mà có sự giàu có như thế, có tài sản như thế, có nhiều y phục, đồ chơi, báu vật tràn đầy bằng với vị vua Chuyển luân ấy. Đó là thần thông thứ tư - quả báo đầy đủ của Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, nếu người có đầy đủ bốn loại thần thông như thế, thì sau đó mới được gọi là Chuyển luân thánh vương.

Chư Tỳ-kheo, lại nữa, vị Chuyển luân thánh vương có phước đức được nhân dân yêu mến, kính trọng, tâm thường hoan hỷ an vui, giống như con thương kính cha mình. Nhân dân được Chuyển luân vương thương yêu, lòng luôn nhớ nghĩ như cha thương con.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy ngồi trong xe cực kỳ lộng lẫy muốn du lịch nhìn xem vườn rừng và các cảnh đẹp. Khi ấy, nhân dân được

thấy Chuyển luân vương đều rất vui mừng, nói với người đánh xe: "Xin ông khéo điều khiển xe. Xin hãy ghì cương lại, đi chậm chậm, từ từ, chớ đi quá nhanh. Vì sao? Vì nếu ông đi từ từ, cho xe đi chậm rãi, thì chúng tôi có nhiều thời gian để được chiêm ngưỡng Chuyển luân thánh vương". Chuyển luân vương nghe lời nói ấy, cũng bảo người đánh xe như thế: "Ngươi hãy khéo điều khiển xe. Hãy cho xe đi từ từ chậm rãi, cẩn thận, chớ vội vàng! Vì sao? Vì nếu ngươi khéo điều khiển xe cho đi thong thả thì ta có nhiều thời gian để xem xét khắp nhân dân".

Chư Tỳ-kheo! Nhân dân nơi ấy thấy Luân vương rồi, đều tự mang trân bảo của mình đến trước để dâng hiến lên Chuyển luân thánh vương. Đến nơi rồi, họ tâu: "Chúng thần xin dâng lên Thiên vương! Những vật này thuộc về của ngài. Xin ngài thọ nhận, tùy ngài sử dụng. Những vật này chỉ có ngài mới xứng đáng sử dụng".

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương ấy khi xuất hiện ở thế gian thì châu Diêm-phù này sạch sẽ bằng phẳng, không có gai gốc và rừng rậm, gò nổng, nhà xí, đồ dơ bẩn, chỗ hôi hám, sỏi đá, ngói gạch, cát, đất, phèn…, tự nhiên đầy đủ bảy báu: vàng, bạc…, thời tiết điều hòa, không lạnh, không nóng.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương xuất hiện thế gian thì châu Diêm-phù này tự nhiên hình thành tám vạn thành ấp, đều sung sướng an lạc, không có sự sợ hãi, lúa gạo dư dã, xóm làng đông đúc, nhân dân phát đạt, thật đáng yêu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương xuất hiện ở thế gian thì ở châu Diêm-phù này, xóm làng, thành ấp, chốn vua cai trị, nhà cửa san sát, gà bay đụng nhau, nhân dân sung sướng an lạc không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương xuất hiện thế gian ở châu Diêm-phù này, thường vào nửa đêm, từ trong ao A-na-bà-đạt-đa, nổi lên đám mây lớn trùm khắp châu Diêm-phù cùng các núi biển, rồi mưa liền trút xuống, giống như một màng sữa trải. Nước mưa đầy đủ mùi vị tám công đức. Nước thấm sâu bốn ngón tay, không chảy tràn lan, ngay khi rơi xuống, liền thấm vào lòng đất, mất hút không thấy. Vào cuối đêm, mây mù tan hết, lại từ trong biển, gió mát nổi lên thổi tan khí ẩm, nhân dân xúc chạm, cảm thấy an lạc. Lại nữa, khí ẩm ngọt ngào kia thấm nhuận châu Diêm-phù, làm cho khắp nơi đều phù nhiêu tươi tốt. Giống như ở đời, người thợ giỏi làm tràng hoa, hoặc đệ tử của người thợ ấy, làm thành tràng hoa rồi, dùng nước tưới lên, làm cho hoa thấm nhuận,

màu hoa tươi thắm cũng giống như vậy.

Lại nữa, khi Chuyển luân vương xuất hiện ở đời thì đất đai cõi Diêm-phù-đề này luôn luôn màu mỡ, tốt tươi. Giống như có người dùng dầu thoa lên đất. Loại nước thấm ướt màu mỡ tốt tươi ấy cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, Chuyển luân vương xuất hiện ở đời, tuy trải qua số năm lâu xa vô lượng nhưng cũng có và cũng chịu những xúc giác như người thế gian. Giống như người có thân thể ốm yếu, ăn thức ăn ngon, phải vận động làm việc, tiếp xúc với sự mệt nhọc chút đỉnh mới mau tiêu hóa. Chuyển luân vương khi đã sống lâu ở thế gian, tiếp xúc với sự sanh tử cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, khi Chuyển luân vương kia mạng chung, xả thân mạng rồi, sanh lên cõi trời, cùng ở cảnh trời Ba mươi ba.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngay khi Chuyển luân vương mạng chung, ở trên không trung, mưa các loại hoa: hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng và các loại hoa khác để cúng dường Chuyển luân vương. Lại mưa bột Thiên trầm thủy, bột Đa-già-la, bột hương Chiên đàn, và các loại hoa Mạn-đà-la trời. Lại có các loại âm nhạc vi diệu cõi trời không đánh mà tự tấu, cũng có tiếng vi diệu cõi trời ca hát tán thán cúng dường thân Chuyển luân vương để tạo phước lợi.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu, tướng lãnh báu… liền dùng các thứ nước thơm, tắm rửa thân Chuyển luân vương. Dùng nước thơm tắm rửa xong, trước hết dùng vải Kiếp-ba-ta quấn lại, sau đó mới dùng áo lông thẳng nếp mặc vào. Tiếp đến lại dùng đủ năm trăm tấm mền tinh tế đẹp đẽ theo thứ lớp đắp lên rồi buộc lại. Làm như vậy xong rồi dùng kim quan đã đựng đầy dầu tô, đặt thân Chuyển luân vương vào; đặt yên vào kim quan rồi, lại đặt kim quan vào trong quách bạc; đặt vào quách bạc rồi, dùng đinh đóng lại. Lại tập trung tất cả các loại cây Hương lại, chất thành đống lớn, sau đó thiêu đốt. Thiêu đốt xong, đem để tại ngã tư đường, kiến tạo một ngôi tháp báu, cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, trang trí nhiều màu, dùng bốn báu tạo nên đó là vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Tháp có bốn bờ tường, chung quanh rộng năm mươi do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can,… *như trên lược nói… cho đến* các loại chim đều tự ca hót.

Khi ấy ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu và tướng lãnh báu dựng tháp báu cho Chuyển luân vương hoàn thành xong, sau đó bày biện đủ thứ đồ cúng dường thượng hạng; đủ mọi hạng người đến xin, cần thức ăn cho

thức ăn, cần thức uống cho thức uống, cần xe cho xe, cần y phục cho y phục, cần của cải cho của cải, cần báu vật cho báu vật, cấp phát hết, ai cũng đầy đủ.

Chư Tỳ-kheo, sau khi Chuyển luân vương mạng chung bảy ngày, bánh xe báu, voi báu, ngựa báu và ngọc Ma-ni báu kia tự nhiên tất cả đều biến mất. Ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu và tướng lãnh báu cũng đều mạng chung. Bốn thành báu kia cũng đều biến đổi, trở thành thành đất. Nhân dân cõi ấy cũng lần lượt theo đó mà giảm.

Chư Tỳ-kheo, Tất cả các hành hữu vi vô thường, chuyển biến như thế, không có gì thường trụ, rã tan ly tán, không được tự tại là pháp ma, diệt, tan trong giây lát, chẳng tồn tại lâu.

Chư Tỳ-kheo, vì thế các vị phải bỏ các hành, phải nên viễn ly, phải nên chán ghét, cần phải mau cầu con đường giải thoát.

-oOo-

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 1

Chư Tỳ-kheo, ngoài bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ cùng các núi lớn khác và núi chúa Tu-di, còn có một núi chúa tên là Luân viên (cựu dịch là núi Thiết vi) cao sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, dài rộng cũng sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, dày đặc kiên cố, do kim cang tạo thành, khó có thể phá hoại.

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi Luân viên này, lại có một núi Đại luân viên nữa, chiều cao, rộng, cũng giống như số do-tuần trên. Khoảng giữa hai núi ấy vô cùng tối tăm, không có ánh sáng. Mặt trời, mặt trăng có đại oai thần, đại lực, đại đức như thế mà không thể chiếu ánh sáng đến nơi ấy được.

Chư Tỳ-kheo, ở giữa hai núi ấy có tám đại địa ngục. Tám đại địa ngục ấy là gì? Đó là đại địa ngục Hoạt, đại địa ngục Hắc, đại địa ngục Chúng hợp, đại địa ngục Khiếu hoán, đại địa ngục Đại khiếu hoán, đại địa ngục Nhiệt não, đại địa ngục Đại nhiệt não, đại địa ngục A-tỳ-chỉ.

Chư Tỳ-kheo, tám đại địa ngục ấy, mỗi ngục lại có mười sáu địa ngục nhỏ trực thuộc bao bọc chung quanh. Mười sáu ngục ấy đều cao rộng năm trăm do-tuần. Mười sáu ngục ấy là gì? Đó là địa ngục Hắc vân sa, địa ngục Phấn thỉ nê, địa ngục Ngũ xoa, địa ngục Cơ, địa ngục Khát, địa ngục Nùng huyết, địa ngục Nhất đồng phủ, địa ngục Đa đồng phủ, địa ngục Điệp ngai, địa ngục Hộc lượng, địa ngục Kê, địa ngục Khôi hà, địa ngục Chước bảng, địa ngục Đao diệp, địa ngục Hồ lang, địa ngục Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục hoạt?

Chư Tỳ-kheo, ở đại địa ngục Hoạt kia, các loài chúng sanh khi thác sinh, có mặt, xuất hiện và tồn tại thì các ngón tay tự nhiên có móng tay sắc mọc lên, nhỏ dài bén nhọn giống như mũi nhọn. Các chúng sanh ấy khi thấy nhau, tâm ý rối loạn; tâm ý rối loạn rồi thì dùng móng tay sắc bấu rách thân, hoặc tự rạch thân, rạch đi rạch lại, rồi lại rạch lớn ra; xẻo đi xẻo lại, rồi xẻo to ra; cắt đi cắt lại, rồi cắt to ra.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy, ngay trong lúc đó biết rằng mình bị thương, mình đã chết. Nhưng cũng ngay lúc ấy, do nghiệp báo nên lại sanh gió mát, thổi đến thân họ, khoảnh khắc sống lại, thân thể da thịt, gân xương máu huyết trở lại như trước. Đã sống lại rồi, vì do nghiệp lực, khởi lên đủ thứ, bảo với nhau: "Chúng sanh các ngươi ước muốn được sống, sống rồi hơn không".

Chư Tỳ-kheo, ở trong ngục ấy, còn biết chút ít nên gọi là Hoạt.

Nhưng ở trong ấy lại có biệt nghiệp, chịu khổ vô cùng, bức xúc cùng cực, đau đớn khó nhẫn. Và ở trong ấy, mạng chưa chấm dứt, cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện đã móng khởi, tạo tác ở đời trước khi còn làm thân người, hoặc thân phi nhân chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa hiện phần nhỏ, chưa hiện toàn thân.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Hoạt ấy, các loài chúng sanh khi thác sanh, có mặt, xuất hiện và tồn tại, ngón tay chúng biến thành dao sắc, hoặc nửa dao sắc, rất dài, rất nhọn. Bọn họ nhìn nhau, tâm ý rối loạn... *cho đến* bấu, rạch, xẻ, cứa, cắt đứt… chết rồi, gió mát thổi đến, khoảnh khắc sống lại.

Chư Tỳ-kheo,… *lược nói... như trên*… còn biết chút ít nên gọi là hoạt.

Chư Tỳ-kheo, lại vì biệt nghiệp nên ở trong ấy chịu khổ vô cùng; vì khổ chưa hết nên cầu chết không được, cho đến khi nghiệp ác bất thiện đã mống khởi, tạo tác như xưa; lúc còn làm thân người hay thân phi nhân chưa hết, chưa diệt, chưa trừ thì tất cả việc ấy lần lượt thọ lãnh đủ.

Lại nữa, các loại chúng sanh ở trong đại địa ngục kia thời gian vô lượng; khi khổ báo đã hết, thoát khỏi đại địa ngục Hoạt; thoát rồi lai chạy tìm cầu nơi có nhà cửa, nơi cứu hộ, nơi nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy, vì nghiệp tội nên liền rơi vào tiểu địa ngục Hắc vân sa. Ngục ấy rộng năm trăm do-tuần. Vào ngục ấy rồi, trên không trung, mây đen lớn nổi lên, mưa xuống như cát; hạt mưa đỏ rực, sức nóng mãnh liệt, rơi xuống trên thân chúng sanh ở trong ngục ấy. Rơi trên da thì phỏng da, rơi đúng thịt thì cháy thịt... *cho đến* rơi nhằm gân thì đốt gân, đến xương thì rụi xương, đến tủy thì khô tủy, bốc khói phát lửa bùng cháy tràn lan, chịu khổ vô cùng. Vì chịu khổ ấy chưa xong nên cầu chết không được, cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện mà khi xưa đã tạo lúc còn làm thân người hoặc phi nhân đến nay chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển, chưa đổi, chưa lìa, chưa mất thì vẫn lần lượt chịu khổ trong thời gian vô lượng.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, thoát khỏi địa ngục Hắc vân sa, thoát khỏi rồi lại chạy tìm phòng ốc, cầu cứu độ, cầu che chở, cầu nơi nương tựa. Trong khi tìm cầu như vậy thì lại rơi vào tiểu địa ngục Phấn thỉ nhiệt nê. Ngục ấy rộng năm trăm do-tuần. Bọn họ vào rồi, từ yết hầu trở xuống chìm trong nước phân sôi; chìm vào rồi bị sức nóng thiêu tay, thiêu chân, tai, mũi, thân thể, đồng loạt cháy rụi, cho đến khi nghiệp ác bất thiện mà khi xưa lúc còn làm thân người hay phi nhân đã gây ra đến nay chưa hết, chưa diệt, chưa trừ, chưa chuyển,

chưa lìa, chưa mất.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong tiểu địa ngục Phấn thỉ nê kia, có các trùng sắt, tên là Châm khẩu, đục khoét khắp thân thể chúng sanh trong ngục làm cho xuyên thủng hết. trước hết đục khoét da; đục khoét da rồi tiếp đến đục khoét thịt; đục khoét thịt rồi tiếp đến đục khoét gân; đục khoét gân rồi sau đó đục khoét xương; đã đục khoét xương rồi, dừng lại ở tủy và ăn tủy. Chúng sanh kia chịu khổ khốc liệt cho đến khi nào thọ mạng chưa chấm dứt; mà thọ mạng chưa chấm dứt thì nghiệp ác bất thiện kia cũng không diệt và vì vậy lần lượt thọ đủ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trong thời gian lâu xa, rồi từ tiểu địa ngục Phấn thỉ nê kia thoát ra; ra rồi tự đi tìm cầu nhà cửa, cầu sự bảo hộ, cầu chỗ cư ngụ, cầu chỗ nương tựa, liền vào tiểu địa ngục Ngũ xoa. Ngục này cũng rộng năm trăm do-tuần. Bọn họ vừa vào ngục Ngũ xoa, ngục tốt liền nắm lấy tội nhân địa ngục ấy xô nằm xuống nền sắt rực lửa, lửa đỏ hừng hực. Khi đó các tội nhân nằm ngửa trên nền; để nằm như vậy rồi, đóng hai đinh sắt đỏ rực vào hai chân; rồi đóng hai đinh sắt nóng đỏ vào hai bàn tay và ngay giữa rốn cũng đóng một đinh sắt nóng đỏ. Bấy giờ ngục tốt dùng năm cái xoa xẻ ra, đau đớn vô cùng cho đến khi thọ mạng ở đó chưa hết, ác nghiệp đã tạo khi xưa lúc còn làm thân người hoặc phi nhân chưa hết, thì với những nghiệp đã tạo ấy, lần lượt thọ khổ ở địa ngục kia.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy, trong thời gian lâu xa, thoát khỏi tiểu địa ngục Ngũ xoa, lại chạy cầu cứu hộ, cầu nhà cửa, cầu chỗ cư ngụ, cầu nương tựa, cầu che chở và nơi thủ hộ, lại chạy vào trong tiểu địa ngục Cơ ngạ (đói khát), rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, lúc đó người giữ ngục từ xa thấy bọn chúng sanh kia đến, liền tới trước hỏi: "Nay các ngươi đến đây muốn điều gì?". Bọn họ đồng đáp: "Thưa ngài, chúng tôi đói khát". Người giữ ngục liền nắm lấy chúng sanh địa ngục kia, xô nằm ngửa trên nền sắt đỏ hừng hực, rồi lấy kềm sắt cạy miệng ra, dùng hòn sắt nóng bỏ vào. Lúc bấy giờ môi miệng của chúng sanh địa ngục kia tức thời bị thiêu cháy; thiêu môi rồi thiêu lưỡi; thiêu lưỡi rồi thiêu hàm ếch; thiêu hàm ếch rồi thiêu yết hầu; thiêu yết hầu rồi thiêu tim; thiêu tim rồi thiêu ngực; thiêu ngực rồi thiêu ruột già; thiêu ruột già rồi thiêu bao tử; thiêu bao tử rồi tiếp qua ruột non, xuống dưới ra ngoài và hòn sắt vẫn còn đỏ. Cứ như thế, chúng sanh địa ngục ấy, trong thời gian đó, chịu khổ cùng cực vì thọ mạng chưa hết… *lược nói cho đến* những việc tạo tác ở đời trước khi còn thân người, hoặc phi nhân… Như vậy, lần lượt họ ở trong

địa ngục thọ đủ các khổ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy, trong thời gian lâu xa vô lượng, thoát ra khỏi địa ngục Cơ ngạ rồi, lại rong ruổi chạy đi… *nói lược như trên*, cầu chỗ thủ hộ, bèn đi vào trong tiểu ngục Tiêu khát. Ngục này rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, khi ấy người giữ ngục từ xa trông thấy chúng sanh địa ngục kia liền đi tới, hỏi: "Các ngươi nay mong cầu điều gì?" Bọn họ đáp: "Thưa ngài, chúng tôi rất khát!" Khi ấy người giữ ngục liền nắm bắt các chúng sanh địa ngục ấy, xô ngã xuống nền sắt cháy nóng, nằm ngửa trong ngọn lửa bừng cháy, rồi lấy kềm sắt cạy miệng ra, đổ nước đồng sôi vào. Bấy giờ chúng sanh địa ngục kia, môi miệng bị thiêu cháy; thiêu môi miệng rồi thiêu lưỡi; thiêu lưỡi rồi thiêu hàm ếch; thiêu hàm ếch rồi thiêu yết hầu; thiêu yết hầu rồi thiêu tim; thiêu tim rồi thiêu ngực; thiêu ngực rồi thiêu ruột già; thiêu ruột già rồi thiêu bao tử; thiêu bao tử rồi phá đến ruột non, xuống dưới ra ngoài. Các chúng sanh ấy, trong thời gian đó, chịu khổ vô cùng, cực kỳ đau đớn, chịu các khổ ác. Bọn họ chịu khổ cho đến khi nào thọ mạng chưa hết, hoặc nghiệp ác bất thiện kia chưa hết… *lược nói như trên cho đến* việc tạo tác khi còn làm người hoặc phi nhân, cứ như vậy lần lượt lãnh thọ đủ.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN III

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh địa ngục ấy trong thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ tiểu địa ngục Tiêu khát năm trăm do-tuần ấy được ra, ra rồi bôn tẩu... *cho đến* cầu nơi cứu hộ, liền đi thẳng vào địa ngục Nùng huyết năm trăm do-tuần; vào địa ngục ấy rồi, tại nơi ấy tức khắc máu từ yết hầu trở xuống bị nấu sôi. Các loại chúng sanh địa ngục kia vào rồi, chạy đi chạy lại khắp nơi, khi bọn họ chạy đi như vậy thì bị thiêu tay, thiêu chân, hoặc thiêu tai, mũi; thiêu tai, mũi rồi đến các bộ phận trong thân đều bị thiêu cháy. Các bộ phận khác bị thiêu rồi, các tội nhân ấy chịu khổ vô cùng khốc liệt, không thể nghĩ bàn; nhưng mạng chưa dứt được cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện đã tạo tác khi còn làm thân người chưa hết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục Nùng huyết có loài trùng tên là Tối mãnh thắng. Loài trùng này gây nhiều tổn hại cho chúng sanh địa ngục ấy. Nó ở trong thân, trước hết cắn phá da; cắn phá da rồi cắn thịt; cắn thịt rồi cắn gân; cắn gân rồi phá xương; phá xương rồi hút tủy để ăn. Các chúng sanh ấy ở trong đó chịu khổ khốc liệt mà mạng chưa dứt được cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện đã tạo ra khi còn làm thân người chưa hết, thì vẫn chịu đầy đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh có mặt trong địa ngục Nùng huyết đó khi đói khát liền dùng hai tay vốc lấy máu mủ sôi bỏ vào trong miệng; vừa bỏ vào miệng tức thì môi miệng liền bị cháy bỏng; môi miệng bị cháy bỏng rồi cháy hàm dưới; cháy hàm dưới rồi cháy đến yết hầu; cháy yết hầu rồi cháy đến ngực; cháy ngực rồi cháy đến tim; cháy tim rồi cháy đến ruột già; cháy ruột già rồi cháy đến bao tử; cháy bao tử rồi cháy thẳng đến ruột non, rồi cháy xuống dưới, ra ngoài. Các chúng sanh ấy ở trong địa ngục đó chịu các khổ khốc liệt vô cùng mà mạng chưa dứt, cho đến khi nào nghiệp ác bất thiện đã tạo tác khi còn làm thân người chưa hết thì cứ lần lượt chịu đủ như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ trong tiểu địa ngục Nùng huyết năm trăm do-tuần ấy được thoát ra; ra rồi rong ruổi... *cho đến*... cầu nơi cứu giúp, liền chạy thẳng vào trong tiểu địa ngục Nhất đồng phũ rộng năm trăm do-tuần. Vào nơi ấy rồi, khi ấy họ bị ngục tốt nắm lấy ném vào trong chõ, đầu chúc xuống, chân chổng lên. Bọn chúng sanh ở trong ấy, dùng lửa địa ngục thiêu đốt nhau, nước sôi trào lên liền bị nấu, bị nung; nước sôi hạ xuống cũng bị nấu bị nung; hoặc qua hoặc lại cũng bị nấu, bị nung; hoặc bị bọt phủ cũng bị nấu, bị nung; hoặc thấy, hoặc không thấy tất cả đều bị nấu bị nung. Thí như thế gian nấu đậu hoặc đậu nhỏ, đậu lớn, hay đậu oản… bỏ vào trong chõ, đổ ngập nước, phía dưới đun lửa. Như thế cho đến khi nước sôi, trào lên, nước và đậu trộn lẫn, nổi lên cũng bị đun nấu, hạ xuống cũng bị đun nấu, ở giữa cũng bị đun nấu, chuyển động qua lại cũng bị đun nấu, hoặc bọt phủ lên cũng bị nung nấu, hoặc thấy, không thấy, tất cả mọi lúc đều bị đun nấu.

Chư Tỳ-kheo, cũng như vậy, ở trong tiểu địa ngục Nhất đồng phủ ấy có người giữ ngục nắm những chúng sanh địa ngục cho chổng chân lên và chúc đầu xuống, rồi từ xa, ném vào trong chõ, cho lửa địa ngục thiêu đốt. Khi nước sôi dâng lên thì các tội nhân theo nước đi lên liền bị đun nấu... *cho đến* hoặc thấy, hoặc không thấy cũng bị đun nấu. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *cho đến* những việc đã gây ra khi còn làm người, chẳng phải người, cứ lần lượt như thế, ở tại địa ngục kia nhận đủ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy, trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Nhất đồng phủ năm trăm do-tuần thoát ra; ra rồi, rong ruổi... *cho đến* muốn tìm cầu chỗ cứu hộ liền hướng vào tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, họ bị ngục tốt nắm lấy bọn chúng sanh địa ngục kia dựng chân chổng lên trên, đầu chúc xuống, ném vào trong chõ, bị lửa dữ địa ngục thiêu đốt dữ dội. Khi nước dâng lên liền bị đun nấu, nước hạ xuống cũng bị đun nấu, hoặc ở giữa cũng bị đun nấu hoặc qua lại, che phủ, thấy cùng không thấy đều bị đun nấu. Thí như các loại đậu bị nấu trong chõ, bị lửa thiêu đốt, nước sôi trào lên cũng bị đun nấu,... *cho đến* hoặc thấy, không thấy đều bị đun nấu.

Chư Tỳ-kheo, cũng như thế, các loài chúng sanh ở trong tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần, bị ngục tốt nắm hai chân dựng ngược lên, đầu chúc xuống, ném vào trong chõ. Bọn họ ở trong đó bị lửa địa ngục thiêu đốt, hoặc khi nước sôi trào lên, hoặc qua lại, đều bị đun

nấu... *cho đến* hoặc thấy, không thấy đều bị đun nấu.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các loài chúng sanh ở trong tiểu địa ngục Đa đồng phũ rộng năm trăm do-tuần kia, bị ngục tốt dùng móng tay sắt như càng cua chụp vào thân đưa từ chỗ này đến chỗ khác; khi đưa bọn họ từ chõ này sang chõ kia thì thịt, da, máu, mủ đều tan hết, chỉ còn bộ xương. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng chưa chết được, cho đến khi nghiệp bất thiện đã tạo ra khi còn làm người chưa hết, thì tất cả đều nhận đủ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng rồi từ tiểu địa ngục Đa đồng phủ rộng năm trăm do-tuần ấy được ra, ra rồi rong ruổi... *cho đến* khi muốn tìm cầu chỗ cứu hộ liền chạy vào trong tiểu ngục Ngại điệp rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, ngục tốt chụp nắm các chúng sanh bị tội ấy, vật nằm ngửa trên cối sắt, đốt đỏ rực lên. Khi tội nhân nằm ngửa như thế, ngục tốt dùng một hòn đá đè lên trên; đè lên rồi, hình thể biến dạng, kế đó xay nhỏ ra, xay đi xay lại cho đến khi nát nhuyễn; đã nát nhuyễn rồi lại xay cho nhuyễn hơn nữa; phần nát nhuyễn sau cùng để riêng một chỗ, rồi tiếp tục xay nữa, xay đi xay lại cho đến khi hết sức nhuyễn, làm cho thân thể nát nhừ, máu huyết lan chảy, chỉ còn xương cốt nhỏ. Khi ấy bọn họ chịu khổ vô cùng, nhưng chưa chết được, cho đến khi nghiệp bất thiện đã tạo ra khi còn làm người chưa hết, thì phải lần lượt chịu đầy đủ như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Ngại điệp rộng năm trăm do-tuần đó được ra; ra rồi rong ruổi, muốn tìm kiếm nhà cửa, muốn tìm chỗ nương tựa, che chở, liền chạy vào trong tiểu địa ngục Hộc lượng rộng năm trăm do-tuần. Vào nơi ấy rồi, ngục tốt tóm lấy các chúng sanh địa ngục ấy lấy hộc sắt nóng đang cháy đỏ mãnh liệt, đưa cho họ đong lửa. Khi bọn họ đong lửa thì tay bị cháy chân bị cháy, tai bị cháy, mũi bị cháy, các bộ phận lớn bị cháy, các bộ phận nhỏ bị cháy. Các bộ phận thân thể bị cháy rồi, bọn họ ở đó chịu khổ vô cùng nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện chưa hết thì chẳng diệt, chẳng chết, chẳng lìa, chẳng mất; cho đến những việc đã gây ra trong đời quá khứ, hoặc những việc tạo ra khi làm người, cứ lần lượt chịu đủ như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian sâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ tiểu địa ngục Hộc lượng rộng năm trăm do-tuần kia được thoát ra; ra rồi rong ruổi tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu sự cứu hộ, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu chỗ quy y, liền

chạy vào trong tiểu địa ngục Kê rộng năm trăm do-tuần. Vào chốn ấy rồi, nơi ấy sản sinh đầy gà, cho đến ngập gối, lửa cháy hừng hực vô cùng mãnh liệt. Các chúng sanh kia đi đứng trong đó, bị thiêu đốt theo từng bước, chạy trốn khắp nơi, ngoái nhìn bốn hướng không chỗ nương tựa. Lửa dữ thiêu đốt: đốt tay, đốt chân, đốt tai, đốt mũi, đốt tai mũi xong, đốt các bộ phận lớn nhỏ cùng một lúc, đều đỏ rực lên. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng, cho đến chịu đau đớn càng lúc càng nặng nhưng vẫn chưa chết, vì chưa hết nghiệp ác bất thiện mà khi làm thân người đã tạo tác, nay đây theo thứ lớp chịu đủ tất cả.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ tiểu địa ngục Kê ấy được ra, ra rồi cứ mãi rong ruổi chạy tìm... *cho đến* muốn cầu chỗ cứu hộ, liền chạy vào tiểu địa ngục Khôi hà (Sông tro) cũng rộng năm trăm do-tuần. Chư Tỳ-kheo, tội nhân vào rồi, dòng sông tro ấy chảy rất nhanh, sóng dâng cao, tiếng sóng vỗ vang động, nước tro sục sôi, đầy ngập tới bờ. Phần dưới đáy sông tro ấy có loại gai sắt mũi nhọn như mài, hai bên bờ sông lại có rừng dao cạo. Trong rừng dao ở hai bên bờ sông ấy lại có các con chó màu đen dơ bẩn đáng sợ. Ở hai bên bờ, lại có ngục tốt; hai bên bờ lại mọc cây Xa-ma-la; cây ấy có gai nhỏ dài sắc bén, mũi nhọn như mài. Bấy giờ bọn họ, chúng sanh trong địa ngục, xuống sông đó, muốn lội qua bên kia bờ. Trong khi đang lội, họ bị sóng lớn nhận chìm, trong khi chìm xuống nửa chừng, bị gai sắt đâm chích thân hình; bị đâm liền dừng lại, bọn họ chịu khổ vô cùng, chịu khổ quá nặng. Khi nổi lên, họ lội đến bờ bên kia của dòng sông tro. Đến bờ rồi, liền vào rừng dao cạo kia; rừng đó rất rộng. Trải qua thời gian dài, họ lội trên dao bén. Bọn họ lội cùng khắp ở trong đó, vào rồi, lại vào nữa, chịu khổ vô cùng, hoặc bị cắt tay, hoặc có lúc bị cắt chân, cắt tai, cắt mũi; cắt tai mũi rồi, lại cắt các bộ phận khác. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng nặng nhưng chưa chết được, vì nghiệp ác bất thiện chưa hết và những điều đã tạo ra trong quá khứ xa xưa, hoặc trong khi làm người, ở trong đó, đều chịu hết. Lại nữa, ở hai bên bờ của dòng sông tro kia có các ngục tốt thấy các chúng sanh thọ tội kia đến liền hỏi: "Nay các ngươi muốn được vật gì?" Các chúng sanh ấy liền đồng thanh đáp: "Chúng tôi rất đói". Khi ấy ngục tốt tóm lấy các chúng sanh địa ngục ấy vật ngã trên đất đang cháy hừng hực, nóng bức vô cùng... *cho đến* vật nằm ngửa, dùng kìm sắt cạy miệng họ ra, cầm hòn sắt nóng bỏ vào. Ngay khi ấy họ bị đốt cháy, môi miệng chúng sanh địa ngục ấy bị cháy lỡ... *cho đến* từ yết hầu trở xuống đến ruột non, đi thẳng không có trở ngại. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng, nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà

nghiệp bất thiện của họ, và những điều gây ra ngày trước khi làm người chưa hết thì đều chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, hai bên bờ của dòng sông tro sôi sục ấy có các con chó thân màu nâu sậm, dơ dáy, dễ sợ cắn thân chúng sanh địa ngục kia; xé từng miếng thịt trên các bộ phận cơ thể mà ăn, chúng gầm gừ hoặc nhe răng sủa vang. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng, chịu khổ không kể xiết nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp bất thiện và điều gây ra ngày xưa khi còn làm người chưa hết thì phải chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục đó, khi bị nước tro rất nóng của sông tro vọt lên làm khốn khổ, họ lại bị gai sắt nhọn bén làm khốn đốn. Họ sợ hãi rừng dao cạo, bọn ngục tốt và cùng nhau trốn tránh lũ chó màu nâu dơ bẩn vì tất cả đều bức bách nên các chúng sanh địa ngục kia liền trèo lên cây Xa-ma-la. Khi leo lên cây thì cành nhánh của cây ấy toàn là gai nhọn rất sắt bén, đều chĩa đầu xuống, đầu nhọn như mài. Khi bọn chúng sanh địa ngục kia leo lên cây Xa-ma-la rồi, liền có các con quạ tên là "Mỏ sắt" bay tới mổ trên đầu bọn chúng sanh địa ngục kia; mổ bể đầu rồi hút não mà ăn. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ vô cùng, chịu khổ không kể xiết, không thể chịu đựng, liền rơi vào sông tro sôi. Họ ở trong đó lại bị sóng lớn vùi dập chìm tới tận đáy; đến đáy rồi, lại bị mũi nhọn đâm chích; thân thể bị đâm chích rồi không thể đi đâu được, liền ở tại đó chịu khổ, nỗi khổ cùng cực chẳng thể chịu nổi, nên lại vùng dậy chạy đi, lội qua sông tro, qua rồi trở lại, đến ở bờ bên này. Bọn họ lại vào rừng dao cạo; vào rồi vào nữa, khi vào bọn họ bị cắt tay, cắt chân... *cho đến* cắt tiệt các bộ phận cơ thể. Ở trong đó, chịu đủ các loại cực khổ nhưng vẫn chưa chết cho đến những điều ác đã tạo thuở xa xưa khi còn làm người hoặc làm phi nhân chưa hết thì lần lượt chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở bờ bên này của dòng sông tro sôi ấy, có các ngục tốt, bọn họ từ xa thấy các chúng sanh thọ tội địa ngục đến, liền hỏi: "Bọn ngươi từ xa đến có việc gì? Muốn được vật gì?" Các chúng sanh ấy đồng thanh đáp: "Chúng tôi khát nước". Khi ấy ngục tốt tóm lấy chúng sanh kia vật nằm ngửa trên nền sắt đỏ rực. Khi các chúng sanh ấy đã nằm rồi, ngọn lửa bốc cháy, ngục tốt liền dùng kềm sắt cạy miệng bọn họ, đổ nước đồng sôi vào trong miệng. Các chúng sanh địa ngục kia uống nước đồng sôi rồi, nước ấy làm phỏng môi miệng... *cho đến* ruột non, rồi chạy thẳng ra ngoài. Bọn họ ở trong đó chịu khổ vô cùng nhưng thọ mạng chưa tan, chưa diệt, chưa hết. Nhưng nghiệp bất thiện và những điều đã

gây ra khi còn làm người đều chịu hết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục ấy nhận chịu tội báo ở trong đó trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi có làn gió lớn thổi đến. Làn gió này tên là Hòa hiệp thổi bọn chúng sanh địa ngục ấy tới bên bờ… cứ tuần tự như thế, từ trong địa ngục Khôi hà được ra, họ lại rong ruổi... *cho đến* tìm cầu nơi cứu hộ, dẫn đến tiểu địa ngục Chước bản rộng năm trăm do-tuần. Vào địa ngục ấy, họ bị bọn ngục tốt tóm lấy vật nằm ngửa trên nền sắt nóng đỏ rực, rồi dùng rìu sắt nóng đỏ chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân, xẻo tai xẻo mũi, xẻo cả tai mũi, xẻo từng bộ phận, xẻo hết các bộ phận của bọn chúng sanh địa ngục kia. Họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp bất thiện và những điều đã tạo ra khi còn làm người chưa hết thì cứ tuần tự chịu đủ hết tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục kia ở trong đó trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Chước bản được thoát ra; ra rồi rong ruổi tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu chỗ nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu chỗ cứu hộ, lại rơi vào tiểu địa ngục Đao diệp (lá dao) rộng năm trăm do-tuần. Vào trong ấy rồi, vì không có các quả báo của nghiệp lành nên bỗng nhiên từ không trung gió nổi lên, rừng lá dao bằng sắt rơi xuống. Rừng lá dao ấy chém tay chém chân, chém cả tay chân, xẻo tai xẻo mũi, xẻo cả tai mũi, xẻo từng bộ phận, xẻo hết các bộ phận của bọn chúng sanh địa ngục kia. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết... *cho đến* những điều ác gây ra khi còn làm người, chịu đủ hết tất cả ở trong đó.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong tiểu địa ngục rừng lá dao kia vì không có quả báo của nghiệp lành nên có quạ mỏ sắt bỗng nhiên sanh ra bay đến đậu trên hai vai của bọn chúng sanh địa ngục kia. Sau khi đứng yên, nó liền dùng mỏ sắt mổ vào hai mắt của tội nhân ấy rồi bay đi. Khi đó tội nhân chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết,... *cho đến* khi những việc ác gây ra khi còn làm người chưa hết, thì cứ lần lượt như vậy, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong địa ngục ấy bọn chúng sanh đó trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ trong địa ngục rừng lá dao được thoát ra; rồi rong ruổi muốn tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu nơi cứu hộ, lại vào trong tiểu địa ngục Hồ lang (Chó sói) rộng năm trăm do-tuần. Vào trong đó rồi, do quả báo của nghiệp bất thiện nên ở trong ngục ấy, sanh ra loại chó sói rất nóng

hung dữ, nhe răng dễ sợ, ngoạm thịt nơi thân của các chúng sanh địa ngục ấy, chân đạp, miệng xé nát nhừ để ăn, và phát ra tiếng kêu gầm gừ rất lớn. Họ ở trong đó chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết… *lược nói cho đến* những việc ác đã gây ra khi còn làm người, phi nhân cứ tuần tự như thế đều chịu đủ tất cả ở trong đó.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian vô lượng, rồi từ tiểu địa ngục Hồ lang ấy được thoát ra; ra rồi rong ruổi tìm cầu nhà cửa, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu sự che chở, tìm cầu sự cứu hộ, tìm cầu chỗ quay về, lại lọt vào tiểu địa ngục Hàn băng rộng năm trăm do-tuần. vào trong ấy rồi, vì quả báo của nghiệp bất thiện nên bỗng nhiên có làn gió lạnh nổi lên, một cái lạnh vô cùng tàn khốc chạm vào thân của chúng sanh địa ngục kia. Da dẻ họ bị phá nát; phá nát da rồi kế đến phá nát thịt; phá nát thịt rồi tiếp phá nát gân; phá nát gân rồi tiếp phá nát xương; phá nát xương rồi kế phá tan tủy; khi phá tan tủy rồi bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, đến nổi không thể chịu đựng được, ngay ở trong đó, mạng chung.

Đó là địa ngục đầu tiên rất lớn tên là địa ngục Hoạt và mười sáu tiểu địa ngục khác.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, đại địa ngục Hắc thằng thứ hai cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần vây quanh, từ địa ngục Hắc vân sa cho đến cho đến địa ngục thứ mười sáu sau cùng là Hàn băng đều trực thuộc nhau.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó do nhân duyên gì mà địa ngục lớn này tên là Hắc thằng.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng ấy khi sanh ra, khi có mặt, khi xuất hiện, khi tồn tại vì quả báo của nghiệp bất thiện nên ở trên không trung, bỗng nhiên xuất hiện dây đen lớn thô, đỏ hừng hực, toàn là lửa nóng dường như từ dưới đất vọt lên. Ở khoảng giữa có một đám mây đen lớn, lan ra cùng khắp. Cũng như thế, các chúng sanh trong đại địa ngục Hắc thằng do quả báo của các nghiệp bất thiện, nên ở trên không trung, xuất hiện dây đen lớn đỏ rực rơi trên thân của bọn chúng sanh địa ngục kia; rơi trên thân rồi, liền đốt cháy da của các chúng sanh địa ngục; đốt da rồi đốt thịt; đốt thịt rồi đốt gân; đốt gân rồi đốt xương; đốt xương rồi thấu đến tủy; tủy vọt ra bốc cháy; tủy bốc cháy rồi lại phát ra ngọn lửa lớn. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ vô cùng. Họ vì nghiệp tội nên vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà nghiệp ác bất thiện chưa hết, hoặc những việc đã gây ra thuở trước khi còn làm người hoặc phi nhân, chưa

diệt, chưa chuyển, chưa trừ, chưa xong thì chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, có chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng kia khi sanh ra, khi có mặt, khi tồn tại, khi biến đổi vì quả báo của các nghiệp bất thiện nên khi ấy ngục tốt tóm lấy bọn chúng sanh địa ngục vật ngã trên nền sắt nóng hực, một cái nóng vô cùng mãnh liệt; vật nằm ngửa rồi, dùng dây sắt nóng quấn lại; đã quấn rồi, dùng rìu sắt cháy đỏ rực chặt ngang thân các chúng sanh địa ngục, phân làm hai phần, hoặc làm ba phần, bốn phần, năm phần, cho đến mười phần, hai mươi phần, hoặc năm mươi phần, hoặc một trăm phần. Giống như thợ mộc hoặc đệ tử của thợ mộc lành nghề ở thế gian, lấy các cây gỗ đặt trên đất rồi dùng dây mực kẻ qua; khi kẻ qua rồi, dùng rìu bén chặt làm hai phần, hoặc ba, bốn, năm phần hoặc mười phần, hai mươi phần, hoặc một trăm phần, cũng giống như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Hắc thằng cũng lại như thế. Ngục tốt tóm lấy chúng sanh ấy vật ngã nằm ngửa trên nền sắt nóng hực, dùng dây sắt đen kẻ qua làm dấu, rồi dùng rìu chặt thân ra thành các đoạn ngắn cũng lại như thế. Bọn họ ở trong đó chịu đau đớn, khổ cực vô cùng, nhưng vẫn chưa chết, cho đến khi nào mà các nghiệp ác bất thiện chưa hết, và những việc ác đã tạo ra thuở xưa khi còn làm thân người, thì chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh có trong đại địa ngục Hắc thằng khi có mặt, khi đổi khác cho đến khi tồn tại đều bị ngục tốt tóm lấy, vật ngã trên nền sắt nóng đỏ. Khi vật tội nhân nằm ngửa trên nền rồi, ngục tốt dùng dây sắt đen làm dấu trên thân, rồi dùng cưa sắt cháy đỏ cưa đứt thân của chúng sanh địa ngục kia; đứt rồi đứt nữa, cho đến đứt hết; kế đến xẻo, xẻo rồi xẻo nữa, cho đến xẻo hết, hoặc cắt, hoặc băm; đã cắt băm rồi, lại cắt băm nữa, hoặc cắt băm hết. Thí như người thợ cưa hoặc đệ tử của người thợ cưa lành nghề ở thế gian lấy các khúc gỗ đặt trên đất, dùng dây mực kẻ thành đường, rồi dùng cưa sắt bén cưa đứt ra, đứt rồi đứt nữa, cho đến đứt hết; kế đến lại đẽo; đẽo đi đẽo lại, cho đến đẽo hết; rồi lại bào gọt, đã bào gọt rồi, lại bào gọt nữa, cho đến bào gọt hết. Cũng như thế, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng kia, khi sanh ra, khi có mặt, cho đến khi tồn tại, bị bọn ngục tốt tóm lấy, vật nằm trên nền sắt nóng hực. Khi đã vật tội nhân nằm ngửa rồi, ngục tốt dùng dây sắt đen quấn qua làm dấu rồi dùng cưa sắt đang cháy đỏ cưa thân họ; rồi lại mổ ra cho đến mổ hết; xẻo rồi xẻo nữa cho đến xẻo hết; cắt rồi cắt nữa cho đến cắt hết; băm rồi lại băm cho đến

băm hết. Bọn họ ở trong đó, chịu đủ nỗi khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết,... *cho đến* những việc ác đã làm khi còn làm người, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Hắc thằng khi sanh ra, khi có mặt cho đến khi tồn tại, bị ngục tốt tóm lấy, dùng chày sắt nóng đang cháy đỏ khiến bọn họ đánh nhau. Khi họ đánh nhau thì cháy tay, cháy chân, cháy cả tay chân; cháy tai cháy mũi, cháy cả tai mũi; cháy từng bộ phận, cháy hết các bộ phận. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết… *nói lượt như trên cho đến* những việc ác đã tạo khi còn làm thân người đều chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong đại địa ngục Hắc thằng kia… khi còn tồn tại, từ trên không trung có một dây đen to lớn xuất hiện, đang bốc cháy mãnh liệt rơi thẳng trên thân của chúng sanh địa ngục kia. Khi dây đen rơi tới quấn vào thân của các chúng sanh địa ngục; quấn đi quấn lại cho đến quấn chặc; siết đi siết lại cho đến siết chặc; đã quấn, siết rồi lại bị một làn gió thổi bung ra. Khi gió thổi bung ra, da trên thân của bọn chúng sanh địa ngục kia bị loét ra; da loét rồi kế đến loét thịt; thịt đã loét rồi kế đến rút gân... *cho đến* nát xương; xương nát rồi thổi tủy bay đi. Bấy giờ bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết… *lược nói như trên cho đến* nghiệp ác bất thiện chưa hết thì cứ lần lượt như thế, chịu đủ tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ đại địa ngục Hắc thằng được ra; ra rồi rong ruổi tìm cầu sự che chở, tìm cầu nhà cửa, tìm cầu nơi nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần. Vào trong ngục rồi… *nói lược như trên cho đến* địa ngục thứ mười sáu là Hàn băng; vào ngục rồi... *cho đến* mạng chung, chịu đủ các loại khổ.

Lại nữa, Chư Tỳ-kheo, đại địa ngục Chúng hiệp cũng có mười sáu tiểu địa ngục hệ thuộc vây quanh. Mỗi ngục ngang dọc năm mươi do-tuần, từ tiểu địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà gọi đại địa ngục ấy là Chúng hiệp?

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong đại địa ngục ấy khi sanh ra, khi có mặt, khi xuất hiện, khi đổi khác, cho đến khi tồn tại, vì bọn họ mà có hai ngọn núi xuất hiện tên là Bạch dương và Khẩu thực, lửa cháy dữ dội. Bấy giờ các chúng sanh địa ngục kia vào trong núi ấy. Khi họ vào rồi, hai ngọn

núi ma sát nhau, va chạm nhau, cọ vào nhau. Hai ngọn núi ấy ép lại rồi, ma sát rồi, va chạm, cọ vào nhau xong; đứng lại chỗ cũ. Thí như hai tia chớp hiệp nhau, ma xát nhau, va chạm nhau, cọ vào nhau; khi đã hiệp nhau, ma xát nhau, va chạm nhau rồi đều về vị trí cũ. Này chư Tỳ-kheo, cũng giống như thế, hai ngọn núi kia ép nhau, ma xát nhau, cọ vào nhau, va chạm nhau, dính mắt rồi, đều rơi ra trở về chỗ cũ, cũng như thế. Nhưng ở trong đó, các chúng sanh hiện hữu trong địa ngục khi bị núi ép lại, cọ xát, va chạm, toàn thân máu mủ chảy ra, chỉ còn lại xương cốt. Khi ấy bọn họ chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết... *cho đến tuần tự như trên,* nên biết như thế.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, chúng sanh hiện có trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy khi sanh, khi tồn tại, bị ngục tốt tóm lấy vật ngã trên nền đất nóng, cho nằm ngửa trên một tảng đá sắt lớn đang bốc cháy dữ dội, rồi lấy một tảng đá khác đè lên trên, như cái cối ở thế gian. Như vậy xong liền lấy chày giã; giã đi giã lại, giã mãi cho đến nát nhỏ; đã nát nhỏ rồi, lại giã cho nhuyễn. Khi giã xong lại nghiền, nghiền đi nghiền lại, nghiền mãi thành bột; đã thành bột rồi, lại làm cho thành bột mịn. Khi làm thành bột mịn như thế chỉ thấy máu mủ chảy ra, không thấy còn xương cốt nhỏ. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết… *nói lược như trên,* theo đó mà biết.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Chúng hiệp kia, có bọn chúng sanh địa ngục sanh ra, hiện hữu, cho đến tồn tại, bị ngục tốt tóm lấy chúng sanh ấy vật nằm trong một cái máng lớn bằng sắt nóng, máng ấy đang cháy đỏ dữ dội. Ném tội nhân nằm trong máng rồi, giống như thế gian ép mía ép mè, ngục tốt ép chặc lại; ép đi ép lại, ép mãi như vậy. Khi bọn họ bị ép, một bên chỉ thấy máu mủ chảy ra, một bên chỉ có xương cốt, cặn bả còn ở trong; chịu khổ cùng cực… *nói lược như trên*... khi chưa mạng chung thì ở trong đó chịu đủ mọi sự thống khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy, có bọn chúng sanh địa ngục, sanh ra hiện hữu, cho đến tồn tại, ngục tốt tóm lấy, ném vào trong một cái cối sắt đang đỏ hừng hực, dùng chày sắt để giã, giã đi giã lại, cho đến giã mãi; quếch đi quếch lại, cho đến quếch mãi. Đã giã quếch rồi, lại nghiền nhỏ, nghiền nhỏ mãi. Bọn họ khi bị giã quếch nghiền thành bột như thế chỉ còn có máu mủ chảy ra một bên, một bên còn lại xương cốt nát vụn. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực… *nói lược như trên, cho đến* ở trong đó khi thọ mạng chưa dứt thì còn chịu đủ các khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy, có các chúng sanh địa ngục sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại. Khi ấy, ở trên không trung, có con voi sắt lớn tự nhiên xuất hiện, rực cháy dữ dội giống như thuần một khối lửa đỏ rực, voi ấy dùng hai chân giẫm lên đầu lâu của bọn chúng sanh địa ngục kia, rồi giẫm xuống tới chân; giẫm tới giẫm lui, cho đến giẫm mãi. Khi ấy voi đó giẫm làm cho chúng sanh địa ngục kia máu mủ ở thân chảy về một bên; một bên chỉ còn lại xương cốt. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực… *nói lược như trên* thọ mạng chưa dứt, lần lượt chịu đủ như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Chúng hiệp ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ trong đại địa ngục Chúng hiệp được thoát ra; ra rồi rong rỗi chạy đi… *cho đến* cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần. Nhập vào rồi… *cho đến* địa ngục Hàn băng, chịu đủ các khổ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Khiếu hoán kia cũng có mười sáu tiểu địa ngục rộng năm trăm do-tuần; từ địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, trong ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là ngục Khiếu hoán?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Khiếu hoán, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, bị ngục tốt xua đuổi, đưa họ vào trong các thành sắt, thành ấy đang bốc cháy dữ dội, màu lửa đỏ rực. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, bị não hại bức bách, cùng nhau chịu đựng, luôn luôn kêu lớn, nên gọi là ngục Đại khiếu hoán. Ở trong ngục ấy, dùng sắt làm phòng ốc, nhà cửa, xe cộ; dùng sắt làm lầu quán, vườn ao, tất cả đều nóng hực, cháy bỏng chói chang, rỗng suốt. Ngục tốt xua đuổi bọn chúng sanh thọ tội, ném họ vào trong đó, khổ não bức bách, không thể chịu được, liền kêu rống lên, cho nên gọi là địa ngục Khiếu hoán. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ vô cùng… *nói lược như trên*, nhưng vẫn chưa chết, vì nghiệp ác bất thiện chưa hết nên lần lượt chịu đủ như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ đại địa ngục Khiếu hoán ấy được thoát ra; ra rồi từ rong ruổi,… *nói lược như trên,… cho đến* cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần. Vào rồi,… *nói lược như trên,… cho đến* tuần tự vào ngục cuối cùng là Hàn băng. Ở đó chịu đủ các khổ rồi mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy cũng

có mười sáu tiểu địa ngục trực thuộc, đều rộng năm trăm do-tuần, từ địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ấy do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Đại khiếu hoán?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Đại khiếu hoán ấy có chúng sanh sanh ra, tồn tại. Khi ấy ngục tốt tóm lấy các chúng sanh đó ném vào trong nhà sắt đang hực cháy rất nóng... *cho đến* ngọn lửa rực sáng mãnh liệt. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực, đau đớn khó nhẫn, khổ não chất chồng bèn kêu lớn lên. Vì nhân duyên đó nên gọi địa ngục ấy là Đại khiếu hoán. Ở trong địa ngục ấy, có nhà sắt, phòng sắt, xe sắt, gác sắt, lầu sắt; trong đó lửa than vọt trào lên đầy ắp. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực,… *nói lược như trên*… khi thọ mạng chưa chấm dứt thì tuần tự như vậy, chịu đầy đủ hết.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi từ đại địa ngục Đại khiếu hoán ấy được thoát ra; ra rồi rong ruổi… *nói lược, cho đến* tìm cầu chỗ cứu hộ lại lọt vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa. Vào rồi,... *cho đến* địa ngục thứ mười sáu cuối cùng là Hàn băng. Ở đấy, chịu đủ các khổ rồi mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Nhiệt não cũng có mười sáu tiểu địa ngục trực thuộc, từng địa ngục một cũng như trước, ngang dọc năm trăm do-tuần, từ địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Nhiệt não?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Nhiệt não ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, bọn ngục tốt tóm lấy chúng sanh địa ngục ấy ném vào trong vạc sắt, đầu chúc thẳng xuống, chân ngược lên, rồi đốt lửa bùng lên, chỉ toàn là ngọn lửa nóng hực. Bọn họ ở trong đó bị đốt nướng, cho nên gọi là địa ngục Nhiệt não. Ở trong ngục ấy, có các chõ sắt, vò sắt, hũ sắt, lu sắt, chậu sắt, lò sắt, đảnh sắt đều đỏ rực, toàn một màu lửa dữ dội. Bọn họ ở trong đó, hoặc bị thiêu, hoặc bị nấu, nên gọi là Nhiệt não... *cho đến* chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn chưa chết vì nghiệp ác bất thiện của họ chưa hết, lần lượt như vậy, chịu tất cả.

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục ấy, các chúng sanh kia trải qua thời gian lâu xa vô lượng; rồi từ đại địa ngục Đại nhiệt não được thoát ra; ra rồi rong ruổi chạy đi muốn tìm cầu chỗ cứu hộ, chỗ quay về, lại hướng đến tiểu địa ngục Hắc vân sa… *nói lược cho đến* địa ngục Hàn băng. Ở

đó, chịu đủ các khổ rồi mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại nhiệt não, cũng có mười sáu tiểu địa ngục, mỗi ngục ngang dọc năm trăm do-tuần: từ tiểu địa ngục Hắc vân sa cho đến địa ngục cuối cùng là Hàn băng. Ở trong ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục Đại nhiệt não?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục Đại nhiệt não, có các chúng sanh sanh ra, có mặt cho đến tồn tại đều bị ngục tốt tóm lấy, nắm đầu ném xuống, cầm chân giơ lên, đặt vào trong chõ sắt đốt lửa rất mạnh, đến nổi chỉ toàn là lửa lan tràn. Bọn họ ở trong đó chịu nóng bức, quá nóng bức rồi, lại nóng bức hơn nữa. Vì vậy gọi là địa ngục Đại nhiệt não nóng bức. Bọn họ ở trong vò, trong hũ, trong vạc, trong đảnh, trong chảo sắt nóng kia, nóng bức vô cùng, khổ não vô tận. Bị ném vào rồi, bọn họ ở trong đó bị lửa địa ngục hoặc thiêu, hoặc nấu, hoặc nướng, hoặc chặt, chịu các khổ não, khổ não rồi khổ não nữa. Vì vậy gọi là địa ngục Cực kỳ khổ não. Bọn họ ở trong đó, chịu khổ cùng cực... *nói lược như trên* cứ tuần tự ở trong đó chịu khổ như vậy cho đến mạng chung.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng, rồi từ địa ngục vô cùng khổ não nóng bức ấy được thoát ra rồi, rong ruổi chạy đi… *nói lược cho đến* tìm cầu chỗ cứu hộ, chỗ nương về, lại lọt vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa, rồi sau cùng là địa ngục Hàn băng, chịu các khổ não nhưng mạng sống chưa dứt, tuần tự như trước.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ cũng có mười sáu tiểu địa ngục trực thuộc vây bọc chung quanh, các ngục đều rộng năm trăm do-tuần. Địa ngục đầu tiên là Hắc vân sa, địa ngục cuối cùng là Hàn băng.

Chư Tỳ-kheo, ở trong ngục ấy do nhân duyên gì mà gọi là đại địa ngục A-tỳ-chỉ?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ, các chúng sanh sanh ra, có mặt, xuất hiện, tồn tại. Các chúng sanh ấy vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên ngục tốt tự nhiên sanh ra, rồi mỗi ngục tốt dùng tay tóm lấy thân các chúng sanh địa ngục vật ngã trên nền sắt nóng đỏ rực, ngọn lửa bốc thẳng lên thật mãnh liệt. Vật tội nhân nằm xuống đất rồi, ngục tốt liền cầm đao bén cắt từ mắt cá chân rút gân ra, cho đến trên đầu đều bị kéo theo, thấu đến tim tủy, thống khổ khó bàn. Rút như vậy xong, lệnh cho tội nhân leo lên xe sắt đang bốc cháy dữ dội mà đi, dẫn qua vô lượng vô số do-tuần trên đường sắt, những con đường ở những nơi đi qua đều toàn đường sắt nóng nguy hiểm; đi qua rồi đi lại, tùy theo tâm ý họ không lúc

nào dừng; muốn đến chỗ nào thì theo ý mà đi, tùy chỗ mà đến. Khi bị dẫn đi, khi muốn dẫn đi, khi ý muốn đi tức thì máu thịt trên thân họ tiêu mất không còn thứ gì. Vì nhân duyên ấy nên chịu khổ vô cùng, chịu khổ kịch liệt nhưng vẫn còn sống vì nghiệp ác bất thiện chưa hết nên chưa diệt, chưa tan, chưa biến, chưa đổi, hoặc những việc ác đã tạo xưa kia còn làm người, phi nhân, đều chịu tất cả.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia, các chúng sanh sanh ra có mặt, biến đổi, tồn tại, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên ở phía Đông có một khối lửa lớn bỗng nhiên xuất hiện, cháy đỏ hừng hực vô cùng mãnh liệt, toàn là một màu đỏ. Lần lượt như vậy, phía Nam, phía Tây, phía Bắc… các phương đều có một khối lửa lớn xuất hiện cháy đỏ hừng hực, toàn một màu đỏ. Bọn họ ở trong đó, vì bị bao vây bởi bốn khối lửa lớn ở bốn phía, dần dần áp gần và hiệp lại với nhau, nên khiến cho họ chịu khổ vô cùng... *cho đến* chịu khổ cùng cực, nhưng vẫn còn sống… *nói lược như trên.* Họ ở trong đó, chịu đủ tất cả khổ.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN IV

Phẩm 4: ĐỊA NGỤC 3

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên từ tường phía Đông, ngọn lửa xuất hiện rồi phóng thẳng về tường phía Tây, đến rồi dừng lại; ngọn lửa từ tường phía Tây xuất hiện rồi phóng thẳng tới tường phía Đông, đến rồi dừng lại; ngọn lửa từ tường phía Nam xuất hiện rồi phóng thẳng đến tường phía Bắc; ngọn lửa từ tường phía Bắc xuất hiện rồi phóng thẳng đến tường phía Nam, rồi từ dưới hướng lên, từ trên xẹt xuống, dọc ngang giao tiếp, trên dưới đan xen, ngọn lửa đỏ rực bay vọt chạm nhau. Bọn ngục tốt ở trong đó dùng sáu loại khối lửa cực mạnh ấy ném vào các chúng sanh ở trong đó... *cho đến* chịu khổ cùng cực nhưng vẫn chưa chết… *nói lược, cho đến* nghiệp bất thiện kia chưa xong, chưa hết thì vẫn còn ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại, vì quả báo của nghiệp ác bất thiện nên trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, rồi thấy cửa phía Đông của ngục bỗng nhiên tự mở. Khi ấy các chúng sanh địa ngục ấy vì nghe tiếng mở cửa nên chạy đến đó, đinh ninh là sẽ được thoát, nghĩ rằng: "Nay chúng ta đến nơi ấy sẽ được đại an lạc". Khi các chúng sanh ấy chạy, chạy mãi, chạy mãi, chạy nhanh như thế, thân hình họ lại càng bốc cháy dữ dội. Thí như thế gian có vị lực sĩ cầm đuốc lớn chạy ngược gió, thì ngọn đuốc kia lại càng cháy mạnh hơn lên. Cũng như vậy, khi bọn họ chạy, chạy mãi, chạy mãi như thế, các bộ phận nơi thân lại càng bùng cháy. Khi dỡ chân lên máu thịt lìa tan, khi hạ chân xuống thịt sanh trở lại. Lại nữa, bọn họ chạy như thế khi gần đến cửa thì cửa tự nhiên đóng lại. Bấy giờ chúng sanh ở trong ngục ấy, ngã úp mặt ở trên nền sắt nóng hừng hực mê man bất tỉnh . Khi bọn họ ngã úp mặt xuống liền bị đốt da; đốt da rồi tiếp đến đốt thịt; đốt thịt rồi đốt gân; đốt gân rồi đốt xương; đốt xương rồi đốt tủy; tủy vọt ra rồi, tức thời khói tuôn ra, khói tuôn ra rồi, cứ tuôn ra mãi, tuôn ra mãi. Bọn họ ở trong đó... *cho đến* lần lượt chịu khổ cùng cực, nhưng

vẫn chưa chết… *nói lược như trên*… nghiệp ác bất thiện của họ chưa hết, cho đến những ác việc đã gây ra tự thuở xưa đến nay khi còn làm thân người, phi nhân, ở trong đó chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia, các chúng sanh sanh ra, có mặt, cho đến tồn tại vì quả báo của các nghiệp bất thiện nên trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó. Khi ấy, cửa Nam, cửa Tây, cho đến cửa bắc của ngục kia lại mở ra như trước. Bấy giờ các chúng sanh địa ngục nghe tiếng mở cửa, liền nhắm đến cửa mà chạy, chạy mãi, chạy mãi, cho đến chạy hết mức, nghĩ thế này: "Ngay đây, ở chỗ này, chúng ta chắc chắn sẽ được thoát khỏi. Bây giờ nhất định chúng ta sẽ thoát khỏi". Trong khi bọn họ chạy nhanh như thế, thân họ càng bốc cháy mãnh liệt. Thí như lực sĩ cầm bó đuốc cỏ khô trong tay chạy ngược gió, lại càng cháy mạnh. Cũng như vậy, các chúng sanh kia chạy mãi, chạy mãi… *cho đến* chạy rất nhanh. Khi chạy như thế các bộ phận trong cơ thể họ càng bốc cháy; khi dỡ chân lên máu thịt đều tan, khi hạ chân xuống máu thịt lại sanh. Khi đã đến cửa, cửa đó đóng lại. Bọn họ ở trong đó, chỉ chuyên chạy thôi nhưng không được ra, tâm ý mê loạn ngã nằm úp trên nền sắt nóng đang bốc cháy mãnh liệt. Bọn họ trong đó ngã xuống rồi liền bị đốt da; đã đốt da rồi lại đốt xương, cho đến thấu tủy. Bỗng nhiên khói tuôn ra; khói ấy nóng bỏng, lại phát ra ánh sáng đỏ, khói quyện vào nhau càng thêm nóng bức. Bọn họ ở trong đó chịu khổ cùng cực,… *nói lược như trên cho đến* thọ mạng chưa chấm dứt vì nghiệp ác bất thiện chưa diệt, chưa lìa, chưa biến, chưa tan… *cho đến* những việc ác đã gây từ thuở xưa khi làm người, phi nhân, tất cả đều chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia có chúng sanh… *cho đến*… tồn tại; vì các quả báo của các nghiệp bất thiện nên khi bị lửa địa ngục ấy thiêu thì cảnh mà mắt thấy đều chẳng phải là cảnh ưa thích của ý; còn cảnh mà ý ưa thích thì không hiện tiền. Đó chẳng phải cảnh mà ý ưa, chẳng phải cảnh tốt đẹp; là cảnh chẳng ưa, cảnh bất thiện thường bức não. Tiếng mà tai nghe, hương mà mũi ngửi, vị mà lưỡi nếm, xúc chạm mà thân biết, pháp mà ý đã nghĩ đến đều là điều mà ý không ưa thích. Nếu chẳng phải là điều ý ưa thích thì chẳng phải là điều đáng ưa nhưng cứ hiện ra trước. Hễ có cảnh giới đều là bất thiện. Bọn họ ở trong đó, do nhân duyên ấy nên luôn chịu khổ não thô rít cùng cực; vì cảnh xấu xí nên xúc chạm cũng vậy… *cho đến* thọ mạng chưa hết vì nghiệp ác bất thiện chưa hết chưa diệt. Nếu vào thuở xưa khi làm người, phi nhân tạo tác tất cả các nghiệp ác thì đều chịu đủ.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lại do nhân duyên gì mà đại địa ngục A-tỳ-chỉ kia gọi là đại địa ngục A-tỳ-chỉ?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy, vào tất cả thời, không có khoảnh khắc nào được tạm nghỉ hưởng sự an ổn, cho dù khoảng thời gian khảy móng tay. Vì vậy gọi đại địa ngục kia là A-tỳ-chỉ, và cứ tuần tự như thế, chịu đủ khổ.

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh ở đại địa ngục ấy trải qua thời gian lâu xa vô lượng ở trong đó, cho đến từ đại địa ngục A-tỳ-chỉ ấy được thoát ra; ra rồi rong ruổi, chạy đi chạy lại cho đến chạy mãi để tìm cầu nhà cửa, tìm cầu sự che chở, tìm cầu chỗ nương náu, tìm cầu chỗ quay về, tìm cầu chỗ cứu hộ, lại lọt vào trong tiểu địa ngục Hắc vân sa rộng năm trăm do-tuần; vào rồi… *nói lược cho đến* … cuối cùng đến địa ngục mười sáu là Hàn băng chịu đủ các khổ, rồi ở đó mạng chung.

Đến đây, Thế Tôn thuyết kệ:

Nếu người tạo nghiệp thân, khẩu ý
Tạo rồi hướng vào trong đường ác
Như vậy sanh vào địa ngục Hoạt
Trong ấy sợ hãi lông dựng đứng
Trải qua vô số ngàn ức năm
Chết rồi khoảnh khắc sống trở lại
Oán thù hết thảy đều báo ứng
Bởi vì chúng sanh giết hại nhau.
Nếu đối cha mẹ khởi ác tâm
Với Phật, Bồ-tát, chúng Thanh văn
Tất cả đều sẽ đọa Hắc thằng
Nơi ấy chịu khổ vô cùng tận
Dạy người chánh hạnh thành tà vạy
Thấy người bạn lành quyết phá hại
Bọn ấy đều đọa ngục Hắc thằng.
Hai lưỡi, ác khẩu, thường nói dối
Và tạo ba loại nghiệp ác nặng
Chẳng tu ba mầm giống thiện căn
Bọn ngu này đọa địa ngục Hiệp
Ở lâu trong đó chịu khổ não.
Hoặc hại dê, ngựa và trâu bò
Gà, heo và các loài động vật
Cùng giết các loài trùng kiến khác

Bọn họ đọa vào địa ngục Hiệp.
Tại thế gian nhiều nỗi kinh hoàng
Do bức bách não hại chúng sanh
Kẻ ấy bị đọa ngục cối xay…
Khổ não bị chày cối ép giã.
Do tham dục, nhuế si sai sử
Chuyển đổi chánh lý thành sai khác
Cho phải là trái, ngược pháp luật
Họ bị đao kiếm xoay vần chém.
Hoặc dựa thế mạnh cướp của người
Có sức không sức đều lấy hết
Đã gây những việc bức thiết ấy
Bọn họ bị voi sắt dày đạp.
Hoặc ưa giết hại các chúng sanh
Thân tay vấy máu tâm độc ác
Thường gây nghiệp bất tịnh như thế
Bọn họ sanh vào ngục Khiếu hoán.
Vì nhiều cách xúc não chúng sanh
Ở ngục Khiếu hoán bị thiêu nấu
Trong đó lại có Đại khiếu hoán
Đây do tâm siểm khúc gian manh
Bị kiến chấp mịt mù che khuất
Lưới ái kín dày nhận chìm đắm
Thường gây nghiệp hạ liệt như thế
Họ bị đọa vào Đại khiếu hoán.
Hoặc vào đến Đại khiếu hoán này
Chốn kinh khủng thành sắt cháy bỏng
Trong đó nhà sắt và phòng sắt
Người vào trong đó đều bị đốt.
Hoặc làm các việc trong thế gian
Phần nhiều não loạn các chúng sanh
Bọn họ sanh vào ngục Nhiệt não
Chịu sự nóng bức vô thời hạn.
Sa-môn, Bà-la-môn thế gian
Cha mẹ, tôn trưởng bậc kỳ cựu
Thường xúc não họ khiến chẳng vui
Thì đều đọa vào ngục Nhiệt não.
Sanh thiên, tịnh nghiệp chẳng chịu tu

Chia lìa người thân thích yêu thương
Người ưa làm những việc như thế
Họ đều đọa vào ngục Nhiệt não.
Ác với Sa-môn, Bà-la-môn
Các bậc hiền nhân và cha mẹ
Hoặc làm hại bậc tôn kính khác
Đọa vào Nhiệt não thường bị nấu
Luôn luôn tạo tác nhiều ác nghiệp
Chẳng từng phát khởi chút thiện tâm
Người như vậy đọa A-tỳ-chỉ
Sẽ chịu vô lượng các khổ não.
Hoặc nói chánh pháp là phi pháp
Nói các phi pháp là chánh pháp
Đã không tăng thêm các điều thiện
Bọn họ đều đọa vào A-tỳ.
Hai ngục Hoạt và Hắc thằng này
Cùng ba: Hiệp, Hội, Khiếu là năm
Nhiệt não, Đại nhiệt não là bảy
Cùng với A-tỳ-chỉ là tám.
Trong tám đại địa ngục như thế
Đốt thiêu ác liệt khổ khôn lường
Những kẻ gây nên các ác nghiệp
Trong đó có mười sáu ngục nhỏ.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ ấy xong, bảo các Tỳ-kheo rằng:

–Này các Thầy Tỳ-kheo, nay các vị nên biết, ở giữa hai thế giới ấy, riêng có mười địa ngục tọa lạc. Mười địa ngục ấy là gì? Đó là địa ngục Át-phù-đà, địa ngục Nê-la-phù-đà, địa ngục A-hô, địa ngục Hô-hô-bà, địa ngục A-tra-tra, địa ngục Tao-kiền-đề-ca, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Ba-đầu-ma, địa ngục Bôn-trà-lợi, địa ngục Cứu-mâu-đà.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa thế giới đó có mười loại địa ngục như thế.

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà địa ngục Át-phù-đà ấy gọi là Át-phù-đà?

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong địa ngục Át-phù-đà ấy có hình thể giống như bọt nước, vì vậy gọi là Át-phù-đà.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà địa ngục Nê-la-phù-đà ấy gọi là Nê-la-phù-đà?

Chư Tỳ-kheo, các chúng sanh trong đại địa ngục Nê-la-phù-đà kia có hình thể giống như miếng thịt, vì vậy gọi là Nê-la-phù-đà.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà địa ngục A-hô ấy gọi là A-hô?

Chư Tỳ-kheo, trong đại địa ngục A-hô kia, các chúng sanh khi chịu khổ não bức bách dữ dội kêu lên: "Ôi cha, ôi cha!" đau khổ, vì vậy gọi là A-hô.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Hô-hô-bà gọi là Hô-hô-bà?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Hô-hô-bà kia, các chúng sanh khi bị bức bách khổ não cùng cực bèn kêu lên "Hô-hô-bà", vì vậy gọi là Hô-hô-bà.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà địa ngục A-tra-tra ấy gọi là A-tra-tra?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục A-tra-tra ấy, các chúng sanh khi chịu khổ bách bèn kêu lên "A-tra-tra" mà chẳng thể thè lưỡi ra khỏi miệng, vì vậy gọi là A-tra-tra.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà địa ngục Tao-kiền-đề-ca được gọi là Tao-kiền-đề-ca?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Tao-kiền-đề-ca ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Tao-kiền-đề-ca, vì vậy gọi là Tao-kiền-đề-ca.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Ưu-bát-la được gọi là Ưu-bát-la?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Ưu-bát-la ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Ưu-bát-la, vì vậy gọi là Ưu-bát-la.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Cứu-mâu-đà ấy được gọi là Cứu-mâu-đà?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Cứu-mâu-đà, lửa có màu sắc giống như hoa Cứu-mâu-đà, vì vậy gọi là Cứu-mâu-đà.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà địa ngục Bôn-trà-lê-ca được gọi là Bôn-trà-lê-ca?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Bôn-trà-lê-ca ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Bôn-trà-lê-ca, vì vậy gọi là Bôn-trà-lê-ca.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà ngục Ba-đầu-ma được gọi là Ba-đầu-ma?

Chư Tỳ-kheo, trong địa ngục Ba-đầu-ma ấy, lửa có màu sắc giống như hoa Ba-đầu-ma, vì vậy gọi là Ba-đầu-ma.

Chư Tỳ-kheo, thí như cái hộc của nước Kiều-tát-la, đong hai mươi

hộc mè đầy vun, không gạt bằng; trong khi đó, có một người cứ một trăm năm lấy một hột, cứ lần lượt như vậy, sau một trăm năm lại lấy ra một hột. Này chư Tỳ-kheo, lấy xong hai mươi hộc đầy mè nước Kiều-tát-la, thì thời gian như thế, Ta nói là thời gian sống trong ngục Át-phù-đà vẫn chưa hết. Dùng con số này tính chung thì hai mươi lần tuổi thọ ở Át-phù-đà bằng một lần ở Nê-la-phù-đà; hai mươi lần ở Nê-la-phù-đà bằng một lần ở A-hô; hai mươi lần ở A-hô bằng một lần ở Hô-hô-bà; hai mươi lần ở Hô-hô-bà bằng một lần ở A-tra-tra; hai mươi lần ở A-tra-tra bằng một lần ở Tao-kiền-đề-ca; hai mươi lần ở Tao-kiền-đề-ca bằng một lần ở Ưu-bát-la; hai mươi lần ở Ưu-bát-la bằng một lần ở Cứu-mâu-đà; hai mươi lần ở Cứu-mâu-đà bằng một lần ở Bôn-trà-lê-ca; hai mươi lần ở Bôn-trà-lê-ca bằng một lần ở Ba-đầu-ma; hai mươi lần ở Ba-đầu-ma bằng một trung kiếp.

Chư Tỳ-kheo, chốn địa ngục Ba-đầu-ma, nếu các chúng sanh ở cách đó một trăm do-tuần thì bị ngọn lửa thiêu đốt; nếu các chúng sanh ở cách đó năm mươi do-tuần đều bị đui mù; các chúng sanh ở cách đó hai mươi lăm do-tuần thì máu thịt trên thân tự nhiên khô kiệt lở loét.

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Cù-ca-lê kia ở bên Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên khởi tâm hủy báng, tâm ô trược nên sau khi chết liền sanh vào địa ngục Ba-đầu-ma. Sau khi sanh vào chốn ấy, từ miệng vị ấy phát ra ngọn lửa, lưỡi thè ra dài mười khuỷu tay. Ở trên lưỡi, tự nhiên có năm trăm lưỡi cày, luôn cày trên đó.

Chư Tỳ-kheo, Ta ở các nơi khác, chưa từng thấy có loại màu sắc nào mà tự bị tổn hại như thế. Đó là đối với người phạm hạnh mà tâm sạch uế trược, tự làm tổn hại, vì tâm ghen ghét, tâm ích kỷ, tâm không từ bi, tâm không trong sạch.

Chư Tỳ-kheo, vì vậy, các thầy cần phải đối với các vị phạm hạnh nên khởi nghiệp thân, khẩu, ý thương yêu. Như chỗ Ta thấy, người ngày đêm khởi nghiệp thân, khẩu, ý thương yêu thì được an lạc. Vì vậy, Tỳ-kheo các thầy nên như điều ta đã thấy, đã nói, ngày đêm thường khởi tâm từ. Các thầy nên học tập như thế.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Khi người thế gian sanh ra đời
Đầu lưỡi tự nhiên hiện búa rìu
Đó là trong miệng nói điều ác
Trở lại tự hại, cắt thân mình.
Người nên tán thán, chẳng khen ngợi

Kẻ đáng chê bai, lại ngợi khen
Như thế gọi là miệng cải tranh
Vì tranh cãi nên không vui vẻ
Nếu người vui nhiều được tài lợi
Thì thế gian này ít cãi tranh
Bên người thanh tịnh, khởi tâm trược
Như vậy gọi là miệng đấu tranh
Ba mươi sáu trăm ngàn như thế
Số địa ngục Nê-la-phù-đà
Và năm địa ngục Át-phù-đà
Đọa vào ngục Ba-đầu-ma kia
Vì chê thánh nhân nên như thế
Do nghiệp khẩu ý tạo ác vậy.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa nơi ấy lại có các thứ gió gọi là Nhiệt não.

Chư Tỳ-kheo, các thứ gió đó nếu thổi đến bốn thế giới này thì bọn chúng sanh hiện có ở bốn châu thế giới này sanh ra, tồn tại, tất cả đều tan, đều diệt, đều hoại, đều không. Giống như lau sậy khi bị cắt mà không có nước, khô héo không còn. Cũng như vậy, này chư Tỳ-kheo, ở giữa thế giới ấy có các thứ gió, tên là Nhiệt não, nếu khi chúng thổi đến bốn cõi này thì chúng sanh có mặt ở bốn cõi này đồng thời khô cháy không còn. Vì bị hai ngọn núi Luân viên và Đại luân viên ở trong ngăn lại, cho nên gió kia không thổi đến đây được.

Chư Tỳ-kheo, núi Luân viên và Đại luân viên có thể làm việc vô cùng lợi ích như vậy, làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh trong bốn châu, bốn thế giới này.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa thế giới kia có các ngọn gió thổi đến địa ngục thiêu đốt thịt, mỡ, tủy của chúng sanh, đồ xú uế bốc cháy xông lên các mùi bất tịnh.

Chư Tỳ-kheo, ngọn gió đó nếu khi thổi đến thế giới của bốn châu này thì bấy giờ, chúng sanh hiện hữu... *cho đến* tồn tại trong thế giới bốn châu này đều bị đui, không trông thấy, vì hơi xú uế ở nơi ấy mãnh liệt. Nhưng nhờ hai núi Luân viên và Đại luân viên ngăn cản, do đó nên gió không thổi đến đây được.

Chư Tỳ-kheo, hai núi Luân viên và Đại luân viên trong ấy có thể vì các chúng sanh ở thế giới bốn châu này mà làm việc vô cùng lợi ích như thế, làm chỗ nương tựa cho các chúng sanh.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong thế giới kia lại có gió lớn gọi là Tăng-già-đa. Ngọn gió kia nếu thổi đến thế giới này thì bốn đại châu và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, cùng các núi lớn khác, và núi chúa Tu-di-lưu đều bị nhất bổng lên cao cách đất một câu-lô-xá, nhấc lên rồi có thể phá tan nát; cho đến có thể nhấc lên hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá. Khi đã nhấc lên khỏi mặt đất rồi, có thể phá tan nát; cho đến nhấc lên khỏi đất cao một do-tuần rồi phá tan nát như trước. Như thế, có thể nhấc lên khỏi mặt đất hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần phá tan nát; cho đến nhấc lên khỏi mặt đất một trăm do-tuần rồi phá tan nát, nhấc lên khỏi mặt đất hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần rồi phá tan thành bột, cũng như trước; cho đến nhấc lên khỏi mặt đất một ngàn do-tuần rồi phá tan thành bụi; cho đến nhấc lên khỏi mặt đất hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần rồi phá tan nát.

Chư Tỳ-kheo, thí như một lực sĩ cường tráng dùng tay nắm một cục bột giơ cao lên không trung bóp tan nát rồi vải tung ra.

Chư Tỳ-kheo, cũng như vậy, ngọn gió Tăng-già-đa trong thế giới ấy thổi cực mạnh nếu đến thế giới bốn châu này thì bấy giờ bốn đại châu ở thế giới này và tám vạn bốn ngàn tiểu châu, cùng các núi lớn và núi chúa Tu-di-lưu đều bị nhấc lên khỏi mặt đất cao một câu-lô-xá rồi phá tan nát… *nói lược như trên, cho đến* nhấc lên khỏi mặt đất bảy ngàn do-tuần rồi phá tan thành bụi.

Chư Tỳ-kheo, nhưng nhờ được hai ngọn núi Luân viên và Đại luân viên ngăn che nên gió kia không đến nơi đây.

Chư Tỳ-kheo, hai ngọn núi Luân viên và Đại luân viên có oai đức, thế lực như thế, có thể làm việc lợi ích lớn, làm chỗ nương nhờ cho các chúng sanh trong thế giới bốn đại châu này.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở ngoài khoảng giữa của thế giới ấy, phía Nam châu Diêm-phù có cung điện, trụ xứ của vua Diêm-ma, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, dưới có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông bên ngoài, bảy lớp hàng cây Đa-la nhiều màu đẹp đẽ, bao bọc chung quanh, do bảy báu tạo thành; đó là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trú-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Ở bốn phương đều có các cửa; các cửa ấy đều có lầu gác canh phòng, điện, đài, vườn, ao hoa đều do bảy báu tạo thành. Trong các hoa và vườn cảnh có các loại cây, cây đều có các loại lá và các loại hoa cùng các loại quả trĩu cành; các loại hương thơm xông ngát, các loài chim ca hót.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, riêng có một thời gian, vua Diêm-ma ấy, vì

quả báo của nghiệp ác bất thiện cho nên trong ba thời ban đêm và ba thời ban ngày, tự nhiên có nước đồng đỏ xuất hiện ở trước mặt. Ngay khi ấy, cung điện của vua liền biến thành sắt. Trước tiên, thú vui năm dục đã hiện ra trước đây nay đều biến mất. Cũng như ở ngoài cung, ngay trong cung cũng xuất hiện như thế. Khi ấy vua Diêm-ma thấy việc này rồi, sợ hãi bất an, lông tóc dựng đứng, liền chạy ra ngoài; khi ra ngoài cung, bên ngoài cũng xuất hiện như thế. Bấy giờ vua Diêm-ma, lòng sanh sợ sệt run rẩy bất an, tóc lông trên thân đều đồng thời dựng đứng, liền chạy vào trong. Ngay lúc ấy, ngục tốt nắm lấy vua Diêm-ma vật nằm trên nền sắt nóng đang hừng hực đỏ; vật nằm ngửa rồi, liền dùng kìm sắt cạy miệng ra, lấy nước đồng sôi rót vào. Khi ấy vua Diêm-ma miệng bị cháy bỏng; miệng bị cháy bỏng rồi kế đến lưỡi; lưỡi đã cháy rồi liền cháy yết hầu; yết hầu cháy rồi liền cháy ruột già và ruột non…, kế đến thiêu cháy hết và tuột xuống dưới ra ngoài. Ngay thời điểm ấy vua Diêm-ma nghĩ như thế này: "Có chúng sanh vì thuở xưa, thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, nên bọn họ đều chịu đủ các loại khổ não về thân xác như thế, nên tâm chẳng vui. Giống như bọn chúng sanh địa ngục, ta nay cũng vậy. Và hơn nữa, nếu Diêm-ma vương ta đồng như bọn chúng sanh tạo nghiệp thì than ôi, ta nguyện từ đây xả bỏ thân này, đọa vào ngục Hòa hiệp, rồi cùng gặp nhau thọ sanh ở nhân gian. Bấy giờ, ở trong giáo pháp Như Lai, ta sẽ được tin hiểu, và ngay nơi chốn ấy, ta sẽ được tin hiểu. Khi đã tin hiểu đầy đủ rồi, ta cạo bỏ đầu tóc, mặc áo ca-sa, bỏ nhà xuất gia, được tín giải chân chánh. Khi ta xuất gia rồi, sống hòa hiệp chưa bao lâu, nếu có thiện nam tử vì lý do gì mà được tin hiểu chân chánh, bỏ nhà xuất gia, thì vị ấy đối với phạm hạnh vô thượng, bất cứ ở đâu, sống trong chánh pháp, tự chứng được thần thông. Làm những việc đầy đủ rồi, ta sẽ ra đi. Ta nay, sanh tử đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa".

Chư Tỳ-kheo, vua Diêm-ma ấy, khi phát niệm cầu tu tập, với những thiện niệm như thế, thì ngay lúc ấy trong cung điện của vua Diêm-ma ở lại xuất hiện đủ các loại bảy báu, và thú vui năm dục cõi trời hiện ra trước, thảy đều đầy đủ. Khi ấy vua Diêm-ma lại nghĩ thế này: "Tất cả chúng sanh có mặt vì thân làm việc lành, miệng nói lời lành, và ý nghĩ đều lành. Nguyện cho bọn họ đều thọ hưởng sự an lạc như thế, giống như chúng Dạ-xoa ở trên không. Như nay ta và các vua Diêm-ma khác, có cùng một nghiệp như chúng sanh".

Chư Tỳ-kheo, thế gian có ba loại thiên sứ. Những gì là ba? Đó là già suy, bệnh và chết.

Chư Tỳ-kheo, có hạng người vì tự phóng túng, nên thân làm việc ác, miệng nói lời ác và ý nghĩ đều ác. Người ấy, thân khẩu ý làm ác rồi, do nhân duyên ấy, thân hoại mạng chung, hướng đến đường ác, sanh vào địa ngục. Ngục tốt lập tức điệu chúng sanh kia đến bên vua Diêm-ma tâu: " Tâu Thiên vương, gã này khi xưa ở cõi người phóng túng tự do, theo điều bất thiện, thân khẩu ý tự do làm điều ác. Vì do thân khẩu ý làm điều ác nên nay sanh đến đây. Vì vậy xin Thiên vương khéo dạy bảo, khéo quở trách". Khi ấy, vua Diêm-ma hỏi gã kia: "Này gã kia, khi xưa ở nhân gian, Thiên sứ thứ nhất khéo dạy bảo, khéo quở trách; ngươi không thấy vị Thiên sứ ấy xuất hiện ở đời sao?" Người ấy trả lời: "Tâu Thiên vương, con thật không thấy". Vua Diêm-ma lại hỏi: "Này gã kia, xưa kia khi làm thân người ở thế gian, hoặc làm thân nam, hoặc làm thân nữ, người không thấy tướng già nua hiện ra sao? Khi già nua, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tàn nhan đầy người giống như mè đen, lưng còng lụm khụm, bước đi khập khiểng, chân chẳng theo thân, luôn luôn nghiêng ngã, da cổ dùn nhăn, như trâu cúi đầu, môi miệng khô nứt; lưỡi nhám hầu khan; thân thể còng gãy, khí lực mong manh, hơi thở khò khè giống như kéo cửa; muốn bước tới trước nương gậy mà đi. Tuổi trẻ đã qua, máu thịt khô kiệt, ốm yếu, cái chết gần kề, cử động yếu đuối; thời trai trẻ đã qua... *cho đến* thân tâm luôn run rẩy. Tất cả bộ phận trong cơ thể đều rả rời, phải không?" Người ấy đáp: "Tâu Thiên vương, con thật có thấy điều đó". Vua Diêm-ma lại bảo: "Ngươi là kẻ ngu si, không có trí tuệ. Khi xưa ngươi đã thấy tướng mạo như thế, nhưng tại sao không tự suy nghĩ là thân ta đây cũng có điều như thế, sự việc như thế? Nay ta cũng chưa khỏi việc như thế; nay ta cũng có đủ việc già nua như thế. Đã chưa khỏi được thì ta nên tạo nghiệp thiện tốt đẹp cho thân khẩu ý, khiến ta sẽ có quả báo lợi ích an lạc lâu dài?" Gã kia đáp: "Tâu Thiên vương, con thật sự không nghĩ như thế. Vì sao? Vì tâm con phóng đảng làm việc buông lung". Vua Diêm-ma lại bảo: "Gã ngu si kia, nếu như vậy thì ngươi tự biếng nhác, làm việc phóng dật cho nên chẳng tu nghiệp lành về thân khẩu ý. Vì nhân duyên ấy ngươi sẽ bị khổ não lâu dài, không có an lạc. Vì vậy, ngươi phải chịu đủ tội vì việc phóng dật ấy, sẽ bị quả báo của nghiệp ác như thế, giống như những điều mà gã phóng dật kia phải chịu. Lại nữa, này gã kia, quả báo khổ đau về hành nghiệp ác này của ngươi, chẳng phải mẹ ngươi làm, chẳng phải cha ngươi làm, chẳng phải anh, em của ngươi làm, chẳng phải chị, em của ngươi làm, chẳng phải nhà vua làm, chẳng phải chư Thiên làm, cũng chẳng phải khi xưa tiền nhân làm, mà chính nơi thân ngươi tự gây ác nghiệp ấy, nay tự tập hợp lại, và ngươi lại tự mình lãnh thọ quả báo đó".

Bấy giờ vua Diêm-ma-la kia đem đầy đủ Thiên sứ thứ nhất như vậy để khéo léo dạy bảo, quở trách kẻ kia rồi, lại lần lượt đem Thiên sứ thứ hai khéo léo dạy bảo, quở trách: "Gã kia, ngươi há chẳng thấy Thiên sứ thứ hai, xuất hiện ở thế gian sao?" Kẻ kia đáp: "Tâu Thiên vương, con thật chẳng thấy". Vua lại bảo: "Này gã kia, ngươi há chẳng thấy khi xưa làm thân người ở thế gian, bốn đại hòa hợp, bỗng dưng chống trái, hoặc thân phụ nữ, hoặc thân đàn ông, bệnh khổ khốn cùng, hoặc nằm trên giường nhỏ, hoặc trên giường lớn, tự động phóng uế, nhơ nhớp thân hình, lăn lộn trên phân uế, chẳng tự chủ được, nằm dậy đi ngồi đều nhờ người dìu đỡ, hoặc người lau rửa, hoặc người ẵm ra, hoặc người cho uống, hoặc người cho ăn sao?" Gã kia đáp: "Tâu Thiên vương, quả thật con có thấy". Vua lại bảo: "Gã kia, ngươi đã thấy như thế, nếu là người khôn lanh, sao ngươi không nghĩ rằng ta cũng sẽ có những hiện tượng như thế; ta cũng sẽ có những sự việc như thế; ta chưa thoát khỏi tình trạng bệnh hoạn như thế; ta cũng tự có những việc bệnh hoạn như thế. Đã chưa thoát khỏi thì phải tự biết là ta nay cũng có thể tạo các nghiệp lành như nghiệp lành của thân, của miệng, của ý; vì tương lai lâu dài của ta, ta sẽ làm điều lợi ích lớn, đưa tới chỗ an lạc lớn?" Gã kia đáp: "Tâu Thiên vương, quả thật con không nghĩ như thế, vì tâm lười biếng, làm điều phóng dật". Vua lại bảo: "Gã kia, ngươi nay đã làm điều phóng dật, biếng nhác giải đãi, chẳng làm việc lành, là việc lành về thân, về miệng, về ý, thì làm sao ngươi có thể được quả báo lợi ích an lạc lâu dài được. Vì vậy, ngươi nên tu hành việc thiện. Nếu hành phóng dật thì sẽ theo phóng dật. Nghiệp ác này của ngươi chẳng phải cha mẹ làm, chẳng phải anh em làm, chẳng phải chị em làm, chẳng phải nhà vua, chẳng phải trời, cũng chẳng phải tiên nhân khi xưa làm, chẳng phải các Sa-môn và Bà-la-môn… làm. Những ác nghiệp này là do ngươi đã tự gây ra, ngươi phải tự chịu quả báo này".

Khi ấy, vua Diêm-ma theo thứ tự đem Thiên sứ thứ hai này khéo léo chỉ dạy, quở trách kẻ kia rồi, lại theo thứ tự đem Thiên sứ thứ ba chỉ dạy, quở trách gã kia: "Gã ngu si kia, khi ngươi làm người ở nhân gian há chẳng thấy Thiên sứ thứ ba xuất hiện sao?" Gã kia đáp: "Tâu Thiên vương, con thật chẳng thấy. Khi ấy vua Diêm-ma lại bảo: "Gã kia, khi ở thế gian ngươi há chẳng thấy hoặc đàn bà, hoặc đàn ông theo thời mạng chung, đặt ở trên giường, đem ra bên ngoài, dùng áo nhiều màu phủ lên trên; lại làm các loại màn che bao bọc chung quanh, quyến thuộc vây quanh cởi bỏ trang sức, đưa tay xõa tóc, hoặc lấy tro bôi trên đầu, ảo não vô cùng, khóc kêu thảm thiết; hoặc có người kêu "than ôi"; có

người kêu "cha ôi"; hoặc có người kể công dưỡng dục; cất tiếng kêu lớn, đấm ngực khóc kêu thảm thiết, đủ các lời nức nở bi thương. Ngươi có thấy hết không?" Người kia đáp: "Tâu Thiên vương, con thật thấy hết". Vua Diêm-ma lại bảo: "Gã kia, khi xưa ngươi đã thấy sự việc như vậy, sao không tự suy nghĩ rằng ta đây cũng có những hiện tượng như vậy; thân ta cũng có những sự việc như vậy; ta chưa thoát khỏi những sự việc như vậy. Ta cũng có chết, cũng có hiện tượng chết chưa thoát ly được. Ta nay cũng có thể làm các việc thiện, như các việc thiện về thân, về miệng, về ý. Ta sẽ làm những việc lợi ích lớn, an lạc lâu dài?" Kẻ kia đáp: "Tâu Thiên vương, quả thật con chẳng làm. Vì sao? Vì con buông lung vậy". Vua Diêm-ma lại bảo: "Gã kia, nay ngươi đã buông lung, vì ngươi làm việc buông lung thì không làm việc thiện, cũng không dồn chứa các điều thiện khác, nghĩa là thân miệng ý của ngươi làm việc lợi ích lâu dài thì sẽ được an lạc. Vì vậy, nay ngươi có quả báo như vậy là do làm việc phóng dật, vì phóng dật nên ngươi tự chuốc lấy nghiệp ác bất thiện này. Nghiệp ác này của ngươi chẳng phải cha mẹ làm, chẳng phải anh em làm, chẳng phải chị em làm, chẳng phải vua làm, chẳng phải trời, cũng chẳng phải khi xưa tiền nhân làm; lại chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn làm. Hỡi gã kia! Nghiệp ác này của ngươi chính là tự ngươi làm, tự ngươi chứa chất nên quả báo này, ngươi phải tự chịu". Khi ấy vua Diêm-ma dùng Thiên sứ thứ ba ấy chỉ dạy, quở trách đầy đủ, sai bảo gã kia xong xuôi, liền bỏ đi. Bấy giờ ngục tốt, bằng đủ mọi cách nắm tay gã kia chúc đầu xuống, đưa chân ngược lên, ném vào trong ngục.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Chúng sanh tạo ra nghiệp ác rồi
Sau chết đọa vào trong cõi ác
Vua Diêm-ma thấy kẻ ác ấy
Dùng tâm từ bi mà quở trách
Khi xưa ngươi ở tại nhân gian
Há chẳng thấy già bệnh chết sao?
Đó là Thiên sứ đến chỉ bảo
Tại sao phóng dật chẳng biết chi
Nếu thân, khẩu, ý nhiễm các trần
Không hành thí, giới tự điều phục
Như vậy làm sao gọi có trí.
Và rồi chẳng tạo nhân lợi ích
Bấy giờ vua Diêm-la như pháp
Quở trách tội nhân như thế xong

Người kia hồi họp tâm sợ hãi
Run rẩy lo âu nói thế này:
Vì con xưa kia cùng bạn ác
Nghe thiện, trong lòng chẳng ưa làm
Tham dục sân nhuế đã cột che
Chẳng làm lợi ích nên hại thân.
Ngươi đã chẳng tu các nhân thiện
Chỉ tạo đủ loại các nghiệp ác
Ngu si, hôm nay phải gặt quả
Thọ nghiệp kia nên vào địa ngục
Như tất cả các nghiệp ác này
Chẳng phải cha hay mẹ đã tạo
Chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn
Chẳng phải nhà vua hay chư Thiên
Đây chính là ngươi tự tạo lấy
Các hạt giống nghiệp ác chẳng tịnh
Tự mình gây ra ác nghiệp này
Nay lẽ đương nhiên chịu quả ác
Nhà vua dùng ba Thiên sứ ấy
Lần lượt quở trách tội nhân rồi
Ngay khi ấy vua Diêm-ma-la
Bỏ tội nhân lại, liền ra đi.
Khi đó ngục tốt ở chỗ kia
Liền nắm lấy gã tội nhân ấy
Dắt dẫn vào trong chỗ địa ngục
Vô cùng sợ hãi lông dựng đứng
Bốn bên bốn cửa hướng vào nhau
Bốn phương, bốn hướng đều nghiêm mật
Các nhà, tường vách đều bằng sắt
Dùng sắt bao quanh làm lan can
Sắt nóng rực đỏ làm tường thành
Ngọn lửa cháy bừng, khói lửa un
Xa thấy dễ sợ tâm kinh hãi
Lửa hừng hực đỏ khó thể đến
Giống như trong vòng trăm do-tuần
Lửa lớn rực cháy lan cùng khắp
Trong đó thiêu đốt bọn chúng sanh
Đều do khi xưa gây tội ác

Đã bị Thiên sứ quở trách rồi
Mà tâm phóng dật không tỉnh giác
Bọn họ ngày nay luôn hối hận
Đều do khi xưa tâm hạ liệt
Những ai là người có trí tuệ
Nếu thấy Thiên sứ đến chỉ dẫn
Thì nên chuyên cần chớ phóng dật
Chư Thánh Pháp vương khéo léo nói
Đã thấy nghe rồi phải biết sợ
Chỗ chấm dứt các hữu sanh tử
Tất cả không đâu bằng Niết-bàn
Các thứ họa hoạn không còn nữa
Đến đó rồi an ổn khoái lạc
Thấy pháp như thế được tịch diệt
Gọi là các oán đều đã qua
Tự nhiên thanh tịnh đắc tịch diệt.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN V

Phẩm 5: CÁC RỒNG, KIM SÍ ĐIỂU

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, tất cả các loài Rồng có bốn hình thái sanh sản. Những gì là bốn? Một là sanh từ trứng, hai là sanh từ bào thai, ba là sanh từ chỗ ẩm thấp, bốn là sanh do biến hóa. Đó là bốn hình thái sanh sản của loài Rồng.

Chư Tỳ-kheo, Kim sí điểu cũng có bốn hình thái sanh sản. Đó là sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp, và sanh do biến hóa. Đó gọi là Kim sí điểu có bốn hình thái sanh sản.

Chư Tỳ-kheo, dưới đáy biển cả có cung điện của Long vương Ta-già-la, ngang dọc bằng nhau tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, chung quanh trang nghiêm bằng bảy lớp linh báu, lưới đỏ đan xen. Lại có bảy lớp hàng cây Đa-la liên tiếp nhau che ánh nắng, bao bọc chung quanh, màu sắc đẹp đẽ; các báu trang nghiêm, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não bảy báu tạo thành. Ở bốn phương có các cửa; tại các cửa có lầu gác, đài quan sát phòng ngự, lại có các vườn cảnh và suối, ao; ở trên bờ và trong ao đều có các thứ cỏ hoa, hàng lối bằng nhau. Lại có các cây đủ các loại hoa lá, đủ các loại quả, đủ các loại hương thơm, đủ các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, ở giữa hai núi Tu-di-lưu và Khư-đê-la có cung điện của hai đại Long vương là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà tọa lạc. Chốn ấy ngang dọc sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can… *nói lược như trên, cho đến* chim chóc cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc biển lớn ấy là trú xứ của các Long vương và tất cả các loài Kim sí điểu vương, có một đại thọ, tên là Cư-tra-xà-ma-ly. Cội đại thọ ấy, vòng thân của cây bảy do-tuần, ăn sâu xuống lòng đất hai mươi do-tuần, vươn cao một trăm do-tuần, cành lá che phủ năm mươi do-tuần. Chốn ấy ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp tường lũy… *nói lược như trên, cho đến* chim chóc cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly có các cung điện

của loài Rồng và loài Kim sí điểu sanh từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường,… *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Phía Nam của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ bào thai. Mỗi cung điện cũng ngang dọc sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường… *nói lược như trên, cho đến*… các loài chim cùng ca hót.

Phía Tây của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp. Mỗi cung điện ngang dọc cũng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường… *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Phía Bắc của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, có cung điện của loài Rồng và Kim sí điểu hóa sanh. Mỗi cung điện ngang dọc cũng sáu trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường… *nói lược như trên, cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, Kim sí điểu vương sanh từ trứng ấy khi muốn bắt loài Rồng sanh từ trứng, liền bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, nhìn xuống biển, rồi dùng đôi cánh quạt nước biển lớn; nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần. Nước biển rẽ ra rồi, chim liền bắt rồng sanh từ trứng ra, tùy ý sử dụng, tùy ý mà ăn.

Chư Tỳ-kheo, Kim sí điểu vương sanh từ trứng ấy chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng để ăn, tùy ý sử dụng, nhưng không thể bắt được loài Rồng sanh từ bào thai và loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp, hóa sanh…

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu vương sanh từ bào thai nếu muốn bắt rồng sanh từ trứng thì liền bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly kia, nhìn xuống biển lớn, rồi dùng đôi cánh quạt biển lớn; nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần. Nhân đó, chim bắt rồng sanh từ trứng, tùy ý ăn thịt.

Lại nữa, Kim sí điểu vương sanh từ bào thai nếu muốn bắt rồng sanh từ bào thai thì bay đến đậu trên cành phía Nam của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, rồi nhìn xuống biển lớn, dùng hai cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần, liền bắt rồng sanh từ bào thai, tùy ý ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu vương sanh từ bào thai ấy chỉ có thể bắt được loài Rồng sanh từ trứng và từ bào thai, tùy ý sử dụng, chứ không thể bắt được loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp và hóa sanh…

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu vương sanh từ chỗ ẩm thấp nếu muốn

bắt loài Rồng sanh từ trứng thì khi ấy bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng đôi cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần. Nước rẽ ra rồi, chim bắt rồng sanh từ trứng, tùy ý dùng ăn thịt.

Lại nữa, Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp nếu muốn bắt rồng sanh từ bào thai thì bay đến đậu trên cành phía Nam của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần, rồi bắt rồng sanh từ bào thai mà ăn, sử dụng tùy ý.

Lại nữa, Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp nếu muốn bắt loài Rồng sanh từ chỗ ẩm thấp thì khi ấy, bay đến đậu trên cành phía Tây của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra tám trăm do-tuần, bèn bắt rồng sanh từ chỗ ẩm thấp dùng để ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu sanh từ chỗ ẩm thấp chỉ có thể bắt được các loài Rồng sanh từ trứng, sanh từ bào thai, sanh từ chỗ ẩm thấp… tùy ý sử dụng, tùy ý ăn thịt, nhưng không thể bắt được các rồng hóa sanh.

Chư Tỳ-kheo, các Kim sí điểu hóa sanh nếu muốn bắt được rồng sanh từ trứng thì khi ấy, bay đến đậu trên cành phía Đông của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra hai trăm do-tuần, bèn bắt rồng sanh từ trứng ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Lại nữa, Kim sí điểu hóa sanh nếu muốn bắt rồng sanh từ bào thai thì khi ấy, bay đến đậu trên cành phía Nam của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra bốn trăm do-tuần. Khi ấy Kim sí điểu hóa sanh kia liền bắt rồng sanh từ bào thai ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Lại nữa, Kim sí điểu hóa sanh nếu muốn bắt được rồng sanh từ chỗ ẩm thấp thì khi ấy, liền bay đến đậu trên cành phía Tây của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, dùng cánh quạt biển lớn, nước biển rẽ ra tám trăm do-tuần, liền bắt rồng sanh từ ẩm thấp ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Lại nữa, Kim sí điểu vương hóa sanh nếu muốn bắt rồng hóa sanh thì khi ấy, liền bay đến đậu trên cành phía Bắc của cội đại thọ Cư-tra-xà-ma-ly, nhìn xuống dưới biển, rồi dùng đôi cánh quạt biển lớn. Nước biển rẽ ra một ngàn sáu trăm do-tuần, chim liền bắt rồng hóa sanh ăn thịt, tùy ý sử dụng.

Chư Tỳ-kheo, các loài Rồng này đều bị Kim sí điểu kia ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, đặc biệt có các rồng mà Kim sí điểu kia không thể bắt được. Đó là Long vương Bà-già-la, chưa hề bị Kim sí điểu vương kia làm kinh động. Lại có Long vương Nan-đà, Long vương Ưu-ba-nan-đà, các Long vương này cũng không bị loài Kim sí điểu bắt. Lại còn có Long

vương Đề-đầu-lại-tra, Long vương A-na-bà-đạt-đa… cũng chẳng bị Kim sí điểu vương bắt.

Chư Tỳ-kheo, ngoài ra, lại có các Long vương khác cũng không bị Kim sí điểu bắt. Đó là Ma-đa-xa-ca, Đức-xoa-ca, Yết-lặc-nô-kiêu-đa-ma-ca, Xí-bà-đà-phất-tri-lợi-ca, Thương-cư-ba-đa-ca, và hai Long vương Cam-bà-la, A-thấp-bà-đa-la…

Chư Tỳ-kheo, lại còn có các Long vương cùng ở trong cảnh giới của những Long vương đó cũng không bị các Kim sí điểu ăn thịt.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà chúng sanh ở trong cõi ấy sanh vào loài Rồng?

Chư Tỳ-kheo, có các chúng sanh tu tập nhân rồng, thọ trì giới rồng, phát khởi tâm rồng, phân biệt ý rồng; tạo nghiệp như vậy rồi khi nhân duyên kia được thành thục cho nên sanh vào loài Rồng… Lại có một loại huân tu nhân Kim sí điểu, thọ trì giới Kim sí điểu, phát khởi tâm Kim sí điểu, phân biệt ý Kim sí điểu. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mang chung, liền sanh vào trong loài Kim sí điểu kia. Lại có một loại huân tu nhân các thú, thọ trì giới các thú, phát khởi tâm các thú, tập hạnh nghiệp các thú, phân biệt ý các thú, do vì huân tu các loại nhân giới ác thú như thế, rồi phát khởi hạnh nghiệp, thành tựu tâm ý. Do các nhân duyên ấy, nên khi thân hoại mạng chung họ liền sanh vào trong các loài thú. Lại có một loài huân tu nhân trâu, giới trâu, nghiệp trâu, tâm trâu, ý trâu… *nói lược như trên, cho đến* phân biệt… Do nhân duyên ấy sanh vào loài trâu. Lại có một loài huân tu nhân gà, giới gà, nghiệp gà, tâm gà, ý gà… nói lược như trước, cho đến phân biệt tâm gà, nghiệp gà. Do nhân duyên ấy sẽ sanh vào trong loài gà. Lại có một loài huân tu nhân cú mèo, thọ giới cú mèo, phát khởi tâm cú mèo, hành nghiệp cú mèo, phân biệt ý cú mèo. Vì họ huân tu nghiệp cú mèo, thọ giới cú mèo, khởi tâm cú mèo, phân biệt ý cú mèo, nên do nhân duyên ấy, khi xả thân, sẽ sanh vào loài cú mèo.

Chư Tỳ-kheo, lại có một loài huân tu giới mặt trăng, hoặc huân tu giới mặt trời, giới tinh tú, giới đại nhân, hoặc lại huân tu giới mặc nhiên, hoặc huân tu giới đại lực thiên, hoặc huân tu giới đại trượng phu, hoặc huân tu giới vào nước, hoặc huân tu giới cúng dường mặt trời, hoặc lại huân tu, thờ phụng giới lửa, hoặc tu khổ hạnh ở những nơi uế trược. Họ huân tu rồi, nghĩ như thế này: "Tôi nguyện tu những giới này: giới mặt trăng, giới mặt trời, các giới tinh tú, thời gian… và các giới mặc nhiên, giới đại lực thiên, giới đại trượng phu, giới nước, giới lửa, giới khổ hạnh uế trược. Tu các giới như thế, tôi sẽ làm trời, hoặc được quả báo cõi trời".

Họ phát tà nguyện như thế.

Chư Tỳ-kheo, lại có một loài chúng sanh khởi tà nguyện: "Nay tôi nói kẽ kia sẽ sanh vào hai chốn là hoặc sanh vào địa ngục, hoặc sanh vào súc sanh".

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian đều là vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian vừa thường vừa vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi lên kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian hoặc có giới hạn, hoặc không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Mạng tức là thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Mạng khác, thân khác. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Có mạng có thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư

vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Không có mạng, không có thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt không có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt vừa có hiện hữu, vừa không có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Lại có một hạng Sa-môn, Bà-la-môn khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải có hiện hữu, chẳng phải không có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với các hành họ khởi kiến chấp ngã, khởi kiến chấp thế gian; lìa các hành, cũng khởi kiến chấp ngã, khởi kiến chấp thế gian. Vì ý nghĩa đó nên họ khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với các hành họ khởi kiến chấp không có ngã, kiến chấp không có thế gian; lìa các hành cũng có kiến chấp không có ngã, kiến chấp không có thế gian. Vì ý nghĩa ấy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian là vô thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian vừa thường vừa chẳng phải thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với các hành họ có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian; lìa các hành, cũng có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian. Vì ý nghĩa đó nên họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian vừa thường, vừa chẳng phải thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng

phải thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với các hành họ có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian, lìa các hành cũng có kiến chấp ngã và kiến chấp thế gian. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải thường, chẳng phải chẳng thường. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi lên kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian có giới hạn. Điều nầy đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Mạng có giới hạn, người có giới hạn, từ khi mới gá vào trong thai mẹ cho đến mạng ấy sau khi chết tẩn táng chôn cất, đó là người trong loài người; từ khi ra đời thọ thân bốn đại, bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi, sẽ thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này và tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Mạng không có giới hạn, người không có giới hạn. Từ khi mới gá vào thai mẹ, cho đến mạng ấy sau khi chết, tẩn táng chôn cất, đó là người trên loài người; từ khi ra đời thọ thân bốn đại bảy lần đọa lạc, bảy lần luân chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi sẽ thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Mạng chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không giới hạn. Con người từ khi mới gá vào thai mẹ cho đến sau khi chết, tẩn táng chôn cất, người đó từ khi mới thọ thân bốn đại, bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi mới thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải có giới hạn, chẳng phải không giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải không có giới hạn, chẳng phải chẳng không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì họ tuyên bố thế này: "Thế gian chẳng phải không có giới hạn,

chẳng phải chẳng không có giới hạn. Từ khi thọ thân bốn đại, bảy lần đọa lạc, bảy lần lưu chuyển, bảy lần chạy, bảy lần đi và sẽ thành tựu mạng và nhập vào nhóm mạng". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Ngã và thế gian chẳng phải không có giới hạn, chẳng phải chẳng không có giới hạn. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Mạng kia tức thân kia. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với tự thân họ thấy có ngã và thấy có mạng; đối với thân khác cũng thấy có ngã, cũng thấy có mạng. Vì vậy họ tuyên bố thế này: "Chính mạng tức là thân kia. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Mạng khác, thân khác. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thân, họ thấy có ngã và thấy có mạng, ở thân khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Mạng khác, thân khác. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Có mạng và thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thân, họ thấy có ngã và có mạng; thân kẻ khác cũng thấy có ngã và thấy có mạng. Vì vậy họ tuyên bố thế này: "Có mạng và thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thân họ chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có mạng, đối với thân khác cũng chẳng thấy có ngã, cũng chẳng thấy có mạng. Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Chẳng phải mạng, chẳng phải thân. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thế gian, họ khởi kiến chấp thế này: "Thọ mạng cũng sẽ đến, thọ mạng cũng sẽ đi, hướng đến lưu chuyển". Vì vậy họ tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt sẽ còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, số Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thế gian, họ tuyên bố thế này: "Nơi này có thọ mạng đến, nơi kia có thọ mạng dứt".

Vì vậy, họ tuyên bố: "Như Lai sau khi tịch diệt không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, có Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt hoặc có hiện hữu, hoặc không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì với sở kiến của họ, họ tuyên bố thế này: "Nơi này mạng dứt chạy đến nơi khác, hướng đến lưu chuyển". Vì vậy, họ tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt, vừa có hiện hữu, vừa không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Chư Tỳ-kheo, ở trong đó, có Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi kiến chấp thế này, tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi diệt độ, chẳng phải còn có hiện hữu, chẳng phải không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng", thì đối với thế gian, họ tuyên bố thế này: "Con người ở nơi đây mạng dứt rồi, sẽ di chuyển đến nơi kia, mạng cũng đoạn hoại". Vì vậy họ tuyên bố thế này: "Như Lai sau khi tịch diệt chẳng phải còn có hiện hữu, chẳng phải không còn có hiện hữu. Điều này đúng, ngoài ra đều là hư vọng".

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ khi xưa có một quốc vương tên là Cảnh Diện. Bấy giờ, vua Cảnh Diện, có một lần, muốn cùng các người mù bẩm sanh đùa giỡn vui chơi, liền hạ lệnh tập trung nhiều người mù bẩm sanh. Sau khi bọn người mù tập trung, vua bảo: "Các ngươi là người mù bẩm sanh, vậy các ngươi có biết hình dáng của con voi như thế nào chăng?"

Khi ấy, các người mù đồng đáp: "Tâu Thiên vương, chúng thần sanh ra đã mù, thật chưa từng biết hình dáng của voi".

Vua lại bảo: "Các ngươi từ trước đến nay chưa biết voi. Nay muốn biết hình dáng của voi chăng?"

Khi ấy bọn người mù đồng thanh đáp: "Tâu Thiên vương, chúng thần thật chưa biết. Mong vua ban ân! Chúng thần muốn biết hình dáng của voi".

Khi ấy vua Cảnh Diện liền hạ lệnh gọi quản tượng đến, bảo: "Khanh hãy mau đến chuồng voi dắt một con voi đến đây, để trước ta, rồi chỉ cho các người mù".

Bấy giờ quản tượng lãnh hội ý của vua rồi, liền dẫn một con voi đến trước điện vua.

Vua nói với những người mù kia: "Đây chính là con voi".

Khi ấy các người mù, ai cũng dùng tay sờ vào voi ấy.

Người quản tượng nói với các người mù: "Các người sờ voi, cứ đúng sự thật tâu lên vua".

Khi ấy bọn người mù, có người sờ đúng vòi voi, có người sờ đúng ngà voi, hoặc có người sờ đúng tai voi, đầu, cổ, lưng, hông, đùi, móng chân, đuôi… Họ sờ như vậy xong khi ấy Quốc vương hỏi: 'Các người đui mù kia! Các ngươi đã biết voi có hình dáng chưa?"

Bọn người mù đồng thanh đáp: "Tâu Thiên vương, chúng thần nay đã biết hình dáng của voi".

Bấy giờ nhà vua liền hỏi lại: "Này các người mù, các ngươi nói đã biết voi rồi. Nếu đã biết rồi thì voi có hình dáng như thế nào?"

Lúc đó, trong đám người mù ấy, người mà đã dùng tay sờ đụng vòi thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như sợi dây". Người sờ đụng ngà thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái chày". Người sờ đụng tai voi thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái nia". Người sờ đụng cái đầu thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái đỉnh". Người sờ đụng cái cổ thì đáp: "Tâu Thiên vương, hình voi giống như cái sườn nhà". Người đụng cái lưng thì đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái nóc nhà". Người sờ đụng hông thì đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái bồ". Người sờ đụng đùi vế thì đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái cây". Người sờ đụng bàn chân thì đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái cối". Người sờ đụng cái đuôi thì đáp: "Tâu Thiên vương, voi giống như cái chổi".

Các người mù, mỗi người đều tâu như này: "Tâu Thiên vương, hình voi như thế!" Rồi tâu thêm: "Tâu Thiên vương, thần đã biết con voi là như thế".

Khi ấy nhà vua bảo các người mù: "Các ngươi chẳng biết là voi hay chẳng phải là voi, huống là có thể biết được hình dáng của voi!"

Khi ấy các người mù ai cũng giữ ý kiến mình, cùng nhau tranh cãi, ẩu đả, dùng tay che mặt, cãi vã, hủy nhục nhau.

Bấy giờ vua Cảnh Diện thấy bọn người mù tranh cải ẩu đã nhau như vậy, cười to vui vẻ. Khi ấy vua liền nói kệ:

Bọn người mù này không mắt
Chưa từng có thầy dạy bảo cho
Hình dáng của voi như thế nào
Nên cùng nhau tranh chấp lung tung.

Chư Tỳ-kheo, cũng như thế. Các Sa-môn, Bà-la-môn ở thế gian cũng lại như thế, đã chẳng thể biết như thật Thánh đế khổ, Thánh đế khổ tập, Thánh đế khổ diệt, Thánh đế khổ diệt đạo. Đã chẳng như thật biết, điều nên biết nên bọn họ mới cùng nhau tranh cãi lâu dài, mãi mãi lưu chuyển, cùng hủy hoại nhau, cùng nhục mạ nhau, đã sanh ra sự tranh chấp cãi vã không ngừng, ai cũng dùng tay che mặt như bọn mù kia, cùng nhau não loạn.

Khi ấy Thế Tôn nói kệ:

Nếu chẳng biết Thánh đế khổ kia
Cũng chẳng thể biết Tập, Nhân khổ
Các chốn khổ não trong thế gian
Đã diệt trừ hết không còn gì
Đây là thánh đạo, đã chẳng biết
Huống là biết cách diệt trừ khổ
Tâm họ như vậy chưa giải thoát
Chưa đạt trí tuệ, cảnh giải thoát
Họ chẳng thể quán rõ thánh đế
Chỉ hướng đến sanh, lão, tử
Chưa thoát khỏi vòng trói buộc
Thì đâu có thể đến tịch diệt.

Chư Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn có thể biết như thật Thánh đế khổ, Thánh đế khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo. Biết như thế rồi, họ phải tùy thuận tu học thì họ sẽ hòa hiệp lâu dài, cùng nhau hoan hỷ không còn tranh chấp, đồng hướng đến một việc tu học, giống như nước với sữa, cùng hòa hợp, ở chung một chỗ, trụ chỗ an lạc, biểu hiện Thánh pháp mà Bậc Thầy đã thuyết.

Khi ấy Đức Phật nói kệ:

Nếu biết như thế đều có khổ
Và chỗ sanh ra các khổ họa
Đã biết tất cả đều là khổ
Nên khiến trừ diệt không còn gì
Đã biết đắc Diệt là do Đạo
Thì liền đạt đến chỗ diệt khổ
Tức là đầy đủ tâm giải thoát
Và đắc trí tuệ, cảnh giải thoát
Có thể đạt đến chỗ cuối cùng
Như vậy chẳng còn sanh, lão, tử

Vĩnh viễn thoát khỏi lưới của ma
Xa lìa các Hữu của trần thế.

-oOo-

Phẩm 6: A-TU-LA 1

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Cách núi chúa Tu-di-lưu hơn một ngàn do-tuần về phía Đông, ở dưới biển lớn có cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường bao bọc chung quanh; bảy lớp lan can trang hoàng vòng quanh. Cho đến bảy lớp lưới chông bằng vàng bạc, bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc khắp cả, nhiều màu đẹp đẽ đều do bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha-trí-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não. Bờ tường của thành ấy cao một trăm do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Những bờ tường đó đều cách nhau năm trăm do-tuần, ở khoảng giữa đặt một cái cửa; cửa đó cao ba mươi do-tuần, rộng hai mươi do-tuần. Các cửa ấy đều có các loại lầu gác, vườn tược, ao hồ. Trong các khu vườn, hồ ao đều có các loại cây; cây có các loại lá; lá có các loại hoa; hoa có các loại quả; quả có các loại hương, mùi hương xông tỏa rất xa; lại có các loài chim, đều cùng ca hót, âm thanh hòa nhã, đủ các các thứ tiếng.

Chư Tỳ-kheo, trong vòng thành lớn của A-tu-la kia, có lập riêng một cung điện cho vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Cung này tên là Thiết-ma-bà-đế, thành ấy ngang dọc sáu vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* xa cừ… bảy báu tạo thành. Bờ tường của thành ấy cao một trăm do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Bờ tường của thành ấy cách nhau năm trăm do-tuần, ở khoảng giữa đặt cái cửa; các cửa cao ba mươi do-tuần, rộng mười hai do-tuần. Các cửa ấy cũng có lầu cao canh giữ, có đài gác, có vườn cảnh và hồ nước, các ao hoa…; có các loại cây và các loại lá, các loài hoa và các thứ quả, các thứ hương, có các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, đủ các thứ tiếng.

Chư Tỳ-kheo, trong thành Thiết-ma-bà-đế ấy chỗ ở của vua nằm ngay trung ương, còn thiết trí một hội trường cho vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là Thất đầu. Nơi ấy ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp lan can trang hoàng đẹp đẽ. Lại có bảy lớp lưới chuông bằng vàng, bạc; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la vây bọc chung quanh bốn phía, nhiều

màu đẹp đẽ, rất khả ái. Tất cả đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não… Khắp bốn mặt đều có các cửa. Tại mỗi cửa, có lầu cao canh gác, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não… Còn phía dưới thì dùng tỳ lưu ly xanh trang trí xen kẽ, mền mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, chính giữa hội trường Thất đầu của A-tu-la tự nhiên có một trụ báu cao hai mươi do-tuần. Dưới trụ báu ấy có thiết lập một tòa báu cho vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, rất dễ ưa thích, do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não…, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca. Hai bên tòa ấy, mỗi bên có mười sáu chỗ đứng cho các Tiểu a-tu-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não… mềm mại dễ ưa, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề-ca.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của A-tu-la, có cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Nơi ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, rất khả ái, cũng bằng bảy báu tạo thành, là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trí-ca... *cho đến* xa cừ, mã não. Khắp bốn phía đều có các cửa; tại các cửa ấy, có các lầu cao canh gác, có đài gác, vườn cảnh hồ nước, ao hoa…; các loại cây cùng các loại lá và các loài hoa, các thứ quả, các thứ hương; có các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, đủ các thứ tiếng.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam, phía Tây, Bắc… hội trường Thất đầu của A-tu-la, có các cung điện của các tiểu vương A-tu-la. Chốn ấy ngang dọc chín trăm do-tuần, hoặc tám trăm, bảy trăm, sáu trăm, năm trăm, bốn, ba, hai trăm do-tuần, chỗ nhỏ nhất ngang dọc cũng tới một trăm do-tuần, có bảy lớp bờ tường… *nói lược cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, phía Nam, Tây, Bắc hội trường Thất đầu của A-tu-la, lại có các cung điện của các Tiểu a-tu-la. Nơi ấy ngang dọc chín mươi do-tuần, hoặc có chỗ tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, chỗ nhỏ nhất ngang dọc cũng tới mười hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường… *nói lược cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của A-tu-la có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là vườn Ta-la. Khu vườn này ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, do bảy báu tạo thành như mã não… Khắp bốn phía đều có các

cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu cao nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành, đó là xa cừ, mã não…

Chư Tỳ-kheo, phía Nam hội trường Thất đầu của A-tu-la, có khu vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là vườn Xà-ma-lê. Vườn ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, đều do bảy báu tạo thành, như mã não… Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa đều có các lầu cao, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não…

Chư Tỳ-kheo, phía Tây hội trường Thất đầu của A-tu-la có khu vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là vườn Câu-tỳ-đà-la. Vườn ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông đều do bảy báu tạo thành, như mã não… Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa, có các lầu cao, nhiều màu đẹp đẽ, cũng bằng bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não…

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc hội trường Thất đầu của A-tu-la, có vườn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la tên là vườn Nan-đà-ma. Vườn ấy ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông đều do bảy báu tạo thành là mã não… Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa đều có các lầu cao, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não… Các cửa này chỉ khác là không có các đài gác, ngoài ra đều giống nhau.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai khu vườn Ta-la và Xà-ma-lê ấy có một ao lớn của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là Nan-đà. Ao ấy ngang dọc năm trăm do-tuần. Nước ao mát lạnh, nhẹ đẹp, không đục, lắng trong tinh khiết; có bảy lớp gạch báu dùng trang trí đan xen, có bảy lớp thềm ván, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; bên ngoài có bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não… Khắp bốn mặt đều có đường cấp, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu tạo thành là mã não… Lại có các loài hoa sanh ra như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng. Có loại như lửa thì màu lửa, hình lửa, ánh sáng lửa; loại vàng thì màu vàng, hình vàng, ánh sáng vàng; loại xanh thì màu xanh, hình xanh, ánh sáng xanh; loại đỏ thì màu đỏ, hình đỏ, ánh sáng đỏ; loại trắng thì màu trắng, hình trắng, ánh sáng trắng; loại lục thì màu xanh lục, hình xanh lục; ánh sáng xanh lục. Hoa hình tròn như bánh xe, ánh sáng chiếu đến một do-tuần. Hương của hoa lan tỏa cũng một do-tuần. Ở trong ao ấy lại sanh các ngó sen, lớn như bánh xe, cắt ra nhựa chảy màu trắng như sữa, vị ngọt như mật ong.

Chư Tỳ-kheo, ở khoảng giữa hai khu vườn Câu-tỳ-đà-la và Nan-đà-na có một đại thọ của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, tên là Vô-chất-đa-la-ba-tra-la, vòng gốc bảy do-tuần, rễ ăn sâu xuống đất hai mươi do-tuần. Cây vươn cao một trăm do-tuần, cành lá che mát năm mươi do-tuần, vòng đai ngang dọc năm trăm do-tuần. Bên ngoài cũng có bảy lớp bờ tường… *nói lược cho đến* bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành là xa cừ, mã não… Khắp bốn phía cũng có dựng cửa bằng bảy báu. Lại các cửa ấy cũng có các lầu cao canh phòng, đài gác… *nói lược cho đến* đủ các loài chim cùng ca hót.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN VI

Phẩm 6: A-TU-LA 2

Chư Tỳ-kheo, hội trường Thất đầu của A-tu-la kia, có hai con đường thông nhau để nhà vua qua lại du hý. Chỗ cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng có hai con đường giống như vậy. Chỗ cung điện của các tiểu vương A-tu-la cũng có hai con đường. Chỗ ở của các Tiểu a-tu-la cũng có hai con đường. Khu vườn Ta-la cũng có hai con đường. Khu vườn Xà-ma-lê cũng có hai con đường. Khu vườn Câu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường. Khu vườn Nan-đà-na cũng có hai con đường. Bên cạnh ao Nan-đà cũng có hai con đường. Ở dưới đại thọ Tô-chất-đa-la-ba-tra-la cũng có hai con đường. Tất cả đều như trước, cùng qua lại thông nhau với hội trường Thất đầu.

Chư Tỳ-kheo, nếu vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la muốn đến khu vườn Ta-la, khu vườn Xà-ma-lê, Câu-tỳ-đà-la, Nan-đà-na… để tắm rửa vui chơi, du hành hưởng lạc thì khi ấy, vua liền nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và nghĩ đến các chúng Tiểu a-tu-la.

Khi ấy các tiểu vương A-tu-la và các Tiểu a-tu-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nghĩ đến chúng ta". Biết vậy rồi, họ liền dùng các loại Anh lạc báu trang điểm thân thể; trang điểm rồi, cưỡi các loại xe, cùng đến ngoài cửa cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Đến nơi, họ xuống xe đi bộ đến trước cung điện vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la và đứng lại.

Lúc bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đã đến trước cung điện, cũng liền tự dùng các thứ Anh lạc trang điểm thân thể. Trang điểm xong, vua liền lên xe. Khi ấy các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la vây quanh hai bên, trước sau, theo nhau, cùng kéo đến vườn Ta-la và vườn Xà-ma-lê, vườn Câu-tỳ-đà-la, vườn Nan-đà-na… Đến nơi, họ dừng lại trước vườn Nan-đà.

Chư Tỳ-kheo, vườn Nan-đà có ba ngọn gió tự nhiên thổi đến, tô

điểm cho cảnh vườn. Ba ngọn gió đó là gì? Đó là nhọn gió khai, ngọn gió tịnh và ngọn gió xuy. Thế nào gọi là khai? Đó là ngọn gió thổi đến mở các cánh cửa. Thế nào là tịnh? Đó là ngọn gió thổi đến quét khu vườn, làm cho mặt đất sạch sẽ. Thế nào là xuy? Đó là ngọn gió thổi đến lay động các cây trong vườn làm các hoa rơi vãi khắp nơi.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà-na, gió thổi rơi các loài hoa tuyệt đẹp ngập đến đầu gối; có đủ mùi hương, hương thơm ngào ngạt, lan tỏa khắp vườn. Ngay khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-ma-la cùng các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la liền vào vườn Nan-đà-na. Vào rồi, tắm rửa, ngắm xem, du hý, tùy ý lưu lại. Các A-tu-la ở lại trong vườn ấy, hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng để tắm rửa, du hý tùy ý, rồi ai muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thường có riêng năm vị A-tu-la luôn luôn ở bên cạnh để bảo vệ đề phòng các sự cố chẳng lành. Những ai là năm? Một tên là Tùy hỷ, hai tên là Hữu, ba tên là Túy, bốn tên là Mâu-chơn-lân-đà, năm tên là Tỳ-kha-đa-la.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có năm vị A-tu-la như thế luôn luôn ở bên vua để bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, trên cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có một vạn do-tuần nước biển. Khối nước ấy tự nhiên có bốn ngọn gió giữ lại. Những gì là bốn? Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao cố. Được bốn ngọn gió này giữ nên luôn đứng vững, không động.

Chư Tỳ-kheo, về phía Nam của núi chúa Tu-di-lưu, cách một ngàn do-tuần, dưới biển lớn, có cung điện của vua A-tu-la Dũng Dược. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường… giống như các sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Trong đó, tất cả cũng như đã nói ở trước, các ông nên biết... *cho đến* trên cung điện của vua này, cũng có một khối nước, cũng được bốn ngọn gió giữ lại: một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, cách một ngàn do-tuần về phía Tây núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển lớn, có cung điện của vua A-tu-la Xà-bà-la. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp bờ tường… giống như các sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Ở đó, tất cả cũng như đã nói trước, các ông nên biết,... *cho đến* trên cung điện của vua này, có một khối nước cũng được bốn ngọn gió giữ gìn: một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, cũng cùng khoảng cách như trên, về phía Bắc núi

chúa Tu-di-lưu, dưới biển lớn, có cung điện của vua A-tu-la La-hầu-la. Nơi ấy ngang dọc như trên; có các tường vách cho đến… cửa lầu, đài gác canh phòng, vườn cảnh, các ao, có các thứ cây và các thứ lá, các thứ hoa quả, các thứ hương xông, có các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, nơi ấy có thành của vua A-tu-la La-hầu-la, vua trú trong ấy. Thành tên là Ma-bà-đế, ngang dọc, trang nghiêm cũng như trước đã nói, có bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây Đa-la, bảy lớp lưới chuông, vây bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu là xa cừ, mã não… tạo thành. Tường vách ấy cao thấp, ngang dọc cũng như trước đã nói. Tường vách ấy cũng có các cửa cao thấp, ngang dọc, tất cả đều như trên. Tại các cửa ấy đều có lầu cao, đài gác canh phòng, vườn cảnh, hồ nước và các ao hoa…, cũng có các cây cùng các thứ lá, các thứ hoa quả, các thứ hương xông; cũng có các thứ chim chóc, cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, thành Ma-bà-đế, trú xứ của vua, có hội trường của vua A-tu-la La-hầu-la, cũng có tên là Thất đầu. Nơi ấy ngang dọc như trước đã nói, có bảy lớp lan can và các lưới chuông, bảy hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cũng trang nghiêm bằng bảy báu là xa cừ, mã não… Khắp bốn phía đều có các cửa. Các cửa ấy cũng có lầu gác nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mã não… tạo thành. Ở dưới các cửa dùng xa cừ cõi trời để rải; mặt đất mềm mại, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Trong chỗ ấy có một trụ báu, cao thấp, ngang dọc như trước đã nói. Ở dưới trụ ấy có thiết trí một tòa cao cho vua A-tu-la La-hầu-la. Tòa ấy cao thấp, ngang dọc, sự trang trí, tất cả đều như trước, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mã não… tạo thành *cho đến* ... mềm mại trơn mịn, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề. Bên trái tòa ấy cũng thiết trí riêng biệt các tòa cao tuyệt đẹp cho mười sáu vị Tiểu vương A-tu-la, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mã não… tạo thành.

Bên phải cũng vậy, có các tòa cao cho mười sáu tiểu vương A-tu-la, *như trên đã nói*… mềm mại, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của vua A-tu-la kia, lại thiết trí riêng một cung điện cho vua A-tu-la La-hầu-la. Nơi ấy ngang dọc đều như trước, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, bảy báu là xa cừ, mã não… tạo thành. Bốn mặt đều có các cửa. Các cửa đều có lầu đài canh phòng, gác cao vườn cảnh, ao nước, suối

hồ các hoa, có các loại cây, cùng các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông. Lại có các loài chim lạ, cùng nhau ca hót âm thanh hòa nhã, rất khả ái.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, Tây, Nam, Bắc hội trường Thất đầu của vua A-tu-la có cung điện của các Tiểu vương A-tu-la. Nơi ấy ngang dọc chín trăm do-tuần, hoặc có chỗ tám trăm, hoặc có chỗ bảy trăm, cho đến sáu trăm, năm bốn ba hai trăm; chỗ nhỏ nhất là một trăm do-tuần, đều có bảy lớp bờ tường, lan can... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, Tây, Nam, Bắc hội trường của vua A-tu-la cũng có các cung điện riêng của các Tiểu a-tu-la. Nơi ấy ngang dọc chín mươi do-tuần, hoặc có nơi tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm, bốn, ba, hai mươi, nơi nhỏ nhất ngang dọc cũng tới mười hai do-tuần, có bảy lớp bờ tường…, *cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông hội trường Thất đầu của vua A-tu-la La-hầu-la có khu vườn tên là vườn Ta-la. Vườn ấy ngang dọc, trang trí, như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường, bảy lớp hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu là xa cừ, mã não… tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu đài... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam hội trường Thất đầu của vua A-tu-la có một thượng uyển của vua A-tu-la La-hầu-la gọi là Xà-ma-lê, ngang dọc, trang nghiêm đều như trước đã nói; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp đẽ, cũng do bảy báu là xa cừ, mã não… tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Các cửa ấy có các lầu cao…, *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây hội trường Thất đầu của vua A-tu-la kia có vườn của vua A-tu-la La-hầu-la tên là vườn Câu-tỳ-đa-la, ngang dọc đều như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy cũng có lầu gác, các loại trang trí, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não… các báu trang trí, rất khả ái.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc hội trường Thất đầu của vua A-tu-la kia có vườn cảnh của vua A-tu-la La-hầu-la tên là vườn Nan-đà-na. Vườn ấy ngang dọc, như trước đã nói, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy cũng có lầu gác, các thứ trang trí, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não… trang trí bằng các báu, rất khả ái.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu vườn Xà-ma-lê và Ta-la, có một ao nước của vua A-tu-la La-hầu-la tên là Nan-đà. Ao ấy ngang dọc như trước đã nói. Nước ao mát lạnh, ngon ngọt nhẹ nhàng, trong sạch không bẩn; dùng bảy loại gạch báu, bảy lớp bờ lũy, bảy lớp ván báu trang trí xen lẫn; có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành. Lại ở bốn phía ao đều có bờ thềm rất khả ái, cũng do bảy báu tạo thành. Ao sanh các loại hoa; hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng. Hoa ấy màu lửa, hình lửa, ánh sáng lửa… *như trên đã nói, cho đến* màu nước, hình nước, ánh sáng nước, chiếu khắp bốn phương, mùi hương ngào ngạt, lan tỏa khắp nơi. Lại có ngó sen nhựa trắng, vị ngọt; ăn vào ngon ngọt như mật ong.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai khu vườn Câu-tỳ-đà-la và Nan-đà-na có một đại thọ của vua A-tu-la La-hầu-la tên là Tô-chất-đa-la-ba-tra-la. Cây ấy ngang dọc, các loại trang trí đều như trước đã nói... *cho đến* bảy lớp bờ tường, lan can, xa cừ, mã não… bảy báu tạo thành, rất khả ái… *và cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, người nghe hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, sự trang trí hội trường Thất đầu của vua A-tu-la như trước đã nói, cũng có bảy đường đi, có đường tắt đi, về để vua A-tu-la La-hầu-la đi dạo cung điện. Lại cũng có đường đi cho các tiểu vương A-tu-la và các Tiểu a-tu-la, qua lại thông thương, hướng đến vườn Xà-ma-lê và Câu-tỳ-đà-la; cũng có đường đi, hướng đến vườn Nan-đà-na và ao Nan-đà, cây Tô-chất-đa-la-ba-tra-la… Tất cả đều có đường đi thông thương qua lại du hý vui chơi.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la khi muốn đến vườn Ta-la và vườn Nan-đà-na để tắm rửa du hý, ngoạn cảnh thì bấy giờ, vua nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến ta, muốn cùng ta du hý". Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như thế rồi, lại nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la. Bấy giờ các tiểu vương A-tu-la và các Tiểu a-tu-la liền nghĩ: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đang nghĩ đến chúng ta. Chúng ta nên đi đến đó". Họ liền dùng các Anh lạc báu trang điểm thân thể. Trang điểm thân thể rồi, đều cưỡi xe đi đến chỗ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Đến cửa cung điện của vua, tất cả đứng lại chỉnh tề. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã thấy các tiểu vương A-tu-la và các chúng Tiểu a-tu-la đều đã tụ tập, liền tự trang điểm thân thể,

mang các Anh lạc, cưỡi các loại xe cùng các Tiểu vương và chúng A-tu-la tả hữu vây quanh, sau trước lên đường, hướng đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la; đến nơi dừng lại.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vua A-tu-la là Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi ấy hai vua A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la cũng nghĩ: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ lại nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các chúng A-tu-la. Chúng ấy biết rồi liền cùng tụ tập lại trang điểm, rồi đi đến bên hai vị vua A-tu-la là Dũng Dược và Xà-bà-la. Đến nơi, tất cả đều trang điểm thân thể bằng Anh lạc, cưỡi xe, vây quanh cùng đến bên vua A-tu-la La-hầu-la. Đến nơi, mọi người đều đứng vào vị trí của mình.

Chúng ấy vân tập xong, vua liền nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và chúng A-tu-la của mình. Bọn họ biết rồi, cũng đều trang điểm, cưỡi xe ra đi, đến trước vua A-tu-la La-hầu-la, nghiễm nhiên dừng lại.

Khi ấy vua A-tu-la La-hầu-la thấy xong, liền tự mang các thứ Anh lạc trang điểm thân thể, cưỡi các loại xe, vây quanh sau trước, cùng vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la và vua A-tu-la Dũng Dược, Xà-bà-la, và các tiểu vương, các chúng A-tu-la vân tập tháp tùng hướng đến các khu lâm viên Ta-la, Xà-ma-lê, Câu-tỳ-đà-la, Nan-đà-na. Sau khi đến nơi, đầu tiên, họ dừng lại nghỉ tại khu lâm viên Nan-đà.

Chư Tỳ-kheo, trong khu lâm viên Nan-đà-na tự nhiên có ba ngọn gió. Những gì là ba? Đó là gió khai, gió tịnh và gió xuy. Ở trong đó, gió khai là luồng gió mở toang các cửa. Gió tịnh là luồng gió quét sạch mặt đất. Gió xuy là luồng gió thổi các bông hoa.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Nan-đà-na, có loại hoa thượng hảo hạng rải đầy khắp mặt đất. Hương thơm của hoa ấy xông khắp khu lâm viên, trang trí đầy đủ, tất cả đều đẹp đẽ.

Ngay lúc đó vua A-tu-la La-hầu-la và vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, vua A-tu-la Dũng Dược, vua A-tu-la Xà-bà-la… cùng các tiểu vương, quần chúng quyến thuộc, bọn Tiểu a-tu-la vây quanh kéo vào khu lâm viên Nan-đà-na. Vào rồi, họ tắm rửa, du ngoạn, vui đùa tùy theo ý thích. Các chúng A-tu-la ở trong khu lâm viên đó trong một tháng, hai tháng, ba tháng, tắm rửa, du ngoạn, vui đùa, tùy ý mà đi, đứng, mỗi người tùy theo ý muốn của mình muốn đi đâu thì đi.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la cũng thường có năm A-tu-la luôn theo bên cạnh để phòng vệ việc chẳng lành. Năm vị ấy là những ai? Một tên là Tùy hỷ, hai tên là Hữu, ba tên là Túy, bốn tên là Mâu-chân-

lân-đà, năm tên là Tỳ-ha-đa-la.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ấy có năm vị A-tu-la như thế luôn luôn theo vua để bảo vệ.

Chư Tỳ-kheo, phía trên cung điện của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la là một khối nước biển cao vạn do-tuần ở trên đó. Khối nước ấy tự nhiên được bốn loại gió giữ gìn. Bốn loại gió ấy là gì? Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất tùy, bốn là lao cố chủ. Đó là bốn loại gió giữ gìn, thường trụ, không động.

Chư Tỳ-kheo, cách một ngàn do-tuần về phía Nam của núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển rộng có trú xứ, cung điện của vua A-tu-la Dũng Dược. Cung điện ấy dài, rộng tám vạn do-tuần, bảy lớp tường vách… nói lược cũng như các loại sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Mỗi chi tiết trong cung ấy cũng như trên đã nói, các vị cần nên biết. Cho đến phía trên cung điện của vua ấy cũng có khối nước, có bốn loại gió giữ gìn gồm: Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất tùy, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, cách một ngàn do-tuần về phía Tây của núi chúa Tu-di-lưu, dưới biển rộng có trú xứ, cung điện của vua A-tu-la Xà-bà-la (Tùy dịch là Huyễn hóa). Cung điện đó dài, rộng tám vạn do-tuần, bảy lớp tường vách… nói lược cũng như các loại sở hữu của vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Mỗi chi tiết trong cung ấy cũng như trên đã nói, các vị cần nên biết. Cho đến phía trên cung điện của vua ấy cũng có khối nước, cũng có bốn loại gió giữ gìn gồm: Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất tùy, bốn là lao cố chủ.

Chư Tỳ-kheo, về phía Bắc của núi chúa Tu-di-lưu, khoảng cách xa cũng như trên, dưới biển rộng có trú xứ, cung điện của vua A-tu-la La-hầu-la. Cung điện ấy dài, rộng cũng như trên đã nói, cũng có các tường vách, lầu gác, đài canh, vườn, ao, các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông ướp và cũng có các loại chim, mỗi loài đều tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, trong chỗ đó mà có tòa thành. Vua trụ trong tòa thành đó. Thành có tên là Ma-bà-đế (Tùy dịch là Tịch chủ), dài, rộng trang nghiêm cũng như nói ở trên, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy hàng cây Đa-la, bảy lớp lưới chuông bao bọc xung quanh, nhiều sắc màu khả ái do bảy báu: vàng,… *cho đến* xa cừ, mã não tạo thành. Các tường vách ấy cao, thấp, dài, rộng cũng như trên đã nói. Các tường vách ấy cũng có các cửa. Các cửa đó, mỗi cửa cao, thấp, dài, rộng cũng như trên. Ở mỗi cửa cũng có lầu gác, đài canh, vườn, ao; trong ao cũng có các cây và các

loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông ướp, cũng có nhiều giống loại chim tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, tòa thành Ma-bà-đế, nơi trụ của vua A-tu-la La-hầu-la có chỗ hội tụ cũng có tên là Thất đầu. Nơi ấy dài, rộng như đã nói ở trên, bảy lớp lan can, các mành lưới chuông, các hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp mắt, cũng được trang nghiêm bằng bảy báu… *cho đến* xa cừ, mã não… Khắp bốn phương đều có cửa. Các cửa đó cũng có lầu gác nhiều màu đẹp mắt do bảy báu: vàng… *cho đến* xa cừ, mã não tạo thành. Dưới đất cũng dùng xa cừ cõi trời để rải khắp. Đất ấy mềm mịn, chạm vào như y Ca-chiên-lân-đề. Trong chỗ ấy có một cột báu cao thấp, dài rộng trang nghiêm, mỗi mỗi đều như ở trên đã nói, nhiều màu đẹp mắt, do bảy báu vàng…, xa cừ, mã não tạo thành, mềm mịn, trơn láng, chạm vào như y Ca-chiên-lân-đề. Bên phải của tòa ấy, (các A-tu-la) cũng vì mười sáu vị tiểu vương A-tu-la thiết trí riêng cho mỗi vị các tòa ngồi cao đẹp, nhiều màu, đẹp mắt, do bảy báu vàng…, xa cừ, mã não tạo thành. Bên trái cũng thế, có các tòa cao cho mười sáu vị tiểu vương A-tu-la cũng như trên đã nói, chạm vào mềm mịn như y Ca-chiên lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông nơi tụ hội Thất đầu của vua A-tu-la, tức trú xứ của vua A-tu-la La-hầu-la lại thiết trí riêng một cung điện. Cung điện ấy dài, rộng… tất cả đều giống như trên, bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông cho đến bảy hàng cây Đa-la, đều bao bọc chung quanh khắp bốn mặt, nhiều màu đẹp mắt, do bảy báu vàng… xa cừ, mã não tạo thành. Bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa ấy, mỗi cửa đều có lầu gác, đài canh phòng vệ, vườn, các ao, suối, các hoa, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương xông ướp; lại có các loài chim kỳ lạ đều tự kêu hót âm thanh hòa nhã, thật đáng yêu.

Chư Tỳ-kheo, nơi tụ hội Thất đầu, trú xứ của vua A-tu-la, bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc đều có trú xứ, cung điện của các vị tiểu vương A-tu-la. Nơi ấy dài, rộng chín trăm do-tuần, hoặc có tòa tám trăm, hoặc có tòa bảy trăm cho đến sáu trăm, năm, bốn, ba, hai trăm do-tuần. Tòa cung điện nhỏ nhất cũng là một trăm do-tuần. Tất cả đều có bảy lớp tường vách, lan can… *nói lược cho đến* các loài chim tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, Đông, Tây, Nam, Bắc trú xứ của vua A-tu-la, nơi tụ hội Thất đầu, mỗi phương đều có cung điện để ở của các tiểu vương A-tu-la. Nơi ấy dài, rộng chín mươi do-tuần, hoặc có cái tám mươi, bảy mươi

cho đến sáu mươi, năm, bốn, ba, hai mươi do-tuần. Tòa cung điện nhỏ nhất cũng là một hai do-tuần, có bảy lớp tường vách,… *nói lược cho đến* các loài chim tự kêu hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của nơi tụ hội Thất đầu, trú xứ của vua A-tu-la La-hầu-la đó, có khu lâm viên tên là Sa-la. Khu lâm viên ấy dài, rộng nhất nhất giống như trên, có bảy lớp tường vách, bảy lớp lan can, cho đến do bảy báu vàng,… mã não tạo thành. Khắp bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa đó đều có lầu gác nhiều màu, đẹp mắt,… cho đến cũng dùng bảy báu… xa cừ, mã não làm thành, thật rất đáng ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam của nơi tụ hội Thất đầu, trú xứ của vua A-tu-la La-hầu-la kia, có khu lâm viên tên là Xà-ma-lê dài, rộng trang nghiêm đều như trên đã nói, có bảy lớp tường vách, bảy hàng cây Đa-la, nhiều màu đẹp mắt, cũng do bảy báu vàng,… xa cừ, mã não đan xen tạo thành. Khắp bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa đó đều có lầu gác,… cho đến do mã não bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây của nơi tụ hội Thất đầu của vua A-tu-la ấy có khu lâm viên của vua A-tu-la La-hầu-la đó, tên là Câu-tỳ-đà-la, dài, rộng nhất nhất đều như trên đã nói, có bảy lớp tường vách… cho đến do mã não bảy báu tạo thành. Khắp bốn phương, mỗi hướng đều có các cửa. Các cửa ấy cũng có lầu gác, các loại báu đan xen trang hoàng, nhiều màu đẹp mắt,… cho đến được dùng xa cừ, mã não bảy báu để trang nghiêm, thật rất đáng ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc của nơi tụ hội Thất đầu của vua A-tu-la ấy có khu lâm viên của vua A-tu-la La-hầu-la đó, tên là Nan-đà-na. Khu lâm viên ấy dài, rộng như trên đã nói, có bảy lớp tường vách… cho đến do mã não bảy báu tạo thành. Khắp bốn phương đều có các cửa. Các cửa đó cũng có lầu gác, các loại báu đan xen trang hoàng, nhiều màu đẹp mắt,… cho đến được dùng xa cừ, mã não bảy báu để trang nghiêm, thật rất đáng ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu lâm viên Xà-ma-lê và Sa-la, có một cái ao nước của vua A-tu-la La-hầu-la đó, tên là Nan-đà. Ao ấy dài, rộng như trên đã nói. Nước trong ao mát lạnh, êm ả, ngon ngọt, trong sạch không cáu bẩn, dùng bảy báu để làm bảy lớp gạch bao bọc, dùng bảy báu để lót ở giữa rất trang nghiêm, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, còn có bảy hàng cây Đa-la vây bọc chung quanh, nhiều màu đẹp mắt… *cho đến* do mã não bảy báu tạo thành. Lại nữa, bốn hướng của ao đều có các con đường bằng bậc thềm, thật đáng ưa thích; còn được dùng bảy báu đan xen tạo thành.

Trong ao sanh các loại hoa: Ưu-bát-la, Bát-đà-ma, Cứu-mâu-đà, Bôn-trà-lợi-ca. Hoa màu lửa thì hình lửa, ánh sáng lửa,… *nói lược như trên, cho đến* hoa màu nước thì hình nước, ánh sáng nước; ánh sáng chiếu khắp bốn phương, hương xông tỏa ngào ngạt nơi nơi. Lại nữa, ngó rễ của hoa ấy cắt vào chảy ra nước màu trắng, vị ngon ngọt như mật ong không sáp.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu lâm viên Câu-tỳ-đà-la và Nan-đà-na, có một cội đại thọ của vua A-tu-la La-hầu-la, tên là Tô-chất-đa-la-ba-tra-la. Cội cây ấy dài, rộng, các loại trang nghiêm đều như trên đã nói, … *cho đến* bảy lớp tường vách, lan can, do bảy báu… xa cừ, mã não tạo thành, thật đàng ưa thích. *Nói lược cho đến* các loài chim đều tự kêu hót âm thanh hòa nhã khiến người nghe hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, nơi hội tụ Thất đầu của vị vua A-tu-la đó được trang hoàng như đã nói ở trên. Cũng có các con đường rẽ nhánh, đường đi qua lại tiện lợi để cho vua A-tu-la du ngoạn ngoài cung điện. Lại cũng có các con đường rẽ nhánh để cho các tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la qua lại thông thương. Xà-ma-lê và Câu-tỳ-đà-la cũng có đường rẽ. Nan-đà-na và ao Nan-đà, đại thọ Tô-chất-đa-la-ba-tra-la đều có đường rẽ qua lại thông thương để dạo chơi vui vẻ.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la La-hầu-la muốn đến khu lâm viên Sa-la, khu lâm viên Nan-đà-na để tắm gội, dạo chơi, ngoạn cảnh thì khi ấy tâm vua nghĩ đến vua A-tu la Tỳ-ma-chất-đa-la. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến ta, muốn cùng ta dạo chơi". Lúc đó vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la suy nghĩ xong, lại tự nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la của mình. Khi đó các vị tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la lập tức khởi niệm nghĩ: "Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đang nghĩ đến chúng ta. Chúng ta phải đến đó". Họ liền lấy các loại châu báu, Anh lạc trang điểm trên thân mình. Trang điểm xong, tất cả đều cưỡi xe đến chỗ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Khi đến trước cửa cung, họ đều đứng lại một cách nghiêm trang. Lúc bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la thấy các vị tiểu vương A-tu-la và chúng Tiểu a-tu-la đều đã tụ tập, liền tự trang nghiêm thân, đeo các ngọc Anh lạc, rồi cưỡi các loại xe cùng các tiểu vương và chúng A-tu-la vây quanh theo hầu hai bên phải trái và trước sau đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la; đến nơi liền dừng lại.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vị A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi đó hai vị A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la cũng nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la nay nghĩ đến chúng ta". Họ biết như

thế rồi mỗi người lại nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các chúng A-tu-la của mình. Các vị ấy sau khi biết xong cũng đều tụ tập, trang điểm xong liền đi tới chỗ hai vua A-tu-la Dũng Dược và Xà-bà-la. Khi hai vị đến nơi, hai vua cũng trang điểm ngọc Anh lạc trên thân, cưỡi xe cùng chúng A-tu-la vây quanh đi đến chỗ vua A-tu-la La-hầu-la. Đến nói, tất cả đều đứng theo chỗ của mình.

Khi ấy vua A-tu-la La-hầu-la thấy các vị vua như Tỳ-ma-chất-đa-la… đều đã tụ tập, liền tự nghĩ đến các vị tiểu vương A-tu-la và chúng A-tu-la của mình. Các vị ấy biết xong, mỗi vị cũng tự trang điểm, cưỡi xe đến trước vua A-tu-la La-hầu-la, đứng trang nghiêm. Lúc đó vua A-tu-la La-hầu-la thấy thế, tự đeo các loại ngọc Anh lạc… trang điểm thân mình, ngự trên các loại xe cùng các vị vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược, Xà-bà-la và các vị tiểu vương A-tu-la, chúng A-tu-la tụ hội, vây quanh sau trước lên đường hướng đến khu rừng Sa-la, rừng Xà-ma-lê, rừng Câu-tỳ-đà-la, rừng Nan-đà-na. Sau khi đến nơi, họ dừng nghỉ một lát trước khu rừng Nan-đà-na.

Chư Tỳ-kheo, trong khu lâm viên Nan-đà-na ấy tự nhiên có ba loại gió thổi lên. Ba loại gió ấy là gì? Đó là gió khai, gió tịnh và gió xuy. Trong đó, gió khai là loại gió mở toang các cửa; gió tịnh quét sạch mặt đất; gió xuy là loại gió thổi các hoa trên cây. Chư Tỳ-kheo, trong khu lâm viên Nan-đà-na ấy, các loại hoa đẹp thượng diệu rơi đầy ngập đất, hương của hoa tỏa khắp khu lâm viên, vô cùng trang nghiêm, đầy đủ các thứ đẹp mắt.

Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la cùng các vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược, Xà-bà-la, các vị tiểu vương, chúng quyến thuộc Tiểu a-tu-la đang vây quanh đi vào vườn Nan-đà-na. Sau khi vào rồi, họ tắm gội, dạo chơi, hưởng lạc, thưởng ngoạn; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, tùy theo ước muốn, ý thích.

Chư Tỳ-kheo, vị vua A-tu-la La-hầu-la ấy luôn có năm vị A-tu-la theo hộ vệ, phòng các điều chẳng lành; tên của họ giống như trên. Phía trên cung có khối nước biển dài rộng, sâu cạn, có bốn loại gió giữ gìn khiến không để đổ xuống *đều như trên đã nói.*

-oOo-

Phẩm 7: TỨ THIÊN VƯƠNG

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Đông núi chúa Tu-di-lưu, cách đất bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có thành quách của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Thành ấy tên là Hiền thượng, ngang dọc sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông. Lại có bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều dùng bảy báu là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trí-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não để trang trí. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu gác canh phòng, đài, vườn, ao; các vườn hoa có các thứ cây và các thứ lá, các thứ hoa quả, các thứ hương xông; có các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Nam núi chúa Tu-di-lưu, cách đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca. Thành ấy tên là Thiện hiện, ngang dọc, trang trí nhất nhất đều giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra ở trên... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Tây núi chúa Tu-di-lưu, cách đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có thành quách của Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa. Tên thành là Thiện quán, ngang dọc, trang trí, nhất nhất giống như trú xứ của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra ở trên... *cho đến* các loài chim, cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, rất dễ ưa thích.

Chư Tỳ-kheo, lưng chừng phía Bắc núi chúa Tu-di-lưu, cách đất cũng bốn vạn hai ngàn do-tuần, trên đỉnh núi Do-càn-đà, có ba thành quách của Thiên vương Tỳ-sa-môn. Ba thành ấy là gì? Một là Tỳ-xá-la-bà, hai là Già-bà-bát-đế, ba là A-trà-bàn-đa. Mỗi thành ngang dọc sáu trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường bảy lớp lan can... *cho đến* các loài chim, cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, chỉ trừ cung điện Nguyệt thiên tử, bảy tòa cung điện lớn của Nhật thiên tử, ngoài ra trong đó, có các cung điện của Tứ thiên vương, chư Thiên quyến thuộc. Có cái ngang dọc bốn mươi do-tuần, hoặc có cái ba mươi, hai mươi, mười hai do-tuần; cái nhỏ nhất, ngang dọc cũng sáu do-tuần, cũng đều có bảy lớp bờ tường, lan can như trên,... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện Tỳ-xá-la-bà và Già-bà-bát-đế, có một ao nước của Thiên vương Tỳ-sa-môn. Ao ấy tên là Na-trĩ-ni, ngang dọc bốn mươi do-tuần. Nước ao điều hòa, trong mát nhẹ nhàng;

vị nước ngon ngọt thơm tho, tinh khiết không bẩn. Bốn bên bờ ao có bảy lớp thềm gạch, bảy lớp ván báu xen lẫn phân minh; có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, cũng có bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, đều do bảy báu tạo thành, đó là xa cừ, mã não… Ở bốn phía đều có đường cấp cũng được trang trí bằng bảy báu. Ở trong ao, có các thứ hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng tự nhiên mọc lên. Hoa ấy màu lửa, hình lửa, ánh sáng lửa... *cho đến* màu nước, hình nước, ánh sáng nước. Hoa nở lớn như bánh xe; ánh sáng của hoa chiếu đến nửa do-tuần, hương thơm tỏa ngát một do-tuần; có các ngó sen lớn như trục bánh xe, cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa ăn vào ngon ngọt, mùi vị như mật.

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai cung điện Già-bà-bát-đế và A-trà-bàn-đa có vườn ngự uyển của Thiên vương Tỳ-sa-môn. Vườn ấy tên là Ca-tỳ-diên-đa, ngang dọc bằng nhau bốn mươi do-tuần; có bảy lớp bờ tường; bảy lớp lan can... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ… *như trên đã nói cho đến* đều do bảy báu tạo thành.

Trú xứ Hiền thượng của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra có hai con đường qua lại trong thành quách. Trú xứ Thiện hiện của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca cũng có hai con đường qua lại trong thành quách. Trú xứ Thiện quán của Thiên vương Tỳ-lâu-bát-xoa cũng có hai con đường qua lại trong thành quách. Thành A-trà-bàn-đa của Thiên vương Tỳ-sa-môn có hai con đường. Thành Tỳ-xá-la-bà và Già-bát-đế… cũng đều có hai con đường. Cung điện của các chúng Tiểu thiên và quyến thuộc của Tứ thiên vương cũng có hai con đường qua lại. Ao Na-trĩ-ni và vườn Ca-tỳ-diên-đa cũng có hai con đường qua lại.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn khi muốn đến vườn Ca-tỳ-diên-đa du hý tắm rửa thì trong lòng liền nghĩ đến Thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Bấy giờ Thiên vương Đề-đầu-lại-tra cũng khởi sanh ý nghĩ: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đã nghĩ đến ta". Biết như vậy rồi, vị ấy liền nghĩ đến các Tiểu thiên vương và Thiên chúng quyến thuộc. Khi ấy các Thiên vương và Thiên chúng thân thuộc ở phương Đông đều nghĩ thế này: "Thiên vương Đề-đầu-lại-tra đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ đều trang điểm thân thể bằng các thứ Anh lạc, cưỡi các loại xe đi đến bên Thiên vương Đề-đầu-lại-tra. Đến trước mặt rồi, đứng sang một bên. Bấy giờ Thiên vương Đề-đầu-lại-tra liền tự trang điểm, mang các Anh lạc. Rồi lên xa giá cùng các chúng Tiểu thiên vương quyến thuộc vây quanh sau

trước, dẫn nhau đến bên Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến rồi, họ đứng trước mặt Thiên vương Tỳ-sa-môn.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn lại nghĩ đến hai vị Thiên vương là Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bát-xoa. Khi ấy hai vị Thiên vương kia nghĩ thế này: "Thiên vương Tỳ-sa-môn nghĩ đến chúng ta". Biết như thế rồi, họ liền nghĩ đến các Tiểu thiên vương và các chúng Thiên vương do họ thống lãnh. Khi ấy các tiểu vương và chúng Thiên kia cũng nghĩ: "Đại vương chúng ta đang nghĩ đến chúng ta. Ngay bây giờ phải đi nhanh đến đó". Nghĩ như vậy rồi, họ liền trang điểm Anh lạc trên thân, cùng kéo đến chỗ hai Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca và Tỳ-lâu-bát-xoa; đến rồi, dừng lại. Khi ấy hai vị Thiên vương biết các tiểu vương và chúng Thiên vương tụ tập đến rồi, liền tự trang điểm thân thể, mang các Anh lạc, rồi lên xe, có Thiên chúng vây quanh, cùng nhau đi đến cung Đại thiên vương Tỳ-sa-môn. Đến nơi, tất cả đều dừng lại ở trước.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn biết các chúng của hai vị Thiên vương vân tập rồi, lại nghĩ đến các Tiểu thiên vương và quần chúng do mình lãnh đạo. Khi ấy các Tiểu thiên vương và Thiên chúng phương Bắc nghĩ thế này: "Thiên vương Tỳ-sa-môn đang nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, ai nấy đều mang các thứ báu, Anh lạc trang điểm thân thể, đi đến trước Thiên vương Tỳ-sa-môn, đứng lại.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn tự mang các thứ báu, anh lạc, trang điểm thân thể, rồi lên các thứ xe, cùng bốn Đại thiên vương Đề-đầu-lại-tra, Tỳ-lâu-lặc-ca, Tỳ-lâu-bát-xoa…; ai cũng cùng các chúng chư Thiên sở thuộc, vây quanh sau trước, cùng đi đến vườn Ca-tỳ-diên-đa. Đến rồi đứng lại trước vườn.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Ca-tỳ-diên-đa, tự nhiên có ba làn gió thổi đến: một là khai, hai là tịnh, ba là xuy. Khai là mở cửa vườn; tịnh là làm sạch đất vườn; xuy là thổi cây trong vườn, các hoa rơi rụng tung bay.

Chư Tỳ-kheo, các hoa trong vườn Ca-tỳ-diên-đa, ngập tới đầu gối, các thứ mùi thơm phảng phất khắp nơi.

Bấy giờ Thiên vương Tỳ-sa-môn, Thiên vương Đề-đầu-lại-tra, Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-ca, Thiên vương Tỳ-lâu-bát-xoa… với các Tiểu thiên vương và quyến thuộc vây quanh, cùng đi vào vườn Ca-tỳ-diên-đa, tắm rửa, du hý, hưởng thụ các thứ khoái lạc. Ở trong vườn ấy, hoặc một tháng, hai tháng, ba tháng, tắm rửa, du hý, hưởng lạc xong, muốn đi đâu tùy ý.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn cũng có năm thần vương

Dạ-xoa luôn luôn theo hầu hai bên tả hữu để bảo vệ. Những ai là năm? Một tên là Ngũ trượng, hai tên Khoáng dã, ba tên Kim sơn, bốn tên Trường thân, năm tên Chân mao.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tỳ-sa-môn qua lại du hý, thường được năm thần Dạ-xoa này hộ vệ.

-oOo-

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 1

Chư Tỳ-kheo, trên đỉnh núi Tu-di-lưu có trú xứ, cung điện của chư Thiên cõi Ba mươi ba. Nơi ấy ngang dọc tám vạn do-tuần; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là vàng, bạc, tỳ lưu ly, pha-trí-ca, hồng ngọc, xa cừ, mã não… tạo thành. Bờ tường cao bốn trăm do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Các bờ tường cách nhau năm trăm do-tuần, ở giữa có các cửa. Các cửa ấy cao ba mươi do-tuần, rộng mười do-tuần. Hai bên cửa có các lầu canh phòng; đài gác và xe cộ… Lại có các ao và vườn hoa, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các thứ hương xông tỏa, có các loài chim cùng nhau ca hót, âm thanh hòa nhã, rất dễ ưa thích. Lại nữa, ở các cửa ấy luôn luôn có năm trăm Dạ-xoa bảo vê cho Tam thập tam thiên.

Chư Tỳ-kheo, trong bờ tường ấy có một thành quách tên là Thiện kiến của vua Tam thập tam thiên. Thành ấy ngang dọc sáu vạn do-tuần; có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, cũng trang trí bằng bảy báu là xa cừ, mã não… Tường của thành ấy cao một trăm do-tuần, ở trên rộng năm mươi do-tuần. Bờ tường của thành cũng cách nhau năm trăm do-tuần. Ở khoảng giữa đều có các cửa. Mỗi cửa cao ba mươi do-tuần, rộng mười do-tuần. Các cửa ấy cũng có lầu canh phòng; đài gác, các ao nước, vườn hoa, có các loại cây, các loại lá, các loại hoa quả, các loại hương thơm, các loài chim, cùng nhau ca hót. Ở các cửa ấy, mỗi cửa có năm trăm Dạ-xoa thủ hộ cho Tam thập tam thiên.

Chư Tỳ-kheo, gần bên thành Thiên cung Thiện kiến có cung điện của Đại long tượng vương Y-la-bát-na. Cung điện ấy ngang dọc sáu trăm do-tuần, cũng có bảy lớp tường vách, lan can... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, ở trong bờ tường lớn của thành Thiện kiến có hội trường của Tam thập tam thiên, tên là Thiện pháp đường. Nơi ấy ngang dọc năm trăm do-tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu là xa cừ, mã não… tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa, đều có lầu cao canh phòng, đài nhà, đủ loại màu sắc, do bảy báu tạo thành. Đất nơi ấy toàn là lưu ly xanh báu, mềm mại trơn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề. Ngay ở giữa có một trụ báu, cao hai mươi do-tuần. Ở dưới trụ báu có đặt một tòa ngồi cho trời Đế-thích, cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* xa cừ, mã não… bảy báu tạo thành, mềm mại mịn láng, chạm vào… *như trên*. Hai bên tòa đều có mười sáu tòa cho Tiểu thiên vương để thị vệ, bằng bảy báu tạo thành, nhiều màu đẹp đẽ, mịn láng, sờ vào… *như trên không khác.*

Chư Tỳ-kheo, nơi hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên lại lập một cung điện cho trời Đế-thích. Cung ấy rộng một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông, Nam, Tây, Bắc hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, có cung điện của các tiểu vương, ngang dọc chín trăm do-tuần, hoặc có cái tám, hoặc bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai trăm do-tuần, cái nhỏ nhất rộng một trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót. Phía Đông, Nam, Tây, Bắc hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên là cung điện của các Tiểu thiên ở cõi Tam thập tam thiên, ngang dọc chín mươi do-tuần, hoặc tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi do-tuần, cái nhỏ nhất rộng mười hai do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng nhau ca hót.

Chư Tỳ-kheo, phía Đông của hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên có vườn thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên, tên là Ba-lâu-sa, ngang dọc một ngàn do-tuần... *cho đến* bảy lớp bờ tường, do mã não… bảy báu tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Tại các cửa ấy, có các lầu gác, nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn thượng uyển Ba-lâu-sa, có hai tảng đá lớn: Một tên là Hiền, hai tên là Thiện hiền, do mã não trời tạo thành. Mỗi tảng đá ngang dọc đều năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, phía Nam hội trường Thiện pháp đường của chư

Thiên có một vườn thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên tên là Tạp sắc xa, ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não tạo thành. Khắp bốn phía đều có các cửa. Ở các cửa đều có lầu gác nhiều màu đẹp đẽ... *cho đến* mã não tạo thành. Ở trong vườn ấy cũng có hai tảng đá: Một tên Tạp sắc, hai tên là Thiện tạp sắc, toàn dùng lưu ly xanh trời tạo thành. Mỗi tảng ngang dọc cũng năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đà.

Chư Tỳ-kheo, phía Tây hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên cũng có một thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên tên là Tạp loạn, ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* do bảy báu tạo thành. Bốn phía đều có cửa và có lầu gác canh phòng, đài gác đều do bảy báu tạo thành. Vườn Tạp loạn ấy cũng có hai tảng đá: Một tên Thiện hiện, hai tên Tiểu thiện hiện, do pha-trí-ca trời tạo thành, mỗi tảng ngang dọc cũng năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đà.

Chư Tỳ-kheo, phía Bắc hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên lại có một thượng uyển của Thiên vương Tam thập tam thiên, tên là Hoan hỷ, ngang dọc một ngàn do-tuần, có bảy lớp bờ tường... *cho đến* mã não… bảy báu tạo thành. Bốn phía đều có cửa, mỗi cửa đều có lầu cao, đài gác canh phòng, cũng trang trí bằng bảy báu.

Chư Tỳ-kheo, trong vườn Hoan hỷ cũng có hai tảng đá: Một tên Hoan hỷ, hai tên Thiện hoan hỷ, do bạc trời tạo thành. Mỗi tảng ngang dọc cũng năm mươi do-tuần, mềm mại mịn láng, chạm vào giống như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai khu vườn Ba-lâu-sa và Tạp sắc xa, có một ao nước của Thiên vương Tam thập tam thiên tên là Hoan hỷ, ngang dọc năm trăm do-tuần. Nước ao mát lạnh, ngon ngọt, nhẹ nhàng, thanh khiết không bẩn. Bốn mặt bờ bằng gạch bảy báu, có bảy lớp ván báu xen lẫn; có bảy lớp lan can... *cho đến* bảy lớp hàng cây Đa-la, bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ. Bốn phía ao đều có đường cấp, trang trí toàn bằng bảy báu. Trong ao có các loài hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng… Hoa màu lửa thì hình lửa, ánh sáng lửa, cho đến màu nước thì hình nước, ánh sáng nước, ngang dọc lớn nhỏ đều như bánh xe. Ánh sáng của hoa chiếu sáng một do-tuần. Gió thổi mùi hương lan tỏa một do-tuần; có các ngó sen lớn như trục xe, cắt ra nhựa chảy, màu trắng như sữa, mùi vị ngon ngọt như mật ong.

Chư Tỳ-kheo, giữa hai vườn Tạp loạn và Hoan hỷ có một cội đại

thọ của Thiên vương Tam thập tam thiên, tên là Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la. Vòng gốc bảy do-tuần... *cho đến* cành lá che phủ bờ tường, ngang dọc năm trăm do-tuần; có bảy lớp bờ tường... *cho đến* các loài chim cùng ca hót.

Chư Tỳ-kheo, dưới đại thọ Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la có một tảng đá tên là Bàn-trà-cam-bà-la, do bạc trời tạo thành, ngang dọc năm mươi do-tuần, mềm mại trơn láng, chạm vào như áo Ca-chiên-lân-đề.

Chư Tỳ-kheo, ở đây, vì sao hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên gọi là Thiện pháp? Chư Tỳ-kheo, vì tại hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, khi Thiên vương Tam thập tam thiên tụ hội an tọa rồi, ở đó chỉ bàn luận các ý nghĩa vi diệu bí áo; thẩm xét, tư duy, cân nhắc, quán sát phần nhiều là sự việc quan trọng, chân thật chánh lý của thế gian. Vì vậy gọi là hội trường Thiện pháp đường.

Còn vì sao gọi là vườn Ba-lâu-sa-ca? Chư Tỳ-kheo, khi Thiên vương Tam thập tam thiên vào trong vườn Thô sáp rồi, ngồi trên hai tảng đá Hiền, Thiện hiền, chỉ bàn luận ngôn ngữ thô ác bất thiện của thế gian. Vì vậy gọi là Ba-lâu-sa-ca.

Còn nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp sắc xa? Chư Tỳ-kheo, khi Thiên vương Tam thập tam thiên vào trong vườn Tạp sắc xa rồi, ngồi trên hai tảng đá Tạp sắc và Thiện tạp sắc bàn luận các loại hình thái ngôn ngữ đủ loại của thế gian. Vì vậy gọi là vườn Tạp sắc xa.

Còn nhân duyên gì mà gọi là vườn Tạp loạn? Chư Tỳ-kheo, ở vườn Tạp loạn, Thiên vương Tam thập tam thiên thường lấy ngày mồng tám, ngày mười bốn, ngày mười lăm trong tháng, cho tất cả thể nữ ở trong cung vào vườn, để cùng với Thiên chúng Tam thập tam thiên qua lại vui chơi không gì ngăn cách, tự do vui hưởng năm thứ dục lạc cõi trời, một cách đầy đủ, và du hành hưởng lạc. Vì vậy chư Thiên ở chốn ấy cùng gọi vườn kia là vườn Tạp loạn.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN VII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 2

Chư Tỳ-kheo, vì nhân duyên gì mà vườn ấy được gọi là vườn Hoan hỷ? Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Tam thập tam thiên khi vào vườn ấy rồi, ngồi trên hai tảng đá, tâm cảm thấy vui mừng, ý nghĩ vui mừng; ý nghĩ này qua ý nghĩ khác, tâm cảm thấy an vui và niềm vui cứ tiếp nối liên tục. Vì vậy họ gọi vườn ấy là vườn Hoan hỷ.

Chư Tỳ-kheo, còn cây ấy vì nhân duyên gì mà được gọi là cây Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la? Chư Tỳ-kheo, dưới cây Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la có vị Thiên tử tên là Mạt-đa trú ngụ, ngày đêm thường dùng đủ mọi thú vui ngũ dục cõi trời pha trộn du hý hưởng lạc. Vì vậy chư Thiên gọi cây ấy là cây Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la.

Chư Tỳ-kheo, Tam thập tam thiên dù khi có việc gấp cũng chưa từng rời tảng đá Bàn-trà-cam-bà kia, chỉ khi thiết lễ cúng dường tôn trọng cung kính rồi, tùy theo ý muốn đi đâu mới đi. Vì sao? Vì tảng đá này là trú xứ của Như Lai khi xưa, nên chư Thiên cho là chỗ tích tụ công đức. Tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều cúng dường.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Tam thập tam chỉ có mắt thấy được vườn Ba-lâu-sa-ca nhưng thân không vào được. Do thân không vào được nên không được hưởng đầy đủ các thú vui ngũ dục ở nơi ấy. Vì sao? Vì nơi ấy nghiệp quả tốt đẹp mà thiện căn đời trước của họ lại yếu kém nên không được vào. Cũng có hạng trời Tam thập tam được nhìn thấy vườn Ba-lâu-sa-ca, thân cũng được vào; đã được vào rồi thì được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hợp cõi trời. Vì sao? Vì thiện căn của họ tăng trưởng tốt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Tam thập tam mắt chẳng thấy được vườn Tạp sắc xa, thân cũng chẳng vào được, cũng chẳng được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hợp. Vì sao? Vì thiện căn của họ có sự sai biệt.

Lại có hạng trời Tam thập tam, mắt tuy thấy được vườn Tạp sắc xa nhưng thân không vào được, cũng không được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục kết hợp. Vì sao? Vì thiện căn họ có ưu, có liệt.

Lại có hạng trời Tam thập tam, mắt đã được thấy vườn Tạp sắc xa, thân cũng được vào. Đã được vào rồi, được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của các thú vui năm dục. Vì sao? Vì thiện căn họ tăng trưởng tốt đẹp.

Chư Tỳ-kheo, tất cả trời Tam thập tam đều được thấy vườn Tạp loạn, cũng đều được vào; đã được vào rồi đều được thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hiệp trong khu vườn ấy. Vì sao? Vì nơi ấy không có sự phân biệt khác nhau về thiện căn tu hành.

Chư Tỳ-kheo, có hạng trời Tam thập tam chẳng được thấy vườn Hoan hỷ, cũng chẳng được vào, cũng chẳng được hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hợp trong khu vườn ấy. Vì sao? Vì nơi ấy, quả báo cho sự tạo nghiệp đời trước của họ có sự sai khác.

Lai có hạng trời Tam thập tam được thấy vườn Hoan hỷ, nhưng chẳng được vào, cũng chẳng được thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hiệp. Vì sao? Vì đối với nơi ấy, nghiệp của họ khác nhau.

Lại có hạng trời Tam thập tam được thấy vườn Hoan hỷ, thân họ cũng vào được; đã vào rồi, được thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc cùng tính chất của thú vui năm dục hòa hiệp. Vì sao? Vì đối với nơi ấy, khi họ huân tu và tạo các thiện nghiệp, không có sai biệt.

Chư Tỳ-kheo, Thiện pháp đường, hội trường của Tam thập tam thiên, có hai con đường; nơi cung điện của vua trời Đế-thích có hai con đường; nơi cung điện của các Tiểu thiên vương và quyến thuộc Tam thập tam thiên cũng có hai con đường; nơi cung điện của Đại long tượng vương Y-la-bà-na cũng có hai con đường; vườn Ba-lâu-sa-ca cũng có hai con đường; vườn Tạp sắc xa, vườn Tạp loạn và vườn Hoan hỷ, ao… mỗi nơi đều có hai con đường; đại thọ Ba-lợi-dạ-đa-la-câu-tỳ-đà-la cũng có hai con đường.

Chư Tỳ-kheo, vua trời Đế-thích khi muốn đến vườn Ba-lâu-sa-ca và các vườn Tạp sắc xa, Hoan hỷ… để tắm rửa vui chơi giải trí, bấy giờ vua nghĩ đến Đại long tượng vương Y-la-bà-na. Đại long tượng vương cũng

nghĩ thế này: "Vua trời Đế-thích đã nghĩ đến ta". Biết như thế rồi, vị ấy liền ra khỏi cung, tự biến hóa thành ba mươi ba cái đầu, trên mỗi đầu hóa ra sáu ngà; trên mỗi ngà hóa ra bảy cái ao; trong mỗi cái ao có bảy đóa hoa; trên mỗi đóa hoa đều có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ lại có bảy nữ nhân hầu cận. Bấy giờ Đại long tượng vương hiện làm các loại thần biến như thế rồi liền đi đến chỗ vua trời Đế-thích. Đến nơi, vị ấy dừng lại trước Đế-thích.

Bấy giờ vua trời Đế-thích nghĩ đến các Tiểu thiên vương cõi Tam thập tam thiên và ba mươi hai chúng chư Thiên… Khi ấy các tiểu vương và chư Thiên cũng nghĩ thế này: "Vua trời Đế-thích đang nghĩ đến chúng ta. Biết như vậy rồi, họ dùng các thứ Anh lạc tuyệt đẹp trang điểm thân thể, rồi đều cưỡi trên các thứ xe đi đến bên trời Đế-thích. Đến nơi rồi, họ đều dừng lại phía trước. Khi ấy trời Đế-thích thấy rồi, liền tự trang điểm thân thể, mang các loại Anh lạc, rồi cùng với chúng chư Thiên hai bên sau trước vây quanh cưỡi lên Long tượng vương Y-la-bà-na. Vua trời Đế-thích ngồi trên đầu ở chính giữa, hai bên tả hữu có mười sáu Tiểu thiên vương đều cưỡi trên đầu biến hóa của Long tượng vương Y-la-bà-na. Tất cả ngồi yên rồi, khi ấy trời Đế-thích dẫn Thiên chúng đến các khu vườn Ba-lâu-sa-ca, Tạp sắc xa, Tạp loạn và Hoan hỷ… đến rồi, dừng lại. Trong bốn khu vườn Hoan hỷ… đều có ba thứ gió giữ gìn, đó là khai, tịnh, xuy: khai mở cửa, tịnh làm sạch đất, và xuy thổi hoa, *nói lược như trên…*

Chư Tỳ-kheo, trong các vườn ấy, gió thổi hoa rơi khắp mặt đất, ngập tới đầu gối; mùi thơm của hoa lan tỏa khắp mọi nơi. Khi ấy, Đế-thích cùng với Tiểu thiên vương Tam thập tam thiên, quyến thuộc vây quanh, đi vào các vườn Tạp sắc xa, Hoan hỷ… vui chơi hưởng lạc, tùy ý du hành, hoặc nằm, hoặc ngồi. Khi ấy vua trời Đế-thích muốn được Anh lạc liền nghĩ đến Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma. Thiên tử ấy liền biến hóa ra các Anh lạc báu dâng lên Thiên vương. Nếu chư Thiên Tam thập tam thiên và quyến thuộc…, ai cần Anh lạc, Tỳ-thủ-yết-ma đều biến hóa ra mà cung cấp. Ai muốn nghe âm thanh, kỹ nhạc thì có các loài chim phát ra đủ loại âm thanh, rất hòa nhã, khiến chư Thiên thích nghe. Bấy giờ chư Thiên hưởng lạc như thế một ngày cho đến bảy ngày, một tháng cho đến ba tháng; đủ các loại giải trí, tắm rửa vui đùa, đi đứng ngồi nằm, tự do thoải mái.

Chư Tỳ-kheo, Thiên vương Đế-thích có mười vị Thiên tử luôn luôn hộ vệ: Một là Nhân-đà-la-ca, hai là Cù-ba-ca, ba là Tần-đầu-ca, bốn là Tần-đầu-bà-ca, năm là A-câu-tra-ca, sáu là Tra-đô-đa-ca, bảy là Thời-bà-

ca, tám là Hồ-lô-kỳ-na, chín là Nan-trà-ca, mười là Hồ-lô-bà-ca. Chư Tỳ-kheo, trời Đế-thích luôn luôn được mười vị Thiên tử ấy theo hai bên tả hữu để hộ vệ, chưa từng rời xa.

Chư Tỳ-kheo, đất Diêm-phù-đề, vì mọi người, có loài hoa sanh trong nước cực kỳ tinh diệu, rất khả ái. Đó là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng. Mùi hương của các hoa ấy lan tỏa êm dịu. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca…

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Cù-đa-ni có các loài hoa sanh trong nước cực kỳ xinh đẹp, là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi thơm ngào ngạt, lan tỏa khắp nơi. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca,…

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Phất-bà-đề có các loài hoa sanh trong nước vô cùng đẹp đẽ, đó là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, màu rất tươi thắm, mùi hương lan tỏa. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca…

Chư Tỳ-kheo, người ở cõi Uất-đa-la-cứu-lưu có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi thơm êm dịu. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-nị-ca…

Chư Tỳ-kheo, các loài Rồng và Kim sí điểu cũng đều có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi thơm lan tỏa, êm dịu tuyệt vời. Trên đất sanh các loài hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đê-sa-ca-lợi-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca…

Chư Tỳ-kheo, loài A-tu-la cũng đều có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen

trắng, mùi hương lan khắp, rất dễ ưa thích. Trên đất sanh các loại hoa cực kỳ xinh đẹp, là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đề-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sư-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, Tần-lân-đàm, Ma-ha tần-lân-đàm, Mạn-đà-la-phạm, Ma-ha mạn-đà-la-phạm…

Chư Tỳ-kheo, Tứ thiên vương và chư Thiên có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp, vi diệu, khả ái sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi hương rất thơm, tính chất êm dịu. Trên đất sanh các loại hoa cực kỳ xinh đẹp là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đề-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, Tần-lân-đàm, Ma-ha tần-lân-đàm…

Chư Tỳ-kheo, Tam thập tam thiên có các loài hoa cực kỳ xinh đẹp, vi diệu, khả ái sanh trong nước là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng, mùi rất thơm, tính chất êm dịu. Trên đất sanh các loại hoa, vi diệu khả ái là hoa A-đề-mục-đa-ca, Chiêm-ba-ca, Ba-tra-la, Tô-ma-na, Bà-lợi-sư-ca, Ma-lợi-ca, Ma-đầu-kiền-đề-ca, Tao-kiền-đề-ca, Du-đề-ca, Thù-đề-sa-ca-lợi-ca, Đà-nô-sa-ca-ni-ca, Yết-ca-la-lợi-ca, Ma-ha yết-ca-la-lợi-ca, Tần-lân-đàm, Ma-ha tần-lân-đàm, Mạn-đà-la-phạm, Ma-ha mạn-đà-la-phạm…

Giống như các loại hoa mà trời Tam thập tam đã có, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại và trời Ma thân, theo thứ lớp, cũng có hoa như thế không khác. Nên biết tất cả.

Chư Tỳ-kheo, người thế gian có bảy màu. Những gì là bảy? Chư Tỳ-kheo, đó là màu lửa hình lửa, màu vàng hình vàng, màu xanh hình xanh, màu đỏ hình đỏ, màu trắng hình trắng, màu vàng hình vàng, màu đen hình đen. Giống như thường sắc của Ma, Phạm.

Chư Tỳ-kheo, người thế gian có bảy loại màu ấy, các A-tu-la cũng như thế, có bảy màu đó. Chúng chư Thiên cũng có bảy màu ấy, giống như thường sắc của Ma, Phạm.

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên có mười pháp riêng biệt. Những gì là mười? Chư Tỳ-kheo, một là chư Thiên đến đi, tới lui, không giới hạn; hai là chư Thiên đi, tới lui không chướng ngại; ba là chư Thiên đi, không có mau, chậm; bốn là chư Thiên đi, không có dấu chân; năm là thân chư Thiên không bệnh hoạn, mệt mỏi; sáu là thân chư Thiên có hình không bóng; bảy là chư Thiên không đại tiểu tiện; tám là chư Thiên không khạc nhổ; chín là

thân chư Thiên thanh tịnh vi diệu, không có mỡ, tủy, da, thịt, và máu, gân, xương, mạch…; mười là thân chư Thiên muốn hiện cao, thấp, xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn, nhỏ, thô, tế đều được như ý và đều đẹp đẽ tuyệt vời, dễ mến, khiến người ưa thích.

Thân của chư Thiên có mười điều chẳng thể nghĩ bàn như thế.

Chư Tỳ-kheo, lại thân chư Thiên có thật không hư, thảy đều đầy đặn; răng trắng mà khít, tóc xanh bằng thẳng, mềm mại bóng mượt, thân tự nhiên sáng, có sức thần thông, bay đi trên không, mắt nhìn không nháy, anh lạc tự nhiên, y phục không bẩn.

Chư Tỳ-kheo, người ở châu Diêm-phù-đề thọ một trăm tuổi, trong đó có người chết yểu. Người ở châu Cù-đà-ni thọ hai trăm tuổi, trong đó cũng có người chết yểu. Người ở châu Phất-bà-đề thọ ba trăm tuổi, trong đó cũng có người chết yểu. Người ở châu Uất-đa-cứu-lưu thọ một ngàn tuổi, không có người chết yểu. Các chúng sanh cõi Diêm-ma-la thọ bảy vạn hai ngàn tuổi, trong đó cũng có loại chết yểu. Các Rồng và Kim sí điểu thọ một kiếp, trong đó cũng có con chết yểu. A-tu-la thọ một ngàn tuổi bằng trời, trong đó cũng có loại chết yểu. Tứ thiên vương thọ năm trăm tuổi, trong đó cũng có chết yểu. Tam thập tam thiên thọ một ngàn tuổi. Chư Thiên Dạ-ma thọ hai ngàn tuổi. Trời Đâu-suất-đà thọ bốn ngàn tuổi. Chư Thiên Hóa lạc thọ tám ngàn tuổi. Trời Tha hóa tự tại thọ mười sáu ngàn tuổi. Trời Ma thân thọ ba vạn hai ngàn tuổi. Trời Phạm thân thọ một kiếp. Trời Quang ức niệm thọ hai kiếp. Chư Thiên Biến tịnh thọ bốn kiếp, chư Thiên Quảng quả thọ tám kiếp, chư Thiên Vô tưởng thọ mười sáu kiếp. Chư Thiên Bất nhiệt thọ ngàn kiếp. Chư Thiên Vô phiền thọ hai ngàn kiếp. Chư Thiên Thiện kiến thọ ba ngàn kiếp. Chư Thiên Thiện hiện thọ bốn ngàn kiếp. Trời Sắc cứu cánh thọ năm ngàn kiếp. Trời Hư không xứ thọ mười ngàn kiếp. Trời Thức xứ thọ hai vạn một ngàn kiếp. Trời Vô sở hữu xứ thọ bốn vạn hai ngàn kiếp. Trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ thọ tám vạn bốn ngàn kiếp. Trong các hàng chư Thiên đó, đều có hạng chết yểu.

Chư Tỳ-kheo, thân người Diêm-phù-đề cao ba khuỷu rưỡi tay, áo rộng khoảng bảy khuỷu tay, trên dưới ba khuỷu rưỡi tay. Người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề, kích cỡ thân và áo bằng với người Diêm-phù. Thân người Uất-đa-la-cứu-lưu cao bảy khuỷu tay, áo rộng khoảng mười bốn khuỷu tay, trên dưới bảy khuỷu tay. Thân A-tu-la cao một do-tuần, áo rộng khoảng hai do-tuần, trên dưới một do-tuần, nặng nửa lạng. Thân Tứ thiên vương cao nửa do-tuần, áo rộng một do-tuần, trên dưới nửa do-tuần,

nặng một lạng. Thân Tam thập tam thiên cao một do-tuần, áo rộng khoảng hai do-tuần, trên dưới một do-tuần, nặng nửa lạng. Thân Dạ-ma thiên cao hai do-tuần, áo rộng khoảng bốn do-tuần, trên dưới hai do-tuần, nặng một phần tư lạng. Thân Đâu-suất-đà thiên cao bốn do-tuần, áo rộng khoảng tám do-tuần, trên dưới bốn do-tuần, nặng một phần tám lạng. Thân Hóa lạc thiên cao tám do-tuần, áo rộng mười sáu do-tuần, trên dưới tám do-tuần, nặng một phần mười sáu lạng. Thân Tha hóa tự tại thiên cao mười sáu do-tuần, áo rộng ba mươi hai do-tuần, trên dưới mười sáu do-tuần, nặng một phần ba mươi hai lạng. Thân chư Thiên Ma thân cao ba mươi hai do-tuần, áo rộng sáu mươi tư do-tuần, trên dưới ba mươi hai do-tuần, nặng một phần sáu mươi tư lạng. Từ đây trở lên, thân chư Thiên, kích cỡ cao thấp và y phục bằng nhau không khác.

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề có chợ búa buôn bán, hoặc dùng tiền của, hoặc dùng ngũ cốc, lụa là, hoặc dùng súc vật. Người Cù-đà-ni muốn mua bán, hoặc dùng trâu dê, hoặc dùng ngọc báu Ma-ni. Người Phất-bà-đề, nếu họp chợ đổi chác, thì hoặc dùng của cải, tơ lụa, hoặc dùng ngũ cốc, hoặc ngọc báu Ma-ni. Người Uất-đa-la-cứu-lưu không có các chợ búa mua bán, theo nhu cầu tự nhiên có.

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề, người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề đều có phép cưới gả giữa nam và nữ. Người Uất-đa-la-cứu-lưu không có ngã và ngã sở, nếu cành cây rũ xuống, nam nữ bèn giao hợp, không có việc hôn phối.

Chư Tỳ-kheo, Rồng, Kim sí điểu và A-tu-la, việc giá thú đều giống nhân gian. Trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, chư Thiên Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, chư Thiên Hóa lạc, chư Thiên Tha hóa tự tại, trời Phạm thân… đều có giá thú… *lược nói như trên*. Từ đây trở lên, về hôn thú giữa nam và nữ không có sự sai khác.

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề khi hành dục, hai căn giao nhau, lưu xuất bất tịnh. Người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề và người Uất-đa-la-cứu-lưu, đều như người Diêm-phù-đề. Tất cả loài Rồng, Kim sí điểu… khi hành dục, hai căn cũng giao nhau nhưng chỉ phát ra hơi gió, liền được thỏa mãn, không xuất bất tịnh. Các A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam khi hành dâm, hai căn giao nhau, thỏa mãn phát ra hơi như các Long vương và Kim sí điểu vương, cùng loại không khác. Chư Thiên Dạ-ma cầm tay nhau thành dục. Trời Đâu-suất-đà nghĩ đến thành dục. Chư Thiên Hóa lạc nhìn kỹ thành dục. Trời Tha hóa tự tại nói chuyện với nhau thành dục. Chư Thiên Ma thân nhìn nhau thành dục. Tất cả đều thấy thỏa

mãn là thành dục.

Chư Tỳ-kheo, ở nhân gian, ánh sáng đom đóm thì không bằng ánh sáng của đèn; ánh sáng của đèn lại không bằng ánh sáng của đuốc; ánh sáng của đuốc lại không bằng ánh sáng của đống lửa; ánh sáng của đống lửa không bằng ánh sáng tinh tú; ánh sáng tinh tú lại không bằng ánh sáng mặt trăng; ánh sáng mặt trăng lại không bằng ánh sáng mặt trời; ánh sáng mặt trời chói lọi lại không bằng ánh sáng Anh lạc trên tường vách cung điện của trời Tứ thiên vương; ánh sáng của trời Tứ thiên vương lại không bằng ánh sáng của trời Tam thập tam; ánh sáng của trời Tam thập tam lại không bằng ánh sáng Anh lạc nơi tường vách cung điện của chư Thiên Dạ-ma; ánh sáng của chư Thiên Dạ-ma không bằng ánh sáng của trời Đâu-suất-đà; ánh sáng của trời Đâu-suất-đà lại không bằng ánh sáng trời Hóa lạc; ánh sáng của trời Hóa lạc lại không bằng ánh sáng của chư Thiên Tha hóa tự tại; ánh sáng của chư Thiên Tha hóa tự tại lại không bằng ánh sáng trời Ma thân; ánh sáng Anh lạc nơi tường vách cung điện của trời Ma thân so với các cõi dưới, rất thắng diệu, thù đặc không gì vượt qua được.

Chư Tỳ-kheo, ánh sáng trời Ma thân so với ánh sáng trời Phạm thân thì lại không bằng; ánh sáng trời Phạm thân so với trời Quang ức niệm thì không bằng; ánh sáng trời Quang ức niệm so với trời Biến tịnh thì không bằng; ánh sáng trời Biến tịnh so với ánh sáng trời Quảng quả thì không bằng; ánh sáng trời Quảng quả kia… *cũng như thế cho đến* trời Vô não nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, A-ca-nị-tra…, chỉ trừ Anh lạc, ngoài ra, như trước đã nói, nên biết như vậy.

Chư Tỳ-kheo, nếu ánh sáng chung của thế giới chư Thiên, chư Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và người đời trong thế gian có được đem so với hào quang của Như Lai, A-la-hán, Chánh Biến Tri… thì dù có gấp trăm ngàn vạn ức hằng hà số cũng không thể sánh bằng. Hào quang của Như Lai là tối thắng, tối diệu, thù đặc đệ nhất. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, vì thân của Như Lai giới hạnh vô lượng; thiền định, trí tuệ, giải thoát tri kiến, thần thông và thần thông hạnh, giáo hóa và giáo hóa luân, thuyết xứ và thuyết xứ luận… đều vô lượng vô biên.

Chư Tỳ-kheo, Như Lai có vô lượng công đức như thế, tất cả các pháp đều đầy đủ. Vì vậy nên hào quang của Như Lai tối thắng, vô thượng. Nên biết rõ như thế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả chúng sanh có bốn thức ăn để nuôi các đại được tồn tại, thành tựu các Hữu, nhiếp thọ lẫn nhau. Những gì là bốn? Một là thức ăn thô và vi tế, hai là thức ăn xúc chạm, ba là thức ăn suy nghĩ, bốn là

thức ăn thức. Chúng sanh nào phải ăn thức ăn thô và vi tế? Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề ăn lúa đậu, cá thịt… đó gọi là thức ăn thô. Còn che đậy, xoa sờ, tắm rửa, lau chùi, xoa phấn sáp…, gọi đó là thức ăn vi tế. Người Cù-đà-ni, người Phất-bà-đề cũng dùng thức ăn thô và vi tế như người Diêm-phù-đề. Người Uất-đa-la-cứu-lưu, thân không cày cấy, tự nhiên có loại lúa thơm chín sẵn dùng làm thức ăn thô. Còn che đậy, tắm rửa, và xoa sờ… làm thức ăn vi tế.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các Rồng và Kim sí điểu dùng các loài cá, ba ba, giải, cá sấu, tôm, mọt, nòng nọc, rồng con, rắn, rái, tỳ-la vàng… làm thức ăn thô, còn các sự che đậy… làm thức ăn vi tế. Các A-tu-la dùng mùi vị cam lộ tuyệt ngon cõi trời làm thức ăn thô, còn các sự che đậy… làm thức ăn vi tế. Trời Tứ thiên vương và chư Thiên đều dùng mùi vị cam lộ cõi trời làm thức ăn thô, còn các sự che đậy… làm thức ăn vi tế. Trời Tam thập tam dùng mùi vị cam lộ làm thức ăn thô, còn các sự che đậy… làm thức ăn vi tế… cũng giống như trời Tam thập tam. trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, chư Thiên Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại… đều dùng vị cam lộ cõi trời làm thức ăn thô, còn các sự che đậy… làm thức ăn vi tế. Từ đây trở lên, chúng chư Thiên đều dùng Thiền duyệt và Pháp hỷ làm thức ăn, tam-ma-đề làm thức ăn, Tam-ma-bạt-đề làm thức ăn, không có thức ăn thô và tế.

Chư Tỳ-kheo, còn loại chúng sanh nào dùng xúc chạm làm thức ăn? Chư Tỳ-kheo, là các chúng sanh thọ sanh từ trứng như ngỗng, chim ưng, chim hồng, chim hạc, gà, vịt, khổng tước, anh võ, cù dục, tu hú, bồ câu, yến, se sẻ, trĩ, quạ… Ngoài ra, còn các loại chúng sanh khác sanh từ trứng, vì chúng do trứng mà có thân nên tất cả đều dùng xúc chạm làm thức ăn.

Còn loại chúng sanh nào dùng tư duy làm thức ăn? Có loại chúng sanh dùng ý tư duy nuôi dưỡng các căn, tăng trưởng thân mạng như là cá, ba ba, rùa, rắn, tôm, mọt, và già-la, cù-đà… Ngoài ra, còn các loại chúng sanh nào khác dùng ý tư duy, nuôi dưỡng các căn, tăng trưởng thân mạng thì những chúng sanh ấy đều dùng tư duy làm thức ăn.

Còn loại chúng sanh nào dùng thức làm thức ăn? Đó là các chúng sanh địa ngục và chư Thiên Thức vô biên. Những chúng sanh này đều dùng thức làm thức ăn.

Chư Tỳ-kheo, bốn loại thức ăn này duy trì các đại, giữ gìn sự sống cho các chúng sanh.

Ở đây, có bài kệ:

Hoa, sắc và các pháp

Thọ mạng, y là năm
Chợ, buôn và cưới gả
Hai căn, thực là mười.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh trong thế gian đều có ba thứ hạnh ác. Những gì là ba? Đó là thân ác, miệng ác và ý ác.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng chúng sanh thân làm việc ác, miệng nói lời ác, và ý nghĩ việc ác. Đã tạo tác như thế rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ đọa vào đường ác, sanh trong địa ngục. Họ ở trong đó, sau cùng thức diệt, thức ở trong địa ngục mới tương tục sanh. Khi thức ấy cùng sanh liền có danh sắc; do duyên danh sắc liền sanh lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Tạo tác như thế rồi, do nhân duyên ấy khi thân hoại mạng chung, đọa vào đường ác, sanh trong súc sanh. Họ ở trong đó cuối cùng thức diệt, thức trong súc sanh mới tương tục sanh. Khi thức ấy cùng sanh liền có danh sắc; do duyên danh sắc nên sanh lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Tạo tác như thế rồi, do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, đọa vào đường ác, sanh vào cõi Diêm-ma. Họ ở trong cõi ấy, cuối cùng thức diệt, thức ở cõi Diêm-ma mới tương tục sanh. Khi thức ấy mới sanh liền cùng với danh sắc cùng lúc phát sanh; do duyên với danh sắc nên lục nhập sanh.

Chư Tỳ-kheo, những thứ này gọi là ba hạnh ác, phải nên xa lìa.

Chư Tỳ-kheo, ở thế gian có ba thứ hạnh lành. Những gì là ba? Đó là thân làm việc lành, miệng nói việc lành và ý nghĩ việc lành.

Chư Tỳ-kheo, có một hạng chúng sanh thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Tu tập như thế rồi, do nhân duyên ấy nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài người. Họ ở nơi đấy, sau cùng thức diệt, thức ở cõi người mới tương tục sanh. Ngay khi thức này mới khởi liền cùng với danh sắc sanh, cùng lúc đồng sanh; do duyên danh sắc, lục nhập liền sanh.

Chư Tỳ-kheo, lại có hạng chúng sanh, thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Tạo tác như thế rồi, do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi trời. Ở nơi này thức diệt, thức cõi trời mới tương tục sanh. Khi thức ấy sanh, liền cùng với danh sắc cùng lúc đồng sanh; do có danh sắc liền sanh lục nhập.

Chư Tỳ-kheo, họ ở cõi trời, hoặc nơi Thiên tử, hoặc nơi Thiên nữ ngồi kiết già mà sanh ra, hoặc sanh từ trong hai đầu gối, hoặc giữa hai đùi vế. Khi mới sanh ra, giống như em bé mười hai tuổi ở nhân gian. Nếu là Thiên nam, thì ngay nơi tư thế ngồi của Thiên tử, sanh ra từ bên đầu gối; nếu là Thiên nữ, thì liền sanh từ trong đùi vế của ngọc nữ. Sanh như thế rồi, vị trời ấy liền gọi là con gái của ta. Nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, tu thiện thì sanh thiên, có pháp như thế. Nếu khi vừa sanh ra là Thiên tử hoặc Thiên nữ thì vì do nghiệp nhân đã huân tập nên sanh ba loại nhớ nghĩ: Một là tự biết chết ở nơi nào; hai là tự biết nay sanh nơi nào; ba là tự biết việc thọ sanh này là do nghiệp quả gì, là phước báo gì mà ta ở nơi kia thân hoại mạng chung sanh đến chốn này. Lại nghĩ thế này: "Ta nhờ có ba loại nghiệp quả mà ba loại nghiệp quả ấy đã thành thục nên được sanh chốn này. Những gì là ba? Đó là thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Do quả báo của ba nghiệp này thành thục nên khi thân hoại mạng chung, sanh đến chốn này". Lại nghĩ thế này: "Nay ta nguyện, ở nơi này sau khi chết, sẽ sanh vào nhân gian. Khi ta đã thọ sanh ở chốn ấy như thế rồi, lại tu hạnh lành về thân, khẩu, ý. Vì thân, khẩu, ý hành hạnh lành, nên khi thân hoại diệt rồi, sanh lại nơi đây". Nghĩ như thế rồi, liền nghĩ đến thức ăn; khi nghĩ đến thức ăn, liền có các đồ đựng báu hiện ngay ở trước, tự nhiên đầy ắp vị cam lộ trời, đủ các chủng loại hiện ra. Trong các Thiên tử, vị nào có quả báo thù thắng thì màu sắc của vị cam lộ kia rất trắng, vị Thiên tử nào có quả báo bậc trung thì màu sắc của vị cam lộ kia đỏ, còn vị Thiên tử nào có phước đức bậc hạ thì màu sắc của vị cam lộ kia hiện đen. Khi ấy, Thiên tử liền dùng tay bốc vị cam lộ trời bỏ vào miệng. Vị cam lộ kia đã vào miệng rồi, dần dần tự tan biến. Giống như váng sữa hoặc sữa đen đặt trên lửa liền tự tan ra, không còn nguyên dạng. Cũng như thế, vị cam lộ trời, bỏ vào miệng, tự nhiên tiêu hóa. Ăn vị cam lộ rồi, nếu khát, liền có đồ đựng báu cõi trời đựng đầy Thiên tửu hiện ra trước mặt tùy theo phước đức thượng, trung, hạ mà có màu trắng, đỏ hoặc đen *như trên đã nói*… bỏ vào miệng cũng tiêu hóa như thế. Khi vị Thiên tử kia ăn uống xong, thân thể cao thấp, lớn nhỏ, giống như các Thiên tử, Thiên nữ sanh trước.

Chư Tỳ-kheo, các Thiên tử, các Thiên nữ khi thân thể đã sung mãn rồi, tùy ý mình đi đến bên ao; đến bên ao rồi, vào trong ao, tắm rửa sạch sẽ, vui vẻ hưởng lạc. Khi lên khỏi ao, họ đến bên cây Hương; khi ấy, cành cây tự nhiên cong xuống, từ trong cành cây tuôn ra các loại diệu hương, chảy vào trong tay, liền dùng thoa thân. Họ lại đến cây y phục, đến nơi, cành cây cũng cong xuống như trước, từ trong cây tuôn ra các loại y phục

đẹp đẽ; khi đến tay rồi, liền lấy mặc vào. Họ mặc y phục rồi đi đến cây Anh lạc, cành cây tự cong xuống như trước, tuôn (Anh lạc) vào tay, hoặc buộc hoặc mang để trang điểm thân thể. Kế đến cây Tràng hoa, cành cây cong xuống như trên, tuôn ra các loại tràng hoa đẹp đẽ, họ cầm lấy trang điểm trên đầu rồi liền hướng đến cây Đồ dùng, từ cây tuôn ra các loại đồ đựng bằng các loại báu, tùy ý cầm lấy, đi đến rừng quả, đầy các loại quả, hoặc nuốt ăn, hoặc lấy nước uống. Rồi tiếp đi đến bên cây Âm nhạc, cây cũng cong xuống, tự nhiên tuôn ra các loại nhạc khí, tùy ý mà lấy, hoặc đờn hoặc đánh, hoặc ca hoặc vũ, âm thanh vi diệu. Sau đó họ đi vào trong vườn cây; vào trong vườn rồi, liền thấy nơi ấy có vô lượng vô biên số trăm, số ngàn, số vô lượng trăm, ngàn vạn ức chư Thiên ngọc nữ. Khi chưa thấy ngọc nữ thì có tri kiến về nghiệp báo đời trước là mình từ nơi nào sinh tới đây, như thân này của ta nay thọ báo này là do nghiệp quả đã thành thục. Khi ấy phân biệt rõ ràng, nhớ nghĩ việc đời trước, giống như thấy ngón tay trên bàn tay. Khi thấy Thiên nữ vì mê đắm sắc đẹp, nên tâm trí tỉnh thức chánh niệm liền diệt, mất đi sự nhớ nghĩ đời trước mê dục hiện tại, miệng chỉ thốt lên: "Ôi! Ngọc nữ cõi trời. Ôi! Ngọc nữ cõi trời!" Như thế gọi là sự ràng buộc của ái dục.

Chư Tỳ-kheo, đây gọi là ba hạnh lành.

Chư Tỳ-kheo, trong một tháng có sáu ngày chay tịnh. Nửa tháng đầu có mười lăm ngày, nửa tháng sau cũng có mười lăm ngày. Như vậy, hai nửa tháng, mỗi nửa tháng có ba ngày chay tịnh. Ba ngày chay tịnh của nửa tháng đầu là ngày nào? Đó là ngày mồng tám, ngày mười bốn và ngày mười lăm trong tháng. Nửa tháng sau cũng có ba ngày chay tịnh như nửa tháng đầu. Vì sao trong mỗi nửa tháng đều có ba ngày thọ trì trai giới? Chư Tỳ-kheo, hai lần nửa tháng đều có tám ngày, vào những ngày ấy, Tứ đại thiên vương tập họp quyến thuộc và bảo họ rằng, các người hãy đi xem khắp bốn phương xem có ai trong thế gian ăn ở hiếu thuận, cung dưỡng cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Tôn trọng các bậc Tôn trưởng chăng? Tu hành bố thí, thọ trì cấm giới chăng? Giữ bát quan trai và sáu ngày chay chăng?

Khi ấy Tứ thiên vương ra lệnh cho sứ giả như thế. Sứ giả liền y lệnh Thiên vương, phụng mạng ra đi, liền xuống xem xét khắp tất cả nhân gian, ai là người trong gia đình hiếu dưỡng cha mẹ, tên họ là gì? Ai thực hiện sáu ngày chay? Ai trì tám cấm giới? Ai giữ giới đức? Bấy giờ sứ giả quán sát khắp nhân gian thấy trong loài người, người hiếu thuận cung phụng cha mẹ thì ít, kẻ tôn trọng phụng sự Sa-môn cũng ít, cung kính Bà-la-môn

kỳ cựu, kính trọng các người lớn cũng ít; bố thí thì nhỏ giọt, ăn chay thì lơ thơ, hộ giới thì không trọn vẹn, sự giữ gìn phần nhiều khiếm khuyết. Khi ấy Thiên sứ thấy như thế rồi, liền đến chỗ Tứ đại thiên vương tâu rằng: "Thiên vương tường tri! Tất cả mọi người ở thế gian không có nhiều người hiếu dưỡng phụng sự cha mẹ, không có nhiều người cung kính Sa-môn, Bà-la-môn; không có nhiều người kính trọng bậc Tôn trưởng kỳ cựu đạo đức, không có nhiều người tu hành bố thí, trì giới, lục trai, cũng không có nhiều người phụng trì cấm giới, giữ bát quan trai".

Bấy giờ Tứ đại thiên vương nghe các sứ giả tâu trình như thế rồi, trong lòng buồn bã không vui, bảo với sứ giả rằng: "Ở thế gian nếu quả thật có bọn người như thế thì quả là điều chẳng lành. Vì sao? Vì tuổi thọ của con người rất ngắn ngủi, chỉ sống một thời gian ngắn đáng lẽ phải tu các điều lành để đến đời sau có thể được an lạc, nhưng tại sao nay người thế gian kia, không có nhiều người hiếu dưỡng cha mẹ... *cho đến* không tu trì sáu ngày chay và tám cấm giới để giữ gìn thân khẩu. Điều này là sự tổn giảm lớn các Thiên chúng của ta; lần lượt tăng thêm dòng giống A-tu-la".

Chư Tỳ-kheo, còn nếu thế gian nhiều người cung kính hiếu thuận cha mẹ, tôn trọng Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Kỳ túc; tu hành bố thí, ưa thọ trì sáu ngày chay, siêng năng bồi đắp phước nghiệp, thường giữ tám cấm giới, tương tục như thế, thì khi ấy Thiên sứ tuần tra xem xét thấy rồi, tâu lên Tứ thiên vương rằng: "Đại vương tường tri! Người thế gian kia, có nhiều người hiếu thuận với cha mẹ, có nhiều người cung kính Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Tôn trưởng, ưa hành bố thí, siêng tu trai giới, phước nghiệp."

Bấy giờ Tứ đại thiên vương nghe lời tâu trình này của các Thiên sứ xong, tâm rất hoan hỷ, phấn khởi vô cùng, nói như thế này: "Rất tốt! Rất tốt! Người thế gian có thể tu hành như thế là điều lành rất lớn. Vì sao? Vì thọ mạng của bọn người ấy ngắn ngủi, chẳng bao lâu sẽ chuyển đến thế giới khác. Nay đây, ngay tại chốn nhân gian ấy, họ luôn hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc Kỳ cựu…, phần nhiều ưa bố thí, giữ gìn trai giới. Như thế thì sẽ làm tăng trưởng vô lượng quyến thuộc cho chư Thiên, làm tổn giảm dòng giống A-tu-la".

Chư Tỳ-kheo, vì sao vào ngày mười bốn của hai lần nửa tháng là ngày chay tịnh?

Chư Tỳ-kheo, vào ngày mười bốn của hai lần nửa tháng ấy, Tứ đại thiên vương, cũng như trước, triệu bốn Thái tử sai xuống nhân gian xem

xét việc thiện ác; ít hay nhiều, rồi hoan hỷ hay buồn rầu… đều giống như Thiên sứ đã nói ở trên, chỉ có khác là Thái tử đích thân xuống.

Chư Tỳ-kheo, vào kỳ chay tịnh ngày mười lăm của hai lần nửa tháng, Tứ đại thiên vương đích thân xuống thế gian quan sát việc thiện ác, biết nhiều hay ít rồi, liền đi đến Thiện pháp đường, hội trường của chư Thiên. Đến trước pháp đường rồi, chư vị mặt hướng về Đế-thích tâu trình các việc thiện ác, nhiều ít, thuận nghịch của nhân gian. Bấy giờ Đế-thích nghe ở nhân gian, người tu phước ít thì buồn rầu bực tức chẳng vui. Vì sao như vậy? Vì Thiên chúng tổn giảm, A-tu-la thêm nhiều. Còn nếu nghe nhân gian, người làm như pháp nhiều thì vô cùng hoan hỷ, phấn khởi, nói thế này: "Nay Thiên chúng của ta sẽ tăng lên dần".

Vì lẽ ấy, sáu ngày của hai lần nửa tháng, chư Thiên xuống xem xét việc thiện ác của nhân gian nên gọi là ngày chay tịnh.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN VIII

Phẩm 8: TAM THẬP TAM THIÊN 3

Chư Tỳ-kheo, hoặc sẽ có lúc các ngoại đạo hay Ba-lợi-bà-la-xà-ca, đến chỗ các ông hỏi các ông: "Các Trưởng lão, do nhân duyên gì có một hạng người bị phi nhân khủng bố, có một hạng người không bị phi nhân khủng bố?" Nếu các ngoại đạo hỏi như thế, thì các ông nên trả lời thế này: "Các trưởng lão, việc này có nhân duyên. Vì sao? Trong thế gian có một hạng người làm việc phi pháp, có tà kiến, có điên đảo kiến. Họ đã làm mười điều bất thiện, nói điều bất thiện, nghĩ điều bất thiện, tà kiến điên đảo. Vì làm mười điều bất thiện này nên thần bảo hộ đời sống dần dần bỏ đi. Các vị thần như thế, hoặc trăm, hoặc ngàn, chỉ ở lại một vị để bảo vệ. Thí như bầy trâu, hoặc bầy dê cả trăm con, ngàn con mà chỉ có một người chăn. Ở đây cũng thế, vì thần bảo vệ ít nên thường bị phi nhân khủng bố. Lại có một hạng người, nói đúng như pháp, không hành tà kiến, điên đảo kiến. Họ đã hành mười việc thiện như thế, có chánh kiến, chánh ngữ, tu tập thiện nghiệp, thì những người ấy có vô lượng trăm ngàn thần đến hộ vệ. Vì nhân duyên đó, những người ấy không bị phi nhân khủng bố. Giống như vua hoặc đại thần của vua, người nào cũng có trăm hoặc ngàn người bảo vệ".

Chư Tỳ-kheo, người thế gian có họ tên như thế nào thì ở cõi phi nhân cũng có các họ tên như thế.

Chư Tỳ-kheo, nhân gian có các nơi chốn như núi rừng, sông hồ, quốc ấp, thành quách, thôn xóm, làng mạc thì trong cõi phi nhân cũng có tên nhà cửa… như thế.

Chư Tỳ-kheo, các chỗ của vua ngồi, tất cả ngã đường, ngã tư đường, nơi bờ ruộng quanh co, hoặc chỗ làm thịt, hoặc các hang trống, chắc chắn rằng đều có các thần và các phi nhân nương ở. Lại nữa, trong chỗ bỏ tử thi và con đường đi của các ác thú đều có phi nhân. Trên tất cả cây cao một tầm, to một thước đều có chư thần cư ngụ, coi như nhà ở.

Chư Tỳ-kheo, tất cả người thế gian, hoặc nam hay nữ, từ khi sanh ra

đều có chư thần thường thường đi theo, chẳng hề rời xa, chỉ trừ khi làm việc ác và lúc mạng chung mới bỏ đi… *nói lược như trên*…

Chư Tỳ-kheo, người Diêm-phù-đề có năm việc hơn người Cù-đà-ni. Những gì là năm? Một là mạnh khỏe, hai là chánh niệm, ba là chỗ Phật xuất thế, bốn là nơi tu nghiệp, năm là chỗ hành phạm hạnh. Cù-đà-ni có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là nhiều trâu bò, hai là nhiều dê, ba là nhiều Ma-ni báu. Diêm-phù-đề có năm việc hơn Phất-bà-đề… *như trước đã nói*. Phất-bà-đề có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là châu ấy rất to lớn, hai là châu ấy gồm nhiều bãi sông, ba là châu ấy rất đẹp. Diêm-phù-đề có năm việc hơn Uất-đa-la-cứu-lưu… *giống như trên*. Uất-đa-la-cứu-lưu có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là người cõi ấy không có ngã và ngã sở, hai là thọ mạng vô cùng dài lâu, ba là người cõi ấy có hạnh thù thắng. Diêm-phù-đề có năm việc hơn các chúng sanh cõi Diêm-ma… *như trước đã nói*. Cõi Diêm-ma có ba việc hơn người Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình to lớn, ba là có y phục, thức ăn tự nhiên nuôi mạng. Người Diêm-phù-đề có năm việc hơn các Rồng và Kim sí điểu, *như trước đã nói*. Rồng và Kim sí điểu có ba việc hơn người Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là thọ mạng lâu dài, hai là thân hình to lớn, ba là cung điện rộng rãi. Người Diêm-phù-đề có năm việc hơn A-tu-la *như trên đã nói*. A-tu-la có ba việc hơn Diêm-phù-đề. Những gì là ba? Một là sống lâu, hai là sắc đẹp, ba là hưởng lạc nhiều. Ba việc như thế rất là thù thắng.

Chư Tỳ-kheo, trời Tứ thiên vương có ba việc thù thắng. Một là cung điện cao, hai là cung điện đẹp, ba là cung điện vô cùng sáng chói. Trời Tam thập tam cũng có ba việc thù thắng. Những gì là ba? Một là sống lâu, hai là sắc đẹp, ba là nhiều lạc thú. Cũng như trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Ma thân…, nên biết, đều có ba việc thù thắng như trời Đao-lợi hơn người Diêm-phù-đề. Diêm-phù-đề có năm việc hơn chư Thiên, *như trên đã nói.*

Các ngươi nên biết và trả lời như thế.

Chư Tỳ-kheo, trong ba cõi này có ba mươi tám loài chúng sanh. Ba mươi tám loài ấy là gì?

Chư Tỳ-kheo, trong cõi Dục có mười hai loài, trong cõi Sắc có hai mươi hai loài, trong cõi Vô sắc có bốn loài.

Chư Tỳ-kheo, mười hai loài trong cõi Dục là gì? Đó là Địa ngục, Súc sanh, Ngạ quỉ, Người, A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa Tự tại, trời

Ma thân. Đó là mười hai loài.

Hai mươi hai loài trong cõi Sắc là gì? Đó là trời Phạm thân, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Quang, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Tịnh, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Quảng, trời Thiểu quảng, trời Vô lượng quảng, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Vô phiền, trời Vô não, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời A-ca-nị-trá. Đó là hai mươi hai loài thuộc cõi Sắc.

Còn bốn loài trong cõi Vô sắc là trời Không vô biên, trời Thức vô biên, trời Vô sở hữu, trời Phi tưởng phi phi tưởng. Bốn loài này thuộc cõi Vô sắc.

Chư Tỳ-kheo, trong thế gian có bốn loại mây. Đó là mây trắng, mây đen, mây đỏ, mây vàng.

Chư Tỳ-kheo, trong bốn loại mây này, mây sắc trắng thì có nhiều địa giới, mây sắc đen thì có nhiều thủy giới, mây sắc đỏ thì có nhiều hỏa giới, mây sắc vàng thì có nhiều phong giới. Các ông nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, thế gian lại có bốn loại đại thiên. Những gì là bốn? Đó là đại thiên Địa đa, đại thiên Thủy đa, đại thiên Hỏa đa, đại thiên Phong đa.

Chư Tỳ-kheo, đã từng có một thời, đại thần Địa đa khởi lên ác kiến, tâm tự nghĩ: "Ở trong địa giới, không có thủy, hỏa và phong giới."

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ Ta đi đến bên đại thần Địa đa kia, bảo: "Ngươi quả thật có ác kiến rằng trong địa giới không có ba đại giới thủy, hỏa, phong phải chăng?" Vị thần kia trả lời với Ta: "Đúng vậy! Bạch Thế Tôn". Ta lại bảo: "Ngươi chớ khởi ác kiến như thế. Vì sao? Vì trong địa giới kia, thật có thủy, hỏa, phong giới, nhưng ở trong đó, địa giới nhiều hơn, vì vậy được gọi là địa giới".

Chư Tỳ-kheo, Ta có thể biết đại thần Địa đa kia khởi ý nghĩ như thế nên dứt trừ ác kiến ấy, khiến vị thần ấy hoan hỷ, ngay trong các cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, chứng quả ngộ đạo, không còn kiết hoặc, vượt qua nghi ngờ, không còn phiền não, không theo pháp khác, tùy thuận pháp hành, rồi thưa với Ta rằng: "Bạch Đại Đức Thế Tôn, nay con xin quy y Phật, Pháp, Thánh tăng. Bạch Đại Đức Thế Tôn, từ nay về sau, con sẽ phụng trì giới Ưu-bà-di cho đến mạng chung, không sát sanh, không trộm cắp và không làm điều phi pháp… cúi xin Phật Pháp Tăng hộ trì cho con được thanh tịnh".

Chư Tỳ-kheo, lại có một thời, thiên thần Thủy đại cũng nghĩ như

thế, rồi sanh ác kiến: "Trong thủy giới, không có địa giới và hỏa, phong giới". Ta biết được ý nghĩ ấy, đi đến bên vị thủy thần kia hỏi: "Ngươi thật có nghĩ như vậy chăng?" Đáp: "Thật có nghĩ như vậy". Ta lại bảo: "Ngươi chớ khởi lên ác kiến như thế. Trong thủy giới kia, có cả địa, hỏa và phong giới…" cho đến thần hỏa, thần phong cũng vậy, đều có ác kiến này. Phật đã biết rồi, đều đến hỏi họ. Tất cả đều trả lời Phật: "Bạch Thế Tôn, đúng vậy". Phật khai mở ý tâm họ, tất cả đều được hiểu rõ, quy y Tam bảo; tùy thuận làm theo; giống như thiên thần Địa đa hết nghi ngờ, đến bên Ta… *nói lược như trên…*

Đó gọi là thiên thần bốn đại.

Chư Tỳ-kheo, thế gian có mây, từ đất bay lên trên hư không, hoặc có đám bay đến một câu-lô-xá thì dừng lại, hoặc hai, hoặc ba câu-lô-xá thì dừng lại, cho đến sáu, bảy câu-lô-xá thì dừng lại.

Chư Tỳ-kheo hoặc có đám mây bay lên hư không một do-tuần, hoặc hai, ba, bốn đến năm, sáu, bảy do-tuần thì dừng lại.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có đám mây bay lên hư không một trăm do-tuần, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám trăm do-tuần thì dừng và đứng yên. Hoặc có đám mây từ đất bay lên không cả ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần thì dừng lại, cho đến khi kiếp tận.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đi đến bên các thầy hỏi như thế này: "Này các Trưởng lão, có nhân duyên gì mà mây trong hư không có tiếng động?", thì này các Tỳ-kheo, các thầy nên trả lời thế này: "Có ba nhân duyên cùng xúc chạm nhau nên trong đám mây trên không có tiếng phát ra. Những gì là ba? Các Trưởng lão, hoặc có lúc phong giới trong mây cùng địa giới va chạm nhau nên tự nhiên phát ra tiếng. Vì sao? Thí như hai cành cây cọ xát nhau phát lửa. Này các Trưởng lão, cũng như vậy. Đây là nhân duyên thứ nhất phát ra tiếng. Lại nữa, này Trưởng lão, hoặc lại có lúc phong giới trong mây cùng với thủy giới va chạm nhau nên tự nhiên phát ra tiếng, cũng như trên đã nói. Đây là nhân duyên thứ hai phát ra tiếng. Lại nữa, này Trưởng lão, hoặc lại có lúc phong giới trong mây cùng với hỏa giới va chạm nhau nên tự nhiên phát ra tiếng, *nói lược cho đến* thí như hai cây cọ xát nhau phát lửa. Đây là nhân duyên thứ ba phát ra tiếng". Chư Tỳ-kheo, nên trả lời như thế, và cũng nên phân biệt rộng rãi để biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có khi ngoại đạo Ba-lợi-bà-la-xà-ca đến bên các thầy hỏi thế này: "Này các Trưởng lão, do nhân duyên gì mà trong mây, trên hư không bỗng nhiên phát sanh ánh chớp?", thì này chư Tỳ-kheo, các

thầy nên trả lời thế này: "Này các Trưởng lão, có hai nhân duyên trong mây từ trên hư không phát sanh ánh chớp. Những gì là hai? Một là luồng điện phương Đông tên là Vô hậu; phương Nam có luồng điện tên là Thuận lưu; phương Tây có luồng điện tên là Đọa quang minh; phương Bắc có luồng điện tên là Bách sanh thọ. Các Trưởng lão, lại có lúc, hoặc luồng điện Vô hậu ở phương Đông cùng luồng điện Đọa quang minh ở phương Tây, chạm nhau, dính nhau, cọ nhau, xát nhau, vì vậy nên từ trong đám mây trên hư không phát ra ánh sáng, gọi là ánh chớp. Đây là nhân duyên thứ nhất phát sanh ánh chớp. Lại nữa, các Trưởng lão, hoặc luồng điện thuận lưu ở phương Nam cùng với luồng điện Bách sanh thọ ở phương Bắc, chạm nhau, dính nhau, cọ nhau, xát nhau, vì vậy nên phát sanh ánh sáng. Giống như hai cây, gió thổi cọ nhau, tự nhiên phát lửa, rồi trở lại vị trí cũ. Đây là nhân duyên thứ hai phát sanh ánh chớp, từ trong đám mây có ánh sáng phát ra.

Chư Tỳ-kheo, ở trong hư không, có năm nhân duyên có khả năng ngăn cản mưa, khiến cho thấy đoán thời tiết chẳng lường biết được, càng thêm mê hoặc, như đoán chắc là sẽ mưa nhưng trời không mưa. Những gì là năm?

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc, trên hư không mây ùn sấm động tạo ra tiếng ầm ầm vang rền, hoặc phát ra ánh chớp, hoặc có gió thổi khí lạnh đến, tất cả như thế đều là hiện tượng của mưa. Các người đoán xem và các nhà thiên văn đều quyết chắc là lúc này nhất định sẽ mưa. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la từ trong cung đi ra, dùng hai tay hốt đám mây có mưa kia ném xuống biển.

Chư Tỳ-kheo, đó là nhân duyên thứ nhất ngăn cản mưa, mà các nhà đoán thời tiết chẳng thấy, chẳng biết, tâm sanh nghi hoặc, vì cho rằng chắc chắn trời mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc, trên hư không nổi mây, trong mây cũng phát ra tiếng ầm ầm rền vang, cũng phát ánh chớp, cũng có gió thổi không khí lạnh đến. Khi ấy nhà thiên văn và các người đoán thời tiết, thấy hiện tượng này cho rằng lúc ấy, trời chắc chắn sẽ mưa. Bấy giờ sức tăng trưởng của hỏa giới phát sanh. Ngay trong lúc đó mây có mưa bị đốt tiêu. Đây là nhân duyên thứ hai ngăn cản mưa mà các nhà thiên văn không thấy, không biết, tâm sanh nghi hoặc, vì cho là trời nhất định mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, hoặc có lúc, trong hư không nổi mây, cũng phát ra tiếng ầm ầm rền vang, cũng phát ra ánh chớp, lại cũng có gió thổi không

khí lạnh đến. Khi ấy các nhà thiên văn và người đoán thời tiết thấy hiện tượng như thế đều cho là lúc ấy trời nhất định sẽ mưa. Nhưng vì sức tăng trưởng của phong giới phát sanh thổi mây kia trôi đến vùng sa mạc Ca-lăng-ca hoặc trôi đến vùng sa mạc Đàn-trà-ca, hoặc trôi đến vùng sa mạc Ma-đăng-già, hoặc trôi đến vùng đồng trống, hoặc trôi đến vùng sa mạc Ma-liên-na. Đây là nhân duyên thứ ba ngăn cản mưa mà các nhà thiên văn không thấy không biết, tâm sanh mê hoặc vì cho rằng trời chắc chắn mưa nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, lại có lúc trên hư không nổi mây, rồi trong mây ấy cũng phát ra tiếng ầm ầm vang rền, phát ra ánh chớp, thổi khí lạnh đến. Người đoán thời tiết cho là trời chắc chắn mưa. Nhưng các Thiên tử làm mưa có lúc chểnh mảng, do sự chểnh mảng ấy nên mây kia không mưa xuống đúng lúc; đã không đúng lúc nên mây tự tan. Đây là nhân duyên thứ tư ngăn cản mưa. Do vậy mà các nhà thiên văn tâm sanh mê hoặc, vì cho là chắc chắn mưa mà lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, lại có lúc trên không nổi mây, trời cũng phát ra tiếng ầm ầm rền vang, cũng phát ra ánh chớp, gió lạnh thổi tới. Những nhà thiên văn cho rằng chắc chắn sẽ mưa. Nhưng vì trong cõi Diêm-phù-đề này, có nhiều người không hành như pháp, tham đắm các dục, xan tham, tật đố, tà kiến trói buộc. Bọn họ vì làm ác, nên tập theo điều phi pháp, vì mê đắm dục, tham lam, tật đố, cạnh tranh nên trời không mưa.

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ năm ngăn cản mưa mà người xem thiên văn và người đoán thời tiết không thấy không biết, tâm sanh mê hoặc, cho là trời chắc chắn mưa, nhưng lại không mưa.

Chư Tỳ-kheo, đó là năm nhân duyên ngăn cản trời mưa.

Trong ấy, có kệ rằng:

Hoa, pháp, sắc, thọ mạng
Y phục và buôn bán
Cưới gả, Tam-ma-đề
Đủ bốn món ăn uống.
Thực hành hai kỳ chay
Tên ba cõi trên dưới
Sắc mây và chư Thiên
Câu-lô-xá, sấm vang.

-oOo-

Phẩm 9: CHIẾN ĐẤU

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, có hàng chư Thiên khi cùng với A-tu-la khởi sự đánh nhau, vua trời Đế-thích bảo trời Tam thập tam: "Chư Nhân giả, chư Thiên các ông nếu khi đánh nhau với A-tu-la thì nên trang bị và giữ gìn tốt vũ khí. Nếu chư Thiên thắng, A-tu-la bại thì các ông phải bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường là hội trường của chư Thiên, để đó". Trời Tam thập tam nghe Đế-thích ra lệnh, đều y lệnh phụng hành. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cũng bảo với các A-tu-la: "Nếu chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau mà chư Thiên thua, thì phải bắt sống vua trời Đế-thích, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến chỗ hội trường Thất đầu của A-tu-la, để đứng trước ta". Khi ấy, các A-tu-la cũng nhận lệnh thi hành.

Chư Tỳ-kheo, lúc ấy, vì vua trời Đế-thích đánh thắng nên bắt sống A-tu-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, để đứng trước Đế-thích. Ngay khi ấy vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Cầu nguyện cho các A-tu-la đều được an lành. Ta nay chẳng dùng các A-tu-la nữa. Nay ta ở đây cùng ở một chỗ với chư Thiên Tam thập tam, đồng hưởng vui thú, rất là vừa ý". Ngay khi vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la khởi ý nghĩ này tức thì thấy thân mình, năm sợi dây đều mở. Các thú vui năm dục của chư Thiên đều hiện ra trước. Lại có lúc nghĩ như thế này: "Ta nay chẳng ở cùng trời Tam thập tam. Cầu cho chư Thiên đều được an lành. Ta sẽ trở về cung điện A-tu-la". Khi khởi nghĩ như thế, thân thể của ông liền bị năm dây trói trở lại, thú vui năm dục bỗng nhiên tiêu mất.

Chư Tỳ-kheo, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có sự trói buộc vi tế như thế. Sự trói buộc của các ma lại càng vi tế hơn. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, khi tư duy tà vạy liền bị trói buộc, khi nhớ nghĩ chân chánh liền được giải thoát. Vì sao? Chư Tỳ-kheo, tư duy có ngã là tư duy tà, tư duy vô ngã cũng là tư duy tà. Cho đến tư duy ngã thường còn, ngã không thường còn, có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, và chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng… đều là tư duy tà.

Chư Tỳ-kheo, tư duy tà ấy là ung nhọt, là ghẻ lở, giống như tên độc. Trong đó, nếu có bậc Thánh đa văn, người có trí tuệ thì biết đó là tư duy tà, như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như mũi tên. Nghĩ như thế rồi, buộc tâm vào việc nhớ nghĩ chân chánh, không theo tâm hành, khiến tâm không động, được nhiều lợi ích.

Chư Tỳ-kheo, nếu nghĩ có ngã tức là nghĩ tà, tức là hữu vi, tức là hý

luận; nếu nghĩ không có ngã, cũng là hý luận… *cho đến* có sắc không sắc, có tưởng không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng đều là hý luận.

Chư Tỳ-kheo, đã có hý luận, đều là bệnh, như ung nhọt, như ghẻ lở, như tên độc. Trong đó, có bậc Thánh đa văn, người có trí tuệ biết hý luận này là tội lỗi rồi, ưa không hý luận, giữ tâm vắng lặng, tu hành nhiều hơn.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, có các Thiên vương cùng A-tu-la khi muốn đánh nhau, vua trời Đế-thích bảo với chư Thiên tam thập tam ở chung quanh như thế này: "Chư Nhân giả, các ông phải trang bị tốt cho tự thân bằng những vũ khí. Nay, các A-tu-la muốn đến đánh nhau. Nếu chư Thiên thắng thì nên bắt sống vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, dẫn đến trước Thiện pháp đường, nơi hội trường của chư Thiên, để gặp ta". Trời Tam thập tam vâng nhận lệnh Đế-thích, theo đó mà làm. Còn A-tu-la cũng ra lệnh như thế.

Chư Tỳ-kheo, đến khi đánh nhau thì chư Thiên thắng, liền dùng năm sợi dây trói A-tu-la, dẫn đến trước Thiện pháp đường.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã bị năm sợi dây trói lại, ở trước Thiên chúng thấy vua Đế-thích đến, vào ngồi trong Thiện pháp đường, liền thốt ra lời ác, dùng đủ các lời hủy nhục mắng nhiếc Thiên chủ. Khi ấy có vị hộ vệ trời Đế-thích tên là Ma-đa-ly thấy A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la ở trước số đông dùng lời ác mắng nhiếc Thiên chủ, liền dùng kệ, tâu với Đế-thích:

Trời Đế-thích xấu hổ, sợ hãi
Vì không thế lực nên chịu nhịn
Nghe lời mắng nhiếc thô ác đó
Thảy đều nhận lãnh, không dám nói.

Bấy giờ Đế-thích dùng kệ đáp lời Ma-đa-ly:

Nhịn, không vì xấu hổ sợ hãi
Chẳng vì yếu thế trước Tu-la
Ai có mưu thần giống như ta
Sao lại hạ mình đồng vô trí.

Ma-đa-ly lại dùng kệ tâu Thiên chủ:

Nếu chẳng nghiêm khắc quở trách nặng
Kẻ ngu phấn chí lại làm già
Phải nên bẻ dẹp kẻ vô trí
Giống như sợ roi, trâu bỏ chạy.
Như nay thả nó được bình yên

Trở về chốn cũ lại tự cao
Vì vậy người trí phải ra uy
Biểu hiện sức mạnh trừ si ám.

Đế-thích lại dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

Việc này từ lâu ta đã biết
Vì để chế phục bọn ngu si
Họ đem hiềm hận để chửi mắng
Ta nghe, chịu đựng tự chế tâm.

Ma-đa-ly lại dùng kệ tâu Đế-thích:

Thiên vương Đế-thích xin nghĩ kỹ
Nhẫn nhục như vậy là có hại
Kẻ ngu si kia mắng như thế
Tưởng khiếp sợ xấu hổ, không nói.

Đế-thích lại dùng kệ đáp Ma-đa-ly:

Bọn ngu si tùy theo tâm ý
Cho ta sợ họ nên làm thinh
Nếu muốn lợi thân cầu an lạc
Đối với họ phải nên nhẫn nhục
Theo ý ta khi thấy họ mắng.
Chẳng nên dùng sân đối chọi sân
Với người sân đáp trả lại sân
Chiến đấu như vậy khó thắng được.
Nếu bị kẻ ác gây bực tức
Có sức nhẫn được mới là khó
Nên biết nhẫn này là sức mạnh
Như vậy phải thời nên ngợi khen.
Hoặc ta hoặc người hễ khởi tâm
Đều cầu cứu vớt chỗ đáng sợ
Đã bị người sân mắng nhiếc ta
Chẳng nên oán ghét đối với họ
Đối với tự kỷ hoặc tha nhân
Cả hai như vậy nên làm lợi
Đã biết người sân mắng nhiếc ta
Thì khiến sân kia tự tiêu tan
Như thế hai bên, tâm lợi ích
Hoặc mình, hoặc người đều phải làm
Ý niệm người kia là ngu si

Đó là do họ không biết pháp
Nếu có các trượng phu đại lực
Thường vì vô lực mà nhẫn chịu
Nhẫn nhục như thế, người khen ngợi
Với người vô lực, nhẫn chẳng sân
Vì họ không có sức trí tuệ
Chỉ dùng ngu si làm sức mạnh
Vì ngu si nên xả bỏ pháp
Bọn người như thế không chánh hạnh
Tâm ngu si sanh, nghĩ thắng ta
Sân si mắng nhiếc thốt lời thô
Nhẫn được ác kia mới thường thắng
Nhẫn ấy tăng trưởng khó nói đủ
Cái thắng nói ra e chẳng hết
Với họ sợ oán cho nên nhẫn
Nghe người dưới chê mà nhẫn được
Nhẫn này được người trí ngợi khen.

Chư Tỳ-kheo, các thầy nên biết, Đế-thích khi ấy chính là Ta. Bấy giờ Ta làm vua cõi trời Tam thập tam, trị hóa tự tại, hưởng phước báo thù thắng, tự do hưởng lạc, luôn luôn nhẫn nhục, cũng khen ngợi nhẫn, thích hạnh nhu thuận, không có sân nhuế, luôn luôn khen ngợi người không sân nhuế.

Chư Tỳ-kheo, nay các thầy tự nói là đối với sự tu hành có tâm tín giải, bỏ tục xuất gia siêng năng không lười. Các thầy nếu đối với chúng sanh khác có thể hành nhẫn nhục, khen ngợi nhẫn nhục, nhu thuận từ bi, thường hành an lạc, diệt trừ sân nhuế, khen người không sân. Chư Tỳ-kheo, các thầy nên học như thế.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, chúng chư Thiên và A-tu-la chuẩn bị binh trượng, muốn đánh nhau. Bấy giờ Đế-thích bảo với Thiên chúng: "Chư Nhân giả, nếu A-tu-la cùng chư Thiên chiến đấu mà chư Thiên đắc thắng thì các ngươi có thể dùng năm sợi dây trói họ lại, *như trên đã nói*…" Chư Thiên vâng lệnh. Vua A-tu-la cũng ra lệnh cho binh lính.

Chư Tỳ-kheo, khi đánh nhau, A-tu-la thắng. Vua trời Đế-thích địch không nổi, sợ hãi chạy về. Khi ấy xe vua cưỡi chạy về là chiếc xe ngàn căm dễ điều khiển, muốn hướng thẳng đến Thiên cung. Bấy giờ có một cây tên là Cư-tra Xà-ma-lê chắn ngang, trên cây có Kim sí điểu vương, trong ổ chim có các trứng. Đế-thích thấy vậy, bảo với người đánh xe Ma-

đa-ly:

Ma-đa-ly, trên cây có trứng
Hãy quay xe này lại cho ta
Thà bị Tu-la làm mất mạng
Chớ đừng phá hủy các tổ chim.

Khi ấy Ma-đa-ly, người đánh xe giỏi, nghe vua trời Đế-thích ra lệnh như vậy rồi, liền cho chiếc xe ngàn căm dễ điều khiển quay lại theo con đường hướng đến cung A-tu-la.

Chư Tỳ-kheo, các A-tu-la, lúc bấy giờ thấy xe Đế-thích bỗng nhiên quay lại, cho rằng Đế-thích có kế sách chiến đấu đặc biệt, nên trở lại muốn đánh nhau. A-tu-la bèn thối lui, ai về cung nấy.

Lúc đó do Đế-thích dùng lòng từ, nên chư Thiên lại thắng, A-tu-la bại.

Chư Tỳ-kheo muốn biết trời Đế-thích bấy giờ chăng? Nay là thân Ta đó.

Chư Tỳ-kheo, lúc ấy Ta làm chủ cõi trời, lãnh đạo trời Tam thập tam, trị hóa tự tại, hưởng phước báo tốt đẹp, vẫn thương yêu tất cả chúng sanh, vì thọ mạng của họ mà làm điều lợi ích, khởi tâm từ bi. Tỳ-kheo các thầy vì lòng tin mà bỏ nhà, nên làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, khi chư Thiên và A-tu-la sắp đánh nhau, bấy giờ, Đế-thích bảo với vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la rằng: "Này Nhân giả, chúng ta hãy ngưng dùng các loại vũ khí. Trong chúng chư Thiên và A-tu-la đều có người có trí tuệ. Quý vị đều biết chúng tôi là thiện hay ác. Hãy nói về các nghĩa pháp. Ai dùng lời thiện dài hơn sẽ thắng."

Khi ấy chư Thiên và A-tu-la nhường nhau nói trước. Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền hướng đến trời Đế-thích nói trước với bài kệ:

Kẻ ngu si quá mức
Quyết phải quở trách nặng
Bẻ, dẹp kẻ vô trí
Như trâu sợ roi, chạy
Ngu si không có ưa
Khó chế phục tại chỗ
Vì vậy dùng roi vọt
Mau dứt trừ mạn si.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la hướng đến trời Đế-thích nói kệ ấy xong, A-tu-la quyến thuộc đều rất vui mừng, khen ngợi phấn khởi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều im lặng. Khi ấy, vua A-tu-la Tỳ-

ma-chất-đa-la bảo Đế-thích: "Đại thiên vương, ngài hãy nói kệ đi" Bấy giờ Thiên chủ hướng đến A-tu-la nói kệ:

Ta thấy rõ việc này
Không muốn đồng người si
Kẻ ngu tự khởi sân
Người trí ai tranh cùng!

Bấy giờ vua trời Đế-thích thuyết kệ ấy xong, trời Tam thập tam và quyến thuộc đều rất khen ngợi, nhảy nhót vui mừng. Các A-tu-la quyến thuộc đều im lặng. Khi ấy Đế-thích bảo vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la: "Nhân giả, hãy nói lên lời lành". A-tu-la liền hướng đến Thiên chủ nói kệ:

Im lặng, ý nhẫn nhục
Đế-thích, Ta cũng biết
Người ngu si khi thắng
Nói ta sợ nên nhẫn.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói kệ xong, các A-tu-la và quyến thuộc đều nhảy nhót, vui mừng, khen ngợi. Đế-thích, chư Thiên và quyến thuộc đều im lặng. Khi ấy A-tu-la bảo Đế-thích: "Nhân giả, Thiên chủ hãy nói lời thiện pháp như thế".

Bấy giờ vua trời Đế-thích hướng đến chúng A-tu-la nói kệ rằng:

Người ngu theo ý mình
Bảo nhẫn là sợ sệt
Cho đây cầu tư lợi
Người kia chẳng ích gì.
Ta cho kia làm ác
Chẳng nên sân đối sân
Với sân, nên làm thinh
Đánh vậy mới thường thắng
Nếu bị người xúc não
Người có sức nhẫn được
Nên biết nhẫn như thế
Đứng trên các hạnh nhẫn
Không kể mình hay người
Cầu lìa chỗ sợ hãi
Nếu biết người giận mình
Đối họ, chẳng sanh ghét
Hai bên đều lợi ích

Cho mình và cả người
Người sân ghét mắng nhiếc
Mình sân tự tiêu diệt
Hai bên đều lợi ích
Cho mình và cả người
Ý người nghĩ ngu si
Là do chẳng biết pháp
Nếu người có sức mạnh
Nhẫn kẻ không có sức
Nhẫn này là tối thắng
Các nhẫn khác không bằng
Kẻ kia không trí tuệ
Chỉ có sức ngu si
Vì ngu si bỏ pháp
Tự nhiên mất chánh hạnh
Ngu si tự khoe thắng
Sân nhuế phát lời ác
Nhẫn được nhục mạ này
Người ấy thường thắng lợi.
Nghe trên áp đảo, nhẫn vì sợ
Ngang nhau mà nhẫn, vì sợ oán
Kẻ dưới mắng nhiếc mà nhẫn được
Nhẫn này người trí đều khen ngợi.

Bấy giờ vua trời Đế-thích nói kệ xong, trời Tam thập tam và quyến thuộc vui mừng khen ngợi, phấn khởi vô cùng. Còn chúng A-tu-la đều im lặng. Khi ấy, các trời trí tuệ trong hàng chư Thiên, và các A-tu-la trí tuệ trong hàng A-tu-la đều tập trung lại một chỗ, cùng bàn luận lượng định những bài kệ đó, suy tư tường tận, quán sát kỹ lưỡng và cùng khen ngợi, bèn nói thế này: "Thưa chư Nhân giả, nay trời Đế-thích khéo sử dụng ngôn từ, chỉ dùng chúng trị hóa, tất cả đều không có đao gậy, roi vọt, cũng không tranh cãi, đánh đấm, hủy nhục, oán thù, cũng không kiện cáo và mong cầu báo trả. Lại ở trong sinh tử, có họa hoạn đáng chán cầu xa lìa dục vì sự tịch diệt, vì sự tĩnh lặng, vì đắc thần thông, vì đắc Sa-môn, thành tựu Chánh giác, vì đắc Niết-bàn. Chư Nhân giả, kệ mà vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói ra không có thứ ngôn ngữ vi diệu tốt đẹp như vậy mà những lời ấy tất cả chỉ có đao gậy, roi vọt, đánh đấm, cãi vã, hủy nhục, tranh tụng oán thù, cầu có sự báo trả, trưởng dưỡng sanh tử, không chán họa hoạn, tham trước các dục, không cầu hạnh tĩnh lặng tịch diệt, chẳng mong thần thông và quả

Sa-môn, chẳng mong Chánh giác và Niết-bàn. Chư Nhân giả, kệ mà vua trời Đế-thích đã nói gọi là khéo nói. Còn kệ mà vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nói chẳng phải khéo nói. Chư Nhân giả, kệ mà Thiên chủ Đế-thích đã nói là khéo nói, khéo nói. Còn kệ mà vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nói chẳng phải khéo nói, chẳng phải khéo nói".

Chư Tỳ-kheo, các thầy nên biết, Đế-thích khi đó tức là thân Ta.

Chư Tỳ-kheo, có khi Ta làm vua trời Đao-lợi, trị hóa tự tại, thọ hưởng phước lạc, vẫn nói lời tốt đẹp để làm vũ khí chiến đấu. Do lời nói tốt đẹp nên chiến đấu thắng lợi. Giống như Tỳ-kheo các thầy hôm nay, đối với giáo pháp mà Ta đã khéo nói, tịnh tâm lìa tục, bỏ nhà xuất gia, có hạnh tinh tấn. Các thầy nếu tìm cầu lời thiện lời ác trong chánh pháp, muốn nắm lấy ý nghĩa thì nên biết như thế.

Chư Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa, khi chư Thiên và A-tu-la cùng đánh nhau. Vua trời Đế-thích đánh thắng, đuổi A-tu-la, rồi tạo lập một thắng điện, Đông – Tây ngang dọc năm trăm do-tuần, Nam – Bắc ngang dọc hai trăm năm chục do-tuần.

Chư Tỳ-kheo, bên ngoài thắng điện ấy, có một trăm nơi phòng ngự; trong mỗi nơi phòng ngự ấy lại có bảy lầu gác, đều do bảy báu tạo thành. Trong mỗi lầu gác đều thiết trí bảy phòng; trong mỗi phòng đặt bảy cái giường; trên mỗi giường có bảy ngọc nữ; mỗi ngọc nữ lại có bảy người hầu gái. Thiên vương Đế-thích và các ngọc nữ hầu cận chẳng làm gì. Đồ ăn uống, các thứ cần dùng như hương hoa, y phục, trang sức, tất cả nhạc cụ đều tùy theo quả báo của nghiệp đời trước mà thọ hưởng.

Chư Tỳ-kheo, các Thiên cung trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới không có cái nào sánh bằng thắng điện ấy của vua trời Đế-thích.

Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ như thế này: "Ta có thần đức oai lực như thế, mặt trời, mặt trăng và trời Tam thập tam tuy vận hành ở trên ta, nhưng sức ta có thể nắm lấy, làm vòng đeo tai đi khắp các nơi". Đã có một thời vua A-tu-la La-hầu-la trong lòng giận dữ, chứa đầy phiền não độc hại, tâm ý chẳng vui, liền nghĩ đến vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ thế này: "Vua A-tu-la La-hầu-la đang nghĩ đến ta" và tự nghĩ đến các tiểu vương A-tu-la và các quyến thuộc dưới sự thống lãnh của mình. Khi ấy các tiểu vương và các A-tu-la biết vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la nghĩ đến mình, liền trang bị các loại binh khí, dẫn đến bên vua. Đến nơi, tất cả đều dừng lại ở trước. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, mặc áo giáp cầm gậy lên xe cùng với các tiểu vương và các quân binh vây quanh, kéo đến bên A-tu-la La-hầu-

la; đến nơi dừng lại. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la lại nghĩ đến hai vua A-tu-la là Dũng Dược và Huyễn Hóa. Khi ấy hai vị ấy biết vua kia nghĩ đến mình, lại nghĩ như vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la đã nghĩ. Các tiểu vương và thuộc hạ biết rồi, ai cũng trang bị vũ khí, đi đến bên vua. Đến rồi, lại kéo đến bên vua A-tu-la La-hầu-la. Bấy giờ vua A-tu-la La-hầu-la tự trang bị các loại binh khí cùng với ba vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa-la, Dũng Dược và Huyễn Hóa, và các tiểu vương cùng quyến thuộc của ba vua, sau trước vây quanh, từ thành A-tu-la, dẫn nhau ra đi, muốn cùng chư Thiên Đao-lợi đánh nhau.

Bấy giờ hai Đại long vương là Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà ra khỏi cung, dùng thân quấn quanh núi Tu-di-lưu bảy vòng, làm núi rung động; động rồi động nữa, động lớn, động khắp; rung rồi lại rung, rung lớn, rung khắp; phun rồi lại phun, phun lớn, phun khắp, dùng đuôi đập xuống biển, làm cho một khối nước vọt lên đến đỉnh núi Tu-di-lưu.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, Thiên chủ Đế-thích suy nghĩ rồi, bảo với Thiên chúng: "Các vị Nhân giả, có thấy đại địa này rung động chăng? Không trung mây đen kịt như mây có mưa, lại giống sương mù, biết chắc là A-tu-la muốn cùng chư Thiên đánh nhau". Khi ấy, các Rồng ở trong biển đều cầm đủ loại binh khí ra khỏi cung, hướng đến trước A-tu-la, cùng A-tu-la đánh nhau. Nếu thắng thì đuổi chúng lui về cung. Còn chẳng thắng thì sợ hãi chạy lui đến bên Dạ-xoa Địa Cư. Đến nơi, nói rằng: "Quý vị nên biết, các A-tu-la muốn giao đấu với chư Thiên. Nay quý vị có thể cùng chúng tôi trợ lực đánh phá". Dạ-xoa nghe rồi, chuẩn bị giáp trượng, hiệp lực rồng đi đánh. Giả sử thắng thì truy đuổi; còn không thắng thì lui, sợ hãi bỏ chạy đến chỗ Dạ-xoa Bát Túc. Đến nơi, nói rằng: "Dạ-xoa Bát Túc, quý vị có biết không? Các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Quý vị nên đến cùng chúng tôi trợ lực để đánh chúng". Bát Túc nghe xong, trang bị, cầm trượng, dẫn nhau đi... *cho đến* thua chạy… đến nói với các Dạ-xoa Trì Man… *như trước*… không thắng nổi chạy lui, đến nơi với Dạ-xoa Thường Túy. Thường Túy nghe xong, lại trang bị gậy gộc cùng Trì Man… cùng hiệp lực chiến đấu. Nếu thắng được thì đuổi A-tu-la về cung; còn thất bại thì sợ hãi chạy lui, đi đến bên Tứ đại thiên vương. Đến nơi, tâu với Tứ đại thiên vương rằng: Tâu Tứ thiên vương, quý ngài nên biết! Các A-tu-la nay muốn đến cùng chư Thiên giao đấu. Các ngài nên cùng chúng tôi trợ lực đánh họ khiến cho tan tác". Tứ thiên vương nghe Thường túy nói, liền trang bị, cầm các loại binh khí, cưỡi xe ra đi... *cho đến* thua chạy, không thể hàng phục. Khi ấy Tứ thiên vương liền đến hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, tâu trình với Đế-thích thế này: "Thiên vương nên biết, các A-tu-la

nay đã tụ tập muốn cùng chư Thiên giao chiến. Cần phải đến đó đánh chúng". Khi ấy trời Đế-thích nghe Tứ thiên vương nói vậy rồi, chấp thuận, bèn gọi một vị trời tên Ma-na-bà bảo: "Thiên tử, hãy đến đây! Nay ngươi đi đến các Thiên vương Dạ-ma, sang Đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại…; đến nơi rồi, thay lời ta tâu rằng: "Chư Thiên quý ngài, chắc quý ngài đã biết, các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Quý ngài nên trợ giúp chúng tôi, cùng chúng tôi đến đánh A-tu-la". Khi ấy Ma-na-bà nghe lời Đế-thích rồi, liền đến các trời Dạ-ma… tâu trình đầy đủ sự việc. Bấy giờ Thiên vương Dạ-ma nghe Thiên sứ Ma-na-bà của Đế-thích nói xong, trong lòng liền nghĩ đến chúng chư Thiên Dạ-ma. Khi ấy, Thiên chúng biết Thiên vương nghĩ đến mình rồi, họ liền mang các loại áo giáp, binh khí, cưỡi lên các loại xe trời sẵn có, cùng đi đến chỗ Thiên vương. Đến nơi, tất cả đều dừng lại ở trước. Khi ấy Thiên vương Dạ-ma thân mang các thứ áo giáp cõi trời, tay cầm binh khí báu cùng vô lượng trăm ngàn vạn các Thiên tử vây quanh nhắm đến phía Đông đỉnh núi chúa Tu-di-lưu hạ xuống, dựng cờ "nan hàng" thuần một màu xanh trên ngọn núi. Bấy giờ Thiên sứ Ma-na-bà lại đi đến chỗ Thiên vương Đâu-suất-đà. Đến nơi, tâu với Thiên vương Đâu-suất-đà thế này: "Xin ngài biết cho, Thiên vương Đế-thích có lời tâu bày rằng: "Bọn A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Xin ngài đến hỗ trợ chúng tôi đến đó ra sức chiến đấu". Thiên vương Đâu-suất-đà nghe rồi, liền nghĩ đến các chúng Thiên tử. Họ biết rồi đều đến hết, tụ tập bên Đại thiên vương Đâu-suất-đà. Đến nơi, liền chuẩn bị, cầm binh khí, cưỡi các thứ xe, cùng vây quanh, hạ xuống ở phía Nam núi chúa Tu-di-lưu, với vô lượng trăm nghìn vạn chúng tụ hội, dựng cờ "nan hàng" màu vàng ở trên ngọn núi. Bấy giờ Thiên sứ Ma-na-bà lại đến Thiên vương Hóa lạc tâu rằng: "Tâu Thiên vương Hóa lạc, xin ngài biết cho, vua Đế-thích có lời thế này: "Bọn A-tu-la muốn đánh chư Thiên"… *tâu trình như trước… cho đến* Thiên vương ấy cùng với vô lượng số trăm ngàn vạn chư Thiên tử đến, ai cũng trang bị áo giáp, cưỡi đủ các loại xe, xuống đến phía Tây núi Tu-di-lưu, dựng cờ "nan hàng" màu đỏ, ở trên ngọn núi. Cũng như thế, lên tâu với chư Thiên tử Tha hóa tự tại… *tất cả đều như trên…* Khi ấy Thiên chúng trang bị cầm binh khí, gấp đôi trời Hóa lạc, cùng vô lượng trăm Thiên tử, vô lượng ngàn Thiên tử, vô lượng trăm ngàn Thiên tử vây quanh, hạ xuống phía Bắc núi chúa Tu-di-lưu, dựng cờ "nan hàng" màu trắng ở trên ngọn núi.

Bấy giờ Đế-thích thấy chư Thiên đã vân tập đông đủ, tâm nghĩ đến các Dạ-xoa trên không trung. Khi ấy chúng Dạ-xoa trên hư không đều nói: "Thiên vương Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta". Biết như vậy rồi, họ liền bảo nhau mặc giáp, cầm trượng, trang bị đầy đủ; đã trang bị rồi, cưỡi lên các

thứ xe, đi đến trước trời Đế-thích, đứng sang một bên. Khi ấy trời Đế-thích lại nghĩ đến các Tiểu thiên vương và quyến thuộc trời Tam thập tam. Khi biết như vậy rồi, tất cả đều mặc giáp, trang bị vũ khí, cưỡi các loại xe đến trước Thiên vương. Khi ấy Đế-thích tự mặc các loại áo giáp và cầm binh khí, cưỡi các thứ xe, cùng Dạ-xoa trên không và các tiểu vương Tam thập tam thiên, sau trước vây quanh, ra khỏi thiên cung cùng A-tu-la đánh nhau.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, khi chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, có những loại vũ khí màu sắc như thế này, đó là đao, tên, giáo, côn, vồ, chày, tên nhọn kim cang, tên diện, tên tạc, tên thốc, tên độc xỉ, tên ca-lăng-già diệp thốc, tên vi tế thốc, tên nỗ, những vũ khí như thế nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não… dùng những cây trượng ấy, từ xa phóng đến thân A-tu-la, không dính, không hại, lơ lững lướt qua thân bọn chúng, lại cũng chẳng thấy thương tích, chỉ có xúc chạm vào là chịu thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, khí giới mà A-tu-la có trong khi cùng trời đánh nhau, sắc loại cũng tương tợ, cùng một loại bảy báu tạo thành, khi dính phải, lướt qua cũng không có dấu vết, chỉ do nhân duyên xúc chạm là chịu thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên cõi Dục khi cùng với A-tu-la đánh nhau, còn có các loại vũ khí màu sắc như thế, huống là bọn người thế gian.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN IX

Phẩm 10: KIẾP TRỤ

Chư Tỳ-kheo, thế gian có ba loại trung kiếp. Những gì là ba? Một là trung kiếp đao trượng, hai là trung kiếp cơ cẩn, ba là trung kiếp tật dịch. Thế nào gọi là trung kiếp đao trượng?

Chư Tỳ-kheo, trung kiếp đao trượng là con người thời ấy, không có chánh hạnh, chẳng nói như pháp, tà kiến điên đảo, làm đủ mười nghiệp bất thiện. Chúng sanh khi ấy chỉ thọ mười tuổi.

Chư Tỳ-kheo, khi con người thọ mười tuổi thì con gái sanh ra năm tháng đã lấy chồng, giống như ngày nay mười lăm tuổi đã lấy chồng. Chất đất ngày nay có tô du, sanh tô, đường tảng, đường cát, gạo thơm. Nhưng đến thời ấy, tất cả đều tiêu mất, chẳng sanh ra nữa. Khi con người thọ mười tuổi, dùng toàn loại lông thô của loài dê đen làm y phục, giống như loại áo Ca-thi-ca-kiều-xà-da, áo Sô-ma-tăng, áo Độ-cứu-la, áo Câu-lộ-ma-ta, áo Kiếp bối, áo Cam-bà-la bảo ngày nay, rất đẹp đẽ. Loại áo lông thô đó, cũng giống như vậy. Vào lúc ấy, con người chỉ ăn hạt cỏ, giống như gạo thơm ngày nay. Lại được cha mẹ thương yêu chỉ nguyện được mười tuổi, cho đó là thượng thọ. Như con người thời nay mong sống một trăm tuổi.

Chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có chúng sanh bất hiếu cha mẹ, không kính Sa-môn và Bà-la-môn, chẳng kính bậc Trưởng thượng. Nhưng những bậc này cũng được người khác cúng dường, khen ngợi, tôn trọng, giống như danh dự của người tu hành giáo pháp ngày nay không khác. Vì sao? Vì nghiệp của họ là như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, không có tên thiện, cũng không có người tu hành mười điều thiện, phần nhiều, hầu hết đều làm điều ác. Chúng sanh thấy nhau, ai cũng sanh tâm giết hại, không còn lòng thương yêu, giống như thợ săn ngày nay ở trên núi, hoặc đầm vắng thấy các loài cầm thú chỉ khởi tâm giết hại.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở vào thời ấy, đồ trang sức Anh lạc đeo trên

thân người đều là đao trượng, giống như tràng hoa, bông tai, vòng cổ, xuyến, nhẫn, trâm trang điểm trên thân ngày nay, cùng loại không khác.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, trung kiếp sắp hết, trong vòng bảy ngày, tay chạm vào bất cứ vật gì, hoặc cỏ, hoặc cây, đất cục, ngói, đá, tất cả vật ấy đều biến thành đao trượng, mũi rất bén nhọn, hơn người chế tạo. Trong vòng bảy ngày, mọi người giành lấy để giết hại nhau. Tất cả đều tàn sát nhau, khi mạng chung đều rơi vào các đường ác, chịu khổ địa ngục. Vì sao? Vì họ đối với nhau sanh tâm sát hại, tâm ô trược, tâm ác, tâm không lợi ích, tâm không từ bi, tâm không trong sạch. Chư Tỳ-kheo, như vậy gọi là trung kiếp đao trượng.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp cơ cẩn (đói khát)?

Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ trung kiếp đói khát, mọi người đều không có pháp tu hành, tà kiến, điên đảo, làm đủ mười nghiệp bất thiện. Vì vậy, trời không mưa. Vì không có mưa nên đời đói khát, không có hạt giống, nhặt xương để sinh sống; lấy vỏ cây nuôi mạng.

Thế nào gọi là nhặt xương để sinh sống?

Chư Tỳ-kheo, lúc đói khát, mọi người, hoặc ra ngã tư đường, hoặc đường hẻm, thành quách, khắp các đạo lộ, thâu nhặt xương người, đổ nước đun sôi, lấy nước mà uống để nuôi sống. Vì vậy gọi là nhặt xương để sinh sống. Thế nào gọi là bóc vỏ nuôi mạng?

Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ đói khát, mọi người vì quá đói nên bóc lấy vỏ cây, đổ nước đun sôi mà uống để nuôi mạng. Vì vậy gọi là bóc vỏ nuôi mạng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh khi ấy bị đói khát chết rồi đều sanh vào các đường ác, hoặc đọa vào trong chốn Diêm-la, gọi là ngạ quỷ, vì bọn họ xan tham tật đố, sợ các vật hết, giành nhau cất giấu. Chư Tỳ-kheo, vì vậy cho nên gọi là trung kiếp đói khát.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp dịch bệnh?

Chư Tỳ-kheo, con người khi ấy cũng muốn thực hành pháp, muốn nói như pháp, cũng muốn thực hiện sự hiểu biết không điên đảo, muốn thực hành đầy đủ mười điều thiện. Nhưng vào thời ấy, các người làm như pháp vì quá khứ không làm mười nghiệp thiện để vượt thắng quả báo nên đến nỗi khiến loài phi nhân phóng, xả khí tai ương, dịch bệnh hoành hành. Lúc đó có nhiều người mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ dịch bệnh, lại có loài phi nhân ở thế giới khác đến nơi này gây dịch bệnh. Vì sao? Vì họ phóng dật, làm việc phóng dật, cũng lại tiếp xúc với điều ác cho nên tâm họ

bị não loạn, họ bị đoạt mất oai lực. Trong đó, có nhiều người phước mỏng, bị bệnh mạng chung. Thí như quốc vương, hoặc đại thần của vua giữ gìn thần dân, ở địa đầu đất nước, bố trí quân lính tuần canh. Bấy giờ phương khác có đạo tặc đến, vì lính tuần canh không cẩn thận, vì chểnh mảng nên bị giặc cướp nhất thời chém giết, hoặc phá nhà cửa, hoặc hủy thôn xóm, hoặc phá làng mạc, hoặc hủy quốc thành. Cũng giống như vậy, con người lúc ấy phóng dật nên phi nhân phương khác đến gây dịch bệnh, mạng chung hết cả, cũng lại như vậy. Lại nữa, vào lúc ấy, phi nhân phương khác khi đến gây dịch bệnh, tuy các chúng sanh không hành phóng dật nhưng loài quỷ ấy quá mạnh, cưỡng hại bức bách, cho họ tiếp xúc cái xấu ác, làm tâm họ bấn loạn, đoạt mất oai lực; trong đó có nhiều người ngộ bệnh mạng chung. Thí như nhà vua hoặc đại thần của vua vì để bảo vệ các tụ lạc nên bố trí, trấn giữ. Trong khi đó, giặc cướp phương khác đến xâm phạm quấy nhiễu. Tuy sự trấn giữ không chểnh mảng, phòng hộ cẩn trọng nhưng giặc kia quá mạnh, cưỡng hại bức bách, người ở đó cùng lúc bị giết hại, hoặc bị phá hủy nhà cửa thôn xóm làng mạc… *nói lược như trên*, cũng như thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong kiếp dịch bệnh, con người ngộ bệnh, đau đớn mạng chung cũng như vậy. Sau khi mạng chung, họ đều được sanh lên các cõi trời. Vì sao? Vì họ không có tâm hại nhau, tâm không loạn động, tâm có lợi ích, tâm từ, tâm tịnh; khi sắp mạng chung họ hỏi thăm nhau: "Bệnh của bạn có thể chịu đựng chăng? Ít bị tổn hại chứ? Có ai thoát chăng? Có ai khỏi chăng? Có ai bị bệnh gì khác chăng?" Chư Tỳ-kheo, do ý nghĩa đó, họ được sanh lên cõi trời. Vì vậy gọi là trung kiếp dịch bệnh.

Chư Tỳ-kheo, đó là ba thứ trung kiếp của thế gian.

-oOo-

Phẩm 11: TRỤ THẾ

Chư Tỳ-kheo, trong thế gian, có bốn cái vô lượng chẳng thể lường được, chẳng thể cân được, chẳng thể nghĩ bàn được. Hoặc trời, hoặc người, những vị toán số trong đời, muốn nắm được số lượng ấy là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm, cũng không bao giờ được. Bốn điều ấy là gì

Chư Tỳ-kheo, đó là sự tồn tại của thế giới. Điều này chẳng thể tính toán mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn

năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, sự hoại diệt của thế giới sau khi tồn tại cũng chẳng thể tính đếm mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, sự hình thành của thế giới sau khi hoại diệt, điều này cũng chẳng thể tính toán mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, thế giới tồn tại sau khi hình thành, điều này cũng chẳng thể tính đếm mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, đây gọi là bốn thứ vô lượng, chẳng thể lường được, chẳng thể cân được, chẳng thể nghĩ bàn được, chẳng thể tính đếm được, hoặc trời hoặc người, không có ai tính đếm mà có thể biết được là bao nhiêu trăm ngàn vạn năm, bao nhiêu trăm ngàn vạn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, ở phương Đông cõi này, có các thế giới chuyển biến trụ và hoại, không có thời gian ngừng nghỉ; hoặc có thế giới chuyển thành, chuyển trụ, chuyển hoại.

Chư Tỳ-kheo, phương Nam, Tây Bắc, việc chuyển thành, chuyển trụ, chuyển hoại, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thí như bánh xe có năm bộ phận, trừ trục ra, xoay chuyển không ngừng, không có thời gian tạm nghỉ, *nói lược như trên*. Lại như cơn mưa mùa hạ, hạt mưa to, nối nhau rơi xuống không có gián đoạn. Cũng như phương Đông, sự chuyển thành, trụ, hoại của các phương Nam, Tây, Bắc không có lúc dừng nghỉ, cũng lại như thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong khoảng thời gian ấy, lại có ba tai họa. Ba họa ấy là gì? Một là tai họa về lửa, hai là tai họa về nước, ba là tai họa về gió. Trong thời gian bị tai họa về lửa, chư Thiên Quang âm khỏi bị tai họa ấy; thời kỳ tai họa về nước, chư Thiên Biến tịnh khỏi bị tai họa ấy. Thời kỳ tai họa về gió, chư Thiên Quảng quả khỏi bị tai họa ấy.

Thế nào là tai họa về lửa? Chư Tỳ-kheo, thời kỳ tai họa về lửa, các chúng sanh có làm việc lành, nói năng như pháp, thành tựu chánh kiến

không có điên đảo, thực hiện đầy đủ mười nghiệp thiện, đắc tầng thiền thứ hai Vô giác quán mà không dụng công tu, tự nhiên chứng đắc. Bấy giờ bọn chúng sanh ấy dùng sức thần thông, trụ trên hư không, trụ các cõi tiên, trụ các cõi trời, trụ cõi phạm hạnh. Trụ như vậy rồi, họ hưởng thọ cái vui Vô giác quán của tầng thiền thứ hai, chứng biết như vậy, thành tựu đầy đủ, thân hoại liền sanh cõi trời Quang âm. Chúng sanh cõi Địa ngục, chúng sanh cõi Súc sanh, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, cõi Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại và trời Ma thân cho đến Phạm thế, các chúng sanh sanh vào Nhân gian đều thành tựu Vô giác vô quán, chứng biết an lạc. Khi thân hoại, liền sanh cõi trời Quang âm. Tất cả sáu đường đều chấm dứt. Đó gọi là thế gian chuyển tận.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là thế gian trụ rồi chuyển hoại?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở đó, thời gian lâu xa vô lượng, thiên hạ hạn hán, không mưa. Tất cả cỏ cây đều khô cháy chẳng mọc lại. Thí như cỏ lau cắt khi còn non, không có nước mưa, khô cháy mục nát, không thể mọc lại. Cũng như vậy, chư Tỳ-kheo, trời lâu không mưa, tất cả cỏ cây đều khô cháy.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng vậy, vô thường, chẳng tồn tại lâu dài, không bền chắc, không tự tại, là pháp phá hoại, nên chán bỏ, nên cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, có gió lớn Ca-lê-ca thổi tám vạn bốn ngàn do-tuần nước biển lớn giạt ra, rồi ở dưới liền xuất hiện cung điện mặt trời, thổi mặt trời lên khỏi biển đặt ở lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, cách bốn vạn hai ngàn do-tuần, trong quỹ đạo mặt trời.

Chư Tỳ-kheo, đây gọi là mặt trời thứ hai xuất hiện ở thế gian. Các ao, hồ, sông, ngòi nhỏ, tất cả đều khô cạn, không còn cái nào.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường… *nói lược như trên*… cầu thoát khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo,… *nói lược như trên*… gió lớn thổi nước biển, xuất hiện cung điện mặt trời, đặt ở quỹ đạo mặt trời. Đó là mặt trời thứ ba xuất hiện ở thế gian. Tất cả các ao lớn, hồ lớn, sông lớn và vô số tất cả sông lớn đề khô cạn, không còn cái nào. Các hành cũng vậy…

Và như thế, mặt trời thứ tư xuất hiện ở thế gian, các sông và ao hồ lớn như ao lớn Thiện hiện, ao lớn A-na-bà-đạt-đa, ao lớn Mạn-đà-kỳ-ni, ao lớn Xà mãn thảy đều khô cạn, không còn cái nào. Các hành cũng thế…

Và cũng như thế, mặt trời thứ năm xuất hiện ở thế gian, nước biển

lớn dần dần khô cạn, lúc đầu độ vơi bằng mắt cá, rồi vơi dần cho đến độ vơi bằng tới đầu gối, rồi vơi nữa cho đến nửa thân, rồi một thân, rồi hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy thân… rồi vơi đến khô cạn.

Chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước biển lớn vơi dần… từ nửa cây Đa-la, cho đến một cây Đa-la, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy cây Đa-la,... vơi đến nửa câu-lô-xá, hoặc một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá, cho đến vơi nửa do-tuần, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần, cho đến một trăm do-tuần, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần…

Chư Tỳ-kheo, lúc mặt trời xuất hiện, nước biển lớn vơi một ngàn do-tuần, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần…

Chư Tỳ-kheo, lúc mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước biển lớn vơi cho đến lúc còn lại bảy ngàn do-tuần, hoặc xuống còn sáu, năm, bốn, ba, hai, một ngàn do-tuần. Cứ như vậy cho đến lúc mực nước còn lại bảy trăm do-tuần, hoặc xuống còn sáu, năm, bốn, ba, hai, một trăm do-tuần, hoặc mực nước còn bảy do-tuần, hoặc còn lại sáu, năm, bốn, ba, hai, một do-tuần. Rồi mặt nước vơi dần, còn lại bảy câu-lô-xá, cho đến mực nước còn lại cho đến sáu, năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá.

Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ năm mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước biển lớn kia, sâu còn bảy cây Đa-la, hoặc còn lại sáu, năm, bốn, ba, hai, một cây Đa-la; hoặc mức nước còn lại độ sâu bằng bảy người, hoặc mức nước còn lại sáu, năm, bốn, ba, hai, một người, hoặc nửa người, hoặc đến đầu gối, cho đến mắt cá. Lại trong thời kỳ năm mặt trời, nước trong biển lớn còn sót lại chút ít như chút ít nước trong dấu chân trâu khi mưa thu không khác. Thời kỳ năm mặt trời, nước trong biển lớn kia cũng lại như thế.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ năm mặt trời, trong biển lớn kia, ở tất cả nơi, cho đến nước bùn cũng không còn.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng lại như thế, vô thường không dài lâu, tạm thời thoáng chốc… *nói lược cho đến*, đáng nhàm chán, đáng xa lìa, nên cầu ra khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo,… *nói lược như trên, cho đến* khi sáu mặt trời xuất hiện ở thế gian, bốn châu lớn và tám vạn bốn ngàn châu nhỏ, các núi lớn, núi chúa Tu-di-lưu, thảy đều bốc khói, bốc mãi bốc mãi, giống như người thợ gốm khi muốn nung đồ đất; trên đồ đất, ngọn lửa cùng lúc phát khởi, lửa đó rất mạnh, phủ kín khắp cả. Bốn châu lớn và các núi bốc khói mãnh liệt, cũng lại như thế,… *nói lược cho đến* các hành vô thường, nên

cầu ra khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, *lược nói như trên*, khi bảy mặt trời xuất hiện, bốn châu lớn và tám vạn bốn ngàn châu nhỏ, các núi lớn khác và núi chúa Tu-di-lưu thảy đều cháy trụi, nước mạch dưới đất cũng đều khô cạn; địa đại đã hết thì phong đại cũng hết. Khi hỏa đại bốc cháy như thế, phần trên núi chúa Tu-di-lưu bảy trăm do-tuần, ngọn núi ngã đổ; ngọn lửa ấy bốc cháy, gió thổi thiêu cháy cung điện Phạm thiên, cho đến trời Quang âm. Trong đó có các Thiên tử sanh sau ở dưới cung điện Quang âm chẳng biết kiếp thế gian chuyển hoại, chuyển thành và chuyển trụ nên sanh sợ hãi, kinh khiếp run rẩy, nói với nhau: "Chẳng lâu nữa ngọn lửa sẽ thiêu đốt các cung điện Quang âm". Khi ấy các Thiên tử ở tại cõi trời Quang âm từ trước biết rõ sự hoại, thành, trụ của kiếp thế gian, trấn an các Thiên tử hậu sanh: "Quý vị đừng sợ, đừng sợ! Vì sao? Này quý vị, khi xưa có ngọn lửa đỏ cũng đến nơi ấy". Khi đó các Thiên tử nghe lời ấy rồi, liền nhớ lại ánh sáng thuở xưa, nhớ nghĩ rằng ánh sáng kia chẳng lìa tâm, cho nên có tên là Quang thiên. Lửa kia như thế, bùng cháy rất lớn, rực đỏ mãnh liệt, thiêu đốt thành tro bụi, chẳng còn lại gì; nên biết phân biệt như thế.

Chư Tỳ-kheo, các hành cũng thế, *nói lược… cho đến* nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, thế gian hoại rồi lại thành như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở ấy, lâu xa vô cùng, thời gian chẳng thể tính đếm, mây ùn ùn nổi lên cho đến che khắp cả thế giới Phạm thiên. Che như thế rồi, mưa lớn trút xuống, hạt mưa rất to, giống như trục bánh xe, hoặc như cái chày, trải qua nhiều năm, trăm ngàn vạn năm, khối nước mưa kia dần dần tăng lên cho đến thế giới Phạm thiên thì dừng lại, nước ấy đầy khắp. Khối nước ấy có bốn luồng gió giữ lại. Những gì là bốn? Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao chủ. Sau khi cơn mưa chấm dứt, bấy giờ khối nước ấy tự hạ xuống vô lượng trăm ngàn do-tuần. Vào lúc ấy, bốn phương cùng lúc, có bốn ngọn gió lớn thổi lên. Gió ấy tên là A-na-tỳ-la, thổi khối nước kia làm ba đào nổi dậy cuồn cuộn không dừng; ở giữa tự nhiên sanh ra khối bọt, nhưng bọt ấy bị ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi ném lên trên không, tạo ra các cung điện đẹp đẽ khả ái bằng bảy báu xen lẫn, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não…

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, chư Thiên Phạm thân có cung điện với các tường vách xuất sanh ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, tạo như thế rồi, khi ấy, khối nước kia liền hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn do-tuần… *nói lược như trên*, gió bốn phương nổi

dậy, tên là gió lớn A-na-tỳ-la, thổi ném khối bọt thành cung điện tên là Ma thiên thân; tường vách chỗ ở như trời Phạm thân, không khác, chỉ có màu sắc, báu vật, tinh diệu sai khác chút ít. Cứ như thế, tạo tác cung điện tường vách chư Thiên Tha hóa tự tại, chư Thiên Hóa lạc. Kế đến, tạo tác cung điện chư Thiên Đâu-suất-đà, tiếp là cung điện chư Thiên Dạ-ma. Cứ như vậy, theo thứ tự xuất hiện đầy đủ đều giống như chư Thiên Phạm thân.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy khối nước kia dần dần hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn do-tuần, nhỏ lại dần, rồi dừng lại. Từ khối nước ấy, quanh bốn phía, tự nhiên nổi bọt, dừng trên mặt nước, dày sáu mươi tám trăm ngàn do-tuần, rộng vô cùng. Giống như trong ao suối và đầm hồ, khắp bốn phía, có bọt nổi lên phủ trên mặt nước, đứng yên. Cũng như thế, chư Tỳ-kheo, trong khối nước kia, khắp bốn phía, bọt nước nổi lên, đứng yên, dày sáu mươi tám trăm ngàn do-tuần, rộng vô lượng, cũng lại như thế.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, gió lớn A-na-tỳ-la kia thổi bọt nước ấy liền tạo thành hình dáng núi chúa Tu-di-lưu, kế đến tạo thành quách, nhiều màu đẹp đẽ, do bốn báu tạo thành, đó là các loại báu vi diệu vàng, bạc, lưu ly, pha lê …

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian này mới có núi chúa Tu-di-lưu xuất hiện như vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại vào lúc ấy, gió lớn Tỳ-la thổi bọt nước kia lên phần trên núi chúa Tu-di-lưu, bốn phía tạo thành tất cả ngọn núi, mỗi ngọn cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, bảy báu tạo thành, đó là các loại báu xa cừ, mã não… do nhân duyên ấy, thế gian xuất hiện các ngọn núi cao. Cứ như thế, ngọn gió kia, tiếp đến thổi bọt nước, tạo tác cung điện cho chúng chư Thiên tam thập tam. Kế đến, phía Đông, Tây, Nam, Bắc ở lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, cách bốn vạn hai ngàn do-tuần, tạo tác các cung điện cho bốn Đại thiên vương, dựng thành, tường vách nhiều màu bằng bảy báu, đẹp đẽ khả ái. Tạo dựng như vậy xong rồi, bấy giờ ngọn núi kia lại thổi bọt nước tới nửa sườn núi chúa Tu-di-lưu, cách bốn vạn bốn ngàn do-tuần, tạo thành cung điện lớn cho Nguyệt thiên tử, nhiều màu bằng bảy báu, hoàn hảo trang nghiêm. Tạo tác như thế rồi, gió kia lại thổi bọt bảy ngày tạo cung điện thành quách, lầu gác cho Nhật thiên tử, nhiều màu bằng bảy báu, vạn phần đẹp đẽ. Do nhân duyên ấy, thế gian mới có bảy cung điện mặt trời hiện diện.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngọn gió kia thổi khối nước ấy lên núi chúa Tu-di-lưu, tạo ba thành quách đẹp đẽ, nhiều màu bằng bảy báu, cho đến…

đó là xa cừ, mã não… do đó có thành quách xuất hiện ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la, kế đến thổi bọt nước đến trên mặt biển cao một vạn do-tuần, tạo cung điện thành quách pha lê cho các Dạ-xoa hư không.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có cung điện thành quách Dạ-xoa hư không xuất hiện như thế.

Chư Tỳ-kheo, khi đó ngọn gió lớn A-na-tỳ-la, tiếp theo, thổi bọt nước đến phía Đông, Tây, Nam, Bắc núi chúa Tu-di-lưu, mỗi bên cách núi một ngàn do-tuần, ở dưới biển lớn, tạo ra thành quách A-tu-la ở bốn phía, nhiều màu bằng bảy báu, đẹp đẽ khả ái. Do đó thế gian mới có thành quách A-tu-la ở bốn phía xuất hiện như thế.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi khối bọt nước kia đặt một nơi bên ngoài núi chúa Tu-di-lưu, tạo một núi khác tên là Khư-đề-la-ca. Núi ấy cao rộng mỗi mặt đều bốn vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu bằng bảy báu, hoàn hảo trang nghiêm, đẹp đẽ khả quan.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Khư-đề-la-ca xuất hiện như thế.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước ấy ra ngoài núi Khư-đề-la-ca, đặt ở một chỗ, tạo một núi tên là Y-sa-đà-la. Núi ấy cao, rộng mỗi chiều hai vạn một ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái, do bảy báu là xa cừ mã não… tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó nên thế gian mới có núi Y-sa-đà-la xuất hiện như thế.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia ném ở ngoài núi Y-sa-đà-la, ngay nơi ấy tạo một núi tên là Do-càn-đà-la. Núi ấy cao, rộng mỗi chiều một vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái. Cho đến được tạo thành bằng bảy báu như xa cừ, mã não…

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có tên núi chúa Do-càn-đà-la xuất hiện.

Cứ như thế, tiếp đến tạo núi Thiện hiện, cao rộng bằng nhau sáu ngàn do-tuần; tiếp theo, tạo núi Mã phiến đầu, cao rộng bằng nhau ba ngàn do-tuần. Lại tạo núi Vi-dân-đà-la, cao rộng một ngàn hai trăm do-tuần. Tiếp đến, tạo núi Tỳ-na-da-ca, cao rộng bằng nhau sáu trăm do-tuần. Kế đến, tạo núi Luân viên, cao rộng bằng nhau ba trăm do-tuần, nhiều màu khả ái, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não… là bảy báu tạo thành, nói đủ như trên, như sự tạo tác núi Khư-đề-la-ca không khác.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Luân viên xuất hiện.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước ấy tan ra, đặt ngoài bốn phía núi Luân viên, làm thành bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ; các núi lớn…theo thứ tự xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ, và núi lớn, theo thứ tự xuất hiện.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia đặt ngoài bốn châu lớn, và tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di-lưu và các núi lớn khác, đứng yên một chỗ, gọi là núi Đại luân viên, cao rộng bằng nhau, sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, thật vững chắc, do kim cương tạo thành, khó hư hoại.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, núi Đại luân viên xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi xoáy đại địa, dần dần sâu xuống, ngay tại chỗ ấy, khối nước lớn, bỗng nhiên dồn lại.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, trong thế gian mới có biển lớn như thế xuất hiện.

Lại vì nhân duyên gì nước biển lớn mặn không dùng trong ăn uống được?

Chư Tỳ-kheo, điều này có ba duyên. Những gì là ba? Một là từ sau trận hỏa tai, trong thời gian lâu xa vô lượng, có đám mây lớn dày đặc nổi lên, đứng yên che kín cho đến Phạm thiên. Rồi sau đó mưa xuống, hạt mưa to, *nói đủ như trên*. Nước mưa lớn ấy tẩy rửa các cung điện của trời Phạm thân, rồi kế đến rửa cung điện của chư Thiên Ma thân, cung điện chư Thiên Tha hóa tự tại, cung điện Dạ-ma, rửa đi rửa lại, rửa mãi như thế. Khi rửa những cung điện ấy, các vị mặn, cay, đắng đều chảy xuống hết. Kế đến rửa thân núi chúa Tu-di-lưu và bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, các núi lớn khác và núi Luân viên... Khi tẩy rửa như thế, nước chảy rửa thấm những vị mặn, đắng, cay có ở trong đó nhất thời đều chảy xuống, rơi vào trong biển.

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ nhất, khiến nước biển lớn mặn không uống được.

Lại nữa, nước biển lớn là chỗ cư trú của các đại thần, chúng sanh có thân to lớn. Những chúng sanh nào có thân to lớn? Đó là cá, ba ba, ễnh ương, cá rái, rồng có sừng, cung-tỳ-la-đê-ma-da-đê-mị-di-la-đê, mị-đâu-la-đâu-la-kỳ-la... Trong số đó có loài thân một trăm do-tuần, hoặc có loài

hai trăm, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần; thân lớn như thế, ở tại trong biển; các loại phân tiểu của chúng lưu xuất đều ở trong biển. Do nhân duyên ấy, nước biển mặn đắng, không uống được.

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ hai làm cho nước biển mặn đắng.

Lại nữa, nước biển lớn, thuở xưa bị các tiên nhơn chú nguyện. Tiên nhơn chú nguyện rằng: "Nguyện cho ngươi thành vị mặn, chẳng thể uống được!"

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ ba khiến nước biển lớn mặn không uống được.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà sự nóng bức thiêu đốt thế gian xuất hiện?

Chư Tỳ-kheo, nếu thế giới này, khi kiếp sơ chuyển biến, thì vào thời kỳ ấy, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la dồn lại thổi sáu thành quách cung điện mặt trời đặt vào dưới nước biển lớn; chỗ đặt mặt trời ấy, khối nước lớn ngay chỗ ấy đều tiêu hết, chẳng chảy đâu được.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy thế gian mới có sức nóng thiêu đốt xuất hiện. Đó gọi là thế gian chuyển hoại rồi trụ.

Lại nữa, thế nào gọi là thế gian chuyển hoại rồi thành trụ?

Chư Tỳ-kheo, thí như hiện nay thế gian thành rồi, trụ lập như vậy, có hỏa tai, ở trong đó, tại sao lại có thủy tai?

Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ kiếp thủy tai, loài người hành như pháp, nói lời như pháp, thành tựu chánh kiến, không có điên đảo, giữ mười hạnh lành. Các người ấy thường đắc tầng thiền thứ ba là Vô hỷ mà chẳng nhọc công sức, không có mệt mỏi, tự nhiên chứng đắc. Khi ấy các chúng sanh kia được trụ trong đạo phạm hạnh của chư Thiên, chư Tiên trên hư không; được trụ trong ấy rồi, đắc "ly hỷ khoái lạc", liền tự nói: "Chư vị, thật vui sướng! Tầng thiền thứ ba này vui sướng như thế". Bấy giờ các chúng sanh ở nơi ấy đồng hỏi chúng sanh đắc thiền kia. Bọn họ đáp: "Lành thay, chư vị, đây là tầng thiền thứ ba là Vô hỷ, nên biết như thế". Các chúng sanh ấy biết đã thành tựu tầng thiền thứ ba là Vô hỷ như vậy; thành tựu rồi chứng, chứng rồi tư duy; tư duy rồi an trú; khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi trời Biến tịnh. Như vậy, chúng sanh từ dưới địa ngục, trong cõi Diêm-la, trong cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương lên đến trời Phạm thế, và các chúng sanh từ trời Quang âm trở xuống, ở tất cả nơi, tất cả cõi đều dứt hết. Chư Tỳ-kheo, như vậy gọi là thế chuyển.

Lại nữa, thế nào gọi là thế gian chuyển rồi hoại?

Chư Tỳ-kheo, có một thuở, thời gian lâu xa vô lượng, mây giăng cùng khắp cho đến chư Thiên Quang âm, rồi mưa nước tro nóng xuống, trải vô lượng năm… *nói lược… cho đến* trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, nước tro nóng ấy, lúc mưa xuống, các cung điện trên trời Quang âm đều tiêu rụi hết, không còn hình bóng vi trần có thể biết được. Thí như lấy váng sữa, kem sữa… bỏ vào trong lửa, cháy tiêu hết, không còn hình dạng để có thể nghiệm biết được, cũng như thế. Loại nước tro nóng kia khi mưa xuống làm tiêu các cung điện của chư Thiên Quang âm, cũng lại như thế, không còn hình dáng có thể biết.

Chư Tỳ-kheo, các hành vô thường, phá hoại ly tán, lưu chuyển tiêu diệt, chỉ trong khoảnh khắc, cũng lại như vậy, đáng chán, đáng sợ, nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, các cung điện của chư Thiên Phạm thân, Ma thân, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Đâu-suất, Dạ-ma đều bị mưa tro nóng tiêu diệt, *nói lược như trên*, giống như váng sữa bỏ vào lửa cháy tiêu mất dạng, không còn hình tướng, cũng lại như vậy… *cho đến* tất cả các hành vô thường, nên cầu thoát ly.

Chư Tỳ-kheo, nước tro nóng ấy khi mưa xuống bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, các núi khác, núi Tu-di-lưu, đều tiêu hủy hết, không còn hình tướng để có thể ghi nhận được, *nói đủ như trên*, phải nên nhàm chán. Sự biến đổi như thế chỉ có người chứng kiến mới tin thôi. Đó gọi là thế gian chuyển trụ rồi chuyển hoại.

Lại nữa, thế nào gọi là chuyển hoại rồi thành?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở ấy, mây nổi lên, mưa lớn xuống, trải qua nhiều năm, nổi gió thổi bọt nước lên tạo cung điện chư Thiên, nói đủ như sự việc của hỏa tai… *cho đến* như vậy là thủy tai.

Lại nữa, thế nào là phong tai?

Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ phong tai, các chúng sanh tu hành như pháp, thành tựu chánh niệm, sanh vào tầng thiền thứ tư, trời Quảng quả. Chúng sanh ở địa ngục bỏ thân, trở lại nhân gian, tu hạnh thanh tịnh, thành tựu Tứ thiền. Cũng giống như thế, loài Súc sanh, cõi Diêm-ma, cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa và Ma thân, Phạm thế, Quang âm, Biến tịnh, Thiểu quang… thành tựu Tứ thiền, nói đủ như trước.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian chuyển thành. Thế nào là chuyển hoại?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở nọ, thời gian lâu xa vô lượng, có gió lớn nổi

lên; gió lớn ấy gọi là Tăng-già-đa (dịch là Hòa hiệp).

Chư Tỳ-kheo, gió Hòa hiệp ấy thổi cung điện chư Thiên Biến tịnh, làm cho chúng va chạm nhau mà hoại diệt, không còn hình dạng có thể nhận biết. Thí như tráng sĩ nắm hai dụng cụ bằng đồng ở trong hai tay cọ xát nhau phá hủy hoại diệt, không còn hình dạng có thể biết được, gió hòa hiệp kia thổi cung điện trời Biến tịnh ma xát, hoại diệt, cũng giống như vậy.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, hoại diệt, giây lát, không dài lâu... *cho đến* đáng chán, nên cầu thoát khỏi.

Lần lượt như thế, thổi cung điện chư Thiên Quang âm, thổi cung điện trời Phạm thân, cung điện chư Thiên Ma thân, Tha hóa tự tại, Hóa lạc, Dạ-ma, đụng nhau, va nhau, cọ nhau, diệt nhau, không còn hình, không còn tướng, không còn bóng, không còn mảy bụi, để có thể thấy dạng.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành, cũng giống như thế, hư hoại không bền, không có chân thật, phải nên nhàm chán xa lìa, sớm cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, gió lớn Tăng-già-đa kia thổi bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ và các núi lớn, núi chúa Tu-di-lưu, nhấc bổng lên một câu-lô-xá, rồi phân tán, hoại diệt; hoặc cao hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá, rồi phân tán hoại diệt; hoặc thổi nhấc cao một do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần, hoặc thổi nhấc cao trăm do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần, rồi phân tán hoại diệt; hoặc thổi nhấc cao một ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần; hoặc lại nhấc cao trăm ngàn do-tuần rồi phân tán phá hoại. Như thế, gió ấy thổi phá hủy tan hoại không còn hình, không còn dáng, không còn lại hạt vi trần nào để có thể biết được. Thí như có một người đàn ông khỏe mạnh, tay nắm một cục bột bóp nát, ném vào hư không, bay tứ tán, không còn hình, không còn ảnh cũng như thế. Gió kia thổi phá các châu, các núi cũng lại như thế. Chỉ có người thấy mới có thể tin. Đây gọi là thế gian chuyển trụ rồi hoại.

Lại nữa, thế gian hoại rồi chuyển thành như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở nọ, trải qua nhiều năm lâu xa vô lượng, mây đen nổi lên, che khắp thế gian, cho đến chỗ ở của chư Thiên Biến tịnh. Che phủ như thế rồi, mưa lớn liền đổ xuống. Giọt mưa to lớn giống như trục xe, hoặc như cái chày, liên tục đổ xuống. Trải qua nhiều trăm ngàn vạn năm như thế, lượng nước mưa kia sâu rộng to lớn, cho đến trời Biến tịnh. Lượng nước đầy ắp đó, có bốn thứ gió giữ lại… *như trên đã nói... cho đến* thổi bọt nước tạo cung điện Biến tịnh, nhiều màu, bằng bảy báu

hiện ra rõ ràng; tất cả đều như hỏa tai, thủy tai, *thứ lớp như đã nói*.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian hoại rồi chuyển thành.

Thế nào là thế gian chuyển thành rồi trụ?

Chư Tỳ-kheo, thí như ngày nay, thế gian trời người chuyển thành rồi trụ. Chư Tỳ-kheo, tuần tự như thế, có gió thổi…

Đây gọi là tam tai của thế gian.

-oOo-

Phẩm 12: TỐI THẮNG 1

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, qua thời gian, thế gian chuyển rồi, khi thành như thế, chúng sanh phần nhiều được sanh lên cõi trời Quang âm. Khi sanh lên cõi trời ấy, thân tâm họ an vui, dùng niềm hoan hỷ làm thức ăn, tự nhiên có ánh sáng; lại có thần thông, đi trên hư không, có sắc đẹp thù thắng, tuổi thọ dài lâu, sống trong an lạc.

Chư Tỳ-kheo, thời ấy thế gian chuyển hoại; khi nó chuyển hoại, hư không trống rỗng; ở trong cung Phạm, có một chúng sanh trên trời Quang âm phước nghiệp đã hết, từ trời Quang âm xuống, sanh vào trong cung điện Phạm, không do bào thai, bỗng nhiên hóa có. Vị trời Phạm ấy tên là Sa-bà-ba-đế. Vì vậy, có tên này xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, khi đó lại có các chúng sanh khác, phước nghiệp và tuổi thọ hết, từ cõi trời Quang âm bỏ thân rồi, sanh ở nơi đó, thân hình đẹp đẽ, cũng dùng hoan hỷ làm thức ăn, tự nhiên có ánh sáng, có sức thần thông, bay đi trên không, sắc thân tối thắng, tồn tại lâu dài ngay nơi chốn này.

Khi họ sống ở đây như vậy, không có nam nữ, không có tốt xấu, chỉ có chúng sanh và tên chúng sanh, chỉ có tên như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở thời kỳ ấy, trên đại địa đó, xuất hiện lớp mỡ đất, ngưng đọng lại. Thí như có người nấu sữa xong, trên mặt sữa có một lớp màng mỏng đóng lại, hoặc trên mặt nước có lớp màng mỏng đóng lại, cũng như thế.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại thời kỳ ấy, trên đại địa đó xuất hiện một loại mỡ đất, ngưng đọng lại. Thí như váng sữa tụ lại, rồi thành ra kem có hình sắc, tướng mạo như vậy, vị nó giống như mật không có sáp. Bấy giờ các chúng sanh ở nơi ấy, trong đó có chúng sanh có tánh tham, nghĩ như thế này: "Nay ta cũng có thể dùng ngón tay lấy vị này nếm thử để biết đây là

vật gì". Chúng sanh ấy nghĩ như thế rồi, liền dùng ngón tay chọt sâu xuống một lóng, lấy vị đất kia bỏ vào miệng nếm. Nếm rồi thích ý, cứ nếm như thế qua một lần, hai lần, ba lần, liền sanh tham đắm. Kế đến dùng tay bốc, dần dần dùng tay hốt, sau lại bốc hốt tùy ý mà ăn. Khi chúng sanh dùng tay bốc hốt ăn, lại có bọn người khác thấy các chúng sanh kia ăn như thế liền bắt chước tranh nhau lấy ăn.

Chư Tỳ-kheo, khi các chúng sanh ấy dùng tay bốc hốt vị đất kia ăn như vậy thì thân hình chúng tự nhiên rít rắm, da dẻ thô dày, thân thể dơ bẩn hắc ám, nhan sắc biến đổi, không còn ánh sáng, cũng chẳng thể bay đi trên hư không. Vì lớp mỡ đất nên thần thông biến mất.

Chư Tỳ-kheo, như trước đã nói, sau cũng như thế. Trong thời kỳ ấy, thế gian trở thành tối tăm. Chư Tỳ-kheo, vì vậy thế gian mới có sự tối tăm lâu dài xuất hiện.

Lại nữa, tại sao ngay thời gian ấy, thế gian tự nhiên xuất hiện mặt trời, mặt trăng? Rồi cũng trong thời ấy xuất hiện tinh tú? Rồi có danh từ ngày đêm, một tháng, nửa tháng, một năm, thời tiết xuất hiện?

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, cung điện mặt trời đẹp đẽ to lớn từ phương Đông xuất hiện, vòng quanh lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, rồi lặn ở phương Tây; lặn ở phương Tây rồi lại mọc ở phương Đông. Bấy giờ chúng sanh thấy cung điện mặt trời to lớn, cùng bảo nhau: "Chư Nhân giả, lại là cung điện mặt trời chiếu sáng, từ phương Đông xuất hiện, rồi vòng phía phải lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, lặn ở phương Tây". Thấy ba lần như vậy rồi bảo nhau: "Chư Nhân giả, đây là ánh sáng của trời kia lưu hành; ánh sáng của trời ấy lưu hành thế gian vậy". Vì vậy gọi là "Đây kia, đây kia". Cho nên có danh tự như thế xuất hiện.

❑

KHỞI THẾ NHÂN BỔN

QUYỂN X

Phẩm 12: TỐI THẮNG 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng đó ngang dọc năm mươi mốt do-tuần, trên dưới, bốn phía chung quanh bằng nhau. Có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đan xen, dùng để trang nghiêm. Các bờ tường đều do bảy báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não… tạo thành. Khắp bốn phía đều có cửa. Tại các cửa đều có lầu gác, đài quan sát canh phòng và các rừng cây, ao hồ, vườn cảnh. Trong vườn đều có các giống cây, các loại lá, các loại hoa và các loại quả, các loại hương thơm; lại có tiếng hót của các loài chim.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời to lớn ấy có hai vật dựng lập thành cung điện, vuông như ngôi nhà, trông xa như hình tròn.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời to lớn ấy có nhiều vàng trời và pha lê trời, xen kẽ tạo thành; hai phần là vàng trời trong sạch không dơ, không các cáu bẩn, sạch sẽ chói sáng; còn một phần thì dùng pha lê trời tạo thành, sạch sẽ chói sáng, càng mài càng sáng, không có cáu bẩn.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời to lớn ấy, có năm thứ gió thổi để chuyển đi. Những gì là năm? Đó là: một trì, hai trụ, ba tùy thuận chuyển, bốn ba-la-ha-ca, năm tương hành.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, phía trước cung điện mặt trời to lớn kia, đặc biệt có vô lượng chư Thiên đi trước. Khi có vô lượng trăm, vô lượng ngàn, vô lượng trăm ngàn chư Thiên đi trước, tất cả đều luôn được hưởng bước đi an lạc vững chắc, nên có tên là "lao hành".

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời to lớn kia, có xe đẹp Diêm-phù-đàn xuất hiện. Xe cao mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Thiên tử mặt trời và quyến thuộc vào trong xe ấy dùng thú vui năm dục cõi trời, cùng nhau thọ hưởng trọn vẹn, vui vẻ rồi đi.

Chư Tỳ-kheo, số tuổi thọ mạng của Thiên tử mặt trời là tròn năm trăm năm, con cháu truyền nhau để cai trị. Cung điện ấy tồn tại tròn một

kiếp.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các bộ phận của Thiên tử mặt trời ánh sáng phát ra chiếu sáng xe Diêm-phù-đàn. Rồi ánh sáng trong xe Diêm-phù-đàn ấy phát ra chiếu sáng cung điện mặt trời to lớn kia. Ánh sáng từ cung điện mặt trời to lớn kia liên tục phát ra chiếu sáng bốn châu lớn và thế gian.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trời có đầy đủ cả ngàn ánh sáng; năm trăm ánh sáng chiếu một bên để đi, còn năm trăm ánh sáng chiếu xuống.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà cung điện to lớn đẹp đẽ của Thiên tử mặt trời chiếu bốn châu lớn và các thế giới?

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người chuyên hành bố thí; trong khi bố thí, họ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và kẻ bần cùng cô độc từ xa đến xin như là đồ ăn uống, xe cộ, y phục, tràng hoa, anh lạc, hương xoa, giường, nệm, phòng, nhà, đèn, dầu… nói chung là những vật để nuôi sống thân mạng. Khi bố thí, họ bố thí nhanh chóng, chẳng bố thí vì dua nịnh; hoặc lại cúng dường cho các vị tiên trì giới, người hành thiện pháp đầy đủ công đức; phụng sự đủ thứ. Do nhân duyên đó, thâm tâm họ hưởng vô lượng các thứ an lạc. Thí như chốn rừng núi hoang vu vắng vẻ, hoặc nơi sa mạc mênh mông mà có ao nước; nước ao mát lạnh, trong sạch ngon ngọt. Khi ấy có một đàn ông, đi xa mệt mỏi, nóng bức khát nước, từ nhiều ngày qua chẳng ăn uống gì, đến chỗ cao ấy, uống nước, tắm rửa, dứt trừ tất cả sự khát và nóng bức. Ra khỏi ao, thâm tâm sảng khoái, hưởng vô lượng niềm hoan hỷ khoái lạc. Cũng như thế, khi người kia bố thí, vì tâm thanh tịnh nên khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cung điện của Thiên tử mặt trời. Họ đã sanh vào trong đó rồi, được quả báo cung điện phi hành nhanh chóng vừa ý như thế. Do nhân duyên ấy cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng bốn châu lớn và các thế giới khác.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người đoạn trừ việc sát sanh, không trộm cắp của người khác, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, thân không phóng dật, cúng dường các vị tiên, hiền trì giới, đầy đủ công đức, gần gũi người thuần hậu ngay thẳng thực hành pháp lành… *nói đủ như trên.* Khi thân hoại mạng chung, họ theo ý muốn sanh vào cung điện mặt trời; ở nơi ấy, sẽ thọ quả báo nhanh chóng. Vì vậy gọi đó là con đường của các thiện nghiệp. Do nhân duyên ấy, cung điện mặt trời chiếu bốn châu lớn và thế giới khác.

Lại có một hạng người tu không sát sanh... *cho đến* chánh kiến, họ từng cúng dường các vị tiên trì giới, đầy đủ công đức, người làm lành

ngay thẳng thuần hậu; từng gặp những nhân duyên thanh tịnh ấy, cũng sẽ sanh vào cung điện mặt trời, thọ quả báo nhanh chóng. Do nhân duyên đó, cung điện mặt trời chiếu sáng bốn châu lớn… *nói đủ như trên*.

Chư Tỳ-kheo, sáu mươi sát-na là một la-bà, ba mươi la-bà là một mâu-hưu-đa. Cung điện mặt trời sáu tháng đi về phương Bắc, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, chưa từng xa rời quỹ đạo mặt trời dù cho trong khoảng một sát-na, một la-bà hay một mâu-hưu-đa; sáu tháng đi về phương Nam, một ngày cũng đi được sáu câu-lô-xá, không lệch quỹ đạo mặt trời.

Chư Tỳ-kheo, thời gian sáu tháng mà cung điện mặt trời di chuyển, thì vào ngày mười lăm cung điện mặt trăng cũng di chuyển như vậy.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà trong đó phát sanh nóng bức?

Chư Tỳ-kheo, trong sáu tháng cung điện mặt trời di chuyển về hướng Bắc, trong một ngày đi được sáu câu-lô-xá, chẳng từng rời khỏi quỹ đạo mặt trời. Nhưng trong đó, có mười nhân duyên phát sanh nóng bức. Những gì là mười?

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi chúa Tu-di-lưu, kế đến có núi tên là Khư-đề-la-ca, cao rộng bằng nhau, bốn vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành. Ở khoảng giữa có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng chạm vào núi ấy phát sanh sức nóng cho nên vào thời gian ấy có sự nóng bức. Đây là nhân duyên thứ nhất phát sinh nóng bức.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đề-la-ca, tiếp theo có núi tên là Y-sa-đà-la, cao rộng bằng nhau hai vạn một ngàn do-tuần. Ở khoảng giữa có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng, chạm vào núi ấy. Đây là nhân duyên nóng bức thứ hai.

Kế đến là núi Do-càn-đà, cao rộng một vạn hai ngàn do-tuần… Đó là nhân duyên thứ ba.

Tiếp theo là núi Thiện hiện, cao rộng sáu ngàn do-tuần… Đó là nhân duyên thứ tư.

Tiếp đến là núi Mã phiến đầu, cao rộng ba ngàn do-tuần… Đó là nhân duyên thứ năm.

Kế đến là núi Vi-dân-đà-la, cao rộng một ngàn hai trăm do-tuần… Đó là nhân duyên thứ sáu.

Tiếp theo là núi Tỳ-na-da-ca, cao rộng sáu trăm do-tuần… Đó là nhân duyên thứ bảy.

Kế đó là núi Luân viên, cao rộng ba trăm do-tuần… Đó là nhân duyên thứ tám.

Kế đến, từ đại địa này trở lên hư không, cao một vạn do-tuần. Ở đó, có các cung điện của Dạ-xoa, do pha lê tạo thành… Đấy là nhân duyên thứ chín.

Tiếp theo là trong bốn châu lớn và trong tám vạn châu nhỏ, các núi lớn khác, núi chúa Tu-di-lưu… Đó là nhân duyên thứ mười. Tất cả đều đầy đủ như đã nói ở núi Khư-đề-la-ca.

Đây là mười nhân duyên nóng bức của cung điện mặt trời trong sáu tháng đi về hướng Bắc.

Lại nữa, trong đó, do nhân duyên gì mà có sự lạnh lẽo?

Chư Tỳ-kheo, sau sáu tháng rồi, cung điện mặt trời to lớn đi về hướng Nam. Ở đây có mười hai nhân duyên nên sanh ra lạnh. Những gì là mười hai?

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai ngọn núi Tu-di-lưu và Khư-đề-la-ca là biển tu di lưu rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao la vô cùng; có các thứ hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng ở khắp mọi nơi, có mùi hương rất thơm. Ở trong đó, có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu đến xúc chạm. Đây là nhân duyên thứ nhất của sự lạnh lẽo. Cứ lần lượt như thế, núi Y-sa-đà là nhân duyên thứ hai; núi Do-càn-đà là nhân duyên thứ ba; núi Thiện hiện là nhân duyên thứ tư; núi Mã phiến đầu là nhân duyên thứ năm; núi Vi-dân-đà-la là nhân duyên thứ sáu; núi Tỳ-na-da-ca là nhân duyên thứ bảy; núi Luân viên là nhân duyên thứ tám. Các loại hoa ở trong đó… đầy đủ theo thứ lớp như đã nói đủ ở trong núi Khư-đề-la-ca.

Lại nữa, trong Diêm-phù-đề, nơi có các dòng sông chảy, có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu đến xúc chạm nên có sự lạnh lẽo… *nói lược cho đến…* Đó là nhân duyên thứ chín của sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như trong châu Diêm-phù có các dòng sông chảy, trong châu Cù-đa-ni có các dòng sông chảy nhiều gấp bội, ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu đến xúc chạm. Đấy là nhân duyên thứ mười của sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như trong châu Cù-đà-ni, có các dòng sông chảy, trong châu Phất-bà-đề, cũng có các dòng sông chảy nhiều hơn gấp bội… Đấy là nhân duyên thứ mười một của sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như trong châu Phất-bà-đề có các dòng sông chảy, trong châu Uất-đa-la-cứu-lưu có các dòng sông chảy nhiều gấp bội. Ánh sáng

của cung điện mặt trời chiếu vào xúc chạm. Đấy là nhân duyên thứ mười hai của sự lạnh lẽo.

Đấy là mười hai nhân duyên.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời to lớn, sáu tháng đi về hướng Nam, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, chẳng rời xa quỹ đạo; trong đó, có mười hai nhân duyên này, nên lạnh lẽo.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà về mùa đông đêm dài ngày ngắn?

Chư Tỳ-kheo, qua sáu tháng rồi, mặt trời đi về hướng Nam, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, cũng chẳng sai lệch. Nhưng ở vào thời điểm ấy, mặt trời ở tại mé Nam của châu Diêm-phù, nơi mà địa hình nhỏ hẹp, nên mặt trời qua nhanh. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này mà về mùa đông, ngày ngắn đêm dài.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà mùa xuân, mùa hạ, ngày dài, đêm ngắn?

Chư Tỳ-kheo, qua sáu tháng rồi, cung điện mặt trời đi về hướng Bắc, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, cũng chẳng sai lệch với quỹ đạo thường đi. Nhưng vào thời điểm ấy, đi ngay giữa cõi Diêm-phù, địa hình nơi đây rộng nên đi lâu. Vì vậy nên ngày dài.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, mùa xuân, mùa hạ ngày dài, đêm ngắn.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, nếu ở châu Diêm-phù-đề mặt trời giữa ngày thì ở châu Phất-bà-đề mặt trời lặn; ở châu Cù-đa-ni, mặt trời mọc thì ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu là nửa đêm. Nếu châu Cù-đa-ni giữa trưa, thì ở châu Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu mặt trời mọc thì ở châu Phất-bà-đề nửa đêm. Nếu ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu giữa trưa thì ở châu Cù-đa-ni mặt trời lặn. Ở châu Phất-bà-đề mặt trời mọc thì ở châu Diêm-phù-đề nửa đêm. Nếu ở châu Phất-bà-đề giữa trưa thì ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu mặt trời lặn. Ở châu Diêm-phù-đề mặt trời mọc thì ở châu Cù-đa-ni nửa đêm.

Chư Tỳ-kheo, người châu Diêm-phù-đề cho là phương Tây thì người châu Cù-đa-ni cho là phương Đông. Người châu Cù-đa-ni cho là phương Tây thì người châu Uất-đa-la-cứu-lưu cho là phương Đông. Người châu Uất-đa-la-cứu-lưu cho là phương Tây thì người châu Phất-bà-đề cho là phương Đông. Người châu Phất-bà-đề cho là phương Tây thì người châu Diêm-phù-đề cho là phương Đông. Hai phương Nam, Bắc cũng giống như thế.

Tới đây, Phật nói kệ:

Chuyển trụ và chuyển hoại
Trời hiện và mỏng che
Mười hai lớp gió thổi
Ở trước, chư Thiên đi
Lầu gác và gió thổi
Ánh sáng của thân chiếu
Nghiệp bố thí trì giới
Quán sát-na, la bà
Nói nhiệt có mười duyên
Nói lạnh có mười hai
Ngày đêm và giữa trưa
Nói Đông, Tây bốn hướng.

Chư Tỳ-kheo, cung điện rất lớn của Thiên tử mặt trăng cao rộng bằng nhau bốn mươi chín do-tuần, chung quanh, trên dưới có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; lại có bảy hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ. Các bờ tường ấy đều dùng bảy báu như vàng, bạc*...,* mã não tạo thành. Các cửa ở bốn phía đều có lầu gác, trang trí đủ loại… nói đủ như cung điện mặt trời ở trên*...* *cho đến* các loài chim đều ca hót.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng, dùng toàn vàng bạc trời, lưu ly trời màu xanh để trang trí xen kẽ; hai phần bạc, trong sạch không cáu bẩn, không có các cặn dơ, thể của nó trong suốt, rất sáng; một phần là lưu ly trời màu xanh, cũng trong sạch, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chói xa.

Chư Tỳ-kheo, cung điện rất đẹp của Thiên tử mặt trăng có năm thứ gió giữ gìn cho sự vận hành. Những gì là năm? Một là trì, hai là trụ, ba là thuận, bốn là nhiếp, năm là hành. Vì được năm loại nhân duyên này giữ gìn nên cung điện mặt trăng nương hư không mà đi.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng lại có vô lượng cung điện chư Thiên đi ở trước, vô lượng trăm ngàn vạn chư Thiên đi ở trước. Khi đi, họ hưởng thụ vô lượng các thứ khoái lạc. Số chư Thiên đó đều có tên gọi.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện to lớn của Thiên tử mặt trăng, lại đặc biệt có xe lưu ly xanh; xe ấy cao mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Thiên tử mặt trăng và các Thiên nữ vào trong xe, dùng các thú vui năm dục cùng nhau thọ lạc, vui vẻ thoả thích, tùy ý mà đi.

Chư Tỳ-kheo, số tuổi thọ cõi trời của Thiên tử mặt trăng là năm trăm tuổi, con cháu nối tiếp đều cai trị ở đó. Nhưng cung điện đó chỉ tồn tại một kiếp.

Chư Tỳ-kheo, ánh sáng trong các bộ phận thân thể của Thiên tử mặt trăng phát ra liền chiếu sáng xe lưu ly xanh kia; ánh sáng của xe ấy chiếu sáng cung điện mặt trăng to lớn; ánh sáng cung điện mặt trăng chiếu sáng bốn châu lớn.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng có năm trăm luồng ánh sáng chiếu xuống, có năm trăm luồng ánh sáng chiếu một bên để đi. Vì vậy gọi là mặt trăng ngàn ánh sáng chiếu, cũng gọi là ánh sáng mát lạnh.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì cung điện mặt trăng to lớn chiếu sáng bốn châu lớn? Do trong đời quá khứ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng cô độc từ xa đến xin, như là đồ ăn thức uống, xe cộ, y phục, tràng hoa, hương thơm, giường, chiếu, phòng nhà, các thứ giúp cho sự sống… Khi bố thí, kịp thời nhanh chóng, không có lòng dua nịnh; hoặc lại cúng dường các tiên trì giới, người đầy đủ công đức, ngay thẳng, thuần thiện, do nhân duyên ấy thọ hưởng vô lượng các loại khoái lạc về thân tâm. Thí như chốn rừng núi vắng vẻ, đồng trống, đầm hoang, sa mạc, có một ao nước mát mẻ trong đẹp, không có cáu bẩn. Khi ấy có người đi đường xa mệt mỏi, đói khát nóng bức, vào trong ao kia, tắm rửa uống nước, hết tất cả khổ, cảm thấy sung sướng vô cùng. Cũng giống như thế, do nhân duyên đó, sanh trong cung điện của Thiên tử mặt trăng, hưởng quả báo vui sướng.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người từ bỏ sát sanh… *cho đến* từ bỏ uống rượu và phóng dật, cúng dường phụng sự các tiên nhân… cũng sanh trong cung điện mặt trăng ấy, chiếu sáng bốn châu.

Lại có người từ bỏ sát sanh… *cho đến* có chánh kiến nên nhanh chóng được sanh lên cung điện đi trên không. Đây gọi là những con đường của thiện nghiệp.

Lại do nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng hiện ra dần dần? Có ba nhân duyên. Những gì là ba? Một là xuất hiện không đúng hướng; hai là thân chư Thiên màu xanh, hình mang Anh lạc, tất cả đều xanh, thường che khuất cung điện trong nửa tháng. Vì che khuất nên vào thời gian đó, hình mặt trăng dần dần xuất hiện; ba là từ trong cung điện mặt trời to lớn kia, đặc biệt có sáu mươi luồng ánh sáng xuất hiện rồi che khuất vầng trăng kia. Vì vậy, (mặt trăng) dần dần xuất hiện.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng tròn đầy, hiện rõ như vậy?

Chư Tỳ-kheo, về điều này có ba nhân duyên nên khiến như thế. Một là lúc ấy cung điện mặt trăng to lớn, xuất hiện đúng hướng. Vì vậy mặt

trăng hiện ra tròn đầy.

Lại nữa, chư Thiên màu xanh, y phục, Anh lạc, tất cả đều xanh, thường trong nửa tháng che khuất cung điện mặt trăng. Nhưng cung điện mặt trăng, vào thời kỳ trai nhật, ngày mười lăm, ánh sáng tròn đầy, chiếu soi vằng vặc. Thí như có nhiều các thứ dầu mỡ đổ vào ngọn đuốc lớn đang cháy thì tất cả các loại đèn khác đều bị lu mờ. Cũng như vậy, cung điện mặt trăng to lớn, vào ngày mười lăm đều luôn luôn như thế.

Lại nữa, sáu mươi luồng ánh sáng của cung điện mặt trời xuất hiện rồi che vầng trăng mát mẽ kia. Nhưng cung điện mặt trăng, vào kỳ trai nhật, ngày mười lăm, tròn đầy, ở tất cả nơi chốn đều ra khỏi sự che khuất. Ánh sáng mặt trời khi đó, không thể ngăn che được.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng vào ngày thứ mười lăm của kỳ trăng tối, hoàn toàn không hiện?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng, vào ngày thứ mười lăm của kỳ trăng tối đi gần cung điện mặt trời, vì bị ánh sáng mặt trời che khuất nên hoàn toàn không thấy.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà đại cung điện mặt trăng, được gọi là mặt trăng?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng vào ngày thứ nhất của kỳ trăng tối trở đi vì màu sắc, ánh sáng, oai đức khiếm khuyết mà giảm dần, vì nhân duyên ấy nên được gọi là mặt trăng.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà trong cung điện mặt trăng có hình ảnh?

Chư Tỳ-kheo, có cây Diêm-phù, nhân đó nên gọi là châu Diêm-phù. Hình ảnh của nó hiện ra trong ánh sáng của vầng trăng mát mẽ. Do nhân duyên này mà có hình ảnh hiện ra.

Lại do nhân duyên gì mà có các dòng sông chảy ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, vì có mặt trời nên có nhiệt; vì có nhiệt nên có não; vì có não nên có thiêu đốt; vì có thiêu đốt nên có ẩm thấp; vì có ẩm thấp nên trong các núi có dòng nước chảy ra.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này nên thế gian có các dòng sông.

Lại do nhân duyên gì mà có năm loại hạt giống xuất hiện ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, hoặc ở phương Đông, có thế giới chuyển thành rồi hoại, hoại rồi thành, hoặc thành rồi trụ; phương Nam, Tây, Bắc thành, hoại và trụ cũng giống như thế. Bấy giờ có ngọn gió lớn A-na-tỳ-la ở thế giới khác, chỗ đã chuyển thành và trụ, thổi năm loại hạt giống rải vào thế

giới này, rải rồi rải nữa, cho đến rải khắp, đó là hạt căn, hạt hành, hạt tiết, hạt hiệp, hạt tử. Đây là năm loại hạt.

Chư Tỳ-kheo, đại thọ Diêm-phù có quả giống như cái hộc lường Ma-ni của nước Ma-già-đà. Quả ấy hái xuống, mủ nó chảy ra, màu như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, quả cây Diêm-phù có năm phần phát sanh lợi ích, đó là Đông, Nam, Tây, trên, dưới. Phần phương Đông thì các Càn-thát-bà ăn; phần phương Nam thì có nhân dân trong bảy tụ lạc lớn ăn: một là Bất chánh khiếu, hai là Khiếu, ba là Bất chánh thể, bốn là Hiền, năm là Thiện hiền, sáu là Lao, bảy là Thắng. Trong bảy loại tụ lạc lớn đó, có bảy ngọn núi đen: một là Thiên sương, hai là Nhất bát, ba là Tiểu cước, bốn là Hà phát, năm là Bách thiên đầu, sáu là Năng thắng, bảy là Tối thắng. Trong bảy ngọn núi ấy có bảy cái hang của bảy phạm tiên: một là Thiện nhãn, hai là Thiện hiền, ba là Tiểu, bốn là Bách thiên đầu, năm là Lãn vật trì, sáu là Hắc nhập, bảy là Tăng trưởng thời. Trong phần phía Tây thì Kim sí điểu ăn; phần trên thì các Dạ-xoa hư không ăn; phần dưới trong biển thì các trùng ăn.

Đến đây, có bài kệ tụng:

Đầu nói mưa nhiều ít
Thị hiện trong cung điện
Hai việc có gió nhiều
Ở trước, các trời đi
Xe cộ và thọ mạng
Ánh sáng thân thể chiếu
Nghiệp bố thí trì giới.
Vầng trăng đầy và khắp
Ánh trăng lại không hiện
Có bóng do nhân gì
Các sông, các hạt giống
Cây Diêm-phù sau cùng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh thuở ban đầu, khi ăn vị đất đã giúp cho mình sống lâu ở đời. Nhưng trong bọn họ, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc xấu đi, còn nếu người nào ăn ít thì sáng láng đẹp đẽ. Ngay khi ấy, hình sắc hiện rõ nên chúng sanh khinh chê nhau, tranh cãi đẹp xấu. Người đẹp thì sanh kiêu mạn; vì ngã mạn nên vị đất biến mất, rồi sanh màng đất sắc vị đầy đủ. Thí như hoa Yết-ni-ca-la nở, có màu sắc như vậy, lại như mật nguyên không lộn sáp, có mùi vị như vậy.

Các chúng sanh đó tụ tập lại, lo buồn khổ não, đấm ngực kêu gào, mê loạn khốn đốn, than rằng: "Than ôi! Vị đất của ta. Than ôi! Vị đất của ta". Thí như nay đây có vị ngon đã nếm biết rồi, khen rằng: "Ôi! Đây là vị của ta". Chấp trước tên cũ, chẳng biết chân nghĩa. Bọn chúng sanh ấy, cũng giống như thế. Khi ấy, chúng sanh đó ăn màng đất, sống lâu ở đời. Người ăn nhiều thì nhan sắc xấu, kẻ ăn ít thì thân hình đẹp. Vì có đẹp, xấu, sinh ngã mạn lăng nhục nhau; màng đất biến mất, liền sanh dây bò, hình sắc trọn vẹn, hương vị đầy đủ. Giống như hoa Ca-lam-bà-ha nở, có sắc như vậy; cắt ra nhựa chảy, giống như mật ong không sáp... *cho đến như trước*, cùng nhau tụ họp, sầu não… cứ diễn tiến như vậy, rồi loại dây bò đó biến mất; gạo tẻ xuất hiện, chẳng do cày cấy, tự nhiên mọc lên, không có cỏ, không có vỏ, hạt gạo trong sạch, hương vị đầy đủ. Khi ấy chúng sanh ăn gạo ấy rồi, thân thể liền có mỡ, tủy, da, thịt, gân cốt, máu mủ, các mạch và hiện rõ tướng nam căn, nữ căn; tướng căn đã sanh, nhiễm tâm liền khởi; vì có nhiễm tâm nên luôn nhìn nhau; đã nhìn nhau rồi liền sanh ái dục; vì ái dục sanh nên ở chỗ vắng vẻ, làm việc phi phạm hạnh. Khi làm việc bất tịnh như thế, lại có các chúng sanh khác chưa làm việc như vậy thấy bảo rằng: "Các ngươi đã làm việc rất xấu xa. Tại sao làm như vậy?" Chúng sanh kia liền sanh xấu hổ, rơi vào trong các điều ác bất thiện, nên mới có danh từ "phu chủ". Khi ấy chúng sanh kia, vì rơi vào các điều ác như thế nên đem cơm đến cho người cùng hành dâm, nói: "Có chồng rồi, có chồng rồi". Do đó mới đặt tên là vợ.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, các vị thắng nhân hạ sanh trước thấy thế gian nảy sinh việc vợ chồng cho nên họ dùng tay trái nắm lấy, dùng tay phải xô đẩy khiến rời bỏ xứ sở. Nhưng chúng sanh kia đi được hai hoặc ba tháng rồi quay về lại. Khi ấy các người còn ở đó thấy họ trở về liền dùng gậy gộc, đất gạch, ngói đá đánh ném, nói thế này: "Các ngươi hãy đi cho khuất! Các ngươi hãy đi cho khuất!" Giống như ngày nay, khi các người con gái đi lấy chồng được ném hoa, vàng bạc, y phục và ném hoa lúa khô. Và nói lời cầu nguyện: "Xin chúc cô dâu bình an, hạnh phúc".

Chư Tỳ-kheo, cứ lần lượt như vậy, người xưa đã làm ác như thế, thấy người đời nay cũng làm như thế. Do nhân duyên ấy, các chúng sanh ở trong cõi đời làm các việc ác. Lần lượt như thế, tạo dựng nhà cửa, để che giấu việc làm ác.

Cho nên có kệ rằng:

Trước làm thành Chiêm bà
Sau tạo Ba-la-nại

Qua kiếp tàn sau cùng
Qui hoạch thành Vương xá.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, các vị thắng nhân ngày trước tạo lập các chốn thôn thành, tụ lạc, quốc ấp, vương cung, các trú xứ làm đẹp thế gian xuất hiện. Các chúng sanh đó khi làm tăng trưởng việc phi pháp thì có chúng sanh khác, phước nghiệp hết, từ trời Quang âm xả thân xuống, nhập vào thai mẹ.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, những vị Thánh nhân thuở trước sanh trước ở thế gian, phước lực của họ còn dư nên không cần cày cấy mà tự nhiên có gạo tẻ xuất hiện. Nếu cần dùng, vào buổi sáng lấy, thì buổi chiều liền sanh lại; buổi chiều lấy thì sáng sanh lại, cùng một giống lúa chín. Nếu không lấy thì vẫn còn như cũ. Khi ấy chúng sanh, vì phước mỏng dần lười biếng, nhác nhớm, sanh tâm tham lam, nghĩ như thế này: "Loại gạo tẻ này đây không cần phải cày cấy, có khó nhọc gì đâu mà vào buổi sáng, buổi chiều đều lấy riêng rẻ thì chỉ thêm mệt. Nay ta nên lấy luôn một lần". Nghĩ thế, bèn lấy luôn một lần. Khi ấy các chúng sanh khác rủ người kia: "Giờ ăn đã đến, hãy cùng đi lấy gạo tẻ". Người kia đáp: "Tôi đã lấy một lần cho cả buổi sáng buổi chiều rồi, lấy để dành cho bữa đến. Các ngươi muốn đi thì có thể tự đi đi". Các người kia nghĩ: "Bọn chúng sanh này làm hay, gọn nhẹ, cùng lấy một lúc cả hai bữa sáng chiều. Ta nay cũng có thể lấy luôn một lần cho cả hai, ba ngày". Nghĩ rồi, làm liền. Bấy giờ lại có chúng sanh khác đến rủ chúng sanh đó: "Chúng ta hãy cùng đi lấy gạo tẻ!" Chúng sanh đó đáp: "Tôi đã lấy trước đủ phần ăn cho ba ngày rồi. Các ngươi đi đi!" Chúng sanh ấy nghe rồi lại nghĩ: "Người này rất khôn. Ta cũng nên lấy cùng một lúc phần ăn của bốn, năm ngày". Vì do tích trữ, nên khi ấy gạo tẻ liền sanh vỏ trấu, bọc hạt gạo bên trong. Khi bị cắt thì không mọc lại nữa, chỗ chưa cắt thì vẫn còn nguyên. Ruộng lúa lúc đó liền được phân chia, cây cỏ mới mọc. Khi ấy chúng sanh tụ tập lại, sầu than khóc lóc, họ bảo nhau: "Ta nhớ thuở xưa, thân sanh do ý, dùng niềm vui làm thức ăn, có ánh sáng tự nhiên, bay đi trên không tự tại, thần sắc đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài. Nhưng vì chúng ta mà bỗng sanh vị đất, sắc hương vị đầy đủ, ăn vào sống lâu. Người nào ăn nhiều thì thân thể thô xấu, người ăn ít thì nhan sắc vẫn đẹp. Vì tranh đẹp xấu nên khởi tâm kiêu mạn, trở nên khác biệt. Vì lẽ đó mà vị đất diệt mất. Kế sanh loại màng đất, tiếp sanh loại dây bò, rồi sanh gạo tẻ, cho đến lúa, cắt rồi chẳng mọc, không cắt còn nguyên. Vì vậy cho nên thành ra cỏ cây mọc có sự phân chia. Nay đây, chúng ta cần phải chia thành khu vực, phân ra ranh giới và đặt ra hình phạt. Phần kia là của anh; đây là phần của tôi. Ai xâm lấn thì

bị phạt".

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, thế gian mới có danh từ ranh giới, hình phạt xuất hiện.

Bấy giờ riêng có một chúng sanh tiếc lúa của mình, trộm lúa kẻ khác. Các người khác thấy liền bảo người ấy rằng: "Người kia, người làm ác! Người làm ác! Tại sao có lúa rồi lại lấy trộm lúa người khác? Đừng làm như thế nữa!", trách rồi thả đi. Nhưng chúng sanh kia lại tái phạm, cũng trách rồi thả đi. Đến ba lần như vậy, vẫn không hối cải, nên bị nói nặng lời quở trách, dùng tay đánh vào đầu, dẫn đến chỗ đám đông, nói với mọi người: "Người này lấy trộm của người khác". Nhưng chúng sanh ấy, ở trước đám đông, chống chế cãi lại, nói với mọi người: "Chúng sanh này dùng lời thô ác mạ nhục tôi, dùng tay đánh tôi". Khi ấy mọi người tụ tập lo sầu, buồn khóc kêu la: "Chúng ta ngày nay, đến tình trạng này là bị rơi vào chỗ ác. Chúng ta đã làm phát sanh pháp ác bất thiện, gây ra các phiền não, làm tăng trưởng khổ quả sanh, già ở đời vị lai, sẽ hướng đến đường ác. Hiện tại chứng kiến việc dùng tay níu kéo, xua đuổi nhau, trách mắng nhau. Nay chúng ta nên tìm cầu người thủ hộ công minh, tôn làm chủ để ai đáng bị quở trách thì chính thức quở trách; đáng bị phạt thì chính thức phạt; đáng bị xua đuổi thì chính thức xua đuổi. Lúa gạo trên phần ruộng mà chúng ta sở hữu, ai tự thu hoạch lấy. Vị chủ thủ hộ ấy cần bao nhiêu, chúng ta cung cấp". Mọi người cùng bàn luận với nhau như thế rồi, họ liền cùng nhau suy cử một vị thủ hộ chính thức. Bấy giờ, trong đại chúng ở nơi ấy, đặc biệt có một người cao to đẹp đẽ, đoan chánh khả ái, hình dung kỳ đặc, vi diệu khả quan, thân sắc chói sáng, mọi điều hoàn hảo. Khi ấy mọi người đến bên người ấy, nói như thế này: "Quý hóa thay! Thưa ngài, xin ngài hãy vì chúng tôi mà làm thủ hộ chính thức. Ở đây, chúng tôi đều có ranh giới ruộng đất, ngài đừng để xâm lấn nhau. Ai đáng la mắng thì chính thức la mắng, đáng trách thì chính thức trách... *cho đến* phạt… đáng đuổi thì chính thức đuổi. Ngài khỏi phải cày cấy. Lúa gạo mà chúng tôi thu hoạch được sẽ chia cho ngài, không để ngài bị thiếu". Người kia nghe rồi, liền nhận lời, làm chủ chính thức; mắng, trách, phạt, xua đuổi công bình chính trực, không có sự xâm lấn. Mọi người thu hoạch lúa, đem đến cung cấp, không để gián đoạn, thiếu hụt. Cứ theo cách thức như thế, tôn làm điền chủ. Vì lấy phần đất từ trong ruộng lúa của dân chúng nên nhân đó đặt tên là Sát-đế-lợi (đời Tùy dịch là Điền chủ). Khi ấy dân chúng đều vui mừng, y theo lời răn bảo mà làm. Vị Sát-đế-lợi kia, trong việc phụng sự cho mọi người, khôn ngoan khéo léo; ở giữa mọi người, tướng tốt hơn hết, vì vậy được gọi là vua. Mọi người tôn là vua

Đại Bình Đẳng, vì vậy gọi là Ma-ha Tam-ma-đa (Tùy gọi là vua Đại Chúng Bình Đẳng).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Đại Bình Đẳng này làm vua thì mọi người nhân đó mới có tên là Tát-đa-bà (Tùy gọi là Chúng sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Đại Bình Đẳng có con tên là Hô-lô-giá (Tùy dịch là Ý Hỷ).

Chư Tỳ-kheo, khi Ý Hỷ làm vua, mọi người tôn xưng là Hà-di-ma-ha (Tùy dịch là Kim Giả).

Chư Tỳ-kheo, vua Ý Hỷ có con tên là Ha-lê-da (Tùy dịch là Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi Chánh Chân làm vua, mọi người tôn xưng là Đế-la-xà (Tùy dịch là Ô-ma-sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Chánh Chân có con tên là Bà-la-ha-lê-da-na (Tùy dịch là Tối Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi Tối Chánh Chân làm vua, mọi người tôn xưng là Vân Phiến.

Chư Tỳ-kheo, vua Vân Phiến có con tên là Trai Giới.

Chư Tỳ-kheo, khi Trai Giới làm vua, mọi người tôn xưng là Mộc Hĩnh.

Chư Tỳ-kheo, trên đỉnh đầu của vua Trai Giới tự nhiên mọc lên một bọc thịt; bọc thịt ấy sanh ra một đồng tử đẹp đẽ, đầy đủ ba mươi hai tướng. Vừa sanh ra đã nói: "Trì giới". Vị vua sanh ra từ đỉnh đầu ấy, đầy đủ thần thông, rất có oai lực, thống lãnh bốn châu, trị hóa tự tại.

Chư Tỳ-kheo, sáu vị vua này thọ mạng vô lượng.

Chư Tỳ-kheo, từ đùi vế bên phải của vị vua sanh từ đỉnh đầu ấy, mọc ra một bọc thịt, rồi sanh một đồng tử đẹp đẽ hoàn toàn cũng có ba mươi hai tướng, tên là Hữu Bễ Sanh, cũng có oai lực thống trị bốn châu lớn. Bên đùi vế trái của vua Hữu Bễ mọc ra một bọc thịt, sanh một đồng tử, cũng có ba mươi hai tướng, tên là Tả Bễ Sanh đầy đủ oai lực cai trị ba châu lớn. Từ bọc thịt ở đầu gối bên phải của vua Tả Bễ ấy sanh một đồng tử, oai đức và tướng tốt như trên, cai trị hai đại châu. Từ đầu gối bên trái của vua Hữu Tất ấy sanh một đồng tử, oai đức và tướng tốt như trước, thống lĩnh một châu lớn.

Chư Tỳ-kheo, từ đây về sau, có vua Chuyển luân đều thống lãnh một châu.

Chư Tỳ-kheo, tuần tự như thế, lúc ban đầu dân chúng tôn lập vua

Đại Bình Đẳng, kế đến là vua Ý Hỷ; tiếp theo là vua Chánh Chân; kế tiếp là vua Tối Chánh Chân, vua Trai Giới, vua Đảnh Sanh, vua Hữu Bễ, vua Tả Bễ, vua Hữu Tất, vua Tả Tất, vua Dĩ Thoát, vua Dĩ Dĩ Thoát, vua Thể Giả, vua Thể Vị, vua Quả Báo Xa, vua Hải, vua Đại Hải, vua Xà-câu-lê, vua Đại Xà-câu-lê, vua Mâu Thảo, vua Biệt Mâu Thảo, vua Thiện Hiền, vua Đại Thiện Hiền, vua Tương Ái, vua Đại Tương Ái, vua Khiếu, vua Đại Khiếu, vua Ni-lê-ca, vua Na-cù-sa, vua Lang, vua Hải Phần, vua Kim Cang Tý, vua Sàng, vua Sư Tử Nguyệt, vua Na-gia-đê, vua Biệt Giả, vua Thiện Phước Thủy, vua Nhiệt Não, vua Tác Quang, vua Khoáng Giả, vua Tiểu Sơn, vua Sơn Giả, vua Diệm Giả, vua Xí Diệm.

Chư Tỳ-kheo, từ vua Xí Diệm ấy, con cháu nối nhau, có một trăm lẻ một đời, đều ở thành Bô-đa-la trị hóa thiên hạ. Vua cuối cùng tên là Hàng Oán; vì có thể hàng phục các giặc oán nên gọi là Hàng Oán.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Hàng Oán đó nối tiếp nhau, ở trong thành A-du-xà trị hóa, gồm có năm vạn bốn ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Nan Thắng.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Nan Thắng nối tiếp nhau ở thành Ba-la-nại trị hóa, gồm có sáu vạn ba ngàn vua. Vua sau cùng tên là Nan Khả Ý.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Nan Khả Ý nối tiếp nhau ở thành Ca-tỳ-la trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng tên là Phạm Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Phạm Đức nối tiếp nhau ở thành Bạch tượng trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Tượng Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Tượng Đức ở thành Câu-thi-na trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Hoắc Hương.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hoắc Hương nối tiếp nhau ở thành Ưu-la-xà trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Na-già-na-thị.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Na-thị nối tiếp nhau ở thành Nan hàng phục trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Hàng Giả.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hàng Giả nối tiếp nhau ở thành Cát-na-cưu-già trị hóa, gồm có một vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Thắng Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thắng Quân nối tiếp nhau ở thành Ba-ba trị hóa thiên hạ, gồm có một vạn tám ngàn vua. Vua sau cùng tên là

Thiên Long.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiên Long nối tiếp nhau ở thành Đa-ma-lê-xà trị hóa, gồm có hai vạn năm ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên tiếp nối nhau ở lại thành Đa-ma-lê-xà trị hóa, gồm có một vạn vua. Vua cuối cùng cũng tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, sau đó, con cháu vua Hải Thiên nối tiếp nhau ở lại thành Đàn-đa-phú-la trị hóa, gồm có một vạn tám ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Thiện ý; con cháu nối tiếp nhau ở thành lớn Vương xá trị hóa, gồm có hai vạn năm ngàn vua. Vua sau cùng tên là Thiện Trị Hóa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Trị Hóa nối tiếp nhau trở lại ở thành Ba-la-nại trị hóa, gồm có một ngàn một trăm vua. Vua sau cùng tên là Đại Đế Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Đại Đế Quân nối tiếp nhau ở thành lớn Mao chủ trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng lại có tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên nối tiếp nhau trở lại ở thành Bô-đa-la trị hóa, gồm có một ngàn năm trăm vua. Vua sau cùng tên là Khổ Hạnh.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Khổ Hạnh nối tiếp nhau trở lại thành lớn Mao chủ trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng tên là Địa Diện.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Diện tiếp nối nhau trở lại thành A-du-xà trị hóa, gồm có một ngàn vua. Vua sau cùng tên là Trì Địa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Trì Địa nối tiếp nhau trở lại thành lớn Ba-la-nại trị hóa, gồm có tám vạn vua. Vua sau cùng tên là Địa Chủ.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Chủ nối tiếp nhau ở thành Mị-di-la trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng tên là Đại Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Đại Thiên nối tiếp nhau ở thành lớn Mị-di-la trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua Sát-đế-lợi. Tất cả vua đó đều ở trong rừng Am-bà-la thuộc thành Mị-di-la kia tu hành phạm hạnh. Vua sau cùng tên là vua Ni-mị, kế đến là vua Một, rồi đến vua Kiên Tề, vua Kha-nô, vua Ưu-ba, vua Nô-ma, vua Thiện Kiến, vua Nguyệt Kiến, vua Văn Quân, vua Pháp Quân, vua Hàng Phục, vua Đại Hàng Phục, vua Cánh Hàng, vua Vô Ưu, vua Trừ Ưu, vua Kiên Tiết, vua Vương Tiết, vua Ma-

la, vua Lâu-na, vua Phương Chủ, vua Trần Giả, vua Ca-la, vua Nan-đà, vua Cảnh Diện, vua Sanh Giả, vua Hộc Lãnh, vua Thực Ẩm, vua Khiêu Thực, vua Nan Hàng, vua Nan Thắng, vua An Trú, vua Thiện Trú, vua Đại Lực, vua Lực Đức, vua Kiên Hành.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Kiên Hành nối tiếp nhau ở thành Ca-xà-bà-ba trị hóa, gồm có bảy vạn năm ngàn vua. Vua sau cùng tên là Am-bà-lê-sa.

Chư Tỳ-kheo, con của vua Lê-sa tên là Thiện Lập.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Lập tiếp nối nhau ở thành lớn Ba-la trị hóa, gồm có một ngàn một trăm vua. Vua sau cùng tên là Chỉ-lê-kỳ.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ có Đức Ca-diếp Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện thế gian. Khi ấy Bồ-tát tu hành phạm hạnh sanh lên cõi trời Đâu-suất.

Con của vua Chỉ-lê-kỳ tên là Thiện Sanh, con cháu nối tiếp nhau trở lại thành Bô-đa-la trị hóa, gồm có một trăm lẻ một vua. Vua sau cùng tên là Nhĩ. Vua Nhĩ có hai người con, một tên là Cù-đàm, hai tên là Bà-la-đọa-xà. Vua ấy có một người con tên là Cam Giá Chủng.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của Cam Giá Chủng nối tiếp nhau trở lại thành Bô-đa-la trị hóa, gồm có một trăm lẻ một vua Cam Giá Chủng. Vua sau cùng tên là Bất Thiện Trường Cam Giá Chủng.

Chư Tỳ-kheo, vua Bất Thiện Trường sanh bốn người con: Một tên là Ưu-mâu-khư, hai tên là Kim Sắc, ba tên là Tợ Bạch Tượng, bốn tên là Túc Cự. Con của Túc Cự tên là Thiên Thành. Con cháu của Thiên Thành tiếp nối nhau ở thành Ca-tỳ-la-bà-tô-đô trị hóa, gồm có bảy vạn bảy ngàn vua. Vua sau cùng tên là vua Quảng Xa, tiếp đến là vua Biệt Xa, rồi tiếp theo là vua Kiên Xa, vua Trụ Xa, vua Thập Xa, vua Bách Xa, vua Cửu Thập Xa, vua Tạp Sắc Xa, vua Trí Xa, vua Quảng Cung, vua Đa Cung, vua Kiêm Cung, vua Trụ Cung, vua Thập Cung, vua Bách Cung, vua Cửu Thập Cung, vua Tạp Sắc Cung, vua Trí Cung.

Chư Tỳ-kheo, vua Trí Cung sanh hai người con: Một tên là Sư Tử Giáp, hai tên là Sư Tử Túc. Sư Tử Giáp nối ngôi, sanh bốn người con: Một tên là Tịnh Phạn, hai tên là Bạch Phạn, ba tên là Hộc Phạn, bốn tên là Cam Lộ Phạn. Và sanh một người con gái tên là Bất Tử.

Chư Tỳ-kheo, vua Tịnh Phạn sanh hai người con: Một tên là Tất-đạt-đa, hai là Nan-đà. Bạch phạn có hai con: Một là Đế-sa-đồng, hai là Nan-đề-ca. Hộc phạn có hai con: Một là A-nê-lâu-đà, hai là Bạt-đề-lê-ca.

Vua Cam Lộ Phạn cũng sanh hai con: Một là A-nan-đà, hai là Đề-bà-đạt-đa. Người con gái tên là Bất Tử ấy chỉ có một con, tên là Thế-bà-la. Bồ-tát (Tất-đạt-đa) có một con, tên là La-hầu-la.

Chư Tỳ-kheo, cứ tuần tự như thế, từ vua Đại Chúng Bình Đẳng về sau, con cháu nối tiếp nhau là một chủng tộc tối thắng. Đến đồng tử La-hầu-la, ngay bản thân chứng A-la-hán, đoạn trừ phiền não, thoát khỏi sanh tử, không còn tái sanh.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy nên vào thuở xa xưa, có giòng Sát-lợi hơn hết xuất hiện thế gian, theo đúng như pháp, chẳng phải là bất như pháp.

Chư Tỳ-kheo, vì có pháp như thế nên dòng Sát-lợi ở thế gian là dòng tối thắng.

Bấy giờ các chúng sanh khác nghĩ thế này: "Thế gian hữu vi là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên độc. Tư duy chín chắn rồi, xả bỏ hữu vi, ở núi đầm thanh vắng, tạo lập thảo am, tịch tĩnh thiền định; có nhu cầu gì thì vào buổi sáng, hoặc sau buổi trưa, ra khỏi thảo am, vào thôn khất thực. Mọi người trông thấy, cần gì cho nấy, rồi sắm sửa lại. Hoặc có người khen là những chúng sanh này làm thiện rất tốt, xả bỏ thế gian và các pháp ác bất thiện trong vòng luân chuyển, gọi họ là Bà-la-môn. Do nhân duyên đó, dòng Bà-la-môn xuất hiện ở thế gian. Hoặc có chúng sanh, thiền định không thành, dựa vào xóm làng, dạy nhiều chú thuật. Nhân đó được gọi là người chỉ vẽ, lại vì hay đi vào thôn xá, nên gọi là hướng tụ lạc. Lại vì thành tựu các pháp dục nên gọi là thành tựu dục. Do nhân duyên ấy nên vào thuở xa xưa, Bà-la-môn là hơn hết, dòng dõi cao quý, xuất hiện thế gian, theo đúng như pháp, chẳng phải không như pháp.

Lại có các chúng sanh khác làm đủ các thứ để kiếm lợi như các nghề kỹ năng, công xảo, nghệ thuật. Vì vậy có tên là Tỳ-xá. Do nhân duyên ấy, vào thuở xa xưa, dòng họ Tỳ-xá xuất hiện thế gian. Họ cũng như pháp, chẳng phải không như pháp.

Chư Tỳ-kheo, ba chủng tánh này sanh ở thế gian rồi, về sau lại có chủng tánh thứ tư xuất hiện ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người tự chán chê sự bó buộc của gia đình, cắt bỏ râu tóc, thân khoát ca-sa, xả bỏ thế gian, xuất gia tu đạo, tự xưng "Ta là Sa-môn". Họ tự xưng như thế rồi liền thành chánh nguyện Bà-la-môn.

Trong dòng dõi Tỳ-xá cũng vậy, lại có hạng người, cũng chán chê như trước, bỏ nhà xuất gia, tự xưng "Ta sẽ làm Sa-môn", vì họ có chánh

nguyện như thế.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người trong dòng dõi Sát-lợi, thân khẩu ý làm việc ác; vì làm ác, khi thân hoại mạng chung hoàn toàn chịu khổ. Dòng Bà-la-môn và Tỳ-xá… cũng như vậy.

Lại có người trong dòng Sát-lợi, vì thân, khẩu, ý làm hạnh lành, nên khi thân hoại mạng chung, hoàn toàn hưởng sự an vui. Dòng Bà-la-môn và Tỳ-xá cũng vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có người trong dòng Sát-lợi, vì thân, khẩu, ý làm hai hạnh nên khi thân hoại mạng chung, thọ khổ và vui, Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có người dòng Sát-lợi, chánh tín xuất gia tu tập, chứng ba mươi bảy phẩm trợ đạo, dứt hết các lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại thấy pháp chứng pháp, đắc các thần thông. Đã tác chứng rồi, tự xướng lên: "Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ sanh nữa". Dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng vậy.

Chư Tỳ-kheo, hạng người sanh trong ba chủng tánh này cũng có khả năng thành tựu minh, hạnh đầy đủ, đắc A-la-hán, gọi là tối thắng.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Ta-ha-ba-đề, khi xưa ở nước ta, nói kệ thế này:

Sát-lợi dòng hơn hết
Nếu rời các chủng tánh
Thành tựu đủ minh, hạnh
Họ hơn trời và người.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Ta-ha-ba-đề khéo tụng kệ ấy, chẳng phải là chẳng khéo. Ta đã ấn khả.

Chư Tỳ-kheo, Ta, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác cũng nói nghĩa này.

Chư Tỳ-kheo, cứ lần lượt như vậy, Ta nói đủ về sự chuyển thành, chuyển hoại, chuyển trụ của thế gian.

Chư Tỳ-kheo, nếu có vị thầy vì các Thanh văn, dạy điều cần làm, thương yêu, lợi ích, thực hiện từ bi, thì Ta đã làm xong. Các thầy nên nương theo.

Chư Tỳ-kheo, các thầy, tại nơi núi rừng thanh vắng, dưới gốc cây, nơi phòng trống, chốn tịnh thất, chỗ hang núi, hoặc bãi tha ma, dùng cỏ tranh… làm am thất cư trú; rời bỏ thôn xóm, làng mạc, ở tại những chỗ như thế. Các thầy phải tu tập thiền định, chớ rơi vào phóng dật, đừng để

về sau phải hối hận.

Chư Tỳ-kheo, đó là lời giáo huấn của Ta.

Phật thuyết kinh xong, các Tỳ-kheo… hoan hỷ phụng thành.

❑